Danh nhân đất Việt

Hai Bà Trưng

Cánh bay vần vụ của chim Mơ Ling đã nghìn năm lướt trên miền đất có hai cực Đông Tây là hai trái núi Tam Đảo và Ba Vì lớn nhất đất nước. Và cả ba dòng sông Cái, sông Đà, sông Lô lớn nhất đất nước cùng dồn chảy qua miền này, từ nghìn năm nay cũng in bóng chim Mơ Ling sải cánh vùn vụt. Người ở đây đã lấy hình con chim táo tợn, dũng mãnh và nhanh nhẹn như tia chớp ấy làm vật tượng trưng cho dân mình, lấy tên con chim ấy đặt tên cho đất mình. Đấy là địa bàn gốc của những người Việt xưa đã theo các vua Hùng dựng nước Văn Lang. Và quốc đô Phong Châu của các vua Hùng xưa cũng đóng ở miền này.

Xâm chiếm nước Văn Lang của các vua Hùng xưa, nhà Hán đã biến đất đai của bộ lạc Mơ Ling cũ thành huyện Mê Linh của quận Giao Chỉ. Và xây ở đây một tòa Đô úy trị tua tủa gươm giáo, tinh kỳ. Trong khi đó, ở chếch xa phía thành Tây Nam, trên vùng cư trú cũ của bộ lạc Dâu từ thuở các vua Hùng, thành Liên Lâu mới chính là một nơi đặt Quân trị của nhà Hán.

Nước Văn Lang xưa của các vua Hùng tuy đã bị nhà Hán đặt làm quận huyện, nhưng dân Việt vẫn còn giữ được những người cầm đầu các bộ lạc cũ của họ dòng dõi các lạc hầu, lạc tướng của vua Hùng. Đến những năm đầu công nguyên, từ miền đất đai có bóng chim Mơ Ling thiêng liêng ấy, từ dòng dõi lạc hầu lạc tướng của các vua Hùng ấy, đã xuất hiện hai người con gái kiệt xuất của đất Việt: Trưng Trắc và Trưng Nhị.

Tòa Đô úy trị của nhà Hán trấn ngự trên đất Mê Linh, gươm giáo tinh kỳ sáng lóa mà vẫn thấp thỏm không yên. Cái tham vọng khống chế, đối phó với miền cư dân quan trọng nhất đất Giao Chỉ này của nó, đang phấp phỏm trước một mối đe dọa hiểu nghèo, cứ mỗi ngày một lớn mãi lên.

Tiếng trống đồng ầm ào như tiếng sấm. Dân Mê Linh mở hội lớn. Trai tráng, và cả những cô gái nữa, rìu đồng giáo sắt nắm trong tay, những chiếc lông chim cắm ngất ngưởng trên đầu, bộ áo lông chim xòe rộng quanh người, theo nhịp trống đồng dồn dập, vừa hò hét, vừa uốn mình, vung tay, lặp lại các động tác bay lượn của chim Mơ Ling.

Những âm thanh náo nức ùa vào trong ngôi nhà làng, mái cong vút như hình thuyền. Trên sàn nhà cao, Trưng Trắc, Trưng Nhị đang tiếp khách quý.

Chàng trai tuấn tú là khách từ xa, tận phương Nam tìm đến. Vâng lời cha, đương chức lạc tướng huyện Chu Diên, Thi Sách, chàng trai ấy, đã dẫn một toán thân binh tới Mê Linh từ mấy hôm nay. Và hội vui cũng đã mở ngay từ ngày hôm ấy.

Bấy giờ đang là mùa xuân. Theo tục lệ cổ truyền của người Việt, đây là những ngày vui chơi của mọi người, và là những ngày yêu đương của những đôi trai gái. Quân trị và Đô úy trị của nhà Hán từ lâu đã muốn bỏ những ngày hội như thế này, vì nó khác với phong tục của người Hán, nhất là tòa Đô úy trị của nhà Hán từ lâu đã muốn bỏ những ngày hội như thế này, vì nó khác với phong tục của người Hán, nhất là tòa Đô úy trị thì lại càng không muốn có những điệu nhảy vũ trang kia. Nhưng mặc! Thóc mùa đã nộp xong vào kho thuế. Lúa chiêm trên các thửa ruộng lạc đã xanh mướt chờ làm đòng. Mùa săn tìm chim quý, thú lạ và các cây thuốc thần để cống nạp, còn đang đợi mở. Tục lệ hội hè của ta, ta cứ giữ!

Buổi trưa, từ rừng sâu, toán thân binh của Thi Sách và trai tráng Mê Linh đã lặc lè khiêng về một con cọp vằn cực lớn. Trưng Trắc, Trưng Nhị và Thi Sách mỏi mệt nhưng hả hê, nối nhau đi sau con mồi một quãng ngắn.

Mùa săn chưa được lệnh của Đô úy trị cho mở, nhưng nhân có khách quý, Trưng Trắc đã đứng ra bày cuộc đấu sức này. Và kết quả thật đã vượt quá ước mong. Nỗi vui mừng đột ngột đẩy bổng cả ngày hội của dân Mê Linh. Cuộc múa vũ trang mừng chiến thắng cổ truyền đã kéo dài đến đêm khuya. Con cọp vằn treo chếch bên ngôi nhà làng, trước vòng múa nhảy tưng bừng của trai tráng và các cô gái làng. Hai mũi lao dài vẫn cắm sâu lút vào giữa ức và sát mang tai cọp. Cán lai có một khoang nhuộm đen và một khoang bôi vàng: Dấu hiệu riêng của con trai quan lạc tướng Chu Diên đó!

Trên sàn cao ngôi nhà làng, cây đuốc tẩm nhựa thông đã cháy đỏ. Khuôn mặt của Trưng Trắc, Trưng Nhi và Thi Sách đều hồng sáng dưới ánh lửa. Men rượu cũng đã khiến cả ba đều ngà ngà say. Riêng Thi Sách dường như say nhiều hơn cả. Hạnh phúc và niềm vui tràn trề, chàng trai trẻ đã uống quá bội mức thường. Hạ được chúa rừng ngay trước mắt chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị, việc đó há chẳng phải là niềm vui lớn? Nhưng hạnh phúc còn lớn hơn nữa, chính là thái độ ân cần, mặn mà của những người nữ chủ đất Mê Linh.

Rời Chu Diên lên đường, Thi Sách vừa khấp khởi mừng, vừa hồi hộp lo. Tiếng tăm của hai chị em họ Trưng, lâu rồi, đã từ Mê Linh bay đi rất xa. Và ý của quan lạc tướng Chu Diên truyền cho con trai lại cũng đã rõ; kết thân được với họ Trưng thì chẳng những chỉ tốt lành chuyện vợ chồng, mà còn may mắn cho non sông đang rên siết dưới ách giặc. Bởi thế lực của hai miền đất Chu Diên và Mê Linh cùng đem gắn bó chặt được thành một mối, sức mạnh của người Việt sẽ được nhân lên gấp bội. Sức mạnh ấy, một khi đem ra xoay chuyển tình thế; phá đổ ách đô hộ của nhà Hán mà khôi phục lại nước cũ của người Việt, ắt là nên việc lớn!

Trong một thoáng định thần, Thi Sách vụt nhớ lại những lời dặn của cha già, và chợt ngừng uống, ngước mắt đăm đăm nhìn Trưng Trắc. Chàng trai cũng gặp ngay cặp mắt như thế đang nhìn mình, lâu, rất lâu, vừa khoan hòa, ấm áp, vừa như muốn nói mãi một điều gì thật lớn, thật nghiêm. Mấy hôm nay, Thi Sách đã nhiều lần gặp cái nhìn ấy, nửa như tin cẩn, thân thiết, nửa như con muốn dò hỏi, cậy trông nhiều hơn nữa. Nhưng không có chút màu mè, khách khi nào.

Ngực cồn lên, Thi Sách lại uống nữa. Khuôn mặt của Trưng Trắc đã nhòa đi thành hai. Nhưng đấy lại là Trưng Nhị đang ghé sát bên chị:

- Chàng say rồi!

Thi Sách chỉ còn thoáng nghe được câu ấy, như một hơi gió ấm lướt qua. Chàng trai trẻ đất Chu Diên không còn nghe tiếp được lời trò chuyện của nàng em đang níu lấy vai chị, giọng cợt đùa:

- Em biết tại sao hồi trưa chị lên nhổ mũi tên của chị rồi!

Trưng Trắc quay nhanh xuống nhìn em, mặt càng ửng đỏ, rồi lại ngẩng lên, đưa mắt qua đầu Thi Sách, nhìn mãi về phía xa... Việc ấy, thế ra Trưng Nhị cũng đã biết! Phải, hồi trưa vừa nhác thấy bóng cọp chồm tới, Trưng Trắc đã nhanh tay thả một mũi tên xuyên nát một bên mắt cọp. Chúa rừng đã khựng lại ngay giữa đà nhảy dữ dội của nó, và nhận tiếp luôn hai mũi lao hiểm của Thi Sách. Nhưng chính Trưng Trắc, chạy tới bên thú dữ trước tiên, đã kín đáo nhổ biến ngay mũi tên lợi hại của mình, giữa lúc con vật khổng lồ còn đang vật giẫy chết...

Vẫn giữ nguyên luôn mắt nhìn ra xa, sau một lúc trầm ngâm. Trưng Trắc bỗng hạ giọng, nói ràng rẽ:

- Phải! Nhưng bởi ta còn muốn nhằm con thú khác, to hơn!

Con thú lớn ấy, ngay sau đấy đã xuất hiện. Và múa vuốt nhe nanh, trợn tráo thật càn rỡ.

Mùa xuân năm ấy, thái thủ Tô Định, người thay mặt hoàng đế nhà Hán cai trị quận Giao Chỉ, theo đúng lệ định cho các chức thái thú biên quận mùa xuân phải đi tuần các huyện, đã từ Liên Lâu đến thẳng Mê Linh trước tiên.

Giữa tòa Đô úy trị, sau khi đã xem xét kỹ lưỡng các kho tàng, tiền của, Tô Định liền cho Triệu bọn thuộc hạ quanh huyện Mê Linh đến hỏi han về tình hình chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị. Vừa nghe tin con trai quan lạc tướng Chi Diện đến chơi đất Mê Linh, mới giết được cọp dữ, Tô Định bỗng giật mình biến sắc. Linh tính của tên quan cai trị cáo già khiến Tô Định cảm thấy ngay nỗi lo ngại bấy lâu của hắn, nay dường như đã gặp điềm báo ứng. Chẳng phải chỉ là việc một con mồi quý bị hạ trước khi có lệnh mở mùa săn. Mà chính là người đã hạ thủ chúa rừng kia: Con trai lạc tướng Chu Diên, cớ chi tới tận đây mà lại được cử động ngang nhiên làm vậy? Chị em họ Trưng đang mưu tính gì mà lại mặn mà với khác lạ nhường ấy?

Lập tức, Tô Định dẫn quân tướng xộc thẳng xuống ngôi làng chủ của đất Mê Linh.

Tòa nhà làng mái cong đồ sộ, lặng ngắt hiện ra trước mắt viên thái thú nhà Hán. Sàn cao, bãi rộng, không một bóng người. Chỉ có chiếc trống đồng lớn, treo trước nhà là khẽ đung đưa theo nhịp rung từ những gót giày hùng hổ lẽo nhanh lên sàn cao của Tô Định.

Vừa bước vào nhà, một tấm da cọp căng vàng rực hẳn một góc sàn đã đập ngay vào mắt Tô Định. Từ trước đến nay, viên thái thú nhà Hán chưa bao giờ được thấy

tấm da cọp nào vừa lớn, lại vừa đẹp đến thế! Màu da còn tươi rói. Hẳn đây là con cọp mới bị Thi Sách săn hạ. Và Tô Định bỗng nhiên thấy ngố người lên. Một cơn thèm muốn thật lớn đã chán hết cả trí não viên quan cai trị nhà Hán, như đã bao lần, đứng trước những của quý, vật lạ của đất này. Tô Định vẫn còn mang máng thấy cần phải tra tìm việc con trai lạc tứ Chu Diên đến lộng hành ở đất Mê Linh. Hắn cũng vẫn còn mang máng nhớ đến mối lo ngại bấy lâu canh cánh trong lòng. Nhưng tấm da cọp kia mới thật là việc đáng quan tâm lúc này. Lập tức, Tô Định quát gọi thuộc hạ, một mặt truyền nổi lửa đốt ngay ngôi nhà làng để răn đe dân màu, một mặt vào gỡ nhanh tấm da cọp, mang đi.

Từ trong làng xa, thấy lửa khói bốc lên từ ngôi nhà làng. Trưng Trắc, Trưng Nhị và dân Mê Linh vừa kéo đến xem sự thể, thì chứng kiến hành động ngang ngược của Tô Định. Dân Mê Linh bồn chồn bứt rứt, hết nhìn ngôi nhà làng đang cháy rừng rực và tấm da quý đang bị cướp sống, lại nhìn người nữ chủ. Trưng Nhị, trong một tư thế hết sức căng thẳng, cùng đảo mắt rất nhanh, vừa tìm mắt chị, vừa nhìn đám dân của mình. Nhưng vừa lúc Trưng Nhị toan phác một cử động quyết liệt thì Trưng Trắc đã nắm lấy cánh tay em gái. Đứng rất thẳng người, Trưng Trắc yên lặng để mặc Tô Định và đám thuộc hạ kéo đi.

Khi đám quan quân nhà Hán đã khuất sau đồi câu trước làng, Trưng Nhị bỗng giật giọng hỏi chị:

- Tại sao lại như thế? Tại sao lại để chúng càn rỡ mãi thế? Nhà làng của ta, chúng đốt đã bao lần...

- Ta sẽ dựng lại! Trưng Trắc lại ngắt lời em, Mà sẽ còn dựng cỏ thành cao hào sâu kia!

- Nhưng còn tấm da? Chị đã dành để chàng Thi Sách đưa về dâng quan lạc tướng Chu Diên...

- Ta sẽ lấy lại! Trưng Trắc lại ngắt lời em. Và nói mỗi lúc một dằn tiếng, Nhưng giờ chưa phải lúc ta sẽ cùng chàng Thi và dân Chu Diên đi lấy lại. Và cả dân cư khắp đất Việt này cũng sẽ đi lấy lại. Mà cũng không phải chỉ lấy một tấm da đâu!

Mùa xuân năm sau, bắt đầu cuộc tuần thú hàng năm của hắn, Tô Định lại từ Liên Lâu đến thẳng Mê Linh.

Năm nay, dân Mê Linh cũng như dân các huyện, đều không được phép mở hội xuân nữa. Nhưng cho dù không có lệnh cấm ngăn ấy, dân Mê Linh cùng khó mà mà vui chơi được. Bởi mùa săn đã được lệnh phải mở sớm hơn mọi năm. Và các khoản cống phẩm khoản cho Mê Linh phải nộp sang triều đình nhà Hán, lại tăng thêm một đôi sừng tê, kích thước phải dài chín tấc trở lên, và một đôi ngà voi, khích thước phải dài từ năm mươi tấc trở lên! Một chức quất quan được Tô Định chọn ngay trong đám người Hán mới chạy loạn Vương Mãng sang Giao Chỉ, cho ăn lương hàng năm hai trăm thạch lừa lấy của dân, chỉ để chuyện đốc thúc việc bắt dân trồng quýt, và tổ chức chuyên chở các thứ quả lạ mà quý của phương nam ấy, về tận kinh đô nhà Hán, dâng cống cho triều đình!

Gánh nặng thuế má, cống nạp tưởng đã làm dân Việt nghẹt thở. Ở miền rừng thì khổ vì phải tìm chim quý thú lạ. Còn ở biển thì mất xác vì phải mò tìm đồi mồi, ngọc châu. Mà hầu hết sức lực để chịu đựng gánh nặng ấy, trông cả vào ruộng nương, thì ruộng nương lại bị bọn người từ Trung Nguyên xô xuống, ỷ vào thế lực Quân trị, Đô úy trị, cướp đoạt mất tất cả những nơi màu mỡ nhất. Chuyện hãm hại, hà hiếp, giết chóc dân lành xảy ra như cơm bửa. Khắp cõi Giao Châu, uất khí bốc lên ngùn ngụt.

Thái thú Tô Định, vào dịp này, càng vơ vét cướp đoạt được nhiều, càng cảm thấy trong lòng không yên. Và Mê Linh lại cũng vẫn là nơi mà Tô Định băn khoăn nhất. Bởi tiếng đồn đại về hai chị em họ Trưng vẫn cứ từ đất Mê Linh bay đi khắp xứ. Sắc đẹp thì đã đành. Nhưng tính khí ngang tàng, tài thu phục lòng người và đức quảng giáo thì lại cũng chẳng kém gì bậc trượng phu. Mà khá lạ thay cho người xứ này! Trong khi ở Trung nguyên, phụ nữa đều phải và khuôn phép lễ giáo, phu xướng phụ tùy, thì ở đây, đàn bà con gái đâu đâu không. Sự giáo hóa của thiên triều xem chừng còn lâu mới uốn nắn được!

Mùa xuân năm Kiến Vũ thứ mười lăm, Khi Tô Định đến Mê Linh, thì bỗng được tin Trưng Trắc quả đã cùng Thi Sách ở Chu Diên kết nghĩa vợ chồng. Hôn lễ vẫn theo đúng lệ cũ của người Việt: Vợ chồng tuy đã thành thân nhưng người nào vẫn ở lại đất của người ấy. Một lần nữa. Tô Định lại bất giác giật mình và nổi cơn giận dữ thật sự. Bởi lẽ từ hàng chục năm nay, kể từ khi thái thú Tích Quảng trị nhậm đất Giao Chỉ, các thái thú đã thấy không thể để dân Việt sống khác mãi với tục lệ của người Hán được. Vậy nên, trước tiên là thể thức hôn nhân phải định lại. Phải có mối lái, sính lễ, cưới hỏi, ăn ở theo đúng điển lễ Trung Hoa. Kế tục Tịch Quang, bây giờ ở Giao Chỉ có Tô Định, và ở Cửu Chân thì thái thú Nhâm Diên, bạn đồng liêu với Định, đều ra sức giáo hóa dân Việt phải theo điển lễ hôn nhân Hán tộc. Vậy, họ Trưng, họ Thi là dòng dõi các lạc tướng mà vẫn ngang nhiên giữ lễ cũ, không chịu vào khuôn phép mới, thế thì thử hỏi dân man còn giáo hóa làm sao?

Lập tức, Tô Định lại theo gương Tích Quang, tìm trong đám người Hán ở Giao Chỉ, đặt một chức môi quan.

Đấy là người sẽ thay mặt triều đình, kiểm soát các cuộc hôn nhân của người Việt, buộc phải theo đúng điều lệ của nhà Hán!

Tin ấy đến tai hai chị em họ Trưng giữa lúc những người nữ chủ đất Mê Linh đang dạo một lượt các hộ chăn tằm trong làng. Tằm mùa xuân đang một nhân hai, hai nhân bốn, bốn nhân tám... Cuộc hôn nhân giữa Trưng Trắc và Thi Sách, mỗi người làm chủ một phương, kết liền thế lực hai miền đất lớn của người Việt đang nhân bội sức mạnh chống ách đô hộ hà khắc của ngoại bang. Bão táp sẽ từ đây bùng ra. Bọn đô hộ lại muốn dùng điển lễ hôn nhân của chúng để gò bó dân ta chăng? Trưng Trắc chỉ nắm chặt bàn tay em, cười nhạt. Và càng dội lên trong lòng nỗi nhớ yêu chồng.

Làm đúng theo những điều cùng Trưng Trắc bàn bạc. Thi Sách từ khi ở Mê Linh trở về, dốc sức ngày đêm biến Chu Diên thành chỗ dựa bền chắc của Mê Linh trong

cuộc khởi nghĩa sắp tới.

Đất Chu Diên là nơi lắm ruộng nhiều vườn. Các làng chạ trong miền, theo lệnh của Thi Sách, đồng góp thóc lúa hoa màu trữ lại một nơi. Và rèn sắt đúc đồng, sửa soạn vũ khí. Những câu chuyện thầm thì, những cặp mắt nhìn kín đáo, và cả những cử chỉ cố gắn kìm hãm. Người người nô nức và âm thầm, bồn chồn chờ ngày khởi nghĩa lấy lại nước cũ.

Tin đi tin về giữa Chu Diên và Mê Linh vẫn đều đặn và ngày càng tăng. Những con thuyền mũi cong, đuôi én, chèo lại vùn vụt, xuôi sông Đáy, ngược sông Cái đưa Trưng Trắc về Chu Diên gặp chồng, đưa Thi Sách lên Mê Linh gặp vợ. Vượt biển khởi, băng rừng núi, những cờ súy thân cận của lạc tướng các huyện xa mãi trong các quân Cửu Chân và Nhật Nam ở phía Nam, các huyện ngoài biển Đông của cõi Giao Chỉ, các huyện xa trên quận Hợp Phố ở mạn Bắc, tất cả cũng đều tìm về Mê Linh, và đón những cừ súy của Trưng Trắc, Trưng Nhị từ Mê Linh đưa đi, bàn định việc nghĩa.

Những con dân của nước Văn Lang xưa, cùng chung nỗi hoạn nạn, theo nếp cũ, chỉ chờ dịp gặp được người kiệt liệt đứng ra xướng xuất việc lớn, là lại tụ hội với nhau thành một mối, tự nhiên như ngày nào.

Một mùa xuân nữa đã đến, mùa xuân năm bốn mươi sau công nguyên.

Vào những ngày mùa xuân năm ấy, Trưng Trắc và Trưng Nhị bận tất bật. Dân Việt khắp nơi đã đủ bề cùng cực. Và lòng mong nước cũ, nhớ đời tự do xưa, càng nấu nung. Người người hướng cả về Mê Linh, chờ đợi chị em họ Trưng hành động.

Dân Mê Linh được lệnh của nữ chủ tướng, từ lâu cũng đã sẵn sàng.

Giữa lúc ấy, một con thuyền quẫy mình ngược sóng hối hả lao về Mê Linh. Tín dữ từ Chu Diên đưa tới: Chàng Thi Sách đã bị Tô Định đem quân từ Quân trị về bắt giết! Tên thái thú tham tàn này, từ ngày được biết Trưng Trắc đã cùng Thi Sách kết thân, thì mỗi lúc một bàng hoàng nhận thấy rõ thêm rằng đây không phải là một cuộc hôn nhân bình thường. Những dấu hiệu biến động của người Việt ở khắp nơi từ sau cuộc hôn nhân ấy, càng khiến Tô Định hoảng hốt, lúng túng tìm cách đối phó với Mê Linh, mà hắn thừa biết là nguồn cội của cơn giông bão đang ì ầm sôi sục. Chưa dám động tới những người con gái mà hắn còn kiêng dè, Tô Định vội vã thử tìm cách triệt vây cánh của Mê Linh. Đưa đại binh đột ngột kéo về Chu Diên, bắt giết Thi Sách, Tô Định nghĩ rằng đấy là hành động trấn áp phủ đầu đắc sách nhất của hắn.

Trưng Trắc và Trưng Nhị ấy đang đứng bên tàu voi. Đôi voi trắng khổng lồ, đang độ sung sức, đứng không yên chỗ, hết cuộn vòi lại lắc mình. Chợt con voi lớn bỗng rùng người lùi lại, tung vòi rống lên một tiếng lớn: Nó vừa thấy người nữ chủ thất sắc, loạng choạng níu vòi lấy gốc cây buộc voi khi nghe đám cừ súy hốt hoảng rầm rập chạy tới đưa tin dữ từ Chu Diên...

Lặng đi hồi lâu, Trưng Trắc bỗng lắc người chồm dậy, sải những bước lớn, đi thật nhanh về ngôi nhà làng. Trưng Nhị níu vai chị, rảo chân bước theo. Đám cừ súy

rùng rùng chạy gần ở phía sau.

Từ ngôi nhà làng mái cong vút, tiếng trống đồng đột ngột giật giọng gầm lên: Aàm ùng ầm, ầm ầm ầm...

Tiếng trống đồng dội lên vòm cây, đập vào sườn đồi, chạy theo suốt dọc đường trẩy quân. Đất đỏ gió tung, cuồn cuộn cuốn bụi bay cùng tiếng trống. Những giọng hòa reo chốc chốc lại rộ lên một đợt, dìm tiếng trống vào môït biển âm thanh ồn ào, náo động.

Dân Mê Linh, giáo lao, cung nỏ, rìu búa, khiên mộc cuồn cuộn tràn đi theo bóng voi ẩn hiện mờ mờ qua làn bụi ở phía trước. Tất cả đều ra đi. Chỉ để lại trong các làng những người già yếu và con trẻ.

Trên bành voi cao, Trưng Nhị luôn luôn đưa mắt nhìn sang phía chị. Suốt thời gian dẫn đầu đoàn quân khởi nghĩa kéo đi, Trưng Trắc giữa nguyên thế ngồi, chống thẳng tay nắm chắc lấy bành voi, đẩy người về phía trước. Và đôi mắt mở to, sáng quắc trên khuôn mặt, bừng bừng trong một cơn kích động sục sôi kéo dài. Người nữ chủ tướng Mê Linh mặc giáp phục rực rỡ: Bên ngoài bộ xống trùng áo ngắn, là một tấm hộ tâm bằng đồng thau vàng rực, chạm khắc cầu kỳ, và chiếc thắt lưng khóa đồng có đính một chuỗi nhạc nhỏ kêu lanh canh theo nhịp lạc của lưng voi. Trước lúc trẩy quân, trong đám cứ súy đã có người xin nữ chủ tướng cho cử tang Thi Sách và mặt tang phục. Trưng Trắc trả lời:

- Việc chiến trận phải quyền biết. Nếu tự làm tiều tụy thì nhuệ khí ắt tàn theo. Ta sẽ mặt giáp phục đẹp, để dân trông thấy thì phấn khích, mà giặc trông thấy thì kinh hoảng.

Quả đúng như lời của Trưng Trắc. Dân Mê Linh vốn quý yêu người nữ chủ của mình bao nhiêu, thì càng buồn lo cho nỗi đang tang tóc của nữ chủ của mình bấy nhiêu. Nhưng khi thấy Trưng Trắc, Trưng Nhị xuất hiện trước ngôi nhà làng, đẹp đẽ, lộng lẫy và nhanh nhẹn, hùng dũng bước lên mình voi, khoát mạnh tay ra lệnh nổi trống trẩy quân, thì tất cả dầu như sống dậy, hò reo chuyển đất, ào ào bám chân voi, nhìn chủ tướng mà xốc tới.

Khí thế ngất trời ấy của những người khởi nghĩa quả đã làm khiếp đảm quân thù. Tòa Đô úy trị trên đất Mê Linh chỉ gắng gượng chống cự được khoảnh khắc rồi vỡ. Dân Mê Linh trèo qua tường thành, phá tung cổng thành, đạp bằng dinh lũy của quân thống trị, đốt cháy tan hoang.

Đám tro tàn của tòa Đô úy trị còn đang vật vờ bốc khói, Trưng Trắc, và Trưng Nhị đã lạc bước lên mình voi. Và dân Mê Linh lại hò reo náo động theo nhịp trống đồng, theo người nữ chủ tướng, tràn xuống Liên Lâu. Nhưng lúc này, không phải chỉ có dân Mê Linh. Nhập vào đoàn quân trẩy đi phá Quân trị Giao Chỉ của nhà Hán, ngày càng có thêm đông đảo, dài dằng dặc, người của những làng chạ xa gần. Vừa nghe tin chị em họ Trưng đánh hạ Đô úy trị Mê Linh, dân Việt khắp nơi đã lập tứ cử người của mình kéo tới...

Tiếng trống đồng thêm nhiều âm vang, tiếng hòa reo thêm nhiều các giọng. Và

bụi đường bốc lên càng dữ dội. Tất cả cuồn cuộn tràn xuống Liên Lâu.

Thành Liên Lâu cũng không đương nổi cuộc công phá của cả một biển người ào lên xung sát cực kỳ dũng mãnh theo hiệu trống đồng của Trưng Trắc, Trưng Nhị. Một đợt, rồi hai đợt tiến công, bao giờ cũng có Trưng Trắc, Trưng Nhị dẫn đầu, nghĩa quân Việt đã phá tan tòa thành Hán. Trong đám loạn quân, chị em họ Trưng thúc voi xông xáo tìm kiếm Tô Định mà không thấy hút hắn đâu. Con thú lớn ấy đã ôm đầu lủi trốn được.

Nghỉ lại ở Liên Châu một chiều, Trưng Trắc, Trưng Nhị lập tức phái ngay cừ súy của mình đi các nơi thăm thú binh tình. Người đi chưa được bao lâu thì bỗng từ mạn Bắc đã có tiếng reo hò vọng lại. Một đoàn người lô nhô rìu giáo, cung nỏ, ồn ào kéo tới, dẫn đầu là một nữ thủ lĩnh còn trẻ măng. Tin vui truyền ngay đến tai Trưng Trắc, Trưng Nhị: Nàng Thánh Thiên ở Ngọc Lâm vừa nghe tin nữ chủ đất Mê Linh, nổi dậy, cũng đã lập tức dẫn dân vùng mình đánh hạ ngay huyện Bắc Đới của nhà Hán, rồi đưa thẳng đoàn quân khởi nghĩa về hội quân với chị em họ Trưng!

Nỗi mừng vui náo nức còn nóng hổi thì từ mạn Nam, một đoàn quân sĩ nữa cũng đã vượt sông Đuống tiến lên. Hai người con gái giống nhau như hai giọt nước, dẫn đầu đoàn chiến binh ấy, chính là các nàng Nguyệt Thai, Nguyệt Độ ở Mi Thử, vừa nổi dậy đánh hạ huyện thành An Định của nhà Hán, rồi dẫn quân tới hội.

Rồi từ mạn Tây cũng có người kéo về: Nàng Thiều Hoa ở động Lăng Xương với cả một đoàn dũng sĩ lao múa khiên và chạy nhảy như gió, vì hàng ngày vẫn chuyên luyện môn đánh phất hào hùng. Và từ mạn Đông, nữ tướng Lê Chân, người đã chiêu dân lập ấp, dựng nên trang An Biên ngay trên sóng nước biển Đông, cũng đã dẫn theo cả một đoàn quân gồm toàn những tay vật nổi tiếng lão luyện. Rồi thì nàng Tía ở Vĩnh Ninh đưa về một đoàn thuyền chiến và những thủy thủ ở nước như ở cạn. Tướng Nguyễn Tam Chinh bấy lâu mở lò vật ở Mai Đông, nay đem tất cả môn đệ của mình tới theo Trưng Trắc, Trưng Nhị. Tướng Lã Văn Ất cùng những người dân bộ lạc Trâu cũ, nổi dậy phá tan huyện thành Câu Lậu rồi cũng dẫn quân tới hội.

Từ quân Cửu Chân, các tướng Đô Dương, Chu Bá tìm ra, cùng một lúc các cứ suý quận miền trong cũng đã nổi dậy phá tan tành các huyện thành và quân trị. Tin từ Hợp Phố mãi xa trên mạn Bắc đưa về sau cùng: Dân Việt ở đây cũng đã đánh tan bọn quan quân nhà Hán và chiếm xong các huyện thành.

Tin thắng trận dồn dập, tới tấp truyền về. Nỗi vui mừng quá lớn khiến người ta đứng ngồi điều không yên. Hàng chục đời nay rồi, dễ chừng chưa từng có dịp nào được sống tưng bừng sung sướng đến như thế! Nước cũ từ thờ tổ Hùng Vương lại thấy bây giờ là đây! Hội mừng thắng trận mở hết ngày này sang ngày khác. Khắp nước náo động tiếng trống đồng và tiếng hò reo...

Ba mùa xuân nữa nối nhau trôi qua, cũng trong tiếng trống đồng và tiếng hòa reo mở lại hội vui trên khắp đất Việt.

Đuổi được giặc, lấy lại nước, hai chị em họ Trưng được cả nước tôn lên làm vua. Dòng dõi các vua Hùng xưa, bây giờ lại trị vì đất nước Việt. Trưng nữ vương trở về đất bản bộ của mình, xây thành Mê Linh, đúng như điều hứa hẹn của nàng Trưng

Trắc ngày nào, người ta làm chủ nước ta. Các nữ thủ lĩnh, các nam cừ súy, được phong các chứ nữ tướng, tướng lĩnh, người nảo trở về đất nấy, dốc sức cùng nhân dân xây cuộc đời mới. Riêng Lê Chân giữ chức Tiên phong và Nàng Tía được giao cai quản thủy quân.

Trưng Trắc bàn bạc với em gái và các tướng rồi quyết định miễn hẳn thuế khóa cho thiên hạ. Cùng kiệt, khổ nhục dưới ách bạo tàn đã lâu, nay vừa được tự do lại khỏi hẳn nạn cống nạp, dân Việt say mê sống cuộc đời mới đã ba mùa xuân mà vẫn bàng hoàng vì niềm hạnh phúc quá lớn. Tiếng hát ca ngợi Trưng vương cất lên từ tất cả những tấm lòng sùng kính say sưa của dân khắp nước.

Vào mùa xuân năm thứ ba ấy, chỉ có Trưng vương là người phải lo nghĩ: Vua Hán Quang Vũ đã hạ lện động binh lớn, đưa tủ thư phong cho viên tướng lão luyện Mã Viện làm Phục ba tướng quân, đem đại quân sang đánh lại nước Việt, quyết đặt lại quận huyện ở đây một lần nữa.

Buổi chiều mùa xuân năm thứ ba ấy, đứng trên lầu cao thành Mê Linh, nghe tiếng trống đồng ngày hội vọng tới, Trưng Trắc nói với Trưng Nhị:

- Phải quyết sống mái với giặc thôi!

Trận huyết chiến sống mái ấy đã xảy ra ở Lãng bạc.

Hai vạn quân Hán, gồm nghìn đại binh và mười hai nghìn tinh binh của Mã Viện, đã giao chiến dữ dội với dân binh các làng chạ do Trưng vương thống suất, trong một trận đánh tối sầm cả trời đất. Quân Mã Viện đóng sắn trên các triền đất cao giữa vùng Lãng Bạc lầy lội, chuẩn bị tiến công Mê Linh. Giữa lúc ấy thì Trưng vương đem quân tới chận đánh. Hơn một vạn người Việt đã ngã và mất trong trận huyết chiến đó.

Sau trận đánh lớn ở Lãng Bạc, Trưng vương thu quân về giữ Cấm Khê. Bọn Mã Viện lại kéo đại quân tới. Và một loạt trận huyết chiến nữa lại nổ ra, máu chảy đổ sông Hồng. Hơn hai vạn người Việt nữa lại đã bị mất ở đấy.

Quyết bảo vệ đất nước và cuộc sống tự do của mình, thà mất hết chứ không quay lại kiếp ngựa trâu, sức lực của người Việt hầu như đã dốc kiệt để sống mái với quân xâm lược theo ý chí của Trưng vương. Những người nữ vương đầu tiên của đất nước, cho đến cùng, vẫn kiên quyết giữ mãi ý chí sống mái với quân thù. Và dòng sông quê hương, sau hết, đã nhận vào lòng nước mắt dạt dào chảy mãi về sau ý chí quý báu chói ngời ấy của Trương vương: Phóng những ngọn lao và bắn đến những mũi tến cuối cùng, Trưng Trắc và Trưng Nhị đã lùi đến bờ sông sâu. Và gieo mình xuống đáy nước.

Bấy giờ là mùa hè năm bốn mươi ba sau Công nguyên.

Bà Triệu

Triệu Thị Trinh nhớ mãi lần chạy giặc hồi còn nhỏ vào trong núi Nưa. Buổi

chiều hôm ấy, trời mù ảm đạm. Tiếng ngựa hí, quân reo vừa nghe vọng lại từ mạn xa thì đã thấy khi làng bên phát hỏa và lẫn với tiếng lửa réo ù ù là tiếsng người kêu vật rống kinh hoàng. Tin dữ từ đấy theo với tàn lửa cháy làng bay về: Thứ sử Lữ Đại dẫn đại quân nhà Ngô tiến đánh dư đảng của thái Thú Sĩ Huy, hiên đang cho binh lính làm cỏ đất Cửu Chân. Khu làng đông đúc ba nghìn dân ở bên cạnh dễ không còn được mấy người chạy thoát.

Vạ lớn ập đến thật bất ngờ! Miền đất Cửu Chân này đang rên xiết dưới ách giặc, thế là một lần nữa lại chịu cảnh binh hỏa tàn phá! Chỉ còn cách mau chạy vào núi hiểm để cứu lấy tính mạng...

Lần nguy khốn năm ấy, núi Nưa đã cứu thoát những người cùng làng với Triệu Thị Trinh chạy vào núi. Ngọn núi hùng vĩ sừng sững một vùng trời đất, cây cối điệp trùng, suối khe hiểm trở, từ đấy ghi mãi bóng hình của nó trong đầu óc cô gái họ Triệu. Ông già bà cả, cũng như trai gái, và trẻ nhỏ trong làng nữa, ai cũng từ đấy, coi núi Nưu là đất thiêng của dân mình. Những ngày đẹp trời, nhìn lên núi Nưa, thấy rõ từng thớ đá gốc cây; những ngày mưa gió, núi Nưa chỉ còn là một vệt thẩm chông chênh giữa trời ngày nào thì người làng cũng chẳng bao giờ quên để mắt tới ngọn núi thiêng. Thề bồi, phán xử, núi Nưa là nhân chứng. Tế lễ, hội hè, núi Nưa là thần linh...

Dân làng nghiêng nghé, lắng nghe tiếng cồng vọng rền vang từ trên núi Nưa đưa về. Đám trẻ nhỏ nhảy lên:

- Cồng bà Triệu đó!

Lại thêm những tiếng kim thanh nhẹ lanh canh chen lẫn với tiếng cồng đổ dồn.

- Lệnh của ông Quốc Đạt đó!

Các cụ già sửa lại vòng khăn trên đầu, khẽ bảo nhau.

Tất cả kéo nhau ra đầu làng, ngóng về phía núi Nưa. Sương núi tím tím đã từ rừng cây bò lan trên ruộng rẫy, vườn tược. Dựa theo màn sương, những bóng người lô nhô tiến về làng. Giáo mác, tên nỏ, dựng mũi nhọn, rậm rịch trong rừng. Những khuôn mặt lầm lì, mệt mỏi, chỉ có cặp mắt lấp lánh sáng một thứ ánh sáng dữ dội.

Các dân binh suốt một ngày lên núi Nưa tập trận, luyện võ, giờ đã được cha mẹ, vợ con chực sẵn ở đầu làng, đưa về nhà. Các chú bé đón lấy những binh khí nhớp nháp mồ hôi và nóng hổi hơi tay của cha anh mình, hớn hở chạy tỏa vào trong các ngõ xóm. Mãi sau mới thấy Triệu Thị Trinh và Triệu Quốc Đạt từ ngan Nưa tiến về làng. Hai anh em đi sóng đôi, nhưng chiếc bóng cao lớn của cô gái át hẳng dáng hình mảnh dẻ của người anh. Hai gia nhân, xách một chiếc cồng và một chiếc lệnh nổi hiệu thu quân, đi theo sau bén gót. Chiếc cồng đồng thau nặng trĩu gân guốc của Triệu Thị Trinh cũng vượt hẳn chiếc lệnh mỏng manh của Triệu Quốc Đạt.

Cô gái họ Triệu đang tuổi bẻ gảy sừng trâu, bước sầm sập lên chiếc thang tre, vừa vào ngăn trong cùng của chiếc nhà sàn rộng thênh thang, chưa kịp rũ chiếc khăn đẫm sương, thì đã nghe tiếng người chị dâu cật vấn anh mình ở gian nhà ngoài:

- Ông bỏ nhà đi đâu biền biệt suốt ngày?

Giọng nói chanh chua của người vợ vấp phải sự im lìm cố hữu của người chồng, không vì thế mà bớt gay gắt:

- Này tôi bảo cho mà biết, đừng có sinh sự! Trên quận trị có người về đấy...

- Ông có nghe thấy không? Quận trị cho người về thúc cống phẩm đấy.

Lúc này mới nghe thấy Quốc Đạt chậm rãi:

- Nó bảo gì?

- Còn bảo gì? Quan thái thú đã khoán cho huyện này nộp thêm ba trăm con công lớn còn số phu phen tô thuế thường kỳ, thì cứ thế mà làm?

Không nghe thấy anh mình nói gì thêm, Triệu Thị Trinh vươn người nhìn qua tấm liếp ngăn nhà, trông ra gian ngoài. Triệu Quốc Đạt đang lui hui cúi người trên một chồng lá gồi, chăm chú viết lách. Nhìn cái dáng nhẫn nhục, chịu đựng đủ bề của anh ruột, Triệu Thị Trinh bỗng thấy nao nao trong dạ. Cô gái đi thẳng ra nhà ngoài. Những bước chân rung chuyển sàn nhà của cô gái khiến người chị dâu vừa toan sấn đến bên chồng, vội vã lảng ra bếp lửa đang mù mịt bốc khói. Nhưng vẫn không quên ném lại một cái nguýt lệch nhà!

Triệu Thị Trinh không nhớ được gì nhiều về cha mình. Chỉ thỉnh thoảng nghe mẹ nói rằng anh Triệu Quốc Đạt giống cha như hệt. Cha con nối thay nhận chức huyện lệnh của nhà Ngô mà chẳng bao giờ thi thố được điều gì giúp dân như thuở xưa, khi chưa có lũ giặc ngoại bang xâm lược, dòng họ này đời đời nối nhau làm tù trưởng đứng đầu các làng chạ quanh miền, Triệu Thị Trinh biết lắm, lũ giặc chưa thể phái hẳn người của chúng xuống cai trị huyện nầy, nên vẫn cứ phải tiện dùng kẻ cầm đầu cũ của người Việt để phục dịch chúng, thúc ép dân lành đấy thôi.

Chỉ thương cho anh Triệu Quốc Đạt. Thay cha giữ việc cai quản hàng huyện từ ngày em gái mới đứng chưa đến vai anh cho tới bây giờ, khi Triệu Thị Trinh đã lớn vượt anh rồi mà vẫn chẳng thấy anh có được lấy một ngày vui trong cuộc đời làm huyện lệnh. Lại thêm việc chẳng may lấy phải người vợ không ra gì. Chẳng qua là, bởi mẹ lại cũng theo cha sớm mất, chưa kịp chọn lựa nơi gửi gắm cho anh...

Càng thương anh, Triệu Thị Trinh càng nhớ mẹ, người mẹ giống hệt cô con gái ai cũng bảo vậy. Chính mẹ là người ngày đêm rèn đúc cho con gái, chí quật cường và tài thao lược. Những câu chuyện đời xưa mẹ kể cho con nghe mới cuốn hút lòng người làm sao! Quê mẹ ở tận ngoài Bồ Điền. Chuyện hai năm trăm năm trước ở ngay sát quê mẹ: Năm mẹ con bà Mai Thị Hoa đều cùng là gái cả, mà nổi lên dũng mãnh như tướng nhà trời, theo Hai Bà Trưng đánh cho lũ giặc nhà Hán tả tơi không còn mảnh giáp. Và còn chuyện Trưng nữ vương nữa! Chuyện các nữ tướng của Hai Bà nữa! Cũng đều là phận gái như mẹ con ta cả, nhưng nhờ đánh giặc cứu dân mà tiếng dậy non sông...

Những lời của mẹ cứ thế rót vào tim óc con gái. Mẹ lại còn một lần vượt đường đất đưa con về tận quê mình. Ông già họ Lý, người cầm đầu đất quê ngoại, nhìn ngắm đứa cháu gái mà hởi lòng hởi dạ. Cô bé mới bắt đầu lớn mà đã có dáng con nhà tướng: Lưng beo, tay vượn và cặp mắt xếch, sáng như sao! Đến lúc được xem

đứa cháu nhỏ biểu diễn tài năng võ nghệ, được nghe những lời tâm huyết tự nhiên từ cửa miệng còn thơ ngây, ông già Lý sung sướng đến mức đem cả báu vật gia truyền trao lại cho cháu gái vào lúc Triệu Thị Trinh chia tay ông để trở về núi Nưa. Đó là một thanh đoản kiếm hai lưỡi bằng đồng thau vàng chói. Và điều làm cô gái nhỏ thích thú nhất là hình tượng một vị nữ thủ lĩnh trang nghiêm, xiêm áo chỉnh tề, được tạc rất khéo thành ngay chiếc chuôi kiếm cầm gọn trong tay. "Đấy là tổ mẫu của dòng họ nhà ta" Ông già họ Lý nói với đứa cháu "Để xem về sau cháu có được như bà hay không..."

Ông già Lý nói thêm:

- Ngày xưa, khi giặc xâm lăng mới phạm vào đất đai, chính bà là người có công lớn đánh giặc giúp dân giúp nước. Dân chúng muốn ghi ơn, mới theo hình bà mà tạc đúc nên tượng như vậy đấy...

Chuyến đi thăm quê ngoại năm ấy đã khắc sâu vào tâm khảm Triệu Thị Trinh, cũng như thanh đoản kiếm sáng rực màu đồng thau từ đấy không bao giờ rời người nữ chủ trẻ tuổi. Cô gái họ Triệu càng ham luyện tập võ nghệ, lôi kéo cả người anh vốn tính tình trầm mặc, cũng như cả đinh tráng trong làng theo mình. Chưa ai rõ việc rèn binh luyện võ rồi đây sẽ ứng dụng vào đâu. Nhưng mang máng như sắp có việc lớn đổi đời đến nơi, tất cả đều say theo cái bản năng thượng võ của dân mình, và đều cuốn theo cái vẻ hăm hở sục sôi của người nữ chủ trẻ tuổi.

Núi Nưa đang ngày ngày ấp ủ trong các vạt cây vách đá và suối khe của mình cả một đạo quân mà sức mạnh lay trời chuyển đất đã bắt đầu được người nữ tướng mười chín tuổi luyện rèn, nhen nhóm.

Tiếng đồn bà Triệu thu phục được voi dữ cứ như có cánh bay nhanh đi khắp đất Cửu Chân. Người ta kể rằng đấy là một con voi trắng, lớn chưa từng thấy, và chỉ có một ngà. Voi một ngà mà gặp trong rừng thì chỉ có chết. Nhưng nó lại từ ngàn Nưa xốc ra ngoài làng phá vườn chuối kiếm ăn...

Một đồn mười, mười đồn trăm. Các cụ già đêm đêm ngồi bên bếp lửa, kể dần dần thành vần điệu cho con cháu nghe rằng, hôm ấy, dân làng vội vã nổi cồng Bà Triệu, khua lệnh ông Quốc Đạt, hò la náo động để đuổi voi. Con vật khổng lồ đâm đầu chạy ra sau làng, và sa ngay xuống một bãi lầy. Nó vẫy vùng gầm rống như điên mà không sao nhấc nổi mình lên khỏi lớp bùn dẻo quánh. Các tay cung nỏ thiện xạ trong làng đã lăm lăm những mũi tên độc, toan nhằm chỗ hiểm mà kết liễu đời con vật hung dữ. Nhưng chính Bà Triệu đã ra lệnh bắt sống!

Những cuộn thừng chão lớn chung đôi chung ba lại, quăng ra, thít dần lấy chân voi. Cả làng tời dần con vậy lên khỏi bãi lầy. Rồi đóng thừng chảo, cứ thế mà cột chéo hai chân nó vào hai gốc đại thụ. Con voi chịu phép đứng cứng tại chỗ, nhưng vẫn làm dữ, không chịu để cho một ai tới gần. Ấy thế mà vừa thấy Bà Triệu tiến đến, chính nó đã quỳ phục ngay xuống...

Câu chuyện Bà Triệu được voi một ngà lễ sống vừa từ núi Nưa truyền đi, thì đã dội về từ núi Quan Yên lời đồn kinh dị về hòn đá biết nói. Người ta kể rằng có một đêm, núi Quan Yên bỗng sụt lở dữ dội. Rồi một giọng nói ầm vang cất lên, át cả

tiếng đá lăn. Giữa đêm đen thanh vắng, khắp quanh núi đều nghe rõ tiếng đá nói thơ. Thơ rằng:

"Có Bà Triệu tướng

Vâng lệnh trời ra

Trị voi một ngà..."

Những câu chuyện lạ cứ thế mà truyền đi, mỗi ngày, mỗi nơi lại thêm thắt vào những nét mới. Người dân Cửu Chân đêm đêm ngồi bên bếp lửa, nghe kể chuyện mà thấy trong lòng phấp phỏng, rạo rực một niềm vui kính cẩn bồn chồn: Cứu tinh đất nước đã nổi lên rồi đây chăng?

Trong khi ấy, ngày ngày, Triệu Thị Trinh vẫn ra tầu voi mới dựng sau nhà, chăm sóc con thú rừng đã thuần phục và trở nên ngoan ngoãn một cách không ngờ. Có vẻ như nó cũng chỉ mến riêng cô gái thật! Tung vòi đón lấy những gốc mía mật từ tay người nữ chủ, con vật nheo mắt ăn uống thật hả hê.

Vừa đăm đăm nhìn con voi cuốn mía, Triệu Thị Trinh vừa miên man suy nghĩ... Đạo dân binh núi Nưa bây giờ đã ngày càng đông thêm người gia nhập. Và càng năng luyện tập thì càng thấy thiếu binh khí. Lâu nay, quận trị Cửu Chân vẫn ráo riết nhắc lệnh cấm rèn đúc giáo gươm, khiến những tay thợ giỏi hầu như chỉ còn nước bỏ nghề. Thế rồi, mới đây lại có lệnh cho các làng phải mua nộp tất cả thợ khéo để đưa sang Ngô triều xây dựng kinh đô ở Kiến Nghiệp Thái thú Cửu Chân còn ngăn đe sẽ trị tội cả làng, nếu nơi nào có ý chậm trễ hoặc giấu giếm thợ giỏ trong dân...

Đến nước nầy thì không thể nín nhịn được nữa rồi. Nếu không sống mái với giặc thì chúng sẽ chặt hết chân tay rồi làm cỏ cả dân ta mất thôi. Một cơn giận dữ trào lên khiến Triệu Thị Trinh đỏ bừng khuôn mặt, Ta đang cần thợ giỏi để rèn đúc binh khí cho nghĩa quân. Phải mau bàn với anh Quốc Đạt cự lại lệnh giặc, chứ không để chúng lấn lướt mãi nữa...

Con voi trắng bỗng ngừng nhai nuốt, le lé cặp mắt nhỏ tinh khôn nhìn theo người nữ chủ vừa chợt nghiến răng kèn kẹt, nhanh nhẹn, bước vội về nhà.

Triệu Thị Trinh toan bước lên thang bỗng dưng dừng lại. Từ trên nhà, vẳng xuống tiếng nói sin sít của vợ Quốc Đạt:

- ... Ông mà cứ để cho nó lộng hành thế này thì rồi vạ lớn xảy đến lúc nào không biết đó!

Triệu Thị Trinh kinh ngạc nín thở chờ nghe tiếng anh mình. Nhưng không thấy Quốc Đạt trả lời. Vẫn chỉ có giọng nói khi nãy tiếp tục:

- Ai đời con gái lớn như thế rồi mà nay cưỡi voi, mai múa võ! Tụ tập đảng chúng trong núi, ông tưởng che được mắt quan thái thú đấy phỏng? Mà người đâu có kẻ lạ đời! Cứ bảo quân Ngô là giặc, chứ thật ra *giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng!*

- Tôi bảo ông là cứ đem nó gả chồng quách đi thì yên chuyện hết!

Cô gái đứng dưới sàn bỗng đỏ lừng từ đôi má cho đến tận chân tóc. Vừa muốn

cười lại vừa bực bội, Triệu Thị Trinh bặm môi rầm rầm bước lên thang. Vợ Quốc Đạt nhác thấy em chồng đã đổi ngay giọng:

- À, đây rồi! May quá! Tôi vừa nói với anh cô về chuyện hôn nhân trong nhà,... Chẳng là nghe tin ở quận trị có ông quan họ Đào đang muốn tìm thêm người thiếp... Ông ấy vừa có thế lực lại vừa giàu sang, giai nhân, tiền của chật nhà chật cửa. Sánh được với ông ta thì còn gì bằng. Tôi định...

Người chị dâu đang thao thao bỗng trợn mắt há mồm đứng sững như trời trồng. Bởi vì từ cửa miệng của Triệu Thị Trinh đã bùng ra một tràng sấm sét choáng đầu, choáng tai:

- *Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm tỳ thiếp cho người!*

Bằng cớ về sự phản bội của mụ chị dâu đã quá rõ ràng, khiến Triệu Thị Trinh uất giận trợn ngược cặp mắt xếch tưởng đến rách cả mí. Vẻ mặt đằng đằng sát khí ấy khiến đứa hầu gái của vợ Quốc Đạt khi hãi rụng rời, vội vã khai hết mọi việc: Mấy hôm trước mượn cớ đi Tư Phố chơi thăm bà con, vợ Quốc Đạt đã cùng đứa hầu gái vào dinh thái thú Cửu Chân, tâu trình việc em chồng là Triệu Thị Trinh xúi bẩy chồng mụ cự lại lệnh nộp thợ khéo, và van xin tên quan cai trị nhà Ngô tha cho chồng mụ. Chính mụ, sau đấy đã rành rẽ bẩm báo đầy đủ ngọn ngành việc Triệu Thị Trinh ngày ngày tụ binh luyện lính trên núi Nưa và đang mở lò rèn đúc binh khí, chờ ngày nổi dậy chống lại Ngô triều. Sự phản bội ghê gớm ấy của vợ Quốc Đạt đã đem lại cho mụ cả một hộp ngọc trai quý là phần thưởng công của thái thú Cửu Chân mà sau đấy, tình cờ nhác thấy bầy trong góc nhà, Triệu Thị Trinh đã sinh nghi, vặn hỏi đứa hầu gái và từ đấy, làm vỡ lỡ câu chuyện.

Vừa lúc ấy, tin dữ cũng từ Tư Phố báo về: đô úy Cửu Chân đã ra lệnh động binh, sửa soạn tiến quân về tiểu phạt vùng núi Nưa!

Không thể chần chừ được nữa, Triệu Thị Trinh đem hết sự việc trình với Triệu Quốc Đạt và thúc giục anh phải ra tay hành động ngay. Đau xót vì chuyện vợ con, nhưng không thể tình nhà lên trên phép nước, Triệu Quốc Đạt lầm lì gật đầu cho em trừng trị kẻ phản bội và phát lệnh khởi nghĩa. Rồi ngay sau đó, thôi thúc vì hiệu cồng ầm vang, náo động của em gái, người tù trưởng trầm mặc đó cũng trở nên hoạt bát khác thường, truyền cho nổi cả hiệu lệnh của mình lên.

Lệnh Ông, cồng Bà, từ núi Nưa bay đi khắp ngả. Những âm thanh rộn rã sục sôi suốt đêm ngày. Dân chúng các làng chạ xa gần nghe tin khởi nghĩa đã bùng nổ ở núi Nưa, lập tức ào ào cuốn về theo như sóng cuồn bể cả.

Cuộc tế cờ ra quân dấy nghĩa cử hành ngay dưới bóng núi Nưa thiêng liêng. Thần Nưa xưa đã cứu dân một lần thoát nạn giặc Ngô thì bây giờ, xin cũng linh ứng giúp dân ra quân thắng giặc! Dòng máu tươi cúng cho thần theo đúng cổ lệ, chính là từ xác kẻ phản bội vừa ngã gục dưới thanh gươm hai lưỡi báu vật của giòng họ Bà Triệu.

Nghĩa quân núi Nưa rầm rộ tiến binh chận giặc. Đô úy Cửu Chân không ngờ rằng sức mạnh của nghĩa quân lại ghê gớm đến thế. Những năm trước, theo Lữ Đạt vào tiễu phạt vùng này, hắn luôn luôn chỉ thấy một cảnh tượng: Hoặc là dân chúng cắm đầu chạy dài vào rừng sâu ẩn tránh, hoặc nếu bị bất ngờ thì dành bó tay chịu nạn chém giết đốt phá. Lần này, nhận lệnh của thái thú Cửu Chân phải đi tiễn phạt một đám giặc cỏ do một người con gái ngỗ ngược cầm đầu, lại được báo trước là sẽ có chính ngay chị dâu của "Nữ tặc tướng" làm nội ứng, đô úy Cửu Chân tiến sát rất ung dung.

Đoàn quân Ngô triều đổ vào cửa thung lũng núi Nưa thì bỗng nghe dậy lên những tiếng cồng tiếng lệnh dồn dập. Từ phía trước mặt xộc ra một con voi trắng khổng lồ hệt như một trái núi biết chuyển động. Chót vót trên đầu voi là một nữ tướng xếch ngược cặp mắt, chỉ thẳng thanh đoản kiếm vàng chói trong tay về phía trước. Một nam tướng nữa cũng vùn vụt cưỡi ngựa xông lên. Rồi từ ba bề bốn bên, tiếng reo hò như sấm động: Dân binh các ngả ùn ùn đổ ra, giáo mác, gươm đao, rìu búa vung lên sáng lóa.

Từ trên đầu voi dữ, Triệu Thị Trinh quát lớn, giục con vật vào trận. Vừa thấy con thú kinh khủng huỳnh huỵch xông tới, chiến mã của đô úy Cửu Chân đã bất ngờ chồm dựng, hí lên những tiếng kinh hoàng, rồi ngoắt người phóng chạy. Viên tướng nhà Ngô bị hất tung từ trên mình ngựa xuống đất, chưa kịp nhổm dậy, đã dập nát người dưới một bàn chân voi nặng nề nện xuống. Đám quân sĩ Ngô triều tan vỡ khắp ngả, trở thành những thân chuối, cành khô, để cho những ngọn binh khí căm thù của nghĩa quân đánh gục.

Triệu Thị Trinh ra lệnh nổi cồng thu quân khi thấy cánh quân tiễu phạt của Ngô triều chỉ còn là những đống xác nằm ngổn ngang trên chiến địa. Tiếng cồng vừa bặt giọng ngân thì quân sĩ cũng khiêng Triệu Quốc Đạt từ cửa trận trở về: Một mũi tên bắn lén đã lút ngực người tù trưởng lần đầu xung trận.

- Tiến lên, nhằm thẳng thành Tư Phố, phá nát quân trị giặc Ngô!

Triệu Thị Trinh vừa trèo lên đầu voi, vừa hạ lệnh nổi hiệu cồng xuất quân.

Hàng quân điệp trùng khắp ngả ngước mắt ngưỡng mộ nhìn người nữ chủ tướng, giờ đây đã thay hẳn anh trai, cầm đầu cuộc khởi nghĩa long trời lở đất của dân Cửu Chân.

Con voi trắng một ngà quỳ xuống đón người nữ chủ, rồi chồm dậy, tung vòi rống lên một tiếng lớn đỉnh đạt cất bước. Bóng voi khổng lồ lộ dẫn đầu đoàn quân dài dặc. Phía trước là quận trị Tư Phố của quân Ngô. Trong trận này, nghĩa quân sẽ theo người nữ chủ tướng phá tan thành giặc, trả thù cho tù trưởng Triệu Quốc Đạt, trả thù cho dân nước. Trên bành voi cao, Triệu Thị Trinh xốc lại chiếc áo giáp đồng thau vàng chói đang rung lên bần bật, chiếc trâm vàng lóng lánh ánh nắng trên đầu, và đôi guốc ngà dưới chân, bồn chồn chờ giờ xung trận.

Dân chúng các làng ven đường đổ ra ngóng theo đoàn quân đang trẩy. Chỉ còn người già yếu và trẻ con ở lại trong làng. Tất cả đàn ông, trai tráng đều đã theo quân

lên đường.

Chẳng bao lâu đã có tin vui báo về: Thành Tư Phố bị hạ! Nghĩa quân đang tràn ra các huyện miền ngoài, tiến đánh quận Giao Chỉ...

Đám trẻ nhỏ mải chơi ở bãi đất đầu làng. Những đứa con trai tóc cắt sát da đầu, mình trần, đóng khố. Những đứa con gái tóc xõa chấm vai, cũng cởi trần, mặc những chiếc váy ngắn. Một đứa xòe ngửa bàn tay để cho cả đám, chân mỗi đứa một đầu ngón tay trỏ nhỏ xíu vào đó. Tiếng hát ngộ nghĩnh cất lên:

"Này có này cấu

Này đấu nay thưng

Lưng sào cánh ná

Này là này lao

Nghe cồng Bà rao

Nghe lệnh Ông gióng

Nghe voi rống rống

Chong chóng chạy về...

Tiếng hát đồng dao ngây thơ sôi nổi với lại những ngày vừa mới rồi, khi mọi người mọi ngả rầm rập đi theo Bà Triệu dấy nghĩa. Đoàn quân giờ đã đánh giặc mãi xa tận phía ngoài rồi!" Những người mẹ ngồi trên nhà sàn, ẵm đứa con nhỏ trong lòng, nghe vọng lên tiếng hát, chợt sáng bừng cặp mắt, nghĩ tới những người thân của mình đang theo Bà Triệu chinh chiến nơi xa...

Trên bãi đất trước làng, câu đồng dao đã hát xong và bắt đầu chuyển đoạn. Thằng bé đang xòe ngửa bàn tay bất thần nắm chặt lại, hét lớn:

- *Hẹ, he, chạy này!*

Đám trẻ đua nhau rút nhanh ngón tay, phá ùa ra các ngả, vừa chạy vừa cười sằng sặc, làm những chú nhỏ nằm trong lòng mẹ giật mình, ậm ạch muốn khóc. Người mẹ vội ôm chặt lấy con, vừa âu yếm nựng nịu, vừa a ời ru:

Ru con con ngủ cho lành

Để mẹ gánh nước rửa bành con voi,

Muốn coi lên núi mà coi

Coi Bà Triệu tướng cưỡi voi đánh cồng...

Người mẹ kể lại thật tự nhiên những chuyện mẹ đã dự vào. Chú nhỏ lim dim mắt uống lấy những lời ru hào hùng rồi ngủ thiếp. Chú còn chưa đến tuổi mơ lại những điều mẹ ru về Bà Triệu, nhưng chỉ nay mai, lời ru của mẹ sẽ đưa chúng, đang thoăn thoắt dệt những khổ vải trúc sơ cho thôn làng, nghe tiếng ru thân thuộc, bất giác ngửng đầu nhìn đăm đăm lên ngàn Nưa. Dãy núi sừng sững như muốn nhích gần lại với những tiếng ru hời. Các cô gái lại cúi đầu, đưa tay dệt thoăn thoắt...

Trong lúc đó, ở quân doanh Bồ Điền, Bà Triệu đang cùng các thủ lĩnh nghĩa quân bàn kế đánh chận quân giặc.

Sau khi hạ được quận trị Cửa Chân, nghĩa quân đã thừa thắng đánh rộng ra các nơi. Bắc, Nam, Đông, Tây, nhân đà ấy, ầm ầm nổi lên chống giặc. Quân khởi nghĩa rời đại doanh về Bồ Điền là vì thế: Cho tiện việc điều bát, chỉ huy.

Bồ Điền chẳng phải đâu xa lạ. Chốn quê mẹ mà một lần được về thăm vẫn còn ghi nhớ mãi, cô gái Triệu Thị Trinh giờ đã trưởng thành, giữ ngôi chủ tướng nghĩa quân, mang thanh gươm báu về lại quên ngoại, không còn được gặp ông già họ Lý nữa, nhưng lại nhận được ba người em họ của mình vào quân ngũ. Đó là ba thanh niên dũng tướng: Lý Hoằng, Lý Mỹ con đẻ của ông già Lý, cùng với Lý Thành, con nuôi. Và bây giờ thì họ đang cùng người nữ chủ tướng bàn tính công việc đón đánh cánh quân mới từ bên Ngô Triều kéo sang, do tên đại tướng Lục Dận cầm đầu.

Cuộc họp bàn vừa xong thì cũng vừa có tin báo về: Lục Dận đem đại quân theo đường nhánh sông Mã đang tiến thẳng đến Bồ Điền, nội nhật ngày mai sẽ tới nơi! Lập tức quân lệnh truyền ra: Tất cả tướng sĩ kéo gọn lên phục trên dãy núi sau quân doanh. Dân chúng vùng Bồ Điền làm gấp lương ăn nguội cho quân binh từ trong đêm, đến sáng thì tắt hết bếp lửa, đợi chiều tối mới động bếp, làm đại tiệc mừng thắng trận.

Quân lệnh được răm rắp thi hành. Nghĩa quân ăn cơm nắm và bánh trái, phục trên núi được nửa buổi thì thấy từ xa lốc bụi và tiếng ồn ào trẩy quân cuồn cuộn dồn đến. Quân thù quả đã dùng đường nhánh sông Mã tiến dần vào tử địa.

Lập tức tiếng cồng Bà Triệu gầm lên. Người nữ tướng họ Triệu vụt hiện ra trên đỉnh đá, vẫy kiếm thét lệnh tấn công. Nghĩa quân từ các sườn núi hò reo vang dội, tháo nhanh các bẫy đá, trút vội những kè đất, vần gấp những chồng gỗ, lăn cả xuống chân núi. Một dòng thác đất đá cây cối từ các triều núi cao ầm ầm trôi xuống chôn vùi lũ giặc tham tàn.

Chiều tối hôm ấy, quanh danh Bồ Điền đỏ lửa mừng đại thắng giặc Lục Dận đến tận khuya.

Người nghĩa quân ấy, khư khư ôm chiếc cồng Bà Triệu trong tay, giấu thanh đoản kiếm hai lưỡi ở trong bọc, lần đường từ Bồ Điền về khu làng dưới chân núi Nưa. Bụi đường trường phủ trắng xóa từ đầu đến chân người chiến sĩ, đọng với máu khô thành một vệt đen thắm trên vết thương bị chém sả ở bả vai.

Ngồi xếp bằng trên chiếc nhà sàn đầu làng, người ấy kể:

- Lục Dận là tên tướng giặc quỷ quyệt chưa từng thấy. Giao chiến mãi với Bà Triệu mà vẫn không thắng nổi, hắn xoay sanh kế phủ dụ, mua chuộc, phong cho bà làm Lê Hải Bà Vương, Nhưng Bà Triệu có bao giờ thèm chịu nhận chức tước của giặc!

Lại tiếp tục giao chiến nữa. Giặc Ngô rất hoảng sợ khi phải đương đầu với Bà Triệu. Đêm đêm, những tên lính mỏi mệt chống giáo ở cửa lều trận, than thở với nhau: *"Hoành qua đương hồ dị, đối diện Bà vương nan!"* Nát óc tính toán, cuối cùng

tên tướng Lục Dận phải bày trò ô nhục kế: Biết Bà Triệu là nữ tướng, nó sai quân sĩ nhất loạt trần truồng tới đánh. Trước cảnh tượng ghê tởm đó, Bà Triệu phải nhắm mắt lánh mình lên núi Tùng rồi biến đi mất vì *ái khiết úy ô chứ không vì kém tài quân giặc*. Chính Bà đã truyền phải mang chiếc cồng và thanh đoản kiếm này về núi Nưa cất giấu, để chờ ngày lại đem dùng đánh giặc,...

Nhiều cụ già trong làng sau đây kể tiếp:

- Ba anh em họ Lý thay quyền Bà Triệu cự lại giặc Ngô. Họ còn đánh tiếp hàng chục trận nữa, chiến đấu cho đến khi kiệt sức mới ngã chết trước quân doanh Bồ Điền. Con voi trắng một ngà của Bà Triệu thì sau đấy cứ phủ phục gần núi Tùng, hướng mãi về nơi hóa của Bà Triệu, không chịu ăn uống gì, cho đến khi lả đi. Còn người nghĩa quân được Bà Triệu giao cho sứ mạng đem chiếc cồng và thanh đoản kiếm về núi Nưa, sau đấy cũng rời làng, lên núi, mang theo các báu vật, và không thấy về nữa.

Họ vẫn ở cả trên núi, cùng với ngàn Nưa, gìn giữ mãi ý chí của Bà Triệu...

Mai Thúc Loan

Xa xôi vạn dặm về phương Bắc là kinh thành Trường An của nhà Đường. Giữa hoàng cung thâm nghiêm có tòa Phù Lệ cung ngói vàng ngói bạc ẩn hiện qua những lùm cây quả quý hiếm cùa phương Nam. Những giống thảo mộc kỳ la đối với người Bắc phương nàyï, là do An Nam độ hộ phủ đôn đốc dân phu, lính tráng, đêm ngày lần đường chuyển về. Những người mắc nạn lao dịch chuyên chở ấy, vất vả cực nhọc vì đủ thứ cỏ cây cồng kềnh phải mang theo, ngày đêm hối nhau lê bước trên các ngả đường cái quan hun hút dẫn về kinh đô, vậy mà tòa Phù lệ cung nguy nga vẫn luôn luôn thiếu cây gây đẹp. Bởi giống thảo mộc phương Nam không quen với khí hậu phương Bắc nên thật chóng héo tàn. Cho nên cứ phải không ngớt thay cây.

Ở Trường An, vua Đường có một nàng ái phi, nhan sắc thật là kim sa cá lặn, mà tính tình thì cũng thật nắng mưa nóng lạnh thất thường. Lầu son gác tía mọc san sát ở khắp nơi, nhưng chỉ riêng có tòa Phù lệ cung là được gót sen nàng tìm đến. Bởi chỉ ở đó có thứ cây, đúng hơn là thứ quả mà nàng quý phi của vua Đường hằng khao khát khôn nguôi. Ôi, cái thứ quả xinh xắn như trái trứng gà đỏ rực ấy, lớp cùi mọng nước trắng trong, giòn dai mà mềm mại, thơm tho thanh khiết, chua đấy mà ngọt đấy, thật kỳ lạ! Nhưng nếu người đẹp của vua Đường thường ứa nước miếng mỗi khi nghĩ đến thứ quả tuyệt diệu nọ, thì vua Đường đã cao tuổi, lại chỉ thích thú khi lim dim nhìn ngắm những ngón tay nuột nà lần bóc lớp cùi ngà ngọc, vẫn vơ so sánh khuôn miệng của mỹ nữ và vị ngọt của trái cây kỳ thú kia, chẳng biết thứ nào hơn thứ nào...

Tóm lại, đây là một thứ quả mà những người đang nắm giữ trong tay cả một nước Trung Hoa trung cổ, đã mênh mông đông đúc, lại còn cộng thêm cả những miền đất đai đô hộ trù phú, chạy suốt từ An Bắc, An Đông, An Tây đến An Nam

hằng ước muốn. Và, chính từ nỗi thèm khát thứ quả lạ ấy đã nấy sinh một cái tên gọi rất đỗi hoa mỹ là lệ chi.

Quả "Lệ chi" đó, ai cũng biết là chỉ có ở An Nam. Và ở An Nam thì ngon nhất lại là "Lệ chi" của Hoan Châu, mà người dân ở đấy vẫn chỉ quen gọi nôm na là quả vải.

Từ thuở còn nhỏ, Mai Thúc Loan đã được nghe kể như thế về những quả vải ở quê hương mình. Thứ trái cây dân dã, khiêm tốn và vô tội ấy, ngờ đâu lại trở thành tai vạ cho đất Hoan Châu! Liệt quả vải vào hàng cống phẩm đặc biệt, Phủ đô hộ An Nam đã đặt hẳn một chức Tu quan để chuyên lo việc đốc thúc dân chúng trong miền cung tiến vải quả và vải cây. Một cây vải về được đến Phù Lệ cung ở Trường An là cả trăm cây chết hỏng dọc đường. Một chục quả dâng được tới tay vợ chồng vua Đường là nghìn vạn quả vải rải ra từ châu tới phủ và triều đình đô hộ.

"Sâu quả vải vì ai vạch lá

Ngựa hồng trần kể đã héo hon"

Câu hát thở than vụng trộm của dân làng, Mai Thúc Loan nghe một lần rồi không để lọt đi nữa. Chú bé chỉ còn ngờ ngợ một điều và thì thào hỏi ngay me:

- Tại sao ngựa hồng trần lại phải héo hon, hả mẹ?

Người mẹ trẻ giật mình ôm lấy con trong gian nhà dột nát vắng vẻ ở nơi chân núi ven làng:

- Đấy là ngựa chạy trạm phi đến kiệt sức để kịp chuyến vải tươi về Trường An. Nhưng con đừng nhắc đến chuyện ấy kẻo mất đầu, nghe con!

Người mẹ đẩy con ra, nhìn ngắm hồi lâu rồi lại tần ngần ôm lấy con. Đứa bé vẫn thỉnh thoảng lại hỏi những câu làm người mẹ giật mình:

- Người ở động Bằng Sơn xuống biển tìm mua muối. Họ nói ở trên núi, quan đô hộ định giá một đấu muối ngang một con trâu. Sao bắt người ta mua đắt quá vậy mẹ?

Người mẹ chỉ còn biết sợ hãi ngăn con trai không được nhắc đến những chuyện tầy trời như thế nữa, mà không có cách nào giảng giải cho đứa trẻ thật đã sớm nhận ra nỗi khổ cực của kẻ mất nước là như thế nào. Nhưng rồi bà cũng không tránh nổi một câu hỏi tự nhiên khác, vào một ngày mà cả hai mẹ con hẳn sẽ không bao giờ có thể quên được...

Hôm ấy, người mẹ vào rừng trở về muộn. Khi gánh gánh củi nặng oằn vai về tới nhà thì trời đã chạng vạng. Người mẹ chờ đứa con reo hò vồ vập mừng đón như thường ngày, nhưng chỉ thấy Mai Thúc Loan ngồi lặng lẽ ở bậu cửa, khuôn mặt đen xạm tối sầm trong bóng chiều và quanh mắt còn rõ ngấn nước. Biết có chuyện khác thường mới làm cho đứa bé hiếu động và rắn rỏi phải khổ sở đến thế kia, người mẹ vội vã quẳng gánh ôm lấy con. Nhưng bà chưa kịp cất tiếng hỏi thì đứa bé đã đẩy mẹ ra. Và kỳ lạ hơn nữa là câu hỏi đột ngột:

- Mẹ! Bố con đâu? Tại sao chúng nó chửi con là thằng không cha?

Đến lượt người mẹ rụng rời ngồi xệp xuống cạnh con. Những giọt nước mắt bỗng trào ra trong khi đứa bé chằm chằm nhìn vào cặp mắt bà mẹ chờ câu trả lời. Nhưng người me lại chỉ thấy mù mờ qua làn nước mắt, hiện dần lên một vùng biển xa xôi với những cánh đồng muối chói chang đang ngùn ngụt bốc hơi trước cơn gió *nam cào* của nơi quê cũ, đã từ lâu chìm sâu trong ký ức mẹ...

Miền đồng muối ấy, khi chưa thành ruộng, mới chỉ có một gò đất cao, chính là nơi tổ tiên của mẹ tìm đến cắm đất dựng nhà. Đời này qua đời khác, một làng muối đã dần dần mọc lên, đều do con cháu của người đầu tiên khai phá đất biển trộn vị mặn của mồ hôi người với sức mặn của biển mà dựng nên. Đấy là nơi mà đầu muối làm ra đã bị lũ quan đô hộ cướp lên núi rừng, đổi không lấy bò trâu hàng đàn, trong khi người làm ra muối vẫn trần trụi trước nắng gió ác nghiệt, vật lộn với biển cát kiếm sống.

Cả làng chỉ có một họ, là họ Mai của cụ tổ. Tên làng cũng được gọi nôm na là Gò họ Mai, cho đến khi có kẻ sính thứ chữ lạ lẫm của nhà Đường mà cầu kỳ gọi là Mai Phụ. Và mẹ cũng chỉ qua được một tuổi con gái ngắn ngủi giữa những người cùng họ cùng làng ấy, rồi phải rời bỏ ngay làng quê. Mẹ sẽ mãi mãi chỉ trở về làng được trong giấc mơ buồn: Một chuyện bất hạnh với đời người con gái đã không cho mẹ còn mặt mũi nào ở lại làng được nữa. Mẹ đã một mình, mang hình hài Thúc Loan trong dạ ra đi. Trăm dặm đường dài đã bỏ lại phía sau, chân mẹ mới dừng lại. Mẹ trở thành dân ngụ cư ở làng Ngọc Trừng từ đấy.

Người mẹ trẻ nhẫn nại chịu đựng nhục nhằn vất vả để chờ ngày sinh con ở nơi quê mới. Và một đứa trẻ bụ bẫm, cúng cát, nước da đen như đồng hun ra đời, đã xóa quang nỗi khổ đau của mẹ. Niềm vui của người từ đấy phơi phới lên theo sức lớn nhanh như thổi của đứa con. Mẹ cặm cụi làm để nuôi mình, nuôi con, và chắc sẽ trọn vẹn nỗi vui bình dị, nếu thỉnh thoảng không có những câu hỏi đáng sợ của đứa trẻ sớm khôn. Và nếu không có câu hỏi bất ngờ như chiều nay...

Người mẹ, nước mắt lưng tròng, tránh cái nhìn chờ đợi của đứa con. Và lúng túng lặng im.

Mẹ lấy tên làng mình và họ mình đặt cho Thúc Loan. Chú bé họ Mai phân biệt hẳn với những đứa trẻ cùng tuổi trong làng bởi vóc dáng bậm bạp ẩn tàng một sức khỏe phi thường, bởi sự tinh khôn sáng ý kỳ lạ, và còn bởi màu da đen sạm đặc biệt của chú. Sức khỏe và trí khôn khiến cho chúng bạn Thúc Loan phải nể sợ bao nhiêu, thì màu da đen lại giúp bọn chúng tìm ngay ra chỗ yếu của chú để trả miếng mỗi khi xảy ra xô xát, hơn thua. Và bây giờ thì lại thêm cả chuyện con không cha mà chẳng biết kẻ độc miệng nào đã khơi ra cho lũ trẻ. Chỉ biết từ đấy, Mai Thúc Loan bỗng đổi hẳn tính tình. Chú bé hồn nhiên, tinh nghịch trở nên già dặn trước tuổi. Xa dần các trò chơi vô bổ, Mai Thúc Loan lặng lẽ theo bên mẹ như bóng với hình, làm lụng cất nhắc giúp mẹ đủ việc. Ngày mùa, chú cùng mẹ đi làm mướn, gánh gồng gặt hái cho các nhà hào phú trong làng. Buổi giáp hạt, chú bé theo mẹ vào rừng kiếm củi, chạy chợ. Người mẹ còn bao nhiêu tình cảm đã trút hết vào lòng yêu con, bây giờ lại càng thương con đến xót ruột cháy lòng. Thằng bé đen đủi này của mẹ, ai đổi vàng mười cũng chẳng được.

Vậy mà người mẹ chẳng ở với con được lâu. Tai nạn khủng khiếp xảy ra nhanh như chớp. Giữa buổi kiếm củi trưa hè, Mai Thúc Loan cùng mẹ nghỉ tay lần nắm cơm trong bọc chia nhau ăn rồi chú bé để mẹ ngồi nghỉ ở gốc cây giữa rừng, một mình lần đường xuống suối kiếm nước uống. Đúng lúc ấy, chợt có tiếng mẹ kêu thét và tiếng hổ gầm dữ dội. Giật bắn người, chú bé lập tức xé rừng phóng ngược trở lại như bay. Nhưng không kịp nữa rồi! Trước mắt chú bé là một cảnh tượng thê thảm: Người mẹ đã ngã gục bên vũng mái và một con hổ vằn đang gầm dừ quần đảo cắn xé man rợ. Thét lên một tiếng long óc, Mai Thúc Loan vồ ngay lấy chiếc đòn xóc, lao vào cọp dữ. Một đòn sấm sét bất ngờ nện như trời giáng trúng lưng cọp. Cùng với tiếng hò la, phèng la ầm ĩ của nhiều người, khiến thú dữ đau đớn hoảng hốt, gầm lên một tiếng rồi cuống cuồn bỏ mối, đâm bổ vào rừng sâu. Mai Thúc Loan vội vã vực mẹ dậy, xốc lên vai, hộc tốc chạy một mạch về làng. Nhưng người mẹ ngoắc ngoải đã chết ngay trên lưng con, trước khi về tới nhà.

Khóc mẹ hết nước mắt, Mai Thúc Loan lùi lũi đem xác mẹ đi chôn ở ngay sau nhà. Từ đó, chú bé mồ côi lầm lì sống cuộc đời độc thân, cày thuê ở mướn cho khắp các hộ trong làng làm kế sinh nhai.

Mai Thúc Loan vươn mình đứng dậy, dang rộng cánh tay nâng cả chồng mấy chiếc mâm đồng lớn, bước rảo về phía dãy nhà kho. Khu vườn hoang dùng làm nơi dựng lò đúc đồng của chủ nhà vẫn còn ngổn ngang những khuôn, giá, gáo, nồi, chờ chú bé đi ở thuê quay về thu dọn. Từ ít lâu nay, Mai Thúc Loan đến làm mướn cho một nhà giàu, có lò đúc mâm đồng ở trong làng. Những chiếc mâm đồng cỡ lớn ngót sải tay, nổi tiếng khắp miền, đúc ra ở đây, đã được đem đi đổi chác bán mua tới tận Lâm Ấp ở phía Nam, Chân Lạp ở phía Tây.

Thúc Loan tất bật vất vả và phục dịch cả một hiệp thợ đúc mà vẫn thấy hào hứng. Cái nghề đúc đồng đầy bí ẩn, với hàng trăm loại công việc kỳ thú, có sức hấp dẫn lớn đối với chú bé đang tuổi lớn khôn. Và những bác thợ tài hoa, vui tính, thấy chú bé háo hức với nghề thì cũng không đến nỗi quá khắt khe, nghiệt ngã trong việc đối xử. Từ chân sai vặt. Thúc Loan đã dần dần học được những bí quyết nhập môn của nghề đúc đồng mà sản phẩm kết thúc một mẻ đúc thành công hiện đang nằm trong tay người thợ học việc để chuyển vào dãy nhà kho kia.

Mai Thúc Loang thoăn thoắt bước dọc theo vách tường sau khu nhà ngang của tòa dinh cơ đồ sộ. Một giọng sang sảng giảng sách từ trong nhà vọng ra, khiến bước chân chú bé làm thuê cứ chậm dần rồi dừng hẳn lại. Đội chồng mâm nặng lên đầu, Mai Thúc Loan lặng lẽ đứng nấp ở đầu hồi nhà, lắng nghe. Lại thêm những chuyện cổ kim trong sách vở lạ lùng và thú vị mà chú bé nhà nghèo thích mê đi, nhưng không được quyền học hỏi. Chỉ còn cách, như đã nhiều phen rồi, lặng lẽ lần đến sau nhà giảng, nghe trộm. Và trí óc thông sáng của Thúc Loan đã nhanh chóng thấm lấy không sót một điều nào học hỏi được của thầy.

Mai Thúc Loan đội chồng mâm đồng, ngây người lắng nghe tiếng giảng sách cho đến khi có tiếng bác thợ cả quát gọi ở ngoài vườn. Thì ra chú bé mải học đã quên mất cả việc tới kho. Và lúc ấy mới chợt nhận ra cả đỉnh đầu và gót chân mình đều đã tê dại mời rời.

Đàn voi thồ của lái buôn Chân Lạp từ Văn Đan đến Hoan Châu cất hàng ghé qua làng đúc đồng mua mâm. Khách buôn chọn hàng rất kỹ, và sau khi mua xong, cứ lắc đầu hoài vì chủ nhà không còn chiếc mâm nào có đúc nổi một bông hoa lạ kèm với một chữ Mai bay bướm mà họ rất chuộng nữa.

Khách hàng tiếc rẻ ra đi rồi, chủ nhà khi ấy mới ngây người nhớ đến Mai Thúc Loan. Quả là có một lần, giữa chồng mâm đúc đem bán, chủ nhà thấy có một chiếc mâm như khách xa vừa mô tả. Ấy là do Mai Thúc Loan, không hiểu sao, đã dám tiện tay vẽ ngay chữ đầu họ mình cùng với bông hoa trùng tên vào lòng khuôn trước khi đổ đồng. Chiếc mâm đúc xong, vàng chóe, lồ lộ nguyên hình những đường vân lạ mà chủ nhà vừa chợt nhận ra, đã nổi ngay cơn lôi đình, bắt lỗi chú bé đi ở thuê và lập tức đuổi đi mặc những lời can ngăn của cả hiệp thợ đúc, lúc này đã coi Thúc Loan như bè bạn trong nghề.

Nhưng chủ nhà biết rằng bây giờ dù có muốn tìm Mai Thúc Loan trở về thì cũng không được nữa. Chú bé đã nhập bọn với một phường săn ở trong miền. Và nghề làm ăn mới này, với những thử thách sôi động, căng thẳng, đã tron vẹn cuốn hút chú thiếu niên đang thừa ứ sức khỏe và tinh nhanh để sắp trở thành một chàng trai tráng kiệt.

Theo phường săn ngang dọc, luồn lách hết cánh rừng này sang cánh rừng khóc, Mai Thúc Loan đã rất nhanh chóng nắm được những miếng nghề bí hiểm. Trải nhiều phen đương đầu với đủ loại thú rừng, vấp phải những mánh khóe tinh ranh, quỷ quyệt và cả sức mạnh khủng khiếp, dữ dội của chúng, Mai Thúc Loan cũng biết được rất nhanh các cách chế ngự khắp bầy lũ, bằng ngay trí lực, nghị lược và sức lực của con người. Còn phường săn thì từ chỗ kinh ngạc về khả năng kỳ lạ ấy, đã dần đà tỏ ý kiêng nể con người nhỏ tuổi đáng gờm đó.

Duy có một điều vẫn còn làm các bạn phường ngạc nhiên, ấy là việc chú thiếu niên dường như có máu khắc kỵ quá đỗi với chúa rừng. Nghe tin ở đâu có cọp về hay chỉ vừa lần ra được dấu cọp, là lập tức Thúc Loan không còn thể nào rời ra được nữa. Bất kể ngày đêm, mưa nắng, người thợ săn trẻ, tuổi ấy nghiêm chặt hàm răng, mắt long sòng sọc, lầm lũi sục sạo, bám riết chúa sơn lâm. Nhiều lần tai họa hiểm nghèo đã xảy ra: Thú dữ bất ngờ vồ chụp hoặc cùng đường, giương nanh vuốt xông đến cắn xé, và có lần, trước khi bị hạ sát, một con cọp vằn khổng lồ còn cào nát cả một bên vai người thợ săn nhỏ tuổi. Nhưng bao giờ cũng thế, Mai Thúc Loan chỉ quay trở về khi đã tự tay giết tươi chúa rừng!

Trong phường săn, duy có hai anh em họ Nguyễn làm trùm phường là biết được nguyên ủy mối thù ghê gớm của Mai Thúc Loan đối với cọp dự.

Tiếng trống đồng rung lên dồn dập. Hội vật đang ở vào thời điểm gay go nhất. Ông độ già của làng, mấy năm liền giữ giải, ở kỳ hội làng năm nay cũng mới chỉ gặp toàn những đối thủ vào loại học trò, đàn em. Xem chừng giải thưởng của làng tấm vải quý bằng tơ chuối trong suốt, mỏng manh như cánh ve sầu, may áo mặc mùa hè thì không gì bằng lại về tay người cũ mất thôi dân chúng dự hội, ai cũng nghĩ vậy. Và ông đô, ngồi xếp chân bằng tròn, ung dung nhai trầu chờ người phá giải, cũng

nghĩ như vậy. Nhưng giữa lúc ông già đầu làng, thân đứng ra cầm trịch cuộc đấu, sắp đánh trống hạ giải thì bỗng thấy từ rừng xa chạy về một bóng người trần trụi, rẽ vạt đám đông nhảy vào sới vật: Mai Thúc Loan!

Dân làng ồ cả lên một lượt. Chàng thanh niên đen trùi trũi, lực lưỡng như con trâu mộng, đứng sừng sững giữa bãi tựa trời trồng. Ông đô già không dám coi thường địch thủ nữa, vờn múa thăm dò xung quanh, vặn tay giậm chân, gân cốt nổi lên cuồn cuộn. Cả đám hội nín thở theo dõi keo vật hiếm có. Trống đồng thúc liên hồi. Mai Thúc Loan đã mấy lần phá các miếng đánh hóc hiểm của ông đô già. Và cặp mắt thợ săn của chàng trai đảo lộn tìm chỗ sơ hở của tay vật lão luyện. Đây rồi! Nhanh như chớp, Mai Thúc Loan lăn xả vào đối thủ, nhân một thế đứng xảy chân của ông đô mà vận người nghiêng vai, dùng sức mạnh toàn thân, vật đô lão vô địch.

Tiếng hò reo vang như sấm động cùng với tiếng trống đồng đổ dồn. Mai Thúc Loan cúi người đỡ ông già đậy. Chàng trai thắng cuộc sải chân vươn người đi nhận giải. Nhưng mọi người đều nhạc nhiên và thán phục thấy Mai Thúc Loan quay lại, trao tấm vải quý cho ông đô già. Và nở nụ cười hiền lành, chàng trai xoa bộ ngực nở nang của mình mà nói rằng sức trẻ chẳng cần đến thứ áo vải tơ làm gì.

Ngay trong hôm mở hội vật ấy, Mai Thúc Loan được mọi người cử ra làm chức đầu phu của làng.

Chàng trai nghèo tốt bụng, tài trí, sức lực, vượt qua một tuổi thơ đầy sóng gió, giờ đây bắt đầu ra cáng đáng việc làng.

Công việc không đơn giản. Đất Hoàn Châu địa đầu này luôn năm bị giặc Chà Và, Côn Lôn cướp phá. Người Chân Lạp và Lâm Ấp cũng qua lại mua bán rầm rập. Và đè nặng trên tất cả là lũ quan quân đô hộ nhà Đường. Chiếm đất cướp ruộng đã là việc thường, mà tô thuế lại càng tham bạo. Còn nạn cống nạp thì không còn hạn độ gì nữa.

Mùa cống vải đã đến. Quan binh, lính tráng nhà Đường rầm rập kép đến các làng chạ, tha hồ làm tình làm tội dân lành. Thôi thì đủ các ngón ăn sống nuốt tươi, kén chọn lọc lừa, hoạnh học bắt bẻ. Xóm thôn xáo xác náo động cả lên vì những tiếng quát tháo chửi rủa và thở than kêu khóc.

Chức đầu phu làng Ngọc Trừng là Mai Thúc Loan được lệnh phải dẫn một đoàn tráng đinh gánh những gánh vải mà bọn đô hộ đã lựa tuyển xong trong các vườn làng để mang đi nộp quan. Nhìn cảnh ngang ngược bạo tàn của giặc Đường và niềm khổ cực của dân lành, một nỗi đau uất bỗng nẩy lên dữ dội trong lòng chàng trai, hệt như nỗi đau chứng kiến cảnh cọp dữ cắn xé mẹ ngày nào. Bậm môi nghiến răng trong khi lòng đã giận sôi sùng sục, Mai Thúc Loan đi cùng đoàn dân phu giữa đường cái quan mà như thấy mình đang băng người giữa gai góc của rừng rậm, lúc sắp vào cuộc quần đảo với thú dữ thuở còn đi theo phường săn của anh em họ Nguyễn. Nhưng con thú đang cắn xé xứ sở và dân làng bây giờ, Mai Thúc Loan còn chưa biết hết được sức nó để mà lượng sức mình. Cho nên còn phải chịu để nó dắt theo vài vòng nữa, như ở trên sới vật, phải bám theo địch thủ để dò miếng của nó trong *thế bá tay tư*...

Mùa vải năm Nhâm Tuất đến với cái nóng chưa từng thấy. Và cũng chưa từng thấy mùa vải nào tốt đến như thế. Các vường vải Hoan Châu đỏ ối những chùm quả lúc lỉu. Nhưng lũ quan quân nhà Đường càng hể hả chiếm vải bao nhiêu thì những người dân mất vải càng căm uất bấy nhiều.

Đoàn dân phu gánh vải nộp lên Châu Trị do chức đầu phu Mai Thúc Loan dẫn đi, năm nay phải tha những gánh quả oằn vai. Mặt trời mùa hạ rang cháy con đường cái quan lầm bụi. Đoàn người gánh vải tưới mồ hôi trên đường mà đi.

Gần trưa, một chiếc quán hoang bên đường, Mai Thúc Loan cho mọi người ghé chân nghỉ lại. Dồn những gánh vải vào chật một bên quán, những người dân phu chen chúc nhau tìm chỗ đứng ngồi, và vừa quạt thốc tháo, vừa hổn hển. Bấy giờ cái khát cháy cổ mới dội lên mà nhìn quanh quất, chẳng tìm ra một khe nước nhỏ nào. Một người phu đã có tuổi, chợt trông thấy ló ra qua mắt nan đan sọt một quả vải đỏ hồng. Liếm cặp môi khô, người đó đảo mắt nhìn quanh rồi thò tay bứt vội lấy trái cây mọng nước, thủ vào bọc. Lần tay bóc nhanh quả vải, người phu vừa toan đưa vào miệng thì chát, một sống mã tấu đã giáng ngay vào cánh tay. Quả vải quăng ra giữa quán và người phu nhăn nhó ôm lấy vết thương. Một tên lính Đường đi áp tải đã tách khỏi bọn, nhón chân đến rình sau lưng người phu khốn khổ. Và bây giờ thì lăm lăm cây mã tấu chỉ vào mặt người phu, nó ngoạc mồm chửi mắng om sòm.

Những đứa đồng bọn của tên lính Đường chứng kiến cảnh ấy, vừa ngửa cổ tu nước trong các bình vò mang theo, vừa phá ra cười sằng sặc. Thấy trò ác độc của mình được tán thưởng, tên giặc cầm mã tấu càng hăng hái làm già. Mắm môi mắm lợi, nó lại giơ sống dao, toan đánh tiếp đòn nữa vào người phu. Nhưng cây dao chưa kịp hạ xuống thì một cánh tay cứng như sắt đã vung tới, gạt rung, và tiếp ngay đó là một trái đấm như búa bổ nện thẳng vào mặt kẻ hung đồ. Ngã bất ngửa về phía sau, cây mã tấu văng ra một phía, máu mồm máu mũi đỏ ròng ròng, tên lính Đường rống lên như lợn bị cắt tiết.

Sự việc xảy ra nhanh như chớp. Mai Thúc Loan không nén nhịn nỗi nữa, đã phải ra tay. Trợn ngược cặp mắt trên khuôn mặt xạm đen dữ dội, chàng trai trừng trừng nhìn bọn lính Đường đang hò hét vung đao kiếm xô tới. Nhưng những người dân phu cũng đã lập tức đứng về phía thủ lĩnh của mình. Rút nhanh những chiếc đòn càn làm vũ khí xung trận, tất cả đều hè nhau cùng Mai Thúc Loan xông vào đám giặc. Cuộc loạn đả ác liệt kết thúc, thật chóng vánh: Lũ lính Đường vỡ đầu toạc trán, nằm ngổn ngang trong quán, giữa đường chỉ còn mấy tên sống sót cắm đầu chạy thục mạng.

Ngày còn đi kiếm củi với mẹ cũng như khi đi theo phường săn của anh em họ Nguyễn, Mai Thúc Loan đã nhiền lần tìm đến thung lũng Rú Đụn cách làng chỉ bốn dặm đường rừng. Một trái núi cao lớn, vuông vức như một đụn thóc khổng lồ, từ trong dãy núi Đại Hoạch chạy ra, đột khởi hùng vĩ giữa một vùng núi rừng trùng điệp, giấu trong lòng nó một thung lũng rộng hàng chục mẫu đất. Dòng sông Cương ở phía Bắc, sông Lam ở phía Nam, bao bọc quanh núi như một con hào thiên tạo lợi hại. Quả là một nơi dụng võ không đâu sánh bằng Mai Thúc Loan đã từng đứng ngây người trên núi, nhìn sang khe Bò Đái từ ngọn Cô Sơn bên kia bờ sông Làm rót

nước ầm ầm xuống vực mà nghĩ ngợi tính toán như vậy.

Bây giờ thì chàng trai lại đứng yên lặng trên Rú Đụn, nhưng không phải chỉ để mở một thế trận tưởng tượng giữa một vùng hoang sơ như ngày nào, mà là để xem xét lại công sức của mình và những người đi theo mình đã đổ ra ở đây từ ít lâu nay:

Ẩn mình dưới thung lũng một dãy kho đụn đã dựng xong. Đấy là nơi chất chứa quân lương từ khắp miền gần xa gửi về. Áp chân núi, những cột khói xám cuồn cuộn vào khe đá, vòm cây: Các lò đúc vũ khí của nghĩa quân đang nổi lửa. Và xa xa, phía ngoài cửa thung, những mái đồn trại mọc lên như bát úp: Những người đã thề quyên sinh tử vì nghĩa lớn cùng Mai Thúc Loan đang tụ hội ở đó.

Chẳng mấy ai ngờ được tình thế lại xoay chuyển nhanh đến như vậy. Đánh tan được lũ quan quân cướp vải của giặc Đường trong một cơn phẫn nộ bất ngờ Mai Thúc Loan lập tức thổi bùng khí thế của vụ bạo động thành một cuộc dấy nghĩa. Đem ngay một gánh vải tiến cống chia cho cả đoàn dân phu làm việc khao quân, rồi đó, dẫn nhóm người khởi nghĩa trở về làng, trả lại số của đã mất cho xóm thôn, Mai Thúc Loan đã được khắp làng trọng vọng như một anh hùng. Cuộc đổi đời được quyết định từ đấy. Và lập tức ùn ùn dồn tới tay vị thủ lĩnh trẻ tuổi cả một loạt công việc trọng đại: Phải cấp tốc tìm nơi thủ hiểm đề phòng quân Đường kéo đến trả thù, phải mau chiêu mộ lực lượng để đối phó với giặc, phải tích trữ lương thảo, rèn đúc vũ khí để tính kế lâu dài...

Mai Thúc Loan xắn tay áo nhận lĩnh trách nhiệm dân trao, và nhớ ngay đến Rú Đụn vào lúc ấy. Đã sẵn đội nghĩa binh thân cận là những người trong đoàn dân phu vừa theo mình đánh giặc trận đầu, Mai Thúc Loan lập tức tính thêm đến một lực lượng đã dày dạn nắng mưa hiểm nghèo là phường thợ săn của anh em họ Nguyễn ở trong miền. Một lời mời gọi tham gia việc nghĩa đã khiến tụ hội ngay về cả trăm con người tài trí này dưới cờ của Mai Thúc Loan. Rồi đó, hiệp thợ đúc đã từng là chỗ quen thuộc từ ngày nào, cũng trở thành ngay lực lượng tạo rèn giáo mác gươm đao cho nghĩa quân của *ông tướng Đen* như danh xưng thân thuộc đã bắt đầu được truyền tụng trong miền. Và Ông tướng Đen đã kéo ngay tất cả lực lượng mới nhóm họp của mình đi xây dựng Rú Đụn thành một căn cứ lợi hại theo điều đã mơ ước từ xưa của mình. Để rồi từ đấy tấp nập đón nhận thêm đủ các hạng người ứng nghĩa dồn dập gần xa tìm về.

Lực lượng vừa đủ mạnh, viên tướng trẻ đã sớm tỏ cho mọi người thấy tài ba và chí lớn của mình. Không để cho giặc kịp rảnh tay đối với phó, Mai Thúc Loan quyết định ra quân trước, đánh thẳng vào châu trị, mở địa bàn Hoan Châu cho cuộc khởi nghĩa nhân dân!

San phẳng tòa châu trị, đánh đuổi bọn quan quân đô hộ Hoan Châu ôm đầu chạy biệt, tiếng tăm Mai Thúc Loan nổi dậy như sóng cồn. Tờ hịch của Mai Thúc Loan kể tội giặc Đường và kêu gọi người Việt đứng dậy lấy lại non sông, truyền đi bốn phương, làm dấy lên một cơn bão táp khởi nghĩa thật dữ dội. Tin tức thắng giặc từ khắp nơi bay về Rú Đụn. Lương thực, tiền của cùng với nghĩa quyên tứ xứ kéo đến như nước chảy.

Căn cứ Hùng Sơn không đủ chứa đựng những lực lượng ngày càng hùng hậu như thế nữa, trong khi từ hai dặm xa xa, ngọn Vệ Sơn um tùm rậm rạp bên một khúc sông Lam sâu hiểm lại làm nảy ra trong đầu óc vị chủ tướng nghĩa quân ngày ngày vẫn lên Rú Đụn ngắm xem địa thế quanh miền những ý định mới. Cân nhắc hồi lâu, Mai Thúc Loan quyết định chọn Vệ Sơn để lập thêm một đại doanh nữa. Ông tướng Đen thân đứng ra chỉ huy việc cắm đất, xây phủ điện, dựng tầu voi, đắp chiến lũy ở Vê Sơn với quy mô của một kinh thành có sức trường cửu đến muôn đời.

Thành Vạn An đã xây dựng xong. Người, của, từ thiên hạ tiếp tục dồn về. Nhưng Mai Thúc Loan vẫn bận lòng tính toán đến một lực lượng đủ để làm nên việc lớn nhất: Quét sạch giặc Đường ra khỏi bờ cõi. Bộ óc của vị thủ lĩnh nghĩa quân bấy nay vẫn nghĩ đến các nước Chân Lạp, Lâm Ấp láng giềng. Cùng là anh em bầu bạn trên một dải đất chung, Hoàn Châu từ lâu vẫn đón tiếp Chân Lạp, Lâm Ấp trong việc đổi trao, mua bán, tại sao lại không thể tiếp nhận luôn sức mạnh của nhau trong việc nghĩa lớn: Chống kẻ thù chung?

Từ Hoan Châu, hai phái bộ lập tức được phải đi hai ngả: Vượt đèo Ngang về Nam và qua Vụ Ôn sang Tây, tìm đến quốc đô Lâm ấp và Chân Lạp, trao như kết nghĩa của Ông tướng Đen cho quốc vương các nước láng giềng, chẳng có gì ngăn cách những người thân thuộc giúp nhau vì đại nghĩa: đi cùng với các phái bộ trở về Hoan Châu là sứ giả của Lâm Ấp và Chấn Lạp. Các nước láng giềng sẵn sàng cùng Mai Thúc Loan liên kết chống giặc Đường.

Sau lễ hoan tiếp các sứ giả Lâm Ấp và Chân Lạp ít lâu thì thấy một cụ già khoác chiếc áo thung xanh của đạo sĩ, chống gậy nhập vào đoàn người viễn phương tìm đến gặp Mai Thúc Loan, chàng trai trẻ lúc này đang choàng lên người tấm chiến bào võ tướng, khuôn mặt càng đen sạm vì nắng gió, chống gươm cùng tả hữu bàn việc xuất quân tiến đánh Phủ đô hộ ở ngài Giao Châu. Ông già đạo sĩ làm lễ bái yết viên tướng trẻ, đoạn vuốt bộ râu dài bạc trắng như cước, gật gù nhìn ngắm Mai Thúc Loan hồi lâu rồi thủng thẳng buông một câu nói chữ:

- *Địa dự thiên lý dĩ túc vương giã!*

Câu nói kỳ lạ ấy lập tức truyền lan ngay trong hàng ngũ tướng sĩ bạt ngàn trùng điệp của Ông tướng Đen. Tiếng bàn tán nổi lên khắp ngả: Mảnh đất nghìn dặm đã đủ để làm vua huống hồ đất ta vạn dặm rộng dài, tại sao không tôn phù chủ trương lên ngôi hoàng đế cho sáng rõ chủ quyền của người Việt trên Đất Việt?

Tiếng reo hò hưởng ứng nối nhau vang dội khắp đất trời.

Ông vua Đen của chúng ta! Vua Đen họ Mai của chúng ta! Mai Hắc Đế của chúng ta!

Những tiếng gọi thân yêu ấy vọng lên khắp đất Hoan Châu vào lúc người anh hùng trẻ tuổi của nhân dân đã từ Hoan Châu đưa đại quân ra Bắc tấn công phủ đô hộ, quyết đánh trốc tận rễ nền thống trị của nhà Đường trên đất Việt.

Chẳng bao lâu đã có tin vui thắng trận tuyền về: Mai Hắc Đế chiếm được phủ thành Tống Bình. đuổi tên trùm đô hộ Quang Sở Khách chạy tháo về nước, lấy lại cả

giang sơn của người Việt về cho người Việt!

Niền hân hoan tuôn tràn tới tận các hang cùng ngõ hẻm. Đền thờ sống Mai Hắc Đế được dựng lên ở khắp nơi, khói hương nghi ngút. Và cá cụ già ngồi bên bếp lửa, lim dim mắt ôn lại chuyện cũ:

Nhớ khi nội thuộc Đường triều

Giang sơn cố quốc nhiều điều ghê gai"...

Câu chuyện vợ chồng vua Đường với tòa Phù lê cung và quả lệ chi kỳ ảo, nỗi khổ cống vải quả, vải cây, cùng với lũ quan quân đô hộ nhà Đường nhân đấy cũng được các cụ già kể cho con cháu nghe như một kỷ niệm buồn đã chìm vào quá khứ. Để cho sảng khoái cất lên lời thơ ca ngợi anh hùng trẻ tuổi của nhân dân, ai cũng ngân vang:

"Hùng cứ Châu Hoan đất một vùng

Vạn An thành lũy khói hương xông

Bốn phương Mai Đế lừng uy đức

Trăm trận Lý Đường phục võ công

Lam thủy trăng in tăm ngạc lặn

Hùng sơn gió lặng khói lang không..."

Người người nghe thơ, làm thơ và trông ngóng một mùa vải mới. Trải bao đời rồi, bây giờ mới sắp có một mùa vải yên lành của người trồng cây gây quả. Thắng giặc rồi ta sẽ còn gây những mùa quả ngọt ngon cho muôn đời. Lời thơ lại cất lên:

"Đường đi cống vải từ đây dứt

Dân nước đời đời hưởng phúc chung".

Phùng Hưng

Tiếng xôn xao của gia nhân từ ngoài xa vọng vào gian đại sánh đang còn tranh tối tranh sáng, đúng lúc Phùng Hưng bắt đầu uống tuần trà qua lộ buổi sớm. Thứ chè Giao Châu này rất được người hào trưởng đất Đường Lâm ưa thích, bởi cái vị đắng chát rất gắt của nó vậy mà khiến được người lắm công nhiều việc cứ mỗi ngụm trà lại thấy thêm sáng óc tĩnh tâm. Mà điều bận lòng của người hào trưởng bây giờ thì quả là nhiều vô kể. Phùng Hưng còn đang gỡ mãi chưa xong mối lo thuế má phải nộp cho Phủ đô hộ bởi cái lệnh kỳ quái của vua nhà Đường vừa bắt chuyển tất cả số thu tô, điệu, hộ của đất này thành tơ sợi để đưa về kinh đô Trường An cho triều đình Bắc phương tiện dụng, thì lại mới nhận tiếp được lệnh phải nộp thêm cống phẩm bằng đặc sản trong miền là thứ tơ tằm tám lứa! Bọn thống trị ngoại bang muốn gì mà lại cứ lấy mãi chuyện tằm tơ để làm khổ dân đất tơ tằm này?

Nỗi phiền muộn mà Phùng Hưng những mong lấy chén trà sớm làm khuây, bây

giờ lại bị những xôn xao khuấy động. Người hào trưởng Đường Lâm vừa đặt chén trà, trừng mắt nhìn ra cửa thì đã thấy mấy kẻ gia nhân cùng hất tấp chạy vào:

- Thưa quan Lang, đêm qua chúa rừng lại về cõng mất con hươu sao ở ngoài trại hươu rồi!

Cơn giận của người hào trưởng Đường Lâm lập tức bùng ra. Con nghiệt súc này thật đã quá đỗi lộng hành, chẳng khác gì lũ giặc đô hộ! Mấy hôm trước, tin cọp dữ từ rừng về làng bắt lợn, giết trâu đã đến tai Phùng Hưng. Nhưng chưa tính được chuyện đối phó thì nó đã lần đến tận cơ ngơi của viên quan lang mà thách thức! Suýt làm đổ khay trà, Phùng Hưng chồm dậy, bước vội ra ngoài, đi như chạy đến khu trại hươu.

Đàn hươu nuôi lấy lộc, nép cả vào nhau bên hàng rào cao ở chân đồi, mở to những cặp mắt hiền lành còn nguyên vẻ khiếp sợ, nhìn người chủ của chúng đang vượt con dốc sau nhà, xăm xăm bước tới. Khu đất nuôi hươu này do chính tay quang lang Phùng Hạp Khanh cha của Phùng Hưng gầy dựng nên, truyền đến đời người chủ hiện nay của đất Đường Lâm thì đã trở thành một trại hươu bề thế, cùng với các trại gấu, trại khỉ, trại rắn, trại rùa... Làm nên vẻ thịnh vượng và tiếng tăm cho đất Đường Lâm.

Hào trưởng Đường Lâm chau mày cắn môi nhìn vạt rào đổ gãy và những vết chận cọp to như chiếc bát hằn sâu trên mặt đất. Con thú rừng này ắt phải lớn kinh khủng! Phùng Hưng nhướn dõi theo những giọt máu thẫm màu vương dài theo dấu cọp. Đột nhiên, khoát tay cho lũ gia nhân ngơ ngác dừng lại, Phùng Hưng nghiến răng trèo trẹo, khom người lần theo con đường cướp mồi mang đi của chúa rừng. Những vết chân cọp và từng giọt máu hươu cứ thế dẫn hào trưởng Đường Lâm ngoằn ngoèo lượn theo những vạt đồi tranh mênh mông hoang dại, lên cao xuống thấp, rồi mất hút vào dãy rừng đại ngàn phía Tây.

Lầm lũi trở về gian đại sảnh giữa làng, cả ngày hôm ấy, Phùng Hưng có dáng đăm chiêu suy nghĩ. Còn đang canh cánh việc tác yêu tác quái của lẽ quan quân đô hộ nhà Đường thì lại thêm nạn cọp dữ! Nhưng không thể để yên cho chúa rừng hoành hành được! Mà biết đâu, trừ được nạn cọp lại chẳng phải là điềm trừ được nạn giặc? Phùng Hưng loay hoay xoay tấm lưng rộng bè như cánh phản trên chiếc kỷ. Con đường mòn dẫn cọp rừng về làng với những dấu chân tròn to như chiếc bát và những giọt máu thẫm màu cứ ám ảnh mãi trong đầu. Chấm tay vào khay nước, vô tình, Phùng Hưng ngoằn ngoèo đưa ngón tay vẽ đi vẽ lại vệt đường từ rừng về trại thú, cho đến khi chợt ngước lên nhìn ra vườn, thấy đập vào mắt mình hình một thằng bù nhìn rơm đang lắc lư đuổi chim bên luống đỗ. Sáng bừng cặp mắt, Phùng Hưng chấm vội ngón tay vào chỗ ngoặt của con đường mòn vòng quanh một tảng đá gốc, mọc xù xì giữa vạt đồi tranh, vẽ trên mặt kỷ. Thế là, chiều hôm ấy, gia nhân được lệnh bện gấp một thằng bù nhìn rơm ro bằng người thật, đem vào cửa rừng, đặt ngay cạnh tảng đá ở khúc đường ngoặt ấy. Và một mặt, rào lấp thật kỹ các trại thú cùng các chuồng gia súc trong làng.

Đêm hôm ấy, cả vùng Đường Lâm đều nghe tiếng hổ gầm dữ dội ở cửa rừng. Và đến sáng ngày, khi Phùng Hưng dẫn gia nhân vượt mấy con dốc xa, ra đến chỗ ngoặt

của lối đường mòn, thì đã thấy bù nhìn bị cắn xé tan tành. Rơm ra tung tóe một vùng cùng với những dấu chân cọp quần đảo. Chúa rừng quen đường về trại hươu, thấy bóng người ở giữa lối, đã chồm lên vồ xé thật dữ dội rồi chuồn mất!

Thoáng một vẻ đắc ý, Phùng Hưng hạ lệnh cho gia nhân làm tiếp một thằng bù nhìn rơm nữa, đặt đúng vào chỗ cũ. Thế là đêm ấy và cả mấy đêm sau nữa, bù nhìn rơm đều bị hổ dữ xé nát. Cho đến một sáng, gia nhân chạy vào báo tin: Cọp dữ không chạm đến bù nhìn nữa, và quanh trại hươu thì thấy đầy dấu cọp lượn vòng rình mò, nhưng may sao, chưa mất thêm con hươu nào! Phùng Hưng lại thoáng một vẻ đắc ý, truyền cho bện thêm một chiếc chùy giả, đặt vào tay thằng bù nhìn, rồi hồi hộp chờ. Đêm ấy, chúa rừng lại về quần thảo quanh trại hươu mà bù nhìn rơm cầm chùy vẫn nguyên vẹn! Cọp dữ đã rất háu đói, quên đứt mất hình người vẫn đứng vô hại trên lối mòn dẫn đến chỗ những con mồi ngon lành, mấy hôm liền đã khiếp nhược đến đờ đẫn trước tai vạ khủng khiếp đêm đêm vẫn đến lượn quanh hàng rào...

Chiều hôm đó, bầy gia nhân kinh ngạc thấy người hào trưởng Đường Lâm lặng lẽ lấy ra chùy đồng khổng lồ của cha mình, từ mấy chục năm nay vẫn cất kỹ trong rương. Đấy là cây chùy đã cùng Phùng Hạp Khanh đi theo Mai Hắc Đế dấy nghĩa năm Khai Nguyên. Người hào trưởng Đường Lâm làm lễ cúng tổ tiên, khấn vái anh linh cha mình rất lâu. Đám gia nhân càng kinh ngạc hơn nữa, khi thấy sau đấy, vào lúc trời chạng vạng, Phùng Hưng mình trần trùng trục, vớt bùn ao trát kín người, rồi vươn mình, xách cây chùy nặng, xua mọi người trở về, lẳng lặng đi thẳng về phía ngàn Tây.

Đã biết tiếng vị quan lang nghiêm nghị nên không một ai dám ngăn hỏi. Nhưng ai cũng biết là Phùng Hưng một mình đi đánh cọp. Rất nhanh, tin tức bay ngay đi khắp trong miền. Và đêm ấy, cả vùng Đường Lâm không ai dám chợp mắt.

Tất cả những trái tìm đều bỗng giật thót lên khi nghe một tiếng gầm khiếp đảm của chúa rừng từ xa vọng về. Sau đấy là một lúc yên lặng như tờ. Rồi tiếng hổ lại rống lên dữ dội.

Thế là, không ai bảo ai, từ những gian nhà rải rác khắp làng, tiếng hú hét ầm ĩ nối nhau truyền đi. Rồi những bó đuốc bật sáng rùng rùng túa ra đầu làng. Người Đường Lâm, vừa hò la, vừa đốt lửa, kéo nhau rầm rập chạy đến chỗ có tiếng hổ gầm.

Ánh đuốc lửa đỏ bập bùng dừng cả lại, soi mờ tỏ một vạt cỏ gianh nát như bên con đường mòn dẫn từ rừng về làng. Chúa Sơn lâm, soải chân nằm quị ở đấy, lù lù như một con bò mộng đã hết thở. Và trên tảng đá xù xì, Phùng Hưng trần trùng trục, chống cây chùy khổng lồ, ngồi yên lặng như tượng đồng.

- Bố cái ơi, May mắn quá chừng!

Những tiếng kêu thảng thốt bật lên. Dân chúng đã hiểu rõ chuyện! Người hào trưởng của họ vừa tự tay giết chết cọp dữ bằng cách dầm bùn cho nhạt hết hơi người, đứng thay vào chỗ con bù nhìn rơm mà chúa rừng đã quen coi thường, bất ngờ đón đường đi qua của cọp dữ để giáng cho nó những quả chùy sấm sét! Những tiếng reo hò mừng rỡ dậy cả một vùng bãi vắng trong đêm khuya. Lập tức, Phùng

Hưng được mọi người rầm rộ rước về làng, cùng với thân xác cồng kềnh của chúa rừng đã bị hạ thủ.

Tin vui từ đấy đồn xa mãi. Người khắp nơi không ngớt kéo tới xem thây chúa rừng và trầm trồ chúc tụng người anh hùng đánh cọp. Cho đến hôm có một người khách mảnh mai nhỏ nhắn, khăn áo còn phủ đầy bụi đường trường, mệt mỏi mà vẫn lanh lợi, từ ngoài ngõ bước thoăn thoắt vào sảnh đường.

- Đỗ Anh Hàn tiên sinh! Phùng Hưng vừa nhận ra khách đã hồ hởi reo to Lâu nay tiên sinh ngao du tận những đâu mà hình bóng vắng bặt trong làng?

- Xin chúc mừng, quan lang vừa trừ được cọp dữ Đỗ Anh Hàn vui vẻ đáp lời Phùng Hưng và ghé tai hạ giáng tiếp ngay Tôi có tin mới ở Phủ đô hộ mang về cho quan lang đây!

Phùng Hưng đổi nét mặt, nắm tay Đỗ Anh Hàn, kéo đến bên bàn trà. Và cuộc chuyện trò kín đáo diễn ra ngay giữa những chén qua lộ đắng chát.

- Núi sông chìm đắm, tôi đã đi đủ miền đất nước mà đâu đâu cũng thấy tiếng than vãn vì nỗi giặc lấn lướt Đỗ Anh Hàn theo cặp mắt tinh nhanh, trầm giọng mở đầu cây chuyện Lũ quan quân đô hộ càng già tay vơ vét, càng khiến lòng người căm giận. Mà bề ngoài thì giặc có vẻ hùng hổ như thế nhưng bên trong lòng dạ cũng đã thấy run. Kinh lược sứ Trương Bá Nghi đang ráo riết vét gỗ bắt phu xây đắp lại tòa phủ thành Tống Bình. Việc thổ mộc xem ra quy mô rất lớn, nên việc nhiễu dân cũng vô kể. Chẳng phải đấy là dấu hiệu lo sợ bị đánh úp đó sao?

Người hào trưởng Đường Lâm yên lặng lắng nghe lời kể thầm thì của Đỗ Anh Hàn và nhận ra ngay cái ý sâu kín của con người nổi tiếng trí lươ trong miền. Đỗ Anh Hàn muốn nhắc nhở, thúc giục ta! Chí hướng của ta hẳn là người đã rõ. Bấy lâu nay theo ý cha ta, ra sức gầy dựng miền đất này, nén chịu sự thúc bách của bọn đô hộ, ta đâu có lúc nào nhãng việc tìm lựa thời cơ... Phải chăng thời cơ bây giờ đã đến? "

Thấy Phùng Hưng nín lặng nhưng cặp mắt thì đảo lộn, long lanh, Đỗ Anh Hàn sôi nổi tiếp ngay:

- Nghe tin quan lang khổ công tìm ra kế lạ để tự tay giết được cọp dữ, trừ hại cho dân, đâu đâu cũng lấy làm khâm phục. Tôi đi khắp chốn đều thấy dấu hiệu lòng người hướng về quan lang mà trông đợi. Người ta ai cũng muốn quan lang làm sao trừ luôn được nốt cho dân cái nạn cọp dữ mặt người đang tàn hại sinh linh đất nước kia!

"Thật là khéo lời! Mà cũng hiểu đúng ý ta muốn lấy việc tự tay giết cọp để gây thêm thanh thế" Phùng Hưng nhìn Đỗ Anh Hàn, xúc động nghĩ nhanh "Con người này xứng tài quân sư một khi ta xướng lên việc nghĩa!"

Và để thay lời đáp, Phùng Hưng tin cẩn đặt bàn tay to bè của mình lên bàn tay thon nhỏ của Đỗ Anh Hàn, nắm chặt.

Từng đoàn người chạy loạn bế bồng dắt díu nhau từ các làng Giao Châu chạy lên Phong Châu, ghé qua hoặc xin trú chân lại ở Đường Lâm. Những vẻ mặt đã u ám, võ

vàng vì lo thuế, lo ăn, bây giờ lại nhớn nhác, xác xớn vì nỗi sợ giặc biển. Các cụ già run tay hơ trên ngọn lửa củi rừng, đảo mắt nhìn quanh rồi mới dám nói đến những cái tên kinh hoàng: Giặc Chà Và, Côn Luân!

Giống người khác lạ này đây ở mãi xa ngoài biển khơi. Da đen như đồng hun, tóc quăn như râu ngô, chúng ùn ùn cưỡi những chiếc thuyền buồm khổng lồ ập vào đất liền như những cơn bão lốc. Bọn quan quân đô hộ nhà Đường ngày thường hùng hổ bao nhiêu, thì bây giờ lại khiếp nhược bấy nhiêu. Quân nào tướng ấy, hấp tấp hãi hùng rúc cả vào trong các thành lũy cố thủ, để mặc cho dân chúng các làng đồng bằng, ven biển rơi vào cảnh tai ương chết chóc. Tang tóc long ra trên các làng Giao Châu, mà rồi phủ thành Tống Binh cũng không tránh khỏi bị vây hãm. Quân Chà Và, Côn Luân tập hợp đội ngũ, tiến đánh Tóng Bình dữ dội đến mức Kinh lược sứ Trương Bá nghi phải cuống cuồng viết thư cầu cứu Hiệu úy châu Vũ Định Cao Chính Bình mau mau đem quân về tiếp viện. Từ mạn trên, có tin Cao Chính Bình sắp đưa quân Đường về đánh quân Chà Và, Côn Luân ở đồng bằng Giao Châu. Tai họa chém giết giữa các bọn giặc cướp còn chưa biết đâu mà lường hết được!

Vừa nghe tin náo loạn ấy, hào trưởng Đường Lâm đã vội cho vời ngay Đỗ Anh Hàn. Thì cũng vừa đúng lúc con người đa mưu túc trí ấy đang trên đường tìm đến tòa sảnh đường của Phùng Hưng.

Trên vách sảnh đường, bộ da vằn vèo của chúa rừng bị hạ bữa trước căng rộng bốn chân, chúc đầu xuống đất. Đỗ Anh Hàn lẳng lặng nhìn ngắm con thú hồi lâu rồi nhếch mép cười với Phùng Hưng:

- Lũ cọp dữ mặt người bây giờ cũng đang có cái thế chui đầu vướng chân như thế này rồi đấy. Không nhân lúc này mà khởi sự thì còn chờ lúc nào nữa?

- Quân sư nói rất hợp ý ta!

Lần đầu tiên, Phùng Hưng xưng hô với Đỗ Anh Hàn theo cách ấy. Và họ Đỗ hiểu rằng đó là một lời chính thức tặng phong cho mình. Cảm kích, Đỗ Anh Hàn vòng tay nói với Phùng Hưng:

- Dấy nghĩa không thể không có quân đội. Gia nhân và trai tráng trong làng, xin hãy cho họp lại làm cái vốn đầu tiên. Sau đấy, việc chiêu một quân sĩ sẽ trong vào việc huy động dân binh trong các làng chạ quanh miền. Muốn thế, phải trước hết có người đứng đầu quân ngũ. Xin quan lang từ nay nhận cho chức Đô quân.

Lá cờ nghĩa lập tức đước kéo trên tòa sảnh đường. Tung bay cùng bóng cờ là những âm vang của chiếc trống đồng khổng lồ báu vật truyền đời của dòng họ Phùng ở Đường Lâm mà sau cuộc ứng nghĩa không thành của Phùng Hạo Khanh, đã phải bí mật đem chôn giấu để tránh giặc đến cướp. Chính báu vật ấy, bây giờ lại vừa được Đô quân Phùng Hưng cho lệnh đào lên, để nổi lại những hồi trống dấy binh hào hùng của cha ông. Đám gia nhân đông đúc của hào trưởng Đường Lâm bấy lâu nay đã được lệnh của vị quan lang tài trí, bí mật luyện rèn võ nghệ, bây giờ nhanh chóng tập hợp thành đội ngũ. Làng Đường Lâm, cũng như trăm ngàn làng chạ người Việt khác, từ cổ vẫn có lực lượng dân binh kén lựa trong số tráng đinh của làng. Quan quân nhà Đường, từng coi việc ấy như cái gai trước mắt, rắp tâm nhổ đi cho

bằng được. Nhưng, không thể bỏ cổ lệ lấy cớ giữ mình để chống cự trộm cướp, các làng xã vẫn cứ tìm mọi cách duy trì lực lượng dân binh của mình. Và bây giờ thì những tay gậy gộc cung nỏ ấy, thấy nổi lên hiệu cờ và tiếng trống của người Đô quân mà họ vẫn hằng ngưỡng mộ, lập tức tụ hội về Đường Lâm như mây trời trước bão lớn.

Khắp các triều đồi ven Đường Lâm, sóng người rừng binh khí nhấp nhô, cuồn cuộn. Tiếng hò reo từng đợt từng đợt rộ lên, như muốn nâng bổng cả vòm trời đầy mây chì đang là là sà thấp trên đồi gò, đồng bãi. Đi khắp một lượt quận ngũ đủ miền, nhìn tận mắt bắt tận tay những chiến binh tinh nhuệ, sục sôi, trung dũng, Phùng Hưng bừng bừng hào khí, giật phăng tấm áo khoác rộng, vươn tầm thân đồ sộ, bước lên nền đất đắp cao giữa các hàng quân đang trải kín xung quanh.

Tiếng reo hò cùng tiếng trống chiêng lại dậy lên đến vỡ trời, như thể bù lại cho chuỗi ngày phải sống ngậm miệng nín hơi vừa qua. Những người tụ nghĩ dưới cờ Đô quân Phùng Hưng hôm nay đều biết rằng khắp miền gần xa làng chạ, cha mẹ, vợ con họ lúc này đều trông ngóng cả về đây. Có còn thuế má cống nạp nữa không, có còn sách nhiễu nạt nộ nữa không, có còn đói rét lo âu lo âu nữa không bây giờ là do cuộc dấy nghĩa này định đoạt. Chỉ vừa mấy hôm trước, tất cả vẫn đang còn là cảnh triền miên chìm đắm và hồi hộp đợi chờ. Vậy mà giờ đây, cơ man nào là người và vũ khí tụ hội lại, đã dấy lên cả một sức mạnh dời non lấp biển mà xưa kia ai ai cũng chỉ dám thầm mơ ước. Càng thêm tin phục biết bao ở người Đô quân tài trí đã khiến cho mơ ước của nhân dân thành được sự thực, bây giờ đang sừng sững đúng cao giữa biển người kia!

Biển người cứ thế mà hò reo cho đến khi giọng nói sang sảng như chuông đồng của Phùng Hưng cất lên. Nhưng những âm thanh sôi động chỉ lắng xuống để lại trào dâng. Bởi vì từ cửa miệng vị hào trưởng Đường Lâm mà bao người trông đợi, lệnh dấy nghĩa chống giặc đã ban ra. Tiếp đấy, đội ngũ tiền hậu tả hữu cũng được chia phân rành rọt, phép tắc động tĩnh tiến lui cũng được định rõ. Và sau cùng, những chóe rượu khao quân cũng đã được phân phát đến từng hàng đội, để nghĩa binh và Đô quân cùng nhau ăn thề: Một lòng chung sức đánh giặc đến cùng mà giữ đất, cứu dân!

Đám nghĩa quân vòng trong vòng ngoài chen lấn nhau mà tròn mắt nhìn, nhịn cả thở. Giữ vòng người, một chàng trai vạm vỡ thấp lùn, bắt thịt nổi lên cuồn cuộn, đang khom người giữ để sục hai cánh tay gân guốc xuống chân một tảng đá mọc trồi lên trên mặt đồi như một chiếc thạch bàn lì lợm, cục mịch. Tảng đá từ từ lay chuyển rồi đột nhiên, sau một tiếng thét lớn của chàng trai, vụt bốc lên khỏi mặt đất. Vòng người xô nhau chạy dạt cả về phía sau, khi thấy chàng trai lực sĩ đỏ bừng khắp mặt mày, mình mẩy, nâng cao tảng đá trên đầu, huỳnh huỵch bước thẳng về phía trước. Lại một tiếng thét váng trời nữa. Tảng đá khổng lồ từ cánh tay lực sĩ bay xuống sườn đồi rồi ầm ầm lăn tuột xuống vực. Chàng trai hể hả huýnh tay, ngẩng mặt, lắc lư bước trở về chỗ đám đông đang nhảy cả lên mà lo hét, reo hò.

Phùng Hưng từ nãy cũng nín thở hồi hộp theo dõi cử động của chàng trai, bây giờ vừa cười lớn, vừa bước rồi, vỗ mạnh vào tảng vai lực sĩ của người vác đá:

- Giỏi lắm! Em ta mới lớn mà đã sớm có sức khỏe tuyệt trần, xứng đáng từ nay được sử dụng cặp chùy gia bảo của dòng họ Phùng ta!

Khuôn mặt trẻ măng, giống Phùng Hưng như tạc, rạng rỡ trước lời khen của người chủ tướng nghĩa quân và cũng là của người anh lớn trong nhà Phùng Hải vừa toan nói lời cảm tạ thì bỗng nín bặt, đổi sắc, chỉ tay về phía ngọn đồi xa ở phía Nam. Một làn khói đen đang quằn quại từ đấy bốc lên cao dần. Và từ đấy chiếu thẳng ra xa nữa, lại thêm một cột khói mờ mờ cũng đã bay lên tự bao gờ rồi. Có giặc! Hiệu khói từ các trạm viễn tiêu báo về cùng một lúc với hiệu trống cấp báo giật giọng nổi lên ở chòi canh trước quân doanh Đường Lâm.

Vào ngay cuộc họp bàn kế sách chống giặc giữa quân doanh, Phùng Hưng trầm ngâm lắng nghe giọng nói rành rẽ của Đỗ Anh Hàn:

- Cao Chính Bình là một thằng giặc cáo già. Công đầu đánh giặc Chà Và, Côn luân năm trước là của hắn. Chẳng thế mà hoàng đế nhà Đường đã phong ngay cho hắm chức kinh lược sứ đô hộ đất này thay Trương Bá Nghi. Tên kinh lược sứ này thừa biết Đô quân đã nhân lúc hắn bận tay đối phó với Chà Và, Côn Luân để mà nổi dậy. Nhưng từ bấy nay, đã biết tin ra dấy nghĩa ở đây, mà lại đợi tới giờ mới đem quân đánh, rõ là tên này có bản lĩnh thận trọng. Hắn muốn nghe ngóng, sửa soạn quân mã cho chu đáo...

- Quân sư chớ có quá khen tướng giặc Giọng nói oang oang nóng nảy của Phùng Hải chợt cắt ngang lời bàn của Đỗ Anh Hàn Tôi tuy bất tài cũng xin mang chùy đem quân ra phá giặc ngay trước trận để Đỗ tiên sinh coi! Liệu sức vóc nó có bằng được tảng đá ở ngoài đồi kia không?

- Em ta không được ăn nói bộp chộp Bàn tay to nặng của Phùng Hưng lần này nghiêm nghị đè lên vai Phùng Hải Đánh giặc không phải như vác đá. Đỗ quân sư nói phải đó! Tên cáo già Cao Chính Bình lần này thân dẫn quân tới đây, tất đã có ý dùng hùng binh để trừ quân ta. Nhưng ta cũng đã có cách không cho nó đắc ý lộng hành...

Kế sách đánh giặc của Phùng Hưng được hoạch định liền ngay đấy. Trong khi ấy, Cao Chính Bình vẫn điềm nhiên xuống lệnh cho cánh quân từ Tống Bình đi đánh Đường Lâm của hắn chỉnh tề độ ngũ, trống dong cờ mở, dàn hàng tràn thẳng tới quân doanh của Phùng Hưng.

Đột nhiên, từ hàng tiền quân có tin báo về cho tên quan Đô hộ: đường vào Đường Lâm đã bị tắc. Kinh ngạc, Cao Chính Bình vội truyền phái thám mã đi xem hư thực, thì lát sau cũng lại được báo tin đúng là không thấy lối tiến binh nữa. Bởi vì con đường lớn xuyên qua dải rừng già bạt ngàn vây quanh Đường Lâm, bỗng nhiên bị cây cối đổ ngã, rong rào ngổn ngang, lấp kín mất ngả đi ngay từ chổ cửa rừng. Cao Chính Bình bực bội hạ lệnh dừng quân, rồi sai lùng tìm ngay trong các làng mạc xung quanh, kiếm người hướng đạo. Nhưng tên Kinh lược sứ lại chỉ nhận được tin báo: Khắp các làng chạ trong miền đều vắng ngắt cư dân và đều đã vít chặt các ngõ vào!

Giận dữ điên người, tên Kinh lược sứ gian ác lập tức xuống lệnh đốt sách các cứ

điểm chống đối ấy để bắt dân ra hàng. Nhưng trả lời Cao Chính Bình, chỉ có tiếng lửa réo ù ù và tiếng nổ đùng đùng của tre nứa bị đốt, hệt như trăm ngàn tiếng thét mắng phẫn nộ, mà tuyệt nhiên không có lấy một người dân ào ra mặt. Tên quan đô hộ trầm ngâm ngẫm nghỉ một lúc rồi bỗng phá lên cười sằng sặc: Quân man hoảng sợ trước sức mạnh của lính Phủ đã bỏ chạy hết vào rừng ở cùng cầm thú! Vậy hãy mau tản quân vào rừng, tìm lấy đường mà tiến, bắt về cho kỳ được kẻ hào trưởng cầm đầu bọn man là Phùng Hưng!

Tên tướng giặc cáo già không còn cách nào khác, đành thi thố phép ấy, nhưng trong bụng vẫn cảm thấy nóng như lửa đốt bởi cái thế đánh kỳ lạ bắt buộc phải theo này.

Quả nhiên, tai vạ ập đến ngay với Cao Chính Bình đúng vào lúc cả đạo quân của hắn đã theo lệnh, tản mác giữa rừng già Đường Lâm như đầu muốn bỏ vào hồ nước. Cao Chính Bình chỉ còn kịp nghe được từ mãi xa vọng lại một hồi trống đồng lạ tai. Liền đó là những tiếng than khóc như ri của đám quân tướng nhà Đường từ dãy rừng đại ngàn dội ra. Đám tàn quân của Phủ Đô hộ tháo chạy ngược về, kêu la bịnh đánh ở khắp nơi trong rừng Đường Lâm: Trúng tên, trúng lao, bị đâm, bị chém và bị cả một viên tướng trẻ vạm vỡ sử dụng hai quả chùy dữ dội như tướng nhà trời, đập giáng những đòn tan thây nát mạng...

Kinh lược sức Cao Chính Bình kêu trời mà rút quân trở về Tống Bình.

Quân doanh Đường Lâm hôm nay nhộn nhịp khác thường. Đủ các hiệu cờ, sắc phục và vũ khí, cùng các giọng nói của các toán quân chen chúc nhau vào ra, đi lại. Đấy là các đoàn thân binh theo hộ vệ các tướng lĩnh của họ từ mãi xa trên miền núi phía Bắc, miền đồi phía Đông, miền rừng phía Tây, theo lệnh của Đô quân Phùng Hưng, cùng tụ hội ở Đường Lâm để một lần quyết định việc lớn. Đấy là những tên tuổi mà lâu nay, hễ cứ nghe nhắc đến là bọn quan quân đô hộ nhà Đường lại nhớn nhác mất ăn mất ngủ: Sa bà tướng quân A Gia, Đầu mục phụ tá Bồ Phá Cần, rồi thì những Triệu An, Lăng Bình, Đỗ Nhưng, Triệu Cử, Hà Toại, Lục Thành, Lưu Kiều, Thành Yển...

Tòa sánh đường cũ của Phùng Hưng bây giờ đã sửa lại thành một hổ trướng lớn. Chính giữa, vẫn văn vẻ tấm da cọp dữ khổng lồ do chính tay người hào trưởng. Đường Lâm hạ thủ năm xưa. Ngồi tựa lưng vào chiếc kỷ kệ sát tấm da chúa rừng, Phùng Hưng đưa mắt nhìn một lượt khắp các hàng thủ lĩnh đã tề tựu đông đủ trong trướng hổ. Vị chủ tướng nghĩa quân giờ đã trở thành một lão tướng bạc trắng mái đầu, nhưng thời gian và lo toan vất vả vẫn không làm thay đổi được tấm thân cường tráng và dáng vẻ lẫm liệt của người hào trưởng năm xưa.

Thấm thoát vậy mà đã hơn hai chục năm trôi qua, kể từ buổi đầu dấy nghĩa đời Đường Đại Lịch, đến giờ đã sang đời Đường Trinh Nguyên. Niên hiệu nhà nhà Đường thì vẫn còn đấy, bởi ta chưa lật đổ được ách đô hộ của nó. Nhưng khắp một miền rộng lớn của đất nước này; từ Tây sang Đông trở ngược lên Bắc, quân Đường đã phải chịu mất với dân ta Giành lại và giữ vững những làng chạ quê hương khắp chốn xa gần ấy, có phần công lao của những con người ngồi đây. Có người lúc mới ra quân, mái tóc còn xanh, giờ thì đã điểm sương. Nhưng lại cũng có người mười

năm trước, tuổi còn thơ trẻ, mà bây giờ đã đường đường là một tay tuấn kiệt. Và cả ba cô gái đang thì tươi trẻ ngồi ở hàng ghế cuối cùng kia nữa, mới theo các bậc chú bác bước vào hàng trận cự giặc mà đã nổi danh nữ tướng tài ba...

Phùng Hưng lại thấy trong người bừng bừng hào khí như ngày nào mới gặp gỡ các đạo dân binh đầu tiên theo mình dấy nghĩa. Nhưng vừa đưa tay giật bỏ tấm áo khoác, vị lão Đô quân đã kìm mình lại, lấy giọng thử đắn đo, cân nhắc:

- Đã hơn hai chục năm trời, chúng ta hùng cứ khắp miền này, cự lại phủ Đô hộ. Trận mạc trải qua cũng đã nhiều, nhưng mãi đến giờ, chúng ta với quân Đường vẫn chưa phân hẳn lẽ thắng bại. Cho nên hơn thua dứt khoát một trận lớn với giặc phen này, chính là điều mà hôm nay ta muốn bàn xem đã nên chưa...

Các thủ lĩnh nghĩa quân đều nhổm người, đưa mắt nhìn nhau. Ai cũng muốn nói ngay, nhưng người nào cũng muốn chờ nghe quân sư Đỗ Anh Hàn nói trước.

- Cao Chính Bình ngày càng tham tàn bạo ngược. Dân ở Giao Châu không ai không khổ vì hắn Đỗ Anh Hàn vẫn quen bắt đầu bàn việc bằng câu nói về địch tình và lòng dân như ngày trước Lòng người bây giờ khắp nơi đều hướng về Đô quân mà chờ, ngóng đợi...

Sa bà tướng quân A Gia đứng phắt ngay dậy:

- "Giặc Đường đang lúc bên trong thì kêu rông, bên ngoài thì ngông cuồng, trói buộc vơ vét dân ta, bên trên thì lỗi đạo trời, bên dưới thì mất lòng dân, Không hiểu sao chủ tướng còn chần chờ nghi ngại, cứ thủ hiểm mãi ở chốn núi rừng này, để mặc cho bọn hung bạo như con bọ ngựa giơ chân ngáng trên đường cái mà không tiến binh hỏi tội ngay? Tôi đây tuy kém tài cũng dám xin đem quân kéo thẳng đến phủ thành, lấy đầu Cao Chính Bình về trình dưới trướng!".

A Gia vốn là người nóng nảy chẳng khác gì Phùng Hải ngày trước. Lại thêm đầu mục Bồ Phá Cần cũng là người không kém sôi nổi:

- Xin chủ tướng lập tức cho ra quân đi thôi!

Khẽ mỉm cười trước tình hình ấy, Đỗ Anh Hàn điềm đạm nhìn Phùng Hưng, rành rẽ nói:

- Việc ra quân sống mái với Cao Chính Bình như vậy là chư tướng đều đã quyết. Chỉ xin Đô quân nghĩ đến cách đánh sao cho thắng thù. Thượng sách là chia quân làm nhiều đạo, vây hãm và tấn công Phủ thành đủ các mặt, khiến cho giặc không thể trở tay ứng cứu được cho nhau.

Phùng Hưng vui vẻ đứng dậy:

- Ý ta cũng chính là như thế! Bây giờ các tướng hãy nghe ta sắp đặt công việc: Đô bảo Phùng Hải sẽ dẫn quân đi đánh phía Bắc phủ thành. Phùng Dĩnh đánh ở phía Nam. Phía Đông phủ thành là Bồ Phá Cần, Phía tây xin nhờ Đỗ Anh Hàn. Còn ta sẽ thân thống lĩnh Trung quân!

Việc lớn đã quyết định chóng vánh. Có lẽ ngoài Đỗ Anh Hàn thì không một ai biết được rằng Phùng Hưng đã phải xiết bao lao tâm khổ tứ vì trận ra quân quyết

chiến lần này. Vận mạng trăm họ, thành bại của đại cục mấy chục năm trời và của cả một đời chinh chiến nữa, đều trông cả vào đây. Thành ra, trong khi các thủ lĩnh ồ ạt kéo ra khỏi trướng hổ để đến thắng bữa tiệc khao quân, thì chỉ có Đỗ Anh Hàn nán lại cùng Phùng Hưng ra sau.

Chính lúc ấy, đầu mục Bồ Phá Cần vừa tách khỏi các tướng lĩnh nghĩa quân, đi lượn nghiêng người một vòng quanh chiếc đỉnh đồng khổng lồ đặt sừng sững ngoài hổ trướng, và trước những cặp mắt kinh ngạc của mọi người, cởi phăng ngay tấm áo chẽn. Đưa mắt nhìn nhanh Phùng Hải lúc ấy cũng mở ta mắt đứng sững. Bồ Phá Cần lẳng lặng xuống tấn, túm chặt lấy chân đỉnh, vận gân cốt, nín hơi, từ từ nhấc bổng chiếc đỉnh, giơ thẳng lên cao. Các tướng lĩnh nghĩa quân ồ cả lên một lượt, trong khi Bồ Phá Cần điềm nhiên, thong thả cử khối nặng nghìn cân ấy đi một vòng rộng trước sân rồi lại trở về, từ từ đặt nguyên chiếc đỉnh vào chỗ cũ.

Bấy giờ, chống tay vào đỉnh đồng, Bồ Phá Cần mới hướng về phía Phùng Hải, thủng thẳng nói:

- Nghe đồn Đô bảo có tài vác đá nghìn cân! Vậy xin hầu một keo vật thử sức trước khi ra quân được chăng?

Các tướng lĩnh nghĩa quân lại ồ cả lên một lượt nữa, đầy thích thú, khi thấy Phùng hải mặt mày dần dần đỏ lựng, vừa trường trừng nhìn Bồ Phá Cần, vừa từ từ đưa tay cởi áo. Nhưng đúng lúc ấy thì Phùng Hưng từ nãy vẫn đứng ở cửa trướng hổ nhìn ra vội vã bước tới. Một tay giữ lại tấm áo trên vai Phùng Hải, một tay với lấy chiếc áo chẽn khoác vào người cho Bồ Phá Cần, vị lãnh Đô quân điềm đạm nói:

- Thôi! Tiệc rượu đang chờ... Hãy để sức ấy mà giết giặc!

Lấy đà tay đẩy mọi người đi về phía nhà tiệc, Phùng Hưng mỉm cười sóng bước cùng Đỗ Anh Hàn ở phía sau. Người quân sư tài trí của nghĩa quân lúc ấy mới nói với chủ tướng:

- Đô quân xử thế rất phải. Hai hổ tướng nóng tính như lửa ấy mà chọi nhau, thế nào cũng sinh ra mất hòa khí. Mà đấy lại là việc cấm kỵ trước khi ra quân!

Ra quân! Biết bao mơ ước, lo âu, bồn chồn, thôi thúc để cho có được một lần thỏa dạ như bây giờ! Năm đạo nghĩa quân của Phùng Hưng đã nhổ hết nanh vuốt của Cao Chính Bình trước khi cuồn cuộn tràn đến trước phủ thành Tống Bình. Suốt dọc đường tiến binh, dân chúng Giao Châu nô nức đội nắng mới kéo đi mừng đón nghĩa quân như đi trẩy hội. Những tiếng reo vui ngỡ ngàng lại đậy lên như ngày nào được thấy người anh hùng diệt trừ cọp dữ:

- Bố cái ơi! May mắn quá chừng!

Những người dân được giải thoát khỏi ách giặc cũng nhân đấy mà gia nhập nghĩa quân, không kể xiết. Thành ra, khi các đạo quân tiền, hậu, tả, hữu của Phùng Hưng kéo nhau đến sát chân thành Tống Bình thì tòa phủ thành của Cao Chính Bình lập tức rơi ngay vào cảnh cù lao giữa biển người và binh khí điệp trùng.

Tên Kinh lược sứ nhà Đường càng về già càng tàn bạo, nghe tin cấp báo, hấp tấp trèn lên mặt thành quan sát thế trận. Gấy gay cặt mắt đỏ ngầu, tướng giặc nghiến

răng kèn kẹt, mọi óc tính kế đối với vạ lớn trước mắt. Quả là tình thế rất nguy ngật! Nhưng đôi mắt đã lâu năm chinh chiến của tên Kinh lược sứ cáo già cũng đã nhanh chóng nhận ngay ra một điểm của tình hình: Nghĩa binh tuy đông, nhưng là quân ô hợp! Cao Chính Bình bấu víu lấy điểm ấy để hòng xoay chuyển tình hình.

Suốt mấy ngày liền, tập trung hết quân tình nhuệ có trong phủ thành. Cao Chính Bình lần lượt hạ lệnh mở từng cổng thành, giao chiến với từng cánh nghĩa binh, quyết phá vòng vây. Những trận đánh đẫm máu đã xảy ra quanh cả bốn mặt thành Tống Bình giữa tiếng trống thúc quân reo rầm trời dậy đất.

Trướng hổ của Đô quân Phùng Hưng khi ấy đã dời đến bên một hồ nước lớn gần kề Tống Bình. Những ngày này, con voi chiến khổng lồ, hết sức tinh khôn, chính là người bạn thân thiết nhất của vị chủ tướng nghĩa quân. Voi đã đưa Phùng Hưng đi dự đủ các trận đánh quanh bốn mặt thành Tống Bình nhằm đánh quân ta theo các chi bó đũa ra mà bẻ, Phùng Hưng liền nhân đấy buộc tướng giặc phải giao chiến theo thế sa luân chiến của quân ta. Xoay quanh bốn mặt thành như đèn cù, cuối cùng, vẫn chỉ có một đạo quân Đường lần lượt phải đối địch với bốn cánh quân ta!

Quyết thắng quân Đường trong trân cuối cùng này, Phùng Hưng đã tung hết lực lượng vào các trận giao chiến với Cao Chính Bình và đã kiến được tướng giặc, vì hao binh tổn tướng, phải rút hết quân mã vào thành, đóng chặt bốn cổng mà cố thủ.

Từ đấy là những ngày chỉ huy bao vây dồn ép ngặt nghèo. Nghĩa quân đã được lệnh của Phùng Hưng: Ngày nào cũng phải thúc trống reo hò, làm như sắp sửa tấn công phá thành đến nơi! Hốt hoảng đối phó với quân ta, lính Đừng mất ăn mất ngủ đến rã rời tay chân.

Tướng giặc già Cao Chính Bình càng lồng lộn như hổ dữ mắc bẫy. Cứ mỗi lần nghe những tiếng động xung sát của nghĩa quân Phùng Hưng dội vào thành, tên Kinh lược sứ lại phải hấp tấp bổ lên mặt thành độc chiến đến gần quất người. Cho đến một hôm, vừa tụt xuống chân thành, lảo đảo bước được về đến tư dinh thì tướng giặc bỗng trợn ngược mắt, thổ ra một bãi huyết lớn. Từ giữa sống lưng, một đám nhọt, khi tím bầm, khi đỏ quạch, dần dần tấy lên, khiến cho Cao Chính Bình phải nằm liệt giường, không sao gượng dậy được nữa.

Vào một buổi sớm, những tiếng hò reo huyên náo khác thường của nghĩa quân từ mãi ngoài tuyến trận xa bỗng dậy lên, ngày càng ầm ĩ và chuyển dần về đến tận hổ trướng bên hồ của Phùng Hưng. Vị chủ tướng nghĩa quân đoán biết có chuyện lạ, vừa trèo lên bành voi thì đã thấy quân sư Đỗ Anh Hàn thân dẫn về hổ trướng một viên tùy tướng nhà Đường. Mặt cắt không còn hạt máu, tướng giặc lấp bấp tâu bầy tin tức quân Đường ở Tống Bình: Kinh lược sứ Cao Chính Bình đã chết đêm qua trong tòa phủ thành bị vây hãm.

Tiếng reo hò lập tức vang ầm khắp một vùng ven hồ lớn. Dân chúng ta gần nghe tin quân Đường đã mất phủ thành cũng rùng rùng kéo tới, quây kín xung quanh Phùng Hưng mà nổi tiếng hò reo. Chính giọng nói của Đỗ Anh Hàn giữa lúc ấy, lần đầu tiên bỗng trở nên có sức vang khác thường, vượt lên trên tất cả mọi sự huyên náo:

- Xin rước Đại vương nhập thành!

Trăm ngàn tiếng tung hô lập tức dội lên, nhắc lại:

- Đại vương nhập thành!

- Đại vương vạn tuế!

Bất ngờ, lại thêm một tiếng thét nữa dội lên từ giữa đám dân chúng:

- Bố Cái Đại Vương vạn tuế!

Chính Đỗ Anh Hàn cũng lặng người kinh ngạc trước danh xưng mới mẻ mà tuyệt hay ấy. "Bố Cái Đại Vương"! Phải, vị vua lớn trên bành voi cao kia, hơn hai mươi năm nổi dậy đánh giặc cứu dân, với trận thắng hằng mơ ước quét sạch giặc thù này, hoàn toàn xứng đáng là bậc cha mẹ của dân ta!

Con voi khổng lồ tung vòi rống lên một tiếng lớn, nhấc chân chuyển người bước thẳng về phía thành Tống Bình, cuốn theo ầm ầm, dằng dặc, lớp lớp nhân dân và nghĩa quân. Trên bàn voi cao, Phùng Hưng lại một lần nữa giật phăng tấm áo choàng, hết cúi xuống lại ngẩng lên giữa những đợt sóng tung hô "Bố Cái Đại Vương" cứ thế kéo dài mãi...

Ngô Quyền

Sáu năm thoát khỏi ách đô hộ của bọn thống trị Nam Hán, trên dải đất châu Ái, từ ly sở cho đến các trang ấp xa xôi, cuộc sống đang ngày một đổi mới. Riêng ở đây, trên một vùng đất rộng rãi, bằng phẳng và màu mỡ, các ngôi nhà tươi màu ngói mới, những khu nhà mái lá còn sẫm đua nhau mọc lên ngày một nhiều. Hàng ngày nhân dân các miền xuôi ngược tùy ý đi về vùng lỵ sở trù phú trên bến dưới thuyền đông như phiên chợ. Dưới quyền cai quản của thứ sử họ Ngô, nhân dân châu Ái đang sống những ngày yên vui đầm ấm.

Rồi một đêm, có người hối hả phi ngựa tìm về lỵ sở châu Ái báo tin Kiều Công Tiễn đã giết Dương Đình Nghệ, đoạt chức tiết độ sứ!

Suốt mấy ngày đêm liền, trong tư thất của thứ sử họ Ngô, cây đèn dầu hàng chục tim vẫn bốc cháy trước bàn thờ Dương Đình Nghệ. Trong khi đó, tin dữ từ thủ phủ của châu truyền đi khắp vùng xa xôi. Cuộc sống như gấp khúc lại. Người ta lo lắng cho vận mệnh đất nước, đời sống các trang ấp rồi sẽ ra sao? Người ta chờ đợi, và đoán chắc rằng quan thứ sử tin yêu của mình nhất định không bao giờ chịu khoanh tay trước việc làm phản phúc của Kiều Công Tiễn.

Quả có thế.

Đã lâu, gần hai mươi năm trước, ngay từ lúc rời quê hương Đường Lâm theo Dương Đình Nghệ tôn thờ thọ Khúc, Ngô Quyền đã bắt đầu thực hiện giấc mơ cao đẹp của tuổi trẻ là sống một cuộc đời hữu ích cho đất nước cho giống nòi. Rồi quân Nam Hán sang xâm lược, Khúc Thừa Mỹ bị bắt, đất nước rơi vào tay giặc. Ngô

Quyền lúc này đã được Đương Đình Nghệ tin yêu, gả con gái cho và trở thành viên tướng tiên phong trong cuộc tấn công vào thành giặc ở Đại La, giết tướng giặc là Trần Bảo, giành lại độc lập cho đất nước. Dương Đình Nghệ giữ chức tiết độ sứ, Ngô Quyền về cai quản chăm sóc nhân dân Châu Ái. Giờ đây cái chí hướng làm ích nước lợi dân của Ngô Quyền cơ hồ bị đe dọa vì việc làm phản phúc của Kiều Công Tiễn. Sớm hay muộn tai họa cũng sẽ ập đến trên non sông đất nước này. Điều đó đã làm cho Ngô Quyền phải lao tâm khổ trí.

Trong tư thất của quan Thứ sử, Dương Thị Như Ngọc khăn tang kín đầu, phục bên bàn thờ bố. Nhìn chồng con qua nước mắt, bèn nói với Ngô Quyền như trách cứ:

- Bao nhiêu năm sống gần Kiều Công Tiễn, ông không biết bụng dạ của hắn hay sao mà để đến nông nỗi này? Bây giờ bố con ông tính sao để giữ yên cho trăm họ, cho cha tôi dù đã qua đời cũng khỏi phải ôm hận.

Sự thực Ngô Quyền biết rõ Kiều Công Tiễn. Đã nhiều lần ông khuyên bố vợ phải dè chừng và Dương Đình Nghệ đã đưa Kiều Công Tiễn về Châu Phong. Không ngờ hắn còn bạo nghịch đến như thế. Ngô Quyền nói với vợ:

- Việc đã rồi, khóc than cũng không làm giảm được đau đớn. Đến tướng giặc Trần Bảo ta cũng không sợ nữa là Kiều Công Tiễn. Bà còn biết lo nghĩ đến điều đó, huống chi ta.

Sau đó Ngô Quyền ra lệnh cho các tùy tướng rèn luyện quân lính, truyền cho đầu mục các trang ấp phải tích lương chuẩn bị đối phó với Kiều Công Tiễn.

Tin dữ này chưa qua, ít lâu sau tin dữ hơn lại đến. Dương Tam Kha con Dương Đình Nghệ đi tuần vùng biển chạy về báo tin Kiều Công Tiễn đang mưu toan rước quân Nam Hán về để chống lại Ngô Quyền.

Chỉ mấy hôm sau, vào một đêm trung tuần tháng chín, sau khi họp bàn với các bộ tướng, Ngô Quyền truyền lệnh động binh.

Trên tần lầu cao chót vót ngoài tiền đồn của ly sở, chiếc trống chầu khổng lồ gần lê hối hả năm tiếng một. Tiếng trống ngũ liên nặng nền âm vang, rung chuyển cả một vùng rộng lớn. Nối theo, chiêng trống của các trang ấp chuyền nhau vang rền, loan báo tin giặc đi khắp vùng châu Ái.

Trao cuốc cày, để chài lưới cho người ở lại, cắp gươm giáo cung tên đường chống giặc giữ nước vốn đã là chuyện quen thuộc bình thường của cả một dân tộc không bao giờ chịu khuất phục. Đáp lại lệnh động binh của Ngô Quyền, đầu mục các thôn trang thu xếp cho trai tráng lên đường. Trên khắp nẻo dẫn về lỵ sở châu Ái, từng đoàn trai trẻ đổ về theo tiếng gọi chống giặc cứu nước.

Dòng sông Mã chảy êm êm giữa hai bời dâu xanh mơn mởn. Đội thủy quân do Nguyễn Tất Tố chỉ huy đang tập trận. Hàng trăm thuyền chiến lướt trên mặt nước, tụ thành từng khóm rồi lại bung ra chia làm hai ngả, thành một vòng vây khép kín. Tiếng hò reo xen lẫn tiếng gõ dịp dồn dập, tiếng nước vỗ đều đều, làm cho khúc sông không còn giữ được về thanh bình của cảnh sông nước hiền hòa về mùa thu

nữa.

Trên đỉnh gò bên bờ sông, Ngô Quyền nhìn đội thuyền chiến đang diễn tập, nói với Xương Ngập đứng bên cạnh:

- Con phải nhắc nhở các trang ấp miền sông biển nộp thêm thuyền chiến. Nước ta đường thủy nhiều, chưa có một đội chiến thuyền hùng mạnh là thiếu hẳn một cánh tay để giữ nước đó.

Nắng hanh vàng chói về chiều đã nhạt dần. Ngô Quyền truyền lệnh gọi Tất Tố trở về.

Từng hồi tù và từ bờ sông rúc lên cao vút, lan trên mặt nước, truyền đi xa. Nguyễn Tất Tố thu quân. Chiếc thuyền chỉ huy rẽ nước cập bến. Nhìn viên tùy tướng có tài sông nước mang khiên giáp đang tiến về phía mình, Ngô Quyền tỏ ý hài lòng, bước đến gần hỏi:

- Đội chiến thuyền của ngươi có thể địch được quân Nam Hán rồi đấy chứ?

Thấy chủ tướng hàng ngày vẫn đặc biệt lưu tâm đến đội thủy quân, hôm nay lại thân ra thị sát buổi luyện quân của mình, Tất Tố cảm thấy tự hào trả lời:

- Thưa, Nam Hán là nước nhỏ, nhưng có một đội quân thủy rất thiện chiến. Tuy vậy, một khi chúng vào đây, các cánh quân thủy bộ của ta khép lại thì lo gì mà không địch nổi.

Ngô Quyền vỗ vào vai Tất Tố:

- Dựa vào chỗ mạnh của chúng, giặc tất theo đường biển tràn vào, vả lại quân Nam Hán sang ta chỉ bằng đường biển là tiện.

Rồi đôi mắt sáng của người chủ tướng soi thẳng vào mặt viên tướng trẻ. Ngô Quyền nói như truyền lệnh:

- Ta sẽ giao cho ngươi chỉ huy đội chiến thuyền. Chúng ta phải đánh tan quân giặc, không cho chúng đặt chân lên đất nước.

Người con trai đất Gia Viên, vốn đã gắn bó với sông nước từ tấm bé, nay tưởng thành lại được giao cho cầm quân cự giặc trên mặt nước, còn gì sung sướng cho bằng. Tất Tố lặng yên, niềm vui sướng hiện rõ trên nét mặt rám nắng của người chỉ huy đội thuyền chiến.

Ngay tối hôm ấy, trong công đường của dinh quan thứ sử, các tướng lĩnh có mặt đông đủ để nghe Ngô Quyền truyền lệnh. Họ là những người từ bốn phương, đã trải qua công cuộc đánh đuổi bọn thống trị Nam Hán năm Tân Mão (931) trong đội quân do Ngô Quyền đích thân điều khiển. Hình ảnh viên tướng tiên phong ngoài ba mươi tuổi, dáng đi khoan thai vững chãi như hổ bước, có sức khỏe thần kỳ, một khi đã cắp giáo ngồi trên lưng ngựa xông vào quân giặc thì như đi vào chỗ không người, đối với họ mãi mãi là hình ảnh đẹp đẽ và vô cùng khâm phục. Đã sáu năm rồi, tuy các nếp nhăn trên trán của chủ tướng có hằn sâu hơn, chòm râu có thô và cứng hơn, búi tó sau vành khăn có nhỏ đi và lốm đốm sợi bạc, nhưng đôi mắt long lanh, giọng nói sang sảng, dứt khoát mà đầy tình nghĩa của chủ tướng chưa thay đổi. Đã sáu năm

gác gươm đao, lo việc cai quản chăm sóc nhân dân, cái chất tướng lĩnh trong con người Ngô Quyền tưởng như đã thay đổi. Đến bây giờ, trước nạn nước, nó lại được tái hiện rõ nét hơn. Trước đây chỉ là viên tướng tiên phong trong đại quân của Dương Đình Nghệ, bây giờ Ngô Quyền đã trở thành người thống lĩnh toàn quân để đương đầu với thù trong giặc ngoài. Và chính bản thân từng mười có mặt ở đây cũng đã trở thành người cầm đầu một đoàn quân. Họ đã lớn lao hơn nhiều, cũng lớn lao như sứ mệnh mà giờ đây nhân dân cả nước đang đặt vào tay họ.

Mọi người chờ lệnh của chủ tướng. Ngô Quyền nói chậm rãi:

- Công Tiễn giết Dương tiết độ sứ, làm chuyện thoán nghịch. Tội của hắn trời đất không dung tha. Ta chưa kịp hỏi đến thì Công Tiễn lại mưu rước giặc Nam Hán về giày xéo lên đất nước, chống lại ta, khoác ách đô hộ lên đầu trăm họ. Cái ách đô hộ hàng ngàn năm ấy, cha ông ta đã phải tốn bao nhiêu xương máu mới hất bỏ đi được. Nền độc lập và tự chủ dân ta mới giành được còn đang trứng nước, nay Công Tiễn lại rước giặc về. Cả dân nước ta ai mà không căm giận. Ta đã giao cho các ngươi luyện quân, tích lương, nay đã đến lúc phải bắt tay vào việc để làm rạng rỡ cho tiền nhân, giữ lấy yên vui đời đời cho con cháu.

Dừng lại một lát, Ngô Quyền nói tiếp:

- Nam Hán là một nước nhỏ; nhân cơ hội suy sụp của nhà Đường, hùng cứ một khoảng đất ở phía đông nam, sớm hay muộn chúng sẽ sang cướp nước ta, mà sẽ tràn bằng đường biển. Không đợi cho chúng vào đất liền liên kết được với Công Tiễn, phải đập nát chúng từ bờ biển. Nếu ở mãi châu Ái này, chúng ta làm sao mà xử sự kịp được.

Hiểu ý của Ngô Quyền, Phạm Bạch Hổ, người cầm đầu đội quân cung nỏ lên tiếng:

- Giặc ở đâu chúng ta đến đấy mà đánh là thượng sách.

Lời bàn của Phạm Bạch Hổ đã làm sáng tỏ ý của Ngô Quyền. Ai nấy đều cho là phải. Xương Ngập, con trai của Ngô Quyền mới mười sáu tuổi cũng có mặt trong buổi gặp mặt, hỏi lại bố:

- Thưa cha, ta đánh xong giặc rồi mới hỏi tội Công Tiễn?

Thấy con trai tuy dũng cảm hăng hái nhưng còn nông cạn, Ngô Quyền trả lời như để nói với mọi người:

- Ta đã nghĩ đến điều đó, sau này sẽ hay.

Trong khi mọi người mải mê bàn bạc thì Dương Thị Như Ngọc đứng nép ngoài cửa chăm chú theo dõi. Không thể dừng được nữa, Như Ngọc đẩy cửa bước vào. Ai nấy đều ngạc nhiên, chỉ có Ngô Quyền vẫn bình thảm mỉm cười nhìn vợ. Như Ngọc nói với mọi người:

- Giặc đến nhà đàn bà phải đánh. Các người biết cầm quân ra trận, tôi lại không biết đem đội nữ binh của tôi đi cự giặc hay sao?

Ngô Quyền khoát tay:

- Bà không lo, chúng tôi sẽ giao châu Ái này lại cho bà và đội nữ binh gìn giữ. Không cho một tên giặc nào bén mảng đến đây và lo việc cung cấp lương thảo cho chu đáo là đội nữ binh của bà đã góp một phần công sức trong việc đánh thắng giặc rồi đấy.

Mọi người cùng cười. Riêng Như Ngọc xem ra vẫn chưa được hài lòng lắm.

Dải đất mênh mông bên phải hạ lưu sông Cái chạy dài giáp với biển đông như một tiền đồn án ngự mặt đông của đất nước. Viền quanh các trại ấp là những cánh đồng phì nhiêu. Phần đất còn lại hầu hết là rừng rú, đầm lầy nước mặn, xứ xở của sú vẹt. Nước thủy triều từ biển Đông luồn qua sông lạch hàng ngày lên xuống đều đều.

Dẫn đại quân thủy bộ từ châu Ái ra đồn trú tại Lương Xâm trong vùng này để xây dựng căn cứ, Ngô Quyền rất hài lòng vì cái địa bàn thuật lợi mà khuất kín ấy. Ngòi lạch chằng chịt nối đất liền với sống biển sẽ là nơi thủy quân tung hoành thuận tiện. Từ đây trong khoảnh khắc có thể đổ quân ra cửa biển và cũng từ đây vươn tay lên Đại La bằng các đường thủy bộ đều dễ dàng. Sau một thời gian xây đắp căn cứ, lực lượng của Ngô Quyền đã tăng lên gấp bội. Đã đến lúc phải ra tay trừng trị Công Tiễn để diệt hẳn mưu toan rước voi giày mồ của hắn.

Trong đại bản doanh của Ngô Quyền ở Lương Xâm, các tướng lĩnh đã tụ tập đông đủ. Phạm Cự Lạng trấn giữ đồn Gia Viên cho biết có bắt được người của Công Tiễn, tra hỏi biết rằng Công Tiễn đã phái người sang Nam Hán cầu cứu. Sự thực thì từ Lương Xâm, Ngô Quyền đã cho người đi dọ thám Đại La và Nam Hán. Động tĩnh của giặc, Ngô Quyền nắm được khá rõ. Giặc đang nhanh chóng sửa soạn chiến thuyền. Phải trở tay cho kịp, không để cho thù trong giặc ngoài hiệp lực lại với nhau được. Ngô Quyền hỏi Tất Tố:

- Ngươi có thể cho một đội chiến thuyền đi Đại La được không?

Tất Tố chưa kịp trả lời thì Phạm Bạch Hổ đã hiến kế:

- Trước hết chúng ta đem quân diệt Công Tiễn, sau đó quay lại đón đánh quân Nam Hán.

Ngô Quyền gật đầu:

- Ta sẽ đến Đại La trước khi giặc Nam Hán vào đây. Với lực lượng của ta hiện nay Công Tiễn không đáng kể.

Ngô Quyền thầm điểm lại lực lượng và ra lệnh:

- Phạm Bạch Hổ sẽ dẫn theo đường bộ, Đào Nhuận điều chiến thuyền theo đường sông Bạch Đằng cùng hẹn ngày tiến về Đại La. Còn Dương Tam Kha, thay ta nắm toàn quyền trong việc hạ Đại La, bắt giết Công Tiễn, trả thù cho Dương tiết độ sứ. Đại quân phải ở đây với ta để đợi giặc...

Chiếc thuyền chiến loại nhỏ, mười hai mái chèo luồn qua lùm cây rậm rạp, lướt trên lạch, lao ra dòng sông cái. Ngoài xa, cửa sông mở rộng liền với mặt biển mênh mông. Sóng biển cuồn cuộn xô nhau trốn vào dòng sông và trở nên dịu hiền hơn ngoài biển cả.

Dòng sông như ngừng lại. Nước đang lên. Đưa chủ tướng ra giữa dòng, chỉ tay về cửa biển, Tất Tố nói với Ngô Quyền:

- Thưa chủ tướng, chắc chắn quân Nam Hán sẽ tràn vào đây theo đường sông mà tiếng về Đại La.

Đứng trên mũi thuyền, xem xét núi rừng âm u bên bờ tả ngạn rồi nhìn về cửa sông, Ngô Quyền hỏi viên tướng chỉ huy đội thuyền chiến:

- Ngươi ước cửa sông này rộng mấy dặm.

- Thưa, lúc này nước đang lên tràn ngập cả bãi lầy thì rộng lắm, nhưng lúc nước xuống, bãi cây nổi lên, cửa sông chỉ còn lại hơn một dặm. Đã vậy ở phía trong cửa sông lúc nước xuống còn một doi cát nổi chắn ngang chạy dài về phía đất liền.

Chiếc thuyền bơi ngược dòng sông đưa Ngô Quyền đến Thăm các bãi rậm, cửa lạch, hai bên bờ rồi trở về bến cũ. ở đây trên chiếc thuyền chỉ huy, Ngô Xương Ngập đã đợi sẵn. Vừa trông thấy bố, Xương Ngập đã nói:

- Thưa cha, con đã xem xét khắp vùng này, rất thuận lợi cho thủy chiến, còn đánh bộ không lợi.

Bước vào căn lầu xinh xinh, mái uốn trên thuyền chỉ huy Ngô Quyền nói với Tất Tố và Xương Ngập:

- Giặc sẽ tràn vào bằng đường sông, và ta phải đánh bại chúng trên mặt nước. Quân bộ chỉ hỗ trợ trên bờ thôi. Rừng rậm, lầy lội ở đây bất lợi cho quân bộ của ta một, thì đối với giặc bất lợi mười. Chúng đặt chân lên đất này chẳng khác gì bầy voi sa vào bãi lầy.

Vừa nói, Ngô Quyền vừa ghé mắt qua cửa lầu xem xét bên ngoài. Ngoài xa, dòng dông rộng vẫn lầm lì dâng lên từ từ, ấn sâu rừng rú xuống dòng nước lạnh lẽo. Hàng trăm chiếc thuyền lớn nhỏ nấp trong lạch kín. Một vài chiếc mảng lướt qua lại, lại đi tuần tra trên mặt sông. Cái băn khoăn của Ngô Quyền lâu nay là làm sao để biết được mọi bí hiểm của khối nước đang cuồn cuộn trải ra trước mắt mình. Sau nhiều lần cùng các tướng lĩnh đi thị sát, rồi bàn bạc hỏi han với những người am hiểu sông nước, Ngô Quyền đã vạch ra một kế hoạch chặn giặc. Cho đến bây giờ kế hoạch ấy vẫn giữ kín trong đầu người chỉ huy toàn quân.

Để giành được phần thắng hoàn toàn trong trận chiến đấu sống mái này, Ngô Quyền thấy cần phải hiểu biết thật chu đáo con sông này hơn nữa. Mà biết rõ điều ấy không ai hơn các bậc bô lão trong vùng.

Hôm nay, như đã hẹn, Phạm Cự Lạng sẽ dẫn đến cho Ngô Quyền một cụ già ở trang Gia Viên người am hiểu tường tận về sông nước, có mưu lược, và đã cống hiến nhiều công sức cho việc nước từ ngày Phạm Cự Lạng được lệnh của Ngô Quyền về quê hương Gia Viên của cụ để xây đào đồn lũy. Trong thuyền chỉ huy, Ngô Quyền ngồi đợi khách. Một chiếc thuyền chiến loại nhỏ rẽ nước lao đến. Phạm Cư Lạng đưa khách vào gặp chủ tướng. Vừa chuyển sang thuyền chỉ huy, nhận ra Ngô Quyền, ông già Gia Viên cúi người vái chào. Ngô Quyền đón khách:

- Được gặp cụ, thật là may mắn.

Không đợi cho chủ hỏi, ông già đã nói:

- Thưa tướng quân, chúng tôi sống trên miền đất này không biết đã mấy đời. Tôi chỉ biết, ông tôi chết vì con sông này lúc mới ngoài ba mươi tuổi, cha tôi thọ hơn, nhưng chưa đầy năm mươi tuổi đã chết vì con nước thủy triều ở đây...

Nói đà ngừng lại để thăm dò Ngô Quyền. Giọng nói oang oang, cùng với những thớ thịt cuồn cuộn dưới làn da bánh mật trên khuôn mặt của cụ già đã làm cho mọi người phải thèm khát cái sức lực của con người ngoài bảy mươi tuổi đang ngồi trước mặt. Thấy ông già nói năng sổi nổi và cởi mở, Ngô Quyền vỗ vào vai cụ thân mật:

- Còn cụ?

- Vâng còn tôi, nay đã ngót tám mươi rồi đấy, vẫn đánh bạn với sông nước vùng này. Chúng tôi chết vì nó mà cũng sống được nhờ nó. Ấy chẳng phải riêng gì tôi, mà dân cư vùng nầy phần lớn đều như thế cả.

Ngô Quyền tìm cách lái câu chuyện:

- Ấy thế mà giặc Nam Hán sắp sang chiếm dòng sông này đấy.

Đôi mắt long lanh mở rộng, ông già nói như quát tháo:

- Không được! Không được! Rồi hạ giọng, ông già hỏi, Tôi xin hỏi thật, tướng quân đem quân ra đây để chống giặc chắc đã có kế rồi. Xin cho tôi biết kế của tướng quân ra sao.

Sau khi ra lệnh cho quân hộ vệ tản sang thuyền khác, trong khoang lầu chỉ còn lại các tướng lĩnh và cụ già. Ngô Quyền mới nói:

- Tôi đã nghĩ kỹ, cắm cọc ở cửa sông, nhử giặc vào rồi lại tống ra. Chúng sẽ chết không còn một mống trên đường tháo chạy.

Kinh nghiệm sông nước đã làm cho ông già nhanh chóng hiểu được mưu kế của Ngô Quyền. Ông già reo lê:

- Cắm cọc! Cắm cọc! Cha mẹ ơi! Ngót tám mươi tuổi đầu như tôi cũng chỉ biết cắm đăng để bắt cá, chưa từng nghĩ đến chuyện cắm cọc để bắt giặc bao giờ. Hay lắm! Thật là phúc cho dân nước Nam có người như tướng quân để lập mưu giữ nước!

Ngô Quyền nói với cụ:

- Hiện nay giặc đang gấp rút sửa soạn chiến thuyền, cho nên chúng ta cũng phải nhanh chóng cắm cọc ở cửa sông. Nói thì dễ nhưng làm được thì khó, mà giặc lại không đợi chúng ta cắm xong cọc mới đến. Tôi muốn hỏi cụ trong ít ngày có thể cắm xong bãi cọc ở cửa sông được không?

Câu hỏi của Ngô Quyền xem ra khó quá đối với cụ. Suy nghĩ một hồi, cụ nói:

- Rừng cây ở đây không hiếm, lại tiện đường thủy vận chuyển, chỉ gồm gỗ làm thành cọc, rồi thả về. Mà trong trang ấp thiếu gì gỗ tạt! Chỉ cần mỗi nhà góp một cái

cọc cũng đã nhiều. Còn giữ được rừng núi, sông nước thì còn có gỗ lo gì! Cắm cọc ở cửa sông... Lúc nước xuống, cửa sông thu hẹp, lại chia làm hai ngã vì có bãi cát nổi ở giữa.. Ta chỉ cần cắm cọc một bên, mà cắm ở chỗ có thể cắm được thôi chứ. Ta bắt giặc phải tìm đường chết mà đi. Làm như vậy... Mấy hôm là xong được.

Lời nói của cụ già đã mở ra trước mắt mọi người một mưu kế thực hiện rõ ràng. Ai nấy đều gật gù khen ngợi ông già từng trải và có nhiều mưu trí. Riêng Ngô Quyền lại càng khâm khục và quý trọng ông già hơn ai hết. Bởi vì Ngô Quyền đã nhận thấy rằng không có ông già Gia Viên và sự giúp đỡ của dân cư trong vùng thì dù có hàng chục vạn quân trong tay, Ngô Quyền cũng phải bó tay trước thế giặc.

Ngô Quyền ngỏ ý lưu cụ già Gia Viên lại để cùng nhau bắt tay vào việc. Không chút do dự, ông già nhận lời.

Gió rét liên tiếp đưa hơi lạnh về trong mấy ngày liền. Hôm nay gió có dịu đi nhưng mây mù lại dày đặc. Trời mùa đông đã nặng nề, ở vùng gần kề sông biển vào lúc ban mai lại càng thêm mù mịt. Và giá lạnh ở đây cũng có phần cay độc hơn. Ấy thế mà hàng vạn con người từ các châu quận về đây theo lệnh của Ngô Quyền đang hăng hái thi gan với gió rét, lao vào rừng sâu, đẫm mình trong sông nước để dẫn gỗ, đẽo cọc tải về cửa sông Bạch Đằng.

Nhất là từ hôm tin quân ta đã giết đượt Kiều Công Tiễn làm chủ Đại La đưa về, thì cái khí thế hừng hực ấy lại càng bốc lên, bất chấp cả mưa gió. Thù trong đã đập nát, còn giặc ngoài. Thì đây, những thân cây lim rọc nhỏ màu nâu sẫm, thẳng tắp, những cành linh to bằng cây cột, vỏ xù xì còn tươi roi rói, dài hai ba sải tay, đầu vót nhọn bịt sắt, từ rừng núi bên tả ngạn kéo về phía Nam. Chỉ trong năm ba ngày nữa giặc sẽ tới. Việc cắm cọc không thể trì hoãn được.

Trong những ngày sôi sục này, Ngô Quyền bận rộn đến quên ăn quên ngủ, Đứng trên mũi thuyền chăm chú theo dõi con nước thủy triều đang xuống dần và bãi cát nổi mỗi lúc một nhô lên, Ngô Quyền không biết sương lạnh đã thấm ướt vai áo. Cho đến khi người lính hộ về tới dâng thêm áo, Ngô Quyền mới nhận thấy đôi vai mình tê buốt. Bao nhiêu tâm trí của Ngô Quyền đang dồn vào theo dõi và chỉ huy việc cắm cọc.

Hàng ngàn chiếc thuyền thả neo đậu san sát trên cửa sông. Dòng nước chảy xiết rồi từ từ, tưởng như ngừng lại. Trong khoảng sông biển mù mịt, người ta nghe rõ tiếng giào thét của ông già Gia Viên:

- Nhanh tay lên! Thả cọc xuống! Thả xuống!...

Lệnh của ông già được truyền đi nhanh chóng. Hàng ngàn cọc lim lao xuống nước ào ào. Tiếng vồ nện huỳnh huỵch, cùng với tiếng sóng vỗ vào mạn thuyền ì oạp đã bị chìm đi trong tiếng hò reo quát tháo của hàng chục vạn con người đang vật lộn với sông nước trong khoảnh khắc quyết định này.

Len giữa rừng thuyền, Ngô Quyền tìm đến ông già Gia Viên đang cùng các tướng lĩnh theo dõi tình hình sông nước để điều khiển việc cắm cọc. Không đợi cho Ngô Quyền kịp nhận ra mình, ông già Gia Viên đã thoăn thoắt nhảy sang thuyền của

Ngô Quyền. Trong âm thanh hỗn tạp ấy, Ngô Quyền đã nhận ra tiếng nói của ông già:

- Thưa tướng quân, dòng sông đã chảy chậm lại, nước thủy triều bắt đầu dâng lên. Lúc này không cắm xong trận địa cọc là lỡ việc, lại phải đợi đến mai, chờ nước xuống mới làm được đó!

- Không được, phải làm xong ngay hôm nay!

- Tướng quân không lo với hàng vạn con người cứ hai người cắm được một cọc là xong việc.

Rồi như con sóc, ông già nhảy sang thuyền khác. Qua làn sương mờ mờ, Ngô Quyền thấy ông đang đu mình trên đầu một chiếc cọc. Cọc lún sâu dần đến khi nữa mình trên đầu chìm hẳn xuống nước, ông già mới leo lên thuyền. Ngô Quyền đã có mặt ở trên khoang. Niềm tự hào và kiêu hãnh hiện ra trên khuôn mặt khi ông già chỉ tay xuống dòng sông nói vớ người chỉ huy:

- Thưa tướng quân, ở đây sâu và nhiều bùn, chỉ cần lắc mạnh là đã chôn chết cọc tại chỗ, còn ở trong cạn lại nhiều cát, đất rắn hơn, phải dùng néo buộc đòn ngang mới dùng vồ nện xuống được. Lũ chúng tôi đã trù liệu kỹ, phải cắm sao cho đầu cọc ngặp dưới mặt nước lúc thủy triều xuống thấp nhất và đầu cọc hơi chếch về phía trong. Thuyền nhẹ có thể qua được, còn thuyền lớn thế nào cũng bị vướng cọc.

Nhìn theo tay ông già trước mặt Ngô Quyền, Trên một khoảng rộng lớn, khối người đông đảo đang nhanh tay trồng cọc vào đúng lúc quyết định nhất mà ai cũng biết rõ. Chỉ trong chốc lát, trận địa cọc đã chìm kín dưới mặt nước đang dâng lên từ từ. Các đội chiến thuyền được lệnh nhổ neo, bơi ngược dòng tìm về bến trú.

Mặt trời mùa đông vàng ệch thả nắng yếu ớt xuống sông biển mênh mông. Từng đợt sóng xô nhau xóa nhòa những vết tích của hàng vạn con người vừa để lại trong lùm cây, trên bờ bãi. Cửa sông Bạch Đằng trở lại hoang vắng, lạnh lẽo. Vài chiếc thuyền chiến đưa các tướng lĩnh đi thị sát lại trận địa và chia nhau công việc để sẵn sàng chống giặc.

Giữa mùa đông. Vành trăng khuyết của một ngày đầu tháng đã lặn. Sương đêm càng về sáng càng dày đặc hơn. Đã mấy ngày đêm, năm trăm chiến thuyền giặc Nam Hán vẫn đậu bập bềnh ngoài biển khơi, quay mũi vào cửa sông Bạch Đằng. Đã nhiều lần cho thuyền vào thăm dò vùng cửa sông, nhưng tên tướng giặc Hoằng Tháo vẫn chưa dám khởi sự. Dải đất lạ ở phương Nam này có nhiều vật quý: Sừng tê, đồi mồi, ngọc trai, ngà voi, bạch quế... Cùng với nhiều của ngon vật lạ khác, vốn đã có sức lôi cuốn mạnh mẽ đối với Hoằng Tháo, nhưng vào lúc này, lại có vẻ bí hiểm và đáng sợ đối với hắn.

Từ lâu, Lưu Cung chúa Nam Hán, vẫn có ý muốn đánh chiếm Giao Châu ở Phương Nam. Tên chúa giặc cho rằng đất nước này đã hàng ngàn năm bị lệ thuộc vào phương Bắc, những cuộc nổi dậy của họ Khúc, họ Dương dần đây cũng chẳng cứu được dân tộc này ra khỏi thân phận bị lệ thuộc của họ. Nay nhân lúc nội tình lục đục, lại được Công Tiễn cầu cứu, Lưu Cung kéo quân sang. Lời can ngăn của Sùng

văn sứ Tiêu Ích: "Hiện nay mưa dầm đã suốt mấy tuần, đường biển hiểm trở xa khơi, Ngô Quyền lại là người giỏi lắm chớ nên coi thường. Đại quân phải nên giữ gìn thận trọng, dùng nhiều người đưa đường rồi sau hãy tiến", không lọt được vào tai chúa Nam Hán. Lưu Cung Phong cho con trai là Hoằng Tháo làm Giao Vương dẫn đoàn chu sứ tiếng về biển Nam, còn tự mình đem quân đóng ở trấn Hải môn để phô trương thanh thế, hỗ trợ cho Hoằng Tháo tiến quân, chờ tin thắng trận sẽ đi kinh lý vùng đất mới.

Đã hai đêm bập bệnh ngoài khơi. Hoằng Tháo sốt ruột, đoàn thuyền mang lương vẫn chưa đến kịp. Hắn hạ lệnh cho đoàn chiến thuyền hướng về cửa sông, luôn luôn sẵn sàng, chờ thuyền lương đến sẽ tiến vào nội địa. Tên tướng giặc mơ tưởng một ngày gần đây sẽ làm chúa đất nước này. Một mình hùng cứ một phương, nước Nam Hán của cha con hắn sẽ tha hồ vững mạnh. Viễn cảnh huy hoàng ấy đã thôi thúc tên tướng giặc quyết tâm xâm chiếm đất Giao Châu.

Trong lúc Hoằng Tháo đang say sưa nghĩ đến chuyện làm chủ Giao Châu thì trong một vùng lạch kín đáo bên hữu ngạn sông Bạch Đằng, Ngô Quyền cùng ông già Gia Viên ngồi trên thuyền theo dõi tình hình sông nước, điều khiển trận đánh.

Trời sáng tỏ, tiếng gà gáy dồn dập đã thưa dần. Ngô Quyền bước ra mạn thuyền nhìn về sông Bạch Đằng: Qua khe lá, dòng sông chìm trong sương mù dày đặc. Tỏ ra hài lòng với sự trù liệu, dự đoán rất khớp của ông già, Ngô Quyền cười nói:

- Lão đoán đúng lắm. Hôm nay nhiều sương, trời thả mù trắng xóa là để giúp cho quân ta đấy. Rồi trời lại nắng, sương sẽ tan sớm. Ba mươi chiếc thuyền của ta xông ra; đánh địch bất ngờ, giặc chỉ còn cách chống đỡ. Sương mù đã bịt mắt chúng lại không cho biết quân ta nhiều hay ít. Đến khi sương tan, biết thuyền của ta ít và nhỏ, chúng sẽ cậy thế mạnh tràn vào, ta rút lui để giữ được toàn quân và nhử chúng vào đúng lúc.

Ông già Gia Viên mỉm cười sung sướng. Bằng những kinh nghiệm và hiểu biết của mình, ông đã góp phần vào việc chống giặc giữ nước như ông đã mong muốn.

- Thưa tướng quân, lúc này tướng Tất Tố dang dẫn quân xông vào thuyền giặc.

- Vẫn chưa thấy tin đưa về!

Ngô Quyền đang mong đợi tin đầu của trận đánh.

Một chiếc thuyền nhỏ tử cửa sông ngược dòng vội rẽ cây tìm về báo tin quân ta đã tiến ra khiêu chiến như đã định.

Dòng sông xuống dần, đang chảy xiết. Sương mai đã tàn. Nắng sớm tỏa rộng trên mặt nước. Rừng cây um tùm hai bên bờ sông vẫn bình thản lao xao trong gió mùa đông khô lạnh. Ai mà biết rằng trong cái hoang vắng của một vùng sông nước và rừng rú này có vạn con người đã sẵn sàng, chỉ chờ lệnh và vùng dậy như bão táp.

Và từ phía cửa sông, đoàn thuyến chiến của Tất Tố đang hối hả bơi ngược dòng, chạy trốn tránh trước sự tấn công ồ ạt và hung hãn của bầy giặc dữ. Tiếng mái chèo khua nước mỗi lúc càng nghe rõ mồn một, nhưng vang động hơn vẫn là tiếng hò reo đắc thắng của giặc Nam Hán. Ba mươi chiếc thuyền nhỏ bé của quân Giao Châu làm

sao có thể chống lại được đại quân thiện chiến của giặc đang hùng hổ trên đoàn thuyền chiến tầm đại!

Cắp gươm đứng trên mui thuyền chỉ huy, Hoằng Tháo phất cờ ra lệnh cho quân đuổi gấp. Trên đầu tên tướng giặc, ngọn cờ đại thêu hai chữ "Giao Vương" treo trên đỉnh cột đang vung vẫy. Hoằng Tháo truyền lệnh tiến thẳng về Đại La!

Nhưng chỉ trong nháy mắt, Hoằng Tháo đã chột dạ, tiền quân báo về có nhiều thuyền lửa xuất hiện từ xa đang băng băng theo dòng nước lao tới. Tên tướng giặc đã nghĩ đến nguy cơ bị phục kích, hăn hạ lệnh cho đại quân tiến chầm chậm. Đúng, trận phục kích của Ngô Quyền đã bắt đầu. Khi Hoằng Tháo nhận ra điều đó thì đã muộn!

Hàng trăm chiếc bè chất đầy củi khô bốc cháy đùng đùng lại đến làm cho trận đồ của thuyền giặc bị hỗn loạn. Lũ giặc đi đầu hò nhau dập lửa. Dập sao cho kịp? Bè lửa thuận dòng lao tới, một số thuyền giặc tránh không kịp đã bắt lửa. Nhưng đáng sợ hơn đối với chúng là đội chiến thuyền vừa bị đuổi chạy thục mạng đã quay lại. Những tấm lá chắn trên truyền giặc rách toạc vì mưa tên. Giặc nối nhau lộn cổ xuống sông. Cho đến lúc đội quân của Tất Tố hạ cung nỏ, dùng đến giáo mác, gươm đao để cận chiến thì từ hai bên bờ sông chiêng trống nổi lên rung chuyển cả đất trời. Từng tốp hàng trăm thuyền chiến loại nhỏ nhưng lẹ làng đã xô ra đánh thốc vào sườn giặc.

Thuyền chỉ huy của Ngô Quyền phục trong vùng kín, nghênh cao mũi hướng ra dòng sông. Thanh gươm tuốt trần cầm sẵn trong tay, Ngô Quyền xem xét trận đánh. Ba mươi hai tay chèo đã sẵn sàng chờ lệnh đưa chủ tướng ra tham chiến...

Niềm vui hiện rõ trên nét mặt của mỗi viên tướng đang nắm trong tay quyền chủ động hoàn toàn trong trận thủy chiến ác liệc này. Ngô Quyền hỏi ông già Gia Viên, đang cầm phách gõ dịp và kẹp chặt lái phía đuôi thuyền:

- Đã đến lúc lùa giặc vào bẫy cọc được chưa?

Nhìn dòng nước đang rút mạnh, các lá nhô dần, trên bãi lầy đã bắt đầu nổi lên ngọn cỏ lơ thơ. Ông già Gia Viên ước tính lúc này dốc toàn lực buộc chúng phải tháo chạy đến cửa sông là vừa. Ông già trả lời:

- Thưa tướng quân, phát lệnh đước rồi đó.

Ngô Quyền phất cờ. Chiếc trống chầu treo trong thuyền chỉ huy từ đầu vẫn im tiếng, lúc này mới được lệnh phát ra năm tiếng một dồn dập. Tiếp theo, tiếng chiêng cỡ lớn rải rác bên bờ sông nối nhau vang rền, báo hiệu đội chiến thuyền chủ công do các tướng lĩnh điều khiển đã xuất trận. Ngô Quyền hạ lệnh cho quân sĩ nhằm thẳng chiếc thuyền có cắm cờ "Giao Vương" xông tới. Bị chặt làm nhiều khúc, nhiều thuyền giặc tạt vào bờ, nhưng lại bị từng trận mưa tên xua đuổi, và cuối cùng cũng chìm nghỉm vì những chiến thuyền nhỏ nhẹ của quân Giao Châu. Giặc nao núng, đã có thuyền quay mũi. Còn đang lúng túng tìm cách đối phó thì từ phía sau, đội thuyền chiến do viên tướng trẻ đang ngược dòng sông tới đánh tập hai. Xương Ngập đã kịp đến để trợ chiến.

Biết thế nguy, Hoằng Tháo ra lệnh rút quân. Thuận dòng sông, thuyền giặc tranh nhau tháo chạy ra biển. Đại quân của Ngô Quyền vẫn bám riết. Đoàn thuyền chiến của Phạm Bạch Hổ đã phục sẵn ở cửa sông, lúc này mới ép quân giặc tràn qua bãi cọc. Hoằng Tháo muốn nhanh chóng trở về với biển cả, nhưng không được. Đã có bãi cọc ngầm giữ chúng lại. Bị vướng cọc, nhiều thuyền giặc bị vỡ, hoặc quay cuồng rồi vùi xác dưới dòng nước. Những chiến khác ùn lại, xô vào nhau, tắc nghẽn. Trong khi đó, từ ba mặt, đại quân của Ngô Quyền do các tướng Tất Tố, Phạm Bạch Hổ, Pham Cự Lạng, Xương Ngập đã ập đến. Chiêng trống vang rền vẫn không át nổi tiếng quân reo. Cửa sông Bạch Đằng đỏ ngầu máu giặc. Năm trăm chiến thuyền của quân Nam Hán bị tiêu diệt gần hết. Tên tướng giặc Hoằng Tháo cũng bị vùi xác dưới dòng nước cùng với đội binh thuyền thiện chiến của hắn...

Một ngày mùa đông nắng đẹp. Đã xế chiều. Nước thủy triều bắt đầu dâng lên. Từng đợt sóng nhấp nhô, lấp loáng ánh nắng nối nhau nhảy múa như cùng với đại quân của Ngô Quyền đang hò reo mừng đại thắng. Thủy triều dâng cao, xóa sạch dấu vết hôi tanh của xác giặc. Vùng cửa sông Bạch Đằng lại trở về với vẻ đẹp thanh bình, bao la, hùng vĩ vốn có của nó.

Năm Mậu Tuất (938) sắp qua, một mùa xuân mới sẽ đến. Đã lâu rồi nhân dân Giao Châu lại được nô nức sửa soạn chào đón một mùa xuân rực rỡ chiến công đến như thế. Trong khi khắp Giao Châu vui mừng đón xuân thì ở phương Bắc, Lưu Cung sau khi nghe tin bại trận hốt hoảng, vội vã đem quân rời Hải Môn về Phiên Ngung. Cái mộng xâm chiếm Giao Châu của Lưu Cung tiêu tan hoàn toàn như xác con trai Hoằng Tháo của hắn đã tiêu tan trong bụng cá biển Nam.

Cũng vào một ngày đầu xuân rực rỡ chiến công ấy, Ngô Quyền xưng vương và chọn Cổ Loa, kinh đô của nước Âu Lạc xưa, để làm đất định đô lâu dài.

Từ ấy cho đến ngàn vạn năm sau tên tuổi Ngô Quyền mãi mãi gắn liền với những sự kiện lịch sử ngời sáng, ghi dấu ngày dân tộc ta đã đứng dậy, đập nát đầu giặc thù, tự định đoạt lấy vận mệnh của mình. Và sông Bạch Đằng như một vế đối nổi tiếng vẫn lưu truyền: "Đằng Giang tự cổ huyết do hồng" (máu quan thù từ xưa còn đỏ sông Bạch Đằng) còn lưu đến muôn đời chứng tích của một quá khứ oanh liệt.

Đinh Bộ Lĩnh

Từ cánh đồng ngoài xa, có tiếng kêu của ai đó về vách đá, vọng vào căn nhà giỗ ven núi:

- Thằng Bộ Lĩnh đánh chết người!

Bà Đàm ngừng tay đưa thoi, lắng nghe. Bà biết rõ con bà lắm. Thằng Bộ Lĩnh đã nhiều lần làm khổ bà vì cái tính nghịch ngợm và bướng bỉnh của nó. Còn giết người thì từ khi sinh ra, Bộ Lĩnh không ở với bố là Đinh Công Trứ đang làm thứ sử ở Hoan Châu mà ở Hoa Lư với bà mười bốn năm nay, bà chẳng biết nó hay sao? Con

bà không làm chuyện ấy. Lại có tiếng nói:

- Bà Đàm ra mà đền con cho người ta kìa!

Nó lại đánh nhau với con cái nhà ai rồi! Nghĩ vậy, bà Đàm đứng dậy, với tay cầm chiếc roi trên vách.

Vừa ra đến đầu động bà đã thấy lũ trẻ chăn trâu kéo nhau về. Một tốp cưỡi trâu đi trước, đứa nào đứa nấy kết lá làm bành, ngồi ngất nghểu trên lưng trâu. Tiếp theo, một tốp khác vác cờ lau đi như rước hội. Bộ Lĩnh đang chễm chệ ngồi trên tay hai đứa trẻ khoanh làm kiệu rước đi giữa, hai bê có mấy đứa cầm cờ lau kiếm gỗ hộ vệ. Bà Đàm bực mình, đi thẳng lại chỗ Bộ Lĩnh. Cây roi trong tay bà vừa vung lên thì Bộ Lĩnh đã tụt vội xuống đất, luồn qua tay bà, rồi chạy lên phía trước. Bộ Lĩnh nhảy tót lên lưng trâu, thúc trâu tế về phía núi.

Thì ra lũ trẻ chăn trâu động Hoa Lư cờ lau tập trận. Đánh nhau với một lũ trẻ khác, bị cướp mất trâu. Bộ Lĩnh giận đuổi bắt thằng bé đầu đàn, quẳng xuống sông. Khi thằng bé sắp chìm, Bộ Lĩnh lại nhảy xuống vớt lên...

Bà Đàm vừa giận con lại vừa lo lắng đến việc dạy con.

Lại một hôm, trong lúc cờ lau tập trận, đoàn trẻ chăn trâu Hoa Lư được tin lũ trẻ sách bên đang đi về phía chúng. Lập tức Bộ Lĩnh cho dàn trận, còn mình thì đeo lên một mỏm đá đứng chỉ huy, tay cầm bông lau là cờ hiệu, thanh kiếm gỗ đeo bên sường. Một trận chiến đấu ác liệt sẽ xảy ra. Không phải thế. Chúng đến để xin nhập bọn. Muốn nhập bọn với Bộ Lĩnh nhưng lại không chịu Bộ Lĩnh làm chủ tướng, nhao nhao đòi đọ tài vật xem ai khỏe hơn mới được làm chủ tướng. Tuy bé nhỏ hơn thằng bé đầu đàn của lẽ trẻ sách bên, nhưng Bộ Lĩnh không do dự, nhận lời đọ sức.

Hai đứa cởi áo xông vào vật nhau. Bộ Lĩnh dùng tài nhanh nhẹn của mình làm cho thằng kia ngả sấp xuống rồi chồm lên lưng hắn ngồi như cưỡi trâu. Thằng kia cố sức vùng dậy. Bộ Lĩnh thúc chân vào sườn hắn mà thét:

- Mau Lên! Cõng chủ tướng về hang núi khao quân!

Lũ trẻ reo lên cười nhìn thằng lớn cõng thằng bé. Có tiếng xì xào: "Thằng Bộ Lĩnh khôn quá, đáng mặt làm chủ tướng".

Thế là đoàn quân trẻ nhỏ lũ lượt diễu binh. Bộ Lĩnh ngồi trên kiệu đi giữa, có tả hữu hộ vệ. Rừng cờ lau đi động men theo sườn núi, tiến về hang đá. Đến nơi, Bộ Lĩnh để lũ trẻ đứng đợi, còn mình thì dẫn mười đứa về nhà.

Nhà Bộ Lĩnh ở cạnh đền Sơn Thần, cách động núi chừng nửa dặm. Hôm đó bà Đàm đi vắng, chỉ còn mấy gia đồng ở nhà. Con lợn hai người khiêng đang ở trong chuồng và mấy thùng gạo nếp được lũ trẻ mang đi theo lệnh của Bộ Lĩnh.

Trong hang núi, tiếng lợn kêu vang, khói bốc nghi ngút. Mùi thịt nướng ngầy ngậy, mùi xôi nếp thơm thơm bốc lên quyến rũ. Lũ trẻ háu đòi quây quần bên bếp lửa reo hò...

Tuổi niên thiếu của Bộ Lĩnh trôi qua với những ngày sôi nổi: Tập trận khao quân rồi lại tập trận khao quân. Cứ như thế, Bộ Lĩnh cùng lũ trẻ chăn trâu gắn bó với nhau

như cá với nước.

Bà Đàm lo lắng vì Bộ Lĩnh quá nghịch ngợm nhưng bà cũng mừng thầm có đứa con hơn người. Các cụ bô lão truyền cho nhau: "Đứa trẻ này khí độ như thế tất sẽ làm nên việc lớn, bọn chúng ta nếu không về theo, ngày sau hối không kịp". Còn trẻ chăn trâu quanh vùng ngày càng mến phục và rủ nhau tìm về với Bộ Lĩnh.

Mọi người đang xôn xao vì chuyện cờ lau tập trận của cậu bé họ Đinh thì hàng loạt sự kiện lớn lao rung chuyển núi sông liên tiếp truyền đến Hoa Lư, Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ để đoạt chức Tiết độ sứ. Rồi Ngô Quyền, thứ sử Ái Châu kéo quân ra hỏi tội kẻ phản trắc. Công Tiễn rước quân Nam Hán về chống lại Ngô Quyền. Cũng năm ấy, Ngô Quyền giết Công Tiễn và bố trí trận thủy chiến ở sông Bạch Đằng để chống giặc. Đội chiến thuyền của giặc Nam Hán cùng với tên tướng Hoằng Tháo bị chôn vùi dưới sông nước. Sông Bạch Đằng đỏ ngầu máu giặc. Đất nước thanh bình. Ngô Quyền lên ngôi vua và đóng ở Cổ Loa.

Năm ấy cậu bé họ Đinh vừa tròn mười sáu tuổi.

Cái tuổi mười sáu phơi phới yêu đời của Bộ Lĩnh không chỉ đủ vui với chuyện cờ lau tập trận nữa. Cậu mơ ước sẽ trở thành người chỉ huy thực sự, và muốn làm nên những công tích rung chuyển đất trời như người khác đã làm được. Đinh Bộ Lĩnh đang say sưa với niềm mơ ước đẹp đẽ của tuổi trẻ thì Đinh Công Trứ cha của Bộ Lĩnh, qua đời ở Hoan Châu.

Nhưng năm tháng thanh bình chưa được bao lâu, lại có tin sét đánh: Ngô vương Quyền mất ở Cổ Loa. Dương Tam Kha tiến ngôi vua, tự xưng là Bình Vương. Ngô Xương Ngập con trai của Ngô Quyền phải trốn tránh. Thổ hào các nơi rồi lên chiếm giữ mỗi người một vùng nhăm thôn tính lẫn nhau.

Thấy cảnh đất nước bị chia xé, nghĩ mình không thể ngồi yên được, Bộ Lĩnh liền họp bạn bè lại nói rằng:

- Chúng ta không tập trận giả như trước nữa phải đánh trận thật. Trai thời loạn không thể khoanh tay ngồi một xó mà nhìn. Đất nước đang cần đến chúng ta.

Ai nấy đều cho lời nói của Bộ Lĩnh là phải, liền chia nhau đi tập hợp các bạn bè, rủ nhau theo về với Bộ Lĩnh để cùng lo việc nước. Bộ Lĩnh mổ bò khao quân và kéo về đóng ở sách Đào Úc.

Cả châu Đại Hoàng đã thuộc quyền kiểm soát của Bộ Lĩnh, chỉ còn sách Bông do Đinh Dự chiếm giữ. Bộ Lĩnh đem quân đến thuyết phục. Đinh Dự ở sách Bông nghe tin quân Hoa Lư kéo đến, liến quát:

- Thằng Bộ Lĩnh này láo thật, nó dám đánh lại cả chú nó! Rồi tung quân ra đuổi đánh.

Thấy vậy, Bộ Lĩnh ngửa mặt lên trời than: "Trời ơi! Ta đâu muốn có chuyện nồi da nấu thịt này!" Bộ Lĩnh thu quân chạy. Đinh Dự đuổi đến Đàm Gia, thấy cầu gẫy, rút quân về.

Qua nhiều đêm suy nghĩ, Bộ Lĩnh quyết tâm thu phục sách Bông bằng được. Bộ

Lĩnh tập hợp dư chúng, thu thập thêm quân sĩ, lại dẫn đại quân đến sách Bông. Tới nơi, Bộ Lĩnh cho người mời Đinh Dự ra nói chuyện. Thấy quân của Bộ Lĩnh đông, Đinh Dự không dám tung quân đuổi đánh mà chỉ ra lệnh đóng chặt cổng, leo lên thành quan sát. Thấy chú, Bộ Lĩnh nói:

- Chú ơi! Cháu không chống lại chú, sao chú đuổi đánh cháu. Hiện nay đất nước loạn lạc, cả châu Đại Hoàng đều ở trong tay cháu, chỉ còn sách Bông của chú đứng một mình. Nếu mai đây có kẻ khác đến đánh phá, chú cháu ta mỗi người một phương, làm sao mà chống giữ nổi. Cháu muốn hội quân với chú để cùng lo việc lớn.

Đinh Dự cảm động. Mối tình máu mủ ruột thịt sống lại trong lòng ông già. Đinh Dự sai mở cổng đón Bộ lĩnh vào và giao sách Bông lại cho cháu.

Thu phục được sách Bông, thế lực của Bộ Lĩnh càng lớn mạnh. Nhưng chí lớn của Bộ Lĩnh không dừng lại ở một Châu nhỏ hẹp. Từ Hoa Lư, Bộ Lĩnh vẫn hàng ngày theo dõi tình hình loạn lạc đang diễn ra ở khắp nơi trên đất nước rộng lớn. Những tiếng kêu than rêu siết vì cảnh nồi da nấu thịt, những biến động lục đục ở triều đình Cổ Loa hàng ngày vẫn đến tai Bộ lĩnh.

Năm ấy ở Cổ Loa, Dương Tam Kha sau khi chiếm ngôi được sáu năm, sai Xương Văn cùng hai sứ là Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc đi đánh dẹp hai thôn ở Thái Bình. Đến Thanh Liêm, Xương Văn bàn với tướng sĩ dẫn quân về đánh úp Tam Kha, bắt được giáng làm Tương Dương công. Xương Văn giành lại ngôi vua, xưng là Nam Tấn Cương và đón Xương Ngập về cùng trông coi việc nước.

Thấy thế lực của Bộ Lĩnh ngày một mạnh, triều đình Cổ Loa muốn đánh dẹp để trừ hậu họa. Được tin, Bộ Lĩnh cho con trai là Đinh Liễn đến Cổ Loa để làm kế hòa hoãn. Nam Tấn Cương Thiên Sách Vương (Xương Ngập) bắt giữ Đinh Liễn rồi cắt quân đánh Bộ Lĩnh. Bộ Lĩnh đóng chặt cửa động, chống cự đến cùng. Đánh nhau với Bộ Lĩnh hơn một tháng trời không hạ được, Nam Tấn Vương bèn treo Đinh Liễn lên ngọn cây dọa nếu Bộ Lĩnh không hàng sẽ giết chết Đinh Liễn. Thấy vậy Bộ Lĩnh giận dữ quát: "Bậc đại trượng phu lẽ nào vì con trẻ mà bỏ việc lớn", rồi sai hơn mười tay nỏ cùng nhắm vào Đinh Liễn chực bắn. Trước quyết tâm của Bộ Lĩnh, Nam Tấn Vương hoảng sợ không dám giết Đinh Liễn mà rút quân về. Bộ Lĩnh cười nói với chư tướng:

- À, ra Bộ Lĩnh này không sợ mất con mà lũ kia lại sợ mất đầu!

Sau đó Đinh Liễn được thả về Hoa Lư.

Đánh lui được quân của triều đình Cổ Loa, uy đanh của Bộ Lĩnh càng thêm lừng lẫy. Nhân dân kéo về theo Bộ Lĩnh ngày một đông. Quân dân châu Đại Hoàng càng vui mừng phấn khởi, còn riêng Bộ Lĩnh vẫn chưa vui. Đã nhiều lần đêm không ngủ, Bộ Lĩnh xách gươm đi tuần tra trong doanh trại. Nhìn núi non hùng vĩ tắm ánh trăng, nghe tiếng cuốc kêu ra rả trong ke núi, Bộ Lĩnh càng sốt ruột vì việc lớn chưa thành. Bộ Lĩnh cho gọi chư tướng đến cùng uống rượu thưởng trăng. Thấy chủ tướng không được vui, có người hỏi. Bộ Lĩnh nói với mọi người:

- Non sông bị chia xé, nhân dân điêu đứng tan tác, cảnh nồi da nấu thịt đang diễn ra, ta e rồi đây chỉ làm mồi cho giặc. Trước tình cảnh ấy, các người bảo ta vui sao được.

Nhiều người bàn nên ra quân, Bộ Lĩnh lại nói:

- Con chim bằng bay xa hàng vạn dặm là nhờ có bộ cánh khỏe. Ta có các người như chim có bộ cánh. Nhưng chim thì bay trên trời còn ta lại vác gươm đi dưới đất. Ra quân, nhưng thế chưa vững, lực chưa mạnh, thì sao cho vẹn toàn!

Bộ Lĩnh quyết định đến cửa Bố nương nhờ Trần Lãm. Hiện Trần Lãm đang chiến giữ một vùng rộng lớn ở Bố Hải Khẩu, xưng là Trần Minh Công. Tuy có thế lực mạnh nhưng Trần Lãm đã già yếu. Chi bằng đến nương tựa và tìm cách thuyết phục. Mọi người cho kế đó là phải. Bộ Lĩnh tìm đến gặp Trần Lãm.

Trong một cuộc hội kiến, Trần Lãm hỏi Bộ Lĩnh:

- Đinh tướng quân đến mượn người mượn đất của ta chăng?

Bộ Lĩnh đáp:

- Thưa sứ quân, đất đai, quân dân ở châu Đại Hoàng hay cửa Bố đều là của chung thiên hạ, phải đâu riêng của ông hay của tôi, ma dám nói chuyện vay mượn?

Trần Lãm trừng mắt ngạc nhiên:

- Là của chung?

- Vâng, là của chung. Vì vậy tôi đến đây mong được ông sai bảo để cùng lo việc chung...

Trần Lãm đắc ý cười:

- Tiếng đồn về người con trai của thứ sử Hoan Châu quả không ngoa.

Trần Lãm nhận Bộ Lĩnh làm con nuôi. Thấy mình đã già yếu không lo được việc lớn nữa, ít lâu sau Trần Lãm giao cả binh quyền lại cho Bộ Lĩnh.

Một dải dãi đất rộng lớn từ châu Đại Hoàng đến Bố Hải Khẩu đều thuộc quyền điều khiển của Bộ Lĩnh.

Sau khi mở rộng được địa bàn hoạt động, Bộ Lĩnh lo thu phục nhân tài, rèn luyện quân sĩ, tích lương, chờ thời cơ ra quân để thống nhất đất nước.

Thời cơ đã đến.

Quân do thám cho hay triều đình Cổ Loa sụp đổ. Từ khi Thiên Sách Vương Xương Ngập mất, Nam Tấn Vương Xương Văn lên cầm quyền phải xin mệnh lệnh của chúa Nam Hán, Nam Hán phong cho Xương Văn chức Tỉnh hải quan tiết độ sứ. Thực quyền của triều đình nhà Ngô lúc này không vượt quá một dãi đất hẹp. Cách Cổ Loa chưa đầy vài mươi dặm, đã có nhiều người nổi dậy cát cứ xưng hùng. Nam Tấn Vương có ý muốn đánh dẹp các nơi nhưng bất lực. Trong khi đó, đi đánh hai thôn ở Thái Bình. Xương Văn bị tên nỏ mai phục bắn chết. Thấy vậy, nhà tướng cũ của Xương Văn là Lữ Xứ Bình và thứ sử Phong Châu Kiều Tri Hựu tranh chấp nhau

làm vua. Ngô Xương Xí (con Xương Ngập) chạy vào Ái Châu giữ đất Bình Kiều. Đỗ Cảnh Thạc, nhà tướng cũ của Ngô Quyền, từ lâu đã rút về chiếm vùng Đỗ Động, đào hào xây thành tính kế lâu dài.

Trước tình thế đó, Bộ Lĩnh đập bàn quát:

- Phường chó chết! Không sớm quét sạch bọn phá nước hại dân này thì non sông có phen lại rơi vào tay giặc ngoài mất!

Bộ Lĩnh triệu tập bộ tướng họp bàn việc lớn. Xung quanh bàn rượu, chư tướng tính kế ra quân.

Đếm trên đầu ngón tay, hiện nay ngoài Cổ Loa còn có mười một sứ quân cần phải thu phục: Kiều Công Hãn giữ Phong Châu, Kiều Thuận giữ Hồi Hồ, Nguyễn Khoan giữ Nguyễn Gia Loan, Nguyễn Thủ Tiệp giữ Tiên Du, Nguyễn Siêu giữ Phù Liệt, Lý Khuê giữ Siêu Loại, Lữ Đường giữ Tế Giang, Phạm Bạch Hổ giữ Đằng Châu, Ngô Nhật Khánh giữ Đường Lâm, Ngô Xương Xí giữ Bình Kiều và Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động. Trong tình thế ấy ra quân sao cho toàn thắng? Bộ Lĩnh quyết định trước khi đánh dẹp các sứ quân hãy đánh vào Cổ Loa. Cổ Loa là đất trọng yếu, hiện nay đang rối loạn và hầu như vô chủ. Bình được trung tâm Cổ Loa lòng người các châu quận sẽ hướng về theo, các sứ quân tất có kẻ đến xin hàng mà giặc ngoài cũng không còn cơ hội để dòm ngó nước ta nữa. Chư tướng cho là phải. Bộ Lĩnh cử Đinh Liễn cùng Lê Hoàn, Nguyễn Bặc, Đinh Điền đi đánh Cổ Loa.

Quân của Đinh Liễn tiến vào Cổ Loa như vào chỗ không người. Lữ Xứ Bình và Kiều Tri Hựu bất tài, chưa đánh đã tan. Chỉ có Cảnh Thạc là đáng kể, thì đã rút quân về Đỗ Động. Nghe tin đại quân của Bộ Lĩnh kéo đến, nhân dân Cổ Loa vui mừng đem rượu thịt ra đón rước. Đinh Liễn, Lê Hoàn, Đinh Điền và Nguyễn Bặc chiếm Cổ Loa, phủ dụ dân chúng và chia nhau điều khiển công việc.

Sau khi chiếm được Cổ Loa, Đinh Liễn sai Lê Hoàn đi chinh phục các sứ quân quanh vùng. Lý Khuê ở Siêu Loại, Lữ Đường ở Tế Giang, Nguyễn Siêu ở Phù Liệt xin hàng. Được tin triều đình Cổ Loa lục đục, giao châu loạn lạc, chúa Nan Hán là Lưu Xưởng vì đang lo đối phó với nhà Bắc Tống nên không tính chuyện xâm lược nước ta được. Nhưng khi nghe tin Đinh Liễn đã dẹp yên Cổ Loa, Lưu Xưởng bèn sai sứ sang phong cho Đinh Liễn làm Giao Châu tiết độ sứ để ràng buộc.

Biết chuyện, Bộ Lĩnh đem quân đến Cổ Loa gặp Đinh Liễn hỏi:

- Ta nghe nói sứ Nam Hán sang, hắn đến có việc gì?

- Thưa cha, chúa Nam Hán phong cho con làm Giao Châu tiết độ sứ.

Đinh Liễn đưa tờ chiếu của Lưu Xưởng cho cha, Bộ Lĩnh xé nát ra làm nhiều mảnh, nói với Đinh Liễn:

- Có phải đất đai của chúng đâu mà chúng có quyền phong cấp. Giá âu cướp được nước ta chúng cũng chẳng tha đâu!

Bộ Lĩnh đòi giết chết sứ Nam Hán, nhưng sứ đã về nước. Đinh Liễn, người con trai ngoài hai mươi tuổi, đang say sưa với chiến công đầu, bừng tỉnh trước cơn thịnh

nộ của bố.

Quả nhiên bình được Cổ Loa thế lực của Bộ Lĩnh ngày càng lớn mạnh. Ngô Nhật Khánh ở Giao Thủy, Phạm Phòng Át ở Đằng Châu cũng lần lượt đến xin hàng.

Trong lúc đó lại có tin Kiều Công Hãn ở Phong Châu và Đỗ Cảnh Thạc ở Đỗ Động đang rục rịch định chiếm lại Cổ Loa, Bộ Lĩnh quyết định phải gấp rút ra quân đánh dẹp. Bộ Lĩnh cho quân do thám bám sát tình hình Đỗ Động và chia quân đánh châu Phong và châu Ái trước.

Ngô Xương Xí ở Bình Kiều chưa đánh đã tan, chỉ có Kiều công Hãn ở châu phong đóng cửa thành chống cự. Bộ Lĩnh hạ lệnh cho Lưu Cơ vây thành. Đã hai ngày Công Hãn không chịu hàng. Bộ Lĩnh cho quân lính chuẩn bị mồi rơm. Đến ngày thứ ba Công Hãn vẫn chưa chịu hàng. Bộ Lĩnh cho quân lính chuẩn bị mồi rơm. Đến ngày thứ tư Công hãn vẫn chưa chịu hàng. Bộ Lĩnh ra lệnh đốt thành. Nhưng rồi Lưu Cơ lại được lệnh khoan hãy đốt, chỉ tập trung quân phá cổng thành, bắt sống Công Hãn, không được chém giết bừa bãi. Thành bị phá, Kiều Công Hãn bỏ thành theo cổng sau chạy ra bến Bạch Hạc, xuôi thuyền về Giao Thủy.

Sau hàng loạt chiến công, tinh thần quân sĩ thêm phấn chấn. Binh lực của Bộ Lĩnh mạnh như vũ bão, đánh đâu được đấy. Chỉ còn Cảnh Thạc ở Đỗ Động chưa chịu hàng phục. Bộ Lĩnh bàn kế ra quân đánh Cảnh Thạc.

Trong lúc sĩ khí đang lên thì Trần Lãm hấp hối trên giường bệnh. Biết mình không thể sống được nữa. Trần Lãm cho gọi Bộ Lĩnh vào mà nói:

- Tướng quân đến với ta... Nay toàn cõi Nam bang đã về tay tướng quân gần hết... Tướng quân xứng đáng là người đảm đang việc lớn của thiên hạ...

Trần Lãn qua đời, Chôn cất Trần Lãm xong. Bộ Lĩnh bàn chuyện ra quân.

Trong cuộc họp các tướng lĩnh, mọi người tôn Bộ Lĩnh lên làm Vạn Thắng Vương và bàn dời đại bản doanh về Hoa Lư rồi hãy ra quân.

Một tháng sau, từ Hoa Lư đại quân của Bộ Lĩnh chia làm bốn cánh kéo cờ Vạn Thắng Vương lên đường đi đánh dẹp Cảnh Thạc.

Cảnh Thạc, nhà tướng cũ của Ngô Quyền, là người có nhiều mưu trí, đã từ lâu chiếm giữ một vùng rộng lớn, đắp thành ở trang Liệp Hạ để trấn giữ mặt Tây, mặt đông có thành Bảo Đà. Ngày đêm Cảnh Thạc lo luyện quân, tích lương, nuôi chí mưu đồ vương bá.

Đại quân Hoa Lư do Đinh Bộ Lĩnh chỉ huy chia làm bốn mũi tấn công thành Đỗ Động. Thành bị hạ, tướng giữ thành chạy trốn. Hôm đó Cảnh Thạc đang ở Bảo Đả nên thoát chết. Mất thành, Cảnh Thạc thu thập dư chúng quyết tâm kéo về chiếm lại, thề sống mái với Bộ Lĩnh.

Bộ Lĩnh bàn mưu cho Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lê Hoàn chia quân đến Bảo Đà khiêu chiến và đón Cảnh Thạc ở dọc đường. Theo kế hoạch của Bộ Lĩnh, gặp Cảnh Thạc các tướng sĩ giả thua chạy để nuôi lòng kiêu ngạo và chủ quan của hắn, tìm mọi cách dử về Đỗ Động, Cảnh Thạc mắc mưu. Đến nơi thấy cổng thành Đỗ Động

đóng chặt, từ trong thành tên bắn ra như mưa. Ngọn cờ Vạn Thắng Vương bay phấp phới trên đỉnh cột càng làm cho Cảnh Thạc thêm phẫn uất. Cảnh Thạc thúc quân vây thành, cố đánh phá, quyết bắt sống Bộ Lĩnh. Bỗng nhiên có tiếng reo hò vang dậy từ tứ phía. Quân của Lê Hoàn, Nguyễn Bắc, Đinh Liễn đã kéo về đánh mặt sau. Bộ Lĩnh liền tung quân dũng mãnh trong thành đánh ra. Bị kẹp vào giữa, Cảnh Thạc liều chết trà trộn vào đám loạn quân cùng vài người thân cận lọt được vòng vây, nhằm hướng Bắc chạy thoát.

Toàn thắng, Bộ Lĩnh dẫn đại quân về Hoa Lư.

Đánh dẹp được Cảnh Thạc, Đinh Bộ Lĩnh chấm dứt thời kỳ loạn mười hai sứ quân kéo dài hơn hai mười năm trời. Đất nước trở lại thống nhất và thanh bình. Nhân dân vui mừng được an cư lạc nghiệp.

Trong lúc khắp nơi tưng bừng vui hội thống nhất non sông, thì ở Hoa Lư, Bộ Lĩnh lên ngôi vua. Bề tôi dâng tôn hiệu Đại Thắng Minh Hoàng đế.

Lên ngôi, nhà vua băn khoăn tìm đất định đô và đặt tên nước. Trong một tiệc rượu có đông đủ bộ tướng và mưu sĩ, Bộ Lĩnh nói với mọi người:

- Chọn đất định đô là việc hệ trọng. Ta vẫn có ý muốn chọn Đàm Gia nhưng Đàm Gia tuy bằng phẳng mà không lợi địa thế, còn Hoa Lư thì hiểm trở nhưng lại hẹp.

Mọi người suy nghĩ, Lê Hoàn bàn nên đóng đô ở Hoa Lư.

Hoa Lư tuy có hẹp nhưng hiểm trở. Từ Hoa Lư vươn tay ra mặt Bắc cũng gần. Mặt sau lưng dựa vào Hoan Ái vững chắc. Vả lại một khi giặc tràn sang, từ Hoa Lư ta có đủ thì giờ đến trở tay đối phó.

Bộ Lĩnh cho là phải. Ngô Chân Lưu, một nhà sư trước đây có dịp cùng Bộ Lĩnh hội kiến, hôm nay cũng có mặt ở đây, nhìn Lê Hoàn thầm phục viên võ tướng có tài mà lời nói cử chỉ lại giống như một văn quan.

Khi bàn đến việc chọn tên nước, Bộ Lĩnh chỉ vào Ngô Chân Lưu:

- Nhà sư học rộng biết nhiều, hãy cho ta biết ý nhà ngươi ra sao?

Ngô Chân Lưu đáp:

- Tâu hoàng đế, cứ như kẻ bần tăng này, thì nước ta rộng, dân ta đông, tuy trước đây đã nhiều năm bị đô hộ dưới ách ngoại bang, nhưng cũng nhiều phen dân ta nổi dậy đánh đuổi chúng, giành lại độc lập. Hiện nay một dải non sông tương đẹp vẫn hiên ngang còn đó, ta nên đặt tên nước là Đại Việt.

Bộ Lĩnh nghe nói, gõ gương xuống bàn cười:

- Nhà sư nói hợp ý ta! Họ có đất nước, có vua, có kinh đô của họ, ta cũng có nước, có kinh đô của ta, chịu thua kém gì ai. Rồi đây còn phải đặt niên hiệu riêng của ta nữa chứ!

Mọi người cười vang.

Như chợt nhớ điều gì, nhà vua lại nói tiếp:

- Đại Việt đã là hay nhưng toàn chữ của nước người. Ta phải nói sao cho cả bàn dân thiên hạ hiểu và biết rằng nước ta to lớn. Ta đặt tên nước Đại Cồ Việt có phải hay hơn không?

Ai nấy cười vui sướng với tên nước Đại Cồ Việt, nghe gần gũi với mình hơn. Cho đến vò rượu cuối cùng dốc cạn, nhà vua và mọi người vẫn chưa hết cười nói rộn ràng chung quanh chuyện định đô ở Hoa Lư và đặt tên nước là Đại Cồ Việt.

Mấy hôm sau, một ngày đẹp trời, nhà vua làm lễ lên ngôi hoàng đế. Tại Hoa Lư giữa hai hàng gươm giáo tuốt trần, Đinh Tiên Hoàng ngồi trên chiếc kiệu cửu long tiến về bệ rồng xây bằng đá ở ngoài trời. Tiếng chiêng trống hòa vào nhau vang rền. Ngọn cờ đại mang năm chữ "Đại Thắng Minh Hoàng đế" bay phần phật trên đỉnh cột, Cờ xí rợp trời. Tiếng trẻ em reo hò không lúc nào ngớt.

Từ trên bệ rồng, Đinh Tiên Hoàng bố cáo cho mọi người biết giặc giã đã yên, đất nước từ nay thống nhất. Nước Đại Cồ Việt ra đời và định đô ở Hoa Lư. Tiếng hò reo nổi lên như sấm.

Đinh Tiên Hoàng đưa mắt nhìn mọi người. Chung quanh nhà vua quân sân sát vai nhau, tầng tầng lớp lớp. Đôi mắt nhà vua nhìn bao quát những người đã cùng vào sinh ra tử trong hơn hai mươi năm trời. Những con người ấy cũng thiết tha với đất nước, sẵn sàng bỏ mình vì ngày mai của tổ quốc và gắn bó với nhà vua như cá với nước. Đôi mắt nhà vua bỗng dừng lại ở đám trẻ vác cờ lau chạy nháo nhác vòng ngoài. Hình ảnh thời niên thiếu của nhà vua ba mươi năm trước, nay hiện về trong đám trẻ nhỏ. Nhà vua bước xuống bệ rồng, dắt Lê Hoàn rẽ đám đông, đi về phía lũ trẻ. Mọi người ngạc nhiên nhìn theo. Trẻ con sợ hãi chạy toán loạn. Nhà vua cười vẫy tay gọi lũ trẻ, chúng chạy đến vây quanh nhà vua. Đinh Tiên Hoàng xoa đầu từng đứa và tiện tay thu mấy bông hoa lau rồi cùng Lê Hoàn về chỗ cũ.

Trên bệ rồng, Đinh Tiên Hoàng một tay cầm hoa lau, một tay nắm chặt đốc gươm, cất tiếng sang sảng:

- Các người theo ta lúc bốn phương loan lạc, đất nước còn bị chia xẻ. Nay bọn giặc cỏ làm tan nát đất nước đã bị quét sạch. Ta ra lệnh cho các người mở tiệc để chào mừng nước Đại Cồ Việt to lớn của chúng ta.

Nói đến đây nhà vua chỉ tay về phía đàn trẻ nhỏ và quay lại ra lệnh cho Lê Hoàn:

- Lê tướng quân nhớ ban cho lũ trẻ kia trâu rượu và gạo nếp để chúng cùng được hưởng vui. Vận nước sau này là ở trong tay lũ chúng.

Ai nấy đều sung sướng. Riêng các cụ già và những người nhiều tuổi lại còn hiểu được sâu sắc hơn việc làm đó của nhà vua. Con người hôm nay lên ngôi, đang đứng oai nghiêm trước mặt họ, không phải là ai khác, chính là cậu bé họ Đinh năm xưa. Ba mươi năm trước đây, ngườ ấy đã từng kết bạn với lẽ trẻ chăn trâu và hàng ngày cờ lau tập trận ở vùng đồi núi châu Đại Hoàng này. Con người ấy đã dẫn họ và con cháu họ vác gươm đi chiến đấu hơn hai mươi năm ròng rã cho nền thống nhất của đất nước mến yêu. Con người ấy đã cùng họ dựng lên nước Đại Cồ Việt, làm rạng rỡ cho tổ tiên cho nòi giống.

Trong ngày vui toàn thắng, giữa kinh đô Hoa Lư còn ngổn ngang hào lũy, nhà vua cùng mọi người đều thấy tự hào và kiêu hãnh, niềm tự hào và kiêu hãnh cao đẹp của một dân tộc biết đoàn kết thành một khối vững mạnh để tồn tại.

Từ khi đô Hoa Lư Trái tim của nước Đại Cồ Việt, tỏa ra một nguồn vui phơi phới như những đỉnh núi đá nhấp nhô, sắc cạnh, vây bọc Hoa Lư đang chọc trời vươn lên trong nắng đẹp.

Lê Hoàn

Kinh Đô Hoa Lư xao xuyến vì biến động. Từ thâm cung của Dương thái hậu cho đến nếp nhà tranh của người dân thường, cả kinh thành thấp thỏm e tai biến khôn lường sẽ bất ngờ ập đến.

Hoa Lư, một ngày mùa thu êm đẹp là thế, nhưng trong hoàng cung thâm nghiêm và tráng lệ, bên cạnh bầy nữ tỳ thân tín và đội quân thủ túc dũng mãnh, Dương Thái hậu vẫn cảm thấy cô đơn, hoang lạnh. Đinh Tiên Hoàng vừa chết, con trai Đinh Toàn bèn lên ngôi kế vị hãy còn trứng nước. Rồi đây những vạc dầu và chuồng cọp của tiên đế để lại không biết có giúp mẹ con bà giữ yên được thế nước hay không? Chuyện mười hai sứ quân đã qua rồi, nhưng cảnh tượng tan tác xiêu giạt vì tao loạn vẫn đọng lại trong ký ức của bà, mà cuộc đời hơn mười năm hoàng hậu vẫn không xóa được.

Nét ưu phiền chồng chất trên dung nhan rực rỡ, có phần sắc sảo, ở cái tuổi "Trẻ chưa quá già chưa tới" của Dương Thái hậu. Một mình trong căn lầu vắng lặng, ngồi bên cửa sổ, Thái hậu nhìn ra ngoài. Mặt trời đang rơi vội, để rồi trốn biệt sau đỉnh núi. Thoáng nghe tiếng chân bước nhẹ nhàng, bà quay lại. Người nữ tì thân tín đã đến hầu:

- Tâu Thái hậu, Thập đạo tướng quân vừa đến, xin triều yết việc cơ mật gấp.

Một niềm vui bất ngờ đối với bà. Từ ngày nhà vua bị ám hại, việc gặp gỡ giữa Thập đạo tướng quân và Dương Thái hậu để luận bàn việc nước là chuyện thường. Hôm nay, điều không ngờ là Thập đạo tướng quân tìm đến với bà vào lúc cảnh vật đang trở nên mờ ảo và bà đang cảm thấy lo âu trống trải lạ thường.

- Thập đạo tướng quân!

Dương Thái hậu khẽ nhắc lại, rồi từ từ đứng dậy. Người nữ tỳ nâng hộp trầu bước theo...

Ánh lửa từ cây đèn hàng chục tim bấc hắt ra run rẩy, soi rõ khuôn mặt biến sắc dưới vành khăn tang của Dương Thái hậu. Thập đạo tướng quân Lê Hoàn khoan thai dậm từng bước trên nền hoàng cung lát đá nhẵn. Mái tóc hoa râm hơi nghiêng về trước. Dương Thái hậu nhìn theo, gặng hỏi:

- Thập đạo tướng quân ơi! Tin dữ này liệu có thể là huyền hoặc không?

Lê Hoàn quay lại:

- Tâu Thái hậu, viên quan trấn giữ Lạng Châu từ phân giậu phía bắc khẩn cấp báo về thì huyền hoặc sao được? Vả, cứ lý mà suy, phương Nam rối loạn khỏi đâu không lọt vào tai mắt của vua tôi nhà Tống, Thừa cơ sang đánh cướp nước ta vốn là mưu đồ đen tối của lũ chúng.

Một tiếng thở dài, tiếp theo là câu nói thốt ra từ cảm xúc chân thành của Dương Thái Hậu:

- Số phận mẹ con tôi lúc này nằm trong tay tướng quân... Xin hãy vì mẹ con tôi mà trù liệu mưu kế.

Lê Hoàn vẫn yên lặng. Không phải đợi đến lúc Thái Hậu ủy thác, Lê Hoàn đã nghĩ đến điều đó từ ngày nhà vua bị giết hại. Việc dẹp loạn Nguyễn Bặc, việc cấp tốc rèn luyện quân sĩ mười đạo trong những ngày gần đây của Lê Hoàn cũng chỉ nhằm giữ yên thế nước, vững cõi bờ. Đó cũng là hoài bão lớn lao mà ông đã tôn thờ, ôm ấp từ ngày biệt cha nuôi họ Lê, rời quê hương Châu Ái theo Đinh Bộ Lĩnh giúp dân dựng nước. Là viên tướng cầm quân mười đạo, ông há chẳng biết rằng việc nhà vua bị tiết hại, triều đình lục đục lại không phải là dịp tốt cho giặc ngoài xâm lấn hay sao? Và vì vậy, tin dữ từ Lạng Châu đưa về không làm cho Lê Hoàn ngỡ ngàng. Có chăng Dương Thái hậu, trước những tai biến dồn dập đã phần nào lo sợ. Bà chỉ còn trông cậy vào viên cận thần thân tín... Nhưng Lê Hoàn vẫn lặng lẽ. Dường như lời nói thốt ra từ trái tim của Dương Thái hậu không hề gây xúc động đối với viên tướng lòng gan dạ sắt ấy. Theo ông, đây không phải là chuyện riêng tư của Dương Thái Hậu, mà là chuyện mất còn của đất nước. Trong cuộc đời cầm quân từ trước đến nay, ông chưa hề lùi bước trước một nguy nan. Nhận lệnh không khó. Cái khó, theo ông là thực hiện lệnh đó như thế nào để thắng được giặc mạnh.

- Tâu Thái Hậu, Lê Hoàn chắp tay, nhìn vào khuôn mặt trắng bệch của Dương Thái hậu:

- Năm xưa, Ngô Vương phá giặc Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Nay giặc Tống lại hùng hổ sang xâm lược, quân dân ta ai mà không hăm hở theo bước người xưa vùng dậy giữ nước nhà? Đó là cội nguồn của việc thắng giặc. Nhưng... Có quân sĩ hùng mạnh lại cần phải có nhiều tướng giỏi. Một mình tôi sao làm tròn được lệnh của Thái hậu giao cho?

- Ta cho tướng quân toàn quyền chọn lựa những người tài giỏi trong quân sĩ, tùy từng người mà trao tước vị khác nhau để cùng lo sự giặc.

- Tâu thái hậu, tại sao người lại không nghĩ đến Phạn Cự Lạng?

- Phạm Cự Lạng!

Dương Thái hậu không ngờ Lê Hoàn nhắc đến người nầy. Vẫn biết Phạm Cự Lạng là viên tướng có tài, nhưng Thái hậu còn e ngại về chuyện anh ruột của ông ta là Phạm Hạp bị triều đình trị tội vì việc nổi loạn năm ngoái. Biết đâu chẳng do chuyện này mà gây ra hiềm khích giữa Lê Hoàn và Phạm Cự Lạng, làm cho ông ta nghi kỵ triều đình. Trong tình thế này, sự bất hòa giữa hai viên tướng sẽ không may

cho mẹ con bà và là tai họa cho trăm họ. Chưa rõ ý của Lê Hoàn, Dương Thái hậu dè dặt:

- Phạm Cự Lạng là viên tướng có tài, lại được quân sĩ mến phục, nhưng chuyện Phạm Hạp còn chưa nguôi...

Hiểu ý Dương Thái hậu, Lê Hoàn nói thẳng điều suy nghĩ của mình:

- Phạm Cự Lạng là kẻ kiệt liệt. Cha ông người ấy đã từng theo các bậc tiên vương để chống giặc giữ nước; khi non sông bị chia xé, lại cùng nhà vua ghé vai dựng nước. Nay, chẳng lẽ việc Phạm Hạp phản phúc phải chịu tội với triều đình lại khiến cho con người ấy không đem tài ba để cứu nước hay sao? Tôi tin Phạm Cự Lạng không phụ lòng mong đợi của Thái hậu. Xin Thái hậu hãy nghĩ đến Phạm Cự Lạng như nghĩ đến cánh tay phải của mình.

Dương Thái hậu không ngờ vị tướng đang đứng trước mặt mình lại nhìn người bằng con mắt sắc sảo và độ lượng đến như thế. Bà đã nhầm khi nghĩ về Phạm Cự Lạng cũng như bà đã tự thấy mình chưa hiểu hết đức độ và lòng tin của Lê Hoàn. Mối lo vì sự bất hòa giữa hai viên tướng không còn ám ảnh Dương Thái hậu. Bà bàn với Lê Hoàn:

- Ta phong cho Phạm Cự Lạng giữ chức đại tướng cùng với ngài lo việc chống giặc.

Trong suy nghĩ của văn võ đại thần triều Đinh, thập đạo tướng quân Lê Hoàn vẫn luôn luôn là trụ cột của triều đình. Và, vào lúc tổ quốc lâm nguy như bây giờ lại càng không thể không trông cậy vào tài ba chèo chống của con người ấy. Tuy nhiên, những điều dị nghị về Lê Hoàn ai cũng biết. Nắm trong tay quân sĩ mười đạo, lại được Dương Thái hậu, ấu chúa Đinh Toàn và bá quan văn võ đang dự triều hội, Lê Hoàn vẫn là một triều thần. Nhất cử nhất động của ông đều tùy lệnh Dương Thái hậu đang giữ quyền nhiếp chính.

Hoàng cung Hoa Lư đồ sộ và lặng lẽ. Cái lặng lẽ vốn có của tòa cung điện thâm nghiêm càng thêm nặng nề vì mối lo chống giặc đang chiếm lĩnh tâm tư của những người dự triều hội. Phá tan không khí nặng nề ấy, chỉ có giọng nói sang sảng và rành rọt của Thập đạo tướng quân tâu bày kế sách chống giặc. Từng lời nói rắn chắc của ông dần dần mở ra trước triều đình một chân trời sáng sủa. Để kết thúc lời tâu bày của mình Lê Hoàn nói:

- Tâu Thái hậu, theo sự suy đoán của tôi, giặc Tống liều lĩnh tràn vào nước ta, phen này nhất định sẽ phải đại bại vì lưỡi gươm của quân dân Đại Cồ Việt!

Văn võ bá quan đợi chờ lời phán quyết của Dương Thái hậu. Nhưng rồi buổi triều hội dừng lại. Có tiếng chân rầm rập bước lên tam cấp. Các tướng lệnh nhung phục oai nghiêm nối nhau tràn vào. Ngoài sân hoàng cung, quân sĩ kéo đến mỗi lúc một đông. Ánh gươm đao lấp loáng dưới nắng tháng bảy.

Trước đây một năm, khi quân sĩ bất ngờ vào hoàng cung hẳn có chuyện không lành. Nhưng bây giờ, lệnh động binh đã truyền khắp chốn. Riêng ở kinh đô, việc rèn quân luyện tướng, sửa soạn binh khí đang sôi sục ngày đêm, thì chuyện đó cũng

không đáng ngại. Vả lại, dẫn đầu tướng lệnh chính là Phạm Cự Lạng, con người mới được Dương Thái hậu phong cho làm đại tướng. Và các tướng lệnh, quân sĩ hùng mạnh ấy lại chính do Thập đạo tướng quân Lê Hoàn rèn luyện gầy dựng lên. Họ đến đây để đợi lệnh của triều đình? Không! Lệnh động binh đã ban rồi. Quân sĩ từ ngũ cho đến đạo đã sắp sẵn. Giặc xâm phạm bờ cõi, chỉ có lệnh "đánh". Ai mà không biết điều đó!

Lùng tùng trước sự việc bất ngờ, Dương Thái hậu đưa mắt nhìn Thập đạo tướng quân Lê Hoàn. Nhưng Lê Hoàn chưa kịp cất lời, thì Phạm Cự Lạng đã tiến trước triều thành. Một tay nắm đốc gươm, một tay đặt ngang ngực. Phạm Cự Lạng nghiêng mình chào mọi người rồi lớn tiếng nói với quân sĩ:

- "Này! Thưởng người có công mà phạt kẻ không vâng lệnh, đó là phép hành binh. Bây giờ chúa thượng hãy còn thơ ấu, bọn ta dẫu hết sức liều chết, may có lập được chút công lao thì ai biết cho? Chi bằng trước hãy tôn ngay Thập đạo tướng quân lên làm thiên tử, sau sẽ ra quân".

Phạm Cự Lạng dứt lời, hoàng cung Hoa Lư rung chuyển vì lời tung hô "Vạn tuế! Vạn tuế!" phát ra từ đội ngũ tướng lệnh và quân sĩ trùng điệp. Trong khoảnh khắc, cả triều đình không ngờ sự việc lại xảy ra đến như thế. Ngót một năm trước, Phạm Hạp anh ruột của Phạm Cự Lạng đã cùng Nguyễn Bặc, Đinh Điền nổi dậy chống Lê Hoàn mong trừ chuyện thoán đoạt. Việc không thành, cả ba cùng chịu chết. Nay chính em trai Phạm Hạp lại đem tướng lệnh và quân sĩ vào tận hoàng cung tôn Lê Hoàn lên ngôi vua! Điều đó hẳn không phải là ý riêng của một người, mà là một việc làm tối cần thiết, khẩn yếu trước lúc xuất quân, nhưng lại bất ngờ đến nỗi triều thần phải ngơ ngác. Ai nấy đều biết rằng lúc này người duy nhất cứu nguy được cho nòi giống là Thập đạo tướng quân chứ không phải ấu chúa. Nhưng nên hay không trong việc hệ trọng này là phải do Thái hậu định đoạt.

Hàng trăm con mắt hướng về Dương Thái hậu. Không nói một lời, bà đứng dậy, lùi vào hậu cung, rồi trở ra với hai nữ tỳ nâng cao hòm bảo vật. Mọi người nhìn Thái hậu khoan thai bình tĩnh trong xiêm áo thướt tha. Trước mặt triều thần, tấm áo long cổn bằng vóc vàng lấp lánh vẩy rồng đang mở rộng trên đôi tay Dương Thái hậu. Sai người khoác áo long cồn lên vai Thập đạo tướng quân, Dương Thái Hậu nói với Lê Hoàn:

- Thập đạo tướng quân! Cho được yên lòng quân sĩ xin mời ông cầm quyền giữ nước!

Tiếng reo mừng tán thưởng rộ lên trong binh sĩ, tưởng như sấm dậy giữa một ngày tháng bảy, mùa thu năm Canh Thìn.

Lê Hoàn đưa thư của Tống Thái Tông cho Phạm Cự Lạng. Lời lẽ cuối thư càng làm cho nhà vua thêm phẫn nộ: "Người có muốn ra khỏi nơi man di ở góc biển để xem nhà Minh Đường, Bích Cung không? Trút bỏ áo cỏ mà mặc áo cồn đẹp thêu núi thêu rồng không? Ngươi nên quy phục, không nên vơ lấy tội. Hiện nay ta đang sửa soạn quân đội, chiêng trống, nếu quy phục ta sẽ tha, trái lệnh ta sẽ đánh. Theo hay không, lành hay dữ, người tự nghĩ lấy"

Ánh sáng lấp lánh từ những mặêt ngọc gắn trên vành vương niệm rung rinh, nhà vua nén giận, chờ viên đại tướng họ Phạm đọc thư. Phạm Cư Lạng đọc xong đặt thư xuống kỷ, tâu lên Lê Hoàn:

- Muôn tâu, không dùng lời lẽ đối với quân láo xược này được. Chúng đe dọa đem quân sang. Dám xin bệ hạ cũng cho lệnh xuất quân!

Lê Hoàn gật đầu. Vẻ giận dữ phát ra từ cặp mắt ngời sáng của nhà vua dường như có vẻ dịu đi. Lê Hoàn thầm nghĩ: "Đúng là như vậy, và sự việc tất phải diễn ra như vậy. Nhưng để cho sự việc diễn ra sớm hay muộn là điều phải cân nhắc". Đôi mắt nhà vua hướng về thái sư Hồng Hiến, có ý thăm dò người mưu sĩ tâm phúc của mình. Trước đây, vì mến phục tài đức của Lê Hoàn mà Hồng Hiến theo về giúp rập. Nay cảm ơn tri ngộ ấy, lại còn cái nghĩa vua tôi phải đền đáp, Hồng Hiến muốn đem hết những hiểu biết của mình để bàn góp với nhà vua. Xem lại lời lẽ của Tống Thái Tông, Hồng Hiến thưa:

- Muôn tâu, vua Tống kiêu rông, ngang ngược đe dọa chúng ta. Theo ngụ ý của thần, bệ hạ nên trước hãy dùng lời lẽ để đối đáp. Hòa hoãn được tình thế là bệ hạ đã thắng trận đầu rồi đó!

Thái sư Hồng Hiến đã bắt đúng mạch suy nghĩ của nhà vua. Nói đến việc chống giặc Tống, một vùng đất rộng lớn cửa ngõ phía bắc và đông bắc của đất nước lại hiện ra trong trí nhà vua với ý nghĩ: "Giặc sẽ tràn sang bằng đường ấy và quân dân ta tất phải diệt chúng ngay ở đó. Về đường thủy, trước kia Ngô Vương đã lập mưu chống giặc trên sông Bạch Đằng. Còn đường bộ? Dải núi rừng hiểm trở ấy cần phải thăm dò kỹ mới lập kế chặn giặc tốt được". Vì vậy nghe lời thái sư Hồng Hiến, Lê Hoàn gật đầu:

- Người quả là người tâm phúc của ta. Ta sẽ cử người lo việc gặp Tống Thái Tông, dâng biểu của Đinh Toàn cầu nối ngôi cha. Vua Tống chấp nhận là ta đã có thêm thời gian sửa soạn. Bằng không, tưởng là ta khiếp sợ, Tống Thái Tông càng thêm kiêu rông tự đắc, liều lĩnh cất binh. Điều đó cũng có lợi cho ta!

Nhà vua quay lại nói với Phạm Cự Lạng:

- Lúc bấy gờ chúng ta thắng giặc cũng chưa muộn. Nhưng từ nay đến ngày ấy, Phạm tướng quân phải điều quân sĩ về chặn vùng sông Bạch Đằng và vùng ải Bắc, như ta đã bàn kỹ với tướng quân!

Theo lệnh nhà vua, nha hiệu Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ lên đường sang nước Tống. Tống Thái Tông sai Trương Tôn Quyền đem thư đến Hoa Lư. Đọc thư vua Tống: "Họ Đinh truyền nối ba đời, trẫm muốn cho Toàn làm thống soái, khanh làm phó; nếu Toàn không có tướng tài, hay còn non dại thì nên bảo mẹ con sang quy phục, đợi khi vào chầu, tất sẽ ưu đãi và sẽ cho khanh cờ tiết. Có hai đường ấy, khanh nên chọn lấy một đường. Lê Hoàn im lặng, không trả lời.

Nhà vua chọn con đường không phải do Tống Thái Tông vạch, mà là con đường điều quân lên ải Bắc.

Và giờ đây, vào những ngày cuối năm Canh Thìn, theo con đường ấy, Phạm Cư

Lạng cùng tướng lệnh, binh sĩ đang hành quân gấp gáp trong giá lạnh. Họ sẽ vui mừng đón xuân mới ngay trên biên thùy nước Đại Cồ Việt mến yêu của mình.

Cây rừng xanh tốt, từng mảng đậm nhạt nối nhau chạy dài. Những đỉnh núi cao nhấp nhô chìm trong mây. Men theo đường mòn ven sông Chi Lăng, Lê Hoàn đi thị sát trận địa. Nhà vua chăm chú nhìn những lũng đen ngòm thọc sâu vào sườn núi ở hai bên tả hữu. Đằng trước, núi Mặt Quỉ án ngữ sừng sững như hổ phục. Và phía sau, dãy chiến lũy đá thiên thành từ hai bên thắt lại, ngọn núi Mã Yên lọt vào giữa như cổng thành chặn giữ mặt nam "Ải Bắc quả là cửa tử đối với bất cứ quân xâm lược nào muốn từ phương Bắc tràn vào nước Đại Cồ Việt", Nhà vua thầm nghĩ và cảm thấy vui sướng vì thiên nhiên đã tạo cho đất nước một vùng cửa ngỏ hiểm trở và hùng vĩ đến nhường ấy. Niềm vui của nhà vua lại càng tăng lên gấp bội và trong các lũng sâu thẳm và bí ẩn kia, có hàng vạn quân sĩ đang mai phục. Trong đó có cả những đạo quân vừa đánh lui giặc ở sông Bạch Đằng. Dưới vó ngựa của nhà vua, cỏ núi lè tè phủ đầy mặt ải. Bất giác Lê Hoàn nhớ lại những ngày ấu thơ của mình. Đó là những ngày sống bên người mẹ nghèo ở làng Trung Lập, những ngày ở với cha nuôi họ Lê ở làng Phong Mỹ thuộc đất Ái Châu, những buổi chăn trâu trên đồng cỏ, những chiều cùng các bạn cưỡi trâu bơi thi trong đầm. Chuỗi ngày ấy chỉ thoáng hiện lờ mờ. Duy có ngày từ giã cha nuôi, từ giã thầy bạn để lên đường lập nghiệp, nhà vua vẫn nhớ như in. Từ ấy, vào đúng tuổi mười lăm của mình, cuộc đời nhà vua đã chuyển sang một chặng mới. Đã hai mươi lăm năm rồi. Hai mươi lăm năm dốc hết sức trai để dựng nước, và giờ đây nhà vua lại đang lo gìn giữ từng tấc đất của non sông. Trong cuộc đọ sức với giặc Tống, nhà vua đã thắng trận đầu tiên trên sông Bạch Đằng. Tên bại tướng Lưu Trùng hẳn đang vỡ mật chạy trốn về nước...

Bản doanh của đại tướng Phạm Cự Lạng đặt dưới mái đá hun hút. Tháng ba, trời bắt đầu oi bức mà ở đây hơi lạnh từ hang núi vẫn hắt ra ngăn ngắt. Vừa thấy nhà vua, Phạm Cự Lạng đã vội phục xuống làm lễ. Viên đại tướng không giấu được niềm vui:

- Muôn tâu! đội quân trá hàng của ta phái đi đang dẫn Hầu Nhân Bảo tiến sâu vào nội địa.

Nhà vua cúi nâng Phạm Cự Lạng dậy:

- Đây là bản doanh của viên tướng đem quân ra ngoài thành, chứ không phải hoàng cung Hoa Lư!

Vua tôi cùng cười.

Quả vậy, trước mặt Phạm Cự Lạng không phải là vua Lê mặt áo lông cổn ngự trên ngai rồng nơi hoàng cung tráng lệ, mà là Thập đạo tướng quân Lê Hoàn năm xưa. Bộ sắc phục võ tướng với tấm hộ tâm bằng đồng che trước ngực càng làm cho nhà vua thêm hùng dũng. Và đặc biệt là chiếc mũ đầu mâu bằng da gắn ngù nạm ngọc óng ánh càng tôn vẻ cương nghị trên khuôn mặt sắc sảo ở cái tuổi bốn mươi của nhà vua. Ấn mạnh đốc gươm, vành đai lưng trễ xuống, thanh kiếm trường nằm ngang bên hông, nhà vua vỗ vào vai Phạm Cự Lạng:

- Trúng kế của ta, cánh quân Hầu Nhân Bảo không tránh khỏi đại bại. Giặc Tống

chia làm ba mũi tràn vào nước ta. Ta đã đánh lui cánh quân thủy ở sông Bạch Đằng, ta sẽ diệt quân bộ của chúng ở đây. Còn một đạo quân thủy do Trần Khâm Tộ theo đường sông Thái Bình đã tràn sâu vào nội địa, ta không thể cho chúng thoát.

Điều nhà vua nói, Phạm Cự Lạng đã nghĩ tới từ khi còn ở Bạch Đằng. Ông vẫn băn khoăn không hiểu tại sao nhà vua không chia quân chặn Trần Khâm Tộ mà lại điều cả về Chi Lăng. Đến bây giờ nhà vua lại nghĩ đến cánh quân Trần Khâm Tộ. Phạm Cự Lạng mạnh dạn:

- Tâu bệ hạ, thần trộm nghĩ một khi quân bộ của Hầu Nhân Bảo bị diệt thì quân thủy của giặc không đánh cũng tự tan.

- Sau khi đánh lui giặc ở Bạch Đằng ta cũng nghĩ như vậy, nhưng bây giờ khác rồi.

Thái sư Hồng Hiến cũng không hiểu được ý của nhà vua ra sao. Cả hai người cùng yên lặng chờ đợi.

- Các ngươi nên nhớ, giặc Tống quỷ quyệt. Chia đường cùng tiến là nhằm xé nhỏ lực lượng của ta đó. Tuy đã thắng giặc ở Bạch Đằng, nhưng nếu chưa nắm chắc phần thắng đối với cánh quân bộ hùng mạnh của Hầu Nhân Bảo thì sao lại trúng kế của ta, đang tiến sâu vào đất chết. Đã đến lúc phải chia quân để diệt Trần Khâm Tộ!

Không lường được kế sách chống giặc của nhà vua biến hóa mau lẹ đến như vậy, Phạm Cự Lạng đưa mắt nhìn thái sư Hồng Hiến. Cùng một ý nghĩ như Phạm Cự Lạng, Hồng Hiến trình với Lê Hoàn:

- Tâu bệ hạ, cứ như ngụ ý của thần thì tập trung quân diệt Hầu Nhân Bảo ở đây là thượng sách. Trần Khâm Tộ nghe tin bộ binh bị bại tất sẽ lui quân chẳng cần phải điều quân chi cho mệt tướng sĩ.

Nhà vua khoát tay nhìn Hồng Hiến:

- Tập trung quân ở đây cũng thắng được giặc, nhưng là hạ sách. Ta không muốn thế. Để giặc ra vào an toàn như hành quân trên đất nước chúng là có tội với muôn dân. Thế của ta bây giờ khác lắm rồi. Phạm tướng quân phải điều gấp các đạo hậu bị về Tây Kết giữ chân Trần Khâm Tộ lại. Diệt song Hầu Nhân Bảo ta sẽ hội quân hỏi tội chúng.

Mặt trời đã xế. Đoàn kỵ binh cúi rạp người trên lưng ngựa lao về hướng đông nam. Sau lưng họ, bụi trắng cuồn cuộn thành một vệt dài trên đường thiên lý. Và, núi rừng ải bắc xa dần, chỉ còn lại một đường viền xanh sẫm dưới chân trời tháng ba trắng đục.

Sau hơn hai ngày đêm hành quân thần tốc, đến bây giờ người ngựa đều mệt mỏi. Một vài kỵ binh phải dừng lại bên đường với con ngựa kiệt sức. Đi giữa hàng quân, Lê Hoàn chăm chú nhìn về phía trước. Những cánh đồng xanh tươi, nhưng doi đất thoai thoải phủ kín cỏ đồi, liên tiếp hiện ra hai bên đường không hề gợi lên trong trí nhà vua đang hướng về Tây Kết: "Nội đêm nay phải có mặt ở Tây Kết". Nhà vua quay đầu lại. Mặt trời mỗi lúc một sa xuống vội. Con ngựa của nhà vua chồm lên. Một kỵ binh nữa đi trước lại ngã sóng sượt bên chiến mã khụy gối. Nhà vua ghì

cương, khoát tay ra lệnh cho đoàn kỵ binh giục ngựa. Nhảy xuống cúi nâng người kỵ binh dậy, nhà vua vừa gạt mồ hôi ướt đẫm hai bên má vừa hỏi:

- Có đau lắm không?

Người lính gượng cười cố giấu nỗi đau đớn và luyến tiếc:

- Muôn tâu, tôi không còn ngựa để theo về Tây Kết.

Một nét buồn thoáng hiện trong ánh mắt nhà vua, nhường chỗ cho một niềm kiêu hãnh niềm kiêu hãnh của người đã rèn luyên nên những chiến binh sẵn sàng xông đến bất cứ nơi nào có giặc và biết làm nên mọi chiến thắng. Mới hai hôm thôi, trên chiến trường Chi Lăng, đội kỵ binh bày đã vung gươm rạch nát cánh quân bộ của Hầu Nhân Bảo, xua chúng vào ổ mai phục, bắt tướng giặc phải đền tội. Khi được lệnh theo nhà vua kéo nhanh về Tây Kết để diệt Trần Khâm Tộ, những chàng kỵ binh này đã reo mừng khiến quân bộ phải ghen tức vì không có ngựa. Hôm trước, chính chàng kỵ binh vừa ngã ngựa này đã từng trêu quân bộ: "Đừng về Tây Kết nữa, hành quân thẳng về Hoa Lư nghỉ ngơi cho khỏe nhé!" Thế mà bây giờ... Đã đến người thứ mấy phải dừng lại? Nhà vua cảm thấy vô cùng thương mến những chàng trai trẻ ấy. Không lo thiếu lực lượng diệt Trần Khâm Tộ, mà nhà vua tiếc cho người con trai lỡ dịp. Cả một thời trai trẻ không rời giáp trụ, theo đuổi hoài bão lớn lao, nhà vua càng thông cảm với những chàng trai bất hạnh đó. Nhưng không còn cách nào khác, nhà vua vỗ vào vai người kỵ binh:

- Tuổi trẻ còn nhiều dịp lập chiến công!

Nhà vua đưa mắt ra lệnh cho đoàn kỵ sĩ hộ vệ. Ngựa quay đầu hí vang. Năm con chiến mã đua nhau phi nước đại.

Ngồi lại bên đường, người kỵ binh trông theo. Nhìn ánh sáng lấp loáng từ bộ giáp bằng đồng phản chiếu ánh sáng chiều mỗi lúc một xa, người kỵ binh nói một mình:

- Không biết con ngựa chiến có đưa được vua về Tây Kết kịp trong ngày nay không?

Chân trời phía đông đỏ ứng báo hiệu một ngày đẹp. Tây Kết đầy sương. Trong ngôi đình cổ, nơi được chọn làm đại bản doanh. Trần Khâm Tộ ôm đầu lo nghĩ. Cứ như mọi hôm, vào lúc rạng đông mát dịu này, tên tướng giặc còn vùi mình trong giấc ngủ muộn. Nhưng đêm nay, từ lúc đoàn thuyền chiến trên sông Cái bị đốt phá vào cuối canh ba, Trần Khâm Tộ mất ngủ. Mặc dù được tin: Ngoài dăm chiếc thuyền bị hỏng, còn lại đều nguyên vẹn, Trần Khâm Tộ vẫn tiên đoán có một điều bất hạnh nào đó sẽ xảy ra.

Từ biển Đông ngược dòng sông Cái về chiếm đóng Tây Kết, Trần Khâm Tộ chờ hai đạo thủy bộ từ các mặt Bắc và Đông Bắc tràn vào Đại Cồ Việt để cùng tiến về Hoa Lư. Đã hơn một tuần trăng, Trần Khâm Tộ án binh bất động. Tin Lưu Trừng bị thất bại trên sông Bạch Đằng có làm cho Trần Khâm Tộ suy nghĩ. Nhưng còn đạo quân bộ của Hầu Nhân Bảo. Tên tướng giặc tin rằng đạo quân ấy ngày một ngày hai sẽ về đây, không ai có thể cản nổi. Đã mấy hôm nay, quân Đại Cồ Việt của tướng

Phạm Cự Lạng thường đến khiêu chiến. Trần Khâm Tộ truyền lệnh cho các bộ tướng không được khinh suất, phải cố thủ chờ đợi. Đêm nay quân Đại Cồ Việt đốt thuyền chiến. Tên tướng giặc chột dạ, hạ lệnh triệu bộ tướng đang trấn giữ ngoại vi Tây Kết về bản doanh hội kiến. Nhưng không chờ Trần Khâm Tộ triệu gọi, Quách Quân Biện đã tự tìm đến gặp chủ tướng.

Thấy Quách Quân Biện, Trần Khâm Tột giật mình vội hỏi:

- Có chuyện gì?

- Thưa ngài, Lê Hoàn vừa thần tốc đem quân về đây. Đạo quân của Giao Châu thủy lục chuyển vận sứ bị đại bại ở Chi Lăng, Hầu đại nhân đã tử trận!

Tên tướng giặc cúi đầu cố trấn tĩnh trước tin sấm sét bất ngờ ấy. "Đến nước này chỉ còn cách rút quân! Lê Hoàn làm sao đã điều quân về đây nhanh đến thế? Rút sao cho an toàn khi quân Đại Cồ Việt đã bắt đầu đánh phá thuyền chiến?" Hàng loạt suy nghĩ quay cuồng trong đầu tên tướng giặc. Nhưng rồi Trần Khâm Tộ vẫn còn đủ sáng suốt để nhớ đến đức bình tĩnh cần phải có của người cầm quân. Và, vào lúc lâm nguy lại càng không được hoảng hốt khiến quân sĩ hoang mạng đến tự tan vỡ. Đeo thanh kiếm vào bên hông, Trần Khâm Tộ hỏi chậm rãi:

- Ta cần hỏi lại xem tin có xác thực không? Nhưng bất luận đúng sai, cũng không để cho tin đó loan truyền trong quân sĩ!

- Thưa ngài, một số quân lính của ta mới bị bắt ở đây trốn được về, mang tin truyền cho đồng đội.

Trần Khâm Tộ muốn nghe tận tai lời thuật của người biết chuyện. Năm tên lính Tống bị triệu đến, đứng cúi đầu trước thềm ngôi đình cổ. Tướng giặc quát hỏi:

- Các ngươi nghe ra sao? Kẻ nào đã tận mắt trông thấy Lê Hoàn và kỵ binh Đại Cồ Việt?

Năm tên lính run bần bật. Biết không thể yên lặng được, tên lính nhiều tuổi nhất trong bọn phải lên tiếng:

- Thưa chủ tướng, vào khoảng quá nửa đêm Lê Hoàn đã dẫn kỵ binh về đây đóng chật nội. Thừa lúc quân Đại Cồ Việt vui như hội truyền cho nhau tin Hầu đại nhân bị hại ở Chi Lăng và vua của họ đã đem kỵ binh về Tây Kết, lũ chúng tôi trốn khỏi trại, trở về.

Trần Khâm Tộ quát tháo. Đôi mắt đỏ ngầu tròn xoe dưới cặp mày đen sì dựng ngược, tên tướng giặc rút gươm. Người lính thuật chuyện rơi đầu. Trần Khâm Tộ quát bảo những tên còn lại:

- Nghe tin nhảm, rồi hoang truyền trong đồng đội, lũ chúng mày đáng tội chết!

Chỉ vào xác tên lính khốn nạn đổ gục bên vũng máu, Trần Khâm Tộ truyền tiếp:

- Trông đó làm gương! Tha chết cho lũ mày, về đội ngũ không được hoang truyền nhảm nhí!

Khi bốn tên lính bước khỏi sân đình. Trần Khâm Tộ tra gươm vào vỏ nói với

Quách Quân Biện:

- Lê Hoàn quả là kẻ trí dũng. Trên dưới một tuần trăng, hắn đã phá được hai đạo quân thủy bộ của chúng ta, hãm Hầu đại nhân vào chỗ chết. Hắn đã đem quân kỵ về đây, sớm muộn chúng ta phải rút. Chuyện chiến thuyền bị đốt phá khiến ta lo nghĩ. Các ngươi phải đôn đốc quân sĩ giữ vững ngoại vị, không cho chúng lọt vào bến. Còn ta sẽ điều khiển đoàn chu sư, giữ bến sông, sau khi dò xét kỹ tình hình sẽ liệu kế.

Tên tướng giặc đi kiểm tra đoàn thuyền vừa kịp có mặt trong lâu thuyền chỉ huy thì chiến sự xảy ra ở ngoại vi Tây Kết. Trần Khâm Tộ hổi hả dẫn bầy vệ sĩ và quân đội thủ túc lên bộ, chỉ huy việc chống giữ. Tiếng chiêng trống vào hò reo mỗi lúc một gần. Từng tốp quân Tống lao về phía bến sông bị Trần Khâm Tộ chặn lại để lập vùng trời Tây Kết.

Từ quá nửa đêm, vừa đặt chân đến Tây Kết, Lê Hoàn đã bàn với Phạm Cự Lạng tìm mọi cách truyền tin thắng trận Chi Lăng cho quân sĩ và bắn tin cho giặc biết Hầu Nhận Bảo đã bị giết. Rồi nhân lúc giặc hoang mang rối loạn, nhà vua cùng Phạm Cư Lạng đem quân bất ngờ xông vào trại giặc.

Và, lúc này số phận đạo quân Trần Khâm Tộ hoàn toàn do Lê Hoàn định đoạt. Phạm Cự Lạng cùng tướng lệnh đang điều quân đánh thúc vào sườn giặc. Trong một cồn cây rậm rạp ven bờ sông Cái ở mạn bắc Tây Kết, đoàn kỵ binh, giáp trụ chưa kịp rũ bụi, đã sẵn sàng chờ lệnh nhà vua. Bầy ngựa chiến rung bờm dậm chân tại chỗ. Những tia nắng sớm xuyên qua cành cây soi loang lổ trên lưng ngựa. Dưới gốc cây cổ thụ bên ven cồn, Lê Hoàn cạnh chiến mã đang hướng về Tây Kết. Nhà vua chờ đợi tin giặc rút để đến lượt mình dẫn đoàn kỵ binh xung trận.

Từ Tây Kết, một kỵ binh hối hả đến ra mắt:

- Muôn tâu, quân ta xé giặc làm đôi, đánh thốc vào đại bản doanh của Trần Khâm Tộ. Giặc bắt đầu rục rịch rút xuống thuyền. Phạm Tướng quân đã cho một đạo quân tiến vào bến.

Nhà vua gật đầu, khoát tay truyền lệnh xuất quân. Bầy ngựa chiến theo triền sông lao về bến Tây Kết. Dưới lưỡi gươm của kỵ binh Đại Cồ Việt, giặc xô nhau xéo lên xác đồng đội. Trong khoảnh khắc, nhà vua chiếm được bến sông. Trần Khâm Tộ đã thoát xuống thuyền. Tên tướng giặc hạ lệnh nhổ neo, dong buồm chạy thục mạng ra biển. Một số lớn quân giặc bị bỏ lại để nhuộm máu phơi xương trên đồng ruộng Tây Kết. Hai bộ tướng giặc, Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân, cho đến lúc nằm trong nhà ngục Hoa Lư vẫn còn nguyền rủa Trần Khâm Tộ đã bỏ rơi chúng ở chiến trường Tây Kết.

Lầu Đại Cân cao vòi vọi, xinh xắn và nổi bật trong khu hoàng cung Hoa Lư mới dựng. Trên lầu cao nhìn xuống, các tòa điện Phong Lưu, Tử Hoa, Bồng Lai, Cực Lạc từ bốn mặt châu vào tòa Bách Bảo Thiên Tuế. Giữa những mái ngói màu đỏ sẫm quen thuộc nổi lên một mảng trắng lóng lánh của mái điện Long Lộc lợp bằng ngói bạc.

Tựa lan can trên hành lang lầu cao, Lê Hoàn cùng Đại sư Khuông Việt nhìn đội thiên tử quân đang diễu hành dưới tầm mắt. Con đường rộng, thoai thải từ hoàng cung dẫn xuống khu đất bằng phẳng dưới chân núi Đại Vân, rồi mất hút sau một mỏm đá. Xa hơn, núi non Hoa Lư lớp lớp đứng dựng. Một quãng tường thành mới đắp, hiện ra dưới chân hai khe núi. Hàng ngày vào những lúc rỗi rãi, sau buổi thiết triều, nhà vua lại rời tòa Bách Bảo Thiên Tuế đến ngôi lầu xinh xắn này để đọc sách hoặc cùng các vị pháp sư ngắm cảnh và đàm đạo việc nước.

Kể từ khi đánh thắng giặc ngoài đến nay, chưa đầy mười năm mà bộ mặt Hoa Lư đã thay đổi hẳn. Các công trình tu tạo: Thành lũy, cung điện, đường sá, bến thuyền cho đến con người, tất cả đều đổi mới. Hoa Lư trở nên sầm uất, có bề thế đế độ của một nước hùng cường. Nhưng quan trọng hơn vẫn là những đổi thay đang diễn ra trên khắp nước Đại Cồ Việt. Sau những ngày chinh chiến, cuộc sống yên vui trở lại, nhà vua đã tìm cách khuyến khích mọi người đua nhau cuốc cày, canh cửi. Các con đường thủy bộ được mở mang, nối liền kinh đô Hoa Lư với các đạo. Hàng ngày dân bốn phương đổ về kinh thành tấp nập. Người dân Đại Cồ Việt ai mà chẳng tự hào vì đất nước đổi thay. Điều đó làm cho nhà vua vô cùng sung sướng, nhưng không phải vì thế mà đã yên lòng. Điều bận tâm nhất đối với nhà vua lúc này vẫn là chuyện biên cương. Các mặt tây, mặt nam, sau lần thân chinh của nhà vua năm Nhâm Ngọ đến nay đã tạm yên. Còn mặt bắc?

Nhà vua nói với Đại sư Khuông Việt:

- Năm Tân Tị đã thành chuyện cũ, mà việc biên cương vẫn chưa thật yên.

Thấy nhà vua nhắc đến nước Tống, Đại sư Khuông Việt tâu:

- Tâu bệ hạ, từ bấy đến nay, trong mối bang giao giữa hai nước, đã ba lần sứ Tống sang đây, chúng ta đều tiếp đãi chu đáo, lại cho người sang đáp lễ khiến mối hòa hiếu giữa hai nước càng thêm bền chặt. Lần này được tin sứ Tống sang, bệ hạ đã sai nha nội chỉ huy sứ Đinh Thừa Chính đem chín chiếc thuyền và ba trăm người đến tận Thái Bình Quân để đón. Điều đó khiến vua Tống phải hài lòng.

Nhà vua ngắt lời Đại sư ngắt lời Đại sư Khuông Việt:

- Việc đón sứ như vậy là chu đáo, nhưng tiếp sứ ra sao ta phải bàn. Đại sư còn nhớ chuyện đón sứ năm Đinh Hợi chứ?

Thấy nhà vua nhắc chuyện cũ, Đại sư Khuông Việt đọc lại hai câu cuối trong bài thơ của sứ Tống năm đó là Lý Giác gửi cho pháp sư Đỗ Thuận:

"Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu

Khê đàm ba tĩnh kiến thiềm thu"

Rồi tâu với nhà vua:

- Muôn tâu, ngày ấy bệ hạ đã sai pháp sư Đỗ Thuận làm giang lệnh đến tận chùa Sách để đón sứ. Rồi trong những ngày ở nước ta. Lý Giác tỏ lòng yêu mến đất nước này và kính phục bệ hạ nên mới có bài thơ ấy.

Nhà vua cười:

- Quả có thế! Trước, đã có lúc phải nói chuyện bằng binh khí. Đó là điều bất đắc dĩ. Và, chuyện ấy như thế nào, nhà Tống cũng đã biết. Bây giờ bằng con đường giao hảo, ta vẫn lấy lễ để đối xử... Mong giữ hòa hiếu chung. Nhưng cũng không phải vì thế mà để họ coi thường.

- Muôn tâu, phen này Tả chính ngôn Tống Cảo và Hưu chính ngôn Vương Thế Tắc sang, bệ hạ chưa cử người thù tiếp?

- Ta sẽ đích thân ra ngoài để đón, đại sư nghĩ sao?

- Tâu bệ hạ, được thế hẳn là vinh hạnh lớn cho sứ Tống và càng làm cho họ thêm mến phục.

Chỉ tay về phía kia, nhà vua nói với Khuông Việt:

- Đại sư xem!

Theo hướng tay nhà vua, Khuông Việt đại sư nhìn về các ngọn núi. Khắp nơi cờ quạt cắm giăng hàng, quân lính chia nhau đồn trú mọi chỗ.

Nhà vua nói tiếp:

- Ta đã bàn với đại tướng Phạn Cự Lạng cho quân thủy bộ diễn tập ngay tại kinh sứ Tống có mặt ở đây.

Hiểu rõ việc làm của nhà vua, Đại sư Khuông Việt tỏ ý đồng tình:

- Tâu bệ hạ, chúng ta phải nhắc khéo cho nhà Tống đừng lầm nghĩ rằng sau gần mười năm ngừng chinh chiến, quân dân Đại Cồ Việt chỉ biết quen cầm cuốc cày mà đã quên mất cách dùng binh khí.

Như không để ý đến câu nói của Đại Sư Khuông Việt, Lê Hoàn nhìn lơ đãng:

- Để cho nước Đại Cồ Việt của chúng ta đời đời bền vững, để cho dân ta mãi mãi cất cao đầu cùng với núi sông hùng đẹp, thì làm gì mà chúng ta chẳng nên làm?

Rồi quay lại với Đại sư, nhà vua nói tiếp:

- Còn với sứ Tống lần này, thì có gì đáng kể ta phải thù tiếp long trọng. Nhưng làm như vậy vẫn là đúng sách phải không Đại sư?

Khuông Việt không trả lời, chỉ mỉm cười, lần tràng hạt. Vua tôi đều yên lặng cùng hướng về phía lưng trời. Một bầy chim lẫn vào mây trắng đang sãi cánh trong nắng vàng óng của một ngày tháng chín. Từ bên ngoài thành có tiếng chuông chùa vọng lại.

Mùa hoa lau bật đầu nở. Xung quanh lầu Đại Vân, một màu trắng thanh nhã.

Đất trời Hoa Lư đẹp, thanh bình.

Lý Thường Kiệt

Chiếc cáng gấm màu tía, hôm nay từ trong hoàng thành trở về phường Thái Hòa

muộn hơn hẳn mọi ngày. Khi qua gian nhà ông già thợ mộc ở đầu phường, rèm cáng cũng không vén mở thường lệ, khiến cho chủ nhà, nhác thấy thấy bóng cáng từ xa, đã xắm nắm thu xếp đồ nghề, đứng chực sẵn ở thềm để chắp tay chào đón như mọi lần cáng đi qua, hôm nay phải ngơ ngẩn đứng nhìn theo mãi cho đến khi hai người lính hộ vệ chạy gằn theo cáng đã khuất hẳn vào trong vòm cổng đồ sộ của tòa nhà phủ đệ dựng khang trang ở giữa phường.

Những người dân phường Thái Hòa hôm nay cũng nhận ra vẻ khác thường trong cung cách trở về sau buổi dự đại triều của con người vẫn được trọng vọng nhất phường này. Mấy bà nạ dòng rỗi miệng cụm ngay lại để xì xào:

- Quan Đôn quốc Thái úy hôm nay hẳn có việc trọng đại...

- Hay là sức lực ngài gặp lúc bất an?

Đứa cháu nhỏ của ông già thợ mộc, thấy ông quay vào nhà, dáng đăm chiêu, cũng lặng lẽ đến gần, nắm lấy bàn tay gân guốc, ngước mắt dò hỏi. Khẽ xoa mái tóc trái đào, ông già thợ mộc gật gật đầu, nhưng chỉ dõi mắt ra xa, yên lặng suy nghĩ: "Phải, việc triều chính bây giờ đang gặp phải những chuyện tầy trời. Quan Đôn quốc Thái úy phen này tất phải vất vả đương đầu..."

Là người cùng phường lại đồng tuổi với quan Đôn quốc Thái úy, tuy thân phận cách vời, nhưng ông già thợ mộc biết rõ lắm về người đứng đầu triều đình nhà Lý bây giờ. Bởi, từ thuở hàn vi, khi chưa được làm Thiên tử nghĩa nam và được ban quốc tính, khi còn là chú bé mang tên Ngô Tuấn, quan Thái úy ngày ấy với người thợ mộc này đâu có phải là chỗ xa lạ gì! Những cánh cung, ngày càng có yêu cầu phải cứng mạnh hơn, để cho cánh tay ngày ấy còn mảnh dẻ tập giương dây, phóng tên suốt đêm ngày, chẳng phải do bàn tay thợ này miệt mài chế tạo thì tay ai? Những thành đất, lũy cát, dựng lên hết kiểu này đến cách khác, để cho khối óc còn non trẻ khi ấy thử tính hết cách công phá lại bố phòng, cũng chẳng phải do bàn tay thợ này vất vả xây đắp thì là tay ai? Đến khi là một chàng trai hai mươi tuổi, được sung chức Kỵ mã hiệu úy, thì bộ yên cương của viên quan võ trẻ tuổi Ngô Tuấn cũng chẳng phải do bàn tay thợ này dụng công làm thì là tay ai?

Chỉ có từ khi được bổ vào ngạch thị vệ để chuyên hầu vua, nhất là từ khi quyết chí tự hoạn để vào làm việc hẳn trong cung cấm, trải chưa đầy một giáp đã nổi tiếng nội đình: Từ chức Hiệu úy, ít lâu sau đã thăng chức Thái bảo, đứng hàng thứ tư trong triều, rồi chức Thái phó thứ hai trong triều, để rồi bây giờ, bước hẳn lên ngôi Đôn quốc Thái úy đầu triều, Ngô Tuấn Lý Thường Kiệt mới phải xa người cộng sự cùng tuổi cùng quê với mình. Tuy nhiên, dựng phủ đệ ở phường cũ, mỗi khi từ triều về nhà, có bao giờ Lý Thường Kiệt lại quên vén cánh rèm tía để tỏ mối tình thân xưa cũ với người thợ mộc, nay đã cùng với mình, cứ một ngày một cao tuổi dần lên?

Trong khi người thợ mộc già phường Thái Hòa nghĩ ngợi như vậy thì tại sảnh đường giữa tòa phủ đệ rộng lớn, Lý Thường Kiệt cũng đang trầm ngâm suy tính bên chiếc án thư. Trước mặt ông, mở hé tờ mật trình vừa từ nơi viễn châu phía nam gửi về. Đã xem xong bức mật thư, nhưng hẳn trong tờ trình có điều phải suy nghĩ, cho nên nét mặt vị đại thần đứng đầu triều Lý mới u ám đăm chiêu thế kia! Xoay mãi

chén sâm trên tay nhưng không nhấp giọng, Lý Thường Kiệt cúi đầu suy tính miên man, thỉnh thoảng lại thốt lên khe khẽ: "Chà, Lý Đạo Thành! Lý Đạo Thành..."

Hồi lâu, như tạm dứt khỏi mạch suy nghĩ, Lý Thường Kiệt với tay đặt tờ trình mật vào trong chiếc tráp nhỏ ở góc án thư, đoạn gõ một tiếng vào chiếc chuông đồng nhỏ treo bên cạnh án. Bóng viên quan hầu thân tín hiện ra ở nơi cửa ngách, chắp tay, cúi đầu.

- Có tin tức gì từ Ung Châu chưa? Lý Thường Kiệt hỏi khẽ.

- Dạ bẩm, người của ta phái đi đã kịp về tới nơi... Viên quan hầu cũng khẽ khàng trả lời.

- Cho vào hầu ngay!

Tươi nét mặt nhưng vẫn không hết vẻ bồn chồn, Lý Thường Kiệt sửa lại bộ triều phục, tựa mình vào án thư, đợi. Một lát sau, từ nơi cửa ngách, hấp tấp tiến ra một bóng người khoác áo cà sa, cung kính vái chào:

- Trình quan Đôn quốc Thái úy, tiểu tử đã về!

- Miễn lễ, Lý Thường Kiệt chỉ chiếc đôn đặt cạnh án thư cho người khoác áo nhà sư. Bây giờ, ngươi khá vắn tắt nói cho ta hay công việc bên Tống triều rồi hãy thảo tờ trình kỹ lưỡng sau.

- Dạ bẩm, tình hình ngoài biên lúc này rất khó. Tiểu tử nhờ tấm áo khoác này và tờ bằng sắc của nhà chùa nên mới tạm che mắt được người Tống ít lâu. Ngồi nhón trên chiếc đôn, người thám tử của Lý Thường Kiệt vừa sửa lại nếp áo vừa nói nhỏ Tống triều vừa cử quan Kinh lược an phủ sứ mới của Quảng Tây là Lưu Di thay Thẩm Khởi. Di mới nhận chức đã hạ lệnh cấm ngay người Việt ta sang đất Tống buôn bán, đề phòng việc trà trộn dò xét tình hình của chúng. Khắp vùng Tả, Hữu Giang đều được lệnh phải nộp thuế bằng thóc để để tích trữ binh lương. Lại ra sức bắt dân vùng Khê Động tập trận, huy động cả thuyền muối để tập thủy chiến.

- Quân đội chính quy của Tống triều đóng tại Ung Châu hiện nay động tĩnh thế nào?

- Dạ bẩm, vẫn có một "Tướng" gồm năm nghìn quân chực sẵn để đón và nhập vào đại binh từ phía bắc chưa biết lúc nào sẽ bất thần kéo xuống. Nhưng họ vừa chia quân, đặt năm trại Hoành Sơn, Vĩnh Bình, Thái Bình, Cổ Vạn và Thiên Long bao quanh thành Ung về phía nam, sát biên giới với ta để che chở cho Ung Châu, đề phòng ta đáp úp...

- Chà, bọn này xảo quyệt thật Lý Thường Kiệt chợt nghiến răng thốt lên, nhưng rồi laiï giữ giọng nhẹ nhàng nói với người thám tử lợi hại. Người hãy lui về nghĩ ngợi tĩnh dưỡng và làm tờ trình cho thật đầy đủ!

Đợi cho tấm áo cà sa nhẹ nhàng lánh vào tấm cửa ngách, Lý Thường Kiệt mới vươn tấm thân lực lưỡng đứng dậy, đi lại vài bước quanh án thư. Suốt buổi đại triều dự bàn công việc quốc gia đại sự với các triều thần, trở về đến phủ đệ lại dồn dập tình hình biên viễn bắc nam, vị võ tướng đương tuổi năm mươi nhăm sung sức làm

việc mà cũng đã thoáng thấy thấm mệt. Nhưng, trước khi lục tráp, cầm lấy tờ mật trình về cựu thái sư Lý Đạo Thành ở châu Nghệ An để mang sang gian tư thất tiếp tục tra xét, Lý Thường Kiệt còn dặn với vào tấm cửa ngách:

- Truyền sẵn sàng võng cáng để canh năm ngày mai ta vào bệ kiến Hoàng thái hậu!

Khi Ỷ Lan trở thành Hoàng Thái hậu Nhiếp chính và Lý Thường Kiệt trở thành Tể tướng, Lý Triều đang buổi hưng thịnh, quả cũng đang cần những con người sắc sảo và năng nổ ấy để cầm giữ các giường mối, đối với tình thế trong nước, ngoài biên, khiến cho non sông đang đà khởi sắc, càng nhanh chóng thịnh cường.

Đúng là như cá gặp nước, Hoàng Thái hậu Nhiếp chính Ỷ Lan và quan Đôn quốc Thái úy Lý Thường Kiệt, ở những địa vị mới của mình, đã thả sức thi thố những biện pháp dựng nước yên dân, khiến cho chỉ trong một thời gian ngắn mà thế nước và sức dân đã mạnh hẳn lên. Tiếng khen từ khắp nơi bay về làm nức lòng người nắm quyền binh và càng thôi thúc lo toan những việc lớn hơn nữa, vào những lúc như lúc này...

Sau khi dâng hầu trà nước xong, đám thị vệ và cung nữ đã lặng lẽ rút cả ngoài, gian điện Tập Hiền trở lại không khí trang nghiêm, im ắng. Khi ấy, Lý Thường Kiệt mới nói rõ ý định vào chầu của mình:

- Tâu Hoàng thái hậu, thần vừa thu được những tin tức đáng ngại ở mạn biên cương phía Bắc. Tống triều như vậy là càng ngày càng ráo riết mưu toan xâm lấn. Chiến tranh sớm muộn ắt phải xảy ra, không tránh khỏi. Cho nên thần đã quyết định: Ngồi chờ giặc đến, không bằng đem quân ra trước...

Ỷ Lan mở tròn đôi mắt:

- Xưa nay chỉ có việc giặc đến thì ta đánh, chứ có bao giờ lại xảy ra việc nước nhỏ đánh trước nước lớn như vậy đâu?

- Tâu Hoàng Thái hậu, binh lực Lý triều mà thần ra công xây dựng bấy lâu, nay đã đủ mạnh để làm việc đó. Vả chăng thần cũng sẽ chỉ nhằm vào thành Ung Châu là trung tâm chuẩn bị các cuộc ra quân xâm lược của Tống triều để mà triệt phá, còn sau đó thì sẽ lui về huy động thêm dân binh đánh giặc trên đất nhà...

- Thôi được, việc binh nhung là sở trường của khanh, ta để khanh mặc sức lo liệu...

- Tâu thái hậu, Lý Thường Kiệt bỗng trở nên đắn đo, Như vậy là thần sẽ phải cầm quân ra ngoài cõi một thời gian chưa biết bao lâu. Trong khi đó, công việc trong triều trăm phần bề bộn, không người cáng đáng giúp thái hậu là việc thần lo nghĩ đêm ngày. Cho nên, thần mới tính đến Lý Đạo Thành..

Lần này Ỷ Lan ngạc nhiên thật sự:

- Khanh quên rằng Lý Đạo Thành là người đã tôn phò Thượng Dương kẻ thù của ta rồi sao? Vả lại, phải chăng trước đây khanh không phải là người chủ trương đưa Đạo Thành đi khỏi triều đình?

- Tâu thái hậu, Lý Đạo Thành là lão thần của Lý triều, một thời giữ quyền tể tướng nên cũng là người biết việc, Lý Thường Kiệt quả quyết, Phạm Lỗi, Đạo Thành bị đổi đi coi châu Nghệ An, nhưng việc ấy không phải là không gây chấn động trong lòng người. Chừng nào mà thần còn ở giữa triều đình thì sức chấn động ấy đành phải lắng xuống. Nay thần phải cất quân ra ngoài, việc triều đình sẽ không biết thế nào để lường được. Mà ở nhà nếu không yên thì tướng ra ngoài cõi cũng không thể đánh giặc...

Chờ một lát cho nét mặt Hoàng thái hậu Nhiếp chính dịu lại, Lý Thường Kiệt nhẹ nhàng tiếp:

- Vả chăng, Lý Đạo Thành từ khi vào coi châu Nghệ cũng không để xảy ra điều tiếng gì. Thần vừa được mật trình là ở nơi viễn châu ấy, Đạo Thành đã cho dựng chùa và mang theo thần vị của tiên đế để thờ. Đành rằng vua không được tế ở nhà thần bộc, cha không được thờ ở nhà con thứ, nhưng việc làm ấy của Đạo Thành cũng chứng tỏ là Đạo Thành không có ý gì khác. Vậy nên, nếu bấy giờ Hoàng thái hậu lại cho gọi Đạo Thành về triều, trao lại cho Lý lão thần chức Tể tướng như cũ, thần chắc chắn là chẳng những Đạo Thành sẽ hết lòng thay thần giúp thái hậu gánh vác công việc triều chính, mà lòng người ở đâu cũng đều sẽ yên hết!

Vừa nói, Lý Thường Kiệt vừa lấy trong bọc ra tờ mật trình công việc ở châu Nghệ An dâng lên Ỷ Lan. Liếc qua tờ trình, Hoàng thái hậu nhà Lý bàng hoàng hồi lâu rồi nhìn thẳng vào mắt người đối diện mà truyền phán:

- Quan Đôn quốc Thái úy! Không phải chỉ là việc quân sự mà cả việc chính trị nữa, khanh cũng là người khác vời. Tâm huyết của khanh với Lý triều và nước Đại Việt ta, cũng vừa sâu nặng, vừa rộng mở. Ta thật mừng mà có được một đại thần như khanh...

Những đợt gió lạnh cuối mùa thổi lộng trên sông Cầu. Trời đã sắp sang tháng Ba năm Đinh Tỵ. Dãy chiến lũy dựng dài tít tắp trên bờ phía nam của dòng sông, tua tủa nhô cao những cọc tre gai nhọn lên bầu trời xám âm u của miền trung du đất nước.

Trên một vọng tiêu đầu sông, người thợ mộc già phường Thái Hòa ở kinh thành co ro trong tấm áo lính rộng thùng thình. Từ giữa năm ngoái, nghe tin giặc Tống sắp vượt biên vào cõi, rất đông người kinh thành đã cùng với người từ khắp các miền đất nước đổ về một vùng dọc sông này, theo lệnh nguyên súy Lý Thường Kiệt, cấp tốc dựng lũy cắm chông, xây nên phòng tuyến khổng lồ này để chặn giặc. Người thợ mộc già phường Thái Hòa, khi ấy chẳng đợi phải ai mời giục, đã lẳng lặng xách hòm đồ nghề nhập cùng đoàn trai tráng trong phường, góp vào công trình thổ mộc vĩ đại này những nhát đục đẽo sắc bén, lợi hại của một đời làm thợ của mình. Kịp khi giặc tràn đến bờ bắc sông Cầu, nghe tin triều đình tuyển mộ thêm quân lính chống giặc, ông già Thái Hòa lại lẳng lặng đi gửi hòm đồ nghề, nhận lấy cây giáo và bộ áo lính ở nơi mộ quân, cùng với đủ hạng tuổi tác trong dân các miền, lúc này cũng đều hăm hở kéo lên chiến tuyến sông Cầu với một niềm tin sắt đá mà giản dị: Có Thái úy Lý Thường Kiệt bách chiến bách thắng làm nguyên súy trong trận này. Và họ sẵn sàng

theo lệnh Lý nguyên súy mà đổ máu ở ngay chính nơi họ đã đổ mồ hôi theo lệnh Lý nguyên súy ngày nào. Riêng ông già thợ mộc ở phường Thái Hòa thì đã sẵn mối quan hệ từ bao lâu nay với Lý Thường Kiệt, nên càng sẵn sàng tỏ rõ nghĩa khí của mình với vị nguyên súy Lý triều cùng quê, cùng tuổi.

Trong tấm áo dân binh kinh thành, ông già bỗng nhận thấy một bóng người cao lớn đang từ phía trong đồng nhằm hướng vọng tiêu của mình, bước tới. Nắm chắc ngọn giáo dài trong tay, ông lão vươn người, nheo mắt nhìn. Bóng người đã tiến đến gần, cao lớn, đường bệ, nhưng lại khoác áo lính thường! Một khuôn mặt vuông vức với bộ râu ba chòm thật tốt, nom quen quen lạ lạ, ẩn dưới chiếc nón bịt chóp nhọn của lính phòng thành.

Người dân binh già vội vã nghĩ đến phận sự. Xẵng tiếng, ông lão đòi người vừa tới đưa trình thẻ quân. Chẳng nói chẳng rằng, người lính phòng thành cao lớn chậm rãi lấy ra từ trong ngực áo một chiếc thẻ tre in hai chữ son đó "Vũ thắng" đưa cho ông lão. Nhận ra hiệu quân của một đạo binh nổi danh triều đình mà tất cả các hàng dân binh cùng phối thuộc chiến đấu ở đây đều kiêng nể, người lính già có phần rụt rè khi trao lại tấm thẻ cho người vừa tới. Nhưng ông lão vẫn không quên liếc nhìn lại một lần nữa khuôn mặt chắc chắn đã từng gặp mà vẫn không sao gợi nhớ rõ ràng được.

Lơ đãng quài tay cầm lại chiếc thẻ quân, người lính phòng thành cao lớn xoay người, dướn đôi lông mày nét mác, nhìn sang bên kia sông. Phía đó, xa tít, có những bóng người nhỏ xíu, mang sắc phục lạ, đang lăng xăng bên những cỗ máy bắn đạn đá, đặt ở rìa rừng. Phía sau chúng, lều trận như bát úp, chạy dọc mái theo triền sông đến tận cùng tầm mắt. Nhô lên trên rừng lều trận đó là những ngọn cờ hiệu, chiếc cao, chiếc thấp, chiếc to, chiếc nhỏ. Không nhìn được rõ chữ, nhưng cũng có thể đoán được ra những tên "Triệu", "Hoàng", "Vương", "Miêu"... In trên những lá cờ ấy của bọn tùy tướng, những tên đã từng nhiều phen tung quân sang phá lũy của ta, toan mở đường tiến thẳng tới kinh thành Thăng Long. Bởi đấy chính là đại binh viễn chinh của Tống triều.

Một tràng tiếng thét lớn bỗng dội bật lên trên sông nước ngăn đôi trận địa hai bên:

- Này quân ăn cướp! Có giỏi thì dẫn xác sang đây làm keo nữa đi!

Giọng quát tháo rền rền như sấm động, vang xa đến hàng dặm, tưởng như không phải thoát ra từ cổ họng người thường nữa. Chiếc nón chóp của người cao lớn mặc áo lính Vũ Thắng vội xoay ngay về phía có tiếng thét. Từ một vọng tiêu xa xa dọc chiến lũy, một dáng hình lực lưỡng đang giơ cao ngọn giáo, vươn người về phía bên kia sông, đâm dứ như trêu chọc quân địch.

Một nét cười thoáng hiện trên khuôn mặt đăm chiêu, người lính Vũ Thắng khẽ lẩm nhẩm:

- Phải là dân Hải Đông thì mới có được cái giọng dữ dằn đến thế!

Ông già thợ mộc phường Thái Hòa thoáng nghe thấy câu ấy, cất tiếng bắt chuyện

ngay:

- Quả như vậy! Dân chài biển quanh năm phải thét gió quát sóng mà!

Người cao lớn mặc áo lính thong thả quay lại, tiến một bước đến gần ngọn giáo của người dân binh kinh thành đang đứng canh chiến lũy sông Cầu, ngẫm nghĩ giây lát rồi nhận ra người quen cũ, thân mật hỏi:

- Này, thế nào? Nhớ nhà chứ?

Ông già phường Thái Hòa hơi ngạc nhiên, một lúc rồi bỗng nói:

- À! Dạ, Quan Thái úy...

Như thấy lỡ lời vì biết đây là Lý Thường Kiệt giả trang đi thị sát trận địa, không tiện lúc nói thật, ông già phường Thái Hòa vội vàng trả lời ngay cho kịp:

- Nhớ thì cũng chẳng làm gì được! Nhưng mà... Bác thì khác gì tôi nào?

Người lính Vũ Thắng cao lớn khẽ cười:

- Khác chứ! Và đổi giọng nghiêm trang; Liệu thế giặc ra sao? Đánh được không?

- Sao lại không đánh được? Nhưng... Có điều là... Một tháng trời nhùng nhằng cầm cự mãi ở đây rồi.

Nghe câu trả lời ấy, người cao lớn mặc áo lính lẳng lặng nhìn người lính già phường Thái Hòa một lần nữa, rồi chẳng nói chẳng rằng, quay lưng, đi xuống chân lũy.

Ngồi trong chiếc lều trận, nguyên súy Lý Thường Kiệt có dáng đăm chiêu suy nghĩ. Ông đã cởi bỏ bộ sắc phục lính Vũ Thắng vừa cải trang đi xem xét chiến trường.

Tình hình chiến tranh đã diễn ra đúng như sự tính toán nấu nung trong bộ óc quân sự thiên tài của ông. Bằng đòn "đem quân ra trước", ông đã chớp nhoáng đánh hạ thành Ung Châu, triệt phá hàng loạt căn cứ tiền phương của giặc, đập nát cơ sở chuẩn bị chiến tranh của chúng. Rồi đó, giữa lúc triều đình nhà Tống nháo nhào đối phó, ông đã ung dung đưa quân về, dựng nhanh phòng tuyến sông Cầu, sẵn sàng chờ giặc. Hiệp đầu của trận đánh, đã giành được phần thắng oanh liệt. Đến hiệp thứ hai này, ông cũng sẽ phải giành được phần thắng lớn như thế.

Trong hiệp này của trận đánh, quyết tâm xâm lược và phục thù của Tống triều thật là lớn. Vì vậy mà, tuy vấp phải vô vàn gian khó do thất bại ở hiệp đầu, Tống triều vẫn gắng sức huy động một đạo binh lớn gồm mười vạn lính chiến và hai mươi vạn lính hậu cần tràn xuống đất đai Đại Việt. Bằng kế sách "Nhử địch vào sâu", cắt rời thủy quân và bộ binh của chúng, rồi chặn chúng ở phía trước, phá chúng ở phía sau, Lý Thường Kiệt đã làm cho các cánh quân viễn chinh của giặc phải nhiều phen lao đao, khốn đốn. Nhưng quân giặc cũng đã gây cho vị nguyên súy Lý Triều những gian lao vất vả chẳng kém. Bữa trước, một mũi nhọn kỵ bộ của giặc, do các tùy tướng Miêu Lý. Hoàng Kim Mãn chỉ huy, đã bất thân vượt bến Như Nguyệt, phá được một đoạn phòng tuyến của ta và những toan tràn thẳng đến Thăng Long. Thế trận tưởng đã bị đảo lộn, nhưng sau đấy, đại binh của ta được điều từ phía sau lên,

đã cố sức dồn được bọn giặc về bên kia sông.

Lý Thường Kiệt biết rằng đây là những cố gắng cuối cùng của giặc trong hiệp thứ hai này của trận đánh. Bọn tùy tùng của giặc có thể còn hung hăng, nhưng những tên chủ soái của chúng: Chánh tướng Quách Quì, phó tướng Triệu Tiết những danh tướng của Tống triều mà ông đã dày công theo dõi từng cử chỉ và ý đồ thì rõ ràng đã bải hoải tận gan ruột rồi! Thám tử của ta, được tung sang trận giặc, vừa báo về một mật lệnh của chính tướng Quách Quì mà họ đã dò được: "Phải án binh bất động, không ai được đánh nữa, kẻ nào bàn đánh sẽ bị xử chém!"

Như vậy là đã sắp đến lúc chuyển sang hiệp cuối cùng của toàn bộ cuộc chiến: Phản công. Các hoàng tử Hoằng Chân và Chiêu Văn, điều bát thủy quân Đại Việt tập kết ở khúc cuối sông Cầu, đã được lệnh của nguyên súy Lý Thường Kiệt chuẩn bị vượt sông tấn công vào quân doanh Quách Quì đóng ở mạn ấy. Còn đích thân nguyên súy Lý Thường Kiệt thì sẽ dẫn đại binh, dùng ngay đường bến Như Nguyệt mà giặc đã sử dụng, đánh thẳng vào quân doanh của Triệu Tiết đóng sau ở chỗ đối diện, bên kia sông. Đấy sẽ là những đòn sấm sét của quân đội Đại Việt, nhằm quét giặc Tống ra khỏi cõi bờ, giữ yên non sông gấm vóc mà suốt một đời theo đuổi binh nghiệp, Lý Thường Kiệt không lúc nào vơi nhiệt huyết dâng trọn tài năng và lòng thành của mình.

Một cơn gió mạnh lùa qua màn cửa, lọt vào trong lều. Cành hoa mai cắm trên án như rơi nhẹ mấy cánh xuống cuốn binh thư đọc dở, mở dưới bóng hoa. Nhìn những cánh hoa trắng đã ngả sang màu ngà, vị nguyên súy Lý Triều thầm nhủ:

- Thế là sắp hết xuân rồi...

Và ông mỉm cười: "Xuân này, mải chuyện chống giặc, ta chưa khai bút được bài thơ xuân nào..."

Bất giác, trước mắt Lý Thường Kiệt hiện ngay ra hình ảnh một chú học trò nhỏ, tóc để trái đào, ngày nào cũng men theo con đường xanh mướt thướt tha bóng liễu ven hồ Mù Sương để từ phường Thái Hòa ngược lên phường Bái Ân theo học ở trường tập văn của danh sư Lý Công Ẩn đông nghịt học trò. Thấy Lý Công Ẩn tuy nhiều học trò như vậy mà ngày ấy vẫn đặc biệt chú ý đến trò nhỏ Ngô Tuấn, tướng võ lộ thật rõ, nhưng làm thơ thì lại thật hay...

Hồn thơ bỗng thức dậy trong lòng vị nguyên súy Lý triều. Xung quanh vẫn yên lặng như tờ. Nhìn đăm đăm vào mấy cánh hoa nằm trên những dòng chữ binh pháo, Lý Thường Kiệt lại thấy thấp thoáng giữa những nét chữ hiện dần ra cả một vườn mai trắng rực ở trước cung vua, trong ngày ông vào cung bái biệt để làm lễ xuất quân. Vua Lý Nhân Tông, vừa mười hai tuổi, vẫn theo đúng điển lễ, xúng xính tấm hoàng bào, tự tay dắt ngựa dẫn cỗ xe trận của vị đại nguyên súy lăn bánh một quãng đường. Đi theo cạnh cỗ xe, đẩy chầm chậm. Và rồi, trước khi rời tay đẩy xe để chiến mã tung vó đưa Lý Thường Kiệt ra chiến trường, tể tướng Lý Đạo Thành mới từ viễn châu Nghệ An trở về còn ân cần nắm lấy tay người cộng sự trọng đại của mình, đoán chắc với quan Đôn quốc Thái úy rằng, mọi việc ở nhà, sẽ có người hết lòng lo liệu, để cho vị tướng ở cõi ngoài vững trí, yên tâm...

Một niềm phấn chấn trào dâng lâng lâng khắp tâm hồn, Lý Thường Kiệt thong thả với tay cầm cây bút lông dầm vào nghiên mực. Đôi mày nét mác nhíu lại rồi giãn ra, Lý Thừơng Kiệt đắn đo cân nhắc hồi lâu rồi bỗng ngẩng cao đầu, ngồi thẳng dậy. Vị nguyên súy Lý triều vung tay, lia nhanh cây bút trên trang giấy. Những hàng chữ đen nhánh nối nhau, vùn vụt hiện ra tươi rói. Và cuối cùng, Lý Thường Kiệt buông bút, thong thả đứng lên. Dõi đôi mắt nhìn mãi ra xa, nhà thơ võ tướng khẽ hắng giọng, cất tiếng ngâm ngợi:

"Nam quốc sơn hà, Nam đế cư

Tiệc nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Cầm tờ giấy thơ, Lý Thường Kiệt lại thong thả ngồi xuống kỷ. Nhìn lại những hàng chữ còn ướt mực, nhà thơ võ tướng được thi phẩm thể hiện tinh tế. Nhưng làm sao truyền được niềm tin mạnh mẽ này cho quân sĩ để họ sẽ cùng ông dấn lên trong hiệp đánh cuối cùng sắp tới?

Hình ảnh ông già cùng tuổi và cùng quê ở kinh thành vừa tình cờ gặp gỡ trên chiến lũy hiện ngay ra, khiến Lý Thường Kiệt vừa thấy cảm kích, thú vị, lại vừa thấy ái ngại, âu lo. Trận đánh cầm cự kéo dài đã khiến quân ta cũng có phần nào sốt ruột, mệt mỏi rồi chăng? Đôi mày nét mác cau lại, vị nguyên súy Lý triều cúi đầu suy tính hồi lâu...

Bỗng nhiên, Lý Thường Kiệt lại đứng phắt dậy. Mạch nghĩ từ người lính già phường Thái hòa đã dẫn ông đến chỗ vụt nhớ tới giọng thét như sấm rền của người lính Hải Đông trên chiến lũy. Một ý định thoáng hiện ra như làn chớp, Lý Thường Kiệt mừng rỡ truyền lệnh cho quân hộ vệ đi lên chiến lũy tìm ngay người lính Hải Đông về lều trận của mình.

Không phải đợi lâu lắm, quân hộ vệ đã ra được người lính Hải Đông đưa về. Chàng trai miền biển có giọng nói của Thiên lôi ấy vẫn còn ngơ ngác và còn ngơ ngác và cảm động, không hiểu vì sao lại có vinh dự được nguyên súy vời đến tận nơi trướng lệnh để gặp mặt. Nhưng chẳng để mất thì giờ, Lý Thường Kiệt đã cho đuổi hết tả hữu ra khỏi lều, rồi vẫy gọi người lính trẻ lại gần, trao cho bài thơ vừa thảo xong, và hỏi:

- Người đọc được chứ?

- Dạ, tiểu tốt cũng võ vẽ dăm ba chữ!

- Thế thì được rồi Lý Thường Kiệt vui vẻ Ngươi giữ lấy bài thơ này, học cho thuộc, rồi tìm cách đọc thế nào để cho cả quân ta lẫn quân giặc đều nghe thấy, được chứ? Giọng của ngươi là giọng trời cho đó!

Người lính Hải Đông lẩm nhẩm đọc bài thơ và chợt hiểu ra ý định sâu xa của vị chủ tướng. Chàng trai biển nở nang mặt mày, ấp úng mãi mới nói được:

- Dạ... Tiểu tốt xin làm ngay...

Nhưng vừa toan vái chào chủ tướng để quay ra, người lính trẻ đã ngập ngừng dừng lại. Đắn đo một chút, chàng trai biển cố hạ giọng để nói cho được nhỏ:

- Bẩm nguyên súy... Ở gần cửa sông có một...ngôi miếu thờ hai ông thần sông rất lớn! Dân chúng quanh miền này đều nói rằng các vị rất thiêng, vẫn thường hiển thánh để truyền dạy cho dân những điều phải trái. Đổi giọng tinh nghịch, người lính Hải Đông nói tiếp, Dạ, đêm nay, tiểu tốt xin mạo muội nấp trong miếu để đọc thơ...

Lý Thường kiệt mở to mắt lắng nghe rồi bỗng mỉm cười, nhìn chàng trai Hải Đông chằm chằm. Ý định của người lính trẻ thật táo bạo! Kết quả lạ kỳ chắc sẽ không thể lường hết được!

Bất giác, vị nguyên súy Lý triều thân mật vỗ vai người lính trẻ, khiến chàng trai biển sung sướng đỏ lưng cả mặt mày:

- Được! Làm ngay đi! Nhưng phải giả giọng cho khéo và nhớ giữ gìn cho thật cẩn mật!

Trận đánh đột nhiên nổ ra và kết thúc nhanh chóng. Thây giặc Tống nằm ngổn ngang khắp trên hàng rào chiến lũy, dưới bãi đất ven sông. Hàng chục chiếc bè ghép tạm, vừa chở quân giặc vượt sông, giờ nằm vật vờ sát mé nước.

Bọn tùy tùng tướng Tống triều thấy mùa hè đã sắp tới mà vẫn chưa qua nổi sông Cầu, đã cố gắng thuyết phục được chủ tướng Quách Quì lao một cánh quân nữa sang sông, đánh thông một lần nữa mở con đường máu tiến về kinh đô Đại Việt. Nhưng quân ta đã kìm ngay chúng lại ở bến sông và diệt sạch, không còn một mống! Chưa bao giờ quân ta lại xuất trận dũng mãnh đến thế. Tin báo giặc vượt sông tiến công vừa đưa về đến lều trận của Lý Thường Kiệt, và vị nguyên súy Lý Triều vừa điều bát tướng sĩ kéo quân ra bến sông trợ chiến, thì lực lượng quân quan canh phòng chiến lũy đã tự lực cản phá quân giặc rồi.

Trên bến sông, Lý Thường Kiệt gặp lại người thợ mộc phường Thái Hòa. Ngọn giáo dài của người dân binh, trong lúc xung sát, đã bị gẫy làm đôi: Cán nằm lại trong tay chủ, còn mũi thì vẫn ghim ở ngực một tên giặc nằm dưới chân lũy. Người lính già, một tay cầm cây giáo gẫy, một tay nắm thanh kiếm chuôi ngà vừa cướp được của một tên tùy tướng giặc, phấn chấn nói với Lý Thường kiệt:

- Bẩm nguyên súy, quân ta quả là có thần nhân giúp rập thật! Chẳng thế mà hôm nay một địch mười mà vẫn không núng!

Lý Thường Kiệt khẽ mỉm cười, hỏi:

- Thần nhân nào?

- Bẩm nguyên súy, người không nghe thấy sao? Tất cả anh em chúng tôi ở đây đều nghe rõ tiếng thần sông trong miếu truyền thơ đêm trước. Giọng thơ vang như sấm động, nhắc đi nhắc lại đến mấy lần. Quân Tống bên kia sông cũng nghe thấy, đứa nào đứa nấy đều sợ hãi mất mật...

Người lính già nói một hơi dài. Lý Thường Kiệt vẫn giữ nụ cười trên khóe miệng:

- Bài Thơ như thế nào?

- Dạ, anh em chúng tôi ở đây đều bảo nhau học thuộc cả. Thơ thần chỉ có bốn câu như thế này...

Ông già hăm hở đọc lại một lượt bài thơ "Sông núi nước Nam". Nghe lại chính thơ của mình, qua giọng đọc soi nổi của người lính vừa lập chiến công. Lý Thường Kiệt cũng thấy xúc động dạt dào. Vị nguyên súy Lý Triều bảo người lính già cùng tuổi, cùng quê với mình:

- Quân ta có những người hăng hái dũng mãnh đánh giặc giữ nước như ông, thì có khác gì được thần giúp!

Lý Thường Kiệt chưa dứt lời thì trên bờ sông, tiếng thét lớn như hôm đi thị sát ông đã gặp, lại bỗng dội cao trên mặt nước:

- Này, quân ăn cướp! Có giỏi thì dẫn xác sang đây làm keo nữa đi!

Đó chính là người lính trẻ vùng Hải Đông, Lý Thường Kiệt và người thợ mộc phường Thái Hòa cùng quay nhìn ra dòng sông Cầu đang cuồn cuộn trôi xuôi những xác giặc. Bên trận quân Tống vắng lặng như tờ. Nhìn cảnh ấy, Lý Thường kiệt nghĩ đến những đòn cuối cùng của trận đánh mà nhân đà phấn chấn này của quân sĩ, ông sẽ cho phóng ra, sớm hơn dự tính.

Không khí trong gian lều trận của vị nguyên súy Lý triều bỗng trở nên căng thẳng khác thường. Hai chiếc bàn nhỏ kê gần hai bên cửa lều, túm tụm những tùy tướng chuyên trách các việc truyền tin và phát lệnh. Quân tế tác nối dài hai dãy từ đấy ra ngoài, sẵn sàng chạy hiệu. Đám thân quân hộ vệ chủ tướng xúm xít trước cửa lều trận. Và phía sau, thủ túc của những đô tướng mà Lý Thưởng Kiệt đã cất cả về các cánh quân đang giấu kín trong miền, cũng túc trực để sẵn sàng mang lệnh từ nơi lều trận của Lý nguyên súy về các nơi đóng quân của các đô tướng.

Chính giữa gian lều trận, oai nghiêm trong bộ giáp trụ sáng loáng. Lý Thường Kiệt ngồi thẳng người trong chiếc ghế trải da cọp. Chiếc kỷ thấp, đặt vừa tầm tay phải, lô nhô những ống lệnh tiễn, mỗi ống mang một loại thẻ tre có dấu son khác nhau, để tiện đánh dấu những hiệu lệnh tiến, lui, công, thủ, của vị chỉ huy tối cao trong loạt trận đánh sắp mở màn.

Với sáu vạn chiến binh dưới trướng, Lý Thường Kiệt đã cân nhắc nát óc để có thể giáng những đòn trí mạng vào đại binh Tống triều trong hiệp này. Lũ quan quân xâm lược ở bên kia sông đã dồn lực lượng của chúng thành hai cụm: Một ở trước thị Cầu, do chính chủ tướng Quách Quì chỉ huy, một ở trước Như Nguyệt, do phó tướng Triệu Tiết chỉ huy. Suy đi tính lại, Lý Thường Kiệt đã quyết định nhằm chính vào cánh quân Triệu Tiết này để hạ một đòn trời giáng, tạo một chấn động toàn bộ cho đại quân Tống triều. Muốn vậy, phải làm cho Triệu Tiết bị bất ngờ trong sự trễ tràng phòng ngự của hắn, và tốt hơn nữa thì hút bớt được cả lực lượng của hắn đi. Như thế thì, tuy đánh đòn chủ công, nhưng sẽ chỉ dùng được kỳ binh ở Như Nguyệt. Còn chính binh thì sẽ trống giọng cờ mở, tấn công và quân doanh Quách Quì ở phía Thị Cầu. Trong lúc quân Tống dồn cả vào chỗ mà chúng tin chắc là chính trận như thế,

kỳ binh sẽ bất ngờ ra quân đánh đòn chính ở Như Nguyệt. Sự biến hóa kỳ ảo của binh pháp như thế, chắc chắn bọn Quách Quì, Triệu Tiết sẽ không thể lường được.

Người lính tế tác đầu tiên từ phía Thị Cầu chạy tin về lều trận của nguyên súy Lý triều đã đưa tin tức tới trước cửa. Lý Thường Kiệt chống tay lên thành ghế, nhổm người về phía trước, nghe một viên tùy tướng báo lại:

- Các hoàng tử Hoằng Chân và Chiêu Văn đã dẫn bốn trăm chiến thuyền chở hai vạn quân vượt sông, vừa hò reo quát tháo, vừa đánh vào trại giặc...

Trận đánh đã mở màn! Gian lều nguyên súy hoạt động hẳn lên. Và tin tức cứ thế mà nối nhau báo về:

- Quân ta đã giao chiến cùng quân giặc. Tống binh bị chết rất nhiều. Tiền quân Tống triều đã tháo chạy vào trong núi!

- Chủ tướng Quách Quì của giặc đã tự dẫn đạo thân binh của hắn ra ứng cứu, thấy cả hiệu cờ của các tùy tướng. Yên Đạt, Lý Tường, Diên Chủng...

Lý Thường Kiệt rút ra một cây lệnh tiễn:

- Truyền cho hai hoàng tử không được ham đánh. Hễ giặc có thêm viện binh kéo tới thì phải lui quân!

Lính chạy hiệu từ ngoài lều trận, phóng ngựa lao đi như tên bắn, trong khi từ phía thị Cầu, tin tức vẫn chạy ngược trở về:

- Quân ta đang tiến sâu vào đất giặc. Đã cướp được một lá cờ tướng...

- Chủ tướng Quách Quì đã phải cho gọi thêm quân của Triệu Tiết đến ứng phó!

Đôi mày nét mác của Lý Thường Kiệt thoáng giãn ra khi nghe tin này, nhưng rồi lại cau lại khi có tin báo tiếp:

- Xuất hiện hai đạo Kỵ binh của giặc. Cờ hiệu dẫn đầu mang tên của tùy tướng Trương Thế Cự và Vương Mẫn!

Lý Thường Kiệt rút nhanh cây lệnh tiễn thứ hai:

- Truyền cho hai hoàng tử tránh kỵ binh của giặc mà đưa quân trở về!

Giặc đã phải tung ra những đạo binh tinh nhuệ lợi hại nhất của chúng. Như vậy là đòn đánh dứ bằng chinh binh của ta có hiệu quả chỉ còn ngại là các tướng trẻ của ta quá ham đánh mà không tính đến tổn thất...

Lý Thường Kiệt lại chọn lấy cây lệnh tiễn có dấu hiệu khẩn cấp nhất mà truyền lệnh.

- Hoàng Châu, Chiêu Văn hãy lập tức lui quân!

Trời đã ngã về chiều ngả về chiều Trận đánh mở màn có thể kết thúc. Lý Thường Kiệt rời chiếc ghế hổ, bước ra cửa lều trận. Phía Đông, nơi trận đánh vừa nổ ra, nền trời bỗng đùn lên một đám mây đen, mỗi lúc một lớn. Dưới nền trời vần vụ đó, một bóng ngựa phi như tên bắn trở về. Lý Thường Kiệt bước vào lều, và nghe được một tin báo dữ dội.

- Quân ta đã trở về bờ nam ngạn. Nhưng chiến thuyền của hai hoàng tử đi sau cùng bị trúng đạn từ máy bắn đá của giặc. Các hoàng tử và đội thân quân đều chìm theo thuyền...

Trận đánh lẽ ra đã thành công lớn, nếu không có tổn thất này! Nhưng Lý Thường Kiệt chỉ yên lặng một lúc rồi đanh nét mặt lại. Rút một loạt lệnh tiễn, ông truyền cho các đô tướng của mình, đúng giờ Tý đêm nay, sẽ phải bất ngờ vượt sông, xung trận, Lý Thường Kiệt đã quyết định khai thác ngay những thuận lợi mà trận đánh mở màn vừa tạo ra. Và cũng là để trả thù cho những người vừa hy sinh vẻ vang cho hiệp đánh cuối cùng này.

Lệnh truyền xong, vị nguyên súy Lý triều chậm rãi tiến ra cửa lều. Và đi thẳng đến chỗ bố trí đám thân quân của mình.

Đêm ấy, nguyên súy Lý Thường Kiệt đã thân chỉ huy đạo kỳ binh ở phía mặt trận Như Nguyệt đánh trúng vào quân doanh Triệu Tiết, rất đúng lúc và đúng dự định. Đòn sấm sét từ chính tay ông giáng xuống lũ Tống binh đang hý hửng, khảng tảng sau trận ở phía mặt trận Thị Cầu, đã dẫn đến kết quả ghê gớm: Quá nửa quân doanh Triệu Tiết bị tiêu diệt.

Và, sau trận ấy, cũng đúng như dự kiến thiên tài của vị nguyên súy Lý triều, cả đạo binh viễn chinh của Tống triều đã bủn rủn rung động, không sao gượng lại nổi, nên đã buộc phải cuốn cờ, rùng rùng rút chạy khỏi cõi bờ Đại Việt.

Ra khỏi cuộc chiến tranh chống Tống với vòng hào quang chiến thắng quanh vương miện, vương quốc Đại Việt sải chân bước nhanh trên con đường cường thịnh, văn hiến. Vua Lý Nhân Tông cũng trưởng thành và ngày càng tỏ ra là một hoàng đế trị vì có bản lĩnh. Đã đến lúc Hoàng Thái hậu Ỷ Lan phải cuốn lá rèn vẫn ngồi nhiếp chính ở đại điện Càn nguyên để lui về cấm cung, yên hưởng hạnh phúc nhàn tản của người làm mẹ vua. Tể tướng Lý Đạo Thành già yếu, đã mất năm năm sau ngày chiến thắng. Giữa triều đình chỉ còn lại Đôn quốc thái úy Lý Thường Kiệt, giờ đã lên hàng lão thần đáng trọng vọng với tuổi sáu mươi ba, và càng được trọng vọng bởi công lao không ai sánh nổi trong suốt những tháng năm hết lòng dựng nước và giữ nước vừa qua.

Uy tín của vị lão thần ở giữa triều đình khiến sự trị vì của nhà vua mười bảy tuổi Lý Nhân Tông có phần kênh vướng. Nhận thấy vùng đất phía nam của địa bàn Đại Việt khi ấy cần phải mở mang, gây dựng cho kịp với miền đất quanh kinh kỳ, hoàng đế Lý triều quyết định đổi vị lão thần của mình vào trị nhậm lâu dài ở nơi xa xôi đó.

Cả triều đình ngơ ngác, bàng hoàng trước quyết định của nhà vua. Nhưng triều thần chỉ thấy quan Đôn Quốc Thái úy, không chút nề hà, đã vui vẻ rời kinh thành, ra đi.

Mười chín năm vào sống ở Thanh Hóa, Lý Thường Kiệt đã làm thay đổi hẳn miền đất này. Tài năng, đức độ và sự năng nổ của một nhân vật từng trải nhiều năm đảm nhiệm những việc trọng đại của cả một quốc gia, hẳn thừa để giúp ông thi thố những công đức chỉ trên một miền đất nước như miền Thanh Hóa. Tuy vậy, triều

đình vẫn trông ngóng ông. Thăng Long mong đợi ông. Và tòa phủ đệ ở phường Thái Hòa cũng chờ đợi ông... Cho đến một ngày, tòa phủ đệ ấy, sau mười chín năm vắng lặng, bỗng nhiên lại tấp nập những bóng thợ thuyền và lính tráng vào ra, dọn dẹp sửa sang, tô điểm gấp gáp những chỗ đổ nát, vở hỏng ở trong nhà, ngoài vườn...

Người thợ mộc già ở phường Thái Hòa, cùng quê và cùng tuổi với Đôn đốc Thái úy, dĩ nhiên cũng sẽ có mặt ở tòa phủ đệ vốn chẳng xa nhà mình. Ông lão ngoại tám chục tuổi, giờ đã già yếu lắm, nhưng mối tình gắn bó tự nhiên với người đồng tuế đồng hương đáng kính trọng thì vẫn như xưa. Hòm đồ nghề của ông lão vẫn cùng với bàn tay cầm dùi đục, tuy không còn vững vàng chuẩn xác nữa, nhưng vẫn tham gia mê mải vào đủ mọi việc trong tòa phủ đệ. Và vừa làm việc, ông lãi vừa lắng tai nghe ngóng những thợ bạn chuyện trò rôm rả bên bồn hoa, trên giàn giáo...

Chẳng ai bảo ai mà các câu chuyện cứ dồn lại quanh những điềm gở mà gần đây, mỗi ngày lại mỗi thêm nhiều. Chẳng hạn, một người lính tròn mắt kể lại câu chuyện Thái sư Lê Văn Thịnh người thay quan Đôn đốc Thái úy làm tể tướng ở triều đình bỗng nhiên đi thi thố phép lạ học được ở nước Đại Lý để hóa thành hổ dữ, toan hại vua. Một người thợ sợ hãi nhắc lại cảnh trời rung đất chuyển năm Dần vừa qua. Một người thợ nữa kể chuyện đi chôn những xác người mắc bệnh dịch năm Thìn...

Các chuyện lạ cứ râm ran bên tai người thợ mộc già, trong khi ông lão chỉ yên lặng ngẫm nghĩ: đấy chẳng qua chỉ là điềm trời xui khiến để hoàng thượng phải nhớ đến vị lão thần ở nơi xa mà gọi về đó thôi!

Quả nhiên, đúng như vậy! Quan Đôn đốc Thái úy Lý Thường Kiệt đã nhận được chiếu chỉ của hoàng đến trị vì triệu về kinh thành sau mười chín năm xa vắng. Tòa phủ đệ ở phường Thái Hòa đang được sửa gấp cũng là vì lẽ đó...

Trong gian sảnh đường vừa mới được sửa sang lại, Lý Thường Kiệt đang ngồi tiếp chuyện riêng người thợ mộc già cùng tuổi, cùng phường với mình. Nép bên ông lão phường Thái Hòa là một cô gái mới chín tuổi nhỏ mà đã hết sức đẹp xinh, linh lợi. Cô gái bé lé mắt qua vai ông già mà nhìn vị đại quan đầu triều đường bệ tựa mình vào án thư ở trước mặt. Thân hình to lớn, đôi lông mày nét mác trên khuôn mặt phương phi, vẫn là bóng dáng vị nguyên súy trên chiến lũy sông Cầu từ năm xưa mà cô bé hằng nghe truyền tụng. Duy chỉ có đầu tóc thì đã bạc trắng như cước rồi...

Tiếng người thợ mộc già run run nói với Lý Thường Kiệt:

- Tôi thì đã xuống sức quá thể, cho nên lần ra quân đánh giặc này, chắc là không còn kịp để xin cắp giáp theo hầu dưới trướng được nữa. Thật khổ tâm cho tôi, con cháu ruột già chẳng còn ai nữa để cậy nhờ việc này. May mà còn đứa cháu nuôi đây... Ông lão chỉ vào cô bé Cháu nó tên Hoa, họ Trần. Bố nó vốn người Thanh Hóa, từng được gội ơn mưa móc của quan Đôn quốc Thái úy khi người trị nhậm trong đó, nhưng chắc Ngài chẳng có dịp để ý đến. Giờ thì cha con ra làm ăn ở phường Đại Bi, cạnh phường Thái Hòa ta đây. Cha con nó biết tôi là chỗ có thể thưa chuyện với quan Đôn quốc Thái úy, nên mới cậy tôi trình vời Ngài để xin mở lượng cho cả cha con nó cùng được tòng chinh phen này... Tôi biết đây là việc khó, vì cháu

nó là phận gái, nhưng thấy cha con nó quá tha thiết, nhất là con bé thì cứ sôi lên vì chuyện đánh giặc, nên thân già này dù sao cũng thấy ấm lòng, coi như có nó để thay cho phận mình đóng góp với nước non...

Lý Thường Kiệt lặng người bên án thư trước sự việc lạ lùng mà tràn đầy hào khí đó. Không thể nào từ chối những tấm lòng nhiệt thành như thế, ông để cho hai ông cháu người thợ mộc tạm ra về, rồi sau đó, bước lên chiếc cáng gấm màu tía vào triều với tâm trạng bừng bừng cảm kích.

Vua Lý Nhân Tông hôm nay mở đại triều ở điện Càn Nguyên để nghe đình thần bàn việc ra quân đánh giặc ở biên giới phía nam. Đây cũng là điều mà thiên hạ đang xốn xang chờ đợi. Bởi từ nhiều hôm trước, khi những bóng ngựa lưu tinh từ phía nam sải vó phóng như bay ra kinh thành, dân chúng các phường phố đã nhanh nhạy túm tụm lại để nghe ngóng sự tình. Thế rồi, một đồn mười, mười đồn trăm, tin dữ đã động binh vào cướp đất ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính! Nước Đại Việt bị xâm phạm! Chắc chắn là phải có chiến tranh! Thế là, không ai bảo ai, mọi người đều rộn rịch thu xếp, chuẩn bị. Việc đã thành nếp rồi!

Trong khi đó, chuyện bàn nghị giữa triều đình cũng đang vào lúc sôi nổi. Một vị văn quan xuất ban quỳ tâu:

- Muôn tâu thánh thượng, người Chiêm động binh phen này, ngoài Chế Ma Na là tay kiệt liệt, còn có phản thần Lý Giác ở Nghệ An chạy sang ám trợ. Giác là kẻ học được pháp thuật lạ, có thể biến được cỏ cây thành người. Chúng thần rất lấy làm lo lắng...

Vua Lý Nhân Tông từ trên bệ ngọc chau mày phán:

- Vậy trẫm muốn hỏi các khanh xem ai là người có thể dẹp yên được giặc?

Câu hỏi vừa bay ra, cả trăm cặp mắt trong tòa đại điện đều đổ dồn cả về chỗ Lý Thường Kiệt, đang đứng sừng sững như một cột trụ ở đầu hàng văn võ bá quan. Từ võ ban, một bóng người quỳ xuống:

- Muôn tâu bệ hạ, việc này phi quan Đô quốc Thái úy thì không còn ai lo nổi...

Vua Nhân Tông từ trên bệ ngọc lại chau mày:

- Quân giặc là tay kiệt liệt. Vì thế phải chọn tướng trẻ mà cho đi đánh nó. Thường Kiệt dự việc binh lâu năm, nay đã già rồi. Nếu bây giờ trẫm lại giao cho việc binh thì không đành lòng, trẫm muốn đãi kẻ lão thần!

Cả gian điện yên lặng, một không khí yên lặng, nặng nề kéo dài. Chính lúc ấy, Lý Thường Kiệt từ từ rời chỗ đứng tiến ra giữa sân rồng. Đã có lệ miễn quỳ lạy cho các đại thần trên tám mươi tuổi, thành ra vị Đôn quốc Thái úy tóc trên đầu một màu trắng toát chỉ vòng tay giơ cao trước mặt mà cất giọng sang sảng:

- Muôn tâu thánh thượng, tôi vốn là kẻ đã tự rèn cho mình cái nghiệp của người làm tướng. Trước đây, mấy lần ra quân, tôi may mắn được thành công. Đó là nhờ đức thiêng của bệ hạ và sự gắng sức của các tướng quân. Nay lại nhờ ơn nước, tôi được dự vào hàng ngôi cao, lộc trọng. Thế mà nếu cứ ngồi yên xem giặc kêu rông,

thì tôi có chết cũng nhất định không nhắm được mắt!

Lý Thường Kiệt bừng bừng nét mặt, đưa cặp mắt sáng quắc nhìn khắp hàng bá quan văn võ. Cả triều đình nhà Lý bàng hoàng đứng lặng. Chỉ có vua Nhân Tông lật đật bước xuống chín bậc thềm rồng, cảm động nắm lấy bàn tay vị lão thần.

Việc chọn tướng đi đánh giặc như vậy là đã được quyết định.

Triều đình nhà Lý và kinh thành Thăng Long lại một lần nữa tiễn Lý Thường Kiệt ra đi. Trong lễ xuất quân long trọng mà hào hùng, sau khi thân dắt cỗ xe trận của vị nguyên súy đi một quãng đường, vua Lý đã trở về hoàng cung. Bây giờ, đã đến lúc quan Đôn quốc Thái úy xuống xe, lên ngựa.

Hai người lính hộ vệ thân tín đỡ vị lão tướng trèo lên lưng chiến mã. Dưới lá cờ súy mang một chữ "Lý" cực lớn. Lý Thường Kiệt lỏng tay cương cho con ngựa bạch cao lớn thong thả gõ móng, dẫn đầu đoàn quân gươm giáo sáng lóa, trùng điệp kéo đi.

Nhìn người lão tướng vươn mình trên lưng ngựa, mái tóc, giáp trụ và sắc ngựa một màu trắng toát, nhiều người dân kinh thành cảm động không cầm nổi nước mắt. Phải, con người lại một lần nữa ra đi kia, thật đã xuốt một đời chẳng biết nề hà gì. Cần hy sinh một phần thân thể cũng như cả gia đình và dòng dõi riêng tư để cho được việc lớn, con người đó đã chẳng nề hà. Cần phải đảm đương những việc tày trời trong lúc vận nước như nghìn cân treo sợi tóc, con người đó cũng đã chẳng nề hà. Vinh quang đã đến tột định, nhưng cần phải rời bỏ cả danh vị lẫn chất quyền, con người đó cũng đã chút nề hà. Và bây giờ, gần chót cuộc đời, nhưng khi cần phải bảo toàn bờ cõi, con người đó lại cũng chẳng hề nề hà... Nhìn vị lão thần suốt một đời tận tụy vì non sông Đại Việt đang ra đi chinh chiến như thế, có người đã quay mặt gạt thầm những giọt nước mắt thương cảm cho khỏi cái buổi ra quân.

Trong khi đó, vị lão tướng vừa chẵn tám mươi nhăm tuổi, vẫn vững vàng trên yên ngựa, nhìn thẳng về phía trước, dẫn đầu đoàn quân trẩy đi. Không phải để ý nhiều, Lý Thường Kiệt cũng biết rõ lòng dân đối với mình. Vị lão tướng cũng còn biết rõ là, trong hàng quân dài dặc đàng sau lưng mình, có cả cô gái nhỏ tên Hoa, từ nay cũng bắt đầu với sự nghiệp của mình, nên đã được lệnh cải trang thành con trai để cùng cha theo quân ngũ ra trận mạc, đánh giặc như sở nguyện.

Nghĩ về những con người như thế của các thế hệ dân nước Đại Việt đang ở quanh mình, vị lão tướng thấy mình hoàn toàn có đủ sức mạnh để giành toàn thắng trong trận này.

Ỷ Lan

Dãy đèn lồng treo ngoài hành lang tòa điện Trường Xuân đã bắt đầu thắp sáng. Trong phòng riêng, nguyên phi Ỷ Lan còn băn khoăn chưa chọn được y phục như ý muốn để nghênh tiếp nhà vua. Qua tấm minh giám bằng đồng, nguyên phi ngắm nhìn mái tóc chảy bồng của mình. Những bông hoa dát ngọc lóng lánh cài trên mái

đầu làm cho khuôn mạt vốn đã xinh đẹp của nguyên phi càng thêm duyên dáng, và bộ xiêm áo bằng nhung gấm thướt tha cũng phù hợp với thân hình uyển chuyển cân đối của người thiếu phụ. Tuy vậy trang phục ấy chưa làm cho nguyên phi hài lòng.

Thấy nguyên phi còn băn khoăn, mọi nữ tỳ vừa nhẹ nhàng đưa tay gỡ sợi tóc vương cánh hoa ngọc cài trên đầu Ỷ Lan vừa nói:

- Tâu nguyên phi, hôm nay trời xuân về chiều càng thêm lạnh, nguyên phi bận xiêm y này đã đẹp lại hợp thời tiết lắm rồi ạ.

Ỷ Lan mỉm cười, mắt không rời tấm minh giám bằng đồng sáng loáng:

- Em cho là đẹp ư? Với ta, xiêm áo này lại không hợp đâu!

Mai Liên một nữ tỳ có tiếng hay vui đùa, nâng tà áo gấm lên tay, liếc nhìn Ỷ Lan, cười nói:

- Tâu nguyên phi, đức hoàng thượng thấy nguyên phi bận xiêm áo này thì hẳn người không rời tòa điện Trường Xuân.

Nguyên phi Ỷ Lan gõ nhẹ vào đầu Mai Liên:

- Lúc này em cũng đùa được! Ta không bận xiêm áo này đâu, em đem xuống áo nâu sồng ra đây cho ta!

Mọi người reo lên:

- A! Nguyên phi lại muốn làm cô gái hái dâu ở hương Thổ Lỗi rồi.

Nguyên phi cười:

- Đúng đấy, chỉ có xống áo ấy là hợp với ta mà thôi. Các em nhớ đem cả khăn trùm đầu bằng lụa đen cho ta nhé.

Một nữ tỳ hầu Nguyên Phi thay áo gạn gùng:

- Tâu nguyên phi, hôm nào rỗi rãi. Nguyên phi kể chuyện cho chúng em nghe...

- Chuyện gì?

- Chuyện cô gái hái dâu dựa vào khóm cỏ lan, được nhà vua với vào cung phong làm Nguyên phi ấy mà!

Giọng cười lại ồ lên cùng với những tiếng nhao nhao:

- Nguyên phi kể đi, kể ngay đi, các em thích nghe chuyện ấy lắm!

Chuyện cũ được gợi lại đúng lúc Nguyên phi Ý Lan muốn nghênh tiếp nhà vua với kiểu phục sức nâu sồng như thời son trẻ còn vui sống nơi quê mẹ, và cũng là kiểu phục sức của Nguyên phi khi lọt vào mắt nhà vua từ cái nhìn ban đầu trên nương dân làng Thổ Lỗi. Đã sáu năm rồi, Nguyên phi còn nhớ rõ mồn một và có thể kể lại không sót một chi tiết nhỏ. Từ những cảnh giác ngỡ ngàng, sợ hãi, đến bâng khuâng hồi hộp ở cái tuổi mười sáu của người con gái khi được lệnh tiếp kiến nhà vua. Nguyên phi cũng không quên. Nhưng lúc này chưa thể kể được. Nguyên phi gạt đi:

- Để khi khác, ta còn bận việc!

Mai Liên lại được dịp dẻo môi vui đùa:

- Đã bảo, Nguyên phi còn bận mà!

Đỡ chén rượu cất trên đôi tay của người sủng phi xinh đẹp, vua Lý Thánh Tông uống một nửa rồi trao lại cho Nguyên phi với một giọng âu yếm:

- Ái phi hãy cùng ta cạn chén!

Nâng chén ngọc ngang may, Nguyên phi Ỷ Lan kính cẩn:

- Đội ơn mưa móc của quân vương, thật là vạn hạnh đối với thần thiếp.

Trong con mắt của vua Lý Thánh Tông, giữa nơi cung điện tráng lệ với một đoàn phi tần thướt tha, có một bóng dáng ăn vận nâu sồng trong lại đẹp mắt. Khuôn mặt xin xắn của Nguyên phi ánh hồng hơi men bừng lên cạnh cây đèn hàng chục ngọc bạch lạp. Tấm khăn mỏ quạ màu hạt huyền trùm nghiêng nghiêng trên mái đầu càng làm cho làn da mặt của Nguyên phi thêm trắng trẻo mịn màng. Vua Lý Thánh Tông tưởng như được sống lại ngày gặp người đẹp trên cánh đồng hương Thổ Lỗi. Vẫn người con gài hái dâu có vẻ đẹp thùy mị dịu dàng, cử chỉ đoan trang với cái nhìn sắc sảo trung hậu và nụ cười kín đáo duyên dáng lạ thường như xưa. Vua Lý Thánh Tông yêu quý Nguyên phi Ỷ Lan không phải chỉ vì nàng trẻ đẹp. Trong đám phi tần, không thiếu những người con nhà khuê các đang tuổi xuân mơn mởn. Còn sắc đẹp thì mỗi người một vẻ. Ỷ Lan có nét đặc sắc riêng của nàng. Đó là tấm lòng trung hậu, trong trắng và cao thượng vốn có của mình. Tuy được nhà vua yêu chiều, nhưng không vì thế mà Nguyên phi khinh thường lấn lướt với người trên, kiêu căng lên mặt với kẻ dưới. Lúc nào Nguyên phi cũng giữ được nết na thùy mị của người con nơi đồng quê chất phác hiền hòa. Và đặc biệt, sau ba năm gần gũi nhà vua, Nguyên phi sinh thái tử Càn Đức, thỏa lòng mong mỏi của nhà vua đã ngoài bốn mươi tuổi mà chưa có con trai kế vị. Sau khi sinh thái tử, được phong làm Thần phi rồi Nguyên phi, đứng đầu hàng phi tần, tuy vậy lúc nào Nguyên phi cũng thích sống bình dị như người con gái hái dâu ngày trước. Và hôm nay để ngênh tiếp nhà vua, Nguyên phi lại chọn bộ quần áo quê mùa...

Vua Lý Thánh Tông ngắm nhìn Nguyên phi hồi lâu, rồi đứng dậy đi đi lại lại trong nội thất. Thoáng thấy nét ưu tư hiện trên vẻ mặt nhà vua, Nguyên phi Ỷ Lan dò hỏi:

- Muôn tâu, chẳng hay quân vương có điều lo lắng không thể cho thần thiếp biết được hay sao?

Nhà vua bước lại gần Ỷ Lan, cầm tay người đẹp:

- Ái phi! Ta sắp phải xa nơi này, không biết mấy tuần trăng nữa mới được gặp lại ái phi và trông thấy mặt hoàng tử!

Nguyên phi Ỷ Lan nhẹ nhàng kéo bàn tay ra khỏi đôi tay ấm áp của nhà vua, cất giọng run run:

- Quân vương phải xa thần thiếp? Thế ra hôm nay quân vương đến cung Trường

Xuân để mang tin dữ lại cho thần thiếp đó hay sao?

Như không nghe thấy giọng nói xúc động của Nguyên phi, vua Lý Thánh Tông chậm rãi:

- Hiện còn quân ngoại bang sang quấy rối nơi biên thùy phía nam. Nếu ta không một phen thân chinh đánh dẹp lũ chúng thì không thể nào ăn ngon ngủ yên nơi hoàng cung này được.

Ỷ Lan Nguyên phi lắng nghe, chỉ yên lặng cúi đầu. Không muốn làm cho người sủng phi phải lo buồn, nhà vua suy nghĩ tìm cách khuyên giải, nhưng chưa kịp cất lời thì Nguyên phi Ỷ Lan đã giải bày nỗi lòng của mình:

- Muôn tâu, phải sống xa quân vương là điều thần thiếp không muốn. Nhưng để giữ yên cho trăm họ, quân vương đã không quản ngại gian lao, dấn thân vào nơi mũi tên hòn đạn, thần thiếp là phận gái, không thể theo hầu bên cương ngựa, càng được yên sống nơi cung điện này, há lại không vui vẻ đợi ngày quân vương chiến thắng trở về hay sao? Xin quân vương đừng vì quá thương thần thiếp mà lo nghĩ để hao tổn mình rồng.

Lời nói của Nguyên Phi làm cho Lý Thánh Tông cảm thấy nhẹn nhàng khoan khoái. Nhà vua tự tay rót rượu ban cho Nguyên phi:

- Ta khá khen ái phi là phận gái biết dẹp tình riêng vì việc lớn của xã tắc. Trong những ngày xa triều đình, ta giao cho ái phi thay ta giữ quyền trông coi việc nước...

Đã mấy hôm nay, Mai Liên người nữ tỳ mới mười sáu tuổi đầu không còn còn nhí nhảnh vui đủa như thường ngày nữa. Hôm nay, sau khi dự buổi thường triều trở về. Nguyên phi Ỷ Lan thoáng thấy Mai liên đang ủ rũ đứng dưới gốc cây trong vườn thượng uyển. Nguyên phi truyền lệnh gọi đến hầu. Nhìn đôi mắt đỏ hoe của người nữ tỳ yêu quý, Nguyên phi ân cần thăm hỏi:

- Có việc gì làm em lo nghĩ, sao kông nói cho ta biết, chỉ thơ thẩn buồn bã một mình?

Mai Liên không nén được xúc động, đưa tay gạt nước mắt mà vẫn chối:

- Tâu Nguyên phi, em không có gì lo nghĩ cả...

Đặt tay lên vai Mai Liên, Nguyên phi dỗ dành:

- Thấy em buồn bã, ta cũng không vui. Em đừng giấu ta nữa! Hãy nói đi, ta không giúp nổi em hay sao?

Biết không giấu mãi được, Mai Liên kể lại:

- Tâu Nguyên phi, năm nay mất mùa đói kém, người các nơi đổ về kinh thành xin ăn đầy đường. Em gặp người quen biết được gia đình ở Đông Ngàn đã hết ăn từ đầu tháng, phải lang thang đi xin ăn mỗi người một phương. Ngày nào em cũng ra chợ tìm mà không gặp, không biết bây giờ sống chết ra sao?

Nguyên phi Ỷ Lan ngậm ngùi, nâng tà áo lau nước mắt cho Mai Liên đang thổn thức:

- Ta sẽ tìm cách giúp, sao em không nói cho ta biết sớm?

Trở về phòng riêng, Nguyên phi ngồi lặng đi hồi lâu trên kỷ. Lời kể của Mai Liên Khiến Nguyên phi đau lòng. Đúng là năm nay mùa màng kém, lại đang vào dịp tháng ba. Cảnh đói nghèo nheo nhóc của trăm họ vào những dịp này như thế nào, Nguyên phi không xa lạ. Được nhà vua ủy thác cho tạm trông coi việc nước, Nguyên phi đã nghĩ đến điều này. Vừa rồi, trong triều hội, Nguyên phi có nghĩ đến việc đói kém ở các châu phủ và truyền cho thần phải lo tìm cách chẩn cứu dân nghèo. Giờ đây, nghe lời kể của Mai Liên, Nguyên phi cảm thấy chưa làm hết chức trách của mình. Nguyên phi tự hỏi: "Trong lúc quân vương đi đánh dẹp giặc ngoài, giao quyền binh lại, mà để cho dân đói phải phiêu bạt vì bữa cơm manh áo thế sao gọi là trông coi việc nước được? Cũng chỉ vì cảnh tang thương của gia đình ở Đông Ngàn mà Mai Liên vui tươi là thế đã trở nên ủ rũ đau buồn, vậy mà người cầm quyền trông coi việc nước lại không biết đau lòng vì con dân trăm họ phải đói khổ hay sao?". Nguyên phi nhớ lại những ngày còn là cô gái hái dâu ở Thổ Lỗi. Hàng năm, vào dịp tháng ba ngày tám, vốn là những lúc giáp hạn thiếu ăn, gặp năm mất mùa, bà con phải rau cháo qua ngày, rủ nhau đi xin ăn độ nhật. Chết chóc, trộm cắp, tù tội cũng do đấy mà ra. Chính bản thân Nguyên phi đã từng sống những ngày đói khổ dưới mái tranh nghèo, chị em ôm nhau kêu khóc, mỏi mắt chờ bố mẹ mang về cho củ khoai mẩu sắn. Và vào lúc này, giữa tháng ba, chắc xóm làng cũng đang trải qua nạn đói...

Nguyên Phi Ỷ Lan truyền lệnh với thái sư Lý Đạo Thành vào cung để bàn việc chẩn cấp cho dân. Viên đại thần tâu bày việc làm của mình:

- Tâu Nguyên phi, theo lệnh của triều đình, thần đã sức cho tri phủ, châu phủ, tri châu các nơi phải xuất thóc lúa trong kho để chấp cứu đói sở tại. Viên quan nào để chậm trễ sẽ bị trách phạt.

Nguyên phi gật đầu tỏ ý vừa lòng và căn dặn thêm:

- Các châu, phủ ta làm như vậy là được. Còn ở kinh thành dân đói kéo về xin ăn ngày một đông. Ngoài việc phát chẩn ở các chợ, còn phải xuất kho cấp thêm tiền ăn đường cho dân phiêu bạt, khuyên họ trở về nguyên quán làm ăn. Thêm vào đó, phải khuyến dụ chùa chiền các nơi lấy của tam bảo để bố thí cho dân đói. Được như vậy thì chẳng những trăm họ sớm hưởng yên vui, mà thánh thượng nơi biên cương cũng an tâm và quân sĩ mới gắng sức giữ gìn bờ cõi của đất nước.

Từ người con gái hái dâu tình cờ trở thành bậc Nguyên phi, được nhà vua yêu chiều đủ điều, tưởng như cuộc đời của Ỷ Lan sẽ diễn ra êm ả. Không ngờ nhà vua sớm băng hà. Thái tử Càn Đức mới lên bảy đã giữ ngôi kế vị. Nguyên phi Ỷ Lan được phong Hoàng Thái phi, rồi được tôn là Linh nhân hoàng thái hậu.

Cũng từ sau khi nhà vua băng hà, vận nước bị đe dọa nghiêm trọng. Giặc Tống tràn sang giữa lúc nhà vua mới lên mười. Linh nhân hoàng thái hậu Ỷ Lan phải nhờ cậy bàn tay chèo chống của Thái úy Lý Thường Kiệt và Thái phó bình chương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành. Những ngày sóng gió trôi qua, đất nước sạch bóng quân thù, cuộc sống thanh bình trở lại. Cho đến khi nhà vua đã trưởng thành thì Ỷ

Lan đầu đã bạc.

Sau nhiều năm ngồi buông mành dự bàn việc nước, cho đến nửa cuối đời, Hoàng thái hậu mới được thư thái đôi chút. Nhưng mối lo của tiên đế ngày xưa lại đến với vua Lý Nhân Tông: Mối lo về con trai kế vị. Điều đó không khỏi làm cho Hoàng thái hậu Ỷ Lan bận lòng. Mỗi khi đi thăm cảnh chùa, Hoàng thái hậu đều thắp hương trước phật đài cầu nguyện đức phật ban phúc lành cho dòng họ Lý. Ấy thế mà nhà vua vẫn chưa có con trai.

Đã có lần nhà vua sai các hoàng hậu, phi tần, lập đàn cầu tự. Hoàng thái hậu thấy vậy, nói với nhà vua:

- Tiên đế băng hà, con nối ngôi từ lúc còn thơ ấu. Việc nước do mẹ và triều thần bàn định lo liệu. Nay trong nước thái bình, biên cương yên vững, chỉ hiềm nỗi con chưa có hoàng tử kế vị. Mẹ thường nghe nói: Trong dân gian còn có người người khổ phải bán đợ con cái. Trai gái đến tuổi trưởng thành không chuộc nổi mình, đến nỗi phải chịu cảnh lẻ loi suốt đời, còn mong gì đường con cái, thế thì còn đau khổ đến chừng nào?

Vua Lý Nhân Tông chắp tay:

- Tâu mẫu hậu, con cũng buồn phiền vì việc ấy, chỉ lo đắc tội với phụ vương dưới suối vàng. Con đã sai lập đàn cầu tự ngay trong hoàng cung...

Hoàng thái hậu khoát tay nói với nhà vua:

- Làm cha mẹ, ai chẳng mong con cái trưởng thành để rồi trai dựng vợ, gái gả chồng. Bậc làm vua đối với trăm họ cũng phải như vậy. Con còn lo lập đàn cầu tự, nhưng người dân vì nghèo khổ đến không có vợ có chồng thì biết cầu ở ai? Nghĩ đến điều đó mẹ không yên lòng. Mẹ muốn xuất tiền trong kho nội phủ chuộc trai gái bị bán đợ, dựng vợ gả chồng cho người ta, đó là cách làm phúc hay hơn cả.

Cúi đầu lắng nghe từng lời dạy của mẫu hậu, vua Lý Nhân Tông mới bừng tỉnh, thấy rằng mình chưa hết lòng chăm lo đến hạnh phúc của trăm họ. Sau đó, nhà vua lệnh truyền cho dân chúng các nơi, ai có con cái bán đợ, đến tuổi trưởng thành không chuộc nổi thì cứ theo văn tự, xin Hoàng thái hậu cấp tiền chuộc về dựng vợ gả chồng.

Vào mùa xuân năm Quý Mùi, sau khi ban phát tiền của cho dân nghèo, Hoàng thái hậu Ỷ Lan đi dạo chơi kinh thành. Chiếc kiệu của Thái hậu đi vòng về phía tây hồ Lục Thủy và dừng lại trước ngôi chùa Sùng Khánh. Dân chúng nghe tin, rủ nhau nô nức đến xem, vây kín đường. Đứng dưới tam quan ngôi chùa đồ sộ, nhìn lên ngọn tháp Báo Thiên mười hai từng cao vòi vọi, nhớ đến tiên đế, Thái hậu quay lại nói với nữ tỳ và dân chúng đứng xung quanh:

- Sáu năm sau khi tiến đế xây tháp này ta mới được tuyển vào cung. Mới ngày nào mà nay đã gần năm mươi năm rồi.

Thái hậu đang mải ngắm nhìn ngọn tháp nguy nga đồ sộ thì từ sân chùa, một sãi già gần sáu mươi tuổi rẽ đám đông đến trước Thái hậu chắp tay vái chào:

- Mô phật, muôn tâu Thái hậu. Thái hậu còn nhớ con không?

Hoàng thái hậu Ỷ Lan cố lục tìm trong trí nhớ để nhận ra người vãi già có khuôn mặt quen quen ấy. Thái hậu đã từng cho xây nhiều chùa tháp và đã đi vãn cảnh nhiều nơi. Không biết người vãi già này tu ở chùa nào đến đây? Rồi bỗng nhiên ký ức thờ trẻ trung sống lại, Thái hậu đặt tay lên vai người vãi già:

- Có phải là Mai Liên không?

Người vãi già vui mừng cảm động đến rơi nước mắt:

- Nam mô a di đà phật! Vâng, Thái hậu còn nhớ đến con. Con là Mai Liên, nữ tỳ ở điện Trường Xuân đây.

Thái hậu nhìn người vãi già, cố nhận ra bóng dáng cô nữ tỳ Mai Liên xinh tươi vui vẻ ngày trước. Cặp mắt nhăn nheo của Thái hậu như mờ hẳn đi. Nghĩ đến những thay đổi của việc đời và con người, Thái hậu thốt lên:

- Trời ơi! Sau cơn binh lửa, ta có hỏi thăm nhưng không ai biết đến em nữa. Tưởng đã chết rồi không ngờ còn gặp lại!

Người vãi già cười.

- Tâu thái hậu, nhờ Phật độ, con còn sống vài kỷ nữa, chưa chết đâu ạ.

Vãi già Mai Liên hầu Thái hậu lên tam quan thăm quả chuông của tiên đế sai đúc ngày xưa.

Trên tam quan chùa Sùng Khánh, Thái hậu ngắm nhìn quả chuông khổng lồ. Bài minh của vua Lý Thánh Tông ngày trước còn hằn rõ trên những hàng chữ thẳng tắp, khắc ở thân chuông mầu xanh xác. Thái hậu vịn tay vào chuông, hỏi thăm người nữ tỳ ngày xưa:

- Từ ngày xa ta, em ở đâu, xuất gia tu hành từ bao giờ?

- Mô phật, tâu thái hậu, từ ngày ấy con lấy chồng rồi theo chồng về Kinh Bắc. Nhờ trời phật cũng được hai mụn con, một gái một trai. Chẳng may chồng chết sớm, ba mẹ con bơ vơ. Cùng đường, con phải bán cháu gái lớn để lấy tiền nuôi thằng cháu trai. Nay thằng con trai ở quê bố, còn con, nghĩ thương đứa con gái phải bán mình không chuộc được nên cũng đi ở chùa cho khuây. May nhờ lệnh Thái hậu ban cấp cho dân nghèo, con mới chuộc được cháu về gả chồng cho nó. Hôm cầm văn tự đi lĩnh tiền, con mong nhìn thấy Thái hậu mà không được. Hôm nay, nhờ phật độ, gặp lại Thái hậu ở đây, con mừng lắm...

Hoàng thái hậu Ỷ Lan lập tức truyền cho vãi già Mai Liên theo chân kiệu về Bắc cung, giao việc trong nom am thờ Phật bên khu vường thượng uyển.

Mười lăm năm sau, vào năm Mậu Tuất, có một vãi già đã ngoài bảy mươi tuổi tìm đến ngôi chùa cổ thuộc miền đất Kinh bắc trù phú, xin trú ngụ. Người vãi già ấy tuy cao tuổi, nhưng khá lịch lãm, lại biết nhiều chuyện nơi cung đình. Người ta đồn đó là một cung nhân của vua Lý Thánh Tông thuở trước.

Theo lệ thường hàng ngày, sau hồi chuông thu không và buổi đọc kinh sám hối,

người vãi già lại về nhà trai ngồi bên ngọn đèn, kể chuyện ngày xưa cho sư sãi, tiểu, ni cô, và điền nô nghe.

Hôm nay, nhân đang vụ cày cấy người vãi già muốn bắt đầu câu chuyện nhãn tiền. Bên ngoài, ánh trăng tháng sáu soi rõ từng viên gạch lát trên sân chùa. Và ngọn gió đông nam mát rượi quạt hơi đất mới từ cánh ruộng vừa cày ải vào hàng hiên của nhà trai. Người vãi già ngồi trên chõng tre, chỉ tay về phía rừng cây rậm rạp, hiện lên thành một dãy đen thẫm gần chùa:

- Mô phật, các người hẳn biết trước đâu khu rừng kia là sào huyệt của bọn côn đồ trộm cắp. Đêm đêm chúng thường bắt trộm trâu đem về mổ thịt. Chẳng những ở đây, mà cả kinh thành nữa, đâu đâu cũng có nạn trộm trâu. Vì chúng mà nhà nông hầu như sạt nghiệp. Mấy hộ gộp lại mới chung nhau được một con trâu. Thành ra công việc đồng áng không kịp thời vụ, ruộng đất bị bỏ hóa nhiều. Bây giờ thì khác lắm rồi. Nạn ấy không còn nữa.

Một điền nô ngồi nghe tiếp lời:

- Vâng, bây giờ có lệnh cấm ngặt lắm. Ai lấy trộm trâu thì cả vợ lẫn chồng đều bị phạt tội nặng, đến xóm giếng không tố cáo cũng phải phạt đến tám mươi trượng.

Người vãi già giảng giải:

- Mô Phật! Ấy đấy, sỡ dĩ có lệnh đó là do Linh nhân Hoàng thái hậu Ỷ Lan. Nhân thấy nạn trộm trâu làm cho trăm họ cùng quẫn, việc canh nông đình đốn, Thái hậu liền nói với nhà vua ra lệnh nghiêm trị, nên mới được như ngày nay.

Nghe nói đến Ỷ Lan, có người liền hỏi:

- Chúng sinh đồn rằng Ỷ Lan chính là cô Tấm trong chuyện Tấm cám, có phải hay không già nhỉ?

Người vãi lắc đầu cười. Cặp mắt mờ đục của bà bỗng ánh lên một niềm vui sướng, tự hào. Bà được dịp kể về con người mà bà hằng kính mến:

- Không, Hoàng thái hậu Ỷ Lan, hay Linh nhân Hoàng thái hậu, là người con gái hái dâu, được vua Lý Thánh Tông vời vào cung, rồi sinh ra đức hoàng thượng bây giờ. Còn cô Tấm, thì từ nhỏ, ta đã nghe bà nội ta kể chuyện Tấm Cám rồi. Chẳng qua là Hoàng thái hậu Ỷ Lan cũng từ một cô gái quê mùa tốt nết, làm ăn siêng năng, tình cờ được nhà vua vời vào cung, lại được phong làng Nguyên phi, nên mới có chuyện tương đồng. Thái hậu Ỷ Lan đã có lần cầm quyền giữ nước. Thái hậu yêu thương mọi người như con đẻ của mình, lại thường khuyên bảo nhà vua làm điều lành cho trăm họ. Do đó mới có chuyện coi Hoàng thái hậu Ỷ Lan là cô Tấm xinh đẹp nết na được mọi người yêu quý trong chuyện kể ngày xưa...

Ngừng lại để uống nước nhấp giọng rồi liền đó, không phải đợi ai giục giã, người vãi già bắt đầu kể lại ngọn ngành những điều mắt thấy tai nghe về co gái hái dâu hương Thổ Lỗi, một buổi đứng dựa vào khóm cỏ lau mà lọt vào mắt Hoàng đế nhà Lý đi tuần du, được nhà vua vời vào cung...

Cho đến khuya, bốn bề vắng lặng, chỉ có ánh trăng suông và gió nam thổi rì rào.

Dưới mái hiên nhà trai, người kể và người nghe vẫn còn say sưa quên ngủ.

Câu chuyện kỳ lạ về cô gái quê trồng dâu chăn tằm, hiền lành chất phác trở thành bậc Nguyên phi, làm nên nhiều công tích, đã khiến cho ai nấy chăm chú theo dõi như đàn trẻ nhỏ ngây người lắng nghe tích cũ ngày xửa ngày xưa...

Người nghe chuyện, không ai ngờ rằng bà vãi già lịch lãm biết nhiều điều hay chuyện lạ chốn cung đình, đang ngồi ở đây lại chính là Mai Liên người nữ tỳ của Nguyên phi Ỷ Lan trong điện trường xuân thuở trước.

Trần Hưng Đạo

Nguyên, bắt tướng giặc Ngột Lương Hợp thai cùng đám tàn quân phải nhục nhã rút chạy như lũ chuột về nước, vua Trần Thái Tôn liền mở tiệc khao thưởng các tướng, phủ dụ ba quân ngay trong cảnh đổ nát vì giặc tàn phá ở kinh đô. Trong vệc ban thưởng các tướng có công đánh thắng kẻ địch mà vó ngựa của chúng từng băng qua sa mạc Trung Á, tràn tới trung tân Châu Âu, vượt qua Vạn Lý Trường Thành, giày xéo khắp đất Tống mênh mông, riêng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chưa được vua Trần Thái Tôn đánh giá công bằng. Nhớ lại, giữa lúc đất nước đang chuyển mình dữ dội trước họa xâm lược mạnh như giông bão của giặc Nguyên, đe dọa quét sạch từng gốc cây ngọn cỏ nước Đại Việt, giữa lúc vua Trần đang lúng túng chưa chọn được vị tường tài nào đem quân đi chận giặc thì chính Trần Quốc Tuấn là người đầu tiên tình nguyện xin đi cự giặc. Lĩnh ấn Tiết Chế đem quân lên mạn Hưng Hóa bày trận, Trần Quốc Tuấn tỏ rõ là vị tướng xông xáo mưu trí, am hiểu việc dụng binh, khiến cho quân giặc không thể xem thường sức mạnh và khí phách quân dân Đại Việt. Trong đà tiến như vũ bão về Thăng long, gặp một địch thủ có biệt tài về chiến trận, quân giặc đã phải cưỡng lại ở Hưng Hóa, đủ thời giờ cho vua Trần điều bát binh mã, lấy lại tinh thần và làm những việc cần thiết trước khi chủ động rút khỏi Thăng Long. Đến khi Ngột Lương Hợp Thai phát hiện ra rằng quân Trần rất mỏng, định giáng đòn búa bổ, bắt sống, vị tướng trẻ dũng cảm tài trí của người Đại Việt thì chúng bị một đòn lừa tức hộc máu mồn. Trần Quốc Tuấn làm như bày trận đánh lớn nhưng kỳ thực là tiến hành một cuộc rút lui chiến lược bảo tồn lực lượng, để sau đó không lâu, cùng Thái Sư Trần Thủ Độ chỉ huy quân Trần bất ngờ tiến đánh Đông Độ Đầu, quét sạch quân giặc ra khỏi kinh đô, làm cho bại tướng Ngột Lương Hợp Thai lẩn trốn về đến Nguyên triều vẫn chưa hết khiếp đảm. Trong chiến công hiển hách đánh bại đạo quân xâm lược tinh nhuệ bật nhất thế giới lúc ấy, có đóng góp lớn của Trần Quốc Tuấn. Lẽ ra là con An Sinh Vương Trần Liễu, là người gọi Trần Thừa (sau được tôn làm Thái Tổ) là ông nội, gọi vua Trần Thái Tôn là chú ruột và là anh Thiên Cảm sau này trở thành hoàng hậu Thiên Cảm, vợ vua Trần Thánh Thánh Tôn thì với thiên tài Trần Quốc Tuấn đáng được phong quyền cao chức trọng. Vậy mà khi luận công, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn không được vua Trần đánh giá đúng mức. Mặc dù vậy, Trần Quốc Tuấn cũng không lấy đó làm điều bận tâm lắm. Vị tướng xuất chúng của đời Trần chưa đầy ba mươi tuổi ấy lại nhớ đến câu chuyện đau lòng cũ: Ngày ấy, thân phụ Trần Quốc Tuấn là

Trần Liễu có người vợ yêu là công chúa Thuận Thiên, con vua Lý Huệ Tôn, đang có mang. Thái sư Trần Thủ Độ thấy vua Thái Tôn chưa có con, nên đã ép Thuận Thiên lấy Thái Tôn. Vì lý do đó, Trần Liễu dấy binh chống lại triều đình. Nhưng Trần Liễu bị Trần Thủ Độ đánh bại. Trần Liễu phải đi thuyền độc mộc, giả làm một người đánh cá đến thuyền vua Trần Thái Tôn để xin hàng. Trần Thái Tôn không những tha tội cho anh mà còn phong cho anh đất An Sinh làm Thái ấp, Tuy vậy Trần Liễu vẫn căm Trần Thái Tôn đã cướp mất vợ mình. Có lần, Trần Liễu đã bảo Quốc Tuấn rằng:

- Sau này, nếu con không vì ta mà lấy lại thiên hạ thì ta sẽ không sao nhắm mắt được khi đã nằm xuống đất.

Cũng bởi nuôi ý ấy nên ngay từ khi Trần Quốc Tuấn còn nhỏ, Trần Liễu đã kén những người tài trong nước đến dạy Quốc Tuấn học. Nhờ thông minh tuyệt vời lại hiếu học, Quốc Tuấn đã sớm nắm được tinh hoa của mọi sách vở và sớm nổi tiếng là người văn võ xuất chúng. Những người có dịp gần Quốc Tuấn, nghe Quốc Tuấn bàn về thao lược hoặc có dịp nghe Quốc Tuấn hầu vua giảng nghĩa lý kinh sách, nhất là xem Quốc Tuấn đem những hiểu biết của mình sau khi đọc binh pháp Tôn Tử của Tôn Vũ và phép dụng binh của Ngô Khởi diễn làm đồ trận để dạy các tướng, đều phải thán phục kinh ngạc trước thiên tài quân sự của vị vương trẻ rất đẹp trai ấy.

Nhớ lại câu chuyện đau lòng đã qua để cắt nghĩa sự hiềm khích chưa dứt hẳn của vua Trần Thái Tôn, tuyệt nhiên Trần Quốc Tuấn không cho lời cha nói là phải. Chứng cớ là trước khi lâm trọng binh, Trần Quốc Tuấn đem lời cha mình hỏi thử hai gia nô là Yết Kiêu và Dã Tượng. Cả hai đều nói:

- Làm việc ấy dẫu được giàu sang một thời thật đấy nhưng tiếng xấu để mãi nghìn thu. Bây giờ đại vương chẳng giàu rồi ư? Chúng tôi thề rằng thà chết già làm nô còn hơn làm hạng quan vô trung vô hiếu.

Có một lần, Trần Quốc Tuấn hỏi người con lớn là Hưng Vũ Vương Trần Quốc Hiến:

- Ngày xưa làm nên giàu có cả thiên hạ để truyền cho con cháu, vậy ý con nghĩ sao?

Hưng Vũ Vương thưa:

- Giả sử đối với họ khác còn không nên làm, huống chi là chỗ họ nhà ta.

Trần Quốc Tuấn khen ý của Quốc Hiến.

Lần khác, Trần Quốc Tuấn hỏi người con thứ ba là Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng. Quốc Tảng thưa:

- Xưa Tống Thái Tổ chỉ là một ông lão làm ruộng mà thừa thời dấy vận lấy được thiên hạ.

Nghe vậy, Trần Quốc Tuấn nổi giận tuốt gươm kể tội Quốc Tảng:

- Xưa nay, kẻ loạn thần là từ đứa con bất hiếu mà ra. Nói đoạn, ông toan cầm gươm giết Quốc Tảng. Quốc Hiến phải khóc xin lỗi cho Quốc Tảng, Quốc Tuấn mới

tha.

Năm tháng qua đi, sống ở Thái Ấp Vạn Kiếp không phải không có lúc Trần Quốc Tuấn thấy lòng mình day dứt. Nhưng là người biết nắm vững sợi cương gìn giữ lòng mình trước những dốc đứng của tâm hồn. Trần Quốc Tuấn luôn đặt lợi nước lên trên quyền lợi của dòng họ. Những tháng năm sống xa kinh thành, xa quyền thế, xa cuộc đời bận rộn, Quốc Tuấn lấy làm vui trong việc tiếp xúc với nhân dân, với việc luyện binh và hơn hết là thú vui đọc sách, học binh thư. Chính trong căn phòng đọc sách rộng rãi, thoáng mát và yên ắng giữa Vương phủ Hưng Đạo ở Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn dày công nghiên cứu, say mê viết cuốn "Binh thư yếu lược", phòng lúc cần đến để rèn dạy các tướng. Theo Trần Quốc Tuấn, mọi việc đều động và diễn biến không ngừng. Phải lo trước những điều có thể xảy ra là bổn phận của kẻ làm tướng.

Giữa vương phủ ở Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn sắc mặt dữ nghe sứ giả của thượng hoàng Trần Thánh Tôn báo tin giặc Nguyên đang sửa soạn đại binh sang đánh Đại Việt. Trong tờ chiếu gửi Trần Quốc Tuấn, thượng hoàng dặn ông suy nghĩ trước kế đánh giữ, để ba ngày sau, sẽ trình bày ở hội nghị các vương hầy ở bến Bình Than.

Thế là cuộc chiến đã bắt đầu! Trần Quốc Tuấn tự nhủ khi đã tiễn xứ ra về. Trong suy nhĩ của con người am hiểu binh thư như Trần Quốc Tuấn, chiến tranh không phải bắt đầu từ trước đó rất nhiều. Cuộc chiến tranh mà nhân dân Đại Việt sắp phải thực sự đương đầu một cuộc chiến tranh chắc chắn sẽ vô cùng khốc liệt đã được bộ óc vĩ đại Trần Quốc Tuấn tiên đoán từ trước lúc ông dành tất cả tâm huyết viết Binh thư yếu lược. Nghĩa là từ khi cuộc đương đầu với kẻ thù còn ở địa hạt ngoại giao, bằng việc Hốt Tất Liệt phong cho chú họ vua là Trần Di Ái làm "An Nam Quốc Vương", và trắng trợn lập ra "An Nam Tuyên úy ti", với tên Sài Thung, đương chức thượng thư bộ Lễ triều Nguyên làm "An Nam tuyên úy sứ đô nguyên soái" đi kèm bù nhìn Di Ái sang Đại Việt. Trần Quốc Tuấn căm giận nhớ lại những tội ác tày trời của giặc hơn hai mươi năm về trước và hàng loạt yêu sách trịch thượng, vô lý của Nguyên triều từ đó đến nay đối với nước Đại Việt. Những cảnh giết người đốt làng xóm, tàn phá kinh thành, cướp bóc hãm hiếp của giặc vẫn còn hằn sâu trong tâm trí Trần Quốc Tuấn. Lần này đem quân sang rửa vết nhục thất trận cũ, chắc sự hung tợn tàn bạo của giặc còn gấp bội. Tổ quốc đang đứng trước hiểm họa xâm lược chưa từng có. Đối với kẻ giặc từng đánh bại nhiều nước, làm cỏ nhiều dân tộc, chúng sẽ không ngần ngại gì mà không làm những điều tàn tệ nhất ở Đại Việt. Không thể được lòng Quốc Tuấn sôi sục không thể để giặc hoành hành tội ác trên giang sơn gấm vóc này; phải chặn không cho giặc phạm tới một ngọn cỏ, một lá cây của nhân dân Đại Việt.

Bởi vậy, kế sách đánh giặc cần phải được trù liệu ngay từ bây giờ. Không trù liệu sớm là có tội với vua, với nước. Trần Quốc Tuấn suy nghĩ về một thế cuộc rộng lớn. Phải tạo cho dân tộc một sức mạnh như nước đổ từ thế cao nghìn nhẫn. Nhưng cái gì là cội rễ của thế cao nghìn nhẫn ấy? Quân giỏi, tướng giỏi? Vua, tôi đoàn kết? Trên dưới thuận hòa? Trần Quốc Tuấn căng thẳng suy nghĩ. Những kinh nghiệm

đánh giặc hơn hai mươi năm trước và kiến thức uyên thâm về binh thư sao bao nhiêu năm nghiền ngẫm, vận dụng, đã giúp cho Trần Quốc Tuấn sớm tìm ra nguồn gốc của sức mạnh ấy. Theo ông, muốn tạo cho dân tộc có thế mạnh áp đảo quân giặc có binh hùng tướng mạnh như quân Nguyên, điều cốt yếu là phải quy tụ được ý chí trăm họ về một mối. Trăm họ chính là gốc rễ của cái thế cao nghìn nhẫn ấy. Phải lấy trăm họ là lính, cỗ vũ cả nước đấu sức lại mà đánh. Phải xem sức trăm học là sức mạnh của khí thiêng sông núi. Chỉ có dùng sức mạnh ấy mới đánh thắng được giặc, giữ được nước. Nhưng muốn huy động được sức mạnh ấy, triều đình phải khoan nới sức dân, rủ lòng thương yêu muôn dân, phải có những đạo quân cha con sẵn sàng sinh tử vì vua, vì nước, và điều cốt tử bậc nhất lúc này là triều đình phải có được sự nhất trí tập trung mọi cố gắng cho cuộc chiến đấu một mất một còn của da n tộc. Trần Quốc Tuấn chợt nhớ đến những lời trăng trối của Phụng Kiều vương. Dẫu lòng minh đã dứt khoát không bận tâm đến câu chuyện đau lòng ấy, nhưng sự bất hòa giữa Trần Quốc Tuấn và Chiêu minh đại vương Trần Quang Khải, lâu nay khiến ông chẳng dễ quên. Bởi vậy, nghĩ đến hiện trạng mình, Trần Quốc Tuấn thấy bâng khuâng vô hạn. Trần Quang khải được phong tước đại vương từ năm mười tám tuổi, hiện vừa giữ chức thái sư, vừa giữ chức thượng tướng quân, nắm cả quyền tướng văn, tướng võ. Còn ông thì đã lui về Thái Ấp sống như một hiều triết: đọc sách, nghiền ngẩm sự đời và học binh thư. Mối bất hòa giữa ông và Chiêu minh đại vương dường như cả nước đều biết. Người ta đồ chừng hai vị tướng tài không thể cùng đứng ngang hàng trong triều. Người ta gán ghép hai người gờm nhau về tài cầm quân và so bì tước hơn kém nhưng thiên hạ ít người biết đến nguồn gốc sâu xa của mối bất hòa ấy. Thực ra mối bất hòa ấy không phải vì chuyện riêng tây mà là hai ngành trưởng, thứ. Hơn thế, là người trọng yếu của hai ngành trưởng, thứ. Mối bất hòa ấy còn có dây mơ rễ má từ chuyện xưa giữa Trần Liễu với vua Trần Thái Tôn, cho nên giữa Hưng Đạo vương và Chiêu Minh đại vương, chắc vua sẽ nghe theo Trần Quang Khải, hơn nữa Thượng hoàng với Trần Quang Khải là chỗ anh em ruột thịt, vậy thì Trần Quốc Tuấn nghĩ ta sẽ hành động ra sao khi tổ quốc lâm nguy? Suy nghĩ căng thẳng khiến trần Quốc Tuấn thấy không khí trong chính đường trở nên ngột ngạt. Ông đứng dậy bước ra ngoài. Các võ sĩ hộ vệ lặng lẽ đi theo. Ra hiệu cho họ ở lại chính đường. Trần Quốc Tuấn chậm chạp đi về cuối Thái ấp trong ráng chiều vàng, nét mặt phương phi và kiên nghị của vị tướng năm mươi tuổi trông căng thêm rắn rỏi. Trần Quốc Tuấn dừng lại bên quả đồi kề sát địa giới Thái Chuông chủa Kiếp Bạc buông hồi ngân nga trong thinh không. Trên cánh đồng mùa, gia nô Thái Ấp và dân hương Vạn Kiếp mải mê công việc đồng áng. Ngắm nhìn khung cảnh hùng vĩ, thân thiết ấy, lòng Quốc Tuấn thanh thản trở lại. Những kỹ niệm thờ thơ trẻ, những đêm trăng vằng vặc với lời trăng trối của Phụng Kiền vương và những ngày miệt mài nghiền ngẫm sách binh thư như cùng sống lại trong lòng Trần Quốc Tuấn. Ta đã không coi lời cha là phải Quốc Tuấn đắm mình suy nghĩ có lẽ nào ta lại đặt lợi ích của gia tộc lên trên lợi ích của đất nước? Chẳng lẽ chỉ vì cá nhân mình mà không hết lòng lo cho giang sơn lúc nguy biết? Hãy biết gạt đi những vấn vương làm cho trí óc kém minh mẫn Trần Quốc Thuấn thì thầm với chính mình Đánh giặc là công việc lớn nhất trong chiến tranh, cho nên, mọi người phải tập trung sức lực trí tuệ cho việc đánh giặc. Trong lúc quốc loạn này, nếu ta và Chiêu Minh đại vương còn xung

khắc nhau thì thật là bất hạnh cho nước Đại Việt. Bởi vậy, chính ta phải chủ động dẹp mối bất hòa với Chiêu Minh đại vương. Hơn thế, phải cùng Chiêu Minh đại vương chung lo việc nước.

Ngay đêm ấy trước sân chính đường Vương phủ Hưng đạo ở Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn đã triệu tất cả tân binh và quân gia nô đến hầu. Hàng trăm ngọn đèn lồng được thắp sáng, soi rõ khuôn mặt đăm chiêu của các con trai Hưng Đạo vương, các gia tướng Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Địa Lô và hiền sĩ Trương Hán Siêu... Khi tướng sĩ đã tề tựu, Trần Quốc Tuấn chậm rãi:

- Giặc Thát lần nữa lăm le xâm lấn Đại Việt. Vó ngựa cuồng loạn của chúng lần nữa định phá trụi khinh đô Thăng Long và bao làng xóm yên lành. Các ngươi đã tận mắt nhìn sức giặc nghênh ngang giữa kinh đô, uốn tấc lưỡi cú vọ làm nhục triều đình, đem tấm thân chó dê khinh lờn tổ phụ. Nếu không chặn tay chúng lại, nước này còn được chăng? Ta và các ngươi còn được chăng? Trong lúc quốc gia lâm nguy, nếu tướng sĩ không khổ luyện cho thành xương đồng da sắt, không tập luyện để giương cây cung cứng có sức khỏe bạt non, khí thế nuốt trâu thì làm sao lúc giặc phạm tới bờ cõi, các ngươi có thể đánh đập đầu chúng? Thế nên từ nay, các ngươi phải khổ luyện không tiếc thân, một người địch được nhiều người để làm rạng danh cho núi sông, không hổ thẹn với tiền nhân đã bỏ bao nhiêu mái xương để xây dựng nước và giữ nước...

Từng lời, từng lời của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn như truyền thêm dũng khí cho dân binh và quân gia nô Vạn Kiếp reo hò đáp lại của tướng sĩ từng đợt rộ lên làm náo động canh khuya.

Cuộc hội binh bất thường vừa giải tán thì Trương Hán Siêu bước đến trước mặt Trần Quốc Tuấn:

- Thưa Đại vương! Các bô lão hương Vạn Kiếp và các hương kế cận xin được ra mắt đại vương. Cặp mắt Trần Quốc Tuấn sáng ngời:

- Cháu hãy dẫn ngay các bô lão vào chính đường. Rồi ông ra lệnh cho quân hầu sửa soạn rượu đãi khách.

Chỉ một chốc sau, một đoàn các bô lão các hương xung quang vùng Vạn Kiếp, xúng xính trong những tám áo the nhuộm thâm, kéo tới chính đường.

Trần Quốc Tuấn chắp tay chào các bô lão và mời vào phòng khách. Một cụ già râu tóc bạc phơ, chậm rãi:

- Thưa đại vương muôn vàn yêu kính: Dân chúng tôi nghe tin giặc phạm đến cõi bờ. Nay mai quan gia sẽ hội vương hầu bàn kế đánh giữ. Chúng tôi tưởng đã già nhưng không thể thấy quốc biến mà bình tâm được. Mất nước là mất hết. Còn nước là còn tất cả. Tiếc mình sức yếu không ra trận được, chỉ xin đại vương cho con em chúng tôi đứng dưới cờ đại vương, quyết chiến với giặc, cứu giang sơn khỏi họa diệt vong.

Một nỗi xúc động lớn lao tràn ngập lòng Trần Quốc Tuấn. Lời nói và việc làm của các bô lão càng củng cố thêm chủ trương nuôi sức dân để cố kết lòng dân,

phụng sự nghiệp lớn mà bấy lâu Trần Quốc Tuấn ấp ủ. Các bô lão là tượng trưng cho lòng dân cả nước. Sức mạnh của thế hệ già nua được triều đình liệt vào bậc long lão ấy là ở chỗ biết đem uy tín của mình, động viên con cháu sẵn sàng hiến thân cho dân nước, bảo vệ tổ quốc. Nếu các bô lão trăm người như một, đều có hành động nghĩa cả ấy thì quả là giặc đã chọn lầm đối thủ. Dựa vào các bô lão, ta có thể huy động cả dân tộc ra trận. Lòng dân chính là pháo đài kiên cố nhất, ý chí trăm họ sẽ là tòa thành vững chắc bảo đảm cho chiến thắng hoàn toàn giữ vững non sông xã tắc. Trần Quốc Tuấn thấy ngời nên niềm tin mãnh liệt. Ta sẽ tâu vua hỏi ý các bô lão Quốc Tuấn thầm nhủ qua các bô lão mà hiệu triệu trai tráng xả thân vì nước trong sự xúc động ấy, Trần Quốc Tuấn từ tốn:

- Lo cho vận nước, các cụ đã tự nguyện dân con em mình cho nước, đấy là hành động cao cả rất đáng nêu gương. Xin hỏi các cụ điều nữa: Quân giặc thì ngông cuồng hung hãn, chiến trận lại xảy ra trên đất nước ta, tránh sao khỏi tổn thất cho trăm họ?

- Thưa đại vương! Nước mắt thì nhà tan một cụ đáp vậy nên, có giữ được nước mới yên được nhà.

- Phải, phải đấy! Thưa đại vương. Nhiều cụ đồng tình.

Trần Quốc Tuấn mời các cụ uống rượu rồi nâng cốc:

- Trăm họ có thể hy sinh từ niều vui, lẽ sống đến tài sản, tính mạng để chống giặc giữ nước! Trăm họ là sức mạnh vô địch. Chính các cụ dạy ta điều ấy. Ta hứa sẽ tâu lên quan gia việc làm nghĩa hiệp của các cụ.

Mõ trong vương phủ cầm canh ba. Lính gia nô đổi nhau đốt đèn lồng đi tuần. Tiễn các bô lão về rồi, Trần Quốc Tuấn lại tiếp tục suy nghĩ về những công việc phải làm. Ông vui mừng tìm thấy chỗ dựa to lớn, quyết định trong kế hoạch phá giặc đang hình thành trong đầu ông.

Không hẹn mà nên, tất cả các vương hầu khắp nước đều khéo đến Bình Than trước ngày hội sư. Bởi vậy chiều ấy, khi đoàn thuyền Trần Quốc Tuấn đến Bình Than, ông đã thấy dọc hai bên bờ sông, đủ các loại thuyền đậu dài san sát mang cờ hiệu của các vương hầu bốn phương tụ về.

Hay tin đoàn thuyền của Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn đã đến, cả bến sông dày đặc thuyền và cờ hiệu của các vương hầu bỗng sôi động hẳn lên. Sự có mặc của vị tướng tài từng lĩnh ấn Tiết Chế quân Trần đánh bại đại binh giặc hơn hai mươi năm trước, đã đem lại niềm vui và lòng tin tưởng cho các vương hầu khắp nước. Trên thuyền tướng, Trần Quốc Tuấn thong thả vén bức rèm the, bước ra khoang ngoài. Trong nắng chiều, giữa rừng cờ phất muôn màu, vẻ mặt kiên nghị của Trần Quốc Tuấn ánh lên rạng rỡ.

Bỗng gia tướng Yết Kiêu bước đến cúi đầu:

- Thưa đại vương! Có Quan thượng tướng Thái sư đến thăm đại vương.

Quay về phía sau, Trần Quốc Tuấn sửng sốt thấy Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải đi trên chiếc thuyền nhỏ không trương cờ hiệu, đã áp mạn vào thuyền

tướng của mình.

- Thật hân hạnh được đón tiếp Thượng tướng Trần Quốc Tuấn cúi chào, giọng thân mật.

Trần Quang Khải, người đứng đầu triều, hiện thâu tóm cả quyền tướng văn tướng võ ấy, nhanh nhẹn bước lên truyền lớn, giọng cởi mở:

- Vì mong gặp quốc công bàn đại sự, tôi xin quan gia cho đi trước. Chẳng hay quốc công có được mạnh giỏi không?

Dẫn khách quý vào buồng thuyền tướng, Trần Quốc Tuấn nói vui:

- Thượng tướng trông thì biết. Tôi đủ sức lôi giặc ra giữa sông mà dìm.

Trần Quang Khải bật cười sảng khoái. Ông hiểu vị tướng kiệt xuất triều Trần mượn câu nói vui để ám chỉ chỗ yếu cơ bản của giặc là thủy trận. Chính Trần Quang Khải tâu xin vua hội sư không phải ở kinh đô mà trên bến sông này cũng ngầm có ý ấy. Hai bộ óc lớn của triều Trần lúc ấy đã gặp nhau vì thấy cần dựa vào nhau để chăm lo việc nước và sự nhạy cảm được ý đồ của nhau, đã khiến cho Trần Quốc Tuấn và Trần Quang Khải xóa đi rất nhanh mối hiềm khích cũ.

Hai người bắt tay ngay vào việc. Sau lúc thông báo các mặt tinh thần và lực lượng của vương hầu. Trần Quang Khải chợt hỏi Trần Quốc Tuấn:

- Hình như quốc công có một môn khách mới ở đất giặc về?

Quốc Tuấn thấy khôn cần giấu người chỉ huy quân Trần lúc ấy:

- Tôi đã phái người ấy đi khi bọn giặc Sài Thung ngông nghênh không tiếp Thượng tướng, lại cho lính lấy mũi sắt nhọn chọc và đầu tôi. Nghĩa là lúc cuộc chiến đã báo trước không thể tránh được. Con người mẫn cán, tận trung với nước ấy đã trả lời đầy đủ, rõ ràng những điều tôi muốn biết về địch quân.

Nhắc đến Sài Thung, Trần Quang Khải chau mày:

- Sài Thung xấc xược thật nhưng chưa phải là kẻ thù ghê gớm nhất. Lần này giặc phái đại binh sang chính là lúc ta phải diệt tan nguồn gốc bạo lực, cuồng chiến của chúng. Thời kỳ ta chịu lép vì sức chưa đủ, của chưa nhiều đã qua rồi. Phải đánh cho giặc khiếp đảm đến ba đời. Việc điều binh khiển tướng, tôi chẳng thể bằng quốc công. Có chiến tranh, mọi việc phải xếp lại. Tôi đã tâu quan gia trao ấn Tiết Chế cho quốc công. Chúng ta phải hợp sức đánh bại quân thù.

- Lúc này tôi cũng sẵn lòng giúp quan gia và Thượng tướng việc điều bát binh mã, đánh thắng giặc.

Trần Quang Khải hồ hởi:

- Ngày mai, quan gia sẽ cùng các vương hầu nghị kế. Việc gây khí thế ấy là cần. Nhưng lập kế ra quân, Quan gia đã riêng cậy nhờ quốc công. Quốc công đã nghĩ đến việc đó chưa?

Trần Quốc Tuấn cởi mở:

- Dụng binh cần hiểu rõ kẻ địch của mình. Hiểu địch rồi mới lập kế ra quân. Mà

lập kế rồi, ba phần đã thắng hai.

Chiêu Minh đại vương phấn chấn, quên cả giữ gìn:

- Không phải không có người ngại e Quốc công còn bận lòng đến chuyện cũ. Lòng Quốc công sáng như sao Khuê. Vẫn đoán Quốc công đã trù liệu kế phá giặc từ lâu.

- Dã tâm của kẻ giặc, ai mà không thấy. Binh thư dạy: Mạnh mà bị bất ngờ cũng có thể thua.

Trần Quan Khải trở lại đăm chiêu:

- Vừa qua trong cung Quan Triều, tôi được đọc những tờ sớ tâu của các tướng trấn thủ biên thùy. Ở mặt Bắc, giặc công binh năm mươi vạn, nguyên soái giặc là Thoát Hoan, con trai thứ chín của Hốt Tất Liệt, tướng tiên phong là Ô Mã Nhi. Ở mặt Nam, nguyên soái giặc là Toa Đô đã kéo mười vạn quân đổ bộ lên đất Chiêm Thành. Nghe Quan gia nói quốc công tâu gấp cử quân đi cứu Chiêm Thành. Vì sao vậy?

- Xâm lược Chiêm Thành, cánh quân Toa Đô chính là một gọng kìm giương sẵn để đánh nước ta đó. Bởi thế, đem quân giúp Chiêm Thành đánh Toa Đô chẳng qua là để bẻ trước cái gọng kìm đó mà thôi.

- Việc rất nên, tôi sẽ tâu thêm với quan gia. Về đạo binh của Thoát Hoan, Quốc công nghĩ thế nào?

Trần Quốc Tuấn chậm rãi:

- Những tên tướng giặc mà Thượng tướng vừa kể chỉ là loài tướng dũng. Thoát Hoan từng chinh chiến nhiều năm nhưng lần nầy là lần đầu tiên cầm một đạo quân lớn. Hắn đang thèm khát chiến công nên dễ bị khích. Khi bị khích, hắn dễ liều lĩnh, để hở những chỗ yếu trong thế trận. Tướng Ô Mã Nhi người Hồi Hột, đánh ngựa giỏi nhưng dốt thủy trận. Tất cả chúng chưa đủ bản lĩnh cầm quân lớn.

Thầm phục những hiểu biết tường tận của Trần Quốc Tuấn về quân giặc nhưng Trần Quang Khải chưa hết băn khoăn:

- Vậy bộ não của quân giặc theo Quốc công là ai?

- Tra cứu nhiều nguồn tin, tôi biết đó là A Lý Hải Nha. Tên này giỏi dùng mẹo, đã từng hạ hàng chục thành Tống. Toa Đô, Ô Mã Nhi đều coi hắn là sư phụ.

Trần Quang Khải khẽ thở dài:

- Hình như gia thần nhà Tống là Lý Hằng cũng là một tướng đáng gờm.

- Đúng vậy Trần Quốc Tuấn xác nhận nhưng Thoát Hoang không ưa gì chúng. Sự không nhất trí ấy là chỗ yếu của giặc.

- Tôi hoàn toàn yên lòng vì bọn tướng giặc không tên nào xứng là địch thủ của Quốc công. Nhưng còn quân giặc? Chúng chuyên đánh ngựa, một địch nổi trăm, đến như mưa giông, đi như gió cuốn, thật đáng ngại.

- Đây là sự thật. Nhưng bên chỗ mạnh vô địch ấy, giặc lại kém thủy trận. Xem

vậy, biết đánh thì vẫn thắng. Vả chăng, đối với giặc dữ, muốn thắng chúng, chẳng những ta cần có tướng giỏi, quân giỏi mà quan trọng hơn là huy động được cả nước vào trận. Lực lượng, ý chí trăm họ bao giờ cũng là cội nguồn của chiến tuyến dân tộc.

Cuộc đàm đạo giữa hai vị tướng trụ cột triều Trần kéo dài xuất cả chiều ấy. Đến khi Trần Quang Khải vui vẻ cáo lui. Trần Quốc Tuấn phác cử chỉ ngăn lại. Ông đến bên Chiêu Minh đại vương cười hóm hỉnh:

- Biết Thượng tướng bận, việc nước ít có dịp tắm gội, tôi đã mật sai gia nhân đun nước để sẵn. Nay xin được tắm cho Thượng tướng.

Không thể chối từ, Trần Quang Khải vui vẻ nói:

- Đến cả cõi lòng tôi, Quốc công cũng đã gột rửa, huống chi là thân thể. Được Quốc công thân tắm cho thật là may mắn!

Trời tối dần, bến Bình Than dậy lên ngàn vạn ngọn đèn lồng đủ màu sắc, trên các thuyền của vương hầu. Cũng từ chiều, dân chúng quanh vùng đã kéo đến đứng đông đặc hại bên bờ sông. Trên bến dưới thuyền đều náo nức không khí buổi xuất quân.

Hội nghị Bình Than diễn ra cực kỳ sôi nổi và kết thúc tốt đẹp. Khi Thượng hoàng Trần Thánh Tôn và vua Trần Nhân Tôn đem việc lớn của xã tắc ra hỏi, các vương hầu mỗi người một ý nhưng rồi đều nhất trí với kế đánh mà Trần Quốc Tuấn đã dày công chuẩn bị. Hội nghị càng phấn khởi và cảm động khi thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải tâu vua xin nhường quyền tiết chế thống lĩnh binh mã các đạo cho Trần Quốc Tuấn. Do lường được uy tín tuyệt đối của Trần Quốc Tuấn đối với các vương hầu, sau lúc trở về kinh thành, vua Nhân Tôn đã làm lễ trao ấn kiếm Tiết Chế cho Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn. Việc cắt cử ấy đã làm cho quân dân Đại Việt vô cùng phấn khởi. Nhân dân vững tin vào cuộc chiến đấu mà vị Tiết Chế chẳng những là một thiên tài quân sự, biết nhìn xa thấy rộng mà còn là người có phẩm chất đạo đức trong sáng, nặng tình thương dân và yêu quân lính như cha con trong nhà. Bởi vậy, từ kinh đô Thăng Long đến các thôn cùng xóm vắng, trai tráng náo nức tập luyện võ nghệ, sẵn sàng nghe theo mệnh lệnh của Tiết Chế. Các bễ lò rèn nổi lửa suốt ngày đêm để rèn vũ khí. Hiểu được lòng ngưỡng mộ của nhân dân đối với mình, Trần Quốc Tuấn thấy rõ lần này chỉ có thể đánh thắng giặc.

Ngày rời Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn tưởng dăm bữa nủa thắng sẽ trở về. Nhưng ấn Tiết Chế lưu ông ở lại kinh đô với khối lượng công việc to lớn, nặng nề chưa từng thấy. Việc sắp đặt tướng lĩnh, luyện quân, dự đoán các mũi tiến quân của giặc, giả thiết những khó khăn nhất có thể xảy ra, tìm cách đối phó, đã cuốn hút Trần Quốc Tuấn đến nỗi ông không còn thì giờ dành cho riêng mình. Tuy vậy, Trần Quốc Tuấn làm việc rất thận trọng. Trong việc duyệt lại kế hoạch chống giặc, ông không bỏ qua một chi tiết nhỏ. Ông làm việc với từng tướng, hiểu chỗ mạnh chỗ yếu của từng người. Ông phán bảo những sự suy nhgĩ nông cạn của họ, thành thật khen những ý tướng táo bạo, cách nhìn nhận tình hình mới mẻ, dự kiến được mọi tình huống để chủ động thực hiện mệnh lệnh của ông. Các tướng tùy tùng của ông nhận

rõ mặc dù bận rộn, ông chưa hề cáu gắt với bất cứ ai. Ông muốn cấp dưới dám nói những suy nghĩ riêng, uốn nắn họ để họ hiểu thấu phương lược dụng binh của ông, thực hiện nó một cách mưu trí.

Chính trong những ngày khẩn trương ấy, muốn các vương hầu tướng lĩnh có thêm năng lực chỉ huy quân đội, Trần Quốc Tuấn xúc tiến mở những lớp học binh thư. Vua Nhân Tôn vốn dòng tướng võ, tự cho mình là giỏi, nhưng chỉ dự mấy buổi nghe Trần quốc Tuấn giảng về nghệ thuật cầm quân, đã tôn Trần Quốc Tuấn là bậc thầy. Thấy vua và mọi người ca ngợi Trần Quốc Tuấn như thần thánh, thượng hoàng Thánh Tôn nửa tin nửa ngờ. Một lần, lấy cớ xem xét các vương hầu học binh thư, thượng hoàng đến giảng võ đường để nghe Trần Quốc Tuấn giảng về nghệ thuật tiến lui, các cơ hội đánh giặc. Ngay từ đầu, thượng hoàng đã bị Trần Quốc Tuấn chinh phục bởi nội dung bài giảng mẫu mực, lối nói rành mạch, khúc chiết:

- Dụng binh phải biết rõ tình hình của địch. Thực hư thế nào rồi nhằm vào chỗ nguy mà đánh. Địch mới ở xa đến, hàng ngũ chưa ổn, có thể đánh; ăn mà chưa phòng bị, có thể đánh; đương rối ren, có thể đánh; nhọc mệt, có thể đánh; chưa được địa lợi, có thể đánh; lỗi thời không theo, có thể đánh; lặn lội đường dài, quân sau chưa nghỉ, có thể đánh; qua sông nửa chừng, có thể đánh; đường hiểm, đường hẹp, có thể đánh; cờ xí loạn động, có thể đánh; tướng lìa quân sĩ, có thể đánh; lòng sợ, có thể đánh. Phàm gặp các trường hợp đó, nên kéo quân tinh nhuệ để xung đột trước, rồi sau chia quân mới đến, cứ việc đánh gấp, không phải ngờ gì nữa.

Cả lớp học chăm chú theo dõi như nuốt từng lời vị Tiết Chế có học vấn uyên thâm.

Những người dụng binh giỏi không phải chỉ biết đánh Trần Quốc Tuấn phấn chấn, tiếp Thế có lúc không thể đánh ngay được thì nên kéo dài; thế địch rất sắc, tạm phải chờ nó lơ là; địch đến rất nhiều, tạm phải chờ nó trễ nải; gọi quân chưa đến, phải chờ tập hợp được; người mới phụ chưa hiệp, phải chờ cho họ tin; mưu kế chưa nên, phải chờ cho nó lớn mạnh lên; thời chưa đánh được thời tạm dừng đánh. Động là phải thắng; quân ra phải vẹn toàn. Việc binh không có thử.

Thật là một tay cự phách, một con người mẫn tiệp hiếm thấy, Thượng hoàng tự nhủ.

Bỗng từ giữa giảng võ đường, một người đứng vụt dậy, giọng đứt đoạn:

- Thưa Quốc công Tiết Chế. Quốc công Tiết Chế vừa răn dạy cách đánh, cháu nghe mà sáng mắt ra. Nhưng gặp thế giặc mạnh, có khi phải trốn chạy, binh thư có nói đến không?

Tiếng cười nhất loạt nổi lên. Thượng hoàng nhận ra trang thiếu niên vừa hỏi câu hỏi "Ngộ nghĩnh" ấy là Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản. Hoài Văn vì không được dự hội nghị Bình Than đã tức giận bóp nát quả cam trong tay và sau đó chiêu binh mãi mã luyện tập nghiêm chỉnh, cũng đã được Quốc công Tiết Chế thu dụng Thượng hoàng nghĩ chỉ có cách nói năng còn quá bồng bột mà thôi. Thượng hoàng nhìn về phía Trần Quốc Tuấn chờ đợi, lòng vui vẻ lạ thường.

Vừa khi ấy, Hưng đạo vương mỉm cười độ lượng, cất cao giọng:

- Binh thư không nói đến việc trốn chạy. Người Đại Việt chúng ta càng không được nói đến câu ấy. Tuy nhiên, việc binh nên nhằm vào chỗ dễ mà tránh chỗ khó. Uy dữ thì hết, sắc nhọn thì gẫy. Cho nên, địch đem quân đến, thế bách, muốn thắng ngay, thì ta cầm. Địch đánh có lợi, ta đánh không có lợi thì ta cầm. Cầm cho nó đã mệt, bấy giờ ta nổi dậy mà đánh, thì sức vẹn mà công nhiều. Đánh gấp thì thừa cơ, lợi hoãn thì cầm lại. Thấy chắc thì phòng, thấy mạnh thì tránh, trêu cho nó tức, nhún cho nó kiêu, địch nhàn thì khiến cho địch nhọc, kéo dài để bền sức mình, cầm lâu để làm khốn địch. Dùng sau làm trước, đó là điều bó của phép binh.

Nhiều tiếng thầm thì thán phục nổi lên. Thượng hoàng Thánh Tôn đọc được sự sùng kính vị Quốc công Tiết chế trong ánh mắt của từng tướng lĩnh. Một người giỏi giang, một bậc kỳ tài xưa nay Thượng hoàng xác nhận và bỗng lo lắng.

Kẻ có tài thường dễ kiêu căng. Cho nên cũng là cách nhắc khéo mọi người, thượng hoàng vẫy tay ra hiệu rồi hỏi Trần Quốc Tuấn:

- Trong binh thư có nói đến tướng dũng, tướng trí và tướng nhân. Vậy Quốc công hãy nói cho tướng lĩnh nghe về tướng nhân để làm gương chung.

- Tâu Thượng hoàng! Xin cho thần được tùy tiện bộc bạch những suy nghĩ còn thô thiển, Tướng tài mà không có nhân đức thì lợi bất cập hại. Tướng nhân phải thanh liêm về của cải, tiết kiệm về tiêu dùng, lơ là về rượi, giữ mình theo lễ; thờ bề trên lấy trung; vui lo cùng quân lính; lấy của địch mà không tích trữ; nghe mưu mà dùng người; gặp ngờ mà phán đoán; giấu tội nhỏ, răn lỗi lớn; phạm tội không kể là thân, thưởng công không nghĩ đến thù, người già thì ngâng đỡ, người trẻ thì vỗ về; người sợ thì làm cho yên lòng; người lo thì làm cho vui vẻ. Có kiện thì xử đoán, có lạm thì xét rõ; có giặc thì đánh dẹp; kẻ ngang ngược thì giết; kẻ phục tùng thì tha; người mất thì cho được lại; người quên thì nhắc bảo cho; người quy thuận thì cho tước; người hung bạo thì trấn trị; gần người mưu trí, xa người gièm pha. Trong quân có người ốm, tướng phải thân hành đem thuốc điều trị, quân có người chết, tướng phải khóc thương; quân đi thú xa thì sai vợ con đến nhà thăm hỏi; phàm có khao thưởng thì chia đều cho quan và quân; khi có hành động thì phải họp tướng tá lại để bàn, mưu đã định rồi mới đánh; tướng với binh có cái ân hòa rượu, hút máu, thế gọi là nhân tướng.

Thượng hoàng Thánh Tôn nét mặt rạng rỡ:

- Thực không ngờ Quốc công Tiết chế trong một lúc nghĩ được nhiều đến thế. Nếu ai cũng làm được như lời răn của Quốc Công Tiết Chế, nước Đại Việt sẽ vô địch. Trong cuộc đọ sức với giặc Mông Thát này, nước Đại Việt phải vô địch. Đáp lại lời Thượng hoàng, cả giảng võ đường rung lên trong tiếng hô:

- Thượng hoàng muôn tuổi! Quốc công Tiết chế trường thọ! Nước Đại Việt vô địch!

Ra quân dẹp giặc phải một lần thuyền hịch. Công việc cuối cùng phải làm trước lúc động binh này, đã được Trần Quốc Tuấn suy nghĩ từ lâu. Cái khó không phải ở

chỗ bút pháp có điêu luyện hay không là là có truyền được niềm tin tất thắng, làm dậy lên hào khí dân tộc cho chủ tướng và sĩ tốt hay không. Với sức nghĩ phi thường, bằng tài diễn đạt, Trần Quốc Tuấn đã đem vào bài hịch cả khí thế hừng hực ra quân của dân tộc. Ngọn bút song chu trong tay Trần Quốc Tuấn lướt nhanh trên giấy lụa. Tưởng như chính ông phải vội lắm mới ghi kịp những ý liên tiếp nẩy ra trong đầu. Giữa lúc ấy, lần nữa, sứ Nguyên bắn tin buộc vua Trần nếu không đầu hàng thì hãy sửa soạn đón binh mã Thiên triều sang hỏi tội. Trong thế thúc bách, Nhân tôn triệu Trần Quốc Tuấn vào cung Quan triều. Bỏ qua nghĩ lễ vua tôi, vị vua trẻ hỏi Trần Quốc Tuấn:

- Nguyên triều huy động năm mươi vạn binh sắp tràn vào nước ta, chưa kể mười vạn binh Toa Đô ở Chiêm Thành đánh ra. Vậy Quốc công Tiết chế cần bao nhiêu binh để chống lại?

- Tâu Quan gia: Giặc có sáu mươi vạn quân. Muốn đánh thắng, ta phải có gấp đôi số quân ấy. Nhưng ta không thể có được số quân ấy. Vậy chỉ trông và binh lính, ta khó mà cự giặc.

Vua Nhân Tôn đỡ ngay lời:

- Chúng ta không thể dâng nước cho giặc!

- Lão thần chưa nói cạn lời Trần Quốc Tuấn vội đáp, một nước nhỏ chống lại một nước lớn có binh hùng tướng mạnh phải có cách đánh riêng. Việc cần kịp lúc này là phải huy động được sức người, sức của trăm họ mới có đủ lực lượng chống lại giặc mạnh. Muốn vậy, phải nới sức dân để làm cái chước rễ sâu gốc vững. Nghĩa là phải lấy dân làm căn bản xem dân là gốc nước. Đối với cái gốc ấy phải trồng cho sâu, vun cho vững, chứ không nên nhũng nhiễu dân, sưu cao thuế nặng làm kiệt sức dân.

Vua Nhân Tôn đăm chiêu:

- Đấy là việc làm lâu dài. Còn trước mắt?

- Tâu Quan gia! Quan gia hãy xuống chiếu phủ dụ muôn dân, động viên tất cả trai tráng phải liều chết đánh giặc ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào. Khi không chống nổi thì mọi người phải đem theo toàn bộ của cải, thóc lúa lui vào rừng; nếu phải đốt cả nhà cũng không tiếc để khi giặc đến, chúng không cướp được lương ăn, không nơi cư trú. Đếunđâu giặc cũng thiếu lương thảo, phải làm mọi việc, từ bắc cầu cống, kiếm lương ăn đến làm nhà ở. Như vậy chẳng bao lâu giặc sẽ kiệt sức. Từ đó chúng sẽ nản lòng, tinh thần bạc nhược. Đợi đến lúc ấy ta dốc sức đánh vài trận là quét giặc dữ.

Không kìm được niềm vui, vị vua trẻ, tính khí còn bồng bột ấy cười lớn và câu chuyện trao đổi giữa hai người cứ thế phát triển.

Vừa khi ấy Thượng hoàng Thánh Tôn bước vào. Hiểu được đầu đuôi câu chuyện của Quan gia với Trần Quốc Tuấn, Thượng hoàng khen:

- Ý Quốc công Tiết chế phải lắm, cần làm ngay. Còn việc sắp xếp các tướng, Quốc công đã định xong chưa?

- Tâu Thượng hoàng, việc đó thần đã có dự kiến.

- Toa Đô là tướng lắm mưu nhiều mẹo, trải việc đời. Quốc công cử ai đi chặn?

- Mặt ấy xa triều đình, cần người có bản lĩnh cầm quân. Chỉ có Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải mới đảm đương nổi.

Vua Nhân Tôn kinh ngạc:

- Chiêu Minh đại vương? Còn việc triều chính?

Trần Quốc Tuấn chậm rãi:

- Tâu Quan gia! Nước có chiến tranh, đánh giặc là việc lớn nhất. Chỉ có thượng tướng mới điều khiển nổi mặt trận ấy!

- Mặt bể, Quốc công đã chọn được người chưa? Thượng hoàng hỏi.

- Người ấy phải là vị tướng đánh thủy giỏi nhất nước.

- Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư phải không?

- Việc cần kíp, thần đã làm sai Nhân Huệ vương đem binh thuyền ra Vân Đồn tập cho quen sóng biển để rồi dễ dàng trận mạc trên sóng nước.

Vua Nhân Tôn phán:

- Việc an nguy của xã tắc, trẫm đã phó thác cho Quốc công. Quốc công cứ tùy tiện định liệu... Còn mặt biên thùy nơi xảy ra những trận đầu với giặc?

- Nơi ấy lão thần xin đi đốc chiến bởi vì biết thắng đã khó, biết lùi quân để thắng càng khó hơn.

Thượng hoàng vui vẻ:

- Kế đánh giữ, quốc công đã lập xong, chỉ còn truyền lịnh xuất quân.

- Cả việc ấy nữa, thần sửa soạn đã xong.

Tổ quốc lâm nguy, Hưng Đạo Vương quyết định làm lễ duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu. Vào những ngày này, không khí Thăng Long náo nức lạ thường. Trên bộ, binh các đạo kép về ầm ầm như sấm động. Dưới sông, thuyền chiến khen đặc các bến. Từ các bến. Từ các phố, bãi tập đên các chợ, đâu đâu cũng sôi sục hào khí ra quân chống giặc.

Sáng sớm hôm ấy, sau lúc quân Long Dực, Hổ Dực lên ngựa đi trước mở đường, Trần Bình Trọng chỉ huy quân tả, hữu Thánh Dực hộ vệ vua Nhân Tôn từ cửa Việt Thành đến Đông Bộ Đầu. Ngay sau kiệu đồng, Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải uy nghi trên lưng ngựa chiến, cùng cất bước. Bấy lâu, bận trăm công nghìn việc, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, nhưng Trần Quốc Tuấn vẫn quắc thước lạ thường. Đến bến Đông, vua Nhân Tôn xuống kiệu thân giữ cương ngựa cho Trần Quốc Tuấn bước xuống. Các quan văn võ đại thần và trên hai mươi vạn binh lính, đứng lặng dõi theo vua cùng Trần Quốc Tuấn bước lên đài cờ.

Vua xúc động nắm tay Trần Quốc Tuấn:

- Việc lớn của xã tắc, uy danh nước Đại Việt, trẫm phó thác cho Quốc công.

Tần Quốc Tuấn đáp:

- Lão thần thề đem cái chết đổi lấy thanh danh cho bệ hạ, cho dân nước.

Vua Nhân Tôn ban cho Trần Quốc tuấn kiếm quý, hàm ý trao cho ông toàn quyền hành động. Trần Quốc Tuấn quỳ xuống đỡ lấy kiếm. Sau đó, đeo cây kiếm quý, Trần Quốc Tuấn xuống đài cùng các tướng tùy tùng đi xem xét các cơ đội thủy binh và bộ binh. Dù binh đông đến ức vạn nhưng không cần nhìn cờ hiệu Trần Quốc Tuấn vẫn nhận ra nét khác biệt giữa các đội. Đội quân lực lưỡng nổi tiếng gan dạ, rất giỏi võ nghệ đứng ngay dưới đài là quân Thánh Dực túc vệ thượng đô của Trần Bình Trọng. Đội quân ăn mặc gọn gàng, đẹp nhất, có cả một đoàn ky binh hùng hậu kia là quân của Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật. Đội quân đông nhất, binh khí tua tủa, đứng sát mép nước chính giữa là quân của Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải, Trần Quốc Tuấn đặc biệt phấn chấn tự hào khi nhận ra đội quân thủy của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư vừa ở Vân Đồn về, da mặt sạm đen nắng và gió biển, khỏe mạnh và rất có kỷ luật. Và vậy, đội quân thiếu niên của Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản, tươi tắn đứng với lá cờ đại mang sáu chữ kiêu hãnh: "Phá cường địch, báo hoàng ân". Đi xong một lượt, Trần Quốc Tuấn trở lại đài cờ. Một hồi trống, Trần Quốc Tuấn uy phong lẫm liệt hét lớn:

- Bớ ba quân!

Tiếng dạ xé gió nhất loạt nổi lên.

- Ta phụng mệnh Quan gia thống đốc quân sĩ ra phá giặc.

Chúng ta thề quyết xông pha trận mạc như hùm beo, đánh cho lũ giặc ngông cuồng kia phải tan tác mảnh giáp không còn, đem lại vinh quang muôn đời cho nước Đại Việt, làm rạng danh cho Quan gia.

Quân sĩ đồng thanh dạ ran.

Nhìn rường cờ xí rợp trời, nhìn tướng sĩ mặt ngời sáng, đầy sĩ khí, Trần Quốc Tuấn thấy cả sức mạnh của dân tộc như được chung đúc lại, khiến cho ông càng thấy đủ sức gánh vác sứ mạng nặng nề.

- Trong lễ xuất sư này ta có mấy lời nhắn nhủ các ngươi Trần Quấc tuấn rút tờ hịch trong tay áo, tờ hịch mà ông soạn bằng cả tâm huyết và bằng tấm lòng yêu nước thương dân cháy bỏng của ông. Tờ hịch ông viết không phải bằng lời văn khoa cử, miệt mài gọt cả tư tưởng, tâm hồn ông "Ta từng nghe nói: Kỷ Tín đem thân chết thay, cứu thoát Hán cao Tổ. Do Vu lấy lưng đỡ giáo, cho Sở Chiêu vương. Dự nhượng nuốt than báo thù cho chủ. Phàn Khoái chặt tay, cứu nạn cho nước...

Tiếng loa xướng họa lời Quốc công Tiếc chế được truyền đi khắp hàng quân, tới cả từng khối đông dân chúng tụ tập suốt hai bờ sông gây nên những xúc động lớn.

- "Huống chi ta và các ngươi sinh ra giữa buổi rối ren, lớn lên nhằm thơiø nguy cấp, mắt thấy sứ giặc đi lại đường sá nghênh ngang, uốn lưỡi cú vọ xỉ mắng triều đình... Các ngươi ở dưới trướng ta, đã lâu nắm giữ binh quyền, không có áo thì ta

cho mặc, không có cơm thì ta cho ăn, thăng chức, cấp lương, cấp thuyền, cấp ngựa..." Trần Quốc Tuấn nhìn bao quát hàng quân. Bằng trái tim mình ông thấy rõ bài hịch của ông đã có sức truyền cảm lớn. Phải, kẻ thù sẽ biết đến lòng căm hờn và ý chí quyết thắng của nhân dân Đại Việt. Chúng sẽ phải nếm đủ các ngón đòn, ở bất kỳ đâu vào bất cứ lúc nào. Chúng sẽ rã rời, mệt mỏi và khiếp sợ. Và, Khi ấy trước đội quân thân yêu, tràn khí phách này xốc tới, giặc chạy đâu cho thoát.

Trong niềm phấn khởi ấy, Trần Quốc Tuấn đọc tiếp đoạn cuối:

- "Bởi vì như vậy tức là các ngươi không hề nghĩ đến mối thù không đội trời chung, điềm nhiên không lo rửa nhục không nghĩ đến việc dẹp giặc, không siêng năng luyện sĩ tốt. Như thế là trở giáo hàng giặc. Rồi đây, khi đã tan giặc, các ngươi sẽ phải để thẹn muôn đời, còn mặt mũi nào đứng giữa trời đất nữa? Vì vậy, ta viết bài hịch này để các ngươi rõ bụng ta".

Trần Quốc Tuấn dứt lới. Tiếng reo hò như sấm động đáp lại:

- Quan gia van tuế! Quốc công Tiết chế vạn tuế! Nước Đại Việt hùng cường vạn tuế!

Hơn hai mươi vạn tướng sĩ đua nhau gào thét đến vỡ cả giọng.

Ngay sau đấy, nghe hiệu lệnh, cờ nào đội nấy diễu đi trong tiếng trống rung trời, tinh kỳ rợp đất. Ở dưới sông, các thuyền chiến rùng rùng chuyển động rồi phút chốc lao đi, tạo nên những đợt sóng dữ dội, táp mạnh vào bờ như muốn cuốn phăng đi những người đứng gần mép nước. Trần Quốc Tuấn nhìn những đoàn quân thân thiết, khí phách hiên ngang diễu qua trước mặt, lòng rạt rào cảm xúc.

Thốt nhiên, một tiếng thét vang như sấm nổi lên:

- Sát Thát! Sát Thát!

Tiếng binh sĩ hòa theo thành từng đợt như không bao giờ dứt. Đôi mắt quắc sáng của Trần Quốc Tuấn mở to. Ông vui sướng nhận ra vị tướng vừa thét vang ấy là Phạm Ngũ Lão, một chàng trai đan sọt có chí lớn vừa được ông tiến dẫn lên quan gia hồi đầu năm.

Lễ duyệt binh đã kết thúc. Theo lệnh Trần Quốc Tuấn, các đạo quân tiến về mặt trận đã được nhận lãnh.

Trần Quốc Tuấn vái vua Nhân Tôn:

- Xin kính chúc Quan gia an khang trường thọ.

Vua cảm kích:

- Quốc công Tiết chế xin vì trẫm, vì nước mà giữ gìn sức khỏe.

Trần Quốc Tuấn gặp lại Trần Quang Khải:

- Xin Thượng tướng cho tuyền lệnh đi các lộ ngay đêm nay.

Trần Quang Khải thân ái cầm tay Trần Quốc Tuấn:

- Quốc công Tiết chế hãy yên lòng! Kế đã lập, quân đã xuất, thắng lợi đã cầm

chắc trong tay. Chúng ta đinh ninh lời thề khải hoàn với kinh thành yêu dấu.

Trần Quốc Tuấn bước lên mui thuyền trước. Nắng long lanh trong mắt vị Tiết chế trông đẹp như một thiên thần.

Vào những ngày rét nhất trong mùa đông năm 1284, ở quân doanh Vạn Kiếp, Quốc công Tiết chế Trần Quốc Tuấn được quân tế tác báo tin:

Năm mươi vạn quân Nguyên do thái tử Thoát Hoan bắt đầu xuất quân tiến vào nước ta. Trần Quốc Tuấn vội sai người phi báo về kinh đô, mặt khác, phái thêm các tướng Lê Phụ Trần, Nguyễn Khoái, Trần Quốc Toản vv...gấp đem binh tăng cường cho mặt trận phòng giữ biên thùy. Chính trong những giờ phút thử thách hiểm nghèo ấy, vua Nhân Tôn y lời Trần Quốc Tuấn, triệu các bô lão về điện Diên Hồng hỏi kế đánh giữ. Trần Quốc Tuấn được vua dời về kinh cùng thượng tướng Thái Sư Trần Quang Khải lo tổ chức hội nghị. Đúng như dự đoán của vị Quốc Công Tiết chế triều Trần, các bô lão trăm người như một, nhất quyết tâu vua đòi đánh. Nghe tiếng thét "đánh" rung lên như sét nổ ở điện Diên Hồng của các bô lão khắp nước, Trần Quốc Tuấn hiểu rằng, đằng sau các đạo binh đã và sắp lên đường chặn giặc của ông, cả dân tộc đều đứng dậy. Đại binh của Trần Quốc Tuấn được cả kinh thành tiễn đưa, lên tới Lạng Sơn thì giặc cũng vừa tiến vào địa phận Đại Việt. Giặc Nguyên đã mở tới ba trận để từ ba phía Đông bắc, Tây bắc và chính Nam dồn lại chiếm kinh đô Thăng Long ép đánh quân ta, hoàn toàn như dự kiến của vị tiết chế quân Trần. Soát lại kế phòng giữ, Trần Quốc Tuấn yên tâm. Ở mạn Tây bắc, Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật đã đem binh đi từ tháng trước. Ở mặt chính Nam, Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải cũng sắp lên đường. Còn ở mặt trận chính do Trần Quốc Tuấn thân đốc suất, việc bày binh bố trận cũng đã làm xong.

Mặc dù đã được chuẩn bị đầy đủ từ trước, nhưng trước thế giặc mạnh, đạo quân Trần từ các hướng Đông bắc, Tây bắc phải làm một cuộc rút lui chiến lược để bảo toàn lực lượng. Ở mặt trận chính sau những thắng lợi ban đầu, Trần Quốc Tuấn phải rời bản doanh từ Lạng Sơn về Lạng Giang, rồi lại phải lui về Vạn Kiếp.

Đã từng đánh nhau với ky binh giặc Nguyên hơn hai mươi năm về trước, nhưng lần này Trần Quốc Tuấn thấy rõ chúng mạnh hơn gấp bội.

Đặt quanh doanh ở Vạn Kiếp, Trần Quốc Tuấn gấp huy động thêm binh mã. Trong hoàn cảnh hiểm nghèo ấy, dân binh các lộ Hải Đông, Vân Trà, Bà Điểm đã tình nguyện đến hội dưới cờ ông rất đông. Một nỗi xúc động lớn đến với Trần Quốc Tuấn, những con người phú quý vinh hoa thường chẳng bao giờ được hưởng, vậy mà khi vận nước cần đến thì họ tận tụy dốc lòng dốc sức xem việc nước như việc nhà. Vì vậy, chẳng mấy chốc Trần Quốc Tuấn đã có một đạo binh đông đảo tới hai mươi vạn người. Với đạo binh ấy, Trần Quốc Tuấn bày trận "Tắm nước" đợi giặc.

Giữa lúc ấy ở kinh đô, biết tin quan Trần bị đánh lui hầu hết trên các mặt trận, hai vua Trần vô cùng lo lắng. Bởi vậy, hai vua Trần cùng triều đình rời cung thất, để lại cả kinh thành trống rỗng, chạy ra Hải Đông, không thiết gì ăn uống. Vua Nhân Tôn cho vời Trần Quốc Tuấn đến hỏi:

- Trẩm nghe trong truyện Mạnh Tử có nói "Tranh đất, đánh nhau giết người đầy

nơi đồng áng". Nay thế giặc to lắm, chống lại không nổi, và dù có chống được, thì dân hại, hay là Trẫm hàng đi để cứu mạng cho muôn dân?

Đọc được nỗi lo lắng, mất tinh thần của vị vua trẻ, Quốc công Tiết chế Trần Quốc Tuấn cả quyết đáp:

- Ra trận thua được là chuyện thường, chỉ cần bảo tồn được lực lượng và trận cuối cùng ai sẽ thắng. Vả lại, chỉ sợ kẻ giặc tiến binh thận trọng như tằm ăn lá chứ không sợ giặc hùng hổ, hung hãn. Nay Thoát Hoan tiến binh như gió lốc, nghênh ngang không coi ai ra gì, chính là điềm thua đã báo vậy.

Vua đăm chiêu:

- Chuyện sau thì chưa rõ nhưng trước mắt quân ta không cự nổi, giặc mặc sức tàn sát dân lành. Chẳng thà hàng đi để cứu dân, đợi dịp khác sẽ lấy lại nước.

- Tâu quan gia! Không phải giặc đã thắng. Các tướng Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Trần Quốc Toản cũng đã đánh lui giặc. Thế đánh chưa có lợi thì ta lui cho kiêu lòng giặc. Chứng cớ là tướng lĩnh chưa ai phải bỏ thân ở chiến trường.

Dừng lại nén xúc động, Trần Quốc Tuấn lại tiếp, giọng đau khổ:

- Vẫn biết bụng Bệ hạ muốn hàng là vì lòng nhân đức, nhưng còn tôn miếu, xã tắc? Nếu bệ hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu lão thần đi đã. Đầu lão thần còn thì xã tắc cũng còn. Xin bệ hạ đừng lo.

- Chẳng riêng gì trẫm, triều đình hoàng tộc đều lo lắng. Hiểu bụng trẫm, Quốc công hãy cố đánh lấy vài trận để yên bụng Trẫm và quần thần.

Trần Quốc Tuấn nén giận:

- Việc tiến lui lão thần đã có phương lược. Đánh mà chắc thắng mới đỡ tổn hại xương máu binh lính. Huống chi, giặc hùng hổ tiến sâu và đất Đại Việt khác nào chúng đi vào chỗ chết. Quân Tế tác các nơi vừa cho hay: Những vùng đất giặc chiếm được cứ ba mươi dặm, chúng đặt một trạm quân, sáu mươi dặm một trại ngựa, mỗi trại ba trăm quân trấn giữ để hộ vệ cho việc chuyển lương và cướp lương thảo. Như vậy, giặc sẽ cần bao nhiêu quân khi tiến sâu vào Đại Việt? Điềm chết của chúng đã lộ.

Vị vua trẻ thoáng vui:

- Gần Quốc công, nghe Quốc công phân giải, trẫm thấy yên lòng.

- Tâu quan gia! Lão thần biết chắc rằng quân giặc sẽ không còn tung hoành được đến mùa hè này. Ta sẽ ca khúc khải hoàn vào lúc ấy. Lão thần lấy đầu đảm bảo lời nói ấy.

Vua Nhân Tôn vái Trần Quốc Tuấn:

- Vận nước nhờ Quốc công sẽ được an hưởng cảnh thái bình, thịnh trị.

Trần Quốc Tuấn cáo lui. Ông vội trở về quân doanh Vạn Kiếp.

Trận Vạn Kiếp do đích thân Quốc công Tiết chế Trần Quốc Tuấn dày công bố trí, chẳng mấy chốc đã bị quân Nguyên do tướng Ô Mã Nhi phá vỡ. Thừa thắng,

Thoát Hoan tung quân đánh Vũ Ninh, Đông Ngàn, chiếm Đông Bộ Đầu. Và, sau khi đánh lui được đạo binh tinh nhuệ bậc nhất triều Trần do Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng chỉ huy, Thoát Hoan đem đại quân tràn vào Thăng Long.

Giữ tổng hành dinh vừa được lập ở Thăng Long, Thái tử Thoát Hoan nói với Bình chương A Lý Hải Nha, người được xem là linh hồn đạo quân xâm lược Nguyên:

- Ông thường tỏ ra dè dặt đối với dân man Việt. Nay hắn đã thấy, chúng đã tan tác dưới gót chiến mã của ta. Ngay cả Hưng Đạo Vương tiết chế của quân chúng, người mà các ông luôn tỏ ra sợ hãi về tài dùng binh, trước uy danh của Thái tử Thiên triều, cũng chỉ còn biết chạy.

A Lý Hải Nha nét mặt không vui, đáp:

- Thưa chủ soái! Ta thắng nhanh như tôi có bốn điều nghi ngại. Thứ nhất, quan man triều tuy thua trận nhưng số bị giết thật không đáng kể. Dường như chúng chưa liều mạng quyết đánh. Lẽ thứ hai, quân man triều rút chạy nhưng dân binh vẫn luôn luôn tiến đánh chúng ta. Ta thắng mà quân thua thiệt nhiều. Lẽ thứ ba, man triều khéo dụ dỗ dân man bỏ chạy, tự phá phách nhà cửa, vườn tược, cất giấu thóc lúa khiến quân ta khốn đốn về lương thảo. Lẽ thứ tư, quân man triều bị bắt không đứa nào chịu hàng phục. Trên tay chúng đều thích chữ "Sát Thát" rất đỗi đáng giận. Chỉ bấy nhiêu điều đủ tỏ ra tiết chế quân man giỏi điều khiển dân man. Xem vậy, chủ soái phải cẩn thận lắm mới được.

Máu hiếu thắng của Thoát Hoan bốc lên:

- Mới có hai mươi ngày, ta đã lấy được kinh đô Nam man. Bất quá một tháng nữa ta sẽ làm cỏ cả nước này cho ông xem.

Dứt lời, Thoát Hoan triệu các tướng Khoan Triệt, Lý Hằng tới ra lệnh:

- Ta giao cho các ngươi trọng trách phải đem năm vạn binh đi bắt bằng được man vương đem về nộp cho ta rồi lĩnh thưởng.

Vừa lúc ấy Ô Mã Nhi từ Đông Bộ tới, ra mắt Thoát Hoan:

- Xin chúc mừng Trần Nam Vương đã hạ được kinh thành giặc. Mọi việc thế là sắp được định đoạt.

Thoát Hoan Mặt mày nở nang:

- Nếu không có tướng quân đánh bại đại binh của Hưng Đạo Vương ở Vạn Kiếp, ta chưa dễ lấy nhanh được kinh thành này.

Ô Mã Nhi đổi giọng:

- Thưa chủ soái! Hôm qua man triều cho tên Đỗ Khắc Chung đi sứ. Tiểu tướng mạn phép chủ soái tiếp hắn. Xem ra man triều thua to mà vẫn chưa mở mặt.

- Tướng quân hãy kể việc tiếp sứ cho nghe.

- Thưa chủ soái Ô Mã Nhi hớn hở, đắc ý câu đầu tiên tiểu tướng hỏi sứ man: Ai đã xui quân man thích những chữ bất kính thiên triều trên tay? Hắn đáp: Việc thích

chữ đó là tự bụng trung nghĩa của binh lính, chẳng cần ai xui, Tiểu tướng vặn hỏi: Thấy đại quân Thiên triều đến sao vua tôi nhà ngươi không trở giáo cùng nhau đến yết kiến, lại đi chống mệnh? Châu chấu đá xe rồi sẽ ra sao!

- Hắn đáp sao? Thoát Hoan trợn mắt hỏi.

- Sứ man đáp: Quân Nguyên triều ỷ thế sức họ thì thú cùng đường phải cắn, chim túng thế phải mổ, huống chi là người. Tiểu tước hạch: Vậy sứ đến đây có việc gì. Hắn đáp: Triều đình hắn muốn giảng hòa với chúng ta.

- Tướng quân trả lời ra sao? Thoát Hoan sốt ruột hỏi.

- Tiểu tướng quát: Nay đại quân mượn đường sang đánh Chiêm Thành, nếu man vương thân đến đây ra mắt, thì trong cõi yên ổn, sợi tóc cũng không ai đụng chạm đến; nhược bằng không đến thì chỉ trong giây phút, giang sơn phẳng nhẵn như không, tiểu tướng cho hắn tâu với chủ.

- Hay, hay Thoát Hoan khen tướng quân nói hợp ý ta lắm. Cư xử cao thượng lắm.

A Lý Hải Nha xen vào:

- Thưa chủ soái! Quốc vương Nam man không thực bụng hòa đâu. Họ sai sứ sang dò xét nội tình ta đó thôi.

- Ta đâu bận tâm đến chuyện ấy Thoát Hoan đáp rồi quay sang phía Ô Mã Nhi, hắn đổi giọng, tiếp trước đây ta đã hẹn với tướng quân Toa Đô, khi đem đại binh vào Đại Việt, Toa Đô sẽ khởi binh từ Chiêm Thành đánh ra. Nhưng sao tới nay vẫn chưa thấy Toa Đô động tĩnh gì. Vậy ta phiền tướng quân hãy gấp đem binh vào đó tiếp tứng cho Toa Đô rồi cùng hợp sức đánh ra. Khi ấy vua tôi Nam man bỏ rọ đem về dâng vua cha ra sao! Ta sẽ bắt cả nước này làm tôi mọi. Còn Hưng Đạo Vương con người mà bọn văn quan các ông thường nhắc tới với sự sợ hãi dẫu có phép tàng hình cũng không thoát khỏi nguy khốn khi hai đạo binh của ta đánh dồn lại.

A Lý Hải Nha cố giấu sự mỉa mai trong câu nói:

- Tôi xin có lới mừng trước những dự định tốt đẹp của chủ soái.

Ngay sau đấy, Thoát Hoan vùi đầu vào yến tiệc, chơi bời không bận tâm đến việc binh bị.

Trần Quốc Tuấn đang trải qua những khó khăn thử thách vượt quá sức mình. Ngay sau khi trận Vạn Kiếp vị bỡ, ông phải lấy lại niềm tin cho hai vua Trần, vừa đưa vua Trần đi lánh giặc vừa phải theo sát tình hình các mặt trận để chỉ đạo kịp thời. Nhưng tin tức từ các mặt trận đưa về rất xấu:

Ngày hai mươi mốt tháng giêng năm Ất Dậu (1285), trong trận giao chiến ác liệt với cánh quân của Quan Triệt, Lý Hằng ở Thiên Mạc, Bảo nghĩa vương Trần Bình Trọng đã bị giặc bắt rồi bị giết.

Ngày một tháng hai, Chưng Hiếu hầu Trần Kiện và Lê Tắc trấn giữ Thanh Hóa đã đem tất cả gia quyến sang hàng giặc.

Ngày hai tháng hai, các tướng Trần: Nguyễn Tất Dũng, Đinh Xá bị tử trận ở Thanh Hóa.

Ngày ba tháng ba, đạo quân của vua Trần ở Đại Hoàng Giang bị giặc phục đánh. Bọn Văn Nghĩa hầu Trần Tú Viên và Văn Chiêu hầu Trần Văn Lộng trốn sang hàng Thoát Hoan.

Trần Quốc Tuấn đặc biệt choáng váng khi nhận được tin đạo quân của thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải bị quân Toa Đô có Trần Kiện giúp sức, đánh thua ở Nghệ An.

Mấy ngày sau tin dữ đưa về: Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, kẻ từng thèm khát ngôi vua, thèm khát cả chức tiết chế quân Trần, đã đem cả gia quyến sang hàng giặc.

Trước tình hình ấy, mặc Trần Quốc Tuấn can gián, vua Trần sai Trung Hiếu hầu Trần Dương đi thương thuyết với Thoát Hoan. Vua còn đưa cả quốc nội An Tư công chúa dâng Thoát Hoan để xin được thư nạn nước.

Mặc dù phải đương đầu với hàng loạt khó khăn chìm ngập trong hàng đống công việc hệ trọng. Trần Quốc Tuấn không hề nao núng. Ông bám sát các chiến trường và làm việc không kể ngày đêm để chỉ đạo các tướng cách đối phó với giặc và tìm sơ hở của giặc.

Nhận thấy mưu đồ của giặc đang muốn từ hai mặt Bắc Nam kẹp lại chủ lực quân Trần sau lúc quân Ô Mã Nhi đã gặp quân Toa Đô ở Thanh Hóa, Trần Quốc Tuấn thấy cần tung thêm lực lượng chặn ngay đạo quân này. Trần Quốc Tuấn lập tức phái danh tướng Phạm Ngũ Lão đem quân vào Nghệ An hợp sức với Trần Quang Khải phá giặc.

Ít lâu sau tin vui báo về: Trần Quang Khải và Phạm Ngũ lão đã đánh lui quân Toa Đô, Ô Mã Nhi. Các tướng giặc đang cướp đường chạy ra Thăng Long, hiện chúng đã tới Trường Yên.

Tình hình đã đổi khác, Trần Quốc Tuấn dời quân doanh về Thiên Trường. Ông phát hiện thấy quân giặc đã mất tinh thần. Hơn thế, chúng đang vấp phải một khó khăn lớn, không sao chạy đủ lương thảo nuôi quân. Như vậy, thời cơ phản công đã đến. Ông hướng cuộc phản công chiến lược đầu tiên không phải vào đạo quân Thoát Hoan, đạo quân đang kiêu căn khinh địch mà vào đạo quân của Toa Đô đã mệt mỏi vì chiến tranh với Chiêm Thành từ năm 1283, nhất là vì cuộc hành quân từ Chiêm Thành ra Bắc. Bởi vậy, Trần Quốc Tuấn triệu gấp các tướng về quân danh Thiên Trường. Trong cuộc họp cơ mật ấy, vị Tiết chế quân Trần xin vua Trần cho lệnh bắt đầu phản công và chọn tuyến giặc Nguyên xây dựng trên sông Hồng làm hướng tiến đánh trước tiên. Ba trận đánh lớn mở màn cho cuộc phản công chiến lược đã được Trần Quốc Tuấn quyết định. Đích thân Trần Quốc Tuấn sẽ chỉ huy đánh đại đồn A Lỗ để gây khí thế cho toàn quân, làm mất nhuệ khí của giặc. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đánh tiếp vào cửa Hàm Tử. Rồi đó, căn cứ Chưng Dương sát phía Nam thành Thăng Long sẽ do Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải đảm nhận.

Chỉ mấy ngày sau, trận đánh mở màn do chính Quốc công Tiết chế Trần Hưng

đạo chỉ huy nhằm vào A Lỗ đã bùng nổ. Quân Trần xung trận với khí thế ngất trời, đánh tan tác cánh quân của Vạn Hộ Lưu Thế Anh, buộc tên tướng giặc gian hùng, xảo quyệt này phải tất tả tháo chạy.

Khí thế quân Trần lên nhanh như diều gặp gió.

Mấy ngày sau, Trần Quốc Tuấn được báo Trần Nhật Duật và các phó tướng Nguyễn Khoái, Trần Quốc Toản có tướng Tống Triệu Trung giúp sức, đã cản phá quân giặc ở Hàm Tử.

Sau hai trận thua lớn, quân xâm lược Nguyên mất hết tinh thần. Nhân cơ hội ấy, Trần Quốc Tuấn phái thêm các tướng Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản giúp sức Trần Quang Khải tiến đánh căn cứ Chương Dương. Chỉ sau một trận xung sát ác liệt, căn cứ Chương Dương với một đạo binh thuyền khổng lồ bảo vệ mạn Nam kinh thành Thăng Long của giặc đã bị đánh tan nát. Mất Chương Dương quân Thoát Hoan ở Thăng Long sẽ lâm nguy. Bởi vậy, Thoát Hoan đã phái nhiều cánh quân đi cứu viện. Nhưng tất cả những cánh quân này đều bị phục đánh tơi bời. Vòng vây xiết dần vào tổng thành dinh quân giặc ở Thăng Long. Đến lượt Thoát Hoan dốc hết đại quân ra quyết chiến. Nhưng quân hắn đại bại. Đến lúc phải rút chạy trở về, Thoát Hoan kinh hoàng thấy quân Trần do Phạm Ngũ Lão chỉ huy đã xuất kỳ bất ý tràn vào Thăng Long từ trước. Thoát Hoan phải dẫn tàn quân cướp đường chạy lên Bắc Giang.

Hay tin đạo quân của Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Toản đã khôi phục kinh thành đuổi đại binh Thoát Hoan chạy lên Bắc Giang và Toa Đô, Ô Mã Nhi đang cụm lại ở Tây Kết, Trần Quốc Tuấn quyết dốc toàn lực đánh những trận cuối cùng, quét sạch giặc Nguyên ra khỏi bờ cõi. Bộ óc mẫn tiệp đã giúp vị Tiết chế sớm hoạch định được kế đánh táo bạo, chính xác, có hiệu quả lớn. Trước hết, Trần Quốc Tuấn gấp phải đi những cánh quân chặn những đường rút của giặc, truyền lịch đi các lộ kêu gọi dân binh nổi lên quét giặc trừ gian. Rồi đó, ông đem toàn quân đánh mạnh vào hai đạo binh giặc ở Tây Kết và Bắc Giang.

Quyết diệt gọn đạo quân giặc hiện đóng thành ba trại ở Tây Kết, Trần Quốc Tuấn điều ba cánh quân do các tướng Lê Phụ Trần, Hà Chương; Trần Quốc Toản, Nguyễn Khoái; Hưng Vũ vương Quốc hiếu, Hưng Hiến vương Quốc Uy, các gia tướng Cao Mang, Đại Hành đem cả thảy hơn một vạn quân đánh thẳng vào Tây kết. Để chặn đường chạy ra biển của giặc, Trần Quốc Tuấn còn sai Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng đem ba ngàn quân phục sau núi Tây Kết. Chỉ sau một trận giao chiến ác liệt, ba trại giặc do các tướng Đường Ngột Đãi, Ô Mã Nhi, Toa Đô Thống lĩnh gồm hơn năm vạn quân, bị đánh tơi tả. Các tướng giặc đem tàn quân tháo chạy ra biển, đã lọt vào trận phục kích tài tình do sự tính toán chính xác của Trần Quốc Tuấn. Danh tướng Toa Đô bỏ xác trong đám loạn quân. Ô Mã Nhi phải cướp thuyền con lén chạy ra biển, để lại hơn năm vạn quân bị giết và bị bắt sống.

Sau chiến thắng Tây Kết, một thế trận lợi hại của một thiên tài quân sự được triển khai. Và ngay từ đầu, tướng giặc Thoát hoan đã mắc vào bẫy, tỏ rõ sự ngu xuẩn đến đần độn trước vị Tiết chế lỗi lạc của quân Trần. Ấy là trước khi thân đem đại binh đến đánh Thoát Hoan, Trần Quốc Tuấn đã cử Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái

đem ba vạn quân đường lên núi, phục sẵn trong rừng sậy bên khúc sông ở Vạn Kiếp. Sáng suốt hơn, Trần Quốc Tuấn còn cử các con mình là Hưng Vũ vương Quốc Hiến, Hưng Hiến vương quốc Uy đem ba vạn quân đi đường Hải Dương ra Quảng Yên, chặn được giặc về châu Tư Minh.

Không thể hiểu nổi ý đồ chiến lược của Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo, Thoát Hoan ỷ còn mười vạn binh trong tay quyết bày trận đương đầu với đại quân Trần. Nhưng tên tướng tự phụ, từng tuyên bố sẽ bắt vua Trần và Tiết chế Trần Hưng Đạo bỏ rọ đem về nước, hơn thế, muốn biến nhân dân Đại Việt thành tôi mọi của hắn, đã bị đánh gục. Lần đầu tiên sức mạnh ghê gớm nhất của giặc Nguyên đụng phải Trần Quốc Tuấn đã chịu thất bại ê chề. Không thể đương đầu nổi trước những dòng thác quân Trần xung trận trong khí thế ngất trời, quân bộ, quân kỵ của giặc từng mảng, từng mảng, từng mảng bị quét sạch. Thoát Hoan kinh hoàng dẫn tàn quân tháo chạy.

Đến Vạn Kiếp, quân giặc lại bị ba vạn quân Trần do Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái bỗng bất ngờ xuất hiện, chặn trước chặn sau tiếp đánh. Lý Hằng, tên Tống gian bán rẻ dân tộc, theo gót giặc Nguyên sang xâm lược Đại Việt đã bị bắn chết tại trận. Thoát Hoan hồn xiêu phách lạc phải chui vào ống đồng đặt trên xe mới thoát chết. Tàn quân giặc nhốn nháo tìm đường chạy về châu Tư Minh. Nhưng trên đoạn đường ấy, Quốc Hiến, Quốc Uy chờ giặc. Thêm tướng giặc Lý Quán tử trận.

Sáu mươi vạn quân giặc Nguyên. Xâm lược Đại Việt cuối cùng chỉ còn ít tên tháo chạy được về nước.

Đem đạo binh chiến thắng trở về. Quốc Công Tiết chế Trần Hưng Đạo đã được dân chúng Thăng Long nô nức đổ ra đứng đông đặc hai bên đường cung kính chào đón.

- Quốc công Tiết chế vạn tuế!

Quân dân reo hò, tung hô tưởng đến vỡ lồng ngực khi Trần Quốc Tuấn oai phong, lẫm liệt trên lưng ngựa chiến dẫn đầu đoàn quân đi tới. Tiếng hò reo tung hô từng đợt dậy lên theo bước chân đoàn quân thăng trận. Trên lưng ngựa chiến, Trần Quốc Tuấn mỉm cười đáp lại dân chúng. Mái tóc ông thêm bạc sau nhiều tháng gối đất nằm sương ở chiến trường nhưng trông ông quắc thước lạ lùng. Trần Quốc Tuấn biết rõ dân chúng Thăng Long đã dành cho ông những tình cảm tốt đẹp nhất. Trong niềm hân hoan đến tột đỉnh ấy, Trần Quốc Tuấn chợt buồn: Chiến thắng này to lớn, vẻ vang thật nhưng nhân dân Đại Việt đã phải đổi bằng biết bao xương máu và nước mắt? Những ai trong số dân chúng đi đón ông phải gánh chịu những đau thương mất mát? Ông nghĩ đến dân. Bởi vì ông biết sở dĩ có được chiến thắng to lớn, vĩ đại này là nhờ vào sức dân đem lại. Cho nên, giữa cảnh tượng nức lòng trong ngày vui chiến thắng, Trần Quốc Tuấn bỗng thấy rung động niềm biết ơn vô hạn đối với muôn dân. Ý chí trăm họ quả là tòa thành vững chắc đảm bảo cho chiến thắng hoàn toàn, giữ vững non sông xã tắc. Chân lý ấy, qua thử thách của chiến tranh, càng chói ngời, đinh ninh trong lòng vị tướng thiên tài.

Nhưng Trần Quốc Tuấn không nghĩ được nhiều. Bởi vì ở phía trước ông đã nhìn

thấy thượng hoàng Thánh Tôn, vua Nhân Tôn và thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải cùng quân thần ra đón ông. Ta sẽ nói gì với quan gia trong ngày vui chiến thắng này? Sau chiến tranh có biết bao việc phải làm Trần Quốc Tuấn thầm nhủ. Nhưng ta sẽ không nói nhiều. Ta chỉ lưu ý quan gia phải biết thương dân, khoan nới sức dân và chăm lo đến đời sống của muôn dân, những người đã làm nên chiến thắng. Rồi đó, ta xin lui về thái ấp Vạn Kiếp nghỉ ngợi và viết sách "Vạn Kiếp tông bí truyền thư", cuốn sách đã được thai nghén trong chiến tranh.

Kiệu hai vua Trần đã tới gần, Trần Quốc Tuấn thong thả dừng cương ngựa...

Tô Hiến Thành

Gió lạnh bên ngoài lùa vào tòa điện Thiên Khánh. Ngoài sân, những chùm lá kim tùng xanh tươi đu đưa trên thân cây khẳng khiu cằn cỗi, khoe sức chịu rét của họ nhà tùng. Trong điện, hơi lạnh như vàng toát ra từ dãy bệ đã chạm rồng, từ những chân tảng chạm hình hoa sen xòe nở và từ hàng cột gỗ sơn son thếp vàng bóng lộn. Chìm trong tòa điện ngăn ngắt lạnh ấy, vua Lý Anh Tông vẫn cảm thấy ấm áp. Chiếc lồng ấp bằng đồng đen đặt trước ngai rồng tỏa hơi nóng dễ chịu. Trước mặt nhà vua, văn võ quần thần, theo chức vụ và thức bậc, đứng vòng tay hoặc quỳ phục trên những tấm thảm đều trải thành hai dãy dọc bên tả hữu.

Khác với mọi buổi thường triều, hôm nay lệnh của Thái úy phụ chính Đỗ Anh Vũ truyền ra: Nhà vua thiết triều ở điện Thiên Khánh để luận bàn việc quan hệ đến sự mất còn của xã tắc. Với cái tuổi lên bảy, vua Lý Anh Tông không hiểu được những nét lo âu đang hiện trên khuôn mặt của quần thần. Sau khi phục trước ngai rồng để xin lệnh nhà vua, Thái úy Đỗ Anh Vũ đứng dậy, xốc vành đai nạm ngọc đang trễ xuống ngang thắt lưng, đưa mắt nhìn một lượt khắp bá quan. Quyền uy to của viên quan phụ chính này lại càng tăng lên gấp bội vì cái giọng sang sảng của ông ta:

- Đảng nghịch Thân Lợi tiếm xưng ngụy hiệu, đã nhiều năm chiếm đóng vùng Thượng Nguyên, Hạ Nông, mưu cướp kinh sư. Tháng tư năm ngoái, nhờ oai linh của hoàng thượng, ta phá được chúng ở Lang Châu. Triều đình đã chém đầu kẻ đại nghịch Thân Lợi cùng mười chín tên đầu sỏ khác. Nhưng hiện nay vẫn còn gần hai trăm đứa đồng đảng của nó bị giam trong ngục thất. Bây giờ phải tiếp tục trị tội chúng. Theo lệnh của hoàng thượng, chúng được tha tội chết, nhưng phải đầy đi viễn châu, biệt tích khỏi kinh sư để trừ hậu họa!

Nghe nói đến đảng Thân Lợi, các quan rùng mình, không phải vì sợ Thân Lợi, mà lo cho cơ nghiệp nhà Lý tồn tại đã hơn một trăm ba mươi năm, vừa trải qua sóng gió vì mối họa tranh chấp, cát cứ, thì nay lại đang nghiêng ngửa trước tệ nạn thao túng của viên quan phụ chính họ Đỗ. Nhà vua còn nhỏ tuổi, Đỗ Anh Vũ được thái hậu chiều chuộng, cất nhắc. Dựa vào thái hậu, cậy thần, cậy thế, Đỗ Anh Vũ làm nhiều điều trái đạo. Mầm loạn phát ra từ đó. Thấy Đỗ Anh Vũ làm việc ngang trái, quần thần không ai dám hé răng. Trong lúc mọi người cúi đầu băn khoăn trước cái

lệnh độc đoán hồ đồ, phát ra từ con người đang nắm mọi quyền uy trong tay, thì một viên quan đã đứng dậy, tiến thẳng đến trước ngai rồng. Bộ sắc phục võ tướng lại càng làm cho tấm thân vạm vỡ của ông thêm hùng dũng. Người đó là Tô Hiến Thành. Hàng trăm con mắt của bá quan dồn về ông. Lời phán xử của Đỗ Anh Vũ không làm cho Tô Hiến Thành vừa lòng. Theo ông, bọn phản nghịch kia là ai? Phải chăng đó là những bần dân cùng đường nên phải nổi loạn, đành chịu sự trừng phạt của triều đình. Bây giờ, trừng trị như thế nào để thu phục lòng người mới là khó. Dẹp loạn để rồi lại dẹp loạn. Vì lo nghĩ đến vận mệnh của hàng trăm con dân bị giam trong ngục tối. Tô Hiến Thành bất chấp quyền uy của họ Đỗ, tiến lên tâu với nhà vua:

- "Đảng Thân Lợi nổi loạn, giết nhiều quan quân, bệ hạ chỉ hành hình có hai mươi người, thực là có lòng nhân đức. Nhưng xưa kia, vua Nghiêu vua Thuấn truyền nối nhau trong vòng hơn một trăm năm, thế mà số người bị tội chết và bị tội lưu chỉ có bốn tên đầu sỏ hung ác. Ngày nay phát lưu đến hơn một trăm người, có phải là bản tâm của bệ hạ đâu? Tôi xin tha tội cho chúng, để mọi người được thấm nhuần ơn vua, thì lòng nhân đức của bệ hạ không khác gì Nghiêu Thuấn".

Lời tâu của Tô Hiến Thành khiến bá quan kinh ngạc. Ngang nhiên chống lại lệnh của Thái úy họ Đỗ, Tô Hiến Thành khó tránh được tai vạ. Quả nhiên, thoạt nghe Tô Hiến Thành tâu bày, viên quan phụ chính đã tái mặt. Thừa biết họ Tô mượn lời tâu với nhà vua để chống lại mình, một ý nghĩ đen tối vụt nảy ra trong đầu óc viên phụ chính nham hiểm: Buộc ngay Tô Hiến Thành vào tội bao dung quân phản nghịch! Nhưng Đỗ Anh Vũ lại chợt nhớ ra rằng chính con người ấy chẳng những ở đâu cũng thế, vẫn có tiếng là cương trực. Chạm đến con người này không phải dễ. Đỗ Anh Vũ đành gượng ngạo đổi nét mặt, nhẫn nhục im tiếng, chờ cái gật đầu vô tình của ông vua nhỏ tuổi đang ngồi trên hư vị.

Cũng từ buổi triều hội ấy, văn võ quần thần lại càng thêm mến phục viên võ quan đất Ô Diên, con người chỉ biết nói và làm theo chính nghĩa, bất chấp mọi quyền uy, dù là của thần linh hay của con người có quyền cao chức trọng trong triều đình.

Ngọn cờ súy bay phần phật trên lâu thuyền đô tướng. Biển đông bao lao, mặt nước sôi động. Nhìn những đợt sóng hung dữ, Tô Hiến Thanh nhớ lại chuyện cũ. Cái chết oan khốc của Nguyễn Quốc qua rồi, nhưng mỗi khi nghĩ lại, không khỏi làm cho Tô Hiến Thành rùng mình. Cũng chỉ vì để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của triều đình, để ngăn chặn việc lộng quyền của họ Đỗ mà Nguyễn Quốc bị hãm hại. Nghĩ lại điều đó, Tô Hiến Thành còn băn khoăn chưa vừa lòng với mình. Trong những ngày tên hung bạo Đỗ Anh Vũ nấp dưới bóng Thái hậu, gieo tai vạ oan khốc cho biết bao nhiêu người, ông có lưu tâm suy nghĩ, nhưng chưa tìm được cách sớm diệt trừ kẻ nanh độc để cứu vớt người trung lương. May thay, trời đất không dung tha kẻ gian ác! Tên lộng quyền Đỗ Anh Vũ đã chết, việc triều đình cũng đã yên.

Giờ đây, trước mắt Tô hiến Thành, cảnh đất nước bao la hùng vũ đang lướt từ từ qua khung cửa của lâu thuyền. Để gìn giữ cho giang sơn yên vững, Tô Hiến Thành được nhà vua giao cho cầm hai vạn quân đi tuần du phòng bị vùng biên giới Tây

nam và vùng ven biển của Tổ quốc. Đối với Tô Hiến Thành, cuộc đời cầm quân đi đánh đông dẹp bắc, phá tan giặc thù, trở về dâng công, lâu nay đã trở thành việc thường. Nhưng riêng lần này, Tô hiến Thành lại được nhà vua Lý Anh Tông thân tiễn ra tận cửa Thần Đầu. Trước mặt Tô Hiến Thành, vua Lý Anh Tông bước ra mui thuyền nhìn vào đất liền, tà áo long cổn và dải vương miện bay lất phất. Tô hiến Thành xốc gươm bước theo. Chỉ tay vào bờ, ông vua trẻ tuổi hỏi viên lão tướng:

- Tướng quân có lần nào qua vùng đất này?

- Tâu bệ hạ, hồi đầu năm, vâng lệnh của bệ họ đi tuyển duyệt quân lính, thần có dịp kinh lý quan đây. Vùng này là cửa biển Thần Đầu. Người ta nói ở đây có sóng thần hiểm nghèo. Nhưng, Tâu bệ hạ, với những chiếc thuyền vững chắc, hàng chục mái chèo và có tay lái thiện nghệ của ta, điều đó không có gì đáng ghê sợ cả.

Lý Anh Tông gật đầu, tỏ ý tán thưởng rồi nói với Tô Hiến Thành như truyền lệnh:

- Phen này, giao cho tướng quân cùng Đỗ An Di đi tuần du phương nam. Các ngươi hãy gắng sức làm tròn phận sự, khuyến cáo cho dân miền ven biển ân đức của triều đình mà yên ổn làm ăn để cùng hưởng thái bình, khỏi phụ lòng mong đợi của trẫm.

Vua Lý Anh Tông còn trẻ tuổi, chỉ mới nghĩ đến giữ yên thiên hạ, còn Tô Hiến Thành, với chức vụ thái úy tham dự việc triều chính, lại nghĩ điều xa hơn. Mối lo chính hiện nay là từ bên ngoài. Giặc Chiêm Thành thường theo đường biển tràn vào cướp bóc. Nếu không sớm phòng giữ, một khi giặc đến xâm chiếm thì đất nước và trăm họ sẽ ra sao? Cho nên lần này được nhà vua cử đi tuần phòng ven biển, Tô Hiến Thành đã dự liệu mưu kế, nhằm dập tắt việc quấy nhiễu đánh phá nước Đại Việt của chúa Chiêm. Còn để yên tâm dân thì trước hết nhà vua hãy bớt xây dựng đài các, chăm sóc muôn dân, sáng suốt dùng người hiền tài, trừng trị kẻ xu nịnh. Nghĩ vậy, Tô Hiến Thành tâu với nhà vua:

- Muôn tâu, bệ hạ giao cho thần cầm quân đi tuần du phương nam, lại thân đi tiễn chân đến cửa biển xa xôi này, ơn trạch vỗ về bệ hạ đối với thần thật đã quá sâu nặng. Nay trong nước đang yên ổn, tuy vậy chưa phải đã hết mối lo. Bệ hạ không nên xa rời kinh thành lâu ngày, xin hãy sớm về với triều đình. Mọi việc ở biên cương thần xin gắng sức lo liệu.

Chiếc lâu thuyền đô tướng hướng mũi vào đất liền. Tô Hiến Thành phất cờ lệnh truyền cho đoàn thuyền chiến cập bến, rồi chắp tay với nhà vua:

- Thần đã giao cho phó tướng Đỗ An Di đem quân bộ đến vùng này dựng hành cung và truyền cho quân dân nghênh đón xa giá. Hội quân ở đây, thần sẽ chia hai đường thủy bộ đi tuần du phía Nam.

Đoàn thuyền chiến của Tô Hiến Thành đưa nhà vua vào cửa biển Thần Đầu. Trên bờ, cánh quân bộ do Đỗ An Di điều khiển đã chực sẵn. Hoàng cung vừa mới dựng, còn tươi màu gỗ mới, thoáng hiện ra sau lùm câu xanh tốt. Cờ xí dập dờn. Và ánh nắng của một ngày mùa đông đẹp trời cũng không xua hết giá lạnh trên giải đất

miền ven biển xa xôi này.

Đỗ Thái Hậu ủ rũ trong nếp khăn tang, trao thái tử Long Cán cho người nhũ mẫu. Thái tử mới lên ba, thét lên giãy giụa đòi mẹ. Thái tử mới lên ba, thét lên sợ hãi. Nghe tiếng gào thét của con, Đỗ Thái hậu càng xong xuống lo ngại. Quay lại nhìn con, Thái hậu thở dài... Nhà vua vừa mới băng hà, thái tử còn trứng nước. Bà lo cơ nghiệp của dòng họ Lý không khéo đến rơi vào tay kẻ khác, và mẹ con bà cũng khó được toàn tính mạng. Khi nhà vua còn sống nghĩ đến điều này, đã nhiều lần bà xin lập ngay con trưởng của vua là Long Sưởng làm thái tử, nhưng nhà vua không nghe. Thường ngày, nhà vua vẫn nói với tể thần: "Thái tử là cội gốc của nước. Long Sưởng đã làm điều trái đạo, trẫm muốn cho Long Cán được nối ngôi báu, nhưng hắn còn nhỏ tuổi, e chưa gánh vác nổi, nếu đợi đến lúc lớn lên thì trẫm đã già rồi, biết làm thế nào?". Cho đến lúc nhà vua sắp qua đời, bà lại vật mình bên long sàng, khóc lóc cố xin lập Long Sưởng, nhưng nhà vua không nghe, còn phán bảo: "Long Sưởng làm con đã bất hiếu, còn cai trị dân thế nào được". Rồi đó, nhà vua để di chiếu truyền cho đứa con vừa lên ba tuổi. Đó là Thái tử Long Cán đang giẫy giụa, hờn dỗi trên cánh tay người nhũ mẫu. Việc đã rồi, biết tự mình khó xoay chuyển được tình thế, Đỗ Thái hậu chỉ còn trông đợi ở thái độ quan Nhập nội hành khiển khiển hiệu thái phó bình chương quân quốc trọng sự Tô Hiến Thành người đã nhận cố mệnh của nhà vua phò giúp thái tử Long Cán.

Biết Tô Hiến Thành là người cương trực, từ nhà vua cho đến quần thần ai cũng kính phục, bà thấy không thể dùng lời nói của mình để lay chuyển được. Đỗ Thái hậu đã lập mưu cho người đem vàng bạc đúc lót Lã thị vợ quan phụ chính họ Tô, cậy Lã thị nói với chồng. Bằng kế ấy, bà hy vọng ngôi vua có thể về tay Long Sưởng. Nhưng sự việc lại diễn ra trái với điều mong đợi của bà.

Nhận được vàng bạc và lời thỉnh cầu của Đỗ Thái hậu, Lã thị nhằm lúc Tô Hiến Thành đang vui với chén rượu, lựa lời báo cho chồng biết có quý vật của Thái hậu ban cho. Tô Hiến Thành bình thản hỏi vợ.

- Thái hậu ban cho vật phẩm? Đưa ta xem!

Lần lượt cầm từng nén vàng óng ả lên tay rồi lại đặt xuống, Tô Hiến Thành lạnh lùng đẩy món quý vật ấy ra xa:

- Thái hậu có truyền bảo điều gì không?

Lã thị dè dặt thuật lại điều Thái hậu nhờ cậy.

Không đợi cho vợ kể hết lời, Tô Hiến Thành đã quắc mắt. Nét mặt đang vui tươi hồng hào bỗng xám lại vì giận dữ. Cầm tráp bạc quẳng vào một góc phòng, Tô Hiến Thành quát bảo vợ:

- "Ta là bậc đại thần, vâng mệnh tiên đế phò giúp ấu chúa, nếu nay nhận của lót mà làm việc phế lập thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế dưới suối vàng"

Suốt mấy ngày liền, Tô Hiến Thành không nói với vợ một lời. Ông chưa nguôi giận người vợ đã mờ tối vì tiền, nhận của phi nghĩa để khuyên chồng làm điều trái đạo.

Sự tình ấy có làm cho Đỗ Thái hậu băn khoăn, nhưng chưa phải đã tuyệt vọng. Bà nghĩ thầm: Tiền của, danh vọng, ai mà không ham muốn. Đường đường là bậc Thái hậu, châu báu vàng bạc trong kho bà cho ai chẳng được, chức tước của triều đình bà đặt vào tay mà không nên. Đối với Tô Hiến Thành, tuy cương trực, nhưng năm nén vàng không lay chuyển nổi thì với mười nén vàng, bảo gì ông ta chả nghe. Vì vậy hôm nay bà ra lệnh với Tô Hiến Thành vào hoàng cung để bàn chuyện.

Đỗ Thái hậu đang băn khoăn chờ đợi thì người lính thị vệ vào tâu: Quan Nhập hội hành khiển đã đến hầu. Thái hậu quát bảo:

- Sao không mời ngài vào đây theo lệnh của ta?

- Tâu Thái hậu, quan nhập nội hành khiển truyền bảo: Nhà vua mới băng hà, ngài không có việc gì để vào hậu cung, xin đợi lệnh của Thái hậu ngoài sảnh đường.

Đỗ Thái hậu thở dài:

- À ra thế! Rồi truyền cho nữ tỳ đem tráp vật phẩm đi theo.

Thấy Tô Hiến Thành mặc tang phục, chân đi hài cỏ, Đỗ Thái hậu chột dạ. Nhưng số vàng bạc châu báu đã sửa soạn sẵn trong tay lại làm cho bà mạnh dạn:

- Tôi kính chào quan Nhập nội hành khiển!

- Tiếp theo là giọng cười đon đả của bà. Tô Hiến Thành vội vã chắp tay vái chào đáp lễ.

- Được lệnh của Thái hậu, thần kịp đến hầu, dám xin Thái hậu phán bảo.

Đỗ Thái hậu gật đầu tỏ ý hài lòng. Sau khi mời Tô Hiến Thành ngồi yên vị, theo thói quen, bà quắt mắt nhìn quân hầu, khiến mọi người sợ hãi lùi ra khỏi sảnh đường. Trong phòng chỉ còn lại Thái hậu và quan phụ chính đại thần. Bằng một giọng nhỏ nhẹ, dịu dàng nhưng vẫn với phong độ của bậc mẹ thiên tử, Đỗ Thái hậu nói với Tô Hiến Thành:

- Quan Nhập nội hành khiển! Nhà vua vừa mới băng hà, việc chọn người cầm giữ nước là hệ trong, chỉ có ngài là người đủ sáng suốt và quyền uy để tham dự bàn bạc. Chẳng hay ngài có thể vì trăm họ mà giúp đỡ mẹ con tôi được không?

Nghe lời của Đỗ Thái hậu, nhớ lại điều thỉnh cầu hôm trước, Tô Hiến Thành lo lắng lựa lời ngăn chặn:

- Tâu Thái hậu, ngôi thiên tử đã có di chiếu của tiên đế định đoạt rồi. Là phận bề tôi, hạ thần đâu dám tiếc sức để phò vua giúp nước, giữ yên thiên hạ.

Đỗ Thái hậu cố giữ vẻ bình thản. Lặng đi hồi lâu, bà từ từ nââng áo tay rộng che ngang mặt như để xóa sạch nỗi đau khổ đang dày vò mình. Nét mặt của người đàn bà ngoài bốn mươi tuổi ấy trở nên ủ rũ tiều tụy lạ thường. Nhìn thẳng vào vị lão quan phụ chính ngồi đối diện, Đỗ Thái hậu kể lể:

- Nếu như vậy thì mẹ con tôi chẳng phải thỉnh cầu đến công sức và quyền uy của ngài. Long Sưởng hay Long Cán cũng đều là con tôi cả. Nhưng Long Sưởng vẫn là con trưởng.

Theo tục lệ từ thượng quốc truyền dạy: Ngôi kế vị phải thuộc về con trưởng. Chẳng qua khi còn sống, tiên đế phán quyết không minh, lại thiếu người can gián, nên lầm lạc, để di chiếu truyền ngôi cho Long Cán. Tuy vậy, nay có thay đổi cũng không muộn. Tôi mong ngài giúp tôi lập lại Long Sưởng. Cái ơn ấy mẹ con tôi không bao giờ quên.

Tô Hiến Thành tỳ tay vào án thư, ngả người về phía sau, chau mày suy nghĩ: "Lời lẽ của Thái hậu xằng bậy, không thể chấp nhận được. Tiên đế không lập Long Sưởng là vì Long Sưởng không có đức. Vả lại, cứ gì phải con trưởng? Ai có tài đức thì trao ngôi, trưởng hay thứ cũng vậy thôi. Ngày xưa, vua Nghiêu vua Thuấn đã không truyền ngôi cho con mà lại truyền ngôi cho người hiền thì sao? Việc gì cứ phải theo tục lệ của thượng quốc mới được!". Nghĩ vậy, Tô Hiến Thành chợt thấy bực bội. Tuy nhiên, là kẻ bầy tôi, Tô Hiến Thành vẫn không dám bài bác nặng lời. Ông dựa vào di chiếu của nhà vua để từ chối:

Tâu Thái hậu làm như vậy còn tờ di chiếu của tiên đế thì sao?

Thấy thái độ chần chừ, dè dặt của Tô Hiến Thành, Đỗ Thái hậu mở tráp châu báu và nói ngọt ngào:

- Ngài không ngại. Vàng bạc, chức tước của triều đình mẹ con tôi không tiếc đối với công ơn của ngài thì còn tiếc gì tờ di chiếu!

Thái hậu ngừng lại. Cặp mắt dài nhọn nấp trên hai gò má dô cao của bà bỗng nhiên mở rộng, sắc sảo lạ thường. Đôi con ngươi bạc mầu đảo nhìn quanh phòng một lượt rồi dừng lại, soi thẳng vào Tô Hiến Thành, Thái hậu nói nhỏ giọng:

- Hiện nay di chiếu trong tay ngài, triều đình chỉ nghe nói, làm sao biết rõ được. Ta cứ đóng cửa hoàng thành, mở triều hội làm lễ đăng quang cho thái tử Long Sưởng, rồi sau đó bố cáo cho thần dân biết. Ai dám chống lại? Các quan trong triều, kẻ nào không chấp nhận, bất quá công khó chỉ mất thêm ít lạng vàng và ta ban cho chức tước là trong ấm ngoài êm cả. Như vậy mẹ con tôi cũng yên ổn mà ngài thì sẽ được vinh hoa phú quý trọn đời, còn truyền lại cho con cháu mai sau nữa!

Nghe lời của Thái hậu, Tô Hiến Thành tưởng như đối diện một hung thần đang giơ nanh vuốt độc ác, hòng cào xé lương tâm trong sáng củøa mình. Nhưng trước mặt ông không phải là ma quỷ, mà là một con người. Con người ấy chỉ vì lợi ích của riêng mình mà mưu chuyện thay bực đổi ngôi. Đã vậy lại còn dám đem vàng bạc trong công khố, lấy chức tước của triều đình để mua chuộc lòng người, lấp liếm việc làm điên đảo. Thái hậu nghĩ về Tô Hiến Thành như thế nào mà dám đem điều đó ra bàn bạc? Không nén được giận, Tô Hiến Thành buộc phải nói lên tiếng nói của lòng mình. Ông cười khinh bạc, quay mặt đi trả lời:

- "Làm điều bất nghĩa mà được giàu sang, có lẽ nào hạng trung thần nghĩa sĩ lại vui lòng mà làm được, huống chi lời tiên đế còn văng vẳng bên tai! Thái hậu chẳng nghe nói về chuyện Y Doãn Hoắc Quang đấy ư? Tôi đây không dám vâng lời.

Hơn nữa, không chỉ là chuyện di chiếu mà điều quan trọng là chọn người giao việc lớn nên Tô Hiến Thành không muốn lập Long Sưởng. Giọng nói của Tô Hiến

Thành sang sảng, vang rộng cả một sảnh đường. Ông nói dường như không phải chỉ để cho Đỗ Thái hậu nghe, mà còn cho người đã chết và cho người mai sau nghe biết nữa. Từ đó Đỗ Thái hậu mới biết rằng tiền tài danh vọng và cả quyền uy, không phải là điều có thể dùng để sai khiến ai cũng được. Cũng từ đó, ý nghĩ nhờ cậy Tô Hiến Thành lập Long Sưởng lên làm vua dứt hẳn trong đầu óc của bà.

Nắng hàng tháng ròng. Vào buổi trưa, nắng hè lại càng gay gắt, đáo để hơn. Thăng Long như ngừng lại trong hơi nóng hầm hập. Cây cối rũ lá, đứng im lìm. Chỉ còn tiếng ve kêu ra rã.

Cũng hàng tháng này, Tô Hiến Thành lâm bệnh. Giờ đây ông đang miên man, chợt tỉnh chợt mê trên giường bệnh trong một căn phòng tĩnh mịch, mà theo lệnh của triều đình, quan Thái y đã dành riêng cho ông tĩnh dưỡng. Cạnh giường, quan Tham tri chính sự Vũ Tán Đường cầm quạt lông đang phe phẩy cho người bệnh.

Từ khi lâm bệnh, Tô Hiến Thành đã có ý muốn về quê nhà nhưng Thái hậu không nghe, giữ ông lại, giao cho quan ngự y trông nom thuốc thang và còn phái hẳn viên đại thần họ Vũ đến chăm sóc hầu hạ.

Hơi gió động khiến cho Tô Hiến Thành giật mình thức dậy. Gió quạt nhè nhẹ có làm cho ông dễ chịu. Mở mắt thấy quan Tham tri chính sự đang quạt cho mình, Tô Hiến Thành khẽ lắc đầu, tỏ ý không bằng lòng. Ông trách móc qua giọng nói yếu ớt:

- Quan hầu đi đâu cả, phải phiền đến ngài?

Vũ Tán Đường không ngừng quạt, một tay khẽ kéo tấm gối bọc gấm xô lệch dưới món tóc bạc lòa xòa của quan phụ chính và đáp:

- Xin ngài đừng bận tâm đến chuyện nhỏ nhặt ấy. Đây là phận sự của tôi đối với ngài. Cả triều đình ai cũng mong ngài chóng bình phục để giúp rập nhà vua trông nom việc nước.

Không trả lời, Tô Hiến Thành nhắm mắt, mệt mỏi. Nghe Vũ Tán Đường nói đến việc nước, ông lại băn khoăn lo lắng. Trọn đời lo toan chèo chống giữ gìn và xây dựng đất nước trải ba triều vua, đến nay ông kiệt sức. Về già, bệnh tật ngày một nhiều, ông biết cái chết đã đến gần. Nhà vua còn nhỏ tuổi không biết sau khi ông nhắm mắt, có chọn được người xứng đáng, tin cậy để ủy thác việc lớn hay không? Lần lượt các bậc đại thần hiện ra trong trí ông. Thái sư Đỗ An Di, em ruột Thái hậu, là bậc cao niên, đã từng trải, biết việc nhưng lại hay nể nang, chỉ làm theo ý Thái Hậu, không dám can ngăn một lời. Lý Kính Tu là người học rộng đức cao, thông thạo mọi điều, nhưng lại không quyết đoán, nhiều khi lỡ việc. Chỉ có gián nghị đại phu Trần Trung Tá là người hiểu biết, sắc sảo, dám mạnh dạn nói lên lẽ phải, và khi cần có thể đem thân mình để can gián nhà vua. Con người ấy được cả triều đình mến phục. Còn Tham tri chính sự Vũ Tán Đường... Mệt mỏi vì suy nghĩ, ông thiếp đi lúc nào không biết. Cho đến khi có người lay gọi, ông uể oải mở mắt nhìn. Văn Tham tri chính sự Vũ Tán Đường tay bưng chén thuốc, đang cuối mình trên giường bệnh. Nhận thấy nét lo âu hiện trên khuôn mặt Vũ Tán Đường, Tô Hiến Thành gắng tươi tỉnh cho vui lòng người đang hết sức tận tụy với mình.

Từ khi được Thái hậu giao cho việc chăm sóc quan Thái úy phụ chính, Vũ Tán Đường không mấy khi rời phòng bệnh. Không phải chỉ làm tròn phận sự của triều đình giao cho, mà Vũ Tán Đường, trong những ngày săn sóc quan phụ chính, còn biểu lộ tình cảm chân thành của mình đối với người mà ông hằng mến phục vì tài đức. Tô Hiến Thành biết rõ điều đó và càng thêm quý mến, biết ơn quan tham tri chính sự. Tiếc rằng Vũ Tán Đường là người có đức hạnh, nhưng lại không đủ tài cao để đảm đương việc lớn...

Cho đến một hôm, bệnh tình của Tô Hiến Thành trở nên nguy kịch, Đỗ Thái hậu đến thăm. Theo sau bà là một đoàn tỳ nữ và quan thị vệ mang tàn quạt hầu hạ.

Biết có thái hậu đến, Vũ Tán Đường ra tận thềm đón. Bước xuống võng, như không để ý đến cái vãi dài đến gấp khúc người lại của Vũ Tán Đường, Đỗ thái hậu hất hàm hỏi:

- Bệnh tình quan thái úy có thuyên giảm đi chút nào không?

- Tâu thái hậu, quan thái úy khó qua khỏi.

Một tiếng thở dài, thiếp theo là lời kêu thanh: Trời ơi! Thái hậu đi thẳng vào phòng bệnh. Quân hầu tất cả bước theo, còn thân nhân của thái úy Tô Hiến Thành rụt rèm sợ sệt, đứng núp vào một chỗ.

Ngồi lặng đi hồi lâu trên chiếc kỷ bọc gấm cạnh giường bệnh, Thái hậu nhìn viên đại thần già nua, xanh xao nằm bất động dưới làn chăn mỏng. Đã mấy lần bà định vén tay áo lay gọi quan thái úy nhưng lại thôi. Bà không muốn làm khuấy động cái yên tĩnh cần thiết đối với một người mà bà vẫn kính phục, tuy thâm tâm bà không mến lắm. Bà kính nể Tô Hiến Thành vì tính cương trực, đạo đức cao cả của ông, nhưng bà không ưa ông vì ông là người khó bảo. Mặc dù vậy, bà cũng thấy con người đang hấp hối ấy đã hết lòng vì nước. Nhờ có ông, giang sơn và cơ nghiệp nhà Lý mới còn được vững vàng như bây giờ. Con người ấy qua đời, triều đình biết chọn ai làm người thay thế?

Thấy Thái hậu dè dặt, Vũ Tán Đường khẽ lay vai người bệnh gọi nhỏ:

- Quan Thái úy! Quan Thái úy!

Đôi mắt sâu thẳm và mờ đục của Tô Hiến Thành từ từ mở. Thái hậu ghé sát gần Tô Hiến Thành nghẹn ngào:

- Quan Thái úy! Ngài có nhận ra tôi không?

Tô Hiến Thành gật đầu, cố gượng cất tay để đáp lễ. Nhưng đôi tay của ông như gắn chặt xuống giường. Ông chỉ nói thiều thào qua đôi môi khô ráo:

- Tâu... Thái hậu...

Đặt tay lên vai Tô Hiếu Thành, Thái hậu muốn nói điều gì, nhưng lại ngập ngừng. Vẫn theo thói quen, bà quắc mắt đảo nhìn mọi người. Khi ai nấy đã rút ra khỏi phòng, Thái hậu nâng tay áo lau nước mắt, rồi cầm tay quan phụ chính hỏi:

- Nếu có cơ sự nào, ai là người có thể thay ngài làm Tướng quốc?

Khuôn mặt mệt mỏi của Tô Hiến Thành chợt bừng dậy. Sau một lát đắn đo Tô Hiến Thành khe khẽ trả lời:

- Trần Trung Tá... Có thể làm được!

Đỗ Thái hậu không ngờ Tô Hiến Thành lại nhắc đến gián nghị đại phu Trần Trung Tá viên quan vẫn thường can gián, ngăn trở những việc làm quá đáng của nhà vua và bà. Từ ngày Tô Hiến Thành lâm bệnh, Trần Trung Tá vì bận nhiều công việc niên không lần nào đến thăm ông được, ấy thế mà Tô Hiếu Thành vẫn không quên ông ta. Nghe nói đến Trần Trung Tá, Đỗ Thái hậu không vừa lòng. Bà muốn Tô Hiến Thành chọn cử người khác:

- Vũ Tán Đường hàng ngày hầu hạ thuốc thang, sao ngài không nói đến?

Tô Hiến Thành cố ngượng cười, giãi bày với Thái hậu qua từng lời đứt đoạn:

- "Thái hậu"... Hỏi người có thể thay tôi, nên tôi mới cử Trần Trung Tá... Nếu hỏi người săn sóc... Nuôi dưỡng tôi... Thì không phải Tán Đường còn ai nữa?

Vào một ngày tháng sáu năm Kỷ Hợi (1179), Tô Hiến Thành qua đời. Nhưng tiếc thay, lời căn dặn sáng suốt vào lúc cuối đời của người bày tôi trung thành, tài cao đức trọng ấy đã không được Đỗ Thái hậu nghe theo.

Lê Văn Hưu

Chiếc võng điều hai người khiêng và đoàn tùy tòng được lệnh dừng lại bên đường. Một ông già nho nhã, ngoài bảy mươi tuổi, râu tóc bạc trắng như cước khoan thai bước xuống. Trời nắng trong. Lúa mùa đang thì con gái mềm mại, lả lướt trải thành một vệt dài dọc trên cánh đồng mầu mở. Xa hơn, mặt đất nâng cao dần. Và ở phía chân trời, núi rừng lớp lớp xanh thẫm vây bọc, lọt vào giữa khoảng đồng ruộng bằng phẳng êm ả ấy là bốn ngọn núi xinh xắn giăng hàng, nhô lên như những hòn giả sơn đặt trong một chậu cảnh. Ông già chống gậy trúc đứng ngắm cảnh tượng thiên nhiên kỳ thú ấy dường như không chán mắt.

Từ khi được nhà vua cho nghỉ việc triều đình, về quê an dưỡng tuổi già, ông lại có dịp đi du sơn du thủy. Hôm nay, ông đem học trò đến thăm người bạn già ở huyện bên và cũng là dịp đi xem lại một vùng đất đẹp. Ông già đang có mường tượng lại quang cảnh ở đây hơn năm mươi năm trước, khi khúc sông Bà Mã chưa đổi dòng. Ngày ấy, ông còn là một nho sinh ở đất Phủ Lý huyện Đông Sơn, đang tuổi thanh xuân phơi phới...

Biết thói quen của ông già, học trò đi theo bảo nhau mở tay nải, lấy la kinh đem hầu thầy. Ông già đưa bàn tay gầy cầm la kinh xoay đi xoay lại. Chiếc kim hai đầu nhọn lúng liếng đung đưa rồi đứng dừng, trên mặt la kinh tròn vành vạnh. Ông cố đem hết thị lực của đôi mắt già đọc những hàng chữ nhỏ li ti quen thuộc, nổi lên chi chít trên mặt la kinh rồi gọi đem giấy mực. Ngọn bút lông đưa đi đưa lại theo những ngón tay thon nhỏ, móng dài của ông. Hết vẽ lại ghe chép hồi lâu, ông già ngừng tay

bút, nói với học trò:

- Hơn năm mươi năm trước, đây còn thuộc đất Vĩnh Ninh. Ngày ấy, vào năm Mậu Thân, theo kế của Thái sư Trần Thủ Độ nhà vua sai các nhà phong thủy để xem khắp núi sông trong nước, chỗ nào có vương khí thì dùng phép thuật để trấn áp. Chẳng là thái sư Trần Thủ Độ có một thời cai quản Thanh Hóa, ngài biết vùng này là đất đẹp nên mới có chuyện.

Một người học trò vòng tay hỏi:

- Thưa thầy, chuyện ở đây ra sao, xin thầy truyền dạy các con hay.

Đưa giấy bút, la kinh cho học trò cất, ông già giảng giải;

- Ấy đấy, hậu sinh như các con, chỉ mới sau năm mươi năm mà đã không hay chuyện cũ. Nếu không có người ghi chép lại, thì mai sau còn ai biết gì lịch sử của tiền nhân.

Ông già chỉ tay về phía xa rồi tiếp:

- Khúc sông Bà Mã ở đàng xa kia, bây giờ gọi là Tân Mã Giang. Các con có thấy không, giải đất mầu mỡ này chính là giòng sông cũ lâu ngày bị vùi lấp, gọi là Cựu Mã Giang. Vì chuyện nắn lại khúc sông nên đất này, nay đã cắt về Yên Định. Cảnh vật ở đây vẫn đẹp đẽ, hùng vĩ như xưa, tuy có ít nhiều thay đổi. Ta đã đi nhiều nơi, cảnh đẹp không ít, nhưng mỗi nơi một khác. Càng đi thấy giang sơn ta đẹp. Bình sinh ta chỉ thích đi khắp đó đây, mắt thấy tai nghe, ghi chép được nhiều chuyện hay điều lạ. Nếu ta chỉ có đọc sánh thôi rút cục vẫn là con mọt sách. Ta đã có lần nhắc lại các con nghe câu nói của người xưa: "Độc vạn quyển thư, hành thiên lý lộ". Đó là sở thích của ta mà cũng là điều các con phải nhớ kỹ.

Học trò kính cẩn chấp tay:

- Thưa thầy, chúng con xin ghi tạc lời thầy.

Dưới nắng thu, chiếc võng điều hai người khiêng lại tiếp tục hành trình về phía quê hương bạn cũ của ông già. Đoàn tùy tòng chia nhau khoác tay nải cắp tráp theo sau. Họ vừa đi vừa nói chuyện về lời dạy của thầy một ông già đáng kính, cả nước ai cũng biết tên.

Ông già ấy là Hàn lâm viện học sĩ, Binh bộ thượng thư khiêm Chưởng sử quan, Nhân uyên hầu Lê Văn Hưu. Đó cũng là người chép sử đầu tiên của dân tộc Người đã nổi tiếng thần đồng từ khi còn là cậu học trò ở giáp Phủ Lý, huyện Đông Sơn, phủ lộ Thanh Hóa.

Thường ngày, khi tiếng chuông sớm mai bắt đầu vang lên từ ngôi chùa Hưng Nghiêm thì Lê Văn Hưu đã dậy đốt đèn, ê a học bài. Nhưng hôm nay cậu vẫn nằm yên trên giường, cạnh ông bố ít ngủ. Tưởng con ngủ quên, ông bố gọi:

- Hưu!

- Dạ.

- Dậy học bài!

- Vâng.

Cái tuổi lên tám, ăn không biết no, ngủ không chán mắt của Lê Văn Hưu cũng đã quen lắm với cảnh thức khuya dậy sớm ở một gia đình nghèo, thanh bạch. Lê Văn Hưu thức giấc ngay từ khi tiếng chuông đầu tiên vọng vào từ đường của họ Lê mà bố Lê Văn Hưu là tộc trưởng. Ấy thế mà cậu không dậy học bài. Cậu đang lo không còn sách, còn thầy để cho mình học nữa!

Nguyên do là thầy học, chính là nhà sư trụ trì ở chùa Hưng Nghiêm, trong buổi vừa rồi đã nói với cậu bé: "Con học hết chữ của thầy rồi, mà thầy cũng không còn sách để dạy con nữa". Câu nói vui của nhà sư có ý khen đưa học trò sáng dạ và ham học, không ngờ lại làm cho Lê Văn Hưu băn khoăn: "Không còn thầy, không còn sách thì học sao được".

Trong đám trẻ theo học ở chùa, nhà sư yêu quý Lê Văn Hưu hơn cả. Ông quý Lê Văn Hưu không phải vì cậu thuộc dòng dõi quan tướng công tước Trấn quốc bộc xạ trong làng, mà vì cậu sáng dạ và ham học một cách lạ thường. Lê Văn Hưu học đâu nhớ đấy, lại hay hỏi những điều khiến nhà sư phải kinh ngạc.

Có hôm sau buổi học, Lê Văn Hưu rủ bạn ở lại chơi nghịch ngoài vườn chùa. Một chốc nhà sư thấy Lê Văn Hưu tìm đến hỏi:

- Thưa thầy, trước chùa làng ta có bia đá đề mấy chữ "Càn nê sơn, Hưng Nghiêm tự". Thưa thầy, ở đây không có núi, sao người ta lại viết là "Càn nê sơn" ạ?

Nhà sư cũng đã từng băn khoăn về điều này, nay bất chợt thấy học trò hỏi, đành phải trả lời gượng ép:

- Sơn là núi, đúng vậy. Ở đây không có núi, mà chỉ có cái gò không cao lắm, tên cũ vẫn gọi lạ Càn nê. Nhưng trong một vùng đất thấp thì gò cũng tạm gọi là núi được, do đó người làm bia mới viết là Càn nê Sơn.

Nghe ra chưa vừa ý lắm, Lê Văn Hưu vòng tay:

- Thưa thầy, gò là gò, núi là núi chứ ạ!

Nhà sư đành cười, căn dặn:

- Con cố học nhiều, học mãi rồi sẽ biết hết.

Tưởng học trò hết băn khuăn, không ngờ cậu ta lại hỏi tiếp:

- Thưa thầy con còn thấy trong bia có hàng chữ: "Giáp Tí Thuận Thiên thập ngũ niên" là bao giờ ạ?

- Giáp Tí à? Lâu lắm rồi cách đây hơn một trăm năm.

- Thưa thầy sao lại Thuận Thiên thập ngũ niên ạ?

Đến câu hỏi này thì nhà sư cũng lúng túng. Thường ngày chỉ quen đọc kinh Phật, ít để ý đến chuyện sử, nhà sư nhớ mường tượng Thuận Thiên là niên hiệu ông vua đầu thời Lý. Ông trả lời

- Thuận Thiên là niên hiệu của vua Lý Thái Tổ. Như vậy là bia dựng vào khi Lý

Thái Tổ làm vua được mười lăm năm, đó là năm giáp tí, con rõ chưa?

Những tiếng: Lý Thái Tổ, Thuận Thiên gợi lên cho Lê Văn Hưu một cái gì hay hay, bí hiểm mà cậu còn muốn biết nhiều nữa. Nhưng sợ thầy, Lê Văn Hưu không dám hỏi tiếp, chỉ băn khoăn:

- Thưa thầy, biết những cái đó có khó lắm không ạ?

Nhà sư nhắc lại:

- Không khó đâu, con cố học nhiều, học mãi rồi sẽ biết hết.

Lê Văn Hưu cười, chạy về với các bạn. Và không quên vòng tay cúi đầu chào thầy.

Còn nhà sư tay lần tràng hạt, lại vào ngồi trước quyển kinh phật. Nghĩ đến đứa học trò ham học kỳ lạ của mình, ông phải bàn với bố Lê Văn Hưu cho con sang học bên làng Trầu, ở đấy xa hơn một chút, nhưng có thầy hay chữ, đủ sức dạy cậu ta.

Nắng chiều vàng rực trên dãy núi Nhồi. Những tảng đá hình người ngồi đứng chon von trên đỉnh núi trở nên đẹp đẽ hùng vĩ lạ thường. Hàng ngày cắp sách đến làng Trầu, Lê Văn Hưu vẫn ước ao sẽ có lúc được leo lên đỉnh núi cao, sờ tận tay những dáng hình kỳ lạ ấy, và đứng tại đó ngắm nghìn bốn phương thì thích thú biết chừng nào! Hôm nay ngọn núi ấy có sức hấp dẫn lạ thường đối với cậu. Nhưng vì tan học muộn, cậu đành đứng nhìn tượng đá và thơ thẩn trông sang cụm Sơn Viện nổi lên xanh um, sườn núi phía tây tắm trong nắng chiều vàng ửng.

Mãi ngắm cảnh thiên nhiên hùng vĩ, Lê Văn Hưu không để ý đến cơn giông bất ngờ đang kéo đến. Nắng chiều nhạt dần rồi tắt hẳn, nhường chỗ cho một mầu u ám. Gió thổi mạnh. Những tia chớp nhằng nhằng rạch ngang trời và tiếng sấm râm rang vang động cả một vùng núi. Lê Văn Hưu cắp sách chạy vội. Nhưng mưa đã nặng hạt, cậu đành tạt vào một quán nhỏ bên đường để trú mưa. Bước chân vào quán, Lê Văn Hưu nghe người ta đang kể chuyện ma quái trong núi Thần. Một người chỉ vào ngọn núi có hình người ngồi ngất ngưởng trên đỉnh mà nói;

- Thật đấy, nhiều người gặp lắm. Những ngày mưa gió như hôm nay, vào lúc chập choạng thì ma quái lại hiện hình đố chữ người qua lại.

Nghe chuyện lạ. Lê Văn Hưu tò mò hỏi:

- Thế ma quái có làm chết người ta không ạ?

- Cứ vào đấy thì biết!

Một người khác thấy Lê Văn Hưu cắp sách liền hỏi:

- Mày là học trò thầy làng Trầu à?

- Vâng, cháu là học trò.

- Thế thì chúng tao thách mày ra chân núi kia thi chữ với yêu quái xem ai giỏi.

Suy nghĩ một lát Lê Văn Hưu đáp:

- Được, cháu có làm gì mà ma quái hại cháu. Các bác chờ nhé, cháu đi đây!

Lê Văn Hưu bước vào chân núi.

Trời nhá nhem. Cả khối đá khổng lồ xám xịt đứng sừng sững làm cho cảnh vật thêm âm u. Sau cơn mưa, đường núi sạch nhẵn, màu bạc phếch. Cây dại lắc lư trong vách đá, đứng rũ rượi bên đường.

Vừa bước vào chân núi, thấy từ xa có một ông già đi lại, Lê Văn Hưu liền hỏi:

- Ông là ai?

- Ta là ta.

Lê Văn Hưu chột dạ, nhìn ông lão từ đầu đến chân. Trông ông hiền lành phúc hậu, không có dáng vẻ ma quỷ, có lẽ là khách qua đường. Nhưng sao ông ta lại ăn nói ngang ngạnh như vậy? Lê Văn Hưu hỏi lại:

- Ông là ai?

Ông lão trả lời:

- Đoán được ta là ai thì về, nếu không thì...

- Thưa ông thì sao ạ?

- Thì sẽ biết!

Lê Văn Hưu nhìn kỹ ông lão một lần nữa. Ông già đẹp lão, tướng mạo hiền lành, sao lại là ma quỷ được? Lê Văn Hưu suy nghĩ một lát rồi reo lên:

- Là ông tiên! Đúng là ông tiên rồi!

Ông lão cười, xoa đầu Lê Văn Hưu:

- Ta là người núi, cháu nói đúng. Cháu là học trò thầy làng Trầu phải không? Thôi, về đi, trời lại sắp đổ mưa to rồi đấy.

Vừa, về đến quán, mọi người xúm lại hỏi, Lê Văn Hưu đáp:

- Không có yêu ma gì cả, chỉ là một ông tiên!

- Sao mày lại biết ông tiên?

Lê Văn Hưu tròn mắt, xòe tay giảng giải cho mọi người:

- Một người đứng bên núi, chữ "Nhân" bên chữ "Sơn" chẳng phải là "Tiên" thì là gì? Ông tiên mà các bác lại bảo là ma quái làm cho người ta sợ!

Câu chuyện Lê Văn Hưu gặp tiên đến tai thầy làng Trầu. Một hôm, sau buổi học, thầy giữ riêng Lê Văn Hưu lại để hỏi. Nghe lời thuật, thầy đồ càng kinh ngạc vì lòng can đảm và trí thông minh của cậu học trò họ Lê. Nhìn khuôn mặt đầy đặn với cặp mắt tinh anh của đứa học trò chưa đầy mười tuổi, thầy đồ nói:

- Con chăm học lại có tư chất hơn người. Văn bài cử nghiệp thầy không chuyên lắm. Để cho con có chỗ dùi mài kinh sử, thầy gửi con đến Cổ Bôn học với thầy họ Nguyễn. Đó là sư huynh của thầy. Con tuy còn nhỏ tuổi, nhưng với sức và tài học này thì chẳng mấy chốc đã lều chõng đi thi được rồi đấy.

Làng Cổ Bôn cách Phủ Lý một quãng đường. Hàng ngày đi học Lê Văn Hưu thường dừng bên quán thợ rèn ở đầu làng để xem.

Nhìn chùm tia lửa sáng lòe bắn tung tóe như sao sa theo tiếng búa nhịp nhàng, Lê Văn Hưu rất thích thú. Nhưng thú nhất là được xem người ta rèn giũa những thanh sắt vô dụng thành con dao, lưỡi cuốc xinh đẹp và hữu ích. Khâm phục tài nghệ của bác thợ rèn, Lê Văn Hưu băn khoăn không biết tổ tiên ta, ai đã dạy nghề rèn này cho bác.

Một hôm, Lê Văn Hưu xách túi sách đứng xem bác rèn đùi xiên, tò mò hỏi:

- Bác này! Ông tổ nghề rèn của ta là ai đó?

Thấy thằng bé mới lên mười mà đã biết hỏi vặn vẹo, bác thợ rèn ngước mắt nhìn:

- Mày là học trò thầy họ Nguyễn ở Cổ Bôn à?

- Vâng ạ!

- Học được bao nhiêu chữ mà chưa biết điều đó?

Lê Văn Hưu trả lời đùa:

- Có bao nhiêu chữ thì cháu học hết cả ngần ấy.

Bác thợ ngạc nhiên vì câu nói táo bạo của đứa bé:

- A! Giỏi nhỉ, Được! Thế thì tạo ra một câu đối, đối được tao có thưởng. Nếu không, phải ở đây quai búa, khi nào đối được mới cho về!

Bác thợ rèn ngừng tay búa, chỉ vào lò rèn, đọc:

- "Than trong lò, sắt trong lò, lửa trong lò, thổi phì phò, rèn nên dùi sắc, đối đi!"

Lê Văn Hưu cười:

- Chả khó mấy! Rồi vỗ vào túi đối ngay:

- "Nghiên ở túi, bút ở túi, giấy ở túi, viết lúi húi, giật lấy khôi nguyên".

Bác thợ rèn tròn mắt, buông búa, chỉ vào Lê Văn Hưu:

- Mày là cháu bảy đời cụ Lê tướng công phải không?

Lê Văn Hưu không trả lời, Bác cười:

- Thảo nào! Tao xin thua rồi đó. Đây, phần thưởng!

Báo trao cho Lê Văn Hưu một cái dùi và ba mươi đồng tiền để mua bút giấy. Nhưng cậu bé vẫn chưa tha:

- Bác còn chưa nói được ông tổ nghề rèn là ai đấy nhé!

Bác thợ rèn cười xòa:

- Thằng này tinh quái thật! Thôi, đến trường đi, muộn học phải quỳ bây giờ!

Trường học thầy họ Nguyễn nổi tiếng vì có cậu học trò Lê Văn Hưu văn hay chữ tốt. Trong đám học trò, có người tóc đã hoa râm, có người còn trẻ măng, thầy họ

Nguyễn đặt hi vọng vào Lê Văn Hưu hơn cả. Nhà vua sắp mở khoa thi phen này cậu học trò họ Lê ấy có cơ sẽ làm rạng danh thầy. Tuy vậy thầy vẫn không ưa cái nết hay đi đây đó của cậu. Gần đến ngay thi rồi mà Lê Văn Hưu còn bỏ luôn mấy buổi bình văn!

Hôm nay, cảm thấy người khó ở, thầy họ Nguyễn cho học trò nghỉ. Thầy nàm khềnh ngả đầu trên gối xếp, đọc sách. Trong khi đó Lê Văn Hưu lại đang lững thững cắp sách đến trường.

Bước tới đầu làng Cổ Bôn, Lê Văn Hưu thấy bóng một người con gái đang đi phía trước. Hình như cô ta cố ý đi chậm để đợi ai. Cho đến khi nhận ra tào áo lụa quen thuộc, dáng người thon thả, bước đi mềm mãi của cô thì Lê Văn Hưu đã nhận ra là cô Cả con gái lớn của thầy đi chợ về.

Đợi Lê Văn Hưu đến gần, cô gái cười tinh nghịch:

- Anh Hưu! Phen này tha hồ mà quỳ.

Lê Văn Hưu giật mình thầm nghĩ: Có lẽ mình bỏ học đi chơi lâu ngày bị thầy quở mắng nên cô Cả mới dọa như vậy. Nhìn anh học trò đẹp trai nhưng lại độn khẩu trước con gái, cô Cả hỏi dồn:

- Anh đi đâu mười hôm nay?

- Tôi xin phép thầy rồi.

Cô Cả nguýt dài:

- Xin phép có ba hôm mà đi luôn mười ngày. Hôm nào thầy cũng tra hỏi, cáu gắt rầm cả trường vì anh bỏ học đi chơi đấy!

Đến trường, Lê Văn Hưu rón rén bước vào nhà học. Thấy phản, chiếu vắng tanh, chỉ có thầy nằm trên sập, Lê Văn Hưu chắp tay sợ hãi:

- Thưa thầy ạ.

Thầy đồ buông sách, nhổm dậy cười hỏi:

- Anh đi chơi về rồi à? Hôm nay thầy mệt, cho trường nghỉ. Nông Cống có chuyện gì vui không, vào đây kể ta nghe.

Thấy thầy không giận, Lê Văn Hưu mạnh dạn ngồi xuống chõng tre kế bên sập hầu chuyện:

- Thưa thầy, con vào Nông Cống thăm quê hương Bà Triệu và nhân tiện hỏi về đất Cự Phong ngày xưa.

- Anh lại sa vào chuyện đó, thảo nảo!

Thấy thầy có ý không vui, Lê Văn Hưu lựa lời nói rõ điều suy nghĩ của mình:

- Thưa thầy, nhân học Bắc sử, con thấy Nam sử cũng có nhiều chuyện hay, thế mà chưa có ai ghi chép cả. Chỉ nói riêng phủ lộ Thanh Hóa ta thôi, có tướng Đô Dương của Bà Trưng, có Bà Triệu, Dương Diên Nghệ, Lê Hoàn, đều là những người làm vẻ vang cho đất nước. Chuyện kể trong dân gan có nhiều, vết tích đều còn cả.

Nếu không ghi chép lại thì lâu ngày đến mai một, sai lệch hết!

Thầy học Nguyễn gật đầu, cho lời nói của Lê Văn Hưu là phải. Nhưng theo thầy, việc ấy phải có tài như Khổng Tử chép sử nước Lỗ, như Tử Trường viết sử ký mới làm nổi. Thầy khuyên:

- Gần đến kỳ thi rồi, con cố tập văn bài, chuyên Nam sử con nghĩ là phải, nhưng sau này hãy hay.

Lê Văn Hưu vòng tay:

- Vâng, nhân tiện đi chơi, con hỏi thăm cho biết, ghi chép lại, sau này có khi cần dùng. Còn bây giờ con phải lo thỉ cử chứ ạ.

Sau khi chào thầy ra về, gặp cô Cả ở ngoài sân. Lê Văn Hưu trách:

- Thế mà dọa thầy bắt quỳ!

Cô Cả che miệng cười tinh nghịch:

- Khoa thi đến nơi rồi, không dọa thì còn trốn học đi chơi đến bao giờ!

... Mùa xuân đến. Vào năm Đinh Mùi nhà vua mở khoa Thái học sinh. Lần đầu tiên triều đình đặt ra lệ kén lâm khôi. Lê Văn Hưu trong kỳ thi ấy đã đoạt được "Bảng nhãn", vào lúc đúng mười bảy tuổi đời.

Trong căn phòng rộng rãi dành riêng cho vương tôn công tử học tập tại Quốc học viện, Hàn lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu và hoàng tử Trần Quang Khải hai thầy trò hơn kém nhau vừa một kỷ đang ngồi đàm đạo.

Từ khi đỗ khoa thi Thái học sinh. Lê Văn Hưu được triều đình phong cho chức Hàn Lâm viện học sĩ, lại được nhà vua ủy thác cho viêc dạy dỗ hoàng tử. Sau gần mười năm học tập, đến tuổi trưởng thành, sắp ra ở phủ đệ riêng, học vấn của hoàng tử Trần Quang Khải cũng xứng đáng với công lao rèn dạy của thầy. Thể theo điều ủy thác của thượng hoàng Trần Thái Tông, Lê Văn Hưu còn phải giảng giải thêm cho hoàng tử những hiểu biết về nước Nam điều đó không có ở sách vở của thánh hiền. Do đó, trong mấy ngày gần đây, việc bình văn gảng sách được thay bằng những buổi đàm đạo. Tuy vậy, cũng không phải vì thế mà Trần Quang Khải không biết rằng mình đang được nghe rất nhiều điều truyền dạy bổ ích và thiết thực của thầy. Còn Lê Văn Hưu, ông cũng cảm thấy hứng thú được trở về với sự việc đã và đang diễn ra trên đất nước Đại Việt. Lê Văn Hưu muốn, bằng những buổi đàm đạo, dẫn dắt hoàng tử Trần Quang Khải vào đời, bắt tay xây dựng nền trị bình trong thiên hạ như điều mong mỏi của thượng hoàng và cũng là điều hi vọng của ông đối với vị hoàng tử mẫn tiệp này.

Hôm nay, Lê Văn Hưu nói với hoàng tử về việc bình giặc Nguyên mới xảy ra hồi cuối năm ngoái.

Đứng dậy lục tìm trên giá sách, Lê Văn Hưu rút ra một tập giấy mới ghi chép, rồi trở lại bên án thư, lật từng trang hỏi:

- Trong công cuộc chống giặc vừa qua, hoàng tử có nghe câu chuyện "Nhập tống" chứ?

Trần Quang Khải vòng tay:

- Thưa thầy, con có nghe điều này trong lúc cùng triều đình tạm lui về vùng Thiên Mạc. Nhưng từ bây đến nay không thấy ai nhắc lại nữa.

Lê Văn Hưu đứng dậy, bước lại gần hoàng tử, tay không rời tập giấy:

- Không đâu! Chuyện này người sau sẽ còn nhắc mãi. Nhân đây ta muốn nói với hoàng tử rằng, học sách của thánh hiền chưa phải là đủ. Khi hữu sự, biết đem cái sở học của mình ứng phó với tình thế mới là quan trọng. Hay dở, hiền ngu, chính là ở chỗ đó. Như khi giặc Nguyên tràn vào kinh thành, triều đình phải tạm lánh đi một nơi, thế nước chênh vênh, lòng người nao núng, ấy thế mà có người khuyên nhà vua nên "Nhập tống" để nương nhờ thì thật là lạ. Nếu theo lời người ấy, hẳn chúng ta không có ngày này và cơ đồ của tiền nhân rồi sẽ ra sao?

- Vâng, thưa thầy, phải chăng đó là lời bàn của thái úy Nhật Hiệu?

Lê Văn Hưu yên lặng, chần chừ, chưa muốn nhắc lại đích danh người ấy. Ông trả lời:

- Lúc bấy giờ ta là một văn quan, không được hầu cạnh Thượng hoàng nên chỉ nghe biết chuyện. Người đó là ai, có dịp, hoàng tử hỏi lại thượng hoàng thì sẽ rõ.

Một chuỗi ngày sóng gió phiêu bạt đã qua hiện ra trong óc vị hoàng tử trẻ tuổi. Đột nhiên Trần Quang Khải hỏi:

- Thưa thầy, con nghe Thượng hoàng thường nhắc nhiều về lời tâu của thái sư Trần Thủ Độ.

Nét mặt Lê Văn Hưu chợt sáng bừng lên với một nụ cười kín đáo:

- Hoàng tử thấy lời bàn của Trần Thái sư như thế nào?

- Thưa thầy, con thường nghe nói: "Nhất ngôn hưng bang", quả là những lời nói như vậy.

Lê Văn Hưu lật tìm trang giấy, đọc lại cho hoàng tử nghe lời nói của thái sư Trần Thủ Độ mà ông đã chép; "Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo", rồi giảng giải:

- Hoàng tử nói đúng. Lúc bấy giờ thế giặc mạnh, kinh thành đã mất, quân dân ta phải chịu lầm than phiêu dạt, nghĩ đến điều ấy, Thượng hoàng phân vân, bàn với các vương hầu là thành trì dinh lũy của triều đình: Nếu bấy giờ, ai cũng chỉ nghĩ đến mạng mình mà quên mất sơn hà xã tắc thì làm gì còn có người như Trần Thái sư với câu nói bất hủ đó. Lời tâu của Trần Thái sư đã làm cho Thượng hoàng yên tâm, quân dân bền lòng vững chí, ai nấy quyết tâm chống giặc giữ nước đến cùng.

Lê văn Hưu nhìn vào hoàng tử căn dặn:

- Người trong chuyện cũng không sống được mãi, nhưng hậu thế sẽ không quên với những lời bình phẩm xác đáng. Tuy là hậu thế chê bai, nếu người đó không biết lo trước vui sau thiên hạ, và khi cần, lại không biết quên mình vì sự mất còn của nòi giống. Việc bình giặc Nguyên năm ngoái là võ công lớn của triều ta. Tiếng thơm sẽ

còn để lại đến muôn thuở cùng với tên tuổi của những người đã biết chọn con đường vì nước quên mình.

Lê Văn Hưu đưa cho hoàng tử Trần Quang Khải một tập sách do tay mình ghi chép rồi nói tiếp: Từ lâu, ta đã có ý định thu thập, ghi chép về Nam sử. Lần đánh giặc năm ngoái, tai nghe mắt thấy thêm được nhiều điều, mới càng thấy cần phải soạn ngay Quốc sử. Đây mới là những người, những việc còn ghi chép tản mạn. Nhưng hoàng tử cứ đọc trước, ta cho phép. Có chỗ nào không rõ, ta sẽ nói thêm.

Trần Quang Khải kính cẩn đưa hai tay đỡ tập sách của thầy rồi lùi về án thư. Từng trang sách như dẫn dắt vị hoàng tử trẻ tuổi trở về với quá khứ oanh liệt của dân tộc, của núi sông.

Trong khi đó Lê Văn Hưu lại cúi đầu trên trang sách mở rộng quyển Thông giám cương mục của Chu Tử mà ông mới tìm được.

Hàn lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu xuống võng, sững bước trước thánh cung để sửa sang lại triều phục. Trước mặt ông là một tòa điện không kém phần nguy nga cạnh hoàng cung tráng lệ. Vua Trần Thái Tông, sau khi nhường ngôi cho thái tử Hoảng đã lui vè đây với cương vị Thượng hoàng. Lê Văn Hưu đến thánh cung chầu đức Thượng hoàng theo lệnh triệu của người.

Lê Văn Hưu vừa đặt chân vào điện đình thênh thang, thì hoàng tử Trần Quang Khải đã từ thềm thánh cung vòng sau ngọn giả sơn bước ra đón, Hoàng tử chắp tay vái chào:

- Kính thưa thầy, hôm nay đức thượng hoàng thác cớ bận việc không dự buổi thường triều ở điện Kiền Nguyên. Người truyền cho con phải có mặt ở đây để hầu thầy.

Lê Văn Hưu theo hoàng tử vượt qua đoàn lính cấm vệ đang cúi gập người trên thanh gươm cầm ngang, vào chầu Thượng hoàng:

- Hạ thần Lê Văn Hưu kính chúc Thượng hoàng vạn vạn an.

Từ trên ngai ngự, Trần Thái Tông bước xuống đỡ vị học sĩ đang sụp lại dưới long án:

- Khanh giữ lễ quân thần là phải chỉ vào hoàng tử đang chắp tay đứng hầu, Thượng hoàng nói tiếp ta sinh ra Quang Khải, còn khanh thay ra dạy dỗ hoàng tử, thế là khanh đã giữ trọng đạo thần tử rồi đó.

Thường thường các bậc đại thần, kể cả nhà vua, mỗi khi vào chầu Thượng hoàng đều phải phục lạy, cúi đầu đợi mệnh. Nhưng hôm nay, riêng với Hàn lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu, Thượng hoàng có đặc ân cho miễn lễ, lại sai đặt kỷ ngồi cạnh long án cùng đàm đạo.

Từ sau khi nhường ngôi, Thượng hoàng Trần Thái Tông mới rảnh rang để nghĩ đến quốc sử. Trong số các quan ở quốc học việc, Lê Văn Hưu là người có học vấn sâu rộng, lại am hiểu nam sử. Thượng hoàng ra lệnh triệu Lê Văn Hưu vào chầu để truyền bảo. Giờ đây con người có thể được giao trọng trách đó đang đưa hai tay

nâng chén ngự tửu do Thượng hoàng ban cho và kính cẩn lắng nghe từng lời truyền dạy của người:

- Nước ta từ lập quốc đến nay trải qua nhiều biến đổi. Đời nọ truyền nối đời kia, đến bản triều đã mấy ngàn năn, ấy thế mà chưa có một bộ quốc sử để ghi chép lại. Khanh là người học rộng, am hiểu Nam sử, ta muốn giao cho đảm đương việc đó!

Lê Văn Hưu đứng dậy chắp tay tâu bày:

- Muôn tâu Thượng hoàng, thần trộm nghĩ một nước không có bộ quốc sử sao gọi là nước văn hiến được. Vì vậy việc biên soạn một bộ quốc sử là khẩn thiết. Huống chi, mối họa giặc ngoại xâm lấn vẫn đang còn đó. Việc làm rõ quốc thể bằng sử sách lại càng cần phải làm ngay. Thần được Thượng hoàng biết tên, lại có lòng tin giao việc, thật là điều vinh hạnh lớn. Nhưng nghĩ mình tài học nông cạn, kiến văn hẹp hòi, thần vẫn nơm nớp e sợ không làm tròn được điều sai bảo của Thượng hoàng.

Trần Thái Tông ngắt lời:

- Ta biết việc biên soạn Quốc sử là khó. Nếu dễ thì từ trước đã có người làm, không đợi đến bây giờ. Nhưng nếu vịn vào khó mà không làm thì để đến bao giờ? Chẳng lẽ một nước có mấy ngàn năm văn hiến lại không có lấy nổi một bộ quốc sử. Nếu để vậy, ta đắc tội với tiền nhân mà còn làm thiệt thòi cho hậu thế.

Ngừng lại một lát rồi Thượng hoàng hỏi Lê Văn Hưu:

- Ta nghe hoàng tử Quang Khải kể lại rằng khanh đã từng ghi chép được nhiều về Nam sử?

Thấy Thượng hoàng hỏi, Lê Văn Hưu dè dặt:

- Muôn tâu, trước đây nhân mỗi khi đi thăm danh lam thắng cảnh, hoặc có dịp xem xét sinh hoạt làm ăn của dân cư, thần có viết lại những điều mắt thấy tai nghe. Gần đây, vâng mệnh Thượng hoàng phải giảng giải thêm nam sử cho hoàng tử, thần có kê cứu, sắp xếp lại theo thứ niên đại để tiện sử dụng.

- Khanh làm việc đó từ bao giờ?

- Muôn tâu, từ thuở mới theo đòi việc nghiên bút, nhân học Bắc sử thần muốn hiểu biết về nam sử nên đã bắt đầu tập tành ghi chép dần dần...

Nghe đến đây, Thượng hoàng đứng dậy cười lớn:

- Thế là khanh đã làm sử rồi đó! Thử hỏi, nếu giao việc này cho người khác, thì kẻ đó tất phải mất bấy nhiêu năm để đi xem xét, nghe ngóng, ghi chép lại, mà đã chắc gì hiểu biết hơn khanh. Aáy là chưa nói còn phải biết kê cứu, đối chiếu, phải xét đoán kỹ càng, chọn lọc phẩm bình tinh tường mới hạ bút chép thành bộ Quốc sử được chứ! Ta đã nghĩ kỹ, việc đó phải giao cho khanh!

Sau buổi chầu hôm ấy, theo lệnh của Thượng hoàng Trần Thái Tông, chức Chưởng sử quan đầu tiên của nước Đại Việt được triều đình gia phong cho hàn lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu.

Đã sang canh ba, thư phòng của Hàn Lâm viện học sĩ kiêm Chưởng sử quan còn le lói ánh đèn. Khu Quốc học viện ở phía nam kinh thành vốn đã vắng lặng, về khuya lại càng tịch mịch.

Một mình bên ngọn bạch lạp, Lê văn Hưu đang tu chỉnh lại bản thảo. Sau nhiều năm chép soạn, đến nay ông đã có dưới tay một tập Quốc sử tạm như ý muốn. Nhớ lại, sau khi nhận lệnh của Thượng hoàng, Lê Văn Hưu cũng đã biết đây là một việc khó. Đến khi bắt tay vào việc ông mới thấy rằng mình chưa lường hết được khó khăn đến chừng nào! Trước quá khứ lịch sử xa xăm của đất nước, đã có lúc ông cảm thấy bất lực trong việc biên soạn quốc sử. Những bộ Bắc sử lớn như xuân thu của Khổng Tử, sử ký củ tư Mã Thiên, Hán Thư của Ban Cố, Tam quốc chí của Trần Thọ... Cho đến quyển sử gần đây như thông giám cương mục của Chu Hi, ông đều tham khảo kỹ. Các bộ sách ấy viết theo nhiều thể loại: Biên niên, kỷ sự... đều giúp cho ông nhìn ra cách viết! Còn sử liệu để viết mới thật nan giải. Bắc sử, ngoài các quyển trên còn có những bộ riêng về từng triều như: Hậu Hán thư, Tống Thư, Lương thư, Tùy thư, Đường thư... Tất cả đều có ghi chép ít nhiều sự việc có quan hệ với phương Nam, nhưng không tránh khỏi chắp vá sai lạc. Cuối cùng bảo bối của ông vẫn không ngoài những điều ghi chép được từ trước đã chất đầy giá.

Lần gởi từng mẩu chuyện cũ, những điểm son sáng ngời trong sự nghiệp của tiền nhân đã cổ vũ, thúc đẩy ông gắng gỏi làm việc.

Đọc lại chuyện kể dân gian về sự tích Lạc Long quân lấy nàng Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng, nở thành một trăm con trai, con trưởng là Hùng Vương làm vua đầu tiên của nước Văn Lang, ông nhớ đến miền đất tổ Phong Châu mà ông đã từng đặt chân đến. Đối chiếu so sánh niên đại, ông thấy thời Hùng Vương ngang với thời Phục Hi, Thần Nông của Bắc sử, cách đây đã vài bốn ngàn năm. Rồi chuyện Thục An Dương vương xây thành Cổ Loa, vết cũ hãy còn chỉ cách Thăng Long mấy dặm đường. Ông rất tiếc, những điều ghi chép về thời này còn quá ít ỏi, không dựa vào đâu để khảo cứu cho tường tận được. Ông đành phải tạm gác lại, chờ một dịp khác. Và đành bắt đầu chép từ Triều Vũ đế đến Lý Chiêu Hoàng.

Từ đó, ròng rã hơn mười năm trời lục tìm văn bản của các triều trước còn lưu ở thư các hoặc tản mạn trong dân gian, tìm kiếm thêm sự tích thần từ phật tự, nghe ngóng truyện kể lưu truyền, đối chiếu với Bắc sử, cuối cùng ông biên soạn lại thành tập bản thảo như bây giờ.

Đã nhiều lần đọc lại, ông vẫn còn băn khoăn. Ngay từ khi mới chấp bút, ông đã nghĩ rằng chép sử không chỉ là kê cứu là liệt sự việc diễn biến của các triều đại nối tiếp. Người chép sử không phải chỉ làm có thế, và bộ Quốc sử cũng không phải là để thỏa chí tò mò cho những người muốn biết chuyện xưa. Theo ông, người chép sử phải đánh thức lịch sử dậy để quá khứ trối trăn những điều dạy bảo cho mai sau. Sử bút phải biết rung lên tiếng nói hào hùng của các sự kiện oanh liệt, phải gợi bùng lên hào quang rực rỡ của những tấm gương chói lọi, nhưng cũng có khi phải làm búa rìu đối với những việc không hay để trước hết, cho các bậc vua chúa thay trời chăn dân lấy đó làm gương. Ấy thế mà mỗi khi đọc lại chồng bản thảo, ông vẫn thấy chưa làm được như điều mình mong muốn.

Đọc lại đoạn viết bàn về Hài Bà trưng: "Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố và sáu mươi lăm thành ở lĩnh ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, đủ biết hình thể đất Việt ta có thể dựng được cơ đồ đất nước tự nghìn xưa, nhưng lại thấy thế vẫn chưa đủ. Ngót một ngàn năm lệ thuộc các triều đại phương bắc đã làm ông đau lòng. Thế mà bây giờ nguy cơ giặc Nguyên Mông thôn tính lại nổi lên. Muốn nhân đây cổ vũ lòng người xả thân vì nước, nhất là đối với những kẻ vẫn vỗ ngực tự xưng là bậc tu mi nam tử mà lại nhiều phen tỏ ra quá đớn hèn, ông hạ bút viết thêm: "Tiếc rằng nội sau họ Triệu cho đến họ Ngô, trong khoảng hơn ngàn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay, làm thần bộc cho người phương Bắc, há chẳng xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà ư! Ôi! Có thể gọi là tự bỏ mình vậy".

Ông vừa lòng với lời bàn về Ngô Quyền: Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới họp của đất Việt ta mà phá được trăm vạn quân của Lưu Hoằng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể bảo là một cơn giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy.

Ông đã khen Lê Đại Hành đánh giặc Tống: "Lê Đại Hành giết Đinh Điền, Bắt Nguyễn Bặc, bắt Quân Biện, Phụng Huân dễ như lùa trẻ con, như sai nô lệ, chưa đầy vài năm mà bờ cởi yên tĩnh, cái công đánh ấy tuy nhà Hán nhà Đường cũng không hơn được..."

Nhưng nghĩ đến khi con Lê Đại Hành đánh giết lẫn nhau giành ngôi vua thì ông ngần ngại hạ bút thêm: "Ngọa triều giết anh tự lập làm vua, bạo ngược với dân chúng để thỏa lòng hung ác, đến nổi mất ngôi mất nước, không phải là sự bất hạnh của nhà Lê, là lỗi ở Đại Hành không sớm đặt thái tử và trung tôn, không biết phòng giữ từ khi mới chớm nên đến nỗi thế".

Xem lại phần chép về nhà Lý, thấy việc Lý Thái Tổ tiêu phí sức dân quá nhiều để xây dựng chùa chiền, cung điện đài tạ, ông bóp đầu suy nghĩ một hồi, rồi viết:

"Lý Thái Tổ lên ngôi được hai năm, tôn miếu chưa dựng, xã tắc chưa lập, mà trước đã dựng tám chùa ở phủ Thiên Đức, lại sửa chữa chùa quán ở các lộ, và cấp độ diệp cho hơn ngàn người ở kinh sư làm tăng, thế thì tiêu phí của sức dân, ông lại viết thêm: "Của không phải là trời mưa xuống, sức không phải là thần làm hộ, há chẳng phải là vét máu mỡ của dân chăng? " Ngẫm đến di hại sau việc làm của Lý Thái Tổ, ông để cho ngọn bút của mình lên tiếng: "Bậc vua sáng nghiệp, tự mình cần kiệm còn lo cho con cháu ngày sau xa xỉ, mà Thái Tổ để phép cho con cháu như thế, cho nên đời sau mới xây tường cao ngất trời, tạc cột chùa bằng đá, làm chùa thờ phật lộng lẫy hơn cung điện nhà vua. Rồi người dưới bắt chước, có kẻ hủy thân thể, đổi lối mặc, bỏ sản nghiệp, trốn thân thích, nhân dân quá nửa làm sãi, trong nước chỗ nào cũng có chùa, nguồn gốc há không phải là đấy? "

Chép đến việc Lý Thần Tông vừa lên ngôi ba năm đã hạ lệnh cho con gái các quan không được gả chồng trước, đợi sau khi chọn xong vào hậu cung, người nào không trúng mới cho đi lấy chồng, Lê Văn Hưu bực bội đến không kìm được chữ viết: "Trời sinh ra dân mà đặt vua chúa để chăn nuôi, không phải để cho vua tự

phụng. Lòng cha mẹ ai chẳng muốn con cái có vợ có chồng, thánh nhân thể lòng ấy, chỉ sợ đàn ông đàn bà không được chốn thôi... Thần Tông xuống chiếu cho con gái các quan phải đợi khi tuyển vàp cung không trúng rồi mới được lấy chồng thì là tự phụng cho mình, có phải là lòng làm cha mẹ dân đâu?

Đã hay chép sử theo ông là chép việc làm của các bậc vua chúa. Nhưng vua chúa cũng phải chăm sóc muôn dân mới hợp đạo trời và thuận lòng người. Ông dựa vào điều đó để ca ngợi hay bài bác. Ý nghĩ ấy, lôi cuốn ngọn bút trong tay, ông đọc đi đọc lại, thêm bớt nhiều chỗ, say sưa làm việc đến quên cả trời gần sáng.

Tiếng chuông cảnh tỉnh của chùa Ngọc Hồ đã vọng vào Quốc học viện. Lê Văn Hưu đứng dậy, bước ra ngoài. Sương sớm mát dịu. Ông cảm thất mệt mỏi và thầm nhủ: Còn phải thức nhiều đêm nữa để tu chỉnh lại bản thảo mới kịp đem dâng nhà vua.

Kinh thành Thăng Long còn đậm đà phong vị Tết, tuy tháng giêng năm Nhâm Thân đã bước vào hạ tuần. Riêng điện vào loại lớn nhất hoàng cung, dựng từ thời Lý, lại được trang hoàng lộng lẫy hơn. Hàng cờ đuôi nheo cắm dọc lối đi từ cổng vào thềm điện. Trên hành lang, những chiếc đèn lồng bằng lụa điều đu đưa lơ lửng. Điện Tập Hiền lung linh, ánh lên mầu sắc lộng lẫy. Và đội quân cấm vệ nón dấu, bao vàng, cắp gươm chia nhau đứng canh giữ dưới thềm điện.

Hôm nay, nhân bộ quốc sử đã biên soạn xong, để khích lệ động viên quần thần phải gắng gỏi công việc văn học, nhà vua sai Tướng quốc Thái úy Trần Quang Khải học trò của Chưởng sử quan Lê Văn Hưu, triệu quần thần về điện Tập Hiền dự lễ hiến dâng quốc sử và cùng vui nhân dịp đầu xuân.

Chiêng trống khai trào dóng dả vang lên tường tiếng một, rồi đổ hồi, rung chuyển cả tòa điện. Bá quan văn võ phục trên thảm gấm bái mạng. Tiếp theo là những tiếng hô vang: "Vạn Tuế! Vạn tuế!" chúc tụng thượng hoàng Trần Thái Tông và hoàng đế Trần Nhân Tông đang ngự trên ngôi cao vòi vọi.

Khi mọi người đã yên vị, tay chấp ngang đai lưng, đứng yên lặng như những pho tượng theo nghi lễ triều hội, Thượng hoàng Trần thái tông từ trên cao đưa mắt nhìn khắp lượt quần thần rồi bước xuống nền điện phán bảo:

- Từ khi ta lập Viện Quốc học, mở cửa đón học trò trong nước vào học, đến nay đã gần hai mươi năm. Theo đó, người có tài năng văn học xuất hiện ngày một triều. Từ năm Đinh Mão ta lại bắt đầu kén chọn được người văn học giao cho quyền binh ở quán, các sảnh, viện. Như vậy, việc học đã mở mang thịnh đạt hơn so với các tiên triều. Các ngươi được triều đình ban cho tước vị bổng lộc trọng hậu, phải gắn công vun đắp cho nền học thuật nước nhà để thỏa lòng mong mỏi của ta.

Tiếng "Dạ" ran đồng thanh vang lên trong tòa điện. Thượng hoàng phán tiếp:

- Ta vui mừng truyền bào cho các ngươi biết từ ngày giữ ngôi ta đã nghĩ đến bộ Quốc sử. Cách đây mười năm ta giao cho Hàn Lâm việc học sĩ học sĩ Lê Văn Hưu soạn thảo. Đến nay quốc sử đã làm xong, lấy tên là Đại Việt sử ký. Đây là bộ sử đầu tiên của nước Đại Việt biên soạn dưới triều ta.

Thượng hoàng nói dứt lời, từ hàng quan văn, Lê Văn Hưu nâng cao bộ Quốc sử gồm ba mươi quyển, tiến lên quỳ dâng trước ngai rồng. Hàng trăm con mắt khâm phục dồn về vị văn quan mới ngoài bốn mươi tuổi đã làm nên việc trước nay chưa từng có, xứng đáng với vinh dự được Thượng hoàng nhắc đến tên. Bá quan văn võ lại càng kinh ngạc khi thấy vị tướng quốc Thái úy trẻ tuổi Trần Quang Khải vội vàng nghiêng mình trước Hàn lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu và đỡ lấy bộ Quốc sử chuyển dâng nhà vua.

Thấy vậy, Thượng hoàng chỉ vào Trần Quang Khải nói với chủ nhà vua và quần thần:

- Thái úy Trần Quang Khải làm đến chức tướng quốc mà vẫn giữ đạo thầy trò. Còn Hàn lâm Viện học sĩ Lê Văn Hưu đã rèn dạy tướng quốc, lại theo lệnh ta biên soạn nên Quốc sử. Thầy ầy trò này, đều là bề tôi lương đống của triều đình.

Lê Văn Hưu nâng tay ngang trán quỳ trước mặt thượng hoàng:

- Muôn tâu, nhờ oai linh của Thượng hoàng, hạ thần mới có vinh dự như ngày nay. Biết mình học vấn nông cạn, nhưng vâng mệnh, thần mạo muội chấp bút e không tránh được sơ suốt. Thần cúi đầu xin Thượng hoàng, bệ hạ tha thứ cho.

Từ trên ngôi cao, vua Trần Nhân Tông cầm quyển sử đưa ra trước mặt quần thần:

- Việc học nước ta bắt đầu mở mang từ triều trước, nhưng sử học thì phải đến bản triều mới có người mở lối. Để làm nên bộ Quốc sử này là nhờ oai linh của Thượng hoàng, nhưng công sức của Hàm Lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu không phải là nhỏ.

Nhà vua phán bảo Trần Quang Khải:

- Thái úy tướng quốc phải giao cho Viện quốc học chép lại nhiều bản, ghi rõ năm Nhâm Thân, niên hiệu Thiệu Long thứ mười lăm và người chép sư là Hàn Lâm viện học sĩ kiêm Chưởng Sử quan Lê Văn Hưu. Sách làm xong sẽ lưu giữ ở Bộ thư các làm tin sử truyền lại cho đời sau.

Đứng cạnh Tướng quốc Thái úy Trần Quang Khải, Lê Văn Hưu nghe rõ từng lời phán bảo của nhà vua. Không chép sử đương đại, nhưng ông thầm nghĩ rằng sau này sẽ có người ghi chép, một đôi dòng về chuyện xảy ra trong ngày hôm nay ở điện Tập Hiền.

Trần Nhật Duật

Hoàng Giang trở về kinh đô Thăng Long. Đủ các kiểu thuyền lớn nhỏ chen chúc bên nhau. Chiếc nào cũng sặc sỡ, long lanh những lụa là gấm vóc căng vuông, quây tròn làm nên cảnh màn che trướng rủ ngay trên sông nước. Vừa tháng trước đoàn thuyền của hoàng gia cồng kềnh mà gấp gáp rời kinh đô đi lánh giặc, bây giờ tất cả đã tươi vui, hồ hởi trở lại hoàng cung: đại quân của Trần triều vừa cả phá binh đoàn

hung bạo của tướng giặc Cốt Đải Ngột Lang, thu được kinh đô!

Gió xuân ấm và ấm nhè nhẹ lay cánh màn trong tay Linh từ quốc mẫu người vừa góp phần không nhỏ vào chiến thắng của triều đình Đại Việt. Chưa đầy một tháng trường dốc sức lo liệu việc đưa gọn cả hoàng gia vừa kịp rời bỏ kinh thành trước lũ giặc Thát ập đến tàn phá, rồi lại đứng đầu việc thu thập, quyên góp binh khí, quân nhu gởi ra trận tiền cho tướng sĩ mái tóc của Linh từ quốc mẫu đã thêm nhiều sợi bạc. Và bấy giờ thì bà lão quắc thước đang vén cánh màn gấm, ngó đầu ra ngoài khoang thuyền. Linh từ quốc Mẫu vừa toan cất tiếng gọi thì đã dừng ngay lại: Quay lưng về phía bà, một bóng người nhỏ xíu đang lặng lẽ đứng thẳng ở mũi thuyền, mải mê nhìn mãi ra phía trước, chẳng hề động đậy.

Linh từ quốc Mẫu chớp chớp mắt, lắc đầu. Từ ngày để con người nhỏ bé kia theo sát bên mình trong suốt thời gian cùng hoàng gia lánh giặc, quốc mẫu ngày càng nhận ra những nét đặt biệt ở vị hoàng tử thứ sáu của vua Thái Tông. Mới năm tuổi đầu mà khác hẳn mọi đứa trẻ, hoàng tử lúc nào cũng lặng lẽ như luôn luôn đắm mình vào những việc xa vời.

Quốc Mẫu bước nhẹ ra mũi thuyền, đặt tay lên vai đứa cháu nhỏ:

- Nhật Duật!

Chú bé đứng nhìn đăm đăm vào một vùng sóng nước trước thuyền, nghe tiếng gọi đột ngột mà chẳng hề thảng thốt giật mình, thong thả xoay người trở lại, gương mặt hướng về phía người vừa gọi mình, nhìn kỹ một lúc rồi mới mở miệng gọi:

- Bà ơi, cháu...

- Hoàng tử Chiêu Văn! Cháu phải gọi ta là "Quốc Mẫu",

Linh từ quốc Mẫu nhẹ nhàng mà nghiêm nghị uốn nắn cách xưng hô cho đứa cháu nhỏ. Chú bé lặng lẽ ngước mắt nhìn lên trời rồi thong thả:

- Tâu quốc Mẫu, người ở đây ai cũng gọi bà là "Bà".

- Đấy là tiếng nói của dân thường. Còn hoàng tộc thì đã có lệ phải dùng chữ của người Hán để phân biệt!

Trí tuệ của vị hoàng tử năm tuổi bắt lấy ý đó và nói rộng nay:

- Tâu quốc mẫu, ở vùng này có nhiều người nói tiếng gì mà nhiều khi không giống hẳn người thường?

Linh từ quốc mẫu mở to mắt nhìn đứa cháu. Lại một việc kỳ lạ nữa! Quốc mẫu giảng giải:

- Đấy là người Chiêm Thành mà các đời vua trước đi trận bắt được, cho về sống ở đây...

Khuôn mặt non nớt của Trần Nhật Duật thoáng một nét đăm chiêu:

Người Hán này, người Chiêm Thành này... Thế ở quanh ta đây còn có bao nhiêu giống người tất cả?

- Nhiều... Vị quốc mẫu bắt đầu lúng túng. Rồi... Lớn lên cháu sẽ biết!

Chiêu Văn hoàng tử Trần Nhật Duật lại xoay người nhìn ra trước mũi thuyền. Trong khi đó, Linh từ quốc mẫu cũng nghiêng người ngắm đứa cháu: "Thằng bé sớm lộ thiên tư, ham thích hiểu biết về các tiếng nói và các giống người!" Bất giác, đầu óc của vị quốc mẫu hình dung ngay ra cái thế của người Việt đang sống xen giữa bao giống người khác mà bà, cũng như cả triều đình, đều chưa am tường. Trong khi chính đây là chuyện hệ trọng. Nội một việc trại chủ vùng Qui Hóa vừa từ đem binh mường của mình ra đánh chặn giặc Thát trên đường chúng rút chạy từ Thăng Long về nước, cũng đủ để thấy rằng, liên kết chặt chẽ được với những người mà triều đình quen gọi là Phiên, Man thì lợi ích sẽ không nhỏ.

Phên giậu của triều đình chính là họ, nếu rồi đây quân giặc lại gây hấn nữa.

"Phải có riêng người để cậy trông việc giao dịch kết liên với các Phiên, Man và các lân bang" Linh từ quốc mẫu vừa nhủ thầm, vừa long lanh cặp mắt nhìn mãi vào khuôn mặt khôi ngô của đứa cháu nhỏ, trong khi vị hoàng tử thứ sáu của vua Thái Tông vẫn thản nhiên, khẽ nhíu cặp long mày xanh biếc, nhìn mãi về phía trước..

Hơn hai mươi năm đã qua, kể từ ngày đạo quân của tướng Cốt Đải Ngột Lang tàn phá kinh đô rồi tháo lui khỏi kinh đô. Giặc Thát đã một lần nhục nhã tả tơi rút chạy, nhưng giấc mộng cuồng điên thôn tín nước Đại Việt của chúng vẫn chẳng bao giờ nguôi. Vó ngựa quân Thát đã băng qua sa mạc Trung Á, tràn tới tận trung tâm Châu Âu, vượt qua Vạn lý Trường Thành, giày xéo khắp đất Trung Hoa mênh mông, không lẽ nào dừng lại trước một nước Đại Việt! Binh mã đã sẵn sàng, nếu Đại Việt "Không chịu ngồi yên, cố ý kháng mệnh, thì... Cứ sẵn sàng thành lũy, sắm sửa giáo binh, chờ đấy mà xem!"

Từ một chú bé phải theo hoàng gia đi chạy giặc, Trần Nhật Duật đã trở thành một chàng thanh niên tuấn tú vào giữa những ngày đó. Non sông đang chuyển mình dữ dội trước trước cơn giông bão từ phía giặc Thát lừng lững kéo tới, đe dọa quét sạch từng ngọn cỏ gốc cây. Thấy rõ cha anh mình cùng nhân dân Đại Việt đổ mồ hôi và máu xương đương đầu với quân giặc, tuổi trẻ của Trần Nhật Duật là những năm tháng miệt mài rèn luyện để nên người hữu dụng, xứng đáng với dân tộc và dòng họ.

Đọc binh thư, tập nghề võ, luyện văn chương như mội người và hơn nhiều người, Trần Nhật Duật còn trẻ mà đã nổi tiếng hiểu nhiều biết rộng. Nhưng uy tín của vị hoàng tử ít tuổi còn nổi cao hơn nữa ở trong triều ngoài nước, chính là nhờ tài ba được luyện rèn trên cái năng khiếu đã sớm lộ rõ từ ngày còn nhỏ. Để tâm nghiên cứu, tìm hiểu về các nước láng giềng, chàng thanh niên Nhật Duật đặc biệt chú ý đến nước Trung Hoa dưới vương triều Tống ở phương Bắc, và nước Chiêm Thành ở phía Nam. Học tiếng Tống và tiếng Chiêm, sử dụng thành thạo các ngôn ngữ ấy, Nhật Duật còn am hiểu nhiều mặt của các nước đó, kể cả những phong tục tập quán chi li nhất. Đối với các dân tộc ở trong nước, Nhật Duật càng chuyên tâm học hỏi, tìm tòi. Hiểu về họ, Nhật Duật không chỉ hiểu tiếng, mà còn hiểu cảnh, hiểu người.

Ngoài hai mươi tuổi, Trần Nhật Duật đã được phong tước vương, và là người của triều đình nhà Trần đặc trách những công việc về các dân tộc có liên quan. Vua Trần Nhân Tông vừa kinh ngạc vừa thán phục khả năng của Trần Nhật Duật, thường

thân mật nói đùa: "Chiêu Văn Vương dường như không phải người Việt mà chính là hậu thân của các giống Phiên, Man!". Trong khi đó, tiếp xúc với sứ thần của triều đình nhà Nguyễn, có lần Trần Nhật Duật đã vui vẻ tự nhiên, cùng uống rượu và chuyện trò suốt cả một ngày, khiến cho sứ Nguyên nhất định cho rằng Nhật Duật là người Hán ở Chân Định sang làm quan ở bên Đại Việt.

Giữa thư phòng ngổn ngộn sách vở, Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật cúi đầu đọc rốn mấy trang của bộ Thái Bình hoàn vũ ký trước khi ra sảnh đường tiếp khách.

Việc đọc sách bao giờ cũng khiến Trần Nhật Duật mê say. Những dòng chữ cổ kim, đọc lúc thư nhàn hay vội vã, luôn luôn cuốn hút trọn vẹn tâm trí Nhật Duật. Phần Lĩnh nam đạo của bộ sách Thái Bình đồ sộ này có nhiều dòng trực tiếp đề cập đến các tộc người sống trên miền giáp ranh giữa hai nước Trung Hoa và Đại Việt chính là những trang ưa nghiền ngẫm hàng ngày của vị thân vương trẻ tuổi đặc trách công việc miền biên viễn. Nhật Duật với tay lên giá sách, chọn thêm mấy cuốn trong bộ Lĩnh ngoại đại đáp, cặm cụi tra cứu, so sánh đoạn văn vừa chợt thấy có điều ngờ ngợ. Cuối cùng, ông đặt cả những tập sách lên án thư, ngước mắt đăm đăm nhìn vào thanh bảo kiếm treo nghiêng trên vách, lặng lẽ suy tư...

"... Nước Tống quả là có lắm người tài. Kiến thức của họ thật là rộng. Sách vở của họ như núi. Lĩnh Nam là miền đất xa ngoài biên cương mà họ cũng dầy công viết nhiều đến như vậy! Một nước văn hiến đến thế, mà sao không cự nổi giặc Thát? " Trần Nhật Duật suy nghĩ miên man, bàn tay vô tình mân mê chiếc ấn mang hai chữ triện "Chiêu Văn" vuông vức đặt trên án thư "Hoàng đế nhà Tống rút chạy quân Thát từ Bắc xuống Nam cuối cùng đã trải trẫm mình ngay ở Nhai Sơn thuộc Lĩnh Nam. Đất Lĩnh Nam mà Tống triều đã bỏ công nghiên cứu viết sách, cuối cùng không giúp được vua Tống thắng giặc, Sao vậy? Bàn tay của Nhật Duật tiếp tục gại ngón trên gờ sắc của chiếc ấn "Tống triều chăm viết sách mà không chăm việc cố kết lòng người nơi biên viễn. Sách vở của họ cũng đầy rẫy những chuyện miệt thị các dân ngoại tộc, ngay trên từng dòng viết về miền Lĩnh Nam... Phải chăng đây chính là cái gương nhơn tiền mà người lo việc binh viễn phải khiêng dè? "

Mấy tiếng chuông báo hiệu từ sảnh đường vọng vào thư phòng. Trần Nhật Duật dứt ra khỏi dòng suy tưởng, sửa sang khăn áo, tạm rời bỏ chồng sách.

Ít lâu sau, quân quan nhà Tống thất trận trước giặc Thát, ùn ùn rời quê hương sang nương náu ở Đại Việt. Nhiều người trong bọn họ là những kẻ có chí khí và tài năng. Rất có thể đây sẽ là một cái vốn quý trong cuộc chiến tranh với quân Thát sau này Trần Nhật Duật lặng lẽ tính toán rồi đứng ra xin vua Trần cho phép thu nạp họ. Dưới trướng Chiêu văn Vương, từ năm trước đã nhận vào đạo sĩ Hứa Tông Đạo là người có tài văn chương, giỏi phép thuật. Bây giờ đến lượt một võ tướng, họ Triệu tên Trung, biết tiếng Chiêu Văn Vương chiêu hiền đãi sĩ, đã vừa gửi thiết xin được yết kiến.

Trần Nhật Duật dùng thẳng tiếng tống trò chuyện cùng Triệu Trung, Viên tướng của nhà Tống rõ ràng đang hoang mang về cảnh ngộ mất chúa cũ mà chưa tìm được chủ mới, bộc bạch với Nhật Duật:

- Tôi là kẻ mất nước nên mới lưu lạc sang đây. Chẳng hay thân phận bèo bọt này rồi sẽ ra sao dưới trướng của Ngài?

- Giặc Thát đã chiếm mất nước ông, bức hại hoàng đế của ông. Chúng đang muốn diễn lại cảnh ấy trên đất Đại Việt. Cho nên kẻ thù của chúng tôi cũng là kẻ thù của ông Trần Nhật Duật điềm đạo trả lời Triệu Trung. Ông vì mối thù chung đó mà cùng chúng tôi cự giặc, nếu Tống sử không ghi công của ông thì Việt sử sẽ làm việc thay thế.

Thấy Triệu Trung rạng rỡ sắc mặt vì những lời khích lệ chân tình, Trần Nhật Duật thong thả nói tiếp:

- Tôi mới được nghe mấy câu thơ của người nước ông, bây giờ xin đọc lại;

"Nhân sinh tự cổ thùy vô tử

Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh

Câu thơ chưa đọc dứt, viên tướng của Tống triều đã nước mắt lưng tròng, sụp ngay xuống lạy:

- Triệu Trung này những tưởng chỉ riêng mấy người Tống chúng tôi mới biết Văn Thiên Tướng, nào ngờ chuyện mới vừa xảy ra mà Ngài cũng đã tường tận những lời nghĩa khí của bậc nhân giả chúng tôi. Quả là danh bất hư truyền! Xin cho được cùng lũ bộ hạ cắp giáo theo hầu Ngài suốt đời dưới trướng!

Đoàn quân dài dặc, sáng lóe giáo gươm, rực rỡ tinh kỳ, rời nhanh kinh thành nhằm thẳng hướng Tây bắc tiến phát. Chiêu Văn Vương trần Nhật Duật cưỡi ngựa đi trên đầu đoạn quân, dưới cờ hiệu "Trần thủ Đà Giang". Đây là chức mới được phong của Nhật Duật. Vị thân vương hai mươi bảy tuổi đó, lần đầu tiên mặc nhung phục, cầm đầu một đạo quân lớn, đi chinh chiến phương xa.

Mấy hôm trước, vua quan nhà Trần đã vào cuộc họp bàn, lo lắng nhâïn được tin chúa đạo Đà Giang Trịnh Giác Mật vừa tụ họp phe đảng nổi lên cự lại triều đình. Tin dữ trong nước đến cùng một lúc với điều cấp báo từ ngoài biên ải: Vừa diệt xong nhà Tống, Xu mật viện nhà Nguyên đã xin với hoàng đế Hốt Tất Liệt cho ra quân đánh ngay Đại Việt, và vua Thát đã hạ lệnh đóng chiến thuyền, tính thêm cả đường vượt biển để vào Đại Việt! Tình thế thật gấp gáp đã khiến triều đình nhà Trần phải quyết định dẹp yên ngay mối họa trong nước. Để tránh cái thế nổi loạn ở phía sau, trong khi đang dồn sức ra chống giặc ngoài ở phía trước. Vậy thì không còn ai hơn được Nhật Duật trong việc đảm nhiệm trọng trách này. Và thế là chỉ mấy ngày sau, vị tướng trẻ đã làm lễ ra quân, lên đường.

Bây giờ thì làng mạc ruộng đồng đã lui cả về phía sau. Đoàn quân đã tiến sâu vào miền núi rừng điệp trùng, hiểm trở. Trại quân của Trịnh Giác Mật chẳng còn bao xa nữa.

Giữa lúc đó, chúa đạo Đà Giang cũng đang ngồi giữa đám đầu mục của mình:

- Đêm qua ta mộng thấy một con chim lô đỏ bay đến đậu ở trước trại quân. Thế là điềm gở! Lại dò được tin kẻ làm tướng của triều đình chính là Chiêu Văn Vương

Nhật Duật. Đấy là người có tiếng thông thạo tình hình đất đai dân cư của ta...

Đám đầu mục nhớn nhác nhìn nhau. Trịnh Giác Mật hùng hắng ho:

- Thượng sách bây giờ là tránh giao chiến. Ta đã nghĩ ra một kế dụ chủ tướng của triều đình tới đây. Nếu nó là người non nớt, chỉ có hư danh, thì ta giết luôn. Còn nếu nó đúng là người tài, thì phải giảng hòa với nó!

Một lá thư bay ngay đến lều trận của Trần Nhật Duật khi ấy đã cùng đội quân của mình hạ trại ngoài núi: "Giác Mật không dám trái mệnh triều đình, nếu ân chủ một mình một ngựa đến, Giác Mật xin ra hàng ngay".

Các tướng sĩ của Trần Nhật Duật đều ra sức can ngăn chủ tướng. Không nên nghe theo lời của chúa đạo Đà Giang. Quỉ kế đang ẩn náu sau đấy. Nhưng Nhật Duật vừa đọc kỹ lại lá thư, vừa âm thầm suy tính: "Giác Mật không dám đàng hoàng cự chiến, vậy là đã nao núng. Cái kế mọn dụ tướng, xưa nay chỉ dụ được những kẻ non gan. Ta sẽ nhân kế này mà xoay chuyển cuộc dấy loạn. Đạo Đà Giang xa xôi này không thể đồn quân chinh chiến lâu dài. Không thể hao binh tổn tướng mãi ở đây, trong khi triều đình đang cần từng người lính để sửa soạn cự lại giặc nguyên ở bên ngoài. Thượng sách vẫn là thu phục được lòng người ở đây, khiến họ thuận theo về với triều đình làm nên cái thế liên kết lâu bền ở trong một nước..."

Nhật Duật quyết định một mình một ngựa đến ngay trại Giác Mật, chỉ mang theo mấy tiểu đồng cắp tráp đi hầu.

Con ngựa trắng của Chiêu Văn Vương đi thủng thỉnh giữa những hàng quân dữ tợn của chúa đạo Đà Giang. Một lưỡi gươm rồi lại một lớp giáp, Giác Mật cố ý dàn quân phô trương, dọa nạt. Nhưng nét mặt của vị thân vương đi trấn thủ đạo Đà Giang vẫn lặng lẽ thản nhiên. Chỉ có mấy chú tiểu đồng, khi vừa đến sát ngôi nhà sàn đồ sôĩ của Giác Mật, nghe một loạt tiếng quát dữ dội, và thấy đám quân lính sắc phục kỳ dị của chúa đạo Đà Giang chĩa ra một loạt mũi giáo nhọn hoắt, thì tái xanh nét mặt, đỏ bừng đôi tai!

Trần Nhật Duật thong thả bước lên nhà sàn, chậm rãi nói với Trịnh Giác Mật vừa từ phía trong tiến ra:

- Lũ tiểu đồng của ta khi đi đường thì nóng tai trái, vào đến đây thì nóng tai phải...

Dùng ngay ngôn ngữ của dân tộc Đà Giang, vừa chỉ vào những đôi tai đỏ ửng của bầy tiểu đồng, vừa điềm nhiên nói năng thật rành rẽ, Trần Nhật Duật thốt nhiên khiến cho chúa đạo Đà giang và cả đám đầu mục cùng sững sờ kinh ngạc. Những tiếng rì rầm nổi lên giữa các thủ lĩnh của Giác Mật:

- Người này là ai mà biết nói hết những điều giống hệt tục lệ của ta? Nóng tai trái là có người ngoài mong đợi, nóng tai phải là có người thân trông ngóng. Sao nói giỏi vậy.

Trong khi đó, Trần Nhật Duật vẫn như không nghe thấy những tiếng bàn tán xôn xao, đàng hoàng phân ngôi chủ khách, cùng trịnh Giác Mật ngồi giữa nhà. Mâm rượu đã bày sẵn, và chúa đạo Đà Giang vừa nheo mắt thách thức, vừa đưa tay mời:

Chỉ có một quả bầu cắt đôi, sóng sánh một thứ rượu ngâm và một đĩa thịt nai muối. Trần Nhật Duật không chút ngần ngại, bình thản nhón một miếng thịt, rồi vừa nhai vừa ngửa mặt, cầm gáo rượu, từ từ dốc vào mũi, uống ăn hết sức thành thạo.

Trịnh Giác Mật không kìm giữ được nữa:

- Nghe vua Trần vẫn nói Chiêu Văn Vương chính là hậu thân của các giống Phiên, Man, quả đúng thế chăng?

Trần Nhật Duật khi ấy mới nhìn thẳng vào mắt Giác Mật một hồi lâu, rồi hỏi lại:

- Chúng ta xưa nay vẫn là anh em. Triều đình đối với dân Đà Giang xưa nay vẫn không có điều tiếng gì, cớ sao gây chuyện bất hòa?

Những tiếng kêu nhao nhao khắp nhà:

- Nó là anh em với ta!

- Chúng ta là anh em với nhau thôi!

Dường như chỉ đợi có thế. Trần Nhật Duật nhẹ nhàng vẫy gọi tiểu đồng tới gần. Viên trấn thủ của triều đình tự tay mở tráp, lấy ra những chiếc vòng bạc long lanh sáng trắng, trao tận tay cho từng đầu mục đạo Đà Giang, và chọn riêng cho chúa đạo Đà Giang một chiếc vòng lớn, lồng nguyên một chiếc vuốt cọp!

Những người cầm đầu đạo Đà Giang xa xôi chỉ còn biết sung sướng đón nhận lấy những tặng phẩm kết nghĩa đúng với phong tục cổ truyền của mình...

Tình hình trong nước bấy giờ đã đủ yên ổn để có thể dốc toàn lực cự lại giặc ngoại. Vừa lúc ấy, hoàng đế nhà Nguyên hung hăng điều động một đạo binh mã khổng lồ năm mươi vạn, do chính con trai y là Thoát Hoan làm tổng chỉ huy, chia đường tràn vào Đại Việt.

Quân giặc xâm lược mưu toan từ ba mặt đè bẹp bước Đại Việt. Trên biên giới phía Bắc, hai cánh quân từ mạn Tây và mạn Đông dồn xuống. Liền đó, từ mạn biên giới phía Nam một cánh quân nữa sẽ do chính Chiêm Thành đánh ra. Cả ba cánh quân đều phóng thẳng đến kinh đô Thăng Long: Chúng sẽ hội sư sau khi chiếm thành, bắt sống triều đình nhà Trần ở đấy.

Nước Đại Việt lập tức tung các lực lượng các lực lượng ra để đối phó. Vua Trần thân chinh cùng với các vương hầu, tướng lĩnh chia nhau kéo quân đi các ngả chặn giặc. Ngả phía Tây của mặt trận biên giới phía Bắc được giao trọn cho Chiêu văn Vương Trần Nhật Duật. Vị thân vương này sẽ ra quân trên địa bàn rừng núi quen thuộc, sẽ đánh những trận lớn vào tuổi ba mươi hai của đời làm tướng còn rất trẻ của mình.

Cửa trận đã khép lại, hồi chuông thu quân như còn quyện mãi trong màn sương chiều đang buông nhanh xuống núi rừng.

Những ngọn đuốc nhựa thông đã thắp sáng khu đại trại Thu Vật. Chiêu Văn Vương cởi bộ chiến bào, ngồi nghỉ giữ quân doanh. Cả một ngày đốc quân chặn giặc, bây giờ mới được một lúc thư thái, bộ óc ham suy tính của vị tướng trẻ đã lập tức hoạt động. Liền ngay đó, cái điều ngờ ngợ cảm thấy ở giữa bãi chiến trường lúc

ban ngày đã lớn vụt lên. Tại sao ở ngay trận đánh mở màn hôm nay, quân Nguyên chỉ giao chiến cầm chừng? Mấy lần tung quân kỵ mở đường qua cửa ải bị chặn lại, chúng không nôn nóng liều mạng tràn tới nữa. Cái cung cách tiến đánh như thế rõ ràng có điều khác với những kiến thức mà Nhật Duật đã thu lượm được về quân giặc. Nghe Bảo Văn Hầu kể lại việc năm Nguyên Phong, ở trận Phù Lỗ, vừa nhác thấy quân ta bày trận ở bên kia bờ, giặc Thát bị vướng sông ở bờ bên này đã xô lên, dùng ngay cung tên bắn xuống nước để dò đáy, gặp chỗ nào không thấy tên nổi lên là lập tức phóng ngựa ào qua để tấn công. Thế mà bây giờ quân giặc lại chỉ đánh chắc rời rạc, hẳn là đang còn mưu toan điều gì. Phải chăng chúng còn muốn đưa quân bọc sau quân ta rồi mới hai mặt giáp công?

Một hồi trống hiệu giật gióng gọi tới. Quân canh đưa vào trình một người lính khắp người bết mồ hôi và bụi bặm đường trường. Nhận ra sắc phục lính Thánh Dực, Nhật Duật đã linh cảm ngay một biến cố hệ trọng. Nhưng viên tướng trẻ vẫn không hề đổi sắc mặt, chỉ rướn cặp lông mày dò hỏi. Người lính từ chỗ vua Trần gấp đường tìm đến vội vã trình ngay tình hình: ở mạn Đông của mặt trận biên giới, quân ta do vua Trần và Hưng Đạo Vương chỉ huy đã giao chiến lớn với đại binh của giặc ở Vạn Kiếp. Thế giặc rất mạnh. Và Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Vương đã cho lệnh lui quân để bảo toàn lực lượng...

Truyền cho dẫn người lính Thánh Dực đi nghỉ, Trần Nhật Duật ngồi giữa quân doanh điềm tĩnh tính toán. Đại cuộc như thế, lui quân là phải. Nhưng ở đây, ta và giặc đều mới vào trận. Nhất đán rút đi là việc dễ bị đuổi đánh. Phải có cách lui quân sao cho an toàn...

Suốt đêm đó, rồi cả ngày hôm sau nữa, viên tướng trẻ phụ trách gánh nặng của mặt trận biên giới phía Tây không hề chợp mắt. Nhật Duật căng óc liệu định từng chi tiết trước mắt của cuộc rút quân, cũng như cả những công việc lâu dài về sau.

Nhưng quân lính dưới trướng vẫn chỉ thấy chủ tướng của mình thản nhiên, ung dung như mọi ngày. Và một hôm sau thì tất cả đều đã gọn gẽ, nhẹ nhàng xuống thuyền kín dòng sông Chảy đổ xuôi. Trần Nhật Duật đã quyết định chọn đường sông để hạn chế thế mạnh trên bộ của kẻ địch. Quân ta từ sông Chảy vào sông Lô rồi ra Nhị Hà, về Thăng Long.

Đoàn chu sư của Trần Nhật Duật vừa rút lui được một chặn đường thì đã thấy hậu quân báo lên: Có dấu hiệu giặc đuổi theo! Trần Nhật Duật lên thẳng lầu thuyền cao, nheo mắt nhìn kỹ về phía sau. Cát bụi đang bốc lên ở cả hai bên bờ sông. Quân giặc đúng là đang men theo dọc sông để bám gót quân ta. Những đám bụi quân hành trông mới lờ lững, thung dung làm sao! Đuổi theo quân ta mà sao chúng chậm chạp làm vậy? Mối nghi ngờ lại lóe lên, viên tướng trẻ thận trọng phái ngay mấy chiếc thuyền nhẹ chèo gấp về phía trước dò đường. Quả nhiên, chẳng bao lâu đã có tin báo về: Một cánh quân giặc đã cắt ngang sông ở mạn hạ lưu!

Trần Nhật Duật lục lại trí nhớ, hình dung ra địa thế quanh miền và cân nhắc tình hình rất nhanh. Sau đấy, rất bình tĩnh, viên tướng trẻ hạ lệnh ghé thuyền vào bờ hữu ngạn, rút hết quân lên bộ, nhẹ nhàng tạt vào từng tắt đường rút về phía tây. Cái bẫy quỷ quyệt mà quân giặc dung công giương nên, không ngờ lại để lỗ hỗng tai hại

này!

Nhưng, vừa đưa được quân đội an toàn về đến Bạch Hạc. Trần Nhật Duật đã lại nhận thêm được một tin dữ nữa: Mới ngày hôm qua, sau trận đánh chặn giặc ở bến sông Hồng ngoài thành Thăng Long, đại quân triều đình đã bỏ kinh thành, rút xa hơn nữa về phía Nam về phủ Thiên Trường. Tướng giặc Thoát Hoan đã chiếm tòa kinh đô bảo trống. Và thế là đường về với quân triều đình của Trần Nhật Duật bị giặc chặn ngang ở quãng ấy!

Thử thách đến với đạo quân của viện tướng trẻ tuổi lần này quả là lớn. Trong quân ngũ đã thoáng thấy những ánh mắt lo ngại. Nhưng một mệnh lệnh kiên quyết đã bay ra: Toàn quân sẽ tạt xa nữa về phía Tây, đi xuyên vùng các tộc Phiên Man, vòng qua miền giặc chiếm đóng mà về với đại quân ở Thiên Trường!

Trần Nhật Duật đã cho lệnh triệu ngay các bộ tướng đến dưới trướng. Nhưng trước đó, viên tướng trẻ đã kịp gọi riêng viên đạo sĩ nước Tống, Hứa Tông Đạo bấy lâu nay vẫn cho đi theo quân ngũ dặn dò cặn kẽ:

- Hứa đạo sĩ! Mấy năm nay thu nạp người tài ở dưới trướng, bây giờ mới là lúc ta cần đến ông. Hãy thiết lập một đàn tế trời đất ở ngay bên bờ sông Bạch Hạc này! Ngày mai, trước lúc quân sĩ lên đường, đạo sĩ sẽ là người lo việc làm lễ ăn thề cho toàn quân, để mọi người đều yên lòng theo ta đánh giặc!

Sau đấy, giữa các bộ tướng, Trần Nhật Duật, điềm đạm nói:

- Vận nước gian nan thì mới thấy rõ lòng người. Dẫn quân qua vùng phiên Man để về với triều đình là việc khó khăn mà dễ. Khó vì đường xa hiểm trở. Dễ vì thung thổ ở đây ta đã thuộc như lòng bàn tay. Lại thêm các dân Phiên man năm trước đều đã theo Trịnh Giác Mật một dạ kết liên với triều đình. Vậy chỉ còn cần chư tướng cùng quân sĩ dốc lòng. Ngày mai, Hứa đạo sĩ chủ trì lễ cắt tóc tuyên thệ, nguyện lấy lòng trung để báo ơn vua của tất cả mọi người!

Rút phắt thanh gươm bên sườn, Trần Nhật Duật cắt ngọt ngay một vạt tóc của mình và tiếp tục nói đều đều:

- Kẻ nào trong chúng ta mà đổi dạ thay lòng thì sẽ như mớ tóc này!

Đã qua rồi những ngày gian khổ để chắt chiu chuẩn bị cho thời cơ hưng khởi nức lòng bây giờ. Đạo quân mà Trần Nhật Duật vượt núi rừng đưa được nguyên vẹn về Thiên Trường, nay đã đến lúc tung hoành thỏa chí.

Mấy hôm trước, trong cuộc họp bàn với tướng lĩnh thân cận. Hưng Đạo Vương đã tâu vua Trần cho lệnh bắt đầu phản công, và chọn phòng tuyến của giặc Nguyên xây dựng trên sông hồng làm hướng tiến đánh trước tiên. Vua Trần chấp nhận kế sách ấy. Và hồ hởi nói với mọi người:

- Quân giặc nhiều năm đi xa, quân nhu chở đi vạn dặm, tất rất mệt mọc. Lấy nhàn đổi mệt, trước hết làm mất khí thế của chúng thì nhất định phá được!

Và thế là trận đánh mở màn do chính Quốc Công Tiết Chế chỉ huy, nhằm vào đại đồ A Lỗ của giặc Nguyên đã bùng nổ. Quân ta xung trận với khí thế ngất trời, đánh

tan tác cánh quân trú phòng A Lỗ của tên tướng Vạn Hộ Lưu Thế Anh, buộc tên tướng giặc khét tiếng gian hùng này phải cắm đầu tháo chạy.

Rồi đó, đến lượt Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật! Mục tiêu của trận đánh lớn giao phó cho viên tướng trẻ, chính là cửa Hàm Tử của quân giặc. Nhận được lệnh ra quân, Trần Nhật Duật lập tức cho dàn sẵn binh thuyền. Một mặt, truyền lệnh cho gọi riêng viên tướng Tống Triều Trung đến dưới trướng. Như ngày nào đã giao nhiệm vụ cho đạo sĩ Hứa Tông Đạo trên bến Bạch Hạc, lần này, viện tướng trẻ của nhà Trần cũng lựa lời khích lệ Triệu trung, rồi ghé sát vào tai, thì thầm mật lệnh. Không biết Nhật Duật đã nói những gì mà chỉ thấy cuối cùng, Triệu Trung sáng bừng nét mặt, vòng tay nói thật cảm kích:

- Được một lần sống lại cùng cố quốc như thế, Triệu Trung này dẫu gan óc lầy đất cũng hả lòng!

Triệu Trung vừa đi ra thì Trần Nhật Duật dồn nhanh đội hình tiến quân xông thẳng vào thủy trại của giặc, xung sái cực kỳ dũng mãnh. Chiến thuyền giặc Nguyên gắng gượng chống cự được một chập thì phải giạt dần vào bờ, nhờ quân bộ tiếp cứu. Theo dõi trận đánh, thấy thế trận đã chuyển, Trần Nhật Duật, sau một thoáng cân nhắc, đã vớ ngay chiếc dùi trống trận, thúc một hồi dài. Trao lại dùi trống cho một viên tùy tướng, Nhật Duật nhảy ngay xuống một chiếc thuyền nhẹ, tuốt gươm vẫy quân ồ ạt tràn lên bờ. Đạo quân thiện chiến của Trần Nhật Duật lăn xả vào trận giặc đang bắt đầu rối loạn, công phá dữ dội. Từng đám từng đám xác giặc đổ gục. Chỗ này một tên tướng rống lên, ngã nhào xuống chân ngựa. Chỗ kia, một lá cờ hiệu bị chém rơi, giẫm nát.

Vừa lúc ấy, từ phía sau hàng trận giặc Nguyên cũng xuất hiện một cánh quân lạ. Lá cờ hiệu dẫn đầu cánh quân mang chữ "Tống" cực lớn. Tiếng trống thúc lẫn tiếng quân reo dội tới, nghe cũng lạ tai: Tiếng Tống! Cuối cùng, khi cánh quân đã áp tới gần, đã có thể nhận ra những bóng người mặc toàn sắc phục của quân Tống, thì những loạt tên từ những chiếc cung hai cánh lớn thứ vũ khí lợi hại chỉ riêng những đạo quân cung thủ đặc biệt của Tống triều mới có đã bay như mưa rào vào phía sau hàng trận quân Nguyên.

Một cảnh cực kỳ hỗn loạn chưa từng thấy, diễn ra ngay giữa hàng trận quân giặc. Bị đánh dồn từ hai mặt: Một bên là đạo quân của Trần Nhật Duật vẫn ào ạt xông tới, mạnh như chẻ tre, một bên là cánh quân Tống Triều mà lũ giặc Nguyên kinh hãi rụng rời, tưởng đâu là họ đã khôi phục được quốc triều, mới từ đất Tống kéo sang chi viện cho quân Trần toàn trại binh Nguyên trên cửa Hàm Tử phút chốc vỡ tan, bị giết một phần, còn thì bị bắt vô số.

Hai cánh quân vừa giáp công ở cửa Hàm Tử đã gặp nhau. Tướng Truệu Trung phải, chính là viên gia tướng được thu nạp dưới trướng Trần Nhật Duật, theo mật lệnh của chủ tướng đã cho bộ hạ của mình một phen dùng lại sắc phục của nước mình, góp phần cùng quân Trần đánh tan kẻ thù chung như lời khích lệ của Nhật Duật ngày nào bây giờ tiến thẳng đến trước vị chủ tướng trẻ tuổi mà mưu trí như thần, dâng lá cờ của tướng Nguyên vừa cướp đươc, giữa tiếng reo vui đại thắng của quân sĩ.

Đoàn chiến thuyền lại ken đặc mặt nước đỏ ngầu phù sa, vùn vụt lướt sóng, tiến lên phía trước. Chu sư nhà Trần đang rầm rộ ngược sông hồng về thu phục lại Thăng Long.

Ở chiếc kỳ hạm đi đầu, Trần Nhật Duật đứng thẳng người dưới lá cờ hiệu mang hàng chữ "Chiêu Văn Vương, Trần". Đôi mắt sáng của viên tướng trẻ mở to, bao quát cả một vùng cảnh quan đang trải ra bao la phía trước. Thốt nhiên, từ một điểm lung linh sâu thẳm của ký ức viên tướng trẻ, hiện dần lên cảnh tượng của hơn hai mươi năm trước, cảnh tượng của đoàn thuyền hoàng gia tươi vui, hồ hởi ngược sống trở lại kinh thành, sau trận thắng giặc năm Nguyên Phong. Phải rồi, vẫn đất kia, sông này. Ngày ấy, Thăng Long giải phóng vẫy gọi đoàn thuyền. Bây giờ, Thăng Long cũng đang mong chờ đại quân tiến về giải phóng. Viên tướng trẻ của nhà trần bỗng nhớ lại, rõ mồn một, hình ảnh của Linh từ quốc mẫu và chuyện trên mũi thuyền giữa bà quốc mẫu cùng đứa cháu thơ dại vị hoàng tử nhỏ tuổi mà đã ham hiểu biết.

Tự nhiên, Trần Nhật Duật thấy mình muốn mỉm cười. Nhưng viên tướng trẻ vẫn không quen để lộ cảm xúc ra ngoài nét mặt, mặc dầu trái tim đang rộn lên những nhịp đập tự hào. Từ chỗ phải chạy giặc lần ấy, đến bây giờ, lần này, đã xuất hiện một viên tướng trẻ, đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp bảo vệ đất nước. Ôi, Đất nước, những ngày đắm mình trong giông bão thử thách quyết liệt như thế này, thật đã khiến cho những ai biết gắng sức mình sống cho xứng đáng, đều sẽ vụt lớn bỗng lên, diệu kỳ biết bao.

Trần Quang Khải

Mùa đông năm Thiệu Long thứ nhất có lệnh phong cho hoàng tử thứ ba của vua Trần Thái Tông là Trần Quang Khải, vừa tròn mười tám tuổi, tức Chiêu Minh đại vương.

Mùa xuân năm ấy, người anh thứ hai của Chiêu minh đại vương, vừa tròn mười chín tuổi, cũng đã lên ngôi hoàng đế nước Đại Việt.

Kém vua anh một tuổi, vị đại tướng trẻ từ đấy hiểu rằng sau ngôi hoàng đế thì địa vị thứ nhất của triều đình Đại Việt sẽ được tin cẩn trao vào tay mình. Bất giác, con người sẽ thâu tóm cả quyền bình thiên hạ ấy chợt nhớ lại câu chuyện xảy ra từ thuở mình còn nhỏ: Vị hoàng tử thứ ba của vua Trần Thái Tông vừa mới sinh ra đã mắc chứng bệnh hiểm nghèo, lên cơn kinh giật để rồi sửa soạn lìa bỏ hẳn giòng họ và địa vị quyền quý của mình. Hoàng đế nhà Trần hay tin dữ, hớt hải nhợt nhạt chạy đến nhìn đứa con trai mà vẻ thông minh đĩnh ngộ lồ lộ hiện sớm, khiến nhà vua đã phải nghĩ sẵn đến một tên cho. Luống cuống đảo mắt khắp gian điện lộng lẫy vàng son, chợt nhận ra chiếc áo gấm quý của thượng hoàng đang treo ở gần, hoàng đế nhà Trần vội quơ tay nắm lấy tấm áo mà dứ dứ trước mặt vị hoàng tử tý hon:

- Này, sống dậy đi, ta sẽ cho con cái này...

Rồi lại hấp tấp tháo luôn thanh gươm báu truyền quốc bên người:

- Cả cái này nữa, nào, sống dậy đi!

Thật không ngờ, chú bé tưởng đã sắp bỏ đi bỗng hồi tỉnh. Rồi đó, sau một thời gian thuốc thang chữa chạy thì ở hẳn lại với dòng họ nhà Trần. Còn hoàng đế Trần Thái Tông thì một hôm nghe hoàng hậu vừa âu yếm nựng con vừa nhắc đùa lại câu chuyện dỗ dành hoàng tử của vua cha, đã lúng túng ừ à một hồi, rồi bỗng đột ngột truyền phán:

- Không được! Gươm báu truyền quốc không thể cho bậy được. Chỉ cho chiếc áo của Thượng hoàng thôi!

Hoàng đế và hoàng hậu cùng cười.

Trần Quang Khải cũng mỉm cười khi nhớ lại chuyện đó, Chiêu Minh đại vương vốn có tính vui.

Phủ Tướng quốc thái úy Chiêu Minh đại vương sáng lóa giáo gươm của binh lính canh phòng cẩn mật khắp trong ngoài. Giữa tòa phủ đệ trang nghiêm, Trần Quang Khải chau mày nghe tin cấp báo từ biên giới truyền về: Sứ bộ Đại Việt, do chú họ của vua Trần là Trần Di Ái cầm đầu, năm ngoái được phái sang Nguyên triều điều đình việc bãi miễn yêu sách của vua Nguyên đòi vua Trần phải sang chầu, năm nay đã trở về đến biên giới. Nhưng Di Ái lại trở về cùng với sắc phong của hoàng đế Hốt Tất Liệt nhà Nguyên cho y được làm "An Nam quốc vương" thay cho vua Trần! Một chiếu thư của vua Nguyên gửi vua Trần cũng được chuyển tới:

"Ta đã cho sứ sang vời thì ngươi lại kiếm cớ không đi, chỉ sai chú là Di Ái vào chầu. Ta cũng định cư ngay quân sang đánh, nhưng vì ngươi nội phụng và cống hiếu đã lâu năm rồi, có lẽ nào bắt chước kẻ vô tri để hại uổng tính mệnh dân chúng!

"Vậy ngươi đã cáo bệnh không vào chầu thì cho ngươi được nghỉ mà thuốc thang điều dưỡng luôn! Ta đã lập chú ngươi là Di Ái thay ngươi làm vua nước An Nam, coi trị dân chúng của ngươi".

Chà, quân đốn mạt! Thật đáng giận cho Di Ái, cam tâm làm bù nhìn để vua Nguyên lợi dụng! Trắng trợn và thâm hiểm, Nguyên triều còn lập ngay một "An Nam tuyên úy ti", với tên Sài Thung đương chức Thượng thư bộ lễ của Nguyên triều, nay làm Di Ái sang Đại Việt, nghiễm nhiên nhận việc cai quản xứ này. Lại còn kèm cả một đạo quân năm nghìn người dóng trống mở cờ, gọi là làm nhiệm vụ hộ tống Tân An Nam quốc vương và An Nam tuyên úy sứ đô nguyên soái!

Trần Quang Khải nhíu mày suy nghĩ rất lâu... Trong óc vị đại vương đang gánh vác toàn bộ việc nước trước cơn sóng gió, những con số, những con người lần lượt hiện lên: Năm nghìn quân! Sài Thung! Trần Di Ái!

Năm nghìn quân! Không, đây chưa phải là một lực lượng quân sự đáng kể. Vậy thì cuộc đại xâm lược mà ta đang ráo riết chuẩn bị đối phó vẫn chưa nổ ra. Đây mới chỉ là một thứ áp lực quân sự cho một âm mưu chính trị bạo ngược hơn. Và Sài Thung! Tên Lễ bộ thượng thư mà chẳng có lấy một chút lễ nghĩa này, ta đã từng

mấy lần đương đầu với hắn những năm trước. Lần này, hẳn là hắn sẽ còn già ngông cuồng hơn nhiều nữa. Và Trần Di Ái! Con người tệ hại này mà tách được ra khỏi cái gậy chống là bọn giặc Nguyên thì bù nhìn sẽ đỗ gục như bù nhìn thôi...

Những cân nhắc, phán đoán, tính toán cụ thể diễn ra thật căng thẳng trong khi vị Tướng quốc Thái úy của triều Trần vẫn nhiếu mày, nhìn đăm đăm vào một điểm ở góc án thư. Cho đến khi cả một kế sách đối phó với những âm mưu mới chợt nhận giặc dần dần thành hình, thì Trần Quang Khải mới chợt nhận ra tòa sảnh đường đã chìm trong bóng chiếu, và quân hầu đang nhẹ tay đốt lên một cây đinh liệu ở góc phòng...

Mờ sáng hôm sau, Trần Quang Khải đã rời phủ Tướng quốc vào triều chầu vua. Kế sách chống phá những thủ đoạn lấn lướt mới của nguyên triều đã được định đoạt ngay trong buổi sáng hộm đó. Và vua trần cũng đã trao cho quan tướng quốc trọn quền thực hiện kế sách ấy một kế sách mà cả hai đều thấy có nhiều bộ phận chằng chéo, phức tạp, rất cần phải khôn khéo và kiên quyết ứng xử, kẻo mà chỉ cần trục trặc một chi tiết hỏng vỡ cả đại cục...

Phủ tướng quốc của Trần Quang Khải lập tức sắp đặt lại một lại thể chế đón nhận và tâu trình những tin tức đưa về từ biên giới. Và tướng quốc Thái úy Chiêu Minh đại vương thì luôn đêm ngày ở lại ngay trong tòa sảnh đường để lo liệu mội công việc của cuộc đương đầu rất căng thẳng mà lại cũng thật tế nhị này.

Thoạt tiên, ngựa lưu tinh ướt đẫm mồ hôi đưa tới cửa phủ tin tức về cánh quân phòng vệ biên giới đã dồn một lực lượng mạnh, cải trang thành đủ các hạng bách tính, bất giờ đánh úp đạo quân hộ tống của Sài Thung và Di Ái, vào lúc chúng mới kép sang ngổn ngang hạ trại ở địa đầu đất Việt. Cuộc xung sát quyết liệt nổ ra trong đêm tối, đã làm vỡ tan cả đạo quân năm nghìn người của giặc, vừa chân ướt chân ráo vượt biển, mà vẫn không mảy may phạm tới "Tuyên úy ti" của Sài Thung!

Tiếp đấy, lại có tin đưa về: Bọn Trần Di Ái không bắt sống được, nhưng cũng không thấy mặt mũi trong đám "Tuyên úy ti", mà ở đống loạn thây của giặc thì cũng không tìm ra thi hài...

Trần Quang Khải chau mày, rút trong ống sứ một chiếc thẻ, hạ lệnh phải tìm kiếm ngay bọn Di Ái cho kỳ thấy. Rồi đó, vị tướng quốc chăm chú chờ đợi phần tin hệ trọng nhất viên trung sứ của triều đình đã đón được Sài Thung tiếp tục lên đường đi tới kinh đô đại Việt! Chỉ có điều là tên tướng giặc này cứ lồng lộn hục hặc quá đỗi, y như kẻ quá dại vậy...

- Sài Thung không bỏ về Nguyên triều! Vậy là giặc chưa thể nhất đán có ngay được những hành động quyết liệt để trả đò! Trần Quang Khải reo thầm trong óc như vậy Mà cũng phải thế thôi! Tên tướng giặc này không thể bỏ về để một mình hứng lấy tai ương của sự hỏng vỡ cả một âm mưu mới của Nguyên triều. Nó chỉ còn cách tìm đường vớt vát, gỡ gạc lại những gì đã mất sau đòn phủ đầu linh hoạt mà kiên quyết của ta. Và con đường ấy thì ta đã mở ra cho nó...

Tươi nét mặt, Trần Quang Khải xuống lệnh chuẩn bị phần tiếp theo của kế sách đương đầu với giặc: đón rước Sài Thung ở Thăng Long.

Dẫy quán sứ ở bên kia sông Cái lập tức được sửa sang, trang hoàng lộng lẫy. Nhưng Trần Quang Khải vừa ra lệnh sẵn sàng thuyền xe để sang quán sứ gặp Sài Thung, thì bỗng thấy viên phó tướng đạo quân Thiên Trường chạy đến bẩm việc, mặt đầy sắc giận:

- Tướng giặc Sài Thung vừa thẳng đường một mạch nhập hoàng thành. Quân Thiên Trường đang canh giữ cửa Dương Minh thấy có kẻ ngoài đến phạm, đã lập tức ngăn lại.

Nhưng Sài Thung vô lễ, vẫn hầm hầm xông tới, dùng roi ngựa đánh quân ta bị thương!

Lại một viên phó tướng Thiên Trường nữa xin vào trình.

- Tướng giặc Sài Thung đã phóng ngựa thẳng đến sân điện Tập Hiên rồi mới chịu rời yên cương, hiện đang đứng nghênh ngáo ở thềm điện...

Trần Quang Khải vừa nổi cơn giận đã lại thấy muốn cười về thái độ điên khùng của tên "An Nam tuyên úy sứ đô nguyên soái" bị thất cơ lỡ vận này. Quả là tướng giặc đã bị một đòn quá đau mà không kêu được ở trên biên giới nên phát rồ. Vừa hay, viên trung sứ vẫn đi kèm Sài thung từ biên giới về kinh đô, cũng hớt hải đến phủ tâu trình về việc tướng giặc sinh chuyện phá đám. Trần Quang khải nhẹ nhàn khuyên giải các quan tướng của mình, rồi nhân thể sai phái cắt đặt công việc tiếp ngay:

- Trung sứ mau đi tìm gặp Sài Thung, đón nó về quán sứ, rồi triều đình sẽ tiếp kiến!

- Các phó tướng Thiên trường dẫn ngay quân sĩ, vũ khí tuốt trần, canh giữ các cửa điện thật nghiêm ngặt!

Trước các biện pháp vừa rắn vừa dẻo của Trần Quang Khải, tướng giặc Sài Thung đành lại chịu phép, hậm hực lui về quán sứ. Nhưng đến khi quân canh vào bán tin có Tướng quốc Thái úy Chiêu Minh đại vương thân tới thăm hỏi thì Sài Thung lại nổi cơn khùng. Hắn nằm lì trong phòng, không trả lời.

Trần Quang Khải mỉm cười khi nghe lại tình hình ấy. Vị Tướng quốc Thái úy để đám quân dân hầu ở lại bên ngoài, thủng thẳng bước vào tận buồng của Sài Thung! Tướng giặc hết cách ra gan thì lại chồm ngay dậy, dồn dập chất vấn luôn:

- Ông Tướng quốc Thái úy! Kẻ nào đã ra lệnh cho quân đội xúc phạm tới đạo quân hộ tống của thiên triều ở trên biên giới?

Trần Quang Khải vẫn điềm đạm, đợi bày trà, mời Sài Thung ngồi yên vị rồi mới thong thả trả lời:

- Quan Thượng thư chẳng hay trong người có được mạnh? Tôi đương chức Thái úy của Trần triều mà không ra lệnh này thì còn ai nữa! Nhưng việc ở trên biên giới là như thế nào, sao tôi không rõ?

Trần Quang Khải lại mỉm cười, làm ra vẻ ngạc nhiên hỏi lại Sài Thung.

- Tướng giặc lâm vào cảnh tiến thoái lưỡng nan. Nếu đem việc cả một đạo quân năm nghìn người bất ngờ bị đánh tan trong một đêm ta kể lại cặn kẽ thì thật quá nhục. Mà không nói ra thì tức không chịu nổi.

Cuối cùng, Thung đành lúng túng giữ thể diện:

- Ta thân dẫn sứ bộ sang nước ông, qua chốn núi rừng hiểm trở, phải mang vài tên quân đi hộ vệ. Không ngờ bọn giặc có ở biên giới nhân cơ hội đêm, đổ ra giết mất của ta mấy thằng lính ốm! Sài Thung bỗng lại nổi cáu Ông coi nghề võ bị, lại giữ cả việc nước ở xứ này, vậy mà để xảy ra cơ sự như thế, lỗi không phải nhỏ! Vậy cần mau dâng biểu ta lỗi với thiên triều!

- Chúng tôi sẽ tra xét việc này... Trần Quang Khải vẫn giữ nụ cười điềm đạm trên môi. Thấy tướng giặc tự hạ mức độ nghiêm trọng của sự kiện vừa xảy ra ở biên giới, và nhất là thấy hắn chịu lờ việc đem theo cả một "An Nam tuyên úy ti" sang Đại Việt mà chỉ trở lại danh nghĩa đi sứ, vị tướng quốc Thái úy đã sáng ý nhận ra ngay cái thế thắng của mình. Và thấy không cần phải nệ vào nghi thức nữa. Vâng, chúng tôi sẽ tâu quốc vương để Người làm biểu trình với thiên triều về việc này...

Giúp Sài Thung gỡ được trách nhiệm và thể diện rồi, Trần Quang Khải vẫn thấy cần phải nói khéo cho y biết ý chí của quân dân Đại Việt:

- Dân nước chúng tôi vốn trọng chủ quyền. Thấy người lạ vào cõi mà không có ý hiếu hảo là họ liều chết đánh ngay. Xin quan Thượng thư cẩn thận điều đó...

Cuộc giao tiếp giữa đôi bên, từ chỗ chông chênh chủng chẳng, dần dần lấy lại dáng vẻ bình thường. Và Trần Quang Khải, khi cương khi nhu, đã áp đảo hẳn Sài Thung, khiến cho tướng giặc không sao thi thố nổi một yêu sách nào nữa, cho đến khi hắn phải trở về Nguyên triều. Nhưng giữa lúc ma vị Tướng quốc Thái úy đang soát lại công việc mở đại yến tiễn đưa sứ giả nhà Nguyên, thì có tin Trần Di Ái cùng bộ sâu đã lẩn trốn từ biên giới về đến kinh thành. Trần Quang Khải buông ngay cây bút cầm tay xuống mặt án thư, làm tờ giấy trắng vân hoa vương thẫm một vệt mực tối. Vò tờ giấy trong tay, vị Tướng quốc Thái úy ra lệnh:

- Vậy giữ phủ đệ của Di Ái cho cẩn mật. Không để một ai ra vào một bước. Tội hám lợi mà theo giặc thì dù là chú vua cũng phải trừng trị.

Trần Quang Khải lại trải một tờ giấy hoa mới lên án thư và cầm lấy bút. Bài thơ thù tiếp sứ giả Nguyên triều, nghĩ sẵn từ mấy đêm nay để sẽ tặng cho Sài Thung trong tiệc yến tiễn biệt, bây giờ theo đà tay của vị Tướng quốc văn võ kiêm toàn, bay múa trên mặt giấy:

Tống quân quy khứ độc bàng hoàng

Mã thủ xâm xâm chỉ để hương

Nam Bắc tâm tình huyền phản bái

Chủ tâm đạo vị phiến ly tràng

Nhất đàm tiểu khoảnh ta phân duệ

Công xướng thú gian tích đối sàng.

Vị thẩm hà thời trùng địch diện

Ân cần ác thủ tự huyên hương

- Để cho người Nguyên thấy rõ tình ý của người Việt ngày cả khi đương đầu với kẻ thù cũng là như thế!

Trần Quang Khải đọc lướt lại bài thơ và nghĩ như vậy!

Cuộc đương đầu với kẻ thù xâm lược đã từ địa hạt ngoại giao chuyển sang lĩnh vực quân sự. Cuộc chiến tranh ác liệt mà triều đình nhà Trần, đứng đầu là Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải, cố sức trì hoãn để tranh thủ thời gian chuẩn bị đối phó, cuối cùng đã nổ ra, ba năm sau khi âm mưu thiết lập "An nam tuyên úy ti" của Sài Thung bị thất bại.

Có chiến tranh, mọi việc đều sắp xếp lại. Trần Quang Khải, do uy tín càng lớn bởi những công tích lập được trong suốt thời gian chuẩn bị đối phó với chiến tranh, đã được thăng đến chức Thượng tướng Thái sư, vẫn là người đứng đầu triều đình nhà Trần. Nhưng riêng việc quân đội thì cần phải chuyển sang cho nhà quân sự thiên tài Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn giữ quyền Tiết chế, để cho người đứng đầu triều đình có thể rảnh tay gánh vác thêm những công việc bề bộn của một triều đình kháng chiến.

Tuy nhiên, việc đánh giặc vẫn là công việc lớn nhất trong chiến tranh. Giặc Nguyên đã mở tới ba trận, để từ ba phía đông bắc, tây bắc và chính nam dồn lại chiếm kinh đô Thăng Long ép đánh quân ta. Và quân ta cũng đã tung lực lượng ra cản giặc ở cả trên ba mặt trận ấy. Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật đã mang đại quân đi dự trận ở các mạn đông bắc và tây bắc. Còn mặt trận phía nam thì chính Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải phải gánh vác thêm, cùng với những công việc triều chính hàng ngày của mình.

Sau gần nửa năm trường gối đất nằm sương, tiến lui quần thảo, Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải đã cùng với quân đội nhà Trần trên các mặt trận khác, phá được cái thế tiến công hùng hổ của kẻ thù, giành lấy quyền phản công chiến lược cho quân ta. Và loạt trận đánh quyết định số phận giặc Nguyên là nhằm vào phòng tuyến dọc sông Cái ở phía Nam tổng hành dinh Thăng Long của chúng.

Giữa quân doanh Thiên Trường của nhà Trần, những tướng lĩnh trụ cột của cuộc kháng chiến: Trần Quốc Tuấn, Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải... đang vào cuộc họp bàn quân cơ tối mật cùng với hoàng đế nhà Trần. Vua Trần gửi gắm tất cả niềm tin vào cặp mắt đang thong thả nhìn một lượt các vị tướng lĩnh tài ba của mình, rồi nhẹ nhàng nói điều nhận xét lớn:

- Quân giặc nhiều năm đi xa, quân nhu chở chuyên vạn dặm, thế tất mỏi mệt. Lấy quân sung sức đánh với quân mệt nhọc, trước hết làm mất khí thế của chúng, tất sẽ phá tan được!

Để triển khai ý đồ làm mất khí thế của giặc, ba trận đánh lớn, mở màn cho cuộc

tổng phản công chiến lược đã được quyết định ngay sau đấy, Hưng Đạo vương Quốc Tuấn sẽ đánh đại đồn A Lỗ trước tiên. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đánh tiếp vào cửa Hàm Tử. Rồi đó, căn cứ Chương Dương sát phía nam kinh thành Thăng Long là phần của Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải.

Nhận trận Chương Dương, thượng tướng thái sư Trần Quang Khải được nhận thêm về dưới trướng mình viên tướng trẻ nổi tiếng kiêu hùng: Hoài văn hầu Trần Quốc Toản. Trung thành vương cùng đạo quân bản bộ của vương cũng sẽ thuộc quyền, điều đáng mừng nữa là các đạo dân binh ở đủ các miền quanh Thăng Long, nghe tin đại quân sắp đánh lớn, cũng đã rầm rập kép đến xin được phối thuộc. Trần Thông, rồi anh em Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn truyền, đã đem về dưới trướng Thượng tướng Thái sư hàng vạn tay giáo mác cung nỏ trong dân gian.

Hết sức cảm kích, vị chủ tướng trận Chương Dương cố nén nỗi vui mừng, thận trọng tính toán kế sách điều binh khiển tướng, quyết giành phần thắng to cho quân ta trong trận đánh quyết định cả đại cục này.

Những đội quân tế tác được tung đi trước đến Chương Dương đã lần lượt trở về trình việc. Và Trần Quang Khải đã hình dung ra đầy đủ thế trận của giặc trước mắt mình:

Căn cứ Chương Dương có một thủy trại với một đạo binh thuyền khổng lồ để vừa bảo vệ mạn nam kinh thành Thăng Long mà thái tử Thoát Hoan của nhà Nguyên đang đóng tổng hành dinh, lại vừa liên lạc ứng chiến cùng các thủy trại Hàm Tử, Tây Kết, A Lỗ suốt dọc sông Cái. Thủy trại của giặc lại dựa vào hệ thống đồn lũy của cánh quân Kỵ bộ đóng sát trên bờ, sẵn sàng ứng cứu lẫn nhau khi xảy ra động dụng. Chương Dương như vậy là một căn cứ thủy bộ lợi hại của giặc. Và cái thế ỷ giốc của căn cứ này với tổng hành dinh Thăng Long của giặc ở phía trên, lại khiến nó dễ dành nhận thêm sự chi viện của đạo kỵ binh chủ lực của Thoát Hoan đóng thường trực ở trên ấy, cùng với cả hệ thống đồn trại của giặc bao quanh Thăng Long ở các mạn khác nữa.

Trần Quang Khải căng óc suy nghĩ rất linh. Đánh vào Chương Dương như vậy là rung thẳng vào cả một mạng lưới phòng thủ liên hoàn của giặc, với quân số mới điều tra được là mười vạn, và gồm đủ các loại quân hiệu, dồn lại ở quanh Thăng Long. Vậy nên, trước tiên phải có cách làm tê liệt những hoạt động ứng cứu của màng lưới đồn trại giặc đã! Và nhân đấy mà buộc Thoát Hoan phải xẻ chủ lực của hắn, chia ra các ngả để đối phó với ta...

Trần Quang Khải cho triệu ngay những người cầm đầu các đạo dân binh quanh miền đến quân doanh. Chuyển những tấm phù cho từng người kể cả những người đang nắm trong tay hàng vạn dân binh như Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn truyền mà bây giờ vị Thượng tướng Thái sư mới biết mặt biết tên, Trần Quang Khải vui vẻ khích lệ họ, rồi trao nhiệm vụ để cho ai ở đâu thì mau trở về nấy. Cùng với các đạo dân bình của mình, họ sẽ phải nhằm vào tất cả các đồn trại của giặc ở vòng ngoài mà đánh phá.

Nhìn các viên tướng dân binh hồ hởi kéo nhau đi, Trần Quang Khải xúc động tận

đáy lòng. Những con người ấy, phú quý vinh hoa, thường ngày chẳng bao giờ được hưởng, vậy mà khi vận nước cần đến thì họ tận tụy dốc lòng dốc sức đến như vậy! Và vị Thượng tướng Thái sư càng thấy trong người phấn chấn: Ngay từ khi giặc Nguyên chưa vào cõi, đề chuẩn bị chống giặc, chính Chiêu Minh đại vương là người đã chủ trương nương cậy vào những lực lượng dân binh này!

Chẳng bao lâu, tin vui đã từ các ngả bay về quân doanh: Giặc Nguyên ở cả nam bắc, đông tây đều đang bị đánh tới tấp. Mạng lưới phòng thủ của chúng như thế là đã bị ghìm ngay tại chỗ mà rung lên bần bật rồi!

Nhưng Thoát Hoan vẫn ngồi in ở Thăng Long. Chỉ nơi nào nguy cấp lắm, y mới phóng ra một đạo quân ứng cứu nhỏ. Vị chủ tướng trận Chương Dương khẽ cười gằn:

- Thằng giặc cáo già này còn chưa biết miếng đòn chính của ta sẽ giáng vào đâu, nên còn rình rập. Được, ta sẽ cho ngươi biết ngay!

Đạo quân tinh nhuệ của Hoài văn hầu Trần Quốc Toản bấy lâu bị buộc phải im hơi lặng tiếng, bây giờ được lệnh cùng viên tướng trẻ tuổi dũng mãnh của mình, bất ngờ đánh thẳng vào ngay Chương Dương. Từ cả hai mặt thủy bộ, quân ta hùng dũng xuất trận dưới bóng lá cờ lệnh của Thượng tướng Thái sư tung bay phần phật. Thân chinh đốc chiến trận ấy, Trần Quang Khải hởi lòng hởi dạ chứng kiến cảnh tượng quân ta như một cơn lốc dữ dội, lao vào thủy trại giặc. Khí thế ngất trời của cả một đạo quân tinh luyện, dốc lòng xả thân vì sự nghiệp và vì vị chủ tướng anh minh mà họ hằng tin phục, lập tức tạo ngay thế áp đảo cho quân ta. Những chiếc thuyền chiến đồ sộ của quân Nguyên bị đốt cháy, bị đánh chìm, ngổn ngang quay cuồng trên dòng nước mênh mang ngầu đỏ. Và xác giặc, cùng lều trại của chúng, nối nhau đổ gục, tan tành. Những hồi trống trận hùng tráng từ chính tay Thượng tướng Thái sư tung vào trận đánh ác liệt, chỉ ngừng tiếng thúc giục khi toàn bộ căn cứ Chương Dương đã bị quân ta đánh chiếm.

Những người dự trận Chương Dương nô nức đón mừng vị chủ tướng của mình tiến vào căn cứ vừa bị mất của giặc, giữa những tiếng reo hò thắng trận rền vang. Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải nét mặt rạng rỡ, vẫn không cho phép khao quân như mọi lần, mà lại hạ lệnh dàn quân bày trận tiếp ngay. Trước vẻ ngơ ngác của tướng sĩ, Trần Quang Khải nói rõ ý định của mình:

- Phải nhân đà này mà lập tiếp hai chiến tích nữa: Tiêu diệt đạo kỵ binh chủ lực của Thoát Hoan và thu phục lại kinh thành Thăng Long.

Hiểu ra ý định linh hoạt và kiên quyết của chủ tướng, các tướng sĩ thấy đều nô nức theo lệnh điều động ngay. Những cánh quân câu liêm và giáo trường kéo ra dọc đường cái mai phục thành một tuyến dài, người nấp kín dưới các hố sâu đào cấp tốc cạnh đường, người dấu mình trong các lùm cây vèn làng. Những cánh quân cung thủ dàn trận ở phía sau, sẵn sàng những bao tên độc và những cánh nỏ cứng.

Trong khi đó, rút một cây lệnh tiễn, Trần Quang Khải sai quân xích hầu truyền lệnh cho đạo binh của Trung thành vương đang đóng ở phía tây Thăng Long mau ra quân ngay theo kế đã dặn. Đồng thời, dũng tướng Trần Quốc Toản cũng được lệnh

chỉnh đốn binh thuyền, ngược sông đi luôn.

Một thế trận lợi hại của một tài năng quân sự lỗi lạc đang triển khai. Và tướng giặc Thoát Hoan đã mắc ngay miếng đòn chính của đối phương là ở chỗ này, chủ tướng giặc Nguyên vội dẫn toàn bộ đạo ky binh chủ lực của y từ Thăng Long đi ứng cứu ngay. Nhưng những tên kỵ thủ của giặc đang hùng hổ phóng ngựa trên đường xung trận thì đã vấp phải những cánh quân mai phục do chính Trần Quang Khải chỉ huy. Pháo lệnh nổ rền trời. Loa trận vang vang hiệu lệnh tiến lui của Thượng tướng Thái sư. Theo lệnh ấy, giáo đài xỉa ngang, câu liêm móc chân ngựa quân ta đã đánh ngã ngổn ngang những con chiến mã lợi hại của giặc. Những tên kỵ thủ văng ra khỏi yên ngựa, chưa kịp gượng dậy, đã bị ngay những mũi tên độc ghim xuyên cổ, lút ngực!

Lần đầu tiên, sức mạnh ghê gớm nhất của giặc Nguyên đụng phải Trần Quang Khải và bị đánh gục ngay giữa chiến trường. Nhưng lũ kỵ binh giặc tan vỡ trước. Chương Dương đang tìm cách lẻn về Thăng Long, thì tin dữ lại bay đến: Quân bộ của Trung Thành vương và quân thủy của Hoài Văn hầu đã xuất kỳ bất ý chia làm hai mũi tràn vào Thăng Long, nhân lúc tổng hành dinh quân Nguyên bị rỗng mất đạo kỵ binh chủ lực! Phút chốc, mười vạn quân giặc kinh hoảng tan tành, mạnh ai nấy chạy. Thoát Hoan chỉ còn một dúm quân mê man cắm đầu theo chủ tướng tháo chạy sang mạn bắc sông Hồng.

Trận đại thắng Chương Dương đã mở đường cho quân ta tiến nhanh đến thắng lợi cuối cùng, quét sạch giặc Nguyên ra khỏi bờ cõi.

Kinh thành được thu phục, Thượng tướng Thái sự Trần Quang Khải hồ hởi mời đón vua Trần cùng triều đình trở lại Thăng Long. Tiệc mừng chiến thắng vui đến nổ trời. Quân dân tướng sĩ reo hò tưởng đén vỡ giọng. Giữa cảnh tượng nức lòng người ấy, Trần Quang Khải cảm động đón lấy chén rượu mừng công sóng sánh men say của vua Trần ban tặng, và xin phép đọc bài thơ cảm khái vừa hoàn thành.

Phút chốc, chiêng trống lặng im. Reo hò ngừng bật. Núi sông lắng nghe và âm vọng mãi mãi lời thơ sang sảng của vị Thượng tướng Thái sư anh hùng tài trí:

"Đoạt sáo Chương Dương độ

Cầm Hồ Hàm Tử quan

Thái bình tu nỗ lực

Vạn cổ thứ giang san!"

Vì non nước này muôn thuở mà khi gian khổ chinh chiến cũng như lúc hưởng thái bình, mọi người đều phải luôn gắng hết sức mình!

Những ngày sôi nổi cướp giáo, bắt thù ở Chương Dương Hàm Tử còn để lại mãi những hình ảnh lẫm liệt của nó trong tâm khảm Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải.

Vị Thượng tướng Thái sư của nhà Trần hôm nay tạm rời việc triều chính bộn bề, để về Thiên trường dưỡng bệnh. Đã lâu rồi, khu vườn Phúc Hưng xinh xắn của thái

ấp Chiêu Minh đại vương mới lại được thấy bóng chủ nhân. Những bụi trúc, nhành mai, sau tiết đại hàn càng long lanh hương sắc bên dòng nước quanh co lượn khắp khu vườn.

Rời bàn trà tiễn mấy cụ bô lão trong làng vừa kép đến thăm người ở kinh đô mới về nghỉ ngơi thái ấp, Trần Quang Khải vui chân đi dạo một lượt khắp khu vườn cũ. Trận mưa đêm qua đã làm đổ nghiêng mất giàn thuốc nam trồng thử ở góc vườn. Trần Quang Khải vừa rảo bước, vừa vội vã lớn tiếng gọi tiểu đồng sửa mau lại giàn cây. Nhìn mấy đứa trẻ ăn mặc sặc sỡ, lọn tóc trái đào nhảy nhót, hấp tấp chạy ùa đến góc vườn, Chiêu Minh đại vương bỗng thấy dấy lên một niềm vui không duyên cớ. Để mặc lũ tiểu đồng với những cây thuốc, Thượng tướng Thái sư quay trở về thư phòng đặt ở chính giữa vườn Phúc Hưng.

Trên án thư, tập thơ Lạc Đạo từ hôm trước vẫn mở nguyên. Bài thơ tám câu bảy chữ đang làm dở còn chờ đó:

"Phúc Hưng ngòi nước chảy quanh qua

Vườn rộng phẳng phiu mấy mẫu lành

Tam tuyết, chòm mai hoa lấp lánh

Cuốn mây, bụi trúc ngọc biếc xanh...

Trần Quang Khải đọc lại những câu thơ chưa hoàn thành. Cảnh tượng vừa thấy trong vườn Phúc Hưng gợi tiếp ngay một tứ thơ mới, giục giã nhà thơ mau nối tiếp những vần dang dở:

"Nắng đến, mời khách pha trà nhấp

Mưa tạnh, sai đồng đỡ thuốc nhanh!...

Vị thượng tướng Thái sư mỉm cười, ngả người trên sập, tính vui cố hữu lại có dịp trỗi dậy. Khẽ nhắm mắt lại, để mặc cho bộ óc mẫn tiệp suy nghĩ lan man, Trần Quang Khải cảm thấy trong lòng nhẹ nhàng, yên tĩnh. Sau những năm sóng gió, vận nước đã trở lại vững vàng hơn bao giờ hết. Một ý thơ nữa lại đến. Và Trần Quang Khải vặt tay lên trán, lẩm nhẩm đọc lên những câu kết của bài thơ thế là đã làm trọn:

"Trông vọng về Nam yên khói lửa

Nằm khểnh trên giường ngủ giấc thanh!"

Trần Quang Khải lại mơ màng mỉm cười. Phải, nhà chính trị, vị tướng và nhà thơ Trần Quang Khải chỉ có thể để cho mình được ngủ yên một giấc, khi mà đất nước đã sạch bóng thù.

Phạm Ngũ Lão

Lần thứ ba, trên đất nước Đại Việt anh hùng, vó ngựa viễn chinh giặc Mông Cổ bị quật gẫy.

Tháng ba, trời nắng đột ngột. Hơi lạnh như còn rơi rớt trong đám mây trắng lẩn quất trên ngọn núi. Từ ải Nội Bàng đến biên giời phía bắc, đường hiểm trở. Địa thế ở đây đối với tên tướng giặc Thoát Hoan trên đường chạy tháo thân, hiên ra như lưới trời khó thoát. Chuyện chết hụt, phải chui vào ống đồng cách đây ba năm về trước trên mảnh đất này Thoát Hoan còn nhớ rành rành. Lần này, hắn vẫn nhớ kỹ lời vua cha dặn trước khi xuất quân xâm lược Đại Việt: "Chớ thấy nước Giao Chỉ bé nhỏ mà khinh thường". Nắm trong tay ba mươi vạn quân, năm trăm chiến thuyền, Thoát Hoan chia hai đường thủy bộ tiến vào Đại Việt. Hùng hổ mà chật vật, hai tháng sai tên tướng giặc mới vào được kinh đô Thăng Long. Nhưng rồi sống nơm nớp trong một tòa thành trống rỗng, thiếu lương ăn, thuyền vận lương bị đánh đắm trên sông Bạch Đằng, lại bị uy hiếp bốn bề, cơ thất bại đã rành rành đối với hắn. Đất trời Đại Việt không dung tha quân cướp nước. Người dân Đại Việt quyết tâm tiêu diệt quân xâm lược. Rất nhanh chóng, ba mươi mốt ngày sau. Thoát Hoan và quân tướng phải bỏ Thăng Long, vừa chống đỡ vừa chạy về Vạn Kiếp. Theo Thoát Hoan: "Ở đây nóng nực, ẩm thấp, lương hết, quân mệt", hắn kéo quân về. Nhưng làm thế nào để thoát chết trên đường rút chạy?

Từ Vạn Kiếp, tên tướng chỉ huy thủy quân Ô Mã Nhi, tham tri chính sự Phàn Tiếp và Vạn Hộ thủy quân Trương Ngọc dẫn đoàn chu sư theo đường sông Bạch Đằng về nước. Thoát Hoan vẫn lo thủy quân rút lui không an toàn. Còn hắn cùng bè lũ Bình Chương Chinh Sự Áo lỗ xích, Hữu Thừa A bát xích, Tích đô nhi, Vạn Hộ Đáp lạt xích, Trương Quân, Lưu Thế Anh... Nát óc tìm đường bộ an toàn rút ra khỏi nước Đại Việt. Núi rừng trùng điệp. Để sang biên giới, đường lớn, đường tắt có nhiều, nhung không có đường cho chúng đi. Khắp các ngả đều có quân mai phục.

Sau một chuỗi ngày lo lắng khiếp sợ đến mất ăn mất ngủ, Thoát Hoan vừa chớp mắt trong lều tướng. Cái nắng của một ngày cuối xuâu đầu hạ, lại thêm hơi ấm của núi rừng, càng làm cho Thoát Hoan rời rã. Tin cấp báo của tên do thám đem về khiến Thoát Hoan chồm dậy. Luôn luôn nắm chặt thanh kiếm tuốt trần để hộ thân, mặc dù sống giữa bầy vệ sĩ, vẫn là thói quen của Thoát Hoan từ khi hắn đặt chân trên đất Đại Việt. Bình Chương Chính Sự Áo lỗ xích bước vào. Thoát Hoan gượng cười, giữ bình tĩnh:

- Trên đường quân ta đi liệu có gặp trở ngại không?

- Tâu đại vương, tiền quân của Hữu Thừa A bát xích báo về: Trên đường phía tây về ải Hàm Sa có quân Giao Chỉ do điện tiền Phạm Ngũ Lão chỉ huy mai phục dày đặc.

- Sao? Lại Điện tiền Phạm Ngũ Lão à?

Thoát Hoan chột dạ. Viên tướng mang tên Phạm Ngũ Lão trước đây đã làm hắn chết hụt phải chui vào ống đồng nay lại xuất hiện ở đây ư? Thoát Hoan hỏi lại:

- Có phải Phạm Ngũ Lão đã giao chiến với quân ta ở Chương Dương, phục kích quân ta ở sông Sách rồi truy kích quân ta trước đây không?

- Tâu đại vương, viên hổ tướng ấy nay lại xuất hiện và rải quân từ Chi Lăng đến

biên giới.

Thoát Hoan trợn trừng đôi mắt. Một mưu toan nham hiểm vụt nảy ra trong đầu tên bại tướng quỷ quyệt. Hắn vội ra lệnh:

- Giao cho Tích đô nhi dẫn một cách quân rút theo đường phía tây, còn ta dẫn đại quân theo đường phía đông, qua ải Nội Bàng, hẹn cùng gặp ở Tư Minh.

Đẩy tay chân đi đường đầu với viên hổ tướng họ Phạm, Thoát Hoan hy vọng sẽ được an toàn rút về nước. Hắn đã nhầm!

Trong lúc quân tướng, ngựa nghẽo của Thoát Hoan hốt hoảng ậm ạch trên đường rút về Tư Minh thì suốt một dải đất dài trăm dặm từ Nội Bàng, đến ái Nữ Nhi, Khâu cấp, cả các ngả đường tắt chạy sang biên giới, hàng chục vạn quân gồm chính binh, gia binh, dân binh dưới quyền chỉ huy của Phạm Ngũ Lão và các vương hầu đã chia nhau mai phục các nơi hiểu yếu để đợi chúng.

Đại quân của Phạm Ngũ Lão phục ở vùng ải Nội Bàng. Trong những ngày đợi giặc, các trại quân vui như hội. Được lệnh của Phạm Ngũ Lão, khi chưa có giặc, quân lính tha hồ vui chơi tại chỗ, đến lúc gặp giặc phải quyết tâm sống mái với giặc đến cùng.

Chẳng phải ở đây, mà ở đâu và lúc náo cũng thế, viên tướng trẻ ngoài ba mươi tuổi ấy ân ở với quân sĩ như anh em, trước và sau buổi lâm trận đều vui đùa với quân lính như bè bạn. Hôm nay, sau khi họp tướng lĩnh, Phạm Ngũ Lão trở về với đại quân của mình giữa lúc tiếng hát trống quân đang nhịp nhàng vang lên trong rừng rậm. Vừa thấy Phạm Ngũ Lão, mọi người chạy lại vây quanh chủ tướng reo lên:

- Xin mới Phạm tướng quân hát.

Phạm Ngũ Lão xuống ngựa, hăm hở.

- Nào!

Nhưng rồi cánh tay lực lưỡng đã từng múa giáp cả ngày không biết mỏi của Phạm Ngũ Lão giơ cao, bàn tay xua mềm mại:

- Khoan! Ta còn có chuyện vui hơn hát trống quân nhiều.

Ai nấy yên lặng.

- Ta báo cho các ngươi biết tin thắng trận. Toàn bộ thủy quân của Ô Mã Nhi bị quân ta đánh tan tác trên sông Bạch Đằng. Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp bị bắt sống, Trương Ngọc bị chết tại trận. Thoát Hoan sắp dẫn quân bộ qua đây. Hãy đình chỉ mọi cuộc vui đùa. Đánh tan quân Thoát Hoan, ta sẽ thi hát trống quân và đấu vật với các ngươi!

Trong chốc lát từ những lùm cây rậm rạp hai bên sườn núi, nấp sau mỏm đá, cung tên lắp sẵn, gươm giáp sáng lòe hướng xuống con đường độc đạo ngoằn ngoèo. Từ vị trí chỉ huy, Phạam Ngũ Lão đứng nhìn bao quát chiến địa. Cỏ cây phủ kín đồi núi như một bức tranh xanh không điều màu. Những mỏm đá xám xịt, nhấp nhô trên sườn núi đã bắt đầu nhuộm nắng, Phạm Ngũ Lão chú ý quan sát mà không tài nào phát hiện được dấu vết của quân mai phục. Viên tướng trẻ rất hài lòng.

Ba năm trước đây, trên chiến trường này, Phạm Ngũ Lão đã góp phần đánh cho Thoát Hoan không còn mảnh giáp. Uy danh của đội quân do Phạm Ngũ Lão chỉ huy đã làm cho quân thù khiếp sợ. Chúng sợ đến nỗi chỉ cần nghe nói quân của Điện Tiền Phạm Ngũ Lão là đã vội bỏ chạy. Biết rõ tài Phạm Ngũ Lão, lần này Hưng Đạo Vương lại giao cho ông chặn giặc ở ải Nội Bàng Thoát Hoan hoảng sợ tìm đường tránh viên hổ tướng họ Phạm. Nhưng hắn sẽ không ngờ, Phạm ngũ lão có mặt ở Nội Bàng chứ không ở mạn Chi Lăng như tin quân do thám của hắn nắm được. Và giờ đây tiền quân của Thoát Hoan đã đến Nội Bàng.

Ngồi trên lưng ngựa, trước sau đều có vệ sĩ dũng mãnh che đỡ. Thoát Hoan âm ạch đi giữa đoàn quân. Bè lũ lâu la tướng tá chia quân đi tiền phong, tấp hậu nối nhau dài dằng đặc. Ải Nội Bàng vẫn yên tĩnh. Thoát Hoan thở phào nhẹ nhõm, thúc quân gấp rút vượt qua cửa ải.

Khi cánh quân cuối cùng đã lọt vào đất Nội Bàng, một tiếng pháp lệnh xé trời. Từng loạt tên tẩm thuốc độc từ các lùm cây, hốc đá hai bên đường vun vút bay ra. Tiếp theo, quân lính gươm giáo tuốt trần ào ào xông tơ như vũ bão. Ngọc cờ đại mang chữ "Phạm" học của Điện tiền tướng quân Phạm Lão, phất phới tung hoành trên đất ải. Trong khoảnh khắc, đại quân của Thoát Hoan bị cắt ta làm nhiều đoạn. Không ngờ lại gặp viên tướng họ Phạm trên mảnh đất này, Thoát Hoan hối hoảng. Hắn muốn nhanh chóng thoát khỏi tình trạng nguy khốn. Nhưng không được, tiền quân đã bị đập nát. Ngựa chiến tiếp nhau sa xuống, hậu quân không tiến lên được. Giặc muốn rút nhanh, Phạm Ngũ Lão truyền cho quân sĩ phải kìm chúng lại để tiêu diệt. Thoát Hoan định trốn nợ, phải bắt hắn đền nợ máu. Bị chết hụt lần trước, Thoát Hoan chưa từ bỏ âm mưu thôn tính Đại Việt, lần này hắn sẽ biết. Không thể dừng lại trên mảnh đất chết này được, Thoát Hoan truyền lệnh cho Vạn Hộ Đáp lạt xích và Lưu Thế Anh phải mở đường máu đưa quân thoát ra khỏi ải Nội Bàng. Vừa dẫn tàn quân ra khỏi ải đã nghe quân của Phạm Ngũ Lão đã đóng ở cửa ải Nữ Nhi và núi Khâu Cấp, Thoát Hoan vội hạ lệnh quay theo đường qua huyện Đơn Kỷ về Lộc Châu chạy tắt sang biên giới. Nhưng khắp các ngả, chúng đều bị chặn đánh. Quân bị tiêu diệt, tướng bị thương, tên Hữu Thừa A bát xích bị trúng tên độc, chết tại trận. Thoát Hoan phải trà trộn vào đắm tàn quân tan tác, tơi tả về nước để không dám đặt chân lên đất này nữa.

Đây là lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng, đoàn quân viễn chinh của giặc Mông Cổ bị đánh bật ra khỏi đất Đại Việt.

Sau hai lần tôi luyện trong khói lửa, tham gia chống giặc giữ nước, Phạm Ngũ Lão con người đã từng ngâm bài thơ lập chí bất tử:

"Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu

Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu

Nam nhi vị liễu công danh trái

Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu

(Múa giáo non sông trải mấy thâu

Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu

Công danh nam tử còn vương nợ

Luốn thẹn tại nghe chuyện Vũ Hầu)

Đã trở thành vị danh tướng.

Những năm về sau, nhiều lần giặc ngoại xâm từ phương tây, phương Nam tới, Phạm Ngũ Lão lại có dịp đem tài sức để giữ gìn bờ cõi. Các năm Hưng Long thứ hai (1294), thứ năm (1297), Thứ chín (1201) triều Anh Tông, Phạm Ngũ Lão đã từng cự giặc phong kiến Ai Lao thắng lợi, được nhà vua ban cho kim phù, vân phù, quy phù. Năm Hưng Long thứ mười (1302) ông dẹp nội loạn được ban hổ phù. Đến năm Đại Khánh thứ năm (1318) trước khi mất hai năm, Phạm Ngũ Lão còn tham gia chống giặc phong kiến Chiêm Thành thắng lợi, được nhà vua ban cho binh phù hình phi ngư. Năm Đại Khánh thứ bảy (1320) triều Minh Tông, Phạm Ngũ Lão mất tại Thăng Long thọ sáu mươi sáu tuổi. Tên tuổi của ông mãi mãi ngời sáng cùng với chiến công oanh liệt của nhà dân Đại Việt trong cuộc đấi tranh giữ nước hồi cuối thế kỷ mười ba.

Không đợi đến khi được triều đình giao cho cầm quân giết giặc, mà cuộc đời của vị danh tướng họ Phạm đã là những trang tuyệt đẹo từ khi còn là cậu bé mồ côi ở làng Phù Ủng.

Ẩn mình sau lũy tre, làng Phù Ủng nổi lên giữa một dải đất quanh năm bốn bề ngập nước. Ngoài công việc đồng áng, người dân Phù Ủng còn thường xuyên làm nghề đánh cá, đan lát, và chợ búa. Cuộc sống ở đây gần như bình dị, thầm lặng.

Từ mấy hôm nay, cái làng nho nhỏ gần quan lô mà xa kinh thành ấy bỗng rộn rịp hẳn lên. Người ta nô nức sửa soạn đón quan tân khoa Nguyễn Công Tiến vinh quy về làng. Rồi đó, quan tân khoa mũ áo, tàn quạt, võng lọng trở về. Người dân Phù Ủng và khắp vùng lân cận rủ nhau đến chúc mừng. Riêng làng Phù Ủng được lệnh ngừng lửa trong ba ngày. Quan tân khoa thết đãi tất cả già trẻ lớn bé. Trong ba ngày liền, nhà nào nhà nấy đều ngừng thổi cơm. Riêng ở đầu làng, có một ngôi nhà tranh lụp xụp vẫn đều đặn ngày hai bận đỏ lửa.

Chủ ngôi nhà ấy là một người đàn bà góa và một cậu bé mười ba tuổi. Đó chính là Phàm Ngũ Lão, mồ côi cha từ lúc lên năm, đang sống với mẹ. Trong cô đơn và nghèo túng, hai mẹ con thương yêu đùm bọc lẫn nhau.

Hôm ấy đi chợ về thấy con đang đẽo củ chuối làm cầu, bà mẹ mắng yêu:

- Suốt ngày con chỉ tập tành, hết tập võ lại chơi cầu chơi gụ thật vô tích sự.

Nghe mẹ nói, Phạm Ngũ Lão chỉ cười. Cậu đứng dậy ôm quả cần bằng củ chuối ra tung thử trong sân nhỏ hẹp. Nhìn đứa con trai mơn mởn, tay chân vạm vỡ, lớn nhanh như thổi đang tung cầu, bà mẹ cảm thấy sung sướng. Bất giác bà nghĩ đến cảnh nhà neo túng, ngày hai buổi chợ không biết có kiếm đủ gạo để nuôi con béo khỏe mãi được không? Bà cất dọn quanh gánh, đem mấy bát gạo cất vào nhà. Từ ngoài sân, Phạm Ngũ Lão tay không rời quả cầu, chạy lại khoe với mẹ:

- Mẹ, con kiếm được nhiều gạo lắm.

Một niều vui vụt hiện ra trong ánh mắt của bà mẹ nghèo:

- Gạo đâu thế hở con?

- Con và mấy đứa bạn rủ nhau đi tát cá, bắt được nhiều lắm. Con đổi được hàng chục bát gạo, lại còn đủ cá để mẹ con ta ăn trong mấy ngày.

Sực nhớ đến chuyện quan tân khoa, bà mẹ nói với con:

- Từ mai làng cấm lửa, ai nấy đều đến phục dịch và được quan tân khoa thết đãi trong ba ngày. Mẹ con ta cũng phải đi chứ.

Phạm Ngũ Lão lẳng lặng đứng dậy dọn cơm tối.

Đã khuya Phạm Ngũ Lão còn nằm choài trên chõng tre, cạnh đèn dầu để học bài. Bà mẹ mải khâu mấy mụn áo rách cũng không thấy buồn ngủ. Thấy mẹ thức khuya hơn mọi ngày. Phạm Ngũ Lão giục mẹ:

- Đi ngủ đi mẹ ạ. Mai ta chẳng phải đến nhà quan tân khoa làm gì.

Bà mẹ rất đỗi ngạc nhiên. Phép vua cũng phải thua lệ làng. Làng đã cấm lửa, không nghe theo sao được. Bà bảo con:

- Ta phải đến mừng quan tân khoa, không đi không được đâu con ạ.

Không phải Phạm Ngũ Lão xem khinh quan tân khoa hoặc coi thường lệ làng mà với đầu óc tuy non nớt nhưng khá thông minh, tuổi nhỏ mà chí lớn, cậu đã suy nghĩ khác.

- Mẹ ạ, cũng là con người, người ta làm nên công danh sự nghiệp vẻ vang cho làng xóm, còn con chưa làm nên công cán gì cho dân làng, làm vui lòng mẹ, đến nhà người ta con thẹn lắm. Ta đừng đến nữa mẹ ạ!

Sợ phép làng nhưng lại chiều con, bà mẹ không nài ép. Phạm Ngũ Lão ngồi một mình cạnh ngọn đèn khuya với tập văn bài còn tươi roi rói màu son của thầy Huyền Du. Phạm Ngũ Lão xem lại cẩn thận và đọc kinh sách cho đến trang cuối cùng. Khi Phạm Ngũ Lão cất tiếng ngáy đều đều cũng là lúc gà giục sáng.

Ba ngày liên tiếp, túp lều của mẹ con Phạm Ngũ Lão vẫn hàng ngày hai lần tỏa khói. Người ta bàn tán: Có nhà không theo phép làng. Nhưng xưa nay, mẹ con Phạm Ngũ lão có điều tiếng gì đối với làng đâu. Tuy sống nghèo nhưng mẹ con bà đều được mọi người mến thương. Người ta thương bà mẹ đức độ, siêng năng, chồng chết từ khi còn trẻ mà khéo tần tảo nuôi con. Người ta mến cậu bé Phạm Ngũ Lão thông minh, vui vẻ, láu lỉnh mà lễ độ, tuổi nhỏ mà chí lớn. Ngoài buổi học với thầy Huyền Du, về nhà cậu chịu khó đan lát, kiếm cá nuôi mẹ. Người ta còn mến Phạm Ngũ Lão, vì có cậu, cái làng phù Ủng hẻo lánh này cũng trở nên vui nhộn vì những trò tập võ, đấu vật, kép co, chơi cầu, chơi gụ, hát trống quân mà cậu thường hay cầm đầu lũ trẻ làng. Đặc biệt nết ăn ở của Phạm Ngũ Lão thì không chê trách vào đâu được. Tuy nhà nghèo nhưng rất khảng khái, Phạm Ngũ Lão không chịu phiền lụy ai, trái lại, ai có công việc gì nhờ vậy, cậu đều vui vẻ giúp đỡ coi như việc nhà mình.

Dân nghèo cùng cảnh ngộ rất mến thương mẹ con Phạm Ngũ Lão, chẳng ai nói đến chuyện trong làng thì tìm cách hoạnh học, đặt điều, cho rằng mẹ con Phạm Ngũ Lão khinh quan tan khoa, coi thường phép nước lệ làng. Rồi câu chuyện lâu lâu cũng nhạt đi như bát nước ngóng nguội dần.

Bỗng có một hôm Phạm Ngũ Lão nói với mẹ:

- Mẹ à, nhà ta nghèo, mẹ thì ngày càng già yếu không lấy đâu mà nuôi con ăn học mãi được. Con phải đi kiếm công việc làm ăn.

Mặc cho mẹ can ngăn, Phạm Ngũ Lão đến từ giã thầy học rồi từ biệt mẹ. Một tay nải, vài chiếc quần áo rách với tấm thân măng trẻ lực lưỡng, tin ở đôi tay của mình, Phạm Ngũ Lão đi lang thang khắp vùng tìm nơi cày thuê gặt mướn. Lúc rỗi rãi lại luyện tập võ nghệ và ngâm thơ, thỉnh thoảng Phạm Ngũ Lão đem tiền gạo về nuôi mẹ.

Vào thời bấy giờ, theo lệnh của triều đình, từ kinh đô cho đến các lộ đều phải tuyển lựa hoàng nam, lập thành các đô ngũ để luyện tập, chuẩn bị chống giặc Mông Cổ. Khắp nơi đều rầm rập rèn gươm đao, luyện võ thi tài, sẵn sàng chờ lệnh của triều đình xông lên giữ nước. Người ta say sưa kể lại câu chuyện năm Nguyên Phong, quân Mông Cổ do tên tướng Ngột Lương Thai chỉ huy tràn sang cướp nước ta. Triều đình trói sứ giặc giam vào nhà ngục, tạm thời rút khỏi kinh thành để để rồi trở lại đem quân đánh bật chúng ra khỏi bờ cõi. Câu trả lời của Thái sư Trần Thủ Độ khi vua Trần Thái Tông hỏi về việc chống giặc: "Đầu tôi chưa rơi xuống đất xin bệ hạ đừng lo" được các cụ già kể lại cho con cháu. Trong khi đó ở Thăng Long, sứ giặc vẫn nghênh ngang đi về, hạch sách, đòi hỏi, hăm dọa. Chúng tìm cơ hội để sang cướp nước ta. Cả nước đang trong tình trạng gấp rút sửa soạn đối phó với giặc dữ. Mộng tưởng làm nên sự nghiệp để đẹp mặt làng nước, vui lòng mẹ già nảy nở trong lòng Phạm Ngũ Lão từ trước vẫn ngày đêm thôi thúc Phạm Ngũ Lão từ trước vẫn ngày đêm thôi thúc Phạm Ngũ Lão tự nhủ: Chẳng lẻ chỉ lang thang kiếm ăn ngày hai bữa để uổng phí tuổi trai trong lúc nước nhà hữu sự hay sao? Lúc này không lập nghiệp còn đợi đến bao giờ? Và còn có sự nghiệp nào đẹp hơn đem sức trai vùng vẫy trên chiến trường để cứu nước cứu nhà trong lúc tổ quốc lâm nguy?

Nghe nói ở hương Vạn Kiếp, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn vẫn luyện tập quân sĩ, kén chọn người cầm quân giết giặc, Phạm Ngũ Lão tìm đến.

Nhưng làm thế nào để gặp Hưng Đạo Vương? Phạm Ngũ Lão băn khoăn. Dịp may đã đến. Hôm ấy sau buổi tập, trên bãi Vạn Kiếp còn lại một chàng trai đang luyện cung. Cánh cung to khỏe lạ thường cong vút trong đôi tay người bạn trẻ. Chăm chú theo dõi mũi tên vun vút lao đi, Phạm Ngũ Lão reo to:

- Trúng đích rồi!

Chàng trai luyện cung kiêu hãnh quay nhìn người lạ mặt:

Đã nghe tiếng Nguyễn Địa Lô, gia thần của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chưa?

Nghe nói Hưng Đạo Vương, Phạm Ngũ Lão mừng có cơ hội để bắt mối tìm vào

ra mắt.

- Tôi có nghe mà nay mới biết thực tài. Cây cung tốt quá, anh cho bắn thử.

Nguyễn Địa Lô cười. Đây là loại cung nặng, ngoài mình ra còn có ai dùng nổi. Anh chàng này sức khỏe đến đâu mà dám đòi bắn thử? Nghĩ vậy, Địa Lô vẫn trao cung cho người bạn chưa quen biết. B8àng một động tác nhẹ nhàng và điêu luyện, Phạm Ngũ Lão giương cung, hướng mũi tên vào mục tiêu cắm sẵn phía trước. Nguyễn Địa Lô hết sức ngạc nhiên. Trong khi đó Phạm Ngũ Lão lại quay mũi tên về hướng ngọn cờ đại đang phất phới bay trên đỉnh cột nói với bạn:

- Không bắn mục tiêu cắm sẵn, tôi bắn dải cờ đang bay.

Vừa dứt lời, Phạm Ngũ Lão buông dây cung. Mũi tên rẽ gió vun vút lao đi. Dải cờ đứt đôi, cuồn cuộn sà xuống góc bãi tập. Nguyễn Địa Lô kinh ngạc nhìn Phạm Ngũ Lão. Lần đầu tiên Địa Lô gặp một người có sức khỏe và tài bắn cung hơn mình. Sau khi hỏi chuyện, biết rõ tâm sự của bạn, nguyễn Địa Lô tìm cách đưa Phạm ngũ Lão vào ra mắt chủ tướng.

Nhưng khốn thay, tài bắn cung của Phạm Ngũ Lão vẫn không đưa cậu đến làm môn khách của Hưng Đạo Vương được. Rắc rối là chuyện bắn đứt dải cờ. Chưa được thấy mặt Hưng Đạo Vương, Phạm ngũ Lão đã bị các gia thần buộc tội dám bắn vào cờ của triều đình. Nhưng thấy Phạm Ngũ lão còn trẻ tuổi, họ tha tội chỉ đuổi về bản quán.

Phạm Ngũ Lão đành khăn gói về nhà, tin tưởng sẽ có dịp trở lại.

Tiếng hò reo luyện tập không mấy chiều im bặt trên bãi cỏ ven làng Pù Ủng. Phạm Ngũ Lão trở về giữa lúc quê nhà cũng như khắp nơi trên đất nước đang bừng bừng khí thế chống giặc. Trước mắt Phạm Ngũ Lão, lũy tre làng, đường ngõ quanh co, nhà tranh san sát hầu như không thay đổi. Chỉ có con người, người già già thêm, và trẻ nhỏ lớn bổng lên trông thấy. Các bạn trẻ chơi cầu, đấu vật, kéo co mấy năm trước bây giờ đã trở thành những chàng trai lực lưỡng. Họ nhìn nhau ngỡ ngàng lúc đầu gặp gỡ, rồi chưa kịp hàn huyên đã ôm nhau vật lộn trên bãi cỏ. Cho đến nay Phạm Ngũ Lão vẫn là chàng trai khỏe nhất làng, ấy là chưa kể đến những môn võ nghệ, Phạm Ngũ Lão đã học được trong những năm lưu lạc kiếm ăn xa. Bắt gặp lại Phạm Ngũ Lão, trai làng vui mừng như tìm được chủ súy.

Phạm Ngũ Lão trở về túp lều tranh, sống cạnh mẹ già với hai bàn tay trắng. Cuộc sống đói nghèo có giày vò tấm thân trai trẻ đang độ sung sức của Phạm Ngũ Lão nhưng không làm giảm ý chí tiến thủ của người con trai có nghị lực phi thường ấy, Ngày lại ngày phải đan lát đổ mồ hôi trên đồng ruộng để đổi lấy bát cơm manh áo, Phạm ngũ Lão vẫn không rời đèn sách kiếm cung. Chiều chiều cùng các bạn trẻ luyện tập, tối về cạnh đèn sách và kiếm cung. Chiều chiều cùng các bạn trẻ luyện tập, tối về cạnh đèn khuya Phạm ngũ Lão vùi đầu đoàn quân xông lên cản giặc để bảo vệ xóm làng, quê hương thân yêu Phạm Ngũ Lão coi thường đói nghèo và gian khổ. Trong mộng tưởng của tuổi thanh niên phơi phới, một ngày mai xép lên xác giặc, đứng nhìn đất nước sạch bóng thù, ngắm non sông vững vàng như bàn thạch, hiện ra trước mắt Phạm ngũ Lão mới đẹp đẽ làm sao! Phạm Ngũ Lão quyết dốc hết

sức trai để giành cho được ngày mai tươi đẹp ấy.

Rồi có một hôm khắp vùng xôn xao chuyện Hưng Đạo Vương từ Vạn Kiếp sắp trẩy quân qua đây về Thăng Long. Phạm ngũ Lão trằn trọc suốt đêm không ngủ. Có phải đây là dịp cho mình tìm được chủ tướng hay không?

Sáng hôm sau, Phạm Ngũ Lão dậy thật sớm, dẫn một cây tre to, vác dao ra đường cái quan đợi sẵn. Mặt trời vòi vọi trên đỉnh đầuy. Ánh nắng lọc qua kẽ lá chiếu xuống mặt đường, nhảy múa trên tấm thân vạm vỡ của chàng trai ngồi đan sọt. Ngọn gió đông nam lùa hơi m1t từ cánh đồng nước đưa lên rười rượi. Trong tiếng lao xao của lá reo, có tiếng trống từ xa vọng lại. Phạm ngũ Lão đầu trần, một manh áo rách, vẫn ung dung ngồi vót nan đan sọt. Tiếng trống mỗi lúc một gần. Từ xa, cờ xí hiện ra phất phới. Đoàn người tiến đến, dẫn đầu là đội quân đi dẹp đường. Phạm Ngũ Lão như không hề biết chuyện. Mặc cho quân lính quát tháo, Phạm ngũ Lão vẫn ung dung, thấy có người bướng bỉnh không chịu tránh đường, một người lính chạy lại váo cho Trần Quốc Tảng, con trai Hưng Đạo Vương, cỡi ngựa đi trước. Trần Quốc Tảng cho phép quân lính thẳng tay trừng trị. Được lệnh, lính dẹp đường dùng giáo đâm vào đùi Phạm Ngũ Lão. Người con trai ngồi đan sọt vẫn không hề thay đổi sắc mặt. Đến mũi giáo thứ ba, máu chảy lênh láng một bên đùi, Phạm ngũ Lão vẫn không nhúc nhích. Tên lính hoảng sợ buông giáo chạy lại tìm gặp Trần Quốc Tảng. Người con trai Trần Hưng Đạo đến gần quát hỏi:

- Tại sao Đại vương ta đi qua, nhà ngươi lại không chịu đứng dậy tránh đường?

Phạm Ngũ Lão nhìn chàng trai chầm chậm trả lời:

- Kẻ nào đâm giáo vào đùi ta phải rút giáo ra, đừng hỏi lôi thôi.

Đoàn người đi chầm chậm rồi dừng lại. Nghe chuyện lạ, Trần Hưng Đạo sai quân lính đưa mình đến gặp. Nhìn người con trai mặt mũi khôi ngôi, đùi loang lổ máu, vẫn ung dung ngồi đan sọt, Hưng Đạo Vương thầm đoán kẻ này chắc hẳn không phải là người thường, liền xuống kiệu, đến gần hỏi:

- Kẻ kia ở đâu, sao lại cản đường ta đi?

Phạm Ngũ Lão ngước nhìn. Một vị võ quan đã lớn tuổi, cằm vuông, mắt sáng, chòm râu đen nhánh đều đặn, cân đối càng làm tăng vẻ mặt hồng hào quắc thước mà hiền hậu của vị đại vương của triều đình. Biết đây là người mình cần gặp, Phạm ngũ Lão buông dao sọt, đứng dậy vái chào:

- Kính thưa Đại Vương, vì mải nghĩ đến một thế trận, tôi sơ ý không biết tránh đường, xin Đại Vương tha tội chết.

- Người ở đây? Tên họ là gì?

- Kính thưa, tôi họ Phạm tên Ngũ Lão, quê ở Phù Ủng.

Sực nhớ đến câu chuyện thoáng qua do quân lính kể lại trước đây, Hưng Đạo Vương hỏi:

- Có phải Ngũ Lão năm trước bắn đứt dãi cờ của triều đình là ngươi đó không?

Phạm Ngũ Lão được dịp tỏ bày ý nguyện:

- Tâu Đại Vương, tôi nhà nghèo, được mẹ già nuôi cho ăn học đôi chút chữ nghĩa và theo đòi võ nghệ. Nay giặc ngoài đang lăm le xâm phạm bờ cõi, tôi ước ao được đem sức mọn đền nợ nước cho phỉ chí làm trai. Năm xưa tôi sơ ý bắn đứt dải cờ nên không được may mắn cấp giáo đứng dưới trướng Đại Vương. Từ bấy đến nay tôi vẫn ân hậu chưa tìm được nơi nương tựa.

Thấy Phạm ngũ Lão khôi ngô, dũng cảm khác thường, ứng đáp trôi chảy, lại là người chí lớn, Trần Hưng Đạo ra lệnh đem thuốc dấu rịt vết thương và cho được theo về kinh đô.

Đêm Thăng Long, Tiếng trống cầm canh từ bốn cổng thành lần lượt dội về điện Giảng Võ. Đã sang canh hai. Hưng Đạo Vương gấp tập binh thư đang đọc dỡ, bước ra hàng lang, đứng nhìn về phía cửa Đoan môn. Gió đông nam quạt về lầu điện mát rượi. Hưng đạo Vương thấy khoan khoái dễ chịu.

Từ lúc họa xâm lăng của giặc Mông Cổ trở thành không thể tránh được, Hưng Đạo Vương ngày quên ăn đêm quên ngủ, lo trù mưu kế, rèn luyện quân sĩ để chống giặc. Rồi lại được nhà vua giao cho chức Quốc công Tiết chế, thống lĩnh các quân, thì trách nhiệm của vương với dân với nước lại càng nặng. Ba mươi năm trước đây, giặc Mông Cổ tràn sang, quân dân ta đã đánh cho chúng đại bại, nay chúng lại kéo sang... Vị quốc công thống lĩnh toàn quân quyết tâm phải đánh bật chúng ra khỏi bờ cõi, để không hổ thẹn với tiền nhân, làm rạng danh cho đất nước, giữ lấy non sông gấm vóc truyền lại cho con cháu muôn đời. Hưng Đạo Vương hài lòng với lực lượng quân đội đã có trong tay. Từ chính binh của triều đình, gia binh của các vương hầu đến dân binh ở các lộ, tuy không đông lắm nhưng tinh nhuệ và ai cũng quyết tâm diệt giặc. Duy chỉ còn đội quân cấm vệ chưa tìm được người tài năng để giao phó. Sự thực trong số các gia tướng của vương hậu, Hưng Đạo Vương đã chú ý đến Phạm Ngũ Lão. Đã nhiều lần Vương tiến cửa người con trai có đủ tài trí ấy cầm quân cấm vệ, nhưng đều có kẻ bài bác. Phạm Ngũ Lão không thuộc dòng dõi lệnh tộc, nhung so về tài đức, trong đám vương hầu ít ai bì kịp. Nếu không cất nhắc con người này thì thiệt thòi lới cho ba quân mà không khícxh lệ được người có tài đem hết tâm trí để lo việc nước. Hưng Đạo Vương băn khoăn, dạo bước trên hành lang.

Trong lặng lẽ của đêm kinh thành, tiếng ngâm thơ của quân chúa Anh Nguyên, con gái nuôi của Vương, từ phòng bên đưa lại nghe rõ mồn một. Hưng Đạo Vương chú ý lắng nghe. Một giọng ngâm thơ trong trẻo theo ánh sáng lọt qua song cửa thư phòng:

'"Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu

Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu

Nam Nhi vị liễu công danh trái

Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu"

Nghe hết bài thơ, vương rất đỗi ngạc nhiên. Sao lại có bải thơ lời lẽ lưu loát, khí phách hùng hồn đến như thế? Khẽ nhẩm lại hai câu cuối:

Nam Nhi vị liễu công danh trái

Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu"

Hưng Đạo Vương đi về phía thư phòng của con. Nghe tiếng chân người, Anh Nguyên quận chúa ngoảnh nhìn ra cửa. Vừa thấy cha, người con gái dịu dàng vừa đến tuổi mười tám vội rời án thư, đứng dậy vòng tay cúi đầu:

- Thưa vương phụ, đêm đã khuya, vương phụ còn chưa đi nghỉ.

Như bị cuốn hút bởi bài thơ hay, Hưng Đạo Vương hỏi:

- Ta vừa nghe con ngân bài thơ lạ. Thơ của ai mà ta chưa từng biết?

Tay vân vê tà áo, Anh Nguyên quận chúa nhìn cha dè dặt:

- Thưa vương phụ, đó là bài thơ được truyền tụng trong quân sĩ, nữ tỳ của con nghe được, thấy hay hay con sai chép lại đọc cho vui.

Hưng Đạo Vương xem bài thơ rồi hỏi:

- Con có biết ai làm ra bài thơi này không?

Anh Nguyên quận chúa, má ửng hồng, rụt rè, trả lời nhỏ nhẹ:

- Thưa vương phụ, con nghe đâu bài thơ này của một người dưới quyền của vương phụ tên là Phạm Ngũ Lão thì phải.

Hưng Đạo Vương gật đầu. Một niều vui thầm kín thoáng hiện trên khuôn mặt của vị Quốc Công. Vương lại càng hài lòng thấy mình không nhầm khi tiến cửa người con trai có tài văn võ này. Từ lâu, vương đã có ý chọn Phạm Ngũ Lão làm con rể. Lúc này nghĩ đến tương lai hạnh phúc của con gái yêu, vương thấy vui vui. Nhưng nước nhà hữu sự, mọi việc riêng tư hãy xếp lại, còn nhiều việc phải lo lắng hơn nhiều. Hưng Đạo Vương nói với con:

- Ngoài Phạm Ngũ Lão ra, không ai có thể làm bài thơ lập chí đạt đến mức này được.

Anh Nguyên quận chúa lúng túng, e lệ khác thường khi nghe cha khen bài thơ hay và nhắc đến tên Phạm ngũ Lão.

Từ hôm có tin triều đình mở khoa thi võ để chọn người cầm quân cấm vệ, sân trường Giảng Võ ngày đêm rầm rập bóng người luyện tập. Riêng Phạm Ngũ Lão lại đến gặp Hưng Đạo Vương xin phép được về quê để sửa soạn dự thi võ của triều đình. Biết Phạm Ngũ Lão là người tài trí hơn người, Hưng Đạo Vương liền cấp cho tiền gạo và ngựa về quê và hẹn ngày trở lại dự thi. Cũng từ ngày ấy Phạm ngũ Lão cỡi ngựa về, làng Phù Ủng bừng lên một niềm kiêu hãnh. Dân làng rủ nhau đêm tiền gạo giúp Phạm ngũ lão rèn luyện để phò vua giúp nước.

Sáng sớm tinh mơ cho đến khuya, trên bãi cỏ ven làng không mấy lúc vắng mặt Phạm Ngũ Lão. Từ môn cỡi ngựa bắn cung đến côn, quyền, roi, kiếm, Phạm Ngũ Lão đều thành thạo, điêu luyện. Chỉ còn môn cắp giáo nhảy qua tường hào, Phạm Ngũ Lão luyện mãi vẫn chưa vừa lòng. Mấy hôm sau, được các bạn trẻ giúp sức, Phạm ngũ Lão đắp một cái gò đất ở ven làng để tập nhảy. Riêng việc đắp cái cũng là dịp để Phạm ngũ Lão tập mang nặng, Cứ ba sọt đất đầy ắm ắp, Phạm ngũ Lão nhấc

bổng lên vai bước thoăn thoắt từ thùng đầu lên đỉnh gò, trong lúc các bạn khác, người khỏe nhất chỉ mang được hai sọt. Vài ngày sau, một gò đất lớn đã nổi lên lù lù ở ven làng. Ngày nào cũng vậy, từ sáng sớm, Phạm Ngũ Lão đã có mặt ở chân gò, từ xa chạy lên đỉnh rồi lại nhảy xuống, hoặc chống sào nhảy qua. Sau mấy ngày luyện tập, Phạm ngũ Lão đã nhảy được một cách dễ dàng. Nhưng không thể dừng lại ở đây, Phạm Ngũ Lão quyết tâm vượt xa hơn nữa. Phạm Ngũ Lão mặc quần dài rồi cho đất vào ống quần, buộc túm lại để tập nhảy. Trong mấy ngày đầu, đôi chân của Phạm Ngũ Lão như bị cắm chặt xuống đất. Thật khó khăn mới nhấc bổng được đôi chân. Mồ hôi ướt đầm, chân tay rời rã, nhưng gian khổ không đẩy lùi quyết tâm của Phạm ngũ Lão. Từ bỡ ngỡ, khó khăn đến quen thuộc, lượng đất tăng dần cho đến ngày hai ống quần căng đầy, và khi đó gò đất cũng mòn lở vì gót chân của Phạm ngũ Lão. Đến khi bỏ đất ra, Phạm ngũ Lão cảm thấy người lâng lâng, nhẹ nhàng nhảy qua gò như con phượng hoàng lướt qua đỉnh núi. Lúc này, bức tường thành sừng sững trong sân trường Giảng Võ không có gì đáng sợ với Phạm Ngũ Lão nữa.

Và ngày thi đã tới. Dân làng bảo nhau đem xôi, rượu, thịt đến tiễn chân chàng trai lên đường. Phạm Ngũ Lão mang tặng phẩm ra thiết đãi các bạn trẻ lúc chia tay.

Từ biệt mẹ già, Phạm ngũ Lão nói với mẹ:

- Mẹ ạ, hiện nay vận nước đang bị đe dọa. Xin mẹ, con đi. Việc quân bận rộn, chưa biết bao giờ con mới trở về thăm mẹ được. Mẹ đừng mong.

Bà mẹ lặng lẽ nhìn con, mắt sáng ngời kiêu hãnh. Đã mấy chục năm trời tần tảo nuôi con, cuộc đời nghèo khổ của bà chỉ có đứa con là niềm hạnh phúc duy nhất. Nay đã lớn khôn, nó đi lo việc nước, làm rạng rỡ cho xóm làng, làm vẻ vang mặt mày cho bà. Tuổi đã già bà có chết đi cũng vui lòng. Đôi tay già yếu khẳng khiu của bà run run buộc lại tay nải cho con. Cùng với xóm giềng, bà tiễn con đến đầu làng và đứng nhìn con cho đến khi bóng con khuất sau lùm cây bên đường ngoặt.

Và từ hôm ấy, đêm đêm hình ảnh đứa con trai thân yêu ung dung trên lưng ngựa đi thẳng không ngoái đầu nhìn lại như còn in rõ trong đáy mắt của bà.

Trên các ngả đường vào kinh đô Thăng Long, quân trẩy rầm rập. Các đội dân binh từ các lộ, gia binh của vương hầi từ các trang trại xa xôi để về kinh đô rồi lại được lệnh vượt sông đi về mạn Bắc. Giặc Mông Cổ như bầy thú dữ đang tiến đến gần biên thùy nước ta.

Từ khi đỗ đầu kỳ thi võ rồi được triều đình giao cho cầm quân cấm vệ, chuyên bảo vệ nhà vua và kinh thành, Phạm Ngũ Lão càng thêm bận rộn. Là người chỉ huy trẻ tuổi, nắm trong tay mấy ngàn tinh binh, làm thế nào để tròn trách nhiệm đối với dân với nước trong lúc nước nhà có giặc? Luyện quân rồi lại luyện quân. Phạm Ngũ Lão không có thì giờ để nghĩ đến cuộc sống riêng tư của mình nữa; mặc dù ở quê hương, Phạm Ngũ Lão còn có mẹ già ngày đêm mong đợi và trong dinh Hưng Đạo Vương, có người con gái mến thương vẫn đợi chờ. Theo Phạm ngũ Lão, cái lớn lao và gấp gáp hơn vẫn là chuyện mất còn của đất nước. Nước còn, còn tất cả, nước mất, mọi thứ, cả đến hạnh phúc riêng tư cũng tiêu tan. Phạm Ngũ Lão dồn tâm trí dùi mài binh thư binh pháp và không ngày nào ngừng rèn luyện quân sĩ, chỉnh đốn cờ ngũ.

Rồi có một hôm, sau buổi tập trận trên sông, Hưng Đạo Vương truyền cho Phạm Ngũ Lão được lệnh về quê thăm nhà và trở lại kinh thành để điều quân đi trấn giữ vùng ải Bắc.

Trời xế chiều, ngựa đã sắp sẵn yên cương. Phạm Ngũ Lão đang sửa soạn về quê, người nữ tỳ của Anh Nguyên quận chúa đem lại phong thư và một gói nhỏ. Phạm Ngũ Lão vui mừng trân trọng mở ra xem. Quận chúa gửi lụa về biếu mẹ già

Mặt trời vãn chiều lao xuống mỗi lúc một nhanh. Con ngựa hồng của Phạm Ngũ Lão thở phì phì, phi nước đại trên đường về làng Phù Ủng. Ngồi trên lưng ngựa, Phạm ngũ Lão băn khoăn không hiểu mẹ mình bây giờ đang làm gì? Chắc đã già yếu đi nhiều. Mẹ già hẳn sẽ sung sướng biết bao khi nhận được món quà của con dâu chưa cưới gửi cho. Rồi quê hương, làng mạc, các bạn trả lần lượt hiện ra trong trí Phạm Ngũ Lão với hàng trăm câu hỏi và phỏng đoán.

Khi Phạm Ngũ Lão đừng ngựa trước sân nhà thì trời đã tối mịt. Túp lều tranh le lói ánh đèn. Một người nho nhỏ đang nằm trên chõng tre, nghe có tiếng động, ngồi nhõm dậy. Phạm Ngũ Lão chạy đến trước mặt mẹ reo lên:

- Mẹ ơi! Mẹ!

Bà mẹ cầm đèn soi đi soi lại. Sắc phục võ tướng của đứa con trai đã làm cho bà ngỡ ngàng. Đúng con trai của bà rồi, Trông nó oai vệ quá, không phải là Ngũ Lão rách mướt, đan sọt khi xưa nữa. Đôi vai to rộng, khuôn mặt vuông vuông, cặp mắt sáng như sao, tiếng nói oang oang của nó thì bà không nhầm vào đâu được. Con trai ra đi, bà vẫn thăm hỏi tin tức hàng ngày, không ngờ nó lại về thăm bà giữa lúc này. Nghe nói quân giặc đã đến gần biên ải. Bà vẫn tưởng lúc này con bà còn mãi chinh chiến ở nơi xa và vẫn thầm cầu trời khấn phật cho nó được chân cứng đá mềm. Thế mà con bà lại trở về ư? Vui mừng và bỡ ngỡ, bà hỏi:

- Sao lại về hở con?

- Thưa mẹ, con về thăm mẹ.

Nghe con nói, bà yên lòng thở dài. Thấy mẹ không vui, Phạm Ngũ Lão thầm đoán ở nhà đang có chuyện chẳng lành và lo lắng hỏi lại:

- Nhà có chuyện gì thế hở mẹ?

- Không, mẹ vẫn khỏe, xóm làng vẫn vui, năm nay được mùa lại càng vui con ạ.

Phạm Ngũ Lão băn khoăn, chưa kịp cất lời thì bà mẹ đã tiếp:

- Xóm làng vẫn mừng cho mẹ có đứa con làm nên sự nghiệp đang cầm quân đuổi giặc để giữ cho mọi nhà được yên vui. Mẹ nghèo nhưng vẫn vui khỏe vì con. Mẹ còn sống mãi đến ngày tan giặc, chờ con về với mẹ. Thế mà nay con lại đã về. Có phải vì còn chút mẹ già làm cho con không yên tâm lo việc nước hay không? Nếu vậy thì mẹ chết quách cho cho khỏi vướng bận, sao nhãng việc quân cơ, làm lỡ việc nước, con ạ.

Nói xong bà cầm đèn đi vào nhà.

Lúc này Phạm Ngũ Lão mới hiểu nổi lòng của mẹ. Mẹ đã hiểu lầm con rồi! Phạm Ngũ Lão vội chạy lại cầm tay mẹ.

- Mẹ ơi! Con về thăm nhà một đêm sáng mai đi ngay. Chỉ nhìn thấy mặt mẹ một lát con đã vui rồi.

Nói đến đây, Phạm Ngũ Lão rút từ trong tay nải gói lụa trao cho mẹ.

- Thưa mẹ, đây là chút quà của con gái Hưng Đạo Vương gửi về biếu mẹ.

Nét mặt hân hoan, bà vặn to đèn nhìn con, trìu mến. Đêm hôm đó, nằm trên chõng ôm gói lụa vào lòng, bà ngủ ngon lành. Nụ cười hiền hòa còn đọng trên khuôn mặt già nua và phúc hậu của người mẹ nghèo đáng kính.

Sáng hôm sau, Phạm Ngũ Lão từ giã mẹ, phi ngựa trở về Thăng Long. Trên đầu, trời cao lồng lộng, một vài ngôi sao mai còn nhấp nháy ở chân trời phía tây. Hai bên đường, cây cối đồng ruộng nhảy múa lùi lại. Phạm Ngũ Lão đặt chân đến đất Thăng Long vào lúc nắng sớm đã trải khắp kinh thành. Người con trai làng Phù Ủng thấy người khoan khoái nhẹ nhõm như không khí trong lành, mát dịu của một ngày mới.

Trần Quốc Toản

Quốc Toản đến Giảng Võ trường thì binh lính cách ngạch thân quân và du quân đầu đội nón ma lôi, gươm giáo, cung nỏ cầm chắc trong tay, đã đứng thành từng đô rất nghiêm chỉnh. Các tướng phiêu ky, trấn quốc, cận vệ, chư vệ nai nịt gọn gàng theo thứ bậc, đang đứng trước quân ngũ của mình.

Quốc Toản đang mải nhìn đoàn đội trao nhi hùng dũng mang các danh hiệu Kim Phượng, Nhật Quang, Nguyệt Đang vừa tiến vào Giảng Võ trường thì đã thấy Quốc công tiết chế uy phong lẫm liệt, cùng mấy viên tướng tùy tùng, tiến thẳng đến trước mặt binh lính.

Đây rồi những điều Quốc Toản băn khoăn mong đợi bấy lâu!

- Ta có mấy lời nhắn nhủ các ngươi Quốc công tiết chế sau lời an ủi tướng sĩ, cất cao giọng Các ngươi là tướng nắm giữ binh quyền, là lính các ngạch chung lo việc nước. Nay thấy sứ nguy qua lại tới tấp trên đường uốn tấc lưỡi cú vọ làm nhục triều đình, đem tấm thân chó dê khinh lờn tể phụ, chẳng lẽ các ngươi không thấy dã tâm của kẻ trùm mọi? Trong lúc quốc nạn này, nếu tướng không rèn dạy quân lính, tập tành cung tên thì khác nào giở giáo đón giặc, để tiếng xấu muôn đời.

Từng lời, từng lời Quốc công tiết chế nói như in và trí óc, khắc vào xương tủy Quốc Toản hởi lòng hởi dạ. Rõ ràng là Quốc công tiết chế đã mượn cuộc thi võ này để báo động thế nước lâm nguy, răn dạy quân sĩ luyện tập phòng giặc.

Có thế chứ! Vua quan nhà Nguyên cậy sức muốn cướp sóng nước Nam. Bắt ức vua ta phải sang chầu Hốt Tất Liệt, đòi ta phải nộp người có tài khéo nghề tinh, đòi vàng bạc châu báu, đòi mượn đường đánh Chiêm Thành thì ta phải sửa soạn đánh lại

nó.

Tuy vậy, cứ nhớ hôm sứ nhà Nguyên là Sài Thung tới Thăng Long, ngang nhiên cưỡi ngựa qua cửa Dương Minh, tàn nhẫn đánh quân Thánh Dực ra cản, không thèm tiếp Tướng quốc thái úy, Quốc Toản vẫn còn bất bình thấy vua và các đại thần cứ nhún nhường nó mãi.

Quốc công tiết chế nói xong liền cho thi võ. Nhưng đứng xem mà Quốc Toản vẫn hoàn toàn bị cuốn hút vào những lời tiết chế vừa nói.

Suy nghĩ về bổn phận phải giữ lấy quốc thể, mường tượng ngày dân cả nước phải đương đầu với giặc Nguyên, mà linh tính như báo trước, không thể tránh khỏi, Quốc Toản mơ ước có cái sức mạnh thần thông, xông pha giữa muôn trùng giáo mác, chém tướng giặc như trở bàn tay.

Ngay chiều hôm ấy, Quốc Toản bày tỏ ý muốn được đánh giặc với chú Châu Thành vương.

Nghe cháu nói chân tình, Chiêu Thành vương can gián:

- Cháu còn bé chưa biết được việc quân quốc!

Quốc Toản tức muốn khóc:

- Cháu còn nhỏ thật, nhưng quân Nguyên mà sang đây cháu cũng đánh được nó.

Chiêu Thành vương bật cười rồi nghiêm mặt:

- Cháu ta có khẩu khí anh hùng, xứng với dòng dõi cha ông. Nhưng bây giờ cháu phải cố học. Võ có giỏi, văn có hay mới đánh giặc mau thắng được.

Nghe chú nói có lý nhưng Quốc Toản buồn rầu thấy chú cho mình là còn trẻ. Chẳng thà không nói với chú còn đỡ bực bội hơn.

Quốc Toản ở Kinh Đô đã quá ngày mẹ hẹn một tháng. Quốc Toản biết mẹ đang mỏi mắt trông chờ mình. Áy náy lắm, nhưng làm sao Quốc Toản rời Kinh đô lúc này được. Kể từ ngày xem đấu võ, nghe Quốc công tiết chế khích lệ tướng sĩ, lo bố phòng giữ nước. Quốc Toản tự thấy vận mạng mình gắn với vận mạng đất nước; mọi niềm vui nỗi buồn cũng từ đó bị chi phối. Ngày ngày Quốc Toản say sưa nhìn các đô tả hữu Thánh Dực, tả hữu Thần Dục, tả hữu Long Dực, tả hữu Hổ Dực chuyên cần thao luyện không mỏi. Không cứ quân lính, ngay trai tráng kinh thành cũng tự lập thành từng đô luyện võ, thi vật, mua ngựa, sắm gươm giáo, phòng khi giặc đến. Không phải chỉ có vua và triều đình mải đối phó việc quốc nạn mà là mọi người đều chung lo cho vận nước. Trên các ngả đường, chỗ nào cũng rộn vang tiếng búa. Các bễ lò rèn nổi lửa suốt ngày đêm. Các bô lão vừa xếp đồ đạc vào hòm xiểng vừa thúc giục con cháu gói gọn áo quần, kịp phòng nạn can qua.

Cả kinh thành đang gấp rút chống giặc!

Được mắt thấy tai nghe những diễn biến ấy, Quốc Toản tự hỏi: Các bậc bô lão, các trai tráng, các tay thợ rèn là những người chưa bao giờ bước chân đến chỗ lầu son gác tía, chưa bao giờ được cự bàn việc nước mà họ cũng lo lắng nghĩ kế giữ nước, huống hồ mình là bậc tôn thất sao lại không nghĩ được như thế? Khốn nỗi,

Quốc Toản cứ bị coi là đứa trẻ. Không ai bàn việc nước với Quốc Toản. Nếu Quốc Toản có góp lời thì liền bị các vương hầu gạt đi mà rằng: Cháu còn nhỏ, chưa biết được việc quân quốc trọng sự. Mỗi lần như thế, Quốc Toản tức khí tự nhủ: Việc nước là việc chung. Đợi rồi xem ta có giết được giặc hay không?

Buộc vội con ngựa đã sùi bọt mép vào gốc cây bên đường, Quốc Toản áo đẫm mồ hôi, sắc mặt đỏ gay vì nắng, chạy xồng xộc xuống bến Bình Than. Nhưng lập tức Quốc Toản bị quân Thánh Dực giữ lại. Nằn nì mãi không được, Quốc Toản đành phải lùi lại, thẫn thờ nhìn bến Bình Than vừa tủi thân vừa uất ức.

Chao ơi! Ngày hội sư mới long trọng làm sao! Những thuyền là thuyền; Thuyền đậu dài san sát, mang cờ hiệu của các vương hầu bốn phương tụ về.

Qua chấn song có rủ màng trúc của thuyền rồng, Quốc Toản thấy các vương hầu đang bàn việc với vua. Hình như vua đang nói điều gì hệ trọng lắm nên các vị vương hầu đều hướng về vua Thiệu Bảo không nhúc nhích. Chắc là không ngoài việc cho quân Nguyên mượn đường đánh Chiêm Thành hay chống cự lại. Rành rành là nó cậy sức muốn nuốt sống nước Nam. Vậy thì việc gì phải bàn đi bàn lại! Quốc Toản ước ao được xuống thuyền rồng tâu xin vua cho đánh. Không nói được ý mình, Quốc Toản bồn chồn không yên.

Đứng đây đến bao giờ nữa? Nhất định phải nói được ý mình. Cứ xuống xin vua cho đánh, rồi sau muốn ra sao thì ra. Lòng đã quyết, nhanh như chớp, Quốc Toản xô mấy người lính Thánh Dực chắn đường, chạy xuống bến viên tướng chỉ hay quân Thánh Dực cố chặn lại. Lập tức Quốc Toản tuốt gươm, mắt long lên giận dữ:

- Ta xuống bệ kiến bàn kế đánh giặc. Không giãn ra, ta chém.

Nể Quốc Toản là con nhà quốc thích, nhưng thấy Quốc Toản làm quá, viên tướng vừa ngạc nhiên vừa dằn giọng:

- Thánh chỉ đã cấm! Nếu Hài Văn khinh thường phép nước, anh em phải theo thượng lệnh!

Bất chấp lẽ phải, Quốc Toản vung kiếm múa tít, cố tiến xuống bến. Tiếng kêu thét náo động cả bến sông.

Nghe tiếng ồn ào, vua Thiệu Bảo cho đình buổi bàn cùng quần thần bước ra mạn thuyền. Thấy Quốc Toản đang đánh nhau với lính Thánh Dực, vua thất kinh hỏi Hưng Đạo Vương đứng kề bên:

- Hoài Văn hầu đang làm gì trên đó?

Hưng Đạo vương và mọi người không ai hiểu căn nguyên sự việc. Nhận ra cháu, Chiêu Thành vương hốt hoảng chạy lên bờ:

- Chết thôi! Coi thường phép nước cháu không sợ tội chết sao? Chú đã khuyên cháu về quê sao lại mạo muội đến đây?

- Biết vua họp bàn việc nước với các vị vương hầu, cháu tìm đến.

- Tự tiện đến đã không phải lại còn gây sự với quân Thánh Dực. Tội cháu lớn lắm.

Quốc Toản đáp:

- Cháu biết phép nước là trọng; nhưng khi quốc biến ai cũng phải lo, huống hồ cháu đã lớn. Nhưng chẳng hay vua và các vị vương hầu chủ chiến hay chủ hòa?

- Cũng có người nghĩ thế này thế khác. Còn đang bàn.

- Trời ơi! Quốc Toản nổi nóng ai chủ hòa? Dâng nước cho giặc sao?

Bất thình lình, Quốc Toản chạy như tên bắn xuống bến rồi nhảy lên thuyền rồng, quỳ trước mặt vua, nói lớn:

- Cho giặc mượn đường là mất nước! Xin bệ hạ cho đánh!

Có người gay gắt:

- Hoài Văn hầu làm loạn phép nước. Xin bệ hạ cho chém đầu làm gương.

Nhận ra tiếng Chiêu quốc vương Trần Ích Tắc, kẻ chủ trương cho giặc mượn đường, vua Thiệu Bảo lộ rõ sự khó chịu và, chính vì vậy, trái với lệ thường, vua thân đỡ Quốc Toản dậy, ôn tồn:

- Muốn trị được nước phải nghiêm quân lệnh với cả người thân. Tội Hoài Văn hầu đáng lẽ không dung. Nhưng tuổi nhỏ mà biết lo cho vua cho nước, trí ấy đáng khen. Tuy vậy, việc nước đã có người lớn lo. Em ta hãy về quê để chăm sóc mẫu thân.

Thương Quốc Toản đi xa mẹ, vua truyền cho Hưng Đạo vương lấy một quả cam đưa cho Quốc Toản và nói:

- Ai cũng có phần cam. Vậy cho em ta một quả.

Vẫn chưa dứt cơn kích động Quốc Toản gượng tạ ơn vua, quay gót lên bờ. Đằng sau nổi lên trận cười của các vị vương hầu, rõ nhất là của Chiêu Quốc vương. Quốc Toản bực mình quay đầu nhìn lại. Như trêu ngươi, cờ hiệu của Hưng Võ vương Hưng Trí vương, Hưng Hiếu vương, con trai Hưng Đạo Vương ngạo nghễ tung bay, nô giỡn với gió mạnh. Những người em họ ấy chỉ hơn Quốc Toản bất quá năm, bảy tuổi. Phải chăng vì cha ta mất sớm nên ta mới phải đứng chầu rìa nhục nhã thế này? Quốc Toản tủi thân tự hỏi.

Đám quân Thánh Dực thấy Quốc Toản cau có lên bờ cũng cố nín cười. Quốc Toản nghiến răng kìm cơn thịnh nộ: "Được rồi, ta sẽ chiêu binh mãi mã để xem ai giết được nhiều giặc!"

Khi sắp tháo cương ngựa trở về, Quốc Toảnh giật mình, quả cam quý vua ban đã bị bóp nát tự bao giờ.

Quốc Toản nằm ngủ trên sập gụ, đầu ngoẹo sang một bên. Trần mẫu đặt ngọn nến trên án thư, nâng đầu con đặt lại cho thẳng rồi ghé ngồi xuống chiếc đôn cạnh sập, bần thần ngắm đứa con trai duy nhất. Ngay hôm nghe con từ kinh về kể chuyện vua quan nhà Nguyên muốn phen nữa cướp nước Nam và xin được chiêu binh mãi mã, sắm sửa khí giới, tích lương thảo chờ giặc, có đêm nào Trần mẫu ngủ được ngon giấc đâu. Trần mẫu đã nghĩ kỹ rồi, lẽ nào Trần mẫu lại không khích lệ con thấy

quốc sỉ mà làm thinh thấy quốc nhục mà cam chịu. Trần mẫu nào muốn con giữ được chữ hiếu mà mất chữ trung. Trái lại, thấy tuổi còn trẻ mà đã có chí lớn, Trần mẫu kiêu hãnh và tự hào. Điều mà Trần mẫu lo lắng là vì con còn nhỏ, như cánh hoa chưa chịu được sương gió.

Trần mẫu rùng mình nhớ lại gần ba mươi năm trước, quân giặc đông như kiến cỏ kéo sang đất mình. Chúng như bầy quỷ dữ, đi đến đâu là tàn phá, giết chóc, đến cây cỏ không mọc được. Khi đuổi được giặc rồi thì Kinh Đô biến thành tro bụi. Đức ông ngày ấy cũng xông pha nơi trận mạc, một mình Trần mẫu phải vượt qua bao nhiêu khó khăn, nguy hiểm đưa gia đình chồng chạy giặc.

Ngay giặc kéo sang ư? Chúng nó thì hung dữ mà con thì còn trẻ dại, liện có cự lại được chúng không. Nếu có mệnh hệ nào thì ta sống sao nổi.

Biết trả lời con thế nào đây? Nếu con hư thì phải khuyên răn can bảo. Đằng này, con xin đi phò vua giúp nước, lẽ nào lại dạy con làm trái đạo thánh hiền? Chú Chiêu thành vương cũng chẳng thấy về. Chợt nhớ ra viên gia tướng vẫn theo Đức ông đi trận mạc, Trần mẫu vời lên hỏi:

- Hoài Văn hầu muốn khởi binh đánh giặc, ông thấy thế nào?

Người tướng già kính cẩn:

- Công tử có chí lớn, tính đã quyết là hành. Con người ấy sẽ thành một tướng tài xuất chúng.

- Chẳng hay võ nghệ con ta ra sao?

- Các môn võ công tử đều không kém người. Chỉ có sức chưa giàu. Nhưng xin tôn phu nhân yên lòng. Tôi sẽ hết sức giúp công tử như khi giúp Đức ông.

Hai người bỗng giật mình nghe thấy Quốc Toản thét: "Kép gọng vó lên. Đánh vật mà chưa biết miếng. Kéo mạnh nữa lên".

- Con ta mê ngủ Trần mẫu nói và vội cầm cây nến định đánh thức Quốc Toản dậy.

Nhưng Quốc Toản vẫn đang ngủ say, miệng hơi nhoẻn cười. Trần mẫu ngắm mãi cái miệng tươi như hoa còn dễ hờn dễ khóc của con, lòng tràn ngập một tình thương vô tận.

Được mẹ cho tiền bạc, Quốc Toản mua mấy chục con ngựa đem phân phát cho gia nhân.

Nhưng lấy đâu ra quân bây giờ? Quốc Toản buồn rầu hỏi:

Người tướng già đáp:

- Trăm họ ai chẳng có lòng trung quân ái quốc, chỉ là vì mọi người chưa thấy công tử dựng cờ nghĩa đó thôi.

Quốc Toản sững sờ:

- Có thế mà ta không hiểu. Ta nhớ rồi, quanh vùng Võ Ninh này, có nhiều bô lão được vua mời đến điện Diên Hồng hỏi ý. Các vị bô lão ấy đã trăm người như một,

khẳng khái tâu lên: "Xin đánh", làm rung chuyển cả tòa điện, thì nay sao lại không khuyên con cháu theo ta?

Từ đó ngày nào Quốc Toản cũng đi vào các thôn xóm nói rõ ý định chiêu quân đánh giặc với mọi người, nên số trai tráng đã lục tục đến xin theo. Còn phải có cờ nữa! Mà cờ ấy phải nói được trí ta, phải là lời thề quyết chiến, làm nước lòng quân sĩ. Quốc Toản bắt đầu căng óc suy nghĩ. Quốc Toản để tâm suy nghĩ trong khi ăn, trước lúc ngủ, cả trong giờ tập luyện. Nhưng, lúc nảy ra được câu này, lúc sinh ra ý khác mà Quốc Toản vẫn chưa ưng ý. Cho đến đêm nay, đã khuya lắm rồi mà Quốc Toản vẫn chong đèn vặn óc tìm ý. Trống đã điểm canh ba. Bỗng Quốc Toản đứng vụt dậy, toàn thân bừng bừng.

Phải rồi, Hai bàn tay Quốc Toản nắm chặt "Phá cường địch, báo hoàng ân". Quốc Toản phác một nét cờ bay rồi dùng bút viết sáu chữ trên tờ giấy rộng. Quốc Toản lùi lại ngắm hàng chữ, nét mặt rạng rỡ. Được lắm, lời đanh thép, ý hùng hồn, xứng hợp với chí ta.

Trần mẫu đã đến tự lúc nào Quốc Toản không hay biết.

- Thôi con ngủ đi kẻo khuya lắm rồi. Trần mẫu tiến lại, vừa xoa đầu con vừa nói.

- Thưa mẹ con sẽ dựng lá cờ đề sáu chữ này. Quốc Toản hồ hởi nói với Trần mẫu.

- Mẹ thấy cả rồi.

Trần mẫu chỉ nói vậy. Nhưng sự thật từ nãy Trần mẫu sung sướng đến ngỡ ngàng thấy mình chưa thật hiểu con sâu sắc, chưa biết những suy nghĩ vượt quá tầm vóc của con.

Thấy mẹ đăm đăm nhìn mình, Quốc Toản băn khoăn;

- Con có giáp trụ, binh thư của cha con để lại; con còn có gia tướng giúp sức. Mẹ đừng...

- Không Trần mẫu rơm rớm nước mắt cướp lời. Mẹ hiểu con, mẹ bằng lòng cho con đi đánh giặc rồi mà.

Lá cờ đề sáu chữ "Phá cường địch, báo hoàng ân" phần phật tung bay trước dinh Trần Quốc Toản ở Võ Ninh.

Ai cũng trầm trồ khen ngợi người dựng cờ có chí khác thường. Vì vậy, chẳng mấy chốc, tin Quốc Toản dựng cờ nghĩa lan đi khắp vùng. Trai tráng, phần lớn cùng lứa tuổi với Quốc Toản, lũ lượt đến xin theo. Ấp Võ Ninh bắt đầu những ngày luyện võ tưng bừng náo nhiệt.

Một hôm Quốc Toản nói với người tướng già và đội quân hơn ngàn người của mình:

- Ta biết quân Nguyên cưỡi ngựa không cần cương, ngồi trên ngựa như ta đi dưới đất, có tài bắn trăm phát trăm trúng. Cho nên muốn đánh được nó, ta phải luyện thành tài hơn nó. Bây giờ anh em hãy coi ta bắn thử.

Nói xong Quốc Toản đeo cung tên, nhảy lên ngựa, phi xa đến khi nhìn lại điểm hồng tâm chỉ còn lại một chấm nhỏ, rồi dùng ngựa, giương cung bắn luôn ba phát.

Ba mũi tên đều trúng đích. Đoàn quân trẻ reo hò thán phục.

Người tướng già sung sướng nói:

- Công tử bắn đã giỏi, nhưng quân Nguyên còn vừa phi ngựa vẫn bắn. Vậy anh em hãy xem già này luyện tập đạt chưa? Người tướng già nhảy phắt lên mình ngựa, chạy xa hơn Quốc Toản. Rồi vẫn cho ngựa chạy, người tướng già không xoay mình, chỉ quay đầu lại, giương cung bắn ba phát liên tiếp. Ba mũi tên đều trúng đích và mạnh đến nỗi, cọc bia bị oằn sắp gãy.

Sau đợt reo hò dậy đất, Quốc Toản phấn chấn:

- Chúng ta sẽ phải luyện tập để mọi người đều bắn được như thế.

Thấy quân mình đã đông nhưng so với các vương hầu khác không thấm vào đâu. Quốc Toản áy náy không yên. Thấy vậy, người tướng già nói:

- "Quân cốt tinh không cốt nhiều". Vả lại, đánh kẻ giặc mạnh như quân Nguyên ta phải dùng "đoản binh chế trường trân" như Quốc công tiết chế vẫn chỉ giáo. Công tử không nên lo quân ít mà nên lo luyện cho giỏi, dũng khí cho cao, anh em coi nhau như ruột thịt.

- Ông đã vén cho ta một đám mây mờ.

Quốc Toản gật đầu khen.

Sau đó, Quốc Toản chia quân thành từng ngũ, đô rất chỉnh tề. Quốc Toản đi khắp các ngũ, đô, ăn với họ một mâm, nằm với họ một chiếu, coi mọi người như ruột thịt.

Mộ tiếng đoàn quân trẻ, dân Võ Ninh và các hạt phụ cận đem trâu, rượu, gà, gạo đến khao quân. Nhiều thợ rèn cũng xin theo để rèn binh khí.

Ấp Võ Ninh cùng với đoàn quân trẻ đang náo nức chuẩn bị đánh giặc.

Đoàn quân mang lá cờ đề sáu chữ vừa xuống khỏi cái dốc ngay đầu trại Vĩnh Bình thì đột ngột dừng lại. Họ đã từ giã Võ Ninh ngay từ hôm được tin vua Nguyên cử Thoát Hoan thống lĩnh năm mươi vạn quân, xâm nhập vùng biên cương này. Họ phải dừng lại đột ngột vì quân do thám cho hay, thế giặc to lắm; quân triều đình vừa phải bỏ ải Khả Li, ải Nữ Vi và họ đang ở giữa vòng vây của giặc.

Quốc Toản mặc áo bào đỏ, cưỡi con ngựa trắng trở lại giữa hàng quân, cố giữ vẻ uy nghiêm của một viên tướng:

- Ta vì sợ không được quan tâm dùng nên băng rừng đi tìm giặc mà đánh. Nay giặc đã ở sát nách. Vậy ta hãy đánh vài trận cho giặc Nguyên khiếp vía, cho người lớn biết sức chúng ta.

- Công tử nói chí phải Các chiến sĩ trẻ hưởng ứng.

Bỗng lại có một lính do thám của Quốc Toản phi ngựa về:

- Thưa công tử! Phía trước có binh giặc đang kéo tới.

Quốc Toản vẫn nắm chặc đốc kiếm gia truyền, vội hỏi:

Chúng có bao nhiêu?

- Chừng năm trăm.

- Còn xa không?

- Không xa lắm, nhưng vừa đi chúng vừa cướp nên tiến chậm.

Quốc Toản, dõng dạc ra lệnh cho người lính do thám trở lại nghe ngóng động tĩnh, rồi ngắm nhìn địa thế.

Người tướng già đến bên Quốc Toản:

- Giặc tất vào trại Vĩnh Bình. Chi bằng công tử cho quân tiến nhanh vào trại trước, chọn thế hiểm để phục kích thì giặc đông mấy cũng tan.

Nghe ra, Quốc Toản thúc quân đi gấp.

Thấy tiền quân của Quốc Toản tiến vào trại, những người dân miền núi đang hối hả chạy giặc mừng lắm.

Một ông già tiến đến trước mặt Quốc Toản, nói một tràng tiếng lại. Người tướng già nhắc lại:

- Ông ta bảo công tử là vị cứu tinh của dân trại, vì các trai tráng ở đây đều theo chủ trại của họ đi đánh giặc, không ai ở lại giữ nhà cả.

Quốc Toản nắm tay ông già:

- Giặc đến cướp nước ta, chúng ta phải chung sức đánh lại.

Mấy ông già khác, vai đeo cung nỏ, vác từng bó tên cũng đến bên Quốc Toản. Một trong những ông già đó nói tiếng Kinh lơ lớ:

- Quan quân ở xa không biết cái núi cái khe ở đây đâu. Để chúng tao dẫn đường rồi đánh giặc một thể.

Quốc Toản sung sướng gật đầu rồi hướng về hàng quân:

- Giặc sắp kéo đến đây nộp mạng cho ta rồi. Lệnh cho mọi người không được để cho một thằng nào chạy thoát.

Nói rồi Quốc Toản chia quân đi phục trên các ngọn núi chung quanh trại Vĩnh Bình. Riêng Quốc Toản thì dẫn đội quân cung nỏ vòng ra chặn giặc.

Trời đã về chiều, Sương mù giăng kín núi rừng. Đứng cạnh ông già miền núi, Quốc Toản nhìn thấy quân giặc đang lọt vào thế trận của mình. Bao nhiêu là người và ngựa. Tới gần trại Vĩnh Bình, quân giặc bỗng dừng lại. Quốc Toản và đội cung nỏ, ngắm sẵn đường tên.

Sau phút rụt rè, quân giặc bắt đầu tràn vào trại, xông vào từng nhà. Hậu quân của chúng cũng đã ở ngay trong tầm tên của Quốc Toản. Lập tức Quốc Toản vẫy ta ra hiệu. Tiếng tù và rúc lên. Toán quân đầu tiên đã ngã gục dưới làn mưa tên dữ dội.

Giặc Nguyên bị đánh bất thần kêu thất thanh. Những tên sống sót chạy trở vào, vấp phải những tên chạy ra, lột từ trên ngựa xuống.

Quân của Quốc Toản sức trẻ đang hăng lại dày công luyện tập, nên trèo núi nhanh như vượn, đã đến giáp mặt với giặc, vung kiếm chém giặc như chém chuối.

Viên tướng giặc liều chết mở đường máu rút lui. Nhưng chạy được một quãng chúng đã thấy lá cờ đại nổi lên sáu chữ kiêu hãnh và một viên tướng trẻ dẫn đầu đoàn quân ào ào xốc tới chặn đường.

Một tiếng thét lanh lảnh:

- Bại tướng! Hãy bỏ giáp qui hàng thì được toàn tính mạng!

Viên tướng giặc nhìn lên. Hắn hoa mắt nhận thấy địch thủ của hắn mặc áo bảo đỏ, cưỡi con ngựa trắng, trẻ và đẹp hơn cả những cô gái mà hắn từng gặp ở nước hắn.

Hoảng hốt, tên tướng giặc vội xuống ngựa quỳ phủ phục. Cả đám giặc ngót trăm đứa cũng lần lượt làm theo.

Nhìn cảnh tượng ấy, Quốc Toản suýt bật cười thành tiếng.

Trận địa trở lại im lặng. Theo lệnh Quốc Toản, quần áo giặc được thu lại để nộp cho Quốc công tiết chế, đã chất lại từng đống.

Nhân dân trại Vĩnh Bình đứng vây quanh lấy Quốc Toản. Ông già miền núi theo suốt trận đánh sung sướng cầm tay Quốc Toản:

- Quân mày đánh giỏi lắm. Cờ mày nghĩa hay lắm. Mày cũng đẹp hơn cả con gái trại tao.

Quốc Toản mỉm cười.

Kể từ ngày Quốc Toản dẫn đội quân hơn nghìn người của mình từ Lạng giang về hội sư ở Vạn Kiếp theo lệnh của Quốc công tiết chế, đã được gần nửa năm. Gần nửa năm ấy, Quốc Toản và đội quân của mình đã vượt qua bao thử thách phải chứng kiến bao cảnh đau lòng. Quốc Toản nhớ rõ, ngay sau ngày hội sư ở Vạn Kiếp, sau khi nghe lời hịch hùng hồn, khẳng khái, rung động lòng người của Quốc công tiết chế, toàn quân sôi sục tỏ rõ quyết tâm đánh giặc bằng các thích hai chữ "Sát thát" vào tay mình. Giặc đã ồ ạt tràn về phá vỡ thế trận Dực Khủy (Vạn Kiếp), quan quân phải lui về bảo vệ Kinh thành. Nhưng rồi Kinh thành cũng lọt vào tay giặc. Vùng Võ Ninh, quê hương Quốc Toản cũng ngập chìm trong bể máu. Cũng chính những ngày ấy, Quốc Toản được lệnh hộ giá hai vua Trần, chạy giặc vào Thanh Hóa. Nguy hiểm, vất vả thật nhưng đau lòng nhức óc nhất vẫn là những ngày Quốc Toản và đội quân của mình phải ăn đợi nằm chờ ở Thanh Hóa. Chẳng lẽ cứ ngồi đây nhìn giặc giết hại dân mình, tàn phá đất nước mình mãi sao? Dù biết Quốc công tiết chế đang thực hiện chiến sách của mình, nhưng Quốc Toản vẫn day dứt không yên. Chẳng dừng được, đã mấy lần Quốc Toản xin cất quân, quyết sống mái với giặc một phen cho hả giận, nhưng đều bị Tiết chế gạt đi.

Nhưng rồi cái ngày đợi chờ đợi đã đến. Sau khi có thêm đội quân của Phạm Ngũ

Lão vào tăng viện, tướng quốc thái úy Trần Quang Khải đã đánh quân Toa Đô ở Nghệ An, nhưng rồi đạo quân này kéo ra Bắc để hợp cùng đại binh Thoát Hoan. Lập tức, quốc công tiết chế đã triệu các tướng lĩnh đến đại bản doanh, bàn kế đánh tan đội quân nhà nghề này.

Quốc Toản không bao giờ quên được ánh mắt lộ rõ sự tin tưởng khi Quốc công tiết chế cử Quốc Toản làm phó tướng cùng với Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật và tướng quân Nguyễn Khoái đem năm vạn quân đi chặn giặc ở cửa Hàm Tử.

Lá cờ đề sáu chữ bao ngày chờ đợi lại được tung bay trong trận thủy chiến lớn lao này. Cùng với các đội quân của Chiêu Văn vương, của Nguyễn Khoái, Quốc Toản đã dùng cách đánh táo bạo, cho thuyền quân mình áp vào thuyền giặc, rồi nhất loạt nhảy sang đâm chém, gạt chúng xuống sông.

Rồi cũng bằng cách đánh táo bạo, dũng cảm này, Quốc Toản đã cùng với Quôc công tiết chế và các tướng Lê Phụ Trần, Phạm Ngũ Lão, đánh thắng giặc ở trận Tây Kết, đuổi Ô Mã Nhi chạy ra biển, chém được Toa Đô tại trận.

Và, lúc này đây, đầu tháng năm, năm Ất Dậu (1285), Đội quân trẻ tuổi đã qua bao lần thử lửa, lại đang hăm hở tiến thẳng đến Thăng Long, sào huyệt cuối cùng của quân giặc, theo lệnh của Quốc công tiết chế. Tướng quốc thái uý Trần Quang Khải, thượng tướng quân Phạm Ngũ Lão, cũng đã đem đại binh tới, quyết thu phục lại Kinh Thành.

Dù vững tin ở thắng lợi, nhưng quốc Toản biết rằng quân của Thoát Hoan ở Thăng Long còn nhiều. Lại còn đội chiến thuyền của đại tướng A Thích ken đặc ở bến Chương Dương nữa.

Nhưng kế phá giặc đã bàn xong. Quốc Toản đem ba ngàn quân bí mật phục trên quãng đường giữa Thăng Long đến bến Chương Dương. Trần quang Khải cũng dẫn đại binh đến phục ở gần bến Chương Dương.

Muốn diệt được quân Thoát Hoan ở Thăng Long, trước hết phải đánh đội chiến thuyền của A Thích.

Thượng tướng Phạm Ngũ Lão đã đốc suất toàn bộ đoàn chiến thuyền xông thẳng tới bến Chương Dương, đánh thủy quân của A Thích. Vừa đánh vừa rút đến chỗ có phục binh của Trần Quang Khải. Phạm Ngũ Lão quay thuyền lại đánh. Quân A Thích bỗng nhiên bị vây chặt. Quân của Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão tung hoàng ngang dọc, đánh tan đội chiến thuyền của A Thích, buộc A Thích phải dẫn đám tàn quân bỏ chạy về Thăng Long. Nhưng Phạm Ngũ Lão không đuổi theo mà lại đi đường tắt, bí mật mai phục ở chân thành Thăng Long.

Nghe tin A Thích thất trận, Thoát Hoan tức tốc cử Phàn Tiếp đem một vạn binh lính đi cứu. Nhưng quân của Phàn Tiếp đi được nửa đường đã thấy đội quân trẻ mang lá cờ đề sáu chữ, nổi hiệu lệnh chặn đán. Cố chống đỡ, nhưng quân của Phàn Tiếp không sao địch được đội quân dũng mãnh của Quốc Toản. Thế cùng, Phàn Tiếp đành phải chạy về Thăng Long.

Lúc này, được tin A Thích đang dẫn tàn quân chạy vào thành Thăng Long, Quốc

Toản nhanh trí không cho quân đuổi theo Phàn Tiếp mà tạt sang chặn đánh A Thích. Bị tái đòn, quân A Thích không dám chống cự. A Thích cướp ngựa cùng đám tùy tùng chạy về Thăng Long, bỏ mặc đám quân đang bị Quốc Toản vây hãm tiêu diệt dần.

Đại quân của Trần Quang Khải và Quốc Toản đã lại gặp nhau và thừa thắng cùng kéo tới bao vây thành Thăng Long.

Thấy thế nguy, Thoát Hoan đành thân đốc toàn quân chủ lực trong thành cùng A Thích, Phàn Tiếp đánh ra, cố phá vây.

Trần Quang Khải giả thua chạy, lừa quân Thoát Hoan ra xa thành, rồi bất ngờ cho quân quay lại đánh vỗ mặt. Cùng lúc ấy, theo hiệu lệnh, Quốc Toản tung quân đánh tập hậu vào cánh quân của Thoát Hoan, và Phạm Ngũ Lão lợi dụng lúc giặc sơ hở dốc sức công thành. Đại quân Thoát Hoan, A Thích bị chẹn vào giữa và bị thua to, thây chết đầy nội. Thoát Hoan, A Thích buộc phải tìm đường lui về thành. Nhưng chúng kinh ngạc thấy quân của Phạm Ngũ Lão tung hoành đánh ra. Lại một phen nữa quân Thoát Hoan bị chết như ngả ra. Thoát Hoan hốt hoảng rụng rời mở đường máu rút chạy đến Đông Đô Đầu.

Trần Quang Khải, Quốc Toản đem quân vào Thăng Long cùng Phạm Ngũ Lão mở tiệc khao quân rồi cho người vào Thanh Hóa dâng biểu báo tin thắng trận. Hôm đó là ngày năm tháng năm, Ất Dậu (1285).

Lần thứ hai người tướng già giục Quốc Toản đi ngủ. Nhưng cũng như lần trước, Quốc Toản chỉ ậm ừ chiếu lệ rồi vẫn chóng đèn ngồi súy tưởng. Còn niềm vui nào bằng khi Kinh Đô đã được thu phục, ấp Võ Ninh đã thoát khỏi tay giặc, và cả nước sắp trở lại cuộc sống thanh bình. Quốc Toản không khỏi tự hào thấy mình đã lập được chút công, đươc vua và Tiết chế rất mực yêu mến. Tấm lòng vì vua vì nước thế là gần được toại nguyện. Và mẹ nữa Quốc Toản nao nao nhớ tới mẹ. Không biết mẹ đã trở về Võ Ninh hay còn chạy giặc nơi nào? Để mẹ phải vất vả, đơn chiếc, Quốc Toản không khỏi rầu lòng. Nhưng, chính mẹ cũng không muốn cho con trọng chữ hiếu mà mất chữ trung. Quốc Toản tự nhủ: đánh giặc xong sẽ về phụng dưỡng mẹ, bỏ những lúc xa cách, và đức hy sinh cao cả của mẹ rồi sẽ được báo đền trọn vẹn.

Có tiếng động ở ngoài hàng lang. Quốc Toản vội hướng ra khung cửa. Một người lính bước vào cúi đầu kính cẩn:

- Thưa tướng quân có mật lệnh của quốc công tiết chế gửi cho tướng quân.

Đỡ lấy chiếc bì có gắn sáp, Quốc Toản vội vã bóc ra đọc. Càng đọc nét mặt Quốc Toản càng rạng rỡ.

Thấy người tướng già đã có mặt, Quốc Toản sôi nổi:

- Vua và Quốc công tiết chế đã tính chỉ vài trận nữa sẽ diệt xong được giặc. Tiết chế đã cử quân đi chặn các ngả giặc có thể rút qua, và chúng ta được lệnh lên mạn phía bắc sông Nhị đón đánh bại binh Thoát Hoan.

Người tướng già vui vẻ khác hẳn ngày thường:

- Công tử cho khởi quân ngay đêm nay ư?

- Ta lên báo lại với Tướng quốc thái úy, rồi cất quân cũng chưa muộn.

Một lúc sau, giữa thành Thăng Long đang yên ắng, một hồi tù và rúc lên rộn rã.

Trong phút chia tay vội vàng, Trần Quang Khải âu yếm nắm tay Quốc Toản:

- Binh Thoát Hoan còn tới chục vạn. Cháu đi phen này phải hết sức thận trọng mới được.

Quốc Toản khẳng khái:

- Phen này nếu không lấy được đầu Thoát Hoan cháu quyết không trở về.

Trần Quang Khải gật đầu rồi bần thần nhìn theo Quốc Toản dẫn đầu đoàn quân hối hả lên đường.

Mờ sáng hôm sau, Quốc Toản cùng đội quân trẻ của mình đã tới địa đầu ấp Võ Ninh. Quốc Toản không khỏi lo lắng và căm giận thấy quê hương mình xơ xác, cây cối bị cháy xém vàng úa. Trước mắt Quốc Toản, bao cảnh đổ nát, tan hoang đã phơi bày tội ác tầy trời của giặc.

Thấy viên dưỡng tướng của mình nét mặt rầu rầu, người tướng già nhỏ nhẹ:

- Công tử chớ phiền lòng. Thù này sẽ được trả. Ta chẳng đang đi chặn giặc đó sao?

Quốc Toản gật đầu ra roi ngựa. Đoàn quân trẻ rầm rập kéo đi.

Vượt qua bờ bắc sông Như Nguyệt, Quốc Toản cho quân dừng lại ăn uống; còn mình và người tướng già tức tốc phi ngựa đi ngắm địa thế đặt phục quân.

- Mồ chôn Thoát Hoan là chốn này đây Quốc Toản sau gần nửa buổi đi chọn địa thế vừa nói với người tướng già vừa chỉ vào đoạn đường lớn kề sát những dãy đồi rậm rạp, chạy tới ải Nam Quan Quốc công tiết chế có ý dặn ta đặt phục quân nơi này.

Người tướng già gật đầu:

- Đất này có cái thế rồng cuốn hổ chầu, rất lời cho công tử bày trận.

Biết tin đội quân mang lá cờ đề sáu chữ do một viên dũng tướng trẻ đốc suất đang ở trên đất mình, nhân dân địa phương thi nhau mang trâu, rượu, xôi ra khoản đãi. Các bô lão còn nằng nặc xin cho trai tráng làng được ra giúp sức.

Quốc Toản còn băn khoăn thì người tướng già đã nói nhỏ:

- Công tử đừng phụ lòng tốt của muôn họ.

Quốc Toản thầm khen: "Viên tướng già này bao giờ cũng góp những lời bàn đúng lúc". V.ì vậy, Quốc Toản phân chia ngay mấy trăm trai tráng vào các đô, cho quân mai phục trên các triền đồi và đào rất nhiều bẫy ngựa xung quanh đường. Hướng mai phục kéo thành một tuyến dài.

Nhưng đợi đến sáng hôm sau, quân giặc vẫn biệt vô âm tín. Sợ đợi lâu lòng quân

dễ nản, Quốc Toản cứ ngồi luôn trên mình ngựa, đi hết nới này đến nơi khác để cổ vũ quân sĩ.

Gần trưa thì lính do thám về báo rằng: Tướng giặc là Giản Kỳ đã kép tới Đông Đô Đầu hợp quân với Thoát Hoan. Hiện chúng đang bị quan quân vây đánh. Có dấu hiệu chúng sắp rút chạy.

Quốc Toản phấn chấn phóng ngựa đi đôn đốc quân sĩ. Nhưng lại qua một đêm nữa, quân dân chen vai thích cánh sốt ruột chờ giặc. Lúc Quốc Toản đang tỏ nổi băn khoăn với người tướng già, thì từ mạn Thăng long, một thám mã phi như tên bắn thẳng tới nơi đặt phục binh. Thấy Quốc Toản, người lính nhảy vội xuống đất hấp tấp nói:

- Đại binh của Thoát Hoan đã rút chạy. Đội quân bắc cầu của chúng cách ta không xa.

Nhảy lên con chiến mã, Quốc Toản nói như thét với cánh quân đang hướng về phía mình:

- Đã đến lúc giao chiến. Anh em hãy ráng sức đánh cho Thoát Hoan biết uy danh của nước Nam ta!

Hàng loạt quân sĩ giơ cao cánh tay thích hai chữ "Sát Thát" đồng thanh:

- Chúng tôi xin thề quyết chiến!

Lúc ấy đã gần trưa. Nắng hè ngùn ngụt như đổ lửa. Quốc Toản sắc mặt đỏ gay vì nắng, vẫn ngồi trên con chiến mã quen thuộc, uy phong lẫm liệt.

Chợt Quốc Toản cho tìm người tướng già đến bên mình, giọng nói nóng nảy:

- Thoát Hoan là một tên tướng đốn hèn không bao giờ dám đi trước hàng quân. Nếu ta cũng phục ở đây sợ lỡ mất dịp chặn đầu hắn. Vậy ông thay ta đốc suất quân mai phục ở đây. Còn ta, ta sẽ dẫn một cánh quân nhỏ xuống chặn hắn ở phía trước.

Người tướng già vốn biết tính gan liều của Quốc Toản. Những lần dự trận với Quốc Toản, ông thấy rõ bao giờ Quốc Toản cũng đứng ở chốn mũi nhọn để đánh vỗ mặt vào quân giặc. Trận Tây Kết, Thăng Long đã rõ; trận Hàm Tử lại càng rõ hơn. Trong thâm tâm, người tướng già thán phục Quốc công tiết chế đã biết dùng người. Hiểu Quốc Toản nên tiến chế đã chọn để Quốc Toản chặn giặc ở đây, ngay mạn này, chứ không phải ở Vạn Kiếp, Chi Lăng hay nơi nào khác. Tuy thế, lần này người tướng già không khỏi lo lắng:

- Tôi hiểu rõ lòng công tử Người tướng già nói Nhưng Thoát Hoan còn lắm quân. Chúng cùng đường, phải rút chạy nên cũng cùng đường đường mà liều chết. Công tử chẳng nên tách khỏi đại binh như thế.

Quốc Toản giọng cương quyết:

- Ông đã vì ta mà lo xa cho ta. Nhưng chí ta đã quyết. Đừng trái lệnh ta!

Nói rồi Quốc Toản dẫn đội quân cung kiếm tiến mãi lại phía gần bờ sông chờ giặc.

Xế chiều thì giặc đã bắc xong cầu phao và tiền quân của Thoát Hoan bắt đầu xuất hiện. Qua rừng cây thưa, cánh quân cung kiếm của Quốc Toản đã nhìn thấy chúng lố nhố kéo đến đầy đồng nội. Rồi tiền quân của chúng bắt đầu qua cầu phao.

- Vẫn chưa thấy mặt thằng tướng Quốc Toản sốt ruột nói với quân sĩ khi thấy tên tướng tiên phong của Thoát Hoan vừa phì nộn vừa đần độn, đang đi ngang qua nơi Quốc Toản đặt phục quân. Nhưng chỉ một lúc sau, Quốc Toản đã trông thấy Thoát Hoan đi cuối cánh quân tiên phong, xung quanh dày đặc những tướng tùy tùng và võ sĩ hộ vệ.

Quốc Toản ướm dây cung rồi nâng cần cung ngắm Thoát Hoan. Nhưng không bắn được. Thằng tướng giặc này tham sống sợ chết đến nỗi nó cho quân đi vòng trong vòng ngoài vây kín.

Đợi Thoát Hoan đến ngang tầm mình, Quốc Toản vẫy ta ra hiệu. Lập tức, một hồi tù và dóng dả cất lên rồi tiếng trống thúc liên hồi nối tiếp khắp tuyến đường dài, làm náo động cả một vùng trời. Quốc Toản dẫn đầu đoàn ngựa chiến lao thẳng tới cụm quân vây quanh Thoát Hoan.

Trông thấy lá cờ đề sáu chữ do một viên tướng trẻ dẫn đầu đang xông vê phía mình, Thoát Hoan nhận ra ngay viên danh tướng tiên phong mà đã bao lần hắn nghe đồn đại về tính gan liều có một không hai này. Vì vậy, Thoát Hoan vừa ra roi ngựa vừa thất kinh thét quân sĩ:

- Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản đó. Chạy mau khỏi nơi này.

Nhưng Quốc Toản đã kịp dẫn đội quân trẻ của mình lăn xả vào đám binh dầy đặc xung quanh Thoát Hoan. Phút chốc, Quốc Toản đã đánh giạt toán giặc Nguyên, mở đường xông tới gần Thoát Hoan. Bọn tùy tướng thấy chủ chúng lâm nguy, liền xúm lại đánh Quốc Toản. Quốc Toản tả xung hữu đột, vung kếm múa tít. Một tên tướng giặc rơi đầu, rồi tên thứ hai ngã nhào xuống đất. Tên đại tướng A Thích thấy Quốc Toản giết mất hai tướng của mình, liền bỏ Thoát Hoan phi ngựa sấn lại. Vừa thét quân sĩ giãn ra. A Thích đã vung quả chùy cán dài gáng như búa bổ vào đầu Quốc Toản.

Nhanh như chớp, Quốc Toản né tránh, rồi vừa nhảy xông lại đánh nhau với tên tướng đã có lần đọ sức ở ngoài thành Thăng Long, Quốc Toản vừa cười khanh khách:

- Đúng là điềm chết của Thoát Hoan nên mới sinh ra một tên đại tướng đi đánh trộm như nhà ngươi.

Quốc Toản và A Thích, một bên nhanh nhẹn sắc bén, một bên cậy sức khỏe; một bên kiếm một bên chùy, lăn xả vào nhau như hai con mãnh thú. Cánh quân trẻ của Quốc Toản cũng đã nhanh chóng dàn thành hàng đánh lui hết toán giặc này đến toán giặc khác để trợ chiến với chủ tướng của họ.

Một hồi lâu, A Thích đã nhễ nhại mồ hôi, quả chùy trong tay không còn linh hoạt nữa. Bỗng hắn gầm lêm một tiếng rồi thúc ngựa tháo chạy. Quốc Toản tức tốc phóng ngựa đuổi. Tưởng Thoát Hoan đã chạy thoát, Quốc Toản vô cùng tức giận.

Nhưng kìa, hắn vẫn đang trong đám loạn quân phía trước. Trông cảnh tượng người, ngựa ùn lại, Quốc Toản mừng thầm vì biết đại binh của mình do người tướng già đốc suất, đã đánh bật giặc trở lại.

Hết đường tiến, giặc phi ngựa tản sang hai bên đường định chạy. Nhưng ngựa giặc thi nhau ngã gục và rống lên thảm thiết. Thoát Hoan biết Quốc Toản đánh bẫy ngựa nên không dám chạy tạt ngang. Hắn đành hô quân lộn trở lại, vượt cầu phao, chạy sang phía Phả Lại, bỏ ý đồ rút về ải Nam Quan. Thoát Hoan giận tái người khi thấy trung quân và hậu quân của hắn đang tự động rút chạy theo hướng đó.

Thấy quân của Quốc Toản vẫn lớp lớp xô về phía mình, Thoát Hoan khủng khiếp nghĩ đến cái chết đang chờ hắn. Cùng thế, Thoát Hoan thét tướng sĩ dốc sức đánh lại đội quân của Quốc toản. Cũng chỉ đến lúc này, Thoát Hoan mới nhận ra, đội quân của viên dũng tướng trẻ người Việt này rất ít. Hắn đỡ lo lắng và thúc quân đánh dấn.

Lại một lần nữa, Quốc Toản tung hoành ngang dọc, xé đội hình giặc xông tới Thoát Hoan. Để bảo vệ chủ tướng, Giản Kỳ vác đao ra chặn đánh Quốc Toản. Quốc Toản lại có dịp đánh nhau với một danh tướng khác của giặc.

Nhằm lúc Quốc Toản bận đánh Giản Kỳ, Thoát Hoan lách ngựa chạy tháo thân. Thấy vậy, Quốc Toản điên người dốc hết sức đánh Giản Kỳ. Đã thấm mệt, lại thấy đại binh của Quốc Toản từ đâu đang tràn xuống như thác lũ, Giản Kỳ bất thình lình cũng rút chạy. Lập tức, Quốc Toản thúc ngựa đuổi theo. Nhưng bỗng Quốc Toản lảo đảo trên ngựa. Một tùy tướng của Thoát Hoan nhân lúc Quốc Toản sơ hở, đã bắn trộm. Mũi tên ngập vào ngực Quốc Toản. Đội quân trẻ định lại đỡ chủ tướng của họ. Nhưng sau phút lão đảo Quốc Toản đã lại vừa thúc quân đuổi theo giặc vừa chuyển tay kiếm rút mũi tên đỏ nhuộm máu, tiếp tục đuổi theo Giản Kỳ. Máu Quốc Toản đầm đìa chảy xuống con ngựa chiến. Máu rây lên mặt đường theo hướng ngựa chạy. Và đến khi Quốc Toản kiệt sức, ngã nhào xuống đất, thì người tướng già cũng vừa đem đại binh tới.

Nhảy vội từ trên mình ngựa xuống đất, người tướng già ôm lấy Quốc Toản khóc rưng rức:

- Quân giặc đông như dòi bọ, tôi không tài nào chém hết chúng, kịp hộ sức với công tử để đến nông nổi này!

Quốc Toản cố cất đầu lên, hỏi:

- Giặc đâu?

- Chúng chết như rạ. Còn Thoát Hoan và đám tàn quân chạy như lũ chuột sang hướng Phả Lại cả rồi.

Quốc Toản nói, giọng đuối dần:

- Ở Vạn Kiếp cũng đã có binh ta chặn. Nhưng để chắc thắng, ông hãy vì ta cầm quân thay ta đuổi gấp. Ngừng lại để thở, Quốc Toản tiếp sau này ông về an ủi và chăm sóc mẹ ta thay ta. Được như thế ta chết cũng yên lòng.

Quốc Toản đưa mắt nhìn những chiến sĩ của mình đứng vây quanh, cặp môi Quốc Toản mấp máy như muốn nói điều gì, rồi trút hơi cuối cùng.

Người tướng già để một toán gia nhân của Quốc Toản ở lại trông nom, rồi bằng một giọng chắc nịch, ông hô quân nhằm thẳng hướng quân thù xốc tới.

Cả đoàn quân trước lúc đi đều ngậm ngùi nhìn lại lần cuối người chủ tướng dũng cảm, thân yêu chưa đầy mười bảy tuổi của mình. Đó là quãng trung tuần tháng năm năm Ất Dậu (1285)

Một tháng đã trôi qua. Sau lễ ăn mừng chiến thắng long trọng ở Kinh Đô, người tướng già vội trở về Võ Ninh ngay. Mặc dù đã chuẩn bị trước, nhưng vừa nhác thấy Trần mẫu tóc đã bạc quá nửa, người tướng già không cầm được nước mắt.

Trần mẫu cũng thấm vội dòng nước mắt, giọng buồn buồn:

- Chú Chiêu Thành vương đã nói cả rồi. Đau lòng lắm nhưng với ông, ta không giấu được niềm kiêu hãnh tự hào về đứa con duy nhất của ta làm đẹp thêm dòng dõi Đông A. Ngừng lại để nén xúc động, Trần mẫu tiếp ta còn được biết ông đã vì con ta mà đánh dồn Thoát Hoan chạy sang Vạn Kiếp lập được chiến công to. Điều ấy quý lắm.

Người tướng già thở phào nhẹ nhõm. Những điều khó nói, dễ xúc động nhất. Trần mẫu đã biết cả. Thấy Trần mẫu bình tĩnh chịu đựng đau đớn, trái với dự đoán của mình, người tướng già rất thán phục và thêm kính trọng bà mẹ quả cảm này.

Hiểu lòng người tướng già, Trần mẫu lảng chuyện:

- Lễ ăn mừng vua ta làm có to không?

- Thưa tôn phu nhân Người tướng già đáp Lễ ăn mừng lần này to hơn, long trọng hơn lần trước rất nhiều. Tuy vậy, vua vẫn căn dặn tướng sĩ không được lơ là việc quân, phòng giặc có thể đem lính sang phục thù. Trong buổi lễ người tướng già ngập ngừng vua đã sa lệ khi nhắc đế công tử. Tướng quốc thái úy cũng đã tuyên đọc việc vua gia phong cho công tử tước vương.

Trần mẫu thoáng vui:

- Việc sau thì hôm nay ta mới biết. Còn việc vua vật mình than khóc khi con ta chết thì chú Chiêu Thành vương đã cho hay.

Chợt người nữ tỳ vào báo có bô lão ấp Võ Ninh tới.

Trần mẫu vội bước ra án, vừa sửa soạn đón khách vừa nói:

- Gần tháng nay, chẳng mấy ngày không có các ông già tốt bụng ấy đến viếng thăm, chia buồn với ta.

Người tướng già cúi đầu xin lui. Cả ấp Võ Ninh chìm trong nắng hè rực rỡ.

Chu Văn An

Chu Văn An đã sống trải qua các triều vua Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông, Dụ Tông và Nghệ Tông nhà Trần.

Vào những năm của nửa sau triều đại nhà Trần, trong lúc chùa chiền mọc lên khắp nơi, từ vua quan đại thần cho đến thường dân, nhiều người rủ nhau đi tu, trong lúc kho tàng của nhà nước đổ ra như thác, tiền tài sức lực của nhân dân bị phung phí không hạn độ cho việc dựng chùa tô tượng, thì con người hằng lưu tâm đến nhân tình thế thái, đến tấm thân hữu dụng của kẻ sĩ đối với dân với nước như Chu Văn An, không thể không ngày đêm băn khoăn suy nghĩ. Bởi vậy cho nên tuy đậu Thái học sinh nhưng Chu Văn An không ra làm quan, lại lấy việc hằng ngày được quây quần với bầy học trò dưới mái trường ấm cúng làm lẽ sống. Ông dựng một ngôi trường tại quê nhà để dạy học.

Từ đó, bên trường Quốc tử giám, ngôi trường của Chu Văn An xuất hiện ở làng Cung Hoàng trên bờ sông Tô Lịch ngay gần kinh thành.

Đã nổi tiếng là một nhà nho có học vấn sâu rộng, có đạo đức mẫu mực, với nghề dạy học, Chu Văn An còn nổi tiếng là một bậc thầy giáo tận tụy với nghề nghiệp và thương yêu học trò hết lòng.

Đối với học trò, từ những người cao tuổi đã trải qua nhiều năm đèn sách, cho đến những lớp thiếu niên măng trẻ, Chu Văn An đều hết lòng dạy dỗ. Ông uốn nắn từng nét chữ, sửa đổi từng câu văn, trau dồi từng nhận thức cho họ. Ngay cả những kẻ đã đậu đạt, nhiều người vẫn thường lui tới trường để được nghe Chu Văn An bình văn giảng sách. Ở trường học cũng như trong khi tiếp xúc ở ngoài, học trò của ông không kể trình độ nào, nếu có điều sai trái, nói năng không phải lẽ, ông đều trách quở, có khi còn quát mắng, đuổi ra khỏi trường hay không tiếp.

Trong nghề dạy học, bên cạnh việc trau dồi kiến thức Chu Văn An đặc biệt chú ý đến rèn luyện đạo đức cho học trò.

Chăm chút vun trồng, nâng niu đào tạo từng người, thương yêu học trò như con đẻ là điều vốn có của Chu Văn An. Mặt khác, ông cũng rất nghiêm khắc với họ như ông đã nghiêm khắc với chính mình vậy.

Học trò của ông rất đông, có tới trên ba ngàn người. Đường vào làng Cung Hoàng ngày càng đông vui tấp nập. Học trò bốn phương kéo về, từ kinh sư cho đến các lộ đều có người đến học. Được làm học trò của Chu Văn An là điều vinh hạnh đối với họ. Do công phu rèn luyện của Chu Văn An, học trò của ông nhiều người đậu đạt; có người giữ chức vụ quan trọng trong triều đình. Phạm Sư Mạnh, người Giáp Sơn, Hải Dương, làm quan đến chức nhập nội hành khiển tri khu mật viện sự, Lê Quát người Đông Sơn, Thanh Hóa, làm quan đến chức bộc xạ đều là học trò của ông cả. Hai người đều do văn học mà được làm quan, và nổi tiếng là người có tài năng đức độ trong một thời.

Cuộc đời dạy học tuyệt đẹp của Chu Văn An được phản ánh trong câu chuyện có tính chất thần thoại chép lại trong sách xưa còn truyền tụng đến bây giờ. Tương truyền rằng khi Chu Văn An còn dạy học ở Cung Hoàng, hàng ngày có một chàng

thanh niên khôi ngô tuấn tú đến nghe giảng kinh sách rất chăm chú. Chàng học hành thông minh, có đạo đức gương mẫu, rất được thầy bạn thương mến. Điều khó hiểu ở chàng là người ta không rõ tông tích quê quán của chàng ở đâu. Chu Văn An cho người đi dò la, biết rằng cứ đến đầm Cung Hoàng là chàng biến mất. Nhờ vậy Chu Văn An biết người học trò đó là Thủy Thần.

Năm ấy đại hạn, khắp vùng đều khô cạn, cây cối màu mỡ úa vàng, Chu Văn An ngày đêm lo lắng cho nhân dân. Ông nghĩ đến chàng học sinh khôi ngô ham học của mình, hy vọng chàng có thể cứu vớt được nhân dân.

Chu Văn An gọi người học trò ấy đến và bảo rằng:

Năm nay trời làm hạn hán, nhân dân khắp vùng khổ cực. Cảnh nghèo đói đang diễn ra rất thương tâm, ta vẫn băn khoăn tìm phương cứu vớt, nhưng chưa có cách nào. Con có thể cùng thầy bàn mưu cứu trăm họ được không?

Vốn là Thủy thần vì mộ học đạo của Chu Văn An mà hiện thân thành người học trò đến theo học, hàng ngày chàng vẫn được nghe thầy giảng đạo đức nhân nghĩa của thánh hiền; nay chàng lại được chính thầy sai tìm cách cứu vớt muôn dân thì còn nhân nghĩa đạo đức nào bằng. Nhưng, khó nghĩ làm sao! Tuân lệnh thiên đình hay nghe lời dạy của thầy? Chàng xin cho được suy nghĩ. Sau một đêm trằn trọc, sáng hôm sau chàng tìm đến Chu Văn An vái chào và hứa làm theo lời dạy đúng đắn của thầy, xin vì thầy sẵn sàng chịu đựng mọi hình phạt.

Chàng bèn lấy nước lã mài mực, dùng bút dúng mực vẩy lên trời rồi tung nghiên bút mỗi thứ đi một phía. Lập tức mây đen nổi lên, trời mưa như trút, nước đen màu mực chảy ngập đồng ruộng. Bút của chàng rơi xuống làng Tả Thanh Oai còn nghiên thì rơi xuống cánh đồng làng Quỳnh Đô và biến thành khu đầm nước màu đen nên gọi là đầm Mực.

Thấy trời mưa to nhân dân khắp nơi đều vui mừng. Chu Văn An vô cùng sung sướng. Nhưng chàng học sinh trẻ tuổi cũng từ ngày đó không thấy có mặt ở trường học nữa. Chu Văn An lo lắng, cho người đi tìm thì thấy một con thuồng luồng chết nổi lên ở giữa đầm Cung Hoàng. Chu Văn An biết rằng đó là hiện thân của anh học trò nghèo yêu quý của ông đã bị trừng phạt vì chống lại lệnh của thiên đình, Chu Văn An buồn rầu đau xót, tiếc thương người đã bỏ mình vì việc nghĩa. Tình nghĩa thầy trò lại càng làm cho nỗi xót thương ấy tăng lên vô hạn. Chu Văn An sai học trò vớt xác con thuồng luồng đó lên và đem chôn cất tử tế...

Cùng với nhiều năm tháng trôi qua, cùng với nhiều thế hệ thanh niên được đào tạo qua nhà trường, tên tuổi của Chu Văn An ngày càng rạng rỡ.

Biết Chu Văn An là một nhà giáo có tài đức hơn người, vua Trần Minh Tông hạ chiếu vời ông vào triều đình và giao cho ông chức Quốc tử tư nghiệp. Không thể trái mệnh vua, vả chăng dạy học để truyền bá học vấn, đào tạo những con người có ích cho xã hội là sở trường và cũng là nguyện vọng của mình, Chu Văn An đành đóng cửa trường, từ giã đám học sinh yêu quý để vào Kinh nhận chức.

Làng Văn, xã Quang Liệt ở ngay gần kinh thành Thăng Long, Chu Văn An

thường hay đi về quê nhà. Mỗi khi có chiếc võng ba đòn khiêng về đến đầu làng, mọi người lại thấy từ trên võng, quan Quốc tử tư nghiệp bước xuống, khoan thai đi bộ trên con đường làng quen thuộc.

Tuy không to lớn đẹp đẽ như trường Quốc tử giám, những Chu Văn An không thể quên được ngôi trường cũ của mình. Nhìn trường cũ nền mốc sân rêu, Chu Văn An nhớ lại quảng đời tự do phóng khoáng đã qua.

Cái chức Quốc tử tư nghiệp, được nhà vua ủy thác cho trông nom một trường học lớn chuyên dạy dỗ vương tôn công tử không làm cho Chu Văn An vui lòng lắm. Áo mũ, tàn quạt, võng lọng vua ban đã là sang, những đối với Chu Văn An lại không thấy làm vinh, làm trọng. Là một học quan cao cấp, được tiếp xúc nhiều với những bậc vương hầu công khanh, Chu Văn An càng thêm đau lòng cho thế đạo. Bên trong cái vỏ từ bi của đạo Phật, cả kinh thành đang chìm ngập trong lạc thú xa hoa, tội ác dơ bẩn. Các bậc vương hầu công khanh lại chính là những người đầu trò trong tấn bi hài kịch này. Thảng có lúc Chu Văn An muốn quay về trường cũ vui với cuộc sống nghèo để giữ mình được trong sạch. Nhưng, với hoài bão đem đạo lý của thánh hiền để dạy dỗ mọi người, thì cái xã hội vương hầu công khanh lại không phải là nơi hoạt động của mình hay sao? Tạm xếp mọi lo phiền, Chu Văn An đem hết tâm lực cùng các bạn đồng liêu làm việc. Qua những kỳ bình văn giảng sách hàng tháng, qua cách cư xử của Chu Văn An với mọi người, tài đức của ông ngày càng thêm sáng tỏ.

Bốn bức tường của nhà Quốc tử giám, cùng với sinh hoạt phong lưu của quan Tư nghiệp không thể ngăn cách con người như Chu Văn An với cuộc sống bên ngoài được.

Người ta thường thấy quan Quốc tử tư nghiệp đi dạo chơi dưới rặng liễu bên Văn Hồ. Đó là những lúc Chu Văn An hòa mình trong cảnh thiên nhiên cho tâm hồn được thư thái sau những ngày vùi đầu vào kinh sử hoặc sau những lúc buồn phiền vì thế đạo.

Một cảnh tượng đã từng làm cho Chu Văn An suy nghĩ là mỗi lần đi dạo chơi, ông lại thấy từ khu hoàng thành, phía Tây Bắc trường Quốc tử giám, từng tốp thường dân gầy gò rách rưới tấp nập đi về. Cảnh tượng ấy đã diễn ra quá nhiều ngày, nhiều tháng.

Một hôm trên con đường về trường Quốc tử giám, Chu Văn An dừng lại, sai gọi người cao tuổi nhất trong đoàn dân phu đến hỏi chuyện. Thấy có đại quan tìm hỏi, mọi người sợ sệt. Một người trạc ngoài năm mươi tuổi tách ra khỏi đám đông, theo người hầu, đến trước Chu Văn An lạy chào.

Chu Văn An vờ hỏi như một người xa lạ với sinh hoạt của một người kinh thành:

- Ta muốn biết trong hoàng thành có việc gì mà các người kéo nhau đi làm lụng đông thế.

- Người đó đáp:

Kính thưa đại quan, ngài chẳng biết trong hoàng thành đang xây vườn ngự, đào

hồ, đắp núi đó hay sao?

Câu trả lời có đôi phần ngạo mạn ấy đã làm cho mọi người lo sợ, họ chờ đợi cơn thịnh nộ của viên đại quan. Nhưng không, nhìn nét mặt gân guốc khắc khổ, quần áo rách rưới và đôi mắt đỏ ngầu vì hơi men của người dân thường này, Chu Văn An vẫn điềm đạm mỉm cười tiếp:

- Ta có biết, nhưng nghe nói công việc này khởi công đã mấy năm nay, vẫn chưa xong ư?

- Thưa ngài, còn lâu, lâu lắm. Khu vườn ngự ở hậu cung chưa xong, lại nghe nói nhà vua còn xây điện Lạc Thanh, đào ao Lạc Thanh, lập hồ Thanh Ngư chứa nước mặn nuôi đồi mồi, cá biển, còn nhiều, nhiều lắm...

- Các người là dân phu miền nào đến đây?

Người đó như không chú ý đến câu hỏi của Chu Văn An, vẫn nói tiếp:

- Kính thưa ngài, khu hoàng thành ngày càng đẹp đẽ, nhà vua và các quan tha hồ vui chơi.

Đến đây, vừng trán cao rộng của Chu Văn An thoáng hiện vài nếp nhăn, nhưng lại tan biến ngay đi. Chu Văn An cười, người dân phu say rượu ấy lại nhập với đoàn người, rồi lũ lượt đi về phía nam kinh thành.

Trên đường về, Chu Văn An thầm nhắc lạ nhiều lần câu nói của người dân phu say rượu: "Nhà vua và các quan tha hồ vui chơi".

Hôm đó Chu Văn An thức trắng đêm. Đã hai lần rót dầu vào cây đèn ở góc bàn, người hầu cận vẫn chưa thấy quan Tư nghiệp hạ bút. Tiếng trống cầm canh từ cửa Đại Hưng phía bắc nhà trường vọng lại, báo hiệu đã sang canh ba. Chu Văn An quay lại nói với người hầu:

- Đã bảo cứ để mặc ta, sao người chưa chịu đi ngủ?

Trên án thư, tập bản thảo *Tứ thư thuyết ước* của Chu Văn An xếp gọn ở một góc. Trước mắt ông là tập văn bài của giám sinh. Nghiên son đã khô cạn, cây bút cầm trong tay đã se ngọn thỏ, Chu Văn An hạ bút, đứng dậy đi lại trong phòng. Bốn bề vắng lặng.

"Nhà vua và các quan tha hồ vui chơi", câu nói của người dân thường ban chiều đã khơi bùng lên trong lòng quan Tư nghiệp những điều băn khoăn ấp ủ lâu nay.

Vụ án Thượng tể Huệ Vũ vương Quốc Trấn năm xưa dưới triều vua Minh Tông, âm mưu đen tối của Văn Hiến hầu, với những lời lẽ xúc hiểm của Thiếu bảo Trần Khắc Chung tuy đã qua lâu rồi nhưng còn để lại khá đậm nét trong tâm tư của Chu Văn An. Trong lúc đó tình hình loạn lạc ở các lộ, tin tức đánh dẹp liên miên ở nhiều nơi lại hàng ngày dồn dập truyền về kinh thành. Hết hạn hán đến lụt ngập, dân tình cơ cực, lòng người ly tán. Còn ở kinh thành Thăng Long thì nhà vua cùng các vương hầu chỉ biết xây dựng đài tạ, rủ nhau bày ra nhiều trò chơi xa xỉ, lấy cờ bạc, rượu chè, dâm dật làm sở thích. Không mấy đêm ở cung đình không có yến tiệc nhã nhạc.

Nhà vua đã biếng nhác về việc triều chính, lại chỉ nghe lời bọn gian thần làm

nhiều trái đạo. Chu Văn An đau lòng vì tình hình đó vẫn ngày càng trầm trọng mặc dù ông đã nhiều lần can ngăn nhà vua.

Ôi! Sách vở của thánh hiền đối với ông sẽ trở thành vô hiệu một khi giữa chốn kinh thành hàng ngày vẫn xảy ra biết bao nhiêu điều ngang trái! Mầm loạn đã mọc ra từ đây, cơ đồ có phen nghiêng ngửa.

Muốn giữ vững được mối rường, muốn làm tròn trách nhiệm của một bầy tôi trung thành, Chu Văn An thấy trước hết là làm cho triều đình trong sạch, tẩy rửa mọi nhơ nhớp rác rưởi đang làm cho đạo lý vẫn đục, việc nước đảo điên. Lũ gian thần hiện ra trước mặt Chu Văn An như một bầy nghịch tặc.

Chu Văn An về án thư, ngồi viết sớ "Thất trảm", đòi chém bảy tên nịnh thần.

Trống cầm canh báo hiệu đã sang canh năm. Tiếng gà gáy sáng lần thứ hai rộn rã, quan Quốc tử tư nghiệp cũng viết đến chữ cuối cùng của sớ "Thất trảm".

Một tháng sau khi dâng sớ, Chu Văn An được lệnh nhà vua vời vào cung bệ kiến.

Khi Chu Văn An đến sân điện Thị triều cũng là lúc nhà vua và triều thần đã tụ họp đông đủ.

Chu Văn An vừa trên võng bước xuống, trong hàng quan văn ngồi phía bên hữu nhà vua có nhiều người đứng dậy xuống thềm đứng dậy xuống thềm lạy chào sư phụ, trong số đó có quan Nhập nội hành khiển Phạm Sư Mạnh và quan Bộc xạ Lê Quát.

Vua Trần Dụ Tông đứng dậy rời bệ rồng, thân ra thềm điện dắt Chu Văn An vào ngồi ở ngôi cao trong hàng quan văn, gần kề nhà vua. Chu Văn An ung dung bước vào trước con mắt kính phục của nhiều người.

Nhà vua mở triều hội để khánh thành khu vườn thượng uyển. Sau vài tuần rượu vua ban, qua nhiều câu chúc tụng theo thường lệ, vua Dụ Tông trỏ vào Chu Văn An và nói với quần thần:

- Chu lão sư thật xứng đáng là bề tôi lương đống của triều đình. Thiên hạ đồn về tài đức của lão sư quả không sai. Đạo đức khuôn mẫu và tính tình cương trực của lão sư đáng làm gương cho quần thần. Chu lão sư hãy hết lòng làm tròn phận sự của quan Quốc tử tư nghiệp, mọi việc khác không cần bận tâm đến làm gì, đã có trời định đoạt.

Chu Văn An đứng dậy chắp tay lạy tạ, nét mặt thản nhiên. Hơi men trong chén rượu của nhà vua trẻ tuổi ban cho chưa đủ làm thay đổi nét mặt của quan Quốc tử tư nghiệp.

Nửa năm trôi qua, kể từ ngày dâng sớ "Thất trảm", mọi việc ở triều đình vẫn không có gì thay đổi. Chu Văn An dâng sớ xin từ quan vì cớ mình đã già yếu, e không đủ sức làm tròn trách nhiệm của nhà vua ủy thác.

Vua Dụ Tông nhiều lần hạ chiếu khuyên nhủ, cố giữ Chu Văn An, nhưng ông một mực xin cho được về nhà dưỡng bệnh. Vua Dụ Tông buộc lòng phải chiều, cho

ông về nghỉ. Trường Quốc tử giám từ đó vắng bóng quan Tư nghiệp Chu Văn An.

Con chim phượng hoàng đã cất cánh bay về núi.

Núi Phượng hoàng nằm nghiêng, hai sườn mở rộng như hình chim phượng múa. Ba người khách đi ngựa dừng lại ở chân núi. Người đi đầu mũ cao áo dài, vẻ đường bệ, ra dáng một viên đại quan của triều đình. Đi sau là hai viên quan tuỳ tòng.

Ba người đi từ Thăng Long tới. Men theo sườn núi, qua suối Miết Trì, họ tiến vào một rặng tùng xanh biếc. Lá tùng nhọn sắc, mơn mởn, mới nảy lộc trong những ngày giá lạnh vừa qua. Sau dăm gốc mai vàng, một ngôi nhà núi xuất hiện. Nhà mái lá đơn sơ, cửa trúc che nghiêng. Những cánh hoa mai cuối mùa theo gió rơi rụng đầy sân và lấm tấm điểm vàng trên mái nhà lá đã bạc màu.

Khách vừa xuống ngựa trước cổng, sửa sang lại mũ áo, thong thả bước vào nhà. Vốn quen thuộc với sinh hoạt phồn hoa tấp nập nơi kinh thành, khách không khỏi ngỡ ngàng trước cảnh đơn sơ tĩnh mịch của căn nhà người ẩn dật.

Chủ nhà, một ông già dáng người thanh tú, nét mặt hiền từ, phong thái ung dung nho nhã, ngồi trên sập, tựa mình bên gối xếp đang đọc sách.

Chợt thấy chủ nhà, viên đại quan sụp xuống:

- Kính chào sư phụ.

Trong khi đó hai viên tùy tòng, một người bưng chiếc hòm sơn son, một người nâng gói nhỏ bọc gấm buộc kim tuyến, đứng thẳng như pho tượng. Chủ nhà vội vã buông tập *Tiểu Ẩn thi tập* bước xuống, xỏ chân vào đôi hài cỏ đến nâng khách dậy và nói.

Quan nhập nội hành khiển, người quá khách sáo.

Chủ nhà đưa Tay phân ngôi chủ khách và gọi tiểu đồng pha nước.

Chủ niềm nở ung dung, khách kính cẩn dè dặt. Chủ đã ngồi mà khách còn chắp tay đứng đợi. Sau nhiều lần mời mọc, khách mới dám ngồi tránh sang một bên.

Cạn chén chè lão mai, chủ hỏi:

- Chẳng hay quan Nhập nội hành Khiển cùng hai vị có việc gì cần đến kẻ tiểu ẩn này.

Viên đại quan chắp tay đáp:

- Kính thưa sư phụ, con tuân lệnh nhà vua chuyển đến sư phụ phong sắc thư và một chút tặng phẩm. Con mừng được dịp trở về đây thăm sức khỏe của sư phụ.

Tiếp theo lời viên đại quan, hai viên tùy tòng tiến lên dâng hộp son và bọc gấm. Chủ đứng dậy kính cẩn đỡ lấy, đặt lên hương án ở giữa nhà. Khói trầm từ lư hương bốc lên nghi ngút. Chủ nhân sửa sang lại áo mũ, đứng trước hương án mở hương sắc thư ra đọc rồi gập lại như cũ, đặt vào trong hộp. Chủ tiếp tục rót nước mời khách.

Chuyện trò từ lâu, từ thìn đến ngọ, qua bữa cơm trưa, đến hết giờ mùi, câu chuyện vẫn xoay quanh những việc trong triều đình, chuyện dân tình ở các hạt,

huyện Ngô Bệ nổi dậy ở Hải Dương vừa qua với cờ hiệu "Chẩn cứu bần dân". Khách muốn tạ từ nhưng lòng còn băn khoăn vì chưa thấy chủ đả động gì đến chuyện phong sắc thư. Như đoán được ý của khách, chủ nhân đứng dậy kính cẩn nâng phong thư, nhìn thẳng về hướng Thăng Long rồi quay lại nói với khách:

Cách đây vài tháng, trong dịp về kinh triều hội, nhà vua đã phán bảo về chuyện này, nhưng ta còn phân vân xin cho suy nghĩ. Đến nay nhà vua lại cho quan đại thần mang thư đến nhà nhắc lại chuyện đó còn ban cho gấm lụa.

Chủ nhân ngừng lại rồi để suy nghĩ rồi tiếp:

- Gấm lụa vua ban, muôn đội ơn vua, ta xin nhận, còn câu chuyện ủy thác cho trông nom việc triều chính, ta đã suy nghĩ kỹ, không thể tuân lệnh vua được.

Nghe đến đây khách rụt rè chắp tay kính cẩn:

- Kính thưa sư phụ, đây là điều ngày đêm mong mỏi của nhà vua và triều đình. Lúc này được sư phụ trông nom việc triều chính thật là phúc lành cho muôn dân.

- Lời nói của ngươi, ta chưa cho là phải.

Chủ xua tay ngắt lời khách, giọng nghiêm nghị tiếp:

- Phúc lành cho muôn dân là ở chỗ vua sáng suốt tôi hiền tài, trên thể theo ý trời, dưới thuận lòng người, vua tôi cùng đem đạo lý mà chăn dắt muôn dân, khiến cho ai ai cũng được no ấm bình yên. Còn như nay triều chính rối nát, nhà vua chỉ biết xây cung điện, đắp đài tạ, nghe bọn gian thần, muôn dân cơ cực, giặc giã nổi lên như ong. Ta tài hèn đức mỏng, sao có thể đem phúc lành lại cho dân được. Người hãy về tâu với nhà vua xin để cho ta được sớm hôm vui vùng củ núi, bầu bạn với người xưa.

Ngồi nghe, khách chỉ cúi đầu suy nghĩ, không dám tiếp lời.

Khách nhớ lại năm xưa trên đất Cung Hoàng gần Thăng Long, chính con người này đã hàng ngày dạy dỗ mình. Cũng như hàng ngàn học sinh khác, lúc đó khách là một thư sinh tinh nghịch nhưng rất được thầy yêu mến. Khách còn nhớ mãi những buổi giảng bài, cả trường ngồi nghe im phăng phắc, chỉ có tiếng gió thổi vào lá cây rì rào bên ngoài và tiếng của thầy giảng bài sang sảng. Mỗi lời dạy của thầy còn in trong lòng khách như những nét son chói lọi không thể phai mờ, mặc dù thời gian hàng mấy chục năm đã trôi qua. Giờ đây trước mặt khách cũng con người ấy, con người rất mẫu mực, thẳng thắn và nghiêm khắc, chỉ khác là nay thầy đã già yếu nhiều.

Câu chuyện về phong sắc thư cũng chấm dứt ở đó, khách không dám nhắc lại nữa.

Chủ tiễn chân khách đến cuối rặng tùng. Ba lần vái chào, khách vẫn chưa nỡ chia tay. Dắt ngựa xuống núi, khách còn ngoái đầu nhìn lại mà chủ vẫn trông theo. Cho đến khi bóng khách đã khuất hẳn, chủ mới lững thững quay về và gọi tiểu đồng ra căn dặn:

- Gấm lụa vua ban, con hãy cất đi để dành cho những người còn thiếu thốn, ta đã

đủ quần áo mặc rồi.

Cuộc gặp gỡ của thầy Chu Văn An và trò Phạm Sư Mạnh xưa đã diễn ra ở núi Phượng Hoàng, xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh. Đó cũng là cuộc gặp gỡ giữa quan Quốc tử tư nghiệp đã rủ áo từ quan sau khi dâng sơ ù"Thất trảm" không được vua Trần Dụ Tông nghe theo và quan nhập nội hành khiển, người được chính vua Dụ Tông phái đi vời Chu Văn An về để trông nom việc triều chính.

Chu Văn An không thích sống gần triều đình Dụ Tông mặc dù ông rất mực trung thành với nhà Trần. Yêu mến non sông, ông đã trở về với thắng cảnh của đất nước.

Nhiệt tình với cuộc đời chưa phải là tàn nguội trong con người Chu Văn An, tuy ông đã từ quan về cất nhà trên núi ở để ở. Người ta tưởng chừng như Chu Văn An tìm cách xa lánh cuộc đời, nhưng không, ông vẫn hàng ngày theo dõi mọi biến động của triều đình và nghe ngóng dân tình ở các lộ.

Một mực kiên quyết khước từ chức vụ mà nhà vua giao cho, Chu Văn An vẫn về kinh dự các cuộc triều hội. Cho đến những năm cuối cùng của cuộc đời mình, khi nghe Nhật Lễ chiếm ngôi vua nhà Trần, Chu Văn An ngao ngán thở dài; đến khi Cung Định vương trừ được Nhật Lễ, giành lại ngôi vua, từ Chí Linh, Chu Văn An vội về kinh chúc mừng nhà Trần đã nối lại ngôi chính thống.

Hoài bão xã hội tốt đẹp với những con người hành động theo đạo lý thánh hiền đã dần dần tan vỡ trong con người Chu Văn An cùng với sự suy vong từng bước của nhà Trần. Chu Văn An đã chọn cuộc sống thanh bần, giữ tâm hồn trong sạch, bình thản, như ông từng viết trong bài "Ngày xuân" khi ông đã lui về núi:

"Tĩnh mịch sơn gia tận nhật nhàn.

Trúc phi tà ủng hộ kinh hàn.

Bích mê thảo sắc thiên như túy,

Hồng trạc hoa sao lộ vị can.

Thân diệc cô vân trường luyến tụ,

Tâm đồng cổ tinh bất sinh lan.

Bá huân bán lãnh trà yên yết.

Khê điểu nhất thanh xuân mộng tàn".

(Nhà núi tịch mịch suốt ngày nhàn,

Cửa Trúc che nghiêng đỡ rét nhẹ.

Biếc lẫn sắc cỏ trời như say.

Hồng thắm ngọn hoa sương chưa ráo.

Thân mình cùng mây cô quấn quýt núi hang,

Tâm mình giống giếng cổ, không hề gợn sóng.

Hơi xông gỗ bách gần nguội, khói trà hết

Một tiếng chim khe mộng xuân tàn)

Tháng mười một năm Thiệu Khánh thứ nhất triều Trần Nghệ Tông(1370), Chu Văn An qua đời.

Để tỏ lòng kính phục, được tin ông mất, nhà vua cho quan dụ tế, ban cho tên thụy là Văn Trinh Công và sau đó cho thờ trong Văn miếu cùng hàng với bậc hiền triết.

Mạc Đĩnh Chi

Trời nổi cơn giông. Cơn mưa tai ác ập kéo đến giữa chiều. Từ trong rừng sâu hai mẹ con Mạc Đĩnh Chi vội vàng bó củi để gánh về bán cho nhà hào phú ở Lũng Động theo thường lệ.

Nhưng cổng nhà hào phú đã đóng chặt. Mạc Đĩnh Chi ái ngại nhìn mẹ rồi đặt gánh củi xuống bên đường, đẩy mạnh cánh cổng, nhưng cánh cổng làm bằng gỗ lim tấm, không nhúc nhích.

Mạc Đĩnh Chi boăn khoăn:

- Mình con ở lại chờ ngớt mưa rồi bán. Mẹ về trước đi.

Bà mẹ đứng nép vào bó củi, tránh cơn gió mạnh:

- Lần đầu đi, con biết bán thế nào? Con về nghỉ lấy sức mà học. Đằng nào mẹ cũng phải chờ. Mẹ phải chờ con ạ Bà mẹ nhắc lại giọng thiểu não.

Trong suốt đời mình không bao giờ Mạc Đĩnh Chi quên được cái nhìn buồn bã ấy của mẹ. Gương mặt mẹ lúc ấy như teo lại vì thấm rét, còn vì cả lo lắng nữa.

Chợt nhớ ra nhà hào phú có đứa con cùng học với mình một lớp, Mạc Đĩnh Chi tỏ ra thích thú, lên tiếng gọi bạn. Cuối cùng một nô gia ra mở cổng hai mẹ con Mạc Đĩnh Chi vừa gánh củi vào đến sân, thì một lũ chó, con nào con nấy béo nung núc nhảy xổ vào cắn. Theo bản năng, Mạc Đĩnh Chi vội đặt gánh, rút một thanh củi để chống chọi với đàn chó. Lập tức, từ trên nhà lớn, giọng một đứa trẻ quát:

- Họ nhà khỉ! Động đến con chó nhà tao thì cứ liệu hồn.

Nhận ra tiếng bạn, Mạc Đĩnh Chi vội nói:

- Đánh chó cho tôi với. Mạc Đĩnh Chi đây mà.

Mạc Đĩnh Chi sửng sốt khi nghe thấy bạn sừng sộ:

- Ai bạn với thằng khỉ! Muốn chết bảo ông!

Hai mẹ con Mạc Đĩnh Chi nín nhịn rồi vừa chống cự với đàn chó vừa gánh củi vào dãy nhà ngang. Câu chuyện tưởng đã xong. Nào ngờ khi Mạc Đĩnh Chi vừa định bước lên nhà trên thì lập tức bị ngăn lại. Vẫn giọng thằng bé con nhà hào phú:

- Ai mời mà mày dám vác mặt lên đây, làm bẩn nhà tao.

Bị xúc phạm đến nước ấy, Mạc Đĩnh Chi không nhịn được nữa. Nhìn thẳng vào kẻ đang chặn mình, Mạc Đĩnh Chi nói rành rọt:

- Tao không thèm đến nhà mày. Chỉ vì tao phải bán củi. Ngừng một lát, Mạc Đĩnh Chi nói tiếp, giọng khinh bỉ: Mày quên mất những lúc mày phải van lạy tao, nhờ tao làm hộ bài tập văn cho mày rồi sao?

Không ngờ bị Mạc Đĩnh Chi tố ra sự dốt nát của mình, tên con hào phú bù lu bù loa:

- Trời ơi! Nó dám hỗn hào, dám đến nhà người ta để bắt nạt người ta.

- Cái gì thế?

Tên hào phú uể oải rời chiếc sập ngụ sơn sao thiếp vàng, gắt hỏi.

- Thằng Mạc Đĩnh Chi, con nhà bần tiện, bắt nạt con tên hào phú vừa đáp vừa khóc rưng rức như người bị oan thật sự.

Nghe con nói như vậy, tên hào phú nhảy xổ ra hiên. Nhưng, ngay lập tức hắn dừng lại. Hắn đã bắt gặp cậu bé con nhà nghèo khổ này ở đâu nà trông quen thế. Kìa, tướng mạo nó trông thật xấu: Người thì thấp bé, cái trán dô ra, miệng rộng, nước da đen cháy, nhưng đôi mắt lại thật lạ lùng. Hắn chưa thấy cậu bé nào có đôi mắt sáng như thế. Ai nhìn vào đôi mắt ấy cũng sinh lòng nể trọng. Hắn cố bóp óc suy nghĩ. À phải rồi, hắn đã gặp Mạc Đĩnh Chi và nghe cậu bé tự đọc bài thơ của mình trong buổi bình văn ở Lũng Động. Không ai ngờ cậu bé xấu xí ấy lại làm được bài thơ hay đến thế. Và, cũng qua thầy Lũng Động, hắn còn sửng sốt được biết rằng đứa trẻ nổi tiếng thần đồng và có tài học uyên bác mà cả vùng đồn đại bấy lâu nay chính là cậu bé con nhà tiều phu khốn khổ ấy. Bây giờ thì đứa trẻ hắn vừa phục vừa ghét ấy, đang đứng trước mặt hắn, ngay dưới thềm toàn thân rung lên vì rét. Lẫn lộn trong tình cảm vừa phục tài vừa ghen ghét, hắn cố ý lấy giọng đường bệ.

- À, vẫn cái thằng giống khỉ nhiều hơn giống người này. Mày lại dám so đọ tài năng với con cháu vàng bạc của ta à!

Mạc Đĩnh Chi nghiêm trang:

- Thưa ông! Tôi không hề có ý so đọ tài năng với con ông, và cũng không thể so đọ được ở chốn này. Chỉ vì con ông cậy gần nhà...

- Mày dám xách mé ví con tao là chó à.

Tên hào phú cắt ngang câu nói của Mạc Đĩnh Chi, sừng sộ.

Bà mẹ Mạc Đĩnh Chi ngỡ ngàng trước tình huống ấy, vội vàng bước lại, giọng run lên không hẳn vì rét:

- Lạy cụ đoái thương cho tình cảnh mẹ con con. Cháu nó dại mồm dại miệng, cụ tha thứ cho nó, con được nhờ ơn cụ. Con đã gánh củi đến, cụ cho mẹ con con kẻ nghèo này đấu gạo.

Tên hào phú chưa kịp xua tay từ chối, thì cũng rất bất ngờ, hắn nghe thấy Mạc Đĩnh Chi nói với mẹ:

- Mẹ đừng nói thế, coi thường mẹ con mình đi. Con có lỗi gì mà mẹ phải xin. Ông ấy mua thì trả tiền bằng không thì thôi.

Nói rồi, Mạc Đĩnh Chi kéo tay mẹ về gánh củi trở về. Tên hào phú tức lộn ruột, nhưng hắn hoàn toàn bị động trước thái độ cứng rắn và phản ứng nhanh nhạy của Mạc Đĩnh Chi. Đến lúc hắn thấy cần phải trừng trị, bằng cách xua chó cắn chết hai mẹ con kẻ tiều phu, thì Mạc Đĩnh Chi đã đi xa. Hắn quay lại trút giận vào đứa con ngây thộn, vẫn khóc ti tỉ.

- Mày bằng lứa với nó, nhưng mày chỉ đáng xách tráp hầu nó thôi.

Giấc ngủ đã cho Mạc Đĩnh Chi sự bình tĩnh trở lại và những lời khuyên bổ ích. Sau đêm tưởng phải thức trắng vì bực mình, vì đói ấy, Mạc Đĩnh Chi tự nhủ: Phải quên những va vấp như thế nhanh chừng nào tốt chừng ấy. Hơn thế nữa, Mạc Đĩnh Chi sẵn sàng đón đợi những sự thật phũ phàng hơn. Mạc Đĩnh Chi không lạ gì thói đời kẻ giàu vẫn khinh miệt người nghèo. Mà người nghèo ấy lại là mình: Mồ côi cha từ sớm, tài sản không có gì đáng giá ngoài túp lều tranh bên ven rừng và mảnh vườn xơ xác. Chỉ thương mẹ vì mình mà phải chịu bao cực nhục, hết gồng thuê gánh mướn lại lên rừng kiếm củi, chắt chiu từng đồng để nuôi con qua khỏi bao nhiêu lần sài đẹn, ốm ho, bệnh hoạn, giữa bao lời đồn đại lẫn tiếng chê cười. Mẹ đã đơn giản đinh ninh một điều rằng, người ta nghèo khổ vì quá ngu dốt, nếu học được nhiều ắt có ngày thành đạt. Vì vậy, mẹ đã chịu đựng tất cả, hy sinh tất cả để cố nuôi cho con đi học. Biết con học sáng, mẹ rất vui lòng. Và, trong những năm tháng nhọc nhằn, tủi nhục, mẹ vẫn thường ao ước con sẽ có ngày đỗ đạt. Niềm tin ấy đã vực mẹ vượt qua tất cả. Hiểu lòng mẹ nên Mạc Đĩnh Chi càng cố tâm học tập. Vốn là cậu bé có tư chất thông minh lại phải sống trong cảnh mồ côi, bị người đời khinh rẻ, nên Mạc Đĩnh Chi sớm hiểu ý nghĩa cuộc đời. Đối với Mạc Đĩnh Chi, dường như chỉ có học tập, học tập thành tài mới là con đường đưa cậu bé thoát khỏi cảnh nghèo nàn và bị coi khinh. Hơn thế nữa, thời này đây phẩm giá thanh cao của con người cũng từ sự đỗ đạt mà nên. Vì vậy, không mấy lúc Mạc Đĩnh Chi ngơi đọc sách, nghiền ngẫm nghĩa sách. Không có đủ sách học, Mạc Đĩnh Chi mượn thầy mượn bạn. Mạc Đĩnh Chi cố học thuộc những cuốn sách quý. Không có tiền mua nến để học, Mạc Đĩnh Chi lấy củi thay thế. Hết củi, Mạc Đĩnh Chi đi kiếm lá rừng.

Nhưng đã đến lúc kho sách của thầy của bạn không đủ đáp ứng nhu cầu của cậu bé. Lấy đâu ra tiền để mua sách? Mạc Đĩnh chi loay hoay mãi mà chưa nghĩ ra. Mạc Đĩnh Chi đi kiếm củi thêm. Và, dù chẳng được bao nhiêu tiền nhưng là cách duy nhất để cậu bé có tiền mua sách. Từ đó, hàng ngày Mạc Đĩnh Chi vừa đi kiếm củi vừa học. Mạc Đĩnh Chi có gầy đi và đen thêm nhưng kiến thức ngày càng được mở mang.

Chỉ còn hai năm nữa mới tới kỳ thi Đình. Tự thấy mình không đủ dạy Mạc Đĩnh Chi, thầy đồ Lũng Động đã khuyên Đĩnh Chi theo học một người bạn mình vốn đã đỗ tam khôi đang ngồi dạy học ở vùng bên. Hôm chia tay, vì thương nhà Mạc Đĩnh Chi nghèo, thầy đồ đưa cho Mạc Đĩnh Chi ít tiền và ân cần căn dặn:

- Thời này sau ba lần đuổi giặc, đức vua biết nới sức dân, chú tâm tuyển chọn

nhân tài mở mang nền thịnh trị thái bình cho dân nước. Vì vậy, con có cơ đồ đạt được công danh trên đường khoa bảng. Con là người có chí, có tài lại có đức, nhưng vì thuộc dòng cùng dân nên cái tài cái đức của con phải hơn người gấp bội mới mong được trọng dụng.

Mạc Đĩnh Chi rưng rưng nước mắt:

- Thầy đã xua tan cho con một lớp mây mù. Tạ ơn thầy chỉ giáo. Con tin theo lời thầy để cố công học tập. Ngừng lại một lát để nén xúc động, Mạc Đĩnh Chi tiếp, dáng ngần ngại thầy còn đông các em, con không dám nhận số tiền này. Lúc nào con cần sẽ xin thầy sau.

Thầy đồ thoáng buồn đỡ lấy bọc tiền Mạc Đĩnh chi đang cung kính trao lại. Đã từng dạy Mạc Đĩnh Chi bao nhiêu năm thầy đồ hiểu cậu bé khảng khái và cương nghị này không dễ bắt ép làm một việc gì mà cậu ta không cho là phải. Dầu vậy, thầy đồ vẫn có ý không bằng lòng. Nhưng ngay sau đó thầy đồ lại tự cắt nghĩa. Có lẽ nó thường bị người đời khinh rẻ do phận nghèo, nên mới khí khái quá đáng như thế. Và, cho đến lúc Mạc Đĩnh Chi ôm bọc hành lý đã đi xa, thầy đồ vẫn đứng nhìn theo mãi. Phải xa cậu học trò yêu, thầy đồ vừa vui vừa buồn. Vui vì thầy đồ thấy mình làm được một việc có nghĩa. Chắc rằng gặp được thầy dạy giỏi, sức học Mạc Đĩnh Chi sẽ mau chóng tấn tới. Từng dạy học lâu năm, nhiều người đã thành đạt, nhưng thầy đồ chưa thấy trò nào thông minh, có trí nhớ kỳ lạ, ứng đối nhanh nhẹn, nhất là có nghị lực như Mạc Đĩnh Chi. Thầy đồ buồn vì phải xa người trò vừa giỏi vừa ngoan. Đặc biệt điều làm thầy đồ băn khoăn là liệu Mạc Đĩnh Chi có đủ tiền gạo theo học đến đầu đến cuối không? Mặc dầu vậy, linh tính như báo trước: Một cậu bé có nghị lực phi thường đã từng chịu cảnh nghèo, khổ công học trong bao năm thì nay cũng sẽ vượt được tất cả.

Tin Mạc Đĩnh Chi đỗ trạng nguyên được lan truyền rất nhanh ở kinh đô. Ngay sau lễ truyền lô, nhân dân kinh đô Thăng Long xôn xao bàn tán về tài học có một không hai của vị tân trạng nguyên vốn là con nhà tiều phu xuất thân. Rồi họ nô nức kéo nhau đi xem mặt trạng. Nhưng cũng giữa khi ấy, trong triều đình lại xảy ra một việc trái thường. Lúc Mạc Đĩnh Chi vào ra mắt vua Trần Anh Tông trước khi đi giễu qua các phố thì thấy tướng mạo Mạc Đĩnh Chi quá xấu, vua chẳng nói chẳng rằng cho Mạc Đĩnh Chi lui và bắt hoãn các nghi lễ đón rước trạng. Vua cho vời quan chủ sự cuộc thi vào hỏi:

- Khanh đã xem xét kỹ lưỡng bài văn của các sĩ nhân chưa? Trẫm ngỡ rằng có sự nhầm lẫn nào chăng?

- Muôn tâu vương thượng! Thần và các quan chủ khảo cũng vì sợ sự nhầm lẫn đó mà đã xem đi xem lại nhiều lần. Thực tài Mạc Đĩnh Chi hơn nhiều người lắm.

- Trẫm phải xem lại lần nữa văn bài của Mạc Đĩnh Chi và mấy sĩ nhân được chấm đỗ cao.

Lập tức một xếp bài thi được đem đến. Vua Anh Tông chăm chú đọc lại các bài thi. Hồi lâu vua nói với quan chủ sự:

- Quả thật lý lẽ của Mạc Đĩnh Chi hàm súc, thanh thoát không sĩ nhân nào sánh được. Trẫm khá khen thay. Chẳng hay tính hạnh của Mạc Đĩnh Chi ra sao?

- Thật không ngờ con người sớm phải chịu cảnh mồ côi cha. Việc ăn học của Mạc Đĩnh Chi chỉ do một tay người mẹ hèn, làm nghề đốn củi chăn lo.

- Sao, con nhà tiều phu à?

Vua ngắt lời viên quan, không giấu được vẻ sửng sốt thất vọng.

Nhưng viên quan tiếp thần xin lấy đầu đảm bảo Mạc Đĩnh Chi là người cương trực, liêm khiết biết kính trên nhường dưới. Về mặt ứng đối lại càng sắc sảo. Con người ấy nếu biết dùng sẽ là người có tài kinh bang tế thế đời này.

Vua Anh Tông cau mày suy nghĩ rồi nói, giọng không vui:

- Trẫm thật lấy làm tiếc, một người có tài nhường ấy mà lại là hạng cùng dân. Đã thế tướng mạo lại xấu xí. Trẫm thật tình không muốn cho đỗ.

Đêm ấy Mạc Đĩnh Chi thao thức không ngủ được. Hóa ra không phải bọn nhà giàu khinh rẻ kẻ nghèo mà chính vua cũng chê kẻ nghèo. Mới chỉ có mấy ngày sống ở kinh đô, bước đầu tiếp xúc với các văn võ bá quan, Mạc Đĩnh Chi đã học được bao điều không có trong sách vở. Trong thâm cung của sự thật bao giờ cũng chứa bao điều cay đắng Mạc Đĩnh Chi buồn rầu, nhận ra điều ấy. Lẽ nào leo cau đã đến buồng, cau đã cắt được rồi, mà bỗng dưng, chỉ vì phận nghèo, kết quả rồi lại xôi hỏng bỏng không! Ta lại phải rời kinh đô, trở về làng cũ, dùi dập bao năm dùi mài đèn sách, sôi kinh nấu sử. Hơn thế nữa, vùi dập cả bao mơ ước muốn đem những điều đã học để phụng sự cho đời hay sao? Mạc Đĩnh Chi suýt bật khóc khi nghĩ tới mẹ già từng chịu bao cay đắng, tủi nhục vì con và đang đỏ mắt trông chờ tin con. Từ đáy lòng Mạc Đĩnh Chi thấy dội nên tình cảm yêu ghét xen lẫn lòng oán giận đối với triều đình vua Trần. Nhưng chẳng lẽ ta lại cam chịu số phận ấy một cách dễ dàng đến thế? Chẳng lẽ vua Anh Tông lại thiển cận đến mức ấy sao? Sau gần trọn đêm mất ngủ, một ý định chợt nảy ra: ít nhất cũng phải để cho vua thấy ta tuy nghèo nhưng là người có phẩm giá thanh cao, có chí thờ vua giúp nước như bao người quyền quý khác. Ý nghĩ ấy khiến Mạc Đĩnh Chi thấy tỉnh táo, minh mẫn hẳn lên. Ta phải viết một bài phú dâng vua nói được ý mình! Mạc Đĩnh Chi vùng dậy đốt nến, lấy nghiên bút thực hiện ý định. Mạc Đĩnh Chi viết bài phú rất nhanh. Viết nhanh, diễn đạt ý nghĩ của mình khúc chiết, sắc sảo, đó là chỗ mạnh của Mạc Đĩnh Chi; huống hồ ý tứ bài phú tuy mới dội lên hồi đêm, nhưng là những điều đã chất chứa, tích lũy qua bao nhiêu sách vở, qua bao nhiêu vị cay đắng, mặn chát cả cuộc đời. Vì vậy, không đầy một trống canh, bài phú dâng vua đã thảo xong. Mạc Đĩnh Chi buông bút, ngả người lên thành nghế đọc lại bài phú và hài lòng vì thấy đã gói gọn được ý mình. "Ngọc tỉnh liên" (hoa sen trong giống ngọc), đầu đề bài phú cũng thật hợp với hàm ý toàn bài. Nói được ý mình, Mạc Đĩnh Chi như thấy trút được những ấm ức trong lòng. Mạc Đĩnh Chi phấn chấn đọc lại những đoạn mà mình thích thú nhất.

Chẳng phải như đào trần, lý tục; chẳng phải như trúc cỗi mai gầy.

Cầu kỷ phòng tăng khó sánh; mẫu đơn đất Lạc nào bì.

Giậu Đào lệnh, cúc sao quý được; vườn Linh Quân, lan sá kể gì.

Chợt Mạc Đĩnh Chi cảm thấy bài phú còn chỗ nào chưa thật như ý. Mạc Đĩnh Chi vội đọc lại lần nữa rồi căng óc suy nghĩ. Phải rồi, nếu chỉ làm rõ được phẩm giá thanh cao của mình thì thật chưa hoàn hảo. Phải thêm, chính ta là người có chí tiến thủ, muốn được như người xưa, đem tài năng đức độ cáng đáng những trọng trách gây đời thịnh trị cho dân nước. Và, ta có thể làm được những việc ấy chứ không phải bên trong trống rỗng. Chẳng qua số phận ta gặp nhiều trắc trở, không được thi thố hết sức mình. Nhưng dầu số ta có hẩm hiu như thế chăng nữa, những điều ta đọc được, học được để phụng sự cho đời cũng không dễ gì mai một. Rồi một lúc nào đấy, ta sẽ được mặc sức mà đem tài năng nối chí người trước, cứu cho khắp, giúp cho cùng muôn họ. Cần thêm những ý dù phải chép lại cả bài phú Mạc Đĩnh Chi tự nhủ và cầm bút ghi vội những ý nóng hổi:

Không là bên trong trống rỗng không có gì.

Than cho số phận thuyền quyên phần gặp nhiều trắc trở.

Nếu cái cuống lá của ta vẫn đứng thẳng, thì mưa gió có hại gì."

Bài phú được dâng lên vua. Vua Trần Anh Tông xem xong lại càng sửng sốt trước tài năng của Mạc Đĩnh Chi. Vua nói với văn thần:

- Trẫm chưa đọc bài phú nào hay đến thế. Không câu nào, chữ nào thoát ra khỏi khuôn phép của đầu đề. Phải là người có học vấn uyên thâm, có khí phách cao cường mới viết được bài phú như vậy. Một người như thế lẽ nào ta không cho đỗ trạng.

Quyết định của vua thật bất ngờ. Ngay ngày hôm đó, vua cho vời Mạc Đĩnh Chi vào cung và ra lệnh cho các quần thần phải làm đầy đủ mọi nghi thức đối với một vị tân trạng nguyên.

Vì cảm phục tài năng của Mạc Đĩnh Chi, vua Anh Tông phải cho đỗ trạng. Nhưng trong thâm tâm vua và các quan đại thần triều Trần đều không có ý trọng dụng vị tân trạng nguyên có tướng mạo xấu xí ấy. Vì thế, mấy năm rồi Mạc Đĩnh Chi chỉ được làm một chức quan nhỏ: Nội thư gia, chức quan ít quyền hành, không có điều kiện thi thố tài năng.

Nhưng rồi, có lần vua Anh Tông đã nhận ra sai sót của mình và phải trọng dụng Mạc Đĩnh Chi. Chuyện ấy cả kinh đô ai cũng biết. Giới văn thần từ đó càng khâm phục Mạc Đĩnh Chi hơn.

Ngày ấy, sứ nhà Nguyên sang nước Việt để thăm dò nhân tài. Đang trên đường tới Thăng Long, viên sứ đột ngột dừng lại ở trạm Xương Giang. Từ đấy, gửi cho vua Trần một phong thư và cố ý chờ không chịu đi tiếp. Thư đến Thăng Long, vua Anh Tông mở ra xem thì chỉ thấy một bài thơ ngụ ngôn như sau:

Lưỡng nhật bình đầu nhật

Tứ sơn điên đảo sơn

Lưỡng vương tranh nhất quốc

Tứ khẩu tung hoành giang

Thật là một bài thơ kỳ quặc, vua Trần chịu không hiểu. Vua hội các quần thần, nhưng luận bàn mãi không ai giải đoán ra được. Có người tâu vua, thử cho vời Mạc Đĩnh Chi đến hỏi. Nhưng Mạc Đĩnh Chi đã về quê hộ tang mẹ từ tháng trước. Chỉ cần trả lời chậm cũng làm nhục quốc thể; huống chi cả triều đình đang bó tay không hiểu. Chẳng đừng được, vua sai đem xe ngựa nghi trượng gấp đi đón Mạc Đĩnh Chi hồi triều. Vua cố ý dùng nghi lễ trang trọng đón vị trạng nguyên, cốt để xí xóa chỗ sai sót, lâu nay không trọng dụng tài năng của Mạc Đĩnh Chi.

Giữa lúc ấy Mạc Đĩnh Chi đang sống ở quê nhà, ngay ngôi nhà tồi tàn mà ngày xưa hai mẹ con đã sống, người tiều tụy hẳn đi. Nhác thấy nghi lễ đón mình quá trang trọng, Mạc Đĩnh Chi thoáng sửng sốt. Nhưng rồi vị trạng nguyên trẻ tuổi đã đoán ra:

- Có phải sứ nhà Nguyên đã sang đấy không?

Mạc Đĩnh Chi hỏi viên quan bộ lễ, khi viên quan này chưa kịp chào.

Viên quan bộ lễ kinh hoàng:

- Thật không ngờ quan trạng đã thấy trước được mọi việc. Vương thượng đang nóng lòng chờ quan trạng.

Mạc Đĩnh Chi Nghĩ thầm: Chắc có điều gì nan giải, ai nấy phải bó tay nên vua mới vời mình về. Vua đã bao giờ thực bụng dùng mình đâu. Nhưng linh tính như báo trước có việc hệ trọng lắm, nên Mạc Đĩnh Chi nén thương đau, bỏ qua những phật ý nhỏ nhặt vội lên xe ngựa.

Vừa tới kinh, vua Anh Tông an ủi Mạc Đĩnh Chi rồi vừa đưa phong thư của sứ Nguyên cho Mạc Đĩnh Chi, vừa nói:

- Sứ nhà Nguyên quen thói hống hách gửi cho trẫm thư này. Khanh khá vì trẫm để giảng giải ý nghĩa cho trẫm nghe.

Mạc Đĩnh Chi đỡ lấy bài thơ. Đọc xong vị trạng nguyên trở lại dáng hoạt bát, linh lợi thường ngày:

- Muôn tâu vương thượng, cái trò đánh đố nhỏ nhặt này bõ bèn gì mà vương thượng phải bận lòng suy nghĩ.

- Khanh nói sao? Vua hồ hởi, cắt ngang - Ý tứ của bài thơ phải luận ra thế nào?

- Muôn tâu vương thượng Đó là chữ Điền Và bài thơ có nghĩa là:

Hai nhật bằng đầu để sóng hàng

Bốn sơn xáo trộn dọc ngang.

Hai vương nghiêng ngửa lo tranh nước.

Bốn khẩu liền nhau ghép chữ vàng.

Vua vỡ nhẽ, nức nở khen:

- Khanh đã giúp trẫm giải được điều có thể làm nhục đến quốc thể.

Hiểu ra ý tứ bài thơ, giới văn thần vô cùng khâm phục Mạc Đĩnh Chi.

Sứ nhà Nguyên càng kinh hoàng hơn, bởi vì cũng chỉ ở nước nam này, ý nghĩa bài thơ cũng được khám phá.

Được vua Anh Tông cử đi sứ theo yêu cầu vua Nguyên, Mạc Đĩnh Chi vừa vui vừa lo. Vui vì đây là lần đầu tiên Mạc Đĩnh Chi được vua giao cho trọng trách, được có dịp đem thi thố những hiểu biết cống hiến cho dân nước. Lo vì nhà Nguyên là một triều đại lớn, chúng quen hống hách trịnh thượng, nếu mình có sai sót gì thì điều ấy sẽ làm tổn hại đến danh dự một nước. Bao người đi sứ trước đã chẳng phải chống chọi với bao nhiêu thách đố tinh vi, bắt nguồn từ sự khinh thị của tầng lớp thống trị một nước lớn đối với một nước nhỏ? Chẳng phải trong khi vua quan nhà Nguyên muốn đích ta phải đi sứ, họ vẫn xưng xưng gọi ta là bồi thần đó sao? Việc được giao nặng nề và khó khăn, nhưng chính vì thế Mạc Đĩnh Chi đã đón nhận trọng trách ấy một cách phấn chấn. Hơn thế nữa, việc đi sứ đã đặt cho Mạc Đĩnh Chi nhiều suy nghĩ. Mấy năm làm quan trong triều, được đi đây đó, nơi đâu chẳng có dấu vết bao cảnh tàn phá khủng khiếp của giặc Nguyên để lại. Ngay thành Thăng Long này, giặc Nguyên đã có lần san phẳng thành tro bụi tất cả. Ba lần kéo sang xâm lược với binh hùng tướng mạnh, với những đội quân chưa hề nếm mùi chiến bại trên các nẻo đường chinh chiến, gây đau thương cho biết bao dân tộc, xứ sở. Nhưng đến nước Đại Việt này, cả ba lần quân Nguyên đều bị đánh bại cho thất điên bát đảo, phải tháo chạy như lũ chuột về nước. Vậy mà chúng vẫn thường hạch sách, bắt vua tội nước Việt phải thuần phục chúng? Có thể nào lại vô lý như thế được? Mạc Đĩnh Chi nhói lên căm giận Chẳng lẽ kẻ ba lần đại bại lại ỷ thế nước lớn, đòi quyền này quyền khác, bắt kẻ chiến thắng phải thuần phục, theo thói lấy thịt đè người được sao? Chẳng hay tấy vua quan nhà Trần nhún nhường vì không muốn gây thảm họa binh đao nên nhà Nguyên ỷ thế mà làm già? Xuất phát từ những suy nghĩ ấy, Mạc Đĩnh Chi cứ tự nhủ: Trong lần đi xứ này, phải giữ vững tư thế của người chiến thắng, chống lại những đối xử bất công và thái độ khinh thị nước nhỏ của nhà Nguyên. Hơn thế nữa, tiếng nói của đoàn xứ Đại Việt ở triều Nguyên phải là tiếng nói đĩnh đạc của kẻ chiến thắng. Ta sẽ không gây sự căng thẳng dẫn đếmn mối hiềm khích giữa hai nước Mạc Đĩnh Chi thầm nghĩ cũng không tỏ ra sĩ diện của một nước dù nhỏ, nhưng đã lập lên kỳ công, đánh thắng kẻ thù mạnh hơn mình gấp bội. Trái lại, theo Mạc Đĩnh Chi, đi sứ lần này chính là cuộc đấu trí, đấu lý để tuyên ngôn dụng ý nước Đại Việt và nước Nguyên đều hùng cứ một phương và chống lại mọi sự khinh miệt, cậy thế nước lớn của người Nguyên, gìn giữ quốc thể. Người đi sứ vì vậy, tựa như người lính khi xuất trận, phải tỉnh táo giáng trả mọi đòn tinh vi từ mọi hướng, và mối bang giao hữu hảo giữa hai nước chỉ được kiến lập khi vua quan nhà Nguyên không dám coi thường nước Đại Việt.

Việc đi sứ đã vạch xong, thái độ đi sứ đã định rõ, Mạc Đĩnh Chi thấy thanh thản lạ thường. Chỉ còn việc cuối cùng là tự bồi bổ cho mình kiến thức uyên thâm, làm lợi khí cho những cuộc đấu trí trước khi lên đường. Cả về mặt này nữa, Mạc Đĩnh Chi cũng không dám coi thường. Vì vậy, mấy tháng ròng Mạc Đĩnh Chi không mấy

khi rời khỏi nhà. Đĩnh Chi để toàn sức vào việc ôn luyện văn thơ, đọc kinh sử nước Nguyên, tìm hiểu phong tục người nguyên. Rồi, biết ai từng đi sứ, dù xa mấy, Mạc Đĩnh Chi cũng tìm đến hỏi điều hay lẽ phải cho bằng được.

Gần đến ngày đi sứ, vua Anh Tông cho vời Mạc Đĩnh Chi vào triều căn dặn:

- Lần này hoàng đế nhà Nguyên muốn trẫm cử khanh đi sứ chắc là muốn để thử tài khanh. Trẫm yên lòng vì biết khanh để công khó nhọc luyện tập văn sách, phòng khi phải dùng đến. Tuy thế, chuyến đi này khanh phải cẩn thận lắm mới được. Đừng để mềm quá người ta lên mặt cũng đừng thái quá sợ tổn hại đến mối giao ban giữa hai nước. Giao cho khanh việc lớn là để khanh đền ơn và báo ơn trẫm đó!

Mạc Đĩnh Chi cung kính đáp:

- Muôn tâu vương thượng! Việc học không biết bao nhiêu cho đủ. Nhưng thần xin gắng hết sức để khỏi phụ lòng tin của vương thượng. Thần đã nghĩ kỹ rồi. Đĩnh Chi tiếp, sau một khắc yên lặng: - ta là nước thắng trận, cho nên trong mọi việc, ta phải giữ được tư thế đường hoàng của người thắng trận.

Vua Anh Tông không dấu được niềm vui.

- Khanh sẽ làm rạng danh nước Đại Việt đúng tầm vóc của nó. Ta tin nơi khanh vì khanh đã nói tới lẽ ấy.

Mạc Đĩnh Chi lui rồi, vua Anh Tông nói với quần thần:

- Ta nghiệm rằng Mạc Đĩnh Chi nhỏ bé nhưng lúc nào cũng giữ được phong độ ung dung thư thái. Con người mẫn tiệp ấy sẽ lưu lại tiếng thơm ở nước người. Các khanh có nghĩ như vậy không?

Quần thần văn võ đều đáp:

- Chọn đi sứ lần này không ai hơn ngoài quan trạng.

Sau bao ngày hành trình, đoàn sứ Đại Việt do Mạc Đĩnh Chi dẫn đầu đã đến ải Pha Lũy. Rủi thay, gặp ngày mưa to gió lớn nên đoàn sứ đến cửa ải sai hẹn với viên quan coi ải nhà Nguyên. Đoàn sứ đến, cửa ải bị đóng kín. Mạc Đĩnh Chi nói mãi, người Nguyên vẫn không chịu cho qua. Sau, họ vứt từ ải xuống một vế đối bảo hễ Mạc Đĩnh Chi đối được thì mới mở cửa ải:

Quá quan trì, quan quan bế, nguyệt quá khách quá quan

Thật là một câu đối hiểm hóc. Trong có mười một chữ mà riêng chữ quan nhắc lại bốn lần, chữ quá nhắc lại ba lần. Chưa chi bọn quan lại nhà Nguyên đã cố tình thách đố, gây khó dễ. Mạc Đĩnh Chi nghĩ thầm và toát mồ hôi vì vế đối rất khó, không thể nghĩ ra trong chốc lát được. Hẳn là một câu đối có chuẩn bị của một văn quan nào đó trong triều đình nhà Nguyên. Nếu vậy chắc gì viên quan võ này đã đối được. Mạc Đĩnh Chi thích thú với giả định ấy. Và, để dồn đối phương vào thế bí không thể tránh khỏi, Mạc Đĩnh Chi ứng khẩu đọc.

- *Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối*

Tình thế bỗng đổi khác. Tưởng đã bí thế hóa ra một câu đối hay. Viên quan nhà

Nguyên chịu là vị trạng nguyên đất Đại Việt có tài ứng biến đã chuyển bại thành thắng, nên lập tức xuống mở cửa ải, ân cần đón Mạc Đĩnh Chi.

Tin viên bồi thần nước Đại Việt, trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, đã phá được câu đối ở cửa ải Pha Lũy khiến cho vua và giới văn thần triều Nguyên hết sức chú ý. Vì vậy, vua quan nhà Nguyên vừa có ý gờm vừa chuẩn bị để có dịp làm nhục viên sứ nước Đại Việt cho hả giận.

Ngay hôm đầu vào bệ kiến, vua Nguyên muốn đích thân thử tài Mạc Đĩnh Chi, nhân thể để dò khí tiết của viên sứ, nên ra vế đối:

- *Nhật: Hỏa, vân: Yên, bạch đản thiêu tàn ngọc thỏ*

Biết là vua Nguyên kiêu căng, tự coi mình là mặt trời và coi Đại Việt như mặt trăng, ban ngày phải bị mặt trời thôn tính, Mạc Đĩnh Chi thấy cần phải tỏ rõ thái độ của mình. Hơn thế khẳng định nước Đại Việt ở thế thắng nên ứng khẩu đọc ngay:

- *Nguyệt: Cung, tinh: đan, hoàng hôn xạ lạc kim ô*

Thật là một câu đối sắc như lưỡi kiếm, đầy khí phách của kẻ chiến thắng mà lại rất chỉnh. Vua Nguyên thấy mình bị trả miếng rất đau, nhưng cũng hết sức phục tài viên sứ nước Đại Việt. Vì vậy, vua tỏ ra vui vẻ:

- Quả là danh bất hư truyền. Lời đồn đại về tài năng của ngươi thật chẳng ngoa.

Nói rồi, vua Nguyên sai ban rượu ngon và bắt viên nội giám xuất nhiều vàng bạc trong kho để tặng thưởng cho Mạc Đĩnh Chi.

Trước lúc ra về, vua Nguyên làm như chợt nhớ ra điều gì, vội hỏi:

- Ta nghe nói khi trước chỉ vì một bài thơ của sứ thần ta mà triều đình vua Trần phải bó tay, không giải được, vua Trần buộc phải nhờ đến nhà ngươi, trọng dụng nhà ngươi và xí xóa hết hiềm khích cũ, chuyện ấy có không?

Mạc Đĩnh Chi bình thản nói:

- Tâu bệ hạ! Giải nghĩa một bài thơ là bổn phận của bề tôi chứ đâu phải của vua. Huống chi thần mới đỗ trạng, giao cho thần luận giải bài thơ chỉ là vì vua muốn xem tài học vấn của thần đến đâu thôi.

Vua Nguyên thấy không dễ lung lạc được Mạc Đĩnh Chi nên bỏ dở câu chuyện không nói tiếp.

Đoàn sứ Việt Nam được nghỉ mấy ngày để đi xem phong cảnh thành Biện Kinh cổ kính, trước khi vào phủ tể tướng. Mạc Đĩnh Chi và đoàn sứ đã đi khắp đó đây và dừng lại không biết bao lần, ngắm xem vẻ đẹp lộng lẫy của khu hoàng thành. Nguyên Thế Tổ sau khi chiếm được nước Tống đã tập trung về đây những thợ kiến trúc giỏi nhất để sửa chữa, tu bổ lại kinh thành, biến Biện Kinh thành một hòn ngọc của cả vùng. Tại Biện Kinh cũng như cuộc hành trình dài ngày trên đất Tống, Mạc Đĩnh Chi đã gặp gỡ tiếp xúc với bao nhiêu người Tống. Nhân dân Tống đã đón tiếp đoàn sứ thân thiện và bày tỏ mối cảm thông sâu sắc, chân thành đối với nhân dân Đại Việt, những người từng chống kẻ thù chung là giặc Nguyên. Họ không giấu được sự vui mừng trước kỳ công của nhân dân Đại Việt đã ba lần đánh thắng giặc

Nguyên và hứa hẹn họ sẽ có ngày giấy cờ nghĩa đánh đuổi bọn giặc đang giày xéo, hãm hại dân tộc họ vào vòng lầm than. Ngược lại, tự coi mình là những người anh em, Mạc Đĩnh Chi và đoàn sứ Đại Việt trước sau đều bày tỏ lòng kính trọng và thông cảm nỗi khó khăn mà nhân dân Tống đang chịu đựng. Bằng những cuộc tiếp xúc ấy, Mạc Đĩnh Chi thấy rõ, chỉ có bọn vua quan nhà Nguyên và những người Tống can tâm giở giáo đón giặc, mới có ác cảm với dân chúng Đại Việt. Mạc Đĩnh Chi không thể nào quên được lần đụng độ với tên quan người Tống hôm trước. Lúc ấy, Mạc Đĩnh Chi và đoàn sứ đang cưỡi lừa đi xem hàng phố, thì bỗng lừa Mạc Đĩnh Chi đụng độ với ngựa của viên quan người Tống. Tên quan nhìn Mạc Đĩnh Chi bằng nửa con mắt và đọc một câu tỏ rõ sự khinh thị.

- *Xúc ngã kỵ mã, Đông di chi nhân giả. Tây di chi nhân giả.*

À, thằng cha này không biết thân phận, không biết xấu hổ phải ăn cơm thừa của người Nguyên lại còn lấy chữ "Đông di" ở sách Mạnh Tử, tỏ ý khinh rẻ, cho ta là kẻ mọi rợ, man di sao? Mạc Đĩnh Chi tự hỏi. Và trong cơn giận không kìm được, Mạc Đĩnh Chi nhìn thẳng vào mắt tên quan, đáp:

- *Át dư thừa lư, Nam phương chi cường dư, Bắc phương chi cường dư?*

Mạc Đĩnh Chi rất hài lòng về câu nói ấy, vì chữ "Nam phương" lấy ở sách Trung Dung đã nói rõ thâm ý người phương Bắc chắc gì đã mạnh hơn người phương Nam, nếu mạnh hơn sao lại chịu để giặc Nguyên đô hộ?

Viên quan người Tống tỏ ý xấu hổ, ra roi cho ngựa đi thẳng không dám hoạnh họe nữa.

Cái ngày mà vào phủ tể tướng, nơi mà Mạc Đĩnh Chi biết trước sẽ phải đấu trí với tinh hoa của giới văn thần triều Nguyên thấm thoát đã đến. Mặc dù Mạc Đĩnh Chi định bụng sẽ kết giao, giữ tình thân thiện với giới văn thần triều Nguyên, những vị trạng nguyên Đại Việt không dễ gì làm được điều ấy.

Ngay lúc bước vào phủ, thấy bức tranh thêu con chim sẻ đậu trên bụi trúc tuyệt đẹp, Mạc Đĩnh Chi xô lại ngắm ngía mãi không thôi. Nhưng sao bức trướng có cái gì trái cựa thế này? Sao không phải là bức vẽ cành mai chim sẻ mà lại là cành trúc chim sẻ. Mải suy nghĩ, không biết vị tể tướng triều Nguyên cười chế giễu mình từ lúc nào: Được, cứ cho ta là quê mùa đi Mạc Đĩnh Chi thầm nhủ ta sẽ mở mắt cho các ngươi. Nghĩ thế, Mạc Đĩnh Chi thản nhiên đến xé toạc bức trướng. Người Nguyên chưa hết ngạc nhiên, Mạc Đĩnh Chi, biện luận:

- Từ xưa, tôi chỉ nghe nói có "Mai tước họa" (bức vẽ cành mai chim sẻ) chứ chưa hề nghe nói đến" trúc tước họa" (bức vẽ cành trúc chim sẻ). Nay tể tướng lại để bức trướng "Trúc tước họa", "Trúc" là quân tử, "Tước" là tiểu nhân; làm như vậy là để tiểu nhân lên trên quân tử, tôi e rằng cái đạo tiểu nhân sẽ ngày càng rông rỡ, mà cái đạo quân tử sẽ ngày một tiêu tan. Cho nên tôi phải vì thiên triều mà trừ trước cái họa ấy đi.

Sau giây phút im lặng căng thẳng, một văn thần thì thầm với viên tể tướng: "Quan tể tướng đã thấy chưa, hắn có tài chuyển bại thành thắng đúng như lời đồn

đại lâu nay, ta không dễ bắt bẻ được. Nhưng hắn sẽ chết vì câu đối của tôi. Nói rồi, viên quan văn ấy đứng lên, hướng về phía Mạc Đĩnh Chi:

- Tôi nghe lời biện luận của ngài trạng nguyên cũng thấy có lý. Ngài rõ là một người biết ứng biến trong mọi việc, thật đáng khen thay. Nghe nói ngài là bậc văn chương siêu việt. Vậy xin ngài đối giùm một vế Viên quan tủm tỉm cười rồi đọc:

- Ly, My, Võng, Lượng, tứ tiểu quỷ.

Thấy viên quan người Nguyên dùng lời lẽ trịnh thượng, chê mình xấu xí nên lôi họ hàng nhà quỷ ra giễu cợt, Mạc Đĩnh Chi giận lắm. Tuy thế, Đĩnh Chi vẫn làm ra bộ tươi cười đối lại rằng:

- Cầm, Sắt, Tỳ, Bà, bát đại vương.

Giới văn thần triều Nguyên kinh ngạc trước câu đối rất chọi mà con có tính cách "Ăn miếng trả miếng" thật tài tình của Mạc Đĩnh Chi: Các ngươi khinh ta là tiểu quỷ, nhưng ta chính là đại vương đây. Không dồn được Mạc Đĩnh Chi vào thế bí bằng câu đối, sau bao ngày nghiền ngẫm, viên quan nhà Nguyên thực sự phục tài Mạc Đĩnh Chi, không còn dám khinh là xấu xí quê mùa nữa.

Nhưng thua keo này bày keo khác, các quan lại Nguyên xúm xít đề ra hàng loạt câu đối chiết tự để thách thức Mạc Đĩnh Chi. Một viên quan phong độ nho nhã ra câu đối:

- An, nữ khứ, thỉ nhập, vi gia.

Trước khi đi sứ Mạc Đĩnh Chi đã dày công ông luyện loại câu đối này nên câu này tuồng như Đĩnh Chi cho la quá dễ, không cần nghĩ ngợi, đáp:

- Tù, nhân xuất, vương lai, thành quốc.

Người Nguyên tuy biết câu đối của Mạc Đĩnh Chi vừa chọi, vừa khí phách, mà lại hàm ý ngạo mạn ở bên trong: Lấy chữ "Vương" là vua đối với chữ "Thỉ" là lợn. Nhưng ai nấy đều lắc đầu lè lưỡi, xuýt xoa khen ngợi mãi.

Thấy Mạc Đĩnh Chi mấy lần đối trôi chảy phản ứng nhanh nhạy, áp đảo được mọi người, viên qian nhà Nguyên khác lại đưa ra câu nữa:

- Thập khẩu tâm tư, tư quốc tư gia, tư phụ mẫu.

Cũng bất ngờ viên quan nhà Nguyên vừa đọc xong Mạc Đĩnh Đã lên tiếng đối rằng:

- Thốn thân ngôn tạ, tạ thiên, tạ địa, tạ quân vương.

Đến lúc này, giới quan lại triều Nguyên chỉ còn biết bày tỏ sự khâm phục trước tài học uyên bác và trí thông minh tuyệt vời của Mạc Đĩnh Chi. Chính viên tể tướng triều Nguyên, người bày ra cuộc thách đố ác ý này Mạc Đĩnh Chi giáng trả những đòn đau điếng. Hơn thế nữa, tài năng của vị trạng nguyên nước Đại Việt đã khiến cho viên tể tướng không giấu được sự kinh ngạc.

- Ngài quả là bậc kỳ tài. Người ra câu đối đã giỏi, người đối lại càng giỏi hơn. Tựu trung, toàn là những tay cự nho cả.

Các văn thần triều Nguyên có mặt trong buổi ấy đều bị tài năng của Mạc Đĩnh Chi thu phục đã bỏ qua mối hiềm khích thâm căn cố đế, để vây quanh viên sứ nước Đại Việt tiếp tục bàn luận văn chương một cách thân ái.

Thắm thoát đã đến ngày đoàn sứ Đại Việt sắp lên đường về nước. Nhân dịp ấy, Nguyên Thành Tổ lại Cho vời Mạc Đĩnh Chi vào cung mình dự tiệc, cùng dự tiệc hôm ấy còn có sứ thần của nhiều nước. Vốn hâm mộ tài năng xuất chúng của Mạc Đĩnh Chi, nhân một sứ thần dâng cho mình quạt quý, vua Nguyên bảo Mạc Đĩnh Chi và sứ thần Cao Ly làm thơ đề quạt.

Làm thơ vịnh theo kiểu này là ngón sở trường của Mạc Đĩnh Chi nên Mạc Đĩnh Chi rất yên lòng, vấn đề là phải lấy từ tích nào để có ý hay lời đẹp hàm nghĩa uẩn súc. Mạc Đĩnh Chi còn đang loay hoay tìm ý chọn lời, thì sứ Cao Ly cầm bút viết thoăn thoắt.

Mạc Đĩnh Chi chẳng nóng lòng, suy nghĩ cho chín chắn hơn và cầm bút viết luôn một mạch:

- Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lô

Nhĩ tư thời hề, Y, Chu cự nhu (nho)

Bắc Phong kỳ lương, tuyết vũ tái đồ

Nhĩ tư thời hề, Di, Tề ngã phu

Y! Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng

Duy ngã dự nhĩ hữu thi phù

Bài thơ của Mạc Đĩnh Chi xong trước sứ Cao Ly. Nguyên Thành Tổ xem rồi nức nở khen mãi. Vua Nguyên thực sự khâm phục tài năng viên sứ nước Đại Việt, hơn thế nữa, lại càng quý mến con người có hình thù xấu xí ấy. Được nghe lại bao lời đối đáp của Mạc Đĩnh Chi, tuy biết viên sứ này đôi lúc trả miếng lại người Nguyên rất thâm thúy, nhất là lúc nào cũng giữ phong độ ung dung đối đáp cứng cáp trái với ý muốn của mình, nhưng đó là cung cách của con người biết giữ gìn quốc thể, không dễ bắt bẻ được. Chính là Nguyên Thành Tổ tiết rằng mình thiếu một bề tôi có tài năng, có khí phách và linh lợi như thế. Nghĩ vậy, nên sau khi nức nở khen ngợi Mạc Đĩnh Chi, Nguyên Thành Tổ không do dự phê vào bài thơ bốn chữ "Lưỡng quốc trạng nguyên" và tự tay trao văn bằng cho Mạc Đĩnh Chi. Vua trìu mến nói:

- Tài năng của nhà ngươi, bản triều ta không dễ có người sánh được. Cũng chỉ ở nước Đại Việt mới có được những viên sứ như nhà ngươi.

Sau chuyến đi sứ, Mạc Đĩnh Chi đã thực sự chiếm được lòng tin của vua Anh Tông. Vua đã vì cái công đi sứ khó nhọc làm vẻ vang cho nước mà cất nhắc Mạc Đĩnh Chi lên địa vị xứng đáng: Quan Ngự Sử. Tên tuổi của vị lưỡng quốc trạng nguyên cũng từ đó được cả nước yêu mến, hâm mộ.

Nhưng lúc ấy, bọn quý tộc và quan lại nhà Trần xoay ra chơi bời hưởng lạc. Ở các thái ấp của bọn quan lại nhà Trần thường ngày đêm ca xướng yến tiệc. Vua Anh Tông về cuối đời, cũng nảy sinh tấm lòng mộ đạo. Vua đã xuất không biết bao nhiêu

công quỹ để xây dựng chùa chiền, đúc chuông, đúc đỉnh. Chẳng tháng nào, ông vua mộ đạo ấy lại không đi thăm chùa này chùa khác; có lúc vua còn tụ họp các nhà sư ở chùa Yến Tử để đọc sách Phật, phó mặc triều chính cho bọn đại thần.

Đứng trước cảnh ấy, Mạc Đĩnh Chi đã bao lần can gián vua nhưng không được. Gặp năm lũ lụt, dân đói kém phiêu dạt đầy đường. Mạc Đĩnh Chi đập đầu tâu vua:

- Nước thịnh là ở chỗ vua cùng quần thần biết chăm lo đến sức dân, thương dân như con. Nay gặp cảnh mưa lụt mất mùa, nếu vương thượng không sửa việc nhân đức, phó mặc triều chính cho các đại thần không biết thương dân, thì tránh sao khỏi tiếng oán than của dân chúng.

Vua Anh Tông lộ rõ sự khó chịu:

- Trẫm và bọn đại thần đã làm gì đâu để dân chúng kêu than?

Thấy rõ lúc này nếu tiếp tục can gián vua thì sẽ không được lòng vua. Nhưng nếu không tâu hết sự thực, thì cứ đà này dân chúng sẽ ra sao? Nước sẽ đi đến đâu? Mạc Đĩnh Chi đã chẳng tận mắt nhìn cảnh dân chạy lụt nheo nhóc, khổ sở đầy đường đó sao! Chính cảnh tượng thê thảm ấy đã giúp Mạc Đĩnh Chi thêm dũng khí, đáp:

- Muôn tâu vương thượng! Nước là của vua, dân chúng không phân biệt sang hèn, đều là thần dân của vua. Nước thịnh dân giàu hay nước suy dân khổ cũng từ vua mà nên.

Vua mếch lòng nhưng Mạc Đĩnh Chi nói có lý nên không bắt bẻ được. Và, cũng là cách để trừng phạt Mạc Đĩnh Chi, vua Anh Tông giao cho Đĩnh Chi chức quan trông coi việc hộ đê.

Mạc Đĩnh Chi nhận trọng trách một cách vui vẻ. Chỉ mấy ngày sau, Đĩnh Chi đã rời kinh đô, thân đến miền lũ lụt nặng nhất ở Chương Mỹ. Mạc Đĩnh Chi đã huy động dân chúng khẩn cấp hàn đê, úy lạo, cứu giúp dân bị nạn và lo khôi phục lại mùa màng. Thấy Mạc Đĩnh Chi ngày ngày đều có mặt trên đê, bọn quan lại ở lộ, phủ cũng không dám chểnh mảng. Dân chúng càng phấn chấn hơn vì thấy triều đình để mắt tới; hơn thế nữa, còn cứu giúp những gia đình thiệt hại, một việc xưa nay chưa từng có, nên ai nấy đều dốc sức cho việc hàn đê. Dân cảm cái công ấy, coi Mạc Đĩnh Chi như là ân nhân đã cải tử hoàn sinh cho họ. Rồi nơi nào có đê vỡ, nơi ấy có Mạc Đĩnh Chi. Nơi nào có bọn quan lại lơ là việc phụ đê, hộ đê, Mạc Đĩnh Chi đều xử phạt để nêu gương. Phe cánh quan tư đồ Trần Trung Hoài vốn không thích Mạc Đĩnh Chi, nhân đó đã xúc xiểm, tâu vua:

- Mạc Đĩnh Chi lâu nay cậy có công sinh ra kiêu ngạo, tự ý xử mọi việc, gia ân báo oán tùy ý, không còn coi ai ra gì. Xin vương thượng cho triệu hắn về.

Vua Anh Tông tin lời bọn Trần Trung Hoài, đã xuống chỉ, triệu Mạc Đĩnh Chi hồi triều.

Mạc Đĩnh Chi vẫn giữ chức Ngự Sử nhưng trong lòng không vui. Bọn Trần Trung Hoài được vua trao cho quyền bính, mặc sức lộng hành, tha hồ vơ vét làm giàu. Bọn chúng chẳng những không can vua bỏ nhiều tiền của công sức của dân

xây am Ngọc Vân thì chớ lại còn một mực tâng bốc, coi việc vua xây am là việc nghĩa, nên làm trong hoàn cảnh ấy, dù biết việc mình làm sẽ gây lên thù oán, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng, nhưng Mạc Đĩnh Chi đã dâng sớ can vua và tố cáo bọn Hoài lũng đoạn triều chính. Nhưng ông vua say đạo đã nỏ qua lời can gián ấy và tỏ ra không còn mặn mà với Mạc Đĩnh Chi nữa. Được dịp bọn Trần Trung Hoài tìm mọi cách hãm hại Mạc Đĩnh Chi. Hoài tâu với vua:

- Mạc Đĩnh Chi xuất thân hèn hạ. Nay được vương thượng tin dùng không lấy đó làm ơn lại còn hay dòm dỏ vào việc triều chính, gây bè phái mưu hại lẫn nhau. Từ khi làm quan hộ đê, cậy có chút công, thì mặc sức vơ vét của cải dân để xây một dinh cơ cực kỳ sang trọng ở Lũng Động. Ngày nay ở nhà hắn, rầm rập người vào ra không rõi bàn luận những chuyện gì. Nếu vương thượng không chặn trước thì sao gọi là một ông vua anh minh được!

Chưa đến nỗi mê muội trong mọi việc, vua Anh Tông nửa tin nửa ngờ, bảo Trần Trung Hoài:

- Trẫm chưa thấy ai kêu ca hắn ngoài lũ ngươi. Nhưng việc này ta sẽ cho tra xét.

Nhưng công việc chưa tiến hành thì vua Anh Tông đã mất.

Con thứ của Anh Tông tên là Mạnh lên nối ngôi cha hiệu là Minh Tông, Minh Tông tuy còn trẻ nhưng là người có tài. Khác với vua cha, Minh Tông chăm lo đến chính sự biết cất dùng văn cho nên kén được nhiều nhân tài giúp.

Lợi dụng Minh Tông mới lên ngôi, bọn Trần Trung Hoài lại xúc xiểm ton hót tìm cách hãm hại Mạc Đĩnh Chi. Chúng muốn nhổ ngay cái gai thường ngăn cản chúng để dễ bề thao túng triều đình.

Nhưng nghe chúng tâu, vua Minh Tông không tỏ thái độ của mình. Tuy thế vốn tính thận trọng. Minh Tông đã cho vời một viên quan tâm phúc vào cung nói:

- Đức vua là không được thưởng bậy vì tư ân, phạt bừa vì tư nộ. Trẫm nghe quan tư đồ tâu rằng quan Ngự Sử Mạc Đĩnh Chi vơ vét của dân để xây dinh cơ ở Lũng Động. Trẫm không tin việc đó, nhưng lại không muốn làm mất hòa khí giữa các quần thần. Khanh đi xem xét sự việc rồi cho trẫm hay.

Nửa tháng sau viên quan đó về tâu rằng:

- Thần về Lũng Động, nhân để thăm dò cả dân tình nơi ấy. Ở đấy không có dinh cơ nào của Mạc Đĩnh Chi mà chỉ có một ngôi nhà mồ mà quan Ngự Sử xây cho mẹ. Của cải có gì đáng là tổn phí? Dân ở đó ai cũng khen ngợi quan Ngự Sử hiếu thảo và biết thương yêu đồng loại. Ngay ở kinh đô. Mạc Đĩnh Chi cũng sống thanh đạm như một viên tiểu quan vậy. Không làm gì có người ra vào nườm nượp ở nhà quan Ngự Sử như lời tâu của quan tư đồ, thần sợ trong lời tâu ấy có điều gì ám muội chăng?

- Trẫm cũng ngờ rằng bọn Hoài vu cáo làm vậy, chứ tính khí của Mạc Đĩnh Chi trẫm vẫn có bụng yêu quý từ lâu, ngừng một lát, vua tiếp Khanh hãy vì trẫm làm thêm việc nữa, âu cũng là cách thử xem ai ngay ai tà, để trẫm có thể phán xử công bằng. Nhưng việc này khanh phải hết sức khéo léo mới được.

Nói rồi vua cho viên quan được lại gần để dặn dò công việc.

Sáng ấy Mạc Đĩnh Chi vào chầu vua theo thường lệ, nhưng nét mặt lộ rõ vẻ bàng hoàng. Thấy vậy, vua Minh Tông hỏi:

- Quan Ngự Sử trong người không khỏe hay sao mà có dáng không thanh thản làm vậy?

- Muôn tâu vương thượng. - Mạc Đĩnh Chi vội đáp - Thật là lạ, đêm qua ai đã bỏ vào nhà thần mười quan tiền và có một đồ quý. Thần ngờ rằng ấy là do một người nào đấy định đút lót mà thần chưa nghĩ ra. Vậy thần đem tới đây để tâu vương thượng rõ.

- Khanh khó nhọc giúp người ta thì người ta mới cho như thế. Vậy khanh cứ coi những vật đó là của mình cũng được chứ sao.

- Phàm của cải không do tay mình làm ra thì không được tơ hào đến.

Mạc Đĩnh Chi khẳng khái, đáp.

Vua giữ lại tiền và các đồ vật ấy rồi cho Mạc Đĩnh Chi lui. Vua nói với viên quan tâm phúc.

- Lòng quan Ngự Sử thật là ngay. Con người như thế sao lại dám gán bừa là ăn hối lộ được. Trẫm đã xét rõ được một người.

Vua lại cho vời quan tư đồ Trần Trung vào triều hỏi:

- Khanh có việc gì cần tâu trình không?

Trần Trung Hoài ngần ngừ chưa kịp đáp, vua lại nói tiếp:

- Chắc khanh không được khỏe nên coi bộ không vui. Nếu không có việc gì thì cho khanh lui.

Trần Trung Hoài nghĩ: Nếu không nhân dịp này trừ Mạc Đĩnh Chi đi thì về sau rất khó. Vì vậy hắn khệ nệ tiến lên mấy bước rồi quỳ xuống, đáp:

- Muôn tâu vương thượng! Mọi việc thần làm vẫn thông đồng bén giọt. Có điều dân tình hiện nay kêu ca nhiều về quan Ngự Sử. Đêm qua tại tư gia quan Ngự Sử lại thấy tụ tập quá nhiều người, không biết để làm gì?

Thấy có đủ tang chứng về sự tấu giác mưu hại lẫn nhau giữa quan Tư Đồ và quan Ngự Sử. Minh Tông nét mặt hầm hầm, bảo Trần Trung Hoài:

- Đã bao năm ngươi giữ trọng trách nhưng lại không nghĩ đến việc thờ vua giúp nước mà chỉ lo bòn vét cho nhiều. Chẳng những thế, ngươi còn mưu hại người chính trực như quan Ngự Sử, gây bè phái, rũ rối triều đình. Ta đã vì ích nước mà để mắt xem xét lời tố giác của ngươi cùng cung cách làm việc của lũ ngươi. Té ra quan Ngự Sử là người thẳng thắn, liêm khiết. Ngược lại bọn văn dốt vũ nát, chuyên dối trên lừa dưới, ăn hối lộ, lo làm giàu lại chính là lũ ngươi. Đêm ta đã cho người bỏ vào nhà ngươi và quan Ngự Sử những số tiền lớn. Nhưng quan Ngự Sử thì trả lại, còn ngươi thì ỉm đi. Thế là nghĩa làm sao?

Trần Trung Hoài không ngờ sự thể lại như thế. Nhưng hối hận cũng đã muộn. Số tiền và các đồ quý của Vua hắn đã cất kỹ trong kho của mình. Thấy vua đã khám phá ra tung tích mình. Trần Trung Hoài sợ hãi tái mặt đi như gà bị cắt tiết. Thường ngày hắn ăn to nói lớn là thế, mà lúc này, cứ đứng trơ ra, thuỗm mặt không cãi được câu nào. Hắn lấm lét nhìn vua rồi nặng nề đứng lên, vác cái bụng gần vượt quá mặt lùi lùi dần. Cuối cùng cả cái cây thịt đổ sụp xuống.

Lập tức vua Minh Tông cách chức Trần Trung Hoài và giao cho hình quan xét xử tội Hoài và đồng bọn. Cũng ngày hôm ấy vua thăng cho Mạc Đĩnh Chi nhập chức nội hành khiển. Việc làm thận trọng nhưng cương quyết của vua Minh Tông đã được giới văn võ bá quan triều đình hả lòng hả dạ. Do vậy ai nấy đều hết lòng vì vua vì nước. Mạc Đĩnh Chi lại càng phấn chấn hơn, vì mối oan của mình đã được giải bày. Hơn thế nữa, ở chức vị mới, Mạc Đĩnh Chi có thể thi triển được tài năng, có dịp thực hiện được hoài bão làm cho nước thịnh dân giàu.

Lê Quý Đôn

Có khách quý từ phương xa tới thăm, gian nhà rộng của tiến sĩ Lê Trong Thứ đầy ắp chuyện hàn huyên, văn chương thơ phú. Những tiếng cười sảng khoái, những tiếng vỗ đùi thích thú, xen với giọng ngân nga vang vọng, vượt qua rộng và hàng rào tre thưa, bay tỏa trên dòng nước ngã ba sông lấp lánh trước ngõ.

Mấy tuần trà đậm đã qua, cho đến khi chủ nhân toan nhấc chiếc bình nước mưa để toan rót thêm vào chiếc ấm đồng đang treo trên hỏa lò than hồng, thì chợt thấy nước đã cạn.

- Quý Đôn con!

Tiến sĩ Lê Trọng Thứ gọi một lần, rồi hai ba lần, mỗi lúc một to, mới thấy một tiến "Dạ!" lý nhí đáp lại. Từ dưới nhà ngang, một chú bé bảy tám tuổi, mái tóc trái đào trên đầu còn ướt bệt, len lén chạy lên, lấy lưng cha để che mắt khách. Nhưng khách đã kịp nhận ra chú bé mặc dù chú đã cố tình cúi gầm xuống để che lấp cả khuôn mặt tinh nhanh lanh lợi nữa. Vừa lúc khách thốt ra một tiếng "Ơ..." kinh ngạc kéo dài, thì chủ nhân cũng cất giọng bảo:

- Ra bể nước mưa, múc vào đây một bình!

Thành ra, chỉ khi chú bé đã nhanh nhẹn đón lấy bình nước từ tay cha, con cón chạy đi, thì chủ nhân mới kịp hỏi khách:

- Bác hẳn có điều gì khác ý?

Khách không trả lời mà hấp tấp hỏi lại:

- Thằng bé vừa rồi là con cái trong nhà, thưa bác?

- Thưa vâng! Mà có chuyện gì khiến bác phải bận tâm chăng?

Nhưng khách vẫn cứ tiếp tục hỏi:

- Cháu nó đã đi học chưa, thưa bác?

- À, về chuyện học hành của cháu thì tôi cũng lấy làm lạ... Chủ nhân chưa kịp thổ lộ. Từ năm cháu mới hai tuổi, người nhà viết hai chữ "Hữu", "Vô" đưa ra hỏi chơi, nhưng lần nào cháu cũng chỉ đúng. Năm tuổi, cháu đã học được *Kinh Thi*, lại còn võ vẽ viết văn, làm thơ. Có điều là mải chơi quá nên còn biếng học. Chắc là vì cầm tinh con ngựa!

Chủ nhân cười xòa để kết thúc câu chuyện về con cái, trong khi khách vẫn cứ tắc lưỡi hoài:

- Thảo nào! Thảo nào...

Tiến sĩ Lê Trọng Thứ thấy vậy, lại phải hỏi lần nữa:

- Vậy có chuyện gì về cháu thế bác?

- Thế này... Khách bây giờ mới dần dà kể rõ. Chẳng là hồi nãy, tôi ở bến sông ngoài kia, đang hỏi thăm đường về nhà bác, thì gặp thằng cháu cùng với mấy đứa trẻ chạy ở dưới nước lên. Nó nheo mắt nhìn tôi: "Ông khách đến nhà quan nghè họ Lê ở làng cháu thì chắc là phải hay chữ. Vậy nếu ông khách nói được đây là chữ gì thì cháu mới chỉ nhà cho!" Thế là nó giang ngay tay và xoạc hai chân ra. Khách ngồi trên sập, nhổm người, giơ tay làm bộ điệu. Tôi thấy ngộ quá, mới nói vui: "Không phải!". Tôi còn đang ngạc nhiên thì nó đã ù té chạy, vừa nói với lại: "Chữ "Thái"! Thế mà không biết!". Bác xem, chẳng là thằng bé còn đang tồng ngồng mà! Già đầu như tôi mà còn bị cậu quý tử nhà bác nó lỡm cho đấy!

Tiến sĩ Lê Trọng Thứ dở khóc dở cười trước câu chuyện của người bạn già, đúng lúc "Cậu quý tử" rón rén trở lại với bình nước mưa trên tay. Ông đành gượng quát lớn:

- Thằng nghịch tử kia!

Nhưng khách đã vội can ngăn:

- Ấy, tôi xin bác! Để tôi hỏi nó vài câu xem sao...

Và vẫy Quý Đôn lại gần:

- Này, cháu, thầy cháu kể với bác là cháu đã tập làm thơ. Vậy muốn khỏi phạt thì cháu hãy thử làm một bài thơ, có được không?

Chú bé lập tức ngẩng đầu, mở to cặp mắt trong vắt:

- Dạ, xin bác ra đề!

- Lại còn thế nữa a! - Khách hết từ ngạc nhiên này lại đến ngạc nhiên khác. - Được! Thế thì phải làm thơ nôm, thất ngôn bát cú. Lấy đầu đề là "Rắn đầu biếng học"!

Chú bé chớp mắt lia lịa, nét mặt phút chốc đanh lại, già hẳn đến hàng chục tuổi, vẻ hết sức căng thẳng. Lùi dần ra hậu cửa, mặt bỗng ngẩng cao, mắt dõi mãi vào một điểm vô hình nào đó, chú bé tựa người vào tấm vách, mất máy môi trong một trạng thái xuất thần như quên cả mọi vật xung quanh. Và khách, được chứng kiến cảnh

tượng lạ lùng chưa từng thấy ở bất cứ đứa trẻ nào như thế, còn chưa hết dật mình thì đã thấy chú bé vụt trở lại là một đứa trẻ tinh ngịch, vờ vĩnh khép nép tiến lên mấy bước, cúi đầu:

- Dạ, cháu xin đọc...

- "Được rồi, đọc đi!

- "Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà!

Rắn đầu biếng học quyết chẳng tha.

Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,

Nay thét mai gầm rát cổ cha.

Ráo mép chỉ quen phường láo lếu,

Lằn lưng cam chịu vết roi da

Từ nay Trâu. Lỗ xin siêng học

Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia!"

Bài thơ đúng vần luật, rất hợp đầu đề và ý tứ cao kỳ, lại còn mỗi câu đầy đủ một tên rắn để nhại chữ ở đầu đề, ứng tác nhanh như chớp, khiến cho khách không kìm được mình nữa, vỗ đùi đen đét:

- Thần đồng! Thằng bé này đúng thật là thần đồng!

Tiến sĩ Lê Trọng Thứ cũng cố giấu vẻ hể hả, khoát tay:

- Cho ra ngoài! Phải nhớ lấy lời tự răn đấy!

Và đợi cho mái tóc trái đào bay nhảy khuất nhanh sau cửa ông mơi cao hứng kể tiếp cho khách nghe:

- Năm ngoái, bác Lê bên Liêu Xá đến chơi nhà, gặp thằng cháu vì thấy lạ cứ nhìn mãi cặp kính ở trên mắt bác ấy, bèn mới ra cho nó vế câu đối: "Tứ mục!", bắt phải đối...

- Chà! Giản dị mà hắc búa đấy! Vì chữ "Tứ" viết quay dọc lại, cũng là chữ "Mục"!

- Thưa vâng... Tiến sĩ Lê Trọng Thứ vội kể tiếp Thằng bé nhìn quanh quẩn, tìm ý để đối, và may quá, vừa trông ra ngã ba sông ngoài kia, nó đã quay lại luôn: "Tam xuyên!"

Khách từ đấy chỉ còn biết xuýt xoa:

- Thằng bé này về sau văn chương sẽ ngang dọc một thời đấy!.

Mười bốn tuổi, "Học hết cả chữ các thầy giỏi ở trong vùng" như người đương thời vẫn nói Lê Quý Đôn rời quê hương Sơn Nam lên kinh đô tiếp tục "Tìm thầy học đạo".

Kinh đô Thăng Ling với lầu son gác tía và đền đài miếu mạo, với "Ngựa xe như nước, áo quần như nêm" và với những "Cuộc vui suốt sáng, trận cười thâu đêm",

không hấp dẫn được chàng thiếu niên Lê Quý Đôn bằng những kho sách đầy ắp của Bí thư các, Hàn lâm viện, Quốc sử quán, những buổi giảng sách bình văn của các danh sư ở các trường học nổi tiếng, và những cuộc đàm đạo với các đại gia uyên bác của Kinh thành.

Cậu bé thần đồng ở Sơn Nam đã dần dần khiến cho cả Thăng Long phải chú ý, không phải chỉ vì trí thông minh khác vời, mà còn vì chí hiếu học tuyệt trần của tuổi trẻ. Kịp khi triều đình mở khoa thi năm Quý Hợi thì cả Thăng Long đều xôn xao nhưng không ngạc nhiên nữa, khi thấy những người lính xúng xính trong chiếc áo nẹp đỏ, vác những chiếc ống loa dài nghêu, trịnh trọng diễu khắp ba mươi sáu phố phường mà xướng danh các sĩ tử trúng cách, trong đó mở đầu là "Cử nhân, giải nguyên, Sơn Nam, Lê Quý Đôn. Thập bát tuế". Kinh thành chỉ xôn xao và ngạc nhiên thật sự khi có kết quả của các kỳ thi năm Nhâm Thân sau đấy: Chiếm cả bảng vàng Hội Nguyên lẫn Đình Nguyên đều là Lê Quý Đôn.

Với học vị Bảng Nhãn, từ đấy, chàng trai hai mươi bảy tuổi được cả kinh kỳ và người Sơn Nam kính trọng và gọi bằng cái tên quen thuộc: Bảng Đôn! Và người ta khác nhau: Bảng Đôn không đi Tri phủ, Tri huyện, cũng không nhân Đốc đồng, Hiệp trấn mà đã vào ở Hàn lâm viện!

Quả đấy là chí hướng của Lê Quý Đôn. Chính ở nơi này, Lê Quý Đôn mới có nhiều điều kiện nhất để duyệt lại, mở rộng và định hướng cho trí tuệ mẫn tiệp, uyên bác của mình. Và bây giờ cũng là lúc để thỏa thuê lục hết kho sách thiên kinh vạn quyển của triều đình, và thu nhập về thêm những trước tác cổ kim đông tây trong thiên hạ...

Tòa *Kinh nghĩa đường* dựng không xa Hàn lâm viện, cũng chính là một hàn lâm viện thu nhỏ của riêng Lê Quý Đôn. Những giá sách, những chồng sách, những ghi chép, những bản thảo, chất ngất khắp một gian phòng rộng. Giữa núi sách vở, chữ nghĩa ấy, Lê Quý Đôn đang ngồi đàm đạo cùng bạn đồng học: Tiến sĩ Trần Danh Lâm. Ý tứ đổi trao xoay quanh chuyện văn chương thơ phu, vốn là chuyện hàng đầu của các danh sĩ bấy giờ.

- Đệ gần đây có tìm được bài thơ *Sứ Giao châu* của người nước Thanh, sang ta vào đầu đời Khang Hy. Lê Quý Đôn xoa tay nói, vẻ thích thú, lời chú của Chu Xán trong bài thơ ấy kể ra nhiều nhân tài thời xưa của ta là Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Trãi, Lương Thế Vinh... Lại người nước Thanh là Chữ Giá Hiền cũng viết trong sách *Kiều biểu dư tập* rằng nước Nam ta, xa Trung Quốc hàng nghìn dặm, tuy đứng về danh nghĩa thì theo giáo hóa Trung Quốc, nhưng thực ra thì tự làm chủ một nước, đặt niên hiệu, dựng phép tắc. Còn riêng về thơ văn thì có nhiều bài rất hay...

- Quả là có những bậc thức giả trong giới sĩ phu phương Bắc Trần Danh Lâm hưởng ứng nhưng trong bọn họ, không khỏi vẫn có kẻ nhắm mắt nói càn. Để đọc sách An Nam chí, thấy nói rằng: "Nước Nam, từ khi có Giải Tấn dạy bảo cho mới biết xu hướng về văn học". Thật là quá dỗi hồ đồ! Giải Tấn là người nhà Minh, chỉ sang ta có một năm. Còn trước đó, cả mấy trăm năm, là hai triều Lý, Trần, văn hiến nước ta thật đã rực rỡ, thì ai dạy bảo?

- À... Lê Quý Đôn chợt nói như reo. - Để đệ đưa quan bác xem quyển *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương tiên sinh lưu truyền từ đời Hồng Đức. Trong tập này, Hoàng tiên sinh đã cố công tìm lại được nhiều thi phẩm đời Trần, một thời tưởng đã mất vì chính người Minh tàn phá...

Lần lượt trao từng tập sách mới được sao chép lại cho người đối diện trân trọng đỡ lấy, Lê Quý Đôn giữ lại tập cuối cùng, lật một trang, nói:

- Người xưa soạn loại sách này còn có những chủ kiến trác tuyệt về văn hiến cũ của nước nhà, thiết tưởng trong đám hậu sinh cũng nên có người nối chí. Để đọc cho quan bác nghe câu này: "Đức Lương này học làm thơ, chỉ trông vào bách gia đời Đường (của Trung Quốc), còn như thơ văn thời Lý, thời Trần (của ta) thì không khảo cứu vào đâu được. Mỗi khi nhặt nhạnh ở giấy tàn, vách nát, được một vài câu, thường cầm sách mà than thở... Một nước có nền văn hiến hàng mấy trăm năm, chẳng lẽ không có quyển sách nào có thể làm cứ liệu, mà phải tìm vu vơ học ở thơ văn nhà Đường, như thế chẳng hóa ra đáng thương tâm lắm sao..."

Trao tập sách này cho Trần Danh Lâm, Lê Quý Đôn nói tiếp:

- Hoàng Đức Lương tiên sinh nhặt nhạnh thơ văn cổ, Biên tập thành Mười Lăm cuốn, cũng có thể nói là mới được một hai phần trong trăm nghìn phần mà thôi. Thế nhưng, một hai phần ấy, đến nay cũng lại chỉ còn lại không đầy một nửa thì kẻ hậu sinh càng đáng thương tiếc đến mức nào!

Trầm ngâm một lát, Lê Quý Đôn hạ giọng tâm sự:

- Đệ có ý định sẽ dần dần nối tiếp công việc của người đời trước mà soạn một bộ sưu tập đầy đủ những tác phẩm văn chương của nước nhà, không hiểu có nổi không... Và chợt giọng sôi nổi Nhưng đó là việc sau này. Còn bây giờ thì, mấy năm vừa qua, có dịp xem lại các sách vở đã đọc từ nhỏ tới giờ, đệ đã soạn xong hai bộ sách này, để quan bác xem qua...

Trần Danh Lâm vội đặt bộ sách cổ của Hoàng Đức Lương xuống, đỡ lấy hai pho sách đồ sộ còn thơm mùi giấy mực của chính Lê Quý Đôn, miệng lẩm nhẩm đọc tên sách: *"Thánh mô hiền phạm" và "Quần thư khảo biện"*. Lật giở những chương mục, manh những tiêu đề "Thành trung", "Lập hiếu", "Tu đạo", "Đạt lý" của cuốn *Thánh mô hiền phạm*, Trần Danh Lâm thuận tay mở tiếp từ đầu của bộ *Quần thư khảo biện*, và sửng sốt đọc to lên một ýy trong lời tựa:

- "... Nghiên cứu những vết tích của việc hưng, vong, trị, loạn: Xem xét nguyên cớ của cái được, mà răn đe sự dẫn đến cái mất..." Không giấu vẻ thán phục, Trần Danh Lâm nhìn Lê Quý Đôn!

- Tuổi mới như quan bác mà đã trước thư, lập ngôn được như thế này, thật đáng để bọn đệ theo đòi. Nhưng... Trần Danh Lâm đổi giọng tinh nghịch cật vấn đệ xin hỏi thật: Cứ xem như ý tứ qua lời nói và trong văn sách này thì đệ đoán không sai là phải chăng quan bác mấy năm nay đang chuẩn bị để có một phen xuất ngoại "đem chuông đi đấm nước người"?

Thấy vẻ mặt và cái nhìn thú nhận của Lê Quý Đôn, tiền sĩ Trần Danh Lâm cười

mà tiếp:

- Bây giờ thì chưa đâu! Quan bác đã biết cổ lệ của triều ta rồi: đi sứ thì phải trên năm mươi tuổi! Vả chăng, chúa Trịnh mới tìm ra tài năng của quan bác, chắc gì chịu để quan bác ra đi lúc này...

Người bạn đã vui vẻ cáo biệt ra về mà những lời nói nửa đùa nửa thật vẫn còn đọng lại trong thư phòng. Lê Quý Đôn, một mình trước án thư, tần ngần suy nghĩ mãi suy nghĩ về ý tứ của Trần Danh Lâm. Phải, xưa nay, ở triều đình đại Lê chúa Trịnh này, chưa có ai ba mươi tuổi mà đã được cử đi sứ nước ngoài. Nhưng rõ ràng là với Lê Quý Đôn lúc này thì việc đó rất cần. Kiến thức trong thiên hạ quả là như trời bể. Lê Quý Đôn sẽ còn cả một đời để theo đuổi sự nghiệp tích lũy kiến thức đó. Nhưng những gì đã tích lũy được bấy lâu trong bộ óc mẫn tiệp và cần cù, đã đủ và cần phải đem so sánh, đối chiếu và cọ xát với bên ngoài. Để thử thách và để khẳng định...

Quả quyết dầm ngọn bút vào nghiên mực, Lê Quý Đôn viết tâu xin chúa Trịnh:

"Người xưa vào làm quan, ắt phải lịch duyệt đó đây. Chuyến đi sứ trong ba năm cũng không phải là lâu. Thần xin vẫn được đi để xem chính sự ở Trung Quốc như thế nào, xem người và cảnh ở bên ấy ra sao..."

Chuyến đi sứ năm Canh Thìn, sang triều đình nhà Thanh, đi và về, mất gần ba năm. Trong hành trang của sứ bộ, Lê Quý Đôn mang theo các tập sách *Thánh mô hiền phạm và Quần thư khảo biện*, cùng với tập thơ *Tiêu lương bách vịnh*, trong đó có thơ của ông và bản sao *Trích diễn thi tập*.

Với thi tập này, một lần gặp trong đám quan tướng nhà Thanh có người lại đem chuyện Giải Tấn đời Minh ra thách đố, miệt thị, Lê Quý Đôn đã chỉ cần lẳng lặng đưa cho tất cả các thi phẩm có từ trước thời Giải Tấn rất lâu, và thản nhiên nhìn vẻ chựng hửng của bọn họ.

Lê Quý Đôn đã cau mày, một lần khác, ở đất Nam Ninh, khi sứ bộ Việt Nam đến gặp quan đầu tỉnh, và nghe tiếng xuống kép dài của bọn quan nha từ ngoài cổng tryền mãi vào sảnh đường: "Di... Quan... Kiến...!".

Tránh để mất hòa khí trong buổi tiếp kiến đầu tiên, Lê Quý Đôn lại chỉ lẳng lặng thảo một công văn, đòi bỏ ngay kiểu cách xưng hô đó. Tiếp được công văn, vội vã thảo một công văn trả lời, biện bạch rằng ngày xưa, các vua của Trung Quốc là Thuấn và Văn Vương cũng vẫn được gọi là "Đông Di" và "Tây Di". Vậy chữ "Di" mọi rợ đó không hề có ý khinh mạn quý quốc. Nhưng đã có công văn của sứ bộ thì vẫn xin từ nay bỏ không dùng chữ "Di" nữa...

Có người kể thêm một chuyện về Thanh Triều muốn thử tài quan Bảng nhãn của nước Việt, đã chờ đến lúc triều xuống triều lên, mới mời sứ bộ đi xem một tấm bia cổ ở một ngôi chùa vem sông. Nước triều dâng nhanh thoạt đầu còn ở chân bia, phút chốc đã đến lưng bia rồi ngập cả ngọn bia và trời chiều chạng vạng. Nhưng trở về quán sứ, khi người Thanh hỏi về nội dung tấm bia thì bảng Đôn vẫn ung dung đọc lại toàn bộ nội dung văn bia không sai, không sót một chứ Trí nhớ của sứ bộ đã tuyệt

vời, nhưng khi kinh ngạc hỏi xem Lê Quý Đôn làm sao mà đọc thi được với nước triều những hàng chữ viết dọc từ trên xuống dưới và từ phải sang trái ở trên tấm bia ấy, thì câu trả lời của quan Bảng nhãn trẻ tuổi mới làm người Thanh ngã ngửa: Sứ bộ đã theo mực nước mà đọc ngang tấm bia, từ dưới lên trên, rồi sắp xếp lại trong óc, trật tự của các con chữ!.

Khi câu chuyện kỳ thú này truyền đến tai, Lê Quý Đôn chỉ mỉm cười. Nhưng đúng là ông tìm đọc được rất nhiều trong chuyến đi sứ sang nước Thanh, kể cả việc tìm đọc được những sách về thiên văn, địa lý và lịch pháp của những người châu Âu là Nam Hoài Nhân và Thang Nhược Vọng. Sự mê say và khả năng đọc sách của sứ bộ nước Việt đã cho người Thanh phải kính phục. Có một lần, đang trên đường tiến kinh thì gặp phải giông bão, sứ bộ và các quan lại nhà Thanh đi hộ tống phải nghỉ lại một công quán dọc đường. Hết cơn mưa gió, mọi người đều chuẩn bị tiếp tục lên đường, riêng Lê Quý Đôn thì chỉ nhìn trời rồi lại nằm dài đọc sách, quả quyết rằng sắp có bão tố trở lại. Lúc đầu, không ai tin, nhưng về sau, quả nhiên sự việc sảy ra đúng như dự báo của sứ bộ, khiến mọi người chỉ còn tròn mắt mà nhìn con người thông hiểu cả quy luật đất trời, khi ấy vẫn đang miệt mài với những trang sách... Mới tìm được ở trong công quán...

Sự khâm phục đối với quan Bảng nhãn trẻ tuổi của nước Việt càng ngày càng tăng lên, khi tới Yên Kinh, sứ bộ nước Việt bắt đầu tiếp xúc với các quan lại đầu triều nhà Thanh và sứ thần nước Nhật Bản, Triều Tiên... Nghe tiếng Lê Quý Đôn, Chánh sứ Triều Tiên, Trạng nguyên Hồng Khải Hi đã tìm cách gửi tặng sứ bộ nước Việt một chiếc quạt quý và một bài thơ để thăm dò. Lập tức, Lê Quý Đôn thảo thơ tặng lại:

- Tản Viên khái tự Tùng sơn tú

Áp Lục ưng đồng Nhị thủy trường...

Núi Tùng của Triều Tiên đã cùng non Tản của Việt Nam đua vẻ đẹp và sông Áp Lục của Triều Tiên cũng cùng dòng Nhị Hà của Việt Nam nối chiều dài trong thơ Lê Quý Đôn, khiến sứ giả Triều Tiên hết sức tâm đắc, thú vị. Rồi đó, biện luận và thù tạc, xướng họa và du ngoạn, các hoạt động ngoại giao của sứ bộ nước Việt chẳng những đã làm tròn sứ mạng được giao phó, mà còn làm rạng danh cho sứ sở. Riêng tiếng tăm của Lê Quý Đôn thì nổi cao như sóng cồn, khiến ngươi các nước đều tấm tắc: "Nước chúng tôi đều mang tiếng là lắm nhân tài, nhưng những người được như sứ giả cũng chỉ có một vài.

Con người tài năng uyên bác ấy, giờ đây, đang ngồi trong Bí thư các ở Thăng Long, thảo bài Khải dâng lên chúa Trịnh, tường thuật lại những điều mắt thấy tai nghe và những hoạt động của sứ bộ nước ngoài. Trên án thư của quan Hộc sĩ mới nhận chức, hai bộ sách Thánh mô hiền phạm và Quần thư Khảo biện vừa theo tác giả của nó đi chu du thiên hạ trở về, nằm xếp chồng ngay ngắn. Lê Quý Đôn với lấy bộ Thánh mô hiền phạm, và yên lặng đọc, trang giấy mới được đóng thêm vào đầu sách, làm lời tựa:

"Tất cả các kinh sử tử tập và những lời bàn thêm của tiên nho, của những bậc

thầy kỳ cựu, đều được xem rộng mà rút lại *ở sách này*. Việc dụng công đáng gọi là siêng năng, chí hướng cũng gọi được là chính vậy. So với Trịnh Mông Chu của nước Cao ly, điều nông sâu cao thấp chưa thể biết được, nhưng chủ yếu là ông đã truyền giữ thật kiên trì những lời hay, việc tốt của thánh hiền, cũng không thẹn là bậc tổ Lý học của phương Nam..."

Lời tựa này, trịnh trọng ký tên Chu Bội Liên, quan đề học của thanh triều.

Lê Qúi Đôn lại với lấy bộ Quần thư Khảo biện. Cuốn sách đồsộ, giờ dày thêm đến ba bài tựa mới viết. Ngoài Chu Bội Liên với lời thán phục: "Tuyệt vời thay luận thuyết của ông! Cái tài của bậc hào Kiệt, đạo học của bậc thánh hiền, điều tìm thấy ở cả sách này chăng? ", còn có Tân Triều Vu, tiến sĩ Lễ bộ của Thanh triều, khiêm nhường mà công nhận: "Việc mà Quế Đường*Lê Quý Đôn* làm được *ở đây* thì tôi, với kiến thức hẹp hồi phần nhiều quên lãng, thực có chí mà cũng không làm được". Còn bài tựa thứ ba là của trạng nguyên Hồng Khải Hy. Chánh sứ Triều Tiên:

"... Chọn lấy trong thư tịch các đời mà Khảo đính, biện luận, trên dưới vài nghìn năm, cái được cái mất ai tài ai thua, như thế này thì an, không như thế này thì nguy, không điều nào là không soi xét và tính đến; lật đổ những xét đoán đã định trước đây cũng có, phê phán những kẻ thừa tiếp mà sai lầm cũng có, cách lý giải tinh diệu tràn đầy trên giấy mực..."

Những công trình tạo tác của nhà bác học trẻ tuổi, vậy là đã không thẹn tiếng "Mang chuông đi đấm nước người". Và đây mới chỉ là những công trình đầu tay.

Những công trình quan trọng chính của đời mình, Lê Quý Đôn đã dồn sức để chuẩn bị vào những năm ông cáo quan về làng, đóng cửa viết sách. Hai bộ*Vân đài loại ngữ* và *Kiến văn tiểu lục*, một bộ gồm chín đề mục và chín trăm sáu mươi bảy điều bàn luận về triết học, địa lý, thiên văn, lịch sử, nông ngiệp, văn học..., và một bộ gồm chín thiên, mười hai quyển, để cập đến cácn vấn đề về luật pháp, chế độ, bờ cõi, phong tục, dân tộc, tôn giáo... Sẽ còn phải một số năm nữa mới có thể ra đời. Nhưng ngay bây giờ, những túi gấm chất chứa các tài liệu sưu tầm và ý kiến phác thảo, sau khi được phân loại, sắp xếp và giao cho các tiểu đồng cất giữ, đã ngổn ngộn, ngổn ngang.

Sau mỗi buổi làm việc trước thuật, tạm rời đống sách vở giấy má bề bộn. Lê Quý Đôn lại khép cửa thư phòng, đi ra đầu làng hóng gió. Thời gian gần đây, nhà bác học từ quan đóng vai trò ẩn sĩ, có thói quen như vậy. Quán trọ đầu làng là nơi ông thường có những cuộc gặp gỡ bất ngờ đầy thú vị. Tiếng tăm của ông lúc này đã vang dội đến mức người ta truyền tụng với nhau: "Thiên hạ vô tri, vấn Bảng Đôn!" Và để tìm Bảng Đôn thì cứ chiều chiều, đến quán trọ ngoài làng ông là có thể gặp. Kính cẩn chắp tay vái chào ông, có một người đã mang theo cả hai mẫu chữ viết sẵn: để hỏi ông xem là chữ gì. Đúng là hai chữ chưa thành chữ, nên không thể đọc được. Lê Quý Đôn phải hỏi lại: "Anh thấy hai cữ này ở đâu? ". Người ấy nói: " Tôi thấy ở trên đầu những chiếc xà nhà mới làm..". "À, thế thì có thể đọc được rồi Lê Quý Đôn cười xòa. Người ta viết tắt để đánh dấu mà phân biệt trước, sau khi làm nhà!. Và ông vui vẻ dặn thêm: Từ rày, muốn thuộc các chữ này, anh cứ nhớ là"Tiều sừng bò, Hậu cò lội". Đấy có phải là chữ giống sừng bò và chữ giống dấu chân cò lội trên bùn không

nào? ".

Lê Quý Đôn thường phải giải đáp cả những câu hỏi đại loại như vậy. Nhưng ông cũng đã học lại được ở những người đến hỏi mình vô khối điều. Một chiếc túi gấm đang cất giữ trong thư phòng của ông, chứa đến gần hai trăm tấm thẻ, ghi rõ từng tên gọi, cách gieo trồng và những điều lợi, hại của đủ các thứ giống lúa tẻ, nếp, chiêm, mùa... Chính là do ông thu thập được từ kiến thức của những người chân lấm tay bùn như thế.

Nhưng chiều hôm nay, trên đường ra chơi nơi quán trọ, Lê Quý Đôn đã gặp phải chuyện không may. Một bậc đường quan bệ vệ trên chiếc cáng đôi, có một tên lính huyện vác roi đi trước và một tên lính khác vác tráp theo sau, đã bắt gặp nhà bác học trong bộ áo cánh giản dị đang thơ thẩn trên đường.

Bay đâu, bắt tên kia vào khiêng cáng thay cho thằng phu ốm đói này để quan đi nhanh một chút!

Thế là Lê Quý Đôn bị tóm ngay vào làm chân phu khiêng cáng cho quan huyện Chắc là một vị tân quan mới được bổ nhiệm về miền này. Chiếc cáng bị thúc chạy gần về phía quán trọ đầu làng. Nhưng vừa đến cạnh chiếc hồ rộng, thì người phu cáng mới bị bắt hầu quan, bỗng đi đứng chệnh choạng, rồi trượt chân ngồi phệt xuống hất luôn tấm thân phì lộn của quan huyện rơi ùm xuống hồ. Tiếng la hét chí chóe nổi lên. Quan huyện ngoi ngóp mãi mới được hai tên lính hầu liều mạng xông xuống chốn nước bùn lầy dìu bước lên bờ.

- Bay đâu trói ngay tên phu cáng láo xược kia vào cột quán để quan hỏi tội...

Huyện quan vừa cuống quýt vuốt nước trên đầu trên mặt và rũ quần áo, vừa quát tháo om xòm. Chủ quán và đám khách khứa trong nhà nghe tiếng láo động, vội vã chạy ùa ra xem chuyện lạ. Và tất cả đều sửng sờ xanh mặt khi thấy người mà huyện quan định bắt chói chính là Lê Quý Đôn. Hấp tấp ngăn mấy tên lính đang xum xoe xắn quần, xắn áo sửa soanï ra oai, chủ quán vội vã chạy tiếp tới gần quan huyện, ghé vào tai nói nhỏ mấy câu. Lập tức, huyện quan há hốc mồm, đứng sững tựa trời trống!

Trước cảnh ây, Lê Quý Đôn ung dung sửa soạn lại y phục, đoạn nghiêm sắc mặt, bảo quan huyện:

- Làm quan thì phải thương dân, đừng có hống hách!

Nói xong ông lẳng lặng bỏ đi, thẳng một mạch về nhà. Khi ấy, quan huyện mới định thần được. Và, bỗng nhiên quan lúng túng cuống cuồng, nửa muốn chạy theo, nửa lại không dám, trong khi mồm miệng lắp bắp mãi không thốt được câu:

- Hạ quan... Hạ quan xin trình...

Chủ quán vội giúp huyện quan gỡ lại tình thế: Rước quan vào trong quán nghỉ tạm. Và trước vẻ mặt bần thần hoảng hốt của quan, chủ quán nhẹ nhàng thưa gửi:

- Bẩm quan lớn, chắc quan lớn vừa về trị nhậm huyện nhà nên không rõ quan Bảng nhãn làng chúng tôi, chứ còn khắp vùng này thì ai chẳng một lần nghe tiếng,

biết hình Bảng Đôn! Ngay quán chúng tôi đây cũng còn được quan Bảng một lần ra tay giúp cho, chứ không thì khốn to...

Và thế là câu chuyện của chủ quán đã hàng trăm lần kể cho tất cả cáckhách khi có dịp ghé quán nghe, bây giờ lại đến tay huyện quan mới trị nhậm. Chuyện kể rằng, có một lần, Bảng Đôn ra quán chơi, gặp hôm quán vắng khách, không có người trò chuyện, bèn vớ lấy quyển sổ ghi nợ của chủ quán đọc lướt một lượt "Ấy, quan Bảng nhãn làng tôi một khi đã thấy ở đâu có giấy, có chữ mà lại để lọt khỏi mắt là không thể chịu nổi được" chủ quán thêm vào cho câu chuyện kể ở đoạn kể lời bình ấy Không ngờ ít hôm sau, quán gặp hỏa hoạn, chủ quán mải chạy đồ đạc, quên khuấy mất sổ nợ trong đám lửa. Lo sợ mất nợ nên phát ốm, vì con nợ quá nhiều, không biết ai ăn chịu bao nhiêu để mà đòi, chủ quán chỉ còn biết nhăn nhó mà than thở với Bản Đôn. Nào hay Bảng Đôn liền bả đóng ngay một quyển sổ mới, rồi cứ thế mà đọc từng tên và số tiền nợ của từng người cho chủ quán chép lại. Nhìn lại những chữ, những số dày đặc trong cuốn sổ, chủ quán lúc đầu còn không dám tin, vì Bảng Đôn chỉ mới tình cờ đọc chơi quyển sổ cũ, làm sao mà nhớ đúng, nhớ hết được! Ấy thế mà, khi chiếu sổ đòi nợ thì khách nào cũng răm rắp trả đúng như in...

Đám lính huyện nghe ngóng câu chuyện của chủ quán, và nhìn bộ mặt mỗi lúc một ngơ ngẩn thẫn thờ của huyện quan, vội bấm nhau lủi ra ngoài mà thì thào:

- Thế có chết không! Huyện quan vừa tiếp được tờ *Chỉ* từ phủ chúa, cần phải mời gấp quan Bảng nhãn về triều nhậm trọng chức mới...

Chiếc cáng đưa Lê Quý Đôn đi tri nhậm nơi xa, thong thả tiến trên đường cái quan vào Nam. Nhìn lại đoàn tùy tùng của mình, chỉ gồm có mấy chú tiểu đồng, đang chia nhau mang vác các hành trang của thầy, gồm toàn là sách, Lê Quý Đôn thấy hài lòng.

"Bụng không chứa ba vạn quyển sách, mắt không nhìn thấy khắp núi sông thiên hạ thì vị tất đã làm được văn hay" Lê Quý Đôn thường dạy các học trò của mình như vậy. Mà tự thực hành điều ấy, ông đã tìm mọi cách để lo trọn việc công, vừa đọc sách lại vừa đi đến tận Yên Kinh của Trung Quốc ở phía Bắc, Trấn Ninh của nước Lào ở phía Tây Bắc. Là người chuyên trở không mệt mỏi tất cả kiến thức hiểu biết của hàng nghìn năm quá khứ và thâu tóm sâu rộng tất cả kiến thức của cuộc đời mình, Lê Quý Đôn chỉ còn ân hận là chưa đến được xứ Đàng Trong của đất nước nhà. Bởi đã hàng trăm năm, các chúa Nguyễn đã dựa vào hàng rào sâu hiểm của sông Gianh và lũy Thầy mà cát cứ ở đó. Nhưng bây giờ thì điều đau lòng ấy đã bắt đầu được giải tỏa. Chúa Trịnh đã vừa cất quân đi lấy lại được Thuận Quảng và cử ông vào trông coi đất ấy. Đường vào Nam như vậy đã mở trước mắt nhà bác học.

Trời đã ngả về chiều trên con đường cái quan dài hun hút. Và dịch trạn Cổ Lộng thành đãhiện ra ngày một rõ. Lê Quý Đôn truyền lệnh cho đoàn tùy tùng của mình sửa soạn dừng chân nghỉ lại.

Trưởng dịch trạm Cổ Lộng thành nghe tin có Bảng Đôn, trên đường vào làm quan hiệp trấn Thuận Quảng, vừa ghé vào trạm mình, vội vã khăn gói chỉnh tề chạy ra chào đón. Đây cũng là một trong đám nghìn vạn học trò của Lê Quý Đôn, dù có

trí nhớ tuyệt vời đến mấy cũng không thể biết hết được.

- Trình thầy, hồi gần chiều, gặp mưa thầy trú ở đâu?

Nghĩa vụ của kẻ dưới với quan trên, tình nghĩa học trò đối với thầy giục người trưởng trạm vồn vã săn sóc hỏi han thành kính.

- Mưa rào, nên ta cũng chỉ tạm lánh vào một quán nhỏ bên đường thôi...

Vừa trả lời, Lê Quý Đôn vừa đảo mắt cách bầy biện nơi dịch trạm, và bất chợt chú ý đến một thanh kiếm rỉ nát đặt trên án thư trong góc nhà. Trưởng dịch trạm vội vã giải thích:

- Trình thầy, sau cơn mưa có người đem bò ra cày ở cánh đồng sau trạm, và cày lên được thanh kiếm ấy...

À... Lê Quý Đôn bất giác thốt lên Di tích của một cõi chiến trường đã mấy trăm năm rồi mà vẫn còn thấy!

Trong lòng bỗng rộn lên một cảm xúc kỳ lạ, Lê Quý Đôn hỏi trưởng dịch trạm:

- Anh đưa ta ra xem nơi tìm thấy cổ kiếm có được không?

- Dạ, xin hầu thầy...

Hai thầy trò cùng đám tiểu đồng thong thả bước ra ngoài cánh bãi. Là Quốc Sử quán tổng tài, biên soạn bộ *Lê triều thông sử* dày đến ba mươi quyển, mở đầu bằng việc khởi nghĩa đánh quân Minh của Thái tổ Cao hoàng đế Lê Lợi, Lê Quý Đôn đã từng đọc và tra xét biết bao tài liệu nói về những trận đánh Cổ Lộng thành, nhưng bây giờ ông mới tình cờ đặt chân lên chính chiến trường Cổ Lộng xưa. Tòa thành đồ sộ mà quân Minh đã tốn bao công để xây đắp ở đây, ngay khi vừa đánh bại được các vua Trùng Quang và Giản Định của nhà Trần, dùng làm nơi chấn ngự giữa Tây Đô và Đông Đô, đến nay đã không còn nhận ra được hình thù gì nữa. Nghĩa quân Lam Sơn đã san nó thành bình địa, để cho bây giờ chỉ thấy xanh mướt những vườn dưa, giàn đỗ dân dã. Có chăng, chỉ còn lòng đất mới là nơi lưu giữ được những vết tích ngày xưa thanh kiếm cổ ở nơi dịch trạm khi nãy.

Trong lòng dạt dào một niềm hoài cổ, Lê Quý Đôn vừa đi xem xét kỹ lưỡng khắp miền, vưa say sưa giảng lại cho những người xung quanh về cái tính và tội lỗi của tên chủ tướng nhà Minh xâm lược là Mộc Thạnh, về kế sách bành trướng cõi bờ của nhà Minh sang đất Đại Việt từ mấy trăm năm trước. Ông cũng không quên nhắc cho họ nhớ là từ thuở các vua Nghiêu, vua Thuấn, tiên tổ của Minh triều củng chỉ có đất đai chín châu và vùng Hoàng Hà phía Bắc để lập quốc mà thôi...

Đêm hôm ấy, đám tiểu Đồng thấy Lê Quý Đôn chong đèn thức khuya. Trăng sáng và tiếng chim khắc khoải bên tòa thành cũ, phải chăng đang thức dậy hồn thơ trong nhà bác học?

Đúng như dự đoán của lũ tiểu đồng, thi phẩm "Qua thành Cổ Lộng" của Lê Quý Đô đã hoàn thành trong đêm ấy:

"Lũy hoang tường sập bốn trăm năm

Dưa, đậu bò lan mượt vẻ xuân

Cỏ biếc khôn che thẹn Mộc Thạch

Nước trong đã rửa hận vua Trần

Bò cày sau mưa được kiếm cũ

Chim kêu trăng lạnh mái lầu tàn

Cõi bờ cần chi siêng mở thế?

Chín châu Nghiêu Thuấn đủ làm ăn"

Cách châm biến chính trị sắc sảo như đã thể hiện ở hai câu kết của bài thơ làm lúc ghé qua thành Cổ Lộng, Lê Quý Đôn lại sử dụng khi đến Thuận Quảng, xem xét cái cơ đồ đổ nát mà chúa Nguyễn đã để lại ở đây. Ông đã ghi vào một tấm thẻ, nhận xét riêng về chế độ quan lại của bộ máy triều chính vừa dạn vỡ:

"Triều nhà Trần trong nước chia làm hai mươi bốn lộ, vua Minh Tông còn bảo: Sao một nước như cái bàn tay mà đặt quan nhiều thế! Quảng Nam, Thuận Hóa, chỉ có hai trấn thôi, mà họ Nguyễn đặt quan lại, thuộc ti, hương trưởng kể hàng nghìn, nhũng lạm quá lắm. Tất cả bổng lộc đều lấy ở dân, dân chịu sao được? "

Chính Lê Quý Đôn lại đang phải dốc sức để sửa chữa tình trạnh khốn đốn ấy, trên miền đất mà ông vừa được cử vào trấn trị. Buổi sáng hôm nay, trời còn tờ mờ, mà từ ngoài cổng dinh quan Hiệp trấn đã nghe dội vào tư thất một hồi trống gấp gáp. Lê Quý Đôn cho đặt chiếc trống này, ngay từ khi nhận chức Hiệp trấn, để nhờ âm thanh của nó mà nhắc mình đừng cách biệt những ai đang có việc muốn nhờ cậy quan trên. Quả nhiên, một ông già râu tóc bạc phơ đã chờ sẵn ở ngoài không biết tự bao giờ rồi.

Gặp được quan Hiệp trấn, cụ già xưng là dân tổng Bái Trời, thay mặt cho khắp hạng dân cư ở miền đất xa mà về đây hỏi xem có phải quan trên đã vừa cho định lại thể lệ của triều đình về tiền đền dầu sơn mà ông hương trưởng vừa sức cho dân phải theo hay không. Cứ như đơn trình của ông già Bái Trời thì bỗng nhiên, viên hương trưởng ở trong tổng lại truyền cho dân chúng rằng, theo lệnh quan mới trị nhậm, từ nay tất cả thuế má về dầu sơn ở trong miền đều quy thành tiền, mỗi "Lường" sơn dầu phải nộp ba quan tiền, không nhận thuế bằng sản vật sơn dầu như trước nữa.

Lê Quý Đôn đã lập tức cho lục tìm các văn bản của triều cũ về thuế dầu sơn. Đọc lại những thể lệ này, quan Hiệp trấn từ xa đến mới biết được rằng, cây dầu sơn chính là đặc sản của tổng Bái Trời, huyện Minh Linh. Nguồn lợi ấy đã bị các chúa Nguyễn hút lấy, bằng cách lệnh cho dân phải lập ra hai đội phu, gọi là "đội phu dầu sơn", chuyên làm việc cho chúa để nộp lên mỗi năm hai trăm năm sáu "Lường" dầu, không đủ số ấy thì phải đền một "Lường" là ba quan tiền.

Biết được thể lệ ấy, Lê Quý Đôn Giật mình kinh ngạc. Bởi ông chưa hề có một lệnh mới nào bắt dân phải nộp tiền thay cho nộp sơn, mà lại phải nộp đến ba quan tiền một "Lường"! Lại nữa, trong kho của công, lâu nay cũng không thấy một giọt dầu sơn nào, bởi một lẽ giản dị chính quan Hiệp trấn cũng không biết là ở tổng Bái

Trời vốn có đặc sản ấy. Rõ ràng là một tên hương trưởng đã lợi dụng buổi giao thời tranh tối tranh sáng để nhiễu dân mà thu riêng tất cả nguồn lợi dầu sơn ở Bái Trời!

Quan Hiệp trấn họ Lê lập tức sức co một tên hương trưởng cường quyền lũng lạm phải về ngay dinh để hầu kiện. Trát quan đã truyền đi, nhưng con người bác học trong quan Hiệp trấn vẫn cảm thấy chưa yên tâm.

- Cụ hãy cho ta biết về cây dầu sơn ở vùng cụ nó như thế nào? Thân nó ra sao, lá thế nào cả, cả quả nữa?

- Dạ bẩm, nó giống như cây ổi, lá tựa lá trầu mà dày hơn, lại có ba khía nhọn sắc, còn quả thì như quả hồng mà da thì xù xì...

- Mỗi quả có bao nhiêu hột?

- Dạ bẩm quả nào cũng chỉ có bốn hột!

- Thế chế dầu sơn thì làm thế nào?

- Dạ bẩm cứ đầu mùa xuân thì hái quả, giã nhỏ chưng qua loa, rồi ép thành dầu. Dầu ấy, đem trưng thành cao, trộn với thần hoàng thì thành sắc vàng, trộn với ngân châu thì thành sắc son...

- Trần hoàng với ngân châu thì lấy ở đâu?

- Dạ bẩm chúng tôi phải mua ở tàu buôn Trung Quốc chở đến...

Quên hẳn địa vị quan Hiệp trấn, Lê Quý Đôn cứ thế mà hỏi han về đặc sản ở miền đất xa này. Bộ óc mẫn tiệp của ông đã không bỏ sót một chi tiết nào cần biết về cây quý ấy, để cho đến lúc này, sau một ngày lo việc quan, ông lại tiếp tục công việc của nhà bác học. Ngọn đèn trong thư phòng của quan Hiệp trấn khơi cao ánh sáng trong đêm đen, Lê Quý Đôn bắt đầu ghi chép vào một tấm thẻ:

" Gỗ dầu sơn, sản vật ở tổng Bái Trời, huyện Minh Linh. Do dân trồng. Cây giống như lá ổi, lá tựa lá trầu mà dày, có ba khía nhọn sắc; quả như hồng da xù xì, có bốn hột. Đầu xuân thì hái, bóc lấy hột giã nhỏ, chưng qua rồi ép thành dầu, sắc vàng mà sáng, chuột bọ không dám ăn.

Lấy một tấm thẻ khác, ông ghi tiếp:

"Có dùng để sơn đồ vật thì chưng lại như cao, cho trần hoàng vào(trần hàong do tàu Trung Quốc trở sang) thì thành vàng; cho ngân châu vào thì thành sắc son; trộn với vôi và vỏ tre non cạo nhỏ và giã thành cao, lấy giẻ lưới rách nhào và trộn lẫn vào, dùng để khảm gỗ thuyền rò rỉ rắn như đá, côn trùng không thể đục được".

Và ông ghi vào một tấm thẻ thứ ba:

"Họ Nguyễn trước đặt hai đội dầu sơn, gồm sáu mươi người, lấy ở địa phương xung vào. Cho miễn các tin sai dư, cước mễ và sưu dịch, nhưng bắt nộp sơn bằng hai trăm sáu mươi lường"

Ông cẩn thận chua thêm:

"Cái lường giống như cái thưng mà hơi cao. Giá đền một lường là ba quan"

Với lấy một chiếc túi gấm thẫm, chuyên dùng đựng những tấm thẻ ghi chép về các sản phẩm ở trong miền. Lê Quý Đôn cất những tấm thẻ chưa hoàn thàn vào túi. Tiện tay ông rút ra một tấm thẻ đã chép được từ trước:

"Thuận Hóa có nhiều khoai. Có thứ gọi là "Khoai sáp đường", nấu lên thì hơi vàng, mềm dẻo như sáp: Có thứ gọi là khoai đầu hùm", nơi nào cũng có trồng, tháng tư trồng thì tháng một đào, củ to như cái vò, nấu ăn như mùi "Khoai đông" của xứ Bắc Kinh; có thứ gọi là "Khoai gừng", sắc trong, mềm dẻo; có thứ gọi là "Khoai nưa", củ sinh từng bụi rất nhiều, dọc có thể muối dưa".

Đọc lướt lại một lần những ghi chép ấy, ông thấy vừa lòng bèn cất đi. Và lấy ra những tấm thẻ đã ghi được về các giống trầm hương và kỳ nam ở mãi xa phía Nam. Ghé sát vào ngọn đèn, Lê Quý Đôn đọc lại:

"Kỳ Nam hương xuất tự đầu núi, các xã thuộc hai phủ Bình Khang và Diên Khánh, xứ Quảng Nam, là thứ tốt nhất; xuất tự Phú Yên và Qui Nhơn, là thứ hai. Hương ấy là do ở ruột cây gió kết thành. Gió có ba loại: "Gió lưỡi trâu" thì thành " khổ trầm", "Gió miệt" thì thành trầm hương, "Gió bầu" thì thành "Kỳ nam hương". Người ta thấy cây già, lá vàng và nhỏ, thân cây nhiều u bướu, thì biết ngay là có hương, chặt mổ để lấy. Họ Nguyễn trước đặt đội am sơn, hàng năm cứ tháng hai thì đi kiếm, tháng sáu thì trở về, số được nhiều ít không nhất định. Lấy sắc sáp trắng là tốt nhất, sắc xanh đầu vịt là thứ hai, sắc sáp xanh là kém hơn, sắc sáp vàng lại kém nữa, sắc như vằn hổ thì kém nhất. Lấy chất mềm như phấn đông, có thể cắt thành miếng là hạng tốt nhất; bền rắn là hạng xấu. Tục ngữ nói "Nhất bạch, nhị thanh, tam vàng, tứ hắc".

Lê Quý Đôn chăm chú đọc tiếp một tấm thẻ khác:

"Muốn phân biệt trầm hương với kỳ nam thì lấy hình chất khí vị mà phân biệt. Trầm hương thì cứng, nặng, ít thơm, sắc nhạt, vị đắng; kỳ nam thì mềm nhẹ, có hơi dầu, thơm mát, vị gồm đủ cay, chua, ngọt, đắng. Đốt trầm hương thì khói hết xoáy thì sau mới tan, đốt kỳ nam thì hơi khói lên thẳng và dài".

Đặt các tấm thẻ xuống án thư, Lê Quý Đôn yên lặng suy nghĩ hồi lâu. Xoay người về phía giá sách chất ngất sau lưng, ông lục tìm một lúc, rồi lấy ra hai quyển *Sự văn loại tụ vàBản thảo bị yếu.* Dò tìm chương "Hương phổ" của sách *Sự văn loại tụ*, ông đọc kỹ một đoạn rồi hấp tấp lấy một tấm thẻ, chép nhanh:

"Xét Sách *Sự văn loại tụ*, "Hương phổ" chép rằng: Trầm hương giống như cây thông, cây gạo, có nhiều mắt, muốn lấy thì trước hết phải chém gốc cây, rồi để lâu năm, vỏ và thân đều nát, ruột và mắt không nát là trầm hương. Cành nhỏ cứng chắc, là thanh quý. Đem mà chìm xuống nước là trầm hương. Nửa nổi nửa chìm là kê cốt hương, thô là tiên hương. Trầm hương sản xuất không phải ở một nơi. Ở Chân Lạp là tốt nhất, ở Chiêm Thành thứ nhì, ở Bót Nê là kém nhất. Sắc đem rắn là tốt nhất, sắc vàng là thứ hai. Có thứ hình trạng sừng tê, có thứ như miệng én, có thứ như phụ tử, thứ như cái thoi"

Chép miệng lắc đầu một mình, Lê Quý Đôn cầm bút ghi tiếp xuống ngay phía

dưới:

" Nay hỏi những người đi lấy hương ở Thuận Hóa và Nghệ An, mới biết thuyết này là không đúng".

Cầm tiếp cuốn sách *Bản thảo bị yếu* lên tay, Lê Quý Đôn lại sa chép một đoạn sách ấy ra thẻ:

"Lại sách *Bản thảo bị yếu* nói rằng: Trầm hương cay đắng tính ôn. Các gỗ đều nổi, chỉ trầm hương là chìm. Cho nên hay hạ khí mà ra đờm rãi. Hay giáng khí, mà cũng hay thăng khí, hương khí vào tỳ, cho nên trị được các khí mà điều hòa sắc thể thơm, cho nên vào mạnh môn hữa thận, ấm tinh tráng dương, trị lòng bụng xói đau, cấm khẩu độc lỵ, uất kế tà khí, sợ gió lạnh bệnh tê, bệnh lỵ, sắc đem mà chìm xuống nước là tốt, thơm ngọt thì tính bình, cay thì tính nóng. Có vân như đốm đa đa thì gôi là hoàng trầm, đen như sừng trâu thì gọi là giác trầm, nhấm mềm như gọt quăn thì gọi là hoàng lạp trầm (thứ này khó được). Nổi thì gọi là tiễn hương, nửa chìm thì gọi là tiễn hương kê cốt hương tuy chìm là lòng rắn thì cũng không dùng được"

Và ông ghi nhanh thêm nhận xét của mình:

"Trộm nhờ kỳ nam hương tốt nhất là hoàng lạp trầm, hạng thứ hai là hoàng trầm".

Những tám thẻ đã thấy nằm ngổn ngang trên án thư. Đêm đã khuya lắm. Nhìn những tấm thẻ và những túi gấm chứa thẻ đã căng đầy, Lê Quý Đôn hài lòng tưởng tượng đến một cuốn sách mới nữa, có thể lấy chất liệu từ đây mà hoàn thành. Trong khi phác trong óc những chương mục của cuốn sách mới này, một cuốn sách đầu tiên ghi chép mọi mặt tình hình ở miền đất phía nam của non sông, ông cũng nghĩ luôn đến nhan sách để đặt cho công trình của mình. Có lẽ nên lấy tên sách là *Phủ biên tạp lục* công trình ghi chép tổng hợp trong những ngày làm quan ở cõi xa.

Trống canh ba đã điểm, Lê Quý Đôn xếp lại những tấm thẻ của mình rồi thổi tắt ngọn đèn thư phòng. Thanh thản đặt lưng xuống giường, trước khi nhắm mắt chờ giấc ngủ đến sau một ngày làm việc hết mình, khóe miệng của ông thoáng một nét cười. Nhà bác học nghĩ rằng ông đã không đến nỗi để bỏ phí quãng thời gian phải lo các công việc triều chính ở chốn này...

Nguyễn Hữu Cầu

Từ mờ sáng, một toán lính Trịnh thuộc đạo quân của Hoàng Ngũ Phúc đang đi chinh tiễu ở miền Nam, bất ngờ tràn vào làng Lão Phong. Chúng được triều đình cho phép: Quân đi tiễu phạt ở vùng nào có quyền trưng thóc ở vùng ấy. Bọn cường hào ở Lão Phong được mật báo từ trước đã dẫn lính đến từng nhà để thu thóc. Ai không có liền bị lính bắt giải đến trình làng để tra hỏi. Nhưng dân nghèo Lão Phong không còn thóc. Họ đang lâm vàoi cảnh đói trầm trọng như các làng khác. Nhiều nhà phải sống nhờ rau cỏ, ăn cả thịt chuột, rắn.

Gần trưa rồi mà số thóc thu được không thấm tháp vào đâu so với định mức của ba quân. Bao nhiêu người đã bị đánh sưng mắt, sái quai hàm hoặc nằm bất tỉnh chỉ vì không nộp đủ mỗi xuất đinh một xô thóc. Đến lượt một thiếu phụ bế trên tay một đứa con nhỏ bị gọi tới.

Tên quản hách dịch hét:

- Tại sao nhà chị không chịu nộp thóc. Thóc dấu ở đâu?

Thiếu phụ run run:

- Bẩm quan, nhà con, quan đã khám, một đấu thóc cũng không có; chồng con lại mới mất.

Tên hào phú có cập long mầy rậm như con sâu róm, hắng giọng:

- Nghĩ thương cảnh mày góa bụi, tao làm phúa nộp cho suất thóc ấy.

Thiếu phụ vẻ biết ơn, nhanh nhẩu:

- Vâng, nếu cụ cho vay, con sẽ làm thuê làm mướn trả sau.

- Bây giờ thóc cao gạo kém, một cái bánh đa đổi được cả một mẫu ruộng mà mày ăn nói dễ nghe nhỉ. Tao nộp cho suất thóc ấy nhưng phải gán cho mảnh vườn và cái nhà xiêu vẹo không được như cái chuồng trâu ấy cho tao.

- Thế thì con đành chịu chứ đến nước ấy thì mẹ con con biết sống ở đâu?

Tên quan nạt nộ:

- Dẫu phải chết đói cũng không được phép thiếu thóc nộp cho quan quân. Có bằng lòng không?

- Nhưng phải có thóc mới có nộp, không có thóc thì đào đâu ra? Thiếu phụ đáp, đáng cương quyết.

- À, quân này láo, dám xem thường phép nước. Tên quản vừa quát vừa dùng hết sức đá vào người thiếu phụ.

Thiếu phụ ngã lăn ra giãy đành đạch, đứa con đang bế bị văng ra khóc thét lên.

- Chúng nó giết chị Hạnh rồi. Đám đông dân chúng kêu thất thanh rồi đổ xô lại, người bế cháu nhỏ, người cứu chữa nạn nhân. Nhưng người thiếu phụ bị cái đá hiểm mãi mãi không dậy được nữa. Không khí căm phẫn sục sôi trong đám dân chúng, một thanh niên mắt long lên giận dữ xông tới tên quản. Nhưng lập tức anh bị đám lính đè sấp xuống. Tên chỉ huy vừa đạp lên người anh vừa nghiến răng trèo trẹo:

- Ngữ này thì sớm muộn thì cũng theo nghịch cầu làm loạn thôi.

Dân chúng bỗng xô động ầm ầm. Từ đầu làng, một đàn ngựa chiến đang phi nhanh như gió lốc về phía họ.

- Quân ông Cầu! Chợt một người thét lên thích thú.

Đúng quân ông Cầu rồi. Dân chúng đã nhận ra Nguyễn Hữu Cầu. Họ reo hò không ngớt.

Binh lính Trịnh và bọn cường hào vội tháo chạy. Nhưng nghĩa quân và dân chúng Lão phong ngay sau đấy đã bắt gọn được bọn chúng. Nguyễn Hữu Cầu trong bộ chiến phục bó sát người đang đi giữa đám đông dân chúng trở về đình. Viên tướng nông dân được coi là Hạng võ của nước Nam này có một vẽ đẹp thật khỏe mạnh. Bộ võ phục bằng lụa đỏ sẫm không che lấp được những bắp thịt to tròn, nở cuồn cuộn ở đôi vai; ngược lại, chất lụa mềm mại lại làm tôn lên lòng ngực nở nang, nhất là đôi tay to lớn nổi từng thớ chắc nịch. Vẽ đẹp võ tướng ấy, gầm trời Nam này chỉ một Nguyễn Hữu Cầu mới có.

Nguyễn Hữu Cầu đã tới sân đình. Viên tướng nông dân lần lượt đỡ những người bị lính triều đình đánh ngã vừa rồi ngồi dậy được. Cặp mắt sáng ngời của viên tướng chợt dừng lại bên sát người thiếu phụ, đang nằm bất động bên người một bà già đang bế một cháu nhỏ. Nguyễn Hữu Cầu chợt hiểu. Viên tướng bước nhanh về phía ấy rồi không chần chừ, bế xốc người thiếu phụ đặt nằm ngay ngắn trên chiếc kỳ vừa được mang tới. Đứa trẻ bỗng bật khóc dữ dội khi thấy có người mang mẹ nó đi, tiếng gọi mẹ của con thơ vò xé lòng viên tướng. Nguyễn Hữu Cầu hướng về phía dân chúng giọng nghẹn lại:

- Tội ác của triều đình đã chất cao như núi. Khắp nơi dân nghèo bị dồn đến đường cùng nấu chí trả thù. Tiếng khóc của em bé này đang kêu gọi chúng ta phải đứng dậy trả thù!

Nhiều người động lòng thật khóc rưng rức.

Lập tức lên cầm đầu toán lính bị dẫn đi hành hình. Cầu chỉ vào bọn cường hào, phú ông, tiếp tục ra lệnh cho nghĩa quân:

- Phải đi khám nhà từng đứa một và tịch thu hết thóc đem về đây để chia cho dân nghèo.

Rồi Cầu lại hướng về phía dân chúng Lão phong lúc này đang hả hê nhìn mình:

- Nạn đói đang hoành hành khắp chốn. Ta vốn coi dân là ruột thịt, như anh em trong một nhà. Đại quân ta lấy việc bảo dân là mục đích, lẽ nào thấy trăm họ đói mà không cứu giúp, thấy giặc tàn mà không trừng trị. Nay đang lúc giáp hạt, quân ta đang chia đi nhiều ngả để cứu đói. Ai túng thiếu ta cấp tiền, ai đói khát ta cấp gạo.

- Tướng quân là ân nhân của dân chúng tôi!

- Tướng quân đã cải tử hoàn sinh cho người nghèo chúng tôi.

Dân chúng Lão Phong nghẹn ngào đáp lại lời Cầu.

- Còn anh em binh lính triều đình Nguyễn Hữu Cầu tiếp Anh em cũng là những người nghèo. Cha mẹ, vợ con anh em chắc gì đã hơn số kiếp những người cùng dân vừa bị anh em hành hạ. Nghĩ như thế, ta tha cho anh em trở về quê quán, nhưng phải cải tà quy chính chăm lo việc làm ăn.

Một người lính bước đến trước mặt Cầu, cung kính:

- Lòng nhân nghĩa của tướng quân cảm hóa được cả cỏ cây muôn vật. Lẽ nào chúng tôi lại không xin ở lại vì nghĩa lớn.

Gần hầu hết mấy chục tên lính đượcNguyễn Hữu Cầu cho nhập vào nghĩa quân.

Thóc lúa của bọn hào phú đã được gánh tới, chứa đầy cả ba gian đình. Cầu ra lệnh cho nghĩa quân:

- Ai già yếu, có con thơ cho gấp đôi. Nhà nào có người ốm đau không đi lấy thóc được, các người phải đem đến tận tay. Bọn hào phú đã chịu nộp hết thóc cũng có phần như mọi người.

Cảnh chia thóc, tưng bừng như một ngày hội lớn. Dân chúng Lão Phong không bao giờ quên được cái ngày tháng ghi nhớ ấy. Nhiều trai tráng trong làng cảm kích trước nghĩa lớn của Nguyễn Hữu Cầu đã hăng hái gia nhập nghĩa quân.

Các cánh quân đi cứu dân đều đã trở về Đồ Sơn. Thấy quân mình đã mạnh, một hôm Nguyễn Hữu Cầu triệu các tướng lại nói:

- Ta khởi binh là để khảo Trịnh, bảo dân. Nay ở sơn Sơn Tây có quân của thống lĩnh Tương, ở Tam Đảo có Nguyễn Danh Phương, ở Sơn Nam có Ngân Già, Tú Cao cũng đang phất cờ khởi nghĩa. Vậy ta phải ra quân để hưởng ứng với các nơi, cùng mưu phúc lành cho muôn họ. Các tướng nghĩ thế nào?

Một tướng tâm phúc của Cầu tên là Thông vội đáp:

- Trình tướng quân! Trăm người như một, quân sĩ muốn được xung trận để thỏa những oán thù chất chứa bấy lâu.

Cuộc họp chưa xong thì có tin cấp báo: đốc lĩnh thủy đạo Trịnh Bảng đang kéo gần một trăm chiến thuyền tiến ra Đồ Sơn. Nguyễn Hữu Cầu nét mặt rạng rỡ:

- Quân giặc không mời mà đến. Ta vẫn chẳng đang chờ dịp này sao? Nhưng muốn thắng ta phải dử chúng vào sâu. Ai nhận trọng trách này?

Lại còn ai nữa:

- Tôi xin đi. Thông sôi nổi đáp.

Lập tức Thông được lệnh dẫn mười chiến thuyền nhỏ chở nghĩa quân xuất trận.

Trong khi đang dàn phục quân, chợt Nguyễn Hữu Cầu thấy mây thành đùn lên, triệu chứng trời sắp nổi gió mạnh. Vì vậy, Cầu cho một cánh quân hướng theo chiều gió đến phục ở đảo Cát Bạc và nói:

- Các chú có cơ bắt sống được tướng giặc đấy. Nhưng phải giấu quân cho kín, chờ lệnh ta!

Cánh quân vừa đi khỏi, Nguyễn Hữu Cầu liền đem đại binh đến phục ở cửa Giai. Xong đâu đấy, Cầu cùng một tùy tướng leo lên một mỏm đá cao quan sát.

Đoàn chiến thuyền loại lớn của Trịnh Bảng hàng hàng nối nhau tiến vào Đồ Sơn ngạo nghễ, kiêu căng như tính hạnh người chủ tướng của nó. Vừa mấy hôm trước cậy là hàng quốc thích, Trịnh Bảng nói với chúa Trịnh Doanh:

- Đảng nghịch của Cầu chỉ như một lũ chuột chui rúc ở cái hang Đồ Sơn mà soái phủ đã hao bao nhiêu tướng sĩ, tiền của về nó. Phen này cất quân đi dù nghịch Cầu

có phép tàng hình tôi cũng xin bắt sống hắn, nhốt vào cũi đem về.

Vào đến địa phận Đồ Sơn. Trịnh Bảng cho giàn đoàn chiến thuyền thành hình cánh cung khổng lồ, mũi hướng về Hòn Dấu.

Vừa qua một eo núi, đoàn thuyền quân Trịnh bỗng bị một loạt súng hỏa mai bắn vào cánh cung bên phải. Và ngay sau đó, mười chiến thuyền nhỏ hình quả trám từ một hang núi lao thẳng vào đoàn thuyền quân Trịnh, bắn tiếp một loạt tên. Bị chết nhiều, quân Trịnh hoảng sợ bỏ lái nằm bẹp xuống lòng thuyền. Trịnh Bảng vẫn đứng trên thuyền tướng đốc xuất quân sĩ bắn lại. Hắn vênh cằm tự đắc vì đội thuyền của nghĩa quân bỗng rối loạn và tháo chạy.

- Đuổi gấp! Bắt sống lấy nghịch Cầu cho ta Trịnh Bảng ra lệnh cho quân hắn. Tiếng loa truyền lệnh nối nhau họa theo.

Một tùy tướng của Trịnh Bảng vội ngăn:

- Nghịch Cầu vốn lắm mưu nhiều kế. Tướng công đuổi theo sợ mắc mưu gian của hắn.

Trịnh Bảng cười rung cả người, nói:

- Mưu kế gì? Lũ giặc cỏ không đương nổi thuyền của ta đó thôi.

Gió bắt đầu thổi mạnh. Nguyễn Hữu Cầu cho bắn súng hiệu rồi tức tốc xuống thuyền tướng xuất trận. Thông cũng cho thuyền quay mũi, giương cờ hiệu tiến đánh. Phút chốc thủy đạo quân Trịnh rơi vào thế bị bao vây. Trịnh Bảng lồng lộn hò hét quân lính ra sức bắn lại. Nhưng thuyền của quân Trịnh to, lại gặp gió mạnh, trở lên khó điều khiển. Trong khi ấy, thuyền nghĩa quân nhỏ nhẹ vẫn từng đợt áp sát vào thuyền giặc, mặc sức bắn giết. Thấy nguy, Trịnh Bảng tháo chạy về hướng Cát Bạc. Nhưng chạy được một quãng, Trịnh Bảng lại thấy một đội nghĩa quân như từ trên trời rơi xuống, đang vượt sóng dữ lao về phía hắn. Bị đánh từ ba mặt, đoàn chiến thuyền của Trịnh Bảng bị cắt ra từng đoạn, thây chúng chồng chất trong lòng thuyền. Lợi dụng khói đạn mù mịt, Trịnh Bảng bỏ mặc quân sĩ, lách thuyền chạy tháo thân.

Lập tức Nguyễn Hữu Cầu truyền lệnh:

- Phải bắt sống Trịnh Bảng không cho hắn chạy thoát.

Hạ xong lệnh ấy, thuyền của Cầu vọt lên như một mũi tên đuổi theo. Khi thuyền Cầu vừa áp tới thuyền giặc, thì nhanh như chớp, viên tướng nông dân đã vác siêu đao nhảy sang giết chết ngay mấy tên lính hộ vệ Trịnh Bảng và túm lấy Trịnh Bảng tung lên tung xuống như bong bóng.

Mất tướng, quân triều đình nhất loạt xin hàng.

Tin Nguyễn Hữu Cầu dựng cờ nghĩa và xưng hiệu "Đông đạo thống quốc bảo dân đại tướng quân" làm nức lòng dân quân khắp chốn Hải Hưng. Tin truyền về dinh Trịnh Doanh làm náo động cả kinh thành. Trịnh Doanh quyết định chọn đại tướng đi diệt Cầu. Hai danh tướng thủy đạo là Hoàng Công Kỳ và Trần Cảnh được triệu vào triều. Trịnh Doanh ân cần:

Nghịch Cầu giương cờ Bảo dân làm mê muội người nghèo. Nếu không trừ ngay đi sẽ là một cái họa lớn. Nay ta sai tướng tài gấp đem quân cácđạo đi phá giặc. Ta chờ tin báo tiệp.

Hai mươi tám cơ thuyền quân giặc nầm nập kéo ra Đồ Sơn. Đi được nửa đường, Trịnh Doanh còn cử thêm tướng thủy đạo là Nguyễn Đăng Hiển đem quân đi hợp đánh. Thế giặc mạnh như nước lũ.

Nguyễn Hữu Cầu dàn quân chờ giặc. Thông được lệnh đem một đoàn chiến thuyền ra khiêu chiến. Hoàng Công Kỳ đánh lui được đoàn chiến thuyền của Thông liền phao tin thắng lớn rồi rút quân về.

Ở kinh đô, Trịnh Doanh hớn hở nói với quần thần:

- Nghịch Cầu địch sao nổi đại tướng của ta. Tiếc rằng Kỳ chưa đuổi đến cùng mà thôi.

Nhưng chỉ nửa tháng sau, tin dữ báo về kinh: Nguyễn Hữu Cầu đã vây chặt được đạo quân của Hoàng Công Kỳ và Trần Cảnh ở Thanh Hà. May nhờ Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc đang thống lĩnh quân kỳ đao đi tiễu phạt ở vùng Đông, kịp đến ứng cứu nên sau mười ngày bị vây, Kỳ mới thoát chết. Hiện quân của Phúc và Kỳ đang hợp sức đuổi theo để bắt sống Nguyễn Hữu Cầu.

Trịnh Doanh tươi tỉnh mừng thầm.

Nhưng chỉ mấy ngày sau Trịnh Doanh lại được tin chẳng lành: Hoàng Ngũ Phúc và Hoàng Công Kỳ mắc mưu Cầu bị thua to. Trịnh Bá Khâm tùy tướng của Hoàng Ngũ Phúc bỏ xác trong đám loạn quân.

Ba tướng Hoàng Công Phúc, Hoàng Công Kỳ và Trần Cảnh bị triệu về kinh. Trịnh Doanh nét mặt hầm hầm tức giận:

- Giặc Cầu chỉ như thế muỗi đội núi mà sao các ngươi bao phen uổng công đánh dẹp, phụ lòng ta đến thế?

Trịnh Doanh lập tức xuống chỉ cách chức Hoàng Công Kỳ, Trần Cảnh và bảo Hoàng Ngũ Phúc:

- Ta nể vì nhà ngươi có chút công lao khi trước nên chưa nỡ xử tệ, nhưng thực đáng trách.

Hoàng Ngũ Phúc tạ ơn chúa rồi tiếp:

- Để rửa mối nhục thù này, xin chúa thượng cho tôi một phen cầm quân xuất trận, quyết bắt sống được con cá He mới chịu!

Trịnh Doanh tươi cười:

- Ngươi hiểu bụng ta lắm. Cần bao nhiêu quân để diệt nghịch Cầu ta cũng không tiếc.

Sau gần một năm luyện tập, Hoàng Ngũ Phúc thống lĩnh ba trăm chiến thuyền tiến ra Đồ Sơn đánh Cầu. Viên hoạn quan tự thiến để được vào dinh chúa này, từ lâu đã được coi là hạng danh tướng của triều đình. Hoàng Ngũ Phúc thù Cầu đến nỗi,

suốt sáu tháng qua, không đêm nào hắn không đọc sách binh thư. Hơn thế nữa, tiền công không đủ, hắn bỏ tiền túi, tự mộ tráng sĩ và trước lúc xuất trận còn hứa với Trịnh Doanh: Quyết bắt được Cầu để báo ơn chúa.

Nhưng cũng từ năm ấy tin dữ dồn dập đưa về, làm khuynh động cả kinh thành: Nguyễn Hữu Cầu đã phá vỡ vòng vây của Hoàng Ngũ Phúc để tiến lên Kinh Bắc. Rồi Nguyễn Hữu Cầu đang đắp hệ thống lũy từ Quế Nham đến Khê Kiều và dàn đặt chiến thuyền đặc cả khúc sông ấy. Tin cũ chưa qua thì tin mới lại đến: Cầu đã lấy được Thị Cầu, chiếm trấn thành Kinh Bắc. Trấn thủ Kinh Bắc là Trần Đình Miên bỏ cả ấn tín mà chạy. Điều đặc biệt làm cho Trịnh Doanh kinh sợ là dân nghèo Kinh Bắc đang nổi dậy kết bọn hào phú, nhất loạt theo Cầu.

Trịnh Doanh không còn lòng dạ nào khiển trách Hoàng Ngũ Phúc mà vội triệu ngay văn võ bá quan bàn cách phá Cầu. Các tướng có vai vế triều đình: Hoàng Ngũ Phúc, Vũ Tá Liễn, Lê Lệ, Nguyễn Trọng Thân kể cả quốc thích Trương Khuông, em ruột Trương Quý Phi, người vợ yêu của Trịnh Doanh cũng được lệnh đem đại binh đi Kinh Bắc chặn Cầu. Kinh đô bao lâu nay chưa thấy cuộc động binh nào lớn như thế. Sau nhiều ngày tranh giành, Trương Khuông đã đoạt được chức thống lĩnh. Hắn nói với chị:

- Có năm đạo binh ấy thì làm cỏ được cả dân nước Nam huống hồ là đảng nghịch của Cầu.

Ba ngày sau, kế diệt Cầu của Trương Khuông đã định xong. Việc quận công Hoàng Ngũ Phúc được lệnh đem toàn chiến thuyền hùng hậu chặn ở sông Nhật Đức, phòng Cầu rút về Đồ Sơn. Vũ Tá Liễn, Lê Lệ đem quân vượt dòng Nhật Đức vòng ra sau chặn hậu. Hướng chính diện mà Trương Khuông ví là nhát dao chỉ việc hạ xuống là diệt được toàn bộ lực lượng của Cầu, do Nguyễn Trọng Thân làm tiên phong và Trương Khuông thân đốc xuất trung quân. Rồi, năm đạo binh tiến theo ba hướng, cờ gióng trống mở hối hả lên đường.

Nguyễn Hữu Cầu họp quân sĩ lại nói:

- Vì mục đích bảo dân, ta từ Đông Đạo đánh lên Kinh Bắc để rồi đánh ra toàn quốc. Run sợ vì lẽ ấy, nay triều đình phái binh hùng tướng mạnh quyết một phen sống mái với ta. Nhưng ngẫm lại, từ lúc ta còn trứng nước, chúng đã chẳng hại được ta huống hồ lúc này, sức ta đã mạnh; nghĩa lớn của ta được dân nghèo khắp chốn hưởng ứng. Vậy, tướng sĩ có thể quyết chiến, giết giặc cứu cho khắp dân nghèo không?

- Chúng tôi một lòng theo chủ tướng!

Nghĩa quân đồng thanh đáp lại như sấm động.

Nay kế phá giặc ta đã định xong, Cầu nói tiếp nơi nào đánh, lúc nào tiến binh, quân sĩ phải nhất loạt tuân theo lệnh tướng. Được như vậy thì phúc lành cho muôn họ chẳng còn bao lâu.

Ngay sau đó hàng vạn nghĩa binh rầm rập kéo đi mạnh như gió táp sóng gào. Nguyễn Hữu Cầu ngồi trên ngựa chiến, oai phong lẫm liệt thân dẫn trung quân đi

chặn đánh Trương Khuông.

Tháng mười một năm 1747, đạo binh khổng lồ của Trương Khuông đã đến địa phận huyện Lạng Giang. Để dụ địch trúng kế mình, Cầu chọn làng Ngọc Lâm có địa hình hiểm trở đặt phục binh rồi cho một bộ cao to vóc giống mình đem quân lên phía trước đón giặc.

Ngay từ phút đầu lâm trận, nghĩa quân đã không đương nổi đại quân của Trương Khuông, đành phải rút chạy. Trương Khuông đắc ý bảo Ngyễn Trọng Thân:

- Xem ra nghịch Cầu không phải là địch thủ của ta.

- Hạ quan ngờ đó là mưu của giặc!

Trương Khuông hầm hầm nổi giận:

- Ông không thấy binh sĩ của hắn già nua ốm yếu đang tháo chạy đó sao?

Nói rồi Trương Khuông thúc ngựa đi lên hàng tiền đạo và không ngớt truyền lệnh đuổi gấp. Qua một khe núi ở gần làng Ngọc Lâm, Trương Khuông bỗng thấy mất hút bóng nghĩa quân. Nhưng chỉ một chút sau, một cánh quân như thế lại, xuất hiện ở bên kia cánh đồng rậm rạp. Như con thú say mồi, Trương Khuông cho quân đánh tràn qua. Nhưng quân lính Trịnh tiến rất chậm. Rồi người ngựa bỗng ùn lại giữa cánh đồng lầy.

Đúng lúc ấy, ba phát súng hiệu nổ ở ngay eo núi mà hắn vừa vượt qua. Quay lại phía ấy, Trương Khuông nhìn thấy cạnh lá cờ đại là viên tướng dũng mãnh, cặp siêu đao, đang dẫn đầu doàn quân lao về phía hắn như cơn lốc. Rồi bên kia cánh đồng bên phải, bên trái, những đội quân như thế cũng nhất loạt xông ra. Ngựa quân Trịnh càng giẫm đạp, càng lún sâu. Binh lính Trịnh rú lên hãi hùng. Sấm động trên đầu chúng. Đất rung dưới chân chúng. Chúng mếu máo gọi nhau. Máu chúng chảy khắp cánh đồng, thấm đỏ cả ven núi. Trương Khuông hồn siêu phách lạc, đã bỏ quân lính chạy từ đầu.

Cuộc hành quân quy mô của quân Trịnh đã đại bại.

Viên tướng cự phách đứng vào hàng đầu của triều đình là hổ tướng Đinh Văn Giai đang trấn ở Hưng Hóa được triệu về kinh gấp. Ngay cả Trịnh Doanh, vốn không ưa Đinh Văn Giai, cũng phải thừa nhận Giai là viên tướng trí dũng song toàn, xứng đáng được giao trọng binh. Cả nước lúc ấy vẫn truyền tụng: "Làm quan họ Đặng, đánh giặc họ Đinh". Đinh Văn Giai lại là người xuất chúng nhất, từng lập được nhiều công trạng hiển hách làm vẻ vang cho dòng họ mình. Đời làm tướng của Giai đã đánh dư trăm trận nhưng chưa hề biết thua. Tương truyền, mỗi khi vác đại đao xung trận, sức Giai đánh được cả hơn trăm địch và Giai có thể đánh nhau liền trong ba ngày không cần ăn.

Đinh Văn Giai đã về đến kinh đô. Quả thật Giai có vẻ đẹp võ tướng không thau kém Nguyễn Hữu cầu, xuống ngựa, Giai vẫn giữ vẻ mặt lạnh lùng không thèm chào hỏi ai mà đi thẳng vào dinh chúa, Trịnh Doanh vồn vã hỏi ngay vào việc:

- Kinh bắc chấn động. Thế giặc Cầu lớn lắm. Các tướng bản Triều không ai phá

được hắn. Vậy tướng quân chịu vất vả một phen xuất binh để diệt giặc báo nước. Ta đã nghĩ kĩ rồi, chỉ có tướng quân mới có thể lấy đầu con cá He ấy.

- Khải chúa thượng! - Giai đáp - Tôi dòng dõi hưởng lộc chúa mấy đời, lẽ nào lại không hết sức để báo chúa!

Ngay sau đấy, Trịnh Doanh phong cho Đinh Văn Giai làm thống lĩnh thượng tướng quân, Ngô Đình Bánh làm tán lý, đem năm vạn quân đi đánh nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu.

Cả Kinh đô xôn xao bàn tán về cuộc đọ sức của hai viên mãnh tướng: Nguyễn Hữu Cầu và Đinh Văn Giai.

Nhưng Đinh Văn Giai vẫn chưa chịu tiến binh. Viên Hổ tướng dày dạn kinh nghiệm này thấy khó thắng được Nguyễn Hữu Cầu. Việc ấy khiến Trịnh Doanh nghi ngờ. Mãi đến khi có chiếu chỉ giục, Giai mới miễn cưỡng làm lễ xuất trận.

Được tin ấy, Nguyễn Hữu Cầu lúc đó đang đóng ở Xương Giang hợp các tướng lại bàn:

- Đinh Văn Giai là một tướng tài nhưng vốn không được Trịnh Doanh tin dùng. Việc Giai chậm tiến binh càng là cái cớ để Trịnh Doanh ngờ hắn hai lòng. Vậy là ta đã có kế đánh. Nhưng kế này phải giữ kín ngay với cả quân sĩ của ta, mới mong thành được.

Cầu nói kế mình rồi mật truyền quân tuần tiễu, hễ thấy có chiếc võng nào vào trại quân thì không được cản trở.

Chiều ấy, một toán lính Trịnh khiêng chiếc võng điều đi vào quân doanh nghĩa quân. Người đi chiếc võng ấy được Cầu tiếp rồi trở về ngay. Sau khi thân tiễn người lạ mặt ra tận ngoài quân doanh Cầu trở về loan tin:

- Đinh Văn Giai muốn về hàng ta nhưng không tiện nộp thân quá sớm sợ miệng thế chê cười vậy nay mai khi giáp chiến, hễ thấy Giai thì cố bắt sống lấy hắn.

Nghĩa quân hay tin, vô cùng phấn chấn, ngược lại quân Trịnh thì không còn lòng dạ nào tham chiến nữa, Tán Lý Ngô Đình Oánh mật báo cho Trịnh Doanh biết việc Giai phản bội và toan đem quân bắt Giai. Nhưng Oánh chưa kịp làm, thì Cầu đã đem đại quân tới. Đinh Văn Giai hạ lệnh cho hai tướng tả hữu ra đánh trước. Nhưng hai tướng không tuân lệnh Giai mà lại theo Oánh rút về phía sau. Biết mưu của Cầu đã lung lạc được lòng quân mình, Đinh Văn Giai quyết ra trận để tỏ rõ lòng trung của hắn với chúa. Giai vác đại Đao lên ngựa dẫn đầu quân binh, xông vào thế trận của nghĩa quân và thách Cầu ra đấu võ. Nguyễn Hữu Cầu cắp siêu đao đứng đầu đoàn quân bên kia, giọng sang sảng như chuông đồng:

- Bớ Đinh Văn Giai! Nhà ngươi định lấy cái chết để báo chúa hay sao mà thách ta tỉ thí.

Đinh Văn Giai tức sùi bọt mép:

- Ta nghe nói nhà ngươi có sức bạt sơn, cử đỉnh. Vậy nếu ngươi không sợ chết thì hãy ra ngay so đọ tài năng, can chi phải nhiều lời.

Lập tức Nguyễn Hữu Cầu vác cây siêu đao phi ngựa ra giữa bãi nghênh chiến. Đinh Văn Giai dặn nhỏ ba con mình điều gì rồi cũng vác đại đao phi ngựa xông ra trận. Thông phải chuyển tay kiếm. Ghìm con ngựa không chịu đứng yên để theo dõi trận đánh. Quân sĩ hai bên hò reo vang trời để cổ vũ chủ tướng. Giữa bãi cầu và Giai tầm vóc ngang nhau, màu ngựa hao hao giống nhau bắt đầu diễu võ. Mới vào trận mà ngựa hai bên đã cuốn lấy nhau, đến nỗi quân sĩ khó phân biệt đâu là chủ tướng của mình.

Đã qua năm hiệp rồi mười hiệp, trận đánh vẫn bất phân thắng bại. Thấy mình đã thấm mệt mà Cầu thì vẫn nhanh nhẹn, sắc bén, đường đao trước sau vẫn cuốn chặt lấy người không một chút sơ hở, nên Giai quyết định dùng một miếng bí truyền để hại Cầu. Trong đời làm tướng của mình, không ít người địch hại được Giai năm, mười hiệp. Nhưng chưa ai qua miếng võ hiểm hóc ấy lại còn ngồi nguyên được trên mình ngựa. Phải kết liễu đời nghịch He ngay trước mặt lũ quân của hắn. Giai hít một hơi mạnh, quyết định; và đang ở trong thế đỡ, Giai đột ngột dùng hết sức bình sinh chuyển sang thế đánh, rồi bắt đầu lùi lại, né người, giả phạt ngang đường đao cốt làm cho Cầu phải đở miếng ấy, rồi nhanh như chớp, Giai hất mũi đao, dùng toàn sức bổ vào người Cầu. Choeng! Tiếng binh khí bập vào nhau cực mạnh, lóe lửa. Giai toát mồ hôi, tay cầm đao tê dại đi và đùi Giai đỏ nhuộm máu. Miếng võ bí truyền của Giai chẳng những không hạ được Cầu vì Cầu không bị mắc lừa; ngược lại, nhân lúc Giai mất đà, Cầu đã phóng mũi siêu đao trúng đùi Giai. Viên hổ tướng triều đình kinh hoàng thúc ngựa tháo chạy về trại mình. Ba con của Giai thấy cha cùng phóng ngựa lên chặn Cầu. Nhưng chỉ trong chớp mắt, Cầu đã chém được một đứa, đầu rơi xuống chân ngựa. Thông cũng đã đốc thúc nghĩa quân xông vào trận địa. Phúc chốc quân triều đình tan vỡ chạy tán loạn. Đinh Văn Giai trước khi chạy thoát, còn bị thêm hai vết thương nữa.

Chỉ trong một tháng, quân Trịnh hai lần đại bại.

Phạm Đình Trọng, kẻ đã đánh bại được cuộc dấy binh của Nguyễn Tuyền, Nguyễn Cừ đang giữ chức hiệp đồng khu Đông Trào được triệu về kinh. Viên nho tướng bỗng được Trịnh Doanh cất nhắc lên cái chức mà chính Trọng không bao giờ ngờ tới: Hiệp chấn kinh Bắc kiêm hiệp chấn Hải Dương và cùng Hoàng Ngũ phúc, nắm nhiều quyền hành, đem quân đi đánh Cầu. Kinh Bắc náo động vì những cuộc hành binh lớn chưa từng thấy của quân triều đình.

Một hôm Nguyễn Hữu Cầu đang luyện tân binh ở Xương Giang thì nhận được phong thư của Phạm Đình Trọng. Mở thư, Cầu chỉ thấy một vế câu đối:

- *"Thổ triệt bán hoành, thuận giả thượng, nghịch giả hạ".*

Hóa ra hắn vẫn thích đánh nhau bằng đòn bút như năm xưa. Cầu thầm nghĩ: Được, đã thế ta cho hắn biết. Cầu sai lấy giấy bút và không cần phải nghĩ lâu, đối lại:

- *"Ngọc tàng nhất điểm, xuất vi chúa, nhập vi vương".*

Phạm Đình Trọng lúc đó đang vừa uống rượu vừa bàn kế đánh Cầu với Hoàng

Ngũ Phúc ở thủy trại của mình, nhận được vế đối, Trọng lặng đi một lúc rồi vừa đưa cho Phúc xem vừa nói:

- Cũng chỉ có mình nghịch Cầu mới có thể đối lại được vế đối này. Vế đối thật là hay nhưng cũng thật là cứng cổ.

Hoàng Ngũ Phúc ngắm nghía chữ Cầu hồi lâu rồi cũng gật gù:

- Lời đồn đại quả không ngoa. Khí phách nghịch He lộ rõ cả trong một vế đối. Nghe nói khi trước ông cùng học với hắn phải không?

Hoàng Ngũ Phúc đột ngột hỏi Trọng.

- Hạ quan là trưởng tràng. - Trọng đáp, - nhưng chưa bao giờ hắn phục tôi. Ngược lại, hắn luôn luôn là kẻ kình địch của tôi.

- A ha ha. - Hoàng Ngũ Phúc đắc ý cười lớn - thì bây giờ cũng vẫn thế. Chí hai người khác nhau hoàn toàn: Hắn giương cờ bảo dân, ông một lòng bảo chúa, người bênh dân, người bênh chúa, sao lại tương đắc với nhau được?

- Tôi sẽ bắt sống và giết hắn.

Trọng hậm hực đứng lên.

- Không dễ đâu… - Hoàng Ngũ Phúc cười nhạt châm chọc - ông chưa giáp trận với hắn nên không thấy đó thôi. Huống hồ ông là giòng dõi văn quan xuất thân.

- Nhưng tôi có kế sách của tôi - Trọng cố kìm sự bực tức, mát mẻ nói kháy lại - Dùng sức với nghịch He thì chỉ có hại. Bao danh tướng của soái phủ đã chẳng phải ngậm đắng nuốt cay đó sao?

Mối hiềm khích giữa hai viên tướng có cơ tăng lên. Nhưng may sao vừa lúc ấy Trọng được tin quân Nguyễn Hữu Cầu đến khiêu chiến. Trọng thở phào vì tránh được cuộc đụng độ với Hoàng Ngũ Phúc rất không lợi cho hắn.

- Xin thượng quan cho lệnh. Trọng nói, điệu bộ cung kính.

Được lời như cởi tấm lòng, Hoàng Ngũ Phúc quên hẳn mối hiềm khích vừa xảy ra:

- Tại quân doanh của ông, xin cứ tùy tiện.

Lập tức, Trọng truyền lệnh:

- Cần giữ chứ không cần đánh. Ai ở đâu vẫn ở đó.

Nói rồi Trọng sai dọn rượu mời phúc.

Tiệc mới bắt đầu thì chợt thấy một mũi tên của nghĩa quân bỗng nhiên giết chết tên lính hầu rượu của Trọng. Hoàng Ngũ Phúc hoảng hốt đứng dậy định lui ra, thì Trọng vội giữ lại nói:

- Ba quân hay dở quan hệ ở ông tướng. Nếu ta lánh đi quân sĩ mất nhuệ khí, giặc tất tràn sang, ta còn chống lại làm sao được?

Trọng thay lính hầu rồi vẫn giữ vẻ ung dung, tiếp tục uống rượu.

Một tùy tướng của Trọng lại báo:

- Nghịch Cầu vẫn thách và lăng nhục tướng công thậm tệ. Hắn nói tướng công ra luồn vào cúi và là thằn lằn.

- Thôi!

Trọng quát:

- Người truyền lại lệnh ta: Giữ mà không đánh. Ai trái lệnh ta chém.

Khiêu chiến giặc không ra, chắc chắn không phá được giặc, Cầu đành đem quân về. Cầu ân hận vì quá tin chờ vào các đạo binh của Hoàng Công Chất và Nguyễn Danh Phương hẹn hùng tiến về kinh đô, nên để mất cơ hội đánh vào sào huyệt quân Trịnh ngay sau khi đã đánh bại được Đinh Văn Giai.

Nhân cơ hội ấy, Phạm Đình Trọng bàn với Hoàng Ngũ Phúc đem toàn bộ quân kinh Bắc chia làm ba đạo cùng đánh thành Xương Giang. Sau mấy ngày ác chiến, nghĩa quân phá được vòng vây rút về Yên Quảng rồi ra Đồ Sơn.

Kế bao vây triệt dân, triệt nguồn tiếp tế của Phạm Đình Trọng đã dồn nghĩa quân vào tình trạng thiếu lương thực trầm trọng. Đã bao lần Nguyễn Hữu Cầu và các tướng thay nhau đem quân ra khiêu chiến, nhưng viên tướng thâm hiểm này vẫn án binh bất động.

Nguyễn Hữu Cầu bàn với các tướng:

- Muốn bảo dân được, trước phải trừ Phạm Đình Trọng. Các tướng có kế nào diệt được hắn không?

- Trình tướng công - Thông đáp - Phạm Đình Trọng chiêu mộ được những dân cường tráng ở các hạt Thanh Hà, Tứ Kỳ, Vĩnh Lại, Thượng Hồng trong trấn Hải Dương đặt làm bốn cơ vừa tinh nhuệ lại vừa hết lòng vì hắn. Vậy muốn diệt được Trọng phải dùng đến thuật bơi lặn.

- Thật là diệu kế, Cầu tấm tắc khen.

Ngay đêm ấy, Cầu cho ngay một toán nghĩa quân giấu thuyền chờ mình ở đầu làng Đồ Sơn rồi đem theo siêu đao bơi vào thủy trại quân địch. Lúc bơi lúc lặn, Cầu đã bí mật tới được thuyền Trọng. Cầu vừa ngoi lên thì chẳng may gặp đúng lúc người ái thiếp của Phạm Đình Trọng ra rửa mặt. Người ái thiếp của Trọng hoảng sợ kêu rú lên, kịp cho Trọng trốn thoát. Một lần khác, Cầu cũng dùng tài bơi lặn áp đến thuyền Trọng. Nhưng các tướng hộ vệ của Trọng lúc nào cũng ở bên hắn, nhân đến lúc Cầu đánh giết được bọn chúng. Trọng đã kịp lẩn tránh. Từ đấy Trọng sợ nên cho rải chiếu căn đặc cả bến sông và cắt quân rất nghiêm ngặt.

Phạm Đình Trọng dùng độc kế để mưu hại toàn bộ nghĩa quân. Trọng lập trại ở trên núi cao trông xuống trại của Cầu. Hắn sai đục rỗng ruột mấy trăm cây thông, nhồi mảnh gang, đá sắc cạnh và thuốc súng vào trong rồi đánh đai sắt bên ngoài thật chắc, lao xuống trại nghĩa quân. Thấy quân mình bị chết nhiều, Cầu cho quân lấy ván gỗ thông để che. Lập tức, Trọng cho lấy nhựa thông tẩm vào vải vụn, gói với sỏi và thuốc súng lại ném. Trại của nghĩa quân bị bốc cháy dữ dội.

Cầu rút chạy và lợi dụng lúc giặc sơ hở không phòng bị, bất ngờ đem quân vào đánh trấn lỵ Hải Dương.

Thấy mất hút Cầu, Trọng bàn với Phúc:

- Hạ quan ngờ nghịch Cầu lợi dụng đại quân ta còn ở đây nên mật đem quân cướp Hải Dương. Nếu để hắn chạy thoát thì khác nào sư tử xổng về rừng. Hắn hay dùng lợi lộc để cầu dử đám cùng dân, nên cảm ơn cái ấy, nghịch Cầu chỉ hô lên một tiếng là dân chúng lại theo hắn hàng vạn. Vậy theo ý hạ quan, ta phải gấp chia đường đi chặn hắn. Tách được hắn với đám cùng dân như lâu nay ta vẫn làm, thì chỉ còn ngày một ngày hai nghịch Cầu sẽ chết.

Nghe lời Trọng nên Phúc và Trọng đã kịp đem đại quân cứu được trấn lỵ Hải Dương. Rồi bao vây được nghĩa quân ở Đông Trào. Trong trận này nghĩa quân bị thua thiệt nặng nề. Hơn thế nữa, tướng Thông bị chết trận. Mất Thông, Cầu như gẫy một cánh tay. Trước khó khăn chồng chất, Nguyễn Hữu Cầu cho người về kinh dâng thư hàng.

Nhận lễ hậu của Cầu, Đỗ Thế Giai và Nguyễn Phương Đĩnh ra sức thuyết phục Trịnh Doanh nhận cho Cầu về hàng. Vốn tin cẩn hai viên danh thần lại thấy Cầu là người kiệt hiệt, bao năm dùng binh không xong, nên Trịnh Doanh nhận lời. Trịnh Doanh tâu với vua Hiển Tông. Vua bằng lòng và phái người đi báo cho Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng ngưng binh.

Trọng tức tốc về kinh khóc với Trịnh Doanh:

- Nguyễn Hữu Cầu là người văn võ kiêm toàn, triều đình khó có người địch được. Nay lâm thế bí, bất đắc dĩ xin hàng để làm kế hoãn binh chứ đâu phải là thực bụng. Chi bằng nhân lúc nghịch Cầu đang nguy bách, tướng sĩ gắng công chút nữa để tiệt mầm phản loạn. Thần xin cố sức bắt tên ác tặc ấy.

Trịnh Doanh ngả theo ý Trọng. Nhưng Trọng đi rồi, Đỗ Thế Giai, Nguyễn Phương Đĩnh lại thuyết phụcTrịnh Doanh theo ý mình. Nể lời, Trịnh Doanh giao cho hai người tự ý thu xếp công việc.

Giai, Đĩnh phụng chỉ sai Nguyễn Phi Sảng đi gặp Cầu để thương nghị, bắt Cầu nộp hết các đồn trại, lương thực, khí giới và phải đem các tướng nghĩa quân về chầu. Đồng thờivua cũng phong cho Cầu làmNinh đông tướng quân, tước Lương Nghĩa hầu. Trước khi gặp Cầu, Sảng đến quân doanh Phạm Đình Trọng để truyền lệnh bãi binh. Trọng cười nói:

- Tôi với giặc He có mối thù không đội trời chung. Ta bảo chúa, giặc He bảo dân, sao dung được? Ông vâng mệnh bề trên, nhưng tướng ở ngoài cũng có quyền không theo lệnh. Ông cứ ra gặp giặc, nhưng nếu ngày một, ngày hai sự thể có thể hành động được, tôi không vì cớ ông ở bên trại mà ngừng việc binh đâu!

Nguyễn Hữu Cầu tiếp Sảng rất long trọng và hứa vâng theo chỉ ý. Sảng kể về thái độ của Trọng cho Cầu nghe, Cầu thấy cần lợi dụng sự không ăn ý giữa chúng, liền nói:

- Tôi muốn về làm thần tử của triều đình và đã được hoàng thượng, chúa thượng chuẩn cho. Thế mà Phạm hiệp thống lại muốn nối việc binh đao. Tôi thực bụng không hiểu hắn có oai quyền gì mà dám lộng hành, vượt cả quyền của Nhị vị đại thần.

Vừa lúc ấy, Phạm Đình Trọng cho mấy trăm thuyền bọc đồng tiến vào đánh nghĩa quân. Nguyễn Hữu Cầu bảo Nguyễn Phi Sảng, lúc đó đang tái đi vì khiếp sợ:

- Bây giờ thì quân sĩ của tôi sẽ đưa ông về. Hay dở thế nào ông cứ thực tình mà tâu.

Tiễn Sảng đi rồi, Nguyễn Hữu Cầu lên thuyền tướng nhưng không phải để đánh mà để rút. Cầu đang mưu toan kế khác. Muốn thực hiện được kế ấy phải kìm được đại binh của Trọng ở biển.

Quả như tiên đoán của Cầu, Đỗ Thế Giai và Nguyễn Phương Đĩnh sau khi nghe Sảng kể hết sự tình thì rất căm ghét Trọng. Hai người tâu với Trịnh Doanh:

- Phạm Đình Trọng là người trí dũng gồm đủ, dưới trướng lại có nhiều thuộc tướng giỏi, thật chẳng khác Lưu Bị có Quan Trương, Triệu Vân. Nay ông ta cầm trọng binh nếu sinh bụng phản trắc thì triều đình lấy gì mà chế ngự nổi. Cớ rõ nhất là Đình Trọng dám kháng lệnh chúa thượng ngăn trở Cầu về hàng. Xem vậy, nếu không trừ sớm đi thì hậu họa sẽ không lường trước được.

Trịnh Doanh im lặng không đáp.

Sau bữa cơm chiều không khí doanh trại nghĩa quân ở Cẩm Giàng nhộn nhịp hẳn lên. Họ vừa được lệnh nội nhập đêm nay sẽ tiến về đánh chiếm Thăng Long, đập tan ngai vàng của vua Lê chúa Trịnh, triệt tận gốc cảnh lầm than đói nghèo. Không phải không có người vẫn hiểu lầm về kế hàng của chủ tướng họ. Nhưng cũng vì thế, lúc này họ càng thêm phục người chủ tướng trí dũng song toàn, từng ăn với họ một mâm, nằm với họ một chiếu.

Anh chị em nghĩa binh vẫn tíu tít chuẩn bị. Người thì kiểm lại binh khí, người thì nai nịt lại cho gọn gàng hơn. Những người đã chuẩn bị xong, xúm lại thành từng cụm, chuyện nở như ngô rang. Giữa lúc ấy, Cầu dẫn đội thám mã trở về. Trong ráng chiều vàng nhuộm, nghĩa quân thấy người chủ tướng của mình đẹp một cách lạ thường. Chủ tướng có gầy đi vì vất vả, vì lo nghĩ, nhưng có lẽ vì thế, đôi mắt quắc sáng, khuôn mặt cương nghị, rắn rỏi ấy càng để lộ nghị lực phi thường, dẫn đến những quyết định táo bạo, những tính toán thông minh, từng làm cho quân thù bao phen khiếp đảm, kinh hoàng. Nhìn đôi mắt tinh thường, khuôn mặt rắn đanh lại, nhất là dáng điệu quả quyết trong mọi việc của chủ tướng, lòng nghĩa quân thấy ấm áp, thanh thản lại. Tình yêu thương, lòng kính trọng của nghĩa quân đối với chủ tướng, từ lâu rồi, đã quện chặt vào nhau như không còn ranh giới. Và, trong những lúc khó khăn như thế này, tướng và quân càng thêm gắn bó, đồng thời sự sát cánh vì nghĩa lớn ấy, đã chuyển thành niềm tin không gì lay chuyển được, thôi thúc họ ném tất cả sự khôn ngoan, cương quyết cho trận đánh mà họ đang chờ đợi.

Đứng trước đội ngũ quân sĩ đang nghiêm nghị đến căng thẳng, hướng về phía

mình, Nguyễn Hữu Cầu nói dàng từng tiếng:

- Đêm nay ta sẽ tiến về đánh lấy kinh thành. Bọn giặc Trọng, Phúc không rời ta nửa bước, buộc ta phải bí mật, hành binh thần tốc. Quân sĩ phải đến Bồ Đề trước canh năm, rồi nhanh chóng cướp thuyền, vượt sông đánh úp kinh đô, bắt cho được tên bạo chúa Trịnh Doanh và cả bầy chúng.

Nghĩa quân hò reo đáp lại, chấn động cả một vùng trời.

- Cần một đội binh nhỏ khởi binh trước, nhưng đi về hướng Nam để che mắt giặc. Việc nhỏ nhưng cực kỳ nguy hiểm.

Hàng quân im phăng phắc.

- Ta biết binh sĩ ai cũng hăm hở tiến về kinh đô. Nhưng phải có một đội quân nghi binh Cầu nói tiếp và căng mắt chờ đợi.

Một viên tướng khập khiễng bước lên:

- Trình tướng quân! Những người hiện còn ốm yếu sẽ lĩnh việc này.

- Ngươi cho xuất quân ngay! Cầu hồ hởi ra lệnh.

Không khí chia tay bịn rịn, nặng nề, trùm lên nghĩa quân. Nhưng đội quân nghi binh đã vội vã lên đường. Đi được một quãng, viên tướng chỉ huy đội quân nghi binh đột ngột phi ngựa quay trở lại. Đến trước mặt Cầu, viên tướng chỉ nhìn Cầu mà không nói.

Cầu cố nén xúc động.

- Ta hiểu rồi. Việc lớn sẽ thành. Ngươi hãy yên lòng dẫn quân đi!

Viên tướng cúi đầu chào Cầu rồi giật cương, phóng ngựa đuổi theo quân sĩ của mình.

Đợi cho đội quân nghi binh đi xa, Nguyễn Hữu Cầu cho giương cờ lệnh và nói như thét lên:

- Để trả thù cho những chiến hữu đã mất, để cứu trăm họ khỏi cảnh lầm than, đại quân lên đường!

Nghĩa quân theo lệnh Cầu, phi ngựa cướp đường, hướng về kinh thành xốc tới. Dẫn đầu hàng quân, chiến mã của Cầu sải những bước dài xuyên vào đêm tối.

Nhưng cuộc hành binh thần tốc của Cầu không thực hiện được như ý. Dọc đường vì phải đánh nhau với nhiều đội quân Trịnh nên đại binh của Cầu đến bến Bồ Đề thì trời đã sáng. Hơn thế nữa, bên kia sông Hồng, Trịnh Doanh được báo trước, đã gióng trống trương cờ, kịp dàn trận để chặn nghĩa quân, Nguyễn Hữu Cầu chưa cướp được thuyền đánh sang thì tin dữ lại đến: Phạm Đình Trọng đã đánh tan đội quân nghi binh của Cầu, giết được cả tướng và hiện đang đuổi gần đến nơi.

Hờn căm ngút trời, nhưng Nguyễn Hữu Cầu vẫn tỉnh táo, cho quân mình rút lui để bảo toàn lực lượng.

Thoát vòng vây ở Hương Lãm, Nguyễn Hữu Cầu dẫn một toán nghĩa binh chạy

ra bể, đánh tan đội quân giữ thuyền của Phạm Đình Trọng, cướp lấy một chiến thuyền rồi tức tốc ra khơi.

- Tướng công định đi về hướng nào? một nghĩa quân lái thuyền hỏi.

- Trở về Hải Dương! Cầu ra lệnh: Ta sẽ khôi phục lại cơ đồ ở đấy.

Nhắc đến miền đất thân thương đã hai năm xa cách ấy, lòng Cầu bỗng thấy đau nhói. Phải rồi, tại đấy, Thông và bao nghĩa sĩ bị bắt hoặc bị chết khi sự nghiệp còn dang dở. Nhưng cũng là miếng đất dấy nghiệp, từng hun đúc bao chiến sĩ kiên cường, vì phúc lành của muôn họ, coi cái chết nhẹ tực lông hồng. Cùng hai năm qua Cầu lại mới có dịp đi biển. Mặc dầu còn đang phải chạy giặc nhưng Cầu như đang sống lại cài cảm giác khoan khoái của những trận thắng lớn năm xưa. Lũ tướng giặc triều đình mỗi khi ra biển, có đứa nào địch được Cầu qua một trận. Duy có Phạm Đình Trọng lửa giận trong lòng Cầu sôi lên tên tướng giặc nham hiểm ấy vẫn không rời Cầu nửa bước. Sau trận đánh kinh thành nhỡ nhàng, Cầu đem quân liên kết với Hoàng Công Chất đánh phá vùng Sơn Nam. Những đại binh của Trọng liền tức tốc đuổi theo. Mấy lần hắn chết hụt nhưng cuối cùng quân của Trọng đã phá được thế trận của nghĩa quân ở làng An Vệ.

Năm sau(1750) Cầu đem quân vào Nghệ An hợp binh với Nguyễn Duyên, Phạm Đình Trọng, lúc đó được phong là Hải Quân công, cũng lãnh đại binh đuổi theo.

Thằng giặc ấy không để cho mình trở về Hải Dương Cầu nghĩ bụng. Và, quả nhiên, ngoái nhìn phía sau, Nguyễn Hữu Cầu đã thấy thuyền chiến của Phạm Đình Trọng đang đuổi tới. Bất đắc dĩ, Cầu phải ghé thuyền lên bộ. Phạm Đình Trọng lập tức cửa một bộ tướng tâm là Phạm Đình Sĩ đem năm trăm quân đuổi theo.

Đã thấm mệt, lại đói, Nguyễn Hữu Cầu lúc này chỉ còn một mình liền vào thủ trong một cái hang ở núi Hoàng Mai.

Phạm Đình Sĩ cho quân vây bọc mất lần rồi bảo lính:

- Ai vào bắt sống được nghịch Cầu, ta tâu thưởng cho cả lạng vàng.

Ham của, một tiểu tướng của Sĩ tên là Hoàng Vĩ Hương lăng xăng khoác lác:

- Con cá He đã mắc cạn. Tôi xin vào bắt!

Sau một hồi ba hoa, viên tiểu tướng béo tròn nhưng ngắn có một mẩu ấy, hùng hổ vác mã tấu xông vào. Nhưng hắn vừa giơ mã tấu ra oai, đã bị Cầu dùng siêu đao gạt mạnh, mã tấu văng khỏi tay.

- Cho mi cầm lại mã tấu xem có nuốt trôi được lạng vàng không Cầu khinh bỉ bảo viên tiểu tướng triều đình.

Trở về chịu tiếng bất tài, Hoàng Vĩ Hương không sợ, vì hắn vốn nổi tiếng văn dốt vũ dát. Nhưng hắn tiếc lạng vàng. Vì vậy, hắn vớ vội lấy mã tấu rồi bất ngờ đâm trộm. Nhưng Cầu đã kết liễu đời tên giặc hợm hĩnh.

Phạm Đình Sĩ liền chọn một toán lính lực lưỡng cho xông vào bắt Cầu. Nhưng không đứa nào chịu đi đầu. Phạm Đình Sĩ gọi một tên ra hỏi:

- Tại sao ngươi không tuân lệnh ta?

- Nghịch Cầu sức khỏe như Hạng Võ, Hổ tướng Đinh Văn Giai còn bị thua nữa là sức chúng tôi.

Lập tức Phạm Đình Sĩ tuốt kiếm chém chết tên lính rồi thét quân xông vào hang. Nhưng lính cảm tử vào càng nhiều, xác giặc càng lắm. Xác giặc chồng chất ở cửa hang.

Sau một ngày kịch chiến, con cá He oanh liệt một thời mới bị sa lưới.

Chiếc cùm lim nặng nề đã xiết chặt chân tay Cầu, gò Cầu ở tư thế nửa nằm nửa ngồi thật khó chịu, khiến gần cả đêm Cầu Không chợp mặt được. Bắt được Cầu, Phạm Đình Sĩ đã cho chữa một chiếc cùm lim hạng đại để cùm Cầu. Chẳng những thế, sợ Cầu bẻ gảy được cả cùm lim, hắn còn nhốt Cầu trong một cái cũi chắc chắn, đặt trong một gian nhà đóng kín, xung quanh có lính túc trực canh gác.

Chưa bao giờ Cầu có nhiều thì giờ suy nghĩ như đêm nay. Nhưng mạch suy nghĩ luôn luôn bị đứt đoạn vì cứ một chốc, bọn lính lại thay nhau vào xem Cầu sống hay chết, cũng còn vì toàn thân Cầu đau ê ẩm và cơn đói khủng khiếp luôn giày vò.

Cầu cựa quậy cố chọn một thế dể chịu nhất. Cầu đau đớn tự thấy nguồn gốc của thất bại là do sự liên kết hào kiệt chưa được cách một khối. Hoặc giả, có lúc chờ sự liên kết mà mạch cứng đờ, nên bỏ lở cơ hội có thể thừa thắng, đánh chiếm về kinh thành, ngay khi hai đạo binh lớn của Trương Khuông, Đinh Văn Giai bị vỡ.

Cầu còn đau xót hơn khi hoài bảo cứu cho khắp, giúp cho cùng muôn họ không thực hiện được. Nhớ lại trên dọc đường hành quân, Cầu đã bao lần gạt lệ khi chứng kiến những đau thương:con chết bên cạnh cha, vợ bị hành hạ trước mặt chồng. Bọn quan lại Trịnh đã mặc sức đày đọa, giết hại dân chúng. Coi dân chúng như bầy trâu ngựa. Giờ đây, trong nỗi đau giày vò, Cầu như thây vọng về lời kêu than, rên xuiết của hàng vạn dân nghèo đang quằn quại trong tay giặc. Biết bao nhiêu ông già, bà cả đã đem con mình trao cho Cầu, phó mặc cả tính mệnh của gia đình họ cho Cầu. Vậy mà Cầu đã phụ lòng tin ấy. Không! Cầu thương dân, Cầu hằng thương những người nghèo khắp chốn như cha mẹ, anh em ruột của mình. Vì phải đánh nhau liên miên hết năm này đến năm khác, với những lực lượng ngày càng lớn của quân Trịnh, Cầu chưa làm được nhiều việc để bày tỏ tình thương ấy. Nhưng tình thương ấy đã xốc Cầu dậy trong những trận đánh. Vì thế mà cầu đã muốn nghĩa quân nhào tới vật lộn với địch. Và, cũng chính vì tình thương ấy, Cầu đã từng chỉ huy vừa dẫn đầu trong những cuộc đọ sức, ném tất cả khôn ngoan, táo bạo của mình để dành chiến thắng. Cầu bị bắt, nghĩa lớn còn dang dở chưa thành, nhưng cầu không hổ thẹn vì dân trọn đời mình cho chúng.

Chao ơi! Nếu Cầu kịp về đất Hải Dương! Vùng đồng ruộng có con sông Bạch Đằng từng hòa nhịp tiếng ngựa hí, chỉ cần sửa được sai lầm xưa, nó sẽ trở thành đất thánh của đoàn quân bảo dân cả nước và nghĩa lớn sẽ thành.

Gần sáng rồi, Cầu muốn thiếp đi chốc lát để hôm sau còn tỉnh táo đương đầu với kẻ thù. Nhưng cớ nhắm mắt lại thì Cầu thấy hiện lên những khuôn mặt thân thuộc,

từng ôm ngọt sẻ bùi và cùng ôm ấp những hoài bảo lớn. Cứ nhắm mắt lại là Cầu thấy mình như đang bay về với vùng biển Đông, đang cưỡi trên sóng bạc đầu, giữa những bấu khoáng đạt bao la. Cầu yêu biển, nhất là cảng biển về buổi sáng. Mặt trời lúc ấy như đi lên từ biển giống như một quả cầu lửa khổng lồ. Khi còn ở đại trại Đồ Sơn, những lùc rảnh rỗi, Cầu đã để hàng giờ để ngắm trời ngắm biển và phóng tầm mắt ra xa muôn dặm. Thật là kỳ diệu, tạo hóa lúc ấy như sổ lồng cho chí tung hoành ngang dọc mà không gì chế ngự nổi của Cầu.

Cầu lại đổi thế ngồi. Cái cùm lim nặng nề này, cái cũi làm bằng những cây gỗ chưa kịp bóc vỏ này, vừa tai ác vừa trào lộng. Bây giờ ta bị nhốt trong cái cũi này cũng ví như khi xưa ta bịo gfiam hảm trong cái lồøng trời mây. Ước gì được sổ lồng, ta sẽ tung hoành chi phỉ sức, giống như cánh chim bằng sải cánh bay bổng, lượng những vòng rộng lớn trong không trung rồi lại vút lên trời xanh bay lượn. Cầu cũng muốn như được như bầy chimoanh vẩy vùng ở phương Bắc hoặc như đàn chim loan tung cánh mãi về phương Nam. Con nhim có thể bị tù hãm, phải nhốt ở trong lồng cũng như mình bị cùm trong cũi, nhưng chỉ muốn chọc trời khuấy nước, hoài bão và niềm tin vẫn nở rộ xanh tươi như thiên nhiên hùng vĩ vạn sắc màu rực rỡ.

Một nguồn thơ dạt dào, lai láng đến với Cầu. Cùm lim, lồng cũi, đớn đau, đói khác đều tan biến đi và Cầu đang hoàn toàn hóa thân trong tầm suy nghĩ rộng lớn không gì ngăn cản nổi của những ý thơ.

Chợt, cửa nhà giam bị mở tung. Tiếng Phan Đình Trọng ra lệnh cho quân lính khiêng cũi ra ngoài.

Ta sẽ chết nhưng phải minh mẩn, nhất là trước mặt quân thù, pải giữ được tiết tháo của người lính bảo dân Cầu tự nhủ và đột ngột lấy giọng hát.

- Chào ông Cầu. - Trọng vừa nói vừa cười rất tươi - Tôi lấy tình bạn cũ đến thăm ông đây.

Đúng là miệng lưỡi của thằng Trọng khi trước Cầu nhận xét nhưng vẫn say sưa hát, không thèm nhìn Trọng.

Thấy cầu thản nhiên không sợ sệt, thậm chí không coi mình vào đâu, Trọng khiêu khích:

- Tôi thiết nghĩ khi nào có việc vui mừng người ta mới hát, đằng này ông đang gặp sự không may thì ca hát làm gì cho tủi.

Cầu vẫn không thèm nhìn Trọng, tiếp tục lấy giọng hát to hơn.

Trọng cố lấy dáng tự nhiên cúi sát bên cũi:

- Bây giờ ông như con chim trong lồng còn gì mà ca với hát?

Cầu sửng sốt thấy kẻ thù ví mình là "Chim trong lồng", hệt như đêm qua Cầu tự ví mình.

Đúng là chim trong lồng Cầu ngừng hát, đáp:

- Nhưng mà lồng trời mây. Lúc nào tiện, chim sẽ vỗ cánh bay đi cho phỉ sức.

Trọng mím môi kìm cơn giận trước câu trả lời ngạo mạn, lộ rỏ sự khinh thị của Cầu:

- Biết ông là người có tài thơ, trường hợp nào cũng làm được. Vậy ông hãy vịnh cảnh "Chim trong lồng" xem sau!

Ý thơ đã nung nấu từ đêm và cũng phải cho kẽ thù biết ý chí của ta Cầu nghĩ nên không đợi nhắt đến lần thứ hai, Nguyễn Hữu Cầu đã cất giọng ngâm:

"Nhất lung thân địa tàng thân tiểu

Vạn lý phong vân cử mục tần

Hỏi sao sao lụy cơ trần?

Bận tài bay nhảy sót thân tang bồng.

Nào khi vỗ cánh rỉa lông.

Hót câu thiên túng trong vòng lao lung

Chim oanh nọ vẫy vùng giậu Bắc

Đàn loan kia túc tắc cành Nam

Mặc bay đông ngữ, tây đàm

Chờ khiphong tiện dức dàn vân lung

Bay thẳng cánh muôn trùng tiêu hán

Phá vòng vây bạn với kim ô

Giang sơn khách diệc tri hồ?

Chao ơi, hay quá Đám quân sĩ triều đình hết sức kinh ngạc trước tài xuất khẩu thành thơ của Nguyễn Hửu Cầu, lờ miệng, đồng thanh khen. Phan đình Trọng củng không khỏi sửng sốt trước tài thơ xuất chúng của Cầu. Nhưng ý tứ bài thơ đã làm hắn giận tái người, không còn giấu được ý đồ nham hiểm của hắn nữa:

- Nghĩ ông là chốn bạn cũ… - giọng Trọng rít lên - nên tôi đến xem ông có cần tôi giúp gì không? Đã thế này thì tôi phải giải ông về kinh để chịu tội. Ông sẽ ân hận mà chết.

A, ha ha, ha ha... Nguyễn Hữu Cầu bật cười lớn.

- Giải tên tặc tướng về cung gấp.

Trọng không chịu nổi tiếng cười đắc thắng của Cầu, lúng túng ra lệnh.

A, ha ha, ha ha Cầu vẫn cười.

Tiếng cười khoái trá ấy của Cầu cứ từng đợt từng đợt rộ lên đập vào vách núi, bay ra xa mấy cánh đồng vọng cả vào không trung.

Nghe tiếng cười ấy, mặt Trọng thêm tái đi, quên cả lên chiếc võng điều vừa được hắn giục mang tới.

Nguyễn Huệ

Từ khi mở trường dạy học ở Yên Thái, học trò có nhiều, nhưng thầy giáo Hiến đặc biệt rất mến đám con Nguyễn Phi phúc. Trong ba anh em (Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ). Nguyễn Huệ là út, nhỏ nhất lớp, nhưng là trò giỏi, nổi tiếng thần đồng, không ai địch được. Tuy còn nhỏ, nhưng Nguyễn Huệ sớm tỏ ra là người có trí, can đảm, sâu sắc, nhất là có tài điều khiển, thu hút chúng bạn trong mọi trò chơi. Những câu hỏi của cậu bé, phần lớn để lật ngược lại nghĩa sách, khiến cho thầy giáo Hiến, một người có tài, từng trải phải nhiều phen lúng túng. Nhưng thầy giáo Hiến cũng rất ưa nhưng câu hỏi bất ngờ, thể hiện sự khát khao muốn hiểu biết tận cùng của cậu bé Nguyễn Huệ. Vốn là một môn khách rất được kính trọng của nhà Trương Văn Hạn, một người có thế lực triều Định Vương, nhưng thầy giáo Hiến lại là người bất đắc chí. Bởi vì khi Trương Văn Hạnh bị quốc phó Trương Phúc Loan vì kình định sát hại, giáo phải trốn vào Quy Nhơn mở trường dạy học ở ấp Yên Thái. Buồn rầu vì không được thi thố tài năng, nên hơn ai hết, giáo Hiến rất quý trọng người có tài trí. Giáo Hiến đặc biệt quý Nguyễn Huệ, cậu bé tóc quăn, da sần, tiếng nói sang sảng như chuông, cặp mắt hùng thu mà sáng như chớp là vì vậy.

Một hôm sau khi tan học, giáo Hiến gọi Nguyễn Huệ lại hỏi:

- Có phải nhà tía má anh vẫn gọi anh là Thơm phải không?

Nguyễn Huệ tinh nghịch đáp:

- Thưa thầy vâng. Vì hoa Huệ rất thơm ạ.

- Anh là một người cũng thích hoa? Vậy anh thích hoa nào nhất?

- Hoa Huệ ạ!

- Vì sao?

- Vì gốc của hoa mọc từ đồng dại hoang dã, dáng của hoa vươn thẳng cứng cáp, hương của hoa thơm ngào ngạt không lẫn được. Đấy là nói về hoa. Còn về người thưa thầy tổ tiên con vốn ở Hưng Nguyên, trấn Nghệ An. Trong một trận giao tranh giữa chúa Nguyễn và chúa Trịnh, ông tổ bốn đời của con bị chúa Nguyễn bắt vào đây khai khẩn. Gốc gác của con - Nguyễn Huệ mỉm cười - cũng giống loài hoa ấy lắm chứ.

- Ý tưởng anh lạ lắm thầy giáo Hiến thừa nhận Mới rồi thầy có đọc mấy câu sấm: "Tây khởi nghĩa, Bắc thu công". Anh hiểu câu ấy thế nào?

Thầy giáo Hiến sửng sốt khi nghe cậu bé Nguyễn Huệ đáp:

- Bây giờ thần nịnh chúa hôn. Nhân tâm đằng trong đằng ngoài đều tư loạn, dân chúng lầm than. Xem ra thời bệnh ngày một trầm trọng. Thế tất không tránh khỏi một cuộc biến rất lớn!

Thầy giáo Hiến không dấu được những điều bao lâu ấp ủ:

- Ấp Tâu Sơn này núi non hiểm trở, dân cư đông đúc, giàu có nhất Quy Nhơn.

Đâu cũng sẵn nhiều voi lớn, ngựa hay; người người lại chuộng võ nghệ. Anh là người Tây Sơn, cứ cố đi. Người anh hùng không cần đợi tuổi.

Được thầy giáo Hiến khích lệ, Nguyễn Huệ vừa học văn vừa dùi mài binh thư luyện tập võ nghệ. Ở lĩnh vực nào cậu bé cũng tỏ rõ là người thông minh xuất chúng đến nỗi thầy Hiến, con người tinh đời nhưng kiêu ngạo, thường nhờn các quan văn võ tướng triều Nguyễn bằng nửa con mắt, đã thực sự khâm phục Nguyễn Huệ. Khắp vùng đồn đại về cậu bé. Và, cùng với năm tháng tài năng của Nguyễn Huệ lớn vụt lên nhanh chóng như con người. Hơn thế, tài năng ấy được nghĩa lớn ngày đêm thôi thúc, khiến Nguyễn Huệ sớm có được tầm nhìn xa biết rộng, sớm gắn bó với quần chúng lầm than, mưu sự nghiệp lớn.

Nguyễn Huệ lớn phổng lên thành một tràng trai tuấn tú. Lòng khao khát hiểu biết không dừng lại ở sách mà là mở rộng ra cuộc sống. Nhưng cũng là lúc cả nước đang chìm trong một bể biến động. Ở đàng ngoài, dân nghèo bị vua chúa và bọn nhà giàu cướp ruộng, tăng tô thuế, phải phân tán dắt díu nhau kiếm ăn đầy đường, đầy chợ. Thóc gạo quý như vàng. Dân đói đã phải ăn rau, ăn cỏ, ăn cả thịt chuột rắn. Nhưng nguồn sống ấy rồi cũng cạn. Các ngả đường xác chết chồng lên nhau. Số dân mười phần không còn một. Ở đàng trong, giai cấp thống trị từ bọn nhà chúa đến các quan to nhỏ, đua nhau làm giàu trên máu xương của dân chúng, coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn.

Bọn người ấy lại xa hoa dâm dật đến cùng cực. Chúa Nguyễn Phúc Chu có tới một trăm bốn sáu đứa con. Chúa Phúc Thuần dâm loạn đến nỗi mới mười sáu, mười bảy tuổi đã mắc bệnh không gần đàn bà được. Để mua vui, chúa này thường bắt phường hát dâm loạn với cung nữ ngay trước mặt mình. Chúa đãvậy, bọn triều thần ăn chơi không kém. Đại thần Nguyễn Nghiễm có tới một trăm hai mươi sáu người vợ lẽ nàng hầu. Bọn quan lại này chia phe phái lũng đoạn triều chính, mặc sức cướp bóc dân lành. Vì vậy, đàng trong cũng như đàng ngoài, dân nghèo liên tiếp nổi dậy. Anh em Tây Sơn theo sát tình thế, hiểu thấu dân tình, gấp rút chuẩn bị dấy binh. Trong cuộc chuẩn bị ấy, Nguyễn Huệ sớm tìm ra chỗ yếu nhất của hiện tình Nguyễn để đánh chúng. Ấy là năm 1765, chúa Nguyễn Phúc Khoát chết. Lúc còn sống, Phúc Khoát đã lập người con duy nhất của chính phi lên làm thế tử nối ngôi chúa. Nhưng người ấy chết sớm để lại một đứa là Nguyễn Phúc Dương. Khi Phúc Khoát chết Phúc Dương còn nhỏ quá không lên cầm quyền binh được, đáng lẽ ngôi chúa phải thuộc về người con lớn tuổi hơn cả của Phúc Khoát là Nguyễn Phúc Luân và chính Phúc Khoát trước lúc chết cũng có ý ấy. Nhưng quyền thần Trương Phúc Loan đã phế lập Phúc Luân, bắt Luân bỏ ngục, giết chết những người thân cận của Luân và đưa người con mười một tuổi của Phúc Khoát là Phúc Thuần lên làm chúa. Từ đấy Trương Phúc Loan thâu tóm binh quyền trong tay, gia ân, báo oán, ngày tham tàn bạo ngược, đến nỗi, bọn quan lại triều Nguyễn đều oán ghét Trương Phúc Loan và muốn phù hoàng tôn Phúc Dương lên làm ngôi chúa.

Lợi dụng cơ hội ấy, năm 1771, anh em Tây Sơn hiệu triệu dân chúng: "Đánh đổ Trương Phúc Loan và và ủng hộ hoàng tôn Dương", "Lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo" để phất cờ khởi nghĩa.

Nguyễn Huệ khi ấy mười chín tuổi, nảy ra sáng kiến, lập một toán nghĩa binh tỏa về các ấp, xuống các chợ để truyền bá nghĩa lớn, đồng thời lấy của cải của bọn nhà giàu phân phát cho dân nghèo. Chẳng mấy chốc, trai tráng trong vùng, không kể người kinh, người chàm, người Ba Na, người Gia Rai hay người Xê Đăng, đều lũ lượt ra nhập đoàn quân nông dân Tây Sơn. Một số thổ hào, đại phú, các đạo quân Hòa nghĩa và Trung nghĩa người Hán cũng đến tụ nghĩa. Đội quân nông dân ấy nhanh chóng tăng lên hàng vạn người.

Sau khi chiếm được các thành Quy Nhơn, Quảng Nam, Diên Khánh, Bình Khang và Bình Thuận, quân Tây Sơn bỗng lâm vào thế nguy. Mùa hè năm 1974 chúa Nguyễn sau choáng váng đã cử Tống Phúc Hiệp một tướng giỏi đem hai vạn quân theo hai đường thủy bộ tiến đánh quân Tây Sơn. Trước thế giặc mạnh, quân Tây Sơn phải rút khỏi Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang để giữ vững vùng đất Phú Yên đến Quảng Ngãi. Mùa đông năm ấy, một tin dữ khác lại truyền đến: Chúa Trịnh có danh tướng Hoàng Ngũ Phúc đem gần bốn vạn quân đang tiến vào Thuận Hóa. Rồi đầu năm 1775, quân Trịnh tiến như vũ bão vào đánh vào Phú Xuân, tiến xuống Quảng Nam rồi vượt đèo Hải Vân đánh quân Tây Sơn. Các đại tướng Tây Sơn là Lý Tai và Tập Đình xuất trận quyết cản bước tiến của quân Trịnh. Nhưng quân Tây Sơn bị đại bại ở Cầm Sa. Tập Đình bỏ nghĩa quân chạy tháo thân về nước.

Sau trận thua ấy quân Tây Sơn rút khỏi Quảng Nam. Nhưng quân Trịnh vẫn tiếp tục tiến, Nguyễn Nhạc Lý Tài phải đem quân về Quy Nhơn. Bị kẹt giữa hai kẻ thù có binh mạnh tướng hùng, quân Tây Sơn có cơ bị diệt.

Nguyễn Nhạc lo lắng triệu Nguyễn Huệ đến hỏi:

Vì để dễ lôi kéo dân chúng lên chú là người có tài cầm binh. Tôi vẫn phải trao quyền đại tướng cho Lý Tài và Tập Đình. Nay Tập Đình bỏ chạy, Lý Tài thì thắng dễ kiêu, bại dễ nản, xem ra không thể giao binh cho ông ta được.

- Anh nói rất hợp ý tôi - Nguyễn Huệ cắt lời - nhưng việc chọn tướng hãy bàn sau. Bây giờ phải nghĩ kế thoát khỏi thế nguy khốn này. Hiện sức ta không thể đương đầu với quân Trịnh, mà phải giảng hòa gấp với một trong hai kẻ thù ấy. Hoàng Ngũ Phúc trải việc đời, có tài cầm quân, rõ là kẻ cần phải giảng hòa. Hòa một kẻ thù, đánh một kẻ thù chính là kế vẹn toàn vậy.

Nguyễn Nhạc phấn chấn:

- Chú đã vén cho tôi một lớp mây mờ. Chẳng hay muốn giảng Hòa với quân Trịnh phải làm thế nào?

- Quân Trịnh cậy đông, hùng hổ như vậy nhưng cũng đã thấm mệt. Anh cứ cho sứ đến thương thuyết bảo Hoàng Ngũ Phúc rằng ta nhận làm quân tiên phong để đánh chúa Nguyễn. Hoàng Ngũ Phúc tất phải biết là ta không thật bụng. Nhưng hắn sẽ nhận lời vì, nếu ta thắng hắn đỡ công khó nhọc mà cũng thu được đất mới. Nếu ta bại hắn nhân đó giết ta để mở đường đánh chúa Nguyễn.

Nguyễn Nhạc cười ha hả:

- Em ta tuổi trẻ mà mưu cao. Ta chịu không nghĩ được như thế.

Rồi, quả như lời Nguyễn Huệ, nhân giảng hòa với quân Tây Sơn và phong cho Nguyễn Nhạc làm Tây Sơn trưởng hiệu, tráng tiết tướng quân. Hơn thế, viên tướng Trịnh này đã cử Nguyễn Hữu Chỉnh, tức cống Chỉnh vào tận Quy Nhơn ban gươm, cờ, ấn, áo mũ, ngựa cho Nguyễn Nhạc.

Tạm yên mặt Bắc, quân Tây Sơn dốc sức đánh quân Nguyễn. Nhưng ở Phú Yên chúng có đến hai vạn quân. Ngoài ra ở Vũng Lấm, Xuân Đài, Tống Phúc Hiệp cũng cho đóng quân để vừa chống đỡ, vừa cứu Phú Yên khi cần. Vì vậy, việc đánh quân Nguyễn ở Phú Yên không dễ dàng. Mấy hôm rồi Nguyễn Nhạc vẫn phân vân chưa chọn được đại tướng. Trao binh quyền cho Nguyễn Huệ, Nhạc sợ Lý Tài ghen tị. Nhưng rõ là lâu nay Lý Tài bại trận liên tiếp mất hết lòng tin của quân sĩ, thì không thể giao cho trọng trách được. Bản thân Nguyễn Nhạc cũng tự thấy sức mình không làm nổi. Vì vậy, suy đi tính lại Nguyễn Nhạc quyết định giao chức đại tướng cho Nguyễn Huệ. Hay tin ấy quân Tây Sơn vui mừng không xiết. Nhưng Lý Tài đùng đùng nổi giận nói với Nguyễn Nhạc:

- Huệ tài thật, nhưng tuổi còn trẻ sao cầm được trọng binh?

Nguyễn Nhạc phân trần:

- Có ông giúp sức, em ta chắc làm nên việc lớn. Ông không thấy em ta đang luyện quân rất nghiêm đó sao?

- Tôi chỉ thấy Huệ cho may cờ, áo chú ý phẩm phục nhiều hơn là luyện võ. Vả tướng soái gì mà lúc nào cũng cặp kè với quân sĩ, quân lệnh sao nghiêm được?

- Con ngựa hay cắn hay đá mới là ngựa hay. - Nguyễn Nhạc nén giận nói - Thử chờ xem sao?

Tống Phúc Hiệp đang nằm ngủ trong bản doanh của mình thì được lính canh vào báo: Có sứ Tây Sơn là Nguyễn Văn Chất xin ra mắt. Lập tức Tống Phước Hiệp dàn võ sĩ quân lính gươm kiếm tuốt trần suốt lối đi rồi cho Sứ Tây Sơn vào. Vừa thấy Nguyễn Văn Chất, viên danh tướng nhà triều Nguyễn lớn tiếng mắng:

- Lâu nay Nguyễn Huệ luyện quân sĩ đánh ta. Nay được nhà ngươi được tặc tướng sai đi xem xét nội tình quân bản triều phải không? Là tôn thất của chúa, ngươi không biết nhục sao?

Y theo kế của Nguyễn Huệ, Nguyễn Văn Chất đáp:

- Đại tướng tôi biết ông có lòng yêu mến hoàng tôn chứ không phục Phúc Thuần lên ngôi chúa. Nay tên Quốc tặc Trương Phúc Loan đã bị giết, nạn nước đã qua. Vậy chính là lúc chúng ta lên lập hoàng tôn lên ngôi chúa cho yên xã tắc.

- Sao Tống Phúc Hiệp bớt giận giữ anh em Tây Sơn cũng có bụng ấy?

- Điều ấy đã hẳn Chất đáp tự tin Nguyễn Huệ còn biết ông là danh tướng, quân Tây Sơn không địch được. Mà quân Trịnh thì đã phơi bày hết tâm địa của kẻ tham, muốn lấn đất chiếm dân của chúa. Vậy còn đợi gì mà không cùng anh em Tây Sơn nhân lúc này trừ hẳn kẻ địch từ xa đến. Nguyễn Huệ sẽ xin làm tướng tiên phong để ông đốc xuất trung quân.

Tống Phúc Hiệp ngồi lặng đi hồi lâu. Những điều sứ Tây Sơn vừa nói như đọc được lòng hắn. Có điều hắn còn hồ nghi chưa tin. Vì vậy, hắn tiến lại gần Nguyễn Văn Chất, giọng chìm đi:

- Nguyễn Huệ tuổi trẻ mà nhìn thấu được ruột gan ta. Vì chút tình riêng ông không được dối ta. Nguyễn Huệ thực bụng vậy sao?

- Lý Tài cầm binh bao phen đại bại với quân Trịnh. Nguyễn Huệ đang nóng lòng rửa mối quốc thù ấy. Sao tôi lại nói sai!

Tống Phúc Hiệp bãi việc dàn đặt quân sĩ thị oai mở tiệc đãi sứ Tây Sơn. Nhưng ngày hôm sau, giữa lúc Tống Phúc Hiệp và Nguyễn Văn Chất bắt đầu thương thuyết cụ thể thì chợt quân canh vào báo: Có đội quân lạ sắc diện màu đỏ đang trùng điệp kéo đến. Tống Phúc Hiệp túm áo Nguyễn Văn Chất thét lớn:

- Nguyễn Huệ lừa ta, cả ngươi cũng lừa ta.

Nguyễn Văn Chất mặt lạnh như tiền, chậm rãi đáp:

- Ông hãy lên mặt thành xem có đúng là Nguyễn Huệ mang cờ trắng không?

Tống Phúc Hiệp lên mặt thành. Hắn kinh hoàng nhìn thấy: Bụi đường bốc lên mù mịt theo bước đoàn quân sắc phục đỏ. Đoàn quân đông như kiến cỏ đi chật đường, đi man theo đồi, đi tràn đồng ruộng. Đoàn quân ào ạt tràn tới thành như một dòng thác. Chưa kịp định thần, Tống Phúc Hiệp đã nhận ta Nguyễn Huệ ngồi trên bành voi dẫn đầu đoàn quân vừa chỉ tay ra một mệnh lệnh gì đấy. Từng trải chinh chiến, là viên dũng tướng bao phen xông pha giữa đội ngũ quân Trịnh, nhưng vì quá bất ngờ, lại tức vì trúng độc kế của viên tướng trẻ Tây Sơn, hàm răng Tống Phúc Hiệp cứ cứng lại, không ra nổi một mệnh lệnh. Đến lúc Tống Phúc Hiệp thét gọi tướng sĩ lên thành thì Nguyễn Văn Chất đã cao bay xa chạy và quân Tây Sơn đã hò reo náo động ập đến thành. Tống Phúc Hiệp sai phó tướng Nguyễn Văn Hiển đem quân tràn ra. Lập tức viên tướng Nguyễn bị chém chết, quân Nguyễn tan vỡ. Cai cơ Nguyễn Khoa Kiên lại được lệnh đem quân ra chặn. Thoắt một cái Kiên đã bị Nguyễn Huệ bắt sống. Quân Tây Sơn nhân cơ hội ấy tràn vào thành như nước vỡ bờ. Tống Phúc Hiệp hồn xiêu phách lạc, lên ngựa tháo chạy. Thành Phú Xuân bị hạ trong chớp nhoáng. Cờ đỏ Tây Sơn được cắm san sát khắp bốn mặt thành. Chỉ trong vòng một ngày hai vạn quân Nguyễn bị diệt, nhiều tướng bị chém hoặc bị bắt.

Tin vui đồn về Quy Nhơn, Nguyễn Nhạc không ngờ Nguyễn Huệ lập được công nhanh như thế. Hoàng Ngũ Phúc hay tin ấy thở dài nói với các tao sĩ Hoàng Phụng Cơ Hoàng Đình Thể:

- Nguyễn Huệ làm đại tướng, Quân Tây Sơn như ngọn lửa bốc mạnh. Tôi già rồi, còn các tướng tôi e không phải là tay đối địch được với hắn.

Thiên Tài quân sự của Nguyễn Huệ khiến quân Trịnh kinh hãi. Hoàng Ngũ Phúc buộc phải phong cho Nguyễn Huệ Tây Sơn hiệu tiến phòng tướng quân. Rồi sau đấy, biết không địch được quân Tây Sơn, Hoàng Ngũ Phúc tự ý bỏ đất Quảng Nam lui về Phú Xuân. Ít lâu sau, Hoàng Ngũ Phúc chỉ để một số quân tướng giữ Phú Xuân, còn mình rút đại về Bắc.

Nguyễn Huệ, năm ấy hai mươi ba tuổi, lần đầu tiên cầm đại binh đánh một trận thắng lớn rực rỡ. Hơn thế, mọi việc Nguyễn Huệ đã trù tính đều chính xác, khiến cho trận đánh vừa nhanh nhẹn táo bạo lại rất gọn. Bằng chiến thắng ấy, đã thay đổi hẳn tình thế, quân Nguyễn khó lòng lấy lại được sức, quân Trịnh kinh hoàng tự rút lui. Khắp nước hâm mộ tài năng siêu việt của tên tướng trẻ Nguyễn Huệ.

Hoảng hốt trước sức mạnh của quân Tây Sơn. Nguyễn Phúc Thuần truyền lịnh tuyển lính và cấp tốc triệu quân các nơi về Gia Định hội binh: Lập tức từ Hà Tiên, quân của Mạc Thiên Tứ xuất phát. Tướng lục lâm Chu Văn Tiếp, sau này là tổng nhung của Nguyễn Ánh, đem quân từ Phú Yên về gấp. Lý Tài vì ghen tức chức vị đại tướng của Nguyễn Huệ, đem tám ngàn quân hòa nghĩa sang hàng Tống Phúc Hiệp. Giặc Nguyễn lại mạnh lên. Tống Phúc Hiệp lại một lần nữa đem quân ra Phú Yên cự nhau với quân Tây Sơn.

Nguyễn Huệ nói với Nguyễn Nhạc:

- Thế Giặc chẳng nên coi thường. Xin anh cho quân chia cắt binh lực của chúng ta mới mong diệt được.

Nguyễn Nhạc bèn sai Nguyễn Lữ đem quân đánh thẳng vào Gia Định khiến Phúc Thuần phải bỏ thành chạy ra Trấn Biện rồi Bà Rịa. Nhưng tướng Nguyễn, Đỗ Thanh Nhơn đã mộ được ba ngàn quân Đông Sơn đi tìm chúa. Rồi, Tống Phúc Hiệp Lý Tài Cũng được triệu về. Thấy giặc mạnh Nguyễn Lữ rút quân về Quy Nhơn.

Anh em Tây Sơn nhanh chóng tuyển thêm lính, điểm duyệt tướng sĩ, quyết sống mái với giặc. Nguyễn Huệ lại được giao toàn bộ binh quyền đem quân tiến đánh Gia Định, quyết xóa sổ cơ đồ chúa Nguyễn.

Đầu năm Bính Thân (1776), nắm cơ hội nội tình chúa Nguyễn đang rối ren: Lý Tài và Đỗ Thanh Nhơn tranh giành nhau quyền thống lĩnh quân đội chia ra hai phe với hai chúa. Thái thượng vương Nguyễn Phúc Thuần đi với Đỗ Thanh Nhơn; tân chính vương Nguyễn Phúc Dương thuộc phe cánh của Lý Tài nên Nguyễn Huệ huy động toàn bộ quân theo hai đường thủy bộ bất thần tiến vào Gia Định.

Bằng cuộc hành quân thần tốc, bằng trí phán đoán chính xác và quả quyết, bằng cách đánh vũ bão vào những nơi tập trung binh lực của giặc, sau sáu tháng đánh liên tiếp với mấy chục trận lớn nhỏ, cơ đồ chúa Nguyễn bị quét sạch trước sức mạnh của quân Tây Sơn. Thái thượng vương cùng các tướng lĩnh lớn nhỏ đều bị bắt sống. Chỉ có Nguyễn Ánh, khi ấy mười năm tuổi, cùng mẹ và một số chị em trốn thoát. Toàn bộ miền đất Gia Định được thu phục.

Nguyễn Huệ năm ấy hai mươi lăm tuổi, lần đầu tiên thống lĩnh một đội quân lớn, lập lên kỳ tích đã phải vội vàng đem quân về Quy Nhơn theo lệnh của Nguyễn Nhạc. Thiên tài cầm quân của Nguyễn Huệ không phải chỉ khiến cho giặc khiếp đảm mà còn khiến cho Nguyễn Nhạc nảy sinh mối lo ngại nhỏ nhen. Nguyễn nhạc không muốn để Nguyễn Huệ quá nổi danh, càng không muốn Nguyễn Huệ ở ngoài vòng kiềm thúc của mình.

Nguyễn Nhạc tự xưng là Tây Sơn Vương, phong cho Nguyễn Huệ làm Long

Nhương tướng quân, Nguyễn Lữ làm thiếu phó. Từ đó, nhất là khi lật được nhà Nguyễn, vua Tây Sơn tỏ ra thỏa mãn với ngôi báu của mình. Thậm chí tầm nhìn của vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc chỉ bó hẹp ở vùng Quy Nhơn còn miền đất Gia Định không được Nguyễn Nhạc chú ý giữ gìn. Nguyễn Nhạc không dám để Nguyễn Huệ, người có tài kinh bang tế thế, giỏi điều khiển công việc, nghiêm quân luật, được lòng dân ở lại trị vì mà chỉ giao cho các thuộc tướng đủ lòng dũng cảm, trung thành, nhưng kém tài điều khiển việc nước ở lại cốt giữ thành trì. Vì vậy Nguyễn Ánh được người Phú Lãng Sa, người bồ Đào Nha gia sức giúp vũ khí, tiền bạc, được bọn hào phú, bọn tướng sống sót hùn sức, trở lại thành mối đe doạ đối với cơ đồ nhà Tây Sơn. Năm (1781), Nguyễn Ánh đã có ba vạn quân thủy bộ và nhiều tàu chiến do người Tây dương điều khiển. Trước thế giặc mạnh. Nguyễn Nhạc phải cử Nguyễn Huệ đem quân đi đánh. Sau trận thủy chiến khủng khiếp giữa một bên là hơn bốn trăm thuyền chiến có nhiều tàu của bọn Tây dương với hơn một trăm thuyền chiến của Tây Sơn do đích thân Nguyễn Huệ đốc suất ở ngã Bảy, tên tuổi Nguyễn Huệ càng thêm lẫy lừng trong chiến công thần kỳ mới. Toàn bộ thủy quân Nguyễn Ánh bị đánh tan, nhiều tàu chiến của người Tây Dương gắn súng đại bác bị đánh tơi tả. Tàu chiến do cai cơ Mạnh Hòe chỉ hay bị vùi xuống lòng sông sâu cùng với chủ tướng của nó. Nguyễn Ánh sau lần đại bại ấy cử xứ bộ sang Xiêm xin cầu viện. Nguyễn Huệ quyết định ở lại Gia Định để điều khiển công việc triều chính. Buông vũ khí Nguyễn Huệ trở thành người minh chủ biết coi nhân nghĩa. Hơn thế, Nguyễn Huệ trở thành người có con mắt tinh tường biết cách khôi phục sản xuất, giúp dân lo an cư lạc nghiệp. Nhờ vậy, đất Gia Định sớm trở lại cảnh thanh bình thịnh vượng. Nhưng Nguyễn Huệ lại bị Nguyễn Nhạc triệu về Quy Nhơn. Nguyễn Huệ đem quân đi, Nguyễn Ánh liền trở lại khôi phục sức lực. Vì vậy, năm một ngàn bảy trăm tám ba, Nguyễn Huệ lại được cử đem binh đi đánh. Và cũng như các lần trước, Ánh đại bại phải chui rúc hết đảo này đến đảo khác, ngửa tay xin bọn cố đạo Tây dương từng chút lương thực.

Sau khi thoát chết, Nguyễn Ánh cùng đám tùy tùng đi tìm thuyền gặp Bá Đa Lộc. Viên cố đạo người Phú lãng sa này chưa hoàn hồn sau những ngày chạy trốn quân Tây Sơn nên đón Ánh chẳng mặn mà. Ngắm nhìn nét mặt tiều tụy của Ánh, Bá Đa Lộc cất giọng trách móc:

- Tôi không thể tưởng tượng được quân của chúa lại bạc nhược đến nỗi không lần nào địch nổi đội quân dân đen ấy! Tài năng của chúa Bá Đa Lộc cười khẩy chỉ là huyền thoại chăng? Bao nhiêu tàu đồng, vũ khí của người Phú lãng sa đều lọt vào tay giặc cả rồi...

Nguyễn Ánh nhịn nhục cầu khẩn:

- Thưa đạo trưởng, người Tây dương cũng không cự nổi quân giặc chứ huống gì quân tướng của tôi. Cai cơ Mạn Hòe bị chết trong đám loạn quân, người Tây dương phải tháo chạy ở Ngã Bảy năm trước tỏ rõ thủy binh Nguyễn Huệ mạnh mẽ nhường nào. Vả, lúc này mà còn đay nghiến nhau là trúng kế Nguyễn Huệ, phỏng có ích gì?

Bá Đa Lộc dịu giọng:

- Bây giờ chúa muốn gì xin cứ nói thẳng.

- Thưa đạo trưởng Ánh đáp trong cơn hoạn nạn mới tỏ rõ tấm lòng người trượng phu. Xin đạo trưởng cấp thêm cho tàu đồng, vũ khí và cả quân sĩ nữa. Cấp càng nhiều càng hay. Công trời biển của đạo trưởng tôi sẽ ghi lòng tạc dạ, hẹn có ngày báo đền.

Ngẫm nghĩ rồi Bá Đa Lộc thủng thẳng nói:

- Người Phú lãng sa bao giờ cũng sẵn lòng giúp chúa khôi phục lại nghiệp cũ. Nhưng việc trợ giúp ấy không phải một lúc là có ngay được. Chúa tôi hãy quay về gắng mộ binh, luyện quân ta sẽ hết lòng.

Bá Đa Lộc nói xong lạnh nhạt bỏ xuống tàu. Nguyễn Ánh bị làm nhục đứng lặng hồi lâu nghẹn ngào nói với đám tùy tùng:

- Đạo trưởng không còn tin vào sức ta nữa. Bây giờ thế ta đã cùng, lực ta đã kiệt, chỉ còn đánh liều sang cầu cứu vua Xiêm nữa mà thôi.

Rời ngai vàng, Vua Xiêm thân đỡ Nguyễn Ánh đang quỳ phủ phục trước mặt mình, giọng ôn tồn:

- Tự vương thật đáng thương hại, ta bằng lòng lời tâu xin của tự vương can chi phải buồn phiền cho nhọc lòng.

Nguyễn Ánh lại sụp lạy:

- Quả là danh bất hư truyền. Đức lớn của Bệ hạ thấm nhuần đến cả cỏ cây muôn vật. Ơn này dầu phải xả thân làm trăm mảnh cũng không báo đáp được.

- Việc ấy là cần nhưng hãy nói sau. Tự vương hãy vững lòng chờ xem quân ta chỉ một trận là bắt sống Nguyễn Huệ.

Ngay sau đấy, vua Xiêm cử hai cháu mình là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem hai vạn thủy binh và ba trăm thuyền chiến theo chân Nguyễn Ánh tiến vào Gia Định. Núp dưới bóng quân Xiêm, Ánh tập hợp tàn quân, cử Chu Văn Tiếp làm bình Tây đại đô đốc điều khiển các cơ quân.

Ngày mồng chín tháng sáu năm, Giáp Thìn (Hai mươi lăm tháng Bảy năm 1784) quân Xiêm Nguyễn Từ Vọng Các xuất phát. Tháng sau, quân Xiêm Nguyễn đổ quân lên Rạch Giá, rồi Cần Thơ, Sa Đéc. Quân Tây Sơn không chống nổi thế giặc mạnh phải rút chạy. Đắc ý, Nguyễn Ánh vội viết thư vời bọn Bá Đa Lộc và các cố đạo mà Ánh chịu ơn sâu về Gia Định, an hưởng thái bình. Rồi để chắc thắng, lần nữa Ánh khẩn khoản nhờ Bá Đa Lộc một phen đi cầu viên Phú lãng sa và gởi trả đứa con đầu của mình là cảnh làm con tin. Nghĩa là cùng một lúc, Ánh bán nước cho hai kẻ thù.

Ở Quy Nhơn được tin dữ lần thứ tư, Nguyễn Nhạc cử Nguyễn Huệ thống lĩnh đại quân đi đánh giặc. Nguyễn Nhạc dặn Nguyễn Huệ:

- Đi chuyến này, Long Nhương chớ khinh suất. Xiêm vốn quen thị trận lại được bọn Tây dương trợ giúp, xem ra việc khó hơn trước nhiều lắm.

Vẫn dáng quả quyết, tự tin Nguyễn Huệ đáp:

- Giặc hùng hổ lúc đầu nhưng không tránh được hai lẽ yếu. Lẽ thứ nhất, chúng

cậy công đem quân giúp Ánh lên ngạo mạn, chỉ lo cướp bóc vơ vét cho nhiều, khiến trăm họ đều căm giận, chỉ chờ dịp trừ đi. Lẽ thứ hai, tướng sĩ ta hết lòng nhưng không đánh thắng, giặc tưởng ta lún lên kiêu căng khinh suất. Chỉ cần một trong hai lẽ ấy giặc đã đủ bại trận. Hoàng huynh yên lòng, mọi kế đánh giữ tôi đã nghĩ rồi.

Ngay ngày hôm sau, viên dũng tướng mưu lược thống lĩnh thủy binh tiến về Gia Định. Dọc đường đi nhờ những tin tức thu được, Nguyễn Huệ quyết định chọn một nơi giao chiến có lợi cho mình nhất. Ấy là khúc sông Mỹ Tho, đoạnm từ Rành Gầm đến Soài Mút. Tại đây, Nguyễn Huệ cho giấu thủy binh, thuyền chiến ở Rạch Gầm, Rạch Soài Mút và sau cù lao Phới Sơn. Hai bên bờ sông, Nguyễn Huệ cho đặt súng lớn, quân đội và nguỵ trang rất khéo.

Bày binh bố trận xong, Nguyễn Huệ đích thân đốc xuất một cánh quân thiện chiến xông thẳng vào đại bản doanh của giặc tại Sa Đéc, thách chiến, Chiêu Tăng, Chiêu Sương và Nguyễn Ánh, thấy Nguyễn Huệ bất thần đem quân đến đều kinh hải. Nhưng rồi cậy thế đông, chúng hò nhau xuất toàn quân ra đánh. Nguyễn Huệ lún thế lùi dần, lùi dần rồi chạy thật. Trưa ngày mùng Tám tháng Chạp năm Giáp Dần (Mười Tám tháng Một Năm 1975), các tướng Xiêm Nguyễn và toàn bộ thủy quân của chúng lọt vào Rạch Gầm Soài Mút. Lập tức Nguyễn Huệ bắn pháo lệnh rồi quay thuyền tiến đánh. Dưới nắng gay gắt, quân thủy bộ Tây Sơn từ các ngả tràn ra như những dòng thác đổ. Súng hai bên bờ sông từng đợt gầm lên chìm trong tiếng reo hò dậy trời của quân Tây Sơn. Bị đánh bốn mặt, chỉ trong phút chốc, bốn trăm thuyền chiến của giặc chìm trong biển lửa. Máu giặc nhuộm đỏ khúc sông. Những tên lính Xiêm Nguyễn sống sót nhấp nhô bơi giạt vào bờ liền bị bộ binh Tây Sơn vung kiếm chém chết tức khắc. Hai vạn quân Xiêm chỉ còn vài nghìn tên chạy thoát. Ba nghìn quân Nguyễn trong số bốn nghìn bị vùi xác. Tin thắng trận loan đi, dân chúng còn bàng hoàng sửng sốt. Họ không ngờ Nguyễn Huệ đã cản phá đại quân Xiêm Nguyễn nhanh chóng đến thế. Dân chúng từ các nơi cơm đùm cơm nắm xuôi thuyền, ngược sông lũ lượt đổ về Rạch Gầm, Rạch Soài Mút xem trận đánh còn tanh máu giặc, nhất là để được nhìn tận mắt người anh hùng áo vải mưu lược như thần. Chỉ qua một trận kịch chiến, quân giặc đông nhường ấy, hung hăng nhường ấy, đã đại bại. Nguyễn Huệ giản dị, thân thiết đứng giữa đám đông dân chúng, ân cần khuyên nhũ dân chúng siêng năng việc đồng áng để cho dân thịnh nước giàu. Dân chúng Gia Định mến thương và tự hào về viên tướng nông dân xuất chúng. Hình ảnh Nguyễn Huệ giản dị, đôn hậu, nặng tình yêu thương dân đã khắc sâu vào lòng dạ họ.

Tháng Tư Năm Ất Tỵ (1785) hay tin Nguyễn Ánh đã trốn sang Xiêm, Nguyễn Huệ để đô úy Đặng Văn Trấn ở lại Gia Định, rồi đem đại quân về Quy Nhơn lo việc diệt Trịnh.

Nguyễn Huệ sửa soạn binh lực lo việc diệt Trịnh ở đàng ngoài. Một hôm, Nguyễn Huệ triệu Nguyễn Hữu Chỉnh:

- Lâu nay vì bận đánh Nguyễn nên tôi phải chịu để cho quân Trịnh giữ đất Thuận Hóa. Nay chúa Nguyễn đã bị diệt; Vậy phải tính đến việc diệt Trịnh, quy giang sơn về một mối. Muốn diệt Trịnh trước phải lấy được đất Thuận Hóa, ông thấy thế nào?

- Tướng quân hỏi tức là đã trả lời. Tôi xin hết lòng phò tá.

- Nội tình Bắc Hà ra sao?

Thấy Nguyễn Huệ hỏi thực bụng, Nguyễn Hữu Chỉnh mạnh dạn:

- Từ ngày lấy được Phú Xuân, Trịnh Sâm kiêu ngạo lấn áp vua Lê ra mặt. Đã thế, bạo chúa lại quang dâm, tửu sắc, sa hoa rất mực nên bọn cung nhân, đại thần ỷ làm càn, phá rối triều chính, ức hiếp dân đen nên thần người đều căm giận.

- Triều chính ư? - Nguyễn Huệ cướp lời - cứ gì vua Lê, phủ chúa cũng không còn quyết đoán mọi việc.

- Quả vậy - Chỉnh phấn chấn - Từ ngày quân tam phủ phế Trịnh Cán, lập Trịnh Khải, giết cung phi Đặng Thị Huệ và quyền thần Hoàng Đình Bảo, chúng cậy công đòi đủ điều. Ngay việc cắt đặt quan lại tướng lĩnh nhà vua nhà chúa cũng không dám làm trái ý chúng. Xem vậy, tướng quân đem binh ra lấy Thăng Long dễ như trở bàn tay!

Nguyễn Huệ thì cười hỏi tiếp:

- Thực trạng Thuận Hóa như thế nào?

- Quân Trịnh có cả thảy ba vạn. Nhưng chúng kêu rông, sách nhiễu dân chúng khiến ai cũng muốn trừ đi. Chủ tướng chúng tạo quận công Phạm Ngô Cầu Vũ dũng nhưng vô mưu; phó tướng Hoàng Đình Thể cũng vào loại ấy. Ngự ấy không phải là tay đối địch với tôi chứ chưa dám nói đến tướng quân.

- Tôi vẫn có bụng đánh Thuận Hóa - Nguyễn Huệ nhấn mạnh - nhưng máy lần xin mà hoàng huynh chưa nghe.

Vào lúc ấy, Phạm Ngô Cầu mượn tiếng thăm hỏi nhưng sự thật là để dòm dò nội tình quân Tây Sơn đã cử hai thuộc tướng là Nguyễn Phu Như và Vũ Vĩnh Thành vào ra mắt Nguyễn Huệ. Nhưng hâm mộ tài đức Nguyễn Huệ Nguyễn Phu Như đã khai hết thực trạng Thuận Hóa với anh em Tây Sơn. Qua lời Phu Như, Nguyễn Huệ biết tướng Trịnh Phạm Ngô Cầu chuộng việc thờ cúng, tin chuyện nhảm nhí lên đã mật sai một nghĩa quân giả làm thuật sĩ vào ra mắt Phạm Ngô Cầu nói chuyện hoạ phúc và khuyên Cầu phải làm đàn chay, cầu trời phật để tai qua nạn khỏi. Đồng thời, Nguyễn Huệ thúc Nguyễn Nhạc cho cất quân đi đánh. Nguyễn Nhạc cực chẳng đã, sai Nguyễn Huệ thống lĩnh các quân thủy bộ, Vũ Văn Nhậm làm Tả quân đô đốc, Nguyễn Hữu Chỉnh làm Hữu quân đô đốc, Nguyễn Lữ đốc suất đội dự bị thủy quân sửa soạn tiến đánh Thuận Hóa.

Trước ngày xuất trận, Nguyễn Huệ triệu các tướng lại nói:

- Đánh Trịnh không thể như là đánh Nguyễn vì binh Trịnh đông, tướng Trịnh mạnh. Lại nữa, suốt từ Hải Vân đến sông Gianh đồn binh Trịnh đóng san sát, mà phải đánh đầu, đánh đuôi, đánh giữa cùng một lúc, cốt sao cho chúng không thể ứng cứu được cho nhau, việc mới mau thành được.

- Thật là diệu kế.

Nguyễn Hữu Chỉnh thán phục nói:

- Đây là trận đầu ta đánh Trịnh Nguyễn Huệ tiếp tục nói để chắc thắng ta dùng uy và cả dùng mưu nữa.

Vũ Văn Nhậm nhấp nhỏm:

- Xin cho tôi một phen đem thủy binh đánh tan cái thành Phú Xuân ấy ra cho hả giận, can chi Long Nhương phải bận lòng.

Nguyễn Huệ nghiêm mặt:

- Tả quân sẽ được làm như ý nhưng dẫu là cháu, phép dụng binh phải nghiêm quân lệnh với cả người thân. Chính là ta cử Tả quân đem hai nghìn thủy binh đánh thẳng vào Phú Xuân đó. Còn quan thiếu phó, hãy lĩnh ba nghìn quân thủy tiến ra sông Gianh. Đến đấy, quan thiếu phó để một số quân áng ngữ mặt Bắc phòng quân Trịnh từ Nghệ An vào cứu, số quân còn lại tung ra đánh các đòn lẻ. Còn tôi và Vũ quân đô đốc đem quân theo đường độc đạo đánh Hải Vân cùng Tả quân đánh lấy Phú Xuân. Việc cứ thế mà làm.

Ngày hai tám tháng tư năm Bính Ngọ(25- 5- 1786) cả ba cánh quân Tây Sơn đều xuất trận.

Đại binh của Nguyễn Huệ sau một tuần hành quân thần tốc đã đến đèo Hải Vân. Mặc dù quân Trịnh có đồn lũy kiên cố, lại án ngữ con đường độc đạo, nhưng bị đánh bất ngờ, chúng không kịp trở tay. Từ phút đầu, chủ tướng Trịnh là Hoàng Nghĩa Hầu đã bị tử trận. Trong chốc lát sáu nghìn quân Trịnh đã bị diệt; chỉ còn hai tên chạy thoát về Phú Xuân. Hạ xong đèo Hải Vân, Nguyễn Huệ cho quân nghỉ ngơi rồi bảo Nguyễn Hữu Chỉnh:

- Ta thắng trận đầu nhưng khó khăn còn nhiều. Dọc đường ta nghĩ kỷ rồi. Hoàng Đình Thể là bạn ông; vậy ông hãy viết thư dụ hắn về hàng.

Nguyễn Hữu Chỉnh đoán mưu của Nguyễn Huệ vội đáp:

- Tôi không hiểu, viết cho Hoàng Đình Thể nhưng lại gửi cho Phan Ngô Cầu. Kế ly gián ấy lũ tướng Trịnh sao tránh nổi!

Bức thư nguy hiểm ấy đã được Nguyễn Huệ trao cho một nghĩa quân đem đi ngay.

Đại binh của Nguyễn Huệ tiếp tục lên đường.

Đàn chay cầu phúc cực kỳ tốn kém do Phạm Ngô Cầu, chủ tướng Trịnh ở thành Phú Xuân thân đứng ra trông coi, được dựng ở chùa Thiên Mụ. Y theo lời thuật sĩ, để trừ được tai, cầu được phúc, đàn chay được mở đúng bảy ngay bảy đêm liền. Tất cả tướng lĩnh và quân sĩ theo lệnh Cầu, Phải chầu chực, phục dịch vô cùng vất vả. Chùa Thiên Mụ đêm ngày khói hương nghi ngút, chiêng trống điểm hồi, tướng sĩ nhộn nhịp vào ra đã bước sang ngày thứ sáu.

Sáng ấy, khi Phạm Ngô Cầu từ đàn chay bước ra, vẻ mặt thành kính thì chợt lính canh vào báo tin dữ: Tướng thủy đạo Tây Sơn là Vũ Văn Nhậm đã bủa vây, đốt cháy

tàu chiến của người Tây dương ở cửa Thuận An. Phạm Ngô Cầu chưa kịp định thần thì lại được tin quân bộ Tây Sơn do Nguyễn Huệ thân đốc suất đã kéo gần đến thành, Phạm Ngô Cầu tái mặt, than:

- Ta mắc mưu thám tử của Nguyễn Huệ rồi!

Cầu vội chạy về thành nổi lệnh họp tướng sĩ phờ phạc vì mấy ngày phục dịch, cúng bái bàn cách đối phó. Vừa lúc ấy, Cầu nhận được thư dụ hàng của Nguyễn Hữu Chỉnh gửi cho Hoàng Đình Thể. Cầu rụng rời chân tay vội dìm thư ấy đi. Phút chốc quân thủy bộ Tây Sơn đã áp đến thành. Cầu nảy sinh ý muốn ra hàng quân tây Sơn. Nghĩ vậy, Cầu cử Hoàng Đình Thể lên mặt thành đốc chiến, còn hắn ở lại trong thành, mượn tiếng giữ thành để tuỳ cơ ứng biến.

Từ trên mặt thành, Hoàng Đình Thể cho bắn súng thần công dữ dội vào quân Tây Sơn, buộc Nguyễn Huệ phải lùi quân ra xa. Thủy quân Tây Sơn lập tức được điều đến. Nguyễn Huệ hạ lệnh ngừng chiến, cho quân nghĩ ngơi. Ngay sau đấy Nguyễn Huệ bỗng nảy ra ý định lợi dụng nước thủy triều về đên dâng lên cao để đánh thành. Quả nhiên, đêm về khuya, nước sông Huế dâng lên tràn ngập cả thành Phú Xuân. Lập tức, Nguyễn Huệ cho thuyền chiến áp sát lại rồi nổ súng dữ dội lên mặt thành. Đạn súng Tây Sơn dày đặc đến nổi quân Trịnh không dám lên mặt thành. Cùng lúc ấy, quân bộ Tây Sơn xông lên vây chặt các cổng thành. Hoàng Đình Thể thấy nguy liền cùng bọn thuộc tướng Vũ Tá Kiên và hai con mở cửa thành đem quân ra nghênh chiến. Nhưng qua một trống canh, quân Hoàng Đình Thể hết thuốc đạn. Hoàng Đình Thể cho quân quay về thành lấy thuốc súng thì từ trên thành, Phạm Ngô Cầu đã treo cờ trắng xin hàng quân Tây Sơn. Cổng thành cũng đóng lại. Nhìn thấy cờ trắng quân Tây Sơn phấn chấn reo hò dốc lòng đánh dữ. Đạo quân của Hoàng Đình Thể bỗng nhiên bị vây chặt. Vũ Tá Kiên cùng hai con Hoàng Đình Thể bị quân Tây Sơn lớp lớp xô đến như cơn lốc chém chết ngay giữa trận. Hoàng Đình Thể buộc phải tự tử trên mình voi chiến.

Diệt xong cánh quân của Hoàng Đình Thể, quân Tây Sơn hò reo phá cổng thành xông vào. Đốc thị Vũ Trọng đang đốc suất quân Trịnh ở trong thành bị giết ngay từ phút đầu. Không chống cự nổi, quân Trịnh bị giết hại không biết bao nhiêu mà kể. Phạm Ngô Cầu, chủ tướng thành Phú Xuân, tự trói mình, xe quan tài ra xin hàng. Vài trăm quân Trịnh trốn ra ngoài trốn ra ngoài thành bị dân chúng đem bắt nộp cho Nguyễn Huệ. Hơn hai vạn quân Trịnh chỉ còn một tên lính sống sót chạy về đồn dinh cát báo tin dữ. Đó là đêm Hai mươi tháng Năm năm Bính Ngọ (15- 6- 1786).

Nghe tin Phú Xuân thất thủ, quân Trịnh từ sông Gianh trở vào đều kinh hoàng. Mỗi khi thấy bóng quân Tây Sơn chúng đều bỏ trốn. Vì vậy, chỉ trong chín ngày kể từ khi đánh đèo Hải Vân lúc hạ được lũy Đồng Hới, quân Tây Sơn đã thu phục được cả một miền đất rộng lớn. Hơn ba vạn quân sĩ và tướng lĩnh Trịnh bị diệt gọn. Uy danh và thiên tài dùng binh của Nguyễn Huệ làm chấn động dư luận Đàng Ngoài. Chúa Trịnh và các đại thần văn võ mới nghe nói đến quân Tây Sơn đã thất sắc.

Nguyễn Huệ họp các tướng bàn việc đánh Thăng Long lật đổ cơ đồ nhà Trịnh để thống nhất giang sơn. Nguyễn Hữu Chỉnh vốn có tham vọng trở lại Bắc Hà hăng hái thưa:

- Bắc Hà bây giờ tướng biếng nhác, quân kiêu rông, triều đình không có kỷ cương, lòng dân oán giận. Vậy nhân dịp này kéo quân ra dẹp kẻ loạn vong, vỗ yên xã tắc là việc chẳng những nên làm mà phải làm gấp.

Nguyễn Huệ vui vẻ:

- Lật đổ họ Trịnh, quy giang san về một mối, làm cho nước thịnh dân giàu, từ lâu vẫn là chí hướng của ta. Nhưng nhân tài Bắc Hà còn nhiều ta chẳng nên khinh suất.

Nguyễn Hữu Chỉnh vội nói:

- Nhân tài đàng ngoài chỉ có mình Chỉnh này mà thôi. Chỉnh đã rồi thì nước rỗng không. Xin tướng quân quyết một bề cho.

Từ lâu thấy Chỉnh có tài nhưng cũng là người quỷ quyệt, nhìn vậy, Nguyễn Huệ răn đe:

- Nhân tài Bắc Hà chẳng đáng ngờ người nào khác, có chăng chỉ đáng ngờ ông.

Nghe lời cảnh cáo ấy, Nguyễn Hữu Chỉnh thất sắc, nói chữa:

- Ý tôi muốn nói quá đi như thế. Tôi đã là một tên ngu đần hèn mọn; vậy mà ngoài Bắc không ai hơn tôi, đủ biết ngoài ấy vô tài đến thế là cùng!

Nguyễn Huệ ngọt ngào bảo Chỉnh:

- Bắc Hà bao lâu có vua lại có chúa, đó là việc xưa nay chưa từng có. Họ Trịnh tiếng rằng phu chính nhưng nắm hết binh quyền, mặc sức tác oai tác quái. Vì vậy, tiến đánh Thăng Long, trước phải mượn đại nghĩa phù Lê diệt Trịnh để trấn an dân chúng. Ông hãy làm việc đó, việc loan truyền tin ấy quan trọng không kém việc hành binh.

- Tướng quân mưu lược như thần lại nhìn xa thấy rộng, xã tắc hẳn phải được thấm nhuần ơn sâu. Vậy, tướng quân đem binh ra là điềm đại hạnh cho dân đó.

Nguyễn Huệ quyết định đem binh đánh Thăng Long.

Lòng đã quyết, Nguyễn Huệ một mặt cho người phi báo với Nguyễn Nhạc ý định của mình, mặt khác hạ lệnh tuyển quân, sửa sang cầu đường, chuẩn bị tiến ra Bắc. Hưởng ứng nghĩa lớn, dân chúng Thuận Hóa nô nức tòng quân. Trai tráng mười lăm tuổi trở lên đều xin nhập ngũ. Phụ lão, phụ nữ bỏ việc nhà đi sửa sang đường sá, cầu cống, xay thóc giã gạo làm lương ăn cho quân Tây Sơn. Và trước lúc xuất quân Nguyễn Huệ đã phác ra kế tiến đánh Thăng Long thần tốc, nưu lược và hết sức tỉ mỉ. Theo kế ấy, Nguyễn Huệ chia quân ra làm ba đạo: Một đạo do Nguyễn Lữ đốc suất giữ Thuận Hóa, còn hai đạo tiến ra Bắc Hà. Trong hai đạo này, đạo quân tiên phong do Nguyễn Hữu Chỉnh đốc suất gồm bốn trăm chiến thuyền sẽ tiến ra đánh chiếm Vị Hoàng và dọc đường đi, củ các toán du binh đánh úp các đồn binh Trịnh dọc bờ bể. Đạo quân thứ hai, cũng là đạo quân chủ lực do Nguyễn Huệ thống lĩnh, Vũ Văn Nhậm làm phó tướng, sẽ theo hai đường thủy bộ tiến ra Nghệ An, Thanh Hóa. Khi đạo quân tiên phong lấy được Vị Hoàng, đạo quân chủ lực sẽ tiến ra Bắc cùng đạo quân tiên phong tiến đánh Thăng Long.

Vạch ra kế đánh chu toàn ấy, Nguyễn Huệ đã tiến gần đến thắng lợi.

Tháng sáu năm Bính Ngọ, Trịnh Khải được tin Phú Xuân thất thủ liền triệu quần thần bàn việc đối địch. Nghe uy danh Nguyễn Huệ và quân Tây Sơn, ai nấy đều kinh hãi không dám cử binh đi cứu viện. Cuối cùng tể tướng Bùi Huy Bích nói:

- Thuận Hóa vốn không phải là bờ cõi của triều đình. Tiên triều hao phí bao nhiêu của cải trong nước mới lấy được xứ ấy, rồi lại phải đm quân đi đóng giữ, rốt cuộc chẳng có ích gì. Ngày nay mất đi cũng là may. Bây giờ chỉ nên đóng đồn ở trấn Nghệ An và định rõ cương vực cũ mà thôi. Ta lấy sự mất Thuận Hóa làm may ắt họ phải lấy đất của ta làm điều đáng ngại. Như vậy hẳn là ta không phải lo gì nữa.

Quần thần đều cho làm phải. Vì vậy, Trịnh Khải cử Trịnh Tự Quyền làm thống tướng đem quân lính hai mươi bảy cơ vào Nghệ An giữ đất. Nhưng quân lính chần chừ, đòi thay thống tướng nên mười ngày sau vẫn chưa xuất quân được. Đến khi Trịnh Tự Quyền cất quân ra khỏi Thăng Long nửa ngày đường thì phủ chúa kinh động trước tin dữ: Tiền quân Tây Sơn đã lấy được thành Vị Hoàng. Trịnh Khải vội mật sai Trịnh Tự Quyền đem quân xuống giữ Kim Động (Hải Dương) rồi truyền lệnh cho trấn thủ Sơn Nam Đỗ Thế Dân đem quân bộ xuống chặn quân Tây Sơn ở bờ sông Phù Sa. Đinh Tích Nhưỡng đốc lãnh các quân thủy đạo đang ở Hải Dương cũng được lệnh đến trấn giữ cửa Lục Môn.

Nhưng chỉ mấy ngày sau, tin cấp báo dội đến Soái phủ. Ngày Mười bảy tháng Bảy năm 1786, hơn một ngàn chiến thuyền của quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ thống lĩnh đã ồ ạt kéo đến Vị Hoàng mạnh như thác lũ. Rồi ngày hôm sau, đại quân Nguyễn Huệ tiến đánh trấn Sơn Nam.

Cả kinh thành náo loạn, Trịnh Khải đứng ngồi không yên. Quả vậy, xẩm tối ngày Mười tám tháng Bảy năm 1786, thủy quân Tây Sơn tiến nhanh như gió đã áp đến thế trận hình chữ "Nhất" chắn ngang sông LụcMôn của Đinh Tích Nhưỡng. Trước hết, Nguyễn Huệ cho năm chiến thuyền lớn, giương buồm thuận gió, xông vào tiền đội quân Trịnh. Hốt hoảng Đinh Tích Nhưỡng cho nổ súng, bắn tên dữ dội vào các thuyền chiến Tây Sơn. Một chiếc đắm. Quân Trịnh đắc ý càng bắn vô hồi kỳ trận. Nhưng thuyền chiến Tây Sơn vẫn lừ lừ tiến. Cuối cùng quân Trịnh mới biết thuyềnTây Sơn không người, chân sào trên thuyền chỉ là bù nhìn. Nhưng quân Trịnh đã bắn cạn thuốc đạn. Không chậm trễ, Nguyễn Huệ thúc đại quân xông vào thế trận quân Trịnh như vũ bão. Thủy quân Trịnh không chống đỡ nổi kêu la thảm thiết tranh nhau bỏ chạy. Quân bộ của Đỗ Thế Dân xông tới hộ sức với Đinh Tích Nhưỡng liền bị đại bác quân Tây Sơn bắn hai bên bờ nổ rền như sấm. Rồi cùng một loạt, quân Tây Sơn nhảy lên hai bên bờ vừa reo hò, vừa tung hỏa hổ vào đội ngũ quân Trịnh. Tàn quân Đinh Tích Nhưỡng, Đỗ Thế Dân bỏ chạy tán loạn. Ở Kim Động, Hai bảy cơ quan của Trịnh Tự Quyền nghe súng nổ rầm rĩ suốt đêm trên sông Lục Môn cũng vội vàng bỏ trốn. Chỉ qua một trận, ba đạo quân Trịnh hoàn toàn ta rã. Đó là đêm Mười chín tháng Bảy năm 1786.

Tin thất trận của các đạo quân Trịnh tới tấp dội về Thăng Long. Văn võ triều đình cuống cuồng lo cất giấu của cải, đưa vợ con đi trốn. Trịnh Khải bãi chức tể

tướng của Bùi Huy Bích, bắt Bích ra trận đốc chiến và cử Nguyễn Lệ lên thay. Nguyễn Lệ dâng kế hay, nhưng không kịp thực hiện, đã bị bọn kiêu binh sẵn ghét tụ họp làm loạn rồi đi tìm bắt, Nguyễn Lệ phải chạy trốn.

Trịnh Khải tức tốc triệu quần thần họp bàn kế giữ kinh thành. Trần Công Xán quả quyết:

- Giặc kéo quân vào sâu xứ lạ đó là điều mà trong binh pháp rất kỵ. Nên dữ cho chúng tới gần nữa, rồi đánh một trận mà tiêu diệt cho hết, đó là cài thuật kỳ diệu trong phép dùng binh. Vả lại, kinh sư là cái gốc của thiên hạ, rời bỏ thì sẽ đi đâu? Chẳng những thế, nếu kiệu chúa lật đật ra ngoài thành, tất lòng người sẽ phải lìa tan, ấy là đem nước mà trao cho giặc vậy. Bây giờ chỉ nên xin thái phi và cả sáu cung hãy tạm lánh ra ngoài thành mà thôi.

Cái kế không biết mình biết người, không hiểu binh pháp của Xán được Trịnh Khải và đám quần thần mất hết nhuệ khí khen hay. Y theo kế ấy, Trịnh Khải vội triệu quân Thạc Hoàng Phùng Cơ đang ở Sơn Tây về kinh hộ vệ. Vào ra mắt Trịnh Khải, danh tướng Hoàng Phùng cơ nói cứng:

- Bẩm chúa thượng! Xin chúa thượng yên lòng, chín cha con tôi quyết đem cái chết để đền ơn chúa, chứ không chịu cùng sống với giặc.

Hoàng Phùng Cơ lúc ấy chỉ có năm trăm nghĩa dũng. Trịnh Khải phải bỏ năm nghìn lạc bạc cho Cơ mộ quân và mộ một ngày được một ngàn lính cũ.

Ngay sau đấy, Trịnh Khải cử Ngô Cảnh Hoàn và Nguyễn Trọng Yêm quản lĩnh đội Tứ Thị thủy sư tới dàn chiến thuyền ở sông Thúy Ái; sai Hoàng Phùng Cơ cùng tám con đem quân bộ tới giữ hồ Vạn Xuân, để nếu cần sẽ tiếp viện cho thủy quân ở Thúy Ái. Còn Trịnh Khải, mặc nhung phục, cưỡi voi đem hết binh lính trong thành kể cả đội tượng binh môt trăm con ra quảng trường lầu Ngũ Long bày thế trận chống giữ kinh thành. Để giữ mình, Trịnh Khảin cho bầy voi trận ở ngay quảng trường đề phòng tai biến.

Về phía Nguyễn Huệ, ngay sau khi hạ xong phố Hiến, thủ phụ trấn Sơn Nam, liền tiến quân ngay. Thuyền chiến Tây Sơn được gió tiến như bay về phía kinh thành. Ngày hai mươi sáu tháng sáu âm lịch (ngày hai mươi mốt tháng bảy năm 1786) thủy quân Tây Sơn đến bế Nam Dư. Nguyễn Huệ cho một cánh quân vòng lên đánh úp thủy quân Trịnh ở bến Thúy Ái. Quân Trịnh lúc ấy tưởng quân Tây Sơn còn ở xa nên neo thuyền lại, bỏ đi chơi tản mác trên bãi. Vì vậy, khi quân Tây Sơn đến, binh lính Trịnh không kịp xuống thuyền, phần bị giết, phần bỏ chạy hết.

Diệt xong đạo thủy quân ở Thúy Ái, cánh quân Tây Sơn ấy tiến nhanh về hồ vạn xuân. Cũng như quân Trịnh Thúy Ái, quân Hoàng Phùng Cơ không ngờ quân Tây Sơn đã đến, nên kinh hãi bỏ khí giới mà chạy. Quân Tây Sơn bủa vây, đánh ép lại khiến quân Trịnh bỏ chạy bị giết hại, xác chết thành đống, Sáu con Hoàng Phùng Cơ tử trận. Hoàng Phùng Cơ và hai con may mắn lắm mới thoát chết. Cùng lúc ấy thủy quân Tây Sơn vẫn băng băng tiến về kinh thành rồi đổ bộ lên bến Tây Luông, đánh mạnh vào thế trận của Trịnh Khải. Quân Trịnh nổ súng. Trịnh Khải phất cờ thúc quân đánh trả nhưng tướng sĩ Trịnh nhớn nhác nhìn nhau không ai can tiếng. Lợi

dụng cơ hội ấy. Lợi dụng cơ hội ấy, quân Tây Sơn xông vào như cơn lốc, tung hỏa hổ đánh giết quân Trịnh. Phút chốc quân Trịnh đại bại. Trịnh khải thấy bên mình chỉ còn con Voi chiến, vội cởi bộ nhung phục, tụt xuống ngồi núp trong ngăn hòm da ở mé sau bành voi rồi co đầu voi chạy trốn về phủ. Nhưng phủ chúa Tây Sơn đã chiếm xong, Trịnh Khải hồn siêu phách lạc bỏ chạy về Sơn Tây.

Nguyễn Huệ đã lấy được Thăng Long, lật đổ cơ đồ nhà Trịnh. Đó là ngày Hai mươi sáu tháng sáu năm Bính Ngọ, tức (21- 7- 1786).

Nguyễn Huệ vào thành Thăng Long, một mặt hạ bệ chiêu an, cấm ngặt quân sĩ không được phách nhiễu, xâm phạm đến tài sản của dân, mặt khác, cho bắt giết bọn côn đồ, trộm cướp, khiến cho dân chúng kinh thành cảm cái ơn ấy đã coi Nguyễn Huệ là ân nhân. Lòng người đã yên, chợ lại họp, phố đông vui, dân chúng mừng thấy lại cảnh yên hàn và thêm yêu mến người anh hùng áo vải tài năng và trí lớn trùm thiên hạ nhưng cũng là người nhân từ, chuộng công bằng.

Giữ đúng lời hứa phù Lê, Nguyễn Huệ vào ra mắt vua Lê Hiển Tông, cung kính nói:

"Tôi vốn là kẻ áo vải ở Tây Sơn, vì đại nghĩa mà nổi dậy đánh Nguyễn diệt Trịnh. Họ Trịnh vô đạo, hiếp đáp hoàng gia nên đánh được Trịnh là hợp lòng dân và nhờ oai đức của bệ hạ vậy".

Vua Lê Hiển Tông không ngờ con người đánh trăm trận trăm thắng lại khiêm tốn dễ ưa đến thế! Vua nói:

- Đánh được Trịnh ấy là võ công của tướng quân cả, chứ quả nhân nào có tài đức gì!

- Tôi chỉ cốt phò vua để xã tắc sớm được hưởng sớm được hưởng cảnh thái bình đâu dám kể công. Vậy, xin bệ hạ từ bây giờ trở đi nắm giữ triều chính, khiến cho trong ấm ngoài êm, tôi cũng được ơn nhờ.

Ngày bảy tháng bảy năm Bính Ngọ(31- 7- 1786), Nguyễn Huệ cùng các tướng Tây Sơn và các quan văn võ Bắc Hà vào triều chúc mừng vua Lê. Vua Lê sắc phong Nguyễn Huệ làm Nguyên soái phù chính lực vũ. Uy Quốc Công và trao binh quyền Bắc Hà cho một vị tướng nông dân.

Thoát khỏi sự ràng buộc của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ có dịp thi thố tài năng, điều khiển việc triều chính. Vì vậy, xung quanh chiến công của Nguyễn Huệ là vừng hào quanh của trí tuệ. Và, cả mặt này nữa, Nguyễn Huệ càng tỏ rõ người có tài kinh bang tế thế, giỏi việc trị nước an dân, khiến cho dân chúng Bắc Hà vô cùng yêu kính.

Nhưng, Nguyễn Nhạc vốn không ưng cho Nguyễn Huệ đánh ra Thăng Long, biết vậy nói với quần thần:

- Nếu ta không thân hành ra Bắc Hà bắt hắn (Nguyễn Huệ) phải về, ấy là thả hùm ra khỏi cũi, không bao giờ còn có thể nuôi dạy được nữa.

Nguyễn Nhạc tức tốc đem năm trăm quân ra thành Phú Xuân. Tại đây, Nhạc lấy

thêm hai nghìn quân nữa rồi đi gấp ra Thăng Long. Ngày năm tháng Tám Bính Ngọ (ngày Hai mươi sáu tháng Tám năm 1786), Nguyễn Nhạc tới Thăng Long và được Nguyễn Huệ trao lại toàn bộ binh quyền. Chỉ cốt có thế, nên ngay sau đấy, Nguyễn Nhạc đem quân Tây Sơn cùng Nguyễn Huệ về Nam.

Nguyễn Huệ Đem quân về Phú Xuân, tình hình Bắc Hà bỗng trở nên hỗn loạn. Trịnh Lệ, con Trịnh Doanh và Trịnh Bồng cấu kết với Đinh Tích Nhưỡng ức hiếp dân chúng, toan phế bỏ kẻ kế vị vua Lê Hiển Tông là Lê Chiêu Thống, lập vua khác. Lê Chiêu Thống phải mật triệu Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân từ Nghệ An ra cứu giải. Nguyễn Hữu Chỉnh diệt được Trịnh Bồng nhưng lại lộng hành, đưa bè đảng chân tay vào giữ các chức trong triều ngoài trấn, khuynh loát triều chính, chẳng khác chúa Trịnh, khiến Bắc Hà rối loạn.

Nhưng ở Phú Xuân, Nguyễn Huệ lại phải bận tâm về chuyện khác. Nguyên do, Nguyễn Nhạc thấy uy tín Nguyễn Huệ lấy lừng, dân chúng Thuận Quảng sùng ái coi Nguyễn Huệ là đức chúa nên đem lòng ghen ghét, gửi thư hăm dọa trị tội Nguyễn Huệ. Thấy rõ, nếu cứ chiều theo ý Nguyễn Nhạc mãi, cơ đồ nhà Tây Sơn có cơ sụp đổ, Nguyễn Huệ truyền hịch vạch rõ sự sai trái của Nguyễn Nhạc. Nguyễn Nhạc đem quân đi đánh Nguyễn Huệ. Buộc lòng Nguyễn Huệ phải hạ lệnh tuyển quân rồi kéo quân về Qui Nhơn vây hãm Nguyễn Nhạc trong Hai tháng, đòi Nhạc phải từ bỏ ý muốn kìm chế mình. Nguyễn Nhạc hoảng sợ phải nhượng bộ, xin giảng hòa.

Thoát khỏi sự ràng buộc của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ sắp đặt mọi công việc triều chính theo ý mình và rảnh tay lo liệu đến nội tình Bắc Hà. Thấy Nguyễn Hữu Chỉnh phản bội và ra mặt chống đối mình, tháng Một năm Đinh Mùi (1787), Nguyễn Huệ cho Vũ Văn Nhậm và Ngô Văn Sở đem hai vạn quân ra hỏi tội Chỉnh. Nhưng giết được Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm lại kiêu ngạo, lộng hành, tự ý đúc ấn chương riêng, chuyên quyền định đoạt mọi việc, âm mưu làm phản triều Tây Sơn. Vì vậy tháng Tư năm Mậu Thân (1788), Nguyễn Huệ thân đốc lĩnh bộ binh và tượng binh đi gấp, Mười ngày tới Thăng Long, bắt giết Vũ Văn Nhậm. Nguyễn Huệ gấp rút chia chức đặt quan, chỉnh đốn việc quốc chính lựa chọn nhân tài, khích lệ họ ra giúp nước. Và, chính bằng sức mạnh quả quyết, dứt khoát, thẳng thắn và tài dùng người của Nguyễn Huệ, nên chỉ trong một thời gian ngắn, chúa Tây Sơn đã giải quyết xong những việc lớn ở Bắc Hà. Nguyễn Huệ không thể ở lại Bắc Hà lâu vì đàng trong Nguyễn Ánh, vào lúc ấy đã đem quân đánh phá miền đất Gia Định rất dữ dội. Từ tháng năm trước, vì sợ chết, Nguyễn Lữ đã trao binh quyền cho tướng Tây Sơn Phạm Văm Tham rồi hèn nhát rút quân về Quy Nhơn. Nguyễn Huệ vội về Phú Xuân để lo việc diệt Nguyễn Ánh.

hhhh

Hưởng ứng lệnh tuyển quân của Nguyễn Huệ, sáu vạn trai tráng vùng Thuận Quản nô nức nhập ngũ. Sau mấy tháng dốc sức luyện binh, Nguyễn Huệ đã có một đội quân tinh nhuệ. Kế tiến đánh Nguyễn Ánh cũng được chúa Tây Sơn vạch xong. Nhưng đàng ngoại Lê Chiêu Thống đã rước hai mươi chín vạn quân Thanh tiến vào Bắc Hà. Họa mất ước đến gần. Vì vậy, sau phút đắn đo, cân nhắc, người anh hùng áo vải Tây Sơn quyết định đem toàn lực đánh quân thanh trước. Chí đã quyết,

Nguyễn Huệ viết bức thư dặn dò phương lược đánh giặc Ánh trao cho một tướng quân thân tín mang gấp vào Gia định cho Phạm Văn Tham. Vừa lúc ấy từ Bắc Hà, đô đốc Nguyễn Văn Tuyết theo lệnh Ngô Văn Sở chạy ngựa trạm về Phú Xuân, ra mắt Nguyễn Huệ, báo tin dữ. Nguyễn Huệ đập bàn quát:

- Đàn Ngô cầu kia vì khinh suất sẽ phải mua lấy cái chết.

Ngay ngày hôm sau, hai mươi lăm tháng một năm mẫu thân hai mươi hai tháng mười hai năm 1788, Nguyễn Huệ xuất quân tiến ra Bắc Hà. Chiều ý các tướng và để làm sáng tỏ danh nghĩa đối với cả nước, tự nhận trách nhiệm đối với dân chúng, trước khi xuất quân, Nguyễn Huệ làm lễ lên ngôi hoàng đế lấy hiệu là Quang Trung.

Ngày hai mươi chín tháng Một năm mẫu thân hai mươi sáu tháng mười hai năm 1788 đại binh của vua Quang Trung Nguyễn Huệ tới Nghệ An, Nguyễn Huệ cho quân đóng lại hơn mười ngày. Tại đây, Nguyễn Huệ viết ba đạo bâm văn giả, giải bày sự tình phải lên thay vua Lê cốt làm kiêu lòng giặc và cử Trần Dang Bính cầm đầu đoàn sứ thần trao cho Tôn Sĩ Nghị. Đồng thời, Nguyễn Huệ hạ lệnh tuyển quân. Vì đại nghĩa, vì kính yêu Nguyễn Huệ, hàng vạn trai tráng Nghệ An gia nhập nghĩa quân Đoàn quân áo đỏ đông đến mười vạn với đội tượng binh hai trăm voi chiến. Bằng số ấy, Nguyễn Huệ chia làm năm doanh: Tiền, hậu, tả, hữu và trung quân. Binh sĩ mới tuyển ở Nghệ An chưa quen chiến trận, chưa được thao luyện, chấn, vững lòng vì chính là Nguyễn Huệ thân thống lĩnh đội trung quân ấy.

Phiên chế xong quân ngũ, vua Quang Trung Nguyễn Huệ làm lễ duyệt binh lớn với ở ngay tại trấn doanh Nghệ An. Vào đầu buổi lễ, sau mấy lời an ủi, vỗ về tướng sĩ, Nguyễn Huệ bỗng cất cao giọng hỏi:

- "Quân Thanh kéo sang xâm lấn, hiện đang chiếm cứ Thăng Long, sát hại dân lành, các người đã biết chưa...?

Hàng quân chấn động,. Người hiền lanh nhất cũng đỏ bừng nét mặt vì giận dữ.

Nguyễn Huệ giọng cang như chuông đồng, tiếp tục nói:

- "...Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao nấy đều đã phân biệt rõ ràng, phươ Nam phương Bắc chia nhau mà cai trị...Từ đời Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hạinhân dân, vơ vét của cải, nông nổi ấy không thể chịu đựng được ai cũng muốn đuổi chúng đi...Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước ta lập thành quận huyện, không biết trong gương mấy người Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra. Các người đều là kẽ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, đễ dựng nên công lớn..."

Hàng quân im phăng phắc. Ai nấy đều cảm kích, muốn được xả thân vì nước theo lời hiệu triệu của người anh hùng áo vải.

ngay sau lễ duyệt binh, Nguyễn Huệ vẫn đội mũ giáp trụ, mặc chiến bào, cưỡi voi thúc quân ra Bắc. Ngày hai mươi tháng chạp Năm Mậu Thân(Mười lăm tháng Một năm1789), đại quân của Nguyễn Huệ đến Tam Điệp. Ngô Văn sở và các tướng Tây Sơn ở đấy, đi đón vua Quang Trung, đều mang gươm trên lưng xin chịu tội. Nguyễn Huệ hài lòng trước thái độ của những tôi trung. Vua quở trách mà không

giận dữ:

- Các ngươi đem thân thờ ta, đã làm đến chức tướng soái. Ta giao cho toàn hạt, lại được tuỳ tiện làm việc. Vậy mà giặc đến, không đánh nổi một trận, mới nghe thấy đã chạy trước. Binh pháp dạy rằng: Quân thua chém tướng. Tội các ngươi đáng giết một vạn lần.

Nguyễn Huệ nhìn các tướng rồi hạ giọng:

- Song ta nghĩ các người đều là hạng vũ dũng chỉ biết gặp giặc là đánh, còn việc tùy cơ ứng biến thì không có tài. Cho nên ta để Ngô Thì Nhậm ở lại làm việc với các ngươi, chính là lo về điều đó. Bắc Hà mới yên, lòng dân chưa phục. Thăng long lại là nơi bị đánh cả bốn mặt, không có sông núi để nương tựa. Năm trước ta ra đánh ở đất, chúa Trịnh quả nhiên không thể chống nổi, đó là chứng cớ rõ ràng. Các ngươi đóng quân trơ trọi ở đấy, quân Thanh kéo sang, người trong kinh kỳ nội ứng cho chúng, thì các ngươi còn biết xoay sở làm sao được.

Các tướng sĩ lắng nghe như nuốt từng lời. Nguyễn Huệ đưa mắt tìm Ngô Thị Nhậm rồi thong thả, tiếp:

- Các ngươi đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng. Khi mới nghe nói ta đã đoán là do Ngô Thị Nhậm chủ mưu. Sau hỏi Văn Tuyết thì đúng như vậy...

Và, vượt ra ngoài sự xét đoán của mọi người từ trước lúc giáp chiến với giặc Thanh, ngay dưới chân núi Tam Điệp, Nguyễn Huệ đã lường trước mọi việc phải xảy đến một cách thần kỳ:

- Lần này ta thân hành cầm quân Nguyễn Huệ, giọng cả quyết nói phương lược tiến đánh đã có tính sẵn, chẳng qua mười ngày là có thể đánh được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải phúc cho dân, nỡ nào làm như vậy?

Đến lúc ấy, chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi binh đao. Việc ấy phi Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được.

Phải là người cực kỳ minh mẫn, có đầu óc chính trị sắc nhạy và cặp mắt chiến lược tinh tường, tin ở mình, tin ở các bầy tôi, lường trước công việc mới dám phó thác việc lớn như thế cho Ngô Thì Nhậm. Rồi Nguyễn Huệ bỗng đổi giọng ngọt ngào, rộng lượng nói với tướng Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân:

Các khanh làm vậy cũng là mẹo nhử giặc đó.Thôi, nay ta hãy cho đổi tội lập công, trông mong ở các người ráng sức sau này.

Các tướng Tây Sơn sụp xuống lạy tạ ơn. "Nước cờ tam điệp" đã được chính Nguyễn Huệ phân tích, đánh giá. Ai nấy đều cảm kích và thêm thán phục tầm hiểu biết cực kì sâu rộngvà tài dùng người của Nguyễn Huệ.

Xuất quân từ hai mươi tám tháng Mười năm Mậu Thân(Hai mươi lăm tháng

Mười Một năm 1788) đến lúc nghe tin Ngô Văn Sở rút về Tam Điệp, Tôn sĩ Nghị quát viên quan theo hầu:

Các ngươi sao cứ nhu nhược để chúng chạy chốn một cách rảnh rang? Bây giờ đại binh đã đến địa giới nước mình mà các ngươi vẫn tuyệt nhiên không làm nên công trạng gì. Như thế, còn gọi là nước có người được chăng?

Vũ Trinh viên quan hầu ấy, khúm núm đáp:

Nước nhỏ này tự mình không làm được việc, mới đến nỗi phải gõ cửa ải cầu cứu... Được tin thiên binh đến, bọn chúng chưa biết thực hư thế nào, nên hãy thu quân tạm lánh. Một bên kỳ tướng còn kiệt hiệt như thế, huống chi tên đại tù trưởng của chúng. Nếu không dùng đạo binh cực lớn mà đánh, làm sao có thể bắt sống được chúng?

Tôn Sĩ Nghị giọng kiêu căng, tự đắc:

Theo ta xem xét thì chúng chỉ như hạng trâu dê, sai một người đem thừng buộc lấy cổ mà lôi về, hẳn cũng không khó gì. Đợi khi quân ta kéo đến La Thành, nhổ bãi nước bọt xoa tay là làm xong việc, Ngươi hãy chờ mà xem.

Khi tôn Sĩ Nghị đem quân vảo Thăng Long, Lê Chiêu Thống đội mũ miện, mặc áo long cổn, quỳ ở giữa sân điện Kính Thiên để đón. Tôn Sĩ Nghị sau khi chia quân đóng ở quanh thành, dặn dò hiệu lệnh liên lạc liền tuyên đọc tờ sắc của vua Thanh phong Lê Chiêu Thống làm An Nam quốc vương.

Từ đấy, ngày ngày sau các buổi chầu, Chiêu Thống lại cưỡi ngựa cùng đám quần thần tới chờ ở doanh của Nghị để để nghe truyền việc quân việc nước. Dân chúng kinh thành thấy vậy than rằng: "Nước Nam ta từ khi có đế vương tới nay chưa thấy ông vua nào luồn cúi đê hèn đến thế". Được thế, Tôn Sĩ Nghị càng ngông nghênh, bắt Lê Chiêu Thống ngày ngày phải tiến rượu ngon gái đẹp, tiệc tùng suốt ngày đêm. Bọn tướng Thanh theo gương Nghị, cũng mặc sức ăn chơi cướp bóc. Vì vậy, nơi nào có quân Thanh, nạn cướp chợ, hiếp dâm không ngày nào không xảy ra, cũng không ngày nào Tôn Sĩ Nghị không giết đến ba, bốn mươi mạng người lương thiện. Dân chúng kinh thành căm thù bọn sài lang, bọn bán nước đến tận xương tủy. Lê Chiêu Thống cũng vùi đầu vào việc báo ân trả oán mọi việc mặc Tôn Sĩ Nghị.

Nhưng trong số các quan lại triều Lê có người tỏ ý lo ngại vì thấy Tôn Sĩ Nghị không nhắc gì đến việc đem quân đánh Nguyễn Huệ. Lê Chiêu Thống bày tỏ nỗi lo lắng ấy. Nhưng Tôn Sĩ Nghị gạt đi:

- Việc gì phải vội vã như vậy? Ví như thò tay lấy đồ vật ở trong túi, đến sớm lấy sớm, đến muộn lấy muộn đó mà thôi. Bây giờ đã sắp hết năm, đại quân xa xôi tới đây, cần phải nghỉ ngơi, không nên đánh vội. Giặc gầy mà ta đang béo, hãy để chúng tự đến nộp thịt.

Tuy nói vậy, nhưng Tôn Sĩ Nghị không dám bề trễ nải việc quân. Ngoài các đồn cũ, Nghị sai đắp lũy đất, một ở bờ Bắc sông Nguyệt Quyết, huyện Thanh Liêm, một ở làng Nhật Tảo, huyện Duy Tiên, một ở làng Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì rồi chia quân ra đóng giữ.

Tình hình ngày một gấp. Hoạt động của quân Tây Sơn ở Nghệ An lọt đến tai Lê Chiêu Thống. Chiêu Thống hoảng sợ liền cùng bọn Lê Quýnh đến quân doanh Tôn Sĩ Nghị tha thiết xin xuất quân. Tôn Sĩ Nghị chỉ vào mặt Lê Quýnh mắng:

- Người nước mày nay quả thật không thể trông cậy được, thế thì lời cung khai của mày trước đây ra sao?

Rồi quay sang Lê Chiêu Thống, Nghị tiếp:

- Tự vương trẻ tuổi, chưa từng trải công việc, trước đây tới đón chào ta ở Lạng Sơn, sao không nói cho rõ? Nay đã lỡ bỏ cơ hội ấy để chúng có thì giờ thong thả mà bày mưu đặt chước, cách trị chúng cần phải tính toán cho chu đáo, không thể hấp tấp. Vả lại, đã định đến sang xuân vào ngày mùng sáu thì sẽ xuất quân, như vậy thì cũng không còn xa gì nữa. Nếu muốn đi gấp thì cho phép vua tôi nhà ngươi đem một đạo quân đi trước cũng được.

Thất thểu ra về, Lê Chiêu Thống cử Lê Quýnh cầm quân. Lê Quýnh vin cớ không muốn xa vua, (thực ra là không dám ra trận)gợi ý với trấn thủ Sơn Tây là Hoàng Phùng Tứ trao cho trọng trách. Tứ được lệnh đem quân xuống đóng ở Gián Khẩu chặn đường quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long.

Ngày hai mươi ba tháng chạp năm Mậu Thân (Mười tám tháng Một năm 1789), thám tử quân Thanh chạy ngựa trạm về Thăng Long cấp báo: Quân Tây Sơn đang tuyển binh lương ở Nghệ An sửa soạn đánh Bắc Hà. Tôn Sĩ Nghị vội cho quân đi đóng giữ các nơi hiểm yếu trên khắp bốn ngả đường, còn đại quân thì sáng chiều tập dượt để chuẩn bị xuất trận. Tôn Sĩ Nghị đặc trao cho đề đốc Hứa Thế Hanh quyền thống lĩnh các đạo quân phía nam Thăng Long và điều thêm nhiều quân cho mặt này.

Các thám mã lanh lợi của quân Tây Sơn đã kịp báo cho Nguyễn Huệ cách bố phòng và ngày xuất quân của giặc. Vì vậy, khi tướng sĩ nhà Thanh bắt đầu nghĩ đón tết thì Nguyễn Huệ, căn cứ vào sự bố phòng của giặc, phiên chế quân ra làm năm đạo, chia đường tiến binh: Đạo trung quân do Nguyễn Huệ thống lĩnh có Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân làm tướng tiên phong, Hán hổ hầu đi hậu quân đốc chiến, sẽ đánh thẳng vào nơi tập trung binh lực của giặc ở phía nam thành. Hai đạo hữu quân, một đạo do đại đô đốc Bảo thống lĩnh đi theo đường Sơn Minh ra làng Đại Áng cùng đạo trung quân đánh đồn Ngọc Hồi; một đạo do đô đốc Long thống lĩnh đi xuyên qua Chương Đức đến làng Nhân Mục để đánh thẳng vào đồn Khương Thượng của Sầm Nghi Đống rồi theo cửa Tây, tiến thẳng vào Thăng Long vây đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị. Hai đạo tả quân, một đạo quân thủy do đô đốc Nguyễn Văn Tuyết thống lĩnh tiến vào sông Lục Đầu, diệt cánh quân cần vương của Lê Chiêu Thống rồi tiến lên đánh vào sườn phía đông kinh thành, trên bờ sông Hồng; một đạo thuy quân khác do đô đốc Lộc thống lĩnh sau khi tiến vào sông Lục Đầu sẽ đi gấp lên các hạt Phượng Nhãn, Lạng Giang, Yên Thế chặn đường rút chạy của giặc.

Trước ngày khởi đại binh đánh những trận lớn chưa từng thấy này, Nguyễn Huệ làm việc khao quân rất linh đình. Trước bữa tiệc, Nguyễn Huệ nói với tướng sĩ, giọng náo nức, quả quyết:

- Ngày xuất quân rửa điều xấu hổ do Lê Chiêu Thống gây ra đã đến. Nay ta hãy làm lễ ăn tết Nguyên đán trước, đợi đến ngày mùng bảy tháng Giêng vào thành Thăng Long, sẽ mở tiệc lớn. Các ngươihãy ghi lấy lời ta nói xem có đúng thế không? Các ngươi có quyết quét sạch giặc Ngô cẩu ra khỏi Thăng Long như quét rác rưởi trong nhà mình không?

Hơn mười vạn tướng sĩ nhất loạt đáp lại như sấm động:

- Xin quyết xung trận đánh bọn Ngô cẩu biết uy danh của hoàng đế nước Nam ta.

Ngay sau tiệc lớn, năm đạo quân sắc phục đỏ rầm rộ lên đường.

Ngay đêm hôm xuất quân (hai mươi lăm tháng Một năm 1789), đạo trung quân do Nguyễn Huệ thống lĩnh như từ trên trời rơi xuống vây chặt đồn Gián Khẩu do quân tướng nhà Lê đóng giữ. Không một tên quân nào chạy thoát. Nguyễn Huệ tiếp tục cho tiến binh. Một cánh quân do thám của giặc Thanh bất chợt gặp tiền quân của Ngô Văn Sở. Cả bọn giặc ấy nữa, cũng bị bắt gọn. Nửa đêm mùng ba tháng Giêng năm Kỷ Dậu (hai mươi tám tháng Một năm 1789) đạo trung quân đã vây chặt đồn Hạ Hồi mà quân giặc không hề hay biết. Nguyễn Huệ cho bắc loa truyền hịch, quân lính thưa vang, tưởng như có hàng chục vạn người đang sắp xông vào đồn. Quân Thanh kinh hoàng kéo cờ trắng, lốc nhốc mở cửa thành xin hàng. Ngày mồng bốn tháng Giêng âm lịch (ngày Hai mươi chín tháng Một năm 1789), đồn Ngọc Hồi, đồn kiên cố nhất, lớn nhất, có mặt các danh tướng Thanh cũng đã bị vây. Hứa Thế Hanh được quân sĩ báo, vội lên mặt thành xem xét. Trước mặt hắn, đại binh tây Sơn đông như kiến cỏ đang tràn tời như dòng thác đổ. Hứa Thế Hanh sửng sốt, kinh hoàng kêu lớn:

- Đồn Hạ Hồi mất rồi! Quân chúng từ trên trời rơi xuống, từ dưới đất chui lên hay sao mà nhanh đến thế được?

Lập tức, Hứa Thế Hanh cho thám mã cấp báo cho Tôn Sĩ Nghị hay tin rồi đốc quân lên mặt thành cự chiến.

Tôn Sĩ Nghị đang ngồi bên mỹ nữ do Lê Chiêu Thống mới tiến dẫn hôm trước nghe tin dữ, vội vùng dậy, mặt tái đi như gà bị cắt tiết. Sau khi đã định thần, Tôn Sĩ Nghị vội triệu lãnh binh Quãng Tây là Thăng Hùng Nghiệp cùng viên hàng tướng Phan Khải Đức đem quân cần vương của Lê Chiêu Thống đi cứu viện cho đồn Ngọc Hồi. Phái binh đi rồi, Tôn Sĩ Nghị căng thẳng chờ đợi tin tức. Nhưng một loạt cấp báo khác tới tấp dội tới dinh Tôn Sĩ Nghị: Quân Tây Sơn do đô đốc Long thống lĩnh đã hạ thành Khương Thượng. Rồi lại có súng nổ liên hồi, lửa cháy rực trời ở phía tây thành. Tôn Sĩ Nghị phái thám tử đi xem xét. Thám tử chưa về thì tin sét đánh chợt đến: Quân của đô đốc Long đã vào Thăng Long và đang tiến như bão táp vào đại bản doanh của Nghị. Kinh hoàng, Tôn Sĩ Nghị lýu lưỡi gọi bọn tướng tùy tùng rồi không kịp đóng yên, không kịp mặc áo giáp, không kịp mang theo ấn tín, Nghị cùng toán kỵ binh hầu cận vượt qua cầu phao, nhằm thẳng hướng Bắc tháo chạy. Quân các doanh thấy chủ tướng cao chạy xa bay cũng tranh nhau qua cầu xô đẩy giẫm đạp lên nhau mà chết. Rồi, "Cầu bị đứt, quân Thanh rơi xuống sông, đến nỗi nước sông

Nhị Hà vì thế mà tắc lại không chảy được nữa". Thấy nguy, Lê Chiêu Thống tham sống sợ chết, cũng bỏ cả vợ con cùng mất tên quan hầu men theo bờ sông chạy miết lên Nghi Tàm, cướp thuyền vượt sông, chạy lên ải Nam Quan, rồi vượt biên giới.

Nguyễn Huệ vây đồn Ngọc Hồi rồi một mặt cho quân chuẩn bị thang, mộc, mặt khác phô trương thanh thế chứ không vội đánh. Mờ sáng, ngày năm tháng Giêng, khi được tin đô đốc Long đã hạ đồn Khương Thượng đúng như kế đã vạch, Nguyễn Huệ đội mũ miện, mặc áo bào đỏ và để tỏ ý quyết chiến, vua Tây Sơn tự mình buộc khăn vàng vào cổ rồi lên mình voi đốc chiến.

Trước hết, Nguyễn Huệ cho đội tượng binh gồm một trăm voi chiến huỳnh huỵch đạp đất xông lên. Trên mặt đồn, Hứa Thế Hanh đang tung đội quân kỵ tinh nhuệ nhất vun vút xông ra chặn voi chiến. Nhưng các chiến mã quân Thanh thấy voi bỗng rú lồng lên, chà đạp lên nhau quay lại. Các quản tượng Tây Sơn giơ búa thúc voi giẫm lên người, ngựa của giặc. Tiếng người kêu, tiếng ngựa hý bị át trong tiếng hò reo như sấm động của quân Tây Sơn đang lao lên như bão táp. Quân Thanh trên mặt đồn chúc nòng súng khạc lửa cố cản quân Tây Sơn. Lập tức Nguyễn Huệ chia đội tượng binh ra làm hai, đánh bọc vào hai bên sườn địch và cử Ngô Văn Sở cầm một đạo quân vòng ra sau đồn Ngọc Hồi, chặn đường rút của giặc về phía Tây Luông. Tiếp đấy, Nguyễn Huệ hạ lệnh cho cánh quân xung phong gồm những binh sĩ khỏe mạnh, thiện chiến thành hai mươi toán, mỗi toán mười người khiêng mộc gỗ, bện rơm ướt bên ngoài nhất loạt xông lên. Đạn đại bác của quân Thanh mất hiệu lực. Cánh quân xung phong của Nguyễn Huệ sát đến thành vứt mộc, rút đoản đao xông vào kịch chiến. Từ phía sau, đại binh Tây Sơn cũng tràn lên phá lũy. Quân Thanh vội bắn hỏa mù. Cả trận địa sầm tối. Nhưng quân Tây Sơn tung hỏa hổ vào đồn. Phút chốc đồn Ngọc Hồi chìm trong một cơn bão lửa. Không chống nổi, quân Thanh bỏ chạy tán loạn. Xác giặc chồng chất ở chân lũy. Những tên sống sót chạy về phía Tây Luông. Ở phía ấy, đạo quân của Ngô Văn Sở tua tủa gươm giáo đang tràn tới chặn đường. Hốt hoảng, giặc chạy tắt sang Vịnh Kiều để về Thăng Long. Cả ở mặt ấy nữa, quân Tây Sơn do đô đốc Bảo cũng đã chờ sẵn. Cùng đường, chúng chạy vào Đầm Mực. Quân Tây Sơn rượt theo, không tên giặc nào sống sót. Đại quân xâm lược Mãn Thanh đã đại bại. Quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ thống lĩnh đã cứu cho dân Việt thoát khỏi ách đô hộ bạo tàn.

Nguyễn Huệ ngồi trên bành voi, uy phong lẫm liệt, cùng các tướng Tây Sơn đem đại quân hùng dũng tiến vào Thăng Long. Dân chúng Thăng Long, cả ông già bà cụ đều tràn hết ra đường náo nức chào đón đoàn quân chiến thắng. Đô Đốc Long cùng đội kỵ binh tinh nhuệ cũng từ hoàng cung hớn hở ra đón vua Tây Sơn. Trong niềm vui kiêu hãnh, tự hào tướng sĩ Tây Sơn và dân chúng Thăng Long bỗng nhận ra chiếc áo bào đỏ của vị vua bách chiến bách thắng đã sạm đen thuốc súng. Hình ảnh ấy với bao võ công phi thường, bụi đường và chiến tích theo bước chân của Nguyễn Huệ suốt từ Nam ra Bắc, khiến tên tuổi Nguyễn Huệ từ đấy trở thành niềm tự hào vô hạn; hơn thế, trở thành bất tử đối với dân chúng Thăng Long.

Hai mươi chín vạn quân Thanh hung hăng lúc ban đầu, đã đại bại. Một loạt trận

đánh của năm đạo quân tiến theo các hướng khác nhau, nhưng cũng là trận đánh hiệp đồng chặt chẽ, kỳ diệu, diễn ra chính xác, đúng theo kế sách của vị anh hùng áo vải thiên tài Nguyễn Huệ đã vạch ra.

Nguyễn Huệ lại bắt tay ngay vào việc trị nước an dân. Bản thân Nguyễn Huệ và Nguyễn Huệ bắt buộc các bề tôi của mình ra trận phải đi trước cba quân, trị nước phải lấy sinh dân làm mục đích, phải đồng cam động khổ lúc gian nan, phải chung hưởng lúc phú quý thái bình, phải lấy thay uy, lấy đảm lược để chinh phục lòng người. Vì vậy, Bắc Hà được nhanh chóng ổn định, đời sống dân chúng được no đủ. Nguyễn Huệ lại vội về Nam lo việc diệt Ánh và trao binh quyền cho Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhậm.

Theo lệnh Nguyễn Huệ, ngay sau trận đo súng, gươm là cuộc tấn công bằng ngoại giao, bằng sự khôn khéo, kiên trì, linh hoạt và táo bạo đối với nhà Thanh. Ngô Thì Nhậm, người tôi trung có tài đã đứng vững trên thế cao của mợt dân tộc chiến thắng, chẳng những phá tan được âm mưu trả thù của nhà Thanh mà còn buộc vua Thanh phải công nhận triều Tây Sơn là triều chính thống. Hơn thế, phải trước sau kính nể ông vua của một nước nhỏ.

Đàng trong, vào lúc này, Nguyễn Ánh đã ký hòa ước Véc xai ơ (Versaille) bán đứt cho giặc Pháp đảo Côn Lôn và đảo Hội An để đổi lấy vũ khí, tàu chiến và hơn một ngàn binh lính của họ. Và, lợi dụng lúc Nguyễn Huệ bận đánh giặc Thanh, Nguyễn Ánh một mặt gửi thư và năm mươi cân gạo ra giúp quân Thanh; mặt khác ra sức mở rộng lực lượng, đánh các tướng Tây Sơn. Được Ánh khuyến khích, bọn tướng tá giặc Pháp khuếch đai sự thần kỳ của các tàu chiến họ giúp Ánh. Hơn thế, chúng thả khinh khí cầu để lòe bịp dân chúng về phép lạ của người Tây dương. Vì vậy, ngay khi trở về Phú Xuân, Nguyễn Huệ dốc sức mộ binh, tích lương, sửa soạn đánh Gia Định. Chẳng mấy chốc, Nguyễn Huệ có một đạo quân không phải trên mười vạn như khi đánh giặc Thanh mà là gần ba mươi vạn. Và, một kế đánh quyết liệt vũ bão đã được nhà chiến lược thiên tài tính toán vạch ra. Theo kế ấy, đại quân của Nguyễn Huệ phối hợp với Nguyễn Nhạc sẽ chia thành ba đạo cùng tiến vào đất Gia Định. Ba đạo quân ấy như ba lưỡi gươm sắc cùng bổ vào đầu Nguyễn Ánh. Dẫu lúc ấy, Ánh còn vùng vẫy nhưng số phận tên bán nước đã như cá nằm trên thớt.

Nhưng kế đánh quyết liệt tận gốc tên giặc Ánh không thực hiện được ngay, vì lúc ấy, đang vào lúc gió nồm thổi, bất lợi cho việc tiến quân.

Tháng Năm năm Nhâm Tý (1792), Nguyễn Huệ đã cử một đội chiến thuyền bốn mươi chiếc vào Quy Nhơn hợp quân với Nguyễn Nhạc. Tháng bảy năm ấy, trước lúc xuất quân để yên lòng dân chúng Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Nguyễn Huệ truyền hịch:

- "Bây giờn theo lệnh Hoàng đại huynh, trẫm sẽ thân chinh cầm đại quân theo hai đường thủy bộ vào dẹp giặc. Trẫm sẽ đập tan bọn giặc Nguyễn dễ dàng như đập tan một cành củi khô, một thanh gỗ mục... Các người chớ quá nhẹ dạ cả nghe những lời phao đồn về bọn người Tây dương. Tài giỏi gì hạng người đó? Mắt chúng là mắt rắn xanh, chúng chỉ là xác chết trôi từ biển Bắc giạt về đây, các ngươi nên hiểu như thế! Những tàu đồng, những khinh khí cầu của chúng thì có gì lạ mà phải đệ trình lên trẫm biết.

Để cho đại quân của ta tiến vào được dễ dàng, các xã dân hai phủ dọc đường hành quân, hãy kịp sửa sang cầu cống.

Lệnh truyền tới, nhân dân hãy vâng theo ý trẫm".

Giặc Ánh và bọn đạo trưởng mật thám Tây dương nơm nớp lo sợ. Nhưng ngày mười sáu tháng Chín năm 1972, một nỗi đau đớn không thể bù đắp được của quân, dân Tây Sơn bỗng xảy đến: Vua Quang Trung Nguyễn Huệ sau mấy ngày mắc bạo bệnh đã băng hà. Năm ấy Nguyễn Huệ mới bốn mươi tuổi. Biết bao hoài bão của người anh hùng chưa được thực hiện. Nguyễn Huệ mất, lưỡi gươm cực kỳ sắc bén đang bổ vào đầu Nguyễn Ánh sững lại giữa chừng.

Bùi Thị Xuân

Tiễn chồng đem quân vào Diên Khánh đánh giặc Ánh tháng trước thì tháng sau Bùi Thị Xuân hay tin: Gặp năm mất mùa dân đói, nhiều phủ huyện ở trấn Quảng Nam sinh loạn. Trấn thủ Quảng nam khi ấy bất lực không kìm chế nổi. Vua Cảnh Thịnh lập tức triệu quân thần tìm một người có tài trị nước vào thay trấn thủ Quảng Nam, để vỗ yên xã tắc. Triều thần tiến cử Bùi Thị Xuân, một tướng tài đảm đương trọng trách ấy. Vua Cảnh Thịnh không nghi ngờ gì về tài cầm quân của Bùi Thị Xuân. Bởi vì, nữ tướng đã từng xông pha trăm trận, lập được công to từ thời vua cha còn sống. Nhưng Cảnh Thịnh còn nữa tin nữa ngờ về tài trị nước của Bùi thị Xuân. Vua cho vời Bùi Thị Xuân tới hỏi:

- Trấn Quảng Nam không yên, trẫm rất lo. Nữ tướng sẽ làm thế nào trị được nạn trộm cướp, giúp dân an cư lạc nghiệp?

Cặp mắt đen láy của Bùi Thị Xuân thoáng buồn:

- Tâu Hoàng thượng! Vì mất mùa dân đói, quan lại không hết lòng thương dân nên sinh loạn.

Vị vua trẻ cắt ngang:

- Nữ tướng trước hãy đánh diệt bọn cướp rồi làm cho dân yên.

Bùi Thị Xuân vội đáp:

Tâu Hoàng thượng! Người xưa nói: Ai được nhân tâm thì hưng thịnh, ai mất nhân tâm thì tan vỡ. Ai cậy vào đức thì hùng cường; ai cậy vào sức thì sẽ mất. Xem vậy, cầm quân dẹpn loạn không phải là kế hay mà tuyển dụng người hiền tài để dân được yên mới là điều nên làm.

Sửng sốt trước lý lẽ của Bùi Thị Xuân, vua Cảnh Thịnh tươi nét mặt:

- Trẫm nghe rất vừa ý.Việc cần kíp, nữ tướng hãy một phen vất vả vì trẫm. Cần gì, trẫm sẵn lòng giúp đỡ.

Bùi Thị Xuân từ tốn:

- Tâu Hoàng thượng! Trị loạn cũng như gỡ tơ rối không thể gấp. Thần thiếp chỉ xin các quan Thái sư, Ngự sử chớ lấy văn pháp mà cản trở thần thiếp được tùy nghi làm việc.

Ít ngày sau, Bùi Thị Xuân đem quân vào Quảng Nam. Viên Trấn thủ Quảng Nam cũ trước lúc bị cách chức đã nói nhỏ với Bùi Thị Xuân về mối lo dân chúng không còn tin tưởng vào triều đình nữa. Chính viên Trấn thủ già nua ấy đã thẳng thắn khuyên Bùi Thị Xuân hãy tránh xa triều đình Cảnh Thịnh để giữ lấy mình. Bùi Thị Xuân hiểu tâm trạng viên quan già nhưng chẳng đồng tình. Sự thật thì triều Tây Sơn sau khi vua Quang trung băng hà đã nhanh chóng đi vào cái rớp xấu: Nạn bè phái tranh chấp, giết hại lẫn nhau. Cảnh Thịnh nối ngôi cha, còn ít tuổi, chỉ ham chơi bời. Quyền chính triều đình về tay Thái sư Bùi Đắc Tuyên, anh cùng cha khác mẹ với vua Cảnh Thịnh. Tuyên tác oai tác quái làm cho mọi người oán giận. Lợi dụng cơ hội ấy, Nguyễn Phúc Ánh chia quân làm nhiều mũi tiến đánh Phan Rí, Nha Trang, Diên Khánh, Bình Khang, Phú Yên rồi thừa thắng kéo ra cửa Thị Nai. Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc sai thái tử là Nguyễn Bảo đem quân ra chống cự. Nguyễn Bảo thua trận phải chạy về Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc cầu cứu vua Cảnh Thịnh. Cảnh Thịnh sai Phạm Công Hưng và Đặng Văn Trấn đem quân thủy, bộ cùng tiến vào Quy Nhơn. Nguyễn Ánh hoảng hốt rút lui. Giải vây cho Quy Nhơn, Phạm Công Hưng ra lệnh tịch thu kho tàng và binh khí của vua Thái Đức. Nguyễn Nhạc uất hận thổ ra máu mà chết. Nuôi chí chiếm Quy Nhơn, Cảnh Thịnh phong cho Nguyễn Bảo con Nguyễn Nhạc là Hiếu Công và cắt cho huyện Phù Ly làm nơi thực tập ấp, và lần lượt cử bọn Bùi Đắc Trụ con Bùi Đắc Tuyên, Nguyễn Văn Huấn và Lê Trung thay trấn giữ Quy Nhơn, giám thị Nguyễn Bảo. Mẹ Nguyễn Bảo thấy thế tức giận bảo con: "Khai thác đất nước là công của cha mày, nay mày ăn lõïc một huyện mà chịu nhục, chẳng thà chết đi cho rồi". Biết được ruột gan Nguyễn Bảo, Nguyễn Ánh xui giục Nguyễn Bảo làm phản chống lại triều Tây Sơn. Về sau, nhân nội tình triều Cảnh Thịnh lục đục, Nguyễn Bảo nổi lên chiếm Quy Nhơn, Phú Yên rồi viết thư xin đầu hàng Nguyễn Ánh, nguyện xin làm tướng tiên phong đánh quân Tây Sơn. Được tin ấy, Nguyễn Ánh vội sai Nguyễn Văn Thành đem quân đi tiếp ứng Nguyễn Bảo.

Nhưng quân Nguyễn Văn Thành chưa kịp tới thì Nguyễn Bảo đã bị quân Cảnh Thịnh kéo vào vây bắt ở Quy Nhơn rồi giết chết. Lê Trung là trấn thủ Quy Nhơn cũng bị giết. Trong lúc triều Cảnh Thịnh hư đốn đến thế, thì bọn quan lại ở các trấn đua nhau bóc lột, đục khoét nhân dân. Lấy để chấn áp cựu đảng họ Nguyễn ở Đàng trong và họ Lê ở Đàng ngoài, chúng thẳng tay hà hiếp, có khi tàn phá cả làng. Nhiều nơi, binh sĩ Tây Sơn trở thành nỗi kinh hoàng của dân chúng.

Đau lòng trước hiện trạng triều Tây Sơn, ôm nặng nỗi lo sợ về nguy cơ suy vi của triều Cảnh Thịnh nhưng không giống như viên cựu trấn thủ Quảng Nam bê trễ, lảng tránh việc triều chính. Bùi Thị Xuân sẵn sàng đảm đang trọng trách, mong giữ vững kỷ cương của phép nước, chỉnh đốn bộ máy quan lại, chăm lo sức dân, thu phục nhân tâm. Nội tình triều Cảnh Thịnh khiến người chính trực đau lòng, nhân tâm ly tán. Không dễ quên công đức trời biển của hoàng đế Quang Trung xưa. Nếu vậy chẳng lẽ dân chúng lại không tha thiết gắn bó với triều Tây Sơn, không lo lắng

cho vận nước, trong lúc quân Nguyễn Ánh ở Đàng trong, được bọn Tây Dương giúp tàu đồng, binh khí sửa soạn đem đại quân đánh nhà Tây Sơn?

Phải trấn yên xã tắc, thu phục lòng dân, mới giữ vững được nước, bảo vệ cơ đồ mà hoàng đế Quang Trung đã gầy dựng. Nghĩ vậy nên ngay sau khi nhậm chức trấn thủ Quảng Nam, đốc suất đội quân năm nghìn người phòng giữ thành phủ, Bùi Thị Xuân quyết định làm một việc chưa một viên trấn thủ Tây Sơn nào dám làm, là tự mình đi thị sát khắp các hạt để nghe ngóng tìm hiểu dân tình, cứu đói, chấn chỉnh việc coi quân trị dân của các viên quan phủ, huyện. Quế Sơn là huyện đầu tiên nữ tướng chú ý đến. Hôm về huyện, Bùi Thị Xuân và viên tướng tùy tùng đến địa phận Quế Sơn, viên huyện quan thân đem binh lính đón. Bùi Thị Xuân liền cho lính trở về. Đến huyện lỵ, Bùi Thị Xuân ra lệnh bãi bỏ các cuộc truy lùng bọn cướp và tuyên cáo: Hễ ai vác cày bừa, nông cụ được coi là dân lành, quan lại không được hỏi. Ai mang binh khí bị coi là trộm cướp, sẽ bị nghiêm trị. Đồng thời Bùi Thị Xuân mở kho phát chẩn cho dân đói. Ai già cả bệnh tật cho gấp đôi. Viên huyện quan có hành động mờ ám, chiếm công vị tư, ăn hối lộ. Bùi Thị Xuân thẳng tay cách chức, chọn người tài đức lên thay.

Bằng sự quyết đoán táo bạo: Cách chức bọn quan lại thối nát, bãi bỏ các cuộc truy lùng bọn cướp, tỏ cho bọn cướp biết mình không bị coi là trộm cướp, mở đường cho dân lầm đường về với đời sống lương thiện, thẳng tay trừng trị những ai cố tình gây rối. Vì thế nạn trộm cướp ở Quế Sơn đã chấm dứt, dân chúng yên ổn, vui vẻ làm ăn. Bùi Thị Xuân còn đặc biệt cho nêu cao gương kiện ước, khuyến khích dân tăng gia, trồng mầu, bắt đầu mỗi nhà phải nuôi lợn nuôi gà. Vì vậy, cả vùng Quế Sơn vui theo nghề nông, mùa màng bội thu, nhà nào cũng có thóc chứa. Tiếng tăm tên quan trấn thủ biết thương dân, có đức rộng chẳng mấy chốc lan rộng khắp Quảng Nam. Uy danh, tài trí của Bùi Thị Xuân trở thành niềm tin yêu tự hào của dân chúng Quảng Nam. Được một người xuất chúng như thế trị nhậm, trấn Quảng Nam được yên.

Trở về thành Quảng Nam sau chuyến đi thị sát dài ngày, Bùi Thị Xuân bỗng nhận được tin dữ: Triều Cảnh Thịnh sinh đại biến, người báo tin ấy cho Bùi Thị Xuân chính là viên phó tướng mà Bùi Thị Xuân phái về kinh thành Phú Xuân, để lo đồ mặc ấm cho binh sĩ. Viên phó tướng kể lại rằng: Triều Cảnh Thịnh trở lên suy sụp khi thái sư Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền gọi Đại tư đồ Vũ Văn Dũng ở Bắc hà về Phú Xuân và cho Đại tư mả Ngô Văn Sở ra thay. Vũ Văn Dũng về đến trạm Hoàng giang thì gặp Trần Văn Kỷ bị đày ở đó. Kỷ đang căm tức Bùi Đắc Tuyên, liền khuyên Dũng kéo quân về Phú Xuân bắt Tuyên. Vốn nghi ngờ Tuyên hại mình, Vũ Văn Dũng nghe lời Kỷ, đem quân về Phú Xuân bắt toàn bộ gia quyến Bùi Đắc Tuyên. Dũng lại làm chiếu giả cho người ra Bắc Hà đòi Ngô Văn Sở về và cho quân vào Quy Nhơn bắt con trai Bùi Đức Tuyên là Bùi Đức Trụ đang giữ chức lưu thú ở đó. Kết Vũ Văn Dũng kết tội những người thuộc phe cánh đối địch với mình là phản bội rồi lần lượt bỏ rọ dìm xuống sông cho chết hết. Sau đó Dũng cho mời Trần Văn Kỷ ở Hoàng Giang về giữ chức trung thư lệnh như trước.

Kể lại đầy đủ, rành mạch câu chuyện đã xảy ra, viên phó tướng của Bùi Thị

Xuân nói thêm:

- Mưu độc của quan Đại Tư đồ không chỉ có vậy. Tôi nghĩ rằng đối vơi chủ tướng và quan thiếu phó Trần Quang Diệu, quan đại tư đồ vì sợ mà chưa dám hành động. Vậy chủ tướng nên tìm kế đề phòng kẻo nguy hại đến tính mạng.

Đôi mắt to đen rất đẹp của Bùi Thị Xuân rực lửa:

- Cảm ơn phó tướng đã cho ta hay một tin hệ trọng. Cũng không phải bây giờ cho ta biết bụng dạ lũ người ấy. Chỉ buồn là giặc Ánh thì quỷ quyệt, đang mưu lật đổ cơ nghiệp nhà Tây Sơn mà triều đình lại chẳng thuận hòa. Đã vậy, vua lại không quyết đoán, thường dùng người thiên lệch. Nếu ta cũng chỉ lo việc kết bè đảng, không lo việc đánh giặc, húc đầu vào sát phạt nhau thì họa mất nước thực chẳng còn xa.

Viên phó tướng giọng buồn buồn:

- Lo giữ nước là việc hàng đầu nhưng xin chủ tướng chớ quá coi thường phái quan đại đô đốc.

Bùi Thị Xuân phác một cử chỉ kiên quyết:

- Ta đã không chết khi theo tiên đế đánh Nguyễn diệt Trịnh, cả phá giặc Xiêm, giặc Thanh, lẽ nào ta lại chết trong tay lũ phản nghịch chẳng lẽ Hoàng thượng không áp chế lũ bất nhân khi chính Hoàng thượng đã trao binh quyền cho chính vợ chồng ta? Nhược bằng Hoàng thượng đổi dạ nghe bọn người ấy bắt ta phải chết thì chính ta xin được chết trước trận tiền, trước ba quân để báo đền ơn nước.

Mặc dù nói vậy nhưng thực sự tình thế đặt Bùi Thị Xuân vào hoàn cảnh khó xử. Vốn là quan thái sư Bùi Đắc Tuyên, và cũng như chồng, ít nhiều đứng về phía Bùi Đắc Tuyên cho nên thấy phái mình bị diệt, Bùi Thị Xuân vô cùng căm giận. Nhưng trước họa giặc Ánh đang lăm le đánh ra nhiều nơi, Bùi Thị Xuân cân nhắc nên ở lại giữ thành Quảng Nam phòng giặc bất thần đánh ra hay đem quân hồi triều hỏi tội lũ rũ rối triều chính? Suy đi tính lại, Bùi Thị Xuân thấy rõ, đem quân hồi triều lúc này là trái mệnh vua. Vả, làm việc ấy sẽ kinh động triều đình, lòng dân dễ nản. Xét cho cùng, nếu cuộc đụng độ có xảy ra thì kẻ có lợi lại chính là giặc Ánh. Cho nên, Bùi Thị Xuân gấp cho người đi Diên Khánh báo tin cho Trần Quang Diệu; mặt khác, nữ tướng thân lên mặt thành đôn đốc việc canh phòng và phái đội thám mã sành sỏi đi về hướng giặc.

Quả nhiên, lợi dụng triều Cảnh Thịnh lục đục, Nguyễn Ánh cử Nguyễn Văn Thành, Võ Tánh đem quân ra đánh Phú Yên, còn tự mình đôn đốc xuất quân thủy, bộ ra đánh Quy Nhơn. Đến Quy Nhơn, thấy lực lượng quân Tây Sơn còn mạnh, Nguyễn Ánh bỏ Quy Nhơn, xuất kỳ bất ý đem quân đánh Quảng Nam. Vì đã chú ý đề phòng nên đội thám mã của Bùi Thị Xuân đã phát hiện được quân Ánh từ khi chúng còn ở Bản Tân.

Giữa lúc đang tính kế đánh Nguyễn Ánh thì một việc khẩn cấp lại xảy đến. Ngay ngày hôm ấy, viên nữ tướng Tây Sơn nhận được chiếu chỉ của vua Cảnh Thịnh thúc phải hồi triều.

- Việc gì đã xảy ra ở kinh đô, Bùi Thị Xuân nâng chiếu chỉ đặt lên án thư, hỏi viên tướng tùy tùng Việc hồi triều này có phải là mưu Vũ Văn Dũng định hại ta chăng?

Viên tướng tùy tùng, giọng ái ngại:

- Có thể nào chủ tướng cũng thoái thác không về vội, phòng bất trắc.

Bùi Thị Xuân nóng nảy:

- Trong tay có đội nữ binh thiện chiến, dốc lòng vì vua vì nước, lũ gây rối triều đình chỉ như cá nằm trên thớt, mà kẻ cầm đao lại là ta. Song ta bận tâm về chuyện khác. Ngươi không hay biết Nguyễn Ánh đã đem quân ra đó sao? Chợt Bùi Thị Xuân hỏi: Phó tướng còn ở trong quân doanh không?

- Thưa chủ tướng! Nữ tướng Lộc vừa ra ngoài thành theo lệnh của chủ tướng.

- Vậy, ngươi triệu các đội trưởng lại ngay.

Chỉ một lúc sau, các đội trưởng, vẻ mặt căng thẳng đã đến đủ.Bùi Thị Xuân lướt nhìn các khuôn mặt thân thiết, nhưng cặp mắt dò hỏi, giọng chắcnịch:

- Nội nhật ba ngày nữa, vâng theo chiếu chỉ của Hoàng thượng, chúng ta phải đem binh trở về Phú Xuân. Vậy các ngươi hãy chào dân, thu xếp lương ăn, lau chùi binh khí sẵn sàng đợi lệnh ta.

Một đội trưởng không kìm được sửng sốt:

- Thưa chủ tướng! Chúng ta bỏ thành này và...

- Phải theo lệnh Hoàng thượng!Bùi Thị Xuân không muốn để viên đội trưởng nói đến việc đánh giặc Ánh, nên cắt ngang, nếu không thì còn gì là kỷ cương nữa.

Các đội trưởng hiểu rõ phong cách đối xử bất thường của chủ tướng họ ẩn một cái gì hệ trọng chưa thể tiết lộ được, nên đã kìm nỗi băn khoăn ra về. Đọc được những ý nghĩ ấy trong cái nhìn ngỡ ngàng nhưng biết sự kìm chế của các đội trưởng, Bùi Thị Xuân thấy lòng ấm áp, hơn thế, nột nõi xúc động tràn ngập đến trào nước mắt, Chính tình thương yêu, sự gắn bó, nỗi cảm thông của các viên đội trưởng và tất cả nữ binh, đã nâng bổng tâm hồn viên nữ tướng, khích lệ viên nữ tướng ném tất cả sự khôn ngoan, sáng suốt và táo bạo đánh thắng kẻ thù. Bây giờ cũng vậy, trước kẻ thù nham hiểm, lọc lõi, trước sự dồn ép từ mệnh lệnh của triều đình Cảnh Thịnh, chính tình thương yêu đồng độ bắt nguồn từ nghĩa lớn: Mưu cảnh thịnh trị, thái bình, trong ấm ngoài êm cho muôn họ, đã tiếp cho Bùi Thị Xuân đủ sự thông minh để quyết định trong một thời gian ngắn nhất sẽ làm được cả hai việc: đánh Nguyễn Ánh và hồi triều. Trong khốn khó mới tỏ được trí khôn. Một kế đánh tàn bạo đã nhanh chóng được xếp đặt trong đầu viên nữ tướng.

Có tiếng chân người gấp gáp, bước tới. Viên phó tướng của Bùi Thị Xuân, mặt đỏ gay tiến vào hỏi:

- Thưa chủ tướng! Chủ tướng định đem quân hồi triều sao?

Bùi Thị Xuân từ ngạc nhiên đến thích thú trước sự nổi nóng bất thường của viên

phó tướng:

- Vậy, ý nữ tướng khác thế chăng?

- Xin chủ tướng nghĩ lại. Tướng ở ngoài triều có quyền tự ý hành động. Chúng ta không thể mang tiếng hèn nhát chạy giặc.

Bùi Thị Xuân bật cười:

- Nữ tướng cũng hiểu lầm bụng ta. Vậy, trận này giặc Ánh tất phải mảnh giáp không còn. Ta muốn làm kiêu lòng giặc mà tuyên ngôn vậy thôi.

Chợt hiểu, phó tướng Lộc ngượng nghịu cúi đầu.

Quả như dự đoán của Bùi Thị Xuân, sau khi biết tin viên nữ tướng Tây Sơn sửa soạn đem binh hồi triều, Nguyễn Ánh cho là Bùi Thị Xuân không phòng bị, lập tức hành quân gấp tiến đánh Quảng Nam. Nhưng trận ác chiến đã diễn ra hoàn toàn đảo ngược với những tính toán của Nguyễn Ánh. Trên đường quân Ánh tiến tới Quảng Nam, chúng đã bị đội quân thiện chiến của viên nữ tướng Tây Sơn phục đánh đúng chỗ Bùi Thị Xuân đã chọn.

Trận ấy, Nguyễn Ánh đi đoạn hậu may mắn thoát chết. Nhưng mối nhục thua cả trí lẫn tài người nữ tướng Tây Sơn đã khiến cho Nguyễn Ánh lồng lộn tức tối. Đem tàn quân rút về đến Gia Định, Ánh nói phao lên rằng quân hắn vì hết lương nên không cốt chiếm Quảng Nam, giấu biệt trận thua đau bất ngờ. Lập được công lớn, tên tuổi Bùi Thị Xuân nổi lên như sóng cồn. Những kẻ ghen ghét Bùi Thị Xuân ở triều thấy vậy tìm cách gièm pha, cố hại Bùi Thị Xuân. Quan Thiếu Bảo Nguyễn Văn Huấn sau khi được Vũ Văn Dũng phái đi ám hại Trần Quang Diệu không thành đã nhân cơ hội ấy, vu khống với vua rằng: Bùi Thị Xuân cậy có chút công với tiên đế, ỷ quyền trấn thủ Quảng Nam đi kinh lý các nơi tha hồ lộng hành cách chức người chính trực, mưu kết bè đảng, xem ra hành động có phương lược lắm. Đã thế, Bùi Thị Xuân lại tự phụ, cưỡng mệnh Hoàng thượng không chịu hồi triều. Người như vậy phải trừ đi, phòng hậu họa.

Vua Cảnh Thịnh cả nghe Nguyễn Văn Huấn, lần thứ hai xuống chiếu triệu Bùi Thị Xuân hồi triều.

Chiếu chỉ của vua Cảnh Thịnh tới Quảng Nam thì Bùi Thị Xuân được tin dữ: Trần Quang Diệu đã đem quân từ Diên Khánh về dàn trận đánh nhau với Vũ Văn Dũng ở Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh phải thân ra khóc lóc, dàn xếp mới tránh cuộc xung đột đổ máu giữa hai viên hổ tướng triều đình.

Bùi Thị Xuân để lại ba nghìn quân do phó tướng Lộc ở lại giữ thành, còn mình đem hai nghìn quân trở về Phú Xuân.

Về đến kinh thành, hay tin quan thiếu phó Trần Quang Diệu và quan Đại Tư đồ Vũ Văn Dũng vì nước đã xóa bỏ hiềm khích, và được vua Cảnh Thịnh cử đem quân tiến vào khôi phục thành Quy Nhơn vừa bị mất, Bùi Thị Xuân lo lắng vào chầu vua ngay.

Vừa thấy Bùi Thị Xuân, vua Cảnh Thịnh làm mặt giận:

- Vẫn biết tướng ngoài triều không cần phải theo mệnh vua. Nhưng triệu khanh về là việc quân quốc trọng sự. Vậy mà trẫm phải đêm ngày thấp thỏm lo lắng, là nghĩa làm sao?

Bùi Thị Xuân sụp lạy:

- Muôn tâu Hoàng thượng! Thần thiếp tài hèn đức mọn, xin khấu đầu trước bệ rồng chịu tội.

Vau Cảnh Thịnh nổi giận:

- Bọn khanh cậy có chút công với tiên triều nên có bụng tự phụ cho mình là giỏi, khinh thường các đại thần, xem nhẹ lệnh trẫm?

Bùi Thị Xuân ngỡ ngàng:

- Tâu Hoàng thượng. Thần thiếp mà có bụng ấy xin không được trông thấy mặt rồng một lần. Huống hồ, thần thiếp đã làm gì nên công. Thần thiếp ngỡ rằng lũ xấu bụng đã tâu lên Hoàng thượng những điều đổi trắng thay đen để làm hại người ngay thẳng.

Vua Cảnh Thịnh nổi nóng:

- Người hãy trả lời ta, từ ngày cử ngươi vào trấn thủ Quảng Nam, có phải ngươi chỉ lo kết bè đảng, mua chuộc lòng dân, tạo uy tín cho riêng mình hay không? Ngươi đem binh về chậm là vì cớ gì? Ngươi biết ta nể bọn ngươi nên lên mặt quá trớn chăng?

Bị oan ức nhưng Bùi Thị Xuân không phải là người nói giỏi, càng không phải làngười nói khéo. Hơn thế, cũng như chồng, nữ tướng vì không muốn để minh oan lại làm tổn hại đến việc mình đang theo đuổi là tạo nên sự đồng tâm nhất trí trong triều đình, nhằm đối phó với giặc. Vì vậy, sau một phút yên lặng, nữ tướng nước mắt rơm rớm tâu:

- Thần thiếp được Hoàng thượng phó thác cho việc coi quân trị dân đâu dám không rũ lòng thương yêu muôn dân, không theo đạo nhân nghĩa của Hoàng thượng để biến ý đấng tối thượng thành ý dân. Thiết nghĩ, nếu thần thiếp làm việc theo ý mình, trái lòng người, che ác với vua, kết bè đảng, vụ lợi cho riêng mình, không thích nghe thích xét mọi nguyện vọng của muôn dân, để dân oán triều đình, ấy mới là tội. Thần thiếp lo cố kết lòng dân, khuyến khích lòng trung quân ái quốc của trăm họ chính là để tạo cho thế nước ở đỉnh cao ngàn trượng, đủ sức cự giặc chứ đâu phải thần thiếp không biết xả thân vì vua vì nước.

Lại nữa, trong lúc quân giặc do đích thân Nguyễn Ánh tiến đánh thành Quảng Nam, thần thiếp lo đánh tan giặc rồi hồi triều, tưởng cũng là việc chứ đâu phải dám xem thường thượng lệnh.

Vua Cảnh Thịnh ngẩn người:

- Khanh nói sao? Nguyễn Ánh tiến binh ra bao giờ?

- Trước lúc thần thiếp đem binh hồi triều, mấy nghìn quân của Nguyễn Ánh đã

áp đánh thành Quảng Nam, thần thiếp ân hận đã để Ánh và lũ quân chạy thoát.

Vua Cảnh Thịnh sửng sốt, dịu giọng:

- Lạ thật! Chuyện thế mà sao khanh không tâu ngay để trẫm rõ đầu đuôi sự thật?

Vua nói xong không đợi trả lời, vội rời ngai vàng đi bách bộ trong tòa điện lớn. Dường như ông vua trẻ sao nhãng việc triều chính suy nghĩ lung lắm. Một lúc lâu, vua dừng lại ngắm nhìn Bùi Thị Xuân, giọng nhẹ nhàng:

- Khanh có biết trẫm triệu khanh về vì cớ gì không?

Bùi Thị Xuân lặng lẽ cúi đầu.

- Bọn giặc Ánh đang sửa soạn đại binh đánh ra, mà thực là khanh đã đánh lui giặc. Ánh đắc chí vì được bọn Phú lãng sa trợ giúp binh sĩ, tàu đồng, vũ khí tưởng có thể nuốt trôi được ta. Chúng dám to gan mưu lấy đất Quy Nhơn, gây mối lợi về sau. Bởi thế, trẫm đã phái quan thiếu phó cùng Đại Tư đồ Vũ Văn Dũng đem đại binh tiến vào Quy Nhơn. Triệu khanh về là để giữ kinh thành, phòng giặc liều mạng đánh ra.

- Muôn tâu Hoàng thượng! Thần thiếp đêm ngày lo điều ấy. Nhưng giữ kinh thành là việc lớn, phận nữ nhi đâu cáng đáng được!

- Khanh quá nhún mình. Trẫm nghĩ kỹ rồi, làm tướng bản triều không ai hơn được khanh. Giao cho khanh việc lớn là để đền ơn tiên đế và báo ơn cho trẫm vậy.

- Muôn tâu Hoàng thượng! Nước mạnh không cần xây nhiều thành trì. Bởi vì thành trì kiên cố nhất chính là lòng dân, Trước họa giặc Ánh, cốt quân dân một lòng, trên dưới thuận hòa mới là kế giữ nước lâu bền. Làm nên công lớn đâu phải là sức một người, huống hồ là thần thiếp!

Vua Cảnh Thịnh hỏi Bùi Thị Xuân:

- Bây giờ giặc Ánh to gan, vận nước như trứng để đầu đẳng. Vậy khanh có hiến kế gì để yên lòng trẫm không?

Bùi Thị Xuân tâu:

- Trăm họ ai cũng có lòng trung quân ái quốc, một lòng nhớ ơn tiên đế, sẵn lòng sống chết cho triều Tây Sơn. Nhưng bao năm chinh chiến, sức dân đã kiệt, quan lại không hết lòng thương dân nên không tránh khỏi tiếng oán than triều đình. Bởi vậy, điều cốt yếu lúc này phải khoan nới sức dân. Những kẻ cự quan nhiệm chức trong triều, ngoài trấn đã cốt vì thiên hạ, giết giặc tàn ác thì nên ăn theo lối mộc mạc để tỏ cái đức của mình, mới mong làm gương cho dân chúng. Thứ nữa, Hoàng thượng nên truyền hịch kể tội giặc Ánh hai lần rước voi về giày mồ, khích lệ trai tráng đầu quân thì chẳng mấy chốc, Hoàng thượng sẽ có một đạo binh lớn, hết lòng vì nước, giặc Ánh phỏng làm gì được?

Vua Cảnh Thịnh hồ hởi: Khanh đã vén cho trẫm một đám mây mờ. Trẫn sẽ truyền hịch cho dân chúng. Khanh là tướng nên dốc lòng giúp trẫm chuyển binh, luyện tập cho tinh.

Bùi Thị Xuân mệt mỏi cáo lui.

Triều Tây Sơn phạm phải một sai lầm về chiến lược. Vì cay cú quyết chiếm được thành Quy Nhơn vừa bị mất, nên Cảnh Thịnh đã cho Trần Quang Diệu đem mười vạn tinh binh, Vũ Văn Dũng mang hầu hết chiến thuyền của Tây Sơn vào bao vây Quy Nhơn. Phú Xuân vì vậy bỗng trở nên sơ hở. Bùi Thị Xuân thấy được sai lầm ấy nhưng vì không có được toàn quyền hành động nên viên nữ tướng lo lắng tuyển quân, huấn luyện tân binh, sẵn sàng bước vào trận lửa.

Giữa một ngày đang luyện quân, Bùi Thị Xuân kinh hoàng hay tin thành Quảng Nam bị tướng giặc Tôn Thất Hội đem quân tiến đánh. Lo lắng cho tính mạng hàng ngàn nữ binh thân yêu của mình ở đó. Bùi Thị Xuân xin vua hành quân thần tốc vào cứu viện. Diệt được giặc, nhưng trên đường trở về Bùi Thị Xuân được tin Nguyễn Ánh. Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành thống lĩnh một ngàn chiến thuyền vượt biển đang đánh vào cửa Thuận An. Lập tức Bùi Thị Xuân thúc quân tiến gấp. Tin dữ do thám mã báo về, quân Tây Sơn do phò mã trị trấn cửa Thuận An đã bị vỡ. Vua Cảnh Thịnh hiện đang thân đốc suất quân Tây Sơn cự giặc ở ngoài thành Phú Xuân. Rồi vua Cảnh Thịnh bị hãm trong vòng vây của quân giặc. Kịp về đánh tập hậu vào đội hình quân giặc, cứu vua thoát chết, nhưng rồi chính Bùi Thị Xuân và đội nữ binh thiện chiến lại bị quân Ánh trùng trùng điệp điệp bủa vây.

Bị thua trận, lại mất tướng tài, Vua Cảnh Thịnh sau đấy, bỏ chạy ra Thăng Long.

Từ ngày vua Cảnh Thịnh đem tàn quân chạy ra Thăng Long, ở các phố phường, các chợ bỗng lan truyền một bài thơ:

Trên trời có đám mây xanh

Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng

Trong cơn sóng gió phũ phàng

Ai người chèo lái vững vàng hỡi ai...?

Bài thơ hàm ý lo cho vận nước ấy khiến vua Cảnh Thịnh càng buồn phiền. Bởi vì đã mấy tuần trôi qua, ông vua trẻ cùng đám cận thần bạc nhược ấy chưa biết xoay xở, cứu vãn tình thế bằng cách nào. Cực chẳng đã, Cảnh Thịnh quyết định thiết đại triều để bàn kế giữ nước. Giữa lúc hiệu lệnh thiết triều nổi lên từ phía Nam thành, một đội nữ kỵ sĩ mặc võ phục màu đỏ đang phóng tới. Người chủ tướng của đội nữ binh ngồi trên bành voi con độc ngà, tay trái bị thương đã được băng bó. Đến khu vực hoành thành, viên nữ tướng cho quân dừng lại nghỉ ngơi rồi một mình xốc kiếm đi vào hoàng cung. Vừa tới cửa cấm, viên nữ tướng liền bị quân canh ngăn lại. Làn da mịn màng trên khuôn mặt đôn hậu và thông minh của viên nữ tướng bỗng đỏ bừng:

- Ta vào bệ kiến Hoàng thượng bàn kế đánh giặc.

Toán lính cận vệ cười ngặt nghẽo:

- Bản triều chỉ có một nữ tướng, kiệt tài tên là Bùi Thị Xuân thì người ấy đã liều mình cứu vua rồi. Nhà ngươi định dọa chúng ta phải không?

- Chính ta là Bùi Thị Xuân đây. Nữ tướng dõng dạc đáp.

Nghe vậy toán quân cấm vệ ngây người sửng sốt. Bùi Thị Xuân sải những bước dài đi qua toán quân cấm vệ. Vừa đến thềm điện, Bùi Thị Xuân đã trông thấy hai hàng đại thần vẻ mặt nghiêm trang, thành kính đang hướng về phía vua Cảnh Thịnh. Ngự trên chiếc ngai vàng bằng gỗ tứ thiết bóng lộn như sừng, vẫy rồng lấp lánh ánh bạc dát vào, vua Cảnh Thịnh tư lự đăm chiêu vẫn không giấu được nét trẻ trung hơn cả hai mươi tuổi của mình. Sau một giây cân nhắc, Bùi Thị Xuân lấy lại tự nhiên, tiến về phía vua.

Tiếng xì xào bỗng nổi lên. Vua Cảnh Thịnh xoay người.

- Muôn tâu Hoàng thượng Bùi Thị Xuân quỳ xuống Thần thiếp từ Phú Xuân xin vào ra mắt Hoàng thượng.

Sau phút kinh ngạc, vua Cảnh Thịnh vỗ ngai đứng dậy, thân đỡ Bùi Thị Xuân, giọng lạc đi:

- Khanh vẫn còn sống đó ư? Trẫm đêm ngày thương tiếc. Nếu không có khanh đem quân cứu giá hôm ấy, trẫm đã nguy khốn rồi. Chuyện đầu đuôi thế nào mà người ta tâu với trẫm khanh bị vây hãm rồi bị giết.

- Tâu Hoàng thượng! Sau lúc cố sức đánh không để giặc xúc phạm tới Hoàng thượng, thần thiếp cùng đội nữ binh ra sức cự địch ngăn không cho giặc chiếm kinh thành, chờ viện binh tới. Về sau, được tin Hoàng thượng đã ra Bắc Hà, thần thiếp liệu sức mình không cự nổi nên cũng thủ quân. Giặc Ánh cậy có mấy nghìn lính Phú lãng sa trong tay, diễu võ giương oai vậy thôi, chứ võ nghệ lũ ấy xem ra cũng rất thường.

Vua Cảnh Thịnh an ủi:

- Thôi, còn tướng, còn quân sĩ là còn cơ hội khôi phục kinh thành. Trong lúc quốc nạn này Cảnh Thịnh tiếp các khanh phải vì trẫm nghĩ kế giữ nước. Trẫm lâu nay, ngày quên ăn, đêm quên ngủ cũng vì việc lớn còn canh cánh bên lòng.

Một viên đại thần bước ra tâu:

- Cứ theo ý ngu thần thì một khi đã dời đô ra Thăng Long này thì đất Thuận Hóa khó mà giữ được. Lúc lâm chung, tiên vương dặn các tướng phải sớm giúp Hoàng thượng dời đô ra Phượng Hoàng trung đô. Xem vậy, ngay cả tiên vương cũng không trọng đất Thuận Hóa. Lại nữa Thuận Hóa vốn xưa không phải đất triều Lê. Các vua Lê phí bao nhiêu của cải mới lấy được xứ ấy rồi lại vẫn không giữ được. Cho nên mất cũng là may. Bây giờ chỉ nên bàn tính việc đem quân trấn giữ Nghệ An và phái người giảo hoạt đi gặp Nguyễn Ánh phân rõ cương vực từ đất ấy. Nếu ta lấy sự mất đất Thuận Hóa làm may, ắt Ánh phải coi sự lấy đất của ta làm điều đáng ngại. Đó là kế vẹn toàn nhất.

Viên đại thần nói xong lui xuống, vẻ tự đắc. Nhưng y đã sầm mặt lại khi bắt gặp cái nhìn nảy lửa tỏ rõ sự khinh bỉ của Bùi Thị Xuân. Cùng lúc ấy, một đại thần khác, tâu:

- Lời tâu của vị đại quan vừa rồi khác nào cúi đầu hàng giặc. Giặc Ánh đã đánh Phú Xuân, tất ngày một ngày hai sẽ đánh Nghệ An rồi đánh cả Thăng Long này nữa. Cho nên, muốn giữ được nước phải nghĩ kế phá giặc. Muốn phá giặc phải dụ chúng đến chỗ mình muốn đánh. Diệu kế để đánh được giặc Ánh là dụ chúng ra Bắc Hà. Thử hỏi, nếu ta có cả chục vạn quân dàn đầy xung quanh Thăng Long, lại cử các tướng đốc lãnh các quân thủy đạo chặn giặc từ sông Luộc. Khi ấy, thế giặc kéo ra Bắc Hà chỉ như thế muỗi đội núi, tránh sao khỏi bị diệt.

Nhiều tiếng xì xào nổi lên. Vua Cảnh Thịnh tỏ rõ sự lúng túng trước những lời tâu ấy. Còn Bùi Thị Xuân, viên nữ tướng thấy máu nóng chảy rần rật khắp người. Và, trong nỗi giận không kìm được, Bùi Thị Xuân cất giọng lanh lảnh:

- Muôn tâu Hoàng thượng! Thần thiếp chưa biết các vị văn quan này được Hoàng thượng sủng ái đến bậc nào nhưng thần thiếp xin mạo muội tâu rằng: Vị trước thì hiến kế dâng đất cho giặc, vị sau thì nói đến phá giặc nhưng thực là không dám cự giặc. Trong lúc vận mệnh đất nước ngàn cân treo sợi tóc, giặc thì quỷ quyệt hung hãn, kế sách ấy khác nào giở giáo đón giặc. Cho nên, thần thiếp cúi đầu xin Hoàng thượng bỏ ngoài tai những lời tâu không đúng phẩm giá của người trượng phu trong đạo thờ vua giúp nước.

Cả cung điện im lặng đến căng thẳng.

Viên đại thần tâu lúc đầu, giọng khinh khỉnh:

- Tâu Hoàng thượng! Thần xem cách ăn nói của Bùi nữ tướng có vẻ tự đắc và hàm hồ vậy đấy!

Bùi Thị Xuân xoay người, nhìn thẳng vào mặt tên quan rồi ngước lên nhà vua:

- Thần thiếp xin Hoàng thượng hãy truyền hịch động binh, với lính các trấn về hợp sức tiến vào Phú Xuân quyết chiến với giặc. Để chắc thắng, Hoàng thượng nên mật sai người truyền lệnh cho quan thiếu phó và quan Đại Tư đồ cùng đem binh từ Quy Nhơn đánh ra. Bị kẹp giữa hai đạo binh lớn, Nguyễn Ánh và bọn Phú lãng sa có phép tàng hình cũng không thoát chết. Việc khẩn cấp, xin Hoàng thượng quyết đoán một lần.

Lý lẽ sắc bén của Bùi Thị Xuân đã cảm hóa được đa số quan văn võ tướng. Vua Cảnh Thịnh cũng lộ rõ sự thiện cảm đặc biệt đối với viên nữ tướng bỗng dưng có tài hùng biện. Bởi vậy, vua truyền:

- Ngay ngày hôm nay, trẫm sẽ truyền hịch phủ dụ dân chúng và điều binh các trấn về hợp sức và chờ ngày xuất quân đánh giặc. Trẫm cũng kíp phái lính cảm tử đem mật chiếu báo cho đạo quân ở Quy Nhơn biết mà phối hợp đánh về. Các khanh hãy vì trẫm dẹp mối hiềm khích, dốc lòng dốc sức cho việc lớn mau thành. Được như vậy cũng là phúc lành cho dân vậy.

Nói rồi vua Cảnh Thịnh truyền lệnh bãi triều.

Cũng từ sau buổi thiết đại triều ấy, lần đầu tiên Bùi Thị Xuân được vua Cảnh Thịnh trọng dụng, giao cho nắm giữ binh quyền như một đại tướng. Vua lưu Bùi Thị

Xuân ở ngay trong cung để tiện bàn bạc. Và đầu mùa đông năm ấy, một kế đánh quy mô thu hút hơn ba vạn quân thủy bộ đã được Bùi Thị Xuân phác họa, vua Cảnh Thịnh chuẩn y. Đạo quân ấy do Bùi Thị Xuân làm tướng tiên phong, vua Cảnh Thịnh thân đốc suất quân trung. Đạo quân này đánh thẳng vào quân bản bộ của Nguyễn Ánh ở lũy Trấn Ninh. Đạo quân thủy bộ do Đại Đô Đốc Nguyễn Thận thống lĩnh sẽ đem chiến thuyền đánh thủy quân giặc ở Sông Gianh. Hai đạo quân ấy rời Thăng Long đầu tháng một năm 1801.

Được bọn đạo trưởng Phú lãng sa, ở Bắc Hà thông báo kịp thời mọi hành động của quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh vội chiếm lĩnh Trấn Ninh và điều đến lũy một đạo quân còn đông hơn quân Tây Sơn. Vốn là người có kinh nghiệm cầm quân. Ánh để Đặng Trần Thường trấn giữ mặt Tây, Nguyễn Văn Thành giữ mặt giữa, còn đích thân Ánh thống lĩnh đại binh giữ mỏm xung yếu nhất ở Trấn Ninh. Hơn một nghìn lính Phú lãng sa tăng cường cho đạo quân của Ánh. Trên sông Gianh ken đặc thuyền chiến và tàu đồng, tướng giặc giỏi thủy trận Tường Quang hầu đích thân đốc suất. Quân Ánh chẳng những không bị bất ngờ mà còn sẵn sàng giáp chiến với quân Tây Sơn.

Sáng ấy, khi Ánh cùng đám vệ sĩ lên ngựa đi lại đầu lũy thì trời đã sáng rõ. Ánh dừng lại bên một khẩu thần công, căng mắt mà quan sát phía trước. Ánh bỗng kêu lên.

- Quân Tây Sơn.

Nghe tiếng kêu của Ánh lại thấy quân Tây Sơn trùng trùng điệp điệp kéo tới, một võ sĩ của Ánh hốt hoảng đánh rơi kiếm.

Quay nhìn thấy tên võ sĩ, Ánh rít gọng hỏi:

- Ngươi sợ phải không?

- Tâu chúa thượng!...

Tên võ sĩ chưa nói hết câu, Ánh đã vung kiếm chém đứt đầu. Đạp vào cái xác đầm đìa máu. Ánh điềm tĩnh, mặt lạnh như tiền quay lên nhìn. Quân Tây Sơn đã tản ra dàn hàng ngang đông đặc ven đồng. Mấy chục khẩu thần công chĩa nòng lên lũy cũng đang thận trọng tiến lên.

Cụm quân Phú lãng sa bỗng nhốn nháo. Những tên hăng máu xì xồ chỉ trỏ. Bọn chỉ huy đã phải dùng đến súng, cùi tay để giữ kỷ luật. Ánh bắn pháo hiệu rồi nhìn khắp một lượt từng dãy quân sĩ của hắn đã ken đặc trên từng bậc lũy.

Bên quân Tây Sơn, trận địa cũng đã được phân rõ. Vua Cảnh Thịnh đốc suất gần hai vạn quân men theo cánh đồng, đánh vào giữa lũy. Bùi Thị Xuân thống lĩnh một vạn quân đánh vào mặt lũy kiên cố nhất, giáp làng Trấn Ninh, nơi Nguyễn Ánh đang trấn giữ. Nguyễn Ánh ra lệnh cho mấy chục khẩu thần công bắn thị uy khi thấy viên nữ tướng Tây Sơn cưỡi voi trận dẫn đầu dòng thác quân Tây Sơn đang ào ào tiến về phía hắn. Đạn quân Ánh rơi xuống trước quân Tây Sơn. Đất đá rung lên rào rào. Trên bành voi chiến, Bùi Thị Xuân tuốt kiếm chỉ lên mặt lũy. Cờ lệnh quân Tây Sơn chúc hẳn xuống. Quân Tây Sơn theo sau voi chiến của chủ tướng, lớp lớp xông lên.

- Các ngươi Ánh thét giật giọng Ai bắn chết nữ tặc tướng, ta thưởng công đầu. Thần công, điểm hỏa!

Hàng chục phát đạn xé không khí lao vút vào đội hình quân Tây Sơn.

Bên Tây Sơn, theo lệnh Bùi Thị Xuân, mấy chục khẩu thần công căng hàng nhích lên. Đằng sau dãy súng, bộ binh Tây Sơn, áo và khăn đầu đỏ rực, binh khí tua tủa, đông như kiến cỏ cũng thận trọng tiến lên theo.

Quãng cách giữa hai đội quân càng ngắn lại. Một loạt thần công của Nguyễn Ánh khạc lửa, quét ngang một vệt trước đầu voi Bùi Thị Xuân. Trong khói súng mịt mờ tiếng Bùi Thị Xuân lanh lảnh:

- Thần công phát hỏa!

Tường lũy quân Ánh rung lên trong cơn bão lửa. Nhiều chỗ rào bị phá, những cọc thông bị giập nát. Dứt tiếng súng quân Tây Sơn ào ạt xông lên.

Súng Nguyễn Ánh không kịp chỉnh lên làn đạn qua đầu các xạ thủ Tây Sơn. Được dịp các cỗ súng Tây Sơn tiến gần đến chân lũy. Súng hai bên thi nhau nổ. Trong khói súng mờ mịt, Bùi Thị Xuân chợt thấy hai đoạn lũy đã bị phá vỡ. Bùi Thị Xuân vội nổ pháo hiệu: Lập tức các nam nữ binh sĩ Tây Sơn, tay cầm mộc che thân, tay cầm hỏa hổ đã châm lửa, hoặc cầm giáo dài lớp lớp xông lên. Một cơn mưa đá dội xuống. Các khẩu thần công của Ánh cũng chúc nòng gầm thét. Phút chốc hàng ngũ quân Tây Sơn nghiêng ngả. Nhưng theo gót chủ tướng, quân Tây Sơn lại ùn ùn xông lên. Ở hai khoảng lũy vỡ, hàng loạt quân giặc cố sức vác gỗ chèn lại đã bị chết trước mũi giáo quân Tây Sơn. Quân Tây Sơn giẫm lên xác giặc Ánh, trèo qua những thân gỗ, nhảy lên mặt lũy đông như bầy chim sẻ, một cuộc ác chiến khủng khiếp diễn ra trên lũy. Giặc Ánh không chịu nổi hỏa hổ của quân Tây Sơn phải lùi dần. Lính Phú lãng sa bị bỏng, bỏ cả vũ khí, giống lên như bò bị chọc tiết. Những bó đuốc của quân Tây Sơn được chuyền tay đưa lên mặt lũy. Rồi, rừng thang bay về tường lũy, chọc thẳng lên phía pháo đài của quân giặc. Doanh trại giặc bốc cháy ngùn ngụt. Ở đấy, xác binh sĩ giặc Ánh và xác binh sĩ Tây Sơn nằm đè lên nhau quằn quại, Trận địa náo động, tiếng rên la, gào thét, tiếng súng nổ, tiếng gươm khua, náo động rung trời chuyển đất cùng tiếng reo hò của hàng vạn binh sĩ Tây Sơn. Trước cảnh hỗn chiến, Bùi Thị Xuân xuống voi, cầm kiếm vượt lên lũy tiếp sức quân sĩ. Một tên Phú lãng sa to như hộ pháp, chưa kịp nổ súng, đã bị Bùi Thị Xuân đưa một lưỡi kiếm bén ngọt vào bụng.

Thần công của giặc Ánh đã câm bặt. Quân Tây Sơn đã chiếm được một đoạn lũy dài và đang đánh dồn binh lính Ngyễn Ánh chạy giạt ra. Vừa lúc ấy, giữa lũy binh lính của Ánh bỗng dồn lại như thác lũ. Bùi Thị Xuân lo lắng nghĩ thầm: Trận địa của vua Cảnh Thịnh vỡ rồi chăng? Chỉ một lúc sau, cánh quân Bùi Thị Xuân đã bị đánh bật trở lại. Trên mặt lũy, máu quân Tây Sơn và máu quân Ánh nhuộm thấm cả đất, ngấm xuống cả tường lũy.

Thấy vậy, Bùi Thị Xuân đành ra lệnh cho quân mình vừa đánh vừa chuyển các thương binh ra ngoài. Dân chúng ở Trấn Ninh và các vùng lân cận túc trực ở đó, đã

vây quanh các thương binh Tây Sơn với những chậu nước pha muối, giẻ lau, băng phèn chua, rượu. Họ hiểu như thế nào thì liền chữa thương như thế ấy.

Trận địa dần dần im lặng. Bùi Thị Xuân nghe nghèn nghẹn ở cổ, nước mắt muốn trào ra. Hồi hộp nhìn sang trận địa vua Cảnh Thịnh, Bùi Thị Xuân kinh hoàng thấy ở đó không còn một bóng người.

Một nữ binh phóng ngựa chạy lại, hốt hoảng:

- Thưa chủ tướng! Vua Cảnh Thịnh đã cho lui quân từ lâu rồi.

- Trời ơi! Bùi Thị Xuân kêu lên thất vọng, sắc mặt đỏ gay vì nắng và mệt. Bùi Thị Xuân trao quyền cho phó tướng vội vã lên yên ngựa. Sau khi vượt qua bao nhiêu binh sĩ, Bùi Thị Xuân mới nhìn thấy vua Cảnh Thịnh, chiến bào sạm khói súng ở phía trước.

- Xin hoàng thượng dừng lại. Bùi Thị Xuân gò mình trên lưng ngựa, gọi to.

Vua Cảnh Thịnh ngoảnh lại mặc dù nhìn thấy Bùi Thị Xuân nhưng vẫn cho ngựa phi nước đều.

- Hoàng thượng dừng lại, thần thiếp xin tâu bày. Cuối cùng Bùi Thị Xuân đã đuổi kịp, níu lấy áo bào của vua, van vỉ.

Cảnh Thịnh buộc phải dừng ngựa, nhưng lộ rõ sự khó chịu:

- Đánh đến nửa ngày không thắng thì phải lui quân. Vả, lũy lại kiên cố, giặc biết trước đã phòng bị chu đáo.

- Tâu Hoàng thượng Bùi Thị Xuân đã xuống ngựa, quỳ xuống trận đánh chưa phân thắng bại. Hơn thua ăn nhau ở bên nào đánh liều mình cự chiến ngay phút chót. Vả, quân của thần thiếp đã vượt lên mặt lũy, Hoàng thượng nỡ lòng nào vội thối chí, sớm lui quân!

- Ta sẽ về Thăng Long huy động đại binh mã. Nguyễn Ánh sẽ phải bỏ xác ở đó.

- Muôn tâu Hoàng thượng Bùi Thị Xuân nức nở nếu vậy cơ đồ nhà Tây Sơn hỏng thật sao? Không chặn được giặc ở đây, lòng quân sẽ nản, giữ sao được Thăng Long?

- Binh sĩ không còn lòng dạ nào đánh nữa. Khanh thấy rồi đó.

Bùi Thị Xuân lại quỳ xuống, hai tay dâng kiếm:

- Khi trước tiền nhân nói: Nếu bệ hạ muốn hàng trước thì xin chém đầu thần đi đã. Nay, thế trận chưa ngã ngũ, quân sĩ vẫn một lòng quyết chiến. Vậy nếu Hoàng thượng muốn lui quân xin cũng chém đầu thần thiếp đi.

Cảm động trước tấm lòng sắt đá của đấng trung thần, vua Cảnh Thịnh đành quay ngựa trở lại chiến lũy.

Nhưng đến chiều ông vua bạc nhược ấy lại đơn độc rút lui lần nữa. Bởi thế, lần thứ hai thế trận quân Nguyễn bị vỡ, cánh quân của Bùi Thị Xuân đã vượt được lên mặt lũy, lại bị đánh bật trở lại.

Trong cơn giận giữ xen lẫn đau xót đến tột độ, Bùi Thị Xuân muốn đuổi theo vua để hỏi cho ra lẽ. Nhưng mệt mỏi chán chường sau cả ngày xung trận, lại lạc voi chiến, nữ tướng lên ngựa đi chặn hậu cho quân mình rút về Nghệ An.

Những người hiểu được chí lớn và lòng sắt son của Bùi Thị Xuân, viên nữ tướng xuất chúng của triều Tây Sơn, nhân vật được truyền tụng trong dân gian về mức độ tài ba và lòng dũng cảm không thể không nhớ lại những sự kiện xảy ra sau đó:

Vua Cảnh Thịnh chạy ra Thăng Long, nhận được sớ của Bùi Thị Xuân, nhưng không huy động binh mã vào Nghệ An hợp sức với nữ tướng chống giặc, mà lại nghe bọn đại thần ngu xuẩn, tham sống sợ chết, bày trận ở Thăng Long chờ giặc đến.

Cùng lúc ấy, ở Quy Nhơn, sau nhiều ngày bị vây hãm, giặc hết lương, lâm vào nạn đói, phải đầu hàng quan thiếu phó Trần Quang Diệu. Trần Quang Diệu tức tốc đem binh về đánh Phú Xuân. Nhưng không đề phòng nên vừa ra khỏi Quy Nhơn thì bị giặc chặn đánh. Diệu thua phải lần đường về Nghệ An. Bùi Thị Xuân hay tin, đem cánh quân nhỏ đi đón chồng. Trên đường trở về, giặc dùng mưu giả dân thường đem dân thường ra úy lạo và bắt sống Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân và cả đứa con gái nhỏ. Mất hai tướng trụ cột của Triều đình, Cảnh Thịnh hết người đối địch với Nguyễn Ánh. Nguyễn Ánh sau khi lấy được Bắc Hà, đắc ý lên ngôi hoàng đế đem quân về Phú Xuân, mang theo cả những chiếc cũi đỏ, nhốt vợ chồng Bùi Thị Xuân và đứa con gái nhỏ chờ ngày hành hình để thị uy dân chúng.

Suốt dọc đường từ cửa Nam tới pháp trường, nơi hành hình các tướng Tây Sơn, như bố cáo của đề đốc kinh thành dán la liệt ở những trốn đông người cho hay lính canh đứng ken thành một hành rào dày đặc. Con đường dẫn tội nhân đi hành hình và cũng là con đường vua Gia Long Nguyễn Ánh ngự ra pháp trường này, cấm chỉ dân chúng qua lại. Xung quanh pháp trường, việc canh phòng càng cẩn mật bội phần. Đề đốc kinh thành đã chiếu binh thư, bày một trận "Bát quái", ngay trên pháp trường. Các cơ đội vệ binh, vòng trong vòng ngoài, quây tròn lấy bãi hành hình tội nhân, binh khí tua tủa, đến một con chuột chạy qua cũng không lọt. Các viên đội trưởng, trưởng cơ trấn giữ các cửa trận, xem xét việc vào ra pháp trường. Dân chúng qua lại đều phải im lặng, cúi đầu. Người nào có dáng điệu khả nghi, lập tức bị bắt giữ ngay.

Gian nhà rạp lọt vào chính giữa trận bát quái. Dãy cờ đại bái, đủ các màu sắc lòe loẹt rủ lá, chết đứng xung quanh rạp. Mọi sự sắp đặt ở đó, hoàn toàn theo ý muốn của Nguyễn Ánh và đã được Đề đốc kinh thành đôn đốc lính vệ binh cùng dân phu làm.

Ngay từ sáng sớm, pháp trường đã đông nghịt người. Dân chúng tụ tập quanh pháp trường, nét mặt lo lắng, nhìn đăm đăm vào nơi hành hình tội nhân.

Khi Nguyễn Ánh và bầy quan lại tùy tùng lục tục kéo vào gian nhà rạp giữa pháp trường thì đã tới giờ Tỵ. Một cảnh ồn ào, náo động diễn ra trong đám dân chúng. Trước nhà rạp, loa thét giật giọng. Quân lính vung binh khí hăm dọa, dồn ép khối người quanh pháp trường phải ngồi xuống. Bởi vì, dân chúng đã thấy từ sau nhà rạp, một toán lýnnh cấm vệ xúm xít vây quanh ba chiếc cũi lớn, đang được khiêng ra

giữa pháp trường.

Tiếng loa lối nhau truyền đi những câu xướng họa đứt quãng. Bài chiếu của Nguyễn Ánh chỉ nghe thấy câu được câu chăng:

- "Vì chín đời mà trả thù... Chợt nửa chừng gặp lúc gian truân, để ngoan dân gây nên biến loạn... Giống giặc bắt xong, tội nhân được hết... Yết tế thái miếu, làm lễ hiến phù... Phanh xác tán sương, để trả thù cho miếu xã, rửa hận cho thần nhân... "

Nhưng không mấy ai chú ý nghe. Mọi cặp mắt đổ dồn vào mấy chiếc cũi đỏ. Dân chúng nhận ra vợ chồng Bùi Thị Xuân và đứa con gái nhỏ. Chính là để được nhìn lại lần nữa những vị tướng hằng được ngưỡng mộ mà dân chúng lớp lớp kéo đến đây.

Bùi Thị Xuân được tháo cùm. Nhìn chiếc cũi nhốt đứa con gái được đưa đến gần cây cột có dây thòng lọng và bức tường đá hộc, Bùi Thị Xuân hiểu được ngay mưu độc của Nguyễn Ánh. Nữ tướng đau xót nhìn con. Cô bé xanh rớt, ngồi tựa vào chiếc cũi, dáng mệt mỏi. Những tháng ngày bị đày đọa trong nhà tù của giặc Ánh đã cướp đi vẻ hồn nhiên, kháu khỉnh của cô bé. Con đang nghĩ gì? Bùi Thị Xuân tự hỏi Con có biết giặc sắp đem giết hại cả tía, má và con không? Giặc sẽ giết con như thế nào? Bùi Thị Xuân đau đớn như đứt từng khúc ruột.

Chợt cô bé dướn người, áp mặt vào cũi, đảo cặp mắt to đen rất giống mẹ nhìn khắp bốn phía. Mắt cô bé bừng sáng khi nhìn thấy mẹ. Mắt cô chớp chớp. Đôi môi đỏ mấp máy. Cô muốn gọi mẹ nhưng nghĩ thế nào, lại đưa tay lên, vuốt lên ngực. Hiểu được cử chỉ nén lòng để khỏi bật khóc ấy của con, Bùi Thị Xuân thấy mủi lòng. Con ngoan của má, Bùi Thị Xuân thầm gọi, mắt không rời khuôn mặt yêu thương của con, con dũng cảm lắm. Má tự hào về con đó.

Một bọn đao phủ mặt mày hung tợn tiến vào pháp trường. Quan Thiếu Phó Trần Quang Diệu được tháo cùm. Nhìn thấy chồng chỉ còn da bọc xương. Lòng Bùi Thị Xuân thổn thức, mắt cay xè. Chao ơi! Còn đâu vóc dáng vạm vỡ, vẻ đẹp võ tướng của chồng thương yêu từng vào sinh ra tử có nhau, từng gắn bó bao nhiêu kỷ niệm yêu thương sâu sắc từ buổi lấy nhau. Vị tướng tài của hoàng đế Quang Trung xưa, vị võ quan trụ cột của triều đình Cảnh Thịnh với bao nhiêu chiến công hiển hách, khiến giặc nghe uy danh đã khiếp hãi. Con người vừa năm trước còn tung hoành ở Quy Nhơn, diệt tan hai vạn quân Ánh, bắt sống tướng giặc, đã tiều tuỵ đến vậy sao? Bùi Thị Xuân căng mắt nhìn chồng như muốn ghi khắc lại hình ảnh yêu dấu của chồng lần cuối. Nhìn dáng chồng ngồi vững vàng, mắt ánh lên những tia sáng giận dữ khi bọn đao phủ tiến đến, Bùi Thị Xuân yên lòng.

Tiếng loa truyền đọc chiếu chỉ vẫn đơn điệu câu được, câu chăng. Rồi nhận được hiệu lệnh của Đề đốc kinh thành, bọn đao phủ đã dùng búa phá chiếc cũi nhốt Trần Quang Diệu, giặc sẽ giết chồng ta, con ta! Bùi Thị Xuân cồn cào lo lắng và căm giận. Tướng công hãy chết cho ra chết Bùi Thị Xuân thì thầm nói với chồng. Và, bên mỗi căm giận, Bùi Thị Xuân bỗng cảm thấy một niềm an ủi nho nhỏ. Ta sẽ được chết cùng với người chồng chung thủy và đứa con thân yêu của mình. Lòng đã nhủ, Bùi Thị Xuân thấy thanh thản lạ.

Dân chúng bỗng ồn ào. Bùi Thị Xuân quay về phía sau: Binh lính Phú lãng sa mặc lễ phục, hàng ngũ chỉnh tề kéo về pháp trường. Chúng dàn hàng trước gian nhà rạp của Ánh. Nhiều tiếng bình phẩm nổi lên trong đám đông dân chúng. Họ thấy rõ chân tướng của Nguyễn Ánh: Chỉ để giết các tướng tài Tây Sơn, Gia Long Nguyễn Ánh phải mượn cả binh lính Phú lãng sa vào bảo vệ mình.

Sau phút ồn ào, dân chúng lại đổ dồn sự chú ý vào các tướng Tây Sơn. Bùi Thị Xuân xoay khắp phía, đón lấy cái nhìn trìu mến của dân chúng. Nữ tướng thầm hỏi: Sao có nhiều nét mặt quen thuộc, thân thiết đến thế. Nét mặt Xuân phai chết cho mặt anh hùng, lẫm liệt. Từ đáy lòng nữ tướng thấy một niềm yêu thương mênh mông, dạt dào dâng lên mạnh mẽ. Phải chi vua Quang Trung chưa khuất? Con người áo vải dựng cờ đào làm lên sự nghiệp lớn lao ấy sẽ đưa muôn dân đến con đường ấm no, sung sướng. Quang Trung hoàng đế còn sống thì sự thể sẽ khác đi bao nhiêu. Lũ tiểu nhân đắc chí Nguyễn Ánh kia chắc chắn sẽ chẳng còn mảnh đất dung thân. Tiếc thay hổ phụ mà chẳng sanh hổ tử. Nối ngôi cha mà chẳng được chí cha nên nước dẫn tới cảnh bi đát này. Bùi Thị Xuân lại nhìn khắp lượt dân chúng. Trong niềm yêu thương rộng lớn, nữ tướng thèm muốn được chạy xổ lại ôm lấy đứa con nhỏ lần cuối, được nhìn lại gương mặt yêu thương của người chồng chung thủy, đồng thời là bạn chiến đấu cang trường và ngồi giữa khối dân trung thành với nhà Tây Sơn đang tụ tập kín cả tháp trường kia.

Tiếng loa truyền đọc chiếu chỉ đã dứt lúc nào chẳng ai hay. Mấy tên đao phủ to lớn xúm lại chiếc cũi thứ nhất. Quan Thiếu Phó Trần Quang Diệu đã bị dẫn ra đầu tiên.

Pháp trường lặng ngắt. Dân chúng nín thở. Quan Thiếu Phó mặc dù bệnh hoạn và sự đày đọa của giặc Ánh đã cướp đi hầu tận sức lực, nhưng ai lấy đều ngạc nhiên khi thấy vị tướng trí dũng vô song của Triều Tây Sơn đã đẩy hai tên đao phủ định dìu mình đến bên cây cọc được chôn từ trước. Đao phủ tung dây để trói. Nhưng vị tướng tài Tây Sơn khoát tay ra hiệu không cần và tự cong người ra cho chém. Bọn đao phủ sau phút lúng túng, liền vung đao trảm quyết ngay.

Dân chúng xôi động ầm ầm. Chứng kiến cái chết của chồng, Bùi Thị Xuân đau đớn. Nhưng ngay sau đó, một nét cười thoáng nở trên môi nữ tướng. Bởi vì cho đến lúc chết, Trần Quang Diệu vẫn giữ được khí tiết của tướng Tây Sơn.

Bọn đao phủ mở chiếc cũi thứ hai. Đứa con nhỏ của Bùi Thị Xuân chưa kịp định thần đã bị một tên đao phủ túm lấy, nhấc bổng đến cây cột trồng cạnh bức tường đá hộc. Cô bé giãy giụa, vung nắm tay bé nhỏ đấm vào mặt tên đao phủ. Vừa đến bên chiếc cột trồng cạnh tường đá hộc, bắt chước cha, cô bé hiên ngang cong người chờ chém ngang lưng. Nhưng bọn đao phủ không diễn lại cảnh vung gươm trảm quyết. Hai tên đao phủ xông đến túm lấy cô bé. Rất nhanh và thuần thục, cô bé bị chúng buộc ngay vào dây dòng thẳng từ đỉnh cột tới lưng chừng đất, lủng lẳng, đu đưa, vẻ mặt căm giận đau đớn. Dân chúng quanh pháp trường cảnh ấy chợt hiểu. Cả rừng người bỗng nhiên nhốn nháo trong một cơn bất bình khủng khiếp. Thế trận bát quái của viên đề đốc kinh thành lại một phen chuyển động. Roi, gậy và binh khí lăm lăm dồn dân vào cảnh im lặng. Hiểu nỗi nguy khốn của con, Bùi Thị Xuân nuốt từng nỗi

đau vào tim; bàn tay bóp chiếc cũi tê dại, sắp bật máu. Đột nhiên từ gian nhà rạp, một tên nội giám cầm tờ tiết mao chạy thẳng đến toán lính cấm vệ đứng xúm xít quanh mấy chiếc cũi: Lệnh Nguyễn Ánh truyền cho khiêng chiếc cũi nhốt người mẹ lại gần hơn nữa đứa con gái sắp bị hành hình. Ánh trả thù Bùi Thị Xuân vì mấy lần giáp chiến bị thua. Hạ xong mệnh lệnh độc ác ấy, Nguyễn Ánh ngả người trên chiếc ghế trạm rồng trong gian nhà rạp, vẻ mặt lạnh lùng thản nhiên, nhưng đôi mắt lấp lánh những tia sáng man rợ. Ánh tập trung theo dõi mệnh lệnh của mình đang được thi hành. Khi ấy chiếc cũi của Bùi Thị Xuân đã được đặt gần chiếc cột buộc đứa con nhỏ, Ánh nhấc tay, sẽ vậy về phía trước. Đề đốc kinh thành rình đón những cử chỉ của Ánh thấy hiệu lệnh, bước ra ngoài.

- Con không khóc đâu má ạ! Con sẽ bắt chước tía.

- Con ngoan lắm! Con gan góc lắm! Bùi Thị Xuân cắn chặt môi đến bật máu, đáp lại.

Con bé vụng về đưa tay cố với sợi dây thòng lòng buộc quá chặt ở ngang người:

- Bọn ác trói con đau quá má à.

Bùi Thị Xuân kìm nỗi nghẹn ngào, vỗ về:

- Con gắng chịu đau, con ngoan của má.

Tiếng loa bỗng nổi lên. Nghe hiệu lệnh ấy, tên đao phủ đứng cạnh cây cột, nhanh như cắt, nắm lấy sợi dây buộc cô gái nhỏ, kéo cề phía sau lấy đà rồi nhằm vào bức tường đá hộc trước mặt, vung tay lăng mạnh.

Tiếng kêu nổi lên khắp pháp trường. Dân chúng phận nộ lao về phía trước như muốn túm lấy tên đao phủ khi thấy hắn lại vồ sợi dây vừa bật ra.

Nhìn xác con phút chốc bị giập nát, đầm đìa máu, Bùi Thị Xuân nghiến chặt răng để khỏi bật kêu thành tiếng.

Phút kinh hoàng nhanh chóng trôi qua. Trong nổi đau rỉ máu, trong sự hờn căm ngút trời, Bùi Thị Xuân bỗng thấy tự hào chưa từng có, chưa hề trải qua: Chồng và con đã chết thật gan góc. Cái chết thảm thê mà khí phách, cái chết làm rạng danh triều Tây Sơn, làm đẹp lòng người nghèo.

Trong gian nhà rạp, Nguyễn Ánh vẫn ngã người trên chiếc ghế chạm rồng chăm chú thưởng thức cách hành hình của mình. Ánh không trông thấy bọc do thám đội lớp đạo trưởng Phú lãng sa luôn tay làm dấu, miệng lẩm nhẩm đọc kinh.

Ánh lại nhấc tay ra hiệu. Bốn tên đao phủ hấp tấp tháo chiếc cũi cuối cùng, lôi xốc viên nữ tướng Tây Sơn ra ngoài. Bùi Thị Xuân vẫn còn nghiến chặt răng, nét mặt rắn đanh lại. Nữ tướng không làm dữ khi bọn đao phủ bắt đầu giằng xé, lột sống áo mình. Hơn thế, một vẻ đắc ý còn thoáng ra trên khuôn mặt bừng bừng giận dữ. Và, dân chúng khắp pháp trường đang ngây người trong cơn kích động vì những cảnh hành hình dữ dội, bỗng như bừng tỉnh lại, ồn ào, náo động. Họ vừa thấy Bùi Thị Xuân khắp người đỏ rực màu lụa thắm, hiện lên như tướng nhà trời. Lũ đao phủ bỗng thấy lúng túng, luống cuống tìm cách gỡ những vuông lụa đỏ, thì từ phía sau

nhà rạp, con voi trận độc ngà khổng lồ, được luyện để dùng vào việc hành hình tội nhân đã xồng xộc chạy tới gần, cong vòi, chìa ngà đón đợi. Nhìn đà chạy của voi dữ, bọn đao phủ vội vã hò nhau tung bổ miếng mồi đỏ rực về phía trước.

Những tiếng kêu hốt hoảng bật lên trong đám người quanh pháp trường. Nhưng dù tay còn bị trói, chỉ thế uốn người nhẹ nhàng, Bùi Thị Xuân đã tránh được chiếc vòi của voi dữ, bật người lộn một vòng, đứng vững chải trên thảm cỏ. Cả pháp trường lại ầm ầm chuyển động. Các cơ, đội vệ binh trấn giữ pháp trường đã phải dùng đến gươm giáo để giữ thế trận bát quái đang chực vỡ.

Trong gian nhà rạp, Nguyễn Ánh cũng bật dậy, chồm về phía trước.

Ngay lúc ấy, Búi Thị Xuân chỉ tay về phía Nguyễn Ánh thét lớn:

- Tên Nguyễn Ánh, quân rước voi giày mồ kia! Ta bảo cho ngươi biết, nhờ người Phú lãng sa, ngươi có thể giết được ta. Nhưng ngàn đời, người cũng không xóa được cơ nghiệp của hoàng đế Quang Trung. Hỡi quân bán nước cầu vinh, đời đời nhân dân sẽ phỉ nhổ chúng bay.

Sau phút im lặng, nghe Bùi Thị Xuân nói, dân chúng quanh pháp trường bỗng dậy lên tiếng ồn ào như sấm động. Ai nấy hứng chí xuýt xoa, xô động ầm ầm. Trong lúc đó, Nguyễn Ánh bị làm nhục, lặng người, ngạc nhiên, miệng há hốc. Đề đốc kinh thành hoảng hốt kề lấy loa, thét lạc cả giọng:

Quản tượng! Mau hành hình!

Viên quản tượng vắt vẻo trên đầu voi vừa hụt mồi, nghe loa giục, luống cuống thúc con vật khổng lồ quay lại tìm mồi. Con vật ngoắt lại, tung vòi. Bùi Thị Xuân hả dạ nhìn cảnh hỗn loạn của quan quân Nguyễn Ánh, vẫn đứng ngã người giữa bãi, bình tĩnh như không. Đột nhiên, chiếc vòi khổng lồ của con voi đang lao về phía Bùi Thị Xuân ngừng phắt lại quờ quạng rồi uốn cong lên trời. Con voi rùng mình, rống lên tiếng dữ dội rồi khuỵu hai chân, quỳ phủ nhục trước mặt nữ tướng Tây Sơn Bùi Thị Xuân, sau giây lát ngạt nhiên, bỗng sáng bừng nét mặt. Nữ tướng đã nhận ra con voi độc ngà của mình bị lạc từ trận Trấn Ninh. Phải, không ngờ con voi khét tiếng dữ tợn nhưng lại rất mực tinh khôn, nhớ chủ, lại được Nguyễn Ánh lầm chọn vào việc hành hình này.

Không kìm được nỗi xúc động bất ngờ, Bùi Thị Xuân chạy xô lại phía con voi, mỉm cười, vuốt ve nó.

Cảnh náo loạn đã lên đến tột đỉnh. Dân chúng chứng kiến cảnh ấy, từ chỗ kinh ngạc chuyển sang cảm động thực sự. Lũ quan quân Nguyễn Ánh càng nhốn nháo, cuống cuồng. Trong gian nhà rạp, Nguyễn Ánh mặt đỏ bừng vì giận dữ, rũ áo đứng dậy, lồng lộng nghiến răng kèn kẹt.

Viên đạo trưởng đứng sau Ánh, lắp bắp:

- Bệ hạ! Xin bệ hạ cho thay voi! Xin cho voi xé xác nữ tặc như xé xác Cảnh Thịnh.

Lời tâu ấy khác nào như lửa đổ thêm dầu, khiến cơn giận của Nguyễn Ánh nổ

bùng ra. Ánh muốn gia binh thảm khốc Bùi Thị Xuân để trả thù và răn đe dân chúng. Nhưng Bùi Thị Xuân chẳng những không chết thảm mà lại giữ oai phong lẫm liệt. Chính Ánh không thể hiểu nổi đàn bà như Bùi Thị Xuân, bị đẩy ra pháp trường, giữ cái chết thảm khốc kề bên, lại giữ được sĩ khí, tiết tháo và oanh liệt. đến thế. Ánh đâu ngờ pháp trường của Ánh lại là nơi để "Nữ tặc" tỏ rõ khí phánh của mình. Còn dân chúng, Ánh đã tận mặt nhìn thấy vẻ bất kính của họ đối với quan quân và nỗi xúc động, thiện cảm của họ đối với Bùi Thị Xuân. Bởi vậy, khi nghe tên đạo trưởng lảm nhảm bên tai, nỗi giận dữ trong Ánh dâng lên ngùn ngụt, Ánh quên cả giữ gìn tư cách đấng thiên tử:

- Các ngươi đã làm nhục ta Ánh gầm lên theo lệnh ta, lập tức bắt Đề dốc kinh thành hạ ngục vì tội cầm trong binh mà không giết nỗi một mụ đàn bà. Và, thôi không dùng voi nữa, bắt nữ tặc phải chết thiêu.

Lệnh Ánh được thi hành ngay. Viên Đô đốc kinh thành lập tức bị quân cấm vệ lôi từ trên mình ngựa xuống, trói gô lại.

Từ sau gian nhà rạp, một mồi lửa tẩm dầu đã được đưa ra giữa pháp trường. Nhưng dân chúng kinh thành không đợi đến hết buổi hành hình, đã kéo ùa khỏi trận bát quái ra về. Họ vô cùng cảm kích trước hành động anh dũng tuyệt vời của Bùi Thị Xuân, hởi lòng hởi dạ được chứng kiến giây phút cuối cùng, tràn đầy khí phách của nữ tướng Tây Sơn ngay trước mặt Ánh và cả ngàn vạn quân hắn.

Lê Ngọc Hân

Dám bẩm công chúa, Ngự lệnh truyền cho công chúa sang chầu ở bên điện Vạn Thọ ngay...

Ngọc Hân đang ngồi nghiêng người bên án thư, sẽ sàng buông quyển thi tuyển của tham tụng họ Bùi, mở to mắt nhìn. Đám cung nữ truyền lệnh của vua cha mà sao thái độ lại chẳng giữ vẻ nghiêm cẩn như mọi lần? Kìa, có kẻ lại còn giấu mặt sau cánh tay áo rộng cười đỏ cả má! Đoán biết có duyên cớ lạ, Ngọc Hân vội tìm cách đối phó lại trò trêu cợt của đám cung nữ trẻ, bằng cách nghiêm mặt, cau mày:

- Ngọc thể thánh thượng hôm nay có được hơn hôm trước không mà lũ ngươi hớn hở làm vậy?

- Tâu công chúa một cung nữ nữa vội vã quỳ ngay xuống, sau khi láu lỉnh liếc nhìn cả bọn mặt rồng hôm nay tươi tốt như gặp mây lành, cũng bởi vì có tin mừng thật là lớn...

- Tâu công chúa một cung nữ quỳ theo bạn, liến láu Ngự đã kén được chàng rễ trong bậc vương giả lừng danh chứ không phải là phò mã tầm thường nữa.

Ngọc Hân đứng phắt dậy, giả bộ giận dữ với tay lấy chiếc phất trần treo trên vách, khiến bọn cung nữ vội vã níu nhau rúc rích chạy ùa cả ra vườn. Vừa lúc người cung nhân già từ gian nhà bên, cầm bộ gương ngọc lược ngà bước sang:

- Công chúa để già này hâu trang điểm rồi còn đi chầu Ngự cho kịp!

Nhưng khuôn mặt bừng đỏ và cặp mắt long lanh ngời sáng của cô gái mười sáu tuổi, đang như bông hoa quý, trong khoảnh khắc bỗng dậy lên hết cả hương sắc tiềm tàng, khiến người cung nhân già cũng phải ngây người nhìn ngắm một hồi lâu. Ngọc Hân càng ngượng nghịu, dụi mát tóc đen nuột nà vào vai người trưởng cung nữ nụng nịu:

- Nhũ mẫu ơi, có chuyện gì vậy?

Nâng niu chải chuốt từng nạm tóc óng ả, người cung nhân già khe khẽ thì thầm:

- Chẳng phải chuyện thường đâu, Chúa Tiên ạ! Dịp hôn nhân này cũng là dịp để công chúa góp lo việc nước đấy. Cho nên trong hàng các công chúa chưa gả chồng của hoàng tộc, Ngự chỉ muốn nhắm vào Chúa Tiên của Ngài thôi. Bọn cung nữ vừa nghe được Ngài nói với ông mối ở bên điệnVạn Thọ: "Con gái chưa chồng của trẫm còn nhiều, nhưng chỉ một mình Ngọc Hân xem ra có thể xứng đáng. Tuy vậy, thói thường yêu con vẫn hay thiên lệch, chưa biết ở mắt người ngoài thì ra sao. Ngươi hãy ở đây, để trẫm đòi cả ra cho mà coi qua, rồi ngươi lựa xem người nào xứng đáng thì giúp cho thành việc đi"

Ngọc Hân bàng hoàng mở to mắt. Những việc trời long đất lở ở bên ngoài dội vào hoàng cung từ mấy hơm nay, bây giờ ngờ đâu lại đem buộc chung với số phận nàng công chúa thứ chín của vua Lê Hiển Tông!

- Thế ra ta sắp phải vừa sang chầu vua cha, vừa phải ra mắt ông mối ngay sao?

- Cũng chẳng phải ai xa lạ đâu! Kẻ ấy chính là Nguyễn Hữu Chỉnh, bây giờ đi theo chúa Tây Sơn làm Hữu quân đô đốc, nhưng ngày trước cũng là bầy tôi của hoàng thượng ở đây thôi...

- Thế còn... Thế còn...

Khuôn mặt Ngọc Hân lại đỏ rừng rực. Nàng công chúa yêu của vua Lê không nói được trọn lời, nhưng người nhũ mẫu vẫn đều giọng thì thầm trả lời:

- "Con người ấy là một tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh và có tài cầm quân, ra Bắc vào Nam ẩn hiện như quỷ thần, không ai có thể lường hết được. Thấy ông ta trỏ tay đưa mắt là ai nấy đã phách lạc hồn xiêu, sợ hơn sấm sét rồi"

Ngọc Hân khẽ nhắm mắt lại. Quả có đúng như vậy.

Vừa mấy hôm trước, kinh thành còn đang rầm rập nghìn vạn quân lính đủ các phiên hiệu từ các nơi kéo về dàn trận dưới cờ chúa Trịnh để cự lại *con người ấy*. Vậy mà chỉ một trận chớp giật sấm ran, đã tan tành ngay thành tro bụi cái cơ nghiệp đồ sộ mà họ Trịnh bỏ công xây dựng hàng mấy trăm năm! Mấy trăm năm vua Lê bị họ Trịnh bức bách, cái ách ấy bây giờ đã giũ đi xong. Diệt Trịnh phù Lê, *con người ấy* đã khôn khéo làm sáng tỏ cái nghĩa chiến trận, lại nhờ đấy mà trấn an được lòng người Bắc Hà đang phân vân nghi ngại. Còn vua cha thì nhân việc ấy, đem con gái yêu gả cho người vừa có công tôn phù, thiệt khéo lồng chuyện tình vào trong việc nghĩa. "Giai nhân sánh với anh hùng", liệu Ngọc Hân này có đương nổi việc ấy?

Nàng công chúa mười sáu tuổi, viên ngọc quý của vua Lê Hiển Tông, người con gái nổi tiếng tài sắc của kinh thành Thăng Long, nhân vật huyền kỳ của bao nhiêu câu chuyện truyền tụng trong dân gian sau một thoáng choáng ngợp ngây ngất trước số phận mới mẽ của mình, bây giờ trở lại điềm tĩnh, thanh thản. Tin ở bản lĩnh của mình, Ngọc Hân sửa lại xiêm áo của mình lần cuối, rồi thong thả nhìn người nhũ mẫu, uyển chuyển bước sang điện Vạn Thọ. Cái vẻ bình thản thanh cao ấy đã khiến Ngọc Hân, không diêm dúa phấn son như các nàng công chúa khác, mà vẫn như một bông hoa lạ, chẳng thể nào lẫn giữa những đóa hoa vốn đã đẹp. Mở to cặp mắt nâu trong suốt dưới vầng trán thông sáng trắng ngần, Ngọc Hân ung dung làm lễ triều yết vua cha và ra mắt khách lạ đóng vai ông mối.

Thần sắc, phong thái đúng là của vị Chúa Tiên ấy, cuối cùng đã chinh phục hoàn toàn những người còn muốn thử thách nàng. Nguyễn Hữu Chỉnh sau đấy chỉ còn biết tâu với vua Lê Hiển Tông:

- "Ổn rồi! Mối nhân duyên tốt lành này, thần xin làm mối, mười phần chắc xong cả mười!"

Tướng nông dân Tây Sơn Nguyễn Huệ, vừa năm trước mang binh thuyền vào Nam đánh Phá tan tành cánh quân phong kiến Thái Lan năm vạn người, thu lại cho giang sơn phần đất của Gia Định vẹn toàn, thì năm nay đã lại đưa quân ra Bắc, đập nát thế lực phong kiến hũ bại thống trị đất này, thiết lập quyền làm chủ cả nước cho phong trào Tây Sơn.

Nhận thấy, trên danh nghĩa, đất Bắc Hà vẫn có một giòng vua họ Lê trị vì đã ba trăm năm, Nguyễn Huệ cũng chẳng hẹp gì mà không để lại trên danh nghĩa giòng vua đó, trong khi thực quyền đã về tay quân Tây Sơn.

Tiến vào kinh thành Thăng Long, Nguyễn Huệ lập tức phái một cánh quân đi trấn giữ cung điện cho vua Lê Thật nghiêm ngặt. Lúc ấy, vua Hiển Tông đang ốm nằm trong ngự điện. Thấy có quân lạ kéo đến, tả hữu kinh hoảng vực ngay vua dậy, định dìu Ngự Trốn ra vườn Tam Sơn ở sau ngự điện. Nhưng một viên tỳ tướng Tây Sơn đã quỳ ở giữa sân, hai tay nâng lên tờ tâu thỉnh an của Nguyễn Huệ. Cả đám vua quan nhốn nháo lúc ấy mới thở phào nhẹ nhỏm.

Sớm hôm sau tinh mơ, Nguyễn Huệ tiền hôi hậu ủng vào cấm thành. Vua Lê nằm ở sập ngự, sai người vén màn mời Nguyễn Huệ tới gần. Tướng Tây Sơn giữ đúng lễ: Lạy năm lạy và vái ba vái, rồi nhún nhường ngồi ghé vào chiếc sập ở bên trái sập ngự, thả một chân xuống đất. Viên tướng bách chiến bách thắng ấy, vóc cọp, lưng gấu, tiếng nói như chuông, bây giờ ôn tồn trò chuyện với nhà vua già ốm:

- "Tôi vốn là người áo vải đất Tây Sơn, nhân thời thế mà nổi dậy... Cũng vì họ Trịnh vô lễ, lấn ép nhà vua đã lâu, cho nên hoàng thiên mới mượn tay tôi diệt trừ họ Trịnh để tỏ oai quyền của bệ hạ. Tôi chỉ cầu mong thánh thể khỏe mạnh, cho tôi được hưởng nhờ chút phúc thừa..."

Vua Lê cảm kích chẳng biết nói gì hơn là lại tuôn ra những lời quen thuộc đã in thành nếp trong đầu:

- "Đa tạ ông có lòng quá hậu với quả nhân, trèo đèo vượt suối từ xa đến đây, thật vất vả cho quân lính, ngựa xe. Chỉ hiềm một nỗi, quả nhân ở ngôi thanh bạch quá, chẳng có gì để biếu tặng..."

Việc hôn nhân của Ngọc Hân chính đã vụt nảy ra từ cái ý muốn tặng biếu, đền ơn của vị hoàng đế nhà Lê đó. Nhưng nghe được tin ấy, Nguyễn Huệ đã tinh nhanh nói toạc ngay với ông mối Nguyễn Hữu Chỉnh:

- "Hoàng thượng thật là mưu kế già dặn! Người muốn cho Tây Sơn và nhà Lê hoàhiếu với nhau đấy mà!"

Rồi cợt đùa giữa tiếng cười vang ầm cả tả hữu:

"Dẹp loạn mà ra đây rồi lại lấy vợ mà về, bọn trẻ nó cười cho. Nhưng thôi, cứ thử một chuyến xem có tốt không!"

Thế là, vừa tạm yên cơn binh lửa, kinh thành Thăng Long đãnáo động ồn ã cả lên vì chuyện nàng công chúa Tiên của vuaLê sánh duyên cùng đại tướng Tây Sơn Nguyễn Huệ.

Ngày Mười tháng Bảy năm Bính Ngọ(1786) Nguyễn Huệ sửa một lễ gồm những tấm đoạn màu vàng bạc, bày biện gươm giáo cờ quạt, rồi sai viên Thị lang bộ Hình dâng báu vật cùng một tờ tâu xin cưới tại điện Vạn Thọ.

Vua Lê cho hoàng tử ra đón nhận lễ vật, làm lễ cáo ở nhà Thái miếu, rồi định ngày hôm sau thì đưa dâu. Lại cho truyền lệnh của Hoàng thượng tới các hoàng thân, hoàng phi, công chúa và các quan văn võ, ai nấy đều phải sửa soạn ngựa xe, sớm hôm sau đợi sẵn ở cung điện, đưa công chúa về phủ của tướng Tây Sơn!

Ngày cưới của Ngọc Hân đã đến. Nguyễn Huệ dẫn quân từ cửa cấm thành tới tận cổng phủ của mình. Trai gái chốn kinh thành nô nức túm tụm bên ngoài hàng rào lính tráng ấy. Xem cưới mà như xem hội: Thăng Long xưa nay chưa từng có việc nào giống như vậy! Nguyễn Huệ đi kiệu rồng vàng ra đón chiếc xe hoa của Ngọc Hân tận ngoài cổng phủ. Đại tiệc được lệnh dọn ra khắp điện trên sảnh dưới, thết đãi họ nhà gái. Và khi mâm vàng bát ngọc đã vơi cạn, các hoàng thân, hoàng phi, công chúa cùng các quan văn võ đưa dâu còn được tiễn vềvới những mâm đầy bạc hậu đãi của chú rể Tây Sơn!

Làm đầy đủ tất cả những nghi thức ấy, Nguyễn Huệ rõ ràng muốn tỏ cho những kẻ đã từng có quyền thế của các triều đình còn được phép tồn tại ở Bắc Hà vào lúc ấy thấy rõ sự hiểu biết hiến văn lễ nghĩa của người tướng nông dân. Và cũng còn là để nói ngầm cái ý quý trọng nàng công chúa tài sắc mà lời đồn đại cũng đã tới tai Nguyễn Huệ. Trang quốc sắc thiên hương ấy lại đang trở thành cái cầu nối cho sự giao hảo chính trị cânb yếu vào lúc này.

Chính vì vậy màvẫn còn muốn thử thách nàng công chúa của vua Lê, Nguễn Huệ sau đấy cùng đóng kiệu với vợ mới cưới đi làm lễ cáo yết ở nhà Thái miếu, đã ướm hỏi Ngọc Hân:

- "Con trai, con gái nhà vua, đã mấy người được vẻ vang như nàng? "

Cặp mắt thông minh của Ngọc Hân đã nhìn rõ ý của Nguyễn Huệ. Sự tinh tế giấu sau vầng trán mịn màng đã giúp nàng dịu dàng chọn nhanh cách trả lời thích hợp nhất:

- "Vua cha ít lộc, các con trai con gái cũng thanh bạch nghèo khó. Chỉ riêng thiếp có duyên, lấy được lệnh công, ví như hạt mưa bụi ngọc bay ở giữa trời, được sa vào chốn lâu đài như thế này là sự may mắn của thiếp mà thôi!"

Ví von khiêm nhường là vậy mà khuôn mặt đoan trang vẫn ngời ngời vẻ thanh thản, tự tin. Thái độ ấy và câu trả lời ấy, lần đầu tiên và chỉ cần một lần, chinh phục hoàn toàn viên tướng Tây Sơn. Sử cũ chép: "Nguyễn Huệ nghe câu ấy, thích thú lắm!"

Còn một điều cũng xảy ra vào tháng Bảy năm Bính Ngọ đó, khiến Nguyễn Huệ càng về sau càng thầm phục sự xét đoán và con mắt tinh đời của Ngọc Hân.

Sáu ngày sau khi làm lễ cưới cho Ngọc Hân, vua Lê Hiến Tông mất. Lời trối trăng cuối cùng của nhà vua là việc nối ngôi, có liên quan đến Nguyễn Huệ.

"Sau khi ta nhắm mắt, việc nối ngôi là việc trọng đại, chuyện trọng đại phải bẩm qua ông ấy, không được khinh suất!"

Người đã dược chọn sẵn để hưởng ngôi vua nhà Lê bây giờ là hoàng tữ tôn Lê Duy Kỳ. Theo đúng lời dặn của vị hoàng đế vừa qua đời, triều đình nhà Lê cử sừ giãđi gặp Nguyễn Huệ, bàn việc làm lễ đăng quang cho vua mới.Một chức vua dẫu để làm vì, dù sao cũng là một chức vua!Nguyễn Huệ mới chân ướt chân ráo tiếp xúc với thế giới của hoàng tộc của nhà Lê, muốn hiểu biết về người trị vì, trên danh nghĩa, đất nước tương lai, hiên nhiên không gì bằng cậy nhờ Ngọc Hân. Câu chuyện kế vị được mang ra bàn hỏi giữa đôi vợ chồng mới do cuộc hôn nhân chính trị gắn bó được sáu ngày. Nhưng sự tin cậy của người chồng đã được vợ đáp lại bằng sự thẳng thắn vượt hẳn lên trên quyền lợi riêng của dòng họ mình:

- Duy Kỳ là người không xứng đáng trị vì thiên hạ!

Căp mày râu của Nguyễn Huệ nhướng lên:

- Sao vậy?

- Duy Kỳ không đủ tư cách của một đấng thiên tử!

Những bí hẩn của thế giới hoàng tộc mà Ngọc Hân là người hiểu biết hơn ai hết, sau đấy đã được nàng công chúa nhà Lê, thật sớm biết đặt vững lòng tin vào người anh hùng nông dân, điềm đạm mà can đảm lật mở trước Nguyễn Huệ, để viên tướng áo vải ấy hiểu ra những điều mờ ám còn ẩn giấu dưới lớp vàng son gấm vóc những tình tiết của một sự kiện đã khiến Ngọc Hân không thể nào đánh giá khác được về người đang chờ kế vị ngôi vua nhà Lê:

Năm năm trước, người được chọn để nối ngôi vua là thái tử Duy Vĩ chứ không phải Duy Kỳ. Chỉ vì một mối hiềm nhỏ mà chúa Trịnh, đang sẵn đả lấn lướt vua Lê, đã tìm hết cách đem Duy Vĩ ra buộc vào tội phải thắt cổ chết. Duy Vĩ bị ức hại, để lại ba con nhỏ. Một người cung phi đã mạo hiểm vào cung đem chúng đi trốn nhưng

cũng không thoát. Đứa con đầu lòng của Duy Vĩ liền bị chúa Trịnh giam cầm, cầm cố cho đến năm mười bảy tuổi thì được loạn kiêu binh giải thoát, trở về với địa vị sửa soạn kế ngôi của người cha bị chết oan. Nhưng rồi bà nội của chúa Trịnh lại xuất hiện: Vờ cho mời vị hoàng tử tôn vào cung tiếp kiến, bà cụ đã lừa được đứa trẻ mới lớn nằm lên cáng để cho mấy tên phu thân tín khiêng thẳng ra sông dìm chết. Vị vua tương lai khờ dại ấy bị khiêng dọc đường rồi mới biết gào khóc lóc và may sao, được một đám lính tuần, thấy chuyện lạ, tình cờ cứu thoát! Đấy chính là Lê Duy Kỳ...

Nguyễn Huệ hết sức chăm chú lắng nghe thiên bí sử của giòng họ Lê Trịnh, kể ra từ khuôn miệng xinh xắn của nàng công chúa mới về với mình mà thái độ đã rõ ràng là rời bỏ cuộc đời cũ để gắn bó chân tình với sự nghiệp của mình. Cách diễn tả của nàng công chúa tài hoa mới rành rõ khúc chiết làm sao! Tư cách và khả năng của con người đang ngấp nghé chiếc ngai vàng nhà Lê, chỉ qua mấy lời trần thuật tinh tế mà đã hiện ra mồn một. Nguyễn Huệ không còn biết xử trí gì hơn là tán thành cách nhìn nhận của Ngọc Hân: Phản đối Lê Duy Kỳ làm lễ đăng quang.

Cả triều đình già cỗi của nhà Lê xôn xao trước quyết định đột ngột của viên tướng Tây Sơn. Đám hoàng thân và đại thần nhao nhao bàn tán. Và có kẻ lần ra được đầu mối dẫn đến quyết định của Nguyễn Huệ. Lập tức búa rìu dư luận hướng ngay vào Ngọc Hân. Giọng nói hùng hổ của hoàng thân Vương quận công nổ bùng giữa đám quần thần nhốn nháo:

- "Tự tôn không làm được vua, thiên hạ ắt loạn, họ Lê sẽ mất. Ấy là lỗi của Ngọc Hân công chúa. Hãy xóa tên trong sổ họ đi, để cho công chúa về nước Tây Sơn mà yên hưởng giàu sang. Họ ta chẳng thiếu gì một con người ấy.

Cái khí thế căng thẳng giữa triều đình nhà Lê đã theo lời mật tấu đến tai Nguyễn Huệ. Không cần thiết phải bảo lưu mạnh mẽ quyết định của mình, không muốn để Ngọc Hân rơi vào cảnh khó xử, tướng Tây Sơn bàn lại một lần nữa với người vợ thân yêu, rồi chỉ mạnh dạn sửa lại chủ trương. Đám triều thần nhà Lê vội hỉ hả phò hoàng tự tôn Lê Duy Kỳ lên ngôi theo đúng cổ lệ. Và vị vua mới đăng quang đã hạ lệnh ban bố niên hiệu của mình: Lê Chiêu Thống!

Cái tên gọi Chiêu Thống ấy sẽ được sử sách ghi lại như một vết nhơ, gắn liền với hành động cõng rắn cắn gà nhà của Duy Kỳ. Hành động ấy còn ba năm sau nữa mới diễn ra. Nhưng chính Ngọc Hân là người đã thấy được tư cách của tên vua đốn mạt ấy ngay từ ba năm trước ấy, và như thế, giữ mãi được lòng mến phục của Nguyễn Huệ viên tướng bách chiến bách thắng, sau đấy đã theo ý chí của nhân dân, chôn vùi tên tuổi và luôn thể chiếc ngai vàng của Chiêu Thống Duy Kỳ vào lúc nó đã hoàn toàn bộc lộ sự thối nát bán nước hại dân không thể nhân nhượng tha thứ được nữa!

Đại thắng hai mươi vạn giặc Thanh do Lê Chiêu Thống rước về giày xéo đất nước, Quang Trung Nguyễn Huệ dẫn đầu đoàn quân thiện chiến, ca khúc khải hoàn, từ Thăng Long trở về kinh đô Phú Xuân. Ở một chiếc thuyền thủng nhỏ nằm trên vai hai người lính sải chân đi cuối đoàn, có một chiếc giỏ mây lớn, chùm lụa đỏ, thay vào chỗ những bó quân trang khí giới cồng kềnh trên những chiếc thuyền thủng khác kéo một hàng bồng bềnh trên vai đoàn quân dày đặc. Chiếc giỏ mây ấy ấp ủ

một món quà mà vị hoàng đế bách thắng đã có công mang từ đất Bắc về cho Bắc cung hoàng hậu Ngọc Hân.

Chưa bao giờ có một chuyện làm quà kỳ thú đến như thế! Vừa tháng trước, đang sửa soạn đón xuân ở Phú Xuân thì bỗng có tin cấp báo: Giặc Thanh đã vượt biên giới vào cõi, chiếm mất Thăng Long! Nguyễn Huệ lập tức điều bát đại binh, cấp tốc lên đường chinh phạt, nhanh chóng như mọi lần ra quân của binh đội Tây Sơn. Nhưng, buổi sớm cuối năm ấy, ghé qua tòa Bắc cung chia tay cùng Ngọc Hân, đúng vào lúc Ngọc Hân níu lấy vạt chiến bào đỏ sẫm của mình, lần đầu tiên, Nguyễn Huệ thoáng nhận thấy khuôn mặt xinh xắn thân thương của người vợ yêu bỗng nhợt nhạt và cặp mắt nâu mở to trong suốt chợt dại hẳn đi. Vậy mà, không ngờ, chính vào lúc ấy, cặp môi vừa thoáng run của Ngọc Hân đã thầm thì những lời thật rành rẽ:

- Bệ hạ ra đi xin cẩn trọng mình vàng. Khi trở về nhớ mang cho thiếp một cành đào của Long Thành!

Chỉ có thế thôi. Nhưng Nguyễn Huệ bất giác rùng mình. Viên tướng đang cầm trong tay vận mạng của cả giang sơn khi ấy biết rõ rằng trận này chỉ có thể đánh thắng. Vì nghĩa lớn. Mà cũng vì cả mối tình của người vợ tài hoa đối với mình và đối với nơi chôn rau cứ mỗi độ xuân về lại đỏ hồng sắc đào mà đã bấy lâu xa cách, tuy sống trên giải đất miền Nam đã có mai vàng óng ánh, nhưng vẫn không thể nào quên...

Thế rồi, những ngày trận mạc dữ dội, khẩn trương cuốn hút vị danh tướng cho đến khi Nguyễn Huệ dẫn đại binh tràn vào Thăng Long. Ngày mồng năm Tết ấy, Nguyễn Huệ bỗng bàng hoàng nhận thấy chen giữa sắc cờ đỏ quen thuộc quân nhà, là màu hồng tinh khôi của những cành đào đất Bắc. Chính Nguyễn Huệ đã hạ lệnh tìm chọn ngay một cành đào đẹp nhất để đưa về Phú Xuân.

Và bây giờ thì cành đào ấy đã đang khoe sắc thắm giữa những bông mai vàng trong vườn Bắc cung, cùng với tòa cung điện thanh bạch của vị hoàng đế anh hùng, sau một thời gian vắng bóng người chủ tối cao, đang náo nức tiếng sênh, phác nhã nhạc tưng bừng màu hoa cầu đèn đuốc.

Những chiếc đèn lồng tỏa những vầng sáng đỏ rực la đà trên những cành cây trong khu vườn Bắc cung. Kể từ ngày được chọn làm nơi ở Bắc cung hoàng hậu Ngọc Hân, hẳn đây là khu vườn lung linh lộng lẫy nhất. Hội hoa đăng đêm nay vừa có rượu tẩy trần mừng đón người đi xa chinh chiến trở về, vừa là nơi người vợ trẻ gặp lại chồng lâu ngày cách biệt, bên gốc đào quý vừa gửi tới làm tin.

" Gió đưa mười sáu lá xoài

Lấy chồng Bình Định cho ngày dài đi"

Ngọc Hân vừa để mắt trông nom bầy cung nữ trang hoàng khu vườn, vừa khẽ chớp đôi mắt, bồn chồn nhớ lại câu hát dân gian nghe được hồi năm xưa hẳn do một tay nho sĩ đầu xanh sầu muộn khéo đặt lời, nhẹ nhành trách than thân lúc nàng công chúa mười sáu tuổi rời bỏ Thăng Long, theo chồng về quê nội, để thương để nhớ cho cả chốn cố đô... Thấm thoắt vậy mà đã ba năm qua. Nàng công chúa nhà Lê giờ đã

là một hoàng hậu của vua Quang Trung nhà Nguyễn Tây Sơn, và là mẹ của một hoàng tử và một công chúa. Đổi thay hẳn là nhiều, nhưng mối tình đằm thắm, thiết tha với người chồng áo vải hồi nào, vẫn chỉ có mỗi một ngày nồng đượm, do chỗ càng ngày càng thấy ở Nguyễn Huệ những điều mới mẻ của một tài năng và một tâm hồn thật kỳ diệu.

Chẳng hạn như lúc này đây, con người mới vừa hôm nào còn đen sạm khói súng khắp cả tấm chiến bào thường vẫn rực một màu đỏ ưa thích, bây giờ đã ngồi điềm đạm dưới ánh đèn lồng, ấp bàn tay nhỏ nhắn của Ngọc Hân trong bàn tay gân guốc của mình, nhẹ nhàng mộc mạc nối lại chuyện văn thơ như những lần rảnh việc thường ngày.

- *"Chàng đi ngoài cõi mịt mòng*

Thiếp về chốn cũ loan phòng ủ ê.

Nẻo, ở, đi mặt cùng trông đoái

Đóa mây xanh cùng trái non thương

Chàng đi đoái thiếp Hàm Dương

Thiếp thì dõi dõi Tiêu Tương đoái chàng..."

Ngọc Hân cúi mặt khe khẽ đọc những dòng thơ đang nói hộ tâm trạng của mình những ngày qua. Ngọn đèn lồng soi hồng đôi má. Lời thơ từ cặp môi nhỏ nhắn rót vào tâm hồn viên tướng nông dân, mở ra một thế giới tình cảm thật tế nhị mà Nguyễn Huệ bây giờ mới cần phải để ý đến.

- Những câu thơ này của Hậu đấy ư? Quang Trung thở dài, hỏi khẽ.

- Tâu bệ hạ, không phải của thiếp. Đấy là thiếp mượn lời hồng của hà nữ sĩ... Đoàn phu nhân mấy chục năm trước có những câu thần bút mà không hiểu sao, ứng vào hình dung bệ hạ thấy cứ như in...

- Thật sao? Hậu đọc trẫm nghe!

- Thiếp xin đọc:

Ảo sáng lòa đỏ tựa màu ráng

Cưỡi ngựa kiêu trắng rạng đường sương!"

Chẳng phải bệ hạ khoác chiến bào đỏ và cưỡi chiến mã trắng, ra đi chinh chiến đấy ư?

Nguyễn Huệ mở một nụ cười lành:

- Hậu thật khéo lấy thơ cho hợp ý trẫm. Những thứ thơ nôm na như thế này, trẫm nghe rất thích...

- Tâu bệ hạ, đấy là thơ diễn âm. Còn nguyên bản Chinh Phụ Ngâm là do Đặng tiên sinh làm theo thể Nhạc phủ bằng chữ Hán...

- A! Từ chữ Hán mà diễn nôm được như thế này thật là tài! Chữ Hán là của người Phương Bắc còn người Nam ta thì phải dùng chữ ta. Trẫm đã truyền họ lập

Sùng chính viện, giao cho La Sơn phu tử chuyên lo việc dịch chữ Hán ra chữ Nôm để truyền bá trong dân, lâu nay không biết việc đến đâu rồi?...

Câu chuyện văn thơ đã chuyển sang việc chính trị từ lúc nào không rõ. Ngọc Hân vẫn nhẹ nhàng, tinh tế gợi cho Nguyễn Huệ thảo một tờ chiếu, nhắc nhở La Sơn hoàn tất công việc văn hóa trọng đại. Và Nguyễn Huệ cũng ôn tồn nhủ Ngọc Hân:

- Việc ngoài đã có Phu Tử. Còn việc trong thì Hậu gắng làm. Ngoài sự dạy dỗ các hoàng tử, công chúa và cung nữ, Hậu cũng gắng theo tiền nhân mà chăm lo làm thơ nôm đi!

- Tâu bệ hạ, việc đó hàng ngày thiếp vẫn để tâm...

Áng thơ nôm mà Ngọc Hân trút hết tâm huyết để hoàn thành, nào ngờ lại là bài thơ về cái chết của Nguyễn Huệ!

"Từ nắng hạ mưa thu trai tiết

Xót mình rồng mỏi mệt chẳng yên

Xiết bao kinh sợ lo phiền

Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu,

Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước

Phương pháp nào đổi được cùng chăng? "

Những dòng ghi chép mộc mạc ấy, như những nét đầu tiên khắc trên gỗ, làm hằn lên và giữ mãi trạng thái tình cảm của người vợ xót ruột thương chồng vừa nhuốm cơn đau bệnh. Ngọc Hân không sao quên được buổi chiều đầu thu đó: Trời nặng màu trì sau những ngày chợt nóng chợt lạnh, thoắt nắng thoắt mưa. Tin dữ từ ngự điện vụt đến Bắc cung vào lúc ấy: Hoàng đế đang ngồi tính toán công việc, bỗng hoa mắt, sa sầm mặt mày, mê man bất tỉnh. Ngự chẩn mạch, đoán Ngự bị cơn huyễn vận.

Thế rồi Nguyễn Huệ không bao giờ trở dậy được nữa. Ngọc Hân điên cuồng đau đớn. Những ý định chết chóc đã lập tức vụt đến.

Buồn thay nhẽ xuân về hoa ở

Mối sầu riêng ai ngỡ cho xong

Quyết liều mong vẹn chữ lòng

Trên rường nào ngại, giữa dòng nào e"

Nhưng cái cảnh hai con nhỏ ấy *"Mấy hàng lẫm chậm, đầu mũ mao mình tấm áo gai, u ơ ra trước hương đài* đã khiến Ngọc Hân phải thắt ruột mà tỉnh lại. Không thể chết theo chồng được! Những giọt máu của Quang Trung còn đó! Ngọc Hân chỉ còn cách vật vã giải bày cùng với chồng:

"Con trứng nước thương vì đôi chút

Chữ tình thâm chưa thoát được đi

Vậy nên nấn ná đôi khi

Hình tuy còn ở, phác thì đã theo... "

Mấy hôm nay Ngọc Hân luôn luôn mê sảng. Nhưng cái cảnh lang thang trong mộng để được tìm theo Quang Trung mới ngất ngây hạnh phúc làm sao!

"Theo buổi trước ngự đèo Bồng đảo

Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân

Theo xa thôi lại theo gần

Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa.

Đương theo, bỗng tiếng gà sực tỉnh,

Đau đớn thay, ấy cảnh chiêm bao."

Tỉnh lại rồi, nhưng đớn đau lại làm cho mụ người đi. Ngọc Hân sống thật mà như chết giả.

"Trông mong luống những mơ màng

Mơ hồ bằng mộng bàng hoàng như say

Khi trận gió hoa bay thấp thoáng

Ngỡ hương trời bảng lảng còn đâu

Vội vàng sửa áo lên chầu

Thương ôi quạnh quẽ trước lầu nhện chăng!

Khi bóng giăng lá in lấp lánh

Ngỡ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi

Vội vàng dạo bước tới nơi

Thương ôi vắng vẻ giữa trời sương sa".

Sự thật và mộng ảo cứ thế lập lòe trong khối óc vốn tinh anh, tế nhị của Ngọc Hân, cho đến lúc, một hôm, rầu rầu nhìn lại những đoạn thơ dở dang còn ngổn ngang trên án thư, một ý nghĩ bất chợt lóe sáng: Quang Trung nếu còn sống chắc cũng không muốn ta sống bi lụy như thế này. Người anh hùng chồng ta chẳng bao giờ sống bằng thương đau. Người sẽ sống mãi trong những kỳ công của người!

Ngọc Hân vụt ngồi thẳng dậy, sửa lại những sợi tóc mềm mại rũ xõa trên vầng trán xanh. Cặp nâu trở lại trong suốt, Ngọc Hân nghĩ nhanh: Quang Trung có lần nhủ ta làm thơ Nôm! Người say mê lối thơ chất phác mộc mạc đó! Bây giờ ta sẽ dùng thơ Nôm để chuyển sang nói về Người, ghi tạc công tích của Người, để Người bất tử trong dòng thơ của ta. Phải, công tích của người trước hết cần đem hết cần đem so với những bậc tối minh quân, hiền vương của sử cũ. Ta sẽ không phải e ngại gì khi đem so sánh Quanh Trung với Thành Trang, Chu Võ Vương, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn của thược cổ Bắc phương.

Dưới ngòi bút đẫm mực của Ngọc Hân, những hàng chữ hiện ra:

"Nghe trước có đấng Vương Thang, Võ

Công nghiệp thiểu tuổi thọ thêm cao"

"Nghe rành rành trước vua Nghiêu, Thuấn

Công đức đầy ngự vận càng sâu"...

Ngọc Hân say sưa với những suy tưởng của mình Bây giờ xen vào những câu thơ này, ta sẽ đặt những câu nói về Người. Phải ôn lại sự nghiệp của Người từ những ngày xưa: "Từ cờ thắm trở về cõi Bắc"...

Và hình ảnh ngọn cờ đỏ rực mà Quang Trung hằng ưa thích đã gợi nhớ ngay đến câu nói cửa miệng của Người: "Tôi vốn là người áo vải..". Phải, sự nghiệp của Quang Trung gắn liền với những hình ảnh đó: Áo vải, cờ đào.

Và Ngọc Hân hạ nhanh ngòi bút viết nên câu tuyệt bút về Quang Trung:

"Mà này áo vải cờ đào

Giúp dân dựng nước xiết bao công trình!"

Ngô Thì Nhậm

Nhà Ngô Thì Nhậm ở trên bờ sông Nhuệ. Từ đấy về kinh thành, đi cáng đôi, chạy gằn, chỉ mất chưa đầy nửa buổi. Ngô Thì Nhậm vì vậy hay ở quê nhà. Mặc dù ông làm quan to trong triều. "Hàn lâm hiệu thảo lễ khoa cấp sự trung" là một chức quan có tiếng tăm của Ngô Thì Nhậm ở triều vua Lê. Nhưng chức Gia thần và Tùy giảng của thế tử nhà Trịnh mới tạo cho ông một cái thế đặc biệt. Chúa tin cậy, vua nể vì, và thế tử sắp nối nghiệp thì kính sợ. Còn các quan trong triều ngoài trấn, hiển nhiên là phải quý trọng.

Nhưng Ngô Thì Nhậm vẫn không thích ở nơi dinh thự tại kinh thành. Ông thường tìm dịp về quê nhà làng Tả Thanh Oai, trấn Sơn Nam. Ngôi nhà gỗ lớn mà thanh bạch, chỉ mới được mở mang từ khi Ngô Thì Sĩ, thân phụ của Nhậm, sau một thuở hàn vi dài, nhờ tài học và đức độ, được chúa Trịnh vời vào triều, cho làm quan. Làm quan rồi mới thi đỗ tiến sĩ. Và chỉ chiếm bảng vàng bia đá trước con trai có Chín năm.

Ngô Thì Nhậm hẳn là chịu nhiều ảnh hưởng của cha cũng như dòng họ mình. Gia đình họ Ngô Thì ở Tả Thanh Oai là một gia đình nho học nổi tiếng, liền Bảy đời sản sinh những nho sĩ có tên tuổi trong sử sách và học thuật nước nhà. Ngô Thì Nhậm cũng là một người kiệt liệt trong số ấy. Khoa thi hội năm Ất Mùi (1775), Hai Mươi Chín tuổi, Nhậm đỗ tiến sĩ. Ngay khi ấy, tiếng đồn về học vấn về tài văn chương của quan tân khoa tiến sĩ đã lẫy lừng khắp ngả. Và nho sĩ quan lại, cũng từ khắp ngả tìm đến kết thân. Thơ phú xướng họa, rồi những lời khuyên bảo cặn kẽ, những hành động giúp đỡ hết lòng tài năng, sự chín chắn và thái độ chân tình của

Ngô Thì Nhậm đã nhanh chóng chinh phục được các danh sĩ và bạn đồng liêu. Dinh thư họ Ngô ở kinh thành không lúc nào ngớt khách khứa, bạn bè.

Nhưng Ngô Thì Nhậm chẳng bao giờ để cho mình bị lôi cuốn vào những chuyện phù phiếm. Chăm việc quan, Ngô cũng chăm cả việc đọc sách và trước thuật. Sở dĩ lưu luyến cảnh quê hương tĩnh mặc mà xa lánh chốn đô hội, có phần cũng vì Ngô Thì nhậm đang say với việc trước thuật của mình. Thêm chương, Thêm bài cho bộ *Hi doãn văn tập*, đã khá dầy dặn, Ngô Thì Nhậm còn dồn sức vào bộ *Hoàng Lê nhất thống chí* đang làm cho ông mê mải từ ít lâu nay.

Từ ít lâu nay, cuộc đời làm quan dần dần trở nên vô vị đối với Ngô Thì Nhậm. Các cớ chính khiến ông năng tìm dịp lánh mình tìm về ở chốn quê nhà là ở chỗ ấy. Và bộ sách *Hoàng Lê nhất thống chí* mà ông đang dày công khởi thảo, chính là nơi hóa thân của những việc rối ren đang diễn ra trong cuộc đời làm quan của Ngô Thì Nhậm đó.

Viên quan trẻ họ Ngô xử thế thận trọng như tính tình nghiêm cẩn của mình. Nhưng cái chế độ mà ông bỏ tâm sức đắp xây, Hàn gắn, thật đã quá mục nát. Tiếng dân ta thán tưởng đã thấu đến trời. Những cuộc nổi dậy diễn ra ở khắp xứ. Vậy mà trong phủ, ngoài triều, tôn thất, quý tộc và quan lại vẫn chỉ chăm việc hành lạc và tranh chấp thoán đoạt. Tuổi trung niên sung sức làm việc của Ngô Thì Nhậm đã phải mất quá nhiều ngày tháng để giữ mình và đối phó với những âm mưu, cạm bẫy phiền toái như thế.

Vụ án lớn mà Ngô Thì Nhậm buộc phải tham gia khi vừa tròn Ba Mươi lăm tuổi, là vụ mưu phản loạn của chính ngay thế tử Trịnh Tông, học trò của ông. Lo ngôi chúa của mình bị Đặng thị Huệ cung phi đang được cha mình hết sức sủng ái lăm le kết bè đảng, đưa đứa em cùng cha khác mẹ là Trịnh Cám ra tranh mất, Trịnh Tông đã ngầm liên kết với các trấn thủ Kinh Bắc, Sơn Tây dấy quân cướp ngôi. Công việc chẳng may bại lộ. Chúa Trịnh nổi cơn lôi đình, giao ngay vụ án cướp ngôi cho Ngô Thì Nhậm xét xử. Lúc ấy Ngô cũng vừa được thăng chức Thị lang bộ Công.

Quan tân Thị lang bị đẩy vào một tình thế rất khó khăn. Một bên, Trấn thủ Kinh Bắc Nguyễn Khắc Tuân, trấn thủ Sơn Tây Nguyễn Khản, đều là chỗ bạn bè thâm giao. Và Trịnh Tông cũng là học trò. Nhưng Một bên nữa, còn là nhiệm vụ và sự thúc ép của chúa Trịnh, cùng bè đảng của Đặng Thị Huệ. Tài trí đến mấy cũng phải lúng túng trong cảnh ngộ này!

Giữa lúc ấy, bỗng có tin từ Lạng Sơn báo về: Trấn thủ Ngô Thì Sĩ bị bệnh mất! Việc tang ma đối với kẻ sĩ là hệ trọng hàng đầu. Ngô Thì Nhậm lập tức xin cáo quan về chịu tang cha...

Ma chay xong, Ngô Thì Nhậm vẫn đóng cửa ở lại chốn quê nhà. Người có đại tang phải xa lánh thế sự trọn Ba năm. Thật chẳng có dịp nào tốt hơn để rời bỏ cái sân khấu chính trị đầy bất trắc lúc ấy. Nhưng tin dữ vẫn từ kinh thành lọt qua cửa mà tới tai người ở ẩn: Bọn Nguyễn Khắc Tuân đều đã bị giết; thế tử Trịnh Tông bị hạ ngục. Sau đó chúa Trịnh cũng mất. Phe đảng ĐặngThị Huệ phò Trịnh Cán lên ngôi. Nhưng kiêu binh các trấn Thanh Nghệ phá ngục cứu Trịnh Tông, phế Trịnh Cán,

giết phe đảng Đặng Thị Huệ...

Ngô Thì Nhậm ôm đầu thở dài. Ông đang cảm thấy có một sự rạn nứt quá lớn. Không, hơn thế nữa, một sự sụp đổ, rã rời. Ít lâu nay, vầng trán hằn những nếp nhăn quá sớm, ông thường suy nghĩ miên man về thế sự. Lại chú ý tra tìm kinh sách nhà Phật. Ông có ý định viết thêm một cuốn sách nữa cuốn sách triết lý *Trúc lâm tôn chỉ nguyên thanh*...

Khói trầm từ chiếc lư đồng nhỏ vờn một làn hương thơm ngát. Ngô Thì Nhậm ngồi im lặng trước án thư. Ông vừa nhận được một phong thư lạ. Khách đưa thư, người bám đầy bụi đường trường, chợt đến rồi lại chợt đi, lặng lẽ nhưng chẳng có chút ngỡ ngàng nào. Quanh đây dường như vẫn có những cặp mắt từ xa chăm chú dõi theo...

"Kể từ ngày được cùng Ngài hội ngộ, Kỷ tôi vẫn một lòng tưởng nhớ..." Ngô Thì Nhậm nhẩm khẽ lại lá thư. Phải, Trần Văn Kỷ, danh sĩ đất thuận hóa, mấy năm trước lặn lội từ Đàng trong ra kinh thi Hội, có tìm đến gặp Ngô ở nơi dinh thự. Người khách xa xứ ấy, chỉ một lần sơ kiến mà đã để lại cho Ngô Thì Nhậm những ấn tượng thật sâu... Giờ đây, từ nơi con người ấy, một phong thư đã vượt trăm nghìn đường đất, đến nằm lặng lẽ ở góc án thư kia. Những lời thăm hỏi hàn huyên mà sao như rõ từng đường tơ mối chỉ rối bời ở trong nỗi lòng u uẩn của người ở ẩn. Lá thư, chỉ có đoạn cuối mới có những dòng mang dụng ý những dòng chữ nhắn nhủ: ở ấp Tây Sơn, áo vải cờ đào, một bậc anh hùng cái thế đã xuất hiện, tài trí và sức mạnh xưa nay chưa từng thấy. Nguyễn Huệ, bậc cái thế anh hùng ấy, chí lớn trùm thiên hạ, chẳng bao lâu nữa sẽ thâu tóm giang sơn thành một mối...

Ngô Thì Nhậm khẽ thở dài: "Ông ta đã tìm được chân chúa..." thở dài gần đây cũng đã trở thành thói quen đến quá sớm đối với một người chỉ mới Bốn Chục xuân thu như Ngô "Trần Văn Kỷ vậy là đã có phận của ông ta. Nhưng còn ta, trung thần bất sự nhị quân đã đem thân phò chúa Trịnh, thờ vua Lê, làm sao có thể mang lòng dạ khác?" Và, Ngô Thì Nhậm lại khe khẽ thở dài...

Tiểu đồng chợt báo tin: Nhà lại có khách! Khẽ chau mày, tuy vậy, Ngô Thì Nhậm vẫn đứng dậy, cẩn thận sửa lại khăn áo rồi mới bước ra thềm.

Khách còn trẻ, nhưng bộ mặt và thân hình đã phì nộn trước tuổi, chiếc khăn thư sinh màu xanh không che nổi khoảng tóc trán cũng đã sớm rụng trơ trụi. Chủ nhân còn đang ngỡ ngàng thì khách đã tự xưng tin tuổi: Cậu ấm Đặng Trần Thường vốn nhà hào phú trong miền... Và vừa phân ngôi chủ khách thì cũng lại cậu ấm Thường ấy đã dẻo miệng ngay: Xin được trình đại nhân về đồn của thiên hạ...

Câu chuyện từ cửa miệng có cặp môi mỏng, giảo hoạt của Đặng Trần Thường hôm ấy khiến Ngô Thì Nhậm quá đỗi sửng sốt. Có kẻ nào đã phao lên tin chính Ngô là người đã tố giác vụ án cướp ngôi của thế tử Trịnh Tông! Và để được thăng lên chức Thị Lang, như thế làNgô đã giết hại đến bốn mạng người, trong đó có cả cha mình: Ngô Thì Sĩ vì không ngăn nổi con trai đừng làm việc bất nhân bất nghĩa, đã tự vẫn! "Sát tứ phụ nhi Thị lang" Đặng Trần Thường. Nhờ vả, cầu khẩn từ trước, Hắn đến lúc hữu dụng, việc tiến thân sẽ trôi chảy rất nhanh Thường tính toán như vậy.

Và vội vã, thao cung cách của những kẻ mờ mắt vì công danh thời ấy, Thường đã cố tìm cách ton hót thật vụng về...

Nhưng không may cho Thường từ sửng sốt đến phiền muộn. Ngô Thì Nhậm tê tái vì miệng lưỡi thế gian bao nhiêu lại càng đau xót bấy nhiêu vì sĩ khí quá thấp kém của những người đường đột, trắng trợn và ngu dại như Đặng Trần Thường. "Quan trường mà đầy rẫy những đứa thế này thì vận nước đến ngày không thể trông cậy vào nữa rồi!". Lặng lẽ, dầm bút vào nghiên mực, Ngô Thì Nhậm viết nhanh vào hàng chữ bỏ dở dang: *"Công, hầu, khanh, tướng, vòng trần ai..."*. Sau đấy, buông bút, ông lui vào buồng trong, gọi tiểu đồng dẫn khách xuống nhà ngang, truyền cho phải tiếp một bài phú, để thử văn tài.

Ngô Thì Nhậm đi thẳng ra bờ sông Nhuệ, đi thẳng tới chỗ ngồi quen thuộc trên rễ cây si già gần mé nước. Lơ đãng nhìn những chiếc tăm cá nổi trên dòng nước đục, ông với tay đến cần trúc ngà. Và thả dây câu...

Kinh thành Thăng Long bề ngoài lạnh vắng, lỗ đỗ những dinh thự, phủ đệ đổ nát, cháy trụi: Mấy cơn binh lửa và việc báo oán trả thù đã lướt nhanh qua đây. Nhưng bên trong thì ì ầm, sôi sục, kinh thành đang trăn trở chuyển mình.

Đại doanh quân Tây Sơn khi ấy đóng ở phía Nam kinh thành, quanh vùng phủ chúa cũ. Đạo quân nông dân khởi nghĩa ấy, chỉ sau mấy trận trúc trẻ ngói tan, một lúc đã lật nhào cả chế độ cũ mà non ba trăm năm tồn tại đã làm mục nát cả mấy chiếc ngai vàng và ngôi chúa Lê Trịnh. Tướng Tây Sơn bách chiến bách thắng Nguyễn Huệ, dựng lều trận ở ngay giữa đại doanh của mình.

Từ chiếc lều trận ấy, lệnh truyền đi: Hết thẩy các quan văn võ của triều cũ đều phải tới trực sẵn ở dinh bộ Lễ để theo lễ quan Võ Văn Ước đi yết kiến chúa Tây Sơn!

Ngô Thì Nhậm, từ nơi ở ẩn chốn quê nhà, đón nhận lệnh ấy mà buồn vui lẫn lộn. Từ trong nén khổ sở đã mấy năm, con người ham hoạt động, khao khát việc kinh bang tế thế ở trong ông bỗng sống dậy, khắc khoải bồn chồn. Vậy là Nguyễn Huệ, chí lớn trùm thiên hạ, như lời thư của Trần Văn Kỷ đã có lần nhắc gợi, bây giờ đã làm cuộc đổi đời ở đây rồi. Con người ấy đang ra lệnh gọi Ngô Thì Nhậm. Dịp tái tạo đây rồi chăng? Nhưng đã đem thân thờ vua khác, liệu ân nghĩa mới có được vẹn toàn không?

Ngổn ngang tâm sự, Ngô Thì Nhậm bước vào dinh bộ Lễ khi trời còn rất sớm. Võ Văn Ước, người đàng trong chưa thạo việc, ngỡ Nhậm là hoàng tử nhà Lê, vội mời ngồi ngang với mình trên sập cao. Trời sáng dần, và già, trẻ, cao, thấp, các bạn đồng liêu cũ của Nhậm lục tục kéo đến. Từ dưới thềm xa, những cựu thần triều Lê ấy phải lạy chào Võ Văn Ước. Ngồi nhận lạy như thế, có cả Ngô Thì Nhậm. Áy náy không yên vì chuyện ngộ nhận ác hại ấy, Ngô Thì Nhậm vội đứng dậy và... Lúng túng đi ra. Võ Văn Ước ngạn nhiên hỏi tả hữu:

- "Người vừa ngồi đây là ai vậy? "

Có tiếng trả lời:

- "Đấy là văn ban Ngô Thì Nhậm!"

Cơn giận của Ước bùng ngay ra giữa đám quan lại nhốn nháo:

- Ta vâng mệnh cai quản tất cả, sao lại được vô lễ thế!

Và một đám quân sĩ được tung ngay đi tìm bắt "Con người vô lễ" ấy!

Vậy là cả ngày hôm đó, chỉ vì một chuyện vặt không đâu, Ngô Thì Nhậm đã phải mất công ẩn tránh vất vả. Lo lắng, bực bội, chợt nhớ đến Trần Văn Kỷ mà ông đoán chắc thế nào cũng đã được trọng dụng trong chướng lệnh Nguyễn Huệ, Ngô Thì Nhậm tìm đường đến thẳng người mà đại quân Tây Sơn đều kính cẩn gọi là quan Trung thư lệnh Kỷ lễ hầu.

Xẩm tối, Ngô Thì Nhậm đã có mặt ở Trung thư lệnh Kỷ lễ hầu. Cố tri, tri kỷ tìm được nhau, nhất là trong cảnh ngộ này, sự mừng tủi, vồ vập đằm thắm là hiển nhiên. Trần Văn Kỷ nói ngay với Ngô Thì Nhậm:

- "Ông là bậc kỳ tài, không may bị tiếng gièm pha, trốn tránh hơn sáu năm nay, những sự tích luỹ hẳn là càng thêm tinh tuý. Nay ra ứng dụng với đời, chính là hợp thời quá! Tôi đã đem tên ông trình với chúa thượng. Người khen tài ông trình với chúa thượng. Người khen tài ông có thể dùng làm việc lớn. Chính chúa thượng đã sai tôi đi tìm ông. Vậy không phải cần gì đến ông Ước nữa!

Câu chuyện rắc rối với Võ Văn Ước qua rồi thì trở thành trò vui. Cười với nhau cho hả, Trần Văn Kỷ sốt sắng dẫn Ngô Thì Nhậm đi thẳng đến chỗ Nguyễn Huệ ngay.

Đêm hôm ấy, một đêm tháng năm, Năm Mậu Thân (1788), ánh sáng rừng rực của những cây đình liệu nơi lều trận của Nguyễn Huệ đã soi tỏ cuộc gặp gỡ giữ người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ và viên quan văn tài trí mà lận đận Ngô Thì Nhậm.

Thân hình to lớn bó gọn trong bộ vũ phục đỏ, tóc quăn da sần, mắt sáng như chớp, tiếng nói như chuông, Nguyễn Huệ thẳng thắn và cởi mở, vỗ về Ngô Thì Nhậm:

- "Ngày trước, người vì chúa Trịnh không dong, một mình bỏ nước mà đi. Nếu ta không đến đây, người làm sao thấy được bóng mặt trời? Có nhẽ đó cũng là ý trời muốn để dành người tài cho ta dùng. Vậy người hãy cố gắng mà lo việc báo đáp. Thế là được!"

Ngoảnh sang phía Trần Văn Kỷ, Nguyễn Huệ tiếp luôn:

- "Đây là người do ta gây dựng lại. Nên thảo ngay tờ chế, phong làm chức Thị lang bộ Lại, tước Tình phái hầu, cùng với Võ Văn Ước coi tất cả các quan văn võ của triều Lê!"

Sức mạnh quả quyết, dứt khoát và thẳng thắn ở con người đứng đầu quân Tây Sơn ấy đã hoàn toàn chinh phục Ngô Thì Nhậm. Đắn đo, băn khoăn đến mấy thì trước sức mạnh tự nhiên mà kỳ lạ ấy, cũng đều tan biến. Ngô Thì Nhậm chỉ còn biết cúi đầu, tạ ơn...

Quả là Ngô Thì Nhậm đã được tái tạo. Con người đã vào tuổi Bốn Mươi Hai ấy như trẻ hẳn lại. Ông làm việc mê mải như để bù lại cho thời gian đã mất đi trong mấy năm qua. Nhưng thật ra, chính là để báo đáp cái chế độ mới, đã gây dựng lại cho ông đúng như lời Nguyễn Huệ đã nói.

Người đứng đầu triều Tây Sơn quả là có con mắt tinh đời và có tài dùng người. Ở lại Thăng Long chỉ một thời gian ngắn để nhanh chóng giải quyết những công việc lớn của Bắc Hà. Nguyễn Huệ ngay sau đấy đã lại dẫn quân về Phú Xuân; Đàng trong còn nhiều việc cần thiết đang chờ đợi hơn. Mở tiệc tiễn biệt trước lúc lên đường, Nguyễn Huệ đã cho triệu tập năm viên quan tướng thân tín, cố cựu của mình; Đại tư mã Ngô Văn Sở, Nội hầu Phan Văn Lân, chưởng phủ Nguyễn Văn Dụng, Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, Thị lang bộ Hộ Trần Thuận Ngôn. Và thêm vào đấy là Ngô Thì Nhậm. Chúa Tây Sơn nói với tất cả, giọng tin cẩn mà thân thiết:

- "Sở và Lân là nanh vuốt của ta; Dụng và Ngôn là tâm phúc của ta; Tuyết là cháu của ta; lại là dòng văn học Bắc Hà Thông thạo việc đời. Nay ta giao cho các ngươi cả toàn trấn trong toàn hạt. Những việc quan trọng trong toàn nước, đều cho tuỳ tiện mà làm. Mọi việc cùng nhau họp bàn ổn thỏa, chớ vì kẻ cũ người mới mà xa cách nhau. Ai nấy phải đồng lòng hiệp sức, lo chung công việc để xứng đáng với sự trông nom của ta. Các ngươi hãy cố gắng nữa lên!

Nói rồi, lên đường.

Được đặt vào vị trí như thế và với một thái độ như thế của chúa Tây Sơn, giữa những người đã bao năm vào sinh ra tử theo Nguyễn Huệ, Ngô Thì Nhậm càng chỉ còn có một cách hết lòng chăm lo công việc, cảm kích mà phấn chấn.

Mà việc lớn đã đến. Cùng với những trận gió rét cuối năm tràn về là tin cấp báo từ quan ải: Tên vua Lê Chiêu Thống cõng rắn cắn gà nhà đã rước hai mươi chín vạn quân Mãn Thanh vượt qua biên giới!

Những bầy tôi trung của Nguyễn Huệ chịu mệnh trong nom đất Bắc Hà vội vàng vào cuộc họp bàn. Ý kiến gần như đã thống nhất. Và chưởng phủ Nguyễn Văn Dụng là người đầu tiên nói ra ý kiến ấy:

- "Hồi cuối đời Trần, người Minh sang lấn nước ta. Bấy giờ Lê Thái Tổ khởi nghĩa vùng Lam Sơn, thế lực không địch nổi họ. Nhưng hành binh theo cách khôn ngoan, lại hay dùng mưu mẹo giỏi giang, rồi nhờ khéo dùng cách mai phục, nhân lúc quân giặc không phòng bị mà đánh úp, cho nên có thể lấy ít quân mà đánh được kẻ nhiều quân. Võ công tuyệt lạ, ngàn thuở ngợi khen.

Nay người Thanh ở xa đến đây, trèo đèo vượt suối, ta lấy quân nghỉ ngơi mà đón đánh quân nhọc mệt, nhắm trước cái nơi xung yếu, cho quân nấp sẵn để chờ, cứ làm theo kế ấy, lo gì không thắng?"

Lập luận thật đã rành mạch; lại có cân nhắc cả kinh nghiệm xưa và tình hình trước mắt, nhất là phản ánh đầy đủ tư tưởng truyền thống quyết đánh của quân Tây Sơn! Bởi vậy, Ngô Thì Nhậm càng thấy bồn chồn không yêu. Trách nhiệm của người thông thạo Bắc Hà mà Nguyễn Huệ giao cho cũng càng đè nặng trên ông. Và

ông quả quyết phản bác ngay:

- "Không phải thế đâu! Việc thiên hạ, tình tuy có giống nhau, nhưng thế lại có khác nhau. Sự được thua do đó cũng khác hẳn. Xưa kia, quân minh luông tuồng làm điều tàn bạo, người trong nước ai cũng muốn đuổi chúng đi, cho nên vua Lê Thái Tổ chỉ gọi một tiếng là xa gần hưởng ứng. Lòng người như thế nên hễ chỗ nào có quân mình mai phục thì người ta giấu kín cho, khiến giặc không hề biết. Sở dĩ thắng được giặc, đều bởi cớ ấy.

Ngày nay, những kẻ bầy tôi trốn tránh của nhà Lê, đâu đâu cũng có, nghe tin quân Thanh sang cứu, họ đều nghển cổ mà trông. Sĩ dân trong nước giành nhau mà đón chúng. Quân ta mai phục ở đâu, địa thế hiểm hay không, số quân nhiều hay ít, quân giặc chưa biết thì họ đã báo trước với chúng. Quân cơ bị tiết lộ, tự nhiên mất hết mọi việc tiện lợi. Ấy là mình tự hãm mình vào chỗ chết. Còn hòng đánh úp được ai?".

Tình thế quả là nghiêm trọng. Nhưng đấy lại chính là sự thực! Các tướng lĩnh Tây Sơn đều giật mình trước con mắt nhìn tinh tường của Ngô Thì Nhậm. Ngô Văn Sở gặng hỏi:

- Vậy thì nên làm thế nào?

Ngô Thì Nhậm lúc ấy mới đắn đo cân nhắc:

- "Phép dụng binh chỉ có một đánh, một giữ mà thôi. Nay quân Thanh sang đây, tiếng tăm rất lớn. Những kẻ trong nước làm nội ứng cho chúng, phần nhiều lại phao tin đồn nhảm, làm cho thanh thế của chúng to thêm, để cho lòng người sợ hãi, lay động. Số người Bắc Hà thuộc vào sổ quân của ta, hễ gặp dịp sơ hở là bỏ trốn liền. Đem đội quân ấy mà đánh, không khác gì xua bầy dê đi chọi cọp dữ. Không thua sao được?

Đến như việc đóng cửa thành mà cố thủ, thì lòng người đã không vững, ắt thế nào cũng sinh ra mối lo ở bên trong. Thật chẳng khác gì đem một con chạch bỏ vào giỏ cua!

Đánh đã chẳng được, mà giữ cũng không vững. Vậy thì cả hai chước đánh và giữ đều không phải là kế hay..."

Nhìn khắp một lượt những khuôn mặt căng thẳng vì chăm chú lắng nghe của các tướng lĩnh Tây Sơn, Ngô Thì Nhậm nghỉ một lúc rồi dằn giọng nói tiếp:

- "Nghĩ cho cùng thì chỉ còn mợt cách này: Sơm sớm truyền cho thủy quân chở thầy các thuyền lương, thuận gió giươn buồm, ra thẳng cửa biển, đến vùng Biện Sơn mà đóng. Quân bộ thì sửa soạn khí giới, gióng trống lên đường, lui về giữ núi Tam Điệp. Hai mặt thủy bộ liên lạc với nhau, giữ lấy chỗ hiểm yếu, rồi cho người chạy giấy về bẩm với chúa công. Thử xem quân Thanh đến thành, khu xử việc nhà Lê ra sao? Vua Chiêu Thống sau khi phục quốc, xếp đặt việc quân việc nước thế nào? Chờ chúa công ra, bấy giờ sẽ quyết chiến một phen, cũng chưa muộn gì!"

Những người dự bàn đều thở ra một hơi nhẹ nhỏm. Thật là một kế sách vẹn toàn mà thần tình, chủ động! Tuy vậy, Ngô Văn Sở vẫn còn băn khoăn:

- "Chúa công về Nam, đem thành này giao phó cho ta. Giặc đến thì phải sống chết với giặc, còn mất với thành, trên không thẹn là kẻ bề tôi giữ đất, dưới không phụ chức trách cầm quân. Nếu mới thấy bóng giặc mà đã trốn, bỏ thành cho giặc, thì chẳng những mang tội với chúa công, mà người Bắc còn coi ta ra cái gì?"

Đấy chính là điều băn khoăn trước tiên và cũng là cuối cùng của một kẻ cầm quân có trách nhiệm. Cho nên Ngô Thì Nhậm rành rẽ thuyết phục luôn:

- "Tướng giỏi đời xưa, lường thế giặc rồi mới đánh, nắm phần thắng rồi mới hành động, tuỳ theo tình thế thay đổi mà bày ra chước lạ. Cũng giống như đánh cờ, trước thì chịu thua người một nước, sau mới được người ta một nước, đừng có đem nước sau làm nước trước mới là tay cao cờ.

Nay ta bảo toàn lấy quân lực mà rút lui, không bỏ mất một mũi tên, cho chúng ngủ trọ một đem rồi lại đuổi đi. Nếu có vì thế mà mắc lỗi, tôi xin sẽ bộc bạch với chúa công, thế nào cũng được chúa công lượng xét. Xin ông chớ nghi ngại"

Lập luận và thái độ như thế của Ngô Thì Nhậm cuối cùng đã hoàn toàn chinh phục được các tướng lĩnh Tây Sơn. Rút khỏi Thăng Long, quân Tây Sơn sau đấy đã chỉnh tề đội ngũ kéo về Tam Điệp, lựa thế hiểm của núi và biển mà chia quân thủy bộ, dựa vào nhau án ngự...

Từ nơi phòng ngự nghiêm ngặt ấy, đô đốc Nguyễn Văn Tuyết, rạp người trên lưng ngựa, ngày đêm gấp đường về Phú Xuân cấp báo...

"Nước cờ Tam Điệp" của Ngô Thì Nhậm quả là lợi hại. Và hiểu được nước cờ ấy, cũng như hiểu được cả người đã đi nước cờ ấy, lại cũng không phải ai khác mà chính là Nguyễn Huệ!

Vào những ngày giáp tết Kỷ Dậu (1789), dẫn đầu mười vạn tân binh từ Phú Xuân qua Thanh Nghệ đi đánh giặc Thanh, Nguyễn Huệ đã ra đến Tam Điệp. Ngô Văn Sở và các tướng lĩnh Tây Sơn đi đón chủ tướng, đều mang gươm trên lưng, xin chịu tội. Nguyễn Huệ rất vừa lòng trước thái độ ấy của những tôi trung của mình. Và chúa Tây Sơn bắt đầu quở trách mà chẳng có chút giận dữ nào trong từng lời:

- Các ngươi đem thân thờ ta, đã làm đến chức tướng soái. Ta giao cho cả toàn hạt, lại cho tùy tiện làm việc. Vậy mà giặc đến, không đánh nổi một trận, mới nghe tiếng đã chạy trước. Binh pháp dạy rằng: "Quân thua chém tướng". Tội các ngươi đáng chết một vạn lần!

Nhìn khắp mặt các quan tướng, Nguyễn Huệ nói tiếp:

- "Song ta nghĩ các ngươi đều là hạng vũ dũng, chỉ biết gặp giặc là đánh, còn việc tùy cơ ứng biến thì không có tài. Cho nên ta để Ngô Thì Nhậm ở lại làm việc với các ngươi, chính là lo về điều đó! Bắc Hà mới yên, lòng người chưa phục, Thăng Long lại là nơi bị đánh cả bốn mặt, không có sông núi để nương tựa. Năm trước ta đánh đất ấy, chúa Trịnh quả nhiên không thể chống nổi, đó là chứng cứ rõ ràng. Các ngươi đóng quân trơ trọi ở đấy, quân Thanh kéo sang, người trong kinh kỳ làm nội ứng cho chúng, thì các ngươi làm sao mà cử động được? "

Bốn bề tướng sĩ im phăng phắc. Cặp mắt lấp lánh những tia sáng thích thú của chúa Tây Sơn nhìn thẳng vào Ngô Thì Nhậm. Nguyễn Huệ thong thả nói:

- "Các ngươi đã biết nín nhịn để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra chặn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng. Khi mới nghe nói, ta đã đoán là Ngô Thì Nhậm chủ mưu. Sau hỏi Văn Tuyết thì quả đúng như vậy..."

Tất cả các cặp mắt của các quan tướng đều dồn vào Ngô Thì Nhậm. Bừng bừng như vừa nhấp một ngụm rượu nặng, Ngô Thì Nhậm sụp xuống, lạy hai lạy tạ ơn, nhưng chính là để tỏ lòng cảm kích đối với người chủ tướng, đồng thời cũng chính là bậc tri kỷ lớn nhất của mình.

"Nước cờ Tam Điệp" của Ngô Thì Nhậm như thế là đã được phân tích, đánh giá, từ một đầu óc chính trị sắc nhạy và một cặp mắt chiến lược tinh tường. Nước cờ ấy đã tạo ra cái thế quyết thắng cho toàn bộ ván cờ xuân Kỷ Dậu của Nguyễn Huệ: Quét sạch hai mươi vạn giặc Thanh xâm lược ra khỏi bờ cõi!

Nhưng người anh hùng của người nông dân Tây Sơn không chỉ đánh giá và sử dụng Ngô Thị Nhậm ở mức ấy. Dưới chân núi Tam Điệp, chính cũng vào những ngày giáp tết Kỷ Dậu, trước lúc kết thúc ván cờ lịch sử đại thắng hai mươi vạn quân Thanh, Nguyễn Huệ đã nói với tả hữu:

- "Lần này ta thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mười ngày là có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải phúc cho dân, nỡ nào mà làm như vậy?

Đến lúc ấy, chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nỗi binh đao. Việc ấy, phi Ngô Thị Nhậm thì không ai làm được!"

Lại phải có con mắt rất sáng và lòng tin cực mạnh mới có được những lời lẽ phó thác như thế. Và quả nhiên, Ngô Thì Nhậm đã không phụ những lời ấy. Sau giông tố sấm sét từ thanh gươm của Nguyễn Huệ giáng vào quân Thanh, là dịp tấn công tung hoành bằng ngòi bút của Ngô Thì Nhậm. Thảo thư, viết chiếu, nhiều lúc thay lời Quang Trung, liền trong mấy năm sau chiến thắng xuân Kỷ Dậu, đứng đầu tất cả mọi việc giao thiệp với triều đình nhà Thanh khôn khéo, kiên trì, linh hoạt và táo bạo, đứng vững trên cái thế cao của cả một cuộc chiến thắng phục hưng và vĩ đại, Ngô Thì Nhậm chẳng những phá được mưu lược trả thù của nhà Thanh, mà lại còn xoay chuyển tình hình, buộc nhà Thanh phải chính thức công nhận triều đại Tây Sơn là triều đại chính thống của đất nước! Hơn thế nữa, chủ trương tạo ra một phái đoàn Quang Trung Nguyễn Huệ giả mạo, đi sang tận kinh đô nhà Thanh, Ngô Thì Nhậm còn làm cho cả triều đình Mãn Thanh phải tỏ hết thịnh tình và nghi thức ưu đãi, kính nể và cảm thông với những người làm chủ mới của non sông chiến thắng...

Những năm sống với Quang Trung Nguyễn Huệ là những năm đắc ý nhất trong toàn bộ cuộc đời Ngô Thì Nhậm. Đấy cũng là những năm mà đất nước trải qua

những cơn sóng gió và chuyển mình lớn lao. Đồng thời, đấy cũng là những năm của những chiến công cực kỳ hiển hách của đất nước, gắn liền với sự hưng khởi của phong trào nông dân Tây Sơn. Ngô Thì Nhậm đã được luyện rèn từ trong một thời như thế. Và ông, chủ yếu là do vạch được một đường đi thẳng băng giữa thời thế ấy; gắn bó với phong trào Tây Sơn và sự nghiệp cứu nước, nên đã tạo ra được những đóng góp thật xuất sắc đối với thời thế lúc ấy. Từ chức Thị Lang bộ Lại, ông đã làm đến chức Thượng thư bộ Binh.

Năm 1972, Nguyễn Huệ, người anh hùng dân tộc, đồng thời là minh chúa, ân nhân và tri kỷ của Ngô Thì Nhậm, đột nhiên trúng một cơn ác bệnh, từ trần giữa lúc còn đang ôm những hoài bão cao cả của mình, và những kỳ vọng lớn lao đặt ở Ngô Thì Nhậm. Triều đại Tây Sơn từ đấy cũng suy dần.

Trong vòng mười năm, từ sau khi Nguyễn Huệ mất đến khi nhà Tây Sơn sụp đổ, người ta thấy Ngô Thì Nhậm, một lần nữa, lại năng tìm dịp trở về sống ở ngôi nhà cũ trên bờ sông Nhuệ, làng Tả Thanh Oai. Mái tóc đã đốm bạc của ông lại cúi nghiêng trên án thư. Bộ óc lớn của ông, sau một thời gian hoạt động căng thẳng và ghi nhận thêm bao bài học và kinh nghiệm, lại tập trung vào việc trước thuật. Ghi chép, tổng kết việc giao thiệp với nhà Thanh, Ngô Thì Nhậm viết các bộ *Bang giao hảo thoại và Bang giao tập.* Những kiến thức về sử học, những kinh nghiệm chính trị, những suy nghĩ triết học, những cảm xúc sáng tạo về văn học, ông dồn vào việc hoàn thành và chỉnh lý các bộ *Xuân thu quản kiến, Kim mã hành dư, Hoàng hoa đồ phả, Yên đài thu vịnh, Cúc đường bách vịnh, Hán các anh hoa, Trúc Lâm tôn chỉ nguyên thoại.*

Một toán lính sắc phục lạ, ập vào nhà Ngô Thì Nhậm giữa lúc ông đang cặm cụi trước án thư. Chúng đóng gông đeo xiềng, đẩy ông vào cũi và khiêng thẳng về Thăng Long.

Từ mấy năm nay, Ngô Thì Nhậm đã lường trước được cơ sự này. Ông rất bình thản, dường như không chú ý đến xung quanh nữa.

Triều Tây Sơn thế là sụp đổ. Đương đầu với một kẻ thù gian hiểm là bọn Gia Long Nguyễn Ánh, sau khi Nguyễn Huệ mất, chẳng những nó đã thiếu một người cầm đầu kiệt xuất, mà lại đi vào cái rớp xấu của những triều đại trước: Bè đảng tranh chấp, sao lãng dân tình, ăn chơi sa đọa... Trong khi đó, bọn Nguyễn Ánh ra sức chiêu nạp từ những tên cường hào đến những tên du thủ, lại bám áo bọng người Tây Dương đang dòm ngó đất này, tìm hết cách chiếm lại ngôi chúa tể bằng bất cứ lúc nào...

Không còn cơ cứu vãn tình thế, cũng như không còn có dịp để thi thố tài năng, Ngô Thì Nhậm đành cố tìm cách lãng quên trong việc trước thuật. Và ông bình thản chờ đón việc sẽ phải xảy đến với mình. Sẽ đến lúc, chỉ còn ông với tấm lòng cô trung của ông mà thôi.

Nhưng đến khi bị dẫn vào dinh "Tổng trấn Bắc Thành" nhác trông thấy một hình thù quen, Ngô Thì Nhậm bất giác khẽ giật mình. Đặng Trần Thường! Phải, chính làcậu ấm họ Đặng, ngày trước đã thân đến tận nhàNgô Thì Nhậm cầu cạnh nhờ vả,

để rồi bị cự tuyệt nhục nhã! Tên Đặng Trần Thường ấy, ngày sau ấy đã tìm đường vào Gia Định theo phò Nguyễn Ánh, Thường đã leo được đến chức Phó Tổng trấn Bắc Thành.

Tiểu nhân đắc trí, nhớ tới mối hiềm cũ với Ngô Thì Nhậm, Đặng Trần Thường đồng thời tính ngay đến chuyện triệt hậu họa tứ một cận thần tài cán của Quang Trung ngày trước. "Quyền hành mới vào tay y mà đã được dùng vào việc này rồi!" Ngô Thì Nhậm thoáng nghĩ như vậy, và lập tức, lấy ngay lại trong mình sự bình thản, hơn thế nữa, sự tin tưởng vững vàng. Điềm đạm, ông nhìn thẳng vào mặt Thường.

Gặp cái nhìn ấy, Đặng Trần Thường mất vẻ giương giương tự đắc ban đầu. Tuy vậy, khóe miệng giảo hoạt chẳng đổi thay của Thường vẫn nhếch lên, hằn học:

- Thời thế quả là chóng đổi thay, xoay vần! Thấm thoát vậy mà đãhai mươi lăm rồi! Nhưng ta thì chẳng bao giờ quên cái... đầu bài ngày ấy ông đã ra... Vậy nay, xin hoàn lại cho ông!

Từ chiếc án cao, một mảnh giấy cuộn tròn được lính hầu mang tới mở sát ngay mép gông của Ngô Thì Nhậm. Và Đặng Trần Thường cố nhếch mép cười. Liếc nhanh vào cuộn giấy rồi ngẩng lên, Ngô Thì Nhậm thấy cái cười ấy. Một luồng máu nóng hừng hực bốc thẳng lên mặt, Ngô Thì Nhậm mím chặt môi, ngước mắt nhìn lên cao: "Kẻ tiểu nhân đắc chí này muốn mượn chuyện cũ để làm nhục ta sao? Được rồi, để xem..."

Thì ra cuộn giấy vừa mở ra trước mắt Ngô Thì Nhậm đó, chính là một vế câu đối. Và hẳn là Đặng Trần Thường đã mất nhiều công phu để nghiền ngẫm nó:

"Ai công hầu, ai khanh tướng, vòng trần ai, ai dễ biết ai? "

Một vế câu đối mượn ngay ý của Ngô Thì Nhậm ngày xưa. Và chữ nghĩa khá hiểm hóc. Nhất là trong cảnh ngộ như thế này.

Nhưng tất cả nghị lực, tài năng và sức sống kỳ lạ đã cùng một lúc, vụt trỗi ngay dậy trong Ngô Thì Nhậm, giữa một cơn kích thích cao độ của ý chí chiến đấu. Sự mẫn tiệp của ông bắt nhanh ngay lấy những tiếng vừa luận về thời thế của Đặng Trần Thường. Đôi mắt sáng quắc nhìn chăm chăm vào khoảng không ở cao trước mặt, khuôn mặt căng thẳng, Ngô Thì Nhậm lập tức đảo chữ, tìm ý, đón vần: Ông đã chấp nhận cuộc thách đấu, không đắn đo và coi đó là cuộc chiến đấu cuối cùng của mình!

Gian nhà im phăng phắc. Lũ lính hầu kinh ngạc trước cảnh tượng chưa bao giờ từng thấy. Mấy tên thư lại ngồi trơ như phỗng đá. Và Đặng Trần Thường tắt hẳn khóe cười tự lúc nào. Cuộc giao chiến trên trường văn trận bút này rõ ràng lại có điều gì bất lợi xảy đến cho hắn rồi!

Đột nhiên, vẫn ngẩng cao, Ngô Thì Nhậm vẫy tay ra hiệu đòi giấy bút. Những nét chữ gân guốc, vùn vụt tràn ra ngay dưới bàn tay quan Binh bộ thượng thư của triều đại Tây Sơn đã thất thế:

"Thế chiến quốc, thế xuân thu, dù thời thế thế nào cũng thế!"

Hơi văn đi mạnh như gió. Mà ý vững như thành. Và chữ nghĩa đối lại chan chát! Quả là Đặng Trần Thường đã chọn nhầm cách trả thù!

Kinh hoàng trước tài trí của đối thủ, Thường vội vả đổi thái độ. Đòn giáng quá đau, hơn thế nữa, hậu quả sẽ còn không lường sao hết được. Thường cố gượng gạo chống đỡ. Quát bảo tả hữu tháo gông, cởi xiềng cho Ngô Thì Nhậm, rồi sau đấy, sai đưa ông sang nhà nghỉ, mấy ngày liền, Đặng Trần Thường ra sức dụ dỗ Ngô Thì Nhậm đi theo chúa mới cùng với hắn, và nhất là... Sửa lại vế đối! Mánh khóe của Thường kể cũng đã khá gian ngoan. Hắn chỉ nài Ngô Thì Nhậm đổi cho những chữ: *"Dù thời thế thế nào cũng thế"* thành ra *"Gặp thời thế thế thời phải thế!"*. Nhưng rõ ràng, giữa mấy chữ giản đơn ấy, là cả một đại dương về thái độ và tinh thần! Ngô Thì Nhậm trước sau chỉ một mực im lặng hoặc cười nhạt.

Ông đã giữ thái độ ấy cho đến lúc chết. Biết không thể nào lay chuyển Ngô Thì Nhậm, long khao khát trả thù lại nổi dậy trong lòng Đặng Trần Thường. Tên Phó Tổng trấn Bắc Thành của Gia Long Nguyễn Ánh đã sai lính điệu Ngô Thì Nhậm ra trước Văn Miếu. Trận đòn thù đúng một trăm trượng hằn dọc giáng xuống tấm thân tuổi tác đã sáu mươi của Ngô Thì Nhậm, đúng theo "Thể lệ" trừng phạt của chế độ phản động nhà Nguyễn đối với những người có đạo học mà lại mắc "Tội theo giặc" vào lúc ấy.

Và Ngô Thì Nhậm đã bỏ mình sau trận đòn như thế.

Lê Hữu Trác

Người nông phu đã đứng tuổi ấy kể lể:

- Trình cụ, chú nó từ hôm cày mảnh ruộng ở chân núi gặp mưa thì phát chứng mình nóng như lửa, trong họng đau dữ. Xin cụ làm phúc chữa cho...

Nghe giọng nói vật nài khổ sở, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác rời trang sách thuốc, nghiêng đầu lé mắt nhìn kỹ người đứng trước mặt, rồi gật gù, thủng thẳng hỏi:

- Chú ấy năm nay bao nhiêu? Ngày thường có hay đau yếu gì không?

- Trình cụ, chú nó từ bé vẫn ở với chúng tôi, anh em đùm bọc lẫn nhau, nào thấy có bệnh tật gì đâu. Chẳng qua năm nay vừa hăm hai tuổi, định thu xếp ra ở riêng nên cố làm dấn để kiếm chút vốn...

- Được rồi! Để nghĩ kỹ xem nào...

Lãn Ông rời sập, lê dép ra tủ thuốc, tìm tòi, cân gói, một hồi lâu rồi thận trọng trao phong giấy cho người nông phu, đoạn lẳng lặng quay về sập, xua tay ra hiệu cho khách lui, khi thấy khách vừa toan thò tay vào bọc lấy tiền.

Nhưng chỉ hôm sau đã lại thấy người nông phu ấy tìm đến, gãi đầu nhăn nhó báo tin người bệnh chẳng những không thuyên giảm, mà còn đau tắc hẳn yết hầu, không

ăn uống gì được nữa. Lãn Ông chau cặp mày bạc trắng, trễ miệng lẩm bẩm "Hỏa hư chăng? ", rồi thong thả với lấy khăn áo, bảo người nông phu:

- Nhà bác đi trước dẫn đường đi...

Vị y sư già nua chống gậy, lắc lư tấm thân mập mạp, bước theo chân người nhà bệnh nhân. Sau khi xem kỹ mạch, ông già ngồi ngây ra suy nghĩ một lúc rồi lẳng lặng ra về. Mấy thang thuốc liên tiếp được trao cho người nhà bệnh nhân và mấy hôm sau thì thấy cả hai anh em ngươi nông phu, đầu đội xôi gà, tay mang tiền bạc, tìm đến lạy tạ, cảm ơn cứu mạng.

Bẳng đi bốn năm ngày, bỗng lại thấy người nông phu xuất hiện: Người em của bác ta bụng đau như xoắn, đi ngoài ra toàn huyết! Hải Thượng Lãn Ông lúc ấy đang ngồi câu cá dưới bóng mát ngôi nhà Nghênh phong. Ông già trễ môi nghe kể bệnh, rồi buông cần, xỏ dép đi lấy thuốc giao cho người nông phu mang về.

Nhưng rồi tin dữ lại vẫn đến: Bệnh nhân phát nóng và tức bụng càng tăng! Vị y sư thoáng thấy sốt ruột vì phiền muộn. Ông già nhíu mày cân đong thuốc men hồi lâu, rồi vừa giao thuốc, vừa dặn người nông phu:

- Nhà bác mang về cho người bệnh uống. Xong nước đầu, thấy thế nào thì báo cho tôi...

Ngồi thừ nheo mắt nhìn theo bóng người nhà bệnh nhân tất tả đi về, Lãn Ông lần lượt gợi thử lại trong óc những thú vui giải trí thường ngày: Câu cá, gảy đàn, ngắm cảnh v. V...nhưng đều chẳng thấy chút hứng thú. Ông già liền gọi tiểu đồng dọn rượu, và chỉ sau mấy chén lớn đã phanh áo ngủ lăn ở sập.

Đêm ấy, trời đổ xuống một trận mưa giải nồng, kéo dài thêm giấc ngủ say của vị y sư tới lúc sáng bạch. Ông giá chỉ tỉnh dậy khi tiếng mếu máo của người nông phu:

- Trình cụ, chúng tôi cho chú nó uống thuốc của cụ, xong nước đầu thì thấy bệnh chuyển, Gặp trời mưa, chúng tôi ngại đi trình cụ, cứ thế sắc luôn nước thứ hai... Nào ngờ, uống vào thì liền đi ngoài như tháo cống, tinh thần mệt hết sức...

Lãn Ông lật đật nhổm dậy. Ông già vội vã tìm khăn, xỏ dép, lục lọi thuốc thang rồi tất tả theo người nhà bệnh nhân ra đi. Mãi chiều hôm ấy mới thấy Lãn Ông thơ thẩn trở về, gương mặt nhăn nhúm tối sầm.

Vị y sư gầy sút giảm hẳn đi. Đám tiểu đồng ngơ ngác nhìn ông già thẩn thơ đi từ nhà Di chân sang đình. Tối quảngrồi lên lầu Tị huyên mà chẳng ngồi đâu được nóng chỗ.

Đã lâu lắm mới lại thấy Lãn Ông tự dằn vằn khổ sở như vậy. Người vợ già của vị y sư, hiểu tính chồng, lặng lẽ rót thêm rượu ngọt vào chiếc hồ lớn mỗi bữa dọn ăn cho ông lão. Hồi còn trẻ, bà cũng đã một lần chứng kiến cái cảnh tượng khổ đau vật vã của chồng như thế này. Ấy là khi ông vừa từ quan, bỏ cả quê hương Hải Dương để lánh vào xứ Bầu Thương đây. Ở ẩn mà vẫn chưa yên. Xa lánh thế sự rối bời của triều chính, nhưng chí tung hoành của kẻ nam nhi lại vẫn chẳng nguôi đi được. Đúng hơn là Lê Hữu Trác chưa tìm thấy hướng mới để lập thân. *Ông già lười* này chỉ muốn lười về đường bon chen kiếm chút công danh trong triều. Và khi làm ra vẻ

mải mê thơ túi rượu bầu, buông câu gảy đàn, nhưng chẳng bao giờ con người có thể nhụt chí giúp đời. Người vợ biết, chỉ khi nào kí thác được tâm sự vào những trang giấy đã chất cao ngồn ngộn trong thư phòng kia, như cái lần trước ấy, thì Lê Hữu Trác mới khuây khỏa dần đi được. Phải, lần ấy, bài thơ từ con đau xé ruột của chồng, bà còn nhớ mãi:

"Mười năm mài cây kiếm

Sắc bén rực hào quang

Sát khí sông ngưu đẩu

Hùng uy động tuyết sương

Vào Tần đã không phai

Về Hán còn phân mang

Hồ hải luống trôi dạt

Chí mạnh hóa ngông cuồng!"

Đấy, con người cứ mỗi cơn nổi giông bão trong lòng thì lại như thế đấy! Bà lão chỉ biết nép mình im lặng nhìn theo người chồng loanh quanh lên lều, xuống sân, cho đến khi thấy ông lão vào hẳn trong thư phòng, không trở ra nữa, mới kín đáo buông một tiếng thở dài...

Trong khi đó, Lãn Ông đã đang bắt đầu đọc lại những ghi chép của mình về trường hợ dùng thuốc vừa qua. Những hàng chữ thảo ngừng lại ở đoạn: "Đã dùng đại tễ *Sâm Truật Phụ*, gia Phá cố chi, Nhục đậu khẩu để ngăn cơn đi rửa..." Hàng chữ mờ dần đi, khi Lãn Ông hai tay bưng trán, nhắm chặt miệng lại. Nhưng trong trí ông già lại hiện ngay lên hình ảnh người trai làng, xanh nhợt vì kiệt sức, nấc lên vì một cơn xuuyễn đờm rồi tắc hơi trong tay ông vào buổi chiều hôm ấy. Lãn Ông mở to đôi mắt đục ngầu vớ nhanh lấy cây bút và cúi hẳn mình xuống trang giấy:

"Bệnh án này, vì bệnh nhân vốn là nông dân ở vùng núi khỏe mạnh, bỗng nhiên cảm bệnh, cũng chỉ là trúnh thực mới hơi hư. Và, trước đã uống đại tễ điều nguyên cố bản, tuy ăn nhầm mà trệ lỵ, thì tạm dùng cách thông cho uống nhè nhẹ cũng không hại gì. Tôi vô tình không dặn kỹ, người anh thấy bệnh bớt, cho uống cả thang, nên âm hư từ trước không giữ vững được nguyên dương. Một khi gặp hàn lương thì chân dương nguyên hỏa trong người bị xua đuổi hết, sức cùng mà chết".

Vì sự thở dốc như vừa qua một cơn giao chiến giữ dội, phi ngựa trở về. Những hàng chữ lại nối nhau hiện ra trên giấy, như không tự chủ được nữa:

"Đã hàng tuần nay, suốt đêm không ngủ được, hơn một tháng, nói năng như vờ vẫn, cử chỉ như mất hồn. Nghĩ rằng vì tôi không bất cẩn, đến nỗi người kia bị chết, trời đất quỷ thần soi xét, tội của tôi không thể tránh được" .

Lãn Ông đã buông bút rồi lại cầm lên. Và những hàng chữ lại tuôn tràn.

"Cái tội làm hại đời sống, không gì nặng hơn tội giết người. Đã là thầy thuốc có tiếng, thì người ta đến nhờ chữa chật cửa đây nhà. Trong đó, có thể nhất là nhất

nhất đúng lẽ, mà không lầm lỗi được ư? Không những thế, như có chứng nên xem xét đã, rồi sau mới bốc thuốc, hoặc vì ngại đêm mưa vất vả không chịu tới thăm, qua loa chữa bệnh thì đó là tội lười"

Ghi xong được những lời lẽ ấy ra giấy, Lãn Ông mới được án thư, ra khỏi thư phòng. Nhưng tối hôm ấy, người vợ già của cị y sư vẫn thấy chồng chong đèn trong phòng sách đến khuya. Cúi đầu trên trang giấy đã kín chữ, vị y sư còn ghi tiếp:

"Người thầy thuốc nếu không có những đức tính thương người, sáng suốt, đạo đức, khôn ngoan, rộng lượng, thành thật, liêm khiết, siêng năng, thì không làm thầy thuốc...

Và ông già chịu tắt đèn đi nằm, sau khi đã hạ bút viết nốt dòng cuối cùng;

"Xin các bậc quân tử đời sau, lấy cái nhầm của tôi làm cái xe đổ trước để đề phòng. Lấy lời nói của tôi làm cái gương để sửa chữa, mới khỏi thẹn với hai chữ "Nhân thuật" .

Thư trấn Nghệ An nóng nảy viết vào tấm phiếu:

"Bản chức đã sai một chiếc thuyền đưa cụ theo đường sông đến trạm. Xin cụ đi ngay cho. Dùng dằng nữa sợ có liên lụy".

Đoạn, quát gọi thư lại, hạ lệnh cho lính tức tốc đi Hương Sơn, giục Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác phải lên đường ngay.

Trước đấy mấy hôm, một tờ chỉ đã từ kinh đô Thăng Long hỏa tốc truyền đến Vĩnh Dinh:

"Quan nội sai Bình phiên Trạch trung hều, vâng lời chỉ, truyền cho quan thư trấn Nghệ An là côn lĩnh hầu phải tìm một người quê ở xã Liêu Xá, huyện Đường Hào, con quan thượng thư họ Lê, tên là Lê Hữu Trác, tục gọi là ông Chiêu Bảy. Hiện nay ông ta ngụ cư ở quê mẹ, xã Tình Diệm, huyện Hương Sơn.

Tìm được người này, phải sai lính ở Trấn hộ vệ đưa ngay lên kinh đợi mệnh.

Nay chỉ truyền.

Ngày hai chín tháng mười một năm Cảnh hưng thứ bốn hai.

Nhận được chỉ truyền, lại biết thêm được ý chúa Trịnh chuyến này muốn vời chính Lãn Ông ra kinh đô chữa bệnh cho hoàng tộc, Thư trấn Nghệ An đã vội vã tổ chức mộtcuộc hành trình hỏa tốc đường dài để đưa vị y sư nổi tiếng của trấn mình ra đi. Nhưng lạ thay, từ Hương Sơn đáp lại, Thự trấn chỉ nhận được một lời nhắn miệng của Lãn Ông, nhờ Thự trấn làm một tờ *khải*, xin cho vị sư y, bởi lẽ tuổi già sức yếu, được miễn ra kinh đô hầu chúa.

Thật kỳ dị! Biết là không dùng quyền uy thì không xong, Thự trấn Nghệ An gần như cưỡng bức vị sư y phải tuân lệnh chúa và lệnh mình. Và thế là nửa tháng sau, một buổi sáng, chiếc cáng chở Lê Hữu Trác đã cùng đoàn học trò và lính hầu hơn hai mươi người, cồng kềnh bụi bặm những hòm thuốc, rương sach, bao kiếm, túi đàn, ra đến cửa Tây kinh thành.

Nhưng chiếc cáng đầu đàn không thẳng đường nhập thành được ngay, bởi có một người khăn áo chỉnh tề đã chờ sẵn bên đường, nài nỉ mới đón cho kỳ được vị sư ghé vào nhà mình.

- Bẩm thầy chủ nhà kính cẩn chắp tay nói, sau khi đã lấy lễ thầy trò mà bái yết khách qua đường năm xưa, con có xin chép được một bộ *tâm lĩnh* của thầy, đêm ngày nghiền ngẫm, càng học càng thấy kinh lạ. Chỉ tiếc là xa xôi ngàn dặm, không được cập môn. Những muốn vào tận chốn núi rừng bái yết, nhưng hiềm vì còn chút mẹ già phải sớm hôm phụng dưỡng. Đành chỉ có cách ngưỡng mộ từ xa... Nay được tin thầy ra đây chữa bệnh cho chúa, lòng thành chờ đón, xin được trước tiên hầu hạ ít ngày như đã từng tháng năm đèèn hương thờ phụng trươc đây...

Lãn Ông lúc ấy mới để ý nhìn lên bàn thờ đang thơm nức khói hương ở giữa nhà. Và nhận ra hàng chữ ngay ngắn trên bài vị: "Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác tôn sư"

"Ông ta thờ sống mình!" Lãn Ông bất giác thấy gai người đọc khi xong hàng chữ. Vị y sư liền hỏi thăm cặn kẻ, mới biết được rằng đấy cũng chính là một thầy thuốc đang nổi tiếng ở kinh thành. Thấy vậy, Lãn Ông bỗng nảy ra ý định thăm dò tài đức ở người học trò tình cờ của mình:

- Ông đọc bộ *Tâm lĩnh* của tôi, thấy có điều gì sở đắc nhất?

- Bẩm thầy người danh y kinh kỳ chợt lúng túng câu hỏi có phần đột ngột bể học khôn lường, nhưng quả là tất cả kiến thức trong nghề y đều đã được thâu tóm ở trong *Tâm lĩnh* rồi! Chúng con chỉ còn cách gắng hiểu lời sách mà làm theo cho đúng sách...

- *Đọc sách biết nghĩa được là khó* Lãn Ông nóng nảy ngắt lời *nhưng hiểu được nghĩa cũng vẫn còn chưa khó lắm. Biện luận phân biệt cho ra chân lý mới thật là khó. Mà hiểu thấy được thêm gì ở chung quanh chân lý lại càng khó hơn...*

Nhìn vẻ mặt chưng hửng ngơ ngác của người danh y kinh kỳ, Lãn Ông nói luôn một mạch:

- Người đời nay phần nhiều đều nệ sách mà không biết rằng *người xưa đã từng nói: "Y giả ý giã", tức là lập ý thì phải vận dụng linh hoạt vô cùng. Lại có câu: "Phương giả pháp giã", là phải theo vào cách xử lý điều trị của mình mà lập phương thuốc* Cứ xem như các chứng bệnh mùa đông bây giờ, tôi thấy thầy y nào cũng theo bài *Phát hãn* trong sách Trọng Cảnh mà chữa. Nhưng có biết đâu rằng *nước ta ở vào khu vực Đông Nam, gần với mặt trời, giữa mùa đông mà lá cây không rụng, nước không thành băng, trời không xuống tuyết, mùa đông thường ấm nên hơi lao động một chút là đã toát mồ hôi. Mồ hôi đã dễ toát như vậy, trung khí sẽ do đó mà hư, nên hơi gặp rét cũng có thể cảm nhiễm được ngay. Như vậy thì sự cảm nhiễm đó chỉ nông thôi, chứ đâu có sâu như người phương Bắc, cho nên nước ta tuyệt không có thương hàn thuộc loại nặng như các sách Trung Quốc đã chép*.

Uống một hơi hết chén trà, Lãn Ông tiếp ngay:

- Tôi ngày trước đã từng đọc kỹ Trọng Cảnh, lại đọc cả Cảnh Nhạc, Thiên Sĩ,

Cúc Thông nói về thương hàn. Nhưng rốt cuộc, tự mình phải thấy rằng *đọc sách của TrọngCảnh, theo phép của Trọng Cảnh, nhưng không nhất thiết phải theo phương của Trọng Cảnh. Những người không hiểu lẽ đó, hễ cứ thấy phát sinh chứng nhức đầu sốt nóng thì liền cho ngay là thương hàn, rồi dùng ngay những bài chữa về chứng thương hàn nặng ở phương Bắc, nhắm mắt cho uống bừa đi, chứ có nghĩ đâu rằng Bắc Nam khác biệt, phong thổ không giống nhau, dùng liều như thế sao được?*

Lãn Ông trễ môi, nín lặng nhưng sắc giận cứ hiện dần trên sắc mặt. Người thầy thuốc ở kinh kỳ vội vã đứng dậy, chắp tay vái:

- Nghe lời dạy của thầy mà như nghe tiếng sấm bên tai. Chỉ mới được gần thầy có một lúc mà đầu óc chúng con đã được mở mang bằng bao nhiêu tháng ngày! Thật giận mình không được sớm hôm gần gũi để thầy hằng luôn bảo ban cho...

Lãn Ông cười xòa:

- Cũng là tự nhiên tôi bỗng thấy có hứng muốn đàm đạo đôi chút y thuật đó thôi!

Và xuê xóa lái câu chuyện sang hướng khác:

- Đủ thấy rằng y hải thật mênh mông. Nhưng cũng chưa khó bằng bệnh đời:

"Bệnh đời sâu sắc lắm thay

Tài y khôn dễ với tay ngăn ngừa!"

Câu thơ ngẫu hứng về thời thế của Lê Hữu Trác bỗng gợi ngay cho người học trò xa lạ một đầu mối để bộc lộ chí hướng của mình:

- Bẩm thầy, nghe câu này, con lại càng thấy thầy *là người tinh thâm về cái học về tính và mệnh. Bấy lâu nay thầy mai danh ẩn tích ở nơi núi rừng đã đành là cao thượng. Không làm một bậc lương tướng thì cũng làm được một ông lương y. Nhưng nay Cửu trùng đã biết, bốn bể nghe danh, đó chẳng phải là một việc mà kẻ trượng phu mong mỏi hay sao?*

Nghe những lời lẽ ấy, vị sư nghiêng đầu nhìn kỹ người học trò ngẫu nhiên của mình hồi lâu, rồi thở dài trả lời:

- *Cây kia có hoa nên bị người ta hái. Người ta có cái hư danh nên phải lụy về chứ danh. Ví bằng trốn cái danh đi có phải thú hơn không?*

Huy quận công Hoàng Đình Bảo đuổi hết tả hữu ra ngoài, rồi thì thầm với Lê Hữu Trác:

- Tuần này Thánh thượng ra cung Vọng hà xem thủy quân chèo thi, bị cảm gió. Đã năm sáu năm nay, người mắc một chứng có tật, nguyên khí ngày một hao mòn, cho nên mới cảm đã trầm trọng ngay...

Vị sư lẳng lặng theo sau Hoàng Đình Bảo vào phủ chúa. Hoạn quan Trạch trung hầu chính là người đã thảo tờ chỉ triệu Lãn Ông vào triều dẫn hai người qua hết vườn ngoài lại hiên trong, rồi bước lên mấy bậc thềm cao, vào một tòa nhà lớn, bốn bề canh phòng cẩn mật. Phía sau tòa nhà là một gian phòng rộng, màn trướng kín

mít, dùng làm nơi *ngự tẩm*.

Tĩnh đô vương Trịnh Sâm lờ đờ cặp mắt, nằm trên một chiếc võng điều, mắ là là qua một chiếc sập thiếp vàng, phủ nệm gấm. Vừa nhác thấy Lê Hữu Trác, chúa Trịnh đã khàn khàn giọng nhận xét:

- Trông giống thấy Liêu!

Phía sau một tấm màn gấm, cũng có một tiếng thì thào nhè nhẹ của đám cung nữ vừa được lệnh lánh mặt. Một ngọn sáp cháy vật vờ trên cây nến mạ vàng ở góc nhà, soi mờ tỏ bàn tay lẻo lướt của chúa Trịnh, vừa rời võng, vừa ngồi sập, đặt lên trên chiếc gối gấm để chờ Lê Hữu Trác thăm mạch.

Lúng túng vướng víu mất hồi lâu, vị y sư mới tập trung được trí tuệ vào việc định bệnh. Sau một lúc nhíu mày, trễ miệng xem xét bệnh trạng, Lãn Ông được phép lui ra ngoài tòa Thị kỷ điếm, để cùng Huy quận công và các quan Ngự y luận bệnh của chúa. Rồi đó, Lãn Ông được lệnh được thảo đơn thuốc và sau một cuộc biện luận căng thẳng nữa, cách chữa bệnh chúa của vị y sư mới được duyệt y. Chúa Trịnh Sâm theo thuốc của Lãn Ông uống hai nước, lập tức giảm bệnh.

Cả phủ chúa xôn xao! Vị y sư ngồi đâu đứng đâu cũng cảm thấy có những cặp mắt thán phục soi vào mình. Chúa Trịnh cũng liên tiếp ban cho vị y sư những mâm cơm ngự soạn. Và cuối cùng, lại chính chức hoạn quan Trạch trung hầu trịnh trọng tìm đến, dõng dạc xướng to:

- Kính mừng: Vâng lời thánh chỉ, ban khen lão sư vào chầu đối đáp minh mạch, lại hiểu rõ bệnh lý. Nay ban thưởng một cái *thai ngưu*. Lại sẽ ban áo mát, áo ấm để tiện khi vào chầu!

Một lần nữa, vị y sư thấy lúng túng khó chịu về những nghi thức đang diễn ra trước mắt. Lãn Ông quay sang hỏi một viên quan hầu đứng cạnh:

- *Thái ngưu* là cái gì?

Sợ hãi đảo mắt liếc quanh, viên quan hầu ghé tai vị y sư nói nhỏ:

- Là mười quan tiền!

Huy quận công Hoàng Đình Bảo thấy cảnh tượng nhốn nháo, vội hạ lệnh cho Lê Hữu Trác:

- Cụ quỳ xuống lĩnh thánh chỉ!

Và đến lúc ấy, viên quan đầu triều mới nhận ra vị y sư vẫn cứ đánh nguyên bộ quần áo thường dân xộc xệch! Huy quận công xít răng dằn giọng:

- Nếu ngày mai vào chầu mà cụ còn mặc thế này thì tức là coi thường ân huệ của nhà vua, tội đáng chết đấy!

Quả là Lãn Ông không màng đến việc mình được chúa Trịnh trọng dụng. Được giữ lại ở trong vùng trùng điệp lầu son gác tía của phủ chúa để thường trực viên thuốc thang cho hoàng tộc, vị y sư lập tức tạ sư thoái thác:

- Tôi già yếu, lại có bệnh đau dạ. Ở đây không tiện... Việc đi đồng! Xin cho tôi

ra ở bên ngoài...

Cả mấy vị quan lại đều kinh ngạc:

- Làm thầy thuốc mà lại kêu mình có bệnh, thế thì còn ai để cho mình chữa nữa!

Viên A bảo gượng nhẹ giải quyết:

- Ở đây có một nơi nhà xí ở chỗ dưới chân thành, đã vắng vẻ, lại sạch sẽ, phía trước còn có thêm một cái ao, rất tiện!

Nhưng vị y sư vẫn nằng nặc đòi ra ở bên ngoài. Và ông tự tìm thấy nhà trọ để ở. Từ nơi nhà trọ, Lãn Ông gửi thư cho Huy quận công Hoàng Đình Bảo, thiết tha bày tỏ nỗi nhớ nhà để xin được rời kinh đô, về quê quán:

"Tỉnh giấc dậy, đi về chưa toại

Trước thêm nhà, trăng lại mọc ngay

Hồ bằng, thu sắc rạng đầy

Một chi réo rắt tiếng bay lìa đàn

Chơi núi cũ mơ màng nằm thấy.

Nơi để thành mình hãy còn đây

Người khôn nên già làm ngây

Hư danh quấy mãi thân này làm chi? "

Chưa biết rõ chí hướng ấy, các vị công hầu khanh tướng chốn kinh kỳm chỉ nghe dậy tiếng tăm ông già lười kỳ dị của xứ Nghệ, đã rầm rập ngày đêm, xe, ngựa, kiệu, võng, tìm đến xin kết giao, xướng họa và nhất là xin chữa bệnh, trong khi Lãn Ông cố tìm cách trốn chuyển hết nhà trọ này sang nhà trọ khác. Sốt ruột chờ lệnh của Huy quận công cho phép trở về, vị y sư lại làm thơ:

"Thuốc gì chữa được mạng khanh tướng?

Lòng khá tâu lên với quỷ thần

Chỉ có tiếng thơm đời để mãi

Giầu sang già đổi chốn phù vân"

Trước một ý chí không thể chuyển lay như thế của vị y sư cao ấn, Huy quận công mặc dù đã hết ý lưu giữ Lê Hữu Trác ở lại kinh đô phục vụ chúa Trịnh, cuối cùng cũng đành ngán ngẫm bó tay.

Lê Hữu Trác dò biết được thái độ ấy của viên quan đầu triều, vội vã làm ngay một cuộc chạy trốn thực sự. Và chỉ đến khi đã xuống được thuyền ở bến Tràng Tín để xuôi dòng về Hương Sơn, Lãn Ông mới thở được một hơi dài nhẹ nhõm. Giữa cảnh bát ngát nước trời, lời thơ phóng khoáng lại cất lên cùng với nỗi lòng giục giã tìm mau về nơi ẩn dật của vị sư:

"Lên đường từ giã long lâu

Gươm đản nửa gánh, rời mau đô thành

Ngựa quen đường cũ về nhanh

Quay thuyền khó lúc lênh đênh giữa dòng!

Đa tình mây muốn che nồng

Nước non mở mặt như lòng vì ai..."

Đất rừng Hương Sơn ra hoa cây nảy lộc mừng đón người thân trở về. Trẻ già trấn Nghệ yên dạ hồ hởi gặp lại vị y sư. Và Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, như cá được thả lại vào nước, lại chữa bệnh, lặn lội hết thôn này đến xóm khác, tìm thuốc lang thang từ rừng nọ đến núi kia, để rồi, yên tâm đắm mình trong những dòng thơ kỳ thú:

"Ngày ngày xem bệnh vừa xong

Đêm đêm tựa bóng trăng trong gảy đàn

Vừng đông cao, vẫn ngủ tràn

Bởi lòng mơ tưởng chữ nhàn mà say"

Bộ *Tâm lĩnh* của cả một đời làm thuốc chất ngất giữa thư phòng, trong chuyến đi vừa rồi cố công lo việc khác, in không thành, bây giờ Lãn Ông lại cặm cụi sửa sang và viết thêm.

Hôm nay, Lê Hữu Trác cẩn thận ghi chép tỉ mỉ về một trường hợp chữa bệnh màmỗi lần nghĩ tới, vị y sư lại thấy hiện lên như vẽ ra trước mắt từng cảnh, từng việc, từng người...

"Một người dân chài tên là Thuộc, có con gái mười ba tuổi mắc chứng Đậu mùa. Lúc mới phát nóng, vì ngoại cảm nặng nên nhức đầu, đau mình không có mồ hôi, sợ lạnh, sốt cao, mũi ngạt tiếng nặng, ho, phiền khát, mê man nói nhảm, đại tiện táo kết, tiểu tiện sén đỏ".

Người đó mời tôi đến chữa.

Lúc đầu tôi cũng không đề phòng là phát Đậu. Thấy đứa bé sức vóc đen gầy nên trong huyết được, thêm vị biểu dược đề phát tán. Nhưng tuy ra mồ hôi mà nóng không lui. Lại dùng thanh giả đề cho hơi lợi một chút. Nhưng nóng cũng không bớt. Liều dùng thuốc làm mạnh thủy để chế hỏa. Dù chưa bớt được nhiều, nhưng tinh thần đã hơi tỉnh, phiền khát khỏi dần.

Hết thuốc bệnh lại như cũ.

Lúc đó, đã nóng đến sáu ngày. Tôi rất ngờ, lại thân hành đến xem thì thấy tai, xương cùng ngón tay giữa đều lạnh, mạch Trầm sắc. Vả lại, mạch chứng Đậu, từ lúc phát nóng đến khi mưng mủ, cần phải Phù đại, không nên Trầm tố. Đây là vì huyết nóng độc thịnh quá. Tôi dùng thang *Thăng ma Cát căn*, gia những vị lưỡng huyết giải độc như Từ thảo, Hồng Hoa, Ngưu hoàng, Xuyên khung để thanh nhiệt thác độc. Tuy thấy nóng mà không dám vội dùng thuốc hàn lương sợ lạnh làm độc không ra được.

Đến tối, tôi lại đến xem. Soi đèn thấy Đậu mọc lờ mờ ở trong da, khắp mình vẫn

đỏ. Lúc đó lại kiêm chứng trong bụng trướng đau, đánh rắm rất thối. Biết là trong có phân tích lại và độc úng tắc, tôi lại dùng phương thuốc trước, gia Đại hoàng rửa rượu để hơi dạ một chút.

"Sáng sớm hôm sau, tôi lại tới xem, thấy trên trán đứa bé có chấm đỏ như son, hai gò má, dưới cằm có mụn đầy như trứng tằm, ở ngực, ở lưng hơi rẽ quã đậu, ở tay chân, mụn mọc chi chít như đầu kim. Đứa bé nhai nuốt thì trong cổ họng vướng vướng như có vật gì làm hơi đau. Mình nóng rát như lửa. Mặt đã hơi sưng..."

Lãn Ông dừng bút, lấy tay xoa trán, vuốt mặt. Trí óc tập trung đã quá căng thẳng để cho việc nhớ lại và chép ghi không thể sai sót một chi tiết nhỏ, giờ đây đã khiến vị y sư như không phải một mình ngồi trước xấp giấy nữa, mà rõ ràng đang sống giữa cảnh ngộ của mình ngày ấy...

Một bến sông hoang vắng hiện ra. Con đò nát gối mình trên cát nóng mùa hạ. Trời oi bức như đốt như thiêu. Và mùi tanh thối xông lên nồng nặc.

Lom khom chui ra khỏi lòng thuyền chật chội, Lãn Ông cố nén cơn buồn nôn, đưa tay gạt những giọt mồ hôi chảy đầm đìa trên mặt. Buổi thăm bệnh thật quá nặng nhọc đối với tuổi tác của vị y sư. Và ác chứng của căn bệnh hiểm nghèo khiến cho ông già làm thuốc nản lòng. Một cơn nóng giận đột ngột kéo đến.

- Chứng Đậu của cháu rất nguy hiểm. Tôi không chữa được đâu! Bác nên tìm thầy khác xem họa may có vớt vát được phần nào thì vớt!

Lãn Ông dấm dẳng nói với người ngư dân khốn khổ, đoạn lùi lủi đi thẳng về nhà.

Nhưng không ngờ là ngay tối hôm ấy người ngư dân đã lại lần đến, cả hai vợ chồng và một mâm lễ vật: Năm quan tiền dài cùng với trầu cau đủ bộ. Gia đình chài nghèo đã bán cả đồ nghề của mình để chạy cho được khoản đó, nghĩ rằng vị y sư vì thấy thiếu cái gì đó mà chưa hết lòng chữa bệnh cho con mình. Và thế là, mỗi bên một ý, vật nài, thoái thác, van xin chối từ... Cuối cùng hiển nhiên là một kết cùng sầu thảm: Vợ chồng nhà chài gạt nước mắt, thất thểu ra về, trong bụng chỉ còn biết tủi hờn cho cái số phận nghèo hèn và bất hạnh của mình...

Nghĩ đến đấy, Lãn Ông không cầm lòng được nữa, vị y sư vớ lấy bút, dầm mạnh vào nghiên mực, và viết tiếp:

"Trước cảnh tượng đó, tôi cảm động vô cùng. Nghĩ rằng: Thầy thuốc đời nay chỉ là thầy thuốc của kẻ giàu sang. Không phải thầy thuốc của kẻ nghèo hèn. Nếu thấy kẻ rách rưới đã không muốn đếm xỉa, thì khi nào họ còn chịu tốn thuốc cứu chữa để mongsự báo đáp vu vơ? Vả lại, làm thuốc là nhân thuật, chỉ nghĩ sao cứu sống được người. Nếu ta mất chút thì giờ mà ngươi được sống trọn đời, thì tuy mất mà cũng làm được. Huống nữa, nhà kia đang tìm cái sống ở trong chỗ chết mà trông cậy thầy thuốc. Thầy thuốc lại có thái độ dễ làm khó bỏ thì làm thuốc để làm gì?

Tôi liền sai trẻ gọi người kia trở lại mà bảo:

- Không phải tôi khinh bác nghèo mà không giúp đỡ. Chỉ vì sức tôi không chịu nổi khó nhọc đó thôi. Trước bác còn có ăn, có mặc, tôi không chữa thì có thầy khác

chữa, nhưng nay bác nghèo ngặt quá, tất họ không chữa cho đâu, cho nên tôi phải cố chữa. Nhưng bệnh cháu mười phần, chết chắc tám phần. Nay tôi không tiếc thuốc men, không nề vất vả, may ra muôn phần có kéo lại được một, cũng là nhờ ân đức của nhà bác. Số tiền bác cầm đến, hãy mang về để mua gạo củi!

Nói xong, tôi thắp đuốc tới xem thì thấy bệnh nhi bụng trướng hơn trước, chối nắn không cho sờ tay vào. Tôi cho đó là hiện tượng nhiệt ủng tắc ở trong, trường vị táo bón, nếu không mau sơ thống cả biểu và lý, thì âm dương không sao thông đạt để đẩy độc tà ra. Tôi liền dùng bài *Quế chi Đại hoàng thang*, gia những vị thăng khí thác độc, cho uống. Uống xong, ỉa được một chút thì trướng đau đều khỏi, liền bảo thôi, không dám dùng hết thang. Lại nghĩ: Họng hầu là cửa ngõ của thủy cốc, là then khóa của toàn thân, không thể để chậm được. Liền dùng bài *Sưu độc tiễn*, gia những vị Cam thảo, Cát cánh, Ngưu Hoàng, Huyền sâm, Kinh giới. Quả nhiên, uống hai thang thì chứng vương vướng như vật rắn ở cổ khỏi hết, chỉ còn hơi đau.

Bốn ngày sau, nốt đậu mới mọc đều, những chỗ giữa trán, hai gò má dày chi chít không hở chỗ nào, tình trạng giống như bưng đầu trùm gáy, không nói cũng biết, chân tay lại còn dày hơn, không phân rõ ranh giới: Chỉ ở lưng và ngực hơi thưa, tuy có mọc lên thành mụn, nhưng đầu phẳng sắc tía, may mà sờ tay vào còn chuyển sắc trắng. Tôi nghĩ, nếu không dự phòng thanh nhiệt giải độc, nhất là chú ý thác độc ra, thì độc sẽ phục lại, dẫn đến chỗ hãm đen, hãm tía. Liền dùng bài *Hoàng liên giải độc thang*, xen lẫn với những vị Xuyên khung, Đương qui, Liên Kiều, Cát cánh, Sơn tra, Huyền sâm, Đơn bì, Hồng hoa, Xích thược, Gạo nếp, Hoàng cầm, Thạch cao, Từ thảo, Búp măng, Sâu dâu, Xuyên sơn, Linh dương, tùy chứng lựa dùng, hàng ngày thay đổi cho uống.

Đậu mọc dần lên, khí đã đẩy ở đầu mụn, huyết đã phụ ở chân mụn. Sắc tía dần đổi ra sắc đỏ nhạt, dưới ánh đèn lấp lánh coi có thần sắc. Nhưng vì khí huyết khô độc ủng tắc, trường vị táo bón, nên thang nào cũng dùng Đại hoàng cho thông lợi một chút thì nóng bớt. Không cho uống như thế thì lại có trạng thái lìm lịm không biết gì.

Đến ngày thứ bảy, thế nóng lui dần, độc đã hóa dần thành mủ.

"Đến ngày thứ tám, mủ đã hơi vàng, tơi mới dám cho uống thuốc, bổ khí, như *Bảo nguyệt thang*, gia vị Lộc nhung để tẩm bổ, thêm Gạo nếp, gai bồ kép, Sữa người, gia ít Nhục quế để thúc độc ra ngoài. Lại chiếu cố đến phần huyết, dùng thuốc lương bổ, đề phòng gãi dập ra. Lúc này mùi đậu rất thối. Tôi mừng, cho là khí độc đã ra hết..."

Nhưng cuộc vật lộn với bệnh tật vẫn chưa kết thúc được ở đây. Lãn Ông lại buông bút, xoa trán, vuốt mặt, nghĩ đến những biến chứng ác liệt của Đậu mà vị y sư đã phải đem hết sức lực và trí tuệ để đối phó ròng rã thêm nửa tháng trời nữa. Thử thách quả là lớn: Con bệnh bỗng lên cơn sốt rét cầm cập, rồi thổ, rồi tả, và Đậu chuyển thể đảo áp trắng xám.

Phải chăng đây là chứng Đậu "Quay quả" như sách vẫn nói: Lãn Ông căng óc tính toán, cân nhắc và quyết định một phép chữa khác hẳn: Dùng ôn bổ để tăng lực

vì nghĩ chắc chắn rằng cháu bé đã kiệt sức sau những ngày nung bệnh, chứ không phải do Đậu quay quả. Ác bệnh quả đã không đánh lừa đượcvị y sư lão luyện: Cơn nguy kịch lui dần. Nhưng mấy ngày sau lại thấy xuất hiện triệu chứng mới: Đậu không chịu bong vảy trên khu mặt bệnh nhi. Một *Bổ trung thang*, gia Xuyên khung, giảm Hoàng kỳ, sắc đặc, cuối cùng mới giúp được Lãn Ông giải quyết căn bệnh.

Vị y sư khe khẽ thở dài, cầm bút viết tiếp những lời tổng kết:

Tôi chữa bệnh Đậu này ngày đêm không dám bỏ vắng. Khi sinh ra "Tặc đậu" "đinh đậu" thì phải tự tay khều ngay. Mỗi khi tới xem thì phải cởi hết quần áo để ở trên bờ, mình trần mà vào, lấy bông nút mũi, nín hơi như dân chài lặn ở trong nước, xem một mạch rồi ra ngay, khắp mình mồ hôi nhễ nhãi. Về nhà, lại phải xông tắm rồi mới ăn uống được. Không những thế phàm gạo củi, dầu đèn, thiếu đâu giúp đó. Tính ra, từ khi phát nóng đến khi khỏi hẳn, trước sau một tháng bốn ngày, khoản chi phí về thuốc của tôi không hết năm quan tiền mà làm cho người ta được sống, toàn thân không bị hư hỏng chỗ nào.

Những trang sách đã viết xong, Lê Hữu Trác buông bút mà vẫn thấy tâm thần lâng lâng sảng khoái. Vị y sư rung đùi, mồm lẩm nhẩm không rõ lời một câu thơ cổ, trong khi tay lại cầm lấy bút viết thêm xuống cúi trang:

Vương Ung Chấn nói: "Nhà làm thuốc có công tạo hóa" quả đúng như thế này chăng?

Vị y sư bất giác ngả người, tựa lưng vào chiếc trường kỷ, phanh tà áo rộng, kéo trễ xuống dưới vai. Và hứng chí xoa bộ ngực to rộng lại vuốt chòm râu thưa dài cùng mái tóc bạc để xõa đến vai. Tiếng ngâm bỗng vụt ra từ khuôn miệng đang rạng rỡ một nét cười lành:

"Chỉ muốn người đời không có bệnh

Ngâm thơ uống rượu được thanh nhàn" .

Hồ Xuân Hương

"Giơ tay vời thử trời cao thấp

Xoạc cẳng đo thêm đất vắn dài"

Câu thơ ứng khẩu của Xuân Hương dọc vừa dứt, tiếng cười chế nhạo cũng im bặt trong đám bạn học của cô. Xuân Hương phủi sạch quần áo, ung dung đi thẳng, mặc cho các bạn giương mắt nhìn khâm phục. Một cậu học trò lớn tuổi vẻ lém lỉnh trong bọn, ý chừng chưa chịu thua cô bạn gái hay chữ mà ngỗ nghịch này, còn trêu tiếp:

- Cô em ngã có đau lắm không? Tội nghiệp cho em, chém cha mảnh đất!

Xuân Hương ngoảnh lại, liếc nhìn các bạn, cười duyên dáng:

- Chị ngã em chẳng nâng, lại ăn nói hỗn. Không chị em gì nữa đâu nhé!

Lại một đòn giáng trả kịp thời và mạnh mẽ, văn hoa mà sâu cay của Xuân Hương. Cả bọn cùng cười vang, trong đó nói lên giọng cười trong trẻo và giòn tan của Xuân Hương.

Mũi nhọn chế giễu quay về cậu học trò lớn tuổi, Xuân Hương tủm tỉm cười.

Đến đường rẽ, Xuân Hương ngả nón chào các bạn, Men theo bờ sông Tô Lịch, Xuân Hương rảo bước về nhà, cô nghĩ đến người mẹ đang ngồi trên khung cửi chờ đợi.

Cô gái gần đến tuổi trăng tròn ấy tung tăng trong đám học trò như chim én mùa xuân. Thầy giáo mến Xuân Hương thông minh và chăm chỉ. Thầy vẫn thầm nghĩ giá là con trai thì Xuân Hương sau này sẽ làm rạng rỡ cho thầy, nhưng tiếc thay Xuân Hương lại là con gái... Xuân hương chiếm được tình cảm của các bạn không phải vì cái nết thùy mị dịu dàng thông thường của các bạn gái. Trí thông minh, sắc sảo, nhất là tài đối đáp của Xuân Hương đã để lại cho các bạn nhiều ấn tượng sâu sắc. Giới thư sinh ở kinh thành đã đồn đại nhiều về cô học trò duyên dáng và hay chữ ấy.

Người ta không rõ tông tích của cô lắm, chỉ biết cô thuộc giòng dõi thế gia. Qua giọng nói nằng nặng miền Nghệ Tĩnh của Xuân Hương, người ta biết cô không phải sinh ra ở Thăng Long và thường bảo nhau rằng cô em là gái một ông lớn họ Hồ ở Hoàn Hậu Nghệ An.

Căn nhà gỗ nho nhỏ ở phường Khán Xuân, bên giòng sông Tô Lịch, cạnh hồ Tây, là nơi trú ngụ của cô cùng với người mẹ già làm nghề dệt vải. Cuộc sống thanh bần, gần như cô quạnh của một gia đình gần như neo đơn giữa chốn kinh thành tấp nập không làm cho Xuân Hương kém vẻ hồn nhiên, yêu đời. Ngược lại, người mẹ của Xuân Hương, một người đàn bà tần tảo, hay lam hay làm, rất đỗi thương con lại trầm lặng ít nói.

Thủa xưa bà cũng từng khao khát yêu đương, ước ao có một tấm chồng để được sớm hôm gần gũi, nâng khăn sửa túi. Nhưng điều đó mãi mãi không đến với bà. Thân phận làm hầu thiếp cho một gia đình quyền thế họ Hồ ở làng Hoàn Hậu đã cướp mất hạnh phúc của bà. Suốt đời bà chỉ là một người đi ở không công. Được một mụn con gái, rồi đức ông chồng già và "Xa lạ" qua đời, bà đem con ra ở Thăng Long...

Xuân Hương rất thích nghe kể chuyện. Ngoài thì giờ học ván bài, trong lúc giúp mẹ quay xa, đánh suốt, cô thường hay vòi mẹ kể chuuyện.

Mẹ Xuân Hương biết rất nhiều chuyện. Nào chuyện chúaTrịnh Sâm say mê Đặng Thị Huệ, chuyện loạn kiêu binh ở kinh thành, chuyện vua Quang Trung hành quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh, chuyện Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử, chuyện vua Chiêu Thống và Tôn Sĩ Nghị chạy tháo thân qua sông, cầu gảy, quân bị cuốn theo dòng nước v.v... Rặt những chuyện xảy ra ở kinh thành, mắt thấy tai nghe tự hồi bà còn trẻ. Xuân Hương nghe mẹ kể rất say xưa. Nhưng với cô, hấp dẫn nhất vẫn là những chuyện cổ tích, chuyện vui cười ngộ nghĩnh.

Mỗi khi giọng nói âm ấm của người mẹ cất lên: "Ngày xưa có anh Trương

Chi..." hay "Có một người học trò nghèo rớt đi ăn xin tên là Phạm Tài" là lúc Xuân Hương ngồi nghe có khi ngừng cả tay xa để theo dõi nét mặt của mẹ. Mắt Xuân Hương sáng lên khi nghe mẹ đọc:

"...Tóc mây rũ rượi, mực bôi má đào

Trút hài đi đất xem sao

Áo thời xộc xệch vạt cao vạt dài"

Nghe đến chỗ Ngọc Hoa mặc tang phục đến đấu khẩu với tên Trạng Vương tàn bạo, không nén được tình cảm của mình, Xuân Hương thốt nên lời:

- Cô Ngọc Hoa chống chế với tên vua độc ác giỏi quá mẹ nhỉ.

Người kể chuyện, nhân vật trong chuyện và người nghe như có mối tình đồng điệu.

Cuộc sống thanh bạch, êm đềm không giữ được mãi trong gia đình Xuân Hương. Người mẹ sức ngày càng yếu. Sinh kế ngày càng khó khăn. Cuộc sống tươi vui, dễ chịu, dưới triều vua Quang Trung không còn nữa, sau khi nhà vua đột ngột qua đời ở Phú Xuân. Có tiếng đồn chúa Nguyễn ở trong Nam đang lăm le ra Bắc. Số đông cựu thần nhà Lê rục rịch nổi dậy. Một mối lo sợ chụp xuống kinh thành...

Một hôm bà mẹ nói với Xuân Hương:

- Con ạ, bây giờ kiếm ăn ngày càng khó khăn, mẹ thì già yếu. Con là phận gái có học nhiều cũng chẳng công trạng gì. Con ở nhà giúp đỡ mẹ.

Xuân Hương không nói lên lời, đôi mắt đỏ hoe, cô rất thương mẹ. Xuân Hương phải đau lòng từ giã thầy và bạn, từ giã mọi buổi bình văn giảng sách ở nhà trường. Cái thiệt thòi của phận người con gái đã trực tiếp giáng xuống đầu Xuân Hương!

Con sông Tô Lịch nho nhỏ chạy theo bờ phía Nam hồ Tây đưa nước sông Nhị Hà về tây nam kinh thành. Bên kia sông Tô là Tây mênh mông bát ngát. Du khách khắp nơi thường đến đây ngoạn cảnh. Và đây cũng là nơi hò hẹn của giai thanh gái lịch chốn kinh thành.

"Nước sông Tô vừa trong vừa mát

Em ghé thuyền đỗ sát thuyền anh

Dừng chèo muốn tỏ tâm tình

Sông bao nhiêu nước thương tình bấy nhiêu"

Câu hò của ai vang lên từ bên kia sông Tô. Cô thiếu nữ Xuân Hương hay thơ, yêu đời, thả hồn bay bỗng cùng với những ước mơ của tuổi trẻ. Một cuộc sống sôi nổi, tự do và phóng khoáng, mội mối tình chung thủy là niềm hy vọng đẹp đẽ của cô. Hạnh phúc đang chờ đợi... Xuân Hương lao vào cuộc đời và cả sức sống mãnh liệt và với một niềm lạc quan của người con gái đến tuổi dậy thì.

Bè bạn văn chương lui tới nhà Xuân Hương hay chữ lại giao du rộng rãi, họ tìm đến với Xuân Hương. Căn nhà của Xuân Hương tuy không đẹp nhưng có sức hấp dẫn lạ thường đối với những chàng thư sinh thơ phú.

Chiêu Hổ là người bạn tâm đắc của Xuân Hương thời trẻ trung. Họ gặp nhau trong mối tình bồng bột ban đầu, từ lúc trái tim nhiều khi còn loạn nhịp vì những duyên cớ vu vơ. Tài xướng họa, tính vui đùa, đã đưa đôi bạn trẻ xích lại gần nhau.

Có lần Xuân Hương vay Chiêu Hổ năm quan tiền. Chiêu Hổ nhận lời, nhưng đến kh cho vay lại đưa cô ba quan. Nhân dịp đó, Xuân Hương đưa thơ giễu Chiêu Hổ là "Cuội" bằng những lời lẽ hóm hỉnh mà âu yếm:

"Sao nói rằng năm lại có ba.

Trách người quân tử hẹn sai ra

Bao giờ thong thả lên chơi nguyệt

Nhớ hái cho xin nắm lá đa"

Hôm sau, Xuân Hương nhận được bài họa của Chiêu Hổ:

"Rằng gián thì năm, quý có ba

Bởi người thục nữ tính không ra

Bao giờ thong thả lên chơi nguyệt

Cho cả cành đa lẫn củ đa"

Xuân Hương phục tài thơ và đòn văn chương láu lỉnh của Chiêu Hổ. Hai người giao du ngày càng khắng khít. Xuân Hương chờ đợi ở Chiêu Hổ một người bạn tâm đầu ý hợp. Ngược lại Chiêu Hổ cũng phục tài Xuân Hương, cũng tỏ ra trìu mến Xuân Hương, một đôi khi đến sờm sỡ nhưng vẫn còn dè dặt e ngại. Chiêu Hổ vẫn sợ cái "đanh đá" của Xuân Hương. Biết thóp, Xuân Hương làm thơ trêu chọc:

"Những bấy lâu nay luống nhắn nhe

Nhắn nhe toan những sự gùn ghè

Gùn ghè nhưng vẫn còn chưa dám

Chưa dám cho nên phải rụt rè."

Nhận được thơ, hẳn là tức khí vì tự ái, cậu công tử mang tên Hổ đáp lại:

"Hỡi hỡi cô bay, tớ bảo nghe

Bảo nghe không được, gậy ông ghè

Ông ghè chẳng vỡ, ông ghè mãi

Ghè mãi rồi lâu cũng phải rè"

Lời lẽ mới trịch thượng và hách dịch làm sao? Xuân Hương bắt đầu nhận thấy ở Chiêu Hổ một cái gì xa lạ. Hai người vẫn giao du như thường. Chiêu Hổ ngày càng tỏ ra tầm thường. Một bận Chiêu Hổ định giở thói bờm xờm với Xuân Hương trong khi xướng họa. Thấy đến lúc cần phải cho Chiêu Hổ biết rằng người phụ nữ cũng biết quý trọng giá trị và nhân cách của mình, đồng thời để cho anh ta một bài học về đạo đức, Xuân Hương ứng khẩu đọc luôn:

"Anh đồ tỉnh, anh đồ say

Sao anh ghẹo nguyệt giữa ban ngày.

Này này chị bảo cho mà biết

Chốn ấy hang hùm chớ mó tay"

Một bảng tuyên bố ly khai về tâm hồn, mặc dù hai người vẫn còn giao du với nhau.

Trong số bạn xướng họa của Xuân Hương, những người như Chiêu Hổ không ít, họ còn dốt nát hơn Chiêu Hổ là khác. Xuân Hương nghi ngờ và khinh bỉ những chàng trai tốt mã rẽ cùi, xanh vỏ đỏ lòng ấy. Đòn bút của Xuân Hương bắt đầu tung ra để chào đón họ.

Đây là một kiểu mời "Khách" xơi trầu của Xuân Hương:

"Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi

Này của Xuân Hương đã quệt rồi

Có phải duyên nhau thì thắm lại

Đừng xanh như lá bạc như vôi"

Có chàng công tử tìm đến nhà Xuân Hương. Là con quan nhưng anh ta lại quá dốt nát. Qua vài lần trò chuyện, anh ta tỏ ra tầm thường nhưng lại luôn luôn khoe mẽ cái địa vị sang giàu của mình. Một hôm thấy bóng dáng anh ta đến, Xuân Hương đi vào nhà trong, cho người mang ra một cơi trầu có quả cau bổ đôi, kèm một mảnh giấy hoa tiên đề hai câu thơ:

"Mảnh tình ví xẻ làm đôi được

Nửa để trong nhà, nửa đệ ra"

Xem thơ, cậu công tử tái mặt, không họa lại được, đành tiu nghỉu ra về và từ đó không đến nhà Xuân Hương nữa.

Lại một buổi chiều Xuân Hương đi dạo mát trên bờ hồ Tây, một bày khóa sinh thấy cô thiếu nữ có duyên đang thơ thẩn ngắm ánh nắng chiều trải trên mặt hồ, các thầy đến gần buông lời trêu ghẹo. Có thầy lại còn xổ thơ ra nữa chứ, Xuân Hương mỉm cười, lặng thinh. Họ càng trêu già, tưởng như vớ được món bở nên lại thi nhau đọc thơ. Thấy chướng tai gai mắt, Xuân Hương ngoảnh lại đọc dồn một mạch:

"Khéo khéo đi đâu lũ ngẩn ngơ

Lại đây cho chị dạy làm thơ

Ong non ngứa nọc châm hoa rữa

Dê cỏn buồn sừng húc giậu thưa"

Thôi, vớ phải Xuân Hương rồi!Các thầy khóa nghe thơ nhận ra Xuân Hương, liền bảo nhau lui dần, nhường cho Xuân Hương đi thẳng.

Trên đường về Xuân Hương băn lhoăn nghĩ đến thói đời. Bạn bè thì nhiều mà

người bạn đời sao khó tìm thế.Rặt những phường ong bướm săn hoa. Họ đến với mình chỉ vì mình là con gái! Có thế thôi ư? Xuân Hương nghĩ đên nàng Ngọc Hoa tài sắc là thế, vì phận gái mà bị đọa đầy. Những tên bạo chúa như Trang Vương, Trịnh Sâm nghe mẹ kể từ bé, nay hiện ra trước mắt Xuân Hương, sau đó là một bầy lau nhau những Chiêu Hồ cho đến các công tử... Mải mê trong suy tưởng, Xuân Hương về đến nhà lúc nào không hay.

Người ta đồn rằng miếu Sầm Công ở phía Nam kinh thành đã mất thiêng từ khi có bài thơ khá đặc sắc đề trên vách. Bài thơ ấy như sau:

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo

Kìa đền Thái thú đứng cheo leo

Ví đây đổi phận làm trai được

Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu?

Thơ của ai mà không thấy đề tên? Nhân đó mọi người được dịp kể cho nhau nghe về trận đại phá quân Thanh của vua Quang Trung trước đây và cái chết nhục nhã của tên tướng giặc Sầm Nghi Đống. Cũng nhân đó người ta truyền cho nhau nhiều giai thoại về tài thơ và chí ngang tàng của cô gái họ Hồ và cho rằng tác giả bài thơ ấy là Xuân Hương chứ không phải là ai khác. Trong khi đó Xuân Hương vẫn phòng không lạnh lẽo trong căn nhà mới ở làng Tiên Thị gần hồ Hoàn Kiếm.

"Xuân Hương cũng vì mẹ già, nhà túng nên ăn ở không được yên ổn". Mẹ con Xuân Hương đã dời chỗ ở về khu đông đúc cho tiện việc làm ăn. Với nghề dệt, hai mệ con không đủ nuôi nhau, gia đình Xuân Hương phải mở thêm một ngôi hàng nhỏ. Trong hoàn cảnh mới, Xuân Hương càng có điều kiện để tiếp xúc với nhiều tầng lớp người. Câu chuyện Xuân Hương mở ngôi hàng tiếp khách, thử tài thơ để kén chồng lan ra rất nhanh.

Dêm đã về khuya, Xuân Hương còn trằn trọc vì cái tin đồn đại về mình. Có tiếng trẻ khóc oa oa từ nhà bên đưa lại. Giọng ru con của cô bạn láng giềng cất lên nhẹ nhàng:

Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

Câu hát quá quen thuộc đối với Xuân Hương. Ngày xưa mẹ cô cũng đã nhiều lần hát lên câu đó. Nhưng hôm nay cô nghe như mới lần đầu. Sao mà thấm thía đến thế! Làm thơ mà ví người con gái với tấm lụa đào thì thật là tài tình. Giá biết người làm nên câu hát đó, Xuân Hương tìm đến xin bái phục, nhưng không quen bảo nhỏ với người ấy rằng phải giữ lấy giá, tìm lấy khách hàng, đừng đem ra giữa chợ cho người ta kén chọn...

Rồi một hôm có cô giái ở phường bên "Chữa hoang" bị cha mẹ, xóm giềng xỉ vả, đến phải bỏ nhà ra đi. Với Xuân Hương, chuyện ấy cũng "Dỡ dang" chẳng hay ho gì. Nhưng nhà thơ lại trách thói đời sao lại quá nghiệt ngã, bất công riêng đối với người đàn bà. Thông cảm với cô gái "Cả nể" ấy, Xuân Hương đã lên tiếng. Nàng

viết:

Cà nể cho nên hóa dở dang

Nổi này chàng có biết không chàng.

Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc

Phận liễu sao đà nẩy nét ngang

Cái tội trăm năm chàng chịu gánh

Mảnh tình một khối thiếp xin mang.

Quản bao miệng thế lời chênh lệch

Những kẽ không mà có mới ngoan.

Bài thơ được truyền đi, người khen cũng lắm, kẻ chê cũng nhiều, nhưng ai cũng muốn đọc, muốn nghe. Và cô Xuân Hương làm thơ tài tình, bạo miệng, "Lẳng lơ", còn đang kén chồng, lại được dịp trở thành câu chuyện đầu lưỡi của mọi người.

Gần ba mươi tuổi, còn lận đận về tình duyên, Xuân Hương băn khoăn. Đang lúc thấy lòng trống trải, một khách tình tìm đến với nàng. Nghe tiếng Xuân Hương hay chữ người khách lạ tìm đến làng Tiên Thị hỏi thăm nhà Xuân Hương, theo sau là một chú tiểu đồng cắp tráp theo hầu. Trước lạ sau quen, hai người trở nên thân mật.

Có một bận, người khách lạ lại nhắc lại câu chuyện bài thơ đề miếu Sầm Công mà hỏi đùa Xuân Hương:

- Nữ sĩ muốn đổi phận làm trai, ta sẵn lòng đổi, nữ sĩ nghĩ sao?

Xuân Hương chỉ liếc mắt cười, mà không nói.

Người khách ấy là một chàng thư sinh góa vợ đến dự kỳ thi hương ở Thăng Long. Năm đó chàng thi đậu thủ khoa và được bổ làm tri phủ Phủ Vĩnh Tường. Xuân Hương đã kết nghĩa trăm năm với ông thủ khoa hay chữ và đa tình ấy.

Chuyện kể rằng sau khi đậu thủ khoa, ông tri phủ tương lai cùng với người em đến nhà Xuân Hương để chính thức tỏ tình. Xuân Hương không tiếp, cho người nhà đưa ra một đầu đề bài thơ để thử tài ông tân khoa. Nhận được ba chữ "Thạch liên thiên" ông tân khoa ngồi nhấm bút mãi mới được bốn chữ: "Thiên thạch nguyên lai" rồi tắc tị. Xuân Hương sai người ra bảo với ông tân khoa:

- Nếu không ra thơ thì mời ông về, còn ngồi ngậm bút làm chi nữa?

Ông tân khoa thẹn quá, uất lên, rồi ngất đi, ngã nhào xuống đất. Thấy vậy người em nối hộ cho thành hai câu thơ.

Thiên thạch nguyên lai bản thậm huyền

Nhất triêu vân vũ thạch liên thiên.

(Những đá do trời sinh ra nguyên lai huyền bí lắm. Một sớm kia trải qua mây mưa thì sắc đá lẫn da trời trông như liền nhau).

Khi tỉnh dậy, ông thủ khoa gắng làm nốt bài thơ. Xuân Hương khen là hay và

nhận làm chồng.

Thời gian chung sống với ông phủ Vĩnh Tường là thời gian mãn nguyện nhất trong cuộc đời của Xuân Hương. Hàng ngày sau khi ở công đường về, ông tri phủ lại cùng Xuân Hương trò chuyện xướng họa thật tâm đắc. Nhưng hạnh phúc của Xuân Hương không bền. Ông phủ Vĩnh Tường qua đời sau một thời gian ngắn làm bạn với Xuân Hương.

Xuân Hương làm bài thơ khóc chồng, mà cũng là khóc người bạn văn chương:

Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ôi!

Cái nợ ba sinh đã trả rồi.

Chôn chặt văn chương ba thước đất

Ném tung hồ thi bốn phương trời.

Cán cân tạo hóa rơi đâu mất

Miệng túi càn khôn thắt lại rồi.

Hai bẩy thăng trời là mấy chốc

Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ôi!.

Sau một thời gian xa cách kinh thành, Xuân Hương trở về Thăng Long với bộ tang phục.

Bà mẹ Xuân Hương đã già yếu nay lại càng héo hắt vì thương con. Với một chút vốn liếng nhỏ, hai mẹ con tần tảo nuôi nhau.

Cái buồn không có đất sống lâu trong con người có bản tính vui nhộn va yêu đời như Xuân Hương. Xuân Hương lại trở về với thú vui ngâm vịnh. Trái lại, người mẹ già đã chán chường cuộc sống, nên muốn tìm sự yên tĩnh dưới bóng của Phật. Rằm, mùng một hàng tháng bà đi lễ chùa. Nhiều lần Xuân Hương theo mẹ lên chùa vãn cảnh. Thấy Xuân Hương có nhan sắc và trẻ trung, nhiều nhà sư đưa mắt nhìn trộm. Xuân Hương không nhin được cười cho những kiếp tu hành còn nặng duyên trần tục ấy. Xuân Hương thường làm thơ chế giễu họ:

Chẳng phải ngô, chẳng phải ta

Đầu thì trọc lóc áo không tà.

Oản dâng trước mặt dăm ba phẩm

Vài nấp sau lưng sáu bảy bà.

Khi cành, khi tiu, khi chum chọe

Giọng hì, giọng hỉ, giọng hi ha.

Tu lâu có lẽ lên sư cụ

Ngất nghễu tòa sen nọ đó mà.

Cuộc sống ngày càng khó khăn. Xuân Hương không thể ở vậy mãi được, đành phải lấy lẽ Tổng Cóc. Cảnh vợ lẽ nàng hầu mới cay đắng làm sao! Xuân Hương có

lúc phải chửi đồng cái kiếp lẽ mọn đang đày đọa nàng:

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng.

Năm thì mười họa hay chăng chớ

Một tháng đôi lần có cũng không.

Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm

Cầm bằng làm mướng, mướng không công.

Thân này ví biết đường này nhỉ

Thà trước thôi đành ở vậy xong.

Sau sáu tháng đem thân đi làm lẽ, Xuân Hương thoát khỏi cảnh đọa đày. Tổng Cóc vì thua bạc mà chết.

Người ta không nói nhiều về cái chết của Tổng Cóc, mà lại bàn tán với nhau về người vợ lẽ của ông ta. Người đàn bà ngoài ba mươi tuổi có nhan sắc, có tài văn chương, hai lần góa chồng ấy sẽ ra sao? Con người ấy không phải tay vừa. Thiên hạ chờ đợi. Góa chồng lần trước Xuân Hương cho người nghe bài thơ khóc chồng khá lâm ly nhưng cũng rất "Xuân Hương". Lần này thì sao?

Ít lâu sau, người ta đọc cho nhau nghe bài thơ khóc Tổng Cóc:

Chàng Cóc ơi!

Thiếp bén duyên chàng có thế thôi

Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé

Ngàn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi!

Xuân Hương khóc hay cười? Khó mà biết!

Chỉ biết rằng ngoài ba mươi tuổi, còn dang dở vì tình duyên. Xuân Hương không sống như nhiều người cùng cảnh ngộ.

Cái tuổi ngoài ba mươi chưa phải đã già. Với một tâm hồn nồng cháy, luôn luôn có ý thức về một cuộc sống hạnh phúc và sôi nổi như Xuân Hương, ở tuổi ấy, lại còn trẻ trung lắm.

Xuân Hương biết rất rõ đạo lý của thánh hiền. Sách Nghi lễ đời Hán chẳng dạy người đàn bà "Tại gia tòng phu, xuất giá tòng phụ, phu tử tòng tư" đó hay sao? Xuân Hương lại càng biết câu châm ngôn "Trung thần bất sự nhị quân, trinh nữ bất canh nhị phu" vẫn thường nói ở cửa miệng người đời. Trước tình cảnh này, Xuân Hương theo ai? Xuân Hương không nghe ai cả. Như con chim tung bay giữa trời xanh, Xuân Hương nghe theo tiếng gọi của trái tim mình.

Người ta thấy xuất hiện bên bờ hồ Tây một ngôi nhà xinh cắn mang tên là "Cổ nguyệt đường". Đó là nhà của nữ sĩ Xuân Hương làm nơi đọc sách ngâm thơ và xướng họa với các văn nhân tài tử.

Yêu thơ, yêu thiên nhiên, yêu đời và yêu con người... Xuân Hương đi tìm cái đáng yêu và mở rộng tâm hồn để chờ đón.

Hơn ba mươi năm lăn lóc cười cợt với đời, trái tim của Xuân Hương không còn loạn nhịp vu vơ nữa. Người ta thấy khách của Xuân Hương không là những chàng thư sinh trai trẻ, những cậu công tử miệng còn hơi sữa, những "Dê cỏn" như xưa. Khách thơ lui tới "Cổ nguyệt đường" hầu hết là những người luống tuổi, đã có chức vị trong xã hội.

Phạm Giác Phu Tốn Phong thị, trong dịp ở Thăng Long, nghe nói Xuân Hương là bậc tài nữ, lại cùng quê, liền đến thăm "Cổ nguyệt đường". Hai người gặp nhau trong niềm vui xướng họa. Họ yêu nhau vì nết, trọng nhau vì tài. Dần dần tình bạn thắm thiết giữa hai người đã bùng lên ngọn lửa tình yêu của đôi lứa.

Sau những ngày gặp gỡ Tốn Phong thì lần đầu, Xuân Hương đã nói với bạn tình:

Chồn bước may đâu khéo hẹn hò,

Duyên chi hay bởi nợ chi ru.

Sương xoa áo lục nhồi hơi xạ,

Gió lọt cành lê lướt mặt hồ.

Muốn chấp chỉ đào thêu trướng gấm,

Mà đem lá thắm thả dòng Tô.

Trong trần mấy kẻ tinh con mắt,

Biết ngọc mà trao mới kể cho.

Bảy năm sau, vào năm Giáp Tuất 1814 hai người lại gặp nhau để rồi mỗi người đi một ngả.

Xuân Hương cũng đã từng họa thơ ông Hiệp Trấn họ Trần.

Ngô châu thanh khí hoàn tương thượng,

Ngã bối tài tình chính sở chung.

Ác thủ đàm tâm quân mạc quái,

Châu giang nhất khứ thủy thiên trùng.

(Bạn thanh ký trong tỉnh ta thường biết quý trọng nhau. Tài tình của bọn chúng ta cũng là do nếp đất un đúc.

Cầm tay anh để nói lên nỗi lòng của tôi, anh đừng lấy thế làm quái dị.

Một khi anh rời khỏi chốn Châu Giang này còn có ngàn thùng sông nước ngăn cách chúng ta).

Sau ba năm quen biết ông Cần chánh học sĩ họ Nguyễn, tước hầu, làng Tiên Điền, Xuân Hương đã gửi cho người bạn trai tài hoa ấy một bài thơ, khi đã xa nhau:

Dặm khách muôn ngàn nỗi nhớ nhung

Mượn ai tới đấy gửi cho cùng.

Mối tình chốc đã ba năm vẹn

Giấc mộng rồi ra nửa khắc không.

Xe ngựa trộn mừng duyên tấp nập.

Phấn son càng tủi phận long đong

Biết còn may chút sương đeo mái?

Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong!

Khách thơ thì nhiều. Qua chén rượu tiển đưa lời thơ xướng họa. Xuân Hương mong mỏi một người tình chung. Nhưng các bậc "Văn nhân" chỉ đến với Xuân Hương như những khách qua đường. Tất cả đều như cơn gió thoảng qua trên mặt hồ. Ngọn gió bay đi để lại những gợn sóng lăn tăn trên mặt nước xao xuyến.

Sương đậu đài hoa, ánh trăng giải trên mặt hồ, đã gợi cho Xuân Hương viết lên khúc ca của tâm tình:

"Lộ nhu châu hể nguyệt như sai (sa)

Thúc văn lai chiếu dư hoài.

Uyển cố nhân về thiên nhai

Ái bất kiến về tâm hồi hồi!

(Sương như hạt châu, trắng như ngọc sáng

Trăng qua qua lại lại, chiếu rọi xuống tấm lòng tôi

Ấm ức thay người bạn cũ mãi còn ở ven trời

Yêu mà không thấy mặt xiết bao bồi hồi...)

Những lời thơ đầy vẻ "Gió mây trăng nước" của Xuân Hương "xuất phát từ mối tình mà biết dừng lại trên lễ nghĩa" đã làm rung động lòng người.

Là một người tài hoa có nhan sắc mà lận đận về tình duyên, Xuân Hương nhiều đêm thao thức. Tiếng trống cầm canh xa xa vọng lại như bước thời gian đi vội trong đêm khuya, Tủi cho phận hồng nhan phải chịu thiệt thòi, Xuân Hương viết nên lời:

"Canh khuya văng vẳng tiếng canh đồn

Trợ cái hồng nhan với nước non.

Chén rượu tiễn đưa say lại tỉnh,

Vừng trăng bóng xế khuất chưa tròn.

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám

Đêm toạc chân mây đá mấy hòn.

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con".

Khách ra vào "Cổ nguyệt đường" không chỉ có các bậc văn nhân. Người ta còn thấy vang lên tiếng giảng bài trong trẻo của Hồ Xuân Hương, và bóng học trò cắp sách đi về. Nhiều người biết Xuân Hương hay chữ, cho con em đến theo học. Xuân Hương còn dành nhiều thời gian để đi du ngoạn, tiếp xúc với những người chung quanh và theo dõi thời cuộc bên ngoài.

Ngọn bút của Xuân Hương không chỉ dừng lại ở tình cảm lứa đôi mà còn có lúc hướng về những điều nóng hổi của cuộc sống đang diễn ra chung quanh.

Chuyện kể rằng một hôm Xuân Hương đang giặt áo bên hồ cùng bà con xóm giềng, trên đường cái có tiếng hò hét om xòm, trẻ con chạy nháo nhác. Thì ra một viên quan lớn của tân triều nghênh ngang võng điều quạt gấm đi vãn cảnh, có tiền hô hậu ủng để dọn đường. Vốn không ưa bọn hãnh tiến dốt nát và hống hách này. Xuân Hương ứng khẩu đọc ngay:

"Võng điều ông lớn đi trên ấy

Váy đụp bà con giặt dưới này."

Hai câu thơ có sức bật mãnh liệt ấy lan đi rất nhanh. Người ta đọc cho nhau nghe một cách say xưa hả hê. Nhân dân kinh thành chờ đợi Xuân Hương thật không uổng.

Vì từ khi lên ngôi vua, sợ nhân dân Bắc Hà không ủng hộ, Gia Long ra lệnh đổi kinh đô Thăng Long thành trấn thành. Một mặt cho phá cung điện chuyên chở các của quý vật lạ về xây dựng kinh đô Huế; mặt khác y lại ra lệnh bắt bớ chém giết cựu thần nhà Tây Sơn cũ, và trấn áp cựu thần nhà Lê có ý ngấm ngầm chống lại triều Nguyễn. Việc trả thù man rợ mẹ con Bùi Thị Xuân ở cữa đông đã làm cho mọi người kinh hãi và căm ghét. Những kẽ bất tài xu thời được dịp ra múa may tác quái. Dưới mắt Xuân Hương, bọn hãnh tiến ấy thật đáng khinh bỉ.

Để đón quan tân triều, Nhân dân Thăng Long được lệnh phải làm cổng chào đón viên khâm sai nào đó. Ở một cổng chào nọ xuất hiện hai câu đối:

"Thiên tử kinh kỳ đương bán diện

Tướng quân thanh thế áp tam thuỳ".

(Cờ xí nhà vua che nửa mặt

Oai phong của tướng quân trấn được ba cõi)

Ai đọc câu đối cũng gật gù khen là thâm thúy và hay. Quan khâm sai đi qua trông thấy cũng đau điếng người, nhưng không thể bắt bẻ vào đâu được.

Có người đem chuyện đến kể lại và hỏi Xuân Hương, tácgiả đôi câu thơ ấy cười và nói rằng:

- Người làm câu đối đã biết điều với quan khâm sai lắm rồi.

Cuộc sống của những ràng buộc khắt khe dường như quá chật hẹp với Xuân Hương. Nhà thơ thường đi tìm thú vui trong cảnh thiên nhiên tươi đẹp.

Đèo Ba Dội ở giáp giới Ninh Bình và Thanh Hóa, một nơi hiểm trở, hai bên núi non trùng điệp, cây cối mọc xanh um. Khách đi qua phải leo nhiều dốc, nhìn xuống

dưới chân vực sâu thăm thẳm. Nhân qua đấy, rung cảm trước cảnh thiên nhiên hùng vì tràn đầy sức sống và hấp dẫn lòng người, Xuân Hương dừng chân bên đèo để làm thơ. Dưới ngọn but của Xuân Hương hiện lên cảnh đẹp:

"Một đèo, một đèo lại một đèo

Khen ai khéo tạc vẻ cheo leo.

Cửa son đỏ loét tùm hum nóc

Hòn đá xanh rì lún phún rêu.

Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc,

Đầm đìa lá liễu giọt sương gieo".

Xuân Hương hạ hai câu kết một cách hóm hỉnh:

"Hiền nhân quân tử ai là chẳng

Mỏi gối chồn chân cũng muốn trèo".

Hàng năm vào dịp tháng hai tháng ba, nhân dân khắp nơi nô nức rủ nhau đi trẩy hội chùa Hương. Nhà thơ Xuân Hương tìm đến chùa Hương để vãn cảnh. Rời con đò Suối, Xuân Hương bắt đầu leo lên núi. Hai bên đường có nhiều chùa đẹp đứng cheo leo bên sườn núi, hoặc ẩn mình trong hang. Nhưng đẹp nhất vẫn là chùa trong. Từ ngoài cổng chùa nhìn xuống, một vùng sâu thăm thẳm, cây cao vút từ vực sâu vươn lên đón ánh mặt trời. Chùa Hương nằm gọn trong động núi. Nhà thơ Xuân Hương với giọng ỡm ờ đã ghi lại bằng mấy vần thơ:

"Bày đặt vì ai khéo khéo phòm

Nứt ra một lỗ hỏm hòm hom

Người quen cảnh phật chen chân xọc

Kẻ lạ bầu tiên mỏi mắt dòm

Giọt nước hữu tình rơi thánh thót

Con thuyền vô trạo cúi lom khom.

Lâm tuyền quyến cả phồn hoa lại

Rõ khéo trời già khéo dở dom".

Xuân Hương đi đến đâu đều có thơ để lại đến đấy. Người ta theo dõi bước đi của Xuân Hương và truyền đi nhiều bài thơ đặc sắc của nàng, không hết lời khâm phục.

Đòn bút sắc sảo của Hồ Xuân Hương tung ra đã làm cho nhiều kẻ nát mặt. Thua Xuân Hương về tài năng nhiều kẻ lên mặt đạo đức để trả thù Xuân Hương. Họ bày đặt ra nhiều chuyện. Có kẻ làm thơ chê bai Xuân Hương:

"Ngán mỗi má hồng mà phận bạc

Nỡ đem yếm thắm dấu màu son".

Cũng có kẻ làm ca dao để mỉa mai:

"Trăng xưa (cổ nguyệt) đã khuyết mấy lần

Phẩm tiên trong giá trắng ngần còn chăng?

Xa xôi ta nhắn chị Hằng

Hồ Tây nước bạc xin đừng có soi!"

Nghe đến tai, Xuân Hương càng coi thường và khinh ghét những kẻ tiếng là văn nhân, khoác áo đạo đức mà sự thật thì dốt nát và thấp hèn ấy. Xuân Hương vẫn ngang nhiên giày xéo lên những điều bày đặt của họ và mỗi ki có dịp là Xuân Hương cho các "Ngài văn nhân" ăn đòn.

Ở một ngôi chùa nọ, khách đến thăm cảnh đẹp rất đông. Các văn nhân tài tử đến đấy ai cũng muốn để lại chút kỷ niệm và khoe chữ nghĩa của mình. Họ thi nhau đề thơ trên vách. Một hôm Xuân Hương đến chơi thấy thơ thẩn nhăng cuội đầy vách. Bực mình vì phường dốt nát làm xấu mặt nàng thơ, Xuân Hương liền viết bốn câu:

Dắt diu đưa nhau đến cửa chiền

Cũng đòi học nói, nói không nên

Ai về nhắn nhủ phường loi tói

Muốn sống, đem vôi quét trả đền.

Lại một hôm Xuân Hương đi chơi chùa Địch Lộng Ninh Bình. Có một tốp văn nhân cũng đi vãn cảnh. Họ leo lên gác chuông, nói chuyện thơ phú huyên thuyên. Họ kể chuyện Xuân Hương, có kẻ lại bắt bẻ chê bai. Thấy vậy, Xuân Hương đến gần, tìm cách bắt chuyện, Xuân Hương bảo họ:

- Các thầy hay chữ nghĩa, xin các thầy làm thử bài thơ vịnh cái chuông này, ai làm hay, em xin cắp tráp theo hầu.

Một thầy ra vẻ sành sỏi hỏi:

- Ra thơ thì phải hạn vần chứ!

- Em không biết. Vâng, thì thơ cái chuông thì cứ lấy vần uông cho tiện.

Các thầy vắt óc thi nhau trổ tài để khoe chữ với người phụ nữ lạ mặt mà cũng thích thơ phú. Nghĩ mãi, không ai làm được. Thấy vậy Xuân Hương nói:

- Hay để em làm thử vài câu, nhờ các thầy phú chính cho.

Họ ngạc nhiên Xuân Hương đọc:

Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông

Chúng bảo nhau rằng ấy cái uông...

Nghe thơ, biết gặp phải tay Xuân Hương rồi, các thầy tìm đường lảng tránh. Xuân Hương ra về. Bài thơ còn bỏ dở...

Năm tháng cứ trôi đi, những khát vọng về cuộc sống không được bù đắp, con người sôi nổi và yêu đời như Xuân Hương cũng có lúc phải tung ra tiếng cười oán hận:

Tiếng gà văng vẳng gáy trên hom

Oán hận trông ra khắp mọi chòm,

Mõ thảm không khua mà cũng cốc

Chuông sầu chẳng đánh cớ sao om.

Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ

Sau giận vì duyên đến mõm mòm.

Tài tử văn nhân ai đó tá

Thân này đâu đã chịu già tom.

Nghĩ đến việc đời và lòng người, Xuân Hương tự than:

Nghĩ cùng thế sự lòng như đốt

Trong suốt nhân tình dạ muốn say.

Muôn kiếp biết đà duyên trọn vẹn

Một đời duyên mãi tiếng chua cay.

Xuân Hương nói rằng muốn say, nhưng thực ra Xuân Hương vẫn tỉnh táo để phán xét mọi việc.

Một cô bạn láng giềng có chồng mới chết. Cô khóc vật vả ngày đêm. Ai thấy cũng thương tình, đến thăm hỏi và khuyên nhủ cô phải cố khuây đi, giữ sức để làm lụng, nuôi con, thờ chồng. Xuân Hương đến với người ban gái ấy bằng lời khuyên độc đáo:

Vẳng vẳng tai nghe tiếng khóc chồng

Nín đi kẻo thẹn với non sông...

Rất thông cảm với bạn, Xuân Hương đã đặt bạn trước một yêu cầu rộng lớn. Vượt qua nếp suy nghĩ chật hẹp thông thường của nhiều người. Xuân Hương muốn rằng người bạn cùng giới với mình lên đúng tầm phải có của nó.

Con chim hót vang trong khi bay ngược dòng bảo tố để tìm phương trời nắng đẹp; bông hoa sen tươi thắm vươn lên trên bùn lầy, vẫn thả hương mặc cho gió thu đã sang, hẳn là làm cho mọi người phải chú ý và trân trọng. Của chua có hương vị hay hay, đôi khi khó chịu khiến người ta phải nhăn mặt đến buồn cười, nhưng ai thấy cũng thèm. Ở Xuân Hương là như thế.

Trong các cuộc xướng họa, khi vui câu chuyện, có ai hỏi về cuộc đời nhà thơ Xuân Hương lại bắt đầu với họ từ câu chuyện một người đàn bà suốt đời đau khổ người mẹ yêu quý của Xuân Hương. Người đàn bà ấy chỉ được làm mẹ chứ không được quyền làm vợ. Bằng cách nói dí dỏm mà hóm hỉnh, Xuân Hương đã dẫn người nghe đến một suy nghĩ sâu sắc về thân phận lệ thuộc của người đàn bà trong xã hội họ bị mất mát và bị tước đoạt quá nhiều, nhưng có một thứ không kẻ nào tước đoạt được, đó là phẩm chất cao quý và tốt đẹp của mình.

Xuân Hương thường kể cho người nghe những kỷ niệm êm đềm cũng như chua chát của đời mình. Người ta nhận thấy nét mặt nhà thơ bừng lên, trẻ hẳn lại, trong lúc say sưa nói về niềm vui sướng của mình mỗi khi nhận được món quà ưa thích nhất do chính bàn tay người mẹ thân yêu trao cho. Xuân Hương dừng lại sau khi đọc cho họ nghe bài thơ của mình vịnh món quà đó:

Thân em thì trắng, phận em tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

Phan Huy Chú

Quan Thám bận đi ăn giỗ ở làng bên nên không kịp về đúng giờ dạy học. Đã thành lệ, mỗi khi quan thám về muộn, trưởng tràng phải dùng hết quyền lực, thậm chí bằng cả roi như thầy học cho phép mới bắt được gần năm chục học trò yên lặng ôn bài cũ. Phan Huy Hạo, ít tuổi nhất lớp nhưng là cậu bé duy nhất không hề tỏ ra sợ hãi trưởng tràng. Cậu vẫn nhấp nhổm ngoái cổ ra cửa sổ ngó ra sân, trêu chọc đám trẻ, lợi dụng quan Thám đi vắng, đến xem học. Mấy lần ngọn roi trưởng tràng vung lên nhưng rồi lại hạ xuống, không mảy may động đến cậu bé có gương mặt thông minh và bướng bỉnh ấy. Cũng như quan Thám, trưởng tràng nể Phan Huy Hạo không chỉ vì cậu là con Lễ bộ thượng thư Phan Huy Ích mà còn vì phục tài cậu. Thực vậy, bản tính Phan Huy Hạo nghịch ngợm nhưng tài học của cậu sớm nổi tiếng cả vùng, khó học trò nào địch nổi.

Xuất thân từ một gia đình dòng dõi khoa bảng, ông nội, cha và chú ruột đều đỗ tiến sĩ, làm quan to và đều là những nhà soạn sách có tài nên Phan Huy Hạo từ bé đã được rèn luyện, dạy dỗ cẩn thận về thi thư. Vốn thông minh lại sớm có chí tìm tòi nên Phan Huy Hạo chẳng những chỉ nhớ sách mà còn hiểu nghĩa sách đến mức dám tranh luận với thầøy học và có lúc dồn thầy học vào thế bí. Một lầøn, luận về lịch sử nước nhà, quan thám dựa vào các sách đương thời, coi nhà Triệu là vương triều chính thống của nước Việt. Phan Huy Hạo nhờ học rộng, hiểu sâu đã mạnh bạo bác ý thầy học gán quốc thống cho nhà Triệu là sai. Cậu chứng minh:

- Triệu Đà nổi lên ở Long Xuyên, dựng nước ở Phan Dương, mở mang bờ cõi, kiêm tính nước ta để có hai đô, đặt giám chỉ để cai quản, chưa từng làm vua nước ta. Nếu ta nhận y là vua nước Việt ta, thì sau đó Lâm Sĩ Hoằng nổi lên ở Bà Dương, Lưu Nghiễm nổi lên ở Quảng Xuyên, cả hai đều xưng là Nam Việt Vương, ta cũng phải biên vào nội kỷ trong lịch sử nước ta hay sao? Người xưa lầm lẫn vì không phân biệt được nước Việt ở quận Nam Hải và quận Quế Lâm không phải là nước Việt ở bằng quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam.

Lớp học lặng đi trong giây lát. Mọi người lo lắng sợ quan Thám sẽ đùng đùng

nổi giận vì sự vô lễ của Phan Huy Hạo. Nhưng trái lệ thường, người thầy học nổi tiếng hay chữ ấy sớm nhận ra tài năng đặc biệt của con trai Lễ bộ thượng thư tân triều. Hơn thế ông giâït mình trước lý lẽ sắc bén, khả năng tìm tòi và những suy nghĩ táo bạo rất đúng của cậu bé. Bởi vậy, quan Thám chẳng những không quở trách mà còn khen ngợi Phan Huy Hạo. Từ đấy, ông càng mến và nể Phan Huy Hạo hơn.

Lớp học bỗng trở nên ồn ào. Một đứa nào đó cất giọng oang oang:

- Vắng chủ nhà, gà mọc đuôi tôm. Nhân dịp thầy chưa về, chơi cho thỏa thích, anh em ơi!

- Ừ phải đấy, học mãi mờ cả mắt, anh trưởng ạ! Phan Huy Hạo mắt bừng sáng phụ họa.

- Chơi cái gì bây giờ?

Vẫn Phan Huy Hạo liếu láu:

- Chơi hồ: Xách khố; cố: đấm lưng; nhĩ: Bẹo tai; tu: Bẹo cằm; tâm: Bẹo bụng; mục: Bẹo mắt; tị: Bẹo mũi; khẩu: Bẹo mồm nhé! Nào chơi đi.

Cả lớp nhao nhao hưởng ứng ầm ĩ như chợ vỡ. Trưởng tràng cầm roi vội nhảy lên sập, lớn tiếng quát tháo:

- Chúng mày không học lại còn phá đám hả? Rủi thầy về thì ai chịu lỗi. Muốn tốt thì học đi!

Trông thấy ngọn roi lăm lăm trong tay trưởng tràng, đứa nghịch ngợm nhất cũng chưng hửng ngồi xuống. Trưởng tràng đắc chí cười tủm tỉm rồi làm ra vẻ thông cảm dịu giọng:

- Nếu các cậu chán học thì chơi đố chữ vậy. Chơi đôù chữ thầy về cũng không quở phạt.

- Phải đấy! Hay đấy. Hôm nay phải cho thằng Hạo tịt mít.

- Bắt đầu đi Một cậu bé được thể hét lớn:

- Tôi đố trước trưởng tràng dõng dạc. Hai chú thập rập chú viết, chú nguyệt đứng trông là chữ gì?

Cả lớp đều nhẩm lại câu đố ngẫm nghĩ rồi đua nhau:

- Chữ Hồ.

- Không phải!

- Chữ Minh.

- Cũng không phải!

- Hạo ơi, giảng đi:

Phan Huy Hạo vừa được một cậu bé đến xem học đãi một bắp ngô nướng vàng ươm, thơm phưng phức nên không để tâm đến chuyện đố chữ. Bởi vậy, khi bị gọi đích danh, cậu đứng đơ ra.

- Thằng Hạo tịt rồi, tịt thật rồi. Cả lớp cười khoái chí. Trưởng tràng sức học vấn vốn thua Hạo được dịp lên nước:

- Câu đó dễ thế mà cũng không giảng được. Đấy là chữ triều. Chữ triều gồm chữ thập ở trên, một chữ thập ở dưới, ép lấy chữ viết ở giữa, một bên có chữ nguyệt rành rành là gì?

Từ cuối lớp một cậu bé dặn hắn rồi đọc:

- "Chim chích mà đậu cành tre", "Thập trên, tứ dưới, nhất đè chữ tâm", là gì?

Lần này Phan Huy Hạo chú ý nên giảng ngay.

- Dễ thế mà cũng đố! Chữ "đức"

Cả lớp nhao nhao:

- Giỏi lắm.

Đến lượt Phan Huy Hạo đứng dậy:

- Cô kia đội nón chờ ai, là chữ gì?

- Chữ an. Trưởng tràng hớn hở đáp.

- Giỏi! Tôi đố tiếp cặp mắt Hạo sáng long lanh Đất này là đất bùn ao. Ai cắm cây sào mà cắm chẳng ngay. Con ai lại đứng ở đây? Đứng thì không vững vịn ngay vào sào?

Cả lớp rì rầm nhắc lại câu đố. Thấy chúng bạn có chiều bí, Phan Huy Hạo khích lệ:

- Cứ thông thả mà nghĩ, tìm ra từng chữ rồi ghép lại thành chữ giảng.

- Thôi đi, đừng có lên giọng. Cậu bé ngồi gần Hạo không chịu được thái độ làm bộ, làm vẻ của Hạo, công phẫn.

Nhưng rồi chính cậu ta lúc sau lại kêu lên:

- Chịu!

Nhiều tiếng xuýt xoa, thất vọng nổi lên:

- Chịu đấy!

- Đây cũng chịu. Trưởng tràng ngán ngẩm, đáp sau cùng.

Phan Huy Hạo nói khích:

- Kém thế! Dễ nhất.

- Thôi giảng đi, hay cũng tịt nốt?

- Chữ hiếu mà không biết à?

Không khí lớp học như vỡ tung ra. Trưởng tràng đợi bớt ồn ào rồi nói to:

- Sao lại chữ hiếu nhỉ?

Phan Huy Hạo cười rất tươi:

- Thổ trên là đất, nét phẩy là cái sào cắm nghiêng, chữ tử là con, rõ chưa?

- Hay lắm, giỏi lắm. Cả lớp nắc nỏm khen.

Chợt có một chú bé hấp tấp từ cổng chạy vào:

- Thầy về đấy! Sắp đến rồi!

Tức thì ai nấy vội cầm sách nhanh chóng ngồi thành hàng, cạnh những chiếc chiếu căn liền thành dãy rồi mở sách, làm ra vẻ chăm chú học. Trưởng tràng để gọn nghiên son, ống bút cho thầy rồi cũng cầm lấy sách.

Ngay sau đó, cả lớp nhận ra bước chân quen thuộc của thầy đồ đang tới gần.

Càng lớn lên, Phan Huy Hạo càng tỏ rõ có năng khiếu đặc biệt về khả năng tìm tòi, nghiên cứu. Nhờ có một trí nhớ kỳ lạ, lại được thừa hưởng cả một gia tài sách vở hàng vạn quyển của gia đình tích trữ từ bao đời, kể cả gia tài sách của ông ngoại một gia đình nho học nổi tiếng, liền bảy đời sản sinh những nho sĩ có tên tuổi, Phan Huy Hạo có điều kiện đọc nhiều và dường như đã thâu tóm được đầy đủ đầu mối điển chương, tinh hoa của mọi sách vở. Vì vậy Phan Huy Hạo sớm nổi tiếng người học rộng, hiểu sâu. Quê Phan Huy Hạo, xã Thanh Khuê, huyện Yên Sơn, phủ Quốc Oai (Sơn Tây cũ) có chùa Phật tích (còn gọi là Sài Sơn) là một danh thắng nổi tiếng. Nơi đây núi cao thanh vắng, cây cỏ u nhã, có hang sâu, có hồ rộng nên chẳng mùa nào không có khách văn thơ đến viếng thăm. Đã đến Sài Sơn không có văn nhân nào lại không tìm đến ra mắt cậu công tử có tài ứng đối con quan Lễ bộ thượng thư Phan Huy Ích, cháu binh bộ thượng thư Ngô Thì Nhậm. Bằng những cuộc tiếp xúc ấy, Phan Huy Hạo thấy rõ lối học cử nghiệp chỉ đưa các văn nhân đến chỗ sính hư văn mà ít để tâm đến việc kinh luận. Cho nên, cũng từ rất sớm, Phan Huy Hạo xem thường lối học ấy và chủ trương: "Văn chương phải kết hợp với sử cổ và chính sự đương thời". Bởi vậy, ngoài việc học ở trường, Phan Huy Hạo giữ được thói quen say mê đọc sách, nghiền ngẫm nghĩa sách không kể giờ giấc. Trong việc đọc sách, Phan Huy Hạo chọn cho mình lối đọc có suy nghĩ: đọc không chỉ để thừa nhận nó mà luôn luôn tìm ra cái hay, cái dở trong từng cuốn sách, thậm chí sau từng chương sách, Phan Huy Hạo bao giờ cũng ghi lại lời bình rất cẩn thận. Cho nên, ngay từ lúc còn đi học, Phan Huy Hạo dã ghi chép đầy đủ những bài thơ được coi là tinh hoa của các đời kèm theo đôi lời bình luận ý vị, sâu sắc làm nổi được cái hay cái đẹp của tác giả và phong cách của từng người. Ví như, Phan Huy Hạo khen thơ Trần Nhân Tông "Phóng khoáng, thanh nhã", thơ Trầøn Quang Khải "Thanh thoát, nhàn nhã, xem thơ có thể thấy được phong thái của người", thơ Nguyễn Trãi "Ôn nhã, trung hậu, lời đặt chỉ cần khí khách, không cần chải chuốt... Tinh tứ, thấm thía, không thể đem từng chữ từng câu ra bàn đuợc".

Một lần, đọc kỹ những lời bình phẩm ấy, Phan Huy Ích nói với con:

- Những lời con bàn sâu sắc lắm, thật đáng khen. Vào tuổi con, cha chưa làm được như thế. Chẳng hay con có ý định soạn sách mà chăm chỉ biên sách làm vậy?

- Thưa cha! Quả là con có ý định ấy.

Giật mình trước chí hướng của con, Phan Huy Ích răn dạy:

- Đọc sách để bình phẩm hoặc lĩnh hội nghĩa sách thì dễ nhưng soạn sách thì không phải ai cũng làm được. Cha không sợ sức học của con không đủ mà sợ con thiếu bền bỉ để làm công việc hao tổn tinh thần này.

Phan Huy Hạo tươi nét mặt:

- Thưa cha! Ngược lại, con chỉ sợ lực học của con còn nông cạn chứ không sợ bề gan làm việc lớn.

- Cha sẽ giúp con. Nhưng người có tài trước thuật hơn cả vẫn là binh bộ thượng thư Ngô Thì Nhậm. Là chỗ người nhà, con nên cậy nhờ quan bác chỉ giáo cho buổi đầu.

Con xin nhớ lời cha dặn.

Nuôi hoài bảo trở thành người học rộng hiểu sâu, làm đẹp thêm truyền thống gia đình, dòng họ, Phan Huy Hạo khổ công rèn luyện cho mình cách học có kết quả nhất. Tấm gương lao đõĩng miệt mài để soạn sách của cha chú, nhất là phong cách làm việc cần cù, thận trọng của Ngô Thì Nhậm, đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng cậu học sinh có chí ấy.

Nhưng thời cuộc rối ren lúc ấy đã làm cho Phan Huy Hạo bối rối, thất vọng. Bởi vì, từ sau khi nhà vua Quang Trung mất, triều đình Tây Sơn chẳng những đã thiếu một người cầm đầu kiệt xuất mà còn đi sâu vào cái rớp xấu của những triều đại trước: Bè đảng tranh chấp, sao lãng dân tình, ăn chơi sa đọa vv... Các sĩ phu Bắc Hà, kể cả những người có công lớn như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, do nạn bè phái tranh chấp ấy, cũng không được vua Cảnh Thịnh tin dùng. Trong lúc ấy, ở đàng trong, Nguyễn Ánh được bọn người Tây Dương giúp tàu đồng, binh khí, đang ra sức chiêu nạp từ những tên cường hào đến những tên đương thủ, lăm le dòm ngó Bắc Hà, tìm cách chiếm lại ngôi chúa tể. Nhận thấy không còn cơ cứu vãn thời thế, cũng như không còn dịp thi thố tài năng, nhiều sĩ phu đã ôm hận theo vua Tây Sơn. Binh bộ thượng thư Ngô Thì Nhậm, lễ bộ thượng thư Phan Huy Ích phải lui về quê. Bộ óc lớn của các danh sĩ ấây sau những năm phục vụ Tây Sơn chỉ còn biết tập trung cho việc trước thuật để lãng quên thực tế bi đát.

Theo dõi diễn biến của thời cuộc, đọc được nỗi phiền muộn trên khuôn mặt đăm chiêu, mái tóc nhanh bạc của cha, Phan Huy Hạo đêm ngày lo nghĩ, suy tư. Linh tính như báo cho Phan Huy Hạo những điềm chẳng lành sẽ xảy đến cho gia đình. Ý tưởng đem việc học ứng dụng cho đời không còn nữa. Tuy thế Phan Huy Hạo vẫn miệt mài đọc hết sách này đến sách khác và siêng năng ghi chép những điều đã đọc được vào những cuốn sổ khác nhau, còn ở tuổi thiếu niên nhưng khác với chúng bạn cùng lứa tuổi, Phan Huy Hạo ít đàn đúm chơi bời; ngược lại, cậu ưa sự yên tĩnhvà suy ngẫm. Theo gương cha, Phan Huy Hạo dồn sức vào việc đọc sách. Đọc sách đối với cậu là việc mở mang kiến thức, và lúc này, cũng là cách quên đi những vụ sát hại nhau ở triều Cảnh Thịnh.

Một ngày nhân đến thăm Phan Huy Ích, thấy Phan Huy Hạo mãi mê đọc sách, Ngô Thì Nhậm cười, hỏi:

- Ta nghe nói cháu là"Loại" Mọt sách? Chuyện ấy là có thật?

- Thưa quan bác Phan Huy Hạo lễ phép cái tinh việc của lòng nghĩ ngợi, lo toan đều gởi gấm vào trong văn chương sách vở. Cho nên xem văn chương để hiểu thấu đường đời. Văn minh loài người đều chứa trong sách vở vậy.

Ngô Thì Nhậm gật đầu, cười hỏi tiếp:

Ta còn được biết nhiều cuốn sách xem xong, cháu không hài lòng. Cháu có biết như vậy là kiêu ngạo không?

Phan Huy Hạo đỏ mặt lúng túng:

- Học vấn còn nông cạn cháu đâu có ý ấy. Nhưng quả là đời Lý, đời Trần về trước, điển cũ mất cả, sử chép rất đại lược. Nhà Lê sáng nghiệp, lúc trung hưng, từng điều từng chương hãy còn nhưng chép tản mát, không có hệ thống gì cả. Ví như "Việc binh, việc hình, việc lễ, việc nhạc, thánh nhân điều có luật"; "Công việc thường, tề, trị, bình, cũng đều có phép tắc", nhưng mỗi thời ứng dụng một khác. Ấy là các vĩ nhân "Biết nắm lấy thực tiễn làm cốt tử" chứ không khép mình bắt chước thánh hiền.

- Đội ơn quan bác đã rộng lòng nhận xét và khuyên bảo. Chẳng mấy khi quan bác đến thăm, cháu còn muốn thổ lộ điều bấy lâu hằng bận tâm: Lâu nay vua Cảnh Thịnh không tin dùng các sĩ phu bắc hà như thuở vua Quang Trung còn trị vì. Noi gương cha ông, cháu muốn đem việc học ứng dụng cho đời, nhưng gặp cảnh ngộ này cháu nên hành động ra sao?

Câu hỏi của đứa cháu thông minh khiến cho trái tim vị quan già nhói đau. Bình thường thì Ngô Thì Nhậm tìm cách lẫn tránh không trả lời, nhưng vì mến tài cháu, ông không thể không bày tỏ tư tưởng mình:

- Cháu là người có chí, ta không thể vô tâm. Theo ta, người quân tử phải có bản lĩnh, có chí khí, có lòng gan dạ sắt, tìm đâu hợp nghĩa thì theo. Ví dụ bấy lâu nay ta theo phò Quang Trung hoàng đế thì dẫu thời thế có đổi thay, phải giẫm lên đuôi hổ cũng không sao cả. Dõi theo thời cuộc và bằng cả đời chứng nghiệm, ta nhận thấy rằng: Phàm một người muốn đem sức mình thi thố được cho đời phải biết "Thời" tựa như mưa thuận thì ruộng đồng dào dạt, chỉ một cái này là xong nghìn khoanh. Trong hành động, phải biết biến hóa, thay đổi cho phù hợp với thời, phải biết cương nhu, biến thông, phải cùng thời biến hóa, rồi khi hành động thì phải quyết, phải theo dúng "đạo", nghĩa là biết cái đang tiến triển mà làm sao cho nó tiến triển lên, có thể đạt tới chỗ cơ trí vậy! Biết cái đang kết thúc mà làm cho nó kết thúc, đó có thể làm bảo tồn chữ nghĩa vậy. Nói gọn lại, xúc tiến cái đang tiến triển và đẩy nhanh cái đang kết thúc, đạo chính là ở đây.

Lắng nghe những cái khuyên đầy trí tuệ ấy, Phan Huy Hạo vô cùng cảm kích. Suy nghĩ hồi lâu, cậu lễ phép nói:

- Thưa quan bác, cháu sẽ nhớ mãi những lời giáo huấn của quan bác. Cháu hiểu rằng triều đại nào cũng luôn luôn diễn ra cuộc đối chội dai dẳng giữa cái tốt với cái xấu. Người quân tử thì phải luôn đứng về cái tốt dù thời cuộc đổi thay đến đâu!

Như muốn kết thúc cuộc đàm đạo bất đắt dĩ, Ngô Thì Nhậm ưu tư nhìn cháu:

- Khuyên cháu cũng chính như tự nhủ lòng. Thói thường, đối với chuyện người khác, ta rất sáng suốt. Con người ta thường có đủ can đảm để chịu đựng nỗi đau của người khác đó sao.

Thoáng thấy những giọt nước mắt vừa trào ra từ khóe mắt con người mà tên tuổi gắn liền với những chiến công hiển hách thời vua Quang Trung Nguyễn Huệ, nay bỗng bị Cảnh Thịnh bỏ rơi, Phan Huy Hạo lặng lẻ cuối đầu.

Một toán quân sắc phục lá, mặt mài hung tợn ập vào nhà Phan Huy Ích giữa lúc ông đang cặm cụi soạn sách trước án thư. Bọn đầu trâu mặt ngựa ấy sau khi nhận ra người cần bắt, đã xong lại túm lấy, đè sập xuống rồi đóng gông, đeo xiềng đẩy vào cũi.

Nhìn thấy cha mái đầu bạc trắng bị hành hạ Phan Huy Hạo liền tách đám đông gia nhân đang sợ phát khiếp, liều mạng xông lại cứu. Lập tức Phan Huy Hạo bị một tên lính đập mạnh ngã khụy xuống. Đến khi nén đau gượng dậy, chiếc cũi nhốt cha đã được khiêng ra tới cổng. Phan Huy Hạo lại đuổi theo. Khi gần tới nơi, chàng trai hai mươi mốt tuổi ấy bỗng sững lại bởi tiếng gọi giật giọng của cha:

- Hạo! Con hãy trở về!

Phan Huy Hạo chưa dứt cơn kích động:

- Người ta sẽ hành hạ cha đến chết mất!

Giọng người cha bùi ngùi:

- Mấy năm nay cha đã lường trước cơ sự này rồi. Cha biết trước sẽ đến lúc cha chỉ còn tấm lòng cô trung của cha mà thôi.

Cho đến lúc trở về, nhìn thấy tập bản thảo "Bang giao tập" của cha bị bọn lính Nguyễn Ánh vứt rơi lả tả trên sàn gạch, Phan Huy Hạo mới bật khóc rưng rức. Phan Huy Hạo xót xa nghĩ đến hoan lộ của cha. Cũng giống như Ngô Thì Nhậm, cha là người thức thời đã biết gắng bó với phong trào Tây Sơn và sự nghiệp cứu nước nên đã tạo ra được những đóng góp thật xuất sắc đối với thời thế lúc ấy. Chính cha là người cùng Ngô Thì Nhậm chuyên lo việc bang giao với nhà Thanh và là tác giả đã điều khiển việc đưa Phan Công Trị giả làm vua Quang Trung sang nhàThanh năm 1790, hoàn thành xuất sắc việc ngoại giao cần kíp lúc ấy. Được rèn luyện từ những năm đất nước trải qua những cơn sóng gió và chuyển mình lớn lao, dưới sự trị vì của vị vua anh kiệt, cha đã thật sự được đem tài năng ứng dụng cho đời, lưu được tiếng thơm trong sử sách. Đến khi Triều Cảnh Thịnh bạc đãi, bỏ rơi, tự thấy không còn cơ cứu vãn thời thế, cha lui về quê nhà, cố tìm cách lãng quên bằng công việc trước thuật. Nhưng nay, triều Tây Sơn thế là đã sụp đổ. Nguyễn Ánh lấy được Bắc Hà liền nghĩ cách trả thù các danh sĩ ngoài Bắc. Ngoài cha ra, còn những ai sẽ là đối thủ Nguyễn Ánh trừng trị? Cồn cào lo lắng, Phan Huy Hạo quyết định phải về kinh thành ngay để nghe ngóng tin tức.

Phan Huy Hạo đã trải qua nỗi đau thương chưa từng có khi tận mắt chứng kiến

trận đòn thù hằn học theo đúng thể lệ trừng phạt của chế độ phản động nhà Nguyễn đối với những người có đạo học mà lại mắc "Tội theo giặc" ở văn Miếu. Đặng Trần Thường, phải, chính là kẻ từng cầu cạnh, nhờ vả Ngô Thì Nhậm nhưng bị cự tuyệt, đã vào Gia Định theo phò Nguyễn Ánh, nay leo lên được chức phó tổng trấn Bắc thành, thân đứng ra điều khiển cuộc hành hạ bỉ ổi ấy. Ngô Thì Nhậm, con người mẫn tiệp đã thắng thế trong cuộc giao chiến trên trường văn trận bút với tên Thường đắc chí tiểu nhân, đã phải bỏ mình sau trận đòn một trăm trượng ngay trước Văn Miếu. Còn cha, sau trận đòn thù ấy, tuy may mắn thoát chết nhưng ốm liệt ngường mấy tháng sau mới khỏi hẳn. Hờn căm, uất ức kẻ đã sát hại, hành hạ tàn nhẫn người thân, nhưng Phan Huy Hạo thấy rõ triều Nguyễn Ánh đã được thiết lập trên sự mục nát, bè phái của triều Cảnh Thịnh, khó có thế lực nào đương nổi. Trong không khí khủng bố, trấn áp của triều Gia Long Nguyễn Ánh, Phan Huy Hạo chỉ còn biết sống an phận ở quê hương, lấy việc đọc sách làm vui.

Nhưng rồi những biến động của thời cuộc khiến Phan Huy Hạo không dễ an tâm với cuộc sống của mình. Nguyễn Ánh sau khi lên ngôi vua, diệt trừ tận gốc các chiến sĩ Tây Sơn, đã mở khóa thi chọn nhân tài, cũng là cách xoa dịu các sĩ phu Bắc Hà. Không ít người khuyên Phan Huy Hạo đi thi. Nhưng Phan Huy Hạo còn dùng dằng chưa quyết. Bởi vì, Phan Huy Hạo chưa dễ quên mối thù của tân triều đối với cha và bác mình. Cũng xung quanh việc thi cử này mà hai anh em Phan Huy Thực, Phan Huy Hạo đã nảy ra cuộc tranh luận gay gắt.

Ấy là sau khi thi đỗ cử nhân ra làm quan cho Gia Long, Phan Huy Thực bảo em:

- Chú là người học rộng, hiểu biết thời thế cả bề rộng lẫn bề sâu, hẳn phải biết tùy thời thế mà hành động, chẳng nên vùi đầu vào sách vở mãi như thế. Trước khi nhắm mắt; cha đã chẳng khuyên tôi và chú phải thức thời sao?

Phan Huy Hạo điềm đạm:

- Cha răn như vậy là vì thương con cái. Vì tình thương, vì thất thế, lời khuyên ấy không phải vì lý. Cũng không phải em chỉ sợ miệng thế cười chê đi phò tá cho kẻ đã hành hạ cha mình.

Phan Huy Thực cướp lời:

- Bất luận thế nào, mọi cái hiện tại đều phải, đều hợp lý. Tốt hơn hết là chú phải tỉnh táo, sáng suốt chọn cho mình con đường vinh thân và giữ được tiếng thơm của dòng họ. Chẳng nên cứ bo bo giữ lấy cái hủ hậu, lỗi thời, không để làm gì đấy!

- Điều này anh nói đúng Phan Huy Hạo thừa nhận. Ta chẳng nên khư khư giữ lấy cái đạo học đã lỗi thời, khép mình vào trong giáo lý cứng nhắc. Khi ấy, nếu là điều phải thì sá gì những dư luận rơm rác. Nhưng thật lòng em thấy tân triều không thu phục được nhân tâm. Thói thường, ai cậy vào sức thì bền lâu sau được?

- Thâm ý chú không phục tân triều?

- Chẳng những thế, chắc gì họ tin dùng ta, con một danh sĩ Tây Sơn? Bởi vậy, dẫu có thi cử chắc gì đỗ đạt cao? Khi ấy chẳng phải chuốc lấy tiếng cười của thiên hạ sao?

- Tôi thực không tài bằng chú nhưng cũng đỗ đạt, được bổ dụng đó sao?

- Ấy là sự khôn ngoan của tân triều. Nhưng không phải vì một việc ấy mà bước đường hoan lộ của bác thông đồng bén giọt đâu!

- Có thể chú nói đúng. Nhưng dẫu sao cũng là cách bảo toàn được mình, tránh được sự dòm dỏ, truy bức một khi chú khăng khăng bất hợp tác với họ. Vậy nên, khoa này chú cũng nên ứng thi. Cổ nhân nói: Biết mà không làm được điều mình biết, ấy là không biết vậy.

Hồi lâu suy nghĩ, Phan Huy Hạo miễn cưỡng:

- Anh đã chân tình khuyên vậy, em lẽ nào không nghe lời.

Do nhiều nguyên nhân: Vì không toàn tâm toàn ý cho việc đi thi, vì lối học của Phan Huy Hạo cốt ứng dụng cho đời chứ không chuyên chú gọt giũa thơ văn nhớ điển tích, còn vì không ít người ghen ghét tài năng xuất chúng của Phan Huy Hạo, đồng thời triều đình ngại e con một danh sĩ có công với triều Tây Sơn, nên hai lần đi thi cả hai lần Phan Huy Hạo chỉ đỗ tú tài. Vì quê hương Phan Huy Hạo ở làng Thầy nên từ đó nhân dân gọi ông là"Kép Thầy".

Dẫu không đỗ đạt cao nhưng Phan Huy Hạo chẳng mấy bận tâm suy nghĩ kết quả thi cử của mình. Ông gác ngoài tai mọi lời đàm tiếu khích bác. Ông đau xót nhận ra rằng, việc ông không đỗ đạt cao để nhiều nho sĩ thường giao du với ông, bỗng dưng vắng bóng. Cái gì khiến cho họ cầu thân để rồi lại xa lánh ông? Phan Huy Hạo tự hỏi phải chăng, ông không đứng trong hàng đại khoa, và do đó, không được triều đình ban cho quyền cao tước trọng? Lòng người đen bạc vậy thay. Bởi thế, Phan Huy Hạo càng quý những nông phu chân thật xung quanh ông và ngày càng gắng bó thông cảm với họ. Việc Phan Huy Hạo không đỗ cao cũng là cái cớ để ông đoạn tuyệt những tơ vương về công danh, hoàn toàn yên tâm để bắt tay vào công việc đã dự định từ buổi thiếu thời. Muốn xa lánh mọi sự xa hoa phù phiếm để hoàn toàn tĩnh tâm cho công việc mà ông biết phải làm trong nhiều năm, Phan Huy Hạo làm hẳn một ngôi nhà trên núi Sài Sơn, kiên quyết tạ khách, nguyện sống hết mình cho việc trước thuật. Không hiểu được hoài bão ấy của Phan Huy Hạo, nhiều người lầm tưởng con đường"Quay về núi" của ông là hành động của kẻ chán ngán, gặp biến thì lánh đời, hoặc quay về với thiên nhiên để được"Nằm trên đá, ngủ dưới hoa", "đi thung dung, về ngất ngưỡng" như một số nho sĩ lúc ấy đã làm. Trước sau Phan Huy Hạo không một lời thanh minh.

Tự nguyện tách mình ra khỏi những bon chen trên đường công danh lợi lộc để hóa thân cho việc trước thuật với hoài bão để lại cho đời một bộ sách đồ sộ; bao gồm đủ các mặt của đời sống xã hội, Phan Huy Hạo đã thực hiện một nếp làm việc bền bỉ, khắc khổ và với sự cố gắng phi thường. Hàng ngày Phan Huy Hạo thức khuya dậy sớm, mải mê đọc sách, cẩn thận ghi chép, khảo xét, đính chính và viết lời bàn về các mặt tài liệu và phân loại các tài liệu ấy theo từng mục, từng vấn đề đã định trước. Ấp ủ một hoài bão lớn, Phan Huy Hạo cũng làm việc với lòng háo hức và tự tin thực hiện hoài bão đó. Vốn đã thâu tóm được đầy đủ mối điển chương, tinh hoa của từng loại sách với gia đình, lại mượn được nhiều cuốn sách quý trong kho

sách của dòng họ Ngô Thì ở làng Tó, Phan Huy Hạo sớm hoạch định được từng bộ môn cần khảo xét để sắp xếp một cách có trình tự, có hệ thống. Theo sự phân loại, sắp xếp ấy, bộ sách mà Phan Huy Hạo sẵn sàng dành cả đời để làm, gồm có mười bộ môn, còn gọi là mười chí, có quan hệ với nhau và đều là những vấn đề cốt yếu của quốc gia:

Địa dư chí: Khảo về đất đai, phong thổ và lịch sử địa lý Việt Nam qua các đời.

Nhân vật chí: Nói về tiểu sử từ vua chúa, tướng sĩ đến những người trung thần, tiết nghĩa có công với nước.

Quan chức chí: Xét về chế độ quan lại ở Việt Nam.

Lễ nghi chí: Khảo sát các quy định, thể chế, phẩm phục của vua chúa, quan lại cùng các nghi lễ trong triều đình.

Khoa mục chí: Nói về chế độ giáo dục, khoa cử đời xưa.

Quốc dụng chí: Viết về chế độ thuế khóa, tài chính qua các triều.

Hình luật chí: Xét về pháp luật các đời.

Binh chế chí: Khảo về quy chế tổ chức và việc luyện binh qua các đời.

Văn tịch chí: Nói về tình hình sách vở nước Việt xưa.

Bang giao chí: Khảo về việc giao thiệp, nghi lễ đón tiếp sứ thần các nước qua các đời.

Tự thấy dung lượng sách rất lớn; việc làm sách vì vậy rất công phu, nhưng Phan Huy Hạo phấn chấn, hăm hở làm việc quên mình.

Tiếng trống hội xuân ở làng Thầy nổi lên từng hồi giục giã, có sức hấp dẫn lạ thường. Nghe những âm thanh vang vang náo nức ấy, Phan Huy Hạo thoáng mỉm cười, dừng bút. Không trở về làng vào những ngày Hội vui vì không muốn làm gián đoạn trước thuật nhưng Phan Huy Hạo vẫn biết đó là tiếng trống gọi dân làng khi cuộc thi vật sắp sửa bắt đầu. Vốn là người thích xem đấu vật từ thưở nhỏ, nghe tiếng trống hấp dẫn ấy, Phan Huy Hạo thấy bồn chồn chẳng yên... Ngoài kia mặt trời đã nhô cao. Những khóm lá đẫm sương đêm tiếp tục bốc hơi. Gió pha lẫn nắng và hơi sương lùa vào căn phòng khiến Phan Huy Hạo thoáng rùng mình. Bị không khí Hội xuân lôi cuốn, mấy lần, Phan Huy Hạo buông bút rồi lại dăn lòng vội vàng cầm lấy bút. Ông muốn quên đi tất cả, quên đi cả âm thanh gợi cảm để chép lại những trang bản thảo đã được sửa chửa rất cẩn thận. Nhưng rồi không tự kiềm chế được bản thân mình, tay vẫn cầm bút, ông miễn cưỡng đứng dậy bước ra ngoài. Trước mặt Phan Huy Hạo, cả Sài Sơn hùng vĩ nhuộm một màu vàng óng ả. Cây Hoàng Đan ngay trước căn nhà đơn sơ, tỏa bóng cả mặt sân. Lá cây lay động làm cho những chấm nắng vàng nhảy nhót nô giỡn trên áo, trên cả mái tóc sớm điểm bạc của ông. Không biết đã bao năm, Phan Huy Hạo tự nguyện xa lánh bằng hữu, xa lánh những lạc thú, dành tất cả sức lực và sự hăm hở, say mê cho việc soạn sách trong căn nhà quen thuộc và quá tĩnh mịch này. Cũng trong bao năm ấy, ông đã đọc đi đọc lại hàng vạn sách, ghi chép rồi nát óc suy nghĩ viết ra hàng chục vạn trang giấy, để rồi bắt đầu từ

hai tháng nay, miệt mài chép lại từng chí đã thảo xong sau bao lần sửa chữa công phu. Trên đầu ông, tóc đã điểm bạc, người ông tiều tụy nhưng tâm hồn ông xiết bao sảng khoái. Ông không ngờ việc trước thuật lại khó khăn đến thế. Trong những năm soạn sách, ông bỗng hiểu một điều tưởng như bình thường mà lại không dễ dàng: Nghĩ được điều hay, ý đúng đã khó, diễn đạt những ý đã có trong đầu ấy ra trang sách lại càng khó hơn. Ông tự hào đãvượt qua bao lần vì ngại khó định bỏ dở công việc để ép mình vào án thư, cầm lấy bút, khi đầu óc ông muốn vỡ tung ra vì căng thẳng. Ông tự hào vì đã không tiếc công sức đi sâu tìm hiểu cặn kẽ từng bộ môn. Hơn thế, bao quát, hệ thống các kiến thức trong từng bộ môn, đặt nó trong quan hệ mật thiết, gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau bằng sự hiểu biết uyên thâm và bằng tấm lòng yêu dân, yêu nước của mình. Ông tự hào đã bằng công trình sưu tầm, khảo xét quy mô, tìm trong hàng đống sự kiện bề bộn sự thực lịch sử cốt lõi, bỏ thô lấy tinh, đồng thời dày công kê cứu bổ sung những tìm tòi của mình để viết ra từng chí, mỗi chí lại chia từng mục, chép riêng từng tập, nối liền với nhau gọi là: Lịch triều hiến chương loại chí. Ông tự hào đã công minh xem xét, đánh giá từng triều đại, ghi chép tiểu sử những người có công với dân nước, nêu gương cho hậu thế. Sau hết, ông vui mừng vì thấy mình đã bày tỏ được tấm lòng thương dân, thông cảm số phận của người nghèo. Lòng thương dân ấy được thấm nhuần qua cách nhìn nhận, đánh giá từng sự kiện, từng việc đã ghi trong sử. Chẳng hạn, đối với vấn đề ruộng đất, khác với các nhà soạn sách trước, Phan Huy Hạo có cách nhìn nhận hoàn toàn mới mẻ. Theo ông "Chính sách nuôi dân không gì làm cho dân có tài sản; mà muốn cho dân có tài sản, chủ yếu là việc quân điền. Bởi tai họa trong một nước do chỗ ruộng đất không quân bình. Nếu tài sản mọi người được bình thường thì nhân dân tất nhiên được đầy đủ. Chế độ ruộng đất Bắc Hà từ trước đến nay, sổ sách thiếu xót không thể kê cứu được. Nhưng đại thể, ruộng đất của nhân dân để mặt cho bọn cường hào chiếm đoạt. Hơn một ngàn năm nay, những người làm vua làm chúa trong nước không ai khôi phục lại ruộng đất của chế độ đời cổ để trừ bỏ tai vạ cho dân"...

Tiếng trống trong ngày Hội xuân lại từng đợt từng đợt vọng tới, cắt đứt mạch suy nghĩ của Phan Huy Hạo. Phóng tầm mắt nhìn về hướng ấy, ông ngỡ ngàng trước vẻ đẹp quyến rũ của núi rừng Sài Sơn. Nhưng rồi, nghĩ tới khối lượng công việc đang làm, ông phác một cử chỉ dứt khoát, trở lại án thư, lần giở tập bản thảo. Phan Huy Hạo đọc lại đoạn văn vừa chép vào giấy đẹp: "Của báo một nước, không gì quý bằng đất đai. Nhân dân và của cải do đấy mà sinh ra".

Đúng vậy Phan Huy Hạo dừng lại suy nghĩ. Mỗi lần luận về cương vực núi sông, luận về công lao xây dựng, bảo vệ giang sơn của tổ tiên, bao giờ Phan Huy Hạo cũng thấy tâm hồn mình phấn chấn. Cho nên, khảo sát về cương vực, phong thổ, xem xét về sự thay đổi địa lý qua các đời, Phan Huy Hạo không quên ghi lại lịch sử đấu tranh vẻ vang của dân tộc vốn có quan hệ mất còn đối với vận mạng của Tổ quốc. Ông hào hứng đọc tiếp: "... Nhà Đinh nổi lên gây nền thống nhất. Tiền Lê nối sau mở rộng thêm ra, bờ cõi nước Việt ta bấy giờ mới định hẳn. Sau đến Lý, Trần đứng lên chống chọi với Tống, Nguyên. Lê Thái Tổ nổi dậy quét sạch giặc Minh, vận hội đến lúc thịnh, cõi đất ngày càng rộng ra".

Phan Huy Hạo lại dầm bút vào nghiên mực, sửa lại thế ngồi cho ngay ngắn, chép

tiếp tập Địa dư chí.

Vừa gượng dậy được sau trận ốm dài ngày vì làm việc quá sức, Phan Huy Hạo đã lại hăm hở bắt tay vào công việc. Và buổi sáng ấy, sau khi chép xong phần chung lời tựa cho bộ sách, Phan Huy Hạo hân hoan xếp lại từng chí để đóng. Vừa khi ấy, vợ ông tay bưng bát thuốc dẫn theo đứa con gái trạc mười tuổi từ nhà dưới đi lên. Thấy chồng có nước da xanh tái, cặm cuội bên chồng sách, thiếu phụ ái ngại đến bên chồng, giọng không vui:

- Thầy nó chưa khoẻ hẳn, chẳng nên gắng gượng như vậy. Thuốc sắc đã được rồi đây, xin thầy nó chịu khó uống cho lại sức.

Nhanh nhẹn đón lấy bát thuốc, Phan Huy Hạo âu yếm nói với vợ:

- Bu nó vừa phải làm lụng nuôi nấng con cái, trong nom nhà cửa vừa phải đi lại hai nơi nuôi chồng. Tôi thực vô dụng.

Cặp mắt rất đẹp của thiếu phụ chợt long lanh:

- Đạo vợ chồng kể chi chuyện ấy. Thấy thầy nó bao năm lao tâm khổ tứ, tôi những giận mình đầu óc ngu tối, chẳng san được nỗi vất vả, khó nhọc cho chồng.

- May thay công việc đã hoàn tất. Chỉ còn đóng lại từng tập nữa thôi.

Ngắm nghía chồng sách đồ sộ, xếp cao ngất trên án thư, vợ Phan Huy Hạo không giấu nổi lòng kính phục. Vốn là người có chút ít học vấn, hiểu được lòng chồng, hơn thế hiểu được sự nghiệp cao cả của chồng, giọng thiếu phụ xúc động:

- Thôi, thầy nó hãy đi nghỉ ngơi. Việc gì không giúp được thầy nó chứ đóng sách, hẳn tôi làm được.

Cảm kích trước tấm lòng của vợ, Phan Huy Hạo vui vẻ:

- Nếu không có bu nó giúp rập, tôi đâu soạn được ngần ấy sách.

Thiếu phụ mặt đỏ bừng:

- Thầy nó nói như thế làm gì? Thầy nó vui là tôi vui. Thấm thoát dã hơn mươiø năm rồi còn gì.

Sực nhớ ra đứa con gái đang tha thẩn chơi ngoài hiên, thiếu phụ gọi con vào và nói với chồng:

- Khi thầy nó vào đây, con bé mới lọt lòng. Nay nó đã hơn mười tuổi mà cha con chẳng mấy lúc được gần nhau.

Đứa bé đến bên cha, giọng rụt rè pha chút nũng nịu:

- Nay mai thầy sẽ về hẳn ngoài làng chơi với chúng con, phải không thầy? Thôi, thầy đừng ở trong núi nữa, con nhớ thầy lắm.

Phan Huy Hạo vụng về kéo con vào lòng. Những điều vợ con ông vừa nói không có hàm ý trách móc nhưng lại khơi dậy trong ông nỗi buồn vui xen kẽ. Vui vì ông đã bỏ trọn ra mười năm hoàn toàn hiến thân cho việc trước thuật để viết được bốn mươi chính tập sách bao gồm mười bộ môn lưu lại đời sau. Vui vì ông đã đổi những năm

tuổi trẻ bằng nghị lực phi thường để thực hiện hoài bảo của ông từ buổi thiếu thời. Buồn vì trong bao năm ấy, ông không giúp đỡ được vợ con, phó mặc hoàn toàn việc gia đình cho vợ. Ông khổ tâm khi nghĩ rằng, vì sự nghiệp trước thuật của ông, người vợ mà ông rất mực yêu quý và chịu ơn đã chịu bao thiệt thòi, hy sinh để gánh vác mọi công việc, tự nguyện hứng chịu bao vất vả để ông yên lòng đèn sách. Và đứa con gái bé bỏng này nữa. Nghĩ vậy, ông vuốt tóc con:

- Ngày mai, thầy sẽ về ở hẳn với con. Thầy sẽ dạy con học.

Quả như lời Phan Huy Hạo nói với con. Sau khi soạn xong "Lịch triều hiến chương loại chí" bộ sách đồ sộ gồm bốn mươi chính tập mà người đời sau xem như một công trình nghiên cứu đánh dấu bước phát triển cao của thành tựu khoa học nước nhà, bộ sách mà nhờ nó, tên tuổi Phan Huy Hạo được tôn sùng, nhân dân gọi ông là nhà bác học, nhà soạn bách khoa toàn thư của Việt Nam ông đã trở về đoàn tựu với gia đình. Phan Huy Hạo đâu ngờ, sau đó không lâu, tài năng của ông lan truyền khắp nước và đời ông bước sang một khúc ngoặt hoàn toàn bất ngờ. Vua Minh Mệnh hay biết, năm 1821 đã xuống chiếu vời ông về kinh.

Được vua Minh Mệnh vì chuộng tài, trao cho bức biên tu trường Quốc Tử Giám, nhất là khi dâng "Lịch triều hiến chương loạt chí" được vua khen thưởng, Phan Huy Chú phần nào vơi được nỗi băn khoăn bấy lâu. Trong sự suy tưởng của ông, Minh Mệnh tuy tự phụ, độc ác nhưng là vị vua biết quý trọng nhân tài. Nếu quả vậy, ước mơ đem việc học ứng dụng cho đời, đem vốn hiểu biết đả tích lủy được bao năm, làm lợi cho dân nước của Phan Huy Chú sẽ có cơ thi triển dược. Ý nghĩ ấy thôi thúc Phan Huy Chú nghiên cứu tìm ra con đường trị đời cứu nước. Về mặt này, Phan Huy Chú có nhiều thuận lợi. Do học rộng, ông có cái nhìn bao quát. Từng sống ở thôn giả, ông hiểu được nỗi khổ của dân nghèo. Ý nghĩa muốn đem tài năng giúp đời khiến Phan Huy Chú lưu tâm tìm hiểu cơ sở trị nước của triều Nguyễn, tìm hiểu lẽ thịnh suy của các triều đại trước, mong có dịp dùng đến.

Bởi ấp ủ tấm lòng ưu ái vì dân nước, năm 1823, khi được thăng chức Lang trung bộ Lại, Phan Huy Chú đã mạnh dạn dâng sớ đều trần về bốn việc:

Trước hết Phan Huy Chú khuyên vua hãy xem dân là gốc của nước. Gốc có vững xã tắc mới yên. Muốn vậy, triều đình phải thu sức dân, phải bớt thuế, bớt lính và bớt những phiền hà khác.

Thứ hai Phan Huy Chú khuyên vua hãy thực hiện chế độ quân điền. Theo ông mục đích của việc thực hiện chế độ quân điền nầy là làm thế nào cho dân từ một tấc đất điều được khai khẩn mọi người điều có ruộng làm, chữa khỏi các bệnh đau khổ của người nghèo, dập tắt được nạn lấn chiếm của bọn cường hào lý dịch. Khi đân đã có tài sản bình thường để cải thiện đời sống, họ sẽ ra công cày cấy làng xã sẽ được yên vui, tiến lên làm việc dạy dân chúng xây dựng phong tục.

Thứ bằng Phan Huy Chú khẩn thiết khuyên vua bãi bỏ những cuộc hành binh dẹp loạn. Theo ông, dân nổi loạn là vì đói rét mà sinh ra. Nếu không giúp dân được no đủ thì mầm loạn không thể nào dứt được.

Cuối cùng Phan Huy Chú khuyên vua hãy nghiêm trị bọn sâu mọt chuyên đục

khoét lương dân. Ông lập luận: Tự mình thu đức để giáo hóa dân thì sâu hơn mệnh lệnh, dân bắt chước người trên thì nhanh hơn pháp luật; pháp luật mà không thi hành được là do người trên phạm.

Thảo xong bản đều trần gói gọn những ý trên, Phan Huy Chú vội dân vua. Ông hy vọng nếu vua nghe theo những lời tâu ấy, họa hoạn sẽ dứt, nước sẽ thịnh, dân sẽ giàu. Ông vui mừng vì đã thực hiện được một việc nghĩa. Một vị vua anh minh không thể không lưu tâm nghe những lời khuyên của ông.

Vừa bãi triều, vua Minh Mệnh sửa soạn về cung riêng thì viên phụ chính vội vả bước vào.

- Trẫm biết khanh không được khỏe. Vậy có việc gì cần tâu bày mà khanh vất vả vậy?

- Muôn tâu Thánh Thượng viên phụ chính quỳ tâu thần đã xem bản sớ dâng Thánh Thượng của Lang trung bộ Lại Phan Huy Chú. Xét thấy tờ sớ có nhiều ý tưởng mới lạ, thần vội làm lễ triều kiến dâng Thánh Thượng.

Vua Minh Mệnh dáng không vui:

- Phan Huy Chú! Trẫm nhớ rồi, người đã dâng "Lịch triều hiến chương loại chí" và đã được trẫm ban thưởng!

Muôn tâu Thánh thượng! Chính là con người có thực tài ấy.

Cho viên phụ chính được bình thân, vua Minh Mệnh cầm lấy tờ sớ chăm chú đọc. Nét mặt vua biến đổi theo những việc viết trong bản điều trần. Đến khi đọc xong, cặp mắt của vua bỗng long lên, khóe môi rần rật. Vua vỗ ngai quát:

- Khanh đã đọc kỹ tờ sớ này chưa?

Hoảng hốt trước cơn thịnh nộ của nhà vua, viên phụ chính lúng túng:

- Lệ thường, thần đã xem qua. Thật là một con người táo bạo.

- Sao? Vua Minh Mệnh mặt tái đi khanh không thấy hắn viết những điều ngông cuồng bậy bạ, có ý dạy đời đó hay sao?

Viên phụ chính lấp lửng:

- Thần cũng thấy nhưng có điều gì không phải?

Thích thú thấy bề tôi luống cuống, Minh Mệnh bật cười:

- Huy Chú cần tiến thân mong được trẫm cất nhắc như bọn Mao Toại tự tiến. Con người ấy thật lắm tham vọng.

Viên phụ chính lộ vẻ hân hoan:

- Tâu Thánh thượng! Mao Toại là người có tài trí. Nhờ được trọng dụng mà nước Triều trở nên có thanh thế.

Vua Minh Mệnh giọng khinh khỉnh:

- Vua nước triệu ít mưu mẹo nên mới phải dùng Mao Toại. Còn trẫm, trẫm đâu

cần phải nghe một viên tiểu quan như Chú.

Vốn khăm phục Phan Huy Chú về tài năng, lại dám khảng khái tâu rõ hiện tình đất nước loạn lạc việc mà chưa một viên quan nào, kể cả các đại thần dám tâu vua, phải không có những ý sắc sảo, nhưng biết vua tự phụ, viên Phụ chính chỉ lặng im không nói.

Trong lúc ấy, lần nữa đọc qua bản điều trần của Phan Huy Chú, vua Minh Mệnh trì triết:

- Phan Huy Chú là con một đại thần của Tây Ngụy. Nhờ có chút học vấn, trẫm không nở hẹp lượng mà trọng dụng hắn. Ai dè hắn không biết mình biết người, muốn trèo cao bay xa, ăn nói như một kẻ mất trí. Hãy xem trong lúc giặc cỏ nổi lên làm loạn, hắn khuyên trẫm bãi binh dẹp loạn? Trong lúc trẫm ban thưởng ruộng đất cho kẻ có công, hăn khuyên trẫm ban ruộng đất cho dân đen? Nếu trẫm không muốn mang tiếng ác, riêng những việc sàm tấu này cũng đủ giao hắn cho hình quan xét xử.

Viên phụ chính can vua:

- Thần xét thấy Phan Huy Chú nghĩ viễn vông vậy chứ không cố ý phạm thượng. Vậy để răn đe Chú, lưu được tiếng nhân đức, thánh thượng chỉ cần trả lại tờ sớ cho họ Phan là đủ.

Vua Minh Mệnh dịu giọng:

- Nể khanh, trẫm bỏ qua cho hắn một lần.

Cái tin Phan Huy Chú dâng sớ điều trần bốn việc bị vua Minh Mệnh quở trách, trả lại, đã không cánh mà bay, lan nhanh trong giơiù quan trường ở kinh đô. Hay tin ấy, Phan Huy Thực lật đật tìm em, giọng không vui:

- Chú là người học rộng mà sao cạn nghĩ vậy? Chú không biết vua thường sợ và nghi kỵ kẻ có tài, nhất là các sĩ phu Bắc Hà; cho nên luôn luôn xét nét, kiếm cớ răn đe quan lại đó sao? Chú phải cẩn thận kẻo mang vạ!

Phan Huy Chú than thở:

- Em những tưởng đã cốt vì thiên hạ thì phải không sợ chết để đem cái học vấn của mình phụng sự cho dân nước. Người xưa đã chẳng nói: Lời nói ngay nghe chướng tai nhưng có lợi cho việc làm. Thuốc đắng uống khó chịu nhưng chữa được bệnh. Nói khó nghe là thuốc, nói ngọt là bệnh tật đó sao? Em đâu ngờ là sự thể này!

Phan Huy Thực trách:

Chú bao năm vùi đầu vào trước thuật không còn biết lẽ sống ở đời. Chú quên rằng, khi đã bình được thiên hạ, các bậc đế vương ưa dùng bọn xu nịnh hơn là các trung thần đó sao? Họa, phúc là chính bởi từ đấy mà sinh ra.

Phan Huy Chú chua chát:

- Thật là một ngàn lời khuyên không bằng một cái gai kinh nghiệm. Có lẽ em cứ giả câm giả điếc là hơn.

- Tùy chú, nhưng nói thẳng mà sinh họa thì có ích gì? Trí địch muôn người mà

không hiểu người thì cũng như người ngu vậy!

Bị trách móc nặng nề nhưng Phan Huy Chú không giận anh. Ngược lại, anh thấy rõ nhân cách của vua Minh Mệnh và tự thấy thương mình.

Phan Huy Chú không vội từ quan nhưng cũng giống như nhiều bậc tài trí khác thời ấy, ông không bao giờ được vua thực dụng tin dùng. Từ sau lần bị Minh Mệnh đối xử thô bạo, ông trở nên rất kín đáo. Không vội từ quan vì sợ mang lụy, nhưng Phan Huy Chú không còn những hăm hở buổi đầu nữa. Trí giúp dân dựng nước, ý muốn đem tài kinh luân thi thố cho đời, vì vậy, chỉ còn là những tâm sự u uất. Cho nên, hơn mười năm làm quan dù có lúc thăng Hiệp trấn Quảng Nam, từng hai lần đi sứ, nhưng ông vẫn luôn bị vua trách phạt.

Cuối cùng, chán cuộc đời làm quan, Phan Huy Chú vịn cớ đau yếu, xin từ quan về nhà mở trường dạy học.

Sống ở quê, thoát ra khỏi vòng vây ngột ngạt của triều đình Minh Mệnh, Phan Huy Chú thấy thanh thản trở lại. Đêm đêm ông lại chong đèn viết sách không mỏi. Một ngày thu năm 1840, Phan Huy Chú đã mất ngay cạnh chồng bản thảo vừa hoàn thành, thọ năm mươi tám tuổi.

Tuệ Tĩnh

Thế là Nguyễn Bá Tĩnh không được tới trường theo học nữa. Vị cao tăng đồng thời là ân nhân của Bá Tĩnh mất đi, thượng tọa mới thay quyền chủ trì chùa Giao Thủy một hôm bảo với Bá Tĩnh rằng:

- Cháu đã mười lăm tuổi đầu rồi, phải tập làm ăn đi thôi. Bao nhiêu con nhà khá giả cũng chẳng theo đòi việc học đến nơi đến chốn nữa là cháu. Mà cháu học để làm gì? Cháu không nghe nói: "Tướng là chim ưng, quân dân là vịt" đó sao. Ngay con nhà vương tôn quý tộc ở vùng này cũng chỉ rượu chè, cờ bạc, ngày đêm yến tiệc ca xướng, có học hành gì đâu? Ta thương cháu mới lấy lời bảo ban cháu như thế.

Nghe thượng tọa nói, Bá Tĩnh buồn lắm. Đã mấy lần Bá Tĩnh lựa lời xin, nhưng thượng tọa vẫn không chuyển ý. Hàng ngày, những lúc rảnh rỗi, Bá Tĩnh thường đem sách học ra xem. Chao ôi giở lại những trang mà Bá Tĩnh như vẫn nghe thấy lời giảng ấm của thầy cũ, tiếng nô đùa của chúng bạn và những giờ tập văn sôi nổi. Bây giờ thì những kỷ niệm đó đã qua rồi. Bá Tĩnh nhớ bạn, nhớ trường quá. Gía cha mẹ ta còn sống Bá Tĩnh tủi thân ao ước lẽ đâu ta phải bỏ học thế này. Càng nghĩ về cảnh mình, Bá Tĩnh càng thêm nhớ vị cao tăng, đã nuôi cho ăn học và coi Bá Tĩnh như con. Bá Tĩnh không biết mặt cha mẹ, vì cha mẹ mất từ năm Bá Tĩnh sáu tuổi. Nghe nói một vị sư gần nhà đem về nuôi, rồi vị cao tăng chùa Giao Thủy lại xin lại đem về đây. Nhưng nay vị cao tăng đã mất, Bá Tĩnh cảm thấy trơ trọi, không người nương tựa.

Thượng tọa thường bảo ta cái gì nhỉ? Có thể Thượng tọa cũng là người thương ta thật bụng? Nhưng bọn con nhà vương, hầu mãi chơi bời thì kệ chúng nó, sao lại bắt

ta thôi học. Ta là con nhà nghèo, lại không còn cha mẹ, nhưng chính vì thế mà ta cần phải học giỏi. Sự thật là bao giờ Bá Tĩnh cũng học giỏi nhất trường. Bá Tĩnh sung sướng thấy con nhà nghèo cũng có thể học giỏi được. Ước gì ta được học đến đầu đến đũa và thành đạt để làm rạng rỡ tổ tông, đền ơn phụng dưỡng của nhà chùa và các bạn nghèo khắp chốn vẫn hằng khuyến khích, an ủi ta. Hay là ta lại xin thượng tọa một lần nữa. Cứ mạnh bạo nói hết lời, có thể thượng tọa thương cho chăng? Bá Tĩnh vừa vui mừng vừa lo lắng đi tìm thượng tọa.

Chùa Giao Thủy được mở rộng không ngờ. Nhiều nhà giàu trong vùng thi nhau cúng tiền của và ruộng đất cho nhà chùa. Người đi tu ngày một đông. Vì vậy, kể từ khi thôi học, Bá Tĩnh không sao mở mắt được. Thấy Bá Tĩnh thông minh, lanh lẹ, thượng tọa lại càng hay sai bảo. Bây giờ thì Bá Tĩnh đã rõ, thượng tọa thương Bá Tĩnh theo ý riêng. Nhà sư muốn Bá Tĩnh trở thành một người chân tu. Nhưng bao đêm rồi, Bá Tĩnh không sao chợp mắt được. Cũng có lúc Bá Tĩnh nghĩ như thượng tọa: Người nghèo như Bá Tĩnh khó mà học thành đạt được. Nhưng sao Phạm Ngũ Lão, cũng là con nhà nghèo xuất thân, lại được vua trọng dụng, phong cho chức trọng quyền cao? Vua Trần chẳng vẫn mở khoa thi kén người tài giúp nước đó sau? Bá Tĩnh thường hỏi mọi người về Phạm Ngũ Lão. Tấm gương khổ học và những chiến công của người anh hùng ấy có sức thu hút và cổ vũ Bá Tĩnh mạnh biết bao. Cuối cùng, Bá Tĩnh quyết định: Phải khổ công tự học. Bá Tĩnh thấy rõ cách học ấy sẽ vô cùng khó khăn nhưng là con đường duy nhất để đạt được chí mình. Bá Tĩnh ân hận đã để lỡ mấy năm không tự dùi mài đèn sách. Chí đã quyết, từ đấy, ngoài công việc của nhà chùa Bá Tĩnh đi tìm sách để học.

Nhưng việc tự học của Bá Tĩnh gặp nhiều khó khăn. Bá Tĩnh thiếu thầy, thiếu sách, thiếu cả dầu. Lại nữa, nhiều ngày phải đi làm việc nặng, phải đi nhiều, đêm đến gắng lắm mới khỏi buồn ngủ. Nhưng Bá Tĩnh đã quyết là làm, không khó khăn nào ngăn cản được chí lớn của Bá Tĩnh. Chẳng mấy chốùc chùa Giao Thủy và nhân dân trong vùng bàn tán nhiều về chàng trai đang khổ luyện học tập. Người ta nói rằng chỗ ở của Bá Tĩnh chứa rất nhiều sách, những sách ấy Bá Tĩnh tự làm ra tiền để mua, hoặc đi mượn. Ai cũng bảo Bá Tĩnh là thần đồng và chẳng có điều gì chàng lại không biết. Hồi ấy nến còn hiếm, chỉ đủ dùng cho nhà chùa, nên đêm đêm Bá Tĩnh đốt lá đa để học mãi tận khuya. Một lần nữa đêm thức giấc, thấy Bá Tĩnh đang ngồi học như thế, thượng tọa cảm động quá, ôm lấy chàng trai mà khóc. Từ đó thượng tọa xuất một phần nến và thường tìm mua sách quý về cho Bá Tĩnh. Gương khổ học của Bá Tĩnh được dân trong vùng đem ra răn dạy con cháu và ai cũng yêu thương chàng trai mồ côi, tuổi trẻ mà có chí lớn. Bá Tĩnh bối rối khi được nghe tất cả những lời đồn đại về mình. Bá Tĩnh bối rối vì nó là sự thật. Tuy thế, có những chuyện mà nhân dân không biết, và khiến cho Bá Tĩnh vô cùng cảm động. Một lần khi Bá Tĩnh thức dậy, thấy ai để cạnh chỗ ngủ của mình một chục cây nến lớn và năm nén bạc. Bá Tĩnh không dám nhận. Nhưng biết của ai để trả lại? Cách mấy tháng sau Bá Tĩnh lại nhận được món quà như thế. Nhưng lần này thì Bá Tĩnh bắt được thủ phạm. Đó là người gia nô; theo lệnh của một tiểu thư, con nhà giàu thường vẫn đến tụng kinh ở chùa đem đến. Thật là một thử thách đối với chàng trai. Nhưng Bá Tĩnh bắt người gia nô phải đem trả cô gái tất cả những tặng phẩm rất đỗi có ý nghĩa đó. Công chưa

thành, danh chưa toại, làm sau Bá Tĩnh có thể nghĩ đến chuyện khác, ngoài việc học tập được.

Năm tháng trôi qua, thắm thoát Bá Tĩnh đã lớn phổng lên thành một chàng trai đỉnh đạc, tuấn tú. Tiếng tăm hay chữ của Bá Tĩnh đã lan rộng khắp vùng. Các nhà giàu cũng phải nể trọng về tài học và tính tình điềm đạm của Bá Tĩnh. Nhưng Bá Tĩnh không tự bằng lòng về những điều đã học được trong sách vở. Bá Tĩnh say mê tìm hiểu phép âm dương ngũ hành để cắt nghĩa những mối liên hệ của vạn vật, kể cả con người trong thực tế. Từ chỗ hiểu bốn mùa vận hành âm dương biến hóa, khí trời đất hòa hợp nhau mà sinh ra vạn vật, Bá Tĩnh thấy được sự sống chết già cõi hay bệnh tật của người ta là đều do sự biến chuyển của hai khí âm dương cả. Đi đâu, làm gì Bá Tĩnh cũng luôn đặt cho mình câu hỏi, rồi lại tự lý giải. Không tự trả lời được Bá Tĩnh lại tìm thêm sách ở khắp mọi nhà để nghiền ngẫm cho kỳ hiểu mới thôi.

Thượng tọa và mọi người xung quanh thấy Bá Tĩnh thông kinh sử, hiểu luật trời đất có ý khuyên Bá Tĩnh đi thi. Ai cũng chắc Bá Tĩnh sẽ có ngày đỗ đạt và được hưởng quyền cao chức trọng. Tự thấy sức mình có thể đỗ được, Bá Tĩnh vùi đầu vào việc học để chờ khoa thi.

Một tai biến khủng khiếp đã xảy ra trong vùng Giao Thủy. Bệnh dịch hoành hành dữ dội, đã giết chết bao nhiêu sinh mạng con người. Chùa Giao Thủy cũng không thoát khỏi chứng bệnh ác nghiệt ấy. Mấy vị sư thầy, sư ông đã bị chết. Thượng tọa chủ trì và một số tăng sư trong chùa cũng đang lâm bệnh. Trong vùng lan truyền một cái tin: Vì dân Giao Thủy làm trái ý trời nên trời giáng họa. Thế là từ nhà giàu đến nhà nghèo ai cũng lo sửa lễ cúng trời. Các đình làng khói hương nghi ngút ngày đêm.

Trước cảnh ấy, Bá Tĩnh không còn lòng dạ nào nghĩ đến việc học để đi thi nữa. Dù chưa biết nhiều về thuốc, nhưng có chút kiến thức về luật âm dương ngũ hành. Bá Tĩnh lao vào một thử thách vượt quá sức mình. Phải chuyển họa việc phúc, khởi tử hoàn sinh cứu lấy trăm họ! Bá Tĩnh quên ăn quên ngủ để tìm hiểu sách thuốc. Nhưng, ngay cả những thầy thuốc nổi tiếng cũng đều bó tay. Thảng hoặc, có người biết cách chữa trị thì lại chui rúc vào các nhà giàu, phục dịch bọn quyền quý, bỏ mặc dân lành. Chưa bao giờ Bá Tĩnh tự thấy mình vô vụng, đáng hổ thẹn như lúc này. Bá Tĩnh không tin có ma quái nhưng đành phải bó tay trước thảm họa ghê gớm ấy. Và một ý nghĩ làm cho Bá Tĩnh đau nhói: Biết đâu cha mẹ ta khi trước cũng bị chết vì chính căn bệnh ác hiểm này?

Đã mấy ngày rồi Bá Tĩnh chạy hết nơi này đến nơi khác để tìm thầy thuốc. Nhưng người này mách người khác, không ai dám hứa làm phúc cho dân. Cuối cùng biết được một danh y có thể chữa được căn bệnh thì lại ở tịt trong thái ấp của một vị vương họ Trần. Bá Tĩnh đã lần tìm tới. Nhưng người ta đã xua đuổi Bá Tĩnh như xua đuổi một con vật ghê tởm. Nuốt hận trở về, nhìn những người thân đang đau đớn, chưa biết sống chết thế nào, Bá Tĩnh vô cùng khổ tâm. Chỉ đến lúc khó khăn mới biết được lòng người Bá Tĩnh chua chát nghĩ thầm. Các vị cư quan nhiệm chức, lương cao, bổng hậu, đi một bước dân hầu hạ phục dịch, mà lúc dân gặp cảnh khốn, không thấy ra tay cứu hộ độ trì. Họ bỏ mặc dân lành và nở coi trăm họ như vịt cả

hay sau?

Chao ôi, chỉ có mấy ngày thôi mà Bá Tĩnh gặp biết bao điều ngang trái, tâm hồn Bá Tĩnh trải qua bao nhiêu xáo động! Đáng lẽ giờ này nhà chùa phải gióng chuông và tất cả sư sài, tăng ni đang lặng lẽ thu xếp mọi việc trong ngày để lên chùa nghe thượng tọa thuyết giáo. Tiếng chuông chùa ngân nga, giọng tụng kinh xen lẫn tiếng mõ đều đều ngày nào cũng giống ngày nào ấy, có lúc khiến Bá Tĩnh chán ngán sao lúc này lại đáng nhớ đáng yêu đến thế. Thiếu nó Bá Tĩnh thấy như thiếu một cái gì thiêng liêng dù Bá Tĩnh vẫn thường ít quan tâm đến nó. Chưa bao giờ Bá Tĩnh yêu những cây đại trơ trụi lá cành, yêu những cây huyết dụ mỏng manh sắc lá đỏ tía, nắp dưới những bông mẫu đơn mạch đài các, tinh khiết kia đến thế. Phải rồi ta yêu cả ngôi chùa thâm nghiêm, ngày đêm ánh nến leo lét không đủ soi sáng những bát hương lúc nào cũng lang tỏa mùi thơm đầm ấm siêu thoát. Nhưng yêu cảnh cũng không bằng yêu những con người hiền lành, thủy chung, cùng cảnh ngộ, bao năm cùng sống dưới mái chùa, từng chia sẽ những ngọt bùi, cay đắng. Nhưng đã mấy người chết rồi, mấy người đang lâm bệnh? Lòng Bá Tĩnh càng thêm rối bời vì bất lực, vì tủi hổ. Ta thương các sư sài tăng ni, ta thương những người nghèo khắp chốn Bá Tĩnh bứt dứt thầm nghĩ. Nhưng ta làm gì để thương họ. Ừ nhỉ sao ta chưa bao giờ nghĩ đến điều ấy? Ta vô tâm phụ bạc đến thế sao? Ta khổ học bao lâu để làm gì? Để làm quan mưu vinh hoa phú quý bỏ mặt dân lành như những ông quan vùng này ư? Nếu ta là thầy thuốc? Ừ mà sao ta lại không theo đạo làm thuốc để cứu chữa dân lành? Nhưng nghề thuốc không có địa vị cao sang mà chỉ là một chước thuật, chuyên chép ở ngoài sử. Phải, người ta dùi mài kinh sử suốt đông sang hè đều để làm bậc thang phú quý công danh đâu chỉ để theo làm đạo thuốc. Chẳng lẽ ta cứ chạy theo khoa cử ư? Nếu đỗ đạt thì danh giá và vinh thân thực. Thiếu gì người không phải vương tôn quý tộc do đỗ đạt được bổ làm quan. Và những danh hiệu tam khôi không phải không có lúc làm cho Bá Tĩnh xao xuyến. Không, Bá Tĩnh thấy đời mình gắn bó với những người dân lành, những người từng đùm bọc Bá Tĩnh từ buổi thiếu thời ở ngay trên mảnh đất này. Họ còn đang bị đói cơm nợ nần, tật bệnh lẽ nào Bá Tĩnh lại mưu phú quý, danh lợi riêng mình được. Thậm chí có khi bệnh danh lợi là một bệnh khó chữa hơn cả. Lòng Bá Tĩnh đã quyết: Thi cử chỉ là việc phụ, việc chính là phải học đạo làm thuốc để trị bệnh cứu người.

Có tiếng ồn ào từ căn phòng của Thượng tọa. Bá Tĩnh như tỉnh cơn mê, hốt hoảng chạy tới.

- A di đà phật, Thượng tọa nguy mất một sư thầy nói trong tiếng nấc.

Bá Tĩnh đứng sững giữa gian nhà, đau đớn nhìn Thượng tọa khó nhọc chuyển mình rồi sẽ nói, mắt rớm lệ:

- Con thực vô vụng!

- Tĩnh lại đây. Đột nhiên Thượng tọa tỉnh lại, cố lấy tay ra hiệu, giọng yếu ớt. Mấy ngày nay con vất vả nhiều. Ta thương con lắm. Ta không đẻ ra con nhưng con săn sóc, coi ta như cha vậy. Con là người sáng láng. Con phải trung với đạo, đi theo con đường bác chính để mở mắt, mở trí cho người, khiến cho tin thần người người được bình tĩnh, được thông tỏ, được sáng suốt, được cỏi nát bàn!

- A di đà phật, con sẽ đi theo con đường ấy. Hơn nữa, theo đạo làm quốc để khỏi thấy cảnh đau lòng nầy.

Thượng tọa sáng mắt lên giây lát, gật đầu và định nói đều gì nữa. Nhưng thần chết đã cướp thêm một người thân nữa của Bá Tĩnh.

Đã tự chọn cho mình một nghề cao quý, lại thông minh cần cù, Bá Tỉnh sớm vạch cho mình trình tự công việc và dốc toàn tâm lựcvào việc học. Bá Tỉnh tự thu thập sách thuốc. Nghe nói cuốn nào hay, ở xa mấy Bá Tĩnh cũng lần đến mua cho bằng được. Việc đọc các trước tác... Dược thư pháp và Nội kinh của Hoàng Đế đã đem đến cho Bá Tĩnh những say mê mới. Một lần nữa, Bá Tĩnh am hiểu thêm luật âm dương ngủ hành và rút ra rằng: Aâm dương được thăng bằng thì kín đáo khỏe mạnh, âm dương chênh lệch thì sinh bệnh, dương không đủ thì âm bị bệnh, dương thừa thì phải sốt, âm dương suy kiệt và lìa nhau thì bị chết. Xem thế, bệnh tật có nhiều loại nhưng rút cục đều do sự chênh lệch về thể chất của âm dương thịnh hay suy và cơ năng của khí huyết hư hay thực mà sinh ra. Do đó, phép chữa trị bệnh chính là lấy việc đều hòa âm dương, lấy chính khí áp đảo tà khí, bồi bổ chính khí làm chủ, phối hợp công với phạt. Bá Tỉnh không nhớ rõ đã mất bao nhiêu đêm ngày để đọc rộng biết sâu những đều đã có trong sách vở ấy, nhưng qua việc đọc các sách ấy, cộng với sự suy nghĩ của bản thân mình, Bá Tĩnh thấy rõ nền trung y không thể cứ để nguyên mà dùng cho người Việt được. Lý do vì thể trạng con người, khí hậu, đất đai đều mỗi nơi mỗi khác. Vả chăng, thuốc Bắc xưa nay vẫn là hiếm, chỉ có bọn vương tôn quý tộc và các nhà giàu mới mua dược. Còn người nghèo chẳng những không có thuốc dùng; thảng hoặc, nếu cố chạy tiền chữa khỏi được bệnh thì lại rơi vào cảnh nợ nần, túng thiếu không tài nào dứt được.

Một vấn đề lớn đặt ra cho Bá Tĩnh, thôi thúc Bá Tỉnh đêm ngày suy nghĩ: Người phương Bắc dùng thuốc Bắc thì người phương Nam dùng thuốc Nam và thuốc Nam có thật không linh nghiệm bằng thuốc Bắc không? Giải được khó khăn này chính là giúp cho cả trăm họ lầm than khỏi được tật bệnh bằng thứ thuốc rẻ tiền, dễ kiếm. Hơn thế nữa, mở ra con đường sáng sủa cho ngành thuốc của người Nam, giúp cho các lương y không phải bó tay trước con bệnh có khi chỉ vì thiếu thuốc.

Nghĩa lớn thôi thúc, niềm tin vào sự linh nghiệm của thuốc Nam, khiến Bá Tĩnh làm việc quên cả mệt mỏi và dóc cả tâm trí cho công việc. Bá Tĩnh để tâm tìm hiểu công việc của Thái y viện Trần Anh Tông, đi các nơi sưu tầm những bài thuốc nhân gian, tìm mua những phương thuốc gia truyền và bí truyền. Nghe nói ở đâu có thuốc hay là ở đó có mặt Bá Tĩnh. Bá Tĩnh đã đến rừng thuốc hoang ở Yên Tử (Đông Triều) tận mắt xem vườn thuốc Vạn An, lên núi Nam Tào Bắc Đẩu (Phả Lại) nghiên cứu các loại dược liệu quý. Bằng cả công trình hiện đại công phu, kéo dài trong nhiều năm. Bá Tĩnh thấy rõ một số thầy thuốc tiền bối sùng bái kinh điển, dùng nguyên các phương thuốc bắc để trị bệnh, ít để tâm dùng kinh nghiệm trong dân gian, coi thường dược liệu trong nước là sai lầm, Ngược lại Bá Tĩnh chủ trương "Phải dùng thuốc Nam chữa người, Nam Việt". Bá Tĩnh tiếp tục tìm hiểu dược tính của mỗi loại cây thuốc, phân loại dược liệu, đồng thời xét các bệnh chứng, tìm bệnh nguyên, chọn các phương thuốc, phân biệt rõ kinh trị hay truyền trị ghi chép thành

từng mục rõ ràng cụ thể. Khi những ghi chép đã đầy bằng cả tầm người, Bá Tĩnh tự coi việc theo đạo làm thuốc đã được một nữa. Còn một nữa khác là thể hiện những hiểu biết của Bá Tĩnh vào việc chữa bệnh, tìm ra những vị thuốc mới, định giá trị của từng phương thuốc. Bá Tĩnh biết rằng, phần này là phần quyết định. Người thầy thuốc giỏi hay kém không phải ở chổ biết nhiều phương thuốc, đoán đúng bệnh mà còn phải gia giảm linh hoạt gia giảm từng phương cho từng loại bệnh cụ thể, Bá Tĩnh vừa náo nức vừa lo lắng bước vào thử thách mới.

Bá Tĩnh đã lập nhà trị bệnh ngay tại chùa GiaoThủy. Nhà chùa cũng đã cho Bá Tĩnh cả một khu đất rộng ngay cạnh chùa để trồng các cây thuốc quý. Nhưng người đến chữa mạch xem bệnh ở đây rất ít. Dân chúng đều yêu mến Bá Tĩnh, nhưng Bá Tĩnh vẫn đến các thầy thuốc Bắc. Bá Tĩnh băn khoăn lắm. Có thể do ta mới vào nghề. Bá Tĩnh thầm nghĩ lại chủ trương dùng Nam dược nên dân chúng chưa tin, trong khi ấy, thói sùng bái Trung y, phục thuốc Bắc ăn sâm đến nổi ngay cả những người nghèo, phải vay nợ chữa bệnh họ cũng không ngần ngại. Giữa lúc Bá Tĩnh gặp khó khăn ấy, các thầy thuốc trong vùng vốn cho Bá Tĩnh coi trọng thuốc Nam là điên rồ, có dịp dè biểu, khích bác.

Một vài danh y trong vùng có lần tới chùa Giao Thủy hỏi Bá Tĩnh:

- Tôi nghe nói ngày mở nhà trị bệnh bằnh thuốc Nam to lắm nên tôi xin học hỏi những điều hơn người.

Biết vị danh y nói kháy, Bá Tĩnh thận trọng đáp:

- Thưa ngài, Tôi học vấn sơ sài, vào nghề thuốc chưa lâu cần học hỏi các ngài chứ đâu dám tự cho mình làm cái nghề dạy bảo vô lễ ấy. Vả chăng, không coi nghề thuốc là nghề kiếm sống để chạy theo lợi lộc.

- Ồ, thật quý hóa nhưng cũng phải sống mới làm được thuốc chứ. Xem ra thì nhà chữa bệnh của ngài không có khách vị danh y cười tủm tỉm. Mà không có khách cũng là phải thôi.

- Ngày cứ dạy tiếp.

- Cổ nhân nói: "Đạo làm thuốc như đạo làm tướng". Vậy nên người thầy thuốc không thể dùng mấy thứ lá lẩu lăng nhăng để đùa với tử thần được. Ngày mồ côi sớm, không được học đến đầu đến đũa nên không thấy hết khó khăn, vất vả của đạo làm thuốc đó thôi.

Bị xúc phạm đến cảnh đời tư, Bá Tĩnh cố kìm cơn phẫn nộ, mềm mỏng:

- Xin ngài cứ nói hết lời.

- Cho nên, tôi lấy tình thương xin thành thật khuyên ngài, nghề thuốc khó kiếm sống lắm. Ngài nên chọn nghề khác dễ dàng hơn, hoặc đi theo Trung y; chỉ cần mua trữ thuốc là có lời trông thấy.

- Hóa ra thế Bá Tĩnh mát mẽ nói khi trước nghe lời đồn đại, tôi tưởng ngài tài giỏi lắm. Nhưng nay thì tôi đã rõ. Ngài buôn thuốc nhiều hơn là hành nghề thuốc. Còn tôi, chính vì mồ côi sớm nên tôi không muốn cho ai phải mồ côi như tôi. Tôi

không coi thường thuốc Bắc, nhưng thuốc Bắc sang ta ít, nó lại nằm trong nhà các ngài, trăm họ không phải ai cũng lo đủ tiền để mua được. Ngài có thuốc bắc, tôi có thuốc nam. Thuốc nam chữa người nam sao lại không dùng được? Tôi không ngờ trong đạo làm thuốc cũng có lối luồn cúi, lệ thuộc như thế.

Sau chuyện ấy, Bá Tĩnh suy nghĩ nhiều lắm. Nhưng cũng từ va chạm đó, Bá Tĩnh càng quyết đi sâu học hỏi hơn nữa. Dân chúng ít đến xem bệnh thì ta đi xem bệnh cho dân chúng Bá Tĩnh nhẫn nhục quyết định vì vậy, nghe nói trong vùng nhà nào có người đau ốm, Bá Tĩnh đều lần tới tìm cách cứa chữa không lấy tiền. Một lần nghe nói cuối làng có đứa bé bị hóc, uống thuốc bắc không khỏi, Bá Tĩnh đến xem bệnh và chỉ cho nuốt hai cục mỡ lợn là khỏi hẳn. Gia đình đứa bé cảm cái đức của Bá Tĩnh, rối rít cám ơn và nằng nặc tạ lại đôi gà thiến, nhưng Bá Tĩnh quyết định không lấy. Một lần khác, Bá Tĩnh cũng tự tìm đến chữa khỏi bệnh sản hậu cho một thiếu phụ trẻ bằng hoa kinh giới và hạt đào nhân, sau khi gia đình này đã mang nợ vì chạy thuốc.

Tuy thế, những cố gắùng của Bá Tĩnh không phải một lúc đã chinh phục được lòng tin của dân trong vùng. Nhiều người nghèo vẫn đi vay nợ dể chạy thuốc bắc, chứ chưa chịu tin vào những vị thuốc nam rẻ tiền dễ tính của Bá Tĩnh. Ta muốn làm phúc cho muôn họ Bá Tĩnh buồn rầu tự nhủ mà làm phúc cũng không dễ được tin.

Trong lúc đang băn khoăn, Bá tĩnh được tin năm sau vua Trần Duệ Tôn mở khoa thi đình lấy tiến sĩ. Nhớ lại lần va chạm hôm nào và cảm thấy nếu đỗ đạt cao, con đường làm thuốc sẽ dễ dàng hơn, nên Bá Tĩnh quyết định đi thi. Từ đấy, ngoài việc chữa bệnh cho dân, chăm bón cây thuốc trong vườn chùa, Bá Tĩnh ngày đêm sôi kinh nấu sử chờ khoa thi.

Bá Tĩnh cùng các tân khoa tiến sĩ đang chuẩn bị lên ngựa đi diễu xem các phố xá Thăng Long, thì được lệnh vua vời đến. Trên đường tới cung vua, phải đi ngang qua nơi mà ban sáng vừa thiết đại triều làm lễ truyền lô, lĩnh mũ áo, nhất là qua dinh bộ lễ vừa mới tan tiệc yến, Bá Tĩnh càng thêm hồi hộp.

Vừa trông thấy vua Duệ Tôn ngồi trên bệ rồng giữa hai hàng văn võ đại thần, Bá Tĩnh vội quỳ xuống thi lễ.

- Hoàng thượng cho bình thân viên quan nội giám nhắc Bá Tĩnh rồi bảo Bá Tĩnh tiến lên.

- Trẫm nghe nói vua Trần Duệ Tôn cất tiếng hỏi khanh từ chỗ khổ học mà đỗ được tiến sĩ, như vậy là rất đáng khen. Trẫm cũng nghe nói lâu nay khanh dầy công nghiền ngẫm đạo làm thuốc và thu góp được nhiều phương thuốc hay, việc ấy đến đâu?

- Muôn tâu hoàng thượng Bá Tĩnh đáp thần sống ở nơi thiên dã, thương dân lành ốm đau tật bệnh nên để tâm tới việc học thuốc đã lâu. Nhưng thần chỉ chuyên chú về thuốc Nam và các phương thu thậïp được tuy nhiều nhưng chưa biết công hiệu thực hư ra sau!

- Trẫm muốn cho khanh làm quan ngự y. Chẳng hay ý khanh ra sao?

Bá Tĩnh lo lắng:

- Muôn tâu hoàng thượng, được hoàng thượng giao phó cho việc lớn, thần xin rập đầu lạy tạ, đâu dám từ chối ø. Nhưng ngặt vì thần tài hèn sức mọn lại chuyên tâm Nam dược, chỉ hơn trong việc trị bệnh cho lương dân.

Vua nghĩ thầm: Lời đồn đại về đức rộng của Bá Tĩnh quả không ngoa, con người này lúc nào cũng nghĩ đến dân lành. Tuy thế, vua chỉ nói:

- Trẫm hỏi ý Khanh là để minh chứng cho lòng trẫm yêu quý Khanh chứ trẫm đâu nỡ ép. Và, biết chăm lo cho thần dân cũng là lo cho tính mạng của trẫm rồi. Khanh có cần trẫm giúp đỡ gì không?

- Được hoàng thượng khích lệ nhìn tới, thần chỉ biết gắng công để báo đền.

- Sau đó, Bá Tĩnh lại họp mặt với các bạn đồng khoa. Ai cũng tiếc cho Bá Tĩnh để lỡ một dịp được quyền cao chức trọng. Nhưng Bá Tĩnh chỉ cười mà không trả lời.

Nhân dân vùng Giao Thủy nô nức đi đón vị tân khoa tiến sĩ theo nghi lễ, với tất cả lòng tự hào của họ. Biết Bá Tĩnh không ra làm quan theo ý vua, mà trở về theo đạo làm thuốc, khiến cho ai nấy càng thêm yêu mến và kính trọng. Còn Bá Tĩnh, Bá Tĩnh cũng không ngờ việc đỗ đạt của mình đã đem lại uy tín và lòng tin của trăm họ đến thế. Bá Tĩnh không bao giờ quên được ánh mắt tỏ rõ lòng ngưỡng mộ của dân chúng hôm Bá Tĩnh từ kinh trở về. Bá Tĩnh càng hài lòng về quyết định không ra làm quan của mình. Phải đúng với lòng thương yêu của muôn họ Bá Tĩnh tự nhủ. Và từ hôm trở về, Bá Tĩnh lại dốc sức vào việc trị bệnh, trồâng thuốc và tiếp tục thu nhập những phương thuốc quý trong dân gian.

Một hôm Bá Tĩnh đang loay hoay tưới cho những cây thuốc trong vườn chùa thì mấy vị danh y trong vùng đến gặp Bá Tĩnh. Vừa bước vào nhà thuốc, Bá Tĩnh sửng sốt nhận ra một gương mặt quen. Bá Tĩnh chưa kịp nhớ ra, người ấy đã đến với Bá Tĩnh nói:

- Chúng tôi xin có lời mừng ngài tân khoa tiến sĩ.

- Xin đa tạ tấm lòng các ngài. Nhưng các ngài hiểu giùm, đi thi không phải là một chủ định lớn của tôi, cũng chỉ là vì để đạo làm thuốc được dễ dàng mà thôi.

- Ngài vẫn chưa bỏ lỗi cho tôi!

- A, hóa ra là ngài. Bá Tĩnh sững sờ khi nhớ ra vị danh y khi trước đã đến khích bác mình. Tôi đâu để bụng những chuyện ấy.

Vị danh y đỏ mặt bừng, nói:

- Khi trước, chúng tôi có nhiều lầm lẫn, tưởng ngài là người ít học. Nay mới biết là bậc tài năng lỗi lạc chúng tôi không thể nào theo kịp. Chúng tôi đến tạ lỗi và xin nhập môn với ngài và để ngài tùy ý say sai bảo.

Ra họ sùng bái khoa bảng. Bá Tĩnh nghĩ thầm. Nhưng vốn là người rộng lượng, Bá Tĩnh lộ rõ vẻ mừng rỡ:

- Các ngài quá khen. Nhưng được các ngài chung lưng đấu cật thì môn thuốc

Nam của người Nam ta chẳng mấy chốc phát đạt.

Có người tự nguyện đến giúp sức, bệnh nhân đến chữa bệnh ngày một đông, Bá Tĩnh thấy rõ cần phải mở rộng quy mô nhà trị bệnh, và bằng thực tế việc chữa bệnh để tìm ra những phương thuốc hay, những vị thuốc mới, ý nghĩa mở lớp học Đông y và viết bộ sách chỉ dẫn các phương pháp đề phòng và chữa bệnh bằng thuốc Nam sẵn có, rẽ tiền dễ kiếm, cùng các phép ngoại khoa đơn giản và tiện dụng, như xông hơi, chườm cứu, nắn bó, đắp thịt thuốc, thổi thuốc để thông quan khai khiếu đã thôi thúc Bá Tĩnh làm việc say sưa không biết mệt. Và, để có danh nghĩa sắp đặt công việc, Bá Tĩnh quyết định đi tu.

Quyết định đi rồi trở thành sư chủ trì chùa Giao Thủy, đã tạo điều kiện cho Tuệ Tĩnh dễ dàng mở rộng công việc từ thiện và điều khiển các tăng đồ theo ý mình, tăng đồ trong vùng hết đợt này đến đợt khác đến chùa Giao Thủy để học làm thuốc. Thực tế giảng dạy đòi hỏi Tuệ Tĩnh cần phải viết gấp bộ Hồng nghĩa giác tư y thương, nhằm ghi lại những lý luận đơn giản về y học và được học để các tăng đồ biết để chuẩn đoán bệnh và cách phân tích gia giảm các phương thuốc nhất là việc chọn lọc các vị thuốc thích dụng.

Nhờ đào tạo được nhiều tăng đồ am hiểu y học, được học, lại được nhân dân hết lòng hưởng ứng, Tuệ Tĩnh đã đi khắp đó đây, điều khiển việc thường bổ hai mươi bốn ngôi chùa khác nhau. Tại những ngôi chùa này, Tuệ Tĩnh lo việc trồng thuốc, kiếm thuốc, chế thuốc vừa để chữa bệnh giúp dân vừa để nghiên cứu trên lâm sàng và truyền bá rộng rãi cho nhân dân ứng dụng. Không nơi nào có bệnh khó, bệnh lạ lại không có mặt Tuệ Tĩnh. Không có bệnh nguy hiểm nào, Tuệ Tĩnh lại ngừng ngại từ nan. Tuệ Tĩnh đã dành tất cả tài năng, và tình thương chăm sóc người bệnh. Đối với Tuệ Tĩnh, uy quyền, danh lợi, giàu nghèo, sang hèn không ảnh hưởng đến thái độ chăm sóc. Hơn thế nữa, Tuệ Tĩnh dành sự đối xử ân cần đặt biệt cho người nghèo. Kể rằng có lần một quý tộc trong vùng cho con đến mời Tuệ Tĩnh vào tư dinh để xem bệnh đau lưng cho mình. Tuệ Tĩnh sắp sửa đi thì đột ngột một cặp vợ chồng nông phu miếu máo khiêng đến nhà bệnh của Tuệ Tĩnh, đứa con bị ngã gãy đùi. Tuệ Tĩnh xem mạch cậu bé rồi bảo người con nhà quý tộc:

- Anh về thưa cụ nhà rằng tôi sẵn lòng đi, nhưng ngặt vì bận cứu chữa chú bé này.

Con nhà quý tộc sửng sốt:

- Xin ngài đến đằng dinh tôi trước. Bọn gia nô đã đem võng cáng đợi sẵn ở ngoài kia.

- Không, Tuệ Tĩnh phác một cử chỉ dứt khoát, ta phải chữa cho chú bé này. Nếu chậm tất có hại.

Tuệ Tĩnh bắt tay ngay vào việc không chú ý đến thái độ hậm hực của nhười con nhà quý tộc. Qua gần trọn buổi, bằng những thứ thuốc Nam dễ kiếm, Tuệ Tĩnh đã cứu được đứa bé con nhà nông phu. Nhìn cậu bé đã được bó chân nằm ngoan ngoãn trên giường bệnh, Tuệ Tĩnh thở phào nhẹ nhõm.

Vợ chồng người nông phu tiến đến trước mặt Tuệ Tĩnh, cảm động nói:

- A di đà phật! Nếu không có y sư ra tay cứu giúp, tính mạng cháu khốn mất. Ơn này biết lấy gì đền đáp được!

- Người nghèo cứu giúp nhau lúc hoạn nạn, sao ông bà lại nói ơn với huệ? Thôi, ông bà yên tâm mà về, chỉ một tuần trăng chú bé sẽ đi lại như thường.

Trời gần tối, như chợt nhớ ra cần phải đến xem bệnh cho người quý tộc đến mời từ trưa, Tuệ Tĩnh vội gọi một tăng đồ đi theo, không kịp cả cơm nước.

Cùng với sự tận tụy chữa bệnh của Tuệ Tĩnh, môn thuốc Nam ngày càng có uy tín và được truyền bá rộng rãi không ngờ. Nhiều gia đình tự trồng thuốc và tự chữa lấy những bệnh đơn giản. Cần phải truyền đạt lại kinh nghiệm cho tất cả mọi nhà một cách rõ ràng rành mạch. Nghĩ vậy nên mặc dù mới biên soạn xong bộ "Hồng nghĩa giác tu y thư", Tuệ Tĩnh cần nghĩ ngơi dưỡng sức, nhưng do nhu cầu thôi thúc, Tuệ Tĩnh lại say sưa bắt tay vào soạn bộ"Nam dược thần hiệu" bộ sách mà Tuệ Tĩnh thai nghén từ lâu, tài liệu thu thập cho nó bắt đầu từ mười năm trước.

Bằng năm trăm tám mươi vị thuốc Nam, mười khoa chữa bệnh tổng hợp, ba ngàn tám trăm bảy mươi ba phương thuốc dân tộc ứng trị cho một trăm tám mươi bốn loại bệnh mà Tuệ Tĩnh đã dày công nghiên cứu, thể nghiệm qua thực tế chữa bệnh, Tuệ Tĩnh đã công phân ra từng loại bệnh chi tiết để biên soạn. Trong mỗi loại bệnh, Tuệ Tĩnh nêu rõ nguyên nhân, bệnh lý phương pháp trị liệu rồi tổng hợp các nghiệm phương cổ truyền, ứng theo triệu chứng.

Đến khi đưa hai bộ sách cho tăng đồ đóng, xén, Tuệ Tĩnh bàng hoàng thấy từ ngày bắt đầu viết đến lúc hoàn thành thoắt đã chính năm trôi qua, Tuệ Tĩnh đọc lại từng trang sách và hài lòng vì mỗi một loại bệnh, Tuệ Tĩnh đã ghi được nhiều phương thuốc điều trị và mỗi một phương thuốc ấy, đều là những kết quả rút ra từ thực tế chữa bệnh.

Nhân dân vùng Giao Thủy vô cùng tự hào về người ân nhân tài năng lỗi lạc của họ. Cái tên "Tuệ Tĩnh" đã trở thành niềm tin của họ trong đời sống hàng ngày và cả trong ước mơ. Nơi nào Tuệ Tĩnh từng đi qua, nơi ấy nhắc nhở tới công ơn và nuôi mãi hình ảnh củaTuệ Tĩnh. Nhiều danh y nghe biết về quy mô bộ sách đã lặn lội tìm đến chùa Giao Thủy xin xem cho bằng được. Trong số họ, có người trở về đã lập bàn thờ sống Tuệ Tĩnh để tỏ lòng khâm phục về đức độ và tài năng của nhà đại danh y.

Tiếng vang của bộ sách và phép trị bệnh giỏi của Tuệ Tĩnh đến tai vua Trần, truyền sang cả nước Ngô. Còn Tuệ Tĩnh, lúc ở chùa này khi đến chùa khác vẫn đang dốc toàn tâm lực vào việc chuyển hoa việc phúc, khởi tử hồi sinh cho muôn dân.

Ba tên lính cấm vệ đeo kiếm đang phóng ngựa chạy như bay về phía chùa Giao Thủy. Vượt qua cầu, rẽ vào chùa, đột nhiên chúng cho ngựa chạy chậm lại. Tên lính đầu nói:

- Nhà vua đã dặn rõ, y sư Tuệ Tĩnh được lòng dân lắm nên không được trùng trình, lỡ hỏng việc.

- Phải bắt đi ngay chiều nay sao? Tên lính thứ hai hỏi lại.

- Chứ để lại qua một đêm, nhỡ có chuyện gì thì sao?

Tên lính đi thứ bằng lúc này mới lên tiếng:

- Sao vua ta không bãi cái lệ cống người này đi nhỉ. Nghe nói nhà Ngô bắt vua ta phải nộp hai mươi người có tài khéo, nghề tinh. Trong số ấy, chúng ghi đích danh y sư Tuệ Tĩnh.

- Thôi đấy, đừng có nhiễu sự. Mất đầu như chơi.

Tới chùa Giao Thủy, ba tên lính xuống ngựa, tiến thẳng vào chùa.

- Y sư Tuệ Tĩnh có ở đây không? Tên lính đi đầu hỏi chú tiểu khi chú này hớt hải chạy ra.

- Bẩm ngài, y sư của chúng tôi đang ở dưới vườn thuốc.

- Gọi ngay về đây, ta có việc cần.

Một lúc sau Tuệ Tĩnh và các sư sãi, tăng ni bước tới trước mặt ba tên lính.

- A di đà phật! Chúng tôi cần gặp y sư Tuệ Tĩnh.

- Chính ta là Tuệ Tĩnh đây, Tuệ Tĩnh khảng khái trả lời, các ngươi có việc gì cần?

- Có chiếu chỉ của hoàng thượng mời y sư về kinh ngay, tên lính quỳ xuống nâng tờ chiếu.

Tuệ Tĩnh mặt biến sắc nhưng vẫn đón lấy tờ chiếu theo đúng lễ:

- Có chuyện gì thế này? Tuệ Tĩnh hỏi, sau khi đọc xong tờ chiếu.

- Chúng tôi chỉ tuân theo lệnh nhà vua, vẫn tên lính lúc nãy trả lời.

- Các ngươi có thể thư cho sáng mai được không? Quần áo ta lấm láp thế này đi ngay sau tiện.

- Nhà vua truyền phải đi ngay. Vả trời cũng đã về chiều rồi. Đây là ngựa của y sư, tên lính giọng hơi sẵng, chỉ vào con ngựa đã được dắt tới.

Đột nhiên một tiếng nấc bật lên trong đám sư sãi, tăng ni, rồi nhiều người cùng khóc. Tuệ Tĩnh gượng cười quay lại an ủi:

- Ở hiền gặp lành. Ta đi rồi ta về, việc gì mà khóc.

Nói rồi không đợi tên lính giục, Tuệ Tĩnh lên ngựa phóng đi trước.

Ra khỏi chùa, Tuệ Tĩnh bảo mấy tên lính.

- Ta không tiếc thân ta. Nhưng thiếu ta các tăng đồ của ta khó mà chữa khỏi tất cả các bệnh nhân đang được cứu chữa, ngừng lại nén xúc động, Tuệ Tĩnh tiếp, Ta tiếc rằng ta phải đi sớm quá. Ta còn bao nhiêu việc cần phải làm. Ta cũng chưa kịp bàn soạn, giao phó công việc cho các tăng đồ của ta.

Ngựa đã phóng qua khỏi địa phận chùa Giao Thủy. Bất giác Tuệ Tĩnh quay lại

ngắm nhìn ngôi chùa lần chót. Ba tên lính bỗng mủi lòng khi thấy ở khuôn mặt phúc hậu nhưng cứng cỏi của nhà đại danh y, đã đầm đìa nước mắt. Nhưng Tuệ Tĩnh đã phóng ngựa đi, vì từ phía ấy Tuệ Tĩnh thấy các sư sãi, tăng ni đang tất tả chạy theo, hình như họ đang khóc. Tuệ Tĩnh khẽ thở dài rồi dùng vạt áo nâu sồng lau khô những dòng nước mắt. Ta lau những dòng nước mắt cuối cùng, Tuệ Tĩnh thì thầm với mình hình như chùa Giao Thủy đã khuất từ lâu rồi.

Nguyễn Biểu

Cuối mùa hạ. Gió đông nam từ biển Đông quạt mát rượi vào đất liền cũng không xua hết cái nóng chiều hừng hực. Hành tung của Trần Trùng Quang im lìm náo trong một vùng gần như hoang vắng. Từ Nghệ An rút vào đây, vua Trần hy vọng có thể nhóm lại lực lượng, rồi từ căn cứ cực nam của đất nước, tung quân đi dẹp bọn xâm lược nhà Minh, rửa hận cho thần dân, dựng lại cơ nghiệp nhà Trần.

Chiếm giữ được Nghệ An, quân số trong tay còn độ bằng, bốn phần mười, lực lượng khó khăn, cho nên trước sức tấn công ồ ạt của quân xâm lược do Trương Phụ và Mộc Thạch chỉ huy, nhà vua đã cùng bầy tôi chạy vào vùng đất Hóa Châu xa xôi này. Lao đao lận đận nhiều phen vì sự nghiệp chống giặc, trong lúc tình thế lại ngày càng bất lợi, hôm nay nhà vua mở triều hội bất thường để bàn việc hệ trọng. Bên trong hoàng cung Trần Trùng Quang ngồi trên sập. Trước mắt nhà vua là quần thần. Trong đám bầy tôi trung thành của nhà vua người ta thấy mặt Thái bảo Nguyễn Cảnh Dị, Thái phó Nguyễn Súy, Đồng bình chưởng sư Đặng Dung, Điện tiền thị ngự sự Nguyễn Biểu...Nhà vua nhìn quần thần ngặp ngừng. Sau một hồi đắn đo, vua Trần Trùng Quang dè dặt:

- Vì nạn nước, các ngươi cùng ta sống chết có nhau. Khi lênh đênh trên sóng biển, lúc lặn lội núi rừng, ai cũng một lòng lo đáp đền nợ nước. Vua Minh quỷ quyệt, bề ngoài mượn tiếng diệt nhà Hồ lập lại nhà Trần, còn hạ chiếu khuyên răng, vỗ về, mua chuộc lòng người nhưng bên trong thì tìm cách diệt con cháu nhà Trần, tàn sát những ai chống lại chúng, mưu toan cướp nước ta. Cũng có kẻ cam tâm làm tôi tớ cho giặc, mong có dịp trả thù. Trong tình thế ấy mà chúng ta bây giờ thì quân ít lương thực không đủ. Nhân Minh Thành tổ vẫn rêu rao tìm kiếm con cháu nhà Trần, ta muốn tương kế tựu kế, dâng biểu cầu phong để hòa hoãng tình thế, có thời gian cũng cố lực lượng đối phó với giặc?

Tiếng nói của nhà vua trầm trầm, nhỏ dần rồi dừng lại. Các bầy tôi cúi đầu, yên lặng. Không phải vì sợ gặp giặc, mà ai cũng nghĩ đến quyết định của nhà vua liệu có xoay chuyển được tình thế hay không?

Trong lúc các tướng lĩnh đang suy tính đến một cuộc chiến đấu sống mái nay mai sẽ diễn ra trên vùng đất Hóa Châu này, thì một văn quan gầy gò mảnh khảnh, tóc đã lóm đóm bạc, ngửng đầu chắp tay chậm rãi:

- Muôn tâu hạ thần xin được đem ba tất lưỡi để báo đền nợ nước.

Mọi con mắt điều dồn về con người có giọng nói sang sảng, chậm rải và chắc nịch. Đó là Điện tiền thị ngự sử Nguyễn Biểu, nổi tiếng là người cương trực, đã đỗ thái học sinh, quê ở Bình Hồ, huyện Chi La, phủ Nghệ An. Con người ấy đã từng có mặt ở triều đình nhà Hậu Trần ngay từ ngày đầu của công việc chống giặc...

Bên trong hành cung vừa mới dựng vội, mọi người chìm trong suy tư, như nắng chiều đang đổ xuống miền biên viễn xa xôi cằn cỏi.

Sau mấy ngày dừng lại ở quê nhà để bái yết tổ tiên, Nguyễn Biểu dẫn đoàn tùy tòng rời làng Bình Hồ từ sáng sớm.

Ngồi trên lưng ngựa, Nguyễn Biểu đưa mắt nhìn về hướng đông nam Hóa Châu thăm thẳm. Nguyễn Biểu thầm nghĩ không biết lúc này nhà vua và triều đình đang làm gì? Chắc chắn mọi người đang mong đợi tin của sứ giả. Lúc chia tay nhà vua, Nguyễn Biểu đã gởi gấm nỗi lòng của mình trong bài thơ họa:

"Tiếng ngọc từ vân trước bệ hoa

Ngóng tai đồng vọng thuở âu ca

Đường mây vô kỷ lần lần trải

Ải tuyết cờ mau thức thức pha

Há một cung tên lần chí trẻ

Bội mười vàng sắt đúc gan già

Hổ mình vả thiếu tài chuyển đổi

Dịch lộ ba ngàn dám quàn xa".

Lúc này, mỗi bước một xa quê hương, Nguyễn Biểu cảm thấy lòng nặng trĩu. Trên đất Chi La này, năm năm về trước, Nguyễn Biểu đã cùng các chiến hữu tôn nhà vua lên ngôi và tự nguyện đứng dưới cờ dấy nghiệp cứu nước. Cũng trên dải đất này, hôm nay cảnh vật đã trở nên điêu tàn, xơ xác dưới lưỡi gươm của giặc. Ôi! Quê hương đất nước! Vì quê hương đất nước, Nguyễn Biểu xin hiến dâng cả cuộc đời. Và giờ đây Nguyễn Biểu đang ung dung đi vào thành giặc mà không phải không biết rằng mình đang nhận một trọng trách.

Nguyễn Biểu nhớ rất rõ mấy năm trước, nhà vua đã từng sai Hành khiển Nguyễn Nhật Tư và thẩm hình Lê Ngân sang nhà Minh, hai người này đã bị giặc hạ ngục rồi giết chết. Năm Tân Mão (1411) lại đến lượt Hành khiển Hồ Nghiện Thần và Thăm hình Bùi Nội Ngôn sang Yên Kinh Hai người này về nước, nhưng vì hèn kém không giữ được quốc thể nên Hồ Nghiện Thần đã bị chết nhục. Phen này đến lượt mình. Trong lúc giặc như hổ đói, Nguyễn Biểu dùng lời nói để cản thế giặc, để nhà vua và triều đình có thời gian cũng cố lực lượng, đủ sức quét chúng ra khỏi bờ cõi.

Sự thể rồi sẽ ra sao, chưa biết được. Nhưng Nguyễn Biểu tin chắc rằng dãy Hùng Lĩnh kia, dòng sông Lam cùng với dải này sẽ mãi là con cháu mai sau.

Mãi suy nghĩ, Nguyễn Biểu không để ý đến điếm canh của giặc trên bờ sông Lam đã hiện ra trước mắt.

Tên lính canh thấy đoàn người nghi vệ đường hoàng ung dung đi trên đường cái cũng lấy làm lạ. Không dám thét lác, hắn cắp giáo đứng hỏi:

- Các ngài ở đâu đến?

Nguyễn Biểu dừng ngựa. Viên quan tùy tùng đứng lên quát bảo:

- Sứ giả của nhà vua đến Thành Sơn yết kiến Trương tổng binh.

Đoàn sứ giả thúc ngựa lao xuống bãi cát trãi dài im lìm dưới nắng sớm. Tên lính ngơ ngác nhìn theo. Nhe nói đến nhà vua lại thấy nói gặp Trương Phụ, hắn rụt đầu, không dám đòi tiền mãi lộ như hắn vẫn thường làm đối với khách qua đường.

Đứng trên đò, Nguyễn Biểu nhìn dãy thành lũy đá hiện ra ngoằn ngoèo trên núi. Đường ngang ngõ dọc vùng này đối với Nguyễn Biểu không xa lạ.

Trong những năm tháng lăn lộn vì việc nước, Nguyễn Biểu đã từng đặt chân khắp vùng đồi núi này. Hai tháng trước đây, vùng núi non thấp nhỏ này còn là nơi đồn trú của quân triều đình, bây giờ đã trở thành sào nguyệt của giặc. Từ khi chiếm được một phần đất Nghệ An Trương Phụ đã biến nơi đây thành dinh lũy của chúng. Hằng ngày chúng cho quân lính đi lùng sục, bắt nhân dân quanh vùng nộp người của và gây ra bao nhiêu tai họa, tang tóc. Nhìn bầy người đói rách đang cật sức khuân đá đào hào ở lưng núi dưới roi vọt của giặc, Nguyễn Biểu rất đau lòng. Nghẹn ngào và câm giận, Nguyễn Biểu ước chi trong tay có binh hùng tướng mạnh quét sạch lũ giặc tàn bạo để rửa nhục cho giống nòi. Nhưng lúc này Nguyễn Biểu chỉ đến đây với đoàn tùy tùng ít ỏi, không có vũ khí mà chỉ có một tờ biểu cầu phong và mấy hòm cống phẩm!

Sang sông, Nguyễn Biểu lặng lẽ dẫn đoàn tùy tùng về phía cổng thành. Từng toán giặc nghênh ngang đi trên đường ngơ ngác nhìn đoàn người lạ mặt. Chúng không biết rằng đây là những người thề không đội trời chung với chúng, nhưng vì việc nước phải dấn thân vào sào huyệt của giặc. Vượt qua đoạn đường dóc thoai thoải, Nguyễn Biểu dừng ngựa. Đoàn tùy tùng chờ lệnh. Suốt dọc đường từ Chi La đến đây, bây giờ đứng trước thành giặc họ mới thấy quan Ngự họ Nguyễn lên tiếng. Đưa mắt nhìn về phía cổng thành, vẫn giọng nói chắc nịch và chậm rãi, Nguyễn Biểu nói với mọi người:

- Đã đến thành giặc, các người phải cẩn thận, chỉ làm việc theo lệnh của ta. Phải tỏ cho giặc biết rằng ta không sợ chúng, kẻ nào hèn nhát ta sẽ nghiêm trị.

Gần gũi quan Ngự sử, lại cùng đi với nhau hàng nữa tháng ròng, mọi người càng hiểu thêm thêm vị sứ giả của nhà vua. Quan Ngự sử ít nói, nhưng mỏi khi đã lên tiêng về việc gì thì thái độ rất kiên quyết đến nhà vua cũng phải kính nể ông. Cũng chính vì thế, nhà vua đã cử ông đi thương thuyết với tướng giặc. Nhìn đôi mắt sáng ngư sao, nổi bật trên khuôn mặt gầy gầy khổ của quan Ngự sử, mọi người cuối đầu vâng lệnh.

Ngồi đợi lâu trong quán địch, Nguyễn Biểu sốt ruột đứng dậy bước ra hàng hiên, nhìn theo con đường đá rộng dẫn thẳng vào trại trung quân. Trên khu đất rộng rãi nhưng cằn cõi nhiều dãy nhà thấp lè tè tụ thành từng khóm. Nổi bật lên là hai ngôi

nhà đồ sộ mái cong, ngói đỏ tươi. Nguyễn Biểu đoán đây là hành dinh của Trương Phụ. Thấp thoáng ở đằng xa, từng đoạn thành đá màu xam xám nối nhau vây bọc. Cả tòa thành vừa mới dựng, mặt đất còn nham nhở, ngổn ngang gạch đá, đang quằn quại dưới nắng hè gay gắt. Từng bầy lính giặc mặt đỏ gay, gào thét nối nhau kéo ra cổng thành. Nguyễn Biểu châu mày trở về chỗ củ. Một viên ngụy quan quần áo chỉnh tề bước vào vái chào Nguyễn Biểu:

- Kính thưa ngài, quan Tổng binh xin mời ngài vào yết kiến.

Không trả lời, Nguyễn Biểu đứng dậy. Như đội quân ra trận, đoàn tùy tòng răm rắp bước theo. Tên ngụy quan ngăn lại:

- Không được, tôi được lệnh mời một mình ngày.

Nguyễn Biểu quắc mắt:

- Sao? Ngươi có mang được cho ta những hòm phẩm vật này không?

Tên ngụy quan cúi đầu. Nguyễn Biểu chọn hai người đi theo mình. Những người ở lại nhìn theo quan Ngự sử, lo ngại.

Không đợi tên ngụy quan dẫn đường, Nguyễn Biểu sửa lại khăn áo, khoan thai đi thẳng vào hành dinh của Trương Phụ. Đi giữa hai hàng lính cắp gươm đứng thị uy, Nguyễn Biểu bước lên thềm. Trong dinh, Trương Phụ ngồi ngả mình trên kỷ, đặt chân trên vai hai nữ tỳ quỳ lom khom. Bộ võ phục dát đồng làm cho thân hình của hắn nhìn bề ngoài như pho tượng. Nguyễn Biểu đến trước mặt Trương Phụ, đứng thẳng người, cất giọng sang sảng:

Điện tiền thị Ngự Sử Nguyễn Biểu tôi kính chào ngài tổng binh.

Trương Phụ không động đậy. Hắn đưa mắt liếc nhìn viên ngụy quan đang chắp tay đứng hầu phía bên tả. Tên ngụy quan vội lên tiếng:

- Thưa ngài, yết kiến quan tổng binh mà không quỳ lạy, tôi e ngài làm cho quan nổi giận.

Lúc này Nguyễn Biểu mới nhìn kỹ mặt tên ngụy quan. Chẳng phải là ai xa lạ, chính là Phan Liêu, con Phan Quý Hựu. Thái Bảo của nhà Trần đã đầu hàng giặc. Nay Quý Hựu chết, Phan Liêu được Trương Phụ cho thay cha giữ chức tri phủ Nghệ An. Nhận ra mặt tên bán nước, Nguyễn Biểu quắc mắt:

- Thì ra ông cũng có mặt ở đây à?

Giá như lúc khác Nguyễn Biểu đã vạch mặt bán nước của hắn. Nhưng lúc này, đến đây để đối mặt với Trương Phụ, Nguyễn Biểu nén giận nói cho hắn biết:

- Trương tổng binh là bầy tôi của vua Phương Bắc, ta là bầy tôi của vua Phương Nam. Cùng là bầy tôi cả, cớ sao ta lại phải quỳ lạy?

Nói xong Nguyễn Biểu đưa mắt cho hai người tùy tòng đem hòm lễ vật và tờ biểu cuốn trong hộp sơn son thiếp vàng ra mắt Trương Phụ rồi nói thẳng với tướng giặc:

- Thưa ngài, tôi được lệnh của nhà vua đến dâng ngài chút phẩm vật và nhờ ngài

chuyển đệ đến Minh Thành tổ tờ biểu cầu phong của vua nước tôi.

Trương Phụ trừng mắt nhìn. Nguyễn Biểu bước lại trước kỷ phía bên phải án thư, ngồi thẳng người, tì tay trên thành ghế.

Như một con hổ đói, Trương Phụ nổi giận, đạp chân chồm dậy. Hai người nữ tỳ ngã choài dưới chân hắn lóp ngóp bò dậy, lặng lẽ lùi vào một góc nhà. Trương Phụ quát hỏi:

- Vua nhà ngươi là ai?

- Thưa ngài, ngài lại không biết vua Trần Quý Khoáng, cháu Trần Nghệ Tông, lên ngôi từ năm Kỷ Sửu hiệu là Trùng Quang. Vua nước tôi đã từng gặp ngài và quân tướng của ngài ở Bình Than tháng bảy năm Kỷ Sửu, rồi lại gặp ở Hồng Châu, Bình Than tháng năm năm Canh Dần, ở Hải Đông, Vân Đồn tháng tư năm Quý Tị và mấy tháng trước đây ở trên đất Nghệ An này!

Tên tướng giặc hất đầu, phá lên cười man rợ. Lông mày dựng ngược, Trương Phụ tiến lại hỏi Nguyễn Biểu:

- Vua nhà ngươi ở đâu, sao không đem đầu đến nộp mạng?

Thấy thái độ hách dịch hùng hổ của tướng giặc, hai lực sĩ tùy tòng xích lại đứng phía sau quan Ngự sử. Nguyễn Biểu quay lại khoát tay:

- Ta cho các ngươi lui ra, đợi ở quán dịch. Rồi bình thản trả lời Trương Phụ:

- Vua nước tôi đang ở Hóa Châu, vì bận việc nước nên mới sai tôi đến gặp ngài.

Trương Phụ gật đầu, hắn cầm ngang thanh kiếm, chỉ vào các binh khí treo hai bên tường, nói với Nguyễn Biểu:

- Ta sẽ dùng các vật này để nói chuyện với vua tôi nhà ngươi.

Nguyễn Biểu im lặng. Binh khí sáng lòe, thái độ hung hãn của tên tướng giặc có gì lạ đối với Nguyễn Biểu, đáng lạ là những hình trang trí kỳ quái trên tường. Nhìn kỹ, thì ra những hình ấy sắp bằng tai người!. Khi nhận ra điều đó, Nguyễn Biểu trừng mắt nhìn Trương Phụ. Trước mặt Nguyễn Biểu, tên tướng giặc không còn là người nữa. Đúng là một con ác thú. Trương Phụ tưởng dùng những đồ binh khí, những vòng tai người có thể làm cho sứ giả vua Trần run sợ. Nhưng Nguyễn Biểu vẫn không thay đổi sắc mặt. Đáp lại thái độ hống hách của tướng giặc, Nguyễn Biểu ung dung chậm rãi:

- Thưa ngài năm Đinh Hợi, ngài vâng lệnh vua sang nước tôi đánh họ Hồ, tìm lập con cháu nhà Trần. Ấy thế mà vua Trần Giản Định phải vào sinh ra tử, cuối cùng bị các ngài bắt giải về Kim Lăng. Nay đến lượt vua Trần Trùng Quang. Vâng lời dạy của thiên triều, tôi đến đây dâng biểu cầu phong, lại thấy ngài đem đồ binh khí ra để dọa nạt. Tôi nghĩ binh khí là để nói chuyện ở chiến trường, đâu có phải là thứ dùng trong thù tiếp. Tôi không biết ở nước ngài có còn thứ lễ nhạc nào hay hơn thế nữa không? Chứ ở nước Nam tôi không thấy có bao giờ như vậy. Còn việc giết người cắt tai làm trò chơi kia, ở nước tôi lại càng không bao giờ có. Bây giờ tôi mới thấy ngài đem cái văn hiến ấy sang nước tôi là một.

Nghe lời nói của Nguyễn Biểu, Trương Phụ gật gù. Trước thái độ đường hoàng chững chạc và lý lẽ đanh thép của một người có chính nghĩa, tên tướng giặc tự thấy yếu thế. Nhưng rồi bản chất tàn bạo của Trương Phụ lại lộ nguyên hình trong chuỗi cười man rợ hắt ra từ cái miệng tối om nấp sau chòm râu lỏm chỏm của hắn. Ra lệnh cho Phan Liêu tiếp sứ giả, Trương Phụ lùi vào tư thất với những ý đồ đen tối.

Khi Trương Phụ quay đi cũng là lúc Nguyễn Biểu rũ áo đứng dậy bước ra hàng hiên. Trước mắt Nguyễn Biểu dòng sông Lam xanh như con rồng khổng lồ trườn qua đồng ruộng dưới chân thành. Cảnh đẹp của quê hương đối với Nguyễn Biểu lúc này lại càng đẹp đẽ hơn gấp bội. Một cảm giác gần gũi, thân thượng và êm đềm. Nguyễn Biểu ngắm nhìn quê hương không biết chán! Trong khi đó, ở trong dinh, Phan Liêu một mình trơ trọi. Hắn thừa hiểu rằng mình đã bị Nguyễn Biểu khinh bỉ và căm ghét đến chừng nào. Những ý nghĩ ám muội về vị sứ giả của triều Trần đang luẩn quẩn trong đầu óc của Phan Liêu. Cái tự ái của hạng người vô sĩ sẽ đẩy hắn rút sâu vào con đường tội lỗi...

Cho đến đúng ngọ, tổng binh Trương Phụ thiết tiệc sứ giả của nhà Trần.

Trong căn phòng trang trí lộng lẫy, một mâm cỗ đặt trên chiếc sập gụ màu nâu sẫm. Chiếc lồng bàn đan bằng sợi ngà trắng toát chụp trên mâm đồng trạm trổ tinh vi càng làm cho mâm tiệc thêm vẻ thanh lịch. Cạnh mâm, một nậm rượu và cái chén đặt ngay ngắn trên khay khảm xà cừ. Đây là bữa tiệc của Trương Phụ dành cho vị khách quý.

Khi người lính hầu nhấc chiếc lồng bàn ra thì cũng là lúc Nguyễn Biểu sững sốt: Mâm cỗ quái đảng và ghê tởm: Một cái đầu người!

Cái đầu của một người bất hạnh nào đó đã được luộc chín, hai hàm răng nhe ra như trút oán hờn vào kẻ thù. Nguyễn Biểu không ngờ Trương Phụ dã tâm đến mức gây ra trò hung bạo nhường ấy. Đây là cái đầu của ai vậy? Và tại sao Trương Phụ lại giở trò này? để ứng phó với hành động man rợ quỷ quyệt của tướng giặc, Nguyễn Biểu không có thì giờ suy nghĩ nhiều. Những chuyện đối đáp thử thách với sứ giả xưa nay có nhiều, Nguyễn Biểu đã từng nghe nói hoặc đọc trong sách vở. Nhưng đến mức này thì Nguyễn Biểu chưa hề thấy. Chắc chắn rằng đây là đầu một người dân lành đã bị Trương Phụ bắt và hành tội. Không ăn thì tên tướng giặc cho là sứ giả hèn nhát, còn ăn thì ghê tởm mà lại ăn thịt đồng bào của mình!

Không chút do dự, Nguyễn Biểu ngồi xuống sập, ung dung rót rượu. Sau một tợp rượu khai vị, Nguyễn Biểu cầm đũa ngà moi đôi mắt chấm vào dấm muối nuốt một cách ngon lành. Sau khi cạn chén rượu, Nguyễn Biểu cười kiêu hãnh nói một mình như nhắn bảo cho Trương Phụ biết:

- Không mấy khi người Nam được ăn đầu người Bắc.

Khi rượu đã cạn, Nguyễn Biểu rung đùi ngâm bài thơ tức sự:

Ngọc thiệt, trân tu đã đủ mùi

Gia hào thêm có cỗ đầu người.

Nem chuông, chả phượng còn thua béo.

Thịt gụ, gan lân cũng kém tươi.

Cá lối lộc minh so cũng một

Vật bày thỏ thủ bội hơn mười

Kìa kìa ngon ngọt tày vai lợn.

Tráng sĩ như phàn tiếng để đời.

Đọc xong bài thơ, Nguyễn Biểu ung dung buông đũa đứng dậy.

Khi nghe quân hầu thuật lại về Nguyễn Biểu với mâm cỗ đầu người, Trương Phụ tròn xoe mắt kinh ngạc. Trong cái nghề làm tướng cầm quân đánh đông dẹp bắc của Trương Phụ, chưa bao giờ hắn gặp một người như Nguyễn Biểu. Tự cho mình là anh hùng hảo hán, tỏ ra mình cũng biết trọng những kẻ có tài năng, khí phách, Trương Phụ lấy lễ tiếp đãi Nguyễn Biểu rồi tiễn chân sứ giả ra về.

Ngồi ngả người trên kỷ, tên tướng giặc lấy làm khoái chí vì hành động "Nghĩa khí" của hắn. Rồi đây hắn sẽ làm cỏ Hóa Châu, cả triều đình nhà Trần sẽ không thoát khỏi tay hắn. Ấy thế mà hôm nay Trương Phụ lại tha sứ giả của Trần Trùng Quang.

Thấy Trương Phụ tha Nguyễn Biểu, Phan Liêu dè dặt tâu với chủ:

- Kính thưa ngài, Nguyễn Biểu là bậc hào kiệt của nước Nam...

Trương Phụ hiểu ý, xua tay:

- Hóa Châu rồi sẽ nằm trong tay ta. Bắt Nguyễn Biểu lúc nào mà chẳng được.

Thấy Trương Phụ vẫn quyết tha Nguyễn Biểu, Phan Liêu tỏ nỗi lo lắng của mình:

- Nhưng thưa Tổng binh, ngài muốn lấy nước Nam mà tha người ấy về thì làm sao mà xong việc được.

Lời ton hót của Phan Liêu đã khiến cho Trương Phụ phải suy nghĩ. Từ mùa thu năm Bính Tuất (1406) Trương Phụ đã có mặt ở nước Nam này; lúc đó hắn còn giữ chức phó tướng. Một năm sau năm Đinh Hợi (1407) sau khi diệt nhà Hồ, Đổi tên nước ta thành Giao Chỉ, chia phủ huyện, đặt quan cai trị, Trương Phụ về nước dâng công. Cuối năm Mậu Tý (1408), Trần Giản Định nổi dậy đánh phá quân của Mộc Thạnh ở Bô Cô. Lần thứ hai vào năm Kỷ Sửu (1409) Trương Phụ lại được cử sang nước Nam giữ chức Tổng binh. Đến nay đã hơn bốn năm hắn vẫn chưa đánh chiếm được nước Nam. Các châu phủ đều có người nổi dậy, triều đình vua Trần Trùng Quang còn giữ Hóa Châu. Lần trước chỉ một năm đã nên công, lần này hơn bốn năm rồi chưa xong việc...

Cái mặt nạ giả nhân giả nghĩa của Trương Phụ sớm bung ra. Con quỷ dữ hiện nguyên hình. Trương Phụ hạ lệnh cho quân lính đuổi theo đoàn sứ giả.

Mỗi bước một xa thành giặc, Nguyễn Biểu dẫn đoàn tùy tòng trở về theo đường

cũ. Ngoài xa, dòng sông Lam trong xanh lăn tăn gợn nắng chiều như một dải lụa đẹp trải rộng giữa hai bờ cát trắng. Ngay kề chân núi, con hói sâu từ trong dãy Hùng Sơn chạy vòng vèo như con trăn khổng lồ vục đầu vào dòng sông Lam trong vắt. Chiếc cầu gỗ bạc màu bắc ngang hói đứng cheo leo soi bóng trên mặt nước. Ngồi trên yên ngựa Nguyễn Biểu vẫn lặĩng lẽ. Giá như lúc khác thì Nguyễn Biểu đã dừng ngựa ngắm cảnh đẹp của quê hương và gửi gắm tâm sự của mình trong mấy vần thơ. Nhưng lúc này không thể được. Nguyễn Biểu nghĩ về thành bại chuyến đi của mình. Trương Phụ không trả lời có nhận chuyển biểu cầu phong hay không. Cứ như thái độ đốùi xử của tên tướng giặc thì công việc khó thành đạt. Tình thế vẫn không thay đổi...

Chiếc cầu gỗ rung rinh. Đoàn sứ giả chưa qua khỏi cầu thì đã nghe tiếng vó ngựa rầm rập từ phía sau. Một toán kỵ binh giặc ập đến. Theo lệnh của Trương Phụ chúng đòi Nguyễn Biểu quay lại. Đến nông nỗi này, Nguyễn Biểu biết khó thoát khỏi tay giặc. Nguyễn Biểu xuống ngựa quay về hướng đông nam, nhìn về Hóa Châu sụp lạy rồi sai người lấy bút mực. Cái nóng hừng hực của nắng chiều đã làm cho hàng chữ đen nhánh vừa viết: "Thất nguyệt, sợ nhất nhật, Nguyễn Biểu tử" Khô đi rất nhanh trên cột cầu bằng gỗ màu bạc thếch. Ngắm lại dòng chữ vừa viết lần cuối cùng, Nguyễn Biểu ung dung lên ngựa. Trước khi thúc ngựa, vị sứ giả của triều Trần dặn đoàn tùy tòng:

- Các ngươi trở về Hóa Châu tâu với nhà vua hãy lo luyện quân để cự giặc.

Không nói với lũ giặc một nữa lời, Nguyễn Biểu giục ngựa vượt lên hàng đầu, trở lại thành giặc.

Vừa nghe tin quân lính đã điệu Nguyễn Biểu về, Trương Phụ đem theo một bầy dũng sĩ mang gươm hộ vệ, bước ra thềm dinh đứng đợi sẵn. Tên tướng giặc định ngay từ đầu đã dùng quyền uy bắt Nguyễn Biểu phải khuất phục.

Và từ xa, con người gầy gò mảnh dẻ ấy đang cất cao đầu đi giữa hai hàng giặc dữ cắp giáo đi kèm, đến gần dinh Tổng binh, giặc bắt Nguyễn Biểu phải quỳ lạy Trương Phụ. Nguyễn Biểu hất tay, bước vội tới, chỉ vào mặt Trương Phụ quát mắng:

- "Trong bụng toan tính việc đánh chiếm nước người ta, ngoài mặt lại phô trương là quân nhân nghĩa, trước nói lập con cháu họ Trần, bây giờ lại đặt quận huyện, không những cướp bóc của cải lại còn giết hại nhân dân, bọn mày thật là lũ giặc bạo ngược".

Giọng nói sang sảng của Nguyễn Biểu lúc này không chậm rãi như thường lệ mà sôi sục dồ dập như bão táp. Đó là tiếng nói căm thù của trái im yêu nước nồng nàn, bất khuất trước quân thù, thà chết chứ không chịu hàng giặc. Cùng với cái nhìn nẩy lửa, mỗi tiếng nói của Nguyễn Biểu như mũi dao phóng vào tim gan tên tướng giặc. Chờ đợi ở sứ giả triều Trần những lời van xin để giữ mạng, Trương Phụ không ngờ Nguyễn Biểu lại kiên cường, vạch trần tâm địa tàn bạo của hắn đến như thế. Như con chim bị trúng tên, Trương Phụ giật nảy mình vì căm giận và nhục nhã. Hắn nghe như từ miệng con người đang một mình đối mặt với hắn vang lên tiếng gầm thét của cả một dân tộc. Bất lực trong việc khuất phục Nguyễn Biểu bằng lời nói và thái độ

cư xử, Trương Phụ dùng đến sức mạnh của tên tướng giặc bạo tàn. Hắn ra lệnh chém đầu sứ giả. Đáp lại lệnh của tên tướng giặc là một chuỗi cười vang của Nguyễn Biểu cùng với những lời thét mắng sỉ vả vào mặt Trương Phụ.

Trên con đường đi tới chân núi Thành Sơn để chịu chết, Nguyễn Biểu vẫn ung dung bình thản. Ông bình thản vì sự nghiệp giữ nước, vì thà chết chứ không bao giờ chịu quỳ gối trước giặc ngoại xâm.

Trong khi Nguyễn Biểu cất cao đầu đi đến nơi hành hình thì Trương Phụ quay vào dinh Tổng binh, hắn cúi đầu sợ hãi. Nguyễn Biểu đã bị điệu ra ngoài thành, những tiếng quát tháo chửi mắng củacon người ấy đối với tên tướng giặc như còn vọng lại. Trương Phụ thầm nghĩ: Cả dân nước Nam này ai cũng như Nguyễn Biểu thì làm sao có thể dẹp nổi?

Chỉ sau đó năm năm thôi, vào năm Mậu Tuất (1418) cả nước Nam này đã vùng dậy chiến đấu trong mười năm trời, đánh tan đội quân xâm lược của nhà Minh, lật đổ toàn bộ ách thống trị của chúng mà chính bản thân Trương Phụ đã góp phần đặt lên đầu cả dân tộc nhỏ bé ở Phương nam này. Lúc bấy giờ Nguyễn Biểu không còn nữa, nhưng khí phách anh hùng và tinh thần xả thân vì nước của ông được cả dân tộc kế tục để làm tròn sự nghiệp giữ nước mà Nguyễn Biểu còn bỏ dở.

Cùng với núi Thành Sơn, với dòng sông Lam, Nguyễn Biểu còn mãi mãi được các thế hệ mai sau ngợi ca cùng câu đối ghi ở đền Nghĩa Liệt:

"Tồn Trần kính tiết Thành sơn thạch

Mạ tặc dư thanh Lam thủy ba".

(Tiết cứng phò Trần đá Nghĩa Liệt

Tiếng vang mắng giặc sóng Lam Giang).

Nguyễn Chích

Cánh rừng Mã Trạch đã nhuốm sương chiều. Những bóng cò trắng loang loáng mang mấy tia nắng cuối cùng, sải vội cánh từ đồng nội Vạn Lộc trở về rừng tìm tổ.

Lũ trẻ chăn trâu vừa vòng tay làm kiệu, rước "Chủ tướng" của chúng từ quả gò mang cái tên oai vệ là Cồn Luyện về mỏm đất cũng có tên oai vệ chẳng kém: Cồn Binh. Ném ngổn ngang những cờ lau, côn củi, gương que xuống chân cồn, chúng vừa cùng "Chủ tướng" trèo lên cồn, vừa chí choé cãi nhau về chuyện thắng bại, hay dở của trận đánh vừa qua.

Mặc cho lũ bạn đấu khẩu om sòm, Nguyễn Chích lẳng lặng đi đếùn chỗ đặt chiếc lồng tre nhỏ, mở cửa cho chú chim bồ câu trắng muốt từ trong nhảy ra đậu trong tay. Đám mục đồng lúc này mới chịu thôi cãi vả, xúm cả lại bên "Chủ tướng". Chú bé nhẹ nhàng vuốt ve con vật rồi hướng mỏ chim về phía làng, hất nhẹ tay. Thong thả đập vỗ đôi cánh mềm mại, con chim khôn ngoan lượn một vòng trên đầu chủ, rồi nhằm thẳng ngọn tre cao nhất ở xa xa, vùn vụt tung cánh.

Một đứa trẻ nói:

- Lũ em thằng Chích thấy chim về là lại sửa soạn ra ngõ đón phần cơm đấy!

Đang nheo mắt dõi theo bóng chim chấp chới mờ dần, nghe câu nói ấy, Nguyễn Chích chợt nhớ đến phần việc cuối cùng phải làm trong ngày để được lĩnh của chủ xuất cơm mang về cho em: Tắm cho trâu. Nhưng trước khi đi đến chỗ buộc trâu, Chích còn chống nạnh, nói với lũ bạn:

- Đánh nhau mãi ở dây cũng chán. Hôm nào tao với chúng mày kéo nhau vào thẳng trong thung lũng núi Hoàng, núi nghiêu kia mà bày trận mới sướng!

Theo cánh tay chỉ thẳng của "Chủ tướng", bầy trẻ chăn trâu cùng ồ à thích thú, quay cả về nơi trời chiều đang rực lên những tia nắng quái. Răng núi hoang vu hiểm trở ở nơi ấy bỗng ngời lên như dát vàng.

Hai dãy núi Hoàng Sơn và Nghiêu Sơn đột khởi giữa đồng bằng phủ Thanh Hóa, khoanh lại trong một thung lũng um tùm cây cỏ, rộng hàng trăm mẫu. Dòng Hoàng Giang như tấm lụa vàng, vắt từ đầu núi này tới đầu núi kia, tắm tưới đôi bờ đất cát dọc trong thung lũng.

Từ ít lâu nay, những dãy lũy rất rậm rạp tre gai đã sừng sững mọc lên, vít chặt hai đầu thung lũng và những chỗ núi đứt đoạn, biến hai dãy Hoàng Nghiêu thành một tòa thành kiên cố khổng lồ. Người từ xa tới, không tài nào lần ra được ngã vào thành. Bởi cổng thành lại chỉ là mấy cửa hang ngầm xuyên qua dãy Nghiêu Sơn, có nơi ngách đá chỉ vừa một người đi lọt. Lối ra vào bí mật ấy luôn luôn có một toán nghĩa quân đêm ngày canh giữ nghiêm ngặt.

Toán nghĩa quân ấy, bây giờ hồ hởi và kính cẩn, đang xúm quanh một người ăn mặt kiểu lái buôn, với chiếc đoàn xóc nhọn hộ thân gắn trong tay. Bụi đường trường và những nét nhăn vất vả của một chuyến đi xa trở về, không làm giảm nổi vẻ oai phong của giọng nói sang sảng càng được làm vòm đá vách hang nhân to thêm lên của người ấy:

- Đêm mai, người của ta sẽ dẫn một toán anh em từ phủ Nghệ An ra đến bãi Châu Nghĩa. Các chú tra xét cho cẩn mật, rồi đưa họ vào trong Thung Đình. Nhớ nói là họ chờ ta ở đấy!

- Vậy là có thêm người tụ nghĩa nữa rồi!

Một nghĩa quân trẻ vui vẻ reo lên. Nhưng một nghĩa quân đứng tuổi đã ném cho anh ta một cái lườm nghiêm nghị, đoạn kính cẩn hỏi:

- Thưa chủ tướng, tình thế trong phủ Nghệ như thế nào?

- Giặc ở trong ấy không mạnh như ở ngoài này, nhưng những oán hờn do chúng gây nên ở đấy thì cũng chẳng khác gì ở đây. Thành ra rất nhiều người muốn theo ta về ngoài này ngay, nhưng ta chỉ mới kén lựa lấy những kẻ khá nhất...

Người được gọi là chủ tướng ấy vừa sang sảng nói, vừa vui vẻ thân mật vỗ vai từng nghĩa quân, ra hiệu cho họ chú ý canh giữ cửa hang, rồi quay người, đi thẳng vào ngách hang sâu, thoăn thoắt, quen thuộc như đi về nhà.

Đúng là quen thuộc như đi về nhà, bởi vì đó chính là Nguyễn Chích. Từ chú bé "Chủ tướng" của đám trẻ chăn trâu Vạn Lộc, đến bây giờ trở thành chủ tướng thật sự của căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn, Nguyễn Chích đã hàng trăm hàng nghìn lần vào ra, xem xét nơi này. Từ chổ chơi bời, tập trận giả đến bây giờ tụ tập thật sự được những người có nghĩa khí đi theo mình vào nơi hiểm trở này cự lại giặt Minh đô hộ, Nguyễn Chích vẫn luôn luôn được mọi người tin phục bởi tài năng xuất chúng và lòng quả cảm hơn người.

Chính là nhờ tài trí ấy mà, dù chỉ làngười xuất thân "Nghèo hèn", Nguyễn Chích vẫn cùng nghĩa quân của mình biến được căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn thành một lưỡi gươm lợi hại, treo lơ lửng trên đầu quân thù ở ngay, giữa đồng bằng Thanh Hóa. Từ chỗ ban đầu chỉ có một ít bạn bè và một đàn trâu làm "Dấn vốn", đến nay, Nguyễn Chích đã có trong tay một cơ ngơi hùng vĩ: Kho lương, bãi tập, đồn trại, thành lũy và nhất là lòng người từ cả hai phủ Thanh Hóa Nghệ An hướng về.

Lần này Nguyễn Chích vừa rời xa căn cứ một thời gian đi vào tận Nghệ An để chiêu mộ thêm nghĩa quân. Tận mắt xem xét địch tình và lòng dân, bộ óc lớn của người chỉ huy nghĩa quân vừa nảy ra nhiều ý định mới. Nhưng trước khi trở về gian đại sảnh nằm giữa thung lũng để nghỉ ngơi và bắt tay vào những công việc đang chờ đợi sau một chuyến đi dài, Nguyễn Chích vẫn chu đáo như thường lệ, xem xét khắp một lượt cơ ngơi của mình. Những thửa ruộng cày cấy lấy lương ăn cho nghĩa quân ven đôi bờ Hoàng Giang lúa lên xanh tốt trải dài đến chân núi. Trên bãi tập ven núi, từng toán nghĩa binh vẫn miệt mài rèn luyện các thế đánh đỡ. Và kho quân lương ở Thung Táo thì âm ấp những thóc gạo, ngô khoai dự trữ.

Vị chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn yên tâm trở về đại sảnh của mình.

Mùa hạ năm Nhâm Dần, toán nghĩa quân canh giữ Cửa tiền bắt được một tên gián tế, lập tức trói gô lại, giải về tòa đại sảnh trong thung lũng. Trước mặt chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn đằng đằng sát khí, kẻ do thám tái mặt lắp bắp khai báo: Hắn được lệnh của Tổng binh Trương Phụ từ Đông Quan vào dò xét miền này, để đại quân nhà Minh sửa soạn kéo đi tiểu phạt.

Thử thách lớn đã đến với những người dũng sĩ tụ nghĩa dưới cờ Nguyễn Chích! Căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn lập tức sửa soạn chống giặc. Thành lũy được sửa sang chu đáo. Việc canh giữ tiến hành nghiêm ngặt. Chủ tướng và nghĩa quân ngày đêm luyện tập. Cho đến một hôm, từ cửa hang Từ Thức, những hồi trống cấp báo dồn dập vọng về, dội vang khắp thung lũng.

Đứng cao trên vọng tiêu phía Bắc, Nguyễn Chích đã phát hiện ngay thấy giặc ngay từ khi ở xa tận chân trời, một đám mây bụi kỳ quái ùn ùn đùn dần lên. Chủ tướng nghĩa quân chỉ ra lệnh thúc trống động binh khi từ trong đám bụi mù trời ấy, hiện rõ từng đám người ngựa đông nghịt, mang sắc phù lòe loẹt của quân Minh, cùng với những tiếng ngựa hí quân reo ồn ào nhức óc. Nghĩa quân Hoàng Nghiêu Sơn đã tràn ra các vị trí mai phục quanh căn cứ, sẵn sàng xả thân giết giặc theo lệnh chủ tướng của mình. Nhưng tướng giặc Trương Phụ lại chưa hạ lệnh tấn công ngay. Quân Minh dừng lại xung quanh núi, đóng đồn hạ trại như bát úp.

Nhìn thế án binh của quân Minh, Nguyễn Chích thầm khen tướng giặc dùng binh rất đúng phép tắc. Các doanh trại tiền hậu tả hữu của Trương Phụ tề chỉnh tựa vào nhau thành một liên hoàn trận vững chãi, rất khó công phá. Chỉ có thể chờ giặc tán binh đánh thành mà giao chiến. Nhưng xem ra thì Trương Phụ không khinh xuất, nóng cội. Hắn án binh, lập trận, thăm thú tình hình kỹ lưỡng, quyết phen này phá tan bằng được căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn của người chủ tướng nông dân.

Không để cho giặc làm theo ý chúng, ngay đêm ấy, Nguyễn Chích lập tức dẫn một cánh quân vượt núi ra ngoài đánh úp tiền trại quân Minh, đốt phá một loạt liều trận, rồi trong ánh lửa nhập nhoạng, nhanh chóng thu quân vào thung lũng.

Đòn du kích chọc tức ấy quả đã khiến tướng giặc phát khùng. Hắn tức tốc dốc toàn lực tấn công dữ dội vào dẫy thành lũy che chắn các cửa núi của nghĩa quân. Chỉ chờ có thế. Nguyễn Chích cũng dồn hết nghĩa quân ra sau các bờ lũy đất, dựa vào hàng rào tre gai dày đặc, xa thì dùng cung nỏ, gần thì dùng lao giáo, hạ sát quân Minh như ngả rạ.

Ác chiến diễn ra suốt cả một buổi tối ở Hoàng Nghiêu Sơn. Chết hết lớp này đến lớp khác, quân Minh vẫn cậy đông mạnh, tấn công không ngừng, cho đến khi Trương Phụ bàng hoàng sực tỉnh trước tổn thất rất lớn của quân Minh và cái thế đánh đỡ lợi hại của nghĩa quân. Vội vã ra lệnh lui binh, chủ tướng giặc vừa cay đắng nghiến ngẫm thất bại, vừa nghiến răng xoay chuyển cách đánh.

Từ đấy, quân Minh bắt đầu bủa một vòng vây dày đặc chung quanh căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn. Ráo riết cô lập nghĩa quân tronh thung lũng, Trương Phụ còn liên tục tung các toán du binh lần mò tìm kiếm những lối ngả ra vào bí mật của căn cứ Hoàng Nghiêu. Giặc đã phát hiện ra cửa hang Nghiêu Sơn và mấy phen toan bất ngờ vào căn cứ nghĩa quân bằng con đường nguy hiểm ấy. Nhưng chúng đều bị Nguyễn Chích cố sức lợi dụng đường hang chật hẹp, huy động nghĩa quân vít chặt mất lối vào.

Tình hình trở nên rất khẩn trương. Lực lượng nghĩa quân đã quá ít so với kẻ địch, lại ngày một hao hụt dần, trong khi mọi ngả ra vào liên lạc với bên ngoài đều đã bị giặc chẹn kỹ. May mà nhờ sự tính toán chu đáo từ trước của Nguyễn Chích, nên các kho lương thực dự trữ vẫn còn tạm đủ cho nghĩa quân cầm cự với giặc một thời gian.

Giữa lúc ấy, bỗng có tin báo vào đại sảnh chủ tướng Nguyễn Chích: Quân Minh đang nhốn nháo tháo dỡ liều trại, nườm nượp kéo đi cả về hướng Bắc! Lấy làm lạ, Nguyễn Chích vội lên thẳng mỏm viễn tiêu trên núi cao xem xét, thì thấy quả là như vậy. Nhanh như chớp, vị tướng nông dân tìm cách thử thách quân giặc. Một cánh nghĩa quân lập tức được lệnh vượt núi, hò reo đuổi theo đạo hậu quân của Trương Phụ còn đang vương lại cách căn cứ Hoảng nghiêu Sơn không xa.

Quân Minh hốt hoảngười bỏ chạy rất nhanh. Và Tổng binh Trương Phụ cũng mặt để cho đám quân chặn hậu bị nghĩa quân bám dai dẳng, chẳng ứng cứu được gì.

Chủ tướng Nguyễn Chích hể hả ra lệnh thu quân, bởi đã rõ là quân Minh hẳn

đang có việc phải ứng phó gấp với tình thế nổi dậy của nghĩa binh ở mạn ngoài.

Một chiếc cáng gấm với dăm tên lính hầu từ phủ thành Thanh Hóa cuốn đường tiến đến Hoàng Nghiêu Sơn. Và toán nghĩa quân canh giữ ngoài Cửa Tiền lại báo vào gian đại sảnh: Có phủ quan Lương Như Hốt thân đến hội kiến cùng chủ tướng Nguyễn Chích!

"Hội kiến!" Nguyễn Chích vừa nghe tin báo đã muốn nổi giận. Ta có thèm mời mọc cái tên ngụy quan này lời nào bao giờ mà hắn dám bảo thân đến hội kiến! Chẳng qua là hết Tổng binh thì đến lượt Phủ quan đó thôi! Nhưng được, cứ cho nó vào! Và phải đề phòng cẩn mật, không cho một ai đi theo nó được nhập trại... Nguyễn Chích vừa nghĩ vừa ra lệnh, vừa xua hết tả hữu ra khỏi gian đại sảnh.

Thế là chỉ một mình Lương Như Hốt lê tấm thân phì nộn, lặn lội "Hội kiến" với Nguyễn Chích trong gian nhàvắng tanh giữa thung lũng Hoàng Nghiêu Sơn.

- Tráng sĩ! Bấy lâu nghe danh, bây giờ mới được gặp mặt, thật là hạnh ngộ...

Tên ngụy quan cầm đầu bộ máy ngụy quyền của phủ Thanh Hóa, vừa thấy vị chủ tướng nghĩa quân, đã làm ra bộ đon đã chào hỏi. Nhưng trước vẻ mặt lạnh lùng của Nguyễn Chích, hắn lại đành đổi giọng:

- Ta cất công tìm gặp túc hạ là để cùng bàn với túc hạ một việc hệ trọng. Túc hạ hẳn đã rõ ngụy Hồ làm điều trái đạo, cướp ngôi nhà Trần, nên Minh triều phải theo đạo trời, đem lại quân sang tiểu phạt, phù Trần diệt Hồ. Nay vì chưa tìm được dòng dõi nhà Trần cho xứng đáng, nên còn phải nấn ná hành quân để kén lựa cân nhắc, trọng dụng nhân tài...

Nghe những lời lẽ thao thao của tên ngụy quan, Nguyễn Chích cố nén giận dữ để còn thử xem dụng ý của quân giặc. "Mày khua môi múa mép thế kia chứ múa nữa thì cũng có lừa nổi ai? Nguyễn Chích nghĩ thầm trong bụng, Phù Trần diệt Hồ mà sao bây giờ chính Giản Định Đế Trung Quang Đế là dòng dõi nhà Trần lại phải nổi dậy chống cự? Còn những chuyện tàn ngược đang diễn ra khắp nơi kia mà cũng là kén lựa nhân tài ư?"

- Người tài như túc hạ không phải là nhiều, Lương Như Hốt vẫn cứ tiếp tục khua môi múa mép. Vì thế mà gì chứ một chức huyện quan Đông Sơn ở đây, ta có thể lấy tình cùng quê mà xin với Minh triều phong cho túc hạ được ngay! Khi ấy túc hạ và ta sẽ cùng nhau chung hưởng phú quý, vạ gì mà phải vào ra chui rúc trong chốn núi rừng hẻo lánh này?

Nhận ra Nguyễn Chích vẫn im lặng, Lương Như Hốt bỗng thấy cần phải buông tiếp lời đe dọa:

- Bữa trước, Trương Tổng binh kéo đại quân tới đây, ta đã lo sợ vùng này phải chịu vạ làm cỏ! May mà vừa nghe tin có giặc Súy kéo binh huyền vào các cửa Thần Đầu Trương Tổng binh đã vội đưa quân đi tiễu phạt, nên lần ấy, vùng này mới được thoát nạn. Nhưng nếu túc hạ cứ cứng lòng, nay mai đại quân lại đến, khi ấy liệu chạy đâu cho thoát? Mà ta khi ấy cũng không thể bảo lĩnh cho túc hạ được.

Tên ngụy quan còn toan nói nữa nhưng một tiếng đập bàn dữ dội như sét đánh đã

làn hắn giật nẩy người. Hồn vía lên mây, hắn ù tai hốt hoảng trước gọng nói sang sảng của Nguyễn Chích:

- Đáng lẽ ta ra lệnh lấy đầu ngươi ngay bây giờ! Nhưng lại e chưa đúng đạo làm tướng! Vậy nay hãy tạm cho ngươi mang đầu ra khỏi đây. Nhưng hãy liệu mà giữ mình, bởi ta sẽ đem quân đến tận sào huyệt bắt ngươi về để hỏi tội theo giặc hại dân. Bước ngay!

Nói là làm. Chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn đợi cho Lương Nhữ Hốt lập cập về đồn giặc ở Cổ Vô thì lập tức tung quân đi bắt. Tên ngụy quan cuống cuồng cắt râu cởi áo lũi trốn thoát thân, nhưng đồn Cổ Vô của hắn thì chỉ trong chốc lát đã tan tành trước cơn giận dữ dội của Nguyễn Chích.

Từ ấy, nghĩa quân Nguyễn Chích tung hoành quanh Hoàng Nghiêu Sơn như những đạo thần binh. Chẹn lương, đánh úp, bắt quan, giết tướng, những việc ấy nối nhau xảy ra trong vùng, khiến cho quan quân nhà Minh lo lắng đến mất ăn mất ngủ. Sau lần tấn công không thành của Tổng binh Trương Phụ, quân Minh ở Tây Đô còn nhiều lần được lệnh phải điều bắt binh mã đến Hoàng Nghiêu Sơn để nhổ cho kỳ được mũi chông cắm sâu vào cơ thể bộ máy đô hộ ở giữa đồng bằng Thanh Hóa. Nhưng giặc Minh lần nào cũng hùng hổ kéo quân đi rồi lại tơi tả rút quân về. Bởi chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn đã ngày càng có kinh nghiệm gìn giữ căn cứ và thả quân đánh giặc.

Giữa lúc quân Minh đã trãi nhiều năm loay hoay đối phó với Nguyễn Chích mà vẫn chưa xong, thì từ núi rừng Lam Sơn lại bay về tin lớn: Bình Định Vương Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa! Công văn cấp báo từ Tây Đô bay về Đông Quan như bươm bướm, mà quân Minh vẫn không thể đưa được đại binh vào trận áp, bởi ở mạn ngoài cũng như mạn trong, đâu đâu cũng có tin nghĩa quân đang nổi dậy như sóng cồn.

Từ trong căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn, Nguyễn Chích hồ hởi đón nhận những tin vui ấy. Càng vui hơn nữa, bởi người đem tin tức nức lòng ấy tới cho chủ tướng Hoàng Nghiêu chẳng phải ai khác, mà lại chính là Nguyễn Trãi quân sư lẫy lừng tiếng tăm của Bình Định Vương Lê Lợi.

Chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn tiếp kiến quân sư của Bình Định Vương giữa một đêm trăng yên tĩnh trong Thung Đình. Vách đá tai mèo vây quanh lũng núi nhỏ, giữ kín bí mật cho cuộc gặp gỡ hệ trọng.

Nguyễn Trãi khe khẽ nói với Nguyễn Chích:

- Hơn mười năm nay, cự lại giặc Minh tàn bạo, đâu đâu cũng nổi dậy. Kẻ tính toán việc lớn thấy vậy thì mừng mà lo. Bởi nếu thiên hạ mà cứ giữ mãi cái thế mỗi người hùng cứ một phương, thì chẳng khác gì cảnh ngộ nấm tốt gặp mưa mà mọc, nhưng rồi vẫn bị người ta lần lượt đến hái mang đi. Núi sông thì rộng, kẻ thù thì đông, không biết bao giờ mới thu lại được cả về cho dân nước, đuổi sạch được giặc thù?

Nguyễn Chích giật mình trước mối lo âu sâu rộng của những người cầm đầu cuộc dấy nghĩa lớn ở Lam Sơn:

- Chích tôi vì giận lũ giặc ngoài tham bạo mà dựng cờ ở đây, bấy lâu nay chỉ tính toan chiêu mộ sao cho đủ được nhìn người để thủ hiểm chốn này, chứ chưa nghĩ được như quân sư.

- Một nghìn người thì đủ tụ ở đây, nhưng nếu đông người nữa thì sẽ chứa vào đâu? Lại nếu giặc đã phá xong các nơi tụ nghĩa, dồn cả đại binh trùng điệp đến đây vây đánh, thì một dãy Hoàng Nghiêu liệu có thể tự giữ được mãi?

Nguyễn Trãi ngừng lại, nhìn vẻ mặt dần dần trở nên đăm chiêu của Nguyễn Chích, rồi lại hỏi tiếp:

- Giặc kia chỉ mong được lần lượt chia đũa ra mà bẻ. Còn người có chí lớn lại lo quy tụ sức lực khắp nơi về một mối, tướng quân nghĩ sao?

Chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn đã nhận ra dụng ý của vị quân sư của Lê Lợi, nhưng vẫn giữ vẻ trầm ngâm:

- Chính tôi cũng thấy được điều ấy, nhưng chỉ giận là chưa có ai đáng mặt anh hùng để về theo.

Không cần úp mở nữa, Nguyễn Trãi cầm lấy tay Nguyễn Chích:

- Bình Định Vương ở Lam Sơn, vốn dòng hào kiệt, bền gan nuôi chí lớn, dốc sức rèn tài năng, một lòng liên kết các bậc hiền tài. Chính bởi cảm phục nghĩa khí và tài năng của tướng quân cùng về Lam Sơn chung lo nghiệp lớn. Xin đừng chần chờ nữa!

Đúng là không thể chần chờ được nữa. Một con đường lớn vụt mở ra, với người chí tình như thế! Chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn đã cùng toàn bộ nghĩa quân của mình đi thẳng vào con đường ấy.

Bây giờ là mùa đông năm Canh Tý (1420).

Có lệnh vời Nhập nội Thiếu uý Nguyễn Chích đến hành doanh của Bình Định Vương dự cuộc họp bàn cơ mật. Đã cảm thấy trước tính chất quan trọng của cuộc họp bàn này, Nguyễn Chích chỉ đem theo mấy nghĩa quân thân cận, vượt rừng ra đi ngay.

Rừng núi Lam Sơn đang độ cuối thu. Đấy là mùa thu thứ sáu của cuộc khởi nghĩa đánh giặc trường kỳ. Đem lực lượng của mình vào cuộc dấy binh lớn lao của dân tộc, trong những năm tháng hoạt động dưới cờ của Lê Lợi ở Lam Sơn ấy, Nguyễn Chích đã tung hoành trên đất đai miền tây Thanh Hóa như hổ được về rừng. Mới đầu năm trước đây mùa xuân năm Quý Mão vị tướng quân tài giỏi ấy đã đánh một trận lớn vào lúc tuổi mình vừa đúng bốn mươi, lập một võ công chấn động: Chém chết tên Tả Tham tướng Phùng Quý của quân Minh!

Bấy giờ, nghĩa quân Lam Sơn vừa từ Quan Du kéo lên đóng giữ ở Khôi Huyện thì gặp đại quân nhà Minh từ ba bề bốn bên ập đến bổ vây. Tổng binh Trần Trí kẻ vừa được hoàng đế nhà Minh đặt vào chức vị đầy tội ác của những tên như Trương Phụ thân chỉ huy cuộc vây đánh, cùng với một loạt tướng lĩnh gian hiểm, khát máu: Sơn Thọ, Mã Kỳ, Phùng Quý.

Khắp các ngả núi rừng đều bị quân giặc vây kín. Mà chính Phùng Quý là kẻ giữ việc thi hành độc kế: Chẹn đường, tuyệt lương của nghĩa quân. Đứng trước tình thế hiểm nghèo, Bình Định Vương xít giọng nói với các tướng lĩnh đang bồn chồn tụ tập xung quanh:

- "Quân giặc vây quanh ta bốn mặt rồi! Đây chính là nơi binh pháp gọi la đất chết". Chỉ có cách đánh nhanh thì còn, không đánh nhanh thì mất!

Lời kêu gọi khẩn thiết ấy của người cầm đầu Lam Sơn như đốt lửa trong lòng các tướng sĩ. Nguyễn Chích lập tức xin lĩnh một cánh quân xông thẳng vào trận giặc và bất ngờ đụng độ với Phùng Quý. Khắp các mặt trận, những tướng lĩnh Lam Sơn cũng đang dẫn quân vào trận. Tiếng hò reo giết giặc phá vây dậy núi rừng. Trận đánh hoàn toàn không cân sức, cuối cùng đã chỉ nhờ chí quyết liệt hy sinh của các nghĩa sĩ yêu nước mà làm đảo lộn kết quả. Giặc Minh bất ngờ vỡ quân hốt hoảng chạy tháo khỏi núi rừng Quan. Nhưng riêng Tả Tham tướng Phùng Qúi thì không về được. Đụng độ với Nguyễn Chích, nhát chém như sét nổ cùng khí thế tấn công như ngút trời của vị tướng nông dân đã khiến tướng giặc rơi đầu bỏ mạng ngay giữa trận, gây kinh hoàng dữ dội trong khắp hàng quân Minh.

Từ sau chiến công ấy, tiếng tăm Nguyễn Chích càng nổi như sóng cồn. Bình Định Vương Lê Lợi và khắp hàng tướng lĩnh Lam Sơn, ai ai cũng vị nể. Cảm kích trước thái độ ấy, Nguyễn Chích càng ngày đêm nung nấu cái kế hoạch đã dần chín trong đầu, những mong đóng góp làm thay đổi tình hình cuộc khởi nghĩa đã kéo dài sáu năm nhưng vẫn chưa vượt ra khỏi khuôn khổ của miền rừng núi quê hương Bình Định Vương. Đấy là một kế hoạch khác thường, nhưng lại nẩy nở từ trong kinh nghiệm hàng chục năm lặn lội bôn ba xa gần của vị tướng quân nông dân. Cân đi nhắc lại nhiều lần, Nguyễn Chích thấy đã đến lúc phải đem kế hoạch của mình trình bày với bộ chỉ huy nghĩa quân. Thì cũng vừa gặp lúc Bình Định Vương cho lệnh mở cuộc họp bàn cơ mật này hẳn cũng là kết quả những tính toán nghiền ngẫm của người đứng đầu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Quả nhiên, vừa vào cuộc họp bàn, Lê Lợi đã đăm đăm nhìn khắp lượt các tướng lĩnh thân tính của mình, rồi dằn giọng nói:

- Sáu năm qua, dựng cờ đánh giặc, nằm gai nếm mật đã nhiều mà cướp cờ chém tướng cũng lắm. Vậy mà nghiệp lớn vẫn chưa nên! Chúng ta vẫn chỉ vào ra được ở một vùng núi rừng này. Đâu phải là ta không có chí muốn mở mang thế lực ra ngoài đất Lam Sơn? Nhưng đã mấy lần kéo xuống đồng bằng Thanh Hóa rồi mà đều không thành! Thế lực giặc dồn ở đó quá mạnh...

Lại nhìn các tướng lĩnh của mình một lần nữa, tin cẩn, thiết tha, người chủ tướng Lam Sơn cất giọng nói tiếp:

Vậy thì để mở nước cho kỳ được, chúng ta phải đi tới đâu?

Mạch nghĩ của Bình Định Vương thế là đã nhập cùng mạch nghĩ của Nguyễn Chích từ lâu. Đưa mắt lướt nhanh thái độ của những tướng lĩnh trụ cột của cuộc khởi nghĩa nhân dân: "Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Xí..., thấy ai nấy đều

đăm chiêu trước câu hỏi quan trọng ấy không phải chỉ là câu hỏi của Bình Định Vương mà còn là của cả cuộc dấy nghĩa Nguyễn Chích thấy cần phải nói ngay những điều nung nấu bấy lâu của mình:

- "Nghệ An là nơi hiểm yếu, đất rộng, người đông. Tôi đã từng qua lại Nghệ An nên rất thông thuộc đường đất. Nay ta trước hãy đánh lấy Trà Long, chiếm giữ cho được Nghệ An để làm chỗ đứng chân, rồi dựa vào nhân lực, tài lực ấy mà quay ra đánh Đông Đô thì có thể tính xong việc dẹp yên thiên hạ.

Chính Nguyễn Trãi là người đầu tiên sững sốt trước những điều kỳ diệu chứa đựng trình bày trong lời trình bày gọn ghẽ đó của Nguyễn Chích! Từ vị thủ lĩnh Hoàng Nghiêu Sơn năm xưa đến vị tướng quân Lam Sơn bây giờ, Nguyễn Chích quả đã tiến những bước dài trong cách nghĩ của người làm tướng! Vị quân sư của Bình Định Vương vội vàng tiếp lời ngay:

- "Bấy lâu nay, chúng ta lo việc tạo ra chỗ đứng chân cho cuộc dấy binh. Chỗ đứng chân là vùng Lam Sơn này có lợi thế hiểm yếu của núi rừng, lại là đất quê hương của Vương thượng cùng nhiều tướng lĩnh của ta. Nhưng sáu năm qua cũng đã đủ để thấy rằng chỗ đứng chân này không đủ nuôi cuộc khởi nghĩa lớn nữa. Giặc đã lợi dụng thành Tây Đô kiên cố của triều Hồ để đóng cả một vệ quân, cùng với năm thiên hộ sở và biết bao đồn binh nữa để bao bọc chúng ta ở đây. Trước mắt là Tây Đô, hai bên lại bị kẹp giữa Đông Đô và Nghệ An, cũng đều là căn cứ mạnh của giặc mà đánh vào chỗ hư của nó"...

Hướng về phía Nguyễn Chích, vị quân sư lỗi lạc của Bình Định Vương nói tiếp:

- Quả đúng như lời tướng quân Nguyễn Chích, Nghệ An sẽ là chỗ đứng chân rất tốt cho ta. Là nơi hiểm yếu, đất rộng, người đông, lại xa cả Đông Quan lẫn Tây Đô, tránh được cái thế hai mặt kẹp lại. Thế lực của giặc ở đấy cũng chưa sâu rộng, bởi mới đây còn là đất đai của hai vua Trần. Tiến quân vào đánh chiếm lấy Nghệ An làm chỗ đứng chân rồi từ đấy mà phát triển đi các nơi thì việc lớn tất thành!

Bình Định Vương và các tướng lĩnh Lam Sơn, sau những lời lẽ ấy của Nguyễn Trãi, chỉ còn biết nhìn Nguyễn Chích đầy khâm phục.

Theo đường thượng đạo, toàn bộ nghĩa quân Lam Sơn đã rời Thanh Hóa, tiến vào Nghệ An. Những trận đánh dữ dội diễn ra dọc đường tiến quân đều mang lại thắng lợi oanh liệt cho nghĩa quân. Là người đề ra kế hoạch tiến quân, Nguyễn Chích còn là người hăng hái tham gia tất cả những trận đánh lớn ấy.

Đúng như điều đã thấy trước ở cuộc họp bàn cơ mật năm Giáp Thìn(1424), cục diện mới xuất hiện trên đất mới đã tạo cho nghĩa quân Lam Sơn một chỗ đứng rất tốt ở Nghệ An. Nghĩa quân đã dồn được quân giặc ở khắp phủ chạy về cố thủ trong tòa thành xây cao trên núi Lam Thành. Làm chủ cả một miền đất đai rộng lớn, đông dân, giàu tài lực và nhất là giàu lòng yêu nước, nghĩa quân đã có thêm hàng vạn, hàng vạn người nô nức xin đứng dưới cờ. Những người ấy lại đưa thêm về hàng vạn, hàng vạn người nữa, khi theo các đạo binh được Bình Định Vương phái đi mở rộng thêm chỗ đứng chân vào mãi các phủ Tân Bình, Thuận Hóa ở phía nam ra tận phủ Diễn Châu nối liền với phủ Thanh Hóa ở phía bắc, dồn thêm quân giặc ở các nơi ấy

vào mấy tòa thành chơ vơ, đơn độc.

Những tin tức nức lòng ấy tới tấp bay về thành Lục Niên trên núi Thiên Nhẫn. Giữa những bức tường đá uốn theo thế núi mà xây dựng thật khéo léo và kiên cố là tòa đại sảnh mà Bình Định Vương sử dụng làm đại bản doanh trong những ngày vào hoạt động ở Nghệ An. Suốt cả năm Ất Tỵ(1425) ấy, chính từ nơi đây đã tạo ra những kế sách, tung ra những mệnh lệnh, để nghĩa quân ở khắp nơi thu về những thắng lợi ngày càng lớn. Bây giờ, mùa xuân năm Bính Ngọ(1426), thế lực đã mạnh lên hẳn, cũng từ tòa thành Lục Niên này, một kế sách mới với tầm trọng đại rất lớn, lại cũng đang hình thành. Và chính những người hoạch định những bước đi quy mô sắp tới ấy Lê Lợi và Nguyễn Trãi lại đang cùng Nguyễn Chích bàn tính những việc cụ thể để chuẩn bị cho việc thực hiện kế sách này.

- Đã đến lúc phải chia quân rồi Lê Lợi ngã người về phía trước cho gần với Nguyễn Chích hơn rồi hạ giọng nói tiếp ít hôm nữa, ta sẽ đưa bản doanh ra ngoài Lôi Dương để sửa soạn mở đường cho đại quân đánh ra Đông Quan. Chúng ta sẽ đem lực lượng xây dựng được tại đây đi đọ sức với giặc ở ngoài sào nguyệt chính của chúng; chứ không để cho chúng tìm ta mà giao chiến như trước nữa!

- Vương thượng sẽ giao đạo quân tiên phong cho tôi chứ?

Nguyễn Chích cố kìm vẻ bồn chồn, vươn người hỏi khẽ. Nhưng thấy Nguyễn Trãi mỉm cười, Lê Lợi cũng cười theo, và đặt một tay lên vai Nguyễn Chích:

- Ta vừa nói đến việc chia quân, tướng quân không thấy sao? Vẫn phải để một phần binh mã ở đây, bao vây các tòa thành cố thủ của giặc, không cho chúng đưa quân miền này đi tăng viện cho bọn giặc ở mạn ngoài, một khi bọn ở mạn ngoài bị đánh. Tướng quân phải đảm nhiệm việc ấy.

- Tướng quân là người có công đầu trong việc giúp vương thượng vào đất này xây dựng lực lượng Nguyễn Trãi ôn tồn phân giải. Bây giờ tình thế đã biến đổi, nhưng công việc ở đây không vì thế mà bớt nặng nề. Chọn tướng quân ở lại để lo nốt việc trọng đại này chính là gì lẽ đó!

Quả là phần việc mới giao cho Nguyễn Chích không nhẹ nhàng một chút nào. Giặc Minh đã mất vào tay nghĩa quân những vùng núi rừng, đồng ruộng, xóm làng mênh mông từ Thanh Hóa vào Thuận Hóa. Nhưng những tòa thành mà chúng cố thủ trên miền đất ấy, với hàng vạn quân, không phải là nhỏ. Bấy lâu nay, nghĩa quân để lơ cho chúng là cốt để rảnh tay mà gây dựng lực lượng của mình. Bây giờ, phần lớn những lực lượng ấy đã kéo ra mạn ngoài để đọa sức với quân thù, chỉ còn lại một bộ phần nhỏ giao cho Nguyễn Chích để trực tiếp xử trí những tòa thành của giặc.

Nguyễn Chích chẳng chút nề hà, đứng ra cáng đáng công việc của mình. Và vị tướng trước kia đã từng chuyên tâm rèn luyện cách giữ thành, cố thủ bao nhiêu, thì bây giờ lại dốc sức tập tành cách tấn công, phá thành bấy nhiêu. Nhanh chóng xây dựng những đạo quân thạo trận công kiên, Nguyễn Chích đã đưa thẳng những đạo quân ấy vào Bố Chính, bắt đầu loạt những trận đánh hạ những đồn luỹ của giặc Minh từ mạn trong trở ra. Và cuối cùng thì trước mắt vị tướng quân năng nổ của nghĩa quân Lam Sơn đã là những bức tường sừng sững của tòa phủ thành Nghệ An

chễm chệ trên núi Lam Thành.

Nguyễn Chích đã nhiều lần từ xa nhìn ngắm đến nhức mắt tòa thành kiên cố này. Những bức tường cao bằng bốn đầu người của nó không phải là không thể vượt qua. Nhưng cái thế tựa vững vào vách núi ở hai phía tây, bắc, và bám chắc lấy bờ sông ở phía nam của nó, đã tạo ra cả một vị trí thủ hiểm lợi hại: Chỉ có thể triển khai công kích từ một phía duy nhất là mặt đông của thành!

Những đạo quân vừa được tôi luyện trong những trận đánh phá thành luỹ giặc ở mặt trận phía nam của tướng quân Nguyễn Chích đã dàn trận sẵn sàng ở hướng đó. Những chiếc thang có móc dài ngất nghểu, những lưỡi câu liêm dựng lên tua tủa, bên những chiếc xe đánh thành có tầng mui dày cộm, sẵn sàng lăn bánh áp sát vào tận cổng cái của dinh luỹ giặc.

Thấp thỏm đứng trên tòa địch lâu của tòa thành bị bao vây, đô đốc Thái Phúc kẻ được giao trấn giữ tòa thành của quân Minh cũng đã thấy rõ cảnh tượng đáng sợ dó. Nhưng từ phía lều trận của vị chủ tướng nghĩa quân, Thái Phúc lại chỉ thấy tiến ra một lính cung thủ, xoãi chân, căng hết dây cung, phóng một mũi tên nặng lên mặt thành. Một lá thư buộc kèm vào mũi tên: Thư phủ dụ của nghĩa quân Lam Sơn do vị quân sư lỗi lạc của Bình Định Vương thân đứng ra soạn thảo!

Hết nhìn đạo binh tinh nhuệ của Nguyễn Chích lại nhìn lá thư mang những lời lẽ thiết tha của Nguyễn Trãi, đô đốc Thái Phúc, sau một hồi cân nhắc, đắn đo nát óc, đã đi đến quyết định cuối cùng: Nộp thành cho nghĩa quân!

Tướng Nguyễn Chích cùng nghĩa quân không mất một mũi tên hòn đạn, tiến binh nhập thành Nghệ An vào đầu xuân Đinh Mùi (1427).

"Con người ta có lúc cứ như được chim trời chắp cánh cho mà bay vậy" Nguyễn Chích đứng cao trên cửa ải Lê Hoa nhìn khắp một vùng rừng núi điệp trùng trãi rộng bạc ngàn trước mắt, bất giác không khỏi nghĩ thầm "Mới ngày nào còn ở Bố Chính, Nghệ An, rồi được dời ra bắc làm Tổng tri quân dân sự bằng lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng và Tân Hưng, đem quân đánh hạ các thành Điêu Diêu, Thị Cầu vậy mà bây giờ đã lại ở trên địa đầu phía bắc của giang sơn dài rộng này rồi!"

Nhớ lại ngày được tin hoàng đế nhà Minh đã động binh khắp thiên hạ để phái đi một lúc mười lăm vạn quân và ba vạn ngựa, chia hai đường tiếp diện cho lũ quân tướng của Minh triều đang bị nghĩa quân bao vây ở Đông Quan, các tướng lĩnh Lam Sơn đều náo nức chờ giờ ra quân. Và bồn chồn đón nhận hướng tiến binh của mình. Bởi vì đã có tin từ ngoài biên giới đưa về: Cánh quân xuống bằng đường ải Chi Lăng do Thái tử Thái phó An Vĩ hầu Liễu Thăng chỉ huy gồm mười vạn quân và hai vạn ngựa sẽ là cánh quân chính của địch. Còn cánh quân xuống theo đường ải Lê Hoa do Thái phó Kiêm Quốc công Mộc Thanh chỉ huy gồm năm vạn quân và một vạn ngựa thì chỉ là cánh quân phụ.

Nguyễn Chích, cũng như lần nghĩa quân cử binh ra Đông Quan năm trước, lại nóng nẩy mong được đánh với Liễu Thăng cho bõ sức, thế nhưng, cũng như lần đã phải ở lại Nghệ An, vị tướng quân năng nổ ấy lại được giao lĩnh cánh quân chặn đường Mộc Thanh. Nhìn vẻ mặt có phần không vui của Nguyễn Chích, quân sư

Nguyễn Trãi lại tỏ bày:

- Mộc Thanh là viên tướng lão luyện chiến binh, được vua Minh phong đến tước Công chứ không như Liễu Thăng chỉ có tước Hầu. Và lại được mang ấn Chinh nam tướng quân chứ không phải là Chinh lỗ phó tướng quân như Liễu Thăng. Chính vì vậy mà phải chọn tướng quân để đương đầu với viên lão tướng ấy!

Nhìn vẻ mặt đã tươi tĩnh trở lại của Nguyễn Chích, Bình Định Vương Lê Lợi dặn thêm:

- Hãy cho đặt phục binh để chờ. Không nên đánh nhau với giặc vội!"

Lãnh quân ra đi, Nguyễn Chích hiểu rằng cả một kế sách đánh giặc lớn lao đã được gói gọn trong lời dặn ấy. Lên đến Lê Hoa, bắt đầu đụng độ với Mộc Thanh, vị tướng trấn ải mới thấy rằng kế sách ấy tuyệt hay! Viên lão tướng của giặc quả là một con cáo già! Biết binh lực của mình không mạnh lắm, nên mặc dầu đã được lệnh phải tiến binh phối hợp với Liễu Thăng cho ăn ý, Mộc Thanh lại ra quân rất lừng khừng, thận trọng, chủ ý chờ đợi tin tức thắng bại của viên tướng trẻ nôn nóng kia, rồi mới quyết định phương sách tiến lui của mình. Thành ra, trong khi ở mạn Chi Lăng, đại binh Lam Sơn đã dốc ra chặn đánh Liễu Thăng rất khẩn trương, dữ dội, thì ở Lê Hoa, dựa vào núi rừng hiểm trở, Nguyễn Chích và số ít nghĩa quân của mình, không khó nhọc gì lắm, vẫn cản được Mộc Thanh ở địa đầu biên giới. Nhưng vị tướng quân lúc nào cũng sục soi ý chí giết giặc không lấy thế làm thỏa lòng. Đứng cao trên ải Lê Hoa, nhìn xem địa thế khắp xa gần, Nguyễn Chích đã chọn sẵn được những nơi hiểm địa, nghĩ sẵn ra những kế lợi hại, chờ đợi xua giặc vào đất chết khi có dịp.

Dịp ấy đã đến thật nhanh. Vào tháng mười năm Đinh Mùi, một toán lính Thiết Độ hăm hở cuốn bụi đường trường từ mạng Đông Đô tiến lên, áp giải bốn viên tướng giặc bị trói chặt và một hòm sắc thư, phù tín, ấn chương thu được của cánh quân Liễu Thăng. Rạng rỡ nét mặt, Nguyễn Chích vừa ngắm nghía chiếc ấn "Chinh lỗ phó tướng quân" nhem nhuốc, vừa lắng nghe tin tức từ đại doanh Bình Định Vương: Mười vạn quân Minh theo đường ải Chi Lăng tràn xuống đã bị phá tan, Liễu Thăng bỏ mạng ngay tại trận!

Lặp tức, mặt trận ải Lê Hoa cũng rùng rùng chuyển động. Vừa ra lệnh nhanh chóng điều bát nghĩa quân tràn ra bày trận ở chốn hiểm địa đã chọn sẵn: Khe nước lạnh và làng Đan Xá, Nguyễn Chích vừa tính kế lùa Mộc Thanh vào bẫy. Giặc hẳn đã quan sát thấy ta động binh. Càng tốt! Vậy thì hãy cho giải ngay đám chiến tù và hòm chiến phẩm kia sang trại giặc để chúng hay số phận của đồng bọn. Đang chờ đợi tin tức của Liễu Thăng, thấy cảnh này, chắc chắn tướng già Mộc Thanh chỉ còn đường rút chạy! Nghĩ làm, Nguyễn Chích vừa ném lũ con tin ra cửa trại đã lập tức lên ngựa phóng thẳng ra trận địa mai phục của nghĩa quân.

Quả như dự kiến của viên tướng tài, vừa được tin cấp báo: Bên trại nghĩa quân đan ồn ào rục rịch, thì đã thấy tận mắt những tang vật của đao chủ lực quân bị tiêu diệt, lão tướng Mộc Thanh hồn vía lên mây, cuống cuồng hạ lệnh lui binh. Lệnh của chủ tướng chưa xuống đến quân lính thì lũ giặc nhát gan đã tự tan vỡ. Con đường

độc đạo trở về nước vừa dẫn lũ quân Minh triều tháo chạy đến vùng núi khe trùng điệp Lãnh Câu Đan Xá, thì đã thấy Nguyễn Chích dẫn lũ quân ùa ra, chém giết dữ dội như những đạo thần binh.

Trận đánh đẫm máu kéo dài. Cho đến khi tướng quân Nguyễn Chích hạ lệnh khua chiên thu binh, thì từ khắp các ngả, nghĩa quân ùn ùn giải về hơn một ngàn tên giặc bị bắt sống, cùng với hơn một ngàn ngựa chiến, chưa kể hơn một vạn xác giặc nữa còn đang rải đầy trên chiến trường. Vị tướng trấn ải Lê Hoa chỉ còn hậm hực một điều là không bắt được tên tướng cáo già Mộc Thanh.

Hơn hai chục năm sau, vào năm Mậu Thìn, quan Nhập nội đô đốc tham dự triều chính đình hầu Lê Chích từ triều đình trở về thăm quê cũ Vạn Lộc. Trải mấy chục năm đánh giặc và gánh vác việc nước thời gian và lo nghĩ đã nhuộm trắng mái đầu chàng trai xuất thân là mục đồng Vạn Lộc. Quyền cao chức trọng, lại được vua ban cho quốc tín, vinh hoa phú quý đã tột đỉnh, nhưng tấm lòng xa quê vẫn bồi hồi khi mái tóc bạc lại sống với những kỷ niệm thuở đầu xanh. Lê Chích bước những bước lâng lâng trên đất rừng Mã Trạch gần làng. Đi bên cạnh vị lão tướng là một thượng khách vừa được mời về thăm quê bạn: Tiến sĩ Trình Thuấn Du, bậc thức giả đang độ lừng lẫy tiếng tăm thuở bấy giờ.

Thấy Lê Chích dừng lại bên mấy gò đất rất lâu, vẻ xúc động lộ ra nét mặt, Trình Thuấn Du cũng yên lặng đứng bên, ngó nghiêng quanh quất.

- Ngày xưa tập trận ở đây, bên trái là chỗ cắm cờ, bên phải là chỗ đặt trống, phía trước là nơi tụ hội ba quân, đàng sau là chốn dàn bầy voi trận...

Lê Chích khoát tay nói với Trình Thuấn Du, rồi lại tiếp tục bước đi giữa những hàng cổ thụ. Rừng Mã Trạch rì rào những tiếng động muôn thuở của gió lá chim cành, và cả lời tâm sự của vị lão tướng với người bạn văn nhân:

- Từ đất này ra đi, đến khi trở về thì mái tóc đã bạc. Năm nay thế là đã sáu chục lẻ sáu tuổi rồi, chẳng mấy chốc nữa là đến cõi! May mà còn có niềm vui là được đánh giặc suốt từ địa đầu biên giới phía nam cho tới tận cùng biên giới phía bắc của giang sơn, giữ yên được bờ cõi cho dân nước. Bây giờ chỉ còn ước vọng là khi nào nằm xuống thì lại được trở về chốn đất quê này...

Trình Thuấn Du nhẹ nhàng mỉm cười:

- Tôi thì cũng sắp đến cõi như quan bác, nhưng nếu trời cho đi sau quan bác thì khi ấy sẽ xin vì quan bác mà sửa bút thảo một bài văn, thuật lại đầy đủ cuộc đời hiển hách của quan bác. Bài văn ấy sẽ cho đem khắc vào bia đá và dựng ở ngay đây!

Đôi bạn già cùng cười. Khi ấy không ai nghĩ rằng đấy là những lời nói chẳng bao lâu nữa sẽ thành sự thật!

Lê Lợi

Tháng 10 năm Bính Thân, một ngày trung tuần, sông núi, cỏ cây và con người

vùng đất Ninh Kiều một phen rậm rập như vào hội.

Chỉ mới hai ngày trước, nơi đây dòng sông còn đỏ ngầu máu giặc và rải rác trên cánh đồng từ Ninh Kiều vào Cao Bộ giặc nằm phơi xác ngổn ngang. Cuộc đọ sức giữa nghĩa quân Lam Sơn do các tướng Lý Triện, Đỗ Bí, Phạm Văn Xảo, Đinh Lễ, Nguyễn Xí chỉ huy với gần chục vạn quân của tổng binh Vương Thông kéo đến đã xảy ra như trời long đất lỡ. Tên tướng giặc ngông nghênh đem quân từ bên nước sang tưởng như sẽ tiêu diệt được nghĩa quân trong chớp nhoáng. Không ngờ thượng thư giặc Trần Hiệp phải bêu đầu, nội quan Lý Lượng cũng bỏ mạng, còn bản thân Vương Thông thì bị thương. Tên tướng giặc sống sót thu vội tàn binh rút về Đông Quan để lại năm vạn xác quân lính làm phân bón cho ruộng đồng Ninh Kiều Cao Bộ. Còn nghĩa quân Lam Sơn đã gấp gáp đưa tin báo tiệp về Lỗi Giang. Bình Định Vương Lê Lợi với đại quân cùng hai mươi thớt voi, chia hai đường thủy bộ rời căn cứ Lam Sơn thân yêu quen thuộc, tiến đến Lũng Giang gần Ninh Kiều giữa lúc tiếng reo mừng của những người chiến thắng còn chưa tắt.

Thời tiết tháng Mười lạnh lẽo. Những cánh đồng lúa vừa mới gặt xong còn lô nhô chân rạ màu xam xám. Đó đây khắp xóm làng thơm thơm mùi lúa mới. Năm nay được mùa. Thóc lúa chưa kịp gặt ráo đồng thì giải đất này đã gặt thu một mùa chiến thắng. Giờ đây trên đất vùng Ninh Kiều đang có mặt Bình Định Vương Lê Lợi và hầu như toàn bộ đầu não của nghĩa quân Lam Sơn. Cả nước Đại Việt đang hướng về Ninh Kiều theo dõi từng bước chân đi của Lê Lợi. Khắp vùng kế cận, mới thoáng nghe tin Bình Định Vương hành quân ra Bắc, đã hồ hởi bảo nhau tải lương thực cùng từng đoàn trai tráng đổ về Ninh Kiều như nước chảy. Còn trong thành Đông Quan, sào huyệt của giặc cách đây chưa đầy Ba mươi dặm đường, Vương Thông cùng bè lũ giặc cướp cũng đang nghĩ về Ninh Kiều mà giật mình thon thót.

Khi mặt trời tháng Mười vàng chói vừa chênh chếch xế chiều, Bình Định Vương Lê Lợi đi thị sát chiến trường đã về đến bản doanh. Mấy ngày trước đây, ngôi đình ngói năm gian dựa lưng vào núi, lọt vào giữa chòm xóm thân yêu còn là nơi gặp gỡ của tướng lĩnh bàn kế diệt giặc trên cánh đồng Cao Bộ. Giờ đây, cũng ngôi đình này, Bình Định Vương chọn làm nơi dồn trú. Ngồi quây quần trên hàng sập gỗ kê ở gian giữa, các tướng lĩnh chờ đợi lệnh của Bình Định Vương. Cảnh chụm đầu kề vai cùng bàn mưu liệu kế đối phó với giặc Minh đã diễn ra không biết bao nhiêu lần kể từ ngày đội nghĩa quân còn trong trứng nước, phải ẩn náu nơi núi rừng Lam Sơn. Thế mà đã Mười năm rồi, từ sau hội thề ở Lũng Nhai vào năm Bính Thân (1416), tám năm, từ khi Lê Lợi xưng vương phất cờ khởi nghĩa ở đất Lam Sơn. Từ bấy đến nay, khắp vùng rừng núi đất Thanh trùng điệp, rồi Nghệ An hiểm trở mênh mông, gót chân tướng lĩnh cùng quân sĩ đã mòn và mái tóc của Bình Định Vương đã lốm đốm bạc. Trong cuộc đọ sức với giặc, khi phá tan thành giặc, lúc phục binh giết giặc bất ngờ, hoặc bị vây khốn chí nguy, con người đang đứng trước mặt các tướng lĩnh vẫn thản nhiên, vững chải như ban thạch. Khó mà bắt gặp một niềm vui toát ra vội vàng trên khuôn mặt vuông vắn, có đường nét hơi thô và cặp môi dày viền những đường viền rõ nét ấy. Trong nguy hiểm gian lao không hề thấy một biểu hiện lo âu hiện ra trên vầng trán phẳng lì và cặp mắt tròn lúc nào cũng rực sáng. Bình Định Vương suy nghĩ gì trên đất Ninh Kiều và lệnh của Người ra sao? Không ai dự đoán

được.

Từ buổi có mặt ở Ninh Kiều, Lê Lợi đã ân cần hỏi han quân sĩ, chăm chú lắng nghe tỉ mỉ mọi điều về tình hình quân dân và chiến sự trên đất Bắc. Người đi thị sát chiến trường mà không hề phán bảo ngoài những lời ngợi khen về chiến thắng Ninh Kiều, Cao Bộ.

Có lẽ đây là lần đầu tiên những người cầm đầu nghĩa quân Lam Sơn họp bàn chuyện diệt giặc ngay bên cạnh hang ổ chính của giặc. Trong tâm tư của mọi người, ai nấy đều nghĩ về Đông Quan. Lý Triện, Đỗ Bí, Phạm Văn Xảo, Đinh Lễ, Nguyễn Xí, những người vừa diệt giặc ở Cao Bộ đuổi Vương Thông đến sát chân thành Đông Quan, chờ đợi ở Bình Định Vương lệnh san phẳng sào huyệt của giặc. Nếu như trong trận đánh vừa qua có thêm một lực lượng mạnh chặn đường rút của giặc, thì Tổng binh Vương Thông khó thoát. Biết đâu, giờ đây các tướng lĩnh lại chẳng gặp gỡ nhau trong thành Đông Quan. Vừa qua cuộc đọ sức với Vương Thông, các tướng lĩnh ở đây nhìn Đông Quan như quả chín, một cơn gió nhẹ cũng đủ làm cho rơi rụng. Chỉ có Nguyễn Trãi vị vâng thần luôn có mặt cạnh Bình Định Vương, chuyên trách việc thư từ qua lại với giặc thì hiểu thành Đông Quan hơi khác. Trong suy nghĩ của Nguyễn Trãi, thành Đông Quan không phải chỉ có mặt viên bại tướng Vương Thông và số quân sĩ sống sót chạy về. Ở đó còn có lực lượng của Trần Trí cố thủ từ trước, lại thêm Phương Chính, Lý An từ Nhgệ An kéo về. Hàng nửa chục vạn quân chụm nhau trong một tòa thành kiên cố, hạ được không phải dễ. Ngồi cạnh các võ tướng, Nguyễn Trãi vẫn nghĩ đến việc đánh vào lòng người mà ông đã đề ra từ ngày dâng "Bình Ngô sách" cho chúa Lam Sơn hơn mười năm về trước. Dù sao, mọi người vẫn tin chắc rằng Bình Định Vương đem quân ra Bắc lần này là nhằm vào thành Đông Quan...

Quả vậy, Lê Lợi đang nghĩ đến thành Đông Quan. Không phải bây giờ, mà hai tháng trước đây, khi vây hãm thành Nghệ An, phái ba đạo quân ra Bắc, Lê Lợi đã nghĩ đến Đông Quan. Trong con mắt của người cầm đầu nghĩa quân Lam Sơn, Thành Đông Quan không chỉ là một sào huyệt quan trọng hàng loạt hang ổ giặc cắm rải rác nhiều nơi trên đất Đại Việt, mà còn là đầu mối liên lạc với nước Minh qua hàng loạt thành trì trên con đường lên ải Bắc. Đọ sức với Đông Quan là đương đầu với Tuyên Đức và bè lũ quần thần đang ngự trị ở Yên Kinh.

Hơn tám năm quần nhau với giặc, cho đến nay Bình Định Vương Lê Lợi đã thấy rõ ngày toàn thắng đã tới gần. Nhưng từ nay tới ngày ấy còn biết bao nhiêu khó khăn nguy hiểm không thể lường hết được. Việc hành quân ra Bắc lần này của Bình Định Vương chỉ là đi thêm một nước trong thế cờ đã sắp sẵn để đi vào kết thúc. Sau mấy ngày đêm xem xét, suy nghĩ đắn đo, giờ đây Bình Định Vương hạ quyết tâm trước tướng lĩnh:

- Đánh Đông Quan!

Giọng nói của Bình Định Vương truyền ra ngắn gọn như một phát súng lệnh. Một thoáng im lặng trấn ngự năm gian đình. Tư Không Đinh Lễ, vị tướng cao tuổi vừa lập công trong trận Tốt Động, thay mặt cho mọi người, chắp tay đáp lệnh:

- Tâu Vương thượng! Lũ chúng tôi vẫn mong được lệnh san phẳng thành Đông Quan để trả thù cho trăm họ.

Bình Định Vương Lê Lợi gật đầu, nhìn khắp lượt. Tiếp lời Đinh Lễ, một vị tướng trẻ có dáng người vạm vỡ đứng dậy, đến trước mặt Bình Định Vương, vòng tay cất vọng sôi nổi:

- Muôn tâu! Vương Thông sống sót, hắn cố thủ Đông Quan với một nhúm tàn binh, chỉ chờ ngày nộp mạng. Sau trận đại bại vừa qua, hắn sợ khiếp vía. Nay được Vương thượng đem quân ra đây, số phận chúng như cá nằm trong thớt. Quân sĩ vẫn mong đợi lệnh hạ thành Đông Quan để được dịp đua sức lập công.

Lê Lợi xốc lại tấm da hổ trùm trên đôi vai to rộng, đưa mắt nhìn về phía thành Đông Quan. Bên ngoài, nắng hanh ấm áp. Từng cơn gió bấc thổi lọt vào năm gian đình lành lạnh. Bằng một cử chỉ thân thương quen thuộc như những ngày nằm gai nếm mật nơi núi rừng, Bình Định Vương bước lại gần, đặt tay lên vị tướng trẻ. Vẻ hồ hởi hiện ra trong ánh mắt làm cho nét mặt của Lê Lợi bình thường có vẻ già hơn cái tuổi ngoài Bốn mươi của Người giờ đây như trẻ hẳn lại. Đập nhẹ tay lên vai Nguyễn Xí, Lê Lợi cười nói với tướng lĩnh:

- Thành Đông Quan hiện nay có bao nhiêu quân, lương thảo nhiều hay ít? Vương Thông, Trần Trí, Phương Chính, Lý An chia nhau cố thủ ra sao? Các người có rõ không? Binh pháp vẫn dạy: Biết mình, biết người, trăm đánh trăm thắng. Phen này ta cùng các người sẽ tính chuyện với Đông Quan. Nhưng không phải vì thế mà quên điều binh pháp đã dạy.

Nói đến đây Lê Lợi nhìn Nguyễn Trãi, con người từ đâu vẫn im lặng ngồi thu mình trong tấm áo kép bông, chăm chú lắng nghe lời bàn của tướng lĩnh. Ông vội chắp tay ngang ngực, ngước nhìn Bình Định Vương bằng đôi mắt khâm phục của người cận thần tâm phúc. Nguyễn Trãi dè dặt đáp lời:

- Dạ!

Khắp vùng đất Bắc và cả thành Đông Quan nữa, Nguyễn Trãi đã từng đặt chân tới. Sau nhiều năm bị giặc đóng chiếm hẳn có nhiều thay đổi. Nhưng địa thế và con người Đại Việt thì trước sau vẫn là một. Nguyễn Trãi muốn tâu bày nhiều, nhưng ông tự thấy phải dè dặt trước các tướng lĩnh vừa lập công lớn mà thâm tâm ông vô cùng kính phục. Vả lại, qua lời nói của Bình Định Vương, Nguyễn Trãi đã sớm nhận ra nước cờ hạ thành Đông Quan của Lê Lợi. Ông cảm thấy yên tâm.

Sau một lát đắn đo, Lê Lợi nói với mọi người:

- Ninh Kiều cũng không xa Đông Quan lắm nhưng đò sông cách trở, khó khăn trong việc theo dõi mọi động tĩnh của giặc. Đây chỉ là đất trú quân lợi hại khi lực của chúng ta còn nhỏ yếu. Bây giờ thế và lực của ta đã khác.Giặc trốn tránh ta, còn ta thì truy lùng tìm diệt chúng. Ta muốn dời bản doanh về sát phía Nam Đông Quan rồi hãy bàn kế hạ thành giặc, các người tính sao?

Nguyễn Trãi lặng yên, giấu niềm khâm phục đến ngạc nhiên của mình trước việc chuẩn bị hạ nước cờ thế của Bình Định Vương Lê Lợi. Còn các tướng lĩnh từ người

cao tuổi như Đinh Lễ cho đến người trai trẻ như Nguyễn Xí đều lấy làm vui mừng được đem quân tiến đến gần hang ổ giặc.

Sau ít ngày chuẩn bị, vào một hôm giữa ngày nắng ráo, Bình Định Vương Lê Lợi truyền lệnh chuyển quân. Trên các ngả đường từ Ninh Kiều về Tây Phù Liệt, quân sĩ trẩy đi rầm rập. Voi chiến lừng lững tải lương thực, khí giới lướt trên đường. Tiếng đồn Bình Định Vương Lê Lợi chuyển đại quân về sát Đông Quan lan đi khắp nơi. Các vùng phụ cận vui như mở hội. Còn trong thành Đông Quan, bè lũ Vương Thông nghe tin, lại sửng sốt bàng hoàng...

Đêm đã khuya, đô đốc Phương Chính còn trằn trọc không sao ngủ được trong căn lầu ở gần cửa Nam thành Đông Quan. Cuộc họp bàn của các tướng lĩnh có làm cho Phương Chính yên tâm hơn. Nhưng cuộc đời cầm quân của hắn đã từng gặp bao chuyện bất ngờ. Trận đại bại của Tổng binh Vương Thông vừa qua ở Cao Bộ chẳng là một chuyện bất ngờ đó sao? Năm vạn viên binh của quan Tổng binh từ biên giới tràn sang chưa được một tháng trời đã nếm mùi bại trận. Bản thân Phương Chính thoát khỏi vòng dây ở Nghệ An cùng Lý An vội rút về cứu nguy cho Đông Quan đã được gần một tháng mà tình hình càng thêm nguy khốn. Lê Lợi mới phái ba cánh quân ra Bắc mà quân Minh đã bị đại bạiở cánh Đông Quan trên dưới 30 dặm đường. Giờ đây, chính Lê Lợi đem đại quân ra Bắc chốt ở gần Ninh Kiều, Đông Quan sẽ ra sao? Lê Lợi sẽ đánh Đông Quan. Điều đó các tướng lĩnh đã thấy trước. Nhưng Lê Lợi đánh ra sao và bây giờ sẽ tiến đánh? Bàn luận đến nát đầu, mà tình thế vẫn cứ bí, tuy nhiên Phương Chính cũng thấy rằng Lê Lợi có đem tới mười vạn quân vẫn không đương đầu nổi với Đông Quan. Ấy là chưa kể triều đình sẽ không thể để cho Đông Quan bị mất về tay quân Đại Việt. Tin tức thu lượm cho biết, cách đây mười hôm Lê Lợi đem quân ra đóng ở Lũng Giang, gần Ninh Kiều và mới ngày hôm qua lại chuyển quân doanh về Tây Phù Liệt. Việc chuyển quân tuy đường gần cũng phải mất mấy ngày, như vậy Lê Lợi có mưu tính tấn công Đông Quan cũng ít ra vào khoảng cuối tháng. Còn nhiều ngày để lo phòng bị và cấp báo về triều đình. Trong kế sách canh giữ, Phương Chính phải đem một vạn quân trấn vùng ngoại vi Đông Quan. Giờ đây nằm trong lầu tướng sát cửa Nam thành Đông Quan, Phương Chíng nghe rõ mồn một từ tiếng trống cầm canh của tiền quân đống dọc theo thành Đại La dội về. Hắn không thể ngủ được, bình tĩnh khoác áo giáp, cắp thành trường kiếm rồi nhảy lên lưng ngựa xông ra ngoài thành. Phương Chính thúc bộ tướng lao về chân thành Đại La cùng toán dũng sĩ hộ vệ. Vừa vượt qua khỏi thành Đông Quan, một vòng đai khói lửa cùng tiếng reo hò như sấm dậy làm cho Phương Chính giật mình: "Cả bốn mặt Đông Quan đều có giặc". Tên tướng giặc điều một đội quân tinh nhuệ tiến về chặn các cửa ô phía thành Đại La.

Trong lúc bên ngooài thành, chiến trận mỗi lúc một lan rộng thì trong thành, Tổng binh Vương Thông cùng với Mã Kỳ, Sơn Thọ, Lý An, Mã Anh... Chia nhau chặn giữ các cửa sẵn sàng kéo quân ra ngoài thành tiếp chiến. Đô đốc Phương Chính chưa đến được chân thành Đại La thì tiền quân của hắn đã vội vã chạy về. Tên tướng giặc gầm thét giận dữ. Thanh gươm trong tay Phương Chính vung lên, hàng loạt quân lính bỏ ngũ rơi đầu. Nhưng quân lính vẫn đổ về như nước lũ. Những tiếng kêu thất thanh, hoãng sợ đập vào tai Phương Chính:

- Voi chiến!Voi chiến!

- Bình Định Vương Lê Lợi đang xông vào Đông Quan!

Phương Chính không tin, thúc ngựa xéo lên quân sĩ mà xông tới. Nhưng rồi chính mắt tên tướng giặc trông thấy đàn voi chiến lướt ào ào trong ánh lửa. Và ngọn cờ Bình Định Vương thấp thoáng dẫn đầu đại quân đang hò reo, chia đường xô tới. Biết thế không chống cự nổi, Phương Chính truyền lệnh quay ngựa rút vào thành Đông Quan. Cả bốn cổng thành, quân lính xô nhau chạy vào mỗi lúc một đông, rồi hầu như bị tắc nghẽn.

Trong khói lửa rực trời, Trần Nguyên Hãn từ bến Đông Bộ Đầu đánh thốùc về cửa Đông. Tư Không Đinh Lễ vượt sông Tô Lịch, đốt phá hết đồn trại bên mặt tây đã xông về cửa Đại Hưng gặp đại quân của Bình Định Vương Lê Lợi. Khi hai cánh lim nặng nề của cửa Đại Hưng hối hả đóng ập lại, Bình Định Vương Lê Lợi truyền cho quân sĩ san phẳng hết mọi đồn trại ở ngoại vi Đông Quan, chia nhau chặn giữ các mặt.

Trời đã sáng, bên ngoài thành Đông Quan xác giặc nằm ngổn ngang. Sào huyệt giặc ngập chìm trong vòng đai khói lửa. Bốn cổng thành đóng im ỉm. Trên mặt trường thành, quân tuần tiễu của giặc thập thò, hoảng hốt nhìn ra ngoài. Từng loạt tên bắn ra vu vơ.

Khi ánh nắng đỏ hoe của một ngày tháng Mười đẹp trời lọc qua màng sương giá, rọi xuống khắp nơi thì Bình Định Vương Lê Lợi truyền cho Trần Nguyên Hãn và Đinh Lễ:

- Bằng một trận tấn công bất ngờ ta đã chiếm được ngoại vi thành Đông Quan, dồn tướng giặc phải chui vào thành cố thủ. Các ngươi chia quân giữ chặt, không cho một tên giặc lọt ra ngoài. Đã đến lúc chúng ta vây hãm Đông Quan rồi đó!

"Tổng binh Vương Thông xin giảng hòa!". Tin vui lan truyền nhanh trong quân sĩ. Ai nấy bàn tán xì xào: "Bình Định Vương có chấp thuận không? Hòa hay chiến không ai rõ, chỉ biết lệnh từ Đông Phù Liệt vẫn truyền ra: Giữ chặt vòng vây! Bất luận lúc nào giặc từ Đông Quan nống ra phải diệt bằng hết. Ai trái lệnh bị chém đầu trước hàng quân!". Đồn đại là một chuyện, còn lệnh vẫn là lệnh. Chả thế mà mới tờ mờ sáng hôm nay, một tốp giặc giả là dân thường thừa lúc sương giá mù mịt trốn ra ngoài thành cắt cỏ ngựa đã lập tức bị tóm giữ. Còn ở mạn cửa Bắc thành Đông Quan, đêm qua, ba tên giặc lẻn ra ngoài bờ sông vừa mới xuống thuyền trốn về đất Bắc đã bị giết, chết chìm trong dòng sông giá lạnh. Trong khi đó quân sĩ vẫn được lệnh dồn về vây bọc Dông Quan tầng tầng, lớp lớp. Và Bình Định Vương, vào lúc quân sĩ xôn xao nhất, lại đang có mặt ở phía Nam Đông Quan để kiểm soát, đôn đốc việc hãm thành.

Từ mạn cầu Tây Dương đi lại, Bình Định Vương và đoàn vệ sĩ dọc theo con đường mòn bên ngoài thành Đại La đang trở về vùng Mi Động. Ngồi trên lưng ngựa nhìn về dãy thành đất nhiều chỗ bị sạt lỡ, Bình Định Vương cảm thấy tự hào vì đội ngũ quân sĩ do chính mình gây dựng nên. Mới ngày nào đó, còn là một nhóm người

ít ỏi, lẩn tránh nơi rừng núi mà ngày nay họ đã trưởng thành, tiến thẳng về Đông Quan vây hãm giặc. Một tháng trước, nơi đây còn là chỗ đồn trú của giặc Minh do Đô Đốc Phương Chính điều khiển, người dân ngoại vi thành Đông Quan còn phải chịu đựng bao nhiêu tai họa do giặc gây ra hàng ngày. Giờ đây, ngoại vi Đông Quan là đất là người của ta cả.

Thấy bóng Bình Định Vương đi tuần, tư trong đồn trại hai bên đường, quân sĩ nhao ra chào đón. Từng quãng, đoàn ngựa chiến phải dừng lại. Bình Định Vương mỉm cười vẫy tay chào mọi người. Cho đến gần cửa ngõ phía Nam, quân sĩ đồn trú ở đây kéo nhau ra đứng đón chật đường. Bình Định Vương phải xuống ngựa rẽ đám đông tìm vào bản doanh của Tư Không Đinh Lễ đóng trong vùng Mi Động. Vừa đặt chân đến đường ngoặt, Bình Định Vương Lê Lợi phải dừng lại. Trước mặt Lê Lợi, một người lính già ngoài năm mươi tuổi đã chấp tay đứng đón đường. Khi khuôn mặt xương xương rám nắng của người lính ngẩn lên, Lê Lợi thoáng nhìn thấy một vết sẹo dài hằn bên má. Rồi một câu hỏi đột ngột, gần như xấc xược, thốt ra từ cửa miệng người lính:

Thưa Đại vương, có phải Vương Thông xin giảng hòa?

Câu hỏi đột ngột của người lính già làm cho Bình Định Vương phân vân khó nghĩ. Quả thật Vương Thông bị vây khốn đến lương cạn thế cùng, hắn đã phái người đến Đông Phù Liệt xin giảng hòa. Điều đó cũng không lấy gì làm lạ. Đối phó với lũ giặc tàn bạo tráo trở ra sao, còn phải cân nhắc kỹ. Dầu sao, ở đây, trước đông đảo quân lính, Bình Định Vương không muốn giấu sự thật đó. Lê Lợi đưa tay lắc mạnh đôi vai người lính:

- Đúng! Vương Thông bị các người vây khốn, hắn xin giảng hòa. Ngươi thấy sao?

Bình Định Vương vừa dứt lời, người lính già lùi lại một bước, vung mạnh tay vẻ giận dữ hiện ra trong ánh mắt đỏ ngầu. Người lính lớn tiếng quát:

- Sao lại hòa? Ta sống thì lũ chúng phải chết, chỉ có thế thôi. Phải giết hết, không để sót một mống mới hả dạ!

Như nhận ra mình có điều không phải lễ, người lính già bước lại gần Bình Định Vương chắp tay, cuối đầu nói ôn tồn:

- Muôn tâu Đại Vương! Gần mười năm cắp giáo theo Đại Vương, chính mắt tôi đã thấy không biết bao nhiêu chiến hữu bị ngã gục vì quân giặc bạo tàn, còn cha mẹ, vợ con tôi thì... Ngừng lại một lát người lính già hạ giọng: Tôi hằng mong còn sống được đến ngày giết hết lũ chúng, trả thù cho người đã khuất, xin Đại Vương tha lỗi.

Nhìn thẳng vào đôi mắt đỏ hoe của người đang đứng trước mặt, Bình Định Vương cầm tay người lính:

- Không! Không! Người không có lỗi. Hãy theo ta cùng quân sĩ vây chặt thành Đông Quan!

Bình Định Vương tìm đường vào bản doanh quan Tư Không Đinh Lễ. Người lính già đã làm sống lại trong tâm tư Bình Định Vương những hình ảnh đau thương,

thù hận của những ngày qua...

Ngày ấy Bình Định Vương nhớ rất rõ, chưa được mười ngày, sau khi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, 16- 1 năm Mậu Tuất (1418), giặc Minh cho mấy tên phản bội dẫn đường ập đến Lạc Thủy gây cho nghĩa quân tổn thất nặng nề. Vợ con, thân thuộc của Lê Lợi và những người ứng nghĩa đều bị giặc lùng bắt, giết hại. Cho đến nắm xương tàn của thân sinh Lê Lợi đã nằm yên dưới mồ cũng bị chúng quật lên. Đau thương, mất mát chỉ mài thêm sắt chí căm thù. Từ bấy đến nay Bình Định Vương cùng quân sĩ không quản thân mình, chịu đựng muôn vàn hy sinh gian khổ, quyết một lòng đền nợ nước trả thù nhà. Trong số những người có mặt ở Lam Sơn ngày ấy, đến nay còn được bao nhiêu? Người lính già kia hẳn là một nghĩa quân kì cựu từ những ngày mới nhóm họp.

Bước vào bản doanh quan Tư Không Đinh Lễ là hình ảnh người lính già vẫn còn đọng lại trong trí Bình Định Vương.

Ngôi đình Đông Phù Liệt dựng trên một khu đất cao ráo, bằng phẳng. Mấy cây đa cổ thụ trước sân xòe cánh rộng phủ trùm kín nửa mái đình. Liền sau hôm tấn công vây hãm thành Đông Quan, Bình Định Vương chọn nơi đây làm bản doanh. Từ bấy, ngôi đình trở nơi uy nghiêm hơn, mang thêm dáng vẻ của một tòa hoàng cung. Từ ngày dấy quân đến nay, đây là lần đầu tiên Bình Định Vương cho sắp dặt một đại bản doanh khang trang đến nhu thế. Trên nóc Tam Quan ngọn cờ đại thêu ba chữ "Bình Định Vương" treo cao, nổi bật trên nền lá cây màu xanh thẫm. Đội quân túc vệ ngày đêm tuần tiễu canh giữ. Các vệ quân chia nhau dựng đồn trại san sát, chiếm một vùng rộng lớn xung quanh ngôi đình. Chiếc sân lát đá thênh thang, quanh năm rêu phủ, giờ đây đã nhẵn bóng vì bước chân người qua lại rầm rập. Năm gian đình làm nơi hội họp tướng lĩnh, tiếp đón quân dân từ các đạo về yết kiến Bình Định Vương bên trong chính tẩm được sửa sang lại làm nơi nghỉ và họp bàn việc cơ mật. Hai bên giải vũ là nơi ở của quân túc vệ và trú ngụ của tướng lĩnh mỗi khi về bản doanh họp bàn kế sách. Trong số các tướng lĩnh văn võ có Nguyễn Trãi được Bình Định Vương cho ở luôn trong đại bản doanh.

Bằng vào dáng vẻ bên ngoài, ngôi đình Đông Phù Liệt quả là hoàng cung của vua nước Đại Việt. Nhưng bên trong, từ cách ăn ở, phục sức của tướng lĩnh và Bình Định Vương cho đến việc tiếp xúc hằèng ngày, nơi đây vẫn còn giữ nê nếp, phong độ một bộ phận đầu não của doàn quân khởi nghĩa. Ở đây hàng ngày không có buổi chầu, không có triều hội, mà chỉ những hồi trống bất thường báo hiệu tướng lĩnh đến gặp mặt, họp bàn kế sách chống giặc và những cuộc tiếp khách như thường lệ của Bình Định Vương.

Từ sau khi vây hãm được thành Đông Quan, vùng đất Bắc rộng lớn gần như hoàn toàn thoáùt khỏi ách cai trị của giặc. Hào kiệt các nơi đua nhau nổi dậy cầm đầu các phủ lộ theo về với Bình Định Vương ứng nghĩa. Và theo đó, dân chúng khắp nơi điều hướng về Đông Phù Liệt, đợi lệnh của Bình Định Vương. Trước khi Bình Định Vương chỉ lo việc chống giặc, thì giờ đây, sau nước cờ vây hãm Đông Quan, Bình Định Vương còn phải lo cai quản đất nước.Việc lập các bộ, sảnh, viện, chọn người canh giữ và cắt đặt người cai quản các phủ lộ thật là bề bộn. Nhưng quan

trọng và cấp thiết hơn, vẫn là việc quét sạch lũ giặc nước. Bị giam hãm ở Đông Quan, bè lũ Vương Thông sớm muộn rồi cũng bị tiêu diệt. Nhưng Vương Thông cũng chỉ là tay chân, đầu não của chúng lại trấn trị ở kinh đô phương Bắc. Vương Thông gặp thế cùng lực kiệt, Tuyên Đức sẽ cấp viện binh; Vương Thông bị giết có thể là có tên khác sang thay. Cuộc đọ sức càng đến gần ngày kết thúc càng không đơn giản và quyết liệt.

Tại bản doanh Đông Phù Liệt, Bình Định Vương Lê Lợi cùng mưu thần Nguyễn Trãi đã ngồi bên nhau qua nhiều đêm trắng vào mùa đông năm Bính Ngọ để tính chuyện với thành Đông Quan: Vây hãm vàgọi hàng.

Thành Đông Quan bị khốn quẫn, ngột ngạt trong vòng vây trùng điệp. Vương Thông ra quân trận nào bị tiêu diệt trận ấy nhưng vẫn chưa chịu hàng. Tên Tổng binh giặc bám lấy tờ chiếu của Minh Thành tổ trước đây nói tìm lập con cháu nhà Trần lên làm vua rồi sẽ bãi binh. Bình Định Vương bàn với Nguyễn Trãi tìm Trần Cảo lập lên làm vua, đặt niên hiệu Thiệu Khánh dồn Vương Thông vào thế phải bãi binh. Tướng giặc quỷ quyệt không bãi binh mà lại sai sứ giả là Nguyễn Nhậm mang thư đến Đông Phù Liệt xin giảng hòa. Tin đó lan truyền trong quân sĩ và đang làm cho Bình Định Vương Lê Lợi phải đau đầu.

Nghe nói giặc xin giảng hòa, tướng lĩnh và quân sĩ nhiều người nỗi giận. Hình ảnh người lính già ở chân thành Đại La hôm nọ còn in đậm nét trong tâm trí Bình Định Vương.

Lê Lợi vẫõn nghĩ rằng: "Hòa hay hàng, nói thế nào cũng được, miễn là giặc phải rút hết quân, trả non sông Đại Việt lại cho người Đại Việt. Dân Đại Việt không phải làm nô lệ cho ngoại ban". Chẳng phải đến bây giơ, ø mà ngay từ khi dấy quân, Bình Định Vương đã từng bảo với mọi người "Ta sở dĩ cất quân đánh giặc, không phải là có lòng tham phú quý, chỉ là muốn cho người ngàn năm về sau biết ta không chịu làm tôi cho giặc tàn ngược thôi".

Đã khuya, đêm mùa đông càng thêm tĩnh mịch. Tại bản doanh Đông Phù Liệt, Lê Lợi tìm đến thư phòng của Nguyễn Trãi còn le lói ánh đèn. Trao tờ thư xin giảng hòa của Vương Thông cho người cận thần thân tín và mưu lược đang ngồi bên án thư, Lê Lợi phán bảo:

- Ta đã suy nghĩ kỹ, "Lời nói ấy cố nhiên hợp ý ta. Vả lại binh pháp nói không phải đánh mà khuất phục được quân của người là kế hơn cả".

Nguyễn Trãi kính cẩn dâng lá thư gửi thành Đông Quan vừa soạn thảo xong đáp lời:

- Tâu Vương thượng! Bấy lâu nay được Vương thượng giao cho việc soạn thảo thư từ gọi hàng giặc, thần vẫn mong có ngày quét sạch lũ chúng. Nay Vương Thông dâng thư xin rút quân về nước, thì còn gì bằng.

Bình Định Vương Lê Lợi gật đầu tỏ ý hài lòng với lời bàng hợp ý của Nguyễn Trãi. Một lát lặng yên, Bình Định Vương nói tiếp:

- Nhưng bạo ngược, tráo trở là thói quen của giặc. Nay bè lũ Vương Thông bề

ngoài nói xin giảng hòa, mà trong bụng vẫn ngầm đợi viện binh. Ngươi tính sao?

- Vâng, điều đó có thể đúng như dự đoán của Vương thượng. Thần vẫn nghĩ nếu Vương Thông thực tâm rút quân về nước được thuận tiện. Nếu chúng tráo trở, tâu Vương thượng, vòng vây Đông Quan còn đó, xin Vương thượng cứ yên lòng.

Suốt đêm hôm ấy, Bình Định Vương Lê Lợi và mưu thần Nguyễn Trãi ngồi bên nhau bàn kế sách chấp nhận chuyện "Giảng hòa". Ngoài sân đại bản doanh Đông Phù Liệt, mưa phùn càng về khuya càng dày hạt. Gió bấc từng cơn rào rào. Tiếng trống cầm canh chốc chốc lại vang lên trong đêm đông lạnh lẽo.

Những ngày cuối năm Bính Ngọ đối với Tổng binh Vương Thông thật là nặng nề bi thảm. Nhưng dầu sao những ngày ấy vẫn trôi qua, và tết Đinh Mùi rồi sẽ đến. Hoàng cung của các vua Lý, Trần lộng lẫy, uy nghi là thế, giờ đây bị chiếm làm tổng hành dinh, cũng không làm cho Vương Thông mảy may vui thích. Những cành hoa đào nở rộ trên các lối vào hoàng cung càng gợi cho Vương Thông nhớ đến cái Tết của quê hương tít mù tận phương Bắc của hắn. Thanh bảo kiếm lúc nào cũng kè kè bên hông đôi lúc làm cho tên tướng giặc hổ thẹn. Mới đặt chân đến Đại Việt với năm vạn quân, năm ngàn ngựa mà hắn đã bại trận, một phen chết hụt để rồi phải giam chân trong thành Đông Quan. Cái mộng đầu xuân Đinh Mùi ăn mừng ở Đông Quan và báo tiệp, dâng công về cho nhà vua của hắn thế là tan vỡ một cách nhục nhã. Các tướng lĩnh dưới quyền, từ Sơn Thọ, Mã Kỳ, Phương Chính... đã có lần khích bác, mạt sát hắn ngay trước mặt. Nhất là trong những ngày bị vây hãm, lương thực khô cạn, quân sĩ chán nản, lòng ngươi chia lìa. Hắn đã nhiều lần cho người lọt ra ngoài thành trốn về nước cấp báo và xin viện binh. Nhưng vẫn biệt tin tức. Không lẽ bó tay chịu chết. Đã là một viên tướng đem quân ra ngoài thành thì không phải đợi mệnh vua, hắn biết vậy và quyết định lập kế "Giảng hòa" xin rút quân về nước. Nhờ đó vòng vây của quân Đại Việt có nới rộng đôi chút cho quân của hắn được ra vào mua kiếm cái ăn cho người, ngựa. Nhưng được có như vậy thôi, hắn đã phải trả cái giá quá đắt: Phái người đến các thành từ Tây Đô trở vào truyền lệnh đình chiến và rút quân. Điều đó có nghĩa là Bình Định Vương buộc hắn ra lệnh cho tướng sĩ của mình từ Thanh Hóa trở vào phải bỏ giáp, hạ vũ khí. Đành vậy! Dầu sao Vương Thông cũng chuốc được cái yên tâm hơn thong những ngày sắp sữa đón Xuân, chờ đợi viện binh, ở cái thành Đông Quan chết tiệt này! Ngày lại ngày, Vương Thông tìm thú vui trong cuộc cờ chén rượu để tạm lãng quên mọi việc. Nhưng nào có quên được!

Mới sớm ngày, quân hầu chưa kịp dâng rượu sáng thì vệ sĩ đã đưa cho Vương Thông lá mật thư từ Tây Đô và Tham chính Lương Nhữ Hốt xin yết kiến. Đọc thư của Đả Trung tướng giữ thành Tây Đô, phản kháng việc giảng hòa, hắn cười gằn, truyền cho viên quan người Việt vào gặp mặt.

- Tham chính Lương Nhữ Hốt tôi, kính chào Vương đại nhân.

Vương Thông đứng dậy đưa tay hộ pháp ra nâng viên quan cúi gập mình như sụp xuống sát đất để lạy chào. Mở đầu buổi tiếp kiến, Lương Nhữ Hốt kính cẩn, rụt rè dâng biếu Vương Thông một món quà bọc trong túi gấm:

- Thưa Vương đại nhân, tiểu quan tôi xin kính dâng ngài một ít thanh bạch quế gọi là lễ mọn của người dân đất Thanh chúng tôi.

Nghe nói đến bạch quế, Vương Thông sực nhớ đến chuyện ngày xưa các viên quan trấn trị Giao Chỉ vẫn coi quế phương Nam là món hàng quý hiếm. Vàng bạc châu báu, rượu ngon, gái đẹp, đất Bắc không thiếu, mà Vương Thông cũng đã tường. Duy có quế Giao Chỉ, mà lại bạch quế nữa, thì có lẽ đây là lần đầu tiên hắn trong thấy.

Từ câu chuyện các loại quế của Giao Chỉ ngày xưa đến đất Thanh ngày nay, Lương Nhữ Hốt khôn khéo tự kể cho Vương Thông về lòng tận trung của hắn đối với "Thiên triều" trong những năm được người Minh cho giữ chức tri phủ Thanh Hóa! Nhữ Hốt ca tụng công đức của Bắc quốc trong việc dạy dỗ, chân dắt người dân Việt kể từ thời Hán, Đường đến triều Minh bây giờ. Tổng binh Vương Thông lắng nghe, thầm khen phục và hài lòng viên thổ quan có hiểu biết nhiều chuyện kim cổ. Cuối cùng Nhữ Hốt nói với Vương Thông:

- Kính thưa, có lẽ đại nhân chưa biết câu chuyện về tướng Ô Mã Nhi đất này gần hai trăm năm trước.

- Chuyện ra sao?

- Dạ ngày ấy người Nguyên sang nước tôi, tướng Ô Mã Nhi bị vua Trần bắt sống trên sông Bạch Đằng, khi hưu chiến, Ô Mã Nhi được tha về nước nhưng vua Trần lại ngầm sai người đục thuyền cho chết chìm dưới biển cả.

Vương Thông phá lên cười:

- Hay! Hay lắm! Hắn đứng dậy nhìn thẳng vào đôi mắt van lơn cầu khẩn của Lương Nhữ Hốt nói tiếp. Ta chưa biết chuyện đó thật. Nhưng biết hay không, ta đã có kế của ta. Ô Mã Nhi ngu xuẩn là chết đời! Còn ta, vỏ quýt dày có móng tay nhọn, ngài đừng lo.

Quả thật việc Vương Thông xin "Giảng hòa" đã làm cho Nhữ Hốt lo sợ. Cuộc đời làm tay sai cho giặc, từ chức tri phủ Thanh Hóa rồi thẳng lên hữu Tham Tri, cùng với Đả Trung cố thủ trong thành Tây Đô mưu chống phá nghĩa quân là một chuỗi dài tội ác của hắn đối với dân với nước. Hơn mươi năm trước, khi Nhữ Hốt giữ chức tri phủ Thanh Hóa. Lê Lợi còn là trại chủ đất Lam Sơn đánh hơi biết Lê Lợi chiêu mộ hào kiệt bốn phương chuẩn bị khởi nghĩa, Nhữ Hốt đã hót với Trương Phụ: "Chúa Lam Sơn vời kẻ trốn tránh, dùng kẻ làm phản, đãi sĩ tốt rất hậu, chí nó không nhỏ đâu, nếu để giao long gặp mây mưa, thì tất không phải là vật ở trong ao nữa. Nên sớm trừ đi để khỏi lo về sau". Giờ đây nếu Vương Thông giảng hòa với Bình Định Vương thì phường chó săn chim mồi như hắn không còn đất sống. Vì vậy Nhữ Hốt tìm mọi cách lọt vào Đông Quan đem theo thư của Đả Trung và uốn lưỡi cò mồi ton hót với Vương Thông. Bị chủ bắt đúng thóp, Nhữ Hốt sinh ra luống cuống:

- Kính thưa đại nhân, lời nói của tiểu quan có gì không đúng mực, dám xin ngài đại xá.

Vương Thông xua tay:

- Không! Không! Ngài nói rất đúng về chuyện xưa, nhưng chuyện nay thì... Thì các ngài chưa biết rõ đó thôi.

Tên tướng giặc phá lên cười. Hắn chồm lên, lông mày dựng ngược, ghé miệng vào tai Lương Nhữ Hốt:

- Ngài không thấy đó ư? Ta đã truyền cho quân sĩ ngày đêm vót chông tên, đào hào, đắp thêm chiến lũy. Vừa qua ta lại phái người về nước cấp báo tình hình của giặc và xin thêm viện binh rồi đó...

Lương Nhữ Hốt vòng tay cúi đầu.

- Dạ! Dạ!..

Tiễn chân Lương Nhữ Hốt ra về, Vương Thông nghĩ đến Tây Đô, hắn lẩm bẩm: "Rặt một lũ ngu xuẩn, tham sống sợ chết!". Hắn cảm thấy vui vui, tự hào về mưu thần chước quỷ của hắn đưa ra trong việc giảng hòa và tự cho rằng thiên hạ đều mờ tối, chỉ có mình là sáng suốt. Vương Thông bước lại gần khóm hoa đào tươi thắm đang nở rộ, mơn mởn trong nắng ấm hiếm hoi của mùa đông. Hoa đẹp như nhắc với hắn: Sắp sang xuân rồi. Ngắt một bông hoa đào cầm trên tay, tên Tổng binh giặc thở dài. Xuân mới đến với hắn sao mà xám xịt, chỉ có hoa đào là đẹp thôi. Nhưng đây là hoa của Đại Việt mọc trên đất Đại Việt. Bóp nát bông hoa đào trên tay, Vương Thông bước vào tổng hành dinh.

Trên con đường từ ngoại vi góc Đông Nam thành Đại La, đôi ngựa chiến đưa hai vị tướng, một già một trẻ, đi về phía nam, tìm đến đại bản doanh Đông Phù Liệt.

Vị tướng có mái tóc lốm đốm bạc quay lại hỏi:

- Quan Tư Không Đinh Lễ có bàn bạc thêm gì không?

- Ngài chỉ bàn với tôi, cứ tâu bày hết:

- Được!

Đó là tướng Trần Nguyên Hãn vây giữ mặt sông Cái và tướng Nguyễn Xí vây giữ mặt Tây của thành Đông Quan. Hai người tìm về đại bản doanh của Bình Định Vương với tâm sự bất bình của người ngày đêm đối mặt với giặc.

Bước vào bản doanh Đông Phù Liệt, Trần Nguyên Hãn và Nguyễn Xí đã thấy Bình Định Vương đang đi tản dưới hàng hiên. Hai người chưa kịp vái chào ra mắt thì Bình Định Vương đã bước ra giữa sân đón:

- Các người từ Đông Quan về đây?

Trần Nguyên Hãn đáp:

- Vâng, thưa Vương thượng, chúng tôi ở Đông Quan về.

Bình Định Vương đón hai vị tướng vào đình, ngồi quây quần trên sập gỗ thường làm chỗ họp mặt.

Không đợi cho Bình Định Vương hỏi thêm, Nguyễn Xí đã lên tiếng:

- Tâu Vương thượng, chúng tôi về gặp Vương thượng, xin được tâu bày tình hình Đông Quan.

- Khoan! Hãy đợi cho ta tìm Nguyễn Trãi đến cùng nghe và bàn bạc.

Nguyễn Xí đưa mắt thăm dò Trần Nguyên Hãn, Bình Định Vương như không để ý, vui vẻ rót rượu mời bộ tướng. Nguyễn Trãi bước vào. Vẫn chiếc áo thụng, kép với chiếc khăn nhiễu tím buộc đầu trùm xuống tận mang tai để che lạnh. Nguyễn Trãi khoan thai bước trên đôi dép cỏ, đến trước sập đứng thu tay:

- Kính chào nhị vị tướng quân ông nói với Bình Định Vương Vương thượng có lệnh triệu hạ thần?

Lê Lợi đón Nguyễn Trãi cùng ngồi xuống sập. Vừa trao chai rượu cho Nguyễn Trãi, Lê Lợi vừa hỏi Trần Nguyên Hãn:

- Tình hình giặc ở Đông Quan ra sao?

- Tâu Vương thượng, đem qua quân ta lại bắt được hai tên giặc lẩn ra ngoài thành có mang theo mật thư của Vương Thông bọc trong sáp gửi về nước.

Bình Dịnh Vương ngắt lời:

- Xin viện binh?

- Vâng.

- Chắc các người có biết ta bắt giữ tri châu Hạ Trung và Phó thiên hộ Quế Thăng ở Xương Giang vì chúng lợi dụng việc cùng người của ta sang nhà Minh cầu phong mà xin viện binh theo lệnh của Vương Thông chứ?

- Dạ, Vương Thông vẫn ngầm xin viện binh mà ngoài miệng lại nói giảng hòa. Lũ chúng tôi vẫn ngại vì Vương thượng quá rộng lượng với chúng.

Trần Nguyên Hãn vừa dứt lời, Nguyễn Xí vội tâu tiếp:

- Tâu Vương thượng, mấy hôm nay Vương Thông ngầm cho quân sĩ lợi dụng đêm tối đào hào, đặt chông và đắp thêm chiến lũy.

- Ta có biết.

- Quan Tư Không Đinh Lễ thường bàn với tôi, nếu cứ như thế này, e rồi đây viện binh của giặc kéo sang, chúng ta trở tay không kịp. Vương Thông xảo quyệt, phản trắc, chúng tôi vẫn nghĩ rằng chấp nhận giảng hòa với hắn cũng vô ích.

Bình Định Vương Lê Lợi vẫn bình tĩnh chờ đợi lắng nghe. Không thấy ai tâu bày thêm. Lê Lợi mới đưa tay về phía Nguyễn Trãi cất giọng chậm rãi và thân mật:

- Các người biết đó. Tuy chấp nhận giảng hòa mà ta vẫn sai Hàn lâm viện học sĩ Nguyễn Trãi đây thảo thư vạch mặt tráo trở của giặc. Gần đây ta lại gửi thư cho Vương Thông, Sơn Thọ. Nguyễn tiên sinh hãy đem bản thảo đọc lại cho các người cùng nghe.

Lục tìm lá thư, Nguyễn Trãi đọc:

- Lại, thư gửi cho Vương Thông, Sơn Thọ.

... Mới đây được ngài gửi thư và sai người đến nói hòa, tôi đã nhất nhất nghe theo. Nay thấy ở trong thành vẫn còn đào hào cắm chông, dựng rào đắp lũy, phá đồ cổ đúc ống phun lửa và đồ binh khí, thế là các ngài định đem quân về nước chăng? Hay giữ bền thành trì chăng? Tôi đều không thể rõ được. Sách truyện có câu "Bất thành vô vật" là bởi lòng mà không thành thật thì việc gì là giả dối cả. Các ngài thực không bỏ lời ước cũ thì phàm làm việc gì cũng nên lợi hại rõ ràng. Muốn rút quân thì cứ rút quân, muốn cố giữ thì cứ cố giữ, hà tất ngoài thì nói giảng hòa mà trong thì mưu tính khác? Đừng nên trước sau trái nhau, trong ngoài bất nhất như thế. Kể ra tiểu nhân dẫu ngu nhưng rất sáng suốt. Tôi đây tuy hèn ngu không biết gì, nhưng tất như lời Khổng Tử nói: "Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an" thế thì nhân tình thật dối thế nào, mảy may cũng không thể che giấu được. Thư nói không hết.

Nguyễn Trãi ngừng lời. Mọi người đều im lặng. Xem ra những điều mình nghe biết thì Bình Định Vương đã thấu rõ lắm rồi. Trần Nguyên Hãn hết nhìn Nguyễn Trãi lại nhìn Lê Lợi với đôi mắt kinh ngạt và khâm phục, Thượng tướng Nguyễn Xí vẫn chưa yên tâm, ôm vòng tay tâu tiếp:

- Kính thưa Vương thượng, lũ chúng tôi nghĩ rằng dầu sao cũng không thể nhân nhượng với giặc để chúng sống mà chờ viện binh.

Thái độ sôi nổi thẳng thắn của Nguyễn Xí càng làm cho Bình Định Vương thêm quý mến viên tướng trẻ. Lê Lợi cười, hỏi thân mật:

- Quân ta vẫn vây giữ bốn mặt thành Đông Quan đấy chứ?

- Dạ.

Bình Định Vương nói như phân trần:

- Tàn bạo và tráo trở là bản tâm của giặc. Ta biết. Nhưng thử hỏi các người trong những ngày chấp thuận giảng hòa vừa qua, chúng ta được, mất những gì? Có phải rằng từ Thanh Hóa trở vào, các thành trì của giặc đều được lệnh Vương Thông phải giải giáp, rút quân. Tướng giữ thành có tuân lệnh hay không là một chuyện, nhưng ít ra chúng cũng choáng váng, hoang mang đến nghi kỵ lẫn nhau, chia lìa mà tự tan vỡ. Nếu giặc thực tâm rút quân, thì ta cho rút, đó là thượng sách. Còn ta, ta rảnh tay để lo luyện tập, củng cố thêm lực lượng, lo thu xếp việc cai quản các phủ lộ, nhằm cố kết thêm lòng người, lôi kéo khắp nơi về một mối.

Giọng của Lê Lợi mỗi lúc càng thêm sôi nổi, và đến đây thì nét mặt của ông trở nên giận dữ, cất tiếng đanh thép như truyền lệnh.

- Nay giặc tráo trở, chúng tự vạch mặt, vòng vây của ta nới ra, nay các người chỉ việc khép chặt lại! Quân dân Đại Việt căm thù giặc lật lọng sẽ cùng chúng ta vây thành diệt viện đông hơn, mạnh hơn có phải không?

Sự giận dữ của Bình Định Vương đã làm cho Trần Nguyên Hãn và Nguyễn Xí hả dạ. Tâm lý bực bội, nóng nảy lúc đầu khi trở về ra mắt Lê Lợi không còn nữa, hai vị tướng nhìn nhau cùng cười. Trần Nguyên Hãn đáp lời:

- Tâu Vương thượng, bao giờ khép chặt lại vòng vây Đông Quan, tướng lĩnh chúng tôi xin chờ lệnh của Vương thượng.

Trên tầng cao của ngôi lầu xây cạnh bờ Bắc dòng sông Cái, Bình Định Vương Lê Lợi đứng tựa vào lan can nhìn về Đông Quan. Bên kia dòng sông, thành lũy giặc hiện ra rõ mồn một. Tòa thành màu xám xịt, từng quãng chìm trong làn cây cổ thụ rồi lại lộ ra với những chòi canh nho nhỏ đậu trên mặt. Phía đông nam tòa thành, ngọn tháp Báo Thiên nhô lên cao vòi vọi. Sát bờ sông về phía nam, con đê Vạn Xuân giặc đắp cao làm lũy che chắn viền bên ngoài. Trong ánh nắng của một ngày mùa thu quang đãng, Bình Định Vương nhìn thấy rõ bóng giặc thấp thoáng phía sau lũy.

Ngay từ đầu năm, Bình Định Vương đã hạ lệnh chuyển bản doanh về Bồ Đề. Tại đây, Lê Lợi đã hạ nước cờ quyết định trong cuộc đọ sức với giặc: Hãm thành, diệt viện để quét sạch giặc ra khỏi đất nước. Bình Định Vương trực tiếp điều khiển việc khép chặt vòng vây Đông Quan. Không phải chỉ có Đông Quan mà tất cả các thành của giặc còn cắm trên đất nước đều bị vây hãm và gọi hàng. Rồi đó, thành Nghệ An, Diễn Châu, thành Diêu Diêu, Thị Cầu, Tam Giang đều ra hàng. Không kể Đông Quan, giặc chỉ còn chiếm giữ các thành Xương Giang, Chí Linh, Cổ Lộng và Tây Đô. Trong đó, sau Đông Quan, Xương Giang là trọng yếu hơn cả. Ngay từ cuối năm Bính Thân, Bình Định Vương đã phái Lê Sát, Lê Thụ đem quân bao quây Xương Giang cùng với việc liên tiếp đưa thư gọi hàng tướng giặc ở đó là đô chỉ huy Lý Nhậm. Tất cả đều vô hiệu, giặc vẫn liều chết cố thủ đến cùng. Giờ đây, thành Xương Giang đang thu hút sự suy nghĩ của Bình Định Vương Lê Lợi: "Phải san phẳng thành Xương Giang trước khi viện binh giặc sang". Mấy ngày trước đây Lê Lợi đã thêm tướng Trần Nguyên Hãn điều thêm quân tăng viện cho Lê Sát và Lê Thụ. Còn Đông Quan thì vòng vây ngày càng khép chặt... Bình Định Vương trực tiếp điều khiển các tướng Trịnh Khả rồi Lê Vân giữ mặt Đông Đinh Lễ, Lê Lý, Lê Lộ và Nguyễn Chính vây giữ mặt Nam. Mặt Tây có hai vệ thiết đột do Thiếu úy Bùi Bị, Thái giám Lê Nguyên chấp lệnh Lê Chưởng chỉ huy. Mặt Bắc có đến mười bốn vệ do Lý Triện rồi Lê Văn An điều khiển.

Mới hôm qua đây tin cấp báo từ biên ải phía Bắc đưa về: Viện binh giặc do Liễu Thăng và Mộc Thạch chỉ huy đang rập rình tiến vào biên giới... LêLợi băng khoăn chờ đợi tin tức. Về Xương Giang. Không hạ được Xương Giang thì kế diệt viện có cơ phải sắp xếp lại.

Xương Giang! Xương Giang bây giờ ra sao? Bình Định Vương rời lan can, bước nhẹ nhàng trên mặt sàn gỗ. Trên án thư kê trong lầu, mấy tờ thư Bình Định Vương mới đọc xong còn nằm dưới nghiên mực. Bình Định Vương ngồi cạnh án thư, đọc lại lần lược từng lá thư.

- Hạ thành Đông Quan? Bình Định Vương nói một mình, lại xếp thư, cẩn thận để dưới nghiên mực.

Gió heo mây thốc vào lầu, chiếc mành trúc kêu lao xao. Tiếng trống báo hiệu có khách vang lên từ dưới chân lầu cắt ngang những suy nghĩ của Bình Định Vương về

những lá thư đồi hạ Đông Quan của một số tướng lĩnh. Bình Định Vương vừa kịp quay lại thì tướng Trần Nguyên Hãn từ Xương Giang đã về ra mắt:

- Kính chào Vương thượng.

- Người từ Xương Giang về?

- Dạ muôn tâu, quân ta đã hạ được Xương Giang, các tướng giặc từ Kim Đậu, Lý Nhậm cùng bè lũ đều tự sát khi quân ta vào thành.

Bình Định Vương ôm trầm lấy đôi vai Trần Nguyên Hãn rêu lên:

- Hay lắm! Ta đang nghĩ về Xương Giang, vẫn lo các người không hạ được, trong khi đó viện binh của giặc sắp tràn sang.

- Muôn tâu, nhân thế thắng, dám mong Vương thượng cho quân sĩ hạ thành Đông Quan. Viện binh giặc rập rình từ cuối năm ngoái, mà đến mùa thu năm nay vẫn chưa sang được! Đông Quan bị hãm lâu ngày, lực của ta ở đây lại khá mạnh, thần trộm nghĩ ta hạ xong Đông Quan, viện binh giặc có sang cũng hết chỗ dựa, không tránh khỏi bị diệt.

- Hạ Đông Quan?

Bình Định Vương trừng mắt, ngạc nhiên nhìn thẳng vào Trần Nguyên Hãn. Mái tóc hoa râm của Trần Nguyên Hãn làm cho nét mặt xương xương có nước da rám nắng của ông càng thêm già. Đây là lần thứ hai Trần Nguyên Hãn trực tiếp tâu xin hạ Đông Quan. Lần trước, khi còn ở dinh Đông Phù Liệt và lần này, trong suy nghĩ của Trần Nguyên Hãn, Xương Giang có nhiều khó khăn, giặc liều lĩnh cố thủ nhưng rồi cũng hạ được. Còn Đông Quan, thành bền quân đông hơn, nhưng với thế lực của ta hiện nay không phải là không hạ được. Ông khẳn khái tâu:

- Xin Vương thượng cho hạ thành Đông Quan để tuyệt nội ứng của giặc.

Bình Định Vương lắc đầu, chỉ tay vào tập thư:

- Mấy hôm nay nhiều người dâng thư đòi hạ thành Đông Quan. Không thể được!...

Trần Nguyên Hãn lặng im, tỏ ý không vừa lòng. Ông biết con người đang ngồi trước mặt mình thường dè dặt, cân nhắc kỹ mọi việc trước khi quyết đoán. Một khi người đã quyết ý rồi thì không dễ mà lay chuyển được. Dầu sao, vì việc nước, Trần Nguyên Hãn thấy cũng phải tâu bày cho hết nghĩa vụ của người bầy tôi:

- Tâu Vương thượng!

Bình Định Vương thân mật đặt tay lên vai áo còn bám đầy bụi đường của Trần Nguyên Hãn, cất lời:

- Các người hạ được Xương Giang, lập nên công lớn, ta khen thưởng. Ngừng một lát, Bình Định Vương hỏi tiếp. Người biết Xương Giang giặc có bao nhiêu quân?

- Dạ, khoảng trên dưới hai ngàn quân.

- Ta bắt đầu vây hãm Xương Giang từ bao giờ?

Trần Nguyên Hãn nhẩm tính lại, rồi cất giọng rụt rè.

- Tâu Vương thượng, khoảng mười tháng nay.

Bình Định Vương mở rộng đôi tay, cười cởi mở:

- Đấy. Ngươi thấy không, chỉ có hai ngàn quân giặc với một ngôi thành bé nhỏ hơn Đông Quan nhiều mà phải ngót một năm trời mới hạ được. San phẳng Xương Giang trước khi hạ được Đông Quan thì không phải dễ. Liễu Thăng, Mộc Thạnh đang trên đường hành quân vào Đại Việt rồi đó.

Nhìn về Đông Quan, Lê Lợi nói chậm rãi từng tiếng một:

- Đánh thành là hạ sách. Ta đánh thành bền vững, hàng năm, hàng tháng không lấy được, quân ta sức mỗi khí nhục, nếu viện binh giặc lại đến thì ta đằng trước, đằng sau đều có giặc, đó là đường nguy. Chi bằng nuôi sức khỏe, chứa khí hăng để đợi quân viện đó, đánh phá được quân viện thì thành tất phải hàng, thế là một việc mà lợi hai, là kế vẹn toàn.

Trần Nguyên Hãn lắng nghe, thầm nghĩ: "Thì ra điều quyết đoán của Bình Định Vương quả là sáng suốt hơn người". Ông kính cẩn vòng tay đáp:

- Dạ.

Bình Định Vương dặn dò tiếp:

- Ngươi hạ được Xương Giang phải giữ vững lấy. Viện binh giặc sang, chúng sẽ nhằm Xương Giang trước khi vào Đông Quan đó. Ta phải biến Xương Giang thành mồ chôn lũ chúng nếu giặc bén mảng đến Xương Giang.

Súng lệnh từng loạt ba tiếng một từ dinh Bồ Đề nổ giòn giã vang đến tận phía Nam thành Đông Quan. Thiếu úy Lê Lý vội vàng rời bản doanh. Con ngựa chiến lúc nào cũng sắp sẵn yên cương được lệnh đưa vị tướng về phía sông Cái để sang dinh Bồ Đề họp mặt theo hiệu lệnh của Bình Định Vương. Dạo theo dãy thành đất Đại La, Lê Lý nhìn về phía thành Đông Quan. Thành giặc còn chìm trong sương mù trắng xóa. Con đê Vạn Xuân thấp lè tè vẫn làm nơi ẩn nấp của giặc, giờ đây, do nghĩa quân chiếm giữ sau một đêm đánh úp, và trở thành chiến lũy ngăn cản không cho giặc bén mảng xuống mặt nước. Còn dòng sông mênh mông, nằm giữa hai bờ cát hẹp đã thuộc quyền kiểm soát của nghĩa quân. Thuyền chiến của thủy quân Lam Sơn mặt sức qua lại. Vừa bước chân xuống thuyền để sang sông, Lê Lý thấy thiếu úy Lê Vân đã có mặt trên thuyền và báo tin:

- Thưa ngài, quan Thái giám Lê Nguyễn cũng vừa mới sang sông.

Mãi suy nghĩ về cuộc họp mặt khẩn cấp, Lê Lý không để ý đến lời Lê Vân, ông hỏi:

- Ngài có biết hôm nay Bình Định Vương triệu họp có việc gì mà phải dùng đến ba loạt súng lệnh?

- Tôi cũng không rõ.

- Quân ta đã hạ được Xương Giang, ngài biết rồi chứ?

- Tôi có nghe nói. Này! Ngài đã biết tin về quan Tư Không Đinh Lễ và thượng tướng Nguyễn Xí chưa?

Thiếu úy Lê Lý vội vả hỏi lại:

- Tôi chỉ biết hai người bị giặc bắt vì không may voi sa lầy ở Mi Đông trong lúc đuổi Vương Thông, đến nay ra sao rồi? Nghe đâu quan Tư Không Đinh Lễ đã bị giặc giết thì phải.

- Đúng! Còn thượng tướng Nguyễn Xí mới vượt ngục, đã về ra mắt Bình Định Vương ở dinh Bồ Đề.

Lê Lý reo lên:

- Hay lắm! Thế là chúng ta có thêm một thượng tướng đã vây hãm Đông Quan.

Đứng trên mũi thuyền, thiếu úy Lê Vân nhìn vào thành Đông Quan nói với Lê Lý.

- Còn để ngày nào, chúng còn gây thêm tội ác. Ngài thấy không, mới mấy tháng nay mà ta đã mất bốn tướng tài rồi đấy. Trận Qua Động, tướng Lý Triện chịu hy sinh, Đỗ Bí bị giặc bắt, đến trận Tây Phù Liệt, chúng ta lại mất thêm quan Tư Không Đinh Lễ và thượng tướng Nguyễn Xí. May tướng Nguyễn Xí trốn về được.

- Biết đâu, phen này chúng ta được lệnh hạ thành Đông Quan.

Chiếc thuyền chiến đã đưa hai vị tướng cặp bến Bồ Đề. Mới xa Bồ Đề có mươi ngày mà Lê Vân, Lê Lý tưởng tượng ở đây có quá nhiều thay đổi. Khắp vùng ngoại vi Bồ Đề, quân lính đi lại rầm rập. Trai tráng các nơi kéo nhau đi lũ lượt. Hỏi ra mới biết họ đến dinh Bồ Đề để ứng tuyển nghĩa quân theo lệnh kêu gọi của Bình Định Vương. Còn rải rác khắp đó đây, trên bờ sông, hai bên đường đi, dưới mặt ruộng, chỗ nào cũng thấy ngổn ngộn không gỗ lạt thì tre nứa, không rơm cỏ thì thóc gạo. Mới sáng sớm mà vùng ngoại vi Bồ Đề đã ồn ào tấp nập như bước vào ngày hội. Trong khi đó, ở dinh Bồ Đề vẫn bình thường, lặng yên như không có gì thay đổi. Vẫn ngôi lầu cao vòi vọi đứng hiên ngang với ngọn cờ đại thêu ba chữ "Bình Định Vương" reo vui trên đỉnh nóc. Chiếc sân đất rộng, cỏ mọc lưa thưa bao quanh lầu. Viền ba mặt sân là ba dãy nhà gỗ thấp mới dựng, sắp xếp theo hình chữ "Mòn", hướng vào giữa. Nơi đây là chỗ làm việc và trú ngụ của những cận thần được giao trông giữ các bộ, sảnh, viện mới thành lập. Vòng bên ngoài là nơi đồn trú của quân cấm vệ. Tất cả hiện ra với một vẻ trang nghiêm, bình lặng, tưởng chừng như cách biệt với cuộc sống ngày đêm đang sôi sục ở bên ngoài. Nhưng chính nơi đây là trung tâm của bão táp.

Vừa bước vào, thiếu úy Lê Vân, Lê Lý đã thấy Bình Định Vương đang đứng đợi. Vẫn bộ võ phục màu nâu bằng vải thô, vẫn chiếc khăn nâu buộc đầu theo hình chữ "Nhân" đỡ lấy búi tóc nhô cao phía sau đỉnh, với cử chỉ thân thương quen thuộc, Bình Định Vương Lê Lợi đưa tay đón hai người:

- Tướng giữ cửa Đông, cửa Nam thành Đông Quan đã về đây rồi!

Hạ tầng ngôi lầu thênh thang. Tướng lĩnh văn võ đã tề tụ đông đủ, chia nhau

ngồi trên hai hàng ghế. Đặt gươm lệnh trên giá gỗ. Bình Định Vương đi đến bên án thư chỉ tay về phía Trần Nguyên Hãn nói với mọi người:

- Báo tin cho các người biết, quân ta đã hạ được thành Xương Giang. Trần Nguyên Hãn đem tin thắng trận về đang có mặt ở đây, các tướng lĩnh khác phải lưu lại cầm quân canh giữ mặt Bắc không về tụ họp được.

Tiếng reo vui nổi lên vang động. Trong tiếng cười nói khoái trá của những người chiến thắng, mọi người nghe rõ một câu nói của ai đó thét lên:

- Bây giờ đến lượt Đông Quan!

Bình Định Vương nghe rõ và nhận ra người nói câu đó là Lê Vân, vừa ở cửa Đông thành Đông Quan về. Lê Lợi cười, gạt đi:

- Khoan!

Khi mọi người đã yên lặng, Lê Lợi cất giọng sang sảng nói tiếp:

Hiện nay viện binh của giặc chia hai đường đang tiến vào nước ta. An Viễn hầu Liễu Thăng dẫn mười vạn quân tiến vào cửa ải Pha Lũy, còn Mộc Thạnh đem năm vạn quân theo đường Vân Nam. Chúng hẹn cùng hội quân ở Đông Quan. Chỉ trong ngày một ngày hai, chúng sẽ lọt vào nội địa của ta. Vận mệnh của quân dân Đại Việt chúng ta được quyết định vào lúc này đây! Các người có mưu chước gì hay ta cho được đem ra bàn bạc.

Tin viện binh giặc kéo sang, mọi người đều đã nghe biết. Trong mấy ngày gần đây, có nhiều dâng thư xin hạ thành Đông Quan. Nhưng vào lúc khẩn cấp, được đặt vào bàn cờ, nhìn bao quát toàn cuộc thì ai cũng thấy khó xử. Mọi người im lặng đắn đo thì Nguyễn Trãi đã lên tiếng. Đối với vị Hàn Lâm viện học sĩ kiêm Thượng Thư bộ Lại này, thế lực của giặc ra sao, ông nắm chắc như trong lòng bàn tay. Ông đã từng cùng Bình Định Vương luận bàn mưu lược đối phó với viện binh giặc và thảo thư dụ hàng từ Đông Quan cho đến Nghệ An. Ông có thể nói lại đầy đủ điều mà ông đã tâu bày cùng Bình Định Vương. Nhưng trước đông đủ tướng lĩnh văn võ, Nguyễn Trãi giữ thái độ thận trọng dè dặt, chấp tay nói rõ từng tiếng một:

- Tâu Vương thượng, thần trộm nghĩ "Hãm thành diệt viện" vẫn là kế hay hơn cả.

Bình Định Vương nói với các tướng:

- Đúng. Ta đã nghĩ kỹ. Giặc vốn khinh ta, ta cho là tính người nước ta nhát, sợ oai giặc đã lâu, nay nghe tin đại quân đến, ta tất sợ hãi. Huống chi lấy mạnh đè yếu, lấy nhiều hơn ít, đó là lẽ thường. Giặc không biết tình thế được, thua của người, của mình, không biết cơ vi qua lại của thì, của vận. Vả lại, quân cứu nguy cấp, phải lấy mau chống làm quý, giặc tới phải đi gấp ngay. Binh pháp bảo rằng đi năm trăm dặm mà đến chỗ lợi thì thượng tướng què. Nay Liễu Thăng đến, đường xá xa xôi, người tất mỏi mệt, ta đem quân nhàn rỗi địch quân nhọc mệt, nhất định là thắng. Ta diệt được viện binh giặc, thì thành Đông Quan không cần đánh, giặc cũng tự hàng.

Bình Định Vương ngừng lời, đưa mắt nhìn khắp lượt thăm dò các tướng lĩnh văn

võ.Trần Nguyên Hãn quay lại hỏi Nguyễn Trãi:

- Tiên sinh có nghĩ đến nước cờ không cản nổi được viện binh?

Không đợi cho Nguyễn Trãi trả lời, Bình Định Vương vừa thoáng nghe đã đưa tay chặn lại:

- Không thể thế được! Nếu để cho viện binh giặc đến được Đông Quan, ta cùng các ngươi sẽ ra sao? Giọng nói của Lê Lợi mỗi lúc một tha thiết: Gần mươi năm trời chống nhau với giặc, tốn bao nhiêu xương máu mới có ngày nay. Giờ đây ta tiến đến Đông Quan, giặc bị vây hãm chỉ còn chờ ngày nộp mạng dâng thành; mươi lăm vạn chứ năm mươi vạn viện binh giặc, ta cũng phải quyết tâm tiêu diệt. Nếu không thì biết bao giờ ta mới rửa nhục được cho non sông. Không lẽ ta cùng các ngươi chịu chết nhục nhã để chịu tội muôn đời với dân với nước. Không! Không thể cho viện binh giặc đến Đông Quan!

Đôi mắt rực sáng của Bình Định Vương soi thẳng vào các tướng lĩnh phán bảo:

- Ta đã hạ lệnh cho quân dân các nơi giặc đi qua làm kế thanh dã. Những tướng lĩnh không có mặt ở đây tức đã theo lệnh ta đang chia nhau trấn giữ ải Bắc. Trong số các ngươi, có người ở lại đây cùng ta quây hãm Đông Quan, một số phải đem quân đi diệt Liễu Thăng, Mộc Thạnh. Diệt viện, hãm thành! Các ngươi nghe rõ không?

Tiếng "Dạ" ran làm vang động căn lều sậy. Cho đến lúc mặt trời ở giữa đỉnh đầu, Bình Định Vương Lê Lợi và tướng lĩnh còn chụm đầu bên bức họa đồ vùng phía Bắc nước Đại Việt. Bình Định Vương truyền cho tướng lĩnh phải lấy con đường Phá Lũy, Chi Lăng, Xương Giang làm mồ chôn viện binh giặc.

Trong khi ở dinh Bồ Đề, Bình Định Vương còn nói về kế diệt viện thì trên ải đường tiến về ải Bắc, từ sau chiến thắng Xương Giang quân sĩ đã rầm rập lên đường. Còn khu ngoại vi dinh Bồ Đề, ngươi và của đã điều thêm về tới tấp để tiếp xúc cho tướng lĩnh ở lại cùng Bình Định Vương vây hãm thành Đông Quan.

Vào một ngày trung tuần tháng mười một Đinh Mùi, trên các ngả đường dẫn về dinh Bồ Đề, từng đoàn người lũ lượt nối nhau, chen chân bước vội vã. Như nước lũ đổ về, đến một lúc mà vùng ngoại vi dinh Bồ Đề người đông như nêm cối, không ai chen chân lên được nữa. Người ta nô nức rủ nhau đi xem Bình Định Vương xử tội chiến tù. Cứ như thế này thì làm sao mà xem được. Cũng may trời nắng ráo. Chỉ có gió bấc lại thổi mạnh hơn mọi ngày. Cái tê buốt của một ngày mùa đông giá lạnh có giảm đi nhiều dưới nắng vàng chơi chới. Từng tốp người quần tụ bên nhau trong nắng ấm. Người ta truyền kể cho nhau không biết bao nhiêu truyện thần kỳ đã xảy ra trong hơn một tháng trời quân ta đánh tan mười lăm vạn viện binh của Liễu Thăng, Mộc Thạnh. Ai nấy đều say sưa vui thích như trẩy hội. Quân ta chém chết Liễu Thăng ở Mã Yên, giết Lương Minh, Lý Khánh ở Chi Lăng, đuổi Mộc Thạnh ở ải Lê Hoa, bắt sống Hoàng Phúc, Thôi Tụ ở Xương Giang, xác giặc chồng chất như núi ở Lạng Sơn, Lạng Giang, Đan Xá. Máu giặc làm tắt nghẽn ở Lãnh Câu, còn sông nước Xương Giang, Bình Than thì đỏ ngầu...

Bao nhiêu năm sống dưới ách của giặc Minh, hôm nay mọi người lại được dịp

gặp nhau đông vui, không được xem Bình Định Vương xử tội chiến tù thì cũng nghe kể chuyện mừng vui chiến thắng cho hả lòng hả dạ.

Trong khi khắp vùng ngoại vi tưng bừng như mở hội thì trong sân dinh Bồ Đề, thượng thư Hoàng Phúc và Đô đốc Thôi Tụ ngồi thu mình bó gối trong cũi sắt. Trước mặt chúng, từng đống cờ quạt, trống chiêng, sổ sách giấy tờ, tất cả đều nhàu nát thủng rách, chất lù lù như đống rác trên sân cỏ. Chiếc song hổ phù của Chinh lỗ phó tướng quân Liễu Thăng, hai chiếc ấn bạc hai tầng của thượng thư Lý Khánh và Hoàng Phúc nằm lõng chõng phơi mình trong nắng. Một tốp lính cận vệ tuốt gươm trần đứng canh giữ. Các quan văn võ lặng lẽ ra vào nơi hạ tầng lầu sậy của Bình Định Vương.

Tất cả đều yên lặng chỉ có ngoài xa phía cổng dinh Bồ Đề, quân lính phải vất vả mới chặn đứng được biển người lúc nào cũng lăm le tràn tới. Tiếng hò reo chốc chốc lại vang dậy. Vẫn những lời đồn đại: Bình Định Vương xử tội chiến tù...

Mặt trời đã chới với trên đỉnh lầu cao, Bình Định Vương và Nguyễn Trãi từ trong hạ tầng lầu sậy đi ra, tiếp theo là các tướng Trần Nguyên Hãn, Lưu Nhân Chú, Lê Sát, Lê Vân, Lê Văn An, Lê Lý, Phạm Văn Xảo... Vừa tiến lại gần chiến sĩ coi chiến tù, Bình Định Vương vừa chỉ tay vào đống cờ quạt, nói với Nguyễn Trãi:

- Phải đưa cả những thứ này vào Đông Quan.

- Vâng, thần cho giải cả người và tang vật.

Bình Định Vương quay ra hỏi Trần Nguyên Hãn và Lưu Nhân Chú đi gần phía sau:

- Còn hơn ba trăm tướng nữa giam giữ ở đâu?

Trần Nguyên Hãn tâu:

- Dạ, thần cho giam giữ mỗi nơi một ít, còn trên một vạn quân lính thì bắt nhốt ở xung quanh vùng Xương Giang. Thần chỉ cho giải về đây hai tên Hoàng Phúc và Thôi Tụ theo lệnh của Vương thượng.

Cầm một quyển sổ quân lên tay, lật đi lật lại vài trang rồi quẳng xuống. Lê Lợi truyền cho mở cũi. Hoàng Phúc và Thôi Tụ ngồi trong cũi cúi đầu lo sợ. Lần đầu tiên chúng trông thấy mặt Bình Định Vương. Con người ngoài bốn mươi tuổi với sắc phục võ tướng bình dị, có phong thái ung dung, điềm đạm ấy sẽ đối xử với chúng ra sao? Dầu sao, chúng cũng cảm thấy yên tâm hơn so với các lần đối diện cùng với tướngTrần Nguyên Hãn, Lưu Nhân Chú trong nhà ngục. Bị điệu đến trước mặt Bình Định Vương, hai tên tướng giặc đứng cúi đầu, thu tay về phía trước.

- Ngươi là Hoàng Phúc?

- Thượng Thư giặc ngẩn đầu nhìn Bình Định Vương rồi lại cúi mặt đáp:

- Vây, tôi là Hoàng Phúc.

- Giữ chức gì?

- Dạ, Thượng Thư.

- Bình Định Vương hỏi tên tướng có nét mặt hung dữ với đôi mày rậm và vành râu hùm đen sì:

- Còn ngươi tên gì?

- Đô Đốc Thôi Tụ.

Trước thái độ xấc xược của Đô Đốc giặc, Lưu Nhân Chú nổi giận, quát vài tai hắn:

- Ngươi có biết đang trả lời ai đó không?

Vẫn một giọng cộc lốc:

- Cớ biết, Bình Định Vương!

Lưu Nhân Chú vung cánh tay vào mặt Thôi Tụ. Bình Định Vương vội đưa tay gạt đi rồi bình thản bước lại gần hai tên tướng giặc nói chậm rãi từng tiếng một:

- Tội của lũ ngươi đối với dân nước ta chất cao như núi. Dẫu ta có giết hết lũ ngươi cũng không đủ đền tội. Nhưng ta lấy lượng hiếu sinh tha cho các ngươi tội chết.

Thượng Thư Hoàng Phúc ngẩn mặt nhìn Bình Định Vương. Lê Lợi tiếp lời:

- Ta hỏi các ngươi: Có muốn sống để sớm được về nước không? Hai tên tướng giặc cuý đầu, lặng yên mà không đáp, tính mạng các ngươi từ khi bước vào đất Đại Việt là nằm trong tay ta. An Viễn Hầu Liễu Thăng không đưa được lũ ngươi đến Đông Quan thì bây giờ ta đưa các ngươi vào Đông Quan. Các ngươi hãy nói cho Vương Thông, Sơn Thọ biết về số phận của mười lăm vạn viện binh mà chúng đang ngày đêm mong đợi. Vương Thông, Sơn Thọ muốn chống lại ta thì cứ việc chống giữ, ta sẽ hỏi tội sau. Còn như các ngươi muốn sống mà về nước thì bàn với Vương Thông, Sơn Thọ nộp thành, ta cho được toàn quân về nước. Có hai đường ấy, các ngươi phải suy nghĩ kỹ, cân nhắc lợi hại, ta cho chọn một.

Nói xong, Bình Định Vương Lê Lợi sai Nguyễn Trãi cùng Trần Nguyên Hãn, Lưu Nhân Chú thu xếp việc giải Hoàng Phúc, Thôi Tụ cùng đóng ấn tín phẫy cờ quạt, chiêng trống vào thành Đông Quan.

Hai tên tướng giặc lại bị tống vào củi sắt.

Ngoài cổng dinh Bồ Đề, tiếng hò reo chốc chốc lại vang lên tưởng như trời rung đất chuyển. Mọi người vẫn mong ngóng chen nhau được xem tận mắt nhà vua xử tội chiến tù...

Trong hành dinh, Tổng Binh Vương Thông lặng đi hồi lâu trên kỷ. Sắc mặt tên tướng ngã màu dần, từ đỏ gây sang tái nhợt. Cái mặt sần sùi, béo phì của hắn càng méo mó, xệ xuống làm cho đôi mày rậm, sếch ngược phải sụp xuống. Vương Thông nhắm nghiền mắt và chiếc song hổ phù của Liễu Thăng, hai chiếc ấn bạc của Hoàng Phúc và Lý Khánh vẫn hiện ra rõ một một. Còn hình ảnh Thôi Tụ, Hoàng Phúc ngồi thu hình trong tủ phúc trong củi sắt vẫn ám ảnh hắn hoài, mặc dù giờ đây hắn ngồi một mình trong hoàng cung của các Vua Lý, Trần ngày trước. Cái mộng được thêm

quân tăng viện của hắn sụp đổ hoàn toàn. Không còn nghi ngờ gì nữa, An Viễn Hầu Liễu Thăng bị tử trận, mười lăm vạn quân viện bị tiêu diệt mà thành Đông Quan của hắn giữ, mỗi ngày vòng vây càng khép chặt. Số phận của hắn và năm vạn quân trong thành Đông Quan này sẽ ra sao? Vương Thông không dám nghĩ tới. Hắn truyền lệnh cho quân hầu:

- Rượu!

Chỉ có rượu mới giúp hắn quên mọi việc. Mâm rượu vừa dâng lên, hắn vồ lấy vò rượu nốùc một hơi. Nốc hơi thứ hai, vò rượu cạn, hắn trừng mắt quát quân hầu.

- Rượu!

Hai vò rượu đã cạn mà Vương Thông không thấy say. Chiếc sông ghổ phù và hai chiếc ấn bạc hiện ra trong trí hắn rõ mồn một. Chỉ có điều bây giờ hắn không thấy sợ nữa mà lại hăng lên như con hổ bị đòn. Hắn đứng dậy rút thanh bảo kiếm, đưa ngón tay mập mạp dứt một sợi tóc thổi mạnh vào lưỡi kiếm. Sợi tóc đứt làm đôi. Hắn có vẻ của một tranh anh hùng hảo hán đã về già. Hắn nói một mình:

- Gươm còn sắt, đủ để nói chuyện với Bình Định Vương!

Một cơn gió lạnh lùa vào Hoàng Cung. Đã sang tháng mười một rồi đó! Bên ngoài trời nặng nề, chỉ có gió và giá buốt. Vương Thông lại ngồi phịch xuống kỷ. Hơi men ngấm dần, hắn gục đầu thiếp đi lúc nào không biết. Khi tỉnh dậy, Vương Thông thấy một phong thư của Bình Định Vương gởi đến, được quân hầu đặt trên khay dâng trước mặt. Hắn giở ra đọc:

"Kể ra nhà lớn gần xiêu, một cây gỗ khôn hay chống dỡ, đê dài sắp vỡ, một vốc đất khó thể duy trì. Nếu không biết lượng sức mà cứ cưỡng làm, thì ít khi không thất bại. Việc ngày trước bất tất bàn nữa. Lấy sự thế ngày nay mà nói, chỗ trông cậy của các ông chỉ là quân cứu viện mà thôi. Ngày tháng giêng năm nay, có sắc cho bọn An Viễn Hầu, Bảo Định Bá, Thôi Đô Đốc, Hoàng Thượng Thư, Lý Ngự Sử cùng thổ quan là Nguyên Huân đem quân sang hẹn trong tháng tư, tiến binh vào cõi Giao Chỉ... Quân ta đánh một trận mà tan vỡ, binh mã quân tiền phong nhất thời quét sạch, mà Tổng Binh An Viễn Hầu thì chết ở trận tiền... Quân ta lại đánh một trận nữa, mà toàn quân tan hết. Bảo Định Bá bị tử trận, còn bại quân chạy tản vào rừng đều bị quân ta bắt được...

Nếu ngài biết chỉnh đốn quân sĩ, cởi giáp mở thành lại theo lời ước trước, thì ngài có thể toàn quân về nước... Nếu ngài còn do dự chưa quyết, tôi e tướng sĩ của tôi nhọc về chinh chiến, bỏ cả nông trang, quyết tâm đánh gấp, thế không thể ngăn. Đến lúc bấy giờ thì không làm sao được nữa... Thư này tới nơi, cúi xin trả lời cho biết".

Cái chí khí hăng say đã bay đi theo hơi men, chỉ còn lại ở Vương Thông một sự mệt mỏi, lo sợ, chán trường. Vương Thông cảm thấy cái thân già của hắn sao mà quá mệt mỏi. Đặt thư của Bình Định Vương xuống, hắn thở dài: "Chỉ còn hai con đường: Hoặc là liều chết, hoặc rút quân. Chưa có lệnh của vua mà nộp thành, rút quân thì cũng chết, mà liều chết cố thủ thì cũng đi đến chỗ chết". Mới đây Vương

Thông đã gửi một thư cho Minh Tuyên Tông tâu bày: "Chớ tham chỗ đất một góc mà làm nhọc quân đi muôn dặm; giả sử dùng được như số quân đi đánh khi đầu, lại được sáu, bảy, tám đại tướng như bọn Trương Phụ thì mới có thể đánh được; tuy nhiên có đánh được cũng không thể giữ được". Mười lăm vạn viện binh phải sang cũng không cứu được nguy mà lại càng nguy hơn. Tên Tổng Binh tự hào về cái nhìn sáng suốt của hắn. Hắn thầm oán trách Minh Tuyên Tông mờ tối, trách bọn cận thần ở Yên Kinh không biết can ngăn nhà vua để đến nỗi lửa cháy lại đổ thêm dầu. Vương Thông đang mãi suy nghĩ đến bức thư của Lê Lợi thì Thái Giám Sơn Thọ tìm đến. Vương Thông trao thư cho Sơn Thọ xem. Cái đầu bạc của Thái Giám Sơn Thọ lắc quầy quậy trên lá thư:

- Nguy! Nguy!

Vương Thông không hiểu Sơn Thọ muốn nói về cái gì, chỉ nhìn viên Thái Giám già mà chờ đợi. Đã từ lâu Sơn Thọ muốn rút quân, nhưng đều bị Vương Thông, Mã Anh, Phương Chính phản đối. Cho đến giờ Bình Định Vương cho giải Hoàng Phúc, Thôi Tụ đến Đông Quan để lũ chúng được nhìn tận mắt. Sơn Thọ lại thấy rút quân là thượng sách. Tuy vậy Sơn Thọ vẫn lắc đầu:

- Nguy! Nguy!

Tổng Binh Vương Thông tỏ ý bực mình vì thái độ khủng khỉnh của viên Thái Giám già này:

- Nguy thì phải tìm cách cứu nguy chứ!

Sơn Thọ đủng đỉnh:

- Vòng vây ngày càng khép chặt. Mấy ngày gần đây quân Đại Việt đào hào, đắp lũy đất đến sát chân thành Đông Quan. Xe đánh thành, rào gỗ, thang leo đã chồng chất sẵn. Còn ta thì lương cạn... Quân lính phải cầm hơi... để đợi chết. Nếu không sớm liệu thì không phải đợi quân Đại Việt mà chính người của ta vì chán nản, căm giận, sẽ mở cổng thành, nộp tướng để tìm đường sống, thì cái nguy hại đó không phải là nhỏ.

Vương Thông gật đầu, yên lặng chờ đợi.

Sơn Thọ nhìn ra ngoài sân hoàng cung, ngồi bất động.

Một lát sau, Sơn Thọ quay lại:

- Giữ toàn quân về nước là thượng sách.

Vương Thông quắc mắt:

- Còn lệnh nhà vua?

Sơn Thọ thở dài.

Bên ngoài hoàng cung, gió bấc vẫn từng cơn thổi rào rào. Không mưa, nhưng càng về chiều bầu trời Đông Quan càng u ám, nặng nề hơn. Vương Thông sai quân hầu dọn rượu. Hắn muốn trốn trách sự thật, tìm lãng quên trong chén rượu nồng...

Trên một khu đất bằng phẳng và cao ráo ở phía Nam thành Đông Quan, như lời

hẹn ước, Bình Định Vương Lê Lợi và Tổng Binh Vương Thông đã dẫn đầu đoàn bộ tướng của mình có mặt ở địa điểm hội thề.

Tất cả mọi người đều yên lặng. Một sự yên lặng trang nghiêm đến nặng nề. Chỉ có tiếng reo phần phật của hai ngọn cờ đuôi nheo mặc sức tung bay. Và tiếng gió lướt rào rào trên mặt ruộng khua mấy lùm cây thưa thớt phát ra những tiếng lao xao, đều đều. Trên chiếc hương án sơn son thiếp vàng cao ngất ngưỡng, bộ độ thật sự bằng đồng sáng loáng, lấp lánh dưới nắng của một ngày hạ tuần tháng mười một năm Đinh Mùi. Con nghê đậu trên nóc đỉnh đồng há miệng nhả ra một làn khói trắng xóa đang tan nhanh trước gió, mang theo mùi hương trầm ngào ngạt. Hai cầm mai vàng nở rộ cắm trên đôi ống hoa, cành lá xanh tươi mơn mởn khẽ rung rinh. Trên đôi chân đèn cao lêu đêu, hai cây bạch lạp cháy phần phật, gió tạt vào ngọn lửa vật vờ. Dọc theo hai hàng cờ quạt là hai đoàn tướng lĩnh: Bình Định Vương Lê Lợi, Trần Nguyên Hãn, Lưu Nhân Chú, Phạm Vấn, Lê Ngân, Phạm Văn Xảo, Bùi Bị, Trịnh Khả, Nguyễn Chích, Lê Lý... Và Tổng Binh Vương Thông, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Phương Chính, Mã Anh, Trần Trí, Lý An, Trần Tuấn, Trần Hữu... Hai đoàn tướng lĩnh đều hướng về hương án, tuy cách nhau trong gang tấc mà mỗi bên đều mang nặng mối cừu thù.

Bè lũ Vương Thông đến nơi đây, giữa nơi trời cao đất rộng vào một ngày đẹp trời, mà tưởng như lạc vào một miền đất hoang vu xa lạ. Tất cả đều thù địch đối với lũ chúng. Mảnh đất phía Nam thành Đông Quan này có lạ gì đối với Vương Thông, Sơn Thọ, Mã Kỳ, Phương Chính. Có lạ chăng là giờ đây, chúng mới được nhìn tận mắt những người cầm quân, thề không đội trời chung với chúng, trong mười năm trời đã làm cho chúng thất điên bát đảo, và lúc này bắt chúng phải đến đây cúi đầu nhục nhã để được sống mà về nước.

Giữa thanh thiên bạch nhật, chiếc hương án trang nghiêm đã gợi cho Bình Định Vương nhớ lại cuộc hội thề Lũng Nhai, đã xảy ra mười một năm về trước.

Ngày ấy, trên một khu đất bằng phẳng lọt vào giữa vùng đất cao rừng rậm của đất Lam Sơn chôn rau cắt rốn, Lê Lợi cùng một số người tâm huyết thắp hương nguyện với trời xanh cùng nhau họp sức quét sạch quân giặc cướp để trả nợ nước thù nhà. Hơn mười năm chiến đấu gian khổ hy sinh, lời thề năm ấy vẫn văng vẳng bên tai Lê Lợi:

"... Nay phụ đạo chính ở nước chúng tôi là Lê Lợi cùng với bọn Lê Lai cho đến Trương Chiến mười tám người, tuy quê quán họ hàng có khác nhau, nhưng đã kết nghĩa anh em thề cùng như chung một tổ. Phận vinh hiển đều có khác nhau, nguyện tình cùng họ không bao giờ khác.

Nay nhân bọn giặc Ngô xâm chiếm nước Nam, tàn sát nhân dân rất là khổ sở, nên Lê Lợi cùng Lê Lai đến trương Chiến mười tám người, chung sức đồng lòng, giữ vững đất nước, làm cho nhân dân ăn ở được yên lành, thề chết sống đều phải cùng nhau. Không dám quên lời thề ước..".

Mươiø năm qua nhanh trong trí Bình Định Vương. Từ thởi mới "Dựng gậy làm cờ, bốn phương tụ họp" cho đến nay, trong số những người có mặt hội thề năm đó,

có người đang đến đây cùng chứng kiến lời thề chịu rút quân về nước của giặc.

Đứng sau Bình Định Vương, các tướng lĩnh nhìn bè lũ Vương Thông với con mắt thù hận. Nếu không vì tuân lệnh Bình Định Vương thì họ đã san phẳng thành Đông Quan, giết chết lũ chúng cho hả dạ. Phải đến đấy cùng đứng với lũ tướng giặc, trông thấy một lũ sát nhân đã gây bao nhiêu tội ác đối với dân Đại Việt, các tướng lĩnh có người bất bình ra mặt. Nhưng trước họ Bình Định Vương Lê Lợi vẫn oai nghiêm, lạnh lùng đứng đó. Lê Lợi chăm chú nhìn làn khói trầm từ lư hương bóc lên nghi ngút. Họ đành phải chịu đối diện với quân thù cho đến trọn buổi hội thề.

Tiếng chiêng trống nối nhau vang rền từng hồi làm xao xuyến một vùng đất trời phía Nam thành Đông Quan. Ánh nắng đẹp đẽ, ấm áp vào lúc chính ngọ của một ngày mùa đông như quyện vào âm thanh trầm hùng của chiêng trống để rồi cùng gió bấc từng cơn lạnh buốt bay vào tận chân trời. Bình Định Vương Lê Lợi và Tổng Binh Vương Thông tách ra khỏi hàng, đứng song song trước hương án làm lễ kấn vái trời đất, núi sông và thần linh Đại Việt. Bình Định Vương Lê Lợi kính cẩn nhìn lên cột khói hương nghi ngút, thề giữ đúng lời bàn: Cung cấp thuyền bè, xe ngựa, sữa sang đường xá, cầu cống, cho quân Minh được rút an toàn về nước. Trong tiếng chiêng trống đều đều thong thả, mọi người nghe rõ lời thề của Tổng Binh Vương Thông:

- "... Từ sau khi lập lời thề này, Tổng Binh thành Sơn Hầu là Vương Thông quả tự lòng thành, đúng theo lời bàn, đem quân về nước, không thể kéo dài năm tháng để đợi viện binh đến nơi. Lại phải theo đúng sự lý trong bản tâu, đúng lời bàn trước mà bàn... Tổng Binh thành Sơn Hầu là Vương Thông, nếu không có lòng thực, lại tự trái lời thề, người phục dịch và các thuyền đã định rồi, cầu đập, đường xá đã sữa rồi, mà không làm theo lời bàn, lập tức đem quân về nước, còn kéo dài năm tháng để đợi viện binh; cùng là ngày đến triều đình, lại không theo sự lý trong bản tâu, không sợ thần linh núi sông nước An Nam lại bàn khác đi hoặc cho quan quân đi qua đâu cướp bóc nhân dân, thì Trời, Đất cùng là Danh Sơn, Đại Xuyên và thần kỳcác xứ tất đem bọn quan Tổng Binh Thành Sơn Hầu là Vương Thông, tự bản thân cho đến cả nhà, thân thích, làm cho chết hết, và cả đến quan quân cũng không một người nào về được đến nhà..".

Vương Thông vừa dứt lời, tiếng chiêng trống cũng im bặt. Tên tướng giặc đứng cạnh Bình Định Vương Lê Lợi cũng sụp xuống lạy tạ trời đất núi sông. Vương Thông cảm thấy choáng váng, đất trời dường như đảo lộn quay cuồng trước mặt hắn. Im lìm, ủ rũ như một đống thịt không hồn biết di động, Vương Thông trở về hàng ngũ, cùng bầy bộ tướng lên ngựa lủi thủi dắt nhau trở về thành Đông Quan.

Nhìn lũ giặc kéo nhau đi, Trần Nguyên Hãn tâu với Lê Lợi:

- Tâu Vương thượng, không nhờ lệnh của Vương thượng thì lũ chúngchắc còn sống đến bây giờ mà thề thốt. Trong lúc đó Nguyễn Chích, vị tướng đã từng một mình đương đầu với Trương Phụ trong nhiều năm ở vùng núi, Hoàng Nghiêu, trước khi theo về với Bình Định Vương cũng không nén được căm giận. Ông hất tay về phía đoàn tướng giặc:

- Không việc gì phải lo phục dịch chúng về nước. Cứ mặt xác chúng cho quân dân Đại Việt bắt phải đền tội.

Bình Định Vương Lê Lợi đứng giữa đoàn tướng lĩnh, cất giọng ôn tồn:

- Hơn mười năm trước, ta cùng các người thề "Chung sức đồng lòng, giữ gìn đất nước, làm cho nhân dân được ở yên lành". Nay ta bắt giặc phải thề rút quân về nước, trả non sông Đại Việt cho người Đại Việt, thì chẳng phải làm đúng lời thề xưa đó hay sao. Nay giặc sợ chết tham sống mà thực muốn cầu hòa, "Ta lấy toàn quân làm cốt mà cho dân được yên nghĩ". Ngàn vạn năm sau, ai chẳng biết ta đưa các ngươi đến đây về nhận lễ đầu hàng của giặc Minh đối với nhân dân Đại Việt...

Nắng đẹp chang hòa trên nhung phục các tướng lĩnh. Trời Đông Quan cao xanh lồng lộng. Dân chúng ngoại vi Đông Quan lũ lượt đứng ngoài xa, mang theo cờ quạt đón những người chiến thắng.

Bình Định Vương đứng đó, vẫn phong thái ung dung, với nét mặt oai nghiêm bình thản như năm nào trên nền đất Lũng Nhai của núi rừng Lam Sơn, chỉ có điều sau mười năm nằm gai nếm mật, chống chọi với quân thù, lo âu và gian khổ đã khắc họa thêm những nét già nua trên vuông mặt vuông vắn đầy đặn của người cầm đầu đội nghĩa quân Lam Sơn năm xưa.

Giờ đây, cả ngoại vi Đông Quan đang tưng bừng niềm vui của ngày hội mừng chiến thắng. Đó đây, trong các lùm cây viền dọc xóm làng, những gốc mai đang nỡ rộ cái hoa vàng lấm tấm. Giữa mùa đông giá lạnh mà Bình Định Vương cảm thấy như mùa xuân đã về. Mùa xuân về trong sắc cờ, trong hoa mai vàng và trên nét mặt hồ hởi của mỗi người dân Đông Quan, mùa xuân đã về trong lòng Bình Định Vương cùng các tướng lĩnh, những người đã hiến dâng trọn vẹn quãng đời trai trẻ cho đất nước để giành lấy một mùa xuân bất tận cho dân tộc.

Lê Lai

Lê Kiểu lặng im. Cặp mắt già nua của ông long lanh mở rộng, soi thẳng vào viên đội lệnh và tốp lính huyện Lương Giang. Bầy lâu la này muốn làm gì ông? Thoạt nghe ba hồi trống vang lên một cách khác thường vào giữa buổi, từ đình Trung làng Dựng Tú chuyền về các xóm ngõ, ông thầm nghĩ: Hẳn là có chuyện. Quả vậy. Lại hạch sách, dọa nạt. Mấy năm gần đây, ở phủ Thanh Hóa này, tên tri phủ Lương Như Hốt núp chân giặc Minh, hầu hạ chúng, đã với tay đến các huyện, xã, hương, ấp,... Chúng lập sổ kê khai hộ khẩu, đặt các chức Lý trưởng, giác thủ, đôn đốc dân chúng làng phải phu phen, cống nạp. Các làng Dựng Tú hẻo lánh và cả vùng đất Lam Sơn bên ngoài kia nữa, từ bao đời, dân cư chỉ có yên vui làm áng. Những trẻo đồng nhỏ hẹp dọc theo các lũng hay các viền hai bên dòng Lương Giang cũng đủ cày cấy, có thóc gạo ăn quanh năm. Ấy là chưa kể đến nguồn lợi không bao giờ cạn của rừng núi. Đất lành chim đậu. Nhiều người từ nơi khác đã tìm đến lập nghiệp, cùng với thổ dân ở đây biến vùng này thành một nơi có thể nói là trù phú. Từ khi giặc Minh giả

danh Phù Trần diệt Hồ để cướp nước ta, vùng đất này có được yên ổn đâu. Nếu như ở miền biển, giặc mở các trường mò ngọc trai, săn đồi mồi, thì ở vùng núi rừng này, chúng lại bắt dân phải nộp hương liệu, chồn trắng, hươu trắng, voi trắng, rùa chín đuôi, chim đậu ngược, vượn bạc má.

Dân làng Dựng Tú này cũng đã nhiều người phải bỏ xóm làng đi phu phen, binh lính xây dựng thành lũy cho giặc; phải điêu đứng vì cung đốn trâu bò, thóc gạo cho quan; lại đủ cấp, đủ cỡ. Rồi đó, dân Dựng Tú và Lam Sơn liền núi kề rừng bao nhau không chịu khuất phục, cung đốn cho chúng nữa. Vì vậy, chúng thường giở chuyện đe dọa, cướp phá. Dân làng một lòng hễ giặc kéo đến đông thì chạy vào rừng lẫn tránh, chúng đánh trống họp dân thì không ai ra mặt. Tên đội lệnh huyện Lương Giang và tốp lính đập đến thủng trống vẫn không thấy một ai. Hỏi đến Lý trưởng, giáp thủ thì chưa có người giữ chức ấy, chúng hùng hổ ập đến nhà Lê Kiều, tróc nã người giữ chức phụ đạo cầm đầu, dạy dỗ dân làng Dựng Tú.

Thấy có lính huyện đến, Lê Kiều buông sách xuống sập, ngồi nhổm dậy. Không đợi chủ nhà chào hỏi, viên đội lệnh sấn sổ ngồi phịch xuống phản kê giữa nhà, trước bàn thờ tổ tiên của Lê Kiều. Hắn hất hàm hỏi:

- Nghe trống lệnh điểm mục, sao các người không ra đình làng?

Lê Kiều trừng mắt nhìn, không trả lời. Ông đưa tay cài hàng khuyết áo năm thân nhuộm chàm che kín lồng ngực xương, to rộng của mình. Gần sáu mươi năm trời làm chủ vùng đất này, Lê Kiều còn có sợ ai. Ông nói lại:

- Các ngươi đến làng tôi có việc gì?

- Việc gì à? Giữ chức phụ đạo ở đây, ông dạy dỗ dân làng như thế nào, mà mấy năm nay không có lấy được một con trâu, một hạt thóc nộp cho cấp trên? Phép nước không dung tha quân phản nghịch.

Lê Kiều khủng khỉnh đáp:

- Dân tôi không theo giặc, không nuôi giặc, không giúp rập chúng làm hại giống nòi mà bảo là phản nghịch à?

Tên đội lệnh giận tím ruột. Sẵn có ý nghĩ dân vùng này chống lại lệnh trên, hắn trút giận vào ông già Lê Kiều cứng đầu cứng cổ đang gườm gườm nhìn hắn:

- Chúng mày trói lão già này lại, giải về huyện cho ta!

Tên đội lệnh vừa dứt lời, một tiếng thét từ trong buồng bên vang lên:

- Khoan!

Một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi, mình trần trùn trụt, mang một con dao rừng rộng bản bên vòi khố vụt ra chạy, đứng chắn ngang trước mặt Lê Kiều quát lên:

- Các người không được chạm đến bố ta, có giỏi thì bắt ta đây!

Viên đội lệnh hơi chột dạ. Nhưng với thanh đoản đao trong tay, lại có thêm năm người lính cấp giáo hộ vệ, hắn không lùi bước, truyền lệnh:

- Bắt cả hai bố con về huyện!

Lê Kiều nói với con trai:

Lê Lãn con, để yên xem chúng làm gì được bố!

Người con trai đầu của Lê Kiều bước lại gần tên đội lệnh, dứ nắm tay rắn chắc trước mặt hắn:

Muốn yên thân thì cút! Đây không phải là đất sống của các ngươi. Một hạt thóc lép, một sợi lông đuôi trâu nộp cho giặc, dân làng Dựng Tú cũng không có, nghe rõ chưa?

Tên đội lệnh đã thấy rõ dân làng này quyết tâm chống lại lệnh trên, mà người cầm đầu chính là bố con Lê Kiều. Hắn nhìn quanh. Năm gian nhà gỗ thênh thang, vững chắc, nối liền với hai dãy nhà ngang bằng những nhà cầu nho nhỏ. Phía trước sân, dãy bịch lúa lợp rơm rạ dựng lù lù, dựa lưng vào vách tường đá. Xa hơn, giàn giống chuồng trâu chiếm một vùng dưới gốc rừng cây thưa. Những căn nhà sàn đậu trên sườn dốc. Tất cả bằng tre nứa, gỗ lạt, chỉ cần một mồi lửa là lập tức thành tro búi. Hắn suy tính: đốt nhà là hạ sách. Ở đây, vào lúc này chúng chỉ có sáu người, kể cả hắn. Làng này bị đốt thì lũ chúng khó mà sống thoát về được huyện, cứ bắt hai bố con về rồi hãy hay. Khoát tay ra lệnh cho năm tên chĩa giáo vào Lê Lãn, hắn xông đến ông già Lê Kiều. Bàn tay của hắn chưa nắm vững cổ áo Lê Kiều thì đã phải buông vội ra vì cái gạt mạnh của người con thứ hai của Lê Kiều là Lê Lai từ trong buồng kín xông ra. Theo chân Lê Lai, ba thiếu niên trạc mười lăm, mười bảy tuổi con trai Lê Lai, cũng cắp dao rừng xông vào với bố. Năm tên lính hoảng sợ vội thu giáo, ngơ ngác đợi lệnh, còn viên đội lệnh từ hùng hổ đến sợ xanh mặt. Trước mặt hắn, một người trạc ba mươi lăm tuổi, cao hơn hắn một đầu, có dáng vóc vạm vỡ, nước da rám nắng, làm cho hắn sợ hãi. Hình đôi giao long màu xanh chàm xăm trên lồng ngực cuồn cuộn, vắt về đôi vai to rộng càng tăng thêm sức mạnh đôi tay của Lê Lai. Mỗi bước chân Lê Lai tay không tiến lại gần làm cho viên đội lệnh lùi bước. Đến một lúc chạm lưng vào vách, hắn đành phải dừng lại tìm cách chống đỡ. Lê Lai quát vào tai hắn:

- Đánh giết các người chỉ làm cho bẩn tay, ta không thèm. Nghe đây, tất cả bỏ vũ khí xuống!

Viên đội lệnh và năm tên lính ngoan ngoãn vâng lời. Lê Lai dõng dạc hô lớn:

- Bước ra sàn! Xếp hàng một!

Nhìn sáu người lạ mặt răm rắp theo lệnh của bố, Lê Lô, Lê Lộ, Lê Lâm phì cười. Riêng Lê Lâm ít tuổi nhất, cậu ước gì mình lớn thêm vài tuổi nữa để được theo bố tập trận như anh vẫn thường cùng người lớn tập luyện ngoài núi. Ở đây cũng tập nhưng lại khác. Bố giận dữ, còn người tập thì da mặt tái mét như da bàn chơi ngâm lâu dưới bùn. Lê Lâm ngỡ ngàng nhìn bố bước ra sân. Giọng ồm ồm, âm vang của Lê Lai đập vào tai bọn lính:

- Quan thầy lũ ngươi ta cũng không sợ, huống chi bọn đầy tớ. Ta tha cho về, bảo nhau kiêng đất này, đừng có vác mặt đến hạch sách, dò la mà toi mạng cả lũ. Bước!

Năm tên lính theo viên đội lệnh lúi lúi ra cổng. Bầy chó săn tinh khôn của Lê Kiều sủa gâu gâu, sấn sổ bám chân lũ chúng đến tận dốc ngõ. Trong nhà, Lê Lai sai bảo Lê Lô:

- Con thu nhặt thanh đoản đao và năm ngọn giáo, chiều đem ra bãi tập phát cho anh em chưa có vũ khí.

Lê Kiều ngồi xuống sập. Ông vuốt râu nhìn đàn con cháu. Ông vẫn tưởng đàn cháu của ông đã theo chân mọi người chạy tản vào rừng, chỉ có hai con trai của ông ở nhà để giữ làng. Không ngờ cả ba đứa cháu đều không chịu chạy trốn. Mai đây, khi lâm sự, lũ con cháu này sẽ làm vẻ vang cho dân làng Dựng Tú, làm đẹp mặt cho tổ phụ ông. Từ khi giặc Minh xâm lược ông vẫn nhắc nhở ba con giữ làng, thà chết không làm tay sai, không hầu hạ, phục dịch lũ giặc. Đàn con cháu của ông đã làm theo lời ông. Làng Dựng Tú này cũng dậy. Trai tráng đều theo đứa con trai thứ hai của ông, liên kết với chúa Lam Sơn là Lê Lợi để mưu chuyện lớn. Ông vẫn thầm nhắc: "Hậu sinh khả úy". Con trai Lê Lai của ông không chỉ lo việc giữ làng Dựng Tú nhưng ông khuyên bảo, mà còn tính chuyện nổi dậy đánh đuổi giặc Minh, thu phục cả đất nước Đại Việt. Sức già có hạn. Ông xin nhường bước cho đàn trẻ thả sức vẫy vùng. Được như vậy thì tổ tiên ông nằm dưới lòng đất Dựng Tú này cũng lấy làm vinh hạnh. Ông sinh hạ được hai con trai: Lê Lãn và Lê Lai. Cả hai đều khỏe mạnh. Nhưng xem ra Lê Lai dũng mạnh, mưu lược hơn Lê Lãn nhiều. Cả huyện Lương Giang này điều biết Lê Lai cùng với Lê Lợi bên huyện Lôi Dương kết bạn keo sơn, cầm đầu khắp vùng thượng Du Phủ Thanh Hóa này. Ông có nghe tin phong thanh tri phủ Lương Nhữ Hốt thường cho tay chân lui tới do la hành tung của Lê Lợi và con trai ông. Trước sự việc thường xảy ra, ông thấy ngài ngại. Ông hỏi Lê Lai:

- Công việc đến đâu rồi con?

- Dạ, mọi việc đang sửa soạn gấp, còn phải nuôi thêm uy, dưỡng thêm sức mới nổi dậy được bố ạ.

Lê Kiều băn khoăn lo lắng:

- Cử sự phải có lương thảo, quân lính. Liệu các con lấy đâu cho đủ?

Công việc chuẩn bị kín đáo của Lê Lợi ở bên phía Lam Sơn làm sao Lê Kiều biết được. Nơi ấy, lúa gạo đã chất đầy kho đụn, hào kiệt khắp nơi về ứng nghĩa đã đông, còn sĩ tốt không phải ai xa lạ, chính là hàng ngàn gia nhân của Lê Lợi vừa cày ruộng vỡ nương vừa luyện tập đó thôi. Chẳng nói đâu xa, ở làng Dựng Tú này, một khi nổi dậy thì trai tráng trong làng từng theo Lê Lai tập luyện sẽ cắp giáo vùng dậy. Còn lương thực thì nhà nào cũng sẵn ứng cấp cho chồng con lo việc nghĩa. Lê Lai nói với bố:

- Vâng, mọi việc đều tính toán kỹ. Một khi phất cờ nổi dậy thì phải có đầy đủ cả chứ ạ.

- Giặc Minh đông lại mạnh. Bố có nghe chuyện các Vua Trần nổi dậy bị giặc dồn về tận Hóa Châu, lao đao lận đận mãi mà nghiệp lớn vẫn không thành. Phải xem đó để liệu lượng từng đường đi nước bước đấy con ạ.

Lê Lai giảng giải cho bố rõ:

- Con có biết việc đó. Các Vua Trần khác, các con khác. Các Vua Trần không được lòng dân nên bị đánh bại. Còn các con hãy theo lòng dân nổi dậy, lấy rừng núi hiểm trở làm chỗ dựa. Ngày nào núi rừng còn sừng sững đứng đó thì giặc Minh đừng có hòng đánh dẹp được nghĩa quân. Mà nghĩa quân còn thì sớm muộn giặc cũng bị quét sạch.

Niềm tin sắc đá thoát ra từ lời nói đơn giản, mộc mạc của Lê Lai làm cho cha càng vững tâm. Lê Kiều hỏi con:

- Bao giờ thì cử sự?

- Dạ, còn phải làm lễ hội thề xong rồi mới phất cờ nỗi dậy được.

Lê Kiều vuốt râu cười khà. Nghe nói mấy tiếng "Hội thề" ông nghĩ đến sự tích "Đào viên kết ngĩa" của Lưu Bị, Quan Vân Trường và Trương Phi thời Tam Quốc. Ông vẫn thầm thán phục tình nghĩa của ba người ấy. Ông gật gù:

- Ừ, cũng phải. Anh em kết nghĩa mưu việc lớn, phải cùng lòng hết sức vì nước quên mình, sống chết có nhau mới phải đạo làm người và hợp với nghĩa cả đó con ạ!

Mặt trời nhô lên đầu núi. Màn sương mù trắng xóa, dày đặc, bao phủ khắp nơi tan dần. Núi rừng Lam Sơn hiện ra mỗi lúc một rõ nét. Những cánh rừng chàm tốt tươi mơn mởn phô bày sức sống mãnh liệt của mình qua màu xanh quen thuộc dưới nắng xuân ấm áp. Từng cơn gió nhẹ từ phía Đông quạt về lướt trên đồng ruộng, trườn lên sườn núi, xoáy tròn trong các lũng sâu để rồi lại bung ra lang thang kết bạn vói cây rừng. Trời Lam Sơn mỗi lúc như một cao thêm. Từng đám mây trắng lạc loài dạt về chân trời để lại một màu xanh trong lồng lộng. Trên một mỏm đá bằng phẳng thuộc Lam Sơn đất trời đã thoáng mát càng thêm thoáng mát. Nơi đây, giữa trời cao, rừng xanh, núi vắng, vào một ngày đầu tháng hai năm Bính Thân, mười tám người từ bốn phương họp lại cùng nhau làm lễ hội thề, một lòng giết giặc trả nợ nước thù nhà.

Mặt trời vừa đúng Ngọ, ba hồi chiêng trống vang rền như gọi hồn thiêng của núi sông về. Lũng Nhai chứng kiến lời thề của những người con ưu tú của dân tộc. Đứng cạnh Lê Lợi, Lê Lai nắm chặt đốc kiếm, trang nghiêm trong bộ võ phục màu chàm, mắt không rời làn khói trầm bốc lên ngùn ngụt trên những phiến đá xếp cao làm bàn thờ tế cáo trời đất.

Đã hàng tháng trời trước đây, chúa Lam Sơn bàn với Lê Lai về việc làm lễ hội thề. Chỉ một việc chọn đất làm lễ cũng đã bàn đến nát lý. Có người bàn nên làm lễ ở ngay đình làng cho ai nấy cùng tham dự để khích động lòng dân. Có người bàn nên chọn ngôi đền thờ thần núi để làm lễ. Cuối cùng Lê Lợi và Lê Lai đã chọn mảnh đất bằng phẳng trên sường núi cao hoang vắng, và chỉ có mười tám người tâm huyết tham dự mà thôi. Từ đó Lê Lai được Lê Lợi giao việc sửa soạn cho ngày lễ. Ngay từ khi chọn mảnh đất hội thề này, Lê Lai đã nghĩ rằng đây không phải là buổi phô trương thanh thế, mà chỉ là cuộc hội thề kết nghĩa keo sơn của mười tám anh em từ khắp nơi tụ về Lam Sơn ngầm nuôi chí lớn. Vì vậy, Lê Lai muốn giữ nguyên vẹn

cảnh quang hùng vĩ thiêng liêng của rừng núi Lam Sơn, mà không bày đặt sắp xếp gì phiền phức. Ngoài mấy phiến đá to chồng cao, hướng về phía mặt trời mọc làm nơi đặt bó trầm hương còn có mấy tảng đá vuông vắn kê phía trước, đặt xôi nếp, bò thui và vò rượu làm lễ vật. Trong số mười tám người đến dự hội thề, ngoài những anh em bà con bạn bè của Lê Lợi, Lê Lai ở quanh vùng, còn có những người từ xa xôi tìm về Lam Sơn tụ nghĩa như Nguyễn Trãi ở Đông Quan, Lưu Nhân Chú ở Thái Nguyên... Tất cả đều quen biết nhau, thường ngày đã từng bàn mưu tính kế, trù liệu chờ ngày khởi sự. Lúc này, trong kông khí uy nghiêm của lễ hội thề, ai nấy đều im lặng, đường hoàng trong các bộ võ phục màu chàm, màu nâu quen thuộc, hoặc trang trọng với cặp áo dài khăn lượt, mang dáng dấp một văn nhân. Tất cả đều chắp tay quỳ trước bàn thờ trời đất. Lê Lai cũng vậy. Thường ngày Lê Lai vẫn nổi tiếng là một người ăn to nói lớn, khi vui chuyện cười nghiêng ngửa, cũng có lúc nổi giận, quát tháo như hổ gầm. Nhưng lúc này Lê Lại lặng im, thỉnh thoảng gặp Lê Lợi bàn soạn nhỏ nhẹ. Dường như không ai muốn để cho lời nói, tiếng cười thông thường của mình làm khuấy động vẻ yên tĩnh trang nghiêm của núi rừng hùng vĩ. Mọi người đều để cho những ý nghĩ cao cả, những tình cảm thiên liêng của mình hòa với anh linh của sông núi trong thời khắc mà ai nấy đều tự nguyện kết nghĩa cùng nhau gắn vận mệnh bản thân mình với vận mệnh của dân tộc, của đất nước.

Ba hồi chiêng trống dóng dả vang rền. Trời cao xanh lồng lộng như nghiêng mình chao xuống, rừng núi quay đầu, còn xa xa, đồng ruộng, xóm làng như chuyển động, tất cả đều hướng về Lũng Nhai. Trên bệ đá cao, làn khói trầm trắng xóa tung lên vần vụ rồi tan dần trong nắng, để lại mùi hương ngào ngạt lẫn với mùi thơm của hoa rừng cỏ núi đang nở rộ vào mùa xuân. Chiêng trống ngừng bặt. Tiếng tâm sự rì rào của cây rừng như tạm lắng xuống nhường cho lời thề thiêng liêng của Lê Lợi, thay mặt cho mười tám người tâm huyết, sang sảng vang lên:

Chúng tôi, phụ đạo chính ở lộ Khả Lam, nước An Nam cùng với bọn Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lôi, Lưu Trung, Lê Liễu, Bùi Quốc Hưng, Lê Hiểm, Võ Uy, Nguyễn Trãi, Lưu Nhân Chú, Trịnh Võ, Phạm Cuống, Lê Lý, Đinh Lan, Trương Chiến, xin đem lễ vật kính dâng lên tấu cáo với Hiệu thiên thượng đế, hậu thổ địa hoàng, cùng các vị thần sông, núi, danh lam ở trong nước, cúi xin các vị chứng giám mà thưa rằng: Có bè bạn ở phương xa, đến kết giao vui vẻ, đã nói ra thì phải giữ lòng tin, vì thế nên phải có lẽ tấu cáo.

Nay phụ đạo chính ở nước chúng tôi là Lê Lợi cùng với bọn Lê Lai cho đến Trương Chiến, mười tám người tuy quê quán họ hàng có khác nhau, nhưng đã kết nghĩa anh em thề cùng như chung một tổ. Phận vinh hiển dầu có khác nhau, nguyện tình cùng họ không bao giờ khác. Nay nhân giặc Ngô xâm chiếm nước Nam, tàn sát nhân dân rất là khổ sở, nên Lê Lợi cùng Lê Lai đến Trương Chiến, mười tám người chung sức đồng lòng, giữ vững đất nước, làm cho nhân dân ăn ở yên lành, thề chết sống đều phải cùng nhau, không dám quên lời thề ước.

Chúng tôi cúi xin trời, đất và các vụi thần linh chứng giám ban cho trăm phúc, tự thân mình, nhà mình, con cháu trong họ hàng đều được yên vui, cùng hưởng lộc trời.

Nếu Lê Lợi, Lê Lai cho đến Trương Chiến lòng này khác, cầu ơn hiện tại, núp

bóng quân thù, không cùng đồng lòng, quên lời thề ước, chúng tôi cúi xin trời, đất, thần linh giáng cho trăm vạ, từ mình cho đến nhà mình, con cháu, họ hàng đều bị tru diệt, chịu hết hình phạt của trời.

"Xin có lời thề".

Văn thề vừa dứt, tất cả mọi người đều phục xuống ba lần làm lễ cúng vái trời đất rồi chắp tay lặng im quỳ nhìn khói trầm vấn vụ. Khi khói hương vừa tàn, Lê Lợi đứng dậy tự tay châm lửa đốt văn thề. Những mảnh tro tàn quăn queo nát vụn từ tay Lê Lợi tung lên bay tỏa, hòa hợp với núi rừng. Lê Lợi tiến về phía vò rượu, rúng gươm, nhẹ nhành ấn mũi kiếm sắc bén vào đầu ngón tay trỏ. Ba giọt máu đỏ thắm từ đầu ngón tay chúa Lam Sơn nối nhau rơi vào vò rượu. Theo bước Lê Lợi Lê Lai đưa ngón tay lên miệng, lại ba giọt máu nữa nhỏ xuống. Cứ như vậy, cho đến người thứ mười tám, rượu trong vò từ trắng trong đã ngả sang mài hồng nhạt. Lễ vật được đem xuống đặt trên nền đất núi. Mọi người quây quần bên nhau. Vò rượu hồng được chuyền tay. Thịt bò nướng xèo xèo trên lửa đỏ bốc lên mùi béo ngậy cùng với hương thơm của xôi nếp. Không khí trang nghiêm của buổi lễ hội thề đã qua, giờ đây mội người vui cười, ăn uống thoải mái.

Ngồi cạnh Lê Lợi, Lê Lai nâng cao lưỡi gươm còn găm tảng thịt bò nướng trên mũi nhọn, vui kể cho mợi nghe câu chuyện tước võ khí và tống cổ bọn lính huyện Lương Giang xảy ra ở làng Dựng Tú. Có tiếng thét lên:

- Sao không chém cổ chúng đi?

Lê Lai xua tay:

- Giết phường chó chết đó làm gì. Tôi thề sẽ khai gươm bằng đầu một tên giặc Ngô.

Lê Lợi đập tay vào đôi vai vạm vỡ của Lê Lai cười lớn:

- Phải đó!

Lê Lai quay sang hỏi Lê Lợi:

- Bao giờ mới cử sự để tôi được khai gươm, thưa chủ tướng?

Lê Lai đã hỏi đúng điều mọi người đang mong đợi. Ai nấy đều ngừng lại, chăm chú nghe câu trả lời của vị chúa tể đất Lam Sơn. Lê Lợi thong thả cất từng tiếng rành rọt:

- Ngày cử sự ư? Còn phải gấp rút chuẩn bị thêm binh mã lương thực. Gặp thời cơ thuận tiện ta sẽ phất cờ nổi dậy khiến giặc không kịp trở tay. Ngày ấy không còn xa lắm...

Ngày ấy đã xảy ra vào buổi đầu tháng giêng năm Mậu Tuất.

Khi ngọn cờ Bình Định Vương phất cao trên đất Lam Sơn cũng là lúc đất nước Đại Việt đang trải qua những ngày đón xuân mới tưng bừng nhộn nhịp. Tin vui truyền đi nô nức lòng người. Còn bè lũ giặc Minh: Tổng binh Phong thành hầu Lý Bân, đô đốc Phương Chính, tham tướng Trần Trí, Thái giám Sơn Thọ, Mã Kỳ... Từ Động Quan cho đến Tây Đô đều giật mình hoảng sợ. Bảy ngày sau, giặc Minh cho

Mã Kỳ cùng quan tướng đem đại quân từ Tây Đô đến Lam Sơn. Anh em Lê Lãn, Lê Lai và con trai cùng nghĩa quân Lam Sơn bắt đầu chạm trán với quân thù, trải qua những ngày gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt.

Từ Lam Sơn về Lạc Thủy, rút về Chí Linh để rồi lại trở về Lam Sơn, cuộc chiến đấu đã diễn ra liên tiếp: Mai phục tiêu diệt hàng ngàn quân giặc, đánh lui Mã Kỳ ở Lạc Thủy, bị vây khốn nặng nề phải rút về Chí linh ẩn náu chịu đựng hàng hai tháng trời bị tuyệt lương, lấy măng tre củ rừng làm cái ăn để sống đợi ngày. Giặc rút về Tây Đô, nghĩa quân lại trở về Làm Sơn với một lực lượng ít ỏi, chỉ vẻn vẹn còn hôn một trăm người. Lại những ngày đắp lũy, tuyển quân, tích lương, sắm sửa binh mã. Nghĩa quân Lam Sơn được nuôi dưỡng, hồi phục trong vòng tay của bà con nhân dân Lam Sơn thân yêu.

Tống binh Phong thành hầu Lý Bân phải ra quân. Nghĩa quân rút về rừng núi phía Tây mai phục ở Mường Một. Gặp tổn thất nặng nề, quân tướng chết và bị thương quá một nửa, Lý Bân phải rút về Đông Quan.

Hơn một năm sau, vào tháng tư năm Kỷ Hợi, lần đầu tiên nghĩa quân tập kích tấn công đồn giặc. Đồn Nga lạc bị đánh tan, tên ngụy quân Nguyễn Sao bị bắt sống, trên ba trăm tên giặc bị tan xác. Ở Đông Quan, Lý Bân nghe tin mà hoảng sợ, vội vã truyền lệnh điều một số quân đông mạnh gấp bội mọi lần, phải lùng diệt cho bằng được nghĩa quân Lam Sơn.

Lần thứ hai, Bình Định Vương Lê Lợi quyết định rút về Chí Linh.

Núi non trùng điệp sường sững một góc trời đông nam đất Thanh Hóa. Vách đá dựng đứng tưởng chừng như vít kín lối đi, nhưng rồi một lũng hẹp lại mở ra như cổng trời vời vợi cho nghĩa quân từ Nga lạc tìm về nơi ẩn náu. Con đường rút về Chí Linh khá hiểm trở. Sau mấy ngày đêm trèo non lội suối, Bình Định Vương cùng nghĩa quân đã có mặt an toàn ở Chí Linh. Quân sĩ luân phiên canh giữ các lối vào và chia nhau nghỉ ngơi cho lại sức. Giặc Minh quỷ quyệt, theo riết vây hãm nghĩa quân trong vùng núi vùng hoang vu hiểm trở. Chóp núi sừng sững vách lá chênh vênh với những cánh rừng âm u chìm trong lũng sâu che chở nghĩa quân tránh được mũi nhọn của giặc. Nhưng cũng chính nơi đây, vùng núi hoang vắng, cách biệt với các bản mường, làng chạ, lại là điều lo ngại cho việc tìm kiếm lương thực của đoàn quân khởi nghĩa. Các lối mòn thông thương với bên ngoài đều bị giặc bịt kín. Lương thực ít ỏi mang theo đã vơi cạn trong khi tìm về nơi ẩn náu. Lại những ngày tướng sĩ cùng quân lính chia nhau từng hạt gạo, từng mẩu củ rừng để sống cầm hơi. Ngựa chiến đã có con khuỵu gối trong tàu vì đói cỏ lại lâu ngày không được một hạt thóc. Căn Điện Cỏ nho nhỏ làm nơi ngự của Bình Định Vương vừa được dựng lên, tựa lưng vào vách đá. Mái cỏ tranh còn xanh màu lá mới chưa kịp ngả màu. Các lỗ hổng bắt đầu xuất hiện lỗ chỗ trên mái.

Nôi đây, này đêm Bình Định Vương Lê Lợi cùng tướng lệnh, mưu sĩ chụm đầu bên nhau bàn kế đối phó với giặc dữ. Những ngày gian khổ thiếu ăn cùng với nỗi lo âu chồng đắp làm cho ai nấy đều sọm đi. Những nét già nua càng hằn rõ trên khuôn mặt khắc khổ của từng người. Tất cả đều bừng bừng mệt mỏi vì oi bức của nắng hè trong vùng núi đá khô khốc.

Đã mấy đêm liền, Lê Lợi chưa chớp mắt. Không họp mặt cùng Bình Định Vương Lê Lợi và các tướng lệnh ở Điện Cỏ thì Lê Lai lại cắp gươm tìm đến các đội ngũ. Với bản tính vui nhộn của mình, Lê Lai đến với nghĩa quân còn thao thức trằn trọc vì đói mệt. Ông vui chuyện, động viên mọi người bền chí, vượt qua những ngày gian khổ. Đêm nay, một đêm không trăng sao, trời tối mịt, ông đến với toán nghĩa quân canh giữ bên ngoài lèn đá. Lần mò theo đường núi, vừa nhô khỏi vách đá, ông đã nghe tiếng quát hỏi của nghĩa quân gác đêm:

- Ai đó?

- Ta.

- Ta là ai?

Lê Lai nhận ra tiếng nói ồm ồm vừa qua thời kỳ vỡ giọng của người con trai đầu của mình cũng theo nghĩa quân từ những ngày Bình Định Vương phất cờ nghĩa. Ông vui nhộn đáp lời:

- Bố mày chứ ai!

Trong bóng đêm mờ mịt, Lê Lô nhận ra người thân. Anh chạy lại ôm chầm lấy bố. Tuy hai bố con cùng có mặt trong đoàn quân khởi nghĩa từ ngày dựng cờ ở Lam Sơn, nhưng có mấy khi gặp nhau. Sau những trận chiến đấu ác liệt, hỏi thăm biết còn sống thế là mừng. Lê Lai lặng lẽ đưa tay xoa đầu con. Cái khuôn mặt bầu bĩnh mập mạp của đứa con đầu đã gầy sút đi nhiều. Đôi gò má xương xẩu và vàng cằm nhô bạnh ra cân cấn dưới lòng bàn tay của Lê Lai. Ông hỏi con:

- Tình hình anh em đồng đội ra sao con?

- Đói lắm bố ạ.

Lê Lai cười khì:

- Ừ, bị vây hãm trong vùng núi này lấy đâu mà chả đói.

- Sao không rút về Lam Sơn hả bố?

Lê Lai không trả lời câu hỏi của con, ông hỏi thêm:

- Anh em có xôn xao gì không?

Lê Lô vùng ra khỏi tay bố:

- Mọi người chỉ muốn một trận sống mái với giặc. Sống thì cùng về Lam Sơn, chết thì mạng đổi mạng rồi cùng chết. Còn nằm chịu chết đói ở đây không được đâu bố ạ.

Thì ra quân sĩ, ai nấy cũng nghĩ như Lê Lai. Nhưng tiến thoái ra sao lại do Bình Định Vương định đoạt. Hai bố con cùng ngồi xuống một tảng đá. Lê Lai vỗ vai vào vai con:

- Con ngủ đi một chút cho khỏe để còn sức đánh giặc. Việc canh gác đã có bố.

Lê Lô ngoan ngoãn vâng lời. Anh ước chi được leo lên lòng bố nằm ngủ như ngày nào còn bé nhỏ. Nằm ngả lưng cạnh bố, Lê Lô nghĩ đến làng Dựng Tú thân

yêu của anh ở gần kề chân núi Lam Sơn. Giờ đây ông nội anh, mẹ và em ra sao? Anh thiếp đi lúc nào không biết. Cho đến lúc thức dậy, anh thấy bố vẫn lặng yên ngồi bên mình, im lìm, vững chãi như một tảng đá.

Anh cất tiếng thiết tha:

- Bố!

Lê Lai cầm tay con:

- Càng gian khổ, thiếu thốn, càng phải thương yêu đùm bọc đồng đội, sống chết có nhau. Không một mảy may ngả lòng nản chí, nghe không con!

- Vâng.

Lê Lai chia tay con, khi về đến Điện Cỏ của Bình Định Vương thì trời cũng vừa sáng tỏ. Lê Lai chưa kịp bước vào điện, người nghĩa quân giám mã đã hớt hải chạy lại:

- Thưa tướng quân, con ngựa chiến của ngài vừa ngã khuỵu trong tàu, không cất mình lên được nữa.

Lê Lai vội theoo chân người giám mã, bước thẳng vào tàu, ngồi bên con ngựa quý. Tốp nghĩa quân vây quanh, đứng ngoài nhìn vào. Con ngựa màu vàng cháy, hông lép kẹp nằm sóng soài trên nền đất. Bốn vó ruổi thẳng, cổ vươn ra dài ngoẵng sát mặt đất. Mới ngày nào, khi còn ở Lam Sơn, con ngựa vừa đến tuổi được nuôi dạy, chăm nom, béo khỏe là thế! Nó đã cùng Lê Lai vượt qua bao núi rừng hiểm trở. Khi mai phục xông ra giết giặc, cùng như hôm Lê Lai đưa quân vào đồn Nga Lạc bắt sống tên ngụy quân Nguyễn Sao, lúc nào con ngựa cũng tỏ ra tinh khôn. Chỉ cần một thúc gót nhè nhẹ bên hông hay nhích nhắc một sợi dây cương là nó đã biết được ý chủ. Nó chồm lên xông thẳng vào quân giặc, hoặc lùi lại, né sang một bên để tránh đường gươm hiểm hóc của quân thù. Lần thứ hai, nó theo chân Lê Lai trở lại Chí Linh. Lần này vì đói ăn nên kiệt sức. Bộ xương sườn của con ngựa phơi ra như một bó hom, chốc chốc nâng lên rồi lại sụp xuống. Con ngựa đang thoi thóp. Cái mõm nhợt nhạt, xát xịt của nó bể ra, đôi mắt mở trừng trừng. Vừa thấy Lê Lai đến, nó cố gắng cất đầu dậy, nhưng không được. Nó chỉ còn đủ sức ve vẩy đôi tai. Lê Lai cúi sát mặt xuống đầu ngựa. Ông đưa tay vuốt nhẹ hàng lông bờm đen dài, rũ rượi, lòa xòa trên cổ và trước trán ngựa. Từ trong khóe mắt trắng giã. Bất động của con ngựa ứa ra hai dòng nước mắt. Nó thở dốc, đôi con ngươi tròn vàng vạnh đảo qua đảo lại, soi thẳng vào Lê Lai rồi sừng hẳn lại. Con ngựa chết hẳn. Giữa mùa hè oi bức mà Lê Lai cảm thấy ớn lạnh. Ông ngậm ngùi đưa tay vuốt mắt cho ngựa. Một tiếng thở dài. Ông đứng dậy nói với tốp nghĩa quân đứng bên ngoài:

- Ngựa chiến với người lính là đôi bạn thân thiết. Con ngựa này sống vì chúng ta, không may nó chết cũng vì chúng ta. Nó đỡ đần ta trong khi bị vây hãm. Các ngươi này làm thịt nó đem chia đều cho anh em!

Cái nắng oi ả của một ngày hè như càng tăng lên gấp bội. Nắng từ trên trời cao đổ xuống. Nắng từ vách đá hắt ra. Thỉnh thoảng một cơn gió nam len lỏi lùa vào căn cứ Chí Linh lại mang theo cái nóng hầm hập của núi rừng bị nắng hè thiêu đốt. Ngôi

Điện Cỏ của Bình Định Vương ngập chìm trong nắng lửa của một buổi trưa hè. Ánh nắng từ lỗ hổng lỗ chỗ trên mái cỏ tranh soi loang lổ trên những tấm lưng trần mồ hôi nhễ nhại. Trên hai chục tướng lệnh của nghĩa quân được Bình Định Vương vời về đây tục họp để bàn kế thoát hiểm.

Trước mặt mọi người, Bình Định Vương thong thả gieo từng bước một trên nền điện. Bộ võ phục màu nâu của Vương đã có đôi chỗ sờn rách, chiếc khăn nhiễu tím buộc đầu đã bạc màu. Cảnh thiếu ăn, đói ngủ lâu ngày đã hằn rõ rõ trên khuôn mặt vuông vắn, đanh thép của người cầm đầu nghĩa quân mới ngoài ba mươi tuổi. Ai nấy đều lặng yên chờ đợi. Một nỗi lo chung đang đè nặng tâm tư từng người. Lê Lợi dừng bước, đưa mắt nhìn khắp lượt rồi thong thả nói với tướng lệnh:

- Vòng vây của giặc mỗi ngày một thêm dày đặc, mà ta thì lương thực đã cạn hết. Cứ như thế này, chúng ta có nguy cơ bị tiêu diệt. Mấy ngày nay nhiều người bàn nên dốc hết sức lực phá vây, mở con đường máu tìm cách thoát hiểm. Lần trước giặc vây hãm chúng ta ở đây hai tháng trời, tưởng quân ta đã chết hết. Không ngờ ta vẫn còn sống và càng lớn mạnh để còn có đến ngày nay. Phen này chúng sẽ vây hãm đến cùng, không làm gì có chuyện giặc tự giải vây như lần trước. Ta chỉ còn ba đường: Một là liều chết đánh giải vây, hai là bó tay, đợi giặc xông vào chịu chết, ba là đầu hàng để bảo mạng. Các người tính sao?

Trong lúc ai nấy còn yên lặng thì mưu thần Nguyễn Trãi đã lên tiếng:

- Tâu vương thượng, lũ tướng thần chúng tôi thề thà chết chứ không hàng giặc, còn bó tay chờ chế không phải là hành động của người trí dũng. Chỉ còn cách đánh giải vây. Nhưng, thưa Vương thượng, đánh giải vây như thế nào để bảo tồn lực lượng? Nếu dốc toàn quân vào một cuộc đọ sức cuối cùng để rồi hy sinh tất cả thì lại không được. Đó mới là việc khó nghĩ, thưa Vương thượng.

Bình Định Vương Lê Lợi gật đầu tỏp ý tán thưởng. Từ hôm bị vây hãm, Lê Lợi đã tính đến chuyện phải mở đường máu. Nhưng quân giặc kéo đến mỗi lúc một đông, chúng quyết tâm tiêu diệt bằng được nghĩa quân. Trong khi đó lực lượng trong tay Lê Lợi chỉ còn ít ỏi, lại hao mòn, mỏi mệt vì chiến đấu ròng rã và chịu đựng thiếu ăn lâu ngày. Nếu dốc toàn lực đọ sức với giặc là trúng độc kế của chúng. Chỉ còn cách là một số chịu hy sinh để cho một số thoát vây, sống được, lo việc khôi phục lực lượng, tiếp tục sự nghiệp còn dang dở. Nhưng ai là người sẽ hy sinh. Trước mặt Lê Lợi là những người tự nguyện lìa bỏ xóm làng cha mẹ, vợ con thân thích, thề sống chết với giặc để cứu nước nhà. Khi cần ai cũng sẵn sàng xả thân vì nghĩa cả. Nhưng vào lúc này, nhân tài thì hiếm hoi, tuấn kiệt còn lác đác. Một người mất đi cũng để lại tổn thất nặng nề cho tất cả. Huống chi trước ngày khởi nghĩa, anh em đã thề nguyền sống chết vớ nhau, sướng vui cùng hưởng. Bây giờ ai còn ai mất? Đã đến lúc vận mệnh của đất nước, sự mất còn của nghĩa cả không cho phép luẩn quẩn, đắn đo vì những tìm cảm thông thường, Lê Lợi nhìn khắp lượt rồi hỏi mọi người:

- Bây giờ ai có thể làm như Kỳ Tín ngày xưa, để ta ẩn náu trong rừng núi, mưu tính cử sự về sau?

Nghe Bình Định Vương nhắc Kỷ Tín, mọi người nghĩ đến việc làm của một

trung thần Hán Cao Tổ, liều mình đầu hàng giặc, chịu chết khi Hán Cao Tổ bị Hạng Vũ vây hãm nguy khốn ở Huỳnh Dương. Nhờ vậy, Hán Cao Tổ thoát hiểm, về sau gây dựng lại lực lượng diệt được Hạng Vũ. Trong lúc mọi người còn đang suy nghĩ về mưu kế của Bình Định Vương thì Lê Lai đã vụt đứng dậy hiên ngang trước tướng lệnh. Giọng âm vang, dứt khoát của ông cất lên.

- Thần nguyện đổi lấy áo bào. Ngày sau bệ hạ thành nghiệp đế, có được thiên hạ, nhớ đến công thần mà cho con cháu muôn đời của thần được chịu ơn nước. Đó là điều thần mong ước.

Lê Lợi cảm động, bước lại gần, cầm tay Lê Lai. Đôi mắt rực sáng của người cầm đầu nghĩa quân Lam Sơn rộng mở, soi thẳng vào khuôn mặt vuông vắn, cương nghị của người tướng lĩnh dũng cảm. Khâm phục, mến thương tràn đầy khóe mắt, Lê Lợi muốn ghi nhận mãi mãi trong đáy lòng mình hình ảnh người chiến hữu thân thiết quyết bỏ mình vì nghĩa cả. Lê Lợi thề nguyền với trời xanh mà cũng là thay mặt cho mọi người tỏ lòng biết ơn người trung nghĩa:

- Lê Lai có công đổi áo, sau này trẫm cùng con cháu trẫm và các tướng tá công thần cùng con cháu họ, nếu không nhớ đến công ấy, thì xin Điện Cỏ này hóa thành rừng núi, ấn báu hóa ra cục đồng, gươm thần hóa ra dao thường.

Nói xong, Lê Lợi lấy áo bào trao cho Lê Lai và ân cần hỏi:

- Người cần bao nhiêu quân sĩ và tướng lệnh đi theo?

- Xin cho thần năm trăm quân, hai thớt voi và một con ngựa chiến là đủ. Trước khi chịu rơi vào tay giặc, thần sẽ lôi kéo, giữ chân chúng lại. Xin bệ hạ cùng các tướng lệnh ở lại kịp đêm quân sĩ ẩn náu, để lo gây dựng nghiệp lớn mai sau.

Nắng hè vẫn như đổ lửa xuống rừng núi Chí Linh. Hơn hai mươi tướng lệnh lặng đi trong Điện Cỏ. Gian khổ, mất mát, hy sinh còn nhiều. Ai nấy đều đã tự nguyện chọn con đường hy sinh thân mình cho đất nước thân yêu được sống mãi. Trong gần hai năm quần nhau với giặc, đã bao nhiêu người đã ngã xuống mà nghiệp lớn chưa thành. Giờ đây, đến lượt Lê Lai dấn thân vào nanh vuốt của giặc cho nghiệp lớn không bị diệt vong. Ai nấy lặng người. Đau thương căm thù sôi sục trong lòng mỗi người như cơn gió nồm nam nóng hừng hực đang lướt rào rào qua vách núi.

- Không được! Con phải tuân lệnh Bình Định Vương!

Giọng kiên quyết gần như quát tháo của bố làm cho Lê Lộ phải yên lặng, ngậm ngùi cúi đầu. Tiếng chuông ngũ liên bắt đầu thúc. Lê Lai ôn tồn nói với Lê Lãn và Lê Lộ:

- Bác và con phải cùng anh em đồng đội ở lại hộ vệ cho đường Bình Định Vương cùng các tướng lệnh kịp tìm nơi ẩn náu. Mai đây, có dịp về quê nhà, các người nói Lê Lai có lời chào anh em bà con làng Dựng Tú, Còn Lê Lộ, con phải dìu dắt hai em trả nợ nước, thù nhà!

Dứt lời, Lê Lai nhảy lên yên ngựa. Tà áo bào bay phần phật. Giải vương miện nhảy múa chập chờn. Con ngựa chiến đưa Lê Lai tiến về phía đầu đoàn quân. Nơi đó, Bình Định Vương Lê Lợi và các tướng lệnh đã đứng đợi để tiễn biệt đoàn quân

quyết tử.

Nắng sớm tràn ngập Chí Linh. Sương mai hầu như bị quét sạch, chỉ còn lại từng đám rời rạc, chờn vờn trên chóp núi. Ngồi trên lưng ngựa, đi giữa đoàn quân, Lê Lai ngoái nhìn lại. Căn cứ Chí Linh đang khuất dần sau vách đá. Nỗi đau vĩnh biệt vừa kịp nhóm lên trong lòng Lê Lai đã bị át đi vì hận thù ngùn ngụt. Núi rừng hùng vĩ của đất Thanh bao la hiểm trở là thế mà giờ đây Bình Định Vương và cả đoàn quân khởi nghĩa của Người chưa có chỗ dung thân! Quê hương thân yên của ông, đất nước Đại Việt này có sao lại chịu cho quân giặc Ngô giày xéo? Cảnh đọa đày rên xiết của nhân dân dưới ách tàn bạo của giặc, những ngày đói khổ, gian truân của đoàn quân khởi nghĩa, trong đó có anh em, con cái, bè bạn thân thích của Lê Lai thoáng hiện lên trong trí ông. Mới gần hai năm trời đọ sức với giặc mà đã bao nhiêu tướng lệnh, quân sĩ phải bỏ thân nơi rừng núi vây bọc quanh ông. Lê Lai nghe như đó đây, những bộ xương tàn của các chiến hữu ở khe suối, ven rừng đang vùng dậy theo bước chân mình. Ông muốn thét vang cho khắp núi rừng đều nghe thấy: "Có Lê Lai đây!"

Con ngựa chiến chồm qua một khe nhỏ. Tấm thân dũng mãnh của ông như bị hất về phía sau. Lê Lai giữ chặt cương ngựa, hỏi người lính cận vệ:

- Sắp lọt vào địa thế giặc Ngô chặn giữ chưa?

- Dạ, tiền quân báo về cho biết, sắp đến nơi rồi.

Lê Lai truyền lệnh:

- Gương cao ngọn cờ Bình Định Vương lên!

Cho đến lúc tiền quân đụng đầu với giặc, Lê Lai thúc ngựa phi về phía trước. Ông thét vang:

- Ta là Chúa Lam Sơn đây!

Thanh gươm trong tay Lê Lai vung lên, bay vù vù mở đường cho đoàn quân quyết tử dấn sâu vào trận địa giặc.

Trong cuộc giáp chiến ác liệt với quân thù, Lê Lai bị giặc bắt đem đi. Ông không còn sống để trở về với nghĩa quân Lam Sơn nữa...

Bình Định Vương Lê Lợi, tướng lệnh, quân sĩ, những người ở lại Chí Linh được thoát vây để sau đó tiếp tục hoàn thành sự nghiệp cứu nước mà người anh hùng Lê Lai hằng ấp ủ và vì nó hy sinh trọn đời.

Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn vai đeo túi nải tới gần ngã ba đường chợt nghe thấy tiếng kêu khóc từ trong làng xa vọng tới.

Vừa dừng lại, hai người đã thấy một toán giặc Minh hùng hổ khiêng lợn, gà, gạo từ trong làng đi ra.

Mấy đám cháy rồi mấy đám cháy nữa xuất hiện. Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn tái người khi nghe thấy lẫn trong tiếng nổ có những tiếng kêu thảm thiết.

Trần Nguyên Hãn bậm môi đưa mắt nhìn Nguyễn Trãi. Hiểu ý, Nguyễn Trãi khoát tay:

- Hiện giờ ta chẳng giúp gì được cho dân mọn đâu. Đừng nóng mà hỏng việc.

Hai người định quay đi thì lại có tiếng kêu thất thanh. Ngoảnh lại Nguyễn Trãi đã nhìn thấy không chỉ có một toán mà là nhiều toán giặc vừa đánh nhau với trai tráng trong làng vừa lùa vội đàn trâu, bò chạy xông ra đường.

Chẳng đành lòng, nhưng nghĩ mình đang phải trốn giặc vào Lam Sơn tìm minh chủ dựng cờ phục quốc, nên Nguyễn Trãi thở dài nói với Nguyên Hãn:

- "Chở thuyền làm lật thuyền cũng là dân". Nay giặc Minh tích điều ác, nghịch lòng dân thì chúng càng mau chết. Ta chẳng đang vì cuộc sống no lành của muôn họ đó sao?

Thoáng thấy Nguyễn Trãi rơm rớm nước mắt. Trần Nguyên Hãn bối rối xốc túi nải, nét mặt đăm đăm:

- Tình hình này ta chẳng thể theo lộ quan tới Lam Sơn được đâu. Đành phải xuyên sơn, chịu vất vả vậy.

- Có xá gì! Miễn là tránh được mắt giặc. Ta cứ hướng theo con đường lai kinh mà đi.

Rẽ vào đồi rồi Nguyên Hãn còn chưa hết bực:

- Đường đất chưa đi được là bao mà bảy lần thấy giặc chặn đường cướp giật, hành hạ dân mình. Tiểu đệ những tưởng chỉ ở nơi hang ổ của giặc, chúng cậy đông mới lộng hành đến thế!

Nguyễn Trãi cướp lời:

- Trần huynh mãi đọc binh pháp không đi đây đó nên không thấy đó thôi. Tôi chẳng may phải mười năm luân lạc nên mắt thấy tai nghe đã nhiều. Ở đâu có giặc thì ở đó dân làng không được yên sống.

Từ lâu vẫn muốn hỏi về việc làm của bạn trong mười năm xa cách nhưng chưa tiện. Nhân Nguyễn Trãi nhắc tới những năm luân lạc, Trần Nguyên Hãn lựa lời hỏi những điều còn băn khoăn:

- Kể từ ngày đại huynh bị Trương Phụ bắt giam rồi được tha, người mình khởi binh chống giặc cũng nhiều mà sao đại huynh không theo phò ai cả. Ngay hai vị vương họ Trần dấy binh, thanh thế đã lớn mà nghe ngóng mãi cũng không thấy tiếng đại huynh?

Nguyễn Trãi chậm rãi:

- Kể về thanh thế thì không chỉ có cuộc dấy binh của Giản Định, Trùng Quang mới là lớn. Và không phải tôi không có ý theo phò. Ngặt vì khởi binh đánh giặc là làm một việc lớn. Mà phàm mưu việc lớn, phải lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công to

phải lấy nhân nghĩa làm đầu. Duy nhân nghĩa gồm đủ thì công việc mới thành được. Lẽ ấy tôi không tìm thấy trong các cuộc khởi binh đánh giặc mà tôi biết. Ngày hai vị vương họ Trần, dẫu có danh tướng Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân giúp rập, đã có lúc lấy được Nghệ An, Thuận Hóa. Nhưng thiếu chiến sách hay nội bộ chia rẽ, lại khôi phục cơ nghiệp nhà Trần, lòng nhân không mong thì nghiệp lớn sao thành?

Trần Nguyên Hãn băn khoăn:

- Đại huynh nói chí phải. Chính vậy mà tiểu đệ lo không biết hào trưởng Lê Lợi có đúng là người có chí lớn như ta hằng mong không.

- Cứ phải mắt thấy tai nghe thì mới chắc. Nhưng cứ như cung cách làm việc của hào trưởng họ Lê thì ta có thể gởi chí mình được.

Bắt đầu đường dốc, trời lại tối, hai người ngừng câu chuyện, đổi vai đeo nải vắng bước, người hơi ngả về phía trước. Trên kia, cao hơn cả những ngọn đồ cao nhất, là mảnh trăng lưỡi liềm lơ lửng xa xa, giữa bầu trời ngàn vạn ngôi sao lấp lánh.

Nguyễn Trãi giật mình choàng dậy sau giấc ngủ mê mệt, hậu quả của những ngày đi bộ. Chỉ đến lúc nhìn thấy qua rặng cây thưa, dòng sông Bùi kéo thành một vệt dài lấp loáng, lượn giữa hai dãy rừng tối đen, Nguyễn mới nhận ra, mình đang ở trên một quả đồi thuộc vùng Tốt Động.

Biết chẳng phải ngủ lại được. Nguyễn Trãi muốn đánh thức Trần Nguyên Hãn dậy để đi cho được đường đất, nhưng thấy bạn ngủ say nên không nỡ.

Đêm tĩnh mịch quá. Nguyễn Trãi kêu lên se sẻ. Nguyễn chưa từng sống ở nơi này, trong hoàn cảnh này mà sao cảnh vật đêm nay thân thiết, quen thuộc như đã từng qua. Phải rồi Nguyễn Trãi thầm nhủ. Cũng vẫn những chòm sao tháng mười trên nền trời chuyển lạnh như thế này của hơn hai mươi năm trước, Nguyễn từ biệt Côn Sơn để trở về với cha ở Nhị Khê, sau khi mẹ rồi ông ngoại lần lượt từ trần. Tự dưng nhớ lại chuỗi ngày ấy. Nguyễn thấy thương nhớ cha da diết. Tiếng rằng cha đỗ tiến sĩ lại là con rễ một tể tướng thời Trần, nhưng trước khi đổi tên Nguyễn Ưng Long thành Nguyễn Phi Khanh ra làm quan cho nhà Hồ, cha vẫn phải sống cuộc sống nghèo bằng nghề dạy học. Rồi cũng vào mùa này gần hai mươi năm trước sau khi Nguyễn đỗ Thái học sinh, cùng làm quan một triều với cha, Nguyễn những tưởng được đem tài sức cùng cha giúp Hồ Quý Ly thực hiện những canh tân, làm cho dân giàu nước mạnh. Nhưng giặc Minh xâm lược, cha con Hồ Quý Ly, cùng các triều thần trong đó có cha, đều bị giặc bắt. Khi biết cha sắp bị giải sang Ngô và chuyến đi này không có ngày về, Nguyễn thương khóc cha khôn xiết. Ngày cha và vua tôi Hồ Quý Ly bị giải về Kim Lăng (Nam Kinh), Nguyễn và em là Nguyễn Phi Hùng theo đoàn tù lên tận ải Pha Lũy với ý định sang bên kia biên giới để hầu hạ cha cho đến lúc mảng chiều xế bóng.

Bao nhiêu năm đã trôi qua, nhưng cảng vĩnh biệt đau lòng nơi địa đầu tổ quốc ấy, Nguyễn nào quên được. Nguyễn đã bắt gặp cái nhìn vừa âu yếm vừa nghiêm khắc của cha, khi nhân lúc vắng cha vẫy Nguyễn lại gần và bảo: "Con là người có học, có tài nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Như thế mới là đại hiếu. Lọ là cứ phải theo cha, khóc lóc như đàn bà mới là hiếu hay sao?".

Nguyễn cứ ân hận mãi lúc đó không kịp giải bày tâm sự, hứa hẹn với cha. Nhưng lời giáo huấn của cha khiến Nguyễn thấu hiểu đạo làm con và bổn phận của người dân trong lúc đất nước bị giặc giày xéo.

Thù nhà nợ nước đêm ngày thúc giục Nguyễn Trãi tìm phương nghĩ kế để rửa nhục cho nước nhà. Nhưng từ bấy đến nay việc lớn cứ canh cánh bên lòng mà nào Nguyễn đã làm được gì?

Phải chăng Nguyễn đã để năm tháng trôi qua một cách vô ích, hay đã bỏ lỡ nhiều cơ hội gây dựng việc lớn? Nguyễn không tủi hổ với vong linh cha và bổn phận của một người dân; bởi vì hơn mười năm trời qua là hơn mười năm trời Nguyễn lênh đênh nơi góc biển chân trời, tìm người nghĩa khí, ôm ấp hy vọng đánh giặc, giải phóng non sông, đem lại thái bình cho muôn họ.

Nguyễn nhớ lại bài thơ gởi chí mình làm từ ngày mới thoát khỏi tay Trương Phụ, Nguyễn đọc nhỏ:

"Thần châu từ thuở nỗi can qua

Rên xiết muôn dân đến thế mà

Tử Mỹ ôn trung Đường xã tắc

Bá Nhân chan lệ Tấn sơn hà

Thu về đất lạ lòng nhiều cảm

Đời biến lâu nay khách chóng già

Ba chục năm trời danh tiếng hão

Quay đầu muôn việc giấc nam kha"

Kể từ ngày đến Lam Sơn, Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn phải làm những công việc về nghề nông do Lê Lợi cắt đặt. Nguyễn thấy rõ, Lê Lợi có tài điều khiển công việc, nhất là lòng độ lượng bao dung đối với mọi người. Nguyễn đã dày công để tâm dò xét động tĩnh của Lê Lợi nhưng ngoài mấy nhận xét: Lê Lợi thường mua dầu nhiều hơn rượu, đêm đêm hay vắng nhà, tính tình trầm ngâm, kín đáo. Nguyễn không còn biết gì hơn. Tuy chưa đến nỗi thất vọng về con người mà ngày đêm Nguyễn hy vọng gởi chí mình, nhưng rõ ràng trong đám lá xanh thắm của niềm tin ấy, đã điểm những chiếc lá vàng. Vì vậy, đêm nay Nguyễn phải quyết dò xem thực hư việc Lê Lợi dựng cờ phục quốc! Nguyễn không thể cứ sống nửa tin nữa ngờ trong lúc mối nhục mất nước, cảnh giặc nướng dân đen vùi con đỏ vẫn ngày đêm giày vò tâm can Nguyễn.

Trời vừa tối, thấy Lê Lợi vắng nhà, Nguyễn Trãi bèn vào rừng trèo lên một cây cao, nhìn bao qusát bốn phía. Bỗng từ hang núi cách khá xa trang trại của Lê Lợi, thấp thoáng có ánh lửa hắc ra. Đoán Lê Lợi đang họp hội kín ở đó, Nguyễn Trãi hồi hộp lần mò tìm đến. Vừa tới cửa hang, Nguyễn đã nhìn rõ Lê Lợi cùng với chừng mười người nữa đang xúm quanh chiếc bàn đá, trên bàn bày biện nhiều sách mà Nguyễn nhận ra là các sách binh thư. Hồi hộp xen lẫn sung sướng. Nguyễn Trãi thấy Lê Lợi nói với mọi người:

Thế là mọi việc đã cắt đặt đâu vào đó. Các ngươi hãy gắng vì nghĩa lớn để rửa nhục mối hờn mất nước.

Không nén được niềm vui quá lớn và đột ngột, Nguyễn Trãi vừa tiến vào hang vừa nói, giọng xúc động:

- Thưa chúa công! Bao năm nay đây mai đó tìm người nghĩa khí, tôn phò minh chủ, bàn kế cứu nước, tới nay tôi mới gặp.

Lê Lợi giật mình tuốt gươm xông tới phía Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi ngỡ ngàng dừng lại:

- Tôi đến đây xin làm nông phu chính là vì công việc phục quốc của chúa công.

Nghe ra Lê Lợi vất gươm, mời Nguyễn Trãi ngồi hỏi chuyện. Khi biết người mới vào là danh sĩ Nguyễn Trãi, con Trung thư thị lang, Hàn lâm viện học sĩ Nguyễn Phi Khanh. Lê Lợi và mọi người mừng vui khôn xiết.

Lê Lợi nắm tay Nguyễn Trãi, cung kính nói:

- Thật là trời đã đem đến cho ta một lương phụ.

Lê Lợi lần lượt giới thiệu những người xung quanh với Nguyễn Trãi. Lại một lần nữa, Nguyễn Trãi sửng sốt nhận ra tên tuổi nhiều người đã từng nghe nhưng chưa biết mặt.

Nhưng nhớ ra điều gì hệ trọng, sau một phút tần ngần, Nguyễn Trãi rút từ trong tay áo tập sách đưa đến trước mặt Lê Lợi:

- Nhân đọc binh thư, lại phần nào thấu được lòng dân, xét được địch tình trong những năm luân lạc, tôi làm ra Bình Ngô sách này, mong có ngày dùng đến. Nay dâng chúa công xem xét.

Trong lúc Lê Lợi trân trọng đón lấy Bình Ngô sách, Lý Triện, Phạm Văn Xảo, Đinh Lễ kéo Nguyễn Trãi đến gần mình vui vẻ nói:

- Anh em tôi vẫn đoán sẽ có ngày tiên sinh tìm đến và dâng diệu kế.

Nguyễn Trãi mỉm cười:

- Trãi này nghe chúa công chiêu hiền đãi sĩ, mưu dấy binh thư lại mười lăm đạo nước ta đã mất, nên cùng Trần Nguyên Hãn tìm đến.

- Cả Trần tiên sinh đã tới rồi ư Lê Lợi đột ngột quay phắt về phía Nguyễn Trãi, hỏi:

- Thưa chúa công, người nông phu vừa đến với tôi chính là Trần huynh đó.

Lê Lợi giọng vui hẳn lên:

- Trời đã cho ta quân sư lại thêm một danh tướng. Có nhân tài giúp rập, việc lớn ắt mau thành.

Từ đấy, mừng vì tìm được minh chủ, lại được minh chủ chấp nhận Bình Ngô sách, giữ luôn bên mình bàn đại sự, Nguyễn Trãi phấn chấn để hết tâm trí giúp Lê

Lợi trong mọi việc.

Một hôm nhân dân Lam Sơn xôn xao có nhiều người nhặt được lá rừng ghi tám chữ: "Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần". Tin kỳ lạ đó được kể lại, truyền đi như lệnh trời truyền xuống, gây nên những chấn động mạnh mẽ trong nhân dân.

Nghĩa quân đem lá nộp cho các tướng. Các tướng nộp cho Lê Lợi. Lê Lợi lúc đầu cũng ngạc nhiên. Nhưng sau khi xem xét thấy rõ có người dùng mỡ viết lên lá, kiến ăn mỡ hiện lên thành chữ thì biết ngay là kế của ai rồi.

Cầm một chiếc lá đặt trước mặt Nguyễn Trãi, Lê Lợi mỉm cười nói:

- Chẳng hay "Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần" là ý trời đã định thực chăng?

Nguyễn Trãi bình thản trả lời:

- Thưa chúa công! Cho là ý trời cũng đúng vì giặc thì dùng chính lệnh khắt khe, hình phạt tàn khóc, làm việc bạo tàn, khiến thần dân đều căm giận. Ta khởi binh chống giặc, giải thoát cho dân là làm theo lòng dân.

Thuận lòng dân thì sống, nghịch lòng dân thì chết. Ý dân là ý trời. Cho nên cho là ý trời đã định thì cũng thế.

Lê Lợi gật gù:

- Ta có lời khen ngợi diệu kế của của quân sư đó.

Cũng từ đó, hào trưởng các nơi tìm đến ngày một nhiều. Trai tráng trong vùng đến xin theo nghĩa quân ngày càng đông. Núi rừng Lam Sơn náo động tiếng reo hò của nghĩa quân, đang ngày đêm luyện tập võ nghệ.

Thấy cuộc dấy binh đã thuận lợi, ngày mồng hai tháng giêng năm Mậu Tuất theo yêu cầu của Nguyễn Trãi và các tướng, Lê Lợi xưng là Bình Định Vương và xuất quân dẹp giặc cứu dân.

Chiếc lầu trúc cao ngất được dựng lên vội vã ngay trên bãi đất trước làng Bồ Đề. Trên tầng lầu thứ hai, trước chiếc kỷ thấp, giấy bút, nghiên mực bày biện sẵn sàng, Nguyễn Trãi đang đăm chiêu suy nghĩ về việc vào thành Đông Quan dụ hàng Vương Thông ngày hôm sau. Nguyễn biết, vào gặp tên giặc cáo già, lắm quỷ kế trong lúc hắn còn hy vọng trông chờ viện binh, không phải không nguy hiểm. Nhưng Nguyễn có chính nghĩa, có lẽ phải, và Nguyễn nào quản đến tính mạng mình. Điều Nguyễn đang bận tâm là phải tìm một đối sách thích hợp: Vừa cứng rắn, vừa mềm mỏng cốt làm cho Vương Thông nhận rõ điều hơn lẽ thiệt. Nay quân giặc tâm trí đã nản, kế đã cùng, nhưng Vương Thông đường đường là một tên đại tướng, hắn cần giữ thể diện. Nếu không mở mắt cho hắn thấy vua Tuyên Đức nhà hắn đang bận cuộc chiến tranh với Thát Đát, nhất là để hắn thấy rõ lòng nhân nghĩa cao cả của vua ta, thì không dễ hắn đầu hàng. Nhớ tới những lần đã vào thành giặc dụ hàng, Nguyễn thấy rõ, mỗi lần giáp mặt với chúng, tuy nguy hiểm, nhưng dễ cảm hóa được chúng hơn. Ý nghĩ ấy củng cố thêm quyết định của Nguyễn lần vào Đông Quan này.

Bỗng tự trong làng, tiếng trẻ nhỏ hát vọng lên lầu nghe rõ mồn một:

"Nhong nhong ngựa ông đã về

Cắt cỏ Bồ đề cho ngựa ông ăn".

Câu hát ngộ nghĩnh lặp đi lặp lại, khiến Nguyễn bất giác mỉm cười.

Nguyễn rời chiếc kỷ, bước ra hiên lầu, hướng về phía lũ trẻ vừa hát vừa cắt cỏ. Tiếng hát trẻ thơ lại được cất lên trên mảnh đất này, mảnh đất mà tháng trước còn rên xiết đau thương nằm trong tay giặc. Và, không phải chỉ có cái làng nhỏ bé này, mà là cả một vùng non sông rộng lớn đã như sống lại từ khi nghĩa quân của Lê Lợi và Nguyễn Trãi trùng điệp kéo về, vây chặt lấy Đông Quan, căn cứ lớn cuối cùng của giặc. Phải, Nguyễn Trãi xúc động thầm nhủ, nghĩa quân đã về. Nghĩa quân đã về trong sự đón tiếp ân cần ruột thịt của nhân dân suốt các ngả đường hành quân và cả trong tiếng hát ngộ nghĩnh nở trên môi các bé.

Nhưng để có được chiến thắng này thật không dễ dàng. Nguyễn Trãi bỗng nhớ lại cuộc hành quân thần tốc, táo bạo của nghĩa quân Lam Sơn tiến ra Bắc mấy tháng trước. Lúc ấy cả miền đất rộng lớn từ Hải Vân đến Tam Điệp, quân giặc chỉ còn cố thủ ở các thành Tây Đô, Diễn Châu, Nghệ An và Thuận Hóa. Chúng đang ngày đêm trông chờ viện binh ở Đông Quan vào cứu. Thấy sức mình đã mạnh, Lê Lợi có ý định đem quân ra Bắc đánh thẳng vào Đông Quan, thì lại được tin vua Minh cử Thành Sơn hầu Vương Thông, đốc xuất mười vạn tinh binh sang tăng viện và trao Vương Thông quyền thống lĩnh toàn quân thủy bộ thay Trần Trí.

Thấy quân giặc tăng viện, nhiều tướng nghĩa quân ngần ngại chưa muốn tiến quân ra Bắc. Lê Lợi phân vân hỏi Nguyễn Trãi:

- Khi trước quân sư nói, thấy giặc mạnh thì phải tránh trong sự đánh nhau, thấy đánh lâu mới thắng thì nhục đồ binh khí. Ta đã nghe quân sư chỉ vậy không cốt hạ thành Nghệ An để chia quân đi đánh các nơi sơ hở của giặc. Đó là diệu kế. Nhưng nay mười vạn tinh binh của Vương Thông đã ngạo nghễ vào đất Bắc. Chẳng hay nếu ta tiến quân ra đó là đánh vào chỗ mạnh của giặc chăng?

Hiểu được tâm trạng của Lê Lợi, Nguyễn Trãi đáp:

- Tâu Vương thượng! Trong lúc giặc tăng viện cho thành Nghệ An ta lấy Diễn Châu, Thanh Hóa là tránh chỗ thực, đánh chỗ hư, tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu! Nhưng trong cách dụng binh cũng có lúc phải mau chóng như thần, máy then đóng cửa như bánh xe chuyển, như đám mây bay, trong khoảng chốc lát chợt nóng chợt rét, thay đổi khôn lường thì mới dành được thắng lợi. Nay tiến ra Bắc, giặc Minh đông, ta phải ở thế lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh. Nhưng nếu dùng kỳ binh đánh quân hăng, lừa quân mệt, được thời có thế, hợp với lòng dân thì yếu hóa mạnh. Dám mong Vương thượng cứ cho quân tiến đánh.

Lê Lợi không dấu được niềm vui:

- Quân sư nói chính hợp ý ta.

Rồi ngay đêm ấy, trái với phán đoán của nhiều tướng, Lê Lợi cho hội binh ở Lỗi Giang rồi cữ ba đạo quân theo ba đường khác nhau do các tướng Phạm Văn Xảo, Lý Triện, Trịnh Khả, Bùi Bị, Lưu Nhân Chú, Đinh Lễ, Nguyễn Xí đem tám ngàn quân và ba thớt voi rầm rộ tiến ra Bắc.

Khuyên Lê Lợi tiến quân nhưng thấy quân mình quá ít so với giặc, nên dù tin vào chiến thắng, Nguyễn Trãi vẫn không khỏi lo lắng từng ngày trông chờ tin tức.

Chỉ hơn nửa tháng sau, tin đạo quân Phạm Văn Xảo đốc xuất đã thắng lớn ở Ninh Kiều diệt hai ngàn giặc truyền về khiến cho Lê Lợi và Nguyễn Trãi thêm vững tin vào chiến sách của mình. Rồi trận Cầu Mới, Xa Lộc; đặc biệt trận thắng lẫy lừng ở Tốt Động, Chúc Động làm cho Nguyễn Trãi xúc động đến cả đêm không ngủ.

Thế là chỉ mấy nghìn quân của Phạm Văn Xảo, Lý Triện, Đinh Lễ, Nguyễn Xí đã cả phá mười vạn tinh binh của Vương Thông, giết đến năm vạn quân địch, bắt sống đến một vạn tên, làm tiêu tan mọi quỷ kế của Vương Thông.

Khao quân sau trận đại thắng ấy, Lê Lợi liền rời đại bản doanh từ Lỗi Giang ra Bắc, và đội binh do Lê Lợi, Nguyễn Trãi thân đốc xuất đã đánh thẳng tới Đông Quan, dồn giặc Minh như lũ chuột chạy vào thành.

"Nhong nhong ngựa ông đã về

Cắt cỏ Bồ đề cho ngựa ông ăn".

Tiếng hát của các em bé lúc xa, lúc gần lại cất lên.

Tiếng hát kéo Nguyễn Trãi trở về thực tại.

- Thưa quân sư, Vương thượng cho lệnh triệu quân sư, Nguyễn Trãi giật mình quay lại thấy người nghĩa quân đang đứng ở bậc lên xuống của từng lầu.

Nguyễn Trãi trìu mến nhìn người nghĩa quân:

- Ngươi đi về. Ta sẽ lên ngay.

Nguyễn Trãi đi lên tầng lầu thứ nhất. Theo hướng đó, Nguyễn nhìn rõ thành Đông Quan hiện còn trong tay giặc, nằm phơi mình run rẩy.

Vừa trông thấy Nguyễn Trãi, Lê Lợi đứng dậy đón và vui vẻ nói:

- Lưu Thanh đem quân thành Tam Giang ra hàng. Thế là chỉ hai tuần trăng ta đã thu được các thành Nghệ An, Điêu Diêu, Diễn Châu, Thị Cầu, Tam Giang không tốn một mũi tên.

- Thế còn các thành Tây Đô, Tân Bình, Thuận Hóa, Khâu Ôn, Xương Giang thần cũng đã có thư dụ?

- Chỉ cần Xương Giang, Khâu Ôn chưa hàng mà thôi. Ta có lời khen mừng quân sư đó.

- Người Ngô hình nặng chính ác, mất hết lòng người. Vương thượng thì lấy nhân thay bạo, lấy trị thay loạn, bởi vậy, sĩ dân thỏa tấm lòng trung nghĩa, gắng rửa cái hổ lớn cho đất nước. Còn công của thần đâu đáng kể. Rồi đổi giọng, Nguyễn Trãi tiếp. Hiện Vương Thông xin hòa, hẹn ngày đầu hàng, nhưng quân giặc trong thành vẫn đào bới, khiêng vác nhốn nháo. Rõ là chúng chưa thật bụng.

Lê Lợi giận dữ:

- Đồ phản trắc! Quân sư hãy viết cho nó bức thư nữa, nói rõ điều hay lẽ thiệt cho

nó biết. Bằng không, ta đã động binh thì quân chúng sẽ không còn mảnh giáp.

Bỗng tầng lầu rung lên tiếng chân người vội vả. Xoay người về phía cửa, Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã thấy một nghĩa quân mồ hôi đẫm áo vừa thở gấp, vừa rút từ tay áo cuộn giấy bọc sáp, cung kính đưa cho Lê Lợi.

- Tâu Vương thượng! Có tin cấp báo từ Pha Lũy gửi về. Chuyển bức thư đã xem xong cho Nguyễn Trãi, Lê Lợi nói qua hàm răng nghiến chặt:

- Thằng nhãi Tuyên Dức! Mi lại sai mười lăm vạn viện binh cố tình gây thảm họa binh đao với ta.

Lập tức, Lê Lợi cho triệu các tướng đến lầu Bồ Đề ngay đên ấy. Trong buổi họp, nhiều tướng xin hạ gấp thành Đông Quan rồi dốc toàn lực ra đánh quân cứu viện của giặc. Nhưng y theo kế của Nguyễn Trãi, Lê Lợi nói với các tướng:

- Đánh thành là hạ sách, ta đánh thành vững hàng tháng, hàng năm không hạ nổi, quân ta sức mệt, khí nản. Nếu viện binh của giặc đến thì mặt trước mặt sau lưng đều bị giặc đánh, đó là con đường nguy. Sao bằng nuôi lấy sức quân, giữ lấy nhuệ khí để đợi viện binh của giặc. Viên binh của giặc bị phá thì quân trong thành tất phải hàng. Làm một việc được cả hai, đó mới là toàn kế vậy!

Nguyễn Trãi nói tiếp những điều đã bàn với Lê Lợi:

- Trong hai đạo viện binh của giặc thì đạo của Kiềm Quốc công Mộc Thạnh có tuổi, trải việc đời đã nhiều, đường đi lại hiểm trở, tất hắn không chịu tiến binh một cách sốc nổi. Còn đạo của An Viễn hầu Liễu Thăng cậy có quân lắm, ngựa nhiều, hắn ỷ thế khinh thường ta mà tiến quân ào ạt. Vậy ta phải dốc sức diệt đạo viện binh này. Diệt được đạo quân này thì đạo quân Mộc Thạnh không đánh mà tan; Vương Thông cùng kế phải xin hàng.

Ngừng một lát, Nguyễn Trãi tiếp hướng về phía Lê Lợi:

Còn lẽ nữa, theo ý thần, muốn chắc thắng đạo binh mười vạn của Liễu Thăng trước, phải hạ kỳ được thành Xương Giang đã. Bởi vì thành Xương Giang nằm trên lộ Lạng Sơn đến Đông Quan đánh Xương Giang là đánh thông đường để đại binh ta lên tận Lạng Sơn chặn giặc.

Một nghĩa quân phóng ngựa vun vút vào danh trại. Nhảy từ trên mình con chiến mã đã sủi bọt mép xuống đất, người nghĩa quân vội lên chiếc lầu vút cao nhất.

Tâu Vương thượng, thưa quân sư, người nghĩa quân vừa thở gấp vừa nói, quân ta đã đại thắng: Liễu Thăng bị chém ở núi mã An cùng với hơn vạn đầu giặc. Thôi Tụ, Hoàng Phúc bị lừa đến Xương Giang rồi bị bắt sống. Tiểu thần được lệnh đi gấp về báo tin và nộp các ấn tín của bọn tướng giặc.

Lê Lợi, Nguyễn Trãi vui mừng khôn xiết.

Rồi, sau khi thân mặt phủi lớp bùn trên tà áo chẽn của người nghĩa quân và tiễn ra tới cửa, Nguyễn Trãi trở lại nói với Lê Lợi:

Vận nước thế là đã định đoạt. Thần kính mừng Vương thượng!

Lê Lợi cảm động:

- Nếu ta nghe lời các tướng dốc sức đánh Vương Thông trước rồi mới cự với Liễu Thăng hoặc không gấp hạ thành Xương Giang thì ta đâu thắng lợi nhanh chóng dường này. Chiến thắng này là nhờ chiến sách của quân sư. Không có quân sư ta không có ngày nay.

Tiếng reo hò mừng tin thắng lớn của nghĩa quân làm náo động cả quân doanh. Hòa trong niềm vui đó, Lê Lợi mỉm cười với Nguyễn Trãi:

- Bây giờ quân sư định liệu thế nào?

Như đã lường trước sự việc, Nguyễn Trãi đáp:

- Mộc Thạnh chưa chịu tiến binh. Vương Thông quỷ quyệt phản trắc là trông vào toán viện binh của Liễu Thăng.

- Bây giờ ta gửi cho mỗi tên tướng giặc ít tù binh cùng với sắc thư, phù tín, ấn chương của Liễu Thăng, Lê Lợi tươi cười ngắt lời Nguyễn Trãi, thì Mộc Thạnh chỉ có chạy, Vương Thông chỉ có hàng. Ý quân sư định thế chứ gì?

- Tâu Vương thượng Nguyễn Trãi phấn chấn đáp: Quả là ý thần định thế. Nhưng "Chó cùng rứt giậu" nên vẫn phải đề phòng chúng liều chết. Vương thượng nên mật sai Phạm Văn Xảo một phen ra tay đánh Mộc Thạnh. Còn thần xin hạ lệnh cho các tướng vây chặt Đông Quan, một mặt dụ hàng, một mặt sẵn sàng giáp chiến.

Lê Lợi trầm ngâm:

- Lòng nhân nghĩa của quân sư cảm hóa được cả cỏ cây, muôn vật. Nhưng lần này Vương Thông còn tráo trở thì chúng không còn được tha tội chết.

Đêm đã gần sáng mà Nguyễn Trãi vẫn chong đèn ngồi trước kỷ cắm cúi viết. Nguyễn không còn nhớ là Nguyễn đã thức mấy đêm như thế, và không phải Nguyễn không khỏi cảm thấy mệt mỏi. Song, niềm vui thắng trận, mong ước sắp rửa được nợ nước thù nhà, đã tiếp sức cho Nguyễn. Không vui sao được, khi mấy hôm trước, tin đạo viện binh của Mộc Thạnh bị đánh tan, Mộc Thạnh phải một mình một ngựa chạy tháo thân về nước. Còn Vương Thông, dẫu có cứng cổ chưa hàng, nhưng trước sau hắn sẽ phải đầu hàng.

Nguyễn đang viết thơ thảo Bình Ngô đại cáo theo ủy thác của Lê Lợi. Nguyễn say sưa sống lại từng chặng gian nan của cuộc kháng chiến với tất cả sự rung động sâu sắc của tâm hồn mình.

Nguyễn dừng bút, ngả người trên thành ghế cầm lấy bản thảo, đọc lại mấy đoạn đã viết từ đêm trước:

"... Xét như nước Đại Việt ta

Thật là một nước văn hiến...

Trải Triệu Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên đều chủ một phương.

Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau

Mà hào kiệt không bao giờ thiếu..."

Nguyễn đọc lại hai lần đoạn văn và hài lòng vì nó đã lột tả được lòng tự hào về non sông đất nước; đặc biệt tuyên ngôn được dụng ý; nước Đại Việt và nước Ngô đều từng làm chủ một phương như nhau.

Đọc lại, nhưng có lúc Nguyễn Trãi phải nghiến răng lại, có lúc muốn đứng vùng lên y như Nguyễn tận mắt nhìn giặc Minh hành hạ dân mình:

"... Thui dân đen trên lò bạo ngược

Vùi con đỏ dưới hố tai ương

Dối trời lừa người, kế gian đủ muôn nghìn khóe

Cậy binh gây hấn ác chứa gần hai chục năm..."

Nguyễn đọc tiếp:

"...Chính lúc nghĩa binh mới nổi.

Là lúc thế giặc đang hăng..."

Nguyễn buông tập giấy, đắm mình trong suy tưởng. Mười năm trời! Mười năm nằm gai nếm mật:

"... Khi Linh Sơn lương cạn mấy tuần:

Lúc Khôi Huyện quân không một lữ..."

Nhưng cũng là mười năm bền bỉ, dẻo dai, mưu trí và dũng cảm, quyết tâm chống giặc để những chiến công chói lọi nở hoa và ghi khắc mãi vào sử sách, vào lòng người.

Hào hứng ôn lại từng trận chiến thắng của nghĩa quân; nhớ lại lúc nghĩa quân bị tổn thất nặng nề, phải rõ nước mặt thịt voi trận mà nay nghĩa quân đã trùng trùng, điệp điệp đang xiết chặt lấy Đông Quan, Nguyễn tưởng như mình đang đi giữa hàng quân, giẫm lên xác giặc. Nguyễn ghi vội những ý mới nảy.

"... Voi uống nước, nước sông phải cạn.

Gươm mài đá, đá cũng phải mòn

Tổ kiếm hỏng làm toang đê vỡ

Trận gió rung rụng trúc lá khô..."

Nguyễn lại ngả người vào thành ghế, căng óc tìm ý rồi lại viết. Cho đến lúc phải lên đèn, Nguyễn mới viết những câu cuối, lòng phấn chấn lạ thường:

"... Ôi một gươm đại định tạo thành công nghiệp vô song

Bốn biển lặng yên, rộng ban duy tân tuyên cáo.

Báo cáo xa gần mọi người cùng nghe".

Lê Lợi cho mời Nguyễn Trãi vào đại bản doanh Bồ Đề để cùng tiếp sứ của

Vương Thông, Sơn Thọ đến "Xin hòa" và rút quân về nước.

Nghe Nguyễn Trãi, Lê Lợi ưng thuận cho hòa. Nhưng lúc ấy, các tướng lĩnh vì hờn căm sự tàn ngược của giặc nên đã khẩn khoản xin đánh. Một lần nữa, Lê Lợi lại hỏi ý kiến Nguyễn Trãi, nhân thể để Nguyễn nói với các tướng, Nguyễn Trãi tâu:

- Giặc Minh hung tàn, lòng người chứa oán đã sâu, nay muốn giết hết bọn chúng đi để trả thù xưa không phải là không có lẽ. Tình hình quân giặc lúc này, mình muốn phá vào xào huyệt, ăn gan uống máu để rửa mối thâm thù không phải là một sự khó khăn. Nhưng thần trộm nghĩ như vậy sẽ kết mối thù với triều Minh quá sâu... Chi bằng ta thừa lúc này, kẻ kia lâm vào thế cùng, mà cùng họ hòa hiếu để tạo phúc cho cả sinh linh hai nước.

Lê Lợi và các tướng đều nghe theo.

Ngày 22- 11- 1427, ở ngoại cửa Nam thành Đông Quan, một đài cao được dựng lên vội vã. Bọn Vương Thông mở cửa thành lúc nhúc chui ra làm lễ tuyên thệ trước mặt Lê Lợi, Nguyễn Trãi và các tướng nghĩa quân xin nộp thành để bảo toàn tính mạng rút về nước.

Tám vạn quân giặc sống sót sau đó lủi thủi ra đi. Trong lễ chiến thắng tưng bừng ấy, Lê Lợi, Nguyễn Trãi dẫn đầu đoàn quân rầm rộ tiến vào Đông Quan.

Đã được trở lại tự do nhưng Nguyễn Trãi buồn lắm. Dù Nguyễn Trãi vẫn được phong tước Quan phục hầu; về quan chức, Nguyễn vẫn giữ chức Nhập nội hành khiển làm bộ thượng thư, kiêm quản công khu mật viện như khi luận công ban thưởng sau chiến thắng giặc Minh, Nhưng Nguyễn không được vua Lê Thái Tổ tin dùng nữa.

Nguyễn không lạ gì Hàn Tín trước khi bị Hán Cao Tổ giết đã biết rằng, những kẻ dùng mình khi sẽ không dùng mình khi đế nghiệp đã thành. Nguyễn còn hiểu về cuối đời Lê Lợi lâm bệnh, thái tử Nguyên Long còn nhỏ, lại ham chơi bời nên rất lo ngại uy tín của một số công thần. Nguyễn chưa gặp phải nạn lớn là vì trong tay Nguyễn không có binh quyền; có lẽ còn vì đời Nguyễn quá trong trắng, đến nỗi vua khó gán tội cho Nguyễn.

Nguyễn vẫn còn làm quan. Nhưng làm quan mà như đi ở ẩn. Nỗi khổ tâm bị Lê Lợi bạc đãi; cảnh sống nghèo túng giày vò khiến Nguyễn phải bậm môi, kìm nước mắt khi gửi nỗi lòng vào bài thơ mới viết. Nguyễn ngậm ngùi đọc lại:

"Góc thành Nam lều một gian

No nước uống thiếu cơm ăn

Con đòi trốn dường ai quyến

Bầy ngựa gầy thiếu kẻ chăn

Ao bởi hẹp hòi không thả cá

Nhà quen xú xứa ngại nuôi vằn.

Triều quan chẳng phải, ẩn chẳng phải

Góc thành Nam lều một gian"

Tuy nhiên, Nguyễn không cực lòng vì phải sống trong cảnh nghèo túng. Nguyễn bao giờ chẳng tự nhủ:

"Bữa ăn dù có dưa muối

Áo mặc nài chi gấm là".

"Hài cỏ đẹp chân đi đủng đỉnh

Áo bô quen cật vận xênh xang"

Điều khiến cho Nguyễn đau đớn, thất vọng là hoài bão trị nước, an dân, giúp nghiệp trị bình thế là không làm được.

Từ những ngày còn đọc binh thư, Nguyễn đã ước rằng, sau khi đánh đuổi được giặc Minh, sẽ xây dụng một xã hội thịnh trị như vua Nghiêu, vua Thuấn.

Xã hội mà Nguyễn muốn kiến lập sau khi đuổi giặc Minh là xã hội mà vua phải xứng đáng làm vua. Người làm vua "Phải trọng nhân nghĩa" làm điều nhân nghĩa, phải "Thích nghe, thích xét", phải "Rũ lòng thương yêu muôn dân", "Chớ thưởng bậy vì tư ân", "Chớ phạt bừa vì tư nộ".

Sau vua, Nguyễn chú ý đến những người "Cư quan nhiệm chức". Nguyễn muốn "Người có chức vụ coi quân trị dân", phải theo đạo nhân nghĩa của vua. Người đó không được "Che ác với vua" không "Kết lập bè đảng", không "Vụ ích cho riêng mình". Người "Cư quan nhiệm chức còn phải là người rất thẹn thùng" về "đẹp cung thất, cao đài tạ", và cũng "Thẹn thùng" về những việc làm "Theo ý mình, ức lòng người". Họ phải luôn nhớ rằng "Những quy mô to lớn, cao lồng lộng đều là sức lao khổ của nhân dân", khi "Ăn lộc" phải "đền ơn kẻ cấy cày", không được "Sưu cao thế nặng, vơ vét của dân cho nhiều".

Khuyên răn của người khác, trước hết Nguyễn tự răn mình:

"Cơm kẻ bất nhân ăn, ấy chớ

Áo người vô nghĩa mặc, chẳng thà"

Nguyễn luôn tự nhủ lòng:

"Lòng thề bạc đen dầu nợ biến Ta thì nhân nghĩa chớ loàn đan".

Sống giữa triều đình phong kiến, Nguyễn chưa bao giờ mưu cầu cuộc sống giàu sang phú quý. Nguyễn luôn vui với cuộc sống giản dị, thanh cao và khuyên mọi người sống giản dị, thanh cao, Nguyễn nhớ Đỗ Mộng Tuân, bạn đỗ cùng khoa với Nguyễn, có lần đi Côn Sơn phải nói: "Nhà quan tri tam quán sự mà lạnh lẽo như một dòng nước; bốn vách trống trải xác xơ nhưng rất giàu sách vở".

Nguyễn lặng đi ngồi suy tưởng. Nguyễn cũng không nhớ Nguyễn ngồi như thế từ bao giờ, Nguyễn chỉ thấy càng suy tưởng càng thấy chán nản.

Nguyễn tự hỏi: Phải chăng, ước muốn một xã hội thịnh trị, mọi người đều no đủ,

thư thái "Mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặng thì đi ngủ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn" là trái với ý vua Thái Tổ. Lại nữa, cuộc sống thanh đạm, vui với cái nghèo của Nguyễn, cũng là một cớ để bọn Lê Sát, Lê Vân ghen ghét, kéo bè đảng chống lại Nguyễn?

Không thể khác được, Nguyễn Trãi quyết định trở về Côn Sơn với tâm sự u uất:

"Ngoài năm mươi tuổi chân thế

Ất đã tròn bằng nước ở bầu".

Trở về Côn Sơn vui với rặng thông, rừng trúc, lánh xa triều đình bội bạc, Nguyễn Trãi thấy tâm hồn thư thái đôi chút. Chưa lúc nào Nguyễn làm nhiều thơ như là lần trở về Côn Sơn này. Làm thơ để nói ý mình về nhiều lẽ đời, đã thực sự trở thành niềm vui của Nguyễn.

Mang theo tâm sự của con người thất vọng trước những hoài bão lớn, Nguyễn biết dù thơ vẫn có cái hùng, cái đẹp của tạo vật, nhưng không giấu được nỗi buồn trải ra mênh mông. Nguyễn đọc lại bài "Côn Sơn ca" vừa làm hôm trước mà lòng còn xúc động:

"Côn Sơn có khe

Tiếng nước chảy rì rầm

Ta lấy làm đàn cầm

Côn Sơn có đá

Mưa xối rêu xanh đậm

Ta lấy làm chiếu thảm

Trong núi có thông

Muôn dặm rờn rờn biếc một vùng

Ta tha hồ nghỉ ngơi ở trong

Trong rừng có trúc

Nghìn mẫu in biếc lụa

Ta tha hồ ngâm nga bên gốc..."

Nguyễn dừng lại thở dài ngao ngán. Nguyễn đã muốn đắm mình trong muôn màu hoa lá để làm kẻ "Di thần di lão" mà cảnh như sinh tình, nhắc nhở:

"... Người sao còn chửa đi về

Nửa đời bụi bặm còn lăn lóc

Muôn chung nghìn đỉnh có làm gì

Nước lã cơm rau miễn tri túc..."

Nguyễn Trãi lướt qua để đọc phần cuối, lòng băn khoăn như khi hạ bút làm thơ:

"... Người đời trăm tuổi

Rốt cuộc như thảo mọc

Vui buồn lo sướng đổi thay nhau

Một tuổi một héo vẫn tương tục

Cồn hoang lầu đẹp cũng ngẫu nhiên

Chết rồi ai vinh với ai nhục?

Nhân gian nếu có bọn sao do

Khuyên hãy nghe ta ca một khúc. "

Trở về Côn Sơn vùng ra khỏi vòng vây ngột ngạt của bọn Lê Sát, Lê Vân, Nguyễn không muốn nhắc đến chúng nữa. Nhưng Nguyễn không làm được điều ấy. Nguyễn vẫn thấy được bọn tham quan như loài cỏ xấu, cứ mọc lên xanh tươi mà Nguyễn thì bất lực chưa chặn chúng lại được, Nguyễn cầm bút ghi ý thơ:

"... Lòng người một sự yêm chưng một

Đèn khách mười thu lạnh hết mười.

Phượng những tiếc cao, diều hãy lượn

Hoa thì hay héo cỏ thường tươi".

Có lúc Nguyễn định yên tâm với việc "Cày nhàn câu vắng" nhưng Nguyễn nào hết băn khoăn:

" Còn một lòng âu lo việc nước

Đêm đêm thức nhẫn nẻo sơ chung "

Vì vậy, sau khi Lê Lợi chết, được vua Lê Thái Tôn vời đến, Nguyễn Trãi lại sẵn lòng ra giúp nước.

Ngay từ những ngày trở lại triều đình, thấy vua còn trẻ lại ham chơi bời, mặc cho bọn Lê Sát lộng hành Nguyễn không khỏi băn khoăn. Nhưng tin vào sự trong sạch của mình, lo đến dân đến nước, Nguyễn yên lòng gánh vác công việc.

Nhưng bọn tham quan đâu có để cho Nguyễn làm việc.

Năm 1434, vua Lê Thái Tôn sai Nguyễn Trãi viết biểu văn để sang nhà Minh cầu phong. Tờ biểu viết xong, viên nội mật viện Nguyễn Thúc Huệ và viên học sĩ Lê Cảnh Xước muốn đổi mấy chữ. Vốn đã biết bọn này dốt nát lại hay đục khoét dân, bè đảng của đại tư đồ (Tể tướng) Lê Sát, Nguyễn trãi nổi giận mắng chúng:

- Đổi với chác gì? Các ông giỏi sao không viết thay tôi? Hiện nay trong đương hạn hán mà sở dĩ có tai nạn ấy chính là tự lũ các ông. Các ông chỉ là đồ thích sưu cao thuế nặng vơ vét của dân cho nhiều, nên trời mới giáng tai tỏ ý trừng phạt.

Thúc Huệ đem lời Nguyễn mách với Lê Sát, Lê Vân. Bị chỉ trán vạch tên, bọn chúng lồng lộn tức tối.

Theo lệnh của Lê Sát, Lê Vân tức tốc gặp Nguyễn Trãi, mặt tái đi vì tức giận:

- Gây ra tai nạn không phải là lội tự bọn ty thuộc, mà chính bởi vua và tướng, sao ông quở trách nặng nề như vậy?

Nguyễn Trãi nghĩ bụng: Bọn này đem vua ra dọa mình đây. Nhưng Nguyễn không nao núng, trả lời:

- Thúc Huệ là kẻ tài thì rất tầm thường, mà lại có thói bòn vét, hắn ở vào địa vị then chốt, mỗi khi có việc tâu bày chỉ thấy bàn sự đục khoét của dân cho nặng để làm giàu cho công khố, cốt làm vui lòng Vương thượng.

Hằn thù cũ chưa qua thì Nguyễn Trãi lại đụng đầu ngay với Lê Sát.

Cũng năm 1434, có bảy tên trộm tái phạm đáng tội chết, vua Thái Tôn hỏi ý Nguyễn, Nguyễn tâu:

- Hình phạt không bằng nhân nghĩa là rõ ràng rồi. Bây giờ một lúc giết bảy mạng người thì e không phải việc làm có đức cao.

Lê Thái Tôn nghe ra. Thấy vậy, Lê Sát bảo Nguyễn Trãi, giọng mỉa mai:

- Ông là người nhân nghĩa, có thể cảm hóa kẻ ác trở nên người thiện thì đây xin giao bọn trộm cho ông.

Nguyễn Trãi đáp ngay, không lộ sự khó chịu:

Bọn chúng là đồ hung ác gian xảo. Pháp luật và chế độ của triều đình còn không răn chữa được chúng nữa là Trãi này có đức độ gì mà cảm hóa nổi.

Về sau, vua nghiêng theo ý Nguyễn Trãi, chỉ khép tội chém hai tên cầm đầu, còn năm tên khác khép vào tội phát lưu.

Từ đấy, bọn Lê Sát, Lê Vân, Lê Ngân càng thêm căm thù Nguyễn Trãi và chúng tìm mọi cách để hãm hại Nguyễn, nhổ cái gai làm chúng ngày đêm khó chịu ở trong triều. Biết vậy, Nguyễn càng giữ mình cho sạch và không bỏ sót hành vi tội lỗi nào của chúng, làm điều nhân nghĩa cho muôn họ.

Đầu năm 1437, thấy Nguyễn Trãi có tài và trước sau giữ trọn tấm lòng trung, Lê Thái Tôn lại sai Nguyễn Trãi và hoạn quan Lương Đăng trông coi việc làm xe loan và thẩm định nhã nhạc.

Thấy rõ vua có chiều hướng ăn chơi xa xỉ trong lúc dân mọn đang đói khổ, Nguyễn Trãi lựa lời tâu:

Thời loạn dùng võ, thời bình dùng văn. Ngày nay định ra lễ nhạc chính là phải thời lắm. Song cây không có gốc không thể đứng vững, không có văn không thể lưu hành. Hòa bình là gốc của nhạc, âm thanh là văn của nhạc. Thần vâng theo chiếu chỉ thẩm định nhã nhạc không dám không hết lòng: Song học vấn sơ sài, nông cạn sợ trong ánh thanh luật khó làm được cho hài hòa. Dám mong bệ hạ rũ lòng yêu thương và chăn nuôi muôn dân, khiến trong thôn cùng xóm vắng không có một tiếng hờn giận oán sầu... Đó tức là cái gốc của nhạc.

Vua Thái Tôn ban khen và nhận lời tâu của Nguyễn.

Câu chuyện về "Lễ nhạc" tưởng đã yên ổn. Nào ngờ cuối năm ấy, Lương Đăng

lại dâng kiến nghị về nghi thức các buổi coi chầu hoặc yến tiệc trong những ngày sinh nhật của vua hay tết nguyên đán.

Thấy nghi thức của Lương Đăng soạn ra có nhiều chỗ lố lăng, Nguyễn Trãi cùng Nguyễn Truyền, Đào Công Soạn, Nguyễn Liễu tâu với vua:

- Lễ nhạc là cốt ở người mới đặt ra được. Phải là bậc tài đức như Chu Công rồi sau mới không chê trách được việc đặt lễ, chế nhạc. Nay nhà vua để cho bọn bầy tôi hèn mọn ở trong cung chuyên việc xếp đặt lễ nhạc. Như vậy chẳng tủi nhục cho nước nhà lắm sao? Vả lại việc làm của Lương Đăng đều là dối vua lừa dưới, không căn cứ vào đâu cả.

Lương Đăng gượng gạo tâu:

- Thần là kẻ vô học, không biết chế độ thời xưa ra sao. Những việc bây làm đó chỉ là biết thế nào làm thế ấy mà thôi.

Nguyễn Liễu vốn bọn tay chân của Lê Sát nên không kiềm được sự tức giận, nói cho hả:

- Muôn tâu bệ hạ! Từ xưa tới nay chưa có bao giờ hoạn quan lại được tự chuyên làm nát thiên hạ như vậy.

Vừa lúc đó tên hoạn quan Đinh Thắng, vốn là bộ hạ của Lê Sát, từ trong nội đi ra, nghe thấy, mắng lớn rằng:

- Hoạn quan làm gì mà nát thiên hạ? Nếu nát thiên hạ thì phải chém đầu mày.

Quá nghe lời xúi xỉn, dèm pha của bọn Lê Sát, vua Thái Tôn bắt giam Nguyễn Liễu giao cho hình quan xét xử. Liễu bị kết tội chém đầu. Nhưng vua xuống chiếu, giảm xuống tội thích vào mặt và bắt đày đi xa.

Biết ở lại triều đình cũng không "Cứu cho khắp" được muôn họ, Nguyễn Trãi cáo quan trở về Côn Sơn. Đó là năm 1438.

Sau ngày 2- 2- 1442, trước điện Hội Anh, các sĩ nhân bốn phương trẩy kinh đi Hội đã lều chõng sẵn sàng, đứng thành hàng theo lệnh viên quan giám thị chờ đợi.

Ở hàng đầu của đám sĩ nhân, Nguyễn Trực làm ra bộ quan trọng nói với bạn bên cạnh:

- Kỳ thi này do quan Nhập nội hành khiển Nguyễn Trãi chủ sự đấy!

Người bạn tỏ ra hiểu biết:

- Quan hành khiển mới từ Côn Sơn hồi triều ba hôm trước. Thấy quan trẩy kinh, anh em mình phấn chấn lắm. Được người liêm khiết, đức độ lại là bậc văn chương siêu việt như vậy chủ sự, thì chẳng còn ai cho là không công bằng.

Nghe được câu chuyện, một sĩ nhân ở hàng sau, ngạc nhiên hỏi:

- Tôi nghe rằng quan hành khiển đã xin cáo quan mấy năm trước rồi mà.

- Ô quan anh chẳng biết gì cả, Nguyễn Trực đáp, quan về Côn Sơn được một năm thì đức vua lại vời ra giúp nước. Lúc ấy quan đã sáu mươi mốt tuổi và mấy lần

khước từ không được.

- Thế ra đức vua đã tin dùng quan chứ không như tiên đế.

Nguyễn Trực sôi nổi nói thêm, cố làm ra hiểu thời cuộc:

- Bây giờ đức Thái Tôn đã nhìn thấy triều chính đổ nát nên nắm lấy mọi quyền hành và trừng trị bọn quan xu nịnh. Vua đã cách chức tể tướng Lê Sát, giết Hạ Đằng Đắc, giáng chức bọn tay chân của Lê Sát là Lê Văn Linh, Lê Hy, rồi cuối cùng giết cả Lê Sát và Lê Ngân.

- À ra thế! Nếu không được quan anh chỉ bảo, ở chốn rừng xanh, tôi đâu biết.

Câu chuyện chấm dứt bằng một hồi chuông lanh lảnh cất lên.

- Hoàng đế ngự giá, tiếng viên quan nội giám tuần xước thét lớn.

Các sĩ nhân nín thở, cúi rạp mình hồi lâu.

Vừa được bình thân, Nguyễn Trực giọng vui vẻ, nói thầm với bạn:

- Đấy, quan hành khiển, người có bộ râu bạc, đứng sau đức vua ấy.

Có nhiều tiếng suýt xoa:

- Trong quan điềm đạm mà quắc thước quá nhỉ!

Lại một hồi chuông hiệu dóng dả.

Các sĩ nhân đứng như hóa đá.

Vua Thái Tôn thân ra đầu bài văn sách: "Luận về phép trị nước của các đế vương".

Xong thủ tục, vua lui về cung. Nguyễn Trãi cùng quan giám khảo cũng lần lượt về chỗ ở theo sự sắp đặt của viên quan giám thị.

Khi đã ngồi trước kỷ sơn phủ gấm, một lần nữa Nguyễn Trãi suy nghĩ về đề thi do Nguyễn thảo ra và được vua chấp thuận. Thâm ý của Nguyễn là muốn cho các sĩ nhân biết lĩnh hội phép trị nước của tổ tiên, nhân thể cũng là cách hướng các sĩ nhân phải đem học vấn ứng dụng cho đời, biết kiến giải thời cuộc, mong giúp cho việc hưng quốc an dân. Rồi Nguyễn lan man nhớ lại kỷ niệm ngày Nguyễn đi thi và cảnh Nguyễn hiện tại. Nguyễn vẫn thầm mừng lần này trở về triều nhận chức cũ kiêm trung thư sảnh tam quán sự và coi cả quân dân hai đạo Đông Bắc mà vua mới gia phong, là thời kỳ Nguyễn bằng lòng nhất. Và, vua Thái Tôn cho nắm lấy triều chính đã bắt đầu nghe lời tâu bày về chủ trương của Nguyễn. Hơn thế nữa, ông vua mười bảy tuổi này cũng đã nảy sinh tấm lòng tưởng mộ Nghĩa Thuấn, khoan nới việc hình ngục. Cứ đà ấy, Nguyễn Trãi sẽ có cơ thi triển tài năng, dựng cho nước được nền thịnh trị thái bình.

Nguyễn mãi suy nghĩ cho đến lúc có hiệu lệnh giục các sĩ nhân nộp quyển chấm và làm thủ tục cho đề thi khác.

Mấy ngày sau cùng các bậc văn bá ngồi chầu vua nghe đọc các quyển thi để định cao thấp, vua Thái Tôn đã y theo Nguyễn Trãi lấy Nguyễn Trực đỗ trạng.

Nguyễn Trãi đã chuẩn bị xong chuyến đi kinh lý dài ngày ở Bắc Đạo. Côn Sơn vốn đã đẹp, nhưng chưa bao giờ Nguyễn thấy đẹp như sáng nay. Rừng trúc, rừng thông nhuốm nắng sớm trông như tâm thảm lụa vàng óng. Cũng chưa bao giờ Nguyễn phấn chấn như lần đi kinh lý này. Nguyễn vui vì hơn tuần trăng trước, vua Thái Tôn nhân đi duyệt võ ở Chí Linh (Hải Dương) đã ngự giá tới Côn Sơn thăm Nguyễn. Cuộc đón rước định theo nghi lễ vua tôi, nhưng trái với lệ thường, vua cho được thân mật như người nhà. Vua mới đi được một tuần trăng. Cả Nguyễn Thị, người vợ yêu của Nguyễn, cũng được vua cho theo xa giá hồi triều. Lưu luyến xen lẫn mừng vui. Nhưng trước hết là vui vì Nguyễn thấy rõ vua Thái Tôn ngày càng tin dùng và kính trọng Nguyễn. Nguyễn Thị cũng được vua phong chức lễ nghi nữ học sĩ, cho ra vào nơi cung cấm, dạy dỗ các cung nhân.

Thay đôi hài cỏ bằng đôi giày trận, Nguyễn thong dong lên yên ngựa, cùng toán lính hầu cận.

Ngựa chạy gần để lại đằng sau căn nhà lá ấm cúng. Rừng thông nhấp nhô, nô giỡn với nắng, với tiếng nhạc ngựa tản nhanh trong gió sớm.

Ngựa qua một chỗ ngoặt, Nguyễn bỗng thấy một kỵ sĩ đang phóng con chiến mã chạy ngược chiều với Nguyễn. Vừa kịp nhận ra người lính cấm vệ quen thuộc của triều đình, thì người đó đã phóng từ trên mình ngựa xuống đất, mặt tái đi:

- Thưa quan hành khiển! Vua Thái Tôn đã băng hà ở vườn Lệ Chi sau khi đi duyệt võ ở Chí Linh về. Và Tôn phu nhân đã bị bắt giam từ đó.

Nguyễn Trãi đánh rơi sợi cương đang cầm trongtay, giọng lạc đi:

- Vua Thái Tôn băng hà, Thị Lộ vợ ta bị bắt. Căn nguyên bởi đâu?

Người lính cấm vệ run run đáp:

- Quan phụ chính nói rằng Tôn phu nhân đã đầu độc vua do quan chủ mưu. Ngày hôm nay quan Thái phó Lê Khả theo mệnh vua để lại, sẽ lập hoàng tử Bang Cơ lên nối ngôi. Đã có lệnh bắt quan và quý quyến ba tộc. Nghe tin dữ, con lén đi từ đêm báo quan để quan định liệu.

- Ta có ngờ đâu đến nông nỗi này. Nguyễn Trãi nói, giọng đau đớn. Cả bọn chúng đã đồng mưu để hãm hại ta!

Rồi, sau phút bàng hoàng, nét mặt Nguyễn Trãi rắn đanh lại.

- Cảm ơn người đã vì ta mà không kể đến tính mạng. Nguyễn nắm lấy cương ngựa, cổ nhân từng nói: Ngọc tuy ngọc vọn nhưng không hủy được sắc trắng. Trúc đốt cháy được nhưng không hủy được gióng thẳng. Ta dù phải chết oan theo mệnh trời nhưng lòng ta ngay, người đời sẽ chứng rõ.

Nói xong, Nguyễn Trãi cho toán lính hầu cận trở về, còn Nguyễn thúc ngựa gióng thẳng tới Kinh.

Vốn yêu Nguyễn như cha, toán lính hầu cận nài nỉ xin theo Nguyễn hồi triều. Họ không kiềm được nước mắt khi biết Nguyễn đang đi vào cõi chết.

Nửa tháng sau, một trong những người lính hầu cận của Nguyễn Trãi trở lại Côn Sơn kể lại cho dân ở đó rằng: Ngày hôm quan hành khiển tới Kinh (15- 9- 1442), lập tức quan bị bắt và bị tống ngục tối. Ngày hôm sau, bà Nguyễn Phi (Nguyễn Thị Anh) người có tư thù với quan hành khiển, ngồi sau rèm trông nom việc nước thay con mới hai tuổi vừa được nối ngôi vua đã sai hình quan đem vụ án "Nguyễn Trãi chủ mưu đầu độc vua" ra xử trước Đình Cúc.

Không ai cầm được nước mắt, người lính nói khi thấy Tôn phu nhân bị giải ra trước, đầu tóc rũ rượi, máu mồm, máu mũi loang lỗ trên mặt, trên cổ. Còn quan hành khiển thì bị trói quặt cánh khủyu, tóc đã bạc trắng, người gầy tọp hẳn đi bị giải ra sao.

Trong khi cha Tôn phu nhân, hình quan trước sau chỉ gặng hỏi một điều:

- Có phải mày đã tiến độc cho đại đức hoàng đế và cứu mưu thí nghịch ấy là do Nguyễn Trãi chủ sự không?

Nghe hỏi Tôn phu nhân trước sau như một kêu oan. Nhưng mỗi lần như thế, hình quan lại thét lên lính xúm vào đánh đập tàn nhẫn. Bị đánh đau có lúc Tôn phu nhân lặng đi chết ngất. Cuối cùng, không chịu được cực hình, Tôn phu nhân phải nhận như lời hình quan hỏi.

Thế là quan hình khiển phải khép vào tội tru di tam tộc.

Ngừng lại để lau những giọt nước mắt vừa tràn ra, người lính kể tiếp:

- Ba ngày sau trên pháp trường dày đặc lính cấm vệ, sau khi viên quan đề hình tuyên đọc bản án, lần lượt quan hành khiển và Tôn phu nhân và tất cả các con cháu đều bị chém. Phải nhìn cái chết thê thảm của quan hành khiển. Người lính nói, giọng trầm hẳn đi, tất cả người xem đều khóc than khôn xiết. Hai viên hoạn quan lỡ miệng than oan cho quan hành khiển cũng bị đem chém đầu.

Còn đây nữa, người lính lục tìm trong túi áo, tờ giấy gấp vuông vắn đưa ra trước mặt mọi người nói, tôi còn sao được bài thơ cảm thán của quan hành khiển làm trước khi chết.

Một thanh niên tự nhận là học trò của Nguyễn Trãi tay run run đón lấy bài thơ rồi đọc to cho mọi người cùng nghe:

"Cuộc đời chìm nổi mấy mươi năm

Núi cũ khe xưa ướt đã lầm

Danh giá bỗng mang vòng họa thực

Lòng ngay khôn gỡ miệng quân phàm

Tự văn chưa mất lòng còn đoái

Định mệnh thôi đành chết cũng cam

Khó gửi nửa lời lên bệ ngọc

Tỏ lòng oan tuổi buổi tù giam".

Đọc xong bài thơ, người thanh niên òa lên khoc nức nở. Những người xung quanh cũng vừa khóc theo vừa ngậm ngùi kể cho nhau nghe những kỷ niệm êm đẹp về Nguyễn Trãi mà năm tháng đã khắc sâu vào lòng dạ họ.

Vua Lê Nhân Tông một hôm cùng các văn quan trong triều lên Bí thư các xem di bản của Nguyễn Trãi, đã xúc động nói với quầng thần:

- Nguyễn Trãi là người trung thành giúp đức Thái Tổ dẹp giặc, giúp đức Thái Tôn sửa sang thái bình. Văn chương và đức nghiệp của Nguyễn Trãi, các danh tướng của bảng triều không ai sánh bằng. Không may bị kẻ phụ gây biến mà người lương thiện mắc oan, thật rất đáng thương.

Hai mươi năm sau, kể từ khi Nguyễn Trãi bị hại, vua Lê Thánh Tôn xuống chiếu tẩy oan cho Nguyễn Trãi và cấp cho con cháu Nguyễn một trăm mẫu ruộng để dùng vào việc thờ cúng vị "Khai quốc công thần" chết oan.

Trong khúc "Quỳnh uyển ca", vua Thánh Tông nhận rằng:

"Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo"

(Lòng Ức Trai sáng như sao Khuê)

Lương Thế Vinh

Nhìn khắp lượt sáu dãy học trò ngồi xếp bằng ngay ngắn trên những chiếc chiếu rải xung quanh cái sập cũ kỹ nơi mình ngồi, quan Thám lên tiếng:

- Sao mãi tới giờ này vẫn chưa thấy trò Lương Thế Vinh tới? Đám học trò nhớn nhác nhìn nhau không dám trả lời, vì không phải đến lúc này mới biết Lương Thế Vinh vắng mặt. Thiếu Lương Thế Vinh đứa bạn thường gây những trận cười đến đau bụng khi cậu ta pha trò, không khí buổi bình thơ sáng nay như tẻ lặng hẳn đi.

Quan Thám lại nhìn bao quát lớp học lần nữa nhưng lần này quan không nói gì. Quan chỉ với cái điếu bát, bần thần lấy thuốc, châm lửa hút liền hai điếu, rồi ngửa mặt, phả khói lên trần nhà, dấu hiệu tỏ rõ quan đang băn khoăn.

Nhân dân gọi nhà giáo là quan Thám vì nhà giáo đã từng đỗ Thám Hoa, từng làm quan nhưng lại cáo quan về nhà dạy học lúc chưa quá bốn mươi tuổi. Nay quan đã ngoài sáu mươi, nhưng cái tiếng ông quan thanh liêm, hay chữ khắp thừa tuyên Sơn Nam này ai cũng biết. Học trò vùng Sơn Nam không mấy ai thành đạt mà lại không học quan.

Quan Thám tổ chức buổi bình thơ rất chu đáo, vì có đám học trò vùng bên cạnh xin dự. Quan muốn nhân dịp này để học trò thi thố tài năng và kiểm lại kết quả dạy học của mình. Tuy không nói ra nhưng quan hy vọng chẳng trò nào hơn được Lương Thế Vinh, cậu bé mười bốn tuổi có tài ứng đối, xuất khẩu thành thơ này. Chính vì vậy, việc Thế Vinh vắng mặt khiến cho quan băn khoăn đến lo lắng.

Đám học trò sau nhưng phút yên lặng lại bắt đầu xì xào. Có học trò quả quyết:

- Tính thằng Vinh hay quên. Nó tưởng đến chiều mới học như mọi khi cũng nên!

Một trò khác tự nhận ở gần nhà Thế Vinh, cãi lại:

- Tính nó hay quên thật nhưng việc học bao giờ cũng siêng. Chiều qua không thấy nó thả diều, tối lại đọc sách rất khuya. Chắc nó soạn bài bình hôm nay mệt nên quá giấc đấy thôi!

Quan Thám lắng nghe những lời bình phẩm của đám học trò và suy nghĩ lan man. Đã dạy Lương Thế Vinh ngót bốn năm nên quan hiểu tính nết người học trò này hơn ai hết. Hầu như Lương Thế Vinh chưa bỏ buổi học nào và trong giờ học bao giờ cũng chăm chú nghe quan giảng dạy. Quan vẫn thầm nhủ: Trong gần hai mươi năm dạy học ở cái làng Cao Hương huyện Thiên Bản này, học trò giỏi và đã thành đạt không ít nhưng chưa trò nào chiếm được tình thương yêu sâu sắc của quan như Lương Thế Vinh. Quan Thám yêu Thế Vinh không phải vì Thế Vinh cùng quê, chăm học, có chí đọc thiên kinh vạn quyển. Cũng không phải Thế Vinh hiền lành ngoan ngoãn. Ngược lại, cậu bé rất nghịch, nhiều khi dám pha trò trong lớp; thậm chí có lúc còn vặn lý quan. Quan Thám yêu Thế Vinh vì cậu học đâu nhớ đấy. Hơn thế nữa, cấu tứ các bài thơ, bài văn của Thế Vinh bao giờ cũng một cái gì khác lạ, khiến nhiều lúc quan phải giật mình về sự hiểu biết rộng rãi và ý nghĩa táo bạo trong từng câu, từng chữ chọn lọc của cậu. Điều quan Thám không hài lòng là Thế Vinh quá nghịch đến thành tai tiếng cả vùng. Những trò hay thả diều theo trẻ chăn trâu đi mò cua, tát cá quan không giận, vì Thế Vinh chơi say mê nhưng khi học cũng rất say mê. Cái quan giận hoặc không hài lòng là Thế Vinh hay la cà đi các đình chùa, miếu mạo, nhất là quá say mê xem hát chèo. Mỗi lần đi xem đình chùa, gặp bài thơ nào trái ý, cậu chê bai rồi dùng than viết bài chữa của mình vào bên cạnh. Xem tối chèo nào không hay, cậu bình phẩm từng vai, chê tích này không hay, tích kia không vui. Dân làng cho Thế Vinh là phạm thượng. Quan Thám cũng đồng tình. Thâm tâm quan có lúc thầm phục những nhận xét tinh tế, táo bạo, xem ra có chiều đúng của cậu. Quan quý Lương Thế Vinh đến nỗi, không dấu được thất vọng khi thấy cô con gái út trạc tuổi Vinh, tuy nết na đấy, nhưng lại kém nhan sắc.

Lớp học bỗng ồn ào trong giây lát, vì từ xa đám học trò đã nhận ra Lương Thế Vinh đang tới. Quan Thám thở phào nhẹ nhõm nhưng vẫn giữ vẻ mặt nghiêm nghị khi ra lệnh cho học trò trở về chỗ ngồi. Quan định bụng sẽ phạt Vinh vì tội đến chậm, nhân để răn các trò khác.

Nhưng kìa, cùng đi với Lương Thế Vinh còn có một ông già lạ mặt, trong cách ăn vận thì không phải là người vùng này.

Quan Thám định ra đón khách thì Lương Thế Vinh đã bước qua thềm nhà cúi đầu:

- Kính thưa thầy, con có lỗi vì tội đến chậm ạ!

Liền đó người khách lạ cũng vào đến thềm, chấp tay vái chào, nói:

- Tiên sinh miễn thứ cho sự đường đột này của tôi.

Quan Thám cung kính mời khách vào nhà.

Tha tội cho Lương Thế Vinh và để học trò ra chơi, quan Thám quay về phía khách, chậm rãi:

- Tôi hỏi không phải, chắc ngài ở kinh về, và hạ cố đến đây là để dạy bảo kẻ quê mùa này đều gì?

- Tiên sinh quá nhúng nhường. Tôi chẳng qua chỉ là thầy địa lý được hầu hạ trong cung cấm. Nhân qua đây gặp cậu bé có tài năng khác người, hỏi ra mới biết là Lương Thế Vinh, học trò của tiên sinh nên mạo muội tới đây.

Tôi đang giận vì tội đến chậm của nó. Chẳng là hôm nay tôi cho học trò bình thơ, mà bài bình mẫu là của nó.

Khách lúng túng.

- Xin tiên sinh thứ lỗi. Chính là vì tôi mà cậu bé bị tiên sinh quở trách vậy.

- Ngài dạy quá lời. Nhưng cũng cứ cho được nghe đầu đuôi câu chuyện.

- Tôi quá làm phiền tiên sinh, khách nói to, lúc sáng trên đường về kinh, đến gốc đa đầu làng ta đây, thấy trẻ con tụ tập rất đông đang trỏ vào một cái hố rất sâu bên ven lộ. Tưởng có trẻ bị sa hố tôi dừng lại. Hỏi ra mới biết có một bà gánh bưởi đi bán, vì đường trơn trượt chân ngã nên gần hai thúng bưởi đều lăn xuống hố. Đám trẻ và tôi cùng tìm cách giúp bà nhưng không được. Tôi đang nghĩ chỉ có lấy sào dài vót nhọn chọc từng quả lên, thì vừa may, cậu học trò của tiên sinh tới. Hiểu sự việc và qua một thoáng suy nghĩ, cậu bé giục cả đám trẻ về lấy thùng, chậu chuyển nước đổ vào hố sâu. Quả nhiên bao nhiêu bưởi đều nổi lên hết.

Tiếng suýt soa thán phục của đám học trò nổi lên. Khách trìu mến nhìn đám học trò quay quanh mình rồi tiếp, giọng xúc động:

- Thấy cậu bé mặt mũi khôi ngô, lại nhanh trí, sáng ý, tôi giữ lại và hỏi chuyện. Cậu bé thật là thần đồng sau này sẽ có tài tinh bang tế thế, giúp ích nhiều cho đời.

Quan Thám vừa bối rối vừa sung sướng:

- Ngài không chỉ bảo cho thì tôi đâu được biết tường hậu vận. Quả thgật Vinh có tài học xuất chúng. Bài thơ luận về nghề mà Vinh sẽ đọc để bình hôm nay, có một câu thật khác lạ, quan Thám đưa bài thơ cho khjách và đọc: "Thần cơ diệu toán vạn niên sư".

Lập tức Lương Thế Vinh được quan Thám gọi tới lý giải ý nghĩa của bài thơ.

Vẫn đôi mắt lúc nào cũng rực sáng như đang cười, Lương Thế Vinh trả lời hết câu hỏi này đến câu hỏi khác của quan Thám và thầy địa lý một cách lưu loát.

Buổi bình thơ không diễn ra theo ý quan Thám đã định nhưng quan rất hài lòng. Quan định cúi xuống xoa đầu Lương Thế Vinh khi cậu trả lời xong. Nhưng nghĩ rằng con người này sẽ có tài kinh bang tế thế, quan rục tay lại rồi tiếp tục gọi trò khác đọc bài.

Phải ở hẳn kinh đô sau khi đỗ trạng nguyên và lĩnh chức Hàn lâm trực họa sĩ, Lương Thế Vinh cảm thấy bị gò bó quá đỗi. Cuộc sống phóng túng ở quê nhà, lòng

ham say toán học và cái thú được đi theo phường chèo xem hát vẫn có sức hấp dẫn Lương hơn quyền cao chức trọng của vua ban.

Nhưng rồi cũng như mọi con sông sau những đoạn đầu hung dữ, đều phải hiền từ chảy về biển cả, Lương Thế Vinh quen dần với cuộc sống ở kinh thành. Và, ở cái tuổi hai mươi hai tuổi ham hiểu biết. Lương đã nhanh chóng chuyển ước mơ được sống cuộc sống tự do phóng túng thành lòng khao khát công việc để học thêm những điều không có trong sách vở. Lương lao vào các hoạt động phong phú của chốn đế đô. Lương nổi tiếng là người có nhiều thơ hay trong Hội tao đàn của vua Lê Thánh Tông và viết "Thiên nam như hạ tập". Lương cũng đã có dịp đi thăm nhiều chùa chiền nổi tiếng. Mặt dù Lương theo nho học, nhưng mỗi lần đi, Lương thường bỏ lễ phục và chỉ đem theo một tiểu đồng để tiện trò chuyện với các sư sãi. Bằng những chuyến đi ấy, Lương thấy rõ đạo Phật đang suy. Vì vậy, thời gian này, Lương đã soạn cuống "Thiền môn khoa giáo" rồi "Nam tông tự pháp đồ", uốn, gò đạo Phật cho gần với đạo Nho để giảng dạy cho các chùa.

Lương giao du rất rộng. Nhưng giới được Lương đặc biệt vẫn là các nhạc công của triều đình. Vốn là người thích xem chèo nào nên dường như không một tối diễn chèo nào ở Kinh đô lại vắng mặt Lương. Việc gần gũi các nhạc công và diễn viên giúp cho Lương hiểu biết sâu hơn về nghệ thuật này. Cũng vì Lương gần gũi nhiều phường, biết nhiều tích nhiều vai, nên Lương thấy được chỗ yếu, chỗ mạnh của từng phường. Vì thế, Lương bỏ nhiều công phu tìm hiểu, đọc hết các loại sách viết về chèo để viết cuốn "Hý phường phả lục" ghi lại các khoán ước của phường chèo, kịch bản và diễn xuất, cách đánh trống chèo, phương pháp múa hát. Lương cũng đề ra nhiều nguyên tắc như nguyên tắc "Tứ tương" trong múa chèo, luật "Hô ứng tương sinh" trong giao lưu nhân vật sân khấu, quy tắc "Sáu chữ" về tiêu chuẩn diễn viên dùng cho các phường chèo.

Tất cả những việc làm của Lương Thế Vinh nhà vua điều biết. Có lần vua cho đòi Lương Thế Vinh tới, hỏi rằng:

- Trẫm nghe các phường chèo thán phục sự hiểu biết tường tận của khanh về chèo. Vậy chẳng hay một người như khanh có cần biết hát và biết dùng loại đàn nào không?

Đoán được dụng ý của vua, Lương Thế Vinh mỉm cười đáp:

- Muôn tâu thánh thượng! Kẻ hạ thần vốn ham mê chèo từ thuở nhỏ nên bản thân biên soạn "Hí phường phả lục" mong các phường chèo xa gần noi theo mà làm, chứ cũng không dám mạo nhận là tinh thông. Ngặt vì phàm muốn biết sâu rộng việc nào thì cũng phải biết làm việc ấy, bởi thế, kẻ hạ thần cũng biết hát, biết đàn sơ qua.

Lập tức vua sai gọi phường chèo vào cung diễn một tích ngắn rồi bảo Lương Thế Vinh kéo nhị.

Vua chăm chú nghe, thỉnh thoảng gật đầu và khi diễn xong, vua lại hỏi Lương Thế Vinh:

- Chẳng hay phường chèo diễn tích vừa rồi có chỗ nào không hợp ý khanh?

Lương Thế Vinh đáp:

- Người diễn không thể cầu toàn trách bị và người xem cũng cần bỏ qua những sơ xuất nhỏ nhặt. Đó là lẽ thường. Kể như ngụ ý của thần thì tích vừa rồi tuy phường đã dày công luyện tập nhưng cách múa chưa được hoàn hảo.

- Khanh nói rõ cho trẫm nghe, vua cắt ngang.

- Múa trong hát chèo Lương Thế Vinh phấn chấn tiếp là để cho lời hát cho ý nghĩa, hợp với âm điệu bổng trầm và thần sắc. Lời hát luôn luôn thay đổi. Người sắm vai múa nhiều trong tích chèo vừa rồi tuy đẹp mắt mà trước sau chỗ vui, chỗ buồn, lúc tiến lúc thoái không khác nhau là mấy. Nguyên do là chưa biết tường luật "Tứ tương" trong múa chèo vậy.

Vua đổi giọng vui hẳn lên.

- Lời khanh chính hợp ý trẫm. Trẫm đã đọc "Hí phường phả lục" của khanh. Cho khanh xem tích chèo vừa rồi là để nghe lời bình phẩm của khanh đó. Ngừng một lát, vua trầm giọng tiếp, trẫm biết khanh làm việc khó nhọc. Khanh có thỉnh cầu điều gì trẫm sẵn vui lòng.

Lương Thế Vinh vội đáp:

- Ơn thánh thượng như trời biển, kẻ hạ thần đâu dám nài xin điều gì. Thần chỉ hiềm vì nỗi ít thì giờ.

Nghe Lương Thế Vinh nói, vua thầm nghĩ: Con người này bao giờ cũng vậy, không lạm dụng quyền cao chức trọng và lòng yêu của ta để mưu cầu việc vinh thân phì gia. Trái lại, cứ mãi mê với công việc và sống như một viên tiểu quan vậy. Chỉ có một lần vua nhớ lại Lương Thế Vinh làm vua không hài lòng. Hôm ấy, vua và các quan hầu cùng Lương Thế Vinh đi chơi thuyền. Vốn biết Lương thuở bé nghịch ngợm nổi tiếng, lại bơi lội rất giỏi, nên vua giả vờ say rượu, đẩy Lương xuống sông. Không ngờ Lương Thế Vinh rơi xuống sông, liền lặng đi thật xa rồi đến một chỗ vắng lên bờ rồi núp vào một bụi rậm. Vua chờ mãi không thấy Lương lên nên mới hốt hoảng cho quân lính xuống tìm vớt. Nhưng tìm mãi cũng không thấy. Vua hết sức ân hận vì lối đùa quá quắt của mình thì tự nhiên Lương Thế Vinh từ dưới nước ngốc đầu lên cười ngất. Vua ngạc nhiên hỏi mãi, cuối cùng Lương Thế Vinh mới tâu:

- Thần ở dưới nước lâu là vì gặp cụ Khuất Nguyên. Cụ hỏi thần xuống làm gì? Thần thưa dối là thần chán đời muốn chết. Nghe qua, cụ Khuất Nguyên tròn xoe mắt mắng thần: "Mày là thằng điên. Ta gặp Sở Hoài dương và Khoảnh Tương vương hôn quân vô đạo, mới phải bỏ nước bỏ dân trầm mình ở sông Mịch La, chứ mày đã gặp được bậc thánh quân minh đế, sao còn muốn chết". Nói rồi cụ đá thần một cái, thần mới về đây.

Vua không giận Lương Thế Vinh hóm hỉnh nịnh khéo mình mà giận vì lần ấy vua thưởng cho nhiều vàng lụa mà Lương cố ý chối từ.

Chợt nhớ ra ý định của mình, vua trìu mến nhìn Lương Thế Vinh.

- Trẫm biết khanh có tài ứng đối, tài soạn thảo, nên trẫm đang muốn giao cho khanh một việc khó nhọc hơn. Bấy lâu nay, do sức ta mạnh mà việc ban giao với các nước được thuận buồm xuôi gió. Song thật là bằng mặt đó mà chẳng bằng lòng. Chiêm thành sợ ta mà phải quy thuận. Nhà Minh ngọt nhạt đó mà vẫn bắt ta triều cống và thường xúi bẩy các bề tôi của ta nơi biên cương mưu gây rối. Giao cho khanh việc lớn là để khanh đền ơn và báo ơn cho trẫm!

Ngay ngày hôm sau, Lương Thế Vinh được vua gia phong chức chưởng viện sự kim coi cả Sùng văn quán và cục từ lâm. Lúc đó Lương chẵn bốn mươi tuổi.

Hay tin ấy, các quan điều chúc mừng Lương Thế Vinh. Nhưng Lương tỏ ra không ít băn khoăn. Lương băn khoăn vì nhận trọng trách, Lượng không còn thì giờ thực hiện hoài bão về nghiên cứu toán học, ý định đã có từ buổi thiếu thời. Nhưng mới được vua gia phong, từ chối sẽ làm vua mất lòng, nên Lương không dám. Ngày tháng trôi đi, bị lôi cuốn vào những công việc bền bộn nên ý định tìm hiểu toán học của Lương cũng sẹp xuống. Vả chăng, tính chất bức thiết của công việc, những bức thư thay vua phải thảo gấp, bản phúc thư đòi hỏi phải đấu trí, phải mềm mỏng nhưng không phải là khuất phục, gởi cho nhà Minh và những buổi đón tiếp sứ, những buổi vào trần tình nghe vua phán truyền, khen, chê, đã lôi cuốn lòng hăng say của Lương như bản chất ưa hoặc động của Lương vậy. Vì lẽ đó, Lương được trên dưới kính nể, người Minh phục là tài giỏi và vua rất yêu mến.

Quãng đường làm quan của Lương Thế Vinh thêm dày những trang kỷ niệm đẹp. Ví như lần vua Lê Thánh Tôn đi kinh lý vùng Sơn Nam hạ, ghé thăm làng Cao Hương của Lương, có Lương cùng đi. Hôm đến thăm chùa làng, sư cụ đang tụng kinh thấy vua tới hốt hoảng đánh rơi chiếc quạt xuống đất. Vị sư đưa mắt ra hiệu cho chú tiểu nhặt quạt lên. Nhưng một vị quan tùy tùng của vua đã nhanh tay nhặt cho sư. Vua Lê Thánh Tôn trông thấy liền ra một vế câu đối, rồi trong bữa tiệc hôm đó, thách các quan đối. Vế ấy như sau:

"Đường thượng tụng kinh, sư sử sứ..."

Câu này oái oăm ở ba chữ: Sư sử sứ. Các quan đều chịu. Lương Thế Vinh cứ ung dung uống rượu chẳng nói năng gì. Chưa lần nào thấy Lương có thái độ như thế, vua đắc ý bảo đích danh Lương phải đối, với hy vọng Lương sẽ bí.

Bị giục giã, Lương cười trừ rồi cho lính hầu về nhà gọi vợ đến. Bà trạng đến, Lương lấy cớ quá say xin phép vua cho vợ dìu mình về.

Thấy một người có tài ứng đối sắp chuồn, vua thích chí giục gấp. Lương gãi đầu, gãi tai rồi chắp tay ngập ngừng:

- Dạ! Muôn tâu... Thần... đối rồi đấy ạ!

Vua và các quan lấy làm lạ bảo Lương đọc thử xem. Lương cứ một mực: "Đối rồi đấy chứ ạ".

Vua gạn mãi, Lương Thế Vinh mới chỉ vào người vợ đang dìu mình, đọc:

"Đình tiền túy tửu, phụ phù phu".

Vua cười khen và thưởng cho Lương rất hậu.

Trong thời gian giữ việc ngoại giao của triều Lê, Lương cũng có nhiều lúc đắc ý. Nhưng đắc ý nhất là những cuộc đón tiếp sứ nhà Minh. Một lần sứ thần của vua Minh là Chu Hy sang chầu vua Lê, nhân tiện thăm dò nhân tài của nước Việt. Vua giao cho Lương Thế Vinh tùy tiện tiếp sứ.

Nhân một buổi đi chơi dọc sông Tô Lịch, thấy một con voi lớn. Để thử tài Lương, sứ nhà Minh sai lấy cái cân và bảo Lương Thế Vinh cân xem con voi nặng bao nhiêu. Vốn đã thầm phục tài học uyên bác của Lương Thế Vinh nhưng lần này sứ Minh yên chí sẽ làm nhục được vị trạng nguyên đất Việt.

Biết được ý đồ của viên sứ, bất giác Lương Thế Vinh tủm tỉm cười rồi cầm cân, sai quản tượng dắt voi xuống bến sông. Sau khi mời sứ Minh ngồi yên vị trí trên bờ, và như để trả lời cái nhìn lo lắng của những người xung quanh, Lương Thế Vinh cho quân lính ghép nhiều mảng nữa chồng lên nhau rồi sai dắt voi xuống mảng.

Sứ nhà Minh và mọi người ngơ ngác nhìn Lương Thế Vinh điều khiển công việc.

Voi vừa đứng vững trên mảng thì, theo lệnh Lương Thế Vinh, viên quản tượng lên bờ và đích thân Lương bẻ cây đo độ cao từ mặt thoáng nước đến chiếc mảng bị chìm.

Sứ Minh chưa hiểu dụng ý của Lương Thế Vinh thì một hàng lính, theo lệnh Lương sau khi cho voi lên bờ, đã nhanh chóng chuyển những tảng đá lớn xuống mảng.

Sứ nhà Minh vẫn chăm chú nhìn Lương bằng đôi mắt dò xét xen lẫn kinh ngạc. Biết thế, Lương đắc ý mỉm cười và hô quân lính làm nhanh tay. Và khi chiếc mảng đã chìm sâu như khi con voi đứng, Lương Thế Vinh cho ngừng chuyển và dùng cân, lần lượt cân số đá chất trên mảng.

Chợt hiểu, sứ nhà Minh ngửa mặt lên trời than rằng: "Quả là danh bất hư truyền. Trước khi đi, vua ta đã chẳng từng bảo nhân tài xứ này ít người sánh kịp trạng Lương. Ta đã chẳng lầm lẫn đó sao?".

Đợi Lương Thế Vinh trở lại, sứ nhà Minh cung kính đứng dậy:

- Xin bái phục! Bản quốc tôi chưa dễ đã có người ăn đứt được tài của quan trạng.

Vẫn mỉm cười, Lương Thế Vinh từ tốn:

- Dùng một chiếc cân cân một con voi là người xưa đã làm. Ngài đọc chuyện Tam Quốc đã lâu nên quên Tào Thực, con Tào Tháo đã làm cái việc nhỏ đó đấy thôi. Bị Lương Thế Vinh cho ăn đòn theo kiểu lấy "Gậy ông đập lưng ông", Chu Hy tái mặt. Viên sứ nhà Minh bỗng thấy xấu hổ vì trong khi thử tài người khác, lại để lộ sự dốt nát của mình. Hơn thế nữa, lại không biết ngay cả chuyện nước mình bằng viên quan trạng người Việt.

Một tháng nay rồi, nhân dân Cao Hương nghe sáo điều đã thành lệ. Cứ về chiều, tiếng sáo điều lại văng vẳng cất lên điều đặn. Những lúc được gió, tiếng sáo vút lên tha thiết, đi vào chiều sâu thẳm của tâm hồn mọi người. Khách qua đường nghe

tiếng sáo bất giác ngửa mặt lên trời, thầm cảm ơn chủ nhân của nó khéo tay điều khiển. Còn nhân dân Cao Hương thì yêu tiếng sáo vì nhiều lẽ: Tiếng sáo đã đem lại cho họ sự thanh thản sau một ngày làm việc. Tiếng sáo đã làm rộn lên sức sống của một làng yên tĩnh. Nhưng trùm lên tất cả, họ yêu tiếng sáo bởi vì họ yêu người thả sáo. Trẻ con, người lớn gọi chủ nhân chiếc sáo diều là quan trạng với tất cả lòng thành kính, tự hào của họ. Cùng với chủ nhân của nó, tiếng sáo diều đã làm bừng lên ở Cao Hương nguồn sinh lực mới. Ngay cả đêm tối, tiếng sáo vẫn như vọng về tiếng nói cảm thông an ủi đối với người dân Cao Hương.

Nhưng một chiều, trái với lệ thường, nhân dân Cao Hương không nghe thấy tiếng sáo diều của quan trạng Lương Thế Vinh. Mọi người bồi hồi lo lắng đoán già đoán non. Chỉ có đám học trò của Lương là biết được nguyên do.

Chiều ấy, theo lệ thường, Lương Thế Vinh vẫn ra chơi quán nước ở hàng bên. Lúc trên đường về, Lương gặp một vụ xô xát giữa hai vợ chồng viên xã quan và vợ chồng một nông dân xã ấy. Lúc Lương đến, viên xã quan đã dùng đòn gánh đánh quỵ người nông dân ngay cạnh đống lúa trên bờ ruộng, còn vợ anh ta thì vừa kêu khóc vừa giành giật từng gồi lúa với vợ viên xã quan, rồi hai người cùng lăn xả vào nhau đánh lộn. Lương Thế Vinh dừng lại can ngăn. Thợ gặt xung quanh cũng dồn lại. Hỏi đầu đuôi câu chuyện, biết rõ là vụ tranh chấp ruộng công và ruộng tư do đo đạc chưa minh bạch. Lương đau lòng lắm. Nhân đó, những người xung quanh cũng tranh nhau nói với Lương tình trạng xô xát do những vụ tranh chấp tương tự gây ra ở các nơi. Không đừng được, Lương quát mắng viên xã quan cậy quyền ức hiếp dân và càng quát mắng, nỗi bực bội càng tăng lên. Chưa ai thấy Lương Thế Vinh cáu gắt như lần ấy.

Rồi Lương không về nhà, cũng không thả diều nữa. Một mình Lương lững thững đi dọc theo bờ đê, ngắm nhìn cánh đồng lúa đang giữa mùa thu hoạch.

Khi cơn bực qua đi nhường cho nỗi buồn, Lương thấm thía cảm thương vợ chồng người nông dân bị đánh đập. Hơn thế nữa, Lương đau lòng trước thực trạng của xã hội và hối hận vì hơn ba mươi năm làm quan, Lương không hề biết tới thực trạng đó. Lương day dứt không tự tha thứ cho mình lỗi lầm lớn này.

Lương đã về hưu. Thực ra thì không phải vì Lương yếu. Lương mới năm mươi lăm tuổi. Lương về hưu vì không chịu được cảnh náo nhiệt của chốn chế đô. Vả chăng, Lương muốn được rảnh rỗi trở về cuộc sống yên tĩnh ở quê hương, làm thêm một việc gì có ích trước khi xuôi tay nhắm mắt. Ý đã quyết, Lương không nghe theo lời nài ép của vua và cũng không nhận quà của vua ban để giữ lòng cho sạch.

- Ta sẽ làm gì? Lương tự hỏi, ngay khi mới về hưu vừa vì nể vừa là ý thích, Lương đã nhận lời các bô lão để dạy dỗ con em họ. Nhung nếu chỉ có dạy học thôi, Lương tự thấy còn quá nhàn rỗi. Câu chuyện xô xát được chứng kiến lúc chiều như một gợi ý thôi thúc Lương suy nghĩ.

Lương đứng lại dựa mình vào gốc nhãn cho đỡ mỏi rồi lặng lẽ nhìn cánh đồng bát ngát như rải đến tận chân trời. Xa xa, lẫn trong màn sương chiều, dân quê đang hối hả thu dọn để kịp trở về trước khi trời tối. Lương se lòng nghĩ rằng, biết đâu chỗ

ấy chẳng đã xảy ra những vụ tranh chấp thương tâm như hồi nãy.

Phải ngăn lại sự hỗn độn đó, Lương thì thào nói với mình, sức mạnh từ ý chí bật dậy. Trên đất quê hương, tuổi thơ và ước vọng của tuổi thơ như cùng sống lại. Lương phấn chấn và cảm thấy minh mẫn hẳn lên khi thoáng nghĩ: Toán học có thể giúp cho việc đo đạc ruộng đất được chính xác, ngăn chặn tình trạng xô xát từ đó gây ra. Lương rạo rực mường tượng trình tự của công việc. Vậy là Lương đã quyết. Ý nghĩ viết cuốn "Đại thành toán pháp" bao gồm cách tính diện tích các loại hình của Lương Thế Vinh bắt đầu nảy nở từ đó. Và, cũng từ đó, nhân dân Cao Hương ngày ngày thấy Lương lấy dây rừng làm thước, lấy các thửa ruộng trong làng làm mẫu, say mê ghi chép như say mê dạy học, thả sáo diều vậy. Cái tên "Trạng Lường" nhân dân Cao Hương yêu mến phong tặng càng thôi thúc Lương dốc sức lực làm việc để nhanh chóng hoàn thành công trình nghiên cứu toán học của mình.

Đối với Lương, công trình nghiên cứu này không khó nhưng mất công vì phải làm đi làm lại nhiều lần. Ngay cả những loại hình khó tính như hình thang, hình bình hành, hình tròn, Lương cứ cắt nhỏ thành những hình chữ nhật, hình tam giác rồi tính. Trên cơ sở kết quả thu lượm được, Lương tìm ra quy tắt. Tài liệu ghi chép của Lương ngày càng dày. Khi Lương không cần ra đồng làm việc nữa, mà chỉ ở nhà kiêm tra kết quả, là lúc cuốn "Đại thành toán pháp" sắp hoàn thành. Đến lúc giao cho học trò đóng, xén tập sách, Lương nhẩm tính và bàng hoàng thấy gần một năm đã trôi qua.

Vùng Cao Hương là nơi đầu tiên ứng dụng quy tắt tính toán trong "Đại thành toán pháp" của Lương Thế Vinh. Trong những ngày này, Lương lại phải thêm một mối bận tâm khác. Bên cạnh việc chỉ bảo viên xã quan tính toán diện tích ruộng đất cho đúng, một vấn đề khác lại đặt ra khiến cho Lương suy nghĩ: Có cách nào giúp cho việc tính toán gọn nhẹ, ít nhầm lẫn không?

Xuất phát từ sự thôi thúc đó, sau hơn một năm mày mò tìm hiểu không nản, Lương đã sáng chế ra chiếc bàn tính, một công trình Lương rất đắc ý. Lương sung sướng thấy hoài bão của tuổi thơ đã được thực hiện.

Tiếng sáo diều vẫn chiều chiều cất lên ở Cao Hương. Tiếng sáo đã thực sự trở thành nỗi nhớ đối với người dân vùng này từ hơn mười năm rồi. Nghe sáo diều, người ta luôn biết được giờ giấc. Hơn thế nữa, biết được cuộc sống của người ân nhân vui tính, giản dị của họ. Có lẽ vì biết vậy, nên dù có lúc không được khỏe, Lương Thế Vinh vẫn tung bổng cánh diều, say sưa tâm sự với âm thanh quen thuộc đó.

Nhân dân Cao Hương yêu mến Lương Thế Vinh. Nhưng yêu hơn vẫn là đám học trò đã và đang học Lương. Cứ đến mùa sen, Lương lại một lần tiễn học trò mình đi thi. Học trò Sơn Nam đến theo học Lương ngày càng đông và không ít người đã thành đạt.

Rút bài học từ bản thân mình, Lương rèn cho học trò một cách học thông minh: Khi học ra học, khi chơi ra chơi, không học ngày học đêm một cách sôi kinh nấu sử. Học trò Lương không ai là không biết câu chuyện trước khi thi đỗ trạng của thầy dạy

học. Câu chuyện đã lâu mà mỗi lần nhắc lại, đám học trò vẫn háo hức, say mê: Ngày ấy, cách kỳ thi ba tháng, ở nhà buôn Lương Thế Vinh đến thăm Quách Đình Bảo, một học trò cũng nổi tiếng giỏi ở làng Phúc Khê thuộc xứ Sơn Nam Hạ. Mới đến đầu làng Phúc Khê, nhân ghé vào quán hàng nước nghỉ chân, Lương Thế Vinh nghe người ta kháo chuyện với nhau về việc Quách Đình Bảo học ngày học đêm ráo riết lắm. Lương Thế Vinh bàn góp vào, cười mà nói: "Kỳ thi gần đến nơi mà hãy còn cố sức học, anh này chẳng qua cũng chỉ có tiếng hão thôi, chứ trong bụng cũng chẳng có gì uẩn xúc cho lắm". Vinh còn nói thêm: "Tôi cũng định vào thăm bác Quách chơi đây. Nhưng có lẽ cũng chỉ quấy bác ấy mất học, đành về vậy".

Lúc Quách Đình Bảo ra chơi hàng, bà chủ hàng kể chuyện lại. Đình Bảo nói: "Người ấy chính là Lương Thế Vinh". Đình Bảo liền sửa soạn hành trang sang thăm Lương Thế Vinh. Đến nơi, Lương Thế Vinh không có nhà. Quách Đình Bảo được người nhà thả diều giấy, nô đùa với trẻ con trong làng. Quách Đình Bảo thất kinh nói: "Thôi, tài học người này ta không tài theo kịp". Nói rồi lủi thủi ra về, không gặp Lương nữa, mà từ đó cũng không dùi mài sách vở khắc khổ nữa. Khoa ấy Lương Thế Vinh đỗ trạng, Quách Đình Bảo đỗ thứ ba.

Tuổi ngày càng cao nhưng cũng như cái thích thả diều, hằng ngày Lương Thế Vinh vẫn thường la cà ở các quán nuớc, nhất là quán có cây đa cổ thụ tỏa bóng râm mát cả một vùng rộng ở làng bên. Đối với Lương đó cũng là một cách giải trí có ý nghĩa. Lương Thế Vinh có thể nghe được nhiều điều hay dở để răn dạy học trò, răn dạy người đời và cũng để sửa mình nữa. Đối với việc răn dạy nguời đời, Lương cũng rất hóm hỉnh.

Có một lần, vừa từ quán nước làng bên trở về Lương gặp một đoàn người đang thay nhau võng một viên huyện quan, trống kèn inh ỏi. Thấy Lương Thế Vinh không cúi đầu chào, viên huyện quan cho võng dừng lại quát mắng Lương; thậm chí bắt Lương phải vào khiêng quan.

Không tỏ thái độ bực bội, Lương Thế Vinh thong thả vào cáng tên huyện quan và nhẫn nhục nghe tên này mắng thêm nhiều điều độc địa.

Cáng được một đoạn dài, nhân gặp được một người quen, Lương Thế Vinh xin được dừng lại nghỉ và bảo người đó:

- Anh về bảo thằng Thám Bảng, học trò ta ở làng này, ra cáng ngài huyện quan cho ta tuổi già sức yếu.

Nghe thấy người đỗ đến Thám Hoa lại là học trò của ông già này, viên huyện quan hoảng hốt, quỳ sụp trước mặt Lương Thế Vinh, cất giọng chua như giấm:

- Thưa đại nhân tha tội cho con. Con thực không biết.

Thấy viên quan nước da vàng khè như người có chứng đau gan nặng, Lương Thế Vinh bỗng động lòng, nhưng vẫn nói:

- Nhà ngươi hãy đứng dậy, đừng có sụp lạy như thế. Ta là thằng Lương Thế Vinh mà ngươi không biết sao?

Nghe tên Lương Thế Vinh viên huyện quan tái mặt đi và lại quỳ xuống.

- Lạy quan trạng! Con đáng tội chết ạ.

Một lần nữa Lương Thế Vinh nhắc viên huyện quan đứng dậy:

- Ta chỉ muốn nhà ngươi từ nay trở đi không được hóng hách, sách nhiễu thiên hạ mà thôi.

Từ đó viên huyện quan không dám ức hiếp bắt nhân dân võng cáng như trước.

Mùa hè năm đó, nhân dân Cao Hương không còn được nghe tiếng sáo diều thân thương nữa. Lương Thế Vinh bị mất sau một trận ốm vài ngày, để lại lòng thương tiếc vô hạn đối với người dân Cao Hương.

Trần Nguyên Hãn

Trần Nguyên Hãn cùng toán nông phu trang Sơn Đông đánh trâu, vác bừa chạy kịp vào rừng thì đằng sau, giặc Minh cũng tràn tới. Một nông phu đứng tuổi, giọng lo lắng:

- Không biết mấy người đang cày ở đồng trên có chạy thoát không? Nhiều người chưa kịp trả lời thì từ một xóm nhỏ ven đường gần đấy, khói ùn ùn bốc lên, tiếp theo là tiếng tre nứa nổ, tiếng lợn kêu, tiếng chân người chạy xen lẫn tiếng la hét của giặc, tiếng khóc thét của phụ nữ. Nhìn cảnh tượng ấy, cặp mắt sắc sảo của Trần Nguyên Hãn long lên dữ dằn.

- Chạy thôi anh Hãn, một nông phu giọng run run không phải vì sợ hãi.

Trần Nguyên Hãn chuyển vai bừa, cầm vạt áo quạt gió, để lộ bộ ngực đồ sộ, nổi từng thớ rắn chắc:

- Các bác đánh trâu vào rừng sâu đi, tôi ở đây xem sao đã. Vừa dứt lời, Trần Nguyên Hãn và toán nông phu đã nhìn thấy giặc lũ lượt kéo đến ngày một đông và đang đuổi bắt những bạn làm đồng của họ chưa kịp chạy thoát. Người nông phu đứng tuổi giọng lạc đi:

- Làm thế nào cứu được họ, anh Hãn?

Bộ mặt vuông chữ điền rất sáng của Trần Nguyên Hãn tái đi:

- Làm thế nào được. Chúng nó đông như dòi bọ thế kia!

Bỗng toán nông phu trang Sơn Đông cùng kêu lên rất thanh. Họ đã tận mắt nhìn thấy giặc đuổi kịp mấy nông phu và xả kiếm chém chết từng người. Cũng từ phía ấy, trên con đường gấp khúc dẫn vào rừng, bỗng xuất hiện từng đoàn dân chúng gồng gánh, bồng bế nhau chạy giặc. Lập tức bọn giặc tỏa ra làm nhiều cánh đuổi theo vây bọc lấy đoàn người, mặc sức cướp giật và bắt đi thiếu nữ. Toán nông phu kinh hãi nhìn nhau, thở dài ngao ngán. Tang tóc, loạn ly thực sự đã trùm lên vùng Sơn Đông này rồi. Máu những người Sơn Đông đã bắt đầu đổ.

Cho đến lúc về đến nhà giúp mẹ cất giấu thóc lúa. Trần Nguyên Hãn vẫn chưa

xua đuổi được cảnh giặc giết hại dân lành và nỗi nhục khi phải bó tay nhìn giặc hành hạ, giết hại dân mình.

- Sao con chẳng nói chẳng rằng gì thế? Bà mẹ hỏi khi việc thu dọn đã xong.

Trần Nguyên Hãn ngỡ ngàng nhìn người mẹ tóc bạc quá nửa nhưng còn phảng phất nét kiều diễm thời trẻ, không trả lời thẳng vào câu hỏi.

- Giặc đã tràn đến giết hại người mình, con nghĩ đến bổn phận của trai thời loạn.

Bà mẹ không ngạc nhiên trước khẩu khí của con. Từ lúc bụng mang dạ chữa chạy lên trang Sơn Đông, ngay sau khi chồng và đứa con trai cả bị Hồ Quý Ly sát hại bà những cầu mong đứa con trong bụng sẽ là đứa con trai có tài cao đức rộng, mai sau có thể rửa được thù nhà. Mong ước ấy đã bước đầu đạt được. Bà sinh Trần Nguyên Hãn vào lúc gia đình tan nát, cảnh sống thiếu thốn. Và, mặc dù là quý tộc, bà không còn nhớ hết là bà đã trải qua những vất vả, nhọc nhằng như thế nào để nuôi con. Nhưng bà lại vui lòng cam chịu không một lời than. Hơn thế, bà còn hài lòng vì thấy Trần Nguyên Hãn từ lúc bé đã thông minh, xuất chúng, học đâu nhớ đấy và ngày càng tỏ rõ là người có chí lớn. Vì vậy, nghe con trả lời bà vừa vui vừa tỏ ý lo ngại:

- Mẹ nào ngăn con nghĩ đến việc làm rạng rỡ dòng dõi họ Đông A. Nếu vậy, mẹ không phải rau cháo nuôi con đi học, mua binh thư cho con nghiền ngẫm và kể cho con nghe về tổ tông, về thù nhà. Nhưng, phàm việc lớn phải nuôi chí, phải có nhiều người giúp sức, nay tuổi con còn trẻ, đường đời chưa trải, một lời con xướng lên dân chúng chưa dễ đã tin theo!

- Mẹ yên lòng, con đã gần hai chục tuổi đầu rồi. Con tiếc rằng nhà Hồ thoán nghịch đã mất lòng dân nên vận nước có cơ hỏng mất.

- Việc lớn rồi còn phải chờ. Phải biết bền gan vững chí con ạ. Vừa lúc ấy, viên gia tướng từng theo hầu ông Trần Án cha Trần Nguyên Hãn, vai đeo một món hạt giọc, tất tả chạy về kêu lớn.

- Thành Đa Bang mất rồi, thưa tôn phu nhân!

- Thành Đa Bang mất rồi Trần Nguyên Hãn kinh ngạc nhắc lại cái thành mà Hồ Nguyên Trừng đã dốc sức xây thật kiên cố ấy mà mất thì cả phòng tuyến của nhà Hồ sẽ vỡ; kinh thành ngày một ngày hai cũng sẽ mất theo. Vận nước thế là hỏng rồi.

- Thưa công tử! Thế giặc mạnh lắm. Nghe nói chúng kéo sang tám mươi vạn quân và phao lên rằng để khôi phục nhà Trần.

- Ông tin như vậy sao? Trần Nguyên Hãn nóng nảy hỏi.

- Thưa, tôi không tin, nhưng chắc không ít người nhẹ dạ.

- Ông nói phải lắm. Giặc Ngô mượn tiếng phục Trần để cướp nước ta đó thôi. Cũng không phải thế giặc mạnh đến sức ta không chống lại được. Chỉ vì nhà Hồ lấy gian trị để hiếp dân chúng, thuế má phiền, lao dịch nặng, pháp luật ngặt, hình phạt nghiêm, gặp mừng mà khen thưởng, nhân giận mà phạt giết nên trăm họ không tin theo. Mất nước chính là điểm ấy.

Nghe con nói, bà mẹ khen:

- Con thành người lớn thực rồi.

Bỗng ngoài cổng có tiếng gọi. Trần Nguyên Hãn vội chạy ra. Viên gia tướng nhân lúc đó nói với bà Lê Thị Hoàn:

- Công tử trẻ tuổi nhưng đọc rộng, biết nhiều, rõ là người có tài kinh bang tế thế cho đời nay.

Bà Lê Thị Hoàn thoáng bối rối:

- Ông yêu con ta mà khen quá lời đó thôi. Chẳng hay võ nghệ con ta thế nào?

- Ở công tử cái đáng nói không phải là giỏi võ nghệ. Cái ấy đã đành. Cái đáng nói là công tử am hiểu binh pháp, ai cũng phải phục.

Có ông giúp đỡ, ta còn lo nỗi gì!

- Thưa tôn phu nhân, giúp đỡ công tử là bổn phận của kẻ làm tôi.

Thấy con là người có chí, nên ngay sau đấy bà Lê Thị Hoàn quyết định làm một việc mà lâu nay bà vẫn băn khoăn, suy nghĩ: Trao thanh kiếm gia truyền cho con. Phải rồi, ta có thù với Hồ Quý Ly, bà thầm nghĩ, lẽ ra ta phải chọn lúc trao cho con thanh kiếm này để nhớ đến thù nhà mà lo trả. Nhưng làm việc đó phỏng có ích gì? Nếu con ta chiêu binh mại mã, việc lớn mau thành, thì xã tắc cũng bị đẩy vào cảnh loạn ly, nồi da nấu thịt. Nếu chẳng may việc bại lộ, tính mạng con ta rồi sẽ ra sao? Nay giặc Ngô đã kéo sang, tình thế biến chuyển, đích thực chúng là kẻ thù của cả dân nước. Con ta sớm nghĩ đến bổn phận của kẻ làm trai, lẽ nào ta không trao kiếm quý cho con, khích lệ con vì đại nghĩa. Thanh kiếm ấy khi xưa, cụ tổ bảy đời đã từng giết giặc Nguyên mang lại cảnh thái bình thịnh trị cho dân nước. Vậy, trao cho con thanh kiếm gia truyền ấy, chỉ là để nhắc con nhớ đến chí người xưa, ra tay cứu nước, mưu phúc lành cho muôn họ. Chí đã quyết bà vác thuổng tới bên bụi chuối ra sức đào. Hài lòng vì việc làm của mình, vui mừng vì trao kiếm cho con đúng lúc, bà dùng toàn sức đào bới, và mỗi nhát thuổng như nhắc bà nhớ lại võ công của cha ông và mường tượng thấy con sẽ lập nên kỳ tích. Thanh kiếm đây rồi. Bà đỡ lấy và gõ vào lưỡi thuổng. Thanh kiếm tryuền qua bao đời đã mòn đi chút ít, nhưng tiếng thét thanh giòn, âm thanh tỏ rõ là kiếm quý. Bà đem kiếm vào trong nhà, lấy khăn lau sạch bóng. Vừa lúc ấy, Trần Nguyên Hãn, sau lúc nói chuyện với các nông phu, đã trở về mặt mày rạng rỡ.

Thấy mẹ đang mê mãi lau kiếm, Trần Nguyên Hãn kinh ngạc dừng lại. Phút chốc, Trần Nguyên Hãn đã đoán ra mọi việc, nét mặt lộ rõ xúc động. Bà mẹ lẳng lặng đem thanh kiếm ra vườn, chọn một cây chuối to, nhẹ nhàng sải kiếm. Nhát kiếm bén ngọt đã cắt đôi thân chuối. Bà trở vào nhà nghiêm nghị nhìn con trai vẫn chưa dứt cơn kích động:

- Cha con quý thanh bảo kiếm này hơn cả tính mạng mình. Cụ tổ bảy đời đã rèn đúc nó để đánh giặc Nguyên. Nay giặc Ngô đã sang giày xéo đất nước, giết hại dân lành. Con là người có chí có tài hãy biết giữ lấy nó.

Trần Nguyên Hãn quỳ xuống đỡ kiếm, giọng trầm hẳn đi:

- Con hiểu lòng mẹ. Con sẽ không để danh tiếng của thanh bảo kiếm này mai một.

- Con hãy mài cho nó thêm sắc và dùng vào việc đại nghĩa.

Trần Nguyên Hãn nhìn mẹ vẻ biết ơn rồi vuốt thanh kiếm hồi lâu.

Vượt qua đò sông Đáy, nghe theo lời cô lái đò, Trần Nguyên Hãn phải tìm lối đi xuyên rừng, tránh các đồn giặc, để trở về nhà. Vì vậy, quãng đường về nhà đáng lẽ chỉ cần đi nửa buổi, Nguyên Hãn phải mất trọn một ngày.

Đến chợ Bạch Hạc thì trời đã gần tối. Trần Nguyên Hãn rùng mình ngửi thấy mùi vị khét và từ trên các cành cây ven chợ, cả chục xác người bị giặc treo cổ chưa được chôn cất. Điều gì đã xảy ra ngay phiên chợ này, Trần Nguyên Hãn tự hỏi và cồn cào lo lắng. Nhác thấy bóng giặc ở phía trước, Trần Nguyên Hãn lùi lại, tìm một chỗ khuất đặt gánh, tay không rời chiếc ống tre xuyên mắt rỗng ruột có chốt mấu, bên trong giấu thanh bảo kiếm, dùng làm đòn gánh. Chao ơi! Mới chỉ có một tuần trăng đi vắng mà quê hương đã tan hoang sơ xác nhường này! Trần Nguyên Hãn bỗng nhớ lại sau lúc giặc Minh bắt được cha con Hồ Quý Ly đem về nước đặt ách đô hộ tàn bạo lên đầu lên cổ dân Đại Việt, nơi giặc liền dựa vào các thổ quan ra sức lùng bắt các con cháu nhà Trần, nhà Hồ để diệt trừ mầm chống đối và để tránh mắt giặc, Trần Nguyên Hãn đã từ biệt mẹ và người tướng già, quảy dầu đi bán để về Đông Quan. Tìm gặp Nguyễn Trãi và liên kết với các quý tộc nhà Trần bàn kế lấy lại nước. Chuyến đi chẳng được như ý. Nguyễn Trãi bị Trương Phụ bắt, hiện tính mạng không biết ra sao, nên anh em chẳng được gặp nhau. Nhiều người trong hoàng gia theo gương ông nội ngày chơi động Thanh Hư, đêm xem cầu Thấu Ngọc, yêu nước thương dân chỉ biết uống rượu khuây sầu, ngâm thơ nhớ nước. Chính họ đã khuyên Nguyên Hãn lui về ở ẩn, giữ lấy mình. Giữa lúc ấy, Trần Nguyên Hãn lại được tin nhiều quý tộc Trần như Trần Nguyên Chỉ, Trần Sư Hiền... Ngay cả Trần Thúc Giao vì vinh hoa phú quý đã lần lượt ra hàng giặc. Chỉ có Trần quỷ, Trần Quý Kháng dám chiêu binh mại mã nguyện cùng quốc quân sống cùng xã tắc. Chống lại giặc Ngô. Nhưng ngọn cờ khôi phục nhà Trần đã suy, lòng dân không mong, cũng không phải là nơi Nguyên Hãn gửi chí được. Buồn bã, Trần Nguyên Hãn trở về. Và dọc đường đi, Nguyên Hãn đã nghĩ kỹ rồi, Trần Nguyên Hãn sẽ ngấm ngầm chiêu binh tích lương chờ thời theo ý riêng của mình. Con đường Trần Nguyên Hãn chọn không phải là con đường theo nhà hậu Trần xướng nghĩa, không tự tôn để chiêu hiền đãi sĩ mà là con đường chống giặc vì dân nước, vì phúc lành của muôn họ.

Trời tối dần, Trần Nguyên Hãn xốc đôi vò đã hết dầu định đi, thì từ phía chợ, bỗng xuất hiện mấy bóng người lúi húi như đang tìm kiếm vật gì. Đoán chắc không phải binh lính giặc, Trần Nguyên Hãn quảy đôi vò, kín đáo tiến lại. Trần Nguyên Hãn suýt bật lên thành tiếng khi nhận ra viên tướng già và mấy nông phu ở trang Sơn Đông.

- Ông làm gì ở đây? Trần Nguyên Hãn cất tiếng hỏi.

- À, công tử! Sao công tử lại biết tôi ở đây? Người tướng già sốt sắng đáp.

- Ông và các bác tìm xác ai đó phải không?

Cả bọn nín thinh không đáp. Trần Nguyên Hãn bồn chồn:

- Giặc đã sát hại ai vậy? Sao ta hỏi không nói?

- Giặc đã giết tôn phu nhân rồi.

- Trời ơi! Trần Nguyên Hãn kêu lên rồi đứng lặng như hóa đá.

Người tướng già đến bên Trần Nguyên Hãn nhỏ nhẹ:

- Việc đã xảy ra rồi, công tử chớ quá đau lòng. Giặc tích điều ác, nghịch lòng dân, chúng càng chóng chết. Công tử đã chẳng ra đi vì đại nghĩa đó sao?

Một nông phu cũng đến bên Trần Nguyên Hãn:

- Sáng nay chúng tôi không ai trói lão tướng lại thì sự thể không biết sẽ ra sao. Tên huyện quan Trần Thiêm Ích vừa được giặc Ngô cất nhắc đã dẫn giặc đến bắt tôn phu nhân và nhiều người khác đã đem đi giết hại. Chúng tôi đang đi tìm xác những người bị giết đem chôn cất.

- Mẹ ta trong số những người bị treo cổ này chăng? Trần Nguyên Hãn giọng khản đặc hỏi.

- Ồ không? Vẫn người nông phu đáp. Tôn phu nhân bị giặc mổ lấy mỡ đem rán rồi thiêu sống. Người đã nguyền rủa giặc cho đến lúc chết.

Nỗi đau xé lòng, nỗi căm thù giặc ngút trời đã khiến Trần Nguyên Hãn nảy ra một quyết định táo bạo. Vì vậy, sau một hồi suy tính, Trần Nguyên Hãn cất tiếng hỏi:

- Nếu không có bọn thổ quan, giặc có mắt cũng như mù, có tai cũng như điếc. Vậy trong lúc ta chưa đủ sức dấy binh chống giặc, trước phải bịt mắt chúng, chặt chân tay của chúng, nhân thể để răn đe những tên cam tâm trở giáo đón giặc.

Người tướng già sốt sắng:

- Công tử nói chí phải. Tôi cũng nghĩ tới lẽ ấy. Bọn người quỳ gối rước giặc, chỉ cho giặc bắt giết dân mình thật đáng tội chết.

Cả ngày hôm nay, chúng tôi không bỏ xót một hành tung nào của lũ ấy cũng vì lẽ đó.

- Nhà tên huyện quan ở đâu? Trần Nguyên Hãn hỏi người tướng già.

- Cách thành Tam Giang chừng hai dặm.

- Việc canh phòng thế nào?

- Thường chỉ có hai tên lính thay nhau đứng canh ở cổng.

Sau một hồi suy nghĩ, Trần Nguyên Hãn đã hỏi:

- Ta cần một bộ quần áo của giặc Ngô. Vào giờ này bọn giặc có la cà vào thôn

cùng ngỏ vắng không?

- Có, người tướng già đáp. Nhưng chúng đi thành từng toán.

Trong đêm tối, cặp mắt Trần Nguyên Hãn rực sáng như sao.

- Bây giờ các bác hãy ở lại chôn cất người chết. Còn ông, theo ta.

- Để chúng tôi cùng giúp sức. Các nông phu nhất loạt nói.

- Thôi, đông người dễ lộ. Rồi ta sẽ gặp nhau bàn đại sự sau.

Nói rồi, Trần Nguyên Hãn cùng người tướng già vội vã đi khỏi chợ.

Khắp vùng Tam Giang loan truyền một cái tin: Có hai người lạ mặt, rất giỏi võ phục giết lính Ngô rồi cải trang, đang đêm đến tư dinh giết chết tên huyện quan. Một đồn mười, tin dữ bay đi làm cho giặc Minh đêm đêm không dám ra khỏ đồn, bọn thổ quan hể hả. Chính họ thêm mắm thêm muối và câu chuyện để uy hiếp tinh thần giặc.

Trong lúc ấy Trần Nguyên Hãn được dân chúng che chở vẫn đêm chong đèn đọc binh thư, ngày quẩy dầu đi khắp vùng vừa dò xét nội tình giặc, vừa khích lệ lòng dân chúng, ngấm ngầm thu phục nhân tâm, mưu việc lớn.

Một hôm, Trần Nguyên Hãn gọi người tướng già cùng đi với mình vào một khu rừng Thần. Chỉ là bãi đất rộng giữa rừng xung quanh có cây cao bóng cả, cỏ gai rậm rạp, Trần Nguyên Hãn hỏi người tướng già:

- Ông thấy chọn nơi này làm nơi luyện quân có được không?

Người tướng già cố nén tiếng reo.

- Bấy lâu tôi vẫn chờ mong, ngày công tử dựng cờ dấy nghĩa chống giặc. Đã đến lúc dân chúng cần người chèo lái.

- Ta biết vậy. Nhưng hãy khoan, rồi ông đừng hiểu lầm ý định của ta. Ta không bao giờ có mưu đồ vương bá. Bản thân ta chỉ muốn dành được nước cứu được dân đuổi được giặc mà thôi.

Nếu vậy sao công tử không giúp Trần Ngỗi va Trần Quý Khoán. Tôi nghe nói nghĩa quân của hai vị vương ấy đã thu phục được miền đất từ Thanh Hóa trở vào.

- Ta đã nghĩ kỹ rồi lúc này khôi phục nhà Trần, lòng dân đã chán ghét thì nghiệp lớn sao thành được. Ta chỉ có thể cứu dân cứu nước theo chí riêng của ta.

- Nhưng không dựng cờ xướng nghĩa sao thu phục được nhân tâm, trai tráng sao biết được mà tìm tựu nghĩa?

Trần Nguyên Hãn chậm rãi:

- Ông yên lòng. Hiện tình dân chúng lúc này đòi ta phải thức thời. Nghĩa lớn là ở mục đích chứ không phải ở danh nghĩa. Đất nước này rồi thiếu gì minh chủ để ta phò tá. Ta thực chỉ muốn làm tướng đánh trăm trận trăm thắng.

Người tướng già ngạc nhiên đến thán phục:

Công tử có tài chí mà lại khiêm nhường rất mực.

- Ta muốn lập đồn quân nơi đây, ngay rừng này ông thấy thế nào?

- Chọn đất rồi họp binh, công tử quả là người chín chắn hiếm có vậy. Dùng nơi này vừa luyện tập võ nghệ vừa giấu quân thì không đâu bằng. Lại nữa, quanh vùng có thung Đa Mang, có đồi Ngọc Sách, đồi Chủ, đồi Trà, nếu vạn nhất có xảy ra chuyện gì, các nơi hỗ trợ cho nhau thật tiện lợi.

Trần Nguyên Hãn phấn chấn:

- Ngay ngày mai ta sẽ tụ tập trai tráng trang Sơn Đông rồi tỏa đi các nơi giải bày nghĩa lớn, dân chúng chắc sẵn lòng hưởng ứng.

Giữa rừng Thần, trước đàn thề khói hương nghi ngút, có trương một lá cờ đại, Trần Nguyên Hãn sau mấy lời thăm hỏi nghĩa binh bỗng cất cao giọng:

- Tôi vốn dòng dõi nhà Trần, vì chí cứu đời giúp dân, trước họa diệt chủng của giặc Ngô, đã dựng cờ xướng nghĩa. Tôi thề không khôi phục cơ nghiệp nhà trần đã suy, không mưu đồ vương bá, lại cũng không vì danh hão mà nguyện đem chí mọn, nối bước tiền nhân, cùng các nghĩa sĩ, phụng sự dân nước, quyết đánh giặc, khôi phục lại nước cũ. Nếu tôi sinh lòng này khác, cầu hơn hiện tại, núp bóng quân thù, không cùng đồng lòng, quên lời thề ước, cúi xin trời, đất, thần linh giáng cho trăm vạ, chịu hết hình phạt của trời. Dầu trời long đất lở, tôi xin lấy giọt máu này chứng cho chí hướng không rời của tôi.

Dứt lời, Trần Nguyên Hãn rút kiếm, cắt vào ngón tay trỏ bên trái, rồi quỳ xuống thấm máu vào lá cờ đại. Gần hai trăm nghĩa quân lắng nghe và theo dõi từng cử chỉ của người chủ tướng trẻ tuổi một cách nghiêm trang, thành kính. Ngay sau đấy, người tướng già bước lên đàn, giọng trầm đi vì xúc động

- Tôi tuy tài hèn đức mọn, không chịu được nỗi nhục mất nước quyết xin hiến thân cho nghĩa lớn, theo chí của công tử, cùng anh em nghĩa binh nguyện một lòng đánh giặc cứu nước. Nếu tôi thay lòng đổi dạ không thể sống cùng nhau, dám quên lời thề ước xin trời chu đất diệt kẻ phản bội. Tôi xin lấy máu này làm bằng cớ. Người tướng già rút đoản đao chích máu thấm vào cờ.

Lần lượt các nghĩa binh lên tuyên thệ chích máu. Lá cờ đại chẳng máu chốc đã sẫm đỏ. Giữa lúc ấy, trên lối mòn dẫn vào rừng, Trần Nguyên Hãn và các nghĩa binh bỗng thấy xuất hiện một con voi lớn. Trên bành voi, một nông phu trẻ tuổi nước da đỏ như đồng hun, tay áo xắn vào nổi từng thớ chắc nịch, đang giơ búa thúc voi đi gấp. Voi vừa đến giữa giáo trường, chợt một nghĩa quân kêu lên sững sốt:

- Trạch Khô, đô vật lừng danh vùng Ba Vì!

Trạch Khô tên người quản tượng vội cho voi dừng lại rồi nhảy xuống, tiến đến trước mặt Trần Nguyên Hãn:

- Nghe tin tướng quân dựng cờ dấy nghĩa nên tôi xin ra mắt, mong được tướng quân thu dụng. Con voi kia vốn là của một chiến tướng nhà Hồ bị lạc sau ngày thành Đa Bang thất thủ. Tôi bắt được nó và xin trao lại cho tướng quân.

Nhiều tiếng xuýt xoa nổi lên.

Trần Nguyên Hãn nắm chặt tay Trạch Khô, giọng hồ hởi:

- Tấm lòng của người thật quý, ta sao nỡ chối từ!

Ngay sau ấy, Trần Nguyên Hãn chia các nghĩa binh thành từng đô rồi quả quyết nói:

- Người của chúng ta còn ít. Nhưng phép dụng binh, quân cốt tinh không cốt nhiều. Muốn tinh phải am hiểu binh thư, phải dầy công luyện tập. Vì vậy, anh em phải ngày luyện võ, đêm học binh thư, ai cũng phải gắng hết sức mình không được lười biếng. Được như thế, chẳng mấy chốc chúng ta sẽ thành một đội binh tinh nhuệ, một địch được mười... Hay hơn nữa.

Ngừng lại một lúc để thăm dò các nghĩa quân, Trần Nguyên Hãn lại tiếp, giọng chắc nịch:

- Theo các bậc tiền bối, vật là đầu hàng võ. Muốn giỏi võ phải giỏi vật đã. Cũng như trước khi tập kiếm, kích, côn quyền phải giỏi tấn. Thái sư Trần Thủ Độ xưa, từng là một đô vật có tài vùng Thiên Thuộc. Thái sư Trần Qaung Khải tổ bảy đời của ta từng là trạng vật, sức khỏe nhất nhì trong nước. Vậy, trước khi học võ phải học vật. Vật có nhiều tính con nhà binh phải có. Tính đó là can đảm, bình tĩnh, nhanh trí, kiên nhẫn và nhất là khỏe. Anh em có bằng lòng như ta nói không?

- Chúng tôi xin theo ý tướng quân. Các nghĩa binh đồng thanh đáp. Bỗng một nghĩa binh lên tiếng:

- Thưa tướng quân! Trong quân ngũ hiện có nhiều đô vật. Vậy buổi đầu luyện binh xin cho thi vật để mọi người đều được học hỏi.

Lập tức, các nghĩa binh nhất loạt hưởng ứng.

Hòa trong niềm vui của các nghĩa binh, Trần Nguyên Hãn vốn là một đô vật từ ăn giải cạn ở nhiều nơi, thích thú ra lệnh:

- Ta bằng lòng cho anh em thi vật. Rồi hướng về người tướng già, Trần Nguyên Hãn nói lên ông hãy cầm trống chầu thay ta.

Các nghĩa binh reo hò, tản ra chuẩn bị.

Từ đấy tướng và quân, đói no cùng trải, ngọt bùi chia xẻ, say sưa, chuyên cần luyện tập. Dù tuổi còn trẻ nhưng Trần Nguyên Hãn tỏ rõ là viên tướng trí dũng song toàn. Vì vậy, quân sĩ ai nây đều kính trọng và râm rắp tuân theo mệnh lệnh của viên tướng trẻ. Nhân dân cũng rất mực yêu mến Trần Nguyên Hãn. Họ bí mật góp tiền của và thóc gạo mua ngựa chiến trao cho nghĩa binh. Chính nhờ sự hỗ trợ ấy mà đồn quân Minh kiềm chế cả một vùng cách đó không xa nhưng chúng không hề biết tung tích nghĩa quân Rừng Thần.

Đất nước đang sôi lên trong biến động. Nơi nơi dân chúng đang nổi lên chống lại giặc Minh. Tin đồn dồn dập về vùng Bạch Hạc: ở châu Quảng Oai ở phủ Lạng Giang, ở phủ Trấn Mạn (bắc Thái Bình), tại huyện Đông Kết (Khoái Châu), tại châu Trường Yên (Ninh Bình), rồi phủ Lạng Sơn, phủ Thái Nguyên, lớn nhất là ở Nghi Dương, huyện An Lão, châu Đông Triều đều nổ ra cuộc dấy binh của dân chúng.

Ngay ở Đông Quan, sào huyệt của giặc, dân chúng Thanh Oai (Từ Liêm), Thanh Đàm (Thanh Trì) cũng liên tiếp đứng lên chống giặc. Tiếng dội của những cuộc nổi dậy ấy, khiến nghĩa quân Rừng Thần nô nức và âm thầm, bồn chồn và chờ mong ngày được xuất quân đánh giặc.

Một hôm người tướng già nói với Trần Nguyên Hãn:

- Hiểu công tử thì trên đời này không ai bằng tôi. Nhưng gần một năm luyện quân rồi, ai nấy đều muốn xung trận, mà công tử thì vẫn án binh bất động?

Trần Nguyên Hãn chậm rãi:

- Ta ngày đêm đau lòng nhức óc suy tính việc ấy. Mà cũng không phải bây giờ mới nghĩ tới. Nhưng, phàm làm một việc lớn thì phải cân nhắc đường đi nước bước, sao cho đánh chỉ có thắng mà không có bại. Hãy xem Nguyễn Sư Cối quân có đến hai vạn, dũng mãnh là thế mà chỉ qua vài trận đã thất thế. Xem vậy, kẻ làm tướng phải biết chọn thời, không nghĩ chính tổn thất không biết nhường nào.

- Đành rằng thế. Nhưng chẳng lẽ nghĩa quân cứ luyện tập hoài thôi ư?

- Đã ra quân thì phải chắc thắng. Những lần đi bán dầu dò la các đồn giặc, ta nghiệm ra rằng gần đây, chúng đang rục rịch chuyển quân, tỏ ra có việc gì hệ trọng lắm. Ta đoán nước nó chắc không yên. Vậy phải biết nằm gai nếm mật thêm chút nữa.

Hiểu lòng quân sĩ, Trần Nguyên Hãn sau đấy đã bày tỏ tất cả sự tính toán và suy nghĩ của mình. Và, ngay ngày hôm sau, Trần Nguyên Hãn đã sai người tướng già về Đông Quan lần nữa tìm gặp Nguyễn Trãi bàn đại sự.

Người tướng già vừa đi được hai ngày thì Trần Nguyên Hãn đã được thám báo cho hay: Minh Thành tổ đã quyết định mở cuộc Bắc chinh đánh Thát Đát và Trương Phụ bị triệu hồi về nước. Giặc Minh hiện đang điều bát quân sĩ rất nhốn nháo.

Lập tức, Trần Nguyên Hãn, viên tướng bao lâu phải nằm gai nếm mật lợi dụng cơ hội ấy quyết định ra quân. Vì vậy, Trần Nguyên Hãn một mặt ra lệnh cho binh sĩ không được rời binh khí, mặt khác, tự mình gánh dầu đi đến thành Tam Giang và các đồn lẻ của địch, để dò la nội tình của chúng.

Và ngay đêm ấy, viên tướng trẻ vốn điềm tĩnh, chín chắn đã vạch ra một kế hoạch táo bạo: Đánh thành Tam Giang rồi quét sạch giặc ra khỏi khu vực này. Trần Nguyên Hãn cho triệu quân sĩ lại rồi bằng một giọng dứt khoát, tự tin, viên tướng trẻ nói:

Tâm thần giặc đang hoang mang vì Trương Phụ, tên danh tướng tàn bạo, bị triệu về nước lo đánh Thát Đát. Vậy, đã đến lúc các ngươi được ra tay, mặc sức tung hoành ngang dọc cho phỉ với ao ước bấy lâu.

Hơn hai trăm nghĩa quân thích thú nhảy lên hò reo không ngớt.

- Nhưng, thành Tam Giang của giặc rất kiên cố. Trần Nguyên Hãn, tiến sát hàng quân, trầm giọng tiếp, quân giặc lại còn đến cả ngàn đứa. Vây các ngươi dám có gan dạ hạ thành không?

- Tướng quân có chọc trời khuấy đất đã quyết là thắng.

- Binh ta ít nhưng tinh nhuệ, đã đánh tất phải thắng. Xin tướng quân cho lệnh. Người hiền lành nhất trong nghĩa quân cũng gào lên xin đánh.

Trần Nguyên Hãn phấn chấn hẳn lên:

- Ta hiểu lòng các ngươi. Vậy ngay đêm nay, nhân lúc giặc không đề phòng, ta quyết ra tay, trừ cho dân một mối họa. Đi đánh giặc, âu cũng là dịp để các ngươi được thi thố tài năng.

Tiếng dạ ầm ầm nổi lên làm chấn động canh khuya.

Ngay sau đấy, Trần Nguyên Hãn đã dẫn đoàn quân lên đường.

Canh ba đêm ấy, nghĩa quân Rừng Thần đã đến chân thành Tam Giang mà giặc Minh không hề hay biết. Đã từng tìm hiểu thành này, Trần Nguyên Hãn cho khoảng thành cao nhất, ngay gần sông Tuyên, nơi giặc không chú ý canh phòng, để bắt thang cho quân sĩ kín đáo vượt qua. Nghĩa quân Rừng Thần am hiểu binh thư, luyện tập công phu, lại có sức khỏe, nên ai nấy đều nhanh chóng theo chân viên tướng trẻ, trèo vào thành không một tiếng động. Trong lúc ấy, quân Minh ỷ có thành cao, ngủ say như chết. Trên chòi canh, lính canh cũng ngáy như sấm.

Trời tối đen như mực. Nghĩa quân đã lọt được vào thành.

Theo lệnh Trần Nguyên Hãn, nghĩa quân cởi trần tỏa về các lán trại giặc. Trần Nguyên Hãn đích thân dẫn một cánh quân chọc thẳng vào nơi bọn tướng đang ngủ ở giữa thành.

Bốn bề đều yên lặng. Vòng vây mỗi lúc một khép chặt. Tiếng Trần Nguyên Hãn bỗng vang lên dõng dạc:

- Phải bắt không cho thằng giặc nào chạy thoát.

Những tên lính trên chòi canh giật mình thức giấc. Mấy mồi lửa trên mặt thành được thắp sáng. Quân canh không kịp kêu. Sấn dậy trên đầu chúng, đất rung dưới chân chúng. Trong ánh lửa, chúng thấy đội quân mình trần trụi, đang vung kiếm, mã tấu xông vào các lán trại chém quân chúng như chém chuối.

Bị đánh bất thần, giặc Minh chết như ngả rạ. Những tên sống sót mếu máo gọi nhau. Chúng va vào nhau ngã lổng chổng. Chúng hoảng hốt đến không cầm nổi thanh gươm, không tìm ra ngọn giáo.

Lính hộ vệ của tướng giặc thất thanh gọi chủ. Nhưng chủ tướng của chúng còn mơ màng chưa tỉnh, đã bị Trần Nguyên Hãn dẫn đầu một toán nghĩa quân, xông tới hạ sát. Quân giặc mất tướng, lại thấy nghĩa quân tả xung hữu đột nên tên nào tên ấy cố tìm đường thoát chạy. Nhưng chúng kinh hãi thấy cổng thành đã chất đống xác chết. Giữa lúc ấy, nghĩa quân hò reo như sóng gào như gió thét vừa khoa trương thanh thế, vừa dồn ép những tên giặc còn lại vào chân thành. Cùng thế, bọn giặc còn lại phải rung rẩy hạ gươm giáo quy hàng.

Trời sáng dần, Trận địa đã yên ắng hẳn. Nghe hiệu lệnh thu quân, nghĩa quân

Rừng Thần nét mặt tươi rói, đứng xếp hàng trước mặt người chủ tướng, mới chỉ huy trận đầu, đã tỏ rõ tài xuất chúng. Chỉ vào đàn ngựa chiến mới cướp được của giặc, Trần Nguyên Hãn cất cao giọng:

- Ngay bây giờ các ngươi hãy lên ngựa cùng ta đi cướp các đồn giặc trong vùng. Chỉ cần để trăm người ở lại giữ thành và coi tù binh mà thôi.

Dứt lời, Trần Nguyên Hãn xốc kiếm nhảy lên ngựa dẫn đầu đội kỵ binh phi ra ngoài thành. Nhưng đoàn ngựa chiến của Trần Nguyên Hãn vừa ra khỏi thành bỗng ùn lại. Dân chúng nghe tin nghĩa quân Rừng Thần hạ được thành tam Giang kéo tới đông như hội. Họ cúi đầu chào đoàn quân vừa thắng trận. Các bậc bô lão rưng rưng nước mắt nhìn đội quân áo vải xung trận như gió táp. Mới hôm qua, giặc Minh còn ra oai hống hách, hôm nay dân chúng như tỉnh cơn mê, mừng thấy cảnh yên hàn.

Ngồi bên mình ngựa, ăn vận mộc mạc nhưng uy phong lẫm liệt. Trần Nguyên Hãn vui cười, đáp lễ dân chúng. Rồi đoàn quân phóng ngựa đi vội vã.

Người tướng già từ Đông Quan trở về giữa lúc Trần Nguyên Hãn và nghĩa quân đã làm chủ cả vùng Bạch Hạc. Vừa gặp Trần Nguyên Hãn, người tướng già cúi đầu:

- Tôi có lời chúc mừng công tử đã ra quân đại thắng. Dọc đường đi, dân chúng hâm mộ công tử biết chừng nào!

Trần Nguyên Hãn thoáng bối rối:

- Chẳng hay ông có gặp anh ta không?

- Thưa công tử! Nguyễn tiên sinh vẫn bị giặc giam lỏng ở Đông Quan. Tuy thế, gần đây sự kiểm chế có bớt phần gay gắt. Tiên sinh vẫn có dịp đi đây đó tìm người nghĩa khí chung lo việc nước. Đại khái, chí hướng của tiên sinh rất giống công tử vậy. Hay tin công tử dấy binh không có ý khôi phục nhà Trần, không mưu đồ vương bá, tiên sinh khen ngợi công tử là người thức thời.

- Anh của ta là người có tài kinh bang tế thế, chí lớn trùm thiên hạ. Nhưng cũng là người từ tốn, giản dị hiếm có.

- Thưa công tử! Trước lúc về, tiên sinh mật dặn ở đất Lam Sơn có người hào trưởng họ Lê tên Lợi đang ngấm ngầm thu nạp người hiền tài mưu việc đại nghĩa. Đấy là người gặp thời loạn mà chí càng bền, ẩn náu trong núi rừng, chuyên tâm về sách thao lược, lâu nay được truyền tụng như một bậc anh quân có đức độ, tài ba. Người ấy xem ra có thể gởi chí được.

Cặp mắt Trần Nguyên Hãn rực sáng như sao:

- Nếu được người như thế làm minh chủ, ta xin theo phò tá ngay. Nhưng sao nay anh ta còn trùng trình chưa quyết?

- Tiên sinh nói còn phải dò xét thêm. Có thế nào, tiên sinh sẽ báo sau.

Gần tết năm Mậu Tuất (1418), trong lúc Lê Lợi, Nguyễn Trãi và trên dưới ba chục võ tướng đang dốc sức cho ngày khởi sự thì được tin vui chợt đến: Danh tướng Trần Nguyên Hãn, người từng khiến cho quân Minh nghe oai danh đã kinh hồn, vừa đem gần hai trăm quân cùng cả trăm ngựa chiến từ vùng Bạch Hạc về tụ nghĩa. Lê

Lợi cùng các tướng thân ra đón Trần Nguyên Hãn và nghĩa quân Rừng Thần. Hơn thế, hôm sau Lê Lợi đón nhận thanh thần kiếm gia truyền của Trần Nguyên Hãn dâng lên như đón nhận từ tay Tướng quốc Thái úy Trần Quang Khải. Tin vui và mẫu chuyện cảm động, rất có ý nghĩa ấy như mở cờ cho lòng náo nức xuất trận của nghĩa quân Lam Sơn. Khắp các lán trại, nơi đâu các nghĩa quân cũng xì xào bàn tán về viên danh tướng mới đến.

- Tướng quân Trần Nguyên Hãn là em quân sư Nguyễn Trãi đấy. Hơn hai năm trước, sau khi đốc xuất hai trăm nghĩa binh hạ thành Tam Giang, bắt giết được cả nghìn tên giặc, tướng quân đã cùng quân sư vào ra mắt chúa công xin phò tá.

- Vậy, Trần tướng quân có mặt trong hội thề Lũng Nhai đấy nhỉ, một binh tân cắt ngang hỏi.

- Có quân sư Nguyễn Trãi nhưng tướng quân Trần Nguyên Hãn thì không. Người nghĩa quân hộ vệ Lê Lợi, đáp. Vì, sau khi tướng quân ra mắt chúa công, tướng quân lại trở về lo việc đem binh vào phối hợp. Tuy không có mặt trong hội thề nhưng biết tướng quân là người có chí lớn, lại có tài cao đức rộng nên chúa công rất mực quý mến. Các anh có biết không, người nghĩa quân làm ra vẻ quan trọng, trong số bốn người hiện dự bàn việc cơ mật với chúa công, có tướng quânTrần Nguyên Hãn đấy!

Vừa lúc ấy, toán nghĩa quân nhác thấy Lê Lợi, Trần Nguyên Hãn đang phi ngựa từ trại quân ra giáo trường. Rồi ngay sau đấy, Lê Lợi nỗi hiệu họp binh.

Rừng núi Lam Sơn bỗng rầm rập tiếng chân người. Phút chốc, các kỹ mã, nghĩa sĩ, dũng sĩ đã tề tựu đứng thành hàng. Lê Lợi cho ngựa tiếng tới gần đoàn quân, giọng vang như chuông đồng:

- Ta được tin tên đại gian Lương Nhữ Hốt đã mật báo với giặc Ngô các hoạt động của ta. Vì vậy, ngay từ bây giờ quân sĩ không được rời binh khí, không được ra khỏi quân doanh, không được trễ nải việc canh phòng. Cũng từ giờ khắc này, ta trao quyền chăm nôm việc rèn dạy nghĩa sĩ cho tướng quân Trần Nguyên Hãn. Các ngươi phải nhất nhất tuân theo lệnh của tướng quân và siêng năng luyện tập. Ngày khởi sự lấy lại nước đến nơi rồi.

Các nghĩa quân hò reo đáp lại.

Quả là danh bất hư truyền. Chẳng mấy chốc Trần Nguyên Hãn đã hoàn toàn chinh phục được lòng tin yêu của các nghĩa binh Lam Sơn. Hơn thế, biết giữ lời, giữ ý, và bằng những hiểu biết uyên thâm về binh thư, về tài luyện quân, Trần Nguyên Hãn đã sớm chiếm được lòng kính trọng của Lê Lợi và các văn quan, võ tướng lúc ấy.

Ngày 2 tháng 01 năm Mậu Tuất (7- 2- 1418), trong cảnh tết tưng bừng, Lê Lợi tự xưng là Bình Định Vương truyền hịch đi các nơi kêu gọi dân chúng nỗi dậy hưởng ứng. Trần Nguyên Hãn, con người nặng lòng yêu nước thương dân, có chí lớn, có tầm nhìn xa trông rộng, viên dũng tướng giỏi thao lược và táo tợn, được Lê Lợi phong làm tư đồ, đứng đầu hàng quan võ. Gặp được người minh chủ có chí lớn trùm

thiên hạ, có được bên cạnh những người đồng sự văn võ kiêm toàn, có tài kinh bang tế thế như Nguyễn Trãi, tài năng của Trần Nguyên Hãn như được chấp cánh. Trần Nguyên Hãn, ở cương vị của mình, kể từ ngày dấy binh đã dốc lòng giúp Lê Lợi bàn định mưu lược. Và, nơi nào cũng khó khăn, chỗ nào giặc liều chết chống lại, nhất là ở chỗ trận lớn phải giành cho kỳ thắng, Lê Lợi đều phái Trần Nguyên Hãn thân đem quân đi đánh.

Đêm ấy người tướng già lúc này trở thành viên tiểu tướng hầu cậu của Trần Nguyên Hãn vùa giục Trần Nguyên Hãn đi ngủ, thì một nghĩa quân bước vào:

- Thưa quan tư đồ! Vương thượng cho triệu quan tư đồ. Trần Nguyên Hãn xốc kiếm dặn người tướng già đi ngủ trước rồi theo người nghĩa quân. Vừa thấy Trần Nguyên Hãn, Lê Lợi đứng dậy đón rồi vui vẻ nói ngay:

- Quân sư cũng vừa đến. Đúng như ta dự đoán, tướng Đinh Lễ đã đánh lấy đất Viễn Châu và bủa vây chặt thành giặc. Lại nữa, tổng binh Trần Trí đã rút chạy về Đông Quan để mặc thành Nghệ An cho bọn Phương Chính, Lý An. Được cấp báo, ta triệu quân sư và quan tư đồ để cùng định liệu.

- Tâu vương thượng Nguyễn Trãi nói. Vậy ngay đêm nay thần xin thảo chiến thư thách Phương Chính đem quân ra đồng bằng đất phẳng bày trận. Nếu bọn chúng cứ cố thủ chịu nhục cũng là lúc ta uy hiếp sĩ khí chúng, để chớp lấy cơ hội tiến binh.

Lê Lợi chậm rãi:

- Quân sư cứ thác lời ta thách chiến, cốt làm cho chúng khiếp nhược. Còn hiện tình, ta đã nghĩ kỹ rồi, người giỏi chiến trận thường bỏ chỗ kiên cố đánh chỗ sơ hở, tránh chỗ vững chắc đánh chỗ trống rỗng. Vậy, nếu nhân dịp này cử các tướng Lý Triên, Lê Sát, Lưu Nhân Chú, Bùi Bị đem quân ra hộ sức với Đinh Lễ, thẳng tiến ra Tây Đô, các ngươi có chắc rằng ta lấy gọn được đất Nghệ An, Thanh Hóa không?

Trần Nguyên Hãn xoay người đáp ngay:

- Tâu vương thượng! Trần Trí chạy ra Đông Quan chắc là để lấy viện binh cứu thành Nghệ An. Vậy lúc này, tránh chỗ thực đánh chỗ trống vừa lấy đất vừa chặn viện binh, chính là diệu kế. Nhưng theo ý thần cũng không phải Diễn Châu, Tây Đô mới là đất trống, vùng Tân Bình, Thuận Hóa cũng phải chớp lấy việc này đánh lấy.

Nguyễn Trãi phấn chấn tiếp:

- Ý quan tư đồ thật là hay mà thần chưa nghĩ tới. Quả là miền đất ấy cần phải lấy gấp. Một khi Nghệ An, Thanh Hóa lọt vào tay ta, tất giặc phải tăng viện cho Tân Bình, Thuận Hóa để ép ta vào thế bị chặn cả hai đầu. Lại nữa, bọn giặc quỷ quyệt có thể xúi bẩy Chiêm Thành hợp sức đánh ta ở mặt sau y như Trần Trí, Mã Kỳ xúi hoàng đế Ai Lao đánh cướp sách Đa Quan mấy năm trước. Sự thể như thế là thật nguy khốn. Vậy tướng đi đánh mặt ấy phải chọn người thật giỏi, thật khôn khéo mới được.

Những chí lớn gặp nhau không cần phải bàn nhiều. Cũng như Nguyễn Trãi, Lê Lợi rất nhạy bén để quyết định:

- Ta biết chỉ có một người lĩnh được trọng trách ấy.

Trần Nguyên Hãn cúi đầu:

- Thần tuy tài hèn nhưng từ ngày dấy binh chưa có dịp lập công. Bây giờ chính là lúc xin vương thượng cho thần được cầm quân xung trận.

Nguyễn Trãi thầm phục sự thông minh của Trần Nguyên Hãn và càng thấy rõ Lê Lợi biết dùng người. Chính vì biết dùng người nên Lê Lợi phải để Trần Nguyên Hãn rời bản doanh đi đánh lấy miền đất quan trọng ấy. Vì vậy, Nguyễn Trãi trìu mến nhìn người em họ ngoại rồi hướng về phía Lê Lợi, không giấu được niềm vui:

- Được quan tư đồ thân đem quân đi đánh thì vương thượng chẳng còn lo nỗi gì.

- Chính ý ta muốn vậy Lê Lợi quả quyết. Nhưng trong ấy, binh giặc còn mạnh, lại lạ đất mới. Vậy ta cử thêm Lê Ngân đốc xuất thủy quân vượt biển vào hợp sức. Cử Lê Ngân đi cũng là để khi việc xong xuôi, quan tư đồ phải về bản doanh ngay vậy.

Tháng 7 năm Ất Tỵ (1425), vâng lệnh Bình Định Vương, Trần Nguyên Hãn cùng thượng tướng Lê Nỗ, chấp lệnh Lê Đa Bồ đem hơn một ngàn quân, theo đường núi tiến vào Tân Bình, Thuận Hóa. Quân của Trần Nguyên Hãn vừa vượt qua sông Bố chính thì đột ngột gặp đại binh gặp do hỗ tướng Nhậm Năng đốc suất đi chặn nghĩa quân. Thấy nguy, thượng tướng, Lê Nỗ phi ngựa tới trước voi của Trần Nguyên Hãn:

- Giặc đông, sau lưng ta là sông, rất kỵ việc bày trận. Vậy xin quan tư đồ gấp cho lệnh rút qua sông.

- Muộn rồi Trần Nguyên Hãn ngắm nhìn địa thế nói. Dải núi kia thuộc đất nào, có lối vào không? Trần Nguyên Hãn chợt chỉ tay vào dải núi ở bên cánh đồng, chếch phía sau.

- Thưa, đấy là đất Hà Khương, đường vào rất hiểm trở. Một tiểu tướng đáp.

Lập tức, Trần Nguyên Hãn quả quyết ra lệnh:

- Thượng tướng cùng chấp lệnh điểm lấy tám trăm quân cướp đường tìm thế núi mai phục. Hãy lấy voi chiến của ta chặn ở đoạn chót nơi đặt phục quân. Còn ta sẽ đem ba trăm quân ra đánh để làm kiêu lòng giặc, dụ chúng vào đất tử. Việc phải làm gấp mới kịp.

Dứt lời, Trần Nguyên Hãn xuống voi rồi nhảy lên con ngựa người tướng già vừa đem tới, phóng lên hàng tiền đạo bày trận. Bên kia, quân giặc do tướng Nhậm Năng đốc suất đã lũ lượt kéo đến đầy nội. Nhậm Năng thúc ngựa vượt lên, hất hàm hỏi một tên thổ quan:

- Tặc tướng là đứa nào mà dám cự chiến với ta.

- Tư đồ Trần Nguyên Hãn đó. Tên thổ quan lắp bắp đáp.

Nhậm Năng tái mặt.

Phải phái danh tường bậc nhất ra trận, Lê Lợi sắp cùng đường rồi. Nhưng Nhậm

Năng cố trấn tĩnh quân hắn từ xa tới, chưa chọn được địa thế: Ta lấy quân nhàn đánh quân nhọc mệt thì tướng giỏi cũng phải thua.

Nhậm Năng quay lại, nói như thét:

- Bớ quân bay! Hãy bắt lấy bọn man đi kia quăng xác chúng xuống sông cho ta. Ai chém được tướng giặc ta sẽ hậu thưởng.

Dứt lời, Nhậm Năng nổ pháo lệnh lùa quân ào ạt xông thẳng vào thế trận của nghĩa quân Lam Sơn.

Trần Nguyên Hãn mắt không rời quân giặc hỏi người tướng già:

- Quân ta đã kịp vào núi chưa?

- Thưa công tử, người cuối cùng đã vượt qua cánh đồng.

- Được lắm! Trần Nguyên Hãn nói rồi cùng nổi lệnh giáp chiến. Đánh được một hồi, tuồng như không cự nổi, Trần Nguyên Hãn đã chặn hậu, cho quân rút lui.

Nhậm Năng thấy vậy cười ha hả, bảo tên thổ quan:

- Toàn là đồn hão. Hãy xem danh tướng của man triều chạy như chuột kia kìa.

Một tùy tướng của Nhậm Năng can:

- Trần Nguyên Hãn là người lắm mưu mẹo, sợ trúng độc kế của hắn.

- Mưu kế gì Nhậm Năng cười nhạt nói. Hắn sợ uy danh của ta và quân của Thiên triều đó. Hãy xem ta bắt danh tướng giặc.

Nhậm Năng hò hét quân sĩ tiến nhanh rồi cúi rạp trên mình ngựa đuổi theo nghĩa quân Lam Sơn.

Quân Minh bám gót nghĩa quân, ùn ùn vượt qua cánh đồng rồi hăm hở tiến vào núi.

Rút chạy đến lúc thấy voi chiến của mình, Trần Nguyên Hãn lập tức nỗi hiệu lệnh thúc quân quay lại, thét vang như sấm:

- Bớ quân sĩ! Hãy đánh một trận cho bọn người Ngô biết uy danh của nghĩa quân Lam Sơn.

Cùng một lúc, tám trăm nghĩa quân từ hai bên núi đổ xuống, chia cắt giặc làm từng khúc, mặc sức chém giết.

Nhậm Năng chưa biết xoay sở ra sao thì bị người tướng già vung đại đao xông tới chém chết. Chỉ trong phút chốc hơn một nghìn tên giặc bị giết. Máu chúng chảy chan hòa đường núi. Bọn giặc còn lại hồn xiêu phách lạc, cướp đường tháo chạy. Trần Nguyên Hãn lập tức cho quân đuổi theo. Mấy trăm tên giặc nữa bỏ mạng trên cánh đồng, trên dọc bờ sông.

Ngay chiều hôm ấy, bảy mươi chiếc thuyền chở đầy nghĩa quân do Lê Ngân đốc suất cũng đã tới. Trần Nguyên Hãn liền thống suất toàn quân thủy bộ không nghỉ ngơi, không chậm trễ tiếp tục lên đường. Quân đi đến đâu, dân chúng nô nức ra đoán chào đến đó. Nghĩa quân khí thế đang lên, lại có tướng giỏi chỉ huy nên chỉ trong ít

ngày, toàn bộ vùng đất Tân Bình, Thuận Hóa, trừ hai thành Tân Bình, Thuận Hóa đã được khôi phục. Theo lệnh Trần Nguyên Hãn, nơi nào có nạn đói, nghĩa quân lấy kho lương của giặc cấp phát cho dân. Dân chúng được uy lao, trở lại an cư. Cảm ơn cứu mệnh của nghĩa quân Lam Sơn, hâm mộ tài đức của Trần Nguyên Hãn, hai vạn trai tráng khắp nơi lũ lượt kéo đến xin theo.Thành Tân Bình, Thuận Hóa của quân giặc bị quân dân chen vai thích cánh bủa vây, đến con chim không bay thoát. Dân chúng Tân Bình, Thuận Hóa đi đánh giặc vui như đi dự hội lớn. Nhưng Trần Nguyên Hãn đã nhận được lệnh của Lê Lợi phải về đại bản doanh ngay.

Về đến đại bản doanh, Trần Nguyên Hãn được Lê Lợi niềm nở ra đón.

- Ta có lời khen ngợi chiến công của quan tư đồ đó. Không có quan tư đồ, ta đâu thu phục cả vùng đất rộng ấy nhanh chóng đến thế.

Trần Nguyên Hãn tâu:

- Người Ngô tàn bạo, lòng dân chứa oán đã lâu. Vương thượng dấy binh để rữa cái hổ cho nước, sĩ dân một lòng gắng sức chứ công thần đâu đáng kể.

Ngay sau đấy, Lê Lợi hội các tướng lại bàn và quyết định mở cuộc hành quân thần tốc tiến ra Bắc nhằm vây thành Đông Quan và chặn viện binh của Vương Thông. Ba cánh quân do các tướng Phạm Văn Xảo, Bùi Bị, Đinh Lễ thống suất chẳng mấy chốc đã giành được thắng lợi lớn. Mười vạn tinh binh của Vương Thông đã bị diệt đến quá nữa. Khao quân sau thắng lợi ấy, Lê Lợi dời đại bản doanh từ Lỗ Giang ra Đông Phù Liệt. Một cuộc phản công lớn. Trong trận phản công quy mô này, Trần Nguyên Hãn thống lệnh các lực lượng thủy binh đánh mũi phía Đông, Lê Lợi tự cầm đại quân đánh mũi phía Tây. Hai cánh quân phối hợp đang đêm đánh dốc vào Đông Quan giết được nhiều giặc, buộc Vương Thông phải chui vào thành cố thủ.

Giữa lúc ấy, từ Pha Lũy tin dữ báo về: Vua Tuyên Đức nhà Minh lại cử Liễu Thăng và Mộc Thạnh lĩnh mười lăm vạn binh chia làm hai đạo tiến vào nước Việt.

Lập tức, Lê Lợi cho triệu các tướng đến lầu Bồ Đề. Rồi y theo kế của Nguyễn Trãi, quyết định:

- Đánh thành Đông Quan lúc này là hạ sách, ta đánh thành vững hàng tháng, hàng năm không hạ nổi, quân ta sức mệt chí nản. Nếu viện binh của giặc đến thì mặt trước mặt sau đều bị giặc đánh, đó là con đường nguy. Sao bằng nuôi lấy sức quân, giữ lấy nhuệ khí để đợi viện binh của giặc. Viện binh của giặc bị phá thì quân trong thành tất phải hàng. Làm một việc được cả hai, đó mới là toàn kế vậy!

Nguyễn Trãi bàn:

- Trong hai đạo viện binh thì đạo của An Viễn Hầu Liễu Thăng cậy có quân lắm ngựa nhiều cần phải dốc sức đánh trước. Muốn diệt được đạo quân này, trước phải hạ được thành Xương Giang đã. Bởi vì thành này nằm trên lộ Lạng Sơn đến Đông Quan. Đánh Xương Giang là đánh thông đường để đại binh ta lên Lạng Sơn chặn giặc.

Lê Lợi bỗng nóng nảy:

- Ta đã phái các tướng Lê Sát, Lưu Nhân Chú phối hợp với quân dân Lạng Sơn, Khoái Châu vây đánh Xương Giang cùng với các tướng Trần Lựu, Lê Bôi đi đánh Khâu Ôn từ mấy tháng rồi. Thành Khâu Ôn đã hạ được mà thành Xương Giang thì chưa. Các tướng ấy sao nỡ phụ lòng ta đến thế!

- Tâu vương thượng Trần Nguyên Hãn đáp Xương Giang là một thành kiên cố. Tường thành cao và dày. Ngoài thành có hào sâu bốn bề bao bọc, địa thế lại hiểm trở.

- Quân giặc ở đấy có bao nhiêu? Lê Lợi dịu giọng hỏi Trần Nguyên Hãn.

- Giặc không đông lắm. Nhưng tướng giặc gồm bọn Kim Dân, Lý Nhậm, Cố Phúc, Phùng Trí là bọn am hiểu binh thư, lại cố chết chống lại. Bọn giặc ấy cũng đã bắt hàng vạn sĩ dân vào thành làm bia đỡ tên đạn nên việc đánh thật là khó.

- Quan tư đồ lại phải ra tay một phen mới được Lê Lợi nói, dáng cả quyết. Phải hạ được thành Xương Giang trước khi viện binh của Liễu Thăng đến. Tình thế gấp lắm rồi. Quan tư đồ hãy sửa soạn đi ngay.

Lại một lần nữa, Trần Nguyên Hãn vâng lệnh Lê Lợi đem quân đến một mặt trận khó khăn và quan trọng. Bấy giờ đã cuối tháng sáu năm Đinh Mùi (1427), viện binh giặc đang tràn xuống biên giới. Vừa đem quân đến Xương Giang, Trần Nguyên Hãn ra sức khích lệ quân dân quyết hạ thành bằng được. Và, con người tinh thông binh pháp, có tài dụng binh, sau khi xem xét địa thế, đã quyết định dùng một kế đánh táo tạo. Trần Nguyên Hãn cho quân dân cùng một lúc đào nhiều đường ngầm, đồng thời chuẩn bị nhiều thang leo để khi giáp chiến, cùng một lúc đột nhập khắp bốn mặt thành. Trần Nguyên Hãn vô cùng sung sướng đã gặp lại nhiều nghĩa binh Rừng Thần cũ. Ngày nay họ đã trở thành những chiến sĩ dày dạn, lão luyện. Tướng quân vừa gặp nhau vừa cảm kích vừa mừng vui cùng dốc sức cho nghĩa lớn. Ở đâu gặp khó khăn nơi ấy có viên dũng tướng. Tướng quân chen vai thích cánh, thương yêu nhau như anh em ruột thịt. Vì vậy, những đường hào tựa như những con rắn khổng lồ trườn nhanh đến thành giặc.

Ngày mùng Tám tháng Chín năm Đinh Mùi, kế đột nhập thần diệu đặt dưới quyền thống lĩnh của Trần Nguyên Hãn đã diễn ra nhanh chóng và quyết liệt. Trước lúc nổi hiệu lệnh đánh thành, Trần Nguyên Hãn còn lần lượt đến từng cụm quân khích lệ nghĩa quân. Vì được chuẩn bị công phu nên khi có lệnh, từ các hào, nghĩa quân tay lăm lăm binh khí nhất loạt đội đất xông lên, rồi một rừng thang tới tấp chuyển lên áp vào tường thành. Các nghĩa quân khỏe nhất dẫn đầu chèo lên thang, đột nhập vào thành giặc. Dòng người nối nhau ào ạt xông lên hộ sức. Các tướng giặc hoảng hốt trước kế đánh thần tốc, vũ bão của nghĩa quân, đã vụt lên mặt thành, hò hét quân sĩ chống lại. Trận ác chiến diễn ra khủng khiếp chưa từng thấy. Phút chốc máu giặc, máu nghĩa quân nhuộm thẫm những khoảng tường thành.

Trần Nguyên Hãn, có người tướng già luôn luôn theo sát, cũng xông lên mặt thành đốc chiến.

- Hãy bắt sống lấy bọn tướng giặc không cho tên nào chạy thoát. Giữa cảnh hỗn

loạn, tiếng Trần Nguyên Hãn vang lên thôi thúc, tiếp sức cho các nghĩa binh Lam Sơn dốc hết tài nghệ xông vào đám binh lính dày đặc của giặc. Hàng vạn dân chúng được cởi trói đã dùng tay không, trút căm hờn vào đầu giặc. Kế đánh kỳ diệu của Trần Nguyên Hãn, lòng dũng cảm vôâ song của dân chúng và nghĩa quân Lam Sơn, đã buộc giặc phải quỳ gối xin hàng. Chiến trận xảy ra không đầy một giờ. Các tướng giặc đều bị bắt sống và bị giết trong đám loạn quân.

Tin chiến thắng nhanh chóng bay về Đông Quan ngoài dự đoán của Lê Lợi, Nguyễn Trãi. Lê Lợi xuýt xoa:

- Đại tư đồ Trần Nguyên Hãn không phụ lòng ta. Tài cầm quân của quan đại tư đồ quả là bản triều không ai sánh được. Ta không ngờ thắng nhanh đến thế. Ta lại phải phái quan đại tư đồ lên Chi Lăng chặn Liễu Thăng một phen mới xong.

Nguyễn Trãi vui vẻ!

- Tâu vương thượng! Vương thượng yên lòng, tự quan đại tư đồ cũng đã đem quân đi rồi.

- Như vậy, Liễu Thăng sao địch lại được viên tả tướng quốc mà ta sẽ ân phong ấy. Vận nước thế là đã được định đoạt.

Đúng như Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã đoán, Trần Nguyên Hãn lại một lần nữa thể hiện tài năng cầm quân xuất chúng của mình. Ngày hai mươi tháng chín năm Đinh Mùi, Liễu Thăng kiêu ngạo tự đốc suất quân tiên phong từ ải Pha Lũy tràn xuống Chi Lăng. Lập tức, Trần Nguyên Hãn, Lê Sát tung quân ra phục đánh, chém được Liễu Thăng ở núi Mã Yên. Các trận diệt viện diễn ra suốt tuyến đường dài từ Chi Lăng về Xương Giang. Nghĩa quân Lam Sơn với tài chỉ huy của viên dũng tướng dày dạn kinh nghiệm, chỉ qua hai mươi lăm ngày đã đánh bại mười vạn binh hùng tướng mạnh của nhà Minh, chém chết và bắt sống hầu hết các tướng giặc. Trong các chiến công ấy, Trần Nguyên Hãn nổi lên như một ngôi sao sáng.

Mười vạn binh của Liễu Thăng bị đại bại, đạo quân của Mộc Thạnh không đánh mà tan. Vương Thông cùng kế phải "Xin hòa".

Ngày hai mươi hai tháng mười một năm Đinh Mùi (16- 12- 1427), ở ngoài cửa Nam thành Đông Quan bọn Vương Thông mở cửa thành lúc nhúc chui ra làm lễ tuyên thệ trước mặt Lê Lợi và các tướng nghĩa quân xin nộp thành để bảo toàn tính mạng rút về nước. Trong tờ hòa ước kể tên những người đầu mục cả nước, thì Trần Nguyên Hãn đứng hàng thứ nhì, liền với tên Vua. Tám vạn quân giặc sống sót sau đó lủi thủi ra đi. Trong lễ chiến thắng tưng bừng ấy, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn dẫn đầu đoàn quân rầm rộ tiến vào Đông Quan. Dân chúng Đông Quan nô nức đổ ra đường đón Lê Lợi và đoàn quân chiến thắng. Họ đặc biệt reo hò cổ vũ khi nhìn thấy viên lão tướng râu tóc bạc phơ nhưng nét mặt hân hoan rạng rỡ đi hộ vệ quan đại tư đồ Trần Nguyên Hãn.

Nguyễn Xí

Một đêm vào cuối mùa thu năm Bính Ngọ (1426), trời Lam Sơn trong vắt, nhiều sao. Khi mảnh trăng hình lưỡi liềm nhô lên sau đỉnh đồi, núi rừng Lam Sơn đã rầm rập bước chân người. Đây là lần thứ ba, trong vòng hơn một tháng, các đạo nghĩa quân Lam Sơn tiến ra Đông Quan. Hai ngàn quân tinh nhuệ nối nhau dưới chân đồi, đợi lệnh lên đường.

Ngồi trên lưng ngựa, viên thượng tướng trẻ tuổi len giữa hàng quân, chờ đợi.

Đã hơn mười năm, từ khi rời quê hương huyện Chân Phúc về Lam Sơn tìm minh chủ để giết giặc cứu nước nhà đến nay, không biết bao nhiêu lần người con trai ấy cùng đội thiết đột của mình xông vào trại giặc. Từ lúc nghĩa quân còn bị vây khốn ở Chí Linh đến trận đột kích đồn Đa Căng mở đường tiến vào Nghệ An (1424) rồi trận Bồ Đằng, trận Trà Long, trận Khả Lam, Bồ Ải và tiến lên vây thành Nghệ An, người con trai đất Chân Phúc đã cùng với nghĩa quân Lam Sơn sống những ngày gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt. Trên đường đến vào Nghệ An, mỗi bước quân đi là thành giặc tan tành, quân Minh kinh hồn bạt vía. Cho đến nay, suốt dải đất từ Thanh Hóa trở vào hầu như vắng bóng giặc. Chúng hoảng sợ, rút vào cố thủ trong một số thành trì, chịu số phận cá nằm trên mặt thớt.

Năm tháng trôi đi, cùng với nghĩa quân trưởng thành trong chiến đấu, người con trai vốn quen nghề buôn muối ấy đã trở thành viên thượng tướng của đoàn quân bách chiến.

Mặt trăng mỗi lúc một lên cao, tiếng gà gáy sáng đã vang rộn, viên thượng tướng lại càng sốt ruột vì chưa thấy phát lệnh xuất quân. Vì lúc đó người lính hầu cận của quan Tư Không Đinh Lễ từ đầu đoàn quân phi ngựa tới:

- Thưa thượng tướng, tiền quân đã chuẩn bị xong, xin thượng tướng cho quan Tư Không biết tình hình hậu quân ra sao.

- Ta đang chờ lệnh chuyển quân, mọi việc đã xong xuôi. Viên thượng tượng vừa dứt lời, không kịp chào người lính đã quay ngựa. Một lát sau, tiếng pháo lệnh xé trời. Viên thượng tướng xuống ngựa, trao cương cho người lính tùy tòng, hòa mình vào đoàn hậu quân, bước vội trên đường đồi quen thuộc.

Viên thượng tướng trẻ tuổi đang cùng đại quân tiến như vũ bão về phía sào huyệt của giặc, chính là Nguyễn Xí.

Phía Đông Nam thành Đông Quan, làng Thanh Đàm nằm bên dòng Nhị Hà vẫn yên tĩnh. Trong khi đó ở các mặt Tây, Tây Nam sào huyệt của giặc, chiến sư không mấy ngày không xảy ra. Nhưng bên trong cái vẻ yên tĩnh bề ngoài ấy, làng Thanh Đàm và các vùng phụ cận đang như một đống lửa ủ kín, đợi dịp để bùng lên.

Hơn một tháng trời lặng lẽ đóng quân ở đây, mấy hôm nay đạo quân thứ ba của nghĩa quân Lam Sơn đang gấp rút sửa soạn nhận lệnh mới.

Sau khi đi kiểm tra lại các cơ ngũ, thượng tướng Nguyễn Xí trở về bản doanh thì đã xế chiều. Tháng mười ngày ngắn trời lấm tấm mưa, thời tiết bắt đầu lạnh. Vừa đặt người xuống ghế ngồi chưa ấm chỗ, Nguyễn Xí được tin quan Tư Không Đinh Lễ trở về. Nguyễn Xí vội vã đi ra cửa. Trông thấy Đinh Lễ, Nguyễn Xí không ngăn nổi

vui mừng:

- Ngài từ Cao Bộ về phải không? Tôi đang mong đợi.

Nhìn viên thượng tướng trẻ vạm vỡ, võ phục gọn gàng lúc nào cũng ở tư thế sẵn sàng xung trận, Đinh Lễ thầm phục Bình Định Vương đã khéo dùng người và luyện tướng. Giá như lúc bình thường thì Đinh Lễ đã kéo viên thượng tướng dưới quyền mình và cũng là người bạn chiến đấu tâm phúc dềnh dàng bên vò rượu nóng để bàn luận việc quân cơ. Nhưng lúc này thì không được. Vừa bước vào nhà, Đinh Lễ vừa báo tin:

- Tình hình khẩn cấp rồi đó!

Không cần suy nghĩ, Nguyễn Xí nắm chặt đốc gươm trả lời:

- Thưa ngài, đại quân của chúng ta chỉ đợi lệnh là lên đường.

Đinh Lễ ngồi yên lặng, nhìn những hạt mưa bay lất phất ngoài trời.

Trong căn nhà lá, ngồi đối diện với Đinh Lễ bên án thư, Nguyễn Xí nhận thấy vừa mới mấy ngày qua mà khuôn mặt quan Tư Không đã gầy sút hẳn đi. Nguyễn Xí biết lắm. Nằm lì ở Thanh Đàm cùng với đại quân, nhưng hàng ngày Nguyễn Xí vẫn theo dõi sát diễn biến của chiến trường. Tổng binh Vương Thông đem tám vạn quân từ thành Đông Quan kéo ra mặt Tây Nam đóng quân ở ba nơi: Bến Cổ Sở, cầu Sa Đối và cầu Thanh Oai, hình thành thế chân vạc. Hắn định một trận là quét sạch đạo quân của Thái Úy Lý Triện đang hoạt động ở đấy. Rồi đó, chiến trận xảy ra ở Cổ Lãm, Sơn Thọ, Mã Kỳ phải bỏ Thanh Oai chạy về Đông Quan để lại một ngàn xác chết và năm ngàn quân bị bắt sống. Đến lượt Phương Chính, Lý An hoảng sợ phải bỏ cầu Sa Đối. Vương Thông tập trung quân về bến Cổ Sở. Và Cổ Sở cũng bị tấn công. Với số lượng ít hơn quân giặc nhiều lần mà phá tan kế tấn công của giặc dữ không phải là chuyện dễ. Trong cuộc đọ sức cực kỳ anh dũng và mưu lược ấy, quan Tư Không đã góp phần điều binh khiển tướng. Trong lúc đó Nguyễn Xí vẫn cùng đại quân nằm yên ở Thanh Đàm. Mặc dù đã quyết rõ nhiệm vụ quyết định vô cùng quan trọng của đạo quân do mình chỉ huy, nhưng trong những ngày chờ đợi, viên thượng tướng không phải không có lúc thầm ghen tị với đạo quân thứ nhất. Đang lúc nóng lòng sốt ruột, thì Đinh Lễ từ mặt trận Tây Nam trở về, Nguyễn Xí nói với quan Tư Không:

- Thưa ngài, chỉ một đạo quân của Thái Úy Lý Triện, đã nhổ bật được hai vị trí Thanh Oai và Sa Đối, dồn chúng về bến Cổ Sở. Nếu có mặt đạo quân của ta nữa, lo gì chẳng bắt sống được Vương Thông.

Đinh Lễ vẫn yên lặng. Cái yên lặng kín đáo của người cao tuổi, đã dạn dày kinh nghiệm, khiến viên thượng tướng phải dè dặt, đến khó chịu. Không thể dằn lòng được, Nguyễn Xí đứng dậy chống gươm:

- Vâng lệnh đại vương, chúng ta đem hai ngàn quân ra đây kìm chân giặc ở Đông Quan, đợi dịp đánh thẳng vào sào huyệt của chúng. Nay Vương Thông sang, hắn hùng hổ kéo quân ra ngoài thành nhằm tiêu diệt đạo quân của Thái Úy Lý Triện. Trong tình thế này còn nằm im mãi, nếu có cớ sự gì, lũ chúng ta còn mặt mũi nào

nhìn đại vương nữa.

Thấy Nguyễn Xí nóng nảy, Đinh Lễ lại càng chậm rãi:

- Sau khi thăm dò lực lượng của Vương Thông ở Cổ Sở, đại quân của ta đã rút vào Cao Bộ để giữ chỗ hiểm. Hiện nay Vương Thông đang gấp rút tập trung lực lượng để hành quân tiêu diệt quân ta ở Cao Bộ đấy!

- Vương Thông dẫn đại quân tiến đánh Cao Bộ? Nguyễn Xí hỏi dồn dập.

- Đúng thế, hắn mưu tập trung ở Nam Kiều rồi chia làm hai cách kẹp chặt lấy Cao Bộ, đạo quân của Thái Úy Lý Triện đang trong tình thế bị uy hiếp trầm trọng.

Nghe chuyện, Nguyễn Xí trừng mắt, đập tay xuống án thư, nói như thét bên tay Đinh Lễ:

- Từ ngày lũ chúng ta theo đại vương đến nay, trong lần bị vây khốn ở Chí Linh tuyệt lương hàng tháng; khi ở Khôi Huyện quân tan không còn một lữ, ấy thế mà chúng không làm gì được ta. Nay ba đạo quân của chúng ta, kéo ra đây theo lệnh của đại vương không thể để bó tay chịu cho chúng tiêu diệt. Lũ Vương Thông có tám vạn chứ tám mươi vạn quân, phỏng quân ta có sợ vì chúng. Trước tình thế, mưu kế của các ngài ra sao?

Không trả lời điều Nguyễn Xí hỏi, Đinh Lễ chỉ nói nửa lời:

- Đã đến lúc cần đạo quân của chúng ta rồi đó.

Nguyễn Xí cau mày suy nghĩ. Con người vốn ưa hành động, sẵn sàng đánh giặc và quyết thắng giặc kỳ được của Nguyễn Xí lúc này bừng bừng như bốc lửa. Tâm trí ông, khu đồng lầy vùng Cao Bộ mà ông đã có dịp đi qua hiện ra rõ rệt. Tám vạn quân Vương Thông hùng hổ dẫn xác đến đây, trong khi quân của ta chỉ có sáu ngàn người không kể một số lớn dân binh tham gia ấy thế mà ông và các bạn chiến đấu của ông phải thắng và quyết thắng. Nguyễn Xí nói với Đinh Lễ: Quan Tư Không ạ, theo phép dùng binh dử người tới chứ không để người dử tới. Nay Vương Thông hùng hổ, tự đắt dẫn quân đến Cao Bộ ấy là hắn đã bị ta dử đến rồi đó. Tôi xem ra vùng đất Tốt Động, Chúc Động là chiến trường có lợi cho ta và sẽ là mồ chôn lũ giặc dữ. Cứ theo ý tôi thì ta sẽ hội quân mai phục ở dọc đường tiêu diệt giặc ngay giữa động lòng không cho chúng đặt chân đến Cao Bộ.

Đinh Lễ nghe, gật đầu mỉm cười. Quả rằng trong chiến đấu cứ mỗi lần chạm trán với quân giặc, Đinh Lễ lại càng thấy mưu lược của viên tướng trẻ họ Nguyễn. Trong khi họp bàn ở Cao Bộ các tướng lĩnh phải quyết định cấp tốc điều đạo quân ở Thanh Đàm về ngay trong đêm nay để kịp phá giặc. Không có mặt trong cuộc họp, chỉ nghe qua tình hình mà Nguyễn Xí đã vạch được như lời bàn của tướng lĩnh. Đinh Lễ cười cởi mở đứng dậy vỗ vào vai Nguyễn Xí và nói nhỏ:

- Thượng tướng bàn thật xác đáng. Nội đêm nay chúng ta phải dẫn quân vào Cao Bộ. Vạch tay trên mặt án thư, Đinh Lễ nói tiếp: Con đường từ Ninh Kiều vào Cao Bộ sẽ là nơi phục của quân ta đó theo tin thám báo thu được, nội đêm nay, khoảng canh tư canh năm, chính binh do Vương Thông cầm đầu gồm khoảng sáu vạn sẽ đi qua Tốt Động vào Cao Bộ. Đạo quân của chúng ta có dịp lập công lớn rồi đo.ù

Nguyễn Xí nắm chặt tay:

- Quân ta ít nhưng tinh nhuệ, ai cũng hăm hở giết giặc để trả thù. Một người có thể địch được mười tên giặc. Chúng ta chẳng những phá được đại quân của Vương Thông, mà còn đuổi chúng đến tận thành Đông Quan nữa chứ!

Hai người nhìn nhau cùng cười. Cái cười hả hê thoải mái của mối tình bạn thắm thiết đã từng thử thách trong chiến đấu, mà cũng là của những tướng lĩnh thao lược, luôn luôn tỏ ra biết mình và biết người.

Trong ánh sáng lờ mờ của một buổi hoàng hôn vào một ngày đầu tháng mười, dưới làn mưa nhẹ, ba ngàn quân sĩ cùng hai thớt voi lặng lẽ như vội vã rời làng Thanh Đàm.

Đống lửa ủ kín ở Đông Nam thành Đông Quan đã bắt đầu cời ra trước gió.

Cánh đồng Tốt Động lầy lội và im ắng. Trong bóng tối mờ mờ của một đêm không trăng sao, con đường độc đạo từ Ninh Kiều về Cao Bộ trườn qua cánh đồng lầy chỉ còn là một vệt xam xám im lìm lẫn vào đồng ruộng.

Vào đúng nửa đêm, cánh đồng Tốt Động như thức tỉnh. Ngoài tiếng gió thổi ù ù, người ta còn nghe tiếng chân người bước rậm rạp. Đạo quân thứ ba Thanh Đàm đã về đây, đang gấp rút tản vào làng xóm và các gò đống rậm rạp. Hai bên đường, trên mặt ruộng, quân chia nhau ngồi thu mình trong các mô rạ.

Sự thức tỉnh tạm thời của vùng đồng quê hẻo lánh cũng nhanh chóng tiêu tan. Làng xóm lại như trong giấc ngủ ngon lành. Làm sao có thể biết được trong cả vùng rộng lớn ấy, giữa một đêm đầu mùa đông, hàng vạn quân dân, cả già trẻ lớn bé đều không ngủ và tỉnh táo hơn bao giờ hết. Người ta đang sống qua những khoảnh khắc căng thẳng nhất.

Đứng cạnh con voi chiến phủ phục trong lùm cây bên đường. Nguyễn Xí nắm chặt cây mâu trong tay. Đằng sau viên tướng trẻ là toán quân thiết đột thân tín. Nhìn bóng đêm dày đặc, cảnh vật im lìm. Nguyễn Xí rất hài lòng. Trong cuộc đọ sức này, chỉ một việc đưa bốn ngàn quân đến mai phục nhanh chóng và bí mật ở đây đã là giành được một nửa phần thắng lợi rồi. Nhìn về phía Chúc Động, ông thầm nghĩ: Vào lúc này cánh quân của Phạm Văn Xảo, Đỗ Bí cũng đã ẩn kín trong núi rừng. Bây giờ đây Vương Thông với đại quân của hắn đang ở đâu?

Nặng nề và dai dẳng vẫn là thời khắc chờ đợi. Trong cuộc đời hơn mười năm đánh giặc của mình. Nguyễn Xí đã bao nhiêu lần đợi giặc nhưng chẳng lần nào giống lần nào. Đây là lần đầu tiên ông đợi giặc trên mảnh đất gần xào huyệt của chúng, và là đợi một đạo quân đông đảo do chính tên Tổng binh Vương Thông mới hùng hổ dẫn từ bên nước hắn sang. Không có đạo viện binh này thì hà tất ông phải nằm lì ở Thanh Đàm đến hơn một tháng; cólẽ ông được lệnh dẫn quân vào chiếm Đông Quan rồi. Ấy cái nghề đánh giặc có nhiều chuyện bất ngờ như thế đó. Không gặp nhau ở Đông Quan thì gặp nhau ở đây, đâu cũng là đất trời của ta cả. Trong cuộc đọ sức này, chúng sẽ biết thế nào là sức mạnh của nghĩa quân Lam Sơn, là khí phách của đất trời Đại Việt. Từ nửa đêm, khi chia tay về vị trí chỉ huy của mình,

Nguyễn Xí đã nói với Thái Úy Ly Triện và quan Tư Không Đinh Lễ rằng: "Lũ chúng ta quyết đánh bại Vương Thông, về đoán đại vương ra đây, nếu không phải đem cái chết mà đền tội". Rồi để chia tay, Thái Úy Lý Triện về với hậu quân, Nguyễn Xí vế với trung quân của mình còn Đinh Lễ ở với tiền quân. Họ hẹn nhau lấy đoạn đường gần ba dặm qua cánh đồng lầy Tốt Động làm mồ chôn quân giặc. Nguyễn Xí đang mãi suy nghĩ thì từ Cao Bộ vang lên bốn tiếng trống cầm canh gióng giả. Vừa lúc đó có tiếng chân người bước vội vã. Một người lính từ chỗ Đinh Lễ đến báo cho Nguyễn Xí biết giặc đã sang sông, đang chia quân tiến vào Cao Bộ. Nguyễn Xí nắm chặc cây mâu, truyền cho quân sĩ sẵn sàng và nhắc lại lệnh:

- Pháo lệnh thứ nhất, ai nấy bất động, nghe pháo lệnh thứ hai, nhất tề xông lên!

Tiếng thì thâm nhắc bảo nhau truyền đi trong đêm tối.

Bên cạnh Nguyễn Xí, người lính quan sát đang nằm úp tai vào một tấm da căng trên miệng hố, vụt nhổm dậy:

- Thưa thượng tướng có tiếng rầm rập đang tiến về chúng ta.

- Được!

Nguyễn Xí nhảy lên mình voi cùng với hai người hộ vệ. Con vật khổng lồ co chân chồm dậy, vắt vẻo vòi đứng yên tại chỗ. Trên mặt đường, giặc Minh nối nhau tiến vào.

Xóm làng đồng nội vẫn yên lặng.

Khi tiền quân của giặc do Thượng thư Trần Hiệp dẫn đầu vượt khỏi vị trí mai phục, một tiếng pháo lệnh nổ vang, quân Minh hò reo thúc nhau xông lên, ào ào tiến vào Cao Bộ.

Ngồi trên mình voi chiến, Nguyễn Xí nói nhỏ với quân lính.

- Giặc đã trúng kế ta rồi đó!

Viên thượng tướng nói vừa dứt, lại một tiếng pháo lệnh thứ hai. Tiếp theo, cả đất trời Tốt Động rung chuyển. Các mô rạ trên đồng lầy mở tung; xóm làng, gò đống như chồm dậy. Tiếng chiêng trống nổi lên, bốn ngàn quân được lệnh xông tới. Ngay từ đầu, con voi chiến của Nguyễn Xí đã xô ra. Như một tảng đá khổng lồ, voi lướt trên con đường độc đạo. Từ trên mình voi Nguyễn Xí hô quân, tiếng vang như sấm, cây mâu trong tay xoay vù vù mở đường cho voi tiến. Cùng lúc đó, trong các làng mạc xung quanh, trống mõ thúc liên hồi. Dọc theo con đường độc đạo, nghĩa quân như một bầy sư tử, cắt quân giặc ra làm nhiều đoạn, thả sức chém giết. Bị phục kích bất ngờ, người ngựa của giặc hốt hoảng, nhảy bổ xuống ruộng chôn chân trên bùn lầy, ngã gục tại chỗ nhiều tên giặc liều chết chạy thoát vào làng xóm lại bị rơi vào tay nghĩa binh.

Ngồi trên mình ngựa, Tổng binh Vương Thông rống lên như lợn bị chọc huyết. Hắn giục Mã Kỳ ra lệnh tiến quân. Nhưng trong đám loạn quân còn ai nghe lệnh của hắn. Vương Thông chỉ thấy quân lính xô nhau chạy trở lại. Con ngựa của hắn như chôn chân trong vòng người hỗn loạn. Tiến hay lui? Tên tướng giặc chưa kịp quyết

định, thì trong ánh sáng mờ mờ, thì con voi chiến của Nguyễn Xí đã xéo lên quân giặc xô tới. Từ trên mình voi, Nguyễn Xí chỉ ngọn mâu vào bầy tướng giặc thét lớn.

- Vương Thông, lũ mày chốn đâu cho thoát!

Tên tướng giặc lại rống lên, muốn nhảy bổ tới, quyết sống mái với viên tướng chỉ huy cầm mâu ngồi trên mình voi. Nhưng đâu phải chỉ có một mình viên tướng đó. Hàng biển người hai bên đồng ruộng cũng vừa réo tên hắn, vừa vác gươm đao xông đến. Còn quân lính của hắn thì không nghe ai nữa rồi. Để bảo mạng, Vương Thông ra lệnh cho Sơn Thọ, Mã Kỳ lui binh giữ toàn quân là hơn cả!

Vương Thông, Sơn Thọ, Mã Kỳ, quay ngựa, xéo lên quân của chúng mà chạy.

Dẫn tàn quân chạy đến Chúc Động, Vương Thông mừng được thoát chết. Không ngờ ở đây, tiếng chiêng trống lại nổi lên và quân mai phục trong rừng bên cây sườn núi xô ra đoán hắn. Trong lúc đó quân Lam Sơn từ Tốt Động đuổi theo. Vẫn con voi chiến của viên tướng trẻ sử dụng cây mâu như thần dẫn đầu. Vương Thông, Sơn Thọ, Mã Kỳ phải liều chết mở đường máu kéo đến bờ Ninh Giang, vượt cầu phao chạy về thành Đông Quan, để lại lũ tàn quân tranh nhau sang cầu, ngã xuống sông như rạ. Số còn lại bị tiêu diệt gần hết.

Trời đã sáng tỏ. Dưới làn mưa bụi, các tướng lĩnh gặp nhau bên chân núi Trúc Sơn. Bùn và máu bám đầy người, họ giơ gươm chào nhau, mừng chiến thắng. Trên mình voi chiến, Nguyễn Xí cất giọng vang vang về phía Lý Triện và Đinh Lễ đang phi ngựa:

- Lũ chúng đang đón Đại Vương ra Bắc được rồi đó.

Nguyễn Xí bừng tỉnh, chung quanh một màu tối đen. Đây là đâu nhỉ? Viên thượng tướng khẽ cưa mình. Đôi tay có sức mạnh đả hổ của Nguyễn Xí giờ đây không cử động được nữa. Nguyễn Xí cố nhớ lại những việc vừa xảy ra, nhưng đầu nặng trĩu, lại chìm vào cơn mê sảng li bì.

Cho đến lúc cánh cửa lim xịch mở, Nguyễn Xí mở choàng mắt dậy. Cùng với ánh sáng yếu ớt lọt vào trong nhà tối, tên giám ngục bước vào. Lặng lẽ như một chiếc bóng, hắn hầm hầm nhìn Nguyễn Xí đang nằm sóng sượt trên sàn nhà, rồi trở ra. Cánh cửa lim sập lại. Nguyễn Xí nghe rõ tiếng khóa cửa lạch cạch.

Lúc này Nguyễn Xí mới tỉnh hẳn. Diễn biến của sự việc vừa qua dần dần hiện ra trong đầu viên thượng tướng. Mới sáng hôm trước, nhận được lệnh từ dinh Bồ Đề cùng với quan Tư Không Đinh Lễ đến tiếp ứng cho Thái Giám Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt, Nguyễn Xí đã cùng Đinh Lễ cưỡi voi chiến dẫn năm trăm quân thiết đột từ cửa Nam đánh thúc vào sườn đạo quân của Vương Thông. Bị đánh cả hai mặt, Vương Thông vội rút quân vào thành. Đang đà thắng trận, Đinh Lễ và Nguyễn Xí đuổi theo tên Tổng binh giặc. Voi chiến lướt nhanh, hậu quân không theo kịp. Thấy vậy, đến Mai Động, tên tướng giặc quỷ quyệt quay lại. Xung trận trên nhiều vùng đất nhiều ao hồ và ruộng bùn, không may voi bị sa lầy, Đinh Lễ và Nguyễn Xí bị rơi vào tay giặc. Tiếp theo là những trò dụ dỗ, dọa dẫm của Vương Thông. Bị giam hãm

trong thành Đông Quan, tên tướng giặc đang tìm cách kéo dài tình trạng này để chờ viện binh. Bắt sống hai tướng, Vương Thông hy vọng sẽ khai thác được điều cần biết. Nhưng để trả lời tên tướng giặc, Đinh Lễ va Nguyễn Xí chỉ được mực cười khẩy, chửi rủa thậm tệ, báo cho bè lũ tướng tá giặc biết ngày nộp mạng của chúng không còn xa nữa. Tên tướng gầm lên như một con quỷ khát máu. Hắn dùng đến cực hình...

Nguyễn Xí băn khoăn không hiểu quan Tư Không Đinh Lễ có sống được qua cơn đòn thù ác liệt ấy không? Mình thì không chết, chúng còn giở những trò gì nữa đây? Đang mải suy nghĩ, cánh cửa lim lại mở. Một người lạ mặt, theo sau là một tên lính cầm gươm bước vào. Nguyễn Xí lảo đảo khập khễnh đi theo chúng. Ra khỏi cửa, Nguyễn Xí đưa mắt quan sát chung quanh. Đây là khu trại giam của giặc ở trong thành. Bên ngoài có hào lũy bao bọc. Xa xa phía sau trại giam, tường thành chạy dài một màu xám xịt. Chúng giải Nguyễn Xí đi dọc trại giam rồi đẩy vào một buồng kín ở dãy. Nhờ chút ánh sáng luồn qua khe hở, Nguyễn Xí nhận thấy trong buồng có kê giường chiếu, chăn đệm. Trên án thư để giữa buồng còn có sẵn một mâm cơm rượu. Nguyễn Xí thầm nghĩ: Lại trò mới của Vương Thông đây, rồi vật mình nằm trên giường. Đã lọt vào tay giặc, chúng muốn làm gì mặc chúng, việc gì phải băn khoăn, đến chết cũng chẳng sợ nữa là! Điều băn khoăn của Nguyễn Xí là không hiểu lúc này ai sẽ thay quan Tư Không và mình để vây giữ mặt thành phía Nam? Năm trăm quân thiết đột của mình sẽ ra sao? Nhưng dù sao thì chắc chắn vòng vây của ta mỗi ngày một khép chặt. Nghĩ đến ngày Đại Vương dẫn binh vào chiếm thành Đông Quan và trên đất nước không còn bóng giặc, Nguyễn Xí thấy người khỏe hẳn lại, chỉ tiếc rằng mình không có mặt trong trận cuối cùng. Vượt qua một trận đòn thù, Nguyễn Xí thấy cần phải sống, nhưng sống ra sao khi còn nằm trong tay giặc quỷ quyệt và hung dữ?

Thấm đòn đau, người mệt, bụng cồn cào, Nguyễn Xí ngồi lại bên mâm rượu. Khi tên lính canh ngục bước vào, thấy mâm rượu hầu như còn nguyên vẹn, hắn nhìn Nguyễn Xí đang nằm trên giường. Nguyễn Xí nói với hắn như truyền lệnh:

- Cơm rượu đấy, cho các ngươi!

Tình trạng đó diễn ra trong mấy ngày liền. Rồi một hôm, bưng cơm rượu đến không phải là người lính mọi bữa, mà là một người hầu gái xinh đẹp, theo sau một ngụy quan đã cao tuổi. Đứng trước viên tướng trẻ tuổi bị cầm tù, mặc dù được lệnh phải chăm sóc, đối đãi chu đáo, nhưng tên ngụy quan lại tỏ ra hách dịch trịch thượng:

- Không may lọt vào đây, được tha chết, lại được quan Tổng binh ân cần chăm sóc, tôi nghĩ là vạn phúc cho ông lắm rồi. Biết điều mà ăn ở, thế nào mà chẳng được trọng dụng.

Không thèm nghe những lời bỉ ổi của hắn, Nguyễn Xí trừng mắt quát:

- Mày là người Việt ăn cơm giặc đi hầu quân giặc mà không biết nhục. Cút đi, đừng đứng đây làm bẩn mắt tao!

Tên ngụy quan vênh váo lui ra, để lại người hầu gái đứng nép một góc buồng, sợ

hãi. Nguyễn Xí im lặng ngồi vào bàn. Cô gái rụt rè tiến lại gần, toan rót rượu. Bàn tay xinh đẹp của cô chưa chạm tới be rượu thì phải rụt lại vì cái gạt tay phủ phàng của viên tướng trẻ:

- Để mặc ta!

Lui vào một góc buồng, cô ngơ ngác cúi đầu... Cái nghề hầu rượu này, cô đã quen lắm rồi. Tiếp xúc với bọn quan tướng nhà Minh, qua những buổi chè hoan lạc thâu đêm suốt sáng tronh thành Đông Quan này, cô trở nên dạn dầy, liều lĩnh. Ấy thế mà đứng trước viên tướng trẻ đang bị cầm tù, được lệnh phải chiều chuộng đủ điều này, cô lại sợ. Hình ảnh người con trai khỏe mạnh, quắc mắt mắng vào mặt tên Tổng binh cho đến lúc chết ngất vì cực hình, cô quên làm sao được. Nhưng ông ta không chết, và từ hôm nay cô phải hầu hạ... Không biết con người ấy đối xử mình ra sao?

Ngày này qua ngày khác, cô vẫn ra vào im lìm như chiếc bóng. Cái nhan sắc trẻ trung của cô đã từng làm cho quan tướng nhà Minh mê mệt, trái lại viên tướng trẻ không thèm nói với cô một lời. Cho đến hôm nay, sau khi ăn xong, Nguyễn Xí nhìn chằm chằm vào mặt cô:

- Ả ở đâu? Cớ sao lại đi hầu quân giặc?

- Thưa ngài, tôi người Đông Quan. Cha và em không may bị giết vì loạn lạc, tôi bị giặc bắt. Hiện nay tôi còn mẹ già phải nuôi dưỡng.

- Hừm! Nguyễn Xí tỏ ý khó chịu.

Câu chuyện chấm dứt.

Rồi một hôm trời trở gió, Nguyễn Xí kêu đau mình mẩy, nằm li bì. Mấy ngày liền, bọn gác ngục lại được chia nhau mâm cơm rượu còn nguyên vẹn.

Cô hầu gái băn khoăn lo lắng và thương hại ông tướng trẻ. Mặc dù thái độ lạnh nhạt của Nguyễn Xí, cô lại thấy đây là những ngày đáng ghi nhớ nhất trong cuộc đời đi hầu rượu của cô.

Mấy hôm sau, vào một đêm mưa gió, bọn lính gác ngục và cả cô hầu gái có biết đâu rằng ông tướng trẻ ốm liệt giường đang vùng dậy hành động trong nhà ngục. Nghe ba tiếng trống cầm canh lạc lõng chìm trong tiếng mưa rơi rào rào và tiếng sấm nổ ran trời, Nguyễn Xí nhổm dậy, áp tai vào cánh cửa nghe ngóng. Lính gác ngục đã đổi phiên. Gió từng hồi quật mưa vào mái ngói kêu lộp độp. Tiếng chân lính gác đi lại dưới hang hiện thưa dần, rồi im hẳn. Nguyễn Xí khẽ dựng giường làm thang, đu mình lên mái nhà ngục. Một đám ngói bị vỡ tung, mưa hắt vào mặt lạnh buốt. Nghĩ đến lúc trở về ra mắt Bình Định Vương và gặp lại đội quân thiết đột của mình, Nguyễn Xí thấy lòng ấm lại và như được tiếp thêm sức mạnh. Đu lên mái nhà ngục, ngồi dưới gió lạnh lẽo. Nguyễn Xí căng óc tìm kế lọt qua lính gác ngục. Ép sát người, tụt dần xuống chân mái ngói, đợi lúc hồi sấm bắt đầu râm ran, Nguyễn Xí buông người nhảy xuống. Tên lính cắp gươm đi lại dưới hàng hiên nghe tiếng động. Hắn chưa kịp ngoái lại nhìn Nguyễn Xí đã xông lên. Bị hai tay của Nguyễn Xí khóa chặt vào cổ, chân tay cứng đơ cho đến khi chết hẳn. Lột quần áo của tên lính, mặc

vào người. Nguyễn Xí ung dung đi lại trên hàng hiên để thăm dò. Đằng xa, phía cổng nhà ngục thấp thoáng ánh đèn. Trong chòi canh tên lính gác đang ngồi thu mình trong áo khoác. Nguyễn Xí đường hoàng đi về phía cổng. Thấy bóng người đi tới, tên lính gác tưởng là đồng đội. Cho đến khi kịp nhận ra người lạ mặt, thì đầu hắn đã lìa khỏi cổ vì đường gươm sắc bén của người tù vượt ngục.

Như con hổ được thả về rừng, Nguyễn Xí leo qua cổng, lao mình trong mưa gió, chạy biến về phía tường thành...

Đã sang canh tư. Trên cánh đồng lầy ở phía Nam, cách thành Đông Quan chưa đầy một dặm, Nguyễn Xí ngoái đầu nhìn tòa thành chìm trong mưa, cười thầm: Chắc lúc này lũ giặc đang hốt hoảng tìm ông tướng vượt ngục. Được, ta sẽ trở lại...

Dinh Bồ Đề ngạo nghễ đứng sừng sững bên kia dòng Nhị Hà như con mắt thần ngày đêm soi vào thành giặc. Hàng ngày từ thượng lầu, Bình Định Vương cùng Nguyễn Trãi quan sát tòa thành đang thoi thóp. Hôm nay sau trận mưa, trời tạnh ráo. Bãi dâu xanh rờn viền bên ven sông đang chao mình trong nắng sớm. Dòng sông màu hồng, chảy lững lờ kéo theo từng tảng bọt trắng đục. Một buổi sáng thanh bình lạc loài trong những tháng ngày chiến tranh ác liệt. Đứng dựa vào lan can, Bình Định Vương chỉ tay về bên kia bờ sông nói với Nguyễn Trãi:

- Quân sĩ của ta căm giận đòi hạ thành Đông Quan không phải không có lý. Nay lũ giặc bị giam chân trong thành chờ chết, Vương Thông ngoài vờ giảng hòa nhưng vẫn ngầm đào hào đắp lũy đợi viện binh. Thỉnh thoảng nhằm lúc quân ta sơ hở, giặc lại đem quân ra ngoài gây thêm tội ác. Tháng hai vừa rồi, chúng kéo quân ra Cảo Động và bãi Sa Đối. Ở Cảo Động ta đã mất Lý Triện và Đỗ Bí. Tháng ba, chúng đánh ra Tây Phù Liệt, ta lại mất thêm Đinh Lễ và Nguyễn Xí. Tội ác của chúng chồng chất như núi. Vòng vây của ta dầy đặc, ai chẳng muốn xông lên để trả thù. Nhưng quân sĩ có biết đâu rằng đánh thành là hạ sách.

Nói đến đây Lê Lợi trở vào án thư ngồi dựa mình trên kỷ. Nguyễn Trãi bước lại gần, chắp tay kính cẩn:

- Tâu vương thượng, một khi chúng ta diệt bọn hai đạo viện binh của giặc thì Vương Thông phải nộp thành.

- Đúng như thế, đánh vào thành hàng tháng hàng năm không hạ nổi, quân mệt khí nản. Viện binh của chúng đến, trước sau có giặc thì nguy khốn. Diệt viện vây thành là phải lắm. Ta quyết dốc toàn lực đánh một trận cuối cùng tiêu diệt hai viện binh của Liễu Thăng và Mộc Thạnh quét sạch lũ giặc trên đất nước. Giá như chúng ta còn có Lý Triện, Đỗ Bí, Đinh Lễ, Nguyễn Xí thì...

Nguyễn trãi đáp lời:

- Vâng, tâu vương thượng, thì chúng ta còn có thêm nanh vuốt để vây thành và diệt viện.

Câu chyuện giữa Lê Lợi và Nguyễn Trãi bị đứt quãng vì có tiếng chân người bước vội dưới tầng thứ hai. Lầu sậy rung rinh. Nguyễn Xí xuất hiện bất ngờ, đến phục dưới chân Lê Lợi.

Cùng một lúc, Lê Lợi và Nguyễn Trãi đều thốt lên kinh ngạc:

- Thượng tướng Nguyễn Xí!

Từ sau trận Tây Phù Liệt, được tin Đinh Lễ và Nguyễn Xí rơi vào tay giặc vào bị chúng giết hại, Lê Lợi đau xót, đinh ninh là mình đã mất thêm hai tướng tài. Nay Nguyễn Xí đột ngột trở về, Lê Lợi vẫn tưởng đã mình nhìn nhầm. Đến khi nâng viên tướng phục dưới chân mình dậy, nhìn rõ khuôn mặt vuông vuông có đôi mắt sáng quắc như sao của viên tướng trẻ quen thuộc, Lê Lợi mừng rỡ reo lên:

Sống lại! Thực là sống lại!

Nắng tháng mười vàng chói không đủ sức sưởi ấm núi rừng, đồng ruộng. Đã mấy ngày liền đất trời chìm ngập trong gió lạnh từ phương Bắc tràn về. Trên con đường từ Xương Giang về Đông Quan, bốn thớt voi chiến cùng đội quân thiết đột đang hành quân vội vã.

Ngồi trên mình ngựa, Nguyễn Xí ngoái đầu nhìn lại, Xương Giang đã lùi xa, chỉ còn là những vệt núi mờ mờ. Khuôn mặt rám nắng, với những đường nét hơi thô của viên tướng trẻ bừng lên một niềm tự hào và kiêu hãnh. Nguyễn Xí vừa tham gia trận phá tan gần mười vạn viên binh, bắt sống Thôi Thụ và Hoàng Phúc, giáng một đòn cuối cùng để kết liễu hoàn toàn đạo viện binh của Liễu Thăng trên vùng đất Xương Giang.

Từ chiến trường nhận được lệnh gấp rút điều quân về Đông Quan, Nguyễn Xí vui sướng tưởng như mình đang dẫn đại quân tiến vào san phẳng thành giặc. Nhưng càng đến gần Bồ Đề, đạo quân của Nguyễn Xí càng phải đi chậm lại. Chẳng những có các đạo quân ở Xương Giang mà cả các đạo quân ở cửa ải Lê Hoa cũng được điều về. Trên mặt đường, quân dân đi như thác, đông vui như ngày hội. Đến gần dinh Bồ Đề, Nguyễn Xí được tin Vương Thông đã xin giảng hòa, nhận trao trả lại thành trì, mong được toàn quân rút về nước. Bình Định Vương và quan Hành Khiển đã có ý chấp thuận, Nguyễn Xí bất bình. Không thể chấp nhận giảng hòa như thế được! Tộc ác của chúng đối với non sông đất Việt này chồng chất như núi, phải bắt đền nợ máu. Nếu chịu giảng hòa, tại sao chúng không giảng hòa ngay từ khi ta mới từ Lam Sơn tiến ra đây, hà tất phải đợi đến khi mười vạn viện binh bị tiêu diệt mới chịu giảng hòa. Nguyễn Xí vội vã tìm đến dinh Bồ Đề.

Bước lên tầng lầu thứ hai, vừa thấy Bình Định Vương và Nguyễn Trãi, Nguyễn Xí đã không kìm được tính nóng nảy của mình:

- Tâu vương thượng, lũ chúng tôi theo vương thượng từ ngày còn ẩn náu ở rừng núi Lam Sơn, bao phen vào sinh ra tử chỉ mong có ngày diệt hết lũ giặc để trả thù cho dân, rửa nhục cho nước. Nay lũ giặc trong thành Đông Quan đã như cá nằm trên thớt, không để cho chúng toàn quân rút về nước! Vương thượng và quan Hành Khiển cho biết quân dân ta chỉ còn đợi lệnh của vương thượng là lên xông diệt cho đến tên giặc cuối cùng để rửa hận hay không?

Không đợi cho Bình Định Vương nói, Nguyễn Xí lại nói tiếp:

- Hay là vương thượng còn e rằng ta không đủ sức hạ thành Đông Quan?

Không biết đây là lần thứ bao nhiêu trong mấy ngày hôm nay, Lê Lợi và Nguyễn Trãi đã nghe giọng nói bất bình của các tướng lĩnh về chủ trương giảng hòa của mình. Thái độ bực dọc của viên tướng tâm phúc không làm cho Lê Lợi khó chịu. Hiểu rõ nỗi lòng của Nguyễn Xí, Lê Lợi ôn tồn giảng giải:

- Dùng binh cốt lấy bảo toàn cả nước là trên hết. Để cho bọn Vương Thông về nói với vua nhà Minh trả lại đất đai cho ta, không xâm lấn bờ cõi ta, đó là điều ta không cần gì hơn thế nữa. Hà tất phải giết chết hết bọn chúng để gây oán với nước lớn làm gì.

Sau nhiều lời giảng giải rạch ròi của Bình Định Vương, Nguyễn Xí nghe ra phải lẽ. Nhưng nghĩ đến việc để cho tên tướng giặc Vương Thông được yên thân, dẫn quân về nước thì Nguyễn Xí vẫn thấy phẫn uất. Không dám chống lại lệnh của Bình Định Vương, Nguyễn Xí đành phải chấp thuận:

- Tâu Vương thượng, số phận của lũ giặc đang nằm trong tay chúng ta. Cho chúng sống hay buộc chúng phải chết là tùy ở Vương thượng. Lũ chúng tôi chỉ biết tuân lệnh của Vương thượng.

Mùa xuân đến gần với quân dân thành Đông Quan vào giữa lúc tên giặc Minh cuối cùng cất giáo cút về nước. Một vùng đổ nát ngổn ngang hào lũy đang vùng dậy sau cơn binh lửa tàn hại để đón mùa xuân lịch sử.

Thành Đông Quan thay màu áo mới.

Ngày đêm trên các ngả đường, quân lính đi về tấp nập, không lúc nào ngớt. Ngoài thành, dân cư chạy giặc lũ lượt kéo nhau về. Cuộc sống thanh bình khoác màu xuân chiến thắng đang trở về, hiện trên nét mặt của quân dân thành Đông Quan.

Trên con đường cái chạy về Đông Quan thành, Nguyễn Xí buông cương cho ngựa đi bước một.

Sau những ngày bận rộn tiếp nhận việc giảng hòa của giặc, hiện nay viên thượng tướng đi thăm lại mảnh đất chiến trường cũ. Dừng ngựa ở Mai Động, Nguyễn Xí đưa mắt nhìn xung quanh, cố tìm cho ra chỗ voi bị sa lầy ngày trước. Chỉ mới hơn nửa năm trời mà cảnh vật ở đây đã quá nhiều thay đổi. Vùng đông ruộng lầy lội nhưng nay đã đổi khác. Qua mùa khô ráo hai bên đường chỉ là những thửa ruộng cạn. Trên mặt đất xam xám nứt nẻ chân chim, lớp cỏ thấp lè tè ánh lên màu xanh mơn mởm dưới nắng của mặt trời mùa đông. Rải rác đó đây nổi lên nhiều gốc mai đang rộ hoa vàng lấm tấm...

Trên con đường trở về, len giữa đầu gười tấp nập gánh gồng, nô nức đi sắm tết, Nguyễn Xí nhớ đến quê hương. Giờ đây ở quê hương Chân Phúc, Nghệ An, không còn bóng giặc chắc đang rộn rịp đón xuân. Mới ngày nào đó mà đã hơn mười năm rồi nhỉ. Nguyễn Xí mỉm cười một mình, nhớ lại những ngày còn mòn vai gánh muối, phải tìm được đủ mưu chước để vượt qua các đồn giặc mới mong kiếm được bát gạo về nuôi cha già. Rồi chỉ vì không thể bó tay nhìn quê hương bị giặc giày xéo, không thể cam tâm kéo lê thê ngày tháng sống nhục nhã dưới ách của giặc ngoại xâm, Nguyễn Xí đã tìm đến Lam Sơn lấy việc giết giặc, cứu nước làm lẽ sống. Từ đó, bàn

chân của người con trai quen nghề gánh muối đã đặt lên bất cứ nơi nào có bóng giặc. Say sưa với hồi ức về những năm tháng sống đầy ý nghĩa của cuộc đời mình, Nguyễn Xí không để ý đến con ngựa đã đưa ông đến ven hồ Lục Thủy.

Tiếng cười đùa ríu rít của lũ trẻ vui nghịch bên bến nước làm cho Nguyễn Xí chú ý. Được ngày nắng ấm, nhân dân quanh vùng kéo nhau ra hồ tắm giặt để sửa soạn đón xuân. Nhìn viên tướng trẻ võ phục oai nghiêm, thanh kiếm dài đeo lệch bên hông, đang ung dung cưỡi ngựa trên đường, ai nấy đều trầm trồ nhìn theo. Nhiều cô gái yếm thắm môi son, dừng tay giặt áo, ghé mắt nhìn người con trai hùng dũng ấy. Họ trêu nhau, cười giòn như bắp nổ. Mãi vui đùa, không ai để ý đến một cô gái xinh đẹp dang dìu mẹ già bước lên bến nước. Dừng chân bên hồ, cô ngây người nhìn viên tướng trẻ. Cô nhớ lại con người quen quen, cũng nước da rám nắng, cũng khuôn mặt với những đường nét hơi thô, có đôi mắt luôn nhìn thẳng, lúc nào cũng sáng như sao ấy. Lục tìm trong trí nhớ, cô băn khoăn tự hỏi không biết có phải ông tướng Nguyễn Xí đã vượt ngục đó chăng? Mãi nhìn theo cho đến khi bà mẹ giục, cô mới quay lại dắt mẹ về nhà.

Trong lúc đó, Nguyễn Xí vẫn thong dong cho ngựa bước chầm chậm giữa đoàn người tấp nập, đi về khu hoàng thành. Ông đang nghĩ đến ngày mai. Tổ quốc thân yêu đã không còn bóng giặc, biết bao nhiêu công việc đang đợi chờ.

Bà Huyện Thanh Quan

Bà Đốc lại nhìn con gái. Bàn tay gầy gò xanh xao của con gái vẫn lần giở từng trang sách. Bà không rõ con bà đang đọc sách gì, nhưng là người có chút ít học vấn, bà hiểu cái giá sách xếp gọn gàng trước bàn học của con là những sách quý. Những cuốn sách ấy chồng bà đã bao năm tìm kiếm, thu thập mới có được. Có những sách ấy, con bà chẳng mấy khi rời khỏi bàn học. Nó gầy đi, thậm chí ốm cũng vì học. Nhưng, bà Đốc buồn rầu thầm nghĩ, thời thế này tài cán mà làm gì! Chắc gì sau này con bà được vinh hạnh sung sướng?

Chồng bà tiếng làm quan nhưng nào có được tin dùng. Biết bao danh sĩ Bắc Hà bấy nay phải lận đận sống vùi dập ở nơi thôn dã mà có khi tính mạng vẫn nghìn cân treo sợi tóc. Xã tắc không còn cảnh thái bình hưng thịnh thì đường hậu vận của con gái bà rồi sẽ ra sao? Bà Đốc thở dài ngao ngán.

- Ồ mẹ, mẹ ngồi đấy từ bao giờ? Nguyễn Thị Hinh nghe tiếng mẹ thở dài, vội bỏ cuốn sách, xoay hẳn người lại, hỏi.

Bà Đốc lúng túng:

- Con mới ốm dậy, chẳng nên học quá như thế!

- Mẹ lại lo cho con rồi. Hinh tiến lại ngồi sát bên mẹ, con đang học những bài thơ theo luật thơ riêng.

Đột nhiên ông Đốc tiến vào hỏi con, giọng nghiêm nghị:

- Xưa nay mỗi người chỉ giỏi một loại thơ. Con thích thơ Đường luật cơ mà?

- Thưa cha ấy là con đọc thêm cho biết. Đời này, đôi khi thi gia vẫn còn dùng đến lối thơ ấy.

- Vậy thơ riêng có mấy lối, con đã hay chưa?

- Thưa cha, thơ riêng có mười lối nhưng lối Họa vận và Liên ngâm chỉ làm để vui chơi phải không ạ?

Ông Đốc sửng sốt về sự hiểu biết rất sâu của con:

- Đúng vậy nhưng trong thơ riêng, ba lối tiết vị, vĩ tam thanh và song điệp chỉ đặc biệt ở ta mới có. Còn các lối khác, ta và Tàu đều giống nhau.

- Con muốn biết chút ít về các lối thơ này thôi. Con vẫn thích lối thơ Đường luật hơn cả. Nó tao nhã và thi vị biết bao.

Ông Đốc khuyến khích:

- Con cố lên. Nhưng xưa nay người giỏi thơ không phải chỉ là người có thơ nhiều, thơ nhanh. Muốn có thơ hay phải có hứng, nghĩa phải súc tích và từng chữ phải được trau chuốt quý như những viên ngọc mới được.

- Con sẽ ghi lòng những lời chỉ giáo của cha.

Nghe tiếng mẹ giục đi ngủ, Hinh tiếc rẻ đặt cuốn thơ của Lý Bạch trên bàn học. Hinh không muốn làm trái ý mẹ, nhưng lời và ý thơ bài *Tĩnh dạ quang* vẫn làm rung động tâm hồn Hinh, khiến Hinh không muốn đi ngủ. Chao ôi, bài thơ chỉ có bốn câu thôi mà gói được cả nỗi lòng, bày tỏ được cả tâm sự của người làm thơ. Đêm nay không trăng sao mà cảm xúc của bài thơ khiến Hinh như thấy ánh trăng tràn chiếu cả tâm hồn mình, gợi nỗi nhớ quê nhà da diết. Hinh nhẩm lại bài thơ, gửi tình cảm mình vào từng câu từng chữ:

Sàng tiền khán nguyệt quang

Nghi thị địa thượng sương

Cử đầu vọng minh nguyệt

Đê đầu tư cố hương

Tài tình thật, cùng ánh trăng ấy, Lý Bạch chỉ có ngẩng đầu lên, cúi đầu xuống mà hai cảnh vẽ ra đối nhau, uẩn súc, xa vời vợi. Hinh thầm nhủ: Rồi ta cũng sẽ dệt cho ta những vần thơ điêu luyện, trong như pha lê, quý như những viên ngọc như thế! Niềm tin và hy vọng ấy như có sức mạnh nâng bổng tâm hồn Hinh, khiến lòng Hinh rạo rực.

Biết không thể ngủ được và để mẹ khỏi lo lắng, Hinh tắt ngọn đèn dầu rồi ngồi tư lự một mình. Hai năm qua Hinh nhớ lại, kể từ sau trận ốm thập tử nhất sinh, nhờ cha mẹ giữ gìn, chăm sóc, Hinh đã lớn phổng lên thành một cô gái hồng hào khỏe mạnh. Cũng hai năm mấy, Hinh không tới trường học nữa mà chỉ ở nhà chuyên chú vào việc đọc sách. Kho sách gần một nghìn cuốn của cha, Hinh đọc không đầy một năm đã hết. Cha Hinh phải đi tìm kiếm thêm nhiều sách quý để chiều ý con. Tuy đọc

nhiều, đọc rộng nhưng Hinh không sao nhãng việc học làm thơ. Hinh đọc thơ, học thơ không chỉ cốt để thưởng thức mà còn để tìm cái hay cái đẹp trong từng câu từng chữ của mỗi thi gia. Các nhà thơ xưa kể từ Khánh Hỉ Thiền sư, Trần Thánh Tôn, Trần Nhân Tôn, Nguyễn Trung Ngạn, đến Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tôn, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm... Kể cả những người còn sống như Phạm Quý Thích, Nguyễn Du... Hinh đều đã đọc gần hết trước tác của họ. Các cuốn thơ ấy, Hinh đọc nhiều đến nỗi, chỉ cần trông vào hình dáng, nhìn vết mực day hoặc nếp sờn của mỗi cuốn sách là Hinh có thể biết được tác giả của nó và những bài thơ hay trong đó. Ở mỗi bài thơ, Hinh đều thây họ có những lối làm thơ riêng biệt, nhất là con đường để họ trở thành thi nhân. Nhưng lạ thay, dù yêu mến, khâm phục họ mà Hinh vẫn không tìm thấy bóng dáng mình trong ấy. Có chăng, Hinh thấy tâm sự mình gần gũi với cụ Phạm Quý Thích, người vẫn lui tới nhà Hinh và là thầy học của cha Hinh ngày trước. Nhưng thơ của cụ Phạm có nỗi buồn sâu xa, kín đáo quá khiến Hinh dù hiểu nhưng không tài nào theo được. Hinh cũng buồn, nhưng là nỗi buồn nhè nhẹ, mờ ảo của tuổi đang lớn, Hinh thích gửi tâm sự mình, trong những vần thơ tha thiết, câu đặt thuận, lời thơ gọt giũa nhẹ nhàng, xứng hợp với tâm hồn Hinh. Hiểu mình nên Hinh đã chọn cho mình lối thơ Đường luật để dày công luyện tập. Và, dù không tự lục vấn mình nhưng Hinh yêu thích lối thơ ấy vì thấy nó cao quý, nặng về tôn kính cổ nhân, nhất là âm điệu uyển chuyển hợp với tâm tình và cuộc sống của Hinh.

Chính vì yêu thích thơ Dường luật nên sau khi đọc xong các thiên sách: "Ly tao", "Cửu chương" "Thiên vấn" của Khuất Nguyên, rồi đọc trọn bộ tám quyển "Đào Uyên Minh thi văn tập" cua Đào Tiềm, Hinh say sưa đọc quên ăn quên ngủ thơ của Lý Bạch, Đỗ Phủ... Cũng chỉ đến lúc đọc và học gần trọn các sách thơ của các thi gia của ta và Tàu, Hinh mới thấy rõ ý thích thơ Đường luật của mình là chính chắn. Thế là Hinh đã quyết, đời Hinh sẽ chuyên chú vào lối thơ ấy, Hinh vừa lo lắng vừa phấn chấn trước quyết định ấy.

Hinh lại thắp đèn giở đọc từng trang thơ của Lý Bạch, rồi lại đọc đi đọc lại từng bài thơ của Đỗ Phủ. Hinh nghiền ngẫm, có khi học thuộc lòng những đoạn thơ lời hay ý đẹp, âm điệu lúc khoan thai lúc rộn ràng để rồi mất hút trong những cảnh đẹp như tranh vẽ. Hinh là phận gái, nền nếp của gia đình buộc Hinh từ lời ăn tiếng nói đến điệu đi dáng đứng, đều phải khoan thai dịu dàng. Ấy vậy mà câu thơ đầy khí phách và phóng túng của Lý Bạch cũng có sức lôi cuốn Hinh, khiến Hinh xao xuyến đến ngỡ ngàng. Hinh cúi sát tập thơ khẽ đọc:

"Cởi áo bào đổi lấy ruộng ngon

Cùng người tiêu được vạn kiếp buồn..."

Và đây nữa, Đỗ Phủ dùng thuật vịnh cảnh để ngỏ tâm sự mình, nghĩa thơ uẩn súc, lời thơ óng chuốt đến thế là cùng:

"Gió nhẹ lay bờ cỏ

Thuyền đêm một cột cao

Sao rơi trên bãi rộng

Trăng nhảy giữa dòng sao..."

Hinh lại tiếp tục giở từng trang thơ và mỗi bài thơ lại đem đến cho Hinh những rung cảm mới.

Chỉ đến khi nghe tiếng giày của mẹ ở phòng bên, Hinh mới dừng đọc thơ và giật mình thấy trời đã sáng.

Hinh sung sướng đến ngỡ ngàng khi sắp được trở về quê hương, nhân cha Hinh được điều về làm giám khảo kỳ thi Hương ở Thăng Long. Chỉ nghĩ đến Nghi Tam, cái làng nhỏ bé nơi quan lộ, giáp với Tây Hồ, nơi ghi đậm bao ký ước thời thơ ấu, lòng Hinh đã nao nức, bồi hồi. Rồi, một việc khác, rất hệ trọng đến với Hinh: Cụ Phạm Quý Thích sau bao lần đánh tiếng, đã dẫn chàng tú tân khoa đến gia mắt gia đình. Là phận gái, Hinh không được bày tỏ những suy nghĩ của mình với cha mẹ, song Hinh yên lòng vì chàng trai là người có học vấn uyên thâm, lại thư sinh điềm đạm. Vả chăng gia cảnh chàng theo lời mẹ Hinh kể cũng là dòng dõi nhà tôi của Vua Lê, rất hợp với gia đình Hinh.

Và lúc này đây, khi cả gia đình sắp từ biệt đất Hải Dương, lòng Hinh lại nao nao xúc động. Dẫu sao, Hinh thầm nghĩ, Hinh cũng đã sống những năm tháng ở chốn này thật là đẹp.

Nhưng chiếc xe ngựa sắp đầy hành lý, sắp sửa lên đường, đã cắt đứt mạch suy nghĩ của Hinh. Cũng chỉ đến lúc đã ngồi lên xe, sát bên mẹ, ngắm nhìn cảnh vật hai bên đường, lòng Hinh mới thanh thản trở lại.

Chao ôi, thiên nhiên mới huyền diệu làm sao! Bao năm dùi mài với đèn sách, Hinh đâu có dịp đi đây đó, ngắm xem phong cảnh của đất nước. Được dịp đi xa, Hinh như con chim non lóa mắt trước vẻ đẹp của núi sông. Hinh say ngắm cảnh vật muôn màu nghìn vẻ kia bằng cả những rung động sâu sắc của tâm hồn mình. Hinh không bỏ lỡ cảnh đẹp nào dọc đường đi. Từ màu xanh mát mẻ của cây cỏ bên lề đường đến đường viền xanh thẳm vô tận của núi rừng, từ một cái ao con phản chiếu nền trời thu trong xanh ven một xóm vắng, có lối đi trồng trúc đến dòng sông trắng xóa phẳng lặng như tờ giấy trải; từ bóng cây đa xanh um tùm tròn xoe như cái tán dương đến áng mây sà trên núi xa, tất cả đều đem lại cho Hinh những cảm hứng rạo rực.

Bao cảnh đẹp như bức tranh cổ được gạn lọc chải chuốt trong những tứ thơ mà Hinh từng đọc, có cái gì vừa gần lại vừa khác lạ với thiên nhiên rộng lớn đang trải ra trước mắt Hinh. Hinh thêm khao khát yêu mến cây cỏ, núi sông và Hinh như cảm thấy thiên nhiên cũng có tình quyến luyến đối với mình. Tâm hồn Hinh bay bổng lên trong những tình cảm mới mẻ. Cảnh thu kì diệu quá. Một tứ thơ của cụ Đỗ Phủ tả cảnh thu tuyệt đẹp tương tự như thế này mà sao Hinh không nhớ ra. Bài thơ thế nào nhỉ. À đây rồi, Hinh nhẩm đọc:

"Vàng úa rừng phong hạt móc bay

Non vu hiu hắt phủ hơi may

Dòng sông cồn cộn trời tung sóng

Ngọn ải mờ mờđất rợp mây "

Hinh không thích cái dòng sông dữ dội nổi sóng của cụ Đỗ Phủ vì Hinh đang say ngắm mặt sông lặng lẽ trước mắt mình. Nhưng thật là bài thơ tả cảnh thu thanh cao và trong suốt. Hinh nhẩm lại bài thơ và một ý nghĩ thoáng qua rất nhanh rồi dần dần hình thành trong óc Hinh: Sao ta không dệt cho ta những vần thơ mưa thu óng chuốt, uyển chuyển như bao lâu đã hằng mơ? Ta có thể sàng lọc những cảnh vật này qua khuôn thơ Đường luật để bày tỏ tâm tình ta.

Nhưng dùng Đường thi Hán ngữ hay Đường thi Nôm đây, Hinh bỗng dưng tự hỏi: Chẳng lẽ người Việt lại cứ làm thơ chữ Hán còn chữ Nôm lại không thể làm nổi một bài thơ hay được sao? Ta chẳng nên bắt chước người đời đi mượn chữ nước ngoài và cũng chẳng làm thơ Hán mới là sang. Nhưng làm Đường thi Nôm thì thật là khó. Việc chọn chữ vì thế sẽ rất công phu cha ta đã từng răn dạy ta như thế bao lần rồi. Đột nhiên Hinh thấy vui mừng trước quyết định làm bài thơ tức cảnh mùa thu bằng chính chữ nước mình.

Một cơn mưa nhỏ chợt kéo đến. Gia đình Hinh phải tản vào trú mưa bên một ngôi miếu cổ bên đường. Cha Hinh lấy rượu ra uống. Hinh không uống rượu như Hinh đang say trước cảnh vật, say về những ý thơ đang thai nghén. Bao nhiêu cảnh thu dọc đường đang xáo trộn trong óc Hinh, khiến Hinh không biết từ nét nào của mùa thu. Ý thơ này vừa sáng bừng lên đột nhiên lại biến đi, nhường cho ý khác lời khác dồn dập đến. Ồ, phải gạn lọc những ý ấy những cảnh ấy; phải chọn từng từ, âm điệu phải uyển chuyển, nhẹ nhàng, lời thơ phải đài các, đoan trang mới được. Tứ thơ đã định, ý thơ đã thành. Hinh căng óc tìm câu phá và câu thừa. Và, rồi một câu thơ bật ra theo cảm xúc nóng hổi:

"Thấp thoáng non tiên lác đác mưa

Khen ai khéo vẻ cảnh tiêu sơ..."

Hinh nhẩm lại câu thơ ấy từng cảnh thật đang diễn ra trước mắt, vẻ bằng lòng hiện lên trước mặt. Nhưng trời đã ngớt mưa Hinh lại lên xe đi tiếp, lòng nung nấu bài thơ "Tức cảnh mùa thu" đang làm dở.

Hinh ngồi trước kỷ sửa lại bài thơ lần cuối trước khi bước vào giấy đẹp. Lần này cũng như các lần trước, Hinh thấy về vần, phép đối, niêm, luật, bố cục không còn chỗ nào đáng chê trách, ý tứ bài thơ cũng thật là chặt chẽ. Điều đặc biệt đáng mừng là sau nhiều lần sửa ý, chọn chữ, Hinh thấy rõ, làm thơ Nôm cũng chẳng có thể rất hay mà cũng không khó như lúc đầu Hinh tưởng. Hinh phấn chấn chép lại bài thơ vào giấy hoa tiên, nét bút bay bướm mà rõ ràng:

"Thấp thoáng non tiên lác đác mưa

Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ

Xanh um cổ thụ tròn xoe tán

Trắng xóa trường giang phẳng lặng tờ

Bầu giốc giang sơn say chấp rượu

Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ

Cho hay cảnh cũng ưa người nhỉ

Thấy cảnh ai mà chẳng ngẩn ngơ".

Soát lại lần nữa bài thơ, Hinh sửng sốt thấy năm ngày đã trôi qua. Hinh càng không ngờ, chỉ bằng bài thơ đầu tay ấy, Hinh làm cho giới thi nhân ở Thăng Long sửng sốt hâm mộ.

Lau nước mắt rồi lần nữa cúi xuống sửa lại những nén hương đang cháy dở trên nấm mồ người mẹ, Nguyễn Thị Hinh vẫn chần chừ chưa nỡ ra về. Mẹ Hinh mất ngay sau năm Hinh đi lấy chồng. Nỗi tiếc thương người mẹ cả đời đã nuôi nấng, yêu chiều Hinh tưởng không bao giờ khuây được. Nhưng Hinh đã được đền bù bằng tình yêu của chồng, Hinh nguôi dần nỗi nhớ người mẹ đã mất. Ông huyện Thanh Quan yêu vì nết, trọng vì tài đã quý Hinh. Hơn thế, trong mọi việc, ông vẫn để cho Hinh tự lo liệu. Nào ngờ tai họa đã chợt xảy đến. Ngày trở lại thăm nhà cũng là ngày chồng bị giáng chức, mà nguyên do của sự thật phũ phàng ấy, như lời đồn đại, là do Hinh gây nên, qua một câu chuyện phê án bằng thơ vui đùa nào đó.

Hinh bần thần nắn lại những ngọn cỏ trên nấm mồ mẹ. Nỗi buồn vì nhớ mẹ, thương chồng khiến Hinh thấy ngao ngán hết thảy. Giá như mẹ còn sống... Hinh đột nhiên nhớ tới cử chỉ âu yếm, lời nói dịu dàng đượm lo âu của mẹ ngày Hinh đi lấy chồng: "Thời này loạn lạc, nhân tâm điên đảo. Cha con là tiếng làm quan mà không được tin. Chồng con chắc gì thoát khỏi cảnh ấy. Mẹ muốn con lúc nào cũng giữ gìn".

Ừ sao ta không hiểu hết lời khuyên của mẹ. Lời khuyên ấy với cảnh ngộ này có cái gì ăn nhập với nhau? Chẳng phải mẹ ta đã lo trước cho ta sự thể này rồi sao? Hinh ân hận đã không nhớ lời mẹ. Thật là, một nghìn lời khuyên không bằng một cái gai kinh nghiệm. Việc đã xảy ra, phiền muộn mãi cũng chẳng ích gì Hinh tự nhủ rồi đứng dậy, lưu luyến nhìn mồ mẹ lần nữa như để nhắn chào, rồi phủi đất, vuốt lại nếp áo, thong thả đi về phía quan lộ. Xa kia, nắng chiều hắt xuống mặt Tây Hồ một vòng sáng kỳ ảo, bao la, làm nổi bật đường viền xanh đen quanh hồ. Một nỗi buồn man mác lại đến choán lấy tâm hồn Hinh. Hinh nao nao nhớ lại ngày nào mẹ còn sống. Hinh nhớ cả một thời kỳ xa xăm trước, cái thời Hinh không được sống như cha mẹ, ông bà Hinh luôn nhắc đến và hằng trân trọng, lưu luyến nó. Chính vì cái thời ấy, Hinh chỉ được sống trong tưởng tượng nên nó càng đẹp và càng đáng nhớ. Ngày ấy nay còn đâu!

Trở lại Thăng Long, đi thăm lại các danh lam thắng cảnh nơi đây, Hinh như gặp lại một giấc chiêm bao. Chiêm bao mà thật. Phố xá bây giờ tiêu điều quá, việc canh phòng nghiêm ngặt không bình thường. Vua Minh Mệnh trị vì có phần còn khắc nghiệt hơn cả Gia Long, nên cảnh loạn lạc chẳng những không dứt được mà ngày càng nặng nề. Hinh tự hỏi: Có phải vì Hinh đang đau buồn khiến cho Hinh thấy Thăng Long tẻ ngắt đơn điệu hơn xưa không? Thật ra, từ khi Gia Long lấy được đất Bắc Hà, Thăng Long đã ảm đạm. Hinh, gia đình và bạn bè Hinh đều thấy rõ từ lâu, một cái gì đã tan vỡ trong đời sống và trong cả ước mơ. Hinh trách tạo hóa thay đổi

và tiếc nuối cái thời huy hoàng xa xăm trước. Hinh đã dạo khắp Thăng Long, nhưng những chiều thu ở đây cũng da diết buồn như lòng Hinh. Hinh bàng hoàng trước những ngôi đền đổ nát, mái sân rêu phủ, cột tường xiêu gãy. Chao ôi! Những lâu đài mà xưa kia lộng lẫy, tường hoa chăn gấm, đèn nến sáng trưng, bàn tiệc ngổn ngang, bây giờ chỉ còn là bức tường loang lổ, in nắng chiều ảm đạm. Ngay cả nơi xưa kia tưng bừng vui vẻ, xe ngựa rộn rịp, mà bây giờ cũng đã hoang dại, đường đi vắng vẻ, vết xe xưa cỏ thu phủ mọc. Tất cả những đổi thay phũ phàng ấy đem đến cho Hinh nỗi đau đứt ruột.

Một bài thơ nhớ thành Thăng Long xưa đã nhen nhóm trong lòng Hinh. Nhưng Hinh chưa vội chấp bút. Tâm hồn hinh đang xao động, trong trí Hinh bao nhiêu cảnh hoang tàn là bấy nhiêu tâm sự. Cho nên, phải cho những ý ấy lắng lại, phải viết thế nào để ngỏ hết được tâm sự mình không quá lộ liễu để, phòng tai biến. Cuộc sống của vợ chồng Hinh hiện thời đã chẳng nhắc Hinh phải thận trọng như thế nào?

Chiều ấy Hinh đi ngang qua chùa Trần Quốc, nắng chiều vàng và tiếng chuông chùa như giục Hinh dừng bước và Hinh đã dừng bước. Vừa tới cổng chùa, Hinh sửng sốt suýt bật lêu lên thành tiếng. Hành cung đã hoang phế đến nỗi này rồi ư! Thời Lê, cái hành cung này rực rỡ biết đường nào mà nay đã thành một nơi bỏ không, phó mặc mưa dầu nắng dãi, khiến ai đi qua chẳng chạnh lòng đau đớn: Sự thay đổi thương tâm này là bởi đâu! Ai đã gây ra cảnh não lòng đó? Hinh không kiềm được lòng tự hỏi? Chính triều Nguyễn với những ông Vua như Gia Long và bây giờ là Minh Mệnh đã gây ra cảnh này. Những Vua ấy đâu nghĩ đến việc gìn giữ những lâu đài người xưa để lại. Hơn thế, chính những Vua ấy không dám dùng người chính trực như cha Hinh, chồng Hinh, không tin các cựu thần nhà Lê, nghi ngại các danh sĩ Bắc chuyện hiềm khích, bè phái để hại nhau. Hinh không dám nghĩ tiếp những chuyện có thể dẫn đến vạ tày đình, những chuyện dù quyết định vượt ngoài ý định của Hinh. Cảm xúc từ những điều mắt thấy khiến Hinh không thể cưỡng lại được ý muốn làm một bài thơ hoài cổ. Những ý thơ nối tiếp nhau hình thành không tài nào kìm nổi. Hinh lấy giấy bút, rồi hai câu thơ bật ra theo cảm xúc. Hinh vội ghi:

"Trần Quốc hành cung cỏ dãi dầu

Khiến người qua đó chạnh lòng đau... "

Hinh ngẫm nghĩ lại ý thơ. Chữ "Cỏ" đặt liền với "Dãi dầu" có phần không hay. "Cỏ dãi dầu" là chuyện thường tình, dùng chữ "Cỏ" như vậy không có được ý mình. Hinh vội sửa chữ "Cỏ" thành chữ "Bỏ".

Hinh lặng ngắm hành cung xưa, nhìn hồ sen bát ngát và nhìn ráng chiều vàng chiếu hắt lên chùa. Hương sen thoang thoảng tinh khiết kia, màu vàng rực rỡ của nắng chiều chiếu trùm lên lớp rêu loang lổ trên tường kia, có cái gì gần gũi, gợi cảm đến thế. Hinh dầm bút vào hiên mực và sửng sốt trước ý thơ mới nảy. Hương sen ấy khác nào hơi hương ngự còn rớt lại, màu vàng rực rỡ kia chính là màu áo châu trong những ngày tưng bừng khi Vua ngự đến. Hinh run run ghi câu thơ chất chưa tâm sự mình:

"Dưới hồ sen rờt hơi hương ngự

Trên vách rêu in nếp áo chầu".

Hinh đọc lại câu thơ và vui mừng thấy từng chữ đối nhau rất chỉnh.

Hinh vẫn ngồi lặng đi bên gốc đại nhưng tất cả tâm trí Hinh đang dồn về những cảnh diễm lệ của hành cung xưa. Nếu không có tiếng chuông chùa lúc khoan lúc nhạt lẫn trong tiếng trống hồ từng đợt từng đợt dội vào bờ, có lẽ Hinh chưa dứt được những mường tượng về những ngày xưa êm đẹp. Chính tiếng sóng trên hồ rộng và tiếng chuông chùa gợi buồn ấy đã chắp cánh cho một tứ thơ mới mẻ. Lớp sóng xô đẩy nhau làm động cả mặt hồ khác nào sư hưng vong của các đế vương và tiếng chuông chùa lúc mau lúc khoan giống hệt sự đày ta của vòng trần thế, đáng cảm khái biết chừng nào. Đắm mình trong nỗi thất vọng về người xưa, cảnh xưa đâu còn, lòng Hinh càng thêm tê tái. Hinh viết những dòng thơ cuối, lòng buồn rười rượi:

"... Sóng lớp phế hưng coi đã rộn

Chuông chùa, kim cổ lắng càng mau

Người xưa cảnh cũ còn đâu tá

Ngơ ngẩn lòng thu khách bạc đầu".

tối hôm ấy bài thơ được cha Hinh và chồng Hinh trao tay nhau đọc đi đọc lại.

- Hoài cổ đến thế này thì thật là tuyệt bút cha Hinh ít khen con lộ liễu nhưng cuối cùng phải nói cả bài không câu nào, chữ nào ra ngoài chủ định của đầu đề. Lại thêm lời hay ý đẹp, cha đọc cảm thấy khoái vô hạn.

Và, mấy ngày sau, Hinh đã làm xong bài "Thăng Long thành hoài cổ", bài thơ mà Hinh đã có ý định làm từ trước. Chiều ý chồng, một tối Hinh đọc bài thơ ấy:

"Tạo hóa gây chi cuộc hí trường?

Đến nay thấm thoát mấy tin sương

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt

Nước còn cau mặt với tang thương

Ngàn năm gương cũ soi kim cổ

Cảnh đấy người đây luống đoạn trường"

Nghe trọn bài thơ, chồng Hinh nghĩ thầm: Chưa dễ các thi gia đời Đường đã vượt được tài năng. Tuy thế, ông chỉ nói:

- Lời văn thật là khéo. Thơ như vậy thuộc vào ít đời này, Chữ "Trơ" đi với chữ "Gan"; chữ "Gan" đi với chữ "đá"; chữ "Cau" đi với chữ "Mặt", chữ "Mặt" đi vơi chữ "Nước", ấy là cách dùng chữ rất luyện. Có lẽ nàng đã nát gan nát ruột vì mấy chữ ấy.

Hinh nhìn chồng vẻ biết ơn nhưng không đáp.

Những bài thơ của Hinh được lưu truyền rất nhanh ở Thăng Long. Rồi giới văn thần ở kinh đô Huế cũng sửng sốt trước tài năng lỗi lạc của bà huyện Thanh Quan. Bao nhiêu nho sĩ Bắc Hà hâm mộ Hinh, xin được gặp mặt và tỏ ý muốn kết bạn ngâm vịnh. Nhưng Hinh đã từ chối hết thảy. Hinh chối từ là vì Hinh không thích đàn đúm ngâm vịnh. Hinh sợ sự giao du rộng rãi có thể làm phiền lụy đến Hinh và gia đình. Vả chăng, ngày chồng Hinh phải lên đường về kinh nhận chức Bát phẩm Thư lại bộ Hình đã đến gần.

Theo chồng vào kinh đô Huế chưa đầy một năm, biết Nguyễn Thị Hinh là người có học vấn lại có đức hạnh, Vua Minh Mệnh liền triệu vào cung, phong làm chức Cung trung giáo tập, dạy dỗ cung nhân. Trong buổi ra mắt, thấy Hinh là người biết mười nói một, cử chỉ đoan trang, tao nhã, rõ là dòng quý phái, lại xinh đẹp, Minh Mệnh rất quý mến. Vì vậy, vốn rất khắc nghiệt, Minh Mệnh vẫn thường cho Hinh được đàm luận thơ phú với mình. Một lần, nhân có bộ chén kiểu Trung Quốc mới đưa sang, chén vẻ sơn thủy Việt Nam và có đề thơ Nôm, Minh Mệnh đã khoe với mọi người xung quanh rồi bảo Nguyễn Thị Hinh làm một câu thơ Nôm. Không phải suy nghĩ lâu, Hinh đọc hai câu thơ rằng:

"Như in thảo mộc trời Nam lại

Đem cả sơn hà đất Bắc sang"

Những người xung quanh hết lời khen và Vua Minh Mệnh tỏ ra rất thích thú. Nhân nhìn thấy bức tranh sơn thủy treo trên tường, để thử tài Hinh, Minh Mệnh đọc:

"Quải thư bích thượng tận thu tứ hải sơn hà"

Nhờ có một trí nhớ kỳ diệu, Hinh biết câu đối này không phải của Minh Mệnh nghĩ ra mà là ở trong sách xưa, cuốn sách mà Hinh đọc nó từ hồi còn nhỏ. Nhưng không muốn làm cho Vua phật ý, Hinh mỉm cười, đọc câu đối lại:

"Tẩy túc trì trung dao động cửu thiên tinh đẩu "

Nghe câu đối vừa nhanh vừa hay, mọi người tỏ ý khâm phục. Riêng Minh Mệnh càng chịu Hinh là tài.

Tuy không phục ông Vua tự phụ về văn thơ này nhưng vì Vua ân cần, trân trọng Hinh, nên Hinh đã sống những năm tháng phần nào thanh thản bằng nghề dạy học trong cung cấm. Hinh càng yên lòng vì chồng Hinh tuy ốm yếu luôn nhưng cũng đã được thăng chức viên ngoại lang.

Nhưng những ngày sống êm đềm ấy đã qua đi như giấc mộng. Hinh muốn mình trong tình yêu thiên nhiên, vui với công việc dạy học, nhưng triều đình Minh Mệnh ngày càng rối ren, khiến Hinh thấy chán nản hết thảy. Minh Mệnh đã tin dùng bọn võ tướng, cai trị dân không phải bằng đức rộng mà bằng hình luật khắc nghiệt nên không tháng nào lại không có tin cấp báo dân nổi dậy từ các trấn đưa về. Từ đó Minh Mệnh càng khó tính. Rồi quan hệ giữa Vua và Hinh cũng bắt đầu rạn nứt. Vua Minh Mệnh bắt đầu để mọi việc làm của Hinh. Khởi điểm của sự rạn nứt ấy vẫn là

chuyện văn chương.

Một lần Vua viết hai chữ "Phúc", "Thọ" rất lớn để ban ơn cho một đại thần. Vua hỏi Hinh chữ viết thế nào. Thấy chữ Vua xấu quá, Hinh chê khéo:

"Phúc tối hậu, thọ tối trường"

Ban đầu Vua ngơ ngác không hiểu. Sau nhìn kỹ thấy chữ "Phúc" béo phục phịch, chữ "Thọ" dài lêu nghêu, Vua Minh Mệnh gượng cười nhưng trong lòng giận lắm. Từ đấy Vua lạnh nhạt với Hinh ra mặt.

Hinh nói chuyện ấy với chồng. Chồng Hinh giọng chua chát:

- Vua hỏi là để nghe lời khen, sao nàng lại vô tâm đến thế. Trái ý Vua rồi có ngày sẽ sinh vạ. Huống hồ ta là dòng dõi bầy tôn nhà Lê...

Câu nói của chồng như mũi kim chích vào tim Hinh. Lặng đi một hồi lâu, Hinh đáp:

Con cháu những người ăn lộc của nhà Lê thì còn nhiều. Cũng như vợ chồng ta, họ đã an phận kiểu sống nhạt nhẽo này từ lâu rồi. Nhưng cũng là tạo hóa đổi thay, sao hoàng đế Quang Trung lại săn sóc đến bầy tôi nhà Lê một cách chu đáo đến thế. Ai trốn thì tìm về cho làm quan, ai ờ chức cũ thì cất nhắc chức trên. Ngay cả những người nhất quyết từ chối không chịu nhận quan tước thì để mặc ý an cư lập nghiệp, không phiền nhiễu tới. Đằng này các Vua Nguyễn thì lại nghi ngờ hết thảy. Vua như thế sao thu phục được nhân tâm trăm họ?

- Phải lắm! Nhưng nói làm chi cho thêm phiền lòng. Các bầy tôi nhà Lê đã bao phen cai đắng. Cai đắng mà cam chịu. Mà họ có tội tình gì? Ta chỉ còn nối tiếc thương âm thầm mà thôi.

Nghe chồng nói Hinh càng thương chồng và thương mình. Hinh hối hận đã làm cho chồng buồn. Phải rồi, cũng giống như chồng, Hinh đã giữ tâm sự tiếc nuối cái thời huy hoàng xa xăm vào bao nhiêu ý thơ và chôn chặt bao nỗi bất bình vào đáy lòng. Và khi biết nỗi nhớ ấy chẳng bao giờ nguôi được, ngày xưa đối với Hinh càng đẹp, càng thơ. Chính trong những ngày sống căng thẳng ấy, hình ảnh quê nhà với tháng năm ghi đậm ký ức thời thơ ấu, đã vỗ về an ủi Hinh. Vào dịp này, kinh đô Huế lại được truyền tay nhau bài thơ "Chiều hôm nhớ nhà" mới làm của Hinh. Bài thơ từng lời từng lời được trao chuốt tinh tế, quý như những viên ngọc, đẹp như một bức tranh cổ ấy đã được các cung nữ trong triều đọc cả ngày không chán:

"Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn

Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn

Gác mái ngư ông về viễn phố

Gõ sừng mục tử lại cô thôn

Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi

Dặm liễu sương sa khách bước dồn

Kẻ chốn chương đài, người lữ thư

Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn"

Từ trong cung trở về, nét mặt Hinh lộ rõ vẻ tức giận. Có thể nào lại vô lý đến thế được? Sao Vua Minh Mệnh lại bắt bẻ và mắng mình trước mặt các cung nhân ngay trong buổi dạy học như thế? Vua nhiều tuổi nên khó tính hay Vua đố kỵ nhỏ nhen, thích làm nhục người khác? Câu chuyện như thế nào nhỉ. Phải rồi, lúc ấy Hinh đang giảng về luân lý trong kinh thi cho các cung nhân. Hinh đọc lời dạy của Khổng Tử đã ghi trong sách: "Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán, nhĩ chi phụ sự, viễn chi sự quân, đa thức ư điểu thú, thảo, mộc, chi oanh"

Biết được nhiều tên chim muông cây cỏ, Hinh đang say sưa cắt nghĩa, nhân tiện đọc cho các cung nhân nghe những bài thơ tả cảnh hay, thì thình lình Vua Minh Mệnh bước vào và gắt với Hinh:

- Sao dạy Kinh thi nhà ngươi lại chỉ giảng về chim muông, cây cỏ, và đọc những bài thơ chẳng đâu vào đâu như thế?

Hinh trấn tĩnh, đáp:

- Muôn tâu bệ hạ! Kẻ ngu thần không dám chỉ dạy như thế bao giờ!

- Ta vừa nghe nhà ngươi đọc thơ Minh Mệnh nổi xung. Ngươi còn dám cãi sao?

Bị làm nhục oan uổng, Hinh toa thanh minh tiếp. Nhưng nghĩ đến phận mình, nghĩ đến người chồng đang ốn thập tử nhất sinh ở nhà, Hinh nén lòng nhịn nhục. Minh Mệnh được thể càng mạt sát Hinh nhiều điều tàn tệ.

Ngỡ ngàng trước sự nhỏ nhen của Vua, Hinh vừa tuổi thân vừa uất. Về đến nhà, Hinh cố giấu chồng. Nhưng chồng Hinh đã nhận thấy nét buồn bất thường ấy của Hinh. Hinh chối, lấy cớ trong người váng vất khó chịu rồi kêu mệt, bỏ cơm chiều, về buồng riêng nằm úp mặt vào gối khóc nức nở. Nước mắt Hinh đầm đìa trên chiếc gối gấm thêu phượng.

Hinh đã tự vực mình vượt qua thời kỳ sóng gió nhất sau khi chồng mất. Ngay tháng sau, lấy cớ sức yếu, Hinh cũng đã từ chức Cung trung giáo tập. Ngày từ biệt triều đình Thiệu Trị lòng Hinh cũng dửng dưng như ngày đến triều đình Minh Mệnh. Hinh đã gởi bốn đứa con về Nghi Tam từ trước. Và hôm nay, Hinh đang trên đường về quê nhà, bỏ lại đằng sau bao nỗi đắng cay từng trải.

Hinh đã lên đến đỉnh Đèo Ngang. Vẻ đẹp của thiên nhiên rộng lớn, đầy màu sắc, khiến Hinh xao xuyến dừng chân.Trời về chiều êm ả quá. Trước mắt Hinh, ráng chiều phủ lên núi rừng vùng Đèo Ngang một màu đồng thau vàng rực. Không gian tím ngắt lại càng làm cho cảnh chiều đượm một vẻ trầm tư man mác. Đứng trên đỉnh đèo, Hinh nhìn suốt cả cảnh vật đến tận chân trời. Đó đây cỏ cây mọc chen nhau với đá, trùm lên đá. Và, theo gió nhẹ, hoa lá chen nhau đong đưa chuyển động như cùng vẫy gọi Hinh. Cảnh vật sinh động, đẹp như một bức họa kia sao gợi cảm đến thế. Vẫn dùng khuôn Đường luật và bằng câu phá du dương, câu thừa lấy từ cảnh vật đang xao động trước mắt, Hinh vội ghi lại câu thơ đầy cảm xúc:

"Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa..."

Nhưng sao giữa cái mênh mông của tạo vật, giữa cảnh bát ngát của núi rừng này, lòng Hinh thật trống trải đến thế. Mấy người kiếm củi ở chân núi bên kia, và cái chợ lèo tèo mấy nếp nhà không một bóng người qua lại, trông càng tiêu điều, hiu quạnh. Hinh tự hỏi: Không biết có phải vì lòng Hinh trống trải, cô đơn nên cảnh vật cũng trống trải, cô đơn theo hay ngược lại. Nhưng rõ ràng, cảnh vật có nỗi buồn như lòng Hinh, khơi sâu thêm nỗi buồn trong Hinh. "Tiều vài chú", "Chợ mấy nhà", hai vế của câu thực vừa hình thành thật là chỉnh. Hinh chưa kịp chọn chữ cho thành câu thơ, thì bỗng ở gần đó, tiếng kêu của một loài chim vọng tới. Xoay người về phía có tiếng động, Hinh thấy một con gà gô vừa kêu "Gia gia", vừa bay vụt đi. Hinh căng mắt theo dõi cánh chim. "Gia cô minh gia gia" "Đỗ cô minh quốc quốc", câu thơ của ai đã nói về giống gà và giống chim ấy nhỉ. Một gợi ý tuyệt hay hợp với nỗi lòng khắc khoải của Hinh bấy lâu mà sao Hinh không nghĩ ra? Quốc quốc, gia gia, gợi nỗi nhớ nước nhớ nhà, gợi lòng chán ghét bọn Vua quan nhà Nguyễn mà đặt trong câu luận, thì ý vừa sâu sắc vừa kín đáo. Hinh ngồi xuống thảm cỏ xanh non, nghĩ cho trọn câu thơ. Cặp mày vừa thanh vừa cong của Hinh nhíu lại. Rồi bốn hàng chữ bay bướm đã được ghi trên giấy. Hinh đọc lại:

"Lom khom dưới núi tiều vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia."

Đọc xong những dòng thơ, Hinh khẽ mỉm cười hài lòng. Nhưng ngay sau đấy, mấy giọt nước mắt không kìm được từ từ lăn trên má, rồi rơi xuống trang giấy, làm nhoè cả mấy nét chữ còn chưa ráo mực. Hinh cười vì lời thơ tao nhã, âm điệu uyển chuyển, từng chữ lại đối nhau không ngờ. Hinh khóc vì Hinh quá xúc động do chính ý thơ viết ra. Những ý thơ ấy đã gói ghém được cả tâm sự bất tận nhưng kín đáo về nỗi nhớ triều Lê xưa, và cũng rất kín đáo để bày tỏ sự chán ghét cái triều đình của Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị. Ý thơ ấy cũng là tâm sự của chồng Hinh, của cha mẹ ông bà Hinh và không ít con cháu các bầy tôi nhà Lê đang cam chịu cuộc sống buồn tẻ ở nơi thôn dã.

Chưa bao giờ Hinh thấy lòng cô quạnh như lúc này. Cũng vẫn cảnh chiều hôm với bầu trời bao la, với núi non trùng điệp; vẫn là cảnh chiều với dòng sông lặng lẽ chảy cùng năm tháng, mà sao Hinh thấy mình quá nhỏ bé đơn độc? Những người thân nhất đã lần lượt qua đời rồi, chính Hinh cũng đang đi trong buổi chiều tà của cuộc đời. Vậy thì còn ai hiểu cho nỗi buồn chất chứa những thương đau này. Hinh lau nước mắt, ghi nốt hai câu thơ cuối, lòng nao nao xúc động:

"... Dừng chân đứng lại trời, non, nước.

Một mảnh tình riêng ta với ta. "

Hinh lưu luyến nhìn cảnh vật như để khắc họa vào tim mình. Hinh biết rằng đời Hinh sẽ không còn dịp quay lại nơi này. Hinh lại lên đường, bỏ lại ngày càng xa

triều đình nhà Nguyễn ở phía sau.

Hơn hai mươi năm sau, lúc Nguyễn Thị Hinh ngoài sáu mươi tuổi, bà đã bước sang một cuộc sống khác, hoàn toàn trái ngược với nếp sống cũ. Dù những ý nghĩ về cuộc sống đối với bà vẫn nặng nề như bản thân cuộc sống, nhưng lảng tránh ra khỏi vòng vây ngột ngạt của triều đình của vua Nguyễn, trở về với tình yêu thiên nhiên, với cuộc sống giản dị, chất phác, ấm áp tình người của dân chúng. Nghi Tam, tâm hồn Nguyễn Thị Hinh thanh thản trở lại. Hơn thế, Nguyễn Thị Hinh đã thấy rõ sự nín nhịn, cam chịu, an phận trước cường quyền là cuộc sống tẻ nhạt và vô vị. Vì vậy, không thách thức, không vùng vẫy lồng lộn, không liều lĩnh vô ích nhưng Nguyễn Thị Hinh đã bắt đầu sống theo tình cảm thật của mình: Cho nên, dạo ấy, sau lúc dân chúng Nghi Tam nỗi dậy chống lệ nộp sâm cầm cho vua thắng lợi, thì một việc khác liên quan đến Nguyễn Thị Hinh, lại mới chỉ là bắt đầu. Quan huyện Hoàn Long đem lính về nhà lý trưởng làng Nghi Tam cũng vì cớ ấy. Theo lệnh thượng cấp, quan huyện Hoàn Long phải tìm cho ra ai là người xúi giục dân chúng và dám thảo đơn gửi đến triều đình Tự Đức đòi bỏ nộp cống ấy.

Sau bữa rượu thịnh soạn ở nhà lý trưởng Nghi Tam, viên quan huyện ngả lưng trên chiếc sạp gu, hách dịch hỏi lý trưởng:

- Bấy lâu chẳng lẽ ông không biết thượng cấp hoanh hoe mãi về việc ấy hay sao mà cứ làm lơ đi như vậy? Viên lý trưởng ôn tồn đáp:

- Bẩm quan lớn! Bọn dân đen không chịu nói thì biết làm sao?

- Không chịu nói à, cứ nọc ra đánh cả lũ. Một gậy, mười gậy, một trăm gậy là khai tuốt.

- Bẩm quan, dân làng này cứng đầu lắm. Vả, việc đã yên rồi, tróc nã người thảo đơn làm gì? Vua cũng đã bãi lệ ấy rồi!

Viên quan sẵn giọng:

- Ông ngu lắm. Lá đơn ấy có những điều tỏ rõ là người biết hết nội tình triều đình. Lời lẽ mềm mỏng mà từng chữ lại chắc như đá. Thật là, viên quan lúng túng, thật là tuyệt diệu. Lệnh thượng cấp: Nếu không trị tận gốc, chỉ sớm, trị một cách êm thắm thì còn là loạn.

- Dân chúng tôi có ai là trạng nguyên, tiến sĩ đâu?

- Lạ thật, viên quan vùng dậy đi bách bộ. Vậy, ông lý, làng này ai là người hay chữ?

- Chỉ có... Lý trưởng Nghi Tam ngần ngừ.

- Ai? Quan huyện quát hỏi.

- Chỉ có cụ huyện Thanh Quan, quan huyện sửng sốt. Tên thực là Nguyễn Thị Hinh phải không? Bà ta đi tu rồi chứ?

Lý trưởng đáp:

- Bẩm quan, từ khi từ chức Cung chung giáo tập, cụ huyện trở về quê. Cụ thường

đi vãn cảnh chùa, đến các nơi danh lam thắng cảnh chứ nào phải đi tu. Thật là con người chỉ biết lấy cỏ cây sông núi làm vui.

Đến lượt viên quan huyện bối rối:

- Ông cho đòi bà huyện tới đây. À mà thôi! Tự ta đến hỏi cho ra lẽ cũng được.

Thấy quan huyện đến, cụ Nguyễn Thị Hinh đang ngồi xem sách từ tốn đứng dậy:

- Ngài hỏi ai? Chào cụ huyện Thanh Quan. Tôi là quan huyện Hoàn Long đến thăm cụ.

- Ngài cứ gọi tôi theo tên tục Nguyễn Thị Hinh khoan thai nói.

- Cụ cho tôi thưa rõ. Tôi là cháu ngoại cố Phạm Quý Thích.

Nguyễn Thị Hinh cố kiềm sự ngạc nhiên:

- Tưởng ai hóa ra thân thuộc cả.

- Thượng cấp lệnh cho tôi phải tìm ra người cả gan thảo lá đơn chống lệ nộp sâm cầm của dân chúng vùng này.

- Đến thế kia à?

- Nghe lý trưởng nhắc đến tên cụ, tôi biết ngay nhưng cố lờ đi. Đơn cụ thảo sắc quá làm vua tức giận. Họ sẽ trị một cách ngấm ngầm nhưng khủng khiếp.

- Ngài cứ bảo là ta. Cặp mắt đen lay láy của Nguyễn Thị Hinh long lên. Chính ta, vợ ông huyện Thanh Quan xưa, từng giữ chức trong triều Minh Mệnh, Thiệu Trị thảo cho dân đen lá đơn ấy. Nếu cần phải nói thêm cho rõ thì ngài cứ thưa với quan trên rằng, thời ấy ta phải nhịn nhục, cam chịu là nhầm lẫn. Lúc ấy tưởng như vậy ta được yên thân. Nhưng nay rời bỏ triều đình ta mới hiểu được mọi lẽ, ta mới tự biết kính trọng phẩm giá mình.

Viên quan huyện ngó nhìn ra sân:

- Xin cụ hiểu cho, tôi làm quan cũng vì thời thế. Có thể ta chưa dám làm như cụ.

- Đó là việc của ngài. Nhưng chưa dễ mấy ai dám làm những điều mình nghĩ. Đời thật bao giờ cũng phủ phàng hơn mộng tưởng. Trách sao được?

- Cụ nói đúng, viên quan huyện đứng dậy, tôi phải thừa hành lệnh trên nhưng thực bụng thì không đồng tình. Huống hồ lại biết chính cụ là người thảo đơn.

Nguyễn Thị Hinh trở lại dáng đoan trang, nhã nhặn thường ngày:

- Vào tuổi ngài tôi chưa nghĩ được như thế!

- Thân mẫu tôi biết cụ ở lại đây thế nào cũng đòi lại thăm.

- Ngài cho tôi kính thăm cụ nhà.

Viên quan huyện về rồi, cũng như bao chiều khác, Nguyễn Thị Hinh lững thững đi về phía Hồ Tây đón gió. Nguyễn Thị Hinh gật đầu đáp lại nụ cười thiện cảm của những người hàng xóm vừa từ rặng dâm bụt sau nhà đi ra. Nụ cười của họ còn đọng lại nỗi lo lắng khi nãy chưa tan hết.

Chao ôi! Họ tốt bụng quá và cảnh chiều mênh mông quá, Nguyễn Thị Hinh thầm nhủ. Chiều Hồ Tây bao giờ cũng hiền dịu. Và, từ lâu rồi, đối với Nguyễn Thị Hinh, cảnh chiều không hẳn là buồn.

Phan Bá Vành

Trưa mùa hè đổ nắng lửa xuống cánh đồng Minh Giám.

Thúc trâu đi nốt sá cày cuối cùng, Bá Vành bặm môi ấn lút mũi sắt nhọn xuống bùn, lột phăng tấm áo cộc, giật mạnh chiếc nón mê, quạt thốc một hồi vào bộ ngực vạm vỡ như đá tảng. Từ đầu bờ xa tít tắp, tiếng cu Vò khàn khàn gọi với tới, giục Vành nghỉ tay ăn trưa. Cái đói âm ỉ giày vò suốt buổi, giờ bỗng dội cồn lên. Bá Vành tháo ách trâu, thuận tay đập luôn một roi cho con vật chạy lồng lên bờ, chỗ người đầy tớ của chủ đất đang đứng đợi. Bóng người và vật nhòa đi trong nắng chói. Bá Vành vớ lấy chiếc bắp cày đẩy chét tay, khẽ nheo mắt, đoạn vươn cánh tay dài như tay vượn, lao đánh vụt. Đòn tre nặng bay vù qua hơn một mẩu ruộng, cắm phập ngay trước mặt cu Vò! Bùn nước bắn vung tung tóe, nhưng Vò vẫn đứng nguyên vuốt mặt cười ồ ồ: Tài ném lao của anh Vành đã khét tiếng khắp vùng này, đích dẫu có xa đến mấy cũng chẳng chệch được một phân mà sợ!

Bá Vành ào ào lội ruộng đi tới. Nhìn rá cơm với bát tương và ấm nước vối. Vành tần ngần một lúc rồi bỗng vớ lấy ấm nước, tu một hơi cạn sạch.

Khuỳnh bắp tay quệt những giọt nước chảy ròng ròng dưới cằm, Vành bảo Vò:

- Mày chạy nhanh về nhà tao, đưa rá cơm này cho mẹ và vợ tao, bảo là phần thằng Vành gửi!

Cu Vò ngơ ngác nhìn Vành, nhưng vẫn cứ cầm rá cơm, ré chân bước vội, bởi đã biết cái tính quả quyết mà nóng nảy như lửa sôi của con người này.

Còn lại một mình, Bá Vành duỗi chân ngồi cạnh bóng trâu, đưa mắt nhìn quanh. Cánh đồng Minh Giám quạnh quẽ, tiêu điều, vàng vất hơi nắng trắng khô. Sau lũy tre làng, khói cơm trưa thưa thớt, vật vờ. Đã ba năm liền, cái vựa lúa Trấn Sơn Nam Hạ này bị thần đói vật cho nhừ tử rồi! Dân các làng trong miền, từ những kẻ vong mạng đánh liều tụ tập nhau làm giặc, còn thì chạy đói, bỏ cửa nhà mà phiêu dạt đi các xứ đến quá nữa. Những người già cả ở nhà còn cố gượng bám lấy xóm làng, vừa lần hồi sinh nhai, vừa vuốt ngực thở dài, nhắc lại chuyện trăm năm trước: Đời Lê mạt, miền này cũng đã từng bị cơn đói kém tàn hại, đất mất người đến nỗi ruộng bỏ hoang cho lau cỏ mọc thành rừng rậm, và thú rừng nhan nhản tràn về ngự trị thay người...

Bọn cường hào, ác bá, tham quan, nhũng lại, và cả cái triều đình mục nát của nhà Nguyễn chính là những kẻ đã gây ra tất cả những tai vạ đó. Chúng đục khoét, bòn rút, hà hiếp người nghèo cho đến tàn rụi, kiệt cùng. Sức dài vai rộng như Bá Vành, mồ côi cha nhưng may có mẹ hiền vợ thảo đùm bọc, vậy mà cày thuê bừa mướn cho

chủ đất khắp vùng, vẫn chẳng đủ miếng cơm nuôi miệng!

Cơn đói lại cuộn lên. Bá Vành uất ức nghiến răng kèn kẹt. Tài võ nghệ, chí lược thao và sức mạnh tuyệt trần, gần xa đều thán phục như thế này mà đành bó tay chịu cảnh đói khổ mãi sao? Nếu không làm cuộc đổi đời thì bao giờ mới thoát cảnh đày đọa này?

Chiều hôm ấy, không trở lại nhà chủ nữa, Phan Bá Vành đánh thẳng con trâu mộng của chủ đất về nhà mình. "Vành tôi cùng với mẹ và vợ, làm đã cật lực mà vẫn sắp chết đói cả. Bây giờ chỉ còn có cách đánh lại chúng nó thì mới sống được mà thôi. Bà con làng xóm ai muốn hết khổ thì đi theo tôi! Sẵn có trâu béo đây, Vành tôi xin mở tiệc khao quân. Rượu thịt no say rồi thì cùng nhau làm cuộc đổi đời..". Phan Bá Vành vừa sải chân bước giữa xóm nghèo của mình, vừa cất giọng nói oang oang như vậy.

Cu Vò là người đầu tiên thấy chuyện lạ, vội gấp nghé tới xem. Được lệnh Bá Vành đi mời tìm bà con xóm giềng và người quen kẻ lạ gần xa lúc đầu Vò còn ngập ngừng ngần ngại, nhưng rồi cuối cùng cũng hăm hở, tất bật chẳng kém gì Bá Vành. Bữa tiệc thịt trâu hôm ấy thực đủ vẻ náo nức, dữ tợn, bồn chồn, hồi hộp. Khoản đãi những người theo mình đi làm cuộc đổi đời, và cũng là để một lần tạ nghĩa mẹ, giã từ vợ, Bá Vành cầm chắc ngọn lao sở trường, ra đi.

Tin Phan Bá Vành đã nỗi dậy khởi nghĩa chống triều đình nhà Nguyễn lập tức lan truyền đi khắp các ngả. Một đồn mười, mười đồn trăm, miền Sơn Nam Hạ sôi lên sùng sục như nước vỡ bờ. Bấy giờ là tháng bảy năm Ất Dậu, đời Minh Mệnh thứ sáu. Một đêm quang mây, người vùng Sơn Nam Hạ nhìn lên trời bỗng tròn mắt, ngây người đứng sững: Phía Đông Nam một ngôi sao tua rua vụt hiện ra chói lóa, đuôi sao cực lớn kéo dài lê thê về hướng Tây Bắc như chiếc chổi quái dị. Thế rồi, ồn ào hoặc thầm kín, thành kính mà thích thú, người vùng Sơn Nam truyền cho nhau câu hát kỳ lạ:

"Trên trời có ông sao tua

Ở làng Minh Giám có Vua Bá Vành"

Phan Bá Vành theo sau là cu Vò, ung dung bước qua chiếc cổng đồ sộ có chòi canh chắc chắn xây cao bên trên của nhà Tri Đạo. Đây là nhà hào phú lớn nhất làng Cát Già. Và chính cái kho của vựa lúa nhà này đang được người thủ lĩnh nghĩa quân nhằm vào để toan tính chuyện lương tiền cho đạo quân mới nổi của mình.

Tri Đạo ngả người trên chiếc tràng kỷ, đang phe phẩy chiếc quạt lông tàu thì thấy Bá Vành đột ngột xuất hiện. Cài vội chiếc áo lụa mỡ gà, Tri Đạo chồm dậy, luống cuống mời Bá Vành ngồi lên sập trên, rồi lập tức, quát bảo gia nhân mổ lợn giết gà, làm tiệc ngay.

Mâm rượu thịt đầy có ngọn bày lên, Bá Vành thong thả ăn uống cho đến khi ngà ngà mới nói cho Tri Đạo biết mục đích đến chơi của mình. Ngồi thấp thỏm tiếp rượu con người oai danh đang nổi như sóng cồn ấy, Tri Đạo cũng đã phần nào đoán biết được câu chuyện. Vả chăng, cũng chẳng còn con đường nào khác, viên phú hào bèn

mượn hơi men, nói với Bá Vành:

- Cái gia tài cơ nghiệp này giao cả cho tướng quân tôi chẳng hề tiếc. Chỉ tiếc là nghe nói đã nhiều mà chưa một phen được biết tài võ nghệ của tướng quân...

Bá Vành ngửa mặt cười khà khà, uống tiếp ba chén rượu nữa rồi mới bảo Tri Đạo:

- Ông gọi người nhà chặt cho ta mươi gốc tre đực dài độ ba thước. Bá Vành giang rộng hai cánh tay vượn ra hiệu làm cữ, rồi mang cả vào đây!

Khi đám gia nhân Tri Đạo lễ mễ khuân đống gốc tre vào dựng bên sập, Bá Vành khẽ liếc mắt ra hiệu cho cu Vò từ nãy vẫn khoanh tay đứng hầu ở phía sau. Lập tức, Vò rút con dao bên sườn, thoăn thoắt đẽo vạt nhọn hoắt những gốc tre thành ngay những ngọn lao lợi hại, quen thuộc. Gạt mâm thịt đã vơi quá nữa sang một bên, Bá Vành lúc ấy mới vươn người bước xuống sập, chìa tay đón lấy ngọn lao đầu tiên tự tay cu Vò đưa tới. Đảo mắt nhìn nhanh ra phía ngoài, Bá Vành vung tay, quát khẽ:

- Coi đây!

Ngọn lao xé gió vụt ra cửa, qua chiếc sân lát gạch Bát Tràng thênh thang, qua khu vườn rau dài dặt, qua chiếc ao thả cá bát ngát, cắm phập vào một thân cây chuối ngả mình bên kia bờ ao. Cu Vò đã nhanh tay đưa tiếp ngọn lao thứ hai, rồi thứ ba, thứ tư... Cuối cùng, Bá Vành vẫn không đổi sắc mặt thong thả trèo lên sập, cầm tiếp chén rượu. Tri Đạo và đám gia nhân chạy ùa ra cửa, hấp tấp đi mãi tới bên kia bờ ao. Và tất cả đều lặng người, sợ xanh mặt: Đều chằn chặn, thẳng tăm tắp, từ ngọn chuối xuông đến gốc, cứ đúng một gang tay lại một ngọn lao của Bá Vành cắm ngập!

Ngày hôm ấy, Tri Đạo đem hết cả gia nhân tài sản, đi theo nghĩa quân Bá Vành.

Chẳng bao lâu, số người tụ nghĩa dưới ngọn cờ Bá Vành đã lên đến trên năm nghìn. Những cánh tay vừa rời cày cuốc nắm lấy giáo gươm ấy Bá Vành tập hợp một phần thành đội Hữu quân, giao cho Nguyễn Hạnh, người tùng Đảng với mình làm tướng, còn thì đưa tất cả cho đội trung quân do chính mình chỉ huy.

Nghĩa quân Bá Vành tiến đánh các huyện Tiên Minh và Nghi Dương để làm căn cứ đầu tiên. Và cũng tại căn cứ này, họ đã đánh trận đầu tiên với một lực lượng đàn áp khổng lồ của triều đình thống trị. Nhà Nguyễn đã tung ra cả một đội quân lớn, do tiền quân Đô thống chế Trương Văn Minh chỉ huy, Thượng thư Nguyễn Hữu Thân làm phó, có cả thủy đội lấy ở Nghệ An, Thanh Hóa ra phối hợp ngăn chặn nghĩa quân từ mạn biển.

Vừa mới nổi dậy đã gặp phải một đội quân tiểu phạt đông đảo như thế, nghĩa quân Bá Vành không đương nổi, phải vừa đánh vừa chạy về mạn Nam Định. "Gặp cùng chớ đuổi". Đô thống chế Trương Văn Minh vừa hồi hộp nghĩ tới nhưng ân tứ thưởng lệ của triều đình sau võ công này, vừa làm ra vẻ bình thản nói với tả hữu như thế. Và ra lệnh thu quân.

Trấn thủ Sơn Nam Hạ Lê Mậu Cúc luôn mấy ngày nhận được mấy tin cấp báo: Phan Bá Vành lại mới nổi dậy, thanh thế rất mạnh; Phan Bá Vành đã liên kết được với chức Thủ ngự sứ Vũ Đức Cát ở cửa Ba Lạt. Chưa kịp đối phó, tin dữ lại tới tấp

bay về: Các tướng Đặng Đình Miễn và Nguyễn Trung Diễn trấn giữ các tấn sở Trà Lý và Lân Hải đã bị Phan Bá Vành đem quân giết chết rồi chiếm lấy tấn sở; đoàn quân thuyền mười hai chiếc của triều đình đã bị Phan Bá Vành phục quân ở Cồn Tiền, Bá Trạch đánh úp, tước mất toàn bộ lương thảo, quân khí...

Không chậm trễ được nữa, Lê Mậu Cúc vội mở cổng trấn thành, đưa toàn bộ quân lính trong trấn đi tiểu phạt. Hào kiệt hầu Đỗ Hào tay chân thân tín của Mậu Cúc, quê ở Trà Lý, được cử làm tiền đạo, đem quân dẫn đường.

Vừa đến Trà Lý thì bỗng gặp ngay Phan Bá Vành cùng mấy thủ hạ đang kéo đi trên đê. Nhác thấy viên chủ tướng nghĩa quân chồm dậy trên mình ngựa, vươn cánh tay vượn nắm lấy cây siêu dài, từ xa, tiền đạo Đỗ Hào đã khiếp đảm hô quân lùi lại. Trấn thủ Lê Mậu Cúc lúc ấy vừa dẫn đại quân tới nơi, thấy vậy giận dữ thúc ngựa xông thẳng lên. Phan Bá Vành cũng lập tức phi ngựa tới đó.

Trống trận nỗi lên ầm ầm như sấm động. Con đê Trà Lý bụi cuốn mù mịt. Quân đội triều đình dàn ra dọc đê, nín thở nhìn theo chủ tướng của mình. Đôi ngựa chiến mỗi lúc lao tới gần nhau. Lê Mậu Cúc xưa nay vốn tự đắc về cái sức khỏe như thần của mình, biết Bá Vành chỉ còn ít quân, liền hăm hở xỉa ngọn thương, tới tấp tiến đánh ngay từ hiệp đầu. Thấy kẻ địch hùng hổ, viên thủ lĩnh nghĩa quân bỗng nổi cơn lôi đình, vừa gầm hét, vừa vung siêu đao đánh trả. Đôi ngựa lúc chồm sát vào nhau, lúc vượt ra xa rồi lại quay vòng trở lại giao chiến đến hiệp thứ ba thì Phan Bá Vành đã đâm Lê Mậu Cúc một nhát trúng vai, hất Trấn thủ Sơn Nam từ trên mình ngựa ngã nhào xuống chân đê.

Thấy chủ tướng thất trận, Đỗ Hào vội vã hô quân ào ra dìu Lê Mậu Cúc chạy lộn về. Phan Bá Vành cũng giật cương quay ngựa trở lại với đám thủ hạ của mình, lúc này đang nhảy dựng cả lên mà hò reo tưởng đến vỡ trời trước thắng lợi của chủ tướng.

Tin Trấn thủ Sơn Nam Hạ Lê Mậu Cúc, danh tướng đất Bắc, phò mã của Hoàng triều bị tử trận trong khi đem quân giao chiến với Phan Bá Vành, ồn ào bay khắp ngả.

Không phải Mậu Cúc đã chết ngay sau khi bị Phan Bá Vành đâm ngã ở Trà Lý. Mang vết thương nằm giữa hàng quân, Mậu Cúc lúc ấy toan rút về trấn thành cố thủ. Nhưng Phan Bá Vành đã đem đại quân đến khiêu chiến. Và Đỗ Hào nói khích Mậu Cúc: "Cứ như oai danh của tướng quân thì các giặc cỏ có mùi mẽ gì mà đáng bẩn gươm! Nếu tướng quân trước vội chùn lại, chẳng hóa ra bị bọn tướng chê cười sao? Cổ nhân có khi gượng bệnh, ngồi xe đi trận, huống chi giặc đang ở trước mắt mà tướng quân thì thương tích chưa đến nỗi chết..". Trước tình thế ấy, Mậu Cúc đành gượng gạo tổ chức thủy đội, rồi xuống thuyền chỉ huy quân quan tiến đánh căn cứ của nghĩa quân Bá Vành một lần nữa. Nhưng Bá Vành đã đặt quân phục ở trên bờ, giấu thuyền nhỏ trong đám lau sậy, đợi khi thuyền Lê Mậu Cúc vừa chợt đến thì nhất tề đổ ra công kích dữ dội, chém chết Mậu Cúc giữa vòng vây.

Sau trận đánh lẫy lừng danh tiếng ấy, oai danh Phan Bá Vành và thanh thế nghĩa quân ầm ầm vượt lên như triều dâng sóng dậy. Cả một vùng rộng lớn Trấn Sơn Nam

dường như mất bóng chủ cũ. Dân các làng xóm gần xa đều tìm đến xin Vua Bá Vành che chở. Và được lệnh của viên thủ lĩnh nghĩa quân, không một ai phải nộp thuế cho quan, nộp thóc cho nhà giàu nữa. Những tên cường hào nhiễu dân lập tức bị Vua Phan Bá Vành trừng trị thẳng tay. Đời sống tự do no ấm không ngờ lại giành được quá nhanh! Cảm ân nghĩa ấy, dân cày từng đoàn từng đội lũ lượt xin nhập quân ngũ, đông như trẫy hội. Và chẳng phải chỉ có người vùng đồng bằng Sơn Nam, mà từ miền thượng Thanh Hóa, cả một cánh quân ba nghìn người Mường cũng theo chủ tướng Ba Hùm của họ kéo về hội binh với Bá Vành. Đất võ Trà Lũ cũng cử những tay vật, tay khiên giỏi nhất cùng với tướng Hai Đương đi giúp Bá Vành. Dự vào hàng tả hữu của Bá Vành, chẳng bao lâu đã có tới ba chục thủ lĩnh có tài, cả văn lẫn võ. Ngoài Hữu quân Nguyễn Hạnh, Thủ ngự sứ Vũ Đức Cát theo về từ trước, Ba Hùm, Hai Đương mới về theo, còn có Chiêu Liễn, Chiêu Văn, Lang Đình, Tú Ốc, Nho Phương, Hai Hương, Hương Thước, Tuần Tường, Tuần Nghị, Tư Tân, Chấn Diễn, Ba Điều, Bất Hựu, Đốc Bồi...

Với cả một lực lượng hùng hậu ấy, Phan Bá Vành mở cờ gióng trống đánh phá quân triều, giúp đỡ dân chúng khắp cả một vùng từ đồng bằng đến ven biển, và vào năm Canh Tuất, tung ra trận đánh quyết định của mình: Tấn công Phủ Bo.

Chiếm được Phủ Bo, Phan Bá Vành phân vân không biết nên án binh giữa phủ thành, hay là theo lời khuyên của các tướng, lại tung quân sang đánh thẳng lấy tỉnh thành Vị Hoàng, thì bỗng được tin Bắc thành tổng trấn đã cử Thống chế Trương Phúc Đặng đem đại quân tới đánh. Binh mã triều đình đã qua bến Mỹ Bổng và đang men theo đường Thư Trì xuôi xuống, khí thế rất mạnh. Tướng Hai Đương lập tức xin được ra quân cự địch, rồi, tay khiên tay đao, dẫn ngay cánh quân bản bộ tiến lên phía trước. Gặp quân triều đình, Hai Đương lăn xả vào giữa hàng trận mà chém giết, Phúc Đặng, Hai Đương tuy đã cố sức tả xung hữu đột. Đấy chính là đám quân tiền đạo của Thống chế Trương nhưng quân triều đình vẫn ùn ùn kéo tới ngày một đông. Không cản nổi kẻ địch quá mạnh, Hai Đương phải thu quân chạy lộn trở về. Trương Phúc Đặng thấy trời sắp tối, bèn cùng đóng quân nghỉ lại.

Thấy Hai Đương thua trận, Phan Bá Vành nổi giận đùng đùng, một mặt hạ lệnh đem chém ngay đầu Hai Đương để làm gương, một mặt quát bảo tả hữu đốt đuốc cho mình ra trận tìm Trương Phúc Đặng thách đánh ngay đêm ấy. Chiêu Liễn và các tướng phải xúm lại xin mãi tội chết cho Hai Đương, và can mãi mới đình được lệnh ra quân đánh đêm của Bá Vành. Nhưng đến tờ mờ sáng hôm sau thì Bá Vành đã nai nịt gọn gàng, cưỡi ngựa, xách siêu đao, dẫn quân đến trước trại Trương Phúc Đặng rồi.

Lúc bấy giờ, cửa trận bên quân triều đình cũng mở ra, và Thống chế Trương Phúc Đặng cưỡi ngựa hồng, cầm côn sắt xuất hiện! Chẳng nói chẳng rằng, Phan Bá Vành thúc ngựa vung đao xông đến đánh ngay. Hai bên chủ tướng giao đấu một trận thật kịch liệt. Trương Phúc Đặng là tên võ tướng trụ cột của triều đình, vậy mà đánh mãi cũng không đỗ được Phan Bá Vành. Còn viên chủ tướng nghĩa quân thì cũng đã cố hết sức mà cũng không hạ nổi Trương Phúc Đặng. Cuối cùng, người ngựa đều đã thấm mệt, đôi bên cùng thu quân về nghỉ.

Ngày hôm sau, hai viên chủ tướng lại cùng nhau giao chiến một trận kịch liệt nữa. Nhưng vẫn bất phân thắng bại.

Đến ngày thứ ba thì cả đôi bên quân tướng đều đã quá hồi hộp, sốt ruột. Trương Phúc Đặng, sau mấy ngày nghiền ngẫm và được lũ mưu sĩ thuộc hạ mách nước, quyết tìm cách ám toán, hạ ngay Phan Bá Vành từ xa. Vừa vào cuộc giao đấu, lựa vào viên chủ tướng nghĩa quân còn đang gò ngựa chạy tới. Phúc Đặng đem hết sức bình sinh quăng cả cây côn sắt vào mặt Bá Vành. Nhiều tiếng thét thảng thốt hoặc đắc chí bật lên từ hai bên hàng trận. Nhiều người đã chắc mẩm phen này Bá Vành phải trận vong. Không ngờ viên chủ tướng nghĩa quân nhanh mắt đã kịp nhoài người nép vào bên kia cổ ngựa để trách ngọn đòn ám hại: Cây côn sắt chỉ đập vỡ tan sọ con vật!

Ngả lăn từ mình ngựa xuống đất, Bá Vành chồm ngay dậy và vội trở về mươi bước. Vừa lúc ấy, cu Vò đã hộc lên một tiếng, cầm đầu xông tới sát bên cạnh chủ tướng, hai tay khư khư ôm một bó lao nhọn. Bá Vành chồm chân đứng dậy: "Được, Phúc Đặng mi đã buộc ta phải dùng đến ngón đòn sở trường rồi đó!"

- Coi đây! Bá Vành quát lớn, mắt long lên sòng sọc.

Nhanh như chớp, ngọn lao quen thuộc, như bao lần, vừa truyền từ tay người hầu cận trung thành tới tay Bá Vành đã rít lên, bay vù vù tới chỗ Trương Phúc Đặng. Viên thống chế triều đình cả kinh, bất giác né người, vung tay lên: Phúc Đặng đã chộp gọn được ngọn lao trong tay! Những tiếng ồ kinh ngạc loang ra khắp bãi chiến trường. Nhưng ngọn lao thứ hai đã lại từ tay Bá Vành vù vù bay tới. Và Phúc Đặng lại né người, vung cánh tay bên kia lên, bắt được! Tiếng reo hò nổi lên dậy đất. Viên thống chế nhà Nguyễn đắc chí hai tay giơ cao hai ngọn lao, hai bắp đùi kẹp chặt lấy mình ngựa, vươn thẳng người, xô ngựa xông vào chỗ Bá Vành đang đứng, khí thế thật dữ dội.

Gầm lên một tiếng vác óc, viên chủ tướng nghĩa quân giật lấy ngọn lao cuối cùng trong tay cu Vò, quỳ rạp xuống, nhằm đúng ngực Trương Phúc Đặng phóng ngược mũi nhọn lên, đà bay như gió bão của miếng phóng lợi hại dội vào cái thế xô tới hùng hở của viên tướng triều đình, khiến cho ngọn lao của Bá Vành chỉ trong nháy mắt xuyên suốt qua người Trương Phúc Đặng ném tung ngược viên thống chế nhà Nguyễn lên trời.

Điều kết thúc xảy ra quá đột ngột. Nghĩa quân Bá Vành lập tức ào lên, đánh cho không còn mảnh giáp cả một đạo quân lớn của triều đình.

Vua Minh Mệnh từ khu hồ sen, trong cấm cung theo đường hồi lang vào nghỉ ở đường Thư Quang. Tên vua thứ hai của triều Nguyễn này vừa làm xong cái công việc hàng ngày mùa hè của hoàng đế: Bắt cả bầy vợ hàng trăm người của y trần truồng ra tắm ở hồ sen để y ngồi xem.

Minh Mệnh bần thần, có ý không vui: Hoàng đế vừa chợt thấy trong đám vợ của y đã nhiều người có dáng quá tuổi đôi mươi! Loay hoay với điều ám ảnh ấy, chợt thấy quan Thượng bảo khanh Hoàng Quỳnh đã kính cẩn chực sẵn ở thềm điện, Minh

Mệnh giở giọng truyền phán ngay:

- Hai ba năm nay đại hạn luôn, khiến dân tình cơ cực, lòng người không yên. Các trấn thành hay tâu việc giặc cỏ nổi lên cướp phá... Hoàng đế ngừng lại, nhấp ngụm sâm trong chiếc chén ngọn do viên nội giám vừa dâng. "Trẫm nghĩ chưa rõ vì cớ gì! Hay tại đàn bà con gái bị giam hãm ở trong cung nhiều, khí âm uất tắc mà nên thế chăng? Nay lũ họ cũng ở trong cung không nhiều lắm, song hãy tạm lựa ra cho bớt một trăm người, may ra tai biến giảm đi chăng? ".

Minh Mệnh lại nhấp ngụm sâm nữa. Và trong khi chờ cho chức Thượng bảo khanh Hoàng Quỳnh kia lĩnh kỹ thánh ý, trước khi truyền phán tiếp về việc phải chọn thêm con gái trẻ đẹp nhập cung thay thế vào chỗ phi tần sẽ bị thải ra, hoàng đế lơ lãng lật chồng sớ mà quan Cơ mật đã đặt sẵn ở án thư chờ ngài ngự lãm. Nhưng vừa mới xem lướt qua mấy chữ, Minh Mệnh đã giật mình thất sắc. Mối hiểm họa Bá Vành ở Bắc thành mà y hằng quan tâm, giờ đã trở nên quá lớn rồi! Tập sớ tâu việc phò mã Lê Mậu Cúc, và thống chế Trương Phúc Đặng nối tiếp nhau tử trận, nông dân Bắc thành rậm rộ đi theo Phan Bá Vành... Bị vò nát trong các ngón tay run rẩy co quắp từ lúc nào chẳng biết! Minh Mệnh phút chốc quên mất cả việc cung tần mỹ nữ, vội vã hạ lệnh: Triệu tập ngay viện Cơ mật!

Trong cuộc nghị bàn với viện Cơ mật hôm ấy, lúc đầu, quá hoảng sợ trước phong trào nông dân khởi nghĩa do Phan Bá Vành cầm đầu, hoàng đế nhà Nguyễn đã tính toán đến sự phải thân chinh. Nhưng sau đấy Minh Mệnh lại thay đổi ý kiến: Những đại thần cột trụ triều đình phải đi làm việc đó chứ không phải là hoàng đế! Vậy trước hết phải sai Tiền quân thống quản tiệp kính thập cơ Phạm Văn Lý làm thống tướng, Binh bộ thị lang Nguyễn Công Trứ làm tham tán, thủy quân đô đốc Phan Bá Hùng điều bát Hải đạo binh thuyền. Sau đấy, lại điều Phó đô thống chế, Nghệ An trấn thủ Nguyễn Văn Hiếu làm Sơn Nam kinh lược đại sứ, Hình bộ thượng thư Hoàng Công Xán, Binh bộ thị lang Thân Văn Duy làm Tham biện kinh lược sự vụ. Cả một bầy quan tướng ấy đều phải lập tức lên đường, triệt cho kỳ được mối hiểm họa Ba Vành để ngài ngự được thanh thản mà đi dưỡng thân vàng mình ngọc!

Phan Bá Vành đứng lên chòi cao của đại đồn Trà Lũ nhìn ra cánh đồng trống trước mặt. Bụi đất ở đấy vẫn còn chưa tan. Dư âm của những hồi trống trận vẫn còn chưa tắt. Ánh nắng xiên khoai đục vẫn một màu vàng dữ dội của buổi chiều chiến trường. Nghĩa quân của tướng Hải Đăng lại vừa tay khiên tay đao phá tan một cánh quân triều đình ở đấy.

Đại quân triều đình mấy trận gần đây dường như đã đổi cách đánh. Hồi mới kéo quân tới Sơn Nam, thống tướng Phạm Văn Lý đã khiến Phan Bá Vành phải khó chịu vì cách đánh của hắn. Văn Lý né tránh tất cả các cuộc giao chiến với nghĩa quân. Cùng với tham tán Nguyễn Công Trứ, có Hải thuyền của Phan Bá Hùng hỗ trợ, hắn đóng quân thành những đồn lớn, vây quanh vùng hoạt động của Phan Bá Vành. Quân của Văn Lý chỉ thỉnh thoảng mới dóng súng thần công nã vào trại quân Bá Vành, còn thì chủ yếu là làm vây cánh cho bọn kinh lược Nguyễn Văn Hiếu, tham biện Hoàng Kim Xán và Thân Văn Duy trị dân, triệt đường lương thảo của nghĩa quân. Những đồn quân của Văn Lý như thế, thường được phòng thủ khá vững. Có

lần, chính thân Phan Bá Vành đã đem năm nghìn nghĩa quân, tất cả đều trần trụi, chỉ đóng khố bằng bẹ chuối, giữa ban đêm vác trường đao lăn xả vào phá đồn của Văn Lý, xung sát đến ba lần mà cũng không vào được quân doanh của hắn.

Vướng quân của Văn Lý, các cánh nghĩa quân của Bá Vành dần dần đều phải tụ về quanh chủ tướng. Và Bá Vành đã phải đưa tất cả về vùng đất võ Trà Lũ này, xây đại đồn, cố thủ. Nhưng dồn được nghĩa quân về vùng này rồi, Văn Lý xem ra lại muốn đổi cách đánh. Hắn bắt đầu tung lực lượng, giao chiến đàng hoàng với nghĩa quân. Mấy trận đánh dữ dội như trận đánh với Hai Đáng chiều nay đã xảy ra. Dân Trà Lũ, từ nhỏ đã học sử dụng khiên đao, khét tiếng đất võ, lần này theo Bá Vành, đã mấy trận làm quân triều đình khiếp vía. Nhưng liệu có đánh mãi được thế không?

Đứng trên chòi cao của đại đồn Trà Lũ chiều hôm ấy, nhìn các thủ lĩnh nghĩa quân đang quây lấy tướng Hai Đáng vừa thắng trận trở về, cặp mắt sắc như gương của Phan Bá Vành thoáng một nét đăm chiêu. Đôi mày nét mác cau lại, Bá Vành thấy dội bên tai lời các tướng Chiêu Văn, Bất Hựu nói với mình mấy hôm trước: "Giặc đã vào sâu rồi! Ta nên nhân lúc thế lực của giặc chưa dày mà đánh cho mỏng đi!". Đúng, có lẽ phải như thế! Cần dốc toàn lực, nhân lúc Phan Văn Lý đang còn điều quân tới chưa đủ mà đánh một trận sống mái, nếu không phá được giặc thì cũng mở được vây, Bá Vành đã thấy phân vân ngần ngại... Những giọt nước mắt, rồi những tiếng nói nũng nịu, những bàn tay ve vuốt, những cử chỉ chiều chuộng của người vợ lẽ mới, giờ chắc đang chờ đợi Bá Vành ở nhà, bỗng lái hắn chiều suy nghĩ của viên chủ tướng nghĩa quân về một hướng khác. Ba Vành xoay người, bước vội xuống chòi.

Quả nhiên, người đàn bà mặt hoa da phấn đã đon đả đứng chờ Bá Vành trước thềm nhà. Bị bắt trong một trận đánh Phủ Bo ngày trước, Thị Tú, người đàn bà ấy con gái yêu của Tri phủ Trần Thước, may nhờ sắc đẹp và tài khéo, nên chẳng những thoát chết mà còn được Phan Bá Vành dung nạp làm vợ Lẽ. Rất biết lợi dụng sắc đẹp và tài khéo của mình để thi hành kế sách của viên thống tướng triều đình: Giữ chặt Bá Vành ở Trà Lũ để quân triều đình tiêu diệt!

Đón Phan Bá Vành bước qua bậc cửa, Thị Tú vừa phe phẩy quạt và lần tay cởi áo cho viên chủ tướng nghĩa quân, vừa cất giọng ỏn thót:

- Thiếp xin kính mừng tướng quân lại thắng trận. Tiệc rượu mừng thiếp đã dọn đây! Lũ quân triều hèn đốn ấy, xin cứ để kéo đến cho thêm đông, nuôi chúng cho thêm béo, rồi khi ấy tướng quân hãy ra oai một trận sấm sét, chẳng việc gì phải bận lòng nhọc sức...

Quàng cánh tay trần qua vai Bá Vành, kề chén rượu tận môi viên chủ tướng nghĩa quân, con rắn độc của Phan Văn Lý đang nhả nọc mỹ nhân kế, nối giáo cho quân triều đình...

Các tướng của Bá Vành cuối cùng cũng giật được thủ lĩnh của họ ra khỏi mạng lưới mỹ nhân kế.

Một buổi sớm, đưa được Bá Vành đi tuần thám một lượt khắp bốn bề đại đồn Trà Lũ, Chiêu Liễn, Nguyễn Hạnh đã chỉ cho chủ tướng thấy rõ bên quân triều đình,

dinh trại cờ quạt la liệt san sát khắp đồng nội, quây chặt lấy nghĩa quân không còn một kẽ hở. Thế trận liên hoàn của Phạm Văn Lý dồn nghĩa quân vào tử địa đã bày xong! Giờ mà tung quân ra mà đánh thì muộn mất rồi Phan Bá Vành uất nghẹn đến tận cổ, trợn mắt hộc lên một tiếng.

Ngay ngày hôm ấy, lộ rõ chân tướng, Thị Tú bị điệu ra chém đầu. Và nghĩa quân cùng với nghĩa dân Trà Lũ được lệnh sắm sửa mai, cuốc, thúng sọt, sẵn sàng cùng với binh khí của mình. Đợi đêm đến, họ sẽ khơi một con ngòi chạy suốt từ sông Cát Giang thông sang đến sông Ngô Đồng mở đường máu để Bá Vành phá vây.

Con người kỳ lạ đã làm xong chỉ trong một đêm. Mờ sáng, nghĩa quân Bá Vành theo đường sông đào, ồ ạt đổ ra ngoài. Họ đã liều chết tả xung hữu đột, giao chiến với quân triều đình suốt cả ngày hôm ấy, máu chảy đỏ cả đoạn sông.

Nhưng rồi vòng vây vẫn không phá được. Quân triều đình, hết lớp này đến lớp khác, kéo tới như kiến cỏ. Và khi chiều đến, Phan Bá Vành cũng trúng thương ở đùi. Tả hữu tan tác mỗi người một ngả, chỉ còn một mình cu Vò vẫn người thủ hạ trung thành ấy bên mình đeo một ống vầu đựng rượu, xả thân cõng chủ tướng tháo chạy.

Trong sáu ngày đêm, giấu Bá Vành trong một vạt lau rậm bên bờ tả ngạn sông Đồng Giang, dùng chỗ rượu trong chiếc ống vầu duy nhất còn bên người, Cu Vò nâng giấc, chữa chạy vết thương cho chủ tướng. Sang ngày thứ bảy, rượu hết. Vò lần ra bờ sông múc nước. Vừa vác được ống vầu về rửa vết thương cho Bá Vành thì đã thấy có tiếng động: Một người đàn bà bắt cua tình cờ nhác thấy bóng người trong bụi lau hoang dại, đã tò mò theo hút Cu Vò, lần vào đến tận nơi.

Gặp cảnh kinh lạ, người đàn bà hoảng hốt toan chạy trốn thì Bá Vành đã ôn tồn gọi lại. Biết đấy là người Hoàng Nha, viên thủ lĩnh nghĩa quân gọn giọng nói:

- Chị có biết cai tổng Lê Tuấn không? Hắn là con của người môn hạ ta đó! Về bảo hắn đến đây, ta sẽ giao cả thân ta cho hắn...

Biết trước mặt mình là *Vua Bá Vành* người đàn bà sụp xuống lạy ba lạy, và phải để giục đến mấy lần, nước mắt ròng ròng mà quay đi. Rồi cai tổng Lê Tuấn đã hối hả tìm đến ngay sau đấy, đem theo cả võng lọng.

Rước Phan Bá Vành về nhà, ba ngày liền, Lê Tuấn cung kính thuốc thang, cơm rượu phục dịch hết lòng. Đến ngày thứ tư, theo lệnh của người thủ lĩnh nghĩa quân, viên cai tổng cho đóng một chiếc cũi lớn, khiêng đến bên sập Bá Vành.

Chít một chiếc khăn màu đỏ lên đầu, Bá Vành ung dung bước vào cũi, để cho tay chân của Lê Tuấn khiêng đi nộp quan lấy thưởng. Người thủ lĩnh nghĩa quân ngồi yên lặng trong cũi suốt một đoạn đường dài. Đến địa phận xã Đồng Phú, huyện Thượng Nguyên, những người khiêng cũi đang chạy gần bỗng thấy tay đòn lắc đảo dữ dội và Bá Vành lảo đảo ngã vật: Người thủ lĩnh nghĩa quân đã móc rốn, moi ruột, tự tử.

Bấy giờ là năm Đinh Hợi, đời Minh Mệnh thứ tám.

Hơn Hai mươi năm sau.

Miền Nam Sơn lại một lần nữa sôi lên sùng sục. Tráng đinh các thôn làng thi nhau sắm khiên, rèn đao, luyện võ. Căm ghét triều đình nhà Nguyễn đến tận xương tủy, già trẻ nơi nơi sôi nổi truyền cho nhau cái tin "Vua châu chấu" đã nổi ở Mỹ Lương, chỉ nay mai sẽ kéo về, kén quân, chọn tướng ở vùng này làm cuộc đổi đời.

Vào những ngày ấy, ở các phiên chợ Sơn Nam, thấy xuất hiện một người hát rong. Con người gầy guộc, râu tóc mới chớm hoa râm ấy đã cuốn hút người nghe, người xem, bằng một giọng hát rõ trầm mà nặng, bằng lối hát rất kỳ lạ: Cười đấy khóc đấy khi thì hào hùng sôi nổi, khi thì lắng đọng xót xa, và nhất là bằng lối hát thật mê say:

"Nghênh ngang một cõi biên thùy

Thiếu gì tướng tá, thiếu gì binh lương...

Cuộc khởi nghĩa của Bá Vành đã sống dậy cùng với người chủ tướng kịch liệt của nó qua những lời hát ấy.

Và con người đang truyền đi lời hát ấy chính là Cu Vò, người hầu cận trung thành của viên thủ lĩnh nghĩa quân năm xưa...

Cao Bá Quát

Bóng râm của căn nhà gỗ cũ kỹ vừa phủ kín mảnh sân nho nhỏ, ông đồ Cao nhổm dậy, ngồi trên chiếc sập chân quỳ đã long mộng. Khuôn mặt xương xương, trầm lặng và kín đáo của ông vẫn hướng vào quyển sách trên tay. Theo thói quen hằng ngày, ông gọi:

- Bá Đạt! Bá Quát!

- Dạ.

Chỉ nghe tiếng thưa của Bá Đạt, ông buông sách, trừng mắt hỏi:

- Thằng Bá Quát đâu?

- Thưa cha, em Quát vừa đi chơi ạ.

- Hừm!... Con đi tìm em về đây!

Nhìn theo khi bóng con khuất theo giậu râm bụt, ông đồ Cao mới hạ tấm thân gầy gò mảnh khảnh xuống sập. Kê đồ trên chiếc gối đỏ đã xỉn màu, ông đặt sách ngang ngực, vắt tay lên trán. Ông nghĩ đến dòng dõi nhà họ Cao, đến hai đứa con sinh đôi mà ông đã đặt bao hy vọng vào chúng.

Họ Cao với dòng dõi thi thư, nhưng đến cụ Đồ thì sau bao nhiêu năm đèn sách, rốt cuộc chỉ là một ông đồ kiết. Một căn nhà gỗ, cửa bức bàn ruỗng mọt, chiếc sân gạch vỡ nát, dăm sào ruộng vườn hương hỏa, cuộc sống của hai vợ chồng con cái, chỉ trông vào bàn tay tháo vát tần tảo của bà đồ. Tự an ủi, vui với cảnh nghèo, nhưng cái nghèo không làm cho ông đồ Cao vui được. Mấy giá sách quý cũng bán dần để

mua gạo. Cuộc đời đèn sách của ông đã không thành đạt gì, hai đứa con trai sẽ làm đẹp mặt ông, thay ông làm rạng rỡ cho tổ tiên. Ngay từ khi đặt tên cho hai đứa là Bá Đạt và Bá Quát. Ông đã thầm mong cho sau này chúng trở thành những hiền sĩ có thể giúp đời cứu dân như các hiền sĩ thời Chu. Cũng may hai con đều thông minh, chăm chỉ. Nhưng xem ra mỗi đứa một tính nết. Bá Đạt ngoan ngoãn, khuôn phép, còn Bá Quát thì thông minh, sắc sảo hơn nhưng lại bướng bỉnh và phóng túng. Cứ rời ông ra là Bá Quát đã đi chơi. Chắc hẳn cậu đang đùa nghịch với lũ trẻ ngoài gốc gạo...

Trong lúc đó Bá Quát đang chơi một mình ngoài sân đình. Chả là học xong bài, Bá Quát nhớ đến mẹ, cậu đi đón mẹ về chợ Đứng thơ thẩn ngoài đầu làng, chưa thấy bóng mẹ. Bá Quát sà vào sân đình. Hìn những câu đối treo trên cột, nét chữ đẹp như rồng bay phượng múa, Bá Quát say mê. Hàng ngày trong khi dạy học, cha vẫn thường nhắc hai anh em phải làm sao cho văn hay chữ tốt. Văn hay, thì phải học, còn chữ tốt cũng phải tập luyện chứ. Thế là ngoài lúc học bài, Bá Quát tập viết. Nền nhà, gốc sân, cánh cửa, đâu cũng là chỗ tập viết của Bá Quát. Giờ đây ở sân đình, sẵn gạch vụn, Bá Quát chọn mẩu gạch non viết, viết rồi lại xóa. Bá Quát say mê viết nét chữ thảo bay bướm, chữ triện vuông vắn đến nỗi quên cả đón mẹ. Mải mê tập viết, Bá Quát không biết mẹ đã về và đang đứng sau lưng mình. Khi nghe tiếng mẹ gọi, Bá Quát mới quẳng mẩu gạch, đứng dậy níu lấy tay mẹ:

- Mẹ! Mẹ có mua giấy cho con không?

Bà Đồ xoa đầu con, yên lặng. Bà chưa biết nói gì với con.

Từ mấy hôm nay, Bá Quát vẫn đòi bà mua giấy. Mỗi khi có giấy, bà chia đều cho hai con, ấy thế mà bao giờ Bá Quát cũng hết trước. Bà Đồ không hiểu Bá Quát làm gì mà tốn giấy thế. Bây giờ thì bà hiểu rồi. Lòng bà se lại. Làm gì còn tiền để mua giấy cho con tập viết?

- Đến mai mẹ mua cho con!

- Mẹ cứ mai mãi! Thế nào mai mẹ cũng mua nhé? Bà yên lặng, gật đầu dắt tay con về nhà.

Vừa thấy bóng Bá Quát, ông đồ Cao đã nhỏm dậy:

- Bá Quát mày nghịch ngợm ở đâu mà thằng Bá Đạt tìm không thấy?

Bá Quát buông tay mẹ, đứng trước mặt cha:

- Thưa, con đi đón mẹ.

- Thuộc bài chưa?

- Con thuộc làu làu rồi ạ.

- Được.

Đặt quang gánh trên thềm, bà đồ Cao bước lên nhà học, đứng khép nép bên chồng:

- Ông đồ ạ, rõ khổ. Ông vẫn mắng thằng Quát lấy giấy làm diều nên chóng hết.

Tôi xem ra nó tập viết đấy. Nó tập viết la liệt ở sân đình kia kìa, nghe nói ông đồ Cao sực nhớ lại. Bá Quát, không những văn hay mà chữ cũng tốt hơn Bá Đạt nhiều, ông đưa mắt nhìn quanh nhà, chỗ nào cũng thấy nét chữ bằng than, bằng gạch của Bá Quát. Nhìn kỹ nét chữ của con ông vui hẳn lên. Ông gọi hai con lại. Bá Đạt, Bá Quát, khoanh tay đứng cạnh cha, khác hẳn mọi lúc, ông tỏ ra rất dịu hiền. Xoa đầu từng đứa, ông dặn dò:

- Các con phải học tập, cố gắng rèn luyện cho văn hay chữ tốt. Nhà ta nghèo, thanh bạch, nhưng thấy các con chăm chỉ, thông minh, cha mừng cho dòng họ Cao lắm. Mai sau nhà nước mở khoa thi, các con chiếm bảng vàng, ra tay cứu dân giúp nước, làm đẹp mặt cho cha, cho làng nước.

Nghe dặn dò, Bá Đạt cúi đầu yên lặng, còn Bá Quát lại nhìn thẳng vào mặt cha mà lớn tiếng:

- Vâng ạ!

Không biết hai con đã hiểu được nỗi lòng của mình chưa, nhưng ông đồ Cao vẫn thấy vui vui. Bá Đạt và Bá Quát, nhất là Bá Quát, trong trí óc non nớt, thông minh sớm phát triển của cậu, đã khắc sâu lời dặn dò của cha từ hôm ấy.

Hết Gia Long đến Minh Mạng lên làm vua, ấy thế mà cũng như khắp nơi, làng Phú Thị trong đó có gia đình ông đồ Cao vẫn kéo lê thê cuộc sống chật vật. Cây gạo cổ thụ đầu làng, mặt hồ Thiên Mã, đường ngõ quanh co chật hẹp những mái nhà chen chúc, tất cả như vẫn trì trệ, không biết đến năm tháng.

Tuy vậy hai con trai ông đồ Cao nhất là Bá Quát lại ngày càng trở nên anh tuấn. Như cây măng mọc trên đất cằn, sức sống mãnh liệt sẵn có trong mầm non vẫn ngày một vươn cao trong môi trường sống khắc nghiệt. Khắp vùng Bắc Ninh, Bắc Thanh, Cao Bá Quát đã nổi tiếng là học trò giỏi. Trong văn bài ở nhà trường cũng như thơ văn thù tiếp ứng đối, Cao Bá Quát thường áp đảo các sĩ tử, văn nhân. Lời văn của Cao đã tự nhiên, thanh thoát, thơ văn mạnh mẽ mà ý tứ lại mới lạ và hàm súc. Dường như tấm thân gầy yếu của cậu thư sinh Cao Bá Quát có khuôn mặt khôi ngô lồ lộ không cân đối với ý chí mãnh liệt và tâm hồn nồng cháy của cậu. Ngày đêm dùi mài đèn sách, sôi kinh nấu sử, Cao Bá Quát hăm hở bước vào đời, ước vọng sẽ làm như Y Phó mà Cao thường đọc trong sách vở.

Minh Mệnh năm thứ mười hai (1831) sau khoa thi hương ở Hà Nội, khắp vùng xôn xao vì một thí sinh đậu á nguyên bị đánh xuống rốt bảng cử nhân. Cao Bá Quát là nạn nhân trong câu chuyện đó.

Văn nhân, sĩ tử ai mà không biết đến chàng thư sinh họ Cao hai mươi ba tuổi, quê ở Phú Thị tỉnh Bắc. Người ta bắt đầu kể cho nghe nhiều giai thoại về chàng thư sinh gặp cảnh ngộ éo le ấy. Nào là chàng ta thông minh và hay chữ, đã chiếm được hai bồ chữ trong bốn bồ của thiên hạ. Nào là thuở bé, một lần Bá Quát đi chơi ở Hồ Tây, phạm vào đường cấm của sa giá nhà vua. Bọn lính thấy cậu bé láo xược liền bắt trói đem tâu vua. Nhà vua hỏi, Bá Quát xưng là học trò. Vua Minh Mệnh chỉ xuống mặt hồ ra câu đối:

"Nước trong leo lẽo cá đớp cá" bắt phải đối, nếu không đối được sẽ bị đòn. Không một chút sợ hãi, Bá Quát ứng khẩu đọc ngay: "Trời nắng chang chang người trói người". Nhà vua khen ngợi và tha cho...

Nhiều giai thoại về Cao được người đời thêu dệt và truyền đi khắp nơi.

Trong lúc thiên hạ xôn xao bàn tán về mình thì trong một ngôi nhà nhỏ ở khu Đình Ngang nằm sát phía Nam thành Hà Nội, Bá Quát vẫn cặm cụi miệt mài trên đống sách cũ. Khu đất hẻo lánh, dân cư nghèo nàn và chen chúc ấy cũng phù hợp với cảnh sống thanh bạch của gia đình họ Cao. Một căn nhà lụp xụp, một mảnh vườn con con, ngõ đi chật hẹp, cuộc sống chật vật chung đụng với xóm giềng nghèo và tốt bụng giữa tỉnh thành phồn hoa lại càng thúc giục Cao Bá Quát vội vã trên đường sự nghiệp. Qua kỳ thi Hương, Cao Bá Quát đã bước đầu nếm thấy vị chua cay của nghiệp khoa cử. Nhưng còn có đường nào khác, "đời thái bình đâu có bỏ phí tài năng"? Bá Quát hy vọng vào kỳ thi hội. Ba năm một lần, Cao Bá Quát từ biệt gia đình lều chõng vào kinh rồi lại về không. Đã biết "Lầm vì chút phù danh", "Nhưng vào đời đã có văn chương, trốn danh thì còn ham muốn gì? " Cao Bá Quát mòn mỏi trong hy vọng và chờ đợi. Trượt ba khoa thi hội liền, không phải vì kém tài năng mà chỉ vì ngòi bút của Cao không hợp với khuôn khổ gò bó khắc nghiệt của lối văn cử nghiệp!

Năm tháng cứ trôi đi, cha mẹ ngày càng già yếu, con cái nheo nhóc, từ Phú Thị, đến Đình Ngang, rồi về gần Hồ Tây, cái nghèo vẫn cứ lẽo đẽo theo sau Cao Bá Quát. Cao lấy việc dạy học để kiếm sống và tìm thú vui trong ngao du, xướng họa. Trong khi giao tiếp với bạn bè, đặt chân ở nhiều nơi, Cao Bá Quát đã có dịp nhìn thấy rõ bộ mặt của xã hội mà Cao vẫn nuôi mộng được góp phần xây dựng.

Khắp nơi dân tình nhôn nhao đói khổ. Thuế khóa, sưu dịch nặng nề làm cho nhiều gia đình phải phiêu bạt, tan nát. Loạn lạc nổi lên nhiều nơi. Những người dân lành kia sao lại phải sống cơ cực đến như vậy? Cao vẫn "Muốn lên tuyệt đỉnh cao vời; hát vang mà gửi ra ngoài nước mây", muốn ném hạt mai lên núi để xuân về "Sẽ thành một bức tranh cho mọi người xem chung". Nhưng chính Cao lại phải trông tận mắt cảnh thu thuế khẩn cấp có những người "Tính mạng chỉ đợi một đồng tiền là có thể đổi được"; đã từng gặp những đoàn người mà dắt díu, bồng bế nhau đi lĩnh chẩn khiến Cao phải tự than phiền: "Trong lúc thanh bình, nào ai có để ý đến từng người dân thường!". Suy nghĩ về trách nhiệm của kẻ sĩ chân chính vẫn nuôi dưỡng đạo lý "Lo trước, vui sau", Cao ngậm ngùi: "Tấc lòng mình hẹn cho mình xưa kia, nay vẫn không đâu, chỉ cúi đầu tựa góc tường mà không nói".

Chẳng phải chỉ gặp nhau trong tâm tư tình cảm mà trong cuộc sống hằng ngày, Cao và những người dân hiền lành kia có khác gì nhau đâu:

Lều nho nhỏ kéo tấm tranh lướp tướp, ngày thê lương nặng hạt dội mưa sa.

Đèn cỏn con gom chiếc chiếu loi thoi, đêm tịch mịch soi chung vầng nguyệt tỏ.

Áo Trọng Do bạc thếch, giải xuân thu cho đượm sắc cần lao;

Cơm Phiếu Mẫu hẩm xì, đòi tuế nguyệt khải ngậm mùi đau khổ.

Gió trăng rơi rụng, để cái quyên gầy;

"Sương tuyết hắt hiu, làm con nhạn võ".

Bị lãng quên trong xã hội bất công và ngột ngạt, đầy dẫy nhưng quan lại hà khắc, ngu dốt, Cao Bá Quát vẫn ngẩng cao đầu cất lên bài ca trong sáng về tư cách đạo đức của mình:

Đói rau rừng, thấy thóc Chu mà ngảnh, đá Thú Dương chơm chởm, xanh mắt Di nằm tốt ngáy o o;

" Khát nước sông, trông giòng đục không vơ, phao vị thủy lênh đênh, bạc đầu Lã ngồi dai ho lụ khụ". Cao khinh rẻ những kẻ hèn hạ chạy cầu danh lợi:

"Ngàn nhẽ kẻ tham bề khóa lợi, mũ cánh chuồn đội trên mái tóc, nghiêng mình đứng chực chốn hầu môn;

"Quản bao kẻ màng cái dàm danh, áo vẩy lân trùm dưới cơ phu, mỏi gối quỳ mòn sân tướng phủ". Như con thuyền lướt ngược dòng sông đục để tìm về nguồn trong, Cao Bá Quát lại càng bị những kẻ đang ngụp lặn bơi theo dòng đục gièm pha và ghét bỏ. Ông Cử Quát, văn chương lỗi lạc hơn người, tài đức trong sáng ít ai kịp mà vẫn chưa được người tiến cử, nhà vua vẫn không chịu bổ dụng.

Cho đến năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), Cao Bá Quát, con người mấy năm trước vẫn từng ngâm bài thơ:

"Trượng phu ba mươi tuổi, chẳng nên danh gì.

Dạo khắp ven trời, khí bất bình chưa dịu.

Ngâm xong bảy bài ca, ngảnh đầu nhìn lại

Thân thể mờ mịt, chỉ đáng trừng mắt trông đời".

Mới nhận được chỉ triệu vào kinh.

Cao Bá Quát bước vào quan trường với chức hành tẩu bộ Lễ.

Quan sơ khảo trường thi Thừa thiên Cao Bá Quát băn khoăn lật đi lật lại tập bài của thí sinh. Nhìn sang bên cạnh, Cao thấy bạn đồng nghiệp Phan Nhạ đang cặm cụi trên quyển thi. Ánh đèn dầu soi rõ những nét son của quan sơ khảo vừa phê trên trang giấy đặc chữ màu đen kịt. Trước mặt là hai mươi bốn quyển thi, Cao đã đọc đi đọc lại nhiều lần mà vẫn chưa quyết định. Thực tình hai mươi bốn quyển này có thể lấy được, nhưng tiếc thay, quyển nào cũng chen vào vài câu dùng chữ sai lạc, phạm húy làm cho bài văn không trúng cách. Lương tâm của viên quan chấm thi buộc Cao Bá Quát phải thận trọng khi hạ bút trên những văn bài của sĩ tử.

Theo Cao, phạm húy đâu phải là kẻ bất tài! Chẳng qua vì chỉ sơ xuất không kiêng tránh khi dùng đến những chữ trùng với tên của nhà vua và họ hàng nhà vua mà thôi; còn văn bài thì lối văn cử nghiệp với những luật lệ gò bó khắc nghiệt chỉ tổ kìm hãm trói buộc ý tứ của sĩ tử, có quan trọng gì đối với việc đào tạo, tuyển dụng nhân tài. Cao vẫn băn khoăn không hiểu tại sao người ta không vứt bỏ những điều phiền toái ấy đi. Bản thân mình đã bị quy chế thi cử của triều đình hành hạ, sao lại

còn để cho chuyện thi cử vùi dập người khác khi mình đang cầm ngòi bút son trong tay? Cao Bá Quát quay sang nhìn Phan Nhạ:

- Phan tiên sinh thấy hai mươi bốn quyển thi này ra sao?

Phan Nhạ bước lại bên án thư của Cao Bá Quát:

- Tôi vẫn băn khoăn, kể về thực tài thì thấy được, nhưng quyển nào cũng phạm sơ xuất nhỏ, luật lệ thi cử không tha thứ, thật là khó nghĩ.

Thấy bạn đồng nghiệp cũng một tâm sự như mình, Cao Bá Quát mạnh dạn:

- Phan tiên sinh ạ, tài giỏi đâu có phải vì những điều vụn vặt ấy. Không thể để cho sĩ tử bị vùi dập oan uổng được. Tôi muốn cứu mấy quyển này.

Phan Nhạ dè dặt:

- Đậu hay không của sĩ tử cũng còn qua nhiều người chấm nữa. Nhưng bây giờ văn bài còn đang trong tay chúng ta, cứu vớt họ là phải. Làm thế nào là tùy ở tiên sinh.

Không chút do dự, Cao Bá Quát đưa ngọn bút son lên miệng nhấm nháp. Lúc này trong trí Cao Bá Quát hiện lên thấp thoáng hình bóng hai mươi bốn sĩ tử không quen biết nào đó, còn nhà vua và triều đình, Cao không cần biết đến. Cao dùng muội đèn làm mực chữa lại cho hai mươi bốn quyển thi. Ít lâu sau việc bị phát giác, triều đình khép Cao vào tội giảo giam hậu.

Đã một năm rồi Cao vẫn bị tống giam chờ lệnh.

Trằn trọc mãi không ngủ được, Cao Bá Quát nhổm dậy, ngồi thu chân trên chiếc giường ọp ẹp của nhà ngục. Chiếc gông dài chắn ngang cổ trễ lệch trên đôi vai xo gầy. Tấm thân mảnh dẻ của Cao nay lại càng tiều tụy vì những đau đớn cực nhục và uất hận.

Nghĩ mình như "Con chim có sức bay cao mà bị nhốt trong lồng", Cao ôm hận đến trào ra theo dòng nước mắt.

Ngày đêm sống trong nhà ngục, ngồi mang gông mà không thẹn với bóng, Cao tự cho mình đã làm việc thiện, thấy việc thiện phải làm mà vì việc thiện mà nên tội.

Đêm nay cũng như bao đêm đã qua, mỗi khi nghĩ đến đời mình bị tan vỡ oan uổng, Cao Bát Quát không sao chợt mắt được, Cao dậy đốt đèn ngồi ngâm thơ, bên cạnh Cao, chú tiểu đồng nằm trơ mình co quắp một bên giường. Khẽ rón rén kéo chiếu đắp cho chú bé, Cao bó gối ngồi rung đùi tìm ý thơ, chờ sáng. Bên gian nhà ngoài, mấy người trong ngục vẫn ngáy đều đều.

Cao rùng mình, nghĩ đến những việc đã qua. Từ nhà ngục này đến nhà ngục khác, hết hỏi cung lại tra khảo, Cao không ngờ mình còn sống được qua những trận đòn roi ác liệt đến như thế. Mai là ngày trùng cửu, trọn một năm từ khi bị tốn giam. Cao Bá Quát nảy ra ý nghĩ kỉ niệm ngày đột biến của đời mình.

Mặt trời mùa thu đã lên cao, trong nhà ngục vẫn tối tăm lạnh lẽo. Nhiều người tù còn uể oải nằm trăn trở trên giường. Thầy trò Cao Bát Quát đã thức dậy từ sáng sớm

để dọn dẹp sửa soạn công việc. Một người tù trẻ tuổi thấy vậy hỏi.

- Thầy trò ông Cao làm gì thế?

Cao Bá Quát cười đáp:

- Hôm nay là ngày vui của đời ta!

Trong bảy tám người tù bị giam chung, có những người chưa rõ về Cao. Họ chỉ biết đây là một ông quan rất giỏi thơ và vui tính. Như mọi hôm, vào lúc này ông Cao còn trùm chăn nằm ngâm thơ, như hôm nay ông lại bận rộn thu xếp công việc gì vậy? Cho đến lúc chú tiểu đồng lễ mễ bê vò rượu về và Cao Bá Quát mời các bạn tù ngồi quây quanh chiếu rượu, họ mới biết ông Cao thết tiệc.

Rót đầy rượu cho từng người, Cao Bá Quát nâng chén mời:

- Đây là tiệc sinh nhật kiếp này của gã Mẫn Hiên đây. Xin mọi người hãy cạn chén mừng cho ta vừa tròn một tuổi.

Các bạn tù ngơ ngác nhìn nhau, lấy là lạ cho ông thánh thơ lần thẩn này! Họ nhớ lại chuyện ông vịnh cái gông. Cầm gông trong tay ông nói với gông: "Gông dài! Gông dài! Mày biết ta chăng? Ta cũng chẳng hợp gì với mày đâu!" rồi ông lấy bút mực viết luôn một lúc ba bài thơ. Nhà giam trói buộc được con người ông, nhưng cấm sao được thơ của ông. Càng buồn bực, càng đau đớn uất hận ông lại càng làm thơ. Năm ngoái, sau khi bị trận đòn tra khảo khốc liệt ở bộ Lễ, về nhà giam, gượng đau ông viết bài ca về cái roi song. Lời thơ của ông đau xót, não nùng, oán hờn nhưng cũng rất kiên cường, ai đọc cũng phải khâm phục. Hôm nay được Cao Bá Quát thết rượu, các bạn tù lấy làm lạ cũng là phải, họ có biết đâu rằng từ khi bước vào vòng tù tội, Cao lại càng cảm biết sâu sắc bộ mặt thật của bè lũ cầm quyền ngu tối và tàn bạo, kẻ đã gây nên bao điều bất công, tàn nhẫn oan uổng đối với dân lành mà Cao đã từng được chứng kiến ở khắp nơi. Nhà vua và triền đình đối với Cao một "Kẻ sĩ đầy hùng khí", đã trở thành xa lạ.

Niềm tin có thể đem tài năng để phò vua, giúp nước làm nên sự nghiệp lớn của Cao, trước đây có bị sứt mẻ, đến bây giờ thì đổ vỡ hoàn toàn. Ngọn lửa mới đã nhen nhóm trong lòng Cao từ lúc ông vừa bước chân vào nhà ngục. Cuộc đời mới của Cao bắt đầu từ ngày bị nhà vua đặt chiếc gông vào cổ đến nay vừa tròn một tuổi. Tâm sự đó của Cao Bá Quát không phải ai cũng hiểu được.

Sau gần hai năm đầy đọa trong tù ngục (1841- 1843) giữa kinh thành Huế, Cao Bá Quát được tha, phải đi dương trình hiệu lực ở Giang lưu ba. Cùng năm đó, Cao trở về bộ Lễ để rồi bị thải hồi.

Bước vào công danh chẳng "Vẹo đầu", Cao lại ung dung trở về với quê hương, gia đình, bè bạn và học trò. Không đủ tư cách làm bầy tôi của triều đình, Cao Bát Quát lại có tài đức để nhân dân, bạn bè yêu mến.

Như thanh gươm quý bị vùi ở Phong Thành vẫn tỏa ra ánh sáng khiến người đời phải tìm kiếm, vào năm Thiệu Trị thứ bảy (1847) Cao Bát Quát được triều đình lục dụng sau bốn năm sống nghèo ở quê hương.

Lần này trên con đường vào kinh nhận chức ở Viện hàn lâm, Cao không còn hào hứng và tin tưởng như xưa:

"Lòng bùi ngùi mất hứng thú

Mối hận trào theo dòng sông trong"

Trong mấy năm làm việc ở Viện hàn lâm, Cao lại có dịp chứng kiến cuộc sống xa hoa hưởng lạc của triều đình. Trong khi đó ở khắp nơi, dân tình cơ cực, loạn lạc nổi lên. Đời Thiệu Trị làm vua chỉ có bảy năm (1941- 1847) mà đã có đến năm mươi tám cuộc khởi nghĩa: Tự Đức từ 1848 chỉ tính đến 1862 mà đã có đến bốn mươi cuộc khởi nghĩa của nông dân chống lại triều đình. Nhà vua chỉ biết sức cho các quan trấn áp, tiễu phạt. Tiếng súng của Phú Lãng Sa đã nổ ở cửa biển Đà Nẵng, nạn nước đang ngấp nghé bị đe dọa. Buồn vì không giúp ích được gì cho dân, Cao Bá Quát tự bảo:

"Đáng phàn nàn cho ta chỉ đóng cửa mà gọt giũa câu văn.

Lải nhải nhai lại, từng câu từng chữ,

Có khác chi con sâu đo muốn đo cả đất trời".

Để sống qua những ngày vô vị ở Viện hàn lâm, Cao Bát Quát thường đi du ngoạn và xướng họa. Bạn thơ của ông thì nhiều, nhưng người tâm đắc thì hiếm. Ông thường tỏ ra khinh bỉ những kẻ "Nuốt sống bắt tươi", "Mô phỏng quá nhiều, phong cốt chưa cao, tô điểm có khéo, nhưng tinh thần còn thấp", văn chương chỉ những "Nắn nót", "Lòe người", "Tự phụ".

Vào thời đó ở Huế có "Mạc Vân thi xã" là một nhóm nhà thơ gồm các đại thần, vương tôn, công tử. Họ thường tụ họp để cùng nhau xướng họa đề vịnh. Người ta kể rằng một hôm có người đem thơ "Thi xã" đọc cho Cao Bá Quát nghe. Nghe xong ông xua tay ngang mũi, đọc ngay hai câu lục bát:

"Ngán thay cái mũi vô duyên

Câu thơ thi xã con thuyền Nghệ An"

Còn có một lần Cao Bá Quát đã làm mọi người sợ xanh mắt nhưng vẫn phục lăn vì ông đã cho Tự Đức bẽ mặt trong dịp nhà vua khoe tài trước quần thần. Vốn sính thơ và hay chữ, một hôm Tư Đức khoe với quần thần rằng đêm trước nằm ứng mộng hiện ra được hai câu thần cú, rồi đọc cho mọi người nghe:

"Viên trung, oanh chuyển khề khà ngữ

Dã ngoại, đào hoa lấm tấm khai".

Nghểnh tai nghe hai câu thơ kỳ lạ, các quan xun xoe tấm tắc khen tài dùng chữ của nhà vua. Cao Bá Quát cũng có mặt ở đấy. Đã không ưa kẻ nhai văn nhá chữ, lại thêm một lũ quần thần xu nịnh. Cao liền đứng dậy tâu:

- Muôn tâu, đó là hai câu trong một bài thơ thần đã được nghe.

Tự Đức ngạc nhiên. Hai câu thơ do chính mình nằm đêm vắt óc, nghĩ ra sao lại nói là của một bài thơ cũ? Trong lúc đó Cao vẫn thản nhiên, nhẩm lại bài thơ rồi đọc

một mạch:

"Bảo mã tây phong huếch hoác lai,

Huênh hoang nhân tự thác đề bài.

Viên trung, oanh chuyển khề khà ngữ,

Dã ngoại, đào hoa lấm tấm khai.

Xuân nhật bất văn sương lộp bộp

Thiên thu chỉ kiến vũ bài nhài.

Khề khà thi tứ đa nhân thức

Khênh khang tương lai vấn tú tài"

(Ngựa báu theo gió tây huếch hoác lại

Huênh hoang người tự theo về.

Trong vườn, tiếng oanh hót khề khà

Ngoài đồng hoa đào nở lấm tấm.

Ngày xuân chẳng nghe sương lộp bộp,

Trời thu chỉ thấy mưa bài nhài

Khù khờ câu thơ đã nhiều người biết,

Còn khệnh khạng đem hỏi các nhà văn học).

Nghe thơ, vua quan đều gương mắt nhìn nhau. Đúng là giọng thơ của Cao Bá Quát! Đã vậy lại còn chê nhà vua là khù khờ, khệnh khạng. Nhiều viên quan rụt cổ thè lưỡi sợ cơn giận của nhà vua vì cái ngạo mạn của Cao Bá Quát. Tự Đức giận lắm, nhưng không có cớ gì để buộc tội người đọc thơ. Cả vua lẫn quan bị một vố đau nhưng cũng phải giật mình kinh ngạc vì tài ứng khẩu của Cao Bá Quát.

Là người có biệt tài về thơ văn, nhưng Cao không chỉ vừa lòng với việc sống để làm thơ. Từ thuở còn đi học ông vẫn hy vọng sẽ đem sở học để xây nền trị bình cho đất nước. Nhưng hoàn toàn thất vọng, ông đã thấy:

"Bước đường công danh không khác gì chõ rơi bị vỡ,

Nghiệp nhà thư sử cũng tựa như nghề mổ rồng".

Trong dịp đi chơi Hoành Sơn, đứng trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ của đất nước, ông nghĩ đến tình cảnh cơ cực của nhân dân mà kẻ sĩ như ông có trách nhiệm phải lo lắng. Nhưng khốn thay với triều đình mờ tối và tàn bạo này ông không thể không mong gì được. Ông chỉ còn ngao ngán:

"Sớm lên những trên núi Hoàn Sơn

Chiều xuống tắm ở dòng khe Bàn Thạch

Nhặt lấy mỗi nơi một viên đá

Cả non sông không đầy một vốc bàn tay".

và tỏ ý thầm kín:

"Người anh hùng không kéo lại được nước đã ngàn năm".

Là một viên quan nhỏ ở Viện hàn lâm, bị triều đình hắt hủi, nhưng tư cách và tài năng của Cao Bá Quát lại vượt trên tầm của nhiều người. Giữa triều đình ruỗng mọt với một bè vua quan bất tài chỉ biết đến vinh thân phì gia, Cao vẫn thường nhủ:

"Làm hoa nên làm hoa sen,

Hương thanh, thân thẳng, dáng điệu xinh tươi.

Bùn vàng năm đấu, nước một thước,

Có một phong cách đặc biệt như sống trong động tiên.

Công thành danh toại rồi thì đi tắp,

Không dây dưa gì đến các loài hoa cỏ tầm thường".

Trong tình cảnh ấy, con người "Chỉ ôm ấp hoài tấm lòng lo trước vui sau" của Cao Bá Quát đã trở thành cái gai trước mắt nhiều kẻ.

Năm thứ ba triều Tự Đức (1850), Cao Bá Quát được lệnh rời kinh đô Huế đi nhận chức giáo thụ phủ Quốc Oai. Từ ngày ấy Cao Bá Quát không còn phải nằm khểnh trong gian gác nhỏ bên sông Hương để làm những bài thơ "Ngâm lên cũng có thể làm rụng sao" và nhìn dòng sông lại thấy "Ngọn sông dài như lưỡi gươm dựng giữa trời xanh" nữa!

Khắp phủ Quốc Oai, ai mà không biết tiêng ông giáo thụ họ Cao. Chả phải đến bây giờ, ngay từ ba năm trước, khi nghe tin Cao Bá Quát về giữ chức giáo thụ của phủ nhà, người ta đã mừng cho con em trong phủ được một ông quan nổi tiếng văn học trông nom dạy dỗ. Chẳng bao lâu câu thơ được truyền tụng từ kinh đô: " Văn như Siêu, Quát; Vô Tiền Hán; thi đáo Tùng, Tuy: Thất Thịnh Đường" cũng đến với người dân phú Quốc Oai xa xôi này.

Người ta biết chuyện về quan giáo thụ nhưng không ai hiểu được sự của ông.

Thuở thiếu thời, ông cũng miệt mài bút nghiên, gửi gắm tương lai vào khoa cử. Đến bây giờ mái tóc đã hoa râm, sau hàng chục năm lao đao chốn quan trường, ông đã thấy mình nhầm. Cứ như thế này, cái sở học của ông chẳng giúp gì được cho đời cả. Chẳng phải đâu xa lạ ngay trên mảnh đất Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây này, người dân vẫn điêu đứng trong đói nghèo liên miên. Không phải vì dân thiếu ruộng cày, không biết làm ăn, mà chỉ vì sưu dịch, thuế khóa và nạn tham nhũng; nay phải cung đốn cho tỉnh nhà, dùng hình phạt. Ấy thế mà ông lại nằm lì ở phủ Quốc Oai này với nghề ông đã cho là lầm lạc. Con người do ông đào tạo nên phỏng có giúp ích gì cho dân nước trong tình hình này không? Ông không còn hào hứng với chức nghiệp giáo thụ này nữa, và đã chán ngấy cái triều đang đòi ông phải cúc cung tận tụy. Ông đã có con đường đi của mình.

Thỉnh thoảng người ta gặp quan giáo thụ thuê võng đi từ Quốc Oai về trấn Bắc Thành. Nhờ bạn, ông đi tìm bạn. Yêu quê, ông về thăm quê. Ở Quốc Oai, hàng ngày

sau buổi dạy học, nếu không về tư thất làm bạn với sách vở, thì ông lại đeo bầu rượu túi thơ rủ bạn đi thăm những thắng cảnh trong vùng. Tuy ở nơi thôn dã xa xôi này, nhưng bạn bè khách khứa tìm đến với ông khá đông. Không mấy ngày nhà ông không có khách.

Ai đến trường học cũng cũng phải dừng chân đọc đôi câu đối viết trên tường:

"Mô phạm dăm ba thằng mặt trắng

Đỉnh chung chiếc rưỡi cái lương vàng"

Còn ở nhà riêng, người ta không thể nhịn cười vì câu đối dán trên vách:

"Nhà trống ba gian, một thầy, một cô, một chó cái.

Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi"

Ấy thế mà quan phủ cũng phải nể ông Cao, bởi vì đến tổng đốc Sơn Hưng Tuyên Nguyễn Bá Nghi, ông giáo thụ họ Cao còn chẳng sợ nữa là. Thà đem học trò lên núi bình văn thơ cho khỉ nghe chứ Nguyễn Bá Nghi biết gì mà ông phải gửi những bài văn hay lên cho tổng đốc.

Ngoài việc dạy học, ông chỉ thích đi chơi và tiếp khách. Vào thời buổi loạn lạc này, việc đi lại, giao thiệp của người dân cũng bị xét hỏi, theo dõi nghiêm ngặt. Đối với ai, chứ với ông giáp thụ họ Cao, từ kinh cho đến các tỉnh, ở đâu ông cũng có bạn, thì việc khách khứa, bạn thơ lui tới nhà ông đông đảo cũng không lạ.

Không ai để ý đến trong số bạn bè thường lui tới nhà quan giáo thụ có một người khách ít khi đến thăm ông Cao, nhưng mỗi khi đến, thường hay ở lại chơi hàng mấy ngày.

Hôm nay ông ta lại đến nhà Cao Bá Quát vào lúc trời tối. Cao thu mình trong chiếc áo kép đã sờn, đang ngồi cạnh ngọn đèn. Quyển binh pháp Tôn Tử đọc dở còn để một góc án thư. Bên ngoài gió bấc từng cơn, xô vào liếp ọp ẹp. Bên be rượu nóng, Cao Bá Quát ngâm nga mấy bài thơ của mình đề vịnh trên vách núi. Đang mải ngâm thơ, chú tiểu đồng bước vào:

- Thưa thầy, nhà có khách ạ.

Cao Bá Quát gấp vội sách đặt lên giá, xốc áo đứng dậy. Khách bước vào:

- Kính chào Cao tiên sinh.

Cao mừng rỡ rỡ lên:

- Ngài Nguyễn Kim Thanh! Tôi tưởng có khách từ trấn thành lên chơi.

Sau khi ngồi yên chỗ, Cao Bá Quát rót rượu mời khách. Nguyễn Kim Thanh cởi tấm khăn nhiễu buộc đầu rút ra một phong thư, kính cẩn trao cho Cao Bá Quát. Xem kỹ bức thư nhiều lần, Cao lặng lẽ đưa lên ngọn lửa. Tờ giấy bản bốc lửa cháy bùng bùng, soi rõ gian nhà lá. Ngọn lửa lụi dần rồi tắt ngấm, chỉ còn lại một ít tàn đen uốn éo quăn queo và nát vụn. Cao Bá Quát hạ giọng:

- Từ khi biết Lê minh chủ, lại được hội kiến với người bàn về việc dựng cờ nghĩa cứu vớt muôn dân, tôi mừng cho vận nước. Chỉ tiếc rằng tôi đã uổng phí cả một thời

trai trẻ để rồi phải mòn đầu dưới trướng lũ hôn quân. Đến khi tỉnh ngộ thì đầu đã bạc.

Nguyễn Kim Thanh đỡ lời:

- Thưa tiên sinh, triều đình đưa tiên sinh về Quốc Oai là chúng thả hổ về non đó. Được tiên sinh theo về, Lê minh chủ mừng có người giúp rập tài giỏi. Ngày đêm ngài vẫn mong đợi tiên sinh về bên màn trướng để cùng bàn việc nước.

Hiểu ý, Cao Bá Quát xua tay:

- Trong thư Lê minh chủ có nói ý đó. Tôi muốn ôm mãi chức giáo thụ Quốc Oai này làm gì? Dấy nghĩa để quét sạch lũ hôn quân bạo chúa, cứu dân dựng nghiệp cũ là cần thiết và hệ trọng. Phải làm sao thuyết phục được nhân tâm, thu nạp các sĩ phu, hào kiệt. Đến khi bừng dậy phải như sấm sét, như vũ bão, khiến chúng che tai không kịp. Xem thư, tôi đã hiểu lòng Lê minh chủ. Ngài hãy về tâu với Lê minh chủ rằng tôi còn phải liên kết với các văn nhân sĩ tử, chiêu mộ hào kiệt, thành lập nghĩa đảng ở các tỉnh Bắc Ninh, Sơn Tây, Hà Nội để các nơi cùng ứng nghĩa. Bằng như nay, bỗng nhiên bỏ về với Lê Minh chủ thì chưa phải lúc, chỉ làm cho triều đình thêm nghi ngờ mà thôi.

Cho đến quá nửa đêm, ánh đèn nhà Cao Bá Quát mới tắt. Quan giáo thụ vẫn thường thức khuya để đọc sách hoặc chấm bài!

Sáng hôm sau, tiễn chân khách đến đầu đường, Cao về trường dẫn học trò lên núi Sài Sơn bình văn.

Một tháng sau, quan giáo thụ phụ Quốc Oai được lệnh của bộ Lễ cho phép nghỉ việc về quê phụng dưỡng mẹ già.

Trong dinh tổng đốc, Nguyễn Quốc Hoan đứng ngồi không yên. Ngay từ lúc mới phát giác ra đảng nghịch, vội tâu về triều đình, Nguyễn Quốc Hoan mừng phen này sẽ lập được công lớn. Đã bốn tháng rồi, Nguyễn Quốc Hoan được lệnh của Tự Đức phải hiệp sức với tổng đốc Hà Ninh là Lâm Duy Hiệp, tổng đốc Sơn Hưng Tuyên là Nguyễn Bá Nghi để trừ loạn Cao Bá Quát. Chẳng phải chỉ có quan lại ở địa phương, mà từ kinh đô Huế, Tự Đức cũng lo nơm nớp. Một khi các sĩ phu kết hợp được với dân nghèo đã sẵn căm thù triều đình để vùng dậy, thì đất Bắc Hà khó mà giữ được và ngai vàng của nhà vua cũng có cơ bị trút đổ. Cho nên Tự Đức đã vội phái phó lãnh binh Thanh Hóa đem năm trăm quân, vệ úy Hoành Thành đem ngay một vệ lính tuyển phong, hai mươi súng thần cơ, mười lăm võ sinh từ kinh ra Hà Nội để hỗ trợ tiễu phạt.

Bốn tháng ròng rã, các phủ huyện ra sức tầm nã, bắt bớ không biết bao nhiêu người để tra khảo mà vẫn chưa dò la được tung tích Cao Bá Quát, trong lúc đó chuyện Cao Bá Quát nổi dậy chống triều đình ngày một lan rộng, tình hình trong tỉnh không lúc nào yên.

Cuộc đời làm quan bấy lâu đã cho Nguyễn Quốc Hoan biết dân mà đói thì khó bề yên được. Ấy thế mà tỉnh Bắc Ninh này cũng như các tỉnh khác đang trải qua cơn đói khủng khiếp. Theo các phủ huyện báo lên thì nhiều làng, dân phiêu bạt, bỏng bế

nhau đi lang thang, người chết đói nhan nhản. Nạn đói còn kéo dài. Vụ chiêm đã mất vì châu chấu, vụ mùa lại mất vì ngập lụt. Tổng đốc Nguyễn Quốc Hoan lo lắng. Không phải ông ta lo dân đói, mà lo không bắt được Cao Bá Quát thì ông cũng khó mà giữ được đầu chứ đừng nói đến cái ghế tổng đốc.

Nguyễn Quốc Hoan phải đến trấn Bắc Thành hội bàn với các tổng đốc như đã hẹn, để tung lưới quyết bắt cho được Cao Bá Quát.

Trấn Bắc Thành chìm ngập trong hoang mang, lo sợ. Từ mấy tháng nay chẳng những người dân ở trấn thành luôn luôn bị khám xét, tra hỏi, mà cả những người đói từ cá nơi đổ về phố phường ăn xin, đêm hôm nằm ngổn ngang ở đầu đường xó chợ cũng bị đánh úp trấn thành. Chưa thấy ai gây loạn, chỉ mới thấy quan lại, binh lính được dịp sách nhiễu, cướp bóc ức hiếp dân chúng. Trên đường phố binh lính điều chuyển tới tấp. Không mấy ngày không có những tốp người gầy gò rách rưới tay trói, cổ mang gông, bị lính áp giải vào nhà lao trấn thành.

Ai nấy lo lắng, hồi hộp chờ đợi một biến cố lớn, hy vọng có thể thay đổi cuộc sống ngột ngạt đang hàng tháng đè nặng cả trấn thành.

Hôm nay phố phường lại một phen nhốn nháo vì chuyện tổng đốc Ninh Thái Nguyễn Quốc Hoan, tổng đốc Sơn Hưng Tuyên Nguyễn Bá Nghi đến hội kiến với tổng đốc Hà Ninh Lâm Duy Hiệp.

Bình thường thì việc đi lại các quan tổng đốc, dân thường chẳng mấy ai biết đến. Nhưng vào lúc này thì khác. Quan tổng đốc đi từ tỉnh Bắc, tỉnh Sơn sang trấn thành phải có hàng mấy trăm tinh binh khí giới sẵn sàng hộ tống. Dọc đường qua đi, người ta cấm dân không được tụ họp. Ai trái lệnh thì bắt giữ, nếu chống lại thì chém đầu ngay tại chỗ. Còn ở trấn thành, trạm canh gác vốn đã dày đặc như mạng nhện, hôm nay số trạm gác lại tăng lên gấp bội. Trên đường, các thầy cai, thầy đội lăng xăng cắp gươm đi tuần. Thỉnh thoảng một viên quan võ rạp mình trên lưng ngựa, lao nhanh như tên bay. Hai bên phố phường cửa ngõ đóng im ỉm.

Người ta bảo nhau: Các quan tổng đốc sợ quân ông Cao Bá Quát bắt giết đấy!...

Trong khi đó ở khu rừng Ngang huyện Mỹ Lương quốc sư Cao Bá Quát, thượng thư Nguyễn Kim Thanh cùng với Lê minh chủ đang bàn việc ra quân.

Đặt gươm nằm ngang trên án thư, Lê Duy Cự vén tay áo thụng, nhìn Cao Bá Quát:

- Kế hoạch đánh úp trấn Bắc Thành bị vỡ lở, ta phải ra quân ngay. Quốc sư xem còn có kế nào khác để cứu vãn tình thế không?

Như đã sắp sẵn mọi kế hoạch, không cần suy nghĩ. Cao Bát Quá trả lời:

- Tâu minh chủ, lũ tẩu cẩu đã đánh hơi được mưu đánh chiếm trấn Bắc Thành của ta. Từ mấy tháng nay chúng đang bắt bớ truy nã ráo riết người cầm đầu. Cứ như tin tức thám báo cho biết hiện nay Nguyễn Quốc Hoan, Lâm Duy Hiệp và Nguyễn Bá Nghi chưa biết tôi đã về đây. Chúng tưởng rằng tôi còn ngấm ngầm hoạt động ở Bắc Ninh. Đồng đảng của ta nhiều người bị bắt giữ, nhưng chúng không thể phá vỡ hết cơ sở của ta được. Khắp vùng Bắc Ninh, Sơn Tây, Hà Nội đều có người theo

chúng ta. Vả hiện nay dân tình đói khổ cơ cực đã nhiều, ai cũng căm giận triều đình. Chỉ cần chúng ta sớm phất cờ nghĩa, trừ bạo cứu dân, lòng người khắp nơi sẽ hướng về. Trước hết ta đánh chiếm các phủ huyện lân cận thuộc Sơn Tây, Bắc Ninh, Hà Nội, sau đó tràn về chiếm trấn Bắc Thành, nghiệp lớn lo gì không thành đạt. Nếu còn chần chừ tức là bó tay nộp mạng cho triều đình và đắc tội với dân.

Lê Duy Cự gật đầu, quay lại với thượng thư Nguyễn Kim Thanh:

- Ta cho lời Cao Quốc Sư bàn là phải. Thượng thư thấy thế nào?

- Tâu minh chủ, đến lúc này mà chưa ra quân là thất sách lớn. Quân sĩ cũng nóng lòng đợi ngày xuất trận. Dân chúng khắp nơi đang chờ đợi chúng ta. Ngừng một lát, Nguyễn Kim Thanh nói tiếp. Tôi thiết tưởng dấy nghĩa phải có cờ hiệu. Lũ chúng tôi đã sắp sẵn, xin minh chủ chọn chữ đề cờ.

Nhìn tấm vóc vàng trải rộng trên mặt bàn, Lê Duy Cự bóp đầu suy nghĩ. Dấy quân để khôi phục lại cơ nghiệp nhà Lê vẫn là ý nghĩ nung nấu trong đầu, Lê Duy Cự muốn viết chữ "Lê" trên lá cờ đại. Sực nhớ đến Cao Quốc Sư, con người văn hay chữ tốt nổi tiếng một thời đang đứng bên cạnh, Lê Duy Cự nói với quốc sư:

- Ta trao cho Cao Quốc Sư quyền chọn chữ đề trên cờ nghĩa của chúng ta.

Cao Bá Quát nhận lệnh gọi người đem bút mực đến. Đã lâu nay bận tổ chức đảng kín, lo việc quân cơ, tâm trí của Cao Bá Quát đều dồn cả vào chuyện kiếm cung. Vả lại với triều đình tàn bạo này, cây bút của Cao phỏng có giúp ích gì cho dân. Cao Bá Quát đã quyết định cầm gươm. Và Cao đã thực sự xếp bút nghiên cầm thanh gươm từ ngày trả chức giáo thụ Quốc Oai lại cho triều đình. Đến bây giờ Lê minh chủ lại giao cho Cao cầm chọn chữ đề trên cờ nghĩa. Ông thánh Quát viết:

"Bình Dương, Bồ Bản vô Nghiêu, Thuấn

Mục Dã, Minh Điều hữu Vũ, Thang"

Cao Bá Quát đã gói gọn trong mười bốn chữ đầy ý nghĩa và mục đích trong sáng của việc làm mà Cao đã quyết vì nó hy sinh đến trọn đời.

Nét mực đen lấp lánh nổi bật trên nền vóc vàng như rồng bay phượng múa. Lê minh chủ, Nguyễn thượng thư ngây người đứng nhìn lá cờ. Lê minh chủ nói với Cao Bá Quát:

- Tài thư kiếm trên đời này ai dám sánh với quốc sư? Ta giao cho quốc sư thảo tờ hịch kể tội triều đình và bố cáo việc nghĩa của ta cho trăm họ biết.

Một buổi sớm mùa đông tanh ráo, trong khu rừng Ngang huyện Mỹ Lương, các đội nghĩa quân Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu tập trung dưới quyền chỉ huy của Thiên hạ nguyên súy, Hoàng Giang chánh thống, chánh giá đại nhân Lê Duy Cự, quốc sư Cao Bá Quát và các tướng lĩnh quan chức đủ các cấp.

Từ vùng bán sơn địa này, nghĩa quân rẽ cây rừng tràn về đồng bằng theo hai ngả. Đinh Công Mỹ, Bạch Công Trân suất đội trong cơ Sơn Dũng tỉnh Sơn Tây đã theo về với dân nghèo, dẫn đầu một đoàn quân tiến về chiếm huyện lỵ Ứng Hòa. Cùng lúc đó, ngọn cờ đại màu vàng do Lê Duy Cự, Cao Bá Quát, Nguyễn Kim Thanh chỉ

về phía huyện Yên Sơn reo phần phật.

Từ mấy hôm trước, nhân dân khắp vùng đã truyền cho nhau tờ hịch kể tội triều đình, hô hào mọi người nổi dậy. Nghe lời hịch mà hả lòng hả dạ. Ai nấy đều nghe ngóng, mong mỏi chờ đợi. Thì đây, cờ nghĩa đã giương cao, nghĩa quân đã nổi dậy. Người ta rủ nhau vác gậy gộc, giáo mác đi theo đoàn quân.

Gió rét. Cái rét buốt cay nghiệt như cắt da thịt, không cản nổi những người nghèo khổ phong phanh manh áo mỏng lên đường. Đã hàng năm trời đói ròng rã, chỉ ăn rau má củ rừng, lại bị sách nhiễu đủ đường, dân nghèo không thể ngồi yên đợi chết. Người ta phải vùng dậy quật ngã bè lũ vua quan, giành lấy cơm áo để mà sống chứ! Nhằm về phía ngọn cờ vàng, làng xóm lũ lượt kéo nhau đi theo đoàn quân mỗi lúc một đông. Tất cả đang ào ạt tiến lên như vũ bão.

Đó là cánh quân do Thiên hạ nguyên súy Lê Duy Cự, quốc sư Cao Bá Quát, thượng thư Nguyễn Kim Thanh, phó vệ úy Nguyễn Văn Thực đang tiến về đánh chiếm huyện lỵ Yên Sơn.

Ngồi trên kiệu, Cao Bá Quát phất cờ lệnh. Đoàn quân dài dằn dặt chuyển mình như rồng uốn khúc. Cao Bá Quát đưa mắt nhìn chung quanh. Làng mạc, đầm ruộng hiện ra trước mắt Cao như một bức tranh tuyệt đẹp. Núi non dăng hàng, viền xanh thẫm dưới chân trời trắng dục. Cao Bá Quát mơ đến ngày mai, sau khi quét sạch lũ vua quan tàn bạo, thanh gươm Cao đang đeo bên mình chắc sẽ thành vô dụng. Lúc ấy Cao trở về cầm bút để viết nên những bài thơ ca ngợi đất nước gấm vóc với cuộc sống thanh bình.

Tiếng reo hò của đoàn quân gọi ông thánh thơ Cao Bá Quát trở về với nhiệm vụ cầm quân dấy nghĩa.

Cao Bá Quát phất cờ lệnh.

Đoàn quân dấy nghĩa tràn đi như gió lướt. Trước sức mạnh của nghĩa quân, tri huyện Yên Sơn bỏ huyện đường chạy trốn. Nghe tin Yên Sơn bị mất, tổng đốc Nguyễn Bá Nghi điều gấp quân về chiếm lại. Quốc sư Cao Bá Quát bàn với Thiên hạ nguyên súy Lê Duy Cự tiến lên chiếm huyện lỵ Vĩnh Tường và bao vây triệt hạ trấn thành Tam Dương.

Ngọn cờ màu vàng hiên ngang cắm trên huyện đường Vĩnh Tường, vẫy gọi dân nghèo tứ xứ nổi dậy. Nhân dân ở hầu khắp các tỉnh Bắc Hà nô nức hướng về ngọn cờ nghĩa. Triều đình Huế càng bối rối hoảng sợ.

Nghe tin triều đình thêm quân ra Bắc, quốc sư Cao Bá Quát nói với Lê Duy Cự:

- Thưa Nguyên súy, Tự Đức điều thêm quân ở Nghệ An, Thanh Hóa ra đóng giữ các vùng Hà Nội, Ninh Bình, Sơn Tây. Vẫn còn sợ, hắn lại điều tên chưởng vệ Nguyễn Trọng Thao đang giữ chức đề đốc kinh đô ra làm đề đốc Hà Nội để đối phó với nghĩa quân của chúng ta. Nếu chủ có lũ chuột nhắt Nguyễn Bá Nghi, Lâm Duy Hiệp, Nguyễn Quốc Hoan thì Hà Nội, Bắc Ninh, Sơn Tây đã về tay chúng ta từ lâu rồi.

Lê Duy Cự bồn chồn hỏi lại:

- Một khi quân của triều đình kéo đến đây thì ta đối phó bằng cách nào?

Cao Bá Quát khẳng khái đáp:

- Chỉ có đánh; nếu bất lợi, ta rút về Yên Sơn liên lạc với đạo quân thứ nhất tiến về chiếm trấn Bắc Thành.

Trong khi hai người đang nói chuyện, thì một nghĩa quân tiến vào phủ đường nộp tờ cáo của triều đình. Xem xong, Lê Duy Cự trao cho quốc sư. Đọc tờ cáo, Cao Bá Quát cười khẩy.

- Cái đầu của Cao này, Tự Đức đã vứt đi, nay hắn lại phải tìm mua với giá đắt đến thế này cơ à?

Cao vui cười hỏi người nghĩa quân:

- Các ngươi có đem nộp ta để lĩnh thưởng của Tự Đức không?

Bị hỏi đột ngột, người nghĩa quân kính cẩn sợ hãi đáp:

- Thưa ngài, dân nghèo chúng tôi thề cùng mất còn với nguyên súy và quốc sư.

Lê Duy Cự, Cao Bá Quát cùng cười.

Hàng tháng trời trên miền đất Vĩnh Tường, nghĩa quân đã làm cho quân thù phải khiếp sợ. Được thêm năm trăm lính từ Thanh Hóa kéo ra hỗ trợ, quan quân của tỉnh thành Sơn Tây tiến hành vây chặt nghĩa quân ngày càng ráo riết. Để tránh mũi nhọn ở đây, quốc sư Cao Bá Quát điều quân rút về Yên Sơn.

Dẫn đầu đoàn quân, trước mặt Cao Bá Quát, ngọn cờ đại mà vàng tung bay trước gió. Hai hàng chữ do Cao viết đang chập chờn như đôi cánh chim bay lượn trên lưng trời. Tâm sự và ý chí của Cao đã gởi gắm cả vào lá cờ đại ấy.

Hàng mấy tháng trời lá cờ đại dẫn đoàn quân áo vải tung hoành trên một vùng đất rộng lớn thuộc các tỉnh Sơn Tây, Hà Nội, buộc vua quan nhà Nguyễn phải giật mình run sợ...

Cho đến một hôm, giữa lúc sự nghiệp còn dang dở, Cao Bá Quát đã hy sinh dưới ngọn cờ này trong một cuộc giáp mặt với quân thù trên mảnh đất Yên Sơn để lại cho người đương thời và các thế hệ mai sau một niềm thương tiếc và kính phục vô hạn.

Nguyễn Du

Tại phường Bích Câu thuộc kinh đô Thăng Long, tòa lâu đài của Xuân quận công Nguyễn Nghiễm đứng oai nghiêm, sừng sững. Trước con mắt mọi người, đó là hiện thân của một dòng họ đang nắm trong tay quyền uy nghiêng thiên hạ.

Thuở ấy, vào buổi mạt kỳ nhà Lê, một thời vùng dậy của lớp người nghèo khổ, bị chà đạp đến mức không thể chịu được vì chính sách hà khắc ngu tối của lũ vua chúa tham lam, đốùn hèn và bạo ngược. Trong cung vua, phủ chúa, nơi thế gia lệnh tộc, chẳng phải vì đói nghèo mà vì tranh quyền cướp vị cũng lao đao nghiêng ngửa.

Ấy thế mà tại phường Bích Câu, trong bốn bức tường hoa, cuộc sống hào hoa đài các vẫn diễn ra êm ả giữa dinh thự của Nguyễn Nghiễm.

Tại đây vào năm Ất Dậu, Cảnh Hưng thứ hai mươi sáu, triều Lê Hiến Tông, một cậu bé khôi ngô đĩnh ngộ cất tiếng chào đời. Cậu bé ấy chính là Nguyễn Du.

Lớn lên trong cánh tay người mẹ hiền đất Kinh Bắc, lên ba tuổi Nguyễn Du được tập ấm với tước hiệu Hoàng Tín đại phu, Trung thành môn vệ úy, Thụ nhạc bá. Sáu tuổi, Nguyễn Du bắt đầu học. Với bộ óc thông minh kỳ lạ của mình, Nguyễn Du đã hứa hẹn một tương lai rực sáng trên con đường cử nghiệp. Nhưng thời niên thiếu của người cha ngoài sáu mươi tuổi và của ông anh gần bốn mươi tuổi, đã khác nhiều với thời niên thiếu của cậu bé Nguyễn Du. Bấy giờ loạn, mà thời loạn thì chuộng võ. Nguyễn Nghiễm muốn cho đứa con trai thứ bảy của mình theo nghề võ, mặc dù ông và con trai đầu của ông, Nguyễn Khản, xuất thân khoa bảng, đang giữ quyền cao chức trọng trong phủ chúa.

Nhưng với đức tính nhu mì, hiền lành và trầm lặng của mình, Nguyễn Du vẫn ham mê chuyện văn thơ trong kho sách chất đầy thư các, hoặc lặng chìm trong tiếng đàn giọng hát của ca nữ không mấy ngày không ngân nga trong dinh thự cha, anh. Để dọn đường võ nghiệp cho con, Nguyễn Nghiễm nhận lời cho Nguyễn Du làm con nuôi viên quan võ họ Hà làm việc dưới quyền mình, đang giữ chức chánh thủ hiệu đội quân hùng hậu hiệu trấn Thái Nguyên.

Nhưng rồi những dự liệu của người cha cũng chẳng đi với Nguyễn Du đến trọn đời. Nguyễn Nghiễm cũng qua đời ngay từ lúc Nguyễn Du mới lên mười.

Nếu như những biến loạn bên ngoài chưa tác động đến cậu thiếu niên họ Nguyễn đang sống phẳng lặng trong tòa lâu đài đồ sộ tại phường Bích Câu, thì những họa phúc trong gia đình Xuân quận công Nguyễn Nghiễm đã gây nên những xúc động mạnh mẽ trong trái tim đa cảm của Nguyễn Du. Liền năm khi người cha mất, người anh đầu cùng mẹ của Nguyễn Du là Nguyễn Trụ chết. Ba năm sau, người mẹ qua đời vào lúc bà sắp đón tuổi tứ tuần.

Cho đến một ngày giông tố bùng nổ trên đến kinh thành. Nguyễn Khản đang giữ chức trấn thủ Sơn Tây, được lệnh triệu về Thăng Long, bị tống giam vì chuyện mưu chống lại Huy Quận công Hoàng Đình Bảo và Tuyên phi Đặng thị Huệ. Chúa Trịnh Sâm mất Trịnh Cán lên ngôi, nhân dân kinh thành truyền nhau câu hát:

Trăm quan có mắt như mờ

Để cho Huy Quận vào sờ chính cung

Câu hát nôm nao mộc mạc mà cay độc lọt vào tay, không khỏi làm cho Nguyễn Du kinh ngạc. Thì ra, bằng chữ nôm, không chỉ làm được những bài ca, khúc hát uyển chuyển, tình cảm đậm đà mà cậu vẫn say mê trong giọng ru hời của người mẹ khi xưa, hay trong các làn điệu của ca nữ, mà còn có thể làm nên câu thơ khiến cho nhiều kẻ phải run sợ. Khắp chợ búa trong kinh thành đâu đâu cũng treo móc sắt để móc lưỡi những người bàn tán xì xào về câu hát ấy! Thế mà thiên hạ vẫn không sợ. Lính tam phủ đã nổi dậy giết chết Quận Huy, phế truất Trịnh Cán, lập Trịnh Khải

lên ngôi. Nguyễn Khản lại được bổ dụng tham tri bộ Lại, giữ việc tham tụng trong phủ chúa.

Một năm sau, Nguyễn Du cùng anh là Nguyễn Nễ cắp lều chõng đến trường thi Sơn Nam. Khoa ấy Nguyễn Nễ đậu cử nhân còn Nguyễn Du chỉ đỗ tam trường

Đã qua rồi những cuộc dạo chơi bên ven hồ Thủy Quân của cậu công tử Nguyễn Du dập dìu trong đám giai nhân tài tử. Không còn những buổi hẹn hò với cô gái láng giềng xinh đẹp chèo thuyền trên hồ Tây trong sương sớm. Cuộc sống hòa hoa êm ả mà đơn điệu của Nguyễn Du cũng chấm dứt từ ngày kiêu binh ập đến phá nhà quốc sư Nguyễn Khản. Nguyễn Du theo anh chạy lên Sơn Tây tránh nạn kiêu binh rồi sang Thái Nguyên thay chân cha nuôi giữ chức Chánh thủ hiệu đội quân hùng hậu, sau đó về Quỳnh Côi sống nhờ nơi quê vợ khi Quang Trung đại phá quân Thanh.

Như con chim quý được xua ra khỏi lồng son chật chội, ọp ẹp để thử thách với gió trời, trổ tài bay bổng, Nguyễn Du có dịp hòa mình với thiên nhiên bao la chung sống với người dân hiền lành, siêng năng, chất phác trong cuộc sống nổi chìm. Từ đó dòng sữa vô tận của "Cây đời" đã nuôi dưỡng, vun đắp cho tài năng của Nguyễn Du trổ hoa kết trái.

Trong những năm lăn lộn, ăn nhờ ở đỗ, làm người "Khách bê trệ" bên sông, Nguyễn Du thường tìm đến Thăng Long thăm anh là Nguyễn Nễ đang làm quan nhà Tây Sơn. Đã lâu ngày quen sống chốn đồng quê phẳng lặng, Nguyễn Du không khỏi ngỡ ngàng nhìn Thăng Long đã quá nhiều thay đổi.

Trong con mắt của Nguyễn Du sau cơn binh lửa, Thăng Long rộn ràng cuộc sống mới lạ. Ban ngày, người dân bốn phương đổ về, phố phường đông đúc rộn rịp hơn xưa. Đêm đêm, tiếng đàn phách vang lên ở nhiều chỗ. Và lúc này, có mặt trong cuộc hát lớn của các quan Tây Sơn cạnh Giám hồ, Nguyễn Du say sưa lắng nghe tiếng đàn và giọng hát của đoàn ca nữ. Trước mặt Nguyễn Du, dưới ánh đèn, quan chức Tây Sơn, những người đã từng "Chọc trời khuấy nước" đánh bại quân xâm lược Mãn Thanh, đang thi nhau nâng chén, nói cười nghiêng ngả. Trong số vài chục cô gái mặt hoa da phấn hát hầu cuộc vui, Nguyễn Du chú ý đến một người ca nữ ngồi ôm cây đàn Nguyễn. Khi tiếng đàn rung lên dưới ngón tay ngà của cô, cả cuộc vui như ngừng lại, chỉ còn tiếng năm cung réo rắt ngân vang. Đất trời xao xuyến, người nghe lặng lẽ cúi đầu.

Ít lâu sau, Nguyễn Du được ở nhà Nguyễn Nễ dịp gặp gỡ người tài nữ ấy. Trong cuộc vui có dăm ba người khách, nhân chuốc rượu thưởng thức tài nghệ tuyệt vời của cô, Nguyễn Du hỏi thăm:

- Nàng học ngón đàn Nguyễn với khúc "Trung phụng" này từ bao giờ?

Đôi mắt long lanh, cô gái ngước nhìn Nguyễn Du với vẻ ngạc nhiên. Cô không ngờ trong đám khách lịch lãm ở kinh thành còn có người biết và hỏi đến khúc Trung Phụng. Chính bản thân cô mỗi khi dạo đàn cũng chỉ nhớ đây là khúc nhạc trong Đại nội Trung Hòa ngày trước, do mẹ cô truyền dạy lại, còn người nghe chỉ biết khen hay, hầu như không ai để ý đến lai lịch của nó.

Đỡ ly rượu trong tay Nguyễn Du, cô không trả lời, chỉ liếc nhìn và hỏi lại:

- Quan ngài thích nghe khúc Trung Phụng này lắm chăng?

Nguyễn Du đáp:

- Đó là những khúc đàn hay nhất ở trên đời cũng như ở giữa cõi người.

Ly rượu ngập ngừng trước làn môi thắm, cô liếc mắt đùa nghịch:

- Thế thì quan ngài phải cho em nhiều rượu!

- Ai có tiếc gì với ai!

Cả hai nhìn nhau cùng cười. Cô gái ôm đàn dạo lại khúc xưa, dường như chỉ dành cho một người nghe. Trước mắt Nguyễn Du, chỉ có người tài nữ với tiếng đàn tuyệt diệu của nàng...

Sau nhiều năm lang thang nơi quê vợ, Nguyễn Du trở về với căn nhà lá ở quê hương Tiên Điền bên dòng sông Lam trong vắt. Ở đây một vùng đất cát pha bạc màu, quanh năm nghèo tiền đói gạo nhưng lại thừa gió biển nước sông.

Người dân Nghi Xuân ai mà không nghe biết về chủ nhân ngôi nhà ấy. Một căn nhà gỗ xuềnh xoàng, cổng tre xiêu vẹo, thửa vườn nho nhỏ rau ít, hoa nhiều, quanh năm hương sắc. Trong nhà khoai lúa hiếm nhưng đàn sách lại giàu. Còn phải kể đến chiếc cần câu trúc và vài con chó săn tinh khôn không mấy khi rời chân chủ. Chả thế mà bạn văn chương ai cũng biết Nguyễn Du ngoài tên tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, còn có biệt hiệu "Hồng Sơn liệp hộ" hoặc "Nam Hải điếu đồ". Còn dân thường thì hay nhắc đến cậu "Chiêu Bảy" trai phường nón mà không hề biết làm nón. Và các cô gái quanh vùng, nhất là gái làng Tràng Lưu thì lại mê tít anh chàng khôi ngô, nho nhã, đa tình, chỉ phải cái tội mới ngoài ba mươi tuổi mà đầu đã sớm bạc!

Hàng năm vào những tháng đầu xuân, Nguyễn Du mòn gót trên các nẻo đường làng Tràng Lưu rộn tiếng hát đối đáp của nam nữ. Chẳng phải say thói trăng hoa, mà vì sức quyến rũ trong giọng hát lời ca dạt dào tình cảm của các cô gái thùy mị, dịu dàng. Nơi làng quê êm đềm này, Nguyễn Du được hòa mình trong đám trai trẻ, mượn lời thơ nôm na trao đổi tình cảm các làn điệu đặc sắc của quê hương.

Sống như Nguyễn Du mà cũng nhiều chuyện vui. Nhưng sau mỗi cuộc vui, khi trở về với căn nhà lá bên dòng sông Lam, nằm khểnh nhìn "Thần ôn vào nhà muốn bắt vía người, nghe tiếng chuột đói leo giường gặm sách vở" hoặc sống trong cảnh. "Cạnh gối có chồng sách đỡ tấm thân bệnh tật. Trước đèn uống chén rượu cho vẻ mặt tiều tụy tươi lên", Nguyễn Du không khỏi đau buồn.

Ông đã tìm phương giải thoát trong kinh sách nhà Phật. Thường ngày Nguyễn Du đi thăm cảnh chùa chiền, đàm đạo với các vị cao tăng, tuy không phải là người tu hành, nhưng Nguyễn Du hy vọng nhờ bàn tay tế độ của đức Phật từ bi, con người có thể thoát khỏi bể khổ của cuộc đời dâu bể.

Ngày rằm tháng bảy, nhìn đàn con trẻ xốn xang mong hương khói chóng tàn để được chia nhau ăn phần cháo nổ Nguyễn Du ngậm ngùi tự hỏi: Không biết con người ở cõi dương có hơn gì các cô hồn bơ vơ ở cõi âm hay không? Ông nảy ra ý

nghĩ viết bài "Văn tế thập loại chúng sinh".

Ông cầu mong:

"Nhờ đức phật siêu sinh tịnh độ.

Bóng hào quang cứu khổ độ u".

Nhưng rồi trở về với cuộc sống đang diễn ra trước mắt, Nguyễn Du cũng thấy nước cành dương của nhà Phật không giải thoát được cho mọi kiếp người, trong đó có bản thân ông. Tuy nhiên bài "Văn tế thập loại chúng sinh" được viết ra với ngọn bút tài ba của ông đã vượt ra ngoài phạm vi tín ngưỡng để trở thành một áng văn bất tử với tinh thần nhân đạo bao la, có giá trị tố cáo sâu sắc xã hội đương thời.

Gia Long lên làm vua, Nguyễn Du lại bước vào quan trường. Trên con đường làm quan với nhà Nguyễn, bắt đầu bằng chức tri huyện Phù Dung trấn Sơn Nam, rồi nhiều lần được thăng cấp, ấy thế mà Nguyễn Du đã sớm chán cảnh quan trường, vẫn canh cánh bên lòng niềm ao ước được trở về với sông Lam, núi Hồng!

Sau hơn mười năm làm quan với nhà Nguyễn vào năm Quý Dậu, Nguyễn Du đã được thăng hàm Cần Chánh điện học sĩ, nhận chiếu chỉ nhà vua làm chánh sứ sang triều đình Trung Hoa.

Từ kinh đô đến trấn Nam Quan, qua Thăng Long, Nguyễn Du được dịp dừng lại nơi mình đã sống thuở hoa niên. Hôm đoàn sứ lên đường, các bạn mở tiệc tiễn chân Nguyễn Du trong dinh Tuyên Phủ. Những cao lương mỹ vị chất đầy mâm tiệc càng làm cho Nguyễn Du ngao ngán. Có chăng chỉ tiếng đàn giọng hát của ca nữ đến hầu tiệc, còn hấp dẫn lôi cuốn Nguyễn Du. Bản đàn điệu hát tuy quen thuộc, nhưng mỗi khi cất lên còn làm cho Nguyễn Du cảm thấy thư thái dễ chịu. Khi tiếng hát trong trẻo của người ca nữ nào đó ngừng lại thì một điệu đàn của ai nổi lên khiến Nguyễn Du phải sửng sốt bàng hoàng. Tiếng đàn gợi cho ông nhớ lại câu chuyện hai mươi năm về trước.

Hai mươi năm đã qua, những quan khách Tây Sơn hào hoa phong nhã cùng với cơ nghiệp "Chọc trời khấy nước" của họ không còn nữa, nhưng dư âm của tiếng đàn và người ca nữ vẫn để lại trong trí Nguyễn Du một hình ảnh đẹp đẽ.

Ngồi trên bàn tiệc, Nguyễn Du chú ý nhìn đoàn ca nữ. Ngoài các cô gái xinh đẹp đang tuổi thanh xuân mơn mởn đến đàn hát hầu tiệc, Nguyễn Du còn thấy ở cuối chiếu có một người đàn bà tiều tụy ôm cây đàn Nguyễn lặng lẽ cúi đầu.

Chờ khi tan tiệc, ông tìm gặp người ôm đàn Nguyễn dè dặt hỏi:

Nàng học khúc "Trung Phụng" này từ bao giờ? Người đàn bà ngước nhìn Nguyễn Du rồi vội cúi đầu im lặng. Một lúc sau mới nghe tiếng thở dài hỏi lại:

Quan ngài thích nghe khúc "Trung Phụng" lắm chăng?

Nghe câu hỏi quen thuộc, Nguyễn Du đáp:

Đó là những khúc đàn hay nhất ở trên trời cũng như ở cõi người.

Người ca nữ không đòi rượu như năm xưa, Nguyễn Du chỉ thấy nàng lặng im,

những nét đau khổ chán chường hằn trên dung nhan tiều tụy. Nàng nhìn Nguyễn Du bằng đôi mắt lạnh lùng rồi vội quay đi. Người đàn bà ấy có nhận ra Nguyễn Du hay không? Riêng Nguyễn Du thì ông đã nhận ra cô Cầm người ca nữ bên Giám Hồ hai mươi năm về trước đã từng làm cho mình xao xuyến!

Dư âm của tiếng đàn và hình ảnh người ca nữ còn ám ảnh Nguyễn Du suốt dọc đường đi sứ. Nó gợi lên trong ông một nỗi cảm hoài về sự sụp đổ của cơ nghiệp người anh hùng cái thế đấy Tây Sơn, một mối đau thương về thân phận người con gái phải dấn thân đem sắc tài làm vui cho thiên hạ để rồi bị hất hủi lãng quên trong cuộc đời dâu bể. Nguyễn Du vội vã ghi lại xúc cảm của mình:

..."Thành quách đổi đời việc người cũng khác

Bao nơi nương dâu trở thành biển cả.

Cơ nghiệp Tây Sơn tiêu vong hết

Mà còn sót lại một người trong làng ca múa.

Trăm năm thắm thoát có là bao

Cảm thương vận củ nước mắt thắm áo.

Tôi từ Nam Hà trở lại, đầu bạc trắng hết,

Không trách nhan sắc người đẹp cũng suy tàn...

Rồi đó suốt hành trình trên đất khách từ trấn Nam Quan đến Yên Kinh, Nguyễn Du có dịp đến thăm dấu vết cũ của những nhân vật đất Trung Nguyên mà ông đã từng gặp trong sử sách.

Không phải chỉ quay về với dĩ vãng, những chuyện đang diễn ra trước mắt trên đất Trung Nguyên càng làm cho Nguyễn Du xúc động, đau lòng. Ông làm sao quên được hình ảnh ông già mù hát rong còm cõi vịn vai cháu nhỏ, bán rao chút hơi tàn. Ông già hát thều thào đến "Sùi bọt mép", mà chỉ nhận được "Năm sáu đồng tiền" để kéo dài cả cuộc đời cơ cực.

"Trông thấy mà thương xót.

Người ta thà chết còn hơn nghèo"

Trên dọc đường đi sứ Nguyễn Du từng chứng kiến nhiều cảnh thương tâm của những người dân lành, phải đau khổ vì loạn lạc đói kém. Có một lần sau bữa tiệc ở trạm Tây hà, Nguyễn Du vào quán dịch nằm vắt tay lên trán trằn trọc mãi không sao chợp mắt được. Hình ảnh người mẹ và ba con nhỏ dắt díu nhau đi ăn xin bên hè phố mà ông vừa chứng kiến lại hiện lên trong trí, ông vội ghi lại trên mặt giấy:

"Hàng ngày đi xin dọc trên đường phố

Kế ấy lâu dài sao được!

Cảnh chết lăn nơi ngoài rãnh, trông thấy trước rồi,

Máu thọt nuôi sài lang

Mẹ chết không đáng tiếc

Vỗ về con mà đứt ruột

Lòng đau sót vô cùng

(Trông lên) trời, mặt trời vàng úa"

Nguyễn Du tự hỏi không biết trên ngôi cao vời vợi, vua Minh có biết đến cảnh cơ cực của dân tình hay không. Ông ước ao có "Ai vẽ bức tranh này đem dâng lên nhà vua".

Đi sứ về, Nguyễn Du được thăng Hữu tham tri bộ lễ và làm việc tại kinh đô Huế.

Biết Nguyễn Du là người có tài đức, ông vua đầu triều Nguyễn muốn đem chức tước phẩm hàm để ràng buộc, mong Nguyễn Du cúc cung tận tụy phụng sự cho mình. Nhưng với Nguyễn Du, dù là tri huyện, cai ba hay tham tri cũng thế thôi, Nguyễn Du bây giờ cũng vẫn là Nguyễn Du ngày trước với những suy nghĩ:

"Vinh hoa như áo gấm đi đêm, chỉ là ảo ảnh ở ngoài thân. Danh lợi như bóng mây buổi sớm, thay đổi ngay trước mắt".

Làm quan đến chức Á Khanh, đứng hàng thứ hai trong một bộ, ấy thế mà Nguyễn Du vẫn sống như một người học trò nghèo. Mặc cho người ta xe ngựa rộn rịp, kẻ hầu người hạ tấp nập, Nguyễn Du vẫn bình thản lặng lẽ vui sống với cuộc đời văn chương thanh bạch.

Trong các buổi triều hội, cùng bá quan văn võ quỳ trước ngai rồng để nghe lời thánh dự hoặc luận bàn việc nước, Nguyễn Du chỉ yên lặng lắng nghe và khiêm tốn giữ lễ. Thái độ của Nguyễn Du không làm cho Gia Long vừa lòng. Đã có lần, sau triều hội, nhà vua truyền cho Nguyễn Du ở lại để khuyên dụ riêng:

- "Nhà nước dùng người, ai giỏi thì cất lên, không nề hà phân biệt kẻ Bắc người Nam, khanh với Ngô Vị đã được trẫm biết tài mà bổ dụng, làm quan đến chức tham tri, biết điều gì cứ nói, để làm hết chức trách của mình, sao lại cứ rụt rè, sợ sệt, chỉ dạ dạ vâng vâng thế thôi".

Câu chuyện cũng trôi qua, lời khiển trách của nhà vua có làm cho Nguyễn Du suy nghĩ, nhưng không vì thế mà ông trở thành một đại thần như ý muốn của Gia Long.

Đã khuya, dãy tư thất của các quan tham tri lục bộ chìm trong bóng đêm dày đặc. Riêng thư phòng của Nguyễn Du, chùm tia sáng yếu ớt của ngọn đèn dầu còn lọt qua song cửa sổ, soi vào mấy nhóm cây ngoài sân lấp lánh sương đêm.

Trong phòng, trên án thư, quyển "Phong tình cổ lục" xếp gọn một bên. Tập bản thảo dày cộp mở rộng trước mặt, Nguyễn Du gục đầu thiếp đi trên trang giấy viết bốn chữ "Đoạn trường tân thanh" còn chưa ráo mực.

Trước đây, nhân dịp đi sứ Trung Hoa, Nguyễn Du được đọc quyển "Phong tình cổ lục" của Thanh Tâm Tài Nhân. Tuy không phải là một truyện đặc sắc về văn chương, nhưng đối với Nguyễn Du, điều khiến ông không thể bỏ qua được là truyện kể về Vương Thúy Kiều một người con gái tài sắc tuyệt vời, phải chịu đựng mười lăm năm lưu lạc đọa đày và cuối cùng đã mượn dòng sông Tiền Đường để kết thúc

cuộc đời khổ ải. Câu chuyện tuy xảy ra dưới triều Minh bên đất Trung Hoa nhưng Nguyễn Du lại thấy sao mà quá quen thuộc và gần gũi.

Chẳng ở đâu xa lạ, ngay trên đất nước này thôi, dưới triều vua Lê chúa Trịnh rồi đến Nguyễn Gia Long bây giờ, Nguyễn Du đã thấy không ít người phải chịu số phận như nàng Kiều.

Nhớ lại những ngày giông tố nổi lên trong cung vua phủ chúa, loạn kiêu binh đập phá kinh thành, bao nhiêu gia đình phải tan nát. Giông tố chưa kịp tan đi thì giông ba bão táp lại ập tới, Giặc Mãn Thanh do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu kéo quân vào Thăng Long. Khắp chợ cùng quê, từ dân thường cho đến công hầu khanh tướng đều chịu cảnh quốc phá gia vong... Nhà Tây Sơn bừng lên trong hào quang chiến thắng giặc ngoài, quét dọn nội loạn, cũng không duy trì được bao lâu cảnh sống thanh bình. Rồi Gia Long lên làm vua tình cảnh loạn lạc, cơ cực lại tái diễn triền miên như không bao giờ dứt. Trong cái bể loạn lạc mênh mông ấy, những người có tài đức phần đông phải lao đao chìm nổi hoặc đứt ruột vì hận sầu.

Thanh Tâm Tài nhân khi viết "Vương Thúy Kiều" chỉ nhằm kể chuyện một người tài nữ "Hồng nhan bạc phận" như trăm ngàn chuyện phong tình khác mà thôi. Với Nguyễn Du, ông lại thấy xung quanh nàng Kiều có cả một lũ kình nghê bủa vây ngụp lặn trong sóng nước đục ngầu, đang nhe nanh tìm cách nhận chìm người đẹp xuống đáy vực.

Nguyễn Du đã từng đau khổ để nước mắt thầm rơi trước người ca nữ bị lãng quên trong cuộc đời làm vui cho thiên hạ; ông đã từng cất tiếng khóc than cho những cô hồn lạc lỏng bơ vơ trong đêm dài tăm tối. Và giờ đây ông lại thêm đứt ruột xót thương cho người con gái tài đức, nhan sắc bị đọa đày. Càng thương người tài đức ông càng căm ghét lũ hùm sói đội lốt người nhan nhản trong xã hội.

Nguyễn Du có ý định nhân truyện của Thanh Tâm Tài Nhân gợi hứng viết lại thành một truyện mới. Ông hy vọng gởi gắm vào đó nỗi niềm tâm sự xót thương cho số phận con người, lòng căm giận thói đời bất công, bạc bẽo và nhơ bẩn. Sau bao nhiêu ngày đêm suy ngẫm, Nguyễn Du quyết định dùng chữ Nôm để viết truyện với thể thơ lục bát. Ông cho rằng tiếng nói và chữ viết của người mình, sao lại không thể làm nên những áng văn chương tuyệt bút được? Lời thơ uyển chuyển, âm thanh trầm bổng trong giọng ru hời của người mẹ, trong bài ca khúc hát chốn đồng nội chẳng đã làm Nguyễn Du say mê một thời và để lại cho ông những ấn tượng sâu sắc và nhiều kỷ niệm khá êm đẹp đó sao? Còn vận dụng nó thì không ngại. Cậu "Chiêu Bảy"Ngày xưa đã từng "Xuất khẩu thành thi" và chính Nguyễn Du đã viết nên bài "Văn tế thập loại chúng sinh" nổi tiếng bằng chữ Nôm đang lưu truyền rộng rã trong thiên hạ.

Nhưng với tuổi ngoài năm mươi, nhiều bệnh tật, lại lao đao vì đàn con nheo nhóc "đói xanh như tàu lá" ở quê nhà, Nguyễn Du lần lữa mãi chưa bắt tay vào việc được. Cho tới một ngày ý định viết truyện đã thôi thúc đến mức không thể dừng, Nguyễn Du dốc sức vào công việc đến quên cả bệnh tật.

Hàng mấy tháng ròng, sau buổi làm việc ở công đường bộ Lễ, trở về thư phòng.

Nguyễn Du ngồi lỳ bên án thư.

Khi những câu mở đầu của truyện:

"Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng..."

hiện ra trên mặt giấy, như dòng nước đã khơi nguồn, mạch thơ lai láng tràn ra theo ngọn bút. Từ đấy, nhân vật Thuý Kiều của truyện thơ không rời trí não Nguyễn Du. Ông nghĩ về nàng, viết về nàng mà như nghĩ và viết về mình. Bước đường lưu lạc, đọa đày và sức phản kháng bền bỉ của cô gái tài sắc hiện dần lên dưới ngòi bút của Nguyễn Du, nhiều lúc khiến chính bản thân ông cũng kinh hoàng. Nguyễn Du đã phải kêu lên trên trang giấy:

"Chém cha cái số đào hoa

Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi

Nghĩ đời mà ngán cho đời

Tài tình chi lắm cho trời đất ghen

Tiếc thay nước đã đánh phèn

Mà cho bùn lại vẫn lên mấy lần".

Bằng tiếng nói dân gian với tài sử dụng chữ Nôm, Nguyễn Du đã làm cho những tên người, tên đất không quen thuộc trong "Vương Thuý Kiều" trở nên gần gũi với nhân dân ta. Qua truyện Kiều ta thấy Nguyễn Du đã dựng nên những con người sắc nét, với khung cảnh một xã hội khá quen thuộc dưới triều vua Lê chúa Trịnh, dưới triều Nguyễn Gia Long. Đó là xã hội mà những tên quan lại đốn mạt kiểu Hồ Tôn Hiến, những tên lưu manh kiểu Sở khanh, những kẻ buôn người kiểu Tú Bà, Mã Giám Sinh được tự do thao túng chà đạp lên mọi quyền sơ đẳng nhất của con người. Đó là xã hội mà hạnh phúc gia đình, tình yêu lứa đôi, tài đức, nhân phẩm trở thành tai vạ. Đó là xã hội của bất công, tội ác của những tiếng kêu não ruột... Càng thương yêu, trân trọng con người, ông càng căm giận, trút hận vào mọi thế lực chà đạp lên hạnh phúc của con người.

Sau mấy tháng trời làm việc ròng rã, khi gục đầu bên ngọn đèn khuya, khi mơ màng thấy bóng nàng Kiều chập chờn trong giấc ngủ, khi say sưa cùng Tứ Hải "Chộc trời khấy nước mặc dầu dọc ngang nào biết trên đầu có ai" khi thở dài để nén xúc động hay để trút nỗi mệt nhọc vì lao tâm khổ trí, Nguyễn Du đã viết xong áng văn chương kiệt tác bằng chữ Nôm. Cho đến một hôm, sau khi khiêm tốn viết xong hai câu cuối cùng:

"Lời quê chắp nhặt dong dài

Mua vui cũng được một vài trống canh".

Và tô đậm bốn chữ "Đoạn trường Tân Thanh" đã chọn làm tên sách, Nguyễn Du

cảm thấy nhẹ nhàng vì đã trả xong món nợ văn chương.

Như con tằm nhả tơ, viết xong truyện dài ba ngàn hai trăm năm mươi bốn câu thơ, Nguyễn Du kiệt sức. Tấm thân gầy gò bệnh tật của ông lại càng còm cõi đi nhiều. Gục đầu thiếp đi trên tập bản thảo, Nguyễn Du vẫn mơ màng thấy nàng Kiều xinh đẹp đang rũ rượi khóc than trước mồ Đạm Tiên:

"Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung

Phủ phàng chi bấy hóa công

Ngày xanh mòn mỏi mà hồng phôi pha..."

Trong khi đó, ngọn gió khuya vô tình lọt qua cửa sổ khẽ lay động mái tóc bạc trắng của Nguyễn Du bơ phờ trong vành khăn nhiễu tím xộc xệch.

Mùa thu năm Canh Thìn, vào những ngày đầu tháng Tám., kinh thành Huế nô nức sửa soạn đón tết Trung Thu. Nói là tết của trẻ em, nhưng ở chốn đế đô này, những người làm cha làm mẹ trong hàng ngũ quan lại đủ cỡ, các bậc vương tôn công tử được dịp khoe khoang sự giàu có sang trọng của mình. Chả là năm nay, Minh Mệnh lên ngôi, nhà vua đã sai bộ Lễ sức cho các nơi, nhất là ở kinh đô, phải làm sao để tết Trung Thu năm nay hơn hẳn mọi năm.

Ấy thế mà ở đây, trong khu dinh thự lục bộ, riêng tư thất của quan Tham tri bộ Lễ Nguyễn Du hầu như không biết đến tết Trung Thu.

Chưa kịp lên đường để lại đi sứ lần nữa sang đất Trung Nguyên theo mệnh của vua mới, quan tham tri đã lâm bệnh!

Trong căn phòng quạnh quẽ vắng bóng người vợ hiền đang ở quê Tiên Điền, cùng những đứa con thơ, hàng ngày ngoài vài người thân đang làm quan tại triều đến săn sóc bên người bệnh còn có bạn bè ra vào thăm hỏi. Thuốc thang đã nhiều, bệnh của Nguyễn Du vẫn ngày một nặng. Có lẽ hiểu biết bệnh tình và sức khỏe của mình hơn ai hết, ông từ chối không dùng thuốc nữa.

Năm mươi sáu năm trời lặn lội cười khóc với đời, chẳng những cuộc sống đã sớm để lại những nét già nua trên thân hình bệnh tật của Nguyễn Du mà còn khắc họa những đường nét vô hình nhưng sâu sắc trong trái tim nhạy cảm và khối óc thông minh của con người tài hoa đó.

Là con đẻ của Vương hầu quý tộc, nhưng chính cũng vì cái xã hội vương hầu quý tộc ấy mà Nguyễn Du bị hất vào bão tố vật vờ như bao kiếp người dân lành lênh đênh trên dòng đời chìm nổi. Thác lũ của đòng đời đã đón lấy Nguyễn Du, nuôi dưỡng và tôi luyện Nguyễn Du, nâng tài năng của ông lên tột đỉnh.

Ôm ấp niềm mơ ước cao đẹp về một cuộc sống yên vui hạnh phúc cho con người, hy vọng mọi sự tốt lành đối với người tài đức, Nguyễn Du trở thành người bạn tâm tình của mọi người.

Cuộc đời làm quan của ông có giúp được gì cho ai, mặc dù ông phải lê thê uể oải dấn bước như khách bộ hành, vừa miễn cưỡng bước trên con đường gập ghềnh tẻ

ngắt vừa rơi nước mắt khóc thương đời.

Bất lực trước thực tế phủ phàng, con người lỗi lạc ấy đã gửi gấm tâm sự vào văn chương.

Vào một ngày cuối của thượng tuần tháng Tám, ngoài trời nắng thu đẹp. Bên sân, mấy cây Ngô đồng đã rụng lá, các khóm cúc đang nẩy mầm xanh ngọn. Một vài bông cúc đầu mùa đã cười đón gió heo may. Bình thường thì Nguyễn Du đã sớm chiều chăm bón cho hoa, ngồi bên song ngắm cảnh thu, gật gù nâng chén rượu hoàng hoa, ngâm ngợi mấy vần thơ hoặc gửi gấm tâm tình trong tiếng đàn dìu dặt. Bây giờ thì cỏ hoa vắng người chăm, túi đàn giá sách vẫn xếp một chỗ và vò rượu hoàng hoa còn bỏ dở. Chủ nhân của chúng đang hấp hối trên giường bệnh.

Ngồi bên Nguyễn Du, Thăng Đức bá Nguyễn Thảng buông bàn tay giá lạnh của chú, hốt hoảng gọi Sóc nhạc hầu Nguyễn Úc đang mệt mỏi ngả người trên kỷ sau nhiều đêm thức trắng:

Chú ơi! Tay chân của chú Du đức hầu đã lạnh toát có lẽ người quy tiên đến nơi rồi!

Nguyễn Úc giật mình, vội vã đến lay gọi anh. Một hồi lâu Nguyễn Du mở mắt nhìn em và cháu, không nói một lời. Cho đến khi nhận ra tiếng em báo cho biết tay chân mình đã chết lạnh, Nguyễn Du khẻ gật đầu:

Được! Được!

Như ngọn đèn hết dầu, hơi thở của người bệnh yếu dần. Nguyễn Du mở to đôi mắt soi vào không gian thâm thẩm. Một vài tiếng nấc não ruột, trái tim của Nguyễn Du ngừng đập.

Hôm ấy nhằm ngày Mười tháng Tám năm Canh Thìn.

Đoàn Thị Điểm

Từ tối đến giờ quan thị lang Nguyễn Kiều vẫn ngồi trầm tư trước chiếc kỷ thấp, nghiên bút, giấy mực đã bày biện sẵn sàng. Mấy ngày nay, ông đã bao lần ngất đi vì cái chết đột ngột của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, người vợ mà ông rất mực yêu quý và trân trọng. May nhờ nhiều người khuyên giải, ông mới vợi được phần nào nỗi buồn đau để tỉnh táo trở lại. Quan thị lang đã sai sửa soạn làm lễ an táng Đoàn Thị Điểm, cho xứng với danh giá, đức độ và tài năng người đã khuất. Ông quyết định làm bài văn tế người vợ mà ông vừa kính phục vừa chịu ơn. Ý nghĩ ấy đã khơi dậy những tình cảm sâu kín, thiêng liêng khiến cho quan thị lang xúc động đến nghẹn ngào.

Con người mẫn tiệp, đoan trang ấy đã dũng cảm cáng đáng gánh nặng gia đình, nuôi mẹ già, chị dâu và hai cháu nhỏ, nhưng lại khảng khái khước từ bả vinh hoa phú quý, khước từ lời cầu hôn của nhiều văn nhân, tiến sĩ, thượng thư để trở thành kế thất quan thị lang Nguyễn Kiều. Quyết định của Đoàn Thị Điểm thực sự đã gieo cho giới thi nhân một nỗi bất ngờ. Chỉ có Nguyễn Kiều mới hiểu, nữ sĩ lấy ông

không chỉ vì mến tài đức ông mà còn vì thương những đứa con nhỏ của ông không người chăm sóc dạy dỗ, khi ngày đi sứ của ông đã tới gần. Hiểu như thế, ông càng yêu quý Đoàn Thị Điểm bội phần.

Một người hầu gái rón rén bưng khay trà đến dâng quan, đã cắt đứt mạch hồi ức của tiến sĩ Nguyễn Kiều, ông xoay mình nâng chén trà, nhấp một ngụm nhỏ. Thứ trà được người vợ quá cố ướp hoa nhài công phu, hương vị thật là ngát. Phải, ông đã uống thứ trà lần đầu ở Chương Dương gần bảy năm trước, để không bao giờ quên được dư vị ngọt ngào của nó. Bây giờ uống lại thứ trà ấy, trong cảnh ngộ hiện tại, lòng ông bỗng nao nao thương nhớ người vợ yêu đã khuất. Ông lại đắm mình trong những kỷ niệm êm đềm về nữ sĩ mà tháng năm sẽ chẳng thể phai nhòa trong ông. Sau ngày cưới, con người có vẻ ngoài lãnh đạm, kiêu kỳ ấy lại trở thành người có tài quản suất công việc trong nhà một cách chu đáo. Nữ sĩ đã thực sự đem lại cho gia đình ông nguồn hạnh phúc vô bờ, đến nỗi, sự vắng mặt của nữ sĩ, dù chỉ có một buổi, cả gia đình ông đều thấy trống trải đến không chịu được. Chính bằng tình yêu thắm nồng, bằng sức mạnh của tài năng, bằng cách lấy văn chương làm vị thuốc chữa bệnh cho một người làm văn chương, Đoàn Thị Điểm đã tế nhị chỉ cho ông rõ, tài ông chưa hơn được thiên hạ ít nhất là còn thua vợ. Não lòng thay, sống chung của ông với nữ sĩ ngắn chẳng tẩy gang. Sau ngày cưới, lửa hương nồng đượm chưa quá một tuần trăng, ông phải đi Bắc sứ. Ba năm sau trở về, ông mới thực sự hiểu nữ sĩ một cách trọn vẹn. Ông sửng sốt thấy nữ sĩ không chỉ hiểu lòng ông mà còn đọc được cả ý nghĩ của ông. Chẳng những nữ sĩ đã quán xuyến gia đình, dạy dỗ các con ông chu đáo mà còn để tâm dịch Chinh phụ ngâm khúc của Đặng Trần Côn một cách tài tình. Nhưng đời người như đóa hoa phù dung, quan thị lang thầm nghĩ, biệt hiệu Hồng Hà của nữ sĩ sao ứng với nghĩa của chữ đến thế? Chỉ ba năm sau lúc đi Bắc sứ về ông nhận chiếu chỉ về trấn Nghệ An và xảy ra cái chết bi thương của nữ sĩ. Nhớ lại những kỷ niệm ngày ấy, thị lang Nguyễn Kiều thấy dội lên nỗi ân hận day dứt. Bởi vì lúc ông sửa soạn hành trình, nữ sĩ vì không được khỏe có ý chối từ xin đi sau. Nhưng nể ông nài ép, nữ sĩ không nỡ trái ý bất đắc dĩ xuống thuyền. Ai ngờ chuyến đi ngàn dặm buồm căng, tưởng rằng vợ chồng có dịp chén tạc, chén thù cùng đàm đạo chuyện đời, làm thơ vịnh cảnh những lúc trăng lên, mỗi khi gặp cảnh non kỳ nước tú lại dẫn đến sự phân ly đôi đường kim cổ. Trái tim ông co lại. Ông vội gạt nước mắt, dầm bút vào nghiên mực, ghi vội những dòng cảm xúc:

"Thật ngẫu chi phú

Trường hu đoản thán

Thốn kết sầu tràng

Song thùy lệ nhãn"

Cho đến lúc gia nhân đã trở dậy, quan thị lang mới viết những dòng cuối, lòng trĩu nặng ưu tư:

"... Than ơi đường chia đôi ngả

Duyên đứt sáu năm, vui ít sầu nhiều, tài dài mệnh ngắn"...

Rồi đám tang Đoàn Thị Điểm được cử hành như ông đã định. Quan lại và những bậc khoa bảng trong trấn đều đến đông đủ. Nhiều danh sĩ, thi nhân từ kinh đô và các trấn khác cũng gấp lên đường kịp dự tang lễ. Linh cữu Đoàn Thị Điểm được đem về an táng tại quê Nguyễn Kiều.

Ròng Rã mấy năm sau, nấm mồ nữ sĩ không ngày nào vắng người đến viếng. Có người thắp hương, có người trồng hoa, có người khóc bằng nước mắt, có người khóc bằng thơ. Và không phải chỉ ở nấm mồ này, không phải chỉ ở kinh đô mà xa hơn nữa, trong các thôn xóm cuộc đời của Đoàn Thị Điểm với bao huyền thoại, đã được nhắc lại...

Thuở ấy nhân dân hạt Văn Giang không ai không hay biết và đem lòng kính trọng gia đình ông đồ Đoàn Doãn Nghi. Mọi người biết tường tận gia đình ông đồ Nghi, bởi vì gia đình ấy có hai người con rất mực thông minh, hay chữ là Đoàn Doãn Luân và Đoàn thị Điểm.

Sinh ra trong một gia đình gia giáo, có truyền thống hiếu học lại rất thông minh nên từ rất sớm, Đoàn Thị Điểm đã nổi tiếng là thần đồng. Năm tuổi, Đoàn Thị Điểm đã đọc được bài trong kinh thi. Mười tuổi học sử và kinh dịch. Mười bốn tuổi học hết tứ thư ngũ kinh, sử truyện. Khi mới năm tuổi, nhân học sách Hán Cao Tổ, cha Đoàn Thị Điểm đồng thời là thầy học, muốn thử tài con mà ra câu đối rằng:

- Bạch xà đương đạo, Quý bạt kiếm nhì trảm chí.

Ông đồ Nghi bỗng sửng sốt nghe một vế đối rất chỉnh của con gái:

- Hoàng long phụ chu, vũ ngưỡng thiên nhi thán viết...

Dẫu khiêm tốn, ông đồ Nghi cũng phải thừa nhận tài năng lỗi lạc của con mình.

Càng lớn lên, Đoàn Thị Điểm chẳng những chỉ nổi tiếng về tài năng mà còn nổi tiếng là người có sắc đẹp mặn mà, cử chỉ đoan trang, tao nhã, nói năng mềm mỏng. Cũng chính bởi nổi tiếng như vậy nên Đoàn Thị Điểm sớm bước sang một khúc ngoặt, hoàn toàn trái với những mơ ước bình dị của đời mình.

Ấy là một buổi chiều, gia đình ông đồ Đoàn Doãn Nghi được vinh hạnh đón tiếp quan thượng thư Lê Anh Tuấn từ kinh tới. Sau bữa cơm thịnh soạn quan thượng thư lấy nê là thầy học cũ của chủ nhà muốn thử tài đứa cháu gái sớm nổi danh. Quan thượng thư gọi Đoàn Thị Điểm tới ngắm nghía dung nhan rồi bắt đi bảy bước vịnh một bài thơ độc hành (đi một mình). Quan thượng thư chưa kịp đưa chén trà lên miệng sau câu nói, đã nghe thấy cô gái mười sáu tuổi ứng khẩu đọc:

Đàm luận cổ kim tâm phúc hữu

Trung tùy tả hữu cổ quang thần

Từng nghe đồn đại về tài thơ của Đoàn Thị điểm, vậy mà quan Thượng không dấu nổi sửng sốt:

- Khá khen con là người nhanh trí, cốt cách con đoan trang tao nhã mà lời lẽ khí phách như một đại nhân.

Ông đồ Nghi đỡ lời con:

- Cháu nó cũng võ vẽ đôi chữ, chứ học hành nào đã ra gì!

Khi chỉ còn hai người, thượng thư Lê Anh Tuấn gật gù, chậm rãi nói với ông đồ Nghi:

- Không phải vô cớ ta về thăm gia đình con. Ở kinh nghe danh cháu Điểm ai cũng lấy làm sự lạ. Hỏi ra, biết cháu chẳng phải người xa, ta vui mừng khôn xiết. Thật là danh bất hư truyền.

- Thật hân hạnh cho gia đình con, ông đồ Nghi xúc động đáp.

- Người như cháu Điểm thực xưa nay hiếm. Con bé ấy được cả tài lẫn sắc. Ta đồ rằng chúa Thượng cũng đã phong thanh hay biết mà phủ chúa xưa nay vẫn thiếu người như thế!

Chén trà trên tay ông Đồ bỗng rơi xuống sập, nước đổ lênh láng. Nhận ra vẻ lo lắng trên nét mặt ông đồ, viên thượng thư già làm bộ tự nhiên.

- Nói gần nói xa chẳng qua nói thật. Từ xưa ta vốn chuộng người hiền tài, gia quyến lại hiếm hoi. Bởi thế, ta cất công về đây muốn được xin cháu Điểm làm con nuôi. Lên kinh có thầy giỏi thì dù phận gái không được đi thi nhưng chắc cháu sẽ làm rạng danh cho gia đình con và làm đẹp mặt ta nữa. Chẳng hay con có bằng lòng không?

Ông Đồ Nghi bỗng lâm vào thế khó xử. Nhưng nể và tin thầy học cũ, người được chúa Trịnh Cương sủng ái bậc nhất thời ấy, lại cũng muốn đầu óc con mình mở mang, ông nhận lời mà lòng chẳng vui:

- Bẩm quan Thượng! Quan Thượng đã dạy thế, thế nào con dám trái ý.

Đoàn Thị Điểm được gọi đến. Lần nữa ngắm nhìn cô gái ăn mặc giản dị mà vẫn như một bông hoa đẹp đầy hương sắc, viên thượng thư gật gù:

- Ta đã thưa với cha con. Ta muốn đưa con về kinh coi như con đẻ. Ở đó con sẽ mặc sức học rộng hiểu sâu và tiếp xúc với các văn nhân, trau dồi đường học vấn.

Sợ con trái ý thất lễ, ông đồ Nghi âu yếm nhìn con:

- Cha đã bằng lòng cho con lên ở với Quan Thượng. Con nhớ phải giữ lễ và nghe chỉ giáo của quan trên.

Đoàn Thị Điểm nhỏ nhẹ:

- Cha đã dạy, con xin vâng.

Mấy ngày sau, Đoàn Thị Điểm bùi ngùi chia tay cha mẹ, từ biệt mảnh đất ghi đậm bao kỷ niệm êm đềm thời thơ ấu để theo quan thượng thư Lê Anh Tuấn về kinh.

Sống giữa kinh thành mặc dù được quan thượng thư và gia quyến hết sức chiều chuộng, song Đoàn Thị Điểm vẫn không nguôi được nỗi nhớ cha mẹ và cuộc sống bình dị trong tình thương yêu đùm bọc rất đỗi chân thật, đầm ấm với người dân quê

mình. Dường như đối với Đoàn Thị Điểm, cuộc sống nhung lụa, nhàn tản, có kẻ hầu người hạ hoàn toàn xa lạ đối với cô gái trẻ. Chỉ có điều an ủi duy nhất là dinh quan thượng thư chứa rất nhiều sách. Đoàn Thị Điểm say mê đọc sách. Bởi vậy, kho sách hàng nghìn cuốn của quan Thượng, Đoàn Thị Điểm chỉ đọc không đầy nửa năm đã hết. Đến lúc ấy, cuộc sống xa hoa, trống rỗng ở dinh quan thượng mới thực sự dày vò cô gái.

Đoàn Thị Điểm chỉ còn biết làm thơ, trau chuốt câu văn làm vui. Những bài thơ lời đẹp ý hay ấy được quan Thượng trao tay cho các văn thần trong triều thưởng thức. Bởi vậy tài năng của Đoàn Thị Điểm dậy lên ở kinh đô. Thấy tiếng tăm con nuôi nổi lên như sóng cồn, thượng thư Lê Anh Tuấn rất hoan hỉ. Nhận ra cô con nuôi đẩy lên và do đó, có một vẻ đẹp quyến rũ đặc biệt, quan Thượng càng vui lòng. Cũng từ đó dinh quan thượng không mấy lúc vắng khách vào ra. Một hôm có bốn danh sĩ được tôn là "Tứ hổ đất Tràng An", tới dinh quan thượng để so đo tài năng với Đoàn Thị Điểm. Biết được thâm ý của các danh sĩ, Đoàn Thị Điểm trở về phòng riêng lấy giấy bút thảo nhanh một vế đối hóm hỉnh rồi sai người hầu trao tận tay khách. Vế đối ấy là:

- Đình tiến thiếu nữ khuyến tân lang.

Nhận ra vế đối vô cùng hiểm hóc (thiếu nữ là người con gái đồng thời là gió nhẹ. Tân lang là chàng rể vừa có nghĩa là cau). Bốn danh sĩ lúc đầu còn cười trừ, về sau toát mồ hôi hột mà không sao đối lại được. Chủ định đi thi tài bỗng dưng bị bại ngay từ màn đầu, cả bốn danh sĩ xấu hổ, vội vã tháo lui. Sau lần "đánh quỵ" bốn con hổ ở đất "Tràng An" tên tuổi Đoàn Thị Điểm được gắn với một loạt những huyền thoại. Sùng kính tài năng ấy, nhân dân đã phong Đoàn Thị Điểm là trạng Giữa.

Mặc dù sớm đạt tới đỉnh cao vinh quang trong giới thi nhân. Đoàn Thị Điểm vẫn dửng dưng trước những lời khen cũng như trước những ánh mắt âu yếm của các trang công tử. Từ đáy lòng mình Đoàn Thị Điểm vẫn không nguôi nhớ đến cha mẹ, nhớ đến bà con trong xóm ngoài làng, nhớ những bài ca có lời óng chuốt, có nghĩa uẩn súc của quê hương.

Nhưng rồi cuộc sống êm ả của Đoàn Thị Điểm ở kinh thành cũng qua mau. Dù không muốn quan tâm đến thời thế, nhưng sống ngay trong dinh quan Thượng, Đoàn Thị Điểm không thể bỏ qua được những biến đổi ở trong triều. Mới chỉ không đầy một năm sống ở kinh kỳ, Đoàn Thị Điểm đã bao lần chứng kiến những cuộc xuất chinh đi "Dẹp loạn" của binh lính triều đình. Thậm chí có lần, tướng sĩ vừa cờ rong trống mở xuất quân đi đánh trận này thì ở trận khác hỏa hiệu lại nổi lên cấp báo tin dữ. Triều đình lại một phen nhốn nháo huy động binh mã xuất chinh. Lo âu, chán nản trước cảnh ly loạn ấy, nhưng Đoàn Thị Điểm không dễ hiểu được ai là "Giặc", vì sao trấn này hay trấn khác "Làm phản triều đình". Mặc dù vậy, mỗi lúc nghe thấy trống động binh, nhìn thấy hỏa hiệu ngút trời, báo động một cách khẩn cấp về triều, tâm hồn cô gái trẻ lại nhói đau không dứt. Bỗng dưng Đoàn Thị Điểm xót xa khi nhớ tới những câu ca lan truyền trong dân gian:

"Trời mưa cho ướt lá bầu

Vì ai nên phải đi hầu chàng ơi

Nhà vua có lệnh về đòi

Đồn rằng chàng trẩy hai mươi tháng này".

Bằng những hiểu biết bắt nguồn từ lòng nhân đạo, đã có sức mạnh kéo Đoàn Thị Điểm ra khỏi cuộc sống mơ mộng giữa bốn bức tường sách vở ở dinh quan Thượng để nhìn thẳng vào những biến động của thời cuộc đang diễn ra xung quanh mình. Đoàn thị Điểm se lòng khi tận mắt nhìn thấy những đoàn ăn mày rách rưới gầy còm lũ lượt tràn về kinh thành xin ăn. Tình hình đàng ngoài càng xấu đi nhanh chóng từ khi Trịnh Giang lên kế vị ngôi chúa. Vốn là người ngu dốt, nhu nhược, đa nghi, tàn ác, ưa phỉnh nịnh, Trịnh Giang mãi lo ăn chơi hưởng lạc và tùy tiện thưởng phạt, khiến lòng dân không phục.

Chứng kiến những sự thật đau lòng ấy Đoàn Thị Điểm ân hận đã có lúc vô tâm với thời cuộc. Đoàn Thị Điểm tự hỏi, nước loạn là bởi đâu? Phải chăng nước thiếu bậc minh quân, lương thần? Nghĩ vậy Đoàn Thị Điểm say mê đọc sử sách nước nhà, tìm hiểu việc trị nước, hăm hở học gương nghĩa hiệp của những tôi trung hết lòng vì dân vì nước. Tuổi đời còn quá trẻ, tầm nhìn còn hạn chế, Đoàn Thị Điểm chưa hiểu hết việc làm của những nghĩa quân nông dân, nhưng Đoàn Thị Điểm ghét cay ghét đắng những hành động đồi bại, tàn ác của chúa. Đoàn Thị Điểm ước mơ có đủ tài năng và uy tín để chẳng những hiểu được phép trị nước mà còn được vua tin nghe, giao cho trọng trách, mong ngăn được loạn ly, làm cho dân thịnh nước giàu. Ngạc nhiên trước các sách mà cô con nuôi dày công nghiền nghẫm, quan Thượng có lần hỏi:

- Lâu nay con lơi việc làm thơ để học nghĩa các sách này chăng? Việc ấy có ích lợi gì?

- Thưa cha, Đoàn Thị Điểm từ tốn, xưa Từ Huệ Phi, một hiền phi của Đường Thái Tôn cũng biết dâng sớ bày mưu tính kế cho vua và được xem là một nữ tử thông tuệ đó sao.

Quan thượng thư Lê Anh Tuấn sửng sốt:

- Con gái của cha cũng có bụng phò vua giúp nước theo gương người xưa?

- Thưa cha! Đất nước loạn ly, dân tình khốn khổ, phận nữ nhi càng thiệt thòi mọi bề. Lẽ ấy khiến cho con có nhiều điều băn khoăn tấc dạ.

Thấy lạ, quan Thượng gặng hỏi:

- Thần nịnh, chúa hôn? Quả là nước đang có lúc không yên. Cha muốn được biết những lẽ băn khăn của con. Chỗ cha con trong nhà đừng e dè.

- Thưa cha! Cha đã hỏi, con không dám giấu. Đọc sách xưa nghĩ cảnh nay, con tự đặt mình lạm nghĩ kế trị nước. Thật lòng con không muốn trái trứng để khoe tài.

- Con thử nói cha nghe!

- Theo con, Đoàn thị Điểm sau lúc đắn đo, cất giọng quả quyết nước muốn thịnh

dân muốn giàu thì bậc minh quân trước phải năng giữ cỗi gốc của nước, trừ hà bạo. Hai là giữ nếp cũ, bỏ phiền nhiễu cho kỷ cương khỏi rối. Ba là nén kẻ quyền thần để ngăn ngừa chính sự mọt nát. Bốn là thải bớt kẻ những lạm để trừ tệ đục khoét của dân. Năm là mở đường cho người nói thẳng để cho cửa thành cùng với đường can gián đều mở toang. Sáu là chọn tướng nên cần người thao lược mà không căn cứ vào thế gia. Chỉ có vậy, nước mới trị, dân mới yên.

Nghe xong những ý táo bạo ấy từ miệng cô con nuôi bội phần xinh đẹp, quan thượng thư Lê Anh Tuấn bỗng lặng đi. Quan Thượng không thể ngờ mới ngần ấy tuổi đầu, Đoàn Thị Điểm lại có được sức nghĩ sâu rộng, sáng suốt và táo bạo đến thế. Luận giải của Đoàn Thị Điểm về thời thế cũng chính là những điều mà quan thượng thư bận tâm suy nghĩ. Dường như không phải Đoàn Thị Điểm bàn luận nghĩa sách mà bàn về việc nước, thổ lộ niềm tâm sự thầm kín bấy lâu ấp ủ cùng ông. Hơn thế, đã đọc được lòng ông. Thật thế, kể từ khi Trịnh Giang lên ngôi chúa, mọi việc Giang nhất nhất nghe bọn hoạn quan Hoàng Công Phụ, ghẻ lạnh các đại thần có năng lực.

Nghĩ cảnh mình và chứng kiến hàng loạt việc làm thất nhân tâm của Trịnh Giang, Lê Anh Tuấn lo buồn đến quên ăn mất ngủ. Trong tâm trạng ấy, nghe con nuôi luận về thời cuộc, quan Thượng sửng sốt vì không phải ai khác, chính là con ông đã bộc bạch những điều ông nung nấu, những điều bao lâu ông dấu kín trong lòng.

- Chẳng hay những điều con lạm bàn đã làm phiền lòng cha? Đoàn Thị Điểm thấy quan thượng thư đâm chiêu nên rụt rè hỏi, cha đã chẳng cho phép con nói đó sao?

Nghe tiếng hỏi, thượng thư Lê Anh Tuấn trở về thực tại. Ngắm nhìn khuôn mặt thanh tú, linh lợi của con, quan Thượng thở dài nói:

- Phải là người thông tuệ xuất chúng, lại phải là người nặng lòng ưu ái thương dân, thì ở tuổi con, mới có được những lời bàn xác đáng như thế. Nhưng con đã không gặp thời, cũng như cha đã hết thời mất rồi.

Đến lượt Đoàn Thị Điểm sửng sốt.

- Thưa cha! Cha nói gì con không hiểu.

Thượng thư Lê Anh Tuấn thấy không thể giấu con:

- Xưa nay trong nghiệp trị nước, được người hiền giúp thì nước thịnh, mất người hiền thì nước suy. Đó là lẽ thường. Nay chúa ghét bỏ người cao minh viễn kiến mà tin dùng bọn nịnh thần thì trách sao khỏi suy loạn? Sớm muộn rồi họa cũng đến với gia đình ta.

Chỉ ngần ấy lời thôi nhưng Đoàn Thị Điểm hiểu được tai họa của cha đã đến gần.

Đoàn Thị Điểm rơm rớm nước mắt.

- Người ta lúc thế này, lúc thế khác; họa phúc thật khó lường. Nhưng đối với

người cả đời vì dân mà mưu điều lợi, bỏ điều hại như cha, lẽ nào kẻ quyền thế dám ngang nhiên giày xéo lên công luận?

Giọng quan Thượng đượm buồn:

- Kẻ bạo ngược muốn giết một thuộc hạ thì thiếu gì cách êm thấm. Cha đã nghĩ kỹ rồi nhưng chưa tiện nói. Đến lúc con phải về quê nhà. Cha không muốn vì cha con phải liên lụy. Đời con còn dài, trong hoàn cảnh nào cũng phải giữ chí khí.

Đoàn Thị Điểm ngước nhìn quan Thượng, thành kính:

- Cầu cho cha tai qua nạn khỏi. Con sẽ không phụ lòng cha.

Đoàn Thị Điểm không ngờ đó là buổi đàm đạo với cha nuôi lần cuối cùng.

Chỉ mấy ngày sau, trong lúc Đoàn Thị Điểm còn lưu luyến chưa vội trở về quê nhà thì thượng thư Lê Anh Tuấn bị Trịnh Giang giáng chức, đẩy đi làm đốc trấn Lạng Sơn. Trở về quê nhà ít lâu Đoàn Thị Điểm kinh hoàng được tin: Thượng thư Lê Anh Tuấn, người có nhiều công trong thời Trịnh Cương, đã bị Trịnh Giang buộc phải uống thuốc độc tự tử ở trấn thành Lạng Sơn.

Ngay sau khi rời khỏi dinh quan thượng thư Lê Anh Tuấn trở về quê nhà, gia đình Đoàn Thị Điểm đã trải qua những ngày lo âu căng thẳng. Không lạ gì những việc làm độc ác của chúa Trịnh Giang, nhất là xung quanh Trịnh Giang còn cả một bọn bộ hạ mất hết tính người, Đoàn Thị Điểm khuyên cha di cả gia quyến đi nơi khác, phòng hậu họa. Khi mối lo đã qua đi và sự nghèo đói không còn từng ngày thúc bách, Đoàn Thị Điểm bình tâm trở lại. Nỗi tiếc thương quan Thượng, sự bất bình trước việc làm hèn hạ của chúa khiến cho Đoàn Thị Điểm như cảm thấy ước mơ của mình bị sụp đổ, số phận mình cũng mỏng manh, ngắn ngủi như ráng đỏ chiều hôm. Để ghi nhớ cái kỷ niệm đau buồn bao hàm nỗi thất vọng về thời thế, Đoàn Thị Điểm thự đặt cho mình hiệu là Hồng Hà.

Năm tháng trôi đi, bằng sự tiếp xúc rộng rãi, cởi mở với mọi người, vốn sống của Đoàn Thị Điểm cũng dày nhanh như những trang sách đã đọc. Sự hiểu biết ấy như bổ sung cho vốn học uyên thâm và tay bút tài hoa, khiến Đoàn Thị Điểm có thể diễn đạt được những nguyện vọng, ước mơ của con người, nỗi khát khao cuộc sống của tuổi trẻ. Đoàn Thị Điểm suy nghĩ về thế nước. Theo nữ sĩ, nước đã thiếu bậc minh quân, thiếu những lương thần ắt sinh loạn lạc. Đoàn Thị Điểm se lòng khi thấy loạn ly như một thứ bệnh dịch không phương cứu chữa.

Cũng bởi ấp ủ những hoài bão giúp dân dựng nước. Đoàn Thị Điểm nẩy ý định viết sách để bày tỏ chính kiến, gởi gấm những tâm sự của mình. Nữ sĩ muốn mượn nét bút để khẳng định người đàn bà dù ở thời nào cũng có tài năng, hiểu việc trị nước và sẵn lòng sinh tử cho đại nghĩa. Ý nghĩ ấy thôi thúc Đoàn Thị Điểm nhanh chóng bắt tay vào công việc. Một mẫu người đàn bà tài hoa biết lo cho vận nước, sẵn lòng chết vì nghĩa lớn đã được dàn dựng. Chuyện lấy tên "Hải khẩu linh từ" (Đền thiêng ở cửa biển) kể về nàng Bích Châu cung phi của vua Trần Duệ Tông. Nàng đã dám dâng lên vua bản điều trần gồm có mười điều gọi là "Kệ minh thập sách" đại ý khuyên vua năng giữ gìn cỗi gốc của nước, trừng trị bọn quyền thần

những lạm, cổ động nho phong và chỉnh đốn quân đội. Và nàng sẵn sàng hy sinh thân mình để giữ tính mạng cho vua và các chiến truyền. Đoàn Thị Điểm thận trọng đọc lại đoạn viết về bản điều trần:

- "Một là nâng giữ cỗi gốc của nước trừ hà bạo thì lòng người yên vui.

Hai là giữ nếp cũ bỏ phiền nhiễu thì kỷ cương không rối.

Ba là nén kẻ quyền thần để ngăn ngừa chính sự mục nát.

Bốn là thải bớt những kẻ nhũng lạm để trừ tệ khoét đục của dân.

Năm là sinh cổ động nho phong...

Sáu là mở đường cho người nói thẳng...

Bảy là kén quân nên chú trọng dũng lược..

Tám là chọn tướng nên cần người thao lược mà không căn cứ vào thế gia.

Chín là khí giới quý hồ bền sắc không chuộng hình thức.

Mười là trận pháp cốt cho chỉnh tề..."

Đọc lại "Kệ minh thập sách" Đoàn Thị Điểm mỉm cười hài lòng. Phấn chấn Đoàn Thị Điểm bắt tay viết tiếp chuyện "Long hổ đấu kỳ" (Rồng và hổ tranh nhau về tài lạ) ngầm ý đề cao kẻ hiền tài, vạch mặt kẻ tham quan gian ác hiểm độc. Mượn lời đạo sĩ chứng kiến cuộc tranh cãi giữa rồng và hổ, nữ sĩ muốn khuyên mọi người phải bắt chước rồng làm mưa, làm gió, bổ ích cho thế gian, chớ nên bắt chước hổ giơ nanh múa vuốt cắn lại loài người.

Đoàn Thị Điểm đã đưa hai chuyện ấy cho cha và anh đọc. Hiểu con gái có chí lớn nhưng Đoàn Doãn Nghi chỉ thở dài, nói nhỏ với con:

- Con làm chuyện xúc tích lắm. Nhưng ở đời mấy ai làm được điều mình nghĩ. Lạ thay, chỉ có những người chịu cảnh nghèo, không may mới hay nghĩ được những điều sáng suốt.

Giữa những ngày Đoàn Thị Điểm say mê đi sâu tìm hiểu đời sống và con người, ôm ấp hoài bão viết sách răn đời thì một biến cố xảy ra, làm đảo lộn những suy tính của nữ sĩ. Ông đồ Đoàn Doãn Nghi sau một trận ốm dài ngày, đã qua đời. Cái chết của cha chẳng những để lại cho Đoàn Thị Điểm một vết thương lòng khó hàn gắn, mà gia đình cũng mất một chỗ tựa vững chắc tin cậy. Đã thế, thuốc thang, ma chay cho cha khiến gia đình Đoàn Thị Điểm khánh kiệt.

Mấy năm sau, một bất hạnh khác lại đến với Đoàn Thị Điểm, Đoàn Doãn Luân không may mất sớm, để lại mẹ già, người vợ vụng về và hai cháu nhỏ. Lo cho anh mồ yên mả đẹp, Đoàn Thị Điểm bước vào những năm khó khăn thử thách vượt quá sức mình. Cho đến sau này, Đoàn Thị Điểm cũng không biết sức mạnh nào khiến cho mình có đủ bình tĩnh và nghị lực để đương đầu với khó khăn, cáng đáng của gia đình qua khỏi những trận đói khủng khiếp.

Nhưng Đoàn Thị Điểm vẫn chẳng được yên. Nhan sắc, tài năng, đức hạnh của nữ sĩ vẫn là một miếng mồi hấp dẫn những kẻ quyền cao chức trọng, học vấn nông

cạn nhưng lại thích tiếng tăm. Một hôm Đoàn Thị Điểm đang ngồi dạy các cháu học ở dưới nhà ngang, bỗng có một đoàn hơn sáu mươi trai tráng, rước theo một chiếc kiệu xồng xộc ập vào nhà. Ngơ ngác chưa hiểu duyên cớ, Đoàn Thị Điểm thấy một người trạc ngũ tuần, mày râu nhẵn nhụi, mặc phẩm phục đại thần, từ trên kiệu bước xuống, tiến vào nhà, vái mẹ Đoàn Thị Điểm, xin nộp đồ sính lễ cưới Đoàn nữ sĩ. Vốn thông minh, Đoàn Thị Điểm bỗng hiểu nỗi nguy khốn sắp chụp lên đầu mình. Viên đại thần ấy chính là Bỉnh Trung Công, Vũ Tất Thận, em bà Vũ Thái Phi mới đổi tên là Trịnh Thể tháng trước, đưa người đến mai mối muốn lấy nữ sĩ làm kế thất. Việc Đoàn Thị Điểm khước từ tưởng đã xong. Nào ngờ, hắn lại cậy quyền thế toan lấy thịt đè người nỡ ép liễu nài hoa. Trong lúc tuyệt vọng, Đoàn Thị Điểm bỗng nảy ra một kế. Nữ sĩ vội mặc chiếc áo rách đã vá nhiều miếng, kín đáo lách ra sau bếp, lấy đất bùn bôi lên khắp mặt mũi, quần áo rồi điềm tĩnh xách chiếc gầu ra khỏi cổng. Sau cả buổi sục tìm không thấy nữ sĩ họ Đoàn, Bỉnh Trung Công ra lệnh cho lính tráng bắt mẹ Đoàn Thị Điểm về kinh. Hắn tính bằng cách ấy, vì thương mẹ, Đoàn Thị Điểm sẽ phải tìm đến, thuận lòng lấy hắn. Nhưng Bỉnh Trung Công lần nữa tỏ ra không hiểu sĩ khí của bậc tài nữ. Đã hơn một tháng Đoàn Thị Điểm vẫn không tìm đến dinh hắn, chịu nộp mình cho tên dâm đãng. Trong lúc ấy, xúc phạm đến Đoàn Thị Điểm tức là xúc phạm đến một tài nữ được nhân dân hâm mộ, Bỉnh Trung Công đã bị dư luận phỉ nhổ. Không chịu được búa rìu dư luận công kích nên cực chẳng đã Bỉnh Trung Công phải lấy lễ hậu vớt vát cho uy tín mình, rồi đưa trả mẹ Đoàn Thị Điểm về nhà.

Sau việc khẳng khái cự tuyệt Bỉnh Trung Công, tên tuổi Đoàn Thị Điểm với thái độ cam chịu cảnh nghèo, quyết chống lại cường quyền, đã trở thành niềm tự hào của dân chúng và án một tấm gương cho giới thi nhân. Tuy vậy, không mơ hồ về phẩm chất xấu xa của những tên quan lại tham tài háo sắc, nên nhân có người con gái ở Sài Trang được chúa sủng ái muốn đón Đoàn Thị Điểm vào cung dạy dỗ, Đoàn Thị Điểm đã nhận lời. Nhờ việc dạy dỗ các cung nhân, Đoàn Thị Điểm có dịp hiểu rõ tâm sự chán chường, nỗi lòng u uẩn của những thiếu nữ phải chôn vùi tuổi xuân trong cung cấm, để ngày đêm phục dịch hầu hạ mọi ý thích của chúa. Đoàn Thị Điểm se lòng khi nhìn những cô gái xinh đẹp, thông minh ăn vận ngư những nàng tiên, đã sớm phải chịu bất hạnh, bị lãng quên trong nỗi cô đơn buồn tẻ. Hiểu ước nguyện của các cung nữ tràn đầy sức sống, bằng trái tim tuổi trẻ của mình, bằng vốn sống tích lũy được bao năm và bằng cả sự rung cảm của tâm hồn mình, Đoàn Thị Điểm đã thai nghén hàng loạt đề tài về tình yêu và quyền sống của người phụ nữ. Sống giữa triều đình Lê Trịnh, chứng kiến những diễn biến của thời cuộc, Đoàn Thị Điểm không ít chuyện để viết. Cầm lại bút sau bao năm vì hoàn cảnh phải xếp lại, Đoàn Thị Điểm đã nhiều đêm thức trắng để hoàn thành liên tiếp chuyện "Vân cát thần nữ" và "Bích câu kỳ ngộ", để bày tỏ, gửi gắm tâm tư của mình và khích lệ chị em phụ nữ.

Sớm nhận ra các cung nhân không còn ngoan ngoãn trong khi hầu hạ mình như trước, chúa Trịnh tuy không có cớ để bắt tội Đoàn Thị Điểm nhưng đã buộc nữ sĩ phải rời cung, trở về quê nhà. Đoàn Thị Điểm đi rồi nhưng các cung nhân vẫn chẳng thể nào quên bậc tài nữ đã hiểu lòng họ và vẫn tìm mọi dịp để kể cho nhau nghe về

những chuyện Đoàn Thị Điểm đã viết ở đó.

Trở về quê làng Chương Dương vui với nghề dạy học và những tưởng lửa lòng đã tắt thì mối tình nồng nàn, thiết tha của tiến sĩ Nguyễn Kiều đã làm cho Đoàn Thị Điểm bối rối cảm động. Yêu người tài, trọng vì đức, nhất là biết quan thị lang Nguyễn Kiều sắp phải đi sứ, bốn đứa con dại không người chăm nom, Đoàn Thị Điểm đã xiêu lòng.

Trở thành vợ tiến sĩ Nguyễn Kiều cuộc đời Đoàn Thị Điểm bước sang một trang mới. Dù những ý nghĩ về cuộc sống vẫn nặng nề như bản thân cuộc sống, nhưng gặp được người chồng tâm đầu ý hợp, lại phải bận rộn cáng đáng gánh nặng gia đình, Đoàn Thị Điểm hầu như không còn thì giờ suy nghĩ cho riêng mình. Nhưng hạnh phúc gia đình vừa nhóm lên đã lại phải chia ly. Ngay sau tuần trăng mật, khi những cuộc vui sướng họa của cặp vợ chồng hay chữ chưa thành lệ thì tiến sĩ Nguyễn Kiều đã phải cầm đầu phái đoàn đi Bắc sứ. Mối tình muộn mằn nhưng không kém nồng thắm của Đoàn Thị Điểm, bởi vậy, đã lại xa xôi như một nỗi nhớ. Yêu chồng, Đoàn Thị Điểm đã dành trọn tình cảm của mình chăm sóc, dạy dỗ bốn đứa con riêng của chồng. Chỉ đêm đến, dưới ánh đèn khuya nữ sĩ mới lặng lẽ dõi theo bước đi của chồng trong nỗi lo lắng, buồn thương xen kẽ. Tình yêu thương nồng đượm, chân thành ấy đã khiến cho Đoàn Thị Điểm có một nguồn cảm hứng đặc biệt. Bằng nỗi xúc cảm mạnh mẽ ấy. Đoàn Thị Điểm viết chuyện "Am ấp liệt nữ" có mang bóng dáng mình. Cốt chuyện đơn giản nhưng nó được dệt bằng tình yêu thương rộng lớn, nên kết cục bi thảm mà người đọc vẫn có một ấn tượng đẹp về một mối tình đẹp.

Đọ lại những trang bản thảo sau nhiều lần sửa chữa, Đoàn Thị Điểm vẫn chưa hết xúc động. Cố ý tô đậm cuộc sống cô đơn, buồn tẻ của Đinh phu nhân, để Đinh phu nhân hết lo cho chồng "Chiếc xe lăn lộc cộc nơi chân trời xanh biếc đầy những cát lầm" "Lại lo cho tuổi trẻ của mình chóng qua" "Tuổi thanh xuân chạy nhanh như bóng mặt trời nhấp nhoáng" và khát khao mong chồng trở về. Đoàn Thị Điểm đã gài được thâm ý coi thường mệnh lệnh của vua Lê chúa Trịnh, xem thường công danh, coi thường lễ giáo đương thời.

Đoàn Thị Điểm vừa đóng, xén xong tập truyện của mình thì một gia nhân vào báo có quan ngự sử Đặng Trần Côn đến thăm. Nghe cái tên quen quen, Đoàn Thị Điểm sực nhớ ra người học trò đã từng ra mắt mình gần mười năm trước nay đã làm quan to nên thoáng bối rối.

Đáp lại lời chào của vị quan trẻ, đẹp trai, có gương mặt thông minh, Đoàn Thị Điểm cố lấy giọng tự nhiên:

- Quan ngự sử có nhã ý đến thăm gia đình chúng tôi, thật là hân hạnh.

- Thưa Tôn phu nhân, Đặng Trần Côn theo chủ nhà bước vào phòng khách, giọng cởi mở, về tuổi đời, cả về nghề nghiệp văn chương tôi chỉ đáng mặt học trò. Xin Tôn phu nhân chớ khách khí.

Sau một tuần trà, Đặng Trần Côn ân cần rút từ tay áo mình tập sách đã đóng xén công phu, trao cho Đoàn Thị Điểm giọng cung kính:

- Bấy lâu xa cách nhưng tôi vẫn một lòng bái phục tài thơ và vốn học vấn uyên thâm của Tôn phu nhân. Nay nhân làm được tập sách này tôi muốn Tôn phu nhân đọc giúp và tham góp chỉ giáo cho.

Xúc động đỡ lấy tập sách, Đoàn Thị Điểm vội lật tờ bìa và nói như reo:

- "Chinh phụ ngâm khúc"! Thật là cảm động cho người đầu tiên được đọc khúc ngâm này.

Đặng Trần Côn cởi mở:

- Tôi sẽ xin ở lại đây để Tôn phu nhân có thời giờ đọc xong và được nhận những lời chỉ dạy nhân thế? - Nếu vậy, Đoàn Thị Điểm chỉ vào tập sách của mình, cũng xin quan ngự sử xem câu chuyện tôi mới làm chắc quan ngự sẽ chỉ vẽ cho những chỗ còn sai sót.

Không khí trong phòng trở nên thân mật, ấm cúng. Hai thi nhân đã bỏ qua hẳn cử chỉ dè dặt buổi đầu để chăm chú đọc tác phẩm của nhau, những tác phẩm có chủ đề gần giống nhau.

Đặt tập "Chinh phụ ngâm khúc" trên kỷ, Đoàn Thị Điểm bùi ngùi nói với Đặng Trần Côn:

- Thiên chuyện của tiên sinh thật là hay. Tiên sinh dùng lối văn tập cổ lại dùng nhiều điển tích của thơ Đường những lời lâm ly não nuột làm héo hắt lòng người. Viết thiên chuyện này là tiên sinh hiểu thấu nỗi lòng của người thiếu phụ có chồng đi trận, điều mà bấy lâu tôi vẫn hằng để tâm nghiền ngẫm.

- Thưa Tôn phu nhân, Đặng Trần Côn hoan hỉ, chính vì biết Tôn phu nhân để tâm viết nhiều về khách má hồng buổi chinh chiến mà tôi đem "Chinh phụ ngâm khúc" tới nhờ chỉ giáo.

- Làm được thiên chuyện này chắc hẳn tiên sinh phải lao tâm khổ tứ hàng năm trời. Nhưng nếu để vậy, người thưởng thức được cái hay của thiên chuyện chẳng có là bao! Tôi có ý định diễn âm tập sách này. Tôi quyết thế vì cốt chuyện làm cho tôi cảm động. Và có vậy mới xứng với lòng trân trọng của tiên sinh đối với tôi.

Đặng Trần Côn còn đang bàng hoàng xúc động trước phần thưởng đặc biệt mà Hồng Hà nữ sĩ đã dành cho mình thì đã nghe Đoàn Thị Điểm cất giọng ngâm:

"Thuở trời đất nổi cơn gió bụi

Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên

Xanh kia thăm thẳm từng trên

Vì ai gây dựng cho nên nỗi này..."

Đặng Trần Côn sững sờ kinh ngạc:

- Tôn phu nhân đã diễn âm thanh như thần, tôi thực không ngờ được. Thiên chuyện này mà được bậc khuê tú anh tài như Tôn phu nhân để tâm diễn dịch thì phải thống thiết lắm. Công ấy của Tôn phu nhân. Kẻ làm sách đã dược thơm lây.

Bên ngọn đèn khuya, giấy bút, nghiên mực đã bày biện sẵn sàng, Đoàn Thị Điểm lại say sưa dịch sách.

Lần giở thiên chuyện và theo đuổi những diễn biến tâm trạng nhân vật, nữ sĩ không khỏi giật mình thấy Đặng tiên sinh có những suy nghĩ đồng điệu với mình. Cũng như Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm đồng tình với câu hỏi của người chinh phụ:

"... Xanh kia thăm thẳm từng trên

Vì ai gây dựng cho nên nỗi này? "

Nhưng ai đã gây ra nỗi này? Ai gây ra nạn binh đao? Đọc suốt thiên chuyện không thấy chinh phụ trả lời. Nhưng hơn ai hết Đoàn Thị Điểm hiểu thâm ý của Đặng Trần Côn: Kẻ gây ra họa binh đao ấy chính là vua chúa không còn chút tình dân. Cái chết thê thảm của thượng thư Lê Anh Tuấn chẳng phải là bài học răn đời đó sao?

Đoàn Thị Điểm lại tiếp tục việc dịch thiên chuyện. Càng dịch Đoàn Thị Điểm càng thấy tâm đắc với Đặng tiên sinh kín đáo bày tỏ thái độ mình qua lời than của Chinh phụ... Thái độ đó là vì thương chồng, nhớ chồng, vì oán ghét chiến tranh phi nghĩa, chinh phụ đã công nhiên đi ra ngoài lễ giáo, ngang nhiên giày xéo lên công, dung, ngôn, hạnh, hoàn toàn trái với đạo lý. Trút cả tâm hồn mình cho việc dịch chinh phụ ngâm, Đoàn Thị Điểm không còn chú ý đến thời khắc trôi qua. Cho đến lúc mệt mỏi muốn đi nghỉ, nữ sĩ kinh ngạc thấy trời đã sáng. Một niềm tự hào nho nhỏ thoáng đến với Đoàn nữ sĩ: Kể từ ngày bắt tay vào dịch chinh phụ ngâm. Đã bao đêm nữ sĩ say sưa làm việc như thế và rồi mai mốt khi dịch phần hoàn thành, mỗi lần đọc nó, người đời chắc sẽ chẳng quên ta!

Yến Phi

Nói gần nói xa, chẳng qua nói thật. Tôi năm nay tuổi cùng đã luống, mà vợ cả rồi vợ hai lại cứ chỉ sòn sòn rặt một giống con trai, mà người vợ mới này phải có tướng như chim bay cá nhảy. Ngẫm đi ngẫm lại, nhắm gần nhắm xa thấy chỉ có cô Yến Phi nhà ta! Yến Phi, chẳng phải là chim bay thì còn là cái gì nữa?

Chắc hẳn đắt ý về câu nói tình tứ đượm vẻ chữ nghĩa thâm thúy của mình, viên chánh tổng vừa ề à đến đấy thì tựa lưng vào thành kỷ, ngửa cổ hinh hích cười một tràng. Đoạn, cứ ngồi như thế, vừa lấy ta vân vê chòm râu dê, chánh tổng vừa thủng thẳng nói tiếp, mắt nhìn lên bức hoành mang hai chữ "Minh Đức" chững chạc treo cao trên đầu:

- Cụ là người có chữ nghĩa, chẳng qua chỉ nhất đán lầm đường theo giặc. Dẫu chưa cử sự, nhưng là chỗ quen biết của tướng giặc châu chấu Cao Bá Quát thì cũng đủ rắc rối rồi! Thế mà vừa qua tôi lại được tin báo là lão Tuần Nhỡn vẫn lén lút đi lại ở đây. Việc này mà đến tay quan trên thì vạ lớn làm sao tránh khỏi được? Nghĩ

cứ ái ngại cho cụ, nên tôi mới càng tính đến việc xin cô Yến Phi nhà ta về làm kế thật đấy! Nâng khăn sửa túi cho tôi, được tôi che chở cho thì còn lo gì việc người ta quấy nhiễu nhà này nữa?

Nhóm người ngồi hẳn trên kỷ, liếc nhìn cụ Đồ, từ nãy vẫn cứ yên lặng chịu chuyện, không rõ ý tứ ra sao mà chỉ đăm đăm nhìn vào chén nước đã nguội ngắt trên tay, viên chánh tổng dằn giọng:

- Luật lệ Hoàng triều về án đại nghịch như thế nào, cụ hẳn đã biết! Kẻ liên can với giặc mà không thú cáo thì ngoài án chém cầm chắc, nhẹ nhất cũng phải xử trượng một trăm gậy, đày xa ba nghìn dặm. Mà đã bị xử lưu đày thì cả vợ con đều cũng phải đi đày theo. À mà cô Yến Phi đâu nhỉ, trà nguội cả rồi, sao chẳng thấy ra tiếp nước...

Chánh tổng đổi giọng xum xoe, nhìn ngọng ngóng vào vách cửa thông xuống nhà ngang, nhưng mãi cũng vẫn chỉ lặng ngắt như tờ. Hơi có vẻ ngượng, kẻ cường hào hắng giọng, quay về phía cụ Đồ từ nãy vẫn giữ yên vẻ lặng thinh:

- Cụ cứ nghĩ kỹ đi rồi cho tôi biết! Việc này chẳng vội gì, nhưng cũng chẳng nên để lâu. Bởi tôi cũng còn phải thu xếp việc chở che cho cụ, chứ rồi chuyện tố giác đã đến tai triều đình thì thánh cũng chẳng kịp gỡ nữa. Thôi, tôi về!

Viên chánh tổng đã đi rồi, nhưng những lời dọa đe hỗn hào như vẫn còn đọng lại mãi trong căn nhà tối mờ mờ. Cụ Đồ cứ ngồi trầm ngâm trước chiếc kỷ đã trống chỗ của kẻ cường hào, cho đến khi nghe tiếng bước chân nhè nhẹ dừng lại ở phía sau lưng mình.

- Tội vạ đến nơi rồi con ạ!

Không ngoảnh lại, cụ Đồ thở dài nói khẽ. Nhưng lập tức, một giọng thanh thoát, sẽ sàng mà rắn rỏi đã cất lên:

- Ở trong nhà, con đã nghe rõ cả! Xin thầy cứ để mặt cho con lo liệu việc này. Được thầy cho theo đòi việc bút nghiên, tuy là phận gái nhưng con cũng hiểu được cái nghĩa chữ "Minh Đức" là thế nào. Nghĩa phụ con lại cũng đã truyền đủ cho con những miếng nghề để theo, được cái đức sáng ở vào thời buổi Vua quan nhiễu nhương này...

Mấy tên lính phủ, gậy hèo tay thước, mang gông xách thừng nhâng nháo bước qua cổng nhà cụ Đồ. Chánh tổng, Lý trưởng dẫn đầu bọn chúng.

Bị cụ Đồ cự tuyệt việc gả bán cô gái vừa nhan sắc vừa khỏe mạnh, lại giỏi giang chữ nghĩa nhất trong vùng, chánh tổng râu dê căm tức tím mặt, rắp tâm thi hành ngay việc trả thù. Ton hót với phủ quan rằng, chính nhà cụ Đồ là nơi chứa chấp Tuần Nhỡn, dư đảng của Cao Bá Quát đã một thời làm quan quân triều đình mất ăn mất ngủ, chánh tổng đã lập tức được lệnh phải cùng lính phủ tróc nã tên giặc cỏ, điệu về phủ đường ngay. Đắc ý về ngón đòn hiểm: Vừa tấn công được với quan trên, vừa trừ khử được cái gai trước mắt, chánh tổng còn ngốt người lên vì mối hy vọng chiếm đoạt được Yến Phi, một khi thân cô thế cô, sẩy đàn tay nghé, chắc chắn sẽ phải rơi vào tay hắn.

Nhưng, đã kéo vào đây cả căn nhà "Minh Đức" rồi mà lũ đầu trâu mặt ngựa vẫn thấy ba bề bốn bên vắng lặng như không. Chánh tổng có phần chột dạ, đảo mắt nhìn quanh, dặn hắn mấy tiếng. Vừa lúc ấy, tự ngách cửa ngang, bỗng nhẹ nhàng xuất hiện một Yến Phi khác hẳn ngày thường. Cô gái gọn gàng trong bộ võ phục bó chẽn, vẻ mặt nghiêm lạnh, nhưng đôi mắt thì long lên, thật dữ tợn. Toán lính tráng, cường hào còn chưa kịp định thần thì đã choáng tai vì những tiếng quát lanh lảnh:

- Các ngươi vô cớ kéo nhau vào nhà dân lành để làm gì?

Tình thế bị đảo lộn thật nhanh chóng. Kẻ toan ra oai bỗng trở nên lúng túng khi người bị ức hiếp đã nỗi giận với sức mạnh của mình. Tuy vậy, chánh tổnh râu dê vẫn cố lắp bắp:

- À, giỏi thật! Giặc già lánh mặt để nghịch nữ lộng hành. Các anh mau trốn cổ nó lại!

Đám lính phủ lấy lại tinh thần, đổ xô về người con gái. Nhưng vụt một cái, hệt như én liệng, Yến Phi đã tung người nhảy vọt ra giữa sân. Đứng thủ thế trên miếng đất thoáng đãng, cô gái hất đầu:

- Ra đây! Ra cả đây, chị dạy cho mấy bài...

Những tên lính nhao nhao ùa cả ra sân, gậy gộc vung lên tới tấp. Nhưng thật không ngờ! Né người tránh nhanh chiếc tay thước đầu tiên vừa bổ xuống đầu mình, Yến Phi đã thuận tay giật gọn lấy vũ khí của tên lính đánh trượt bị nhỡ đà, lại co chân tống ngay một đạp vào giữa bụng kẻ hung đồ. Bị đòn trời giáng, tên lính ngã bật ngửa ra sân, ôm bụng lăn lộn, rống lên như lợn bị chọc tiết. Cây gậy trong tay cô gái lập tức vung lên, bay lượn như vòng múa, chỉ mấy đòn tiếp theo, đã đánh băng vũ khí của toán lính, lại còn bồi được cho mấy tên gẫy tay, toạc trán.

Phút chốc, cả đám lính phủ đã nháo nhào tháo sạch ra khỏi cổng. Lý trưởng cũng đã nhanh chân lủi biến trước cảnh tượng kinh hoàng. Chỉ còn chánh tổng râu dê, ngạc nhiên cứng cả tay chân, há hốc mồm đứng tựa trời chồng ở trước thềm nhà. Đến lúc thấy Yến Phi thét lên một tiếng, lao thẳng đến phía mình, chánh tổng mới cuống cuồng chạy vòng ra phía cổng. Nhưng chỉ kịp chệnh choạng được vài bước, hắn đã bị cô gái nhảy theo, túm lấy khăn, giật mạnh về phía sau. Ngã chổng vó lên trời, chánh tổng cứ nằm thế mà lạy như tế sao:

- Tôi lạy cô Yến Phi! Trăm lạy cô Yến Phi! Xin cô thương tình sinh phúc cho kẻ hèn này...

Xoắn lấy mớ tóc xổ tung của kẻ cường hào, Yến Phi vừa kéo xềnh xệch chánh tổng về phía nhà ngang, vừa lẩm bẩm:

- Tha à? Được! Vào đây mà xin...

Quẳng tên tù binh xuống dưới chân cụ Đồ, từ nãy vẫn ngồi yên lặng trong gian nhà ngang, Yến Phi lùi lũi đi xuống bếp. Cô gái vừa đi khỏi, chánh tổng đã lại cắn rơm cắn cỏ lạy vang người cha cho đến khi hốt hoảng nghe thấy tiếng củi nứa nổ lép bép, cùng với tiếng bước chân trở lại của Yến Phi.

Tay cầm bó đuốc cháy rừng rực, cô gái rành rẽ nói mặt kẻ cương hào:

- Ta cũng chẳng thèm lấy các mạng tanh hôi của ngươi làm gì. Nhưng phải đốt cho trụi cái thói dâm bạo của ngươi đi!

Dí bó đuốc vào chòm râu dê của chánh tổng cho cháy xèo xèo, rồi thuận tay cài luôn mồi lửa lên mái gianh, cô gái quỳ xuống níu áo cụ Đồ:

- Cha con ta chẳng thể nào ở yên đây với lũ cướp ngày nay được. Xin mời thầy mau dời đến chỗ nghĩa phụ con mà lánh nạn.

- Còn con?

- Xin thầy cho con từ được từ nay ra tay trừ tận gốc những bọn sâu mọt như kẻ kia!

Cô gái trừng mắt, chỉ thẳng tay vào bộ mặt lem nhem trần trụi râu tóc của tên chánh tổng, lúc này đã lập cập lùi dần ra đến cổng.

Thủ lĩnh nghĩa quân Tuần Nhỡn trọng vọng đón tiếp cụ Đồ và mừng rỡ, âu yếm ngắm nhìn Yến Phi gọn gàng, nhanh nhẹn trong bộ võ phục. Nghe kể lại chuyện cô con gái nuôi trừng trị bọn cường hào lỉnh tráng, Tuần Nhỡn vỡ đùi cười ngất:

- Phải, phải lắm! Thế mới đáng mặt nghĩa nữ của Tuần Nhỡn này.

Thét nghĩa quân bày tiệc rượu khoản đãi khách quý, Tuần Nhỡn hể hả tâm sự: Dư đảng nghĩa quân Châu Chấu ở đây cũng vừa trải qua một cơn sóng gió dữ dằn. Quan quân triều đình từ bốn mặt kéo đại binh đến vây đánh thật ráo riết. Giữa lúc tình thế chưa biết sẽ ra sao thì tự nhiên thấy binh mã triều đình lục tục giải vây, kéo đến. Mãi sau mới biết là nghĩa quân Cai Vàng ở Lạng Giang, được tin nghĩa quân Tuần Nhỡn đang bị nguy khốn, đã nỗi dậy đánh phá ở mạn trên để ứng cứu...

Vị thủ lĩnh của nghĩa quân dịu hẳn giọng khi nhắc đến cái tên Cai Vàng của người nghĩa hiệp đang nỗi danh ở xứ Bắc về tài mộ quân dấy nghĩa đánh lại triều đình. Và cô con gái nuôi của Tuần Nhỡn, chỉ qua những câu chuyện chắp nối giữa hai người cha bên mâm rượu, bỗng nhiên cũng thấy bị lôi cuốn vào những kỳ tích và cuộc đời ngang tàng của người đàn ông đang còn xa lạ mà sao đã thấy gần gũi như trong gang tấc. Đấy là người đã giỏi võ nghệ lại hay chữ nghĩa, và nhất là giàu chí quật cường. Xuất thân trai một nhà hào phú trong miền, Cai Vàng đã xin được cha cho biếu cả cái gia tài đồ sộ vào việc khởi nghĩa của mình. Là học trò giỏi của cụ Tú Bái vốn cũng là chỗ quen biết cũ của cụ Đồ đấy thôi. Cai Vàng đã dùng ngay được cả thầy học làm quân sư cho nghĩa binh, bày ra những trận đánh kinh hồn táng đởm quan quân triều đình...

Đang nồng câu chuyện, Tuần Nhỡn chồm người qua mâm rượu, ghé vào tai cụ Đồ mà hạ giọng: Cai Vàng vừa cử vừa tới nhắn tin sẽ thân dẫn các bộ tướng đến ngay đây để bàn việc liên kết thế lực đánh bại triều đình!

Đúng lúc ấy, chợt bỗng nhận ra thái độ trở nên lúng túng khác thường của cô con gái nuôi, ngày thường vẫn luôn bình thản, dạn tợn trong tất cả mọi chuyện. Tuần Nhỡn bèn vừa gật gù vuốt râu, vừa nhếch mép cười hóm hỉnh, khiến cho cô gái bỗng

như người bị bắt quả tang đang làm điều vụng trộm, vụt đỏ lựng đôi má. Và tự nhiên bối rối cúi đầu, mỉm cười ngượng nghịu. Ngả người về phía sau, cười lên thành tiếng sau giọng khà khoái trá của ngụm rượu lớn, Tuần Nhỡn mượn hơi men, hỏi to:

- Này, nghĩa nữ! Con đã không khứng làm vợ ba của chánh tổng râu dê, nhưng nếu ta muốn xin thấy con cho con làm vợ ba Cai Vàng thì con nghĩ sao?

Hàng quân đã chỉnh tề đội ngũ. Nhưng người có tài cầm quân, chẳng cần tinh mắt lắm cũng nhận được ra ngay sự ô hợp trong sắc phục, trang bị và ngay cả trong hàng đội đã được cố gắng sắp xếp. Bởi vì đấy chỉ toàn là những người vừa từ khắp nơi tụ hội, và bàn tay thì mới rời cầy cuốc mà nắm lấy bất cứ thứ gì có thể sát thương được kẻ thù.

Những gặp mắt mở to hướng cả về phía kỳ dài đắp vuông vức bằng đất nện trên rệ đồi. Thủ lĩnh Cai Vàng nhồi oai vệ trên chiếc ghế bành giữa kỳ đài, cùng với lọng vàng tán tía và đội quân hộ vệ gươm giáo tuốt trần. Nhưng bên cạnh Cai Vàng, ghé vào chiếc loa trường hướng xuống hàng quân, lại là một nữ tướng đang cất giọng kim lanh lảnh nói lớn. Quần bó, áo chẽn, vành khăn chít gọn, hai thanh gươm dài giắt bên người đấy chính là Yến Phi.

- Nay ta vâng mệnh chủ tướng mà báo cho các anh em biết Yến Phi đang thét to, bỗng ngừng lại, đưa mắt nhìn một lượt khắp hàng nghĩa binh rồi mới dằn giọng nói tiếp Quân ta sắp mở cuộc giao phong lớn với binh triều! Cho nên quân sĩ phải tinh luyện để mà đủ sức cự địch. Ở đây có nhiều người mới đến ứng mộ. Vì vậy, ai là người còn cha già, vợ dại, con thơ thì hãy mau đứng ra một bên!

Hàng quân đột nhiên rung động. Những tiếng xì xào nối nhau truyền đi như những đợt sống dài. Thủ lĩnh Cai Vàng cũng nhổm người trên chiếc ghế rộng, ngước nhìn Yến Phi, vẻ ngạc nhiên hiện trên nét mặt. Từ ngày lấy được cô gái tài ba ấy, Cai Vàng đã nhiều lần ngạc nhiên vì những hành động quả quyết, và nhất là những suy tính sắc sảo của người vợ trẻ. "Đàn bà dễ có mấy tay!" vị thủ lĩnh nghĩa quân vừa sung sướng vừa nể vì, khi thấy Yến Phi, ngay từ khi mới về với mình, đã đứng ra lo liệu đủ các việc trong quân ngũ, rồi dần dần, tiên đoán được trước cả nhiều điều hệ trọng. "Cô Ba Yến Phi", hay gọn hơn, "Cô Ba", những tiếng gọi ấy, từ khắp các quân hiệu, Cai Vàng đã nhiều lần được nghe biết, kèm với vẻ thán phục, kính trọng không giấu giếm của nhiều người. Đấy là khi, những kẻ dưới trướng của thủ lĩnh nghĩa quân kể lại với nhau, hoặc trình với chủ tướng, những việc làm hoặc ý định của Yến Phi từ việc lặn lội, xông xáo khắp các nơi đóng quân, hay thu xếp cắt cử tuần phòng, binh lương, đến việc giảng giải về tình thế, hay tiên đoán sự điều bát của các cánh quân triều đình ở bên kia tuyến trận. Và bây giờ thì chắc hẳn Yến Phi đang sắp thi hành một ý định gì mới, trước đạo quân vừa tuyển mộ, và mới xin chủ tướng cho lệnh hội binh cấp tốc.

- Ai là người nặng gánh gia đình thì đứng cả sang phía bên này!

Thấy hàng đội nghĩa quân vẫn chỉ mới rục rịch, Yến Phi chỉ tay, đanh giọng quát lớn vào ống loa. Thế là, bắt đầu từ mấy người gầy yếu, rồi dần dần, cả một đám

đông có phần ngơ ngác đã tụ lại ở chỗ chỉ tay của Yến Phi. Thấy việc chia quân đã thành, vị nữ tướng liền cất giọng rành rẽ:

- Bây giờ thì cho những ai vướng víu thân nhân trở về! Còn những người ở lại đây, phải lập tức ngay đêm rèn tập phép xung trận ngay!

Những tiếng xì xào bỗng chuyển ngay thành lời lẽ ồn ào. Một tiếng kêu thốt lên từ phía những người bị loại, kéo theo cả một loạt tiếng lao nhao:

- Chúng tôi không phải là kẻ để cho vợ con trói buộc. Xin Cô Ba đừng gạt bỏ chúng tôi!

- Đừng đuổi chúng tôi!

- Chúng tôi không về!

Từ phía cánh quân được tuyển lựa, một tiếng nói lớn vọng lên:

- Anh em chúng tôi đến đây, không ai không muốn liều chết làm cuộc đổi đời. Xin Cô Ba đừng để lòng nghi ngại. Cứ thu nhận và giao việc cho tất cả chúng tôi!

Hàng quân vừa tách ra đã nhập cả lại thành một khối. Tất cả, chen chúc ồn ào trùng điệp lấn tới gần kỳ đài, vẻ phấn khích bốc lên bừng bừng. Thủ lĩnh Cai Vàng cũng vụt đứng dậy. Và nhìn cặp mắt long lanh cùng nét mặt tươi tắn của Yến Phi hài lòng vì dịp thử thách tinh thần quân sĩ của mình chủ tướng nghĩa quân biết rằng trận đánh sắp tới sẽ là trận rất lớn.

Cánh quân nông dân khởi nghĩa do Yến Phi dẫn đầu đang mở đường tiến về phía thành Bắc Ninh, thủ phủ của cả trấn Kinh Bắc rộng lớn ngày xưa.Chủ tướng nghĩa quân Cai Vàng tiến theo làm thế ỷ dốc ở phía sau. Trận đánh lớn chưa từng thấy kể từ ngày dấy binh đã bùng nổ.

Các cơ đội nghĩa quân nườm nượp kéo đi như nước chảy. Nhờ tài thu phục lòng người và điều bát quân sĩ của Yến Phi, dưới ngọn cờ nghĩa của thủ lĩnh Cai Vàng bây giờ đã quy tụ được, không những chỉ một cánh quân Tuần Nhỡn, mà hầu như tất cả lực lượng khởi nghĩa chống triều đình nhà Nguyễn của đất Kinh Bắc xưa. Chính là vì có trong tay cả một lực lượng hùng hậu như thế, nên Yến Phi mới bàn với chồng ra quân, nhằm thẳng vào tỉnh thành Bắc Ninh, đánh một đòn phủ đầu thật dữ dội. Cho khiếp vía bọn vua quan sâu mọt!

Quả nhiên, vừa nghe tin ấy, khắp hàng tướng sĩ triều đình trên đất Bắc đã xôn xao, rung động. Khắp ngả đường quan, những tên lính trạm mang hỏa bài, phóng ngựa như điên, nhốn nháo chuyển đệ các công văn hỏa điều động lực lượng bố phòng. Binh mã triều đình được lệnh đổ dồn cả về trước thành Bắc Ninh.

Yến Phi còn đang trên đường tiến binh thì đã gặp phải quân địch dầy đặc chặn đường. Phủ Oanh, khét tiếng là viên tuần phủ năng nổ mẫn cán, đã thân dẫn lính tráng trong hạt đón đánh ở phía trước. Binh mã triều đình dàn bầy theo đúng phép trận: Chánh lệnh cưỡi ngựa đốc chiến, phó lệnh ngất ngưỡng trên mình voi cao, án ngữ phía đầu hàng quân.

Trước mặt Yến Phi là cả một đạo binh mã lẫm liệt oai phong, sẵn sàng ăn tươi

nuốt sống kẻ địch. Nhưng người nữ tướng vẫn cứ điềm nhiên tiến tới. Biết chẳng phải tay vừa, Phủ Oanh vội vã truyền cho chõ loa thét lớn:

- Tên giặc cái kia! Khôn hồn thì đem đám lâu la lui về. Triều đình sẽ tha cho tội khởi loạn, nếu biết trở lại cùng chồng con làm ăn lương thiện...

Một cơn giận dữ bốc lên đầu người nữ tướng. Vẫy quân sĩ dừng lại, Yến Phi đỏ bừng nét mặt, trợn ngược cặp mắt sáng, giương loa mở đầu cuộc đấu khẩu:

- Nghe đây! Một lũ các người cũng chẳng làm gì nổi ta đâu! Chỉ cần một mình ta cũng đủ chọi với cả đám quân tướng các ngươi rồi! Có giỏi thì hãy giao chiến cùng ta đây này! Bắt được ta thì đạo quân kia không đánh cũng tan. Bằng không thì lũ ngươi phải khốn đốn gian nan với ta!.

Phủ Oanh còn đang kinh ngạc trước những lời lẽ dữ dội ấy thì viên phó lệnh đã hùng hổ thúc voi tiến lên. Quài tay rút ở bành voi ra một ngọn mác sáng loáng, phó lệnh hăm dọa:

- Giặc cái! Lui ngay!

Từ trên mình cao voi dữ, mũi mác rung rung nhìn thẳng vào người đàn bà đứng nhỏ trước đầu voi. Nhưng Yến Phi vẫn không lùi một bước. Nữ tướng nông dân choãi chân lấy thế rồi quát to thách thức:

- Ném đi!

Ngọn mác lập tức bay vụt, vạch một vệt sáng như chớp trước những tiếng kêu thảng thốt bật ra từ cả hai bên tiếng trận. Nhưng liền đó, những tiếng reo ngạc nhiên và mừng rỡ đã bật lên: Yến Phi vừa ung dung vung tay bắt gọn ngọn mác của phó lệnh.

- Coi đây!

Viên tướng triều đình, sau một thoáng choáng người, đã giận dữ rút ngay ngọn mác thứ hai, nhổm người trên bành voi, nhằm thẳng vào Yến Phi, phóng tiếp. Những tiếng reo hò lại dậy lên: Nữ tướng nông dân lại bắt được thứ vũ khí giết người lợi hại của kẻ thù.

Lồng lộn như hóa dại, phó lệnh vừa hò hét, vừa liên tiếp phóng đi bảy ngọn mác. Nhưng, tài tình, dũng mảnh như tướng nhà trời, bảy lần Yến Phi cũng đảo người, vung tay chộp ngọn được cả bảy ngọn mác của viên phó lệnh! Tiếng reo hò nổi lên rầm trời dậy đất. Phủ Oanh, chánh lệnh và cả đạo quân triều đình há hốc mồm kinh ngạc, trong khi phó lệnh tái mét nét mặt, tháo mồ hôi trộm đầy người.

Chính lúc ấy, Yến Phi quay loa về phía quân mình. Giọng loa kiêu hãnh của người nữ tướng nghe như tiếng reo mừng thắng trận:

- Đánh đi, anh em!

Nghĩa quân lập tức tràn lên, hò hét inh ỏi. Một phát súng tay nhằm vào viên phó lệnh đang lúng túngtrên bành voi. Kêu lên một tiếng đau đớn, phó lệnh ôm cánh tay đầm đìa máu đỏ, thúc voi quay đầu tháo chạy.

Thế trận đột nhiên chuyển đổi. Chánh lệnh vội vã phóng ngựa cuống chạy theo phó lệnh. Phủ Oanh ôm đầu lẩn ngay vào đám loạn quân. Cả đạo binh mã triều đình rùng rùng tan vỡ như đàn ong bị phá tổ.

Chủ tướng Cai Vàng đưa đại binh lên phía trên, hội sư cùng đại quân vừa đại thắng trong trận đầu giao chiến với Yến Phi. Từ sau lần đánh bại đạo quân chủ Phủ Oanh, oai danh nữ tướng vợ Ba Cai Vàng vang dậy khắp trong miền. Và thanh thế của nghĩa quân cũng nỗi cao như sóng cồn. Nhân đà ấy, Cai Vàng quyết định hạ thành Bắc Ninh. Trước khi mở cuộc tấn công, Cai Vàng xuống lệnh cho quân sĩ nghỉ ngơi ba ngày. Và phái Yến Phi đi đốc thúc việc chuyển vận lương thảo khí giới cho nghĩa quân sử dụng vào dịp đánh thành.

Tin tức cấp báo từ Bắc Ninh bay về Hà Nội. Trước tình thế nguy khốn của tòa tỉnh thành, bố chính Nguyễn Khắc Thuật được lệnh kéo gấp ngay ba nghìn quân triều đình từ Hà Nội đi cứu viện. Quan tỉnh Sơn Tây cũng được lệnh đưa ngay quân Cam Đường và lính thiện xạ đi tiếp ứng.

Các đạo binh mã triều đình cấp tốc đến Bắc Ninh, giữa lúc nghĩa quân Cai Vàng còn đang tản mác, nghỉ ngơi trong các thôn xóm. Khi chủ tướng Cai Vàng nghe tin quân triều kéo đến, thì dưới trướng lệnh, chỉ có một toán quân hộ vệ. Truyền lệnh hội binh cấp tốc cũng chỉ thu thập thêm được vài trăm người, Cai Vàng không có cách nào khác, ngoài việc đem hết lực lượng ra cự địch.

Trận kịch chiến không cân sức giữa nghĩa quân Cai Vàng và binh mã triều đình do Nguyễn Khắc Thuật chỉ huy kéo dài hai ngày đêm ròng rã. Cậy số đông áp đảo và lợi thế bất ngờ, Nguyễn Khắc Thuật thúc binh triều tiến đánh nghĩa quân như mưa như gió. Cai Vàng đã đem hết sức mình cùng với đám nghĩa quân dưới cờ kháng cự quyết liệt, nhưng cuối cùng vẫn bị đốn ép và rơi vào mạng lưới bao vây chặt chẽ của binh mã triều đình.

Rạng sáng ngày thứ ba, tình thế trở nên hết sức nguy ngập. Tụ cả về trên một khu gò cao, thủ lĩnh nghĩa quân, vẻ mặt căng thẳng, đưa mắt nhìn khắp lượt những nghĩa binh trung thành của mình. Tất cả đều lăm lăm vũ khí, quây tròn chung quanh Cai Vàng cũng nắm chặt thanh gươm vẫn còn đẫm máu kẻ địch của mình, chờ đến lúc cùng đường thì tự vẫn chứ không chịu để triều đình bắt sống...

Đang lúc nghiêm trọng ấy thì từ phía ngoài hàng trận bao vây của quân đội triều đình, bắt chợt rộ lên những tràng súng tay nổ ròn như bắt rang. Tiếng hò reo xung trận như những đợt sóng lừng dội mỗi lúc một gần. Vòng vây của binh triều bỗng nhiên nháo nhác rung động. Một chớp hy vọng chợt lóe sáng, Cai Vàng hình. Thì cũng vừa lúc, từ ngoài vọng tới rõ ràng một giọng loa lanh lảnh quen thuộc:

- Đánh đi, anh em!

Cả đạo nghĩa quân bị bao vây hầu như reo lên cùng một lúc với tiêng kêu cố gắng kìm lại trong cổ họng chủ tướng:

- Cô Ba Yến Phi!

- Cô Ba đã tới!

Quả nhiên, Yến Phi đã tới kịp. Vừa chuyển về xong một chuyến quân lương lớn, hay tin binh triều bất ngờ kéo đến tăng viện đã bao vậy được Cai Vàng, Yến Phi lập tức thay chồng tập hợp lại toàn bộ nghĩa quân còn rải rác ở ngoài vòng vây, rồi mở ngay cuộc tấn công. Cùng với giọng loa thét gọi khẩu lệnh tiến đánh, Yến Phi lao mình phóng thẳng vào hàng ngũ quân triều, dẫn đầu cả đạo binh cứu viện. Chiếc túi da trước ngực người nữ tướng phồng căng những lưỡi dao lá liễu nhọn hoắt. Liên tiếp thò tay vào bọc rồi vung tay nhanh như chớp, Yến Phi cùng với những lưỡi dao lợi hại phóng đi, đã phạt đỗ cả một vạt binh mã triều đình. Những nghĩa quân theo xác người nữ tướng mở rộng thêm đường tiến. Như một mũi vùi khổng lồ xuyên vào vòng vây dầy đặc của bố chính Hà Nội, đạo nghĩa binh của Yến Phi cuối cùng đã phá vỡ trận tuyến quân triều, cùng lúc với cánh quân của Cai Vàng từ phía trong cũng dốc toàn lực đánh thốc ra đón.

Ba giờ đồng hồ kịch chiến trôi qua. Hàng trận Nguyễn triều từ chỗ rối loạn đã chuyển nhanh thành tan vỡ. Tàn quân Nguyễn Khắc Thuật chạy vạt vào cả trong thành Bắc Ninh, cùng với binh lực phòng ngự ở đấy đóng chặt cửa thành cố thủ.

Bên ngoài cổng thành, hai đạo nghĩa quân hân hoan vồ vập hội binh. Cai Vàng ứa nước mắt nắm lấy tay Yến Phi, trong khi người nữ tướng vừa gạt nhanh những giọt mồ hôi chiến trận long lanh trên khuôn mặt đỏ bừng kích động, vừa thét loa gọi tiếp tục dàn trận.

Lệnh bao vây thành Bắc Ninh được ban bố ngay lúc ấy.

Những tin tức nhân dân nổi dậy ở Bắc Ninh và các nơi khác nối nhau bay về kinh thành Huế như bươm bướm. Trong Nam ngoài Bắc, các thế lực nông dân nổi dậy chống triều đình càng mạnh, thì giữa triều đình, những ý kiến xung đột, trách cứ càng rối loạn. Công văn, sớ biểu chồng chất như núi trên án thư của Vua Tự Đức trong Cấm thành. Sử quan ở Quốc sử quán đã được lệnh ghi ngay lại thánh ý của hoàng thượng bệ hạ để làm sáng rõ mối bận tâm của nhà Vua vào lúc này:

"Mấy năm nay, trẫm đã lo nghĩ thành ốm, mà công việc quân cơ đưa đến ngày một nhiều, ngoài ra còn giấy tờ lặt vặt cũng không ít. Trẫm thực không dám tiếc sức, ngày đêm xem xét phát đi, nhưng vẫn không khỏi đọng lại hành đống..."

Lời hoàng đế đã được chép nguyên vào sử, nhưng hôm nay, Vua Tự Đức lại vẫn cứ phải tiếp tục vùi đầu vào đống giấy tờ đó. Cầm một bảng sớ lên tay, thấy cung kính đề tên người dâng sớ là Lại Khoa Chưởng ấn Đặng Xuân Bảng, Vua Tự Đức tươi nét mặt, nghiêng đầu chú ý đọc:

"Nhà nước dùng quân đã sáu năm nay, quân thứ ở mạn Nam, Mạn Bắc mỗi nơi có đến vài vạn người, mà bọn tướng tá quân lính có tiếng là người dũng lược, sao lại văng vắng thế? Há trong vài vạn người mà không có lấy một ai hai sao? ".

Tự Đức buông tờ sớ xuống án, ngao ngán thở dài. Tình thế quả có như vậy. Nhưng những lời tâu xin bàn bạc để giúp hoành thượng chấn chỉnh tình thế thì sao vẫn chẳng tìm thấy đâu! Bỗng nhiên, một cơn giận dữ ập đến. Tự Đức cáu kỉnh dằm bút vào nghiên, viết nhanh lời chiếu để tới buổi thiết triều này sẽ tuyên đọc ngay cho

các quan:

"Trẫm ít đức, gặp buổi nhiều khó khăn, sự thể còn khó duy trì, chứ còn mong chấn chỉnh được ư? Các đại thần nếu có kế sách gì, hãy thực lòng bảo trẫm. Phải cốt lấy thực tâm mà làm, nếu chỉ bàn nhiều, nói suông thì phỏng có ít gì? "

Đặt bút lên giá, mệt mỏi nhấm ngụm sâm, Tự Đức tiếp tục đưa mắt lướt qua một lượt các giấy tờ còn đặt trên án. Đôi mắt hoàng đế bỗng mở ra. Một tờ sớ có nội dung khá kỳ lạ: Tâu xin nhà Vua phân xử cho một trường hợp tranh giành công cán, đã mở sẵn. Đấy là việc viên cai đội ở Hà Nội, tên gọi Đội Hến, ngày mới rồi, được lệnh điều "Ông Ầm cửa Đông" khẩu thần công đặt ở cửa Đông thành Hà Nội sang Bắc Ninh dự trận cứu thành bị vây. Vừa đến hạt Từ Sơn, Đội Hến treo lên một ngọn đồi cao, quan sát thấy ở tít xa có một đám người ngựa đông nghịt, lại thấp thoáng ẩn hiện cả bóng lọng vàng, tán tía của nghi vệ thiên tử. Chuyển vận ngay khẩu thần công lên ngọn đồi, Đội Hến ra lệnh nhằm vào đám đông nã mấy phát đạn thị uy. Sau đấy thì đoàn quân nghỉ lại. Không ngờ, bỗng nhiên thấy các cánh quân của Cai Vàng đang bao vây thành Bắc Ninh tự lui tan! Mãi mới nghe đồn trong dân gian: Chủ tướng Cai Vàng trúng đạn, tử thương. Hai tỉnh Hà Nội và Bắc Ninh bèn lập tức nhận phần công lao về cho mình không sao có thể phân xử được nữa...

Đọc xong tờ sớ, Tự Đức ngả người vào thành long kỷ, cười không thành tiếng một hồi lâu. Thật cũng lấy làm kỳ cho cái đám tỉnh thần này! Việc chính yếu là mối lo canh cánh của hoàng đế về nạn "Giặc" Cai Vàng thế là đã được cất đi, thì chúng không tâu bày kỹ lưỡng, lại chỉ cứ nhắm vào việc công cán với tặng phong! Vẫn không tắt tiếng cười thầm, Tự Đức vui vẻ dầm bút, ghi thánh ý của hoàng thượng đế các quan bộ Lễ y theo mà xử trí, thi hành: Hãy tặng phong cho "Ông Ầm cửa Đông", từ nay sắc phong cho "Ông" làm Thần vũ tướng quân; ban cờ, biển và quân hầu cùng thuốc men chăm sóc thật chu đáo...

Buông bút, vẫn với tâm trạng vui thầm như thế, Tự Đức lại xem xét các công văn giấy tờ. Nhưng bỗng nhiên, hoàng đế trợn ngược cặp mắt hấp háy. Và vụt hiểu ngay vì sao triều đình không tâu bày về việc nạn "Giặc" Cai Vàng đã dứt. Bởi vì trước mắt Tự Đức, lại thêm ngay tờ sớ trình về vụ nghĩa quân Cai Vàng đã hội tụ trở lại, dữ dội hơn trước, do chính nữ tướng vợ Ba Cai Vàng cầm đầu. Nghĩa quân đã vừa tấn công, giết hại quân triều không biết bao nhiêu mà kể ở Nãi Sơn, tỉnh Hải Dương. Và nguy kịch nhất là việc quan phó đề đốc Vũ Tảo, người huyện Hương Thủy thuộc ngay đất kinh thành, trong trận ấy đã sa vào tay "Giặc"!

Chính Yến Phi là người đã lập nên công tích ấy.

Người nữ tướng trẻ tuổi đã vấp phải những khó khăn rất lớn khi chồng mình ngã xuống. Viên đại của Đội Hến nã trúng Cai Vàng giữa lúc chủ tướng nghĩa quân đang điều bát quân sĩ bao vây thành Bắc Ninh, là viên đạn vô tình. Nhưng, không biết từ bao giờ, trong quân ngoài dân đã lưu truyền, đồn đại về câu chuyện người chủ tướng nghĩa quân có một viên ngọc kỵ đạn rất lợi hại, luôn đeo ở trong người. Chính vì vậy mà bao phen vào sinh ra tử, vẫn không mũi tên hòn đạn nào phạm tới được Cai Vàng. Thế mà lần này, quả đạn vu vơ của Đội Hến lại đã sát hại được người anh hùng! Có kẻ đã lập tức phao lên: Quân triều đình dùng vàng làm đạn để bắn Cai

Vàng. Ngọc kỵ đạn vì thế mà mất thiêng!

Thấy tinh thần nghĩa quân có phần hoang man xao xuyến, Yến Phi đêm ngày lo nghĩ bồn chồn. Gánh nặng của sự nghiệp cứu dân làm cuộc đổi đời, giờ đây trút cả lên vai người nữ tướng trẻ tuổi. Nhưng cũng như đã bao lần người nữ tướng ấy không hề chùn bước. Đưa xác Cai Vàng về quê hương Vân Sơn làm lễ an táng xong, Yến Phi lập tức hạ lệnh tụ hội quân sĩ.

Những người nông dân nghèo khổ từ khắp nơi tìm về với cuộc dấy nghĩa, không còn ngoài đường nào khác ngoài đường đánh lại bọn Vua quan sâu mọt, thấy Cô Ba Yến Phi lại xuất hiện trên kỳ đài, oai phong như tướng nhà trời, thì lập tức vững dạ, yên tâm trở lại. Giọng loa gọi quân của Yến Phi vẫn đanh thép như ngày nào. Nhưng kèm đấy là nỗi đau sâu sắc của người vợ mất chồng, khiến cho tiếng loa càng thêm sức mạnh khích lệ lòng người. Tiếng loa ấy của người nữ chủ tướng mới, đòi nghĩa quân phải cùng mình ra trận, bắt cho kỳ được một tướng triều đình về làm lễ tế cờ rửa hận cho chủ tướng Cai Vàng!

Nghĩa quân đã xông vào trận Nãi Sơn, dữ dội chưa từng thấy, theo hiệu lệnh giọng loa của người nữ tướng đang yêu cầu trả nợ máu. Xung sát từ chập tối cho đến nữa đêm thì phó đề đốc Vũ Tảo cùng cả đạo quân triều đình đóng ở Nãi Sơn đã không một người chạy thoát. Và cuộc tế cờ kéo dài ba ngày ba đêm đã kết thúc bằng việc đốt cây đuốc sống Vũ Tảo tham bạo.

Tất cả những người dự cuộc tế lễ ấy điều hiểu rằng, ngọn lửa tẩm dầu đốt cây thịt của tướng triều đình bốc cao trong tiếng trống chiêng nghiêm trang đã làm thỏa vong linh của người chủ tướng cũ và làm vui lòng người nữ chủ tướng mới mà từ nay, họ sẽ dốc sức chiến đấu dưới cờ.

www.doitynan.com

Danh Nhân Đất Việt
Nguyễn Xí

Một đêm vào cuối mùa thu năm Bính Ngọ (1426), trời Lam Sơn trong vắt, nhiều sao. Khi mảnh trăng hình lưỡi liềm nhô lên sau đỉnh đồi, núi rừng Lam Sơn đã rầm rập bước chân người. Đây là lần thứ ba, trong vòng hơn một tháng, các đạo nghĩa quân Lam Sơn tiến ra Đông Quan. Hai ngàn quân tinh nhuệ nối nhau dưới chân đồi, đợi lệnh lên đường.

Ngồi trên lưng ngựa, viên thượng tướng trẻ tuổi len giữa hàng quân, chờ đợi.

Đã hơn mười năm, từ khi rời quê hương huyện Chân Phúc về Lam Sơn tìm minh chủ để giết giặc cứu nước nhà đến nay, không biết bao nhiêu lần người con trai ấy cùng đội thiết đột của mình xông vào trại giặc. Từ lúc nghĩa quân còn bị vây khốn ở Chí Linh đến trận đột kích đồn Đa Căng mở đường tiến vào Nghệ An (1424) rồi trận Bồ Đằng, trận Trà Long, trận Khả Lam, Bồ Ải và tiến lên vây thành Nghệ An, người con trai đất Chân Phúc đã cùng với nghĩa quân Lam Sơn sống những ngày gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt. Trên đường đến vào Nghệ An, mỗi bước quân đi là thành giặc tan tành, quân Minh kinh hồn bạt vía. Cho đến nay, suốt dải đất từ Thanh Hóa trở vào hầu như vắng bóng giặc. Chúng hoảng sợ, rút vào cố thủ trong một số thành trì, chịu số phận cá nằm trên mặt thớt.

Năm tháng trôi đi, cùng với nghĩa quân trưởng thành trong chiến đấu, người con trai vốn quen nghề buôn muối ấy đã trở thành viên thượng tướng của đoàn quân bách chiến.

Mặt trăng mỗi lúc một lên cao, tiếng gà gáy sáng đã vang rộn, viên thượng tướng lại càng sốt ruột vì chưa thấy phát lệnh xuất quân. Vì lúc đó người lính hầu cận của quan Tư Không Đinh Lễ từ đầu đoàn quân phi ngựa tới:

- Thưa thượng tướng, tiền quân đã chuẩn bị xong, xin thượng tướng cho quan Tư Không biết tình hình hậu quân ra sao.

- Ta đang chờ lệnh chuyển quân, mọi việc đã xong xuôi. Viên thượng tượng vừa dứt lời, không kịp chào người lính đã quay ngựa. Một lát sau, tiếng pháo lệnh xé trời. Viên thượng tướng xuống ngựa, trao cương cho người lính tùy tòng, hòa mình vào đoàn hậu quân, bước vội trên đường đồi quen thuộc.

Viên thượng tướng trẻ tuổi đang cùng đại quân tiến như vũ bão về phía sào huyệt của giặc, chính là Nguyễn Xí.

Phía Đông Nam thành Đông Quan, làng Thanh Đàm nằm bên dòng Nhị Hà vẫn yên tĩnh. Trong khi đó ở các mặt Tây, Tây Nam sào huyệt của giặc, chiến sư không mấy ngày không xảy ra. Nhưng bên trong cái vẻ yên tĩnh bề ngoài ấy, làng Thanh Đàm và các vùng phụ cận đang như một đống lửa ủ kín, đợi dịp để bùng lên.

Hơn một tháng trời lặng lẽ đóng quân ở đây, mấy hôm nay đạo quân thứ ba của nghĩa quân Lam Sơn đang gấp rút sửa soạn nhận lệnh mới.

Sau khi đi kiểm tra lại các cơ ngũ, thượng tướng Nguyễn Xí trở về bản doanh thì đã xế chiều. Tháng mười ngày ngắn trời lấm tấm mưa, thời tiết bắt đầu lạnh. Vừa đặt người xuống ghế

ngồi chưa ấm chỗ, Nguyễn Xí được tin quan Tư Không Đinh Lễ trở về. Nguyễn Xí vội vã đi ra cửa. Trông thấy Đinh Lễ, Nguyễn Xí không ngăn nổi vui mừng:

- Ngài từ Cao Bộ về phải không? Tôi đang mong đợi.

Nhìn viên thượng tướng trẻ vạm vỡ, võ phục gọn gàng lúc nào cũng ở tư thế sẵn sàng xung trận, Đinh Lễ thầm phục Bình Định Vương đã khéo dùng người và luyện tướng. Giá như lúc bình thường thì Đinh Lễ đã kéo viên thượng tướng dưới quyền mình và cũng là người bạn chiến đấu tâm phúc dềnh dàng bên vò rượu nóng để bàn luận việc quân cơ. Nhưng lúc này thì không được. Vừa bước vào nhà, Đinh Lễ vừa báo tin:

- Tình hình khẩn cấp rồi đó!

Không cần suy nghĩ, Nguyễn Xí nắm chặt đốc gươm trả lời:

- Thưa ngài, đại quân của chúng ta chỉ đợi lệnh là lên đường.

Đinh Lễ ngồi yên lặng, nhìn những hạt mưa bay lất phất ngoài trời.

Trong căn nhà lá, ngồi đối diện với Đinh Lễ bên án thư, Nguyễn Xí nhận thấy vừa mới mấy ngày qua mà khuôn mặt quan Tư Không đã gầy sút hẳn đi. Nguyễn Xí biết lắm. Nằm lì ở Thanh Đàm cùng với đại quân, nhưng hàng ngày Nguyễn Xí vẫn theo dõi sát diễn biến của chiến trường. Tổng binh Vương Thông đem tám vạn quân từ thành Đông Quan kéo ra mặt Tây Nam đóng quân ở ba nơi: Bến Cổ Sở, cầu Sa Đối và cầu Thanh Oai, hình thành thế chân vạc. Hắn định một trận là quét sạch đạo quân của Thái Úy Lý Triện đang hoạt động ở đấy. Rồi đó, chiến trận xảy ra ở Cổ Lãm, Sơn Thọ, Mã Kỳ phải bỏ Thanh Oai chạy về Đông Quan để lại một ngàn xác chết và năm ngàn quân bị bắt sống. Đến lượt Phương Chính, Lý An hoảng sợ phải bỏ cầu Sa Đối. Vương Thông tập trung quân về bến Cổ Sở. Và Cổ Sở cũng bị tấn công. Với số lượng ít hơn quân giặc nhiều lần mà phá tan kế tấn công của giặc dữ không phải là chuyện dễ. Trong cuộc đọ sức cực kỳ anh dũng và mưu lược ấy, quan Tư Không đã góp phần điều binh khiển tướng. Trong lúc đó Nguyễn Xí vẫn cùng đại quân nằm yên ở Thanh Đàm. Mặc dù đã quyết rõ nhiệm vụ quyết định vô cùng quan trọng của đạo quân do mình chỉ huy, nhưng trong những ngày chờ đợi, viên thượng tướng không phải không có lúc thầm ghen tị với đạo quân thứ nhất. Đang lúc nóng lòng sốt ruột, thì Đinh Lễ từ mặt trận Tây Nam trở về, Nguyễn Xí nói với quan Tư Không:

- Thưa ngài, chỉ một đạo quân của Thái Úy Lý Triện, đã nhổ bật được hai vị trí Thanh Oai và Sa Đối, dồn chúng về bến Cổ Sở. Nếu có mặt đạo quân của ta nữa, lo gì chẳng bắt sống được Vương Thông.

Đinh Lễ vẫn yên lặng. Cái yên lặng kín đáo của người cao tuổi, đã dạn dày kinh nghiệm, khiến viên thượng tướng phải dè dặt, đến khó chịu. Không thể dằn lòng được, Nguyễn Xí đứng dậy chống gươm:

- Vâng lệnh đại vương, chúng ta đem hai ngàn quân ra đây kìm chân giặc ở Đông Quan, đợi dịp đánh thẳng vào sào huyệt của chúng. Nay Vương Thông sang, hắn hùng hổ kéo quân ra ngoài thành nhằm tiêu diệt đạo quân của Thái Úy Lý Triện. Trong tình thế này còn nằm im mãi, nếu có cớ sự gì, lũ chúng ta còn mặt mũi nào nhìn đại vương nữa.

Thấy Nguyễn Xí nóng nảy, Đinh Lễ lại càng chậm rãi:

- Sau khi thăm dò lực lượng của Vương Thông ở Cổ Sở, đại quân của ta đã rút vào Cao Bộ để giữ chỗ hiểm. Hiện nay Vương Thông đang gấp rút tập trung lực lượng để hành quân tiêu diệt quân ta ở Cao Bộ đấy!

- Vương Thông dẫn đại quân tiến đánh Cao Bộ? Nguyễn Xí hỏi dồn dập.

- Đúng thế, hắn mưu tập trung ở Nam Kiều rồi chia làm hai cách kẹp chặt lấy Cao Bộ, đạo quân của Thái Úy Lý Triện đang trong tình thế bị uy hiếp trầm trọng.

Nghe chuyện, Nguyễn Xí trừng mắt, đập tay xuống án thư, nói như thét bên tay Đinh Lễ:

- Từ ngày lũ chúng ta theo đại vương đến nay, trong lần bị vây khốn ở Chí Linh tuyệt lương hàng tháng; khi ở Khôi Huyện quân tan không còn một lữ, ấy thế mà chúng không làm gì được ta. Nay ba đạo quân của chúng ta, kéo ra đây theo lệnh của đại vương không thể để bó tay chịu cho chúng tiêu diệt. Lũ Vương Thông có tám vạn chứ tám mươi vạn quân, phỏng quân ta có sợ vì chúng. Trước tình thế, mưu kế của các ngài ra sao?

Không trả lời điều Nguyễn Xí hỏi, Đinh Lễ chỉ nói nửa lời:

- Đã đến lúc cần đạo quân của chúng ta rồi đó.

Nguyễn Xí cau mày suy nghĩ. Con người vốn ưa hành động, sẵn sàng đánh giặc và quyết thắng giặc kỳ được của Nguyễn Xí lúc này bừng bừng như bốc lửa. Tâm trí ông, khu đồng lầy vùng Cao Bộ mà ông đã có dịp đi qua hiện ra rõ rệt. Tám vạn quân Vương Thông hùng hổ dẫn xác đến đây, trong khi quân của ta chỉ có sáu ngàn người không kể một số lớn dân binh tham gia ấy thế mà ông và các bạn chiến đấu của ông phải thắng và quyết thắng. Nguyễn Xí nói với Đinh Lễ: Quan Tư Không ạ, theo phép dùng binh dử người tới chứ không để người dử tới. Nay Vương Thông hùng hổ, tự đắt dẫn quân đến Cao Bộ ấy là hắn đã bị ta dử đến rồi đó. Tôi xem ra vùng đất Tốt Động, Chúc Động là chiến trường có lợi cho ta và sẽ là mồ chôn lũ giặc dữ. Cứ theo ý tôi thì ta sẽ hội quân mai phục ở dọc đường tiêu diệt giặc ngay giữa động lòng không cho chúng đặt chân đến Cao Bộ.

Đinh Lễ nghe, gật đầu mỉm cười. Quả rằng trong chiến đấu cứ mỗi lần chạm trán với quân giặc, Đinh Lễ lại càng thấy mưu lược của viên tướng trẻ họ Nguyễn. Trong khi họp bàn ở Cao Bộ các tướng lĩnh phải quyết định cấp tốc điều đạo quân ở Thanh Đàm về ngay trong đêm nay để kịp phá giặc. Không có mặt trong cuộc họp, chỉ nghe qua tình hình mà Nguyễn Xí đã vạch được như lời bàn của tướng lĩnh. Đinh Lễ cười cởi mở đứng dậy vỗ vào vai Nguyễn Xí và nói nhỏ:

- Thượng tướng bàn thật xác đáng. Nội đêm nay chúng ta phải dẫn quân vào Cao Bộ. Vạch tay trên mặt án thư, Đinh Lễ nói tiếp: Con đường từ Ninh Kiều vào Cao Bộ sẽ là nơi phục của quân ta đó theo tin thám báo thu được, nội đêm nay, khoảng canh tư canh năm, chính binh do Vương Thông cầm đầu gồm khoảng sáu vạn sẽ đi qua Tốt Động vào Cao Bộ. Đạo quân của chúng ta có dịp lập công lớn rồi đo.ù

Nguyễn Xí nắm chặt tay:

- Quân ta ít nhưng tinh nhuệ, ai cũng hăm hở giết giặc để trả thù. Một người có thể địch được mười tên giặc. Chúng ta chẳng những phá được đại quân của Vương Thông, mà còn đuổi chúng đến tận thành Đông Quan nữa chứ!

Hai người nhìn nhau cùng cười. Cái cười hả hê thoải mái của mối tình bạn thắm thiết đã từng thử thách trong chiến đấu, mà cũng là của những tướng lĩnh thao lược, luôn luôn tỏ ra biết mình và biết người.

Trong ánh sáng lờ mờ của một buổi hoàng hôn vào một ngày đầu tháng mười, dưới làn mưa nhẹ, ba ngàn quân sĩ cùng hai thớt voi lặng lẽ như vội vã rời làng Thanh Đàm.

Đống lửa ủ kín ở Đông Nam thành Đông Quan đã bắt đầu cời ra trước gió.

Cánh đồng Tốt Động lầy lội và im ắng. Trong bóng tối mờ mờ của một đêm không trăng sao, con đường độc đạo từ Ninh Kiều về Cao Bộ trườn qua cánh đồng lầy chỉ còn là một vệt xam xám im lìm lẫn vào đồng ruộng.

Vào đúng nửa đêm, cánh đồng Tốt Động như thức tỉnh. Ngoài tiếng gió thổi ù ù, người ta còn nghe tiếng chân người bước rậm rạp. Đạo quân thứ ba Thanh Đàm đã về đây, đang gấp rút tản vào làng xóm và các gò đống rậm rạp. Hai bên đường, trên mặt ruộng, quân chia nhau ngồi thu mình trong các mô rạ.

Sự thức tỉnh tạm thời của vùng đồng quê hẻo lánh cũng nhanh chóng tiêu tan. Làng xóm lại như trong giấc ngủ ngon lành. Làm sao có thể biết được trong cả vùng rộng lớn ấy, giữa một đêm đầu mùa đông, hàng vạn quân dân, cả già trẻ lớn bé đều không ngủ và tỉnh táo hơn bao giờ hết. Người ta đang sống qua những khoảnh khắc căng thẳng nhất.

Đứng cạnh con voi chiến phủ phục trong lùm cây bên đường. Nguyễn Xí nắm chặt cây mâu trong tay. Đằng sau viên tướng trẻ là toán quân thiết đột thân tín. Nhìn bóng đêm dày đặc, cảnh vật im lìm. Nguyễn Xí rất hài lòng. Trong cuộc đọ sức này, chỉ một việc đưa bốn ngàn quân đến mai phục nhanh chóng và bí mật ở đây đã là giành được một nửa phần thắng lợi rồi. Nhìn về phía Chúc Động, ông thầm nghĩ: Vào lúc này cánh quân của Phạm Văn Xảo, Đỗ Bí cũng đã ẩn kín trong núi rừng. Bây giờ đây Vương Thông với đại quân của hắn đang ở đâu?

Nặng nề và dai dẳng vẫn là thời khắc chờ đợi. Trong cuộc đời hơn mười năm đánh giặc của mình. Nguyễn Xí đã bao nhiêu lần đợi giặc nhưng chẳng lần nào giống lần nào. Đây là lần đầu tiên ông đợi giặc trên mảnh đất gần xào huyệt của chúng, và là đợi một đạo quân đông đảo do chính tên Tổng binh Vương Thông mới hùng hổ dẫn từ bên nước hắn sang. Không có đạo viện binh này thì hà tất ông phải nằm lì ở Thanh Đàm đến hơn một tháng; cólẽ ông được lệnh dẫn quân vào chiếm Đông Quan rồi. Ấy cái nghề đánh giặc có nhiều chuyện bất ngờ như thế đó. Không gặp nhau ở Đông Quan thì gặp nhau ở đây, đâu cũng là đất trời của ta cả. Trong cuộc đọ sức này, chúng sẽ biết thế nào là sức mạnh của nghĩa quân Lam Sơn, là khí phách của đất trời Đại Việt. Từ nửa đêm, khi chia tay về vị trí chỉ huy của mình, Nguyễn Xí đã nói với Thái Úy Ly Triện và quan Tư Không Đinh Lễ rằng: "Lũ chúng ta quyết đánh bại Vương Thông, về đoán đại vương ra đây, nếu không phải đem cái chết mà đền tội". Rồi để chia tay, Thái Úy Lý Triện về với hậu quân, Nguyễn Xí vế với trung quân của mình còn Đinh Lễ ở với tiền quân. Họ hẹn nhau lấy đoạn đường gần ba dặm qua cánh đồng lầy Tốt Động làm mồ chôn quân giặc. Nguyễn Xí đang mãi suy nghĩ thì từ Cao Bộ vang lên bốn tiếng trống cầm canh gióng giả. Vừa lúc đó có tiếng chân người bước vội vã. Một người lính từ chỗ Đinh Lễ

đến báo cho Nguyễn Xí biết giặc đã sang sông, đang chia quân tiến vào Cao Bộ. Nguyễn Xí nắm chặc cây mâu, truyền cho quân sĩ sẵn sàng và nhắc lại lệnh:

- Pháo lệnh thứ nhất, ai nấy bất động, nghe pháo lệnh thứ hai, nhất tề xông lên!

Tiếng thì thâm nhắc bảo nhau truyền đi trong đêm tối.

Bên cạnh Nguyễn Xí, người lính quan sát đang nằm úp tai vào một tấm da căng trên miệng hố, vụt nhổm dậy:

- Thưa thượng tướng có tiếng rầm rập đang tiến về chúng ta.

- Được!

Nguyễn Xí nhảy lên mình voi cùng với hai người hộ vệ. Con vật khổng lồ co chân chồm dậy, vắt vẻo vòi đứng yên tại chỗ. Trên mặt đường, giặc Minh nối nhau tiến vào.

Xóm làng đồng nội vẫn yên lặng.

Khi tiền quân của giặc do Thượng thư Trần Hiệp dẫn đầu vượt khỏi vị trí mai phục, một tiếng pháo lệnh nổ vang, quân Minh hò reo thúc nhau xông lên, ào ào tiến vào Cao Bộ.

Ngồi trên mình voi chiến, Nguyễn Xí nói nhỏ với quân lính.

- Giặc đã trúng kế ta rồi đó!

Viên thượng tướng nói vừa dứt, lại một tiếng pháo lệnh thứ hai. Tiếp theo, cả đất trời Tốt Động rung chuyển. Các mô rạ trên đồng lầy mở tung; xóm làng, gò đống như chồm dậy. Tiếng chiêng trống nổi lên, bốn ngàn quân được lệnh xông tới. Ngay từ đầu, con voi chiến của Nguyễn Xí đã xô ra. Như một tảng đá khổng lồ, voi lướt trên con đường độc đạo. Từ trên mình voi Nguyễn Xí hô quân, tiếng vang như sấm, cây mâu trong tay xoay vù vù mở đường cho voi tiến. Cùng lúc đó, trong các làng mạc xung quanh, trống mõ thúc liên hồi. Dọc theo con đường độc đạo, nghĩa quân như một bầy sư tử, cắt quân giặc ra làm nhiều đoạn, thả sức chém giết. Bị phục kích bất ngờ, người ngựa của giặc hốt hoảng, nhảy bổ xuống ruộng chôn chân trên bùn lầy, ngã gục tại chỗ nhiều tên giặc liều chết chạy thoát vào làng xóm lại bị rơi vào tay nghĩa binh.

Ngồi trên mình ngựa, Tổng binh Vương Thông rống lên như lợn bị chọc huyết. Hắn giục Mã Kỳ ra lệnh tiến quân. Nhưng trong đám loạn quân còn ai nghe lệnh của hắn. Vương Thông chỉ thấy quân lính xô nhau chạy trở lại. Con ngựa của hắn như chôn chân trong vòng người hỗn loạn. Tiến hay lui? Tên tướng giặc chưa kịp quyết định, thì trong ánh sáng mờ mờ, thì con voi chiến của Nguyễn Xí đã xéo lên quân giặc xô tới. Từ trên mình voi, Nguyễn Xí chỉ ngọn mâu vào bầy tướng giặc thét lớn.

- Vương Thông, lũ mày chốn đâu cho thoát!

Tên tướng giặc lại rống lên, muốn nhảy bổ tới, quyết sống mái với viên tướng chỉ huy cầm mâu ngồi trên mình voi. Nhưng đâu phải chỉ có một mình viên tướng đó. Hàng biển người hai bên đồng ruộng cũng vừa réo tên hắn, vừa vác gươm đao xông đến. Còn quân lính của hắn thì

không nghe ai nữa rồi. Để bảo mạng, Vương Thông ra lệnh cho Sơn Thọ, Mã Kỳ lui binh giữ toàn quân là hơn cả!

Vương Thông, Sơn Thọ, Mã Kỳ, quay ngựa, xéo lên quân của chúng mà chạy.

Dẫn tàn quân chạy đến Chúc Động, Vương Thông mừng được thoát chết. Không ngờ ở đây, tiếng chiêng trống lại nổi lên và quân mai phục trong rừng bên cây sườn núi xô ra đoán hắn. Trong lúc đó quân Lam Sơn từ Tốt Động đuổi theo. Vẫn con voi chiến của viên tướng trẻ sử dụng cây mâu như thần dẫn đầu. Vương Thông, Sơn Thọ, Mã Kỳ phải liều chết mở đường máu kéo đến bờ Ninh Giang, vượt cầu phao chạy về thành Đông Quan, để lại lũ tàn quân tranh nhau sang cầu, ngã xuống sông như rạ. Số còn lại bị tiêu diệt gần hết.

Trời đã sáng tỏ. Dưới làn mưa bụi, các tướng lĩnh gặp nhau bên chân núi Trúc Sơn. Bùn và máu bám đầy người, họ giơ gươm chào nhau, mừng chiến thắng. Trên mình voi chiến, Nguyễn Xí cất giọng vang vang về phía Lý Triện và Đinh Lễ đang phi ngựa:

- Lũ chúng đang đón Đại Vương ra Bắc được rồi đó.

Nguyễn Xí bừng tỉnh, chung quanh một màu tối đen. Đây là đâu nhỉ? Viên thượng tướng khẽ cưa mình. Đôi tay có sức mạnh đả hổ của Nguyễn Xí giờ đây không cử động được nữa. Nguyễn Xí cố nhớ lại những việc vừa xảy ra, nhưng đầu nặng trĩu, lại chìm vào cơn mê sảng li bì.

Cho đến lúc cánh cửa lim xịch mở, Nguyễn Xí mở choàng mắt dậy. Cùng với ánh sáng yếu ớt lọt vào trong nhà tối, tên giám ngục bước vào. Lặng lẽ như một chiếc bóng, hắn hầm hầm nhìn Nguyễn Xí đang nằm sóng sượt trên sàn nhà, rồi trở ra. Cánh cửa lim sập lại. Nguyễn Xí nghe rõ tiếng khóa cửa lạch cạch.

Lúc này Nguyễn Xí mới tỉnh hẳn. Diễn biến của sự việc vừa qua dần dần hiện ra trong đầu viên thượng tướng. Mới sáng hôm trước, nhận được lệnh từ dinh Bồ Đề cùng với quan Tư Không Đinh Lễ đến tiếp ứng cho Thái Giám Lê Nguyễn ở Tây Phù Liệt, Nguyễn Xí đã cùng Đinh Lễ cưỡi voi chiến dẫn năm trăm quân thiết đột từ cửa Nam đánh thúc vào sườn đạo quân của Vương Thông. Bị đánh cả hai mặt, Vương Thông vội rút quân vào thành. Đang đà thắng trận, Đinh Lễ và Nguyễn Xí đuổi theo tên Tổng binh giặc. Voi chiến lướt nhanh, hậu quân không theo kịp. Thấy vậy, đến Mai Động, tên tướng giặc quỷ quyệt quay lại. Xung trận trên nhiều vùng đất nhiều ao hồ và ruộng bùn, không may voi bị sa lầy, Đinh Lễ và Nguyễn Xí bị rơi vào tay giặc. Tiếp theo là những trò dụ dỗ, dọa dẫm của Vương Thông. Bị giam hãm trong thành Đông Quan, tên tướng giặc đang tìm cách kéo dài tình trạng này để chờ viện binh. Bắt sống hai tướng, Vương Thông hy vọng sẽ khai thác được điều cần biết. Nhưng để trả lời tên tướng giặc, Đinh Lễ va Nguyễn Xí chỉ được mực cười khẩy, chửi rủa thậm tệ, báo cho bè lũ tướng tá giặc biết ngày nộp mạng của chúng không còn xa nữa. Tên tướng gầm lên như một con quỷ khát máu. Hắn dùng đến cực hình...

Nguyễn Xí băn khoăn không hiểu quan Tư Không Đinh Lễ có sống được qua cơn đòn thù ác liệt ấy không? Mình thì không chết, chúng còn giở những trò gì nữa đây? Đang mải suy nghĩ, cánh cửa lim lại mở. Một người lạ mặt, theo sau là một tên lính cầm gươm bước vào. Nguyễn Xí lảo đảo khập khễnh đi theo chúng. Ra khỏi cửa, Nguyễn Xí đưa mắt quan sát chung quanh. Đây là khu trại giam của giặc ở trong thành. Bên ngoài có hào lũy bao bọc. Xa xa phía sau trại giam, tường thành chạy dài một màu xám xịt. Chúng giải Nguyễn Xí đi dọc trại giam rồi đẩy vào một buồng kín ở dãy. Nhờ chút ánh sáng luồn qua khe hở, Nguyễn Xí nhận thấy trong

buồng có kê giường chiếu, chăn đệm. Trên án thư để giữa buồng còn có sẵn một mâm cơm rượu. Nguyễn Xí thầm nghĩ: Lại trò mới của Vương Thông đây, rồi vật mình nằm trên giường. Đã lọt vào tay giặc, chúng muốn làm gì mặc chúng, việc gì phải băn khoăn, đến chết cũng chẳng sợ nữa là! Điều băn khoăn của Nguyễn Xí là không hiểu lúc này ai sẽ thay quan Tư Không và mình để vây giữ mặt thành phía Nam? Năm trăm quân thiết đột của mình sẽ ra sao? Nhưng dù sao thì chắc chắn vòng vây của ta mỗi ngày một khép chặt. Nghĩ đến ngày Đại Vương dẫn binh vào chiếm thành Đông Quan và trên đất nước không còn bóng giặc, Nguyễn Xí thấy người khỏe hẳn lại, chỉ tiếc rằng mình không có mặt trong trận cuối cùng. Vượt qua một trận đòn thù, Nguyễn Xí thấy cần phải sống, nhưng sống ra sao khi còn nằm trong tay giặc quỷ quyệt và hung dữ?

Thấm đòn đau, người mệt, bụng cồn cào, Nguyễn Xí ngồi lại bên mâm rượu. Khi tên lính canh ngục bước vào, thấy mâm rượu hầu như còn nguyên vẹn, hắn nhìn Nguyễn Xí đang nằm trên giường. Nguyễn Xí nói với hắn như truyền lệnh:

- Cơm rượu đấy, cho các ngươi!

Tình trạng đó diễn ra trong mấy ngày liền. Rồi một hôm, bưng cơm rượu đến không phải là người lính mọi bữa, mà là một người hầu gái xinh đẹp, theo sau một ngụy quan đã cao tuổi. Đứng trước viên tướng trẻ tuổi bị cầm tù, mặc dù được lệnh phải chăm sóc, đối đãi chu đáo, nhưng tên ngụy quan lại tỏ ra hách dịch trịch thượng:

- Không may lọt vào đây, được tha chết, lại được quan Tổng binh ân cần chăm sóc, tôi nghĩ là vạn phúc cho ông lắm rồi. Biết điều mà ăn ở, thế nào mà chẳng được trọng dụng.

Không thèm nghe những lời bỉ ổi của hắn, Nguyễn Xí trừng mắt quát:

- Mày là người Việt ăn cơm giặc đi hầu quân giặc mà không biết nhục. Cút đi, đừng đứng đây làm bẩn mắt tao!

Tên ngụy quan vênh váo lui ra, để lại người hầu gái đứng nép một góc buồng, sợ hãi. Nguyễn Xí im lặng ngồi vào bàn. Cô gái rụt rè tiến lại gần, toan rót rượu. Bàn tay xinh đẹp của cô chưa chạm tới be rượu thì phải rụt lại vì cái gạt tay phủ phàng của viên tướng trẻ:

- Để mặc ta!

Lui vào một góc buồng, cô ngơ ngác cúi đầu... Cái nghề hầu rượu này, cô đã quen lắm rồi. Tiếp xúc với bọn quan tướng nhà Minh, qua những buổi chè hoan lạc thâu đêm suốt sáng tronh thành Đông Quan này, cô trở nên dạn dầy, liều lĩnh. Ấy thế mà đứng trước viên tướng trẻ đang bị cầm tù, được lệnh phải chiều chuộng đủ điều này, cô lại sợ. Hình ảnh người con trai khỏe mạnh, quắc mắt mắng vào mặt tên Tổng binh cho đến lúc chết ngất vì cực hình, cô quên làm sao được. Nhưng ông ta không chết, và từ hôm nay cô phải hầu hạ... Không biết con người ấy đối xử mình ra sao?

Ngày này qua ngày khác, cô vẫn ra vào im lìm như chiếc bóng. Cái nhan sắc trẻ trung của cô đã từng làm cho quan tướng nhà Minh mê mệt, trái lại viên tướng trẻ không thèm nói với cô một lời. Cho đến hôm nay, sau khi ăn xong, Nguyễn Xí nhìn chằm chằm vào mặt cô:

- Ả ở đâu? Cớ sao lại đi hầu quân giặc?

- Thưa ngài, tôi người Đông Quan. Cha và em không may bị giết vì loạn lạc, tôi bị giặc bắt. Hiện nay tôi còn mẹ già phải nuôi dưỡng.

- Hừm! Nguyễn Xí tỏ ý khó chịu.

Câu chuyện chấm dứt.

Rồi một hôm trời trở gió, Nguyễn Xí kêu đau mình mẩy, nằm li bì. Mấy ngày liền, bọn gác ngục lại được chia nhau mâm cơm rượu còn nguyên vẹn.

Cô hầu gái băn khoăn lo lắng và thương hại ông tướng trẻ. Mặc dù thái độ lạnh nhạt của Nguyễn Xí, cô lại thấy đây là những ngày đáng ghi nhớ nhất trong cuộc đời đi hầu rượu của cô.

Mấy hôm sau, vào một đêm mưa gió, bọn lính gác ngục và cả cô hầu gái có biết đâu rằng ông tướng trẻ ốm liệt giường đang vùng dậy hành động trong nhà ngục. Nghe ba tiếng trống cầm canh lạc lõng chìm trong tiếng mưa rơi rào rào và tiếng sấm nổ ran trời, Nguyễn Xí nhổm dậy, áp tai vào cánh cửa nghe ngóng. Lính gác ngục đã đổi phiên. Gió từng hồi quật mưa vào mái ngói kêu lộp độp. Tiếng chân lính gác đi lại dưới hang hiện thưa dần, rồi im hẳn. Nguyễn Xí khẽ dựng giường làm thang, đu mình lên mái nhà ngục. Một đám ngói bị vỡ tung, mưa hắt vào mặt lạnh buốt. Nghĩ đến lúc trở về ra mắt Bình Định Vương và gặp lại đội quân thiết đột của mình, Nguyễn Xí thấy lòng ấm lại và như được tiếp thêm sức mạnh. Đu lên mái nhà ngục, ngồi dưới gió lạnh lẽo. Nguyễn Xí căng óc tìm kế lọt qua lính gác ngục. Ép sát người, tụt dần xuống chân mái ngói, đợi lúc hồi sấm bắt đầu râm ran, Nguyễn Xí buông người nhảy xuống. Tên lính cắp gươm đi lại dưới hàng hiên nghe tiếng động. Hắn chưa kịp ngoái lại nhìn Nguyễn Xí đã xông lên. Bị hai tay của Nguyễn Xí khóa chặt vào cổ, chân tay cứng đơ cho đến khi chết hẳn. Lột quần áo của tên lính, mặc vào người. Nguyễn Xí ung dung đi lại trên hàng hiên để thăm dò. Đằng xa, phía cổng nhà ngục thấp thoáng ánh đèn. Trong chòi canh tên lính gác đang ngồi thu mình trong áo khoác. Nguyễn Xí đường hoàng đi về phía cổng. Thấy bóng người đi tới, tên lính gác tưởng là đồng đội. Cho đến khi kịp nhận ra người lạ mặt, thì đầu hắn đã lìa khỏi cổ vì đường gươm sắc bén của người tù vượt ngục.

Như con hổ được thả về rừng, Nguyễn Xí leo qua cổng, lao mình trong mưa gió, chạy biến về phía tường thành...

Đã sang canh tư. Trên cánh đồng lầy ở phía Nam, cách thành Đông Quan chưa đầy một dặm, Nguyễn Xí ngoái đầu nhìn tòa thành chìm trong mưa, cười thầm: Chắc lúc này lũ giặc đang hốt hoảng tìm ông tướng vượt ngục. Được, ta sẽ trở lại...

Dinh Bồ Đề ngạo nghễ đứng sừng sững bên kia dòng Nhị Hà như con mắt thần ngày đêm soi vào thành giặc. Hàng ngày từ thượng lầu, Bình Định Vương cùng Nguyễn Trãi quan sát tòa thành đang thoi thóp. Hôm nay sau trận mưa, trời tạnh ráo. Bãi dâu xanh rờn viền bên ven sông đang chao mình trong nắng sớm. Dòng sông màu hồng, chảy lững lờ kéo theo từng tảng bọt trắng đục. Một buổi sáng thanh bình lạc loài trong những tháng ngày chiến tranh ác liệt. Đứng dựa vào lan can, Bình Định Vương chỉ tay về bên kia bờ sông nói với Nguyễn Trãi:

- Quân sĩ của ta căm giận đòi hạ thành Đông Quan không phải không có lý. Nay lũ giặc bị giam chân trong thành chờ chết, Vương Thông ngoài vờ giảng hòa nhưng vẫn ngầm đào hào đắp lũy đợi viện binh. Thỉnh thoảng nhằm lúc quân ta sơ hở, giặc lại đem quân ra ngoài gây thêm tội ác. Tháng hai vừa rồi, chúng kéo quân ra Cảo Động và bãi Sa Đối. Ở Cảo Động ta đã

mất Lý Triện và Đỗ Bí. Tháng ba, chúng đánh ra Tây Phù Liệt, ta lại mất thêm Đinh Lễ và Nguyễn Xí. Tội ác của chúng chồng chất như núi. Vòng vây của ta dầy đặc, ai chẳng muốn xông lên để trả thù. Nhưng quân sĩ có biết đâu rằng đánh thành là hạ sách.

Nói đến đây Lê Lợi trở vào án thư ngồi dựa mình trên kỷ. Nguyễn Trãi bước lại gần, chắp tay kính cẩn:

- Tâu vương thượng, một khi chúng ta diệt bọn hai đạo viện binh của giặc thì Vương Thông phải nộp thành.

- Đúng như thế, đánh vào thành hàng tháng hàng năm không hạ nổi, quân mệt khí nản. Viện binh của chúng đến, trước sau có giặc thì nguy khốn. Diệt viện vây thành là phải lắm. Ta quyết dốc toàn lực đánh một trận cuối cùng tiêu diệt hai viện binh của Liễu Thăng và Mộc Thạnh quét sạch lũ giặc trên đất nước. Giá như chúng ta còn có Lý Triện, Đỗ Bí, Đinh Lễ, Nguyễn Xí thì...

Nguyễn trãi đáp lời:

- Vâng, tâu vương thượng, thì chúng ta còn có thêm nanh vuốt để vây thành và diệt viện.

Câu chuyện giữa Lê Lợi và Nguyễn Trãi bị đứt quãng vì có tiếng chân người bước vội dưới tầng thứ hai. Lầu sậy rung rinh. Nguyễn Xí xuất hiện bất ngờ, đến phục dưới chân Lê Lợi.

Cùng một lúc, Lê Lợi và Nguyễn Trãi đều thốt lên kinh ngạc:

- Thượng tướng Nguyễn Xí!

Từ sau trận Tây Phù Liệt, được tin Đinh Lễ và Nguyễn Xí rơi vào tay giặc vào bị chúng giết hại, Lê Lợi đau xót, đinh ninh là mình đã mất thêm hai tướng tài. Nay Nguyễn Xí đột ngột trở về, Lê Lợi vẫn tưởng đã mình nhìn nhầm. Đến khi nâng viên tướng phục dưới chân mình dậy, nhìn rõ khuôn mặt vuông vuông có đôi mắt sáng quắc như sao của viên tướng trẻ quen thuộc, Lê Lợi mừng rỡ reo lên:

Sống lại! Thực là sống lại!

Nắng tháng mười vàng chói không đủ sức sưởi ấm núi rừng, đồng ruộng. Đã mấy ngày liền đất trời chìm ngập trong gió lạnh từ phương Bắc tràn về. Trên con đường từ Xương Giang về Đông Quan, bốn thớt voi chiến cùng đội quân thiết đột đang hành quân vội vã.

Ngồi trên mình ngựa, Nguyễn Xí ngoái đầu nhìn lại, Xương Giang đã lùi xa, chỉ còn là những vệt núi mờ mờ. Khuôn mặt rám nắng, với những đường nét hơi thô của viên tướng trẻ bừng lên một niềm tự hào và kiêu hãnh. Nguyễn Xí vừa tham gia trận phá tan gần mười vạn viên binh, bắt sống Thôi Thụ và Hoàng Phúc, giáng một đòn cuối cùng để kết liễu hoàn toàn đạo viện binh của Liễu Thăng trên vùng đất Xương Giang.

Từ chiến trường nhận được lệnh gấp rút điều quân về Đông Quan, Nguyễn Xí vui sướng tưởng như mình đang dẫn đại quân tiến vào san phẳng thành giặc. Nhưng càng đến gần Bồ Đề, đạo quân của Nguyễn Xí càng phải đi chậm lại. Chẳng những có các đạo quân ở Xương Giang mà cả các đạo quân ở cửa ải Lê Hoa cũng được điều về. Trên mặt đường, quân dân đi như thác, đông vui như ngày hội. Đến gần dinh Bồ Đề, Nguyễn Xí được tin Vương Thông đã

xin giảng hòa, nhận trao trả lại thành trì, mong được toàn quân rút về nước. Bình Định Vương và quan Hành Khiển đã có ý chấp thuận, Nguyễn Xí bất bình. Không thể chấp nhận giảng hòa như thế được! Tộc ác của chúng đối với non sông đất Việt này chồng chất như núi, phải bắt đền nợ máu. Nếu chịu giảng hòa, tại sao chúng không giảng hòa ngay từ khi ta mới từ Lam Sơn tiến ra đây, hà tất phải đợi đến khi mười vạn viện binh bị tiêu diệt mới chịu giảng hòa. Nguyễn Xí vội vã tìm đến dinh Bồ Đề.

Bước lên tầng lầu thứ hai, vừa thấy Bình Định Vương và Nguyễn Trãi, Nguyễn Xí đã không kìm được tính nóng nảy của mình:

- Tâu vương thượng, lũ chúng tôi theo vương thượng từ ngày còn ẩn náu ở rừng núi Lam Sơn, bao phen vào sinh ra tử chỉ mong có ngày diệt hết lũ giặc để trả thù cho dân, rửa nhục cho nước. Nay lũ giặc trong thành Đông Quan đã như cá nằm trên thớt, không để cho chúng toàn quân rút về nước! Vương thượng và quan Hành Khiển cho biết quân dân ta chỉ còn đợi lệnh của vương thượng là lên xông diệt cho đến tên giặc cuối cùng để rửa hận hay không?

Không đợi cho Bình Định Vương nói, Nguyễn Xí lại nói tiếp:

- Hay là vương thượng còn e rằng ta không đủ sức hạ thành Đông Quan?

Không biết đây là lần thứ bao nhiêu trong mấy ngày hôm nay, Lê Lợi và Nguyễn Trãi đã nghe giọng nói bất bình của các tướng lĩnh về chủ trương giảng hòa của mình. Thái độ bực dọc của viên tướng tâm phúc không làm cho Lê Lợi khó chịu. Hiểu rõ nỗi lòng của Nguyễn Xí, Lê Lợi ôn tồn giảng giải:

- Dùng binh cốt lấy bảo toàn cả nước là trên hết. Để cho bọn Vương Thông về nói với vua nhà Minh trả lại đất đai cho ta, không xâm lấn bờ cõi ta, đó là điều ta không cần gì hơn thế nữa. Hà tất phải giết chết hết bọn chúng để gây oán với nước lớn làm gì.

Sau nhiều lời giảng giải rạch ròi của Bình Định Vương, Nguyễn Xí nghe ra phải lẽ. Nhưng nghĩ đến việc để cho tên tướng giặc Vương Thông được yên thân, dẫn quân về nước thì Nguyễn Xí vẫn thấy phẫn uất. Không dám chống lại lệnh của Bình Định Vương, Nguyễn Xí đành phải chấp thuận:

- Tâu Vương thượng, số phận của lũ giặc đang nằm trong tay chúng ta. Cho chúng sống hay buộc chúng phải chết là tùy ở Vương thượng. Lũ chúng tôi chỉ biết tuân lệnh của Vương thượng.

Mùa xuân đến gần với quân dân thành Đông Quan vào giữa lúc tên giặc Minh cuối cùng cất giáo cút về nước. Một vùng đổ nát ngổn ngang hào lũy đang vùng dậy sau cơn binh lửa tàn hại để đón mùa xuân lịch sử.

Thành Đông Quan thay màu áo mới.

Ngày đêm trên các ngả đường, quân lính đi về tấp nập, không lúc nào ngớt. Ngoài thành, dân cư chạy giặc lũ lượt kéo nhau về. Cuộc sống thanh bình khoác màu xuân chiến thắng đang trở về, hiện trên nét mặt của quân dân thành Đông Quan.

Trên con đường cái chạy về Đông Quan thành, Nguyễn Xí buông cương cho ngựa đi bước một.

Sau những ngày bận rộn tiếp nhận việc giảng hòa của giặc, hiện nay viên thượng tướng đi thăm lại mảnh đất chiến trường cũ. Dừng ngựa ở Mai Động, Nguyễn Xí đưa mắt nhìn xung quanh, cố tìm cho ra chỗ voi bị sa lầy ngày trước. Chỉ mới hơn nửa năm trời mà cảnh vật ở đây đã quá nhiều thay đổi. Vùng đông ruộng lầy lội nhưng nay đã đổi khác. Qua mùa khô ráo hai bên đường chỉ là những thửa ruộng cạn. Trên mặt đất xam xám nứt nẻ chân chim, lớp cỏ thấp lè tè ánh lên màu xanh mơn mởm dưới nắng của mặt trời mùa đông. Rải rác đó đây nổi lên nhiều gốc mai đang rộ hoa vàng lấm tấm...

Trên con đường trở về, len giữa đầu gười tấp nập gánh gồng, nô nức đi sắm tết, Nguyễn Xí nhớ đến quê hương. Giờ đây ở quê hương Chân Phúc, Nghệ An, không còn bóng giặc chắc đang rộn rịp đón xuân. Mới ngày nào đó mà đã hơn mười năm rồi nhỉ. Nguyễn Xí mỉm cười một mình, nhớ lại những ngày còn mòn vai gánh muối, phải tìm được đủ mưu chước để vượt qua các đồn giặc mới mong kiếm được bát gạo về nuôi cha già. Rồi chỉ vì không thể bó tay nhìn quê hương bị giặc giày xéo, không thể cam tâm kéo lê thê ngày tháng sống nhục nhã dưới ách của giặc ngoại xâm, Nguyễn Xí đã tìm đến Lam Sơn lấy việc giết giặc, cứu nước làm lẽ sống. Từ đó, bàn chân của người con trai quen nghề gánh muối đã đặt lên bất cứ nơi nào có bóng giặc. Say sưa với hồi ức về những năm tháng sống đầy ý nghĩa của cuộc đời mình, Nguyễn Xí không để ý đến con ngựa đã đưa ông đến ven hồ Lục Thủy.

Tiếng cười đùa ríu rít của lũ trẻ vui nghịch bên bến nước làm cho Nguyễn Xí chú ý. Được ngày nắng ấm, nhân dân quanh vùng kéo nhau ra hồ tắm giặt để sửa soạn đón xuân. Nhìn viên tướng trẻ võ phục oai nghiêm, thanh kiếm dài đeo lệch bên hông, đang ung dung cưỡi ngựa trên đường, ai nấy đều trầm trồ nhìn theo. Nhiều cô gái yếm thắm môi son, dừng tay giặt áo, ghé mắt nhìn người con trai hùng dũng ấy. Họ trêu nhau, cười giòn như bắp nổ. Mãi vui đùa, không ai để ý đến một cô gái xinh đẹp dang dìu mẹ già bước lên bến nước. Dừng chân bên hồ, cô ngây người nhìn viên tướng trẻ. Cô nhớ lại con người quen quen, cũng nước da rám nắng, cũng khuôn mặt với những đường nét hơi thô, có đôi mắt luôn nhìn thẳng, lúc nào cũng sáng như sao ấy. Lục tìm trong trí nhớ, cô băn khoăn tự hỏi không biết có phải ông tướng Nguyễn Xí đã vượt ngục đó chăng? Mãi nhìn theo cho đến khi bà mẹ giục, cô mới quay lại dắt mẹ về nhà.

Trong lúc đó, Nguyễn Xí vẫn thong dong cho ngựa bước chầm chậm giữa đoàn người tấp nập, đi về khu hoàng thành. Ông đang nghĩ đến ngày mai. Tổ quốc thân yêu đã không còn bóng giặc, biết bao nhiêu công việc đang đợi chờ.